

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một
Tịnh Hạnh Phẩm**

**大方廣佛華嚴經
(十一)
淨行品**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Minh Tiên**

Lời trần tình

Có lẽ không một Phật tử Đại Thừa nào không biết kinh Hoa Nghiêm là một bộ kinh vô cùng cao sâu, huyền diệu, thường được xưng tụng là “cảnh giới của các vị Pháp Thân Bồ Tát, là căn bản pháp luân của Phật pháp”. Trước nay, đã có nhiều vị pháp sư hoặc thiện tri thức giảng giải kinh này, nhưng có lẽ, theo sự thấy biết hạn hẹp của mặt nhân, chưa có vị nào chú trọng giảng giải kinh này theo quan điểm của pháp môn Niệm Phật. Các bài giảng về kinh Hoa Nghiêm của lão sư phụ Tịnh Không quá dài, quá rộng, quá sâu, chẳng thể nào có đủ thời gian để chuyển ngữ toàn bộ sang tiếng Việt được. Chúng tôi quyết định chọn chuyển ngữ phẩm Tịnh Hạnh này, vì đây là một phẩm kinh có mối quan hệ thân thiết với sự hành trì trong cuộc sống của mỗi liên hữu Tịnh Độ chúng ta. Đối với mỗi hành vi, mỗi cử chỉ, kinh đều dạy những cách quán tưởng, suy niệm tương ứng, khiến cho tâm tưởng của chúng ta luôn trụ trong tịnh niệm. Trong sự hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi, dường như phần lớn những bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm này. Ba câu Tam Tự Quy trong khóa tụng hằng ngày cũng trích từ phẩm này. Có lẽ sau phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phẩm Tịnh Hạnh có lợi ích to tát đối với hành nhân Tịnh nghiệp vì nó giúp cho chúng ta luôn dấy khởi tịnh niệm trong từng hành động bình phàm trong cuộc sống. Mặt nhân trộm nghĩ, phẩm Tịnh Hạnh chính là những hướng dẫn cụ thể để có thể vận dụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong cuộc sống hằng ngày, tối thiểu là thực hiện năm nguyện đầu.

Thêm nữa, do vị tổ thứ bảy của Tịnh Tông là Tịnh Thường đại sư đã tự trích máu chép phẩm Tịnh Hạnh, và đặt tên Liên Xã do ngài sáng lập là Tịnh Hạnh Xã, càng đáng cho chúng ta quan tâm học tập phẩm kinh này. Thượng nhân thượng Tịnh hạ Không giảng phẩm này từ tập 1463 đến tập 1576 mới hoàn tất. Do Ngài dùng bản chú giải Hoa Nghiêm Kinh Sớ của Thanh Lương đại sư và Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trướng Giả để giảng phẩm này, cảnh giới và ngôn từ quá sâu, văn tự của Tổ và Lý đại sĩ quá gọn, quá súc tích, mặt nhân khôn xiết sợ hãi, chỉ sợ chính mình do nghiệp chương sâu dày, đầu óc tăm tối, tam độc lừng lẫy, sẽ chuyển ngữ lời Tổ, lời thầy sai be bét, đến nỗi vô hình trung biến cam lộ thành độc dược, nhưng vì lòng tham pháp, cứ đánh liều chuyển ngữ. Ngưỡng mong Tam Bảo từ bi gia hộ, chẳng đến nỗi tạo nên nghiệp chương trọng đại, hại mình, hại người, tội khôn xiết kể!

Nếu việc làm liều lĩnh này có thể giúp ích phần nào cho sự tu trì của các liên hữu, nguyện do công đức ấy, sẽ cùng nhau vãng sanh Cực Lạc.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu, hiệp chương kính bạch.

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm
Quyển 1**

**大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Minh Tiến**

MỤC LỤC

Tập 1463.....4	Tập 1477 264
Tập 1464.....23	Tập 1478 285
Tập 1465.....41	Tập 1479 301
Tập 1466.....58	Tập 1480 317
Tập 1467.....77	Tập 1481 334
Tập 1468.....98	Tập 1482 351
Tập 1469.....116	Tập 1483 370
Tập 1470.....134	Tập 1484 391
Tập 1471.....152	Tập 1485 408
Tập 1472.....171	Tập 1486 426
Tập 1473.....187	Tập 1487 444
Tập 1474.....207	Tập 1488 462
Tập 1475.....228	Tập 1489 481
Tập 1476.....245	Tập 1490 498

Tập 1463

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem kinh bốn “*phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một*”. Trong phần Sớ, Thanh Lương đại sư đã khai thị:

(Sớ) Thích thử nhất phẩm, ngũ môn phân biệt, sơ lai ý.

(疏)釋此一品，五門分別，初來意。

(Sớ: Giải thích phẩm này, chia thành năm môn khác nhau. Thứ nhất là ý nghĩa vì sao có phẩm này).

Vì sao có phẩm này? Phẩm kinh này do đâu mà có? Chúng ta học tập, trước hết phải biết điều này. Đại sư bảo:

(Sớ) Lai ý giả, phù dục giai diệp vị, tất tư thắng hạnh. Hữu Giải vô Hạnh, hư phí đa văn. Cố tiền phẩm minh Giải, thử phẩm biện Hạnh.

(疏)來意者，夫欲階妙位，必資勝行，有解無行，虛費多聞。故前品明解，此品辨行。

(Sớ: Ý nghĩa duyên khởi của phẩm này: Phàm muốn đạt lên địa vị mẫu nhiệm, ắt phải cậy vào hạnh thù thắng. Có Giải mà chẳng có Hạnh, sẽ phí uổng đa văn. Do vậy, phẩm trước phẩm này (tức phẩm Bồ Tát Văn Minh) nói về Giải, phẩm này biện định Hạnh).

[Lời Sớ của phẩm này] tổng cộng có ba đoạn, đây là đoạn thứ nhất. Học Phật thì mục tiêu của chúng ta là mong làm Phật, mong thành Phật. “*Dục*” (欲) là chúng ta mong mỏi, “*giai*” (階) là hy vọng đạt tới, [tức là] đạt tới quả vị Như Lai. Nếu muốn đạt tới quả vị ấy, nhất định phải cậy vào sự tu hành thù thắng. Có Giải mà chẳng có Hạnh, xác thực là sẽ phí uổng công sức đa văn! Chúng ta học tập hằng ngày, học rồi thì sao? Chẳng làm được! Chẳng làm được thì cũng như chẳng nghe!

Nếu đối với kinh Hoa Nghiêm, từ quyển thứ nhất đã khởi sự học tập rất nghiêm túc, công phu của chúng ta nhất định là sẽ từng bước theo kinh văn mà nâng cao. Quý vị đều làm được [những gì kinh đã dạy] thì mới được! Chẳng làm được, vậy thì sao được? Nói thật ra, nếu chẳng làm được, chẳng thà không giảng! Phí phạm lắm lời lẽ như thế để làm gì? Phàm những gì chúng ta mong học tập, đều phải là thật sự có thể làm được. Chính vì như thế, tại Đài Loan, khoảng hơn ba mươi năm trước, [tức là] vào năm Dân Quốc sáu mươi (1971) ở Đài Loan. Hiện thời, dường như là năm Dân Quốc chín mươi mấy¹, chín mươi mấy thì tôi cũng không biết. Hơn ba mươi năm trước, chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ nhất. Vì thường ra nước ngoài, thời gian ở Đài Loan hoàn toàn chẳng nhiều;

¹ Hòa Thượng giảng phẩm này vào năm 2005, chính là năm Dân Quốc 94.

trong một năm, nói chung là hai phần ba thời gian là ở ngoại quốc. Do vậy, trải qua mấy phen gián đoạn, tôi nhớ đại khái đã mười lăm, mười sáu năm mà kinh chỉ giảng được một nửa. Tôi nhớ là đã giảng đến phẩm Thập Hồi Hương [trong Bát Thập Hoa Nghiêm]. Khi ấy, giảng đồng thời Bát Thập [Hoa Nghiêm] và Tứ Thập [Hoa Nghiêm], Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa.

Về sau, duyên của kinh Vô Lượng Thọ chín muôi. Đối với công án này, nhà Phật nói là “*công án*” (公案), người thế gian chúng ta nói là “*cổ sự*” (故事), tức là chuyện trong quá khứ. Sau khi tôi xuất gia một hoặc hai năm, tôi lại quay về Đài Trung để thân cận thầy Lý. Tôi cảm thấy những thứ mình đã học vẫn chưa đủ. Trước khi xuất gia, tôi theo lão nhân gia một năm ba tháng (mười lăm tháng), học chẳng ít. Trong mười lăm tháng, học mười ba bộ kinh nhỏ, phân lượng đều rất ngắn. Học được mười ba bộ kinh nhỏ, đương nhiên là đã đủ để dạy tại Phật Học Viện rồi. Pháp sư Bạch Thánh mở Phật Học Viện, mời tôi đến dạy. Vì thế, vừa xuất gia xong, tôi bắt đầu giảng kinh, dạy học. Mỗi học kỳ, dạy một bộ kinh, tôi có thể giảng mười ba bộ kinh. Do vậy, Phật Học Viện ba năm là tốt nghiệp, mới dùng sáu bộ, hãy còn bảy bộ chưa dùng tới. Nói theo lẽ thường, kể như cũng được lắm! Nhưng chúng tôi cảm thấy Phật pháp mênh mông như biển cả, hưởng thụ đôi chút từ những bộ kinh nhỏ ấy [dường như chưa thỏa mãn]. Người thế gian nhấn mạnh sự ham muốn hiểu biết, nhu cầu hiểu biết của chúng tôi xác thực là chẳng có cách nào thỏa mãn được!

Hình như là sau khi xuất gia ba năm, tôi quay lại Đài Trung, lại muốn học từ thầy một bộ kinh lớn, [trước đó], tôi đã học toàn là những bộ kinh nhỏ. Thầy cũng rất hoan hỷ, cho nên khi đó, thầy đưa cho tôi kinh Vô Lượng Thọ. Tôi thấy đó là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư do lão nhân gia đích thân viết lời mi chú². Khi Ngài giảng bộ kinh ấy tại Đài Trung, [thời gian] đã lâu lắm rồi, [lúc ấy] chúng tôi chưa biết Ngài. Vì là bản kinh do chính Ngài đã giảng trước kia, Ngài có viết lời chú giải của chính mình [trong đó]; bởi lẽ, bộ kinh ấy chẳng có sách chú giải, vì cụ Hạ mới hội tập mà! Khi đó, tôi đọc lời chú giải của cụ, rất hoan hỷ. Tôi có thể đọc hiểu, cũng rất mong giảng [bộ kinh ấy], thầy liền ngăn cấm: “Chưa thể được!” Tôi cũng không biết vì sao chẳng thể. Về sau, biết là do có những vị lão pháp sư chẳng tán thành kinh ấy, [thầy] sợ họ sẽ phê bình, tôi vừa mới xuất gia, chẳng thể chống đỡ nổi! Thời tiết nhân duyên chưa đến; vì thế, buông xuống chuyện ấy!

Sau khi từ bỏ ý định ấy, tôi theo Ngài học kinh Kim Cang và kinh Lăng Nghiêm, vẫn một mực không để ý tới nữa. Mãi cho đến khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, lại tìm được bộ kinh ấy trong rương sách cũ. Tìm thấy, rất hoan hỷ. Thầy đã vãng sanh, rất nhiều người chưa từng thấy bản ấy. Tôi tính in ra, chia ra gửi tặng mọi người để kỷ niệm thầy. Nào ngờ người hưởng ứng rất đông. Thuở ấy, in tới một vạn bản, rất khó có! Bản ấy vừa được lưu thông tại ngoại quốc, có

² Mi chú (眉註): Lời chú giải viết bằng cỡ chữ nhỏ hơn ngay trên đầu một câu hoặc một đoạn văn, mang tính cách ghi note để nhớ những ý nghĩa sẽ nói khi giảng giải, không phải là viết một tác phẩm chú giải hoàn chỉnh.

nhiều đồng tu đến thưa với tôi: “Thưa pháp sư! Kinh này hay quá”. Họ tới thỉnh cầu tôi giảng bộ kinh ấy, tôi cũng bắt đầu nghiêm túc học tập. Đọc kỹ càng lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, biết chỗ thù thắng của bộ kinh ấy. Chỗ đặc biệt thù thắng là như cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”. Do vậy, bèn ngưng kinh Hoa Nghiêm lại đó. Tôi nghĩ [chính mình sẽ] chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, hy vọng suốt một đời chuyên đồ công đốc sức nơi một bộ kinh. Xác thực là khởi sự từ thuở đó, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần. Lần cuối cùng, giảng ở Tân Gia Ba vẫn chưa xong; lần này là lần thứ mười một, giảng lần này khá tỉ mỉ. Giống như hiện thời đã giảng đến phẩm Tam Bối Vãng Sanh, đã giảng đến phẩm ấy, mà phẩm ấy cũng còn chưa giảng xong. Giáo nghĩa của kinh ấy và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng, nhưng phân lượng được thu nhỏ trên một mức độ to lớn. Vì thế, tôi chẳng có ý nguyện giảng kinh Hoa Nghiêm lần nữa!

Lần này, Hàn quán trưởng vãng sanh. Trước khi bà vãng sanh hai, ba ngày, lại một lần nữa yêu cầu tôi hãy giảng kinh Hoa Nghiêm một lượt. Chúng tôi cũng không ngờ bà ta sẽ ra đi, chỉ vì muốn an ủi bà, bèn đáp ứng: “Hy vọng bà chóng lành bệnh, tôi sẽ giảng kinh, bà sẽ đến hộ trì”. Đáp ứng như thế, chẳng ngờ hai, ba ngày sau, bà thật sự qua đời. Do vậy, [giảng kinh] Hoa Nghiêm lần này là do bà ta khái thỉnh. Bà hy vọng lưu lại một bộ băng thâu hình đầy đủ để hàng hậu học dùng làm tham khảo, cũng là dụng tâm lương khổ! Rõ ràng là biết chẳng làm được, vẫn phải giảng bộ kinh này viên mãn. Bộ kinh này có tất cả ba mươi chín phẩm; hôm nay, chúng tôi giảng đến phẩm thứ mười một. Sau phẩm ba mươi tám là phẩm ba mươi chín, kinh vẫn rất dài. Phẩm cuối chính là phẩm Nhập Pháp Giới, tức Tứ Thập Hoa Nghiêm. Phẩm ấy gồm bốn mươi quyển, tựa đề của phẩm ấy là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Tôi nghĩ rất nhiều đồng học rất quen thuộc tựa đề kinh ấy. Do vậy, nói theo toàn thể phân lượng, chúng tôi giảng đến chỗ này, đại khái là một phần mười của cả bộ kinh. Đối với một phần mười, gần như chúng tôi đã tốn hơn ba ngàn giờ. Muốn giảng viên mãn phần kinh vẫn sau đó, tối thiểu còn phải mất một vạn giờ. Mỗi ngày, chúng tôi giảng bốn tiếng đồng hồ, một năm giảng ba trăm ngày, phải mất mười năm thì mới có thể viên mãn. Tiến độ (進度, tốc độ tiến triển) trong phần sau đương nhiên là phải tăng nhanh hơn.

Nhưng đã học, nhất định là phải sử dụng được thì chúng ta mới có thể hưởng lợi ích. Học rồi chẳng làm được, vô dụng! Chúng ta chớ nên không lưu ý điều này! Thực hiện từ nơi đâu? Trong mấy năm qua, chúng tôi đã phản tỉnh rất sâu: Vì sao đệ tử Phật môn ngay cả Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện đều chẳng làm được? Chẳng làm được, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự của đức Phật! Là đệ tử thật sự của đức Phật, lẽ đâu chẳng làm được? Các đồng học bất luận tại gia hay xuất gia, tôi hỏi quý vị: “Quý vị có mong chính mình làm được hay không?” Đều mong muốn, nhưng chẳng có một ai làm được. Vì sao chẳng làm được? Trong có phiền não, ngoài có ác duyên và chướng duyên, quý vị chẳng có cách nào làm được. Do vậy, chúng tôi nghĩ trong giới kinh, đức Thế Tôn đã dạy: Học Phật mà

trước hết chẳng học từ Tiểu Thừa, “*bất tiên học Tiểu Thừa, hậu học Đại Thừa, phi Phật đệ tử*” (chẳng trước là học Tiểu Thừa rồi sau đó học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử của đức Phật). Học Phật có thứ tự! Ở chỗ thầy Lý, tôi học mười ba bộ kinh, đại đa số đều là kinh Tiểu Thừa. Tôi học bộ đầu tiên là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Tôi chỉ học với thầy năm bộ, nhưng thầy dạy các đồng học khác, tôi đều nghe. Thuở ấy, trí nhớ rất tốt. Sau khi nghe xong, gần như là tối thiểu có thể ghi nhớ từ chín mươi phần trăm trở lên. Do vậy, nghe xong, gần như là tôi có thể giảng lại, chẳng khác thầy cho mấy, có năng lực ấy. Sau đó, sau khi đã xuất gia, lại quay về Đài Trung theo thầy Lý học kinh Kim Cang và kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

Sau khi rời khỏi Đài Trung, mấy người bạn học cũ chúng tôi liên danh (tôi là một người trong số đó) thỉnh thầy Lý giảng kinh Hoa Nghiêm. Mục đích là gì? Kinh Hoa Nghiêm rất dài, nếu chưa giảng xong, nói chung, thầy sẽ chẳng thể ra đi. Ngài cũng nêu ra ý định: “*Giảng kinh Hoa Nghiêm viên mãn, ta giảng bộ kinh Di Đà một lần nữa rồi vãng sanh*”. Chúng tôi nghe nói vậy, rất vui sướng. Thỉnh thầy giảng kinh Hoa Nghiêm là để giữ thầy trụ thế. Tình trạng sức khỏe của thầy hết sức tốt đẹp. Chúng tôi phỏng đoán, đoán rằng thầy tối thiểu có thể sống đến một trăm hai mươi hoặc một trăm ba mươi tuổi, căn cứ trên tình trạng sức khỏe của Ngài. Nào ngờ, đúng là có rất nhiều chuyện mà chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, chính Ngài cũng chẳng ngờ tới: Bị ngộ độc thức ăn. Vì thế, ăn thứ gì cũng phải chú ý cẩn thận. Ngài bị ngộ độc thức ăn hai lần. Dầu sao Ngài đã chín mươi bảy tuổi, tuổi tác quá cao, nay chúng ta nói là “sức đề kháng suy yếu”. Hai lần bị ngộ độc thức ăn, thể lực suy yếu với một mức độ to lớn, cho nên Ngài ra đi như thế đó. Vì thế, nay tôi tiếp tục hoàn thành bộ kinh này, lưu lại một bộ băng âm hình. Hiện thời, băng âm hình đã làm thành CD/DVD. Quanh tôi chẳng có ai học, tôi tin tưởng là sau này: Có người có được đĩa CD/DVD ấy, sẽ học tập, nhất định là sẽ có cái duyên ấy.

Trong tháng Tám, tôi đến thăm Ấn Ni (Indonesia), đây là lần thứ bảy tôi sang Ấn Ni. Pháp sư Định Thịnh hết sức khó có! Tôi tặng thầy ấy sáu mươi bộ Đại Tạng Kinh. Trước mặt tôi, thầy đã phân phát cho các đạo tràng Phật giáo tại Ấn Độ Ni Tây Á (Indonesia). Năm mươi ba đạo tràng, chia cho mỗi đạo tràng một bộ. Chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ. Nghi thức rất long trọng! Hình như thầy ấy tìm bốn trăm tám mươi người, đối với bốn bộ Đại Tạng Kinh, mỗi người đội trên đầu một quyển, nghênh tiếp Đại Tạng Kinh. Hôm ấy, tứ chúng đồng học gần tới hai ngàn người, sắp thành hàng dài hai cây số. Báo chí và giới truyền thông của họ đều đến chụp hình, quay sắp thành hàng dài hai cây số. Báo chí và giới truyền thông của họ đều đến chụp hình phim, đài truyền hình đưa tin hình như đến sáu phút, hết sức cảm động lòng người. Chánh phủ Ấn Độ Ni Tây Á thấy vậy cũng rất xúc động. Bộ Tôn Giáo của họ tìm tôi, hy vọng tôi biếu tặng họ hai trăm bộ Đại Tạng Kinh nữa. Tôi nhận lời, có thể là đã gởi đi rồi! Hai trăm bộ ấy (Ấn Ni có năm tôn giáo, xứ ấy văn hóa đa nguyên), có thể chia ra gởi tặng các thư viện, đại học và các đạo tràng tôn giáo khác, hết sức có ý nghĩa!

Ngôi chùa của pháp sư Định Thịnh có tên là Nhất Thừa Tự. Thầy hết sức hy vọng có thể lập Phật Học Viện, bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, tìm đến tôi. Tôi nói: “A! Chùa của thầy có tên là Nhất Thừa Tự, phải nên dạy kinh Nhất Thừa”. Kinh Nhất Thừa là kinh gì? Chư vị phải biết: Đại Thừa là sở học của Bồ Tát, Tiểu Thừa là sở học của Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thừa là đạo thành Phật. Ở đây, [lời Sớ] viết là “*dục giai diêu vị*” (muốn đạt tới địa vị mầu nhiệm), “*diêu vị*” (妙位) chính là Nhất Thừa. Trong Tạng Kinh, kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ, chớ nên không biết điều này! Bộ thứ nhất là Hoa Nghiêm, bộ thứ hai là Pháp Hoa, tức Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bộ thứ ba là kinh Phạm Võng. Ba bộ kinh ấy là kinh Nhất Thừa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Do vậy có thể biết: Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tam Thừa, và Ngũ Thừa đều là do đức Phật nói phương tiện. Nói chân thật sẽ là Nhất Thừa. Chỉ có pháp Nhất Thừa! Tôi nói: “Hiện thời, tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Nếu thầy mở Phật Học Viện, hãy chuyên dạy kinh Hoa Nghiêm, chùa Nhất Thừa mà! Tôi sẽ không đến dạy, chẳng có cách nào hết. Tôi gửi CD/DVD tặng thầy, thầy có thể chiêu sinh. Mỗi ngày để cho học trò nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, nghiên cứu, thảo luận hai tiếng đồng hồ, viết báo cáo sau khi nghe kinh hai tiếng đồng hồ nữa. Mỗi ngày [học kinh, nghiên cứu kinh] tám tiếng đồng hồ. Sáng tôi niệm Phật bốn tiếng đồng hồ. Trong ba năm, Phật Học Viện của thầy chắc chắn có thành tựu”. Thầy ấy nghe nói như vậy, cũng rất hoan hỷ. Trong chùa của thầy ấy, có khoảng hai mươi mấy vị pháp sư trẻ tuổi, đều đến từ Trung Hoa. Tôi thấy vậy, rất hoan hỷ. Tôi nói: “Dùng phương pháp ấy để dạy bảo những người trẻ tuổi ấy, đó là học kinh giáo. Học kinh giáo thì phải y giáo tu hành. Tu hành khởi đầu từ chỗ nào? Khởi đầu bằng Đệ Tử Quy”. Tôi đặc biệt nhấn mạnh: “*Đệ Tử Quy thay cho Tiểu Thừa*”. Chẳng có Đệ Tử Quy thì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện của quý vị sẽ chẳng làm được, đúng như [lời Sớ] ở đây đã nói “*hữu Giải vô Hạnh, hư phí đa văn*” (có Giải mà chẳng có Hạnh, uổng phí công sức đa văn). Nghe kinh Hoa Nghiêm mà chẳng làm được, lãng phí thời gian vô ích! Do vậy, phải khởi sự thực hiện bằng Đệ Tử Quy, đòi hỏi các đồng học phải thực hiện [Đệ Tử Quy] một trăm phần trăm! Sau khi đã thực hiện Đệ Tử Quy, nhất định phải thực hiện Thập Thiện Nghiệp, tức là phải làm được [các giáo huấn trong] kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Làm được hai thứ ấy, sẽ là đệ tử tại gia của đức Phật.

Chư vị phải biết: Trong xã hội Trung Hoa cổ xưa, Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa trong nhà trường. Đệ Tử Quy là điều kiện cơ bản để làm người. Quý vị có biết làm người hay không? Quý vị có gia giáo hay không? Gia giáo là dạy những gì? Chính là Đệ Tử Quy; ai dạy? Cha mẹ, huynh trưởng. Tôi đã nói chuyện này bao nhiêu lần, bắt đầu dạy từ khi nào? Trẻ thơ sanh ra ba, bốn ngày, đã mở mắt ra, tai đã dựng thẳng lên, nó đã có thể thấy, có thể nghe! Trước mặt con thơ, lời lẽ và cử chỉ của cha mẹ chính là Đệ Tử Quy. Họ hoàn toàn làm được để cho con thơ trông thấy, nó có thể thấy, có thể nghe đấy nhé! Từ lúc sanh ra,

nghe suốt đến ba, bốn tuổi, nó sẽ hiểu biết đạo làm người, rất có quy củ. Vì thế, đó là gia giáo, là văn hóa của Trung Hoa, của người Hoa!

Hiện thời, nền gia giáo của chúng ta đã bị gián đoạn đại khái bảy, tám mươi năm. Thời gian bảy, tám mươi năm là ba thế hệ. Cả ba thế hệ đều chẳng học, cho nên xã hội hiện thời loạn mất rồi! Con cái bất hiếu. Quý vị thấy bao nhiêu kẻ làm cha mẹ kêu ca “con cái chẳng vâng lời”, người làm thầy than “học trò chẳng thể dạy”. Khổ khôn kể xiết! Học trò chẳng thể dạy, con cái chẳng nghe lời, một trăm năm trước chẳng thấy nói kiểu ấy! Gần đây nhất mới có hiện tượng này! Từ bé đến lớn đã chẳng trông thấy những tấm gương tốt đẹp. Từ xưa, ngạn ngữ đã có câu: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Dưỡng thành từ bé, sẽ giống như bẩm tánh, do thói quen mà trở thành tự nhiên). “*Giáo nhi anh hài*” (Dạy con từ thuở còn thơ), dạy con bắt đầu từ lúc mẵng sữa, chẳng đợi cho nó tròn hai, ba tuổi. [Đợi đến hai, ba tuổi mới dạy] thì trễ rồi, đã quá trễ! Dạy con từ thuở còn thơ! Ba, bốn tuổi nó đã được vun bồi cội gốc. Cổ nhân thường nói “*tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân*” (từ ba tuổi mà thấy được tình hình một người vào lúc tám mươi, từ tình hình lúc bảy tuổi mà thấy được nhân cách suốt đời của một người). Quý vị bèn hiểu: Từ lúc ba tuổi, căn bản đã được kiến lập, tức là “*thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*”. Khi bảy tuổi, thói quen đã trở thành tự nhiên, sẽ không biến đổi nữa. Đối với thuận cảnh hay nghịch cảnh, kẻ ấy đều có trí huệ để có thể phân biệt, có định lực nên chẳng bị ô nhiễm. Đây chính là điểm đặc sắc trong nền giáo dục Trung Hoa. Đáng tiếc là hiện thời chúng ta đã vứt bỏ [gia giáo] cả ba thế hệ!

Ba thế hệ cũng không kể là quá ngắn, mà cũng chẳng coi như quá dài. Hiện thời, muốn cứu vãn vẫn còn kịp! Thật sự phát đại tâm, khởi sự cứu vãn từ chỗ nào? Hãy bắt đầu thực hiện từ chính mình! Cũng nhất định là phải mong sao chính mình hoàn toàn thực hiện Đệ Tử Quy. Ta có làm được thì mới có thể ảnh hưởng người khác. Ta chẳng làm được, đòi hỏi kẻ khác thực hiện, chẳng thể nào! Người ta sẽ hoài nghi, sẽ chất vấn: “Quý vị nói chuyện này tốt đẹp lắm, bảo tôi làm. Có sao chính quý vị chẳng làm?” Trẻ nhỏ hiện thời rất thông minh, chính quý vị chẳng làm được, nó sẽ chất vấn quý vị: “Vì sao quý vị chẳng làm được? Quý vị chẳng làm được, sao lại dạy tôi?” Người làm thầy, chính mình đích thân làm được, học trò sẽ chẳng nói gì, chẳng thể nào không tuân phục! Hai năm gần đây nhất, trong nước có những đồng học làm công tác giáo dục nhi đồng, đã làm rất thành công, do nguyên nhân nào? Bản thân họ đã làm được! Chúng tôi cũng nghe nói có rất nhiều nơi vận động nhi đồng đọc kinh. Sau khi làm được vài năm đều thất bại, nảy sinh rất nhiều vấn đề. Do nguyên nhân nào? Chính mình chẳng làm được, học Phật càng chẳng cần phải nói nữa!

Nếu chúng ta thật sự mong “*dục giai diệu vị*”, phải tu đại hạnh. Đại hạnh là Bồ Tát Hạnh, phải “*phát Bồ Đề tâm, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Phải phát đại Bồ Đề tâm, quý vị mới có thể học thành Bồ Tát. Học Phật thì còn phải kể thêm Phổ Hiền Hạnh. Kinh Đại Thừa đã nói chuyện này rất rõ ràng: Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền Hạnh, sẽ chẳng thể chứng đắc Phật quả rốt ráo. Muốn chứng đắc Phật quả rốt ráo, quý vị nhất định phải tu Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền

Hạnh ở chỗ nào? Hôm nay, chúng ta học Đệ Tử Quy của Phổ Hiền Hạnh, [phẩm Tịnh Hạnh] giống như Đệ Tử Quy trong văn hóa Trung Hoa. Phẩm Tịnh Hạnh gồm một trăm bốn mươi một bài kệ, mỗi câu kệ có bốn chữ. Một bài kệ gồm mười sáu chữ, màu nhiệm chẳng thể nói trọn! Ở đây, [lời Sớ viết] “*tát tư thắng hạnh*” (ắt phải nhờ vào hạnh thù thắng). “*Thắng*” (勝) là thù thắng. Hạnh Bồ Tát thù thắng, chẳng phải là hạnh Bồ Tát bình phàm! “*Tư*” (資) là nhờ vào, nhất định phải nhờ vào hạnh Bồ Tát thù thắng. Nói theo cách hiện thời, nhất định là phải có đủ sự hành trì thù thắng của bậc Bồ Tát thì quý vị mới có thể lên cao tới địa vị Phật.

Địa vị Phật cao cỡ nào? Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là địa vị Phật. Nói theo Lý, đoạn hết thấy chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, đoạn phân biệt đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đây là Bồ Tát hạnh. Đã đoạn chấp trước mà còn có phân biệt thì là hạnh Tiểu Thừa. Tiểu Thừa đoạn chấp trước, Đại Thừa đoạn phân biệt, Nhất Thừa là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Bắt đầu thực hiện từ nơi đâu? Từng ly, từng tí trong cuộc sống hằng ngày, quý vị phải biết chuyển cảnh giới như thế nào! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy rất hay: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai). Tôi thường trích dẫn câu này, thay đổi một chữ. Tôi thường nói: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*”. Vì hiện thời ai nấy đều nói đến cảnh giới, [nên tôi nói là] “*nếu có thể chuyển cảnh*”. Nói “*chuyển vật*” thì người hiện thời chẳng thấy dễ hiểu cho lắm. Nói “*chuyển cảnh giới*”, có lẽ mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống như Như Lai. Quý vị phải biết chuyển!

Một trăm bốn mươi một bài kệ ở đây chính là nêu ra những trường hợp tiêu biểu, nhằm dạy chúng ta cách chuyển như thế nào? Bất luận cảnh giới nào cũng đều có thể chuyển biến thành cảnh giới nơi quả địa của Như Lai, tối thiểu cũng là [cảnh giới của] Pháp Thân [đại sĩ], tức là chứng một phần cảnh giới của Như Lai. Đối với “*chư Phật*” được nói trong kinh Kim Cang, quý vị thấy cư sĩ Giang Vị Nông chú giải: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ chính là chư Phật. Điều này cũng rất đáng kể. Chư vị phải hiểu: Đại Thừa thuộc về tứ thánh pháp giới. Trong mười pháp giới, Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới thuộc Đại Thừa. Tiểu Thừa là Thanh Văn pháp giới và Duyên Giác pháp giới. Thanh Văn và Duyên Giác là Tiểu Thừa, Bồ Tát và Phật là Đại Thừa. Nhất Thừa thì sao? Nhất Thừa chẳng thuộc trong mười pháp giới, Nhất Thừa là Nhất Chân pháp giới. Theo kinh Hoa Nghiêm, Nhất Chân pháp giới là từ Sơ Trụ của Viên Giác trở lên! Nay chúng ta đang học phần này chính là địa vị Thập Tín. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín tu viên mãn tâm Thập Tín của Bồ Tát, sẽ tu phẩm Tịnh Hạnh. Tu phẩm Tịnh Hạnh, sẽ lại tiến cao hơn, dựa vào địa vị Phật, biến thành Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ là vượt thoát lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý và sự thật này!

Vì thế, [Thanh Lương đại sư] bảo: Phẩm trước, tức phẩm [Bồ Tát] Văn Minh nói về Giải môn, khiến cho quý vị khai trí huệ. Phẩm này biện định về

Hạnh, trí huệ có thật sự mở mang hay không? Thật sự mở mang, sẽ nhất định là có thể chuyển cảnh giới. Chẳng chuyển cảnh giới được, trí huệ sẽ chẳng mở mang! Vì thế, nhất định là phải có phẩm kinh này. Đã hiểu rõ thì ở đây nhất định là phải biết tu hành, uốn nắn rất nhiều hành vi lầm lạc của chúng ta. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Lại xem [ý nghĩa] thứ hai:

(Sớ) Hựu tiền minh nhập lý quán hạnh, kim biện tùy sự sở hành.

(疏) 又前明入理觀行，今辨隨事所行。

(Sớ: Lại nữa, phẩm trước giảng về cách ngộ nhập lý để quán hạnh, nay [phẩm này] biện định cách dựa theo từng sự việc để hành).

“Quán” là để cho quý vị biết tới Pháp Thân Bồ Tát. Chư Phật Như Lai có cách nhìn như thế nào đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian? Chuyện ấy thuộc loại quan sát, tức là Giải. Quý vị biết Phật, Bồ Tát có cách nhìn như thế nào đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian? Phẩm kinh này biện định về “tùy sự sở hành”, cũng có nghĩa là: Áp dụng cách nhìn đối với vũ trụ và nhân sinh của Phật, Bồ Tát vào cuộc sống thường ngày trước mắt như thế nào? Cuộc sống thường ngày chính là Sự! Từ sáng sớm thức dậy, mặc áo, ăn cơm, làm việc, cư xử, thù tiếp người khác, đều có thể thực hiện toàn bộ những quan niệm của chư Phật Như Lai. Đây là điều quan trọng. Nếu chẳng thể thực hiện, quý vị chỉ học suông, [như vậy thì] quý vị học rồi có tác dụng gì đâu?

Thật sự hiểu, có thể thật sự thực hiện. Học xong, có thể áp dụng, quý vị sẽ sống cuộc đời gì trong hiện tại? Sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, thật sự được thọ dụng! Trước kia, khi thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, [cụ đã nói]: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Hưởng thụ cao nhất thì chẳng thể ngừng nơi Giải! Ngừng nơi Giải, quý vị chỉ có thể đạt được ít phần, đọc sách cảm thấy vui sướng, chứ cuộc sống thường ngày thì sao? Cuộc sống thường ngày phải làm sao có thể giống như người đọc sách tại Trung Hoa đã nói: “*Không Nhan chi lạc*” (Niềm vui của Không Tử, Nhan Hối). Không phu tử và Nhan Hối đã đọc sách thông suốt, áp dụng vào cuộc sống hằng ngày. Vì thế, Nhan Hối [nghèo tới nỗi phải] ăn cơm trong giỏ, uống nước bằng bầu. “*Cư lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hối dã bất cải kỳ lạc*” (Ở trong ngõ nghèo hèn, người khác chẳng chịu nỗi sự khổ sở ấy, Nhan Hối vẫn vui sướng chẳng thay đổi), thầy (Không phu tử) đã tán thán ông ta như vậy đó. Niềm vui của ông ta là gì? Chính là như chúng tôi vừa mới nói ở đây: Chuyển cảnh giới. Chuyện gì cũng đều có thể chuyển, lẽ nào chẳng vui? Đương nhiên là vui. Tự hành, hóa độ người khác, tâm lượng xác thực là trọn khắp pháp giới, hư không giới.

Gần đây, chúng tôi đến thăm đại học Sư Phạm Bắc Kinh ở trong nước. Các vị giáo sư ở đó đã cùng nhau nghĩ ra hai câu viết trên cổng chánh, khi tôi đến thăm đã trông thấy: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*” (Học làm thầy người, thân là khuôn mẫu cho cõi đời). Người tiếp đón tôi là vị phó hiệu trưởng. Lúc ấy, tôi nói với thầy phó hiệu trưởng: “Hai câu này chính là Đại Phương Quảng Phật

Hoa Nghiêm Kinh”. Họ nghe xong cũng sững sờ! Kinh Hoa Nghiêm là hai câu ấy ư? Bởi lẽ, ngôn, hạnh, cử chỉ của chư Phật Như Lai và hàng Pháp Thân đại sĩ đã nêu gương, tạo khuôn phép cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta có tâm nguyện ấy hay không? Có tâm nguyện ấy, sẽ có thể học Hoa Nghiêm. Chúng ta thấy Thanh Lương đại sư đã khai thị trong Hoa Nghiêm Kinh Huyền Đàm, Thanh Lương đại sư bảo kinh Hoa Nghiêm có mười loại “*đương cơ*” (當機), tức là những người nào có điều kiện, có tư cách học kinh Hoa Nghiêm. Điều kiện thứ nhất là Pháp Thân Bồ Tát, đương nhiên là chúng ta chẳng có khả năng này. Cứ một mực kể xuống dưới, chẳng có điều kiện nào phù hợp với chúng ta, nhưng điều cuối cùng thật sự nói đến phàm phu! “*Phàm phu*” mà là đại tâm phàm phu thì cũng trọn đủ điều kiện để học Hoa Nghiêm. Đại tâm phàm phu là gì? Chúng ta xác thực có nguyện này, chúng ta mong nêu gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới.

Sau khi tôi trở về, ghi nhớ hai câu của ngôi trường ấy, tôi cũng sửa lại một chữ. Câu của họ là: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*”, tôi đổi “*thân*” thành “*hành*”. Hành (行) là hành vi, bao gồm tư tưởng, ngôn ngữ, tạo tác, có ý nghĩa rộng rãi hơn thân! Tôi nghe nói sau này ngôi trường đó cũng thật sự sửa lại. Một số giáo sư từ trường đó bảo tôi: Hiện thời, trường của họ cũng ghi là “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Tốt lắm, rất khó có. Đó là đại tâm chúng sanh, như vậy thì quý vị cũng có tư cách học Hoa Nghiêm.

Do vậy, tôi thấy chùa Nhất Thừa ở Indonesia, ở trong chùa Nhất Thừa thì phải đều nên là đại tâm chúng sanh, đại tâm Bồ Tát, nhưng thực hiện nơi Sự, tức là trong cuộc sống hằng ngày, nhất định là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Sa Di Luật Nghi, ba thứ ấy là cơ bản. Đệ Tử Quy là căn bản, là cơ sở của truyền thống giáo dục Trung Hoa. Thập Thiện Nghiệp là căn bản giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật dành cho hết thảy chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới. Sa Di Luật Nghi dành cho hàng đệ tử Phật, [dành cho] đệ tử xuất gia nhà Phật, chứ chẳng phải là tại gia. Yêu cầu dành cho hàng tại gia là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Yêu cầu đối với hàng xuất gia cao hơn Thập Thiện Nghiệp Đạo một tầng, nghiêm ngặt hơn một tầng, đó là Sa Di Luật Nghi. Chẳng làm được ba thứ ấy, không được rồi! Nhất định phải học hiểu, phải thi hành ba thứ ấy thì mới thật sự là một người xuất gia tốt đẹp, thật sự là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Do vậy, xét theo thứ tự, nhất định sẽ là Đệ Tử Quy thứ nhất, Thập Thiện Nghiệp Đạo thứ hai, Sa Di Luật Nghi là thứ ba. Đề là đại tâm chúng sanh, quý vị phải học phẩm Tịnh Hạnh! Quý vị có thể chuyển hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, bất luận thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh thành cảnh giới Phật. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy “*cảnh giới Phật rất sâu*”, tốc độ tu hành sẽ rất nhanh chóng. Nếu có thể làm được một trăm bốn mươi một câu trong phẩm Tịnh Hạnh, nói thật ra, mỗi bài kệ là một câu, một trăm bốn mươi một câu đều làm được, chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương thế giới Cực Lạc, thừa cùng chư vị, sẽ chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà cũng chẳng thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư, sẽ đến nơi đâu? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm! Nâng cao cảnh giới của quý vị như thế đó!

Trong thế giới Sa Bà, quý vị tốn thời gian vài năm, thật sự làm. Điều then chốt để có thể làm hay không là ở chỗ nào? Then chốt chính là buông xuống. Thật sự buông xuống, sẽ thật sự đạt thành tựu. Do vậy, trong kinh, đức Phật bảo chúng ta: “*Tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc*”. Thế giới Sa Bà chẳng có gì không tốt, chênh lệch to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Chưống nạn trong thế giới Sa Bà quá nhiều, quý vị chẳng dễ dàng tu được! Dũng mãnh, tinh tấn, trong thế giới này (Sa Bà) dấy lên rồi suy vi rất mạnh; dấy lên cũng mau, mà đọa xuống cũng chóng. Thế giới Cực Lạc chỉ có tiến cao hơn, chẳng có đọa lạc, nhưng tốc độ rất chậm, bình ổn, rất chậm rãi, đạo lý là ở chỗ này. Thế giới Cực Lạc chẳng có lăm phiến não ngàn ấy, chẳng có nghịch duyên nhiều ngàn ấy, chẳng có! Đối với những điều khai thị ấy của đức Phật, chúng ta đều phải nên ghi nhớ. Nếu thật sự hiểu biết, nghiêm túc tu tập, nói thật ra, thế giới Sa Bà cũng là một hoàn cảnh rất tốt đẹp, xác thực là giúp cho chúng ta tiến cao hơn với mức độ to lớn. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi vài phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu cuối cùng trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư về ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này.

(Sớ) Hữu, tiền Hạnh, thử Nguyên, tịnh nghĩa thứ đệ, cố thứ lai dã.

(疏)又前行此願，並義次第，故次來也。

(Sớ: Lại nữa, trong phần trước là Hạnh, ở đây là Nguyên, và xét theo thứ tự của ý nghĩa, cho nên kế tiếp là phẩm này).

Cuối cùng, Ngài cho biết vì sao ở đây có phẩm kinh này, nêu ra nguyên do vì sao nói phẩm kinh này. Trong phần trước, cũng có thể nói về Hạnh, Giải và Hạnh đều coi trọng. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm Sớ, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay. Trong phần [giải thích tựa đề kinh] Ngài đã nói: “*Hữu Giải vô Hạnh, tăng trưởng tà kiến. Hữu Hạnh vô Giải, tăng trưởng vô minh*” (Có Giải mà không có Hạnh, tăng trưởng tà kiến. Có Hạnh mà không có Giải, tăng trưởng vô minh), đều chẳng thể thành tựu. Thật sự biết dụng công, nhất định là Giải Hạnh tương ứng. Giải Hạnh hợp nhất: Giải là Hạnh, Hạnh là Giải, Giải là tâm hạnh. Chúng ta nhận biết: Chúng ta tư duy có khá nhiều sai lầm. Đó là hành vi nơi ý nghiệp sai lầm, phải nhờ vào kinh giáo để sửa sang uốn nắn.

Tu hành, quan trọng nhất là ý nghiệp. Tâm đã chánh, ngôn ngữ, và hành trì há có lẽ nào bất chánh? Tâm tà, mong cho ngôn ngữ và hành trì chánh đáng, cũng chẳng thể chánh đáng được! Chư vị hiểu rõ đạo lý này, [sẽ biết] vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể thực hiện Đệ Tử Quy được? Vì sao Thập Thiện Nghiệp chẳng làm được? Then chốt thật sự nằm ở ý nghiệp. Ý nghiệp của chúng ta (tức là tâm lý) bị ô nhiễm nghiêm trọng, phiền não và tập khí quá sâu. Chúng ta nghe thánh nhân giáo huấn, nghe Phật, Bồ Tát dạy bảo, bèn rất hoan hỷ, nhưng chẳng làm

được! Chẳng phải là không làm được, mà là do ý niệm chẳng thể chuyển được! Hễ chuyển biến ý niệm, sẽ tu hành chẳng khó! Khi xưa, tôi theo Chương Gia đại sư, lúc hai mươi mấy tuổi, tức là lúc hai mươi sáu, hai mươi bảy, hai mươi tám. Năm Chương Gia đại sư viên tịch, tôi ước chừng đã hai mươi chín tuổi. Lão nhân gia có ảnh hưởng đến tôi rất sâu! Ngài dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là Giải. Buông xuống là Hạnh. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống; buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, hễ quý vị nói đến chuyện tu hành, nói chung là chẳng ra ngoài nguyên tắc ấy! Thấy thấu suốt và buông xuống phụ giúp thành tựu lẫn nhau, từng bước tiến cao hơn!

Đối với Hạnh và Nguyện ở chỗ này, trong Hạnh có Giải, trong Nguyện có Hạnh. Giải, Hạnh, Nguyện là một chẳng hai, tuy một mà ba, tuy ba mà một, nhưng chúng có thứ tự. Trong phần trước là Giải và Hạnh, chỗ này thiên trọng Nguyện, nhưng những điều được nói toàn là trong cuộc sống hằng ngày, tức là Sự. Sự chính là Hạnh! Khi gặp Sự, hãy dùng nguyện lực để chuyển biến nó, sẽ chuyển được cảnh giới. Chúng ta phải học tập điều này! Hiện thời, chúng ta hành theo Sự, chẳng có nguyện lực; vì thế, thuận theo Sự mà cư xử, cho nên điều gì cũng đều là tạo nghiệp! Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội thì là thiện hạnh, vì tự tư tự lợi thì là ác hạnh. Thiện hạnh cảm phước báo trong ba thiện đạo; ác hạnh cảm khổ báo trong ba ác đạo. Cái tâm luân hồi sẽ tạo nghiệp luân hồi. Quý vị nói xem: Chuyện này có đáng sợ hay chẳng? Tuy đáng sợ, có mấy ai giác ngộ? Có mấy ai quay đầu? Chúng ta hãy tư duy, quan sát cận kề từ chỗ này. Xem xét người khác xong, hãy quay trở lại, hồi quang phản chiếu, chiếu kiến chính mình. Chẳng có những tấm gương bên ngoài ấy, bản thân chúng ta rốt cuộc làm những gì? Chẳng biết! Thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng tôi giới thiệu phần ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này tới đây, lại xem tiếp đoạn thứ hai kế đó.

(Sớ) Thích thích danh.

(疏)次釋名。

(Sớ: Kế đó, giải thích tên gọi).

Giải thích tên gọi của phẩm này. Phẩm này là phẩm Tịnh Hạnh.

(Sớ) Thích danh giả, Cụ Chiết La, thử vân Sở Hạnh. Ba Lợi, thử vân Giai dã, Biến dã. Thú Đề vân thanh tịnh dã.

(疏)釋名者。具折囉，此云所行，波利，此云皆也，遍也。戍提云清淨也。

(Sớ: “Giải thích tên gọi, Cụ Chiết La cõi này dịch là Sở Hạnh. Ba Lợi cõi này dịch là đều, là trọn khắp. Thú Đề là thanh tịnh).

Trên đây là nói về cách phiên âm tiếng Phạn. Cụ Chiết La là phiên âm, nghĩa tiếng Hán là Sở Hạnh. “*Thử vân*”: “*Thử*” (此) là ở chỗ chúng ta, [ý nói]

người Hoa dịch [chữ ấy] thành Sở Hạnh. Ba Lợi (Pari) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, “*thử vân giai dã, biến dã*”: Ba Lợi có hai ý nghĩa. Nó có nghĩa là Giai, Giai (皆) là hết thấy. Lại có ý nghĩa là Biến (遍, trọn khắp). Thú Đê (Suddhi) cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thanh Tịnh. Quý vị thấy nếu nói theo tiếng Hán sẽ là “*sở hạnh giai biến thanh tịnh*” (hành vi đều trọn khắp thanh tịnh). Văn tự tiếng Hán xác thực là rất đẹp, đã đơn giản hóa thành Tịnh Hạnh. Ý nghĩa trong tiếng Phạn là...

(Sớ) Vị tam nghiệp tùy sự duyên lịch, danh vi Sở Hạnh. Xảo nguyện phòng phi, ly quá thành đức, danh vi thanh tịnh.

(疏)謂三業隨事緣歷，名為所行。巧願防非，離過成德，名為清淨。

(Sớ: Ý nói: Tam nghiệp duyên khắp theo mọi sự, nên gọi là Sở Hạnh. Nguyện hay khéo ngăn ngừa sai trái, liả lỗi để thành tựu đức, nên nói là “thanh tịnh”).

Ý nghĩa này hay lắm, rất rõ ràng, rất minh bạch. “*Tam nghiệp*” là thân, miệng, ý. Thân [có các nghiệp, gọi là “*thân nghiệp*”], khởi tâm động niệm, phân biệt, và chấp trước đều thuộc về tâm, là hành vi nơi ý nghiệp, khẩu nghiệp là ngôn ngữ.

Ngôn ngữ chẳng thể không cẩn thận, chớ nên coi nhẹ ngôn ngữ! Quý vị thấy giáo học của Khổng phu tử có bốn khoa mục, có thứ tự. Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự, thứ tư là văn học. Trong bốn lãnh vực dạy học của phu tử, ngôn ngữ được xếp vào hàng thứ hai. Vì sao? Từ xưa tới nay, tổ tiên của chúng ta đã hiểu rất rạch ròi: “*Khẩu vi họa phước chi môn*” (Miệng là cái cửa dẫn đến họa hay phước). Đúng như câu nói: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*” (Bệnh do miệng mà vào, họa do miệng mà ra). Trung gian gây lây nhiễm bệnh tật, tuyệt đại đa số là do ăn uống không cẩn thận, do thích ăn uống! Thích ăn uống thì sao? Bị ngộ độc thức ăn. Hai ngày qua, tôi còn nghe thấy có đồng học kẻ: Chẳng biết ở chỗ nào, có những kẻ trẻ tuổi, đại khái là do ăn hải sản, hôm sau chết tươi! Tôi hôm ấy đi ngủ một giấc, đến sáng ra, chết ngắc, bị ngộ độc thức ăn! Nghiêm trọng là mất mạng, nhẹ hơn thì bị bệnh, mắc chứng bệnh quái lạ, bệnh từ miệng mà vào!

Nhất là trong giai đoạn hiện thời, bước vào mùa Đông, thường là các bệnh ôn dịch phát sanh vào lúc này. Nếu bệnh dịch mùa Đông chuyển biến thành bệnh dịch mùa Xuân, sẽ khá nghiêm trọng. Hôm nay, chúng tôi thấy nhiều nơi đưa tin về dịch cúm gà, rất có thể sẽ kéo dài thành bệnh dịch vào mùa Xuân. Thời gian dài như thế, từ mùa Đông lan sang mùa Xuân, chuyện này rất nghiêm trọng! Nói theo y học Trung Hoa, sẽ là bệnh dịch mùa Đông chuyển thành bệnh dịch mùa Xuân. Tổ chức Y Tế Thế Giới cũng cảnh cáo: Bệnh dịch truyền nhiễm ấy có thể kéo dài đến mùa Xuân năm sau. Sang mùa Xuân năm sau, càng nghiêm trọng hơn. Vì sao có căn bệnh ấy? Phật pháp nói đến “*nhân, duyên, quả báo*”. Tuy người

thế gian chẳng nói, nhưng trong các tôn giáo đều có nói, Đạo giáo cũng nói rất nhiều, cũng rất tường tận. Đối với phi cầm thú (chim bay, thú chạy), quý vị chẳng từ bỏ thú đoan nào để bắt giết chúng, dùng đủ mọi cách để nấu nướng, hòng thỏa mãn cái thói tham ăn của chính mình. Quý vị có nghĩ những chúng sanh ấy sẽ báo thù hay không? Chúng nó có cam tâm tình nguyện bị quý vị mổ xẻ, giết chóc hay không? Chúng nó có cam lòng tình nguyện cúng dường thịt mình cho quý vị hay không? Nếu chúng nó chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, sẽ trở thành chuyện phiền phức rồi! Chúng nó trả thù bằng ôn dịch!

Vì thế, phạm nhân cứ ngộ lũ lụt, hỏa tai, động đất, bão lốc đều là tai nạn tự nhiên, dường như chẳng dính líu gì đến hành vi trong cuộc sống của loài người chúng ta! Nhưng trong Phật pháp, từ mấy ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã thường dạy: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Hỏa tai là một pháp trong hết thảy các pháp, lũ lụt cũng là một loại trong hết thảy các pháp, bão tố vùng Thái Bình Dương, bão tố vùng Đại Tây Dương, lốc xoáy (tornado, vòi rồng) cũng là một trong hết thảy các pháp, động đất, sóng thần (tsunami) vẫn là một pháp trong hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tưởng. Ôn dịch cũng thuộc trong hết thảy các pháp, chẳng vượt ra ngoài hết thảy các pháp, thế mà hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, vậy thì [những tai nạn trên đây] có quan hệ với chúng ta hay không?

Đức Phật lại nói rất hay: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Chánh báo là khởi tâm động niệm của chúng ta. Nếu quý vị hiểu rõ câu nói này, mới hiểu Cực Lạc và Sa Bà chẳng hai! Pháp “chẳng hai” là như thế nào? Nếu cư dân trên địa cầu, tâm mỗi người đều thuần tịnh thuần thiện, y báo liền biến thành thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng có gì khác, người nơi ấy toàn là người niệm Phật, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần. Nếu toàn thể người trên địa cầu này đều là người niệm Phật, địa cầu này sẽ biến thành thế giới Cực Lạc, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc được nói trong kinh điển. Đại địa liền biến thành lưu ly, chẳng phải là đất, cát. Khắp mọi nơi đều là bầy báu, đường sá chẳng trải nhựa đường mà bằng vàng ròng, “*hoàng kim vi địa*” (vàng ròng làm đất). Vàng ròng để trải đường, đường sá lót bằng vàng. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, y báo chuyển theo chánh báo. Đó là do công nghiệp cảm vôi!

Hiện thời, đối với công nghiệp, chúng ta chẳng có cách nào. Ai nấy đều biết người trong thế giới Sa Bà khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội, vì sao? Khởi tâm động niệm đều là Thập Ác: Thân giết, trộm, dâm. Khẩu nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ăn nói thô ác. Ý niệm thì tham, sân, si. Khởi tâm động niệm toàn là Thập Ác. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đáng hãi quá! Do những ý niệm ấy biến chuyển y báo thành những gì chúng ta nay đang phải tiếp nhận! Trong kinh này, đức Phật sẽ dạy chúng ta chuyển cảnh giới như thế nào, phương pháp quá tốt đẹp!

Tam nghiệp là thân, khẩu, ý. “*Tùy sự*” là trong cuộc sống hằng ngày. Cuộc sống vật chất và cuộc sống tinh thần. “*Duyên*” (緣) là nhân sự, “*lich*” (歷) là trải qua. Từ sáng đến tối, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đó là “*sở*

hạnh". Câu kế tiếp, "*xảo nguyện phòng phi*" (nguyện khéo léo để ngăn ngừa sai trái). Một trăm bốn mươi một bài kệ trong phẩm kinh này chính là một trăm bốn mươi một nguyện. Trong tương lai, quý vị đọc đến phần kinh văn, sẽ thấy câu thứ hai [trong mỗi bài kệ] là "*đương nguyện chúng sanh*" (hãy nên nguyện cho chúng sanh). Đã nguyện cho chúng sanh, đương nhiên thứ nhất sẽ là nguyện cho chính mình. Bài kệ thứ nhất là "*Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh không, miễn kỳ bức bách*" (Bồ Tát ở nhà, nguyện cho chúng sanh, biết nhà tánh không, khỏi bị bức bách). Câu thứ hai trong mỗi bài kệ đều là "*đương nguyện chúng sanh*", người ấy (người hành Bồ Tát đạo) chẳng nguyện cho chính mình, mà nguyện cho chúng sanh. Nói "*chúng sanh*", chính mình cũng là một trong các chúng sanh, đã bao gồm, nhưng nói chính mình thì chẳng thể bao gồm người khác. "*Chúng sanh*" là hết thấy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quý vị nói xem: Tâm lượng này to cỡ nào! Phổ Hiền tâm, Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền Hạnh, đều kiến lập từ chỗ này. "*Xảo*" (巧) là phương tiện hay khéo, là trí huệ chân thật. Hễ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, Phổ Hiền Hạnh Nguyện bèn thuận theo đó mà hiện tiền. "*Phi*" (非) là làm lỗi, nguyện tâm này sanh khởi, lỗi làm sẽ chẳng còn nữa!

"*Ly quá thành đức*" (Lìa lỗi để thành tựu đức). Đức (德) là gì? Hoàn toàn thuận theo pháp tắc thiên nhiên, cũng có nghĩa là "*tùy thuận Tánh Đức*", Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Quý vị chẳng có nguyện tâm ấy là do đã mê mất Tánh Đức. Chẳng mê, niệm nào cũng đều tương ứng với Tánh Đức, đó gọi là "*thanh tịnh*". Thanh tịnh là Tánh Đức. Chúng ta đã học rất nhiều: Chân thành là Tánh Đức, thanh tịnh là Tánh Đức, bình đẳng là Tánh Đức, chánh giác là Tánh Đức, từ bi là Tánh Đức. Tánh Đức vô lượng vô biên, nói chẳng cùng tận. Đúng là "*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt*". Đức Phật hết sức từ bi, đã nói mười chữ. "*Mười*" là đại viên mãn, nhằm biểu thị pháp: Tánh Đức vô lượng vô biên. Tự tánh khởi tác dụng, nói chung chẳng lìa khỏi năm câu sau đây: "*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*". Chúng ta phải dùng cái tâm như vậy để đối đãi hết thấy chúng sanh. Chúng ta phải dùng cái nguyện ấy, hy vọng hết thấy chúng sanh đều có thể trở về Tánh Đức.

Chính mình tu hành là sửa đổi những hành vi bất thiện, hẹp hòi, lệch lạc, sai sót của chính mình. Tư tưởng và hành vi của phàm phu do mê mất tự tánh, cũng chính là mê mất "*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*". Chư vị hãy ngẫm xem, nếu quý vị trọn đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, có cần học Đệ Tử Quy hay không? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, sẽ tự nhiên là Đệ Tử Quy. Vốn là tình trạng ấy, tự nhiên là như vậy, hiện thời hoàn toàn tương phản với nó. Đó gọi là "*mê mất tự tánh*". Tự tánh vốn sẵn có trí huệ, bị biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng. Sau khi mê mất, đã biến Tánh Đức và Thập Thiện Nghiệp mà chính mình vốn có thành ác nghiệp: Thân giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói đôi chiều, biến thành ác nghiệp. Chân thành biến thành hư ngụy, thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo mạn, chánh giác biến thành mê hoặc, từ bi biến thành tự tư tự lợi. Đó là mê

mất tự tánh. Vì thế, hiện thời nghe giáo huấn của Phật, Bồ Tát, chúng ta đều cảm thấy tốt đẹp, có lý, đều tán thán, đều gật đầu, nhưng chẳng làm được!

Tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: Quý vị phải tìm cho ra nguyên nhân vì sao chẳng làm được; trừ khử cái nguyên nhân ấy, quý vị sẽ làm được! Nói lời ấy rất đúng! Chúng ta phải thường suy nghĩ: Vì sao ta chẳng làm được Đệ Tử Quy? Quý vị tìm ra nguyên nhân; sau đây, tiêu trừ nguyên nhân, quý vị sẽ làm được rất dễ dàng. Có tìm được nguyên nhân hay không? Nếu chẳng tìm thấy ư? Hãy đọc sách cổ cho nhiều! Trong sách cổ thường có chỉ dạy, nhưng chính quý vị vô ý, ơ hờ, cho nên chẳng biết. Tất cả hết thấy mê hoặc, điên đảo, làm lỗi, đều có cái nhân căn bản. Quý vị đã mê nơi cái nhân ấy. Tôi nói với quý vị, bản thân quý vị hãy nghĩ xem có đúng hay không nhé? Cái nhân ấy, nói chung, nói tổng quát thì như người hiện thời hay nói: Quý vị chẳng có tâm yêu thương! Quý vị có thừa nhận hay không? Điều thứ nhất, quý vị chẳng yêu thương chính mình. Chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác cho được?

Do vậy, truyền thống giáo học của Trung Hoa từ xưa, trước hết là dạy điều này, “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân thiết). Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói quá nhiều lần, nhưng quý vị chẳng chú ý. Đây là nguyên điểm (原點, điểm gốc, điểm khởi đầu, điểm bắt nguồn), là căn bản của căn bản trong nền giáo dục Trung Hoa. Tình thân ái giữa cha và con chính là Tánh Đức, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Đó là chân thành. Chân thành là thân ái, thanh tịnh là thân ái, bình đẳng là thân ái, chánh giác là thân ái, từ bi là thân ái. Do quý vị đã mê mất, cho nên hiện thời chẳng biết yêu thương chính mình, há có thể yêu người khác được ư? Biết yêu thương chính mình, biết yêu thương hết thảy chúng sanh, lẽ nào chẳng làm được? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của quý vị tự nhiên hoàn toàn phù hợp. Quý vị hãy ngẫm xem có phải là đạo lý ấy hay không? Chúng ta lại xem đoạn thứ hai kể đó.

(Sớ) Hựu bi trí song vận, danh vi Sở Hạnh. Hạnh việt phàm tiểu, cố xưng thanh tịnh. Dĩ Nhị Thừa vô lậu, bất năng kiêm lợi, phi chân tịnh cố.

(疏)又悲智雙運，名為所行，行越凡小，故稱清淨。以二乘無漏，不能兼利，非真淨故。

(Sớ: Lại nữa, vận dụng cả Bi lẫn Trí nên gọi là Sở Hạnh. Hạnh vượt trội phàm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là thanh tịnh. Bởi lẽ, Nhị Thừa tuy vô lậu, chẳng thể lợi ích kẻ khác, nên chẳng phải là chân tịnh).

Tầng ý nghĩa này sâu hơn tầng phía trước. Phần trước là khái luận, ở đây, chuyên nói về Bồ Tát Hạnh. “*Bi trí song vận*”: Bi (悲) là thương xót chính mình, cũng như thương xót chúng sanh. Chính mình luân lạc trong lục đạo, luân hồi bao kiếp dài lâu. Thế mà chính mình rốt cuộc bất tri bất giác, chẳng có trí huệ. Trong đời này, có duyên được làm thân người, gặp Phật pháp, nghe kinh, học giáo, trí huệ mở mang đôi chút, hiểu rõ đôi chút, mới cảm thấy chính mình phải luân hồi bao kiếp dài lâu thật đáng buồn! Thấy đông đảo chúng sanh bất giác, tự nhiên

sanh khởi bi tâm, tâm thương xót, thương xót chính mình, thương xót hết thảy chúng sanh. Bi là động lực thúc đẩy chúng ta mong cầu trí. Trí lại giúp tăng trưởng cái tâm đại từ bi của chúng ta.

Những kẻ sơ cơ học Phật bình phàm, tâm từ bi vừa mới sanh khởi bèn thương xót chính mình: Có sao luân hồi trong lục đạo chịu đựng nỗi khổ oan uổng như thế? Hằng ngày tạo nghiệp, chính mình cũng chẳng biết. Sau khi đã hiểu rõ, chính mình không ngừng sửa đổi, đoạn ác, tu thiện. Đây chẳng phải là chuyện ngày một, ngày hai, mà là chuyện đoạn ác tu thiện trong thời gian dài lâu. Kể từ sơ phát tâm trong hiện thời cho đến khi nào? Cho đến địa vị Như Lai. Đẳng Giác Bồ Tát còn có lầm lỗi, vẫn phải sửa lỗi, đổi mới, phải biết điều này! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa phá. Đấy chính là lỗi lầm của Ngài. Những việc làm của Ngài đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý tạo tác, chẳng thể đạt đến viên mãn rốt ráo, còn kém một phần! Huống hồ chúng ta thuộc địa vị phàm phu, ngay cả địa vị Sơ Tín còn chưa chứng đắc, chớ nên không biết sự thật này. Người đã thật sự hiểu rõ, tức là trí huệ đã mở mang, mới thật sự chịu đựng công, hạ quyết tâm mong thoát ly lục đạo luân hồi, mong thoát ly mười pháp giới. Đây là gì? Đây chính là Trí. Xác thực là trí huệ dấy lên hiện hành, khởi tác dụng, người ấy mới có nguyện tâm to tát dường ấy! Trong một đời này, có thể thành tựu hay không? Có nguyện tâm ấy, có nghĩa là “*tâm có thừa, nhưng chẳng đủ sức*”. Đoạn phiền não tập khí, há là chuyện dễ dàng ư? Phiền não tập khí do vô lượng kiếp huân tập tạo thành, quý vị có thể đoạn được hay không?

Xác thực là đức Phật từ bi đến cùng tột, đã chỉ dạy chúng ta pháp môn “*đời nghiệp vắng sanh*” này. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên. Quý vị nhất định phải biết, Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, kinh Hoa Nghiêm được giảng trong Định. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, thời gian ngồi rất lâu, “*nhị thất nhật trung*” (trong mười bốn ngày). Tức là trong hai tuần lễ, Ngài ngồi bất động tại đó, chẳng ăn, chẳng uống suốt hai tuần lễ. Có chỗ nói là “*tam thất nhật trung*” (trong hai mươi một ngày) để giảng Hoa Nghiêm, “*tam thất*” là hai mươi một ngày. Chúng ta có thể tin tưởng chuyện này, chẳng hoài nghi. Vì sao? Lão hòa thượng Hư Vân lão nhân gia đã có lần nhập Định hơn một tháng mới xuất Định. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nhập Định hai mươi mấy ngày, phải nên biết là chuyện rất bình thường. “*Tam thất*” là hai mươi một ngày, “*nhị thất*” là mười bốn ngày, ở trong Định. Chúng ta thấy Ngài đang nhập Định, trên thực tế, Ngài đang giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, thính chúng là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Nếu quý vị chẳng có năng lực ấy, sẽ chẳng thể nhập Định tham gia đại hội hoàng pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị phải có năng lực ấy thì mới có thể tham gia.

Do vậy, hiện thời, hàng Tiểu Thừa chẳng tin, chẳng thừa nhận. Họ chưa hề thấy, chẳng trông thấy. Vì thế, họ nói “*Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói*”. Trước hết, họ phản đối, [phủ nhận] kinh Hoa Nghiêm do đức Phật nói. [Họ cho rằng] kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát soạn ra, giả mạo danh nghĩa Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong long cung, Long Thọ Bồ Tát đã thấy kinh này. Sau khi kinh này được giảng xong, Đại Long Thọ Bồ Tát thu thập, đưa về long cung cúng

dường. Phân lượng quá ư là lớn! Kinh Hoa Nghiêm hiện thời chính là lược thuật những điểm trọng yếu trong mục lục của kinh Hoa Nghiêm [thật sự trong long cung], giống như sách Mục Lục Đề Yếu của Tứ Khố Toàn Thư vậy. Hiện thời, Tứ Khố Toàn Thư được ấn hành với số trang rút nhỏ, bản thu gọn, gồm một ngàn năm trăm tập. Mục Lục Đề Yếu gồm năm tập. Hiện thời, chúng ta đọc kinh này, chính là đọc phần Mục Lục Đề Yếu [của kinh Hoa Nghiêm]. Nói cách khác, mỗi câu đều là một vấn đề thảo luận. Nội dung kinh hết sức phong phú, từng câu, từng chữ đều bao gồm vô lượng nghĩa.

Câu này nói về ý nghĩa của chữ Sở Hạnh. Phải hiểu rõ mối quan hệ giữa Bi và Trí. Nay chúng ta chẳng thể phát ra Bi tâm là do chẳng có trí huệ. Hễ trí huệ chẳng sanh khởi, sẽ chẳng có Bi tâm (chẳng có tâm từ bi). Hai điều ấy giúp đỡ nhau cùng thành tựu. “*Hạnh vượt phàm tiểu, cố xưng thanh tịnh*” (Hạnh vượt trời phàm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là thanh tịnh). “*Hạnh*” (行) là hành vi. Khởi tâm động niệm là hành vi nơi ý nghiệp, ngôn ngữ là hành vi nơi khẩu nghiệp, thân tạo tác là hành vi nơi thân. Hành vi nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý. Hành vi nơi tam nghiệp của Bồ Tát vượt trời phàm phu, tức phàm phu trong lục đạo. Vượt trời Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác. Hạnh của phàm phu là do cái tâm luân hồi tạo cái nghiệp luân hồi. Trong cái tâm luân hồi có thiện, ác, vô ký (không thiện, không ác). Thiện tâm, thiện hạnh cảm vời phước báo nhân thiên, sanh trong ba thiện đạo; ác niệm, ác hạnh cảm tam đồ khổ báo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng thanh tịnh! Cõi trời cũng chẳng thanh tịnh, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lấy đâu ra thanh tịnh? Hưởng hết phước trời, nhất định sẽ đọa lạc, họ (chư thiên) chẳng có cách nào thăng lên, nhất định là phải đọa lạc. Hưởng hết phước báo trong nhân gian, chẳng biết làm lành, chẳng biết tích đức, hễ hưởng hết phước báo, nhất định sẽ đọa trong tam đồ, lấy đâu ra thanh tịnh? Tiểu Thừa tuy thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng vượt khỏi mười pháp giới, chẳng phải là thật sự thanh tịnh. Do vượt trời Tiểu Thừa, nên gọi là “*thanh tịnh*”.

Chúng ta lại thấy câu kệ đó nói: “*Di Nhị Thừa vô lậu, bất năng kiêm lợi, phi chân tịnh cố*” (Do Nhị Thừa tuy vô lậu, nhưng chẳng thể lợi ích người khác, cho nên chẳng phải là chân tịnh). Đây là sợ có kẻ nghi hoặc: A La Hán và Bích Chi Phật đã vượt thoát lục đạo luân hồi, lẽ nào chẳng thanh tịnh? Kinh Phật nói các vị ấy đều đã chứng đắc quả báo vô lậu. Món cuối cùng trong sáu loại thân thông là Lậu Tận Thông. Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não; “*lậu tận*” (漏盡) là đoạn hết phiền não. Phiền não được nói ở đây chính là Kiến Tư phiền não, chúng tôi thường nói theo kinh Hoa Nghiêm là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”, Kiến Tư phiền não là chấp trước. Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, nhưng thế nào? Chẳng đủ trí huệ, chẳng đủ năng lực, chẳng thể kiêm lợi (兼利, làm lợi ích cho người khác). Những vị ấy chỉ có thể tự lợi, chẳng thể kiêm lợi.

Chúng tôi phải giải thích rõ ràng câu này: A La Hán có độ chúng sanh hay không? Có độ, chẳng phải hoàn toàn là tự tư tự lợi. Các vị ấy cũng độ chúng sanh, nhưng chẳng giống như Bồ Tát! Các vị ấy độ chúng sanh, quý vị tìm đến các Ngài, các Ngài sẽ dạy quý vị. A La Hán có thần thông, nhất định sẽ quan sát quý

vị. Thần thông của A La Hán có thể biết năm trăm đời trong quá khứ, năm trăm đời vị lai. Có năng lực to tát như thế, xét xem trong năm trăm đời quá khứ, quý vị có thiện căn hay không? Có thiện căn thì các Ngài dạy quý vị. Chẳng có thiện căn, sẽ không dạy. Có duyên với các Ngài, các Ngài sẽ dạy quý vị. Chẳng có duyên, chẳng dạy quý vị, chẳng giống như Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có điều kiện! Quý vị chẳng tìm đến Bồ Tát, Bồ Tát tìm đến quý vị. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đã đọc thấy: “*Bồ Tát tác bất thỉnh chi hữu*” (Bồ Tát làm bạn chẳng mời). Cầu học thì quý vị phải tới chỗ thầy để cầu, tôn sư trọng đạo thì quý vị mới có thể học điều chi đó! Nhưng Bồ Tát chẳng vậy, Bồ Tát làm “*bạn chẳng mời*”. Quý vị chẳng cầu Ngài, Ngài chủ động tìm tới quý vị. Khó có lắm, đó gọi là “*kiêm lợi*”.

Bồ Tát đến tìm quý vị, quý vị chẳng tiếp nhận thì làm như thế nào? Chẳng tiếp nhận, các Ngài cũng mong gieo thiện căn cho quý vị, khiến cho trong A Lại Da Thức của quý vị có chủng tử Phật, gieo thiện căn xuống! Bài xích, cự tuyệt, căn bản là chẳng tin tưởng, thậm chí nhục mạ Ngài, Ngài chỉ cười mà thôi. Chúng tử Phật trong A Lại Da Thức vĩnh viễn chẳng mòn diệt. Nói không chừng, vài năm sau, [sẽ nghĩ lại]: “Người ấy cũng được quá đi chớ! Tuy ta vũ nhục hắn, hắn cũng chẳng tức giận, rất có tu dưỡng, rất khó có!” Vậy thì thiện căn của quý vị bèn tăng trưởng, nói không chừng là trong đời kế tiếp, nói không chừng là trong đời sau nữa, gặp duyên, quý vị cũng rất ưa thích Phật pháp. Vì thế, Ngài đã gieo duyên, gieo nhân Phật pháp cho quý vị. [Quý vị] chẳng có duyên, bèn kết duyên cho quý vị. Có duyên thì sẽ giúp quý vị tăng trưởng, giúp quý vị tăng tấn. Đã tăng trưởng, bèn giúp cho quý vị chín muồi.

Bồ Tát độ chúng sanh là chủ động, “*ngàn xir khẩn cầu, ngàn xir ứng*”, chỉ cần chúng sanh có cảm. Có khi chúng sanh cảm mà chính họ cũng không biết, có khi tự mình biết đang cảm, cầu Phật, Bồ Tát. Có khi tự mình hoàn toàn chẳng biết. Vì thế, đối với chuyện cảm ứng này, trong phần trước, chúng tôi đã nói tỉ mỉ vài lượt. Có bốn loại: Hiện cảm hiện ứng (cảm và ứng đều rõ rệt), hiện cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng âm thầm), minh cảm hiện ứng (cảm âm thầm, ứng rõ rệt), minh cảm minh ứng (cảm và ứng đều ngầm ngầm). Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! [Xét theo] điểm này, Nhị Thừa chẳng bằng Bồ Tát, Bồ Tát chủ động độ chúng sanh, chẳng câu nệ bất cứ điều kiện nào! Nhưng nếu chỗ quý vị có rất nhiều người học Phật, học Phật thì quý vị phải hiểu nghi thức, quy củ trong nhà Phật, biết tôn sư trọng đạo, nhất định phải “*thỉnh chuyển pháp luân*”, tức là phải lễ thỉnh thầy đến chỗ ấy giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta! Phải lễ thỉnh! Chẳng lễ thỉnh mà chính vị ấy đến là do nơi ấy chẳng có người hiểu Phật pháp, chẳng cần thỉnh mà vị ấy đến. Chúng ta phải biết điều thường thức này. Nếu chúng ta hiểu Phật pháp, phải nên cung kính khải thỉnh. Chẳng có ai hiểu, trong tâm chúng ta mong muốn: “Có thể nào có một vị pháp sư tới giảng kinh cho chúng tôi thì hay quá”. Vị ấy sẽ tới, chẳng ai biết, cũng chẳng có ai hiểu quy củ. Điều này được diễn tả là: “*Phật pháp coi trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức*”, thật vậy!

Nói theo sự giáo hóa chúng sanh thì chẳng thể thiếu hình thức được! Hình thức nhằm dành cho những người chẳng học Phật, hoặc kẻ còn chưa tiếp xúc Phật giáo, làm cho họ thấy, tác động đến thiện căn của họ, khiến cho họ sau khi đã thấy hình thức ấy, sẽ sanh tâm hoan hỷ, sẽ tiến nhập Phật môn. Do vậy, hình thức là một loại phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh, tác động tới thiện căn trong quá khứ của họ. Hiện thời, nói đó là một thứ phương pháp, cũng được! Phương tiện thiện xảo mà! Nhị Thừa chẳng có loại Bi và Trí ấy. Do vậy, nói: Nhị Thừa chẳng phải là thanh tịnh thật sự. Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 1464

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phần Thích Danh của phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh. Xem đoạn cuối của phần Thích Danh trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư.

Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Sớ) Đắc tư ý giả, cử túc, hạ túc, tận Văn Thù tâm, kiến văn giác tri, giai Phổ Hiền Hạnh. Văn Thù tâm cố, tâm vô trước loạn, thị viết thanh tịnh. Phổ Hiền Hạnh cố, thị Phật vãng tu, chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã. Sở hành tức tịnh.

(疏)得斯意者，舉足下足，盡文殊心，見聞覺知，皆普賢行。文殊心故，心無濁亂，是曰清淨。普賢行故，是佛往修，諸佛菩薩同所行也，所行即淨。

(Sớ: Hiểu ý nghĩa ấy, giở chân, đặt chân đều trọn hết cái tâm Văn Thù, thấy, nghe, hay, biết, đều là Phổ Hiền Hạnh. Do là tâm Văn Thù, nên tâm chẳng có nhớ bản, rối loạn, cho nên nói là thanh tịnh. Do Phổ Hiền Hạnh chính là những gì Phật đã tu trong quá khứ, chư Phật, Bồ Tát cùng hành. Những điều được hành chính là tịnh).

Đoạn này nói rất hay, lại còn nói rất sâu! Nói đến cảnh giới Hoa Nghiêm. Trước hết, Thanh Lương đại sư bảo: “Đắc tư ý giả” (Đạt được ý ấy): Chữ Đắc (得) nghĩa là quý vị thật sự thông hiểu, thấu hiểu nghĩa thú trong lời đức Phật dạy. Đối với ý nghĩa và mục đích hướng đến trong lời đức Phật dạy, nếu quý vị có thể thật sự thông đạt, hiểu minh bạch; sau đây, hành vi trong cuộc sống hằng ngày của quý vị sẽ tự nhiên là học Phật. Giống như trẻ thơ học theo cha mẹ, thật sự hiểu được, hằng ngày thấy, hằng ngày nghe, hiểu rõ. Do hiểu rõ, chúng ta sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, đó là “phá mê, khai ngộ”, là “siêu phàm nhập thánh”.

Siêu phàm nhập thánh ngay trong cuộc sống hằng ngày, cuộc sống có thay đổi hay không? Chẳng thay đổi! Vẫn mặc áo, ăn cơm y hệt! Ở trong cảnh phú quý, bèn sống cuộc đời phú quý. Gặp cảnh bản tiện, sống cuộc đời nghèo hèn của chính mình. Siêu phàm nhập thánh chẳng liên quan gì đến bản tiện, phú quý. Chỗ khác nhau là gì? Chỗ khác nhau là tâm khai, ý giải, vui sướng khôn sánh. Trong cuộc sống của quý vị, chẳng có ưu lự, chẳng có khổ não, phiền não mỗi ngày một ít, trí huệ mỗi ngày một tăng trưởng, sung sướng thay! Đúng như Phu Tử đã nói: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?” (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao?) “Duyệt” (悅) là vui sướng, từ bên trong nội tâm thấu lộ ra ngoài, giống như nước suối [từ một nguồn nước liên tục trào ra]. [Niềm vui sướng của] người ấy chẳng phải là niềm vui sướng do từ những kích thích bên ngoài, mà là từ trong nội tâm lưu xuất, vĩnh viễn chẳng ngừng! Do vậy, nhà Phật nói “pháp hỷ sung mãn”, thường sanh tâm hoan hỷ. Điều này phải là bậc Bồ Tát đã đạt tới minh tâm kiến tánh mới làm được, quyết định chẳng có phiền não và tập khí. Chẳng giống

như A La Hán, tuy A La Hán đã đoạn Kiến Tư, nhưng biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày còn có tập khí. Vị này hoàn toàn chẳng có tập khí! Đây là “*đắc tư ý giả*” (hiểu được ý nghĩa ấy).

“*Cử túc, hạ túc*” (Giở chân, đặt chân) là nói tới chuyện đi lại. “*Tận Văn Thù tâm*”, Văn Thù Bồ Tát là tâm gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, đóng vai trò rất quan trọng chính là hai vị Bồ Tát ấy. Văn Thù tâm, Phổ Hiền nguyện, hai vị này đại diện cho toàn thể Hoa Nghiêm. “*Văn Thù tâm*” là Thập Ba La Mật, [“*cử túc, hạ túc*”] có nghĩa là gì? Từng bước đều chẳng quên Thập Ba La Mật. Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, những điều này thường gọi là Lục Ba La Mật. Từ Bát Nhã, lại triển khai thành Phương Tiện, Nguyện, Lực, và Trí, [cộng với sáu điều trước thành] Thập Ba La Mật. Từ bốn món Ba La Mật Phương Tiện, Nguyện, Lực, và Trí, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*thiện xảo phương tiện*”, tức là Bát Nhã Ba La Mật khởi tác dụng. Nói đến Thập Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật là Thể, bốn món sau là Dụng. Có Thể bèn có Dụng. Bát Nhã Ba La Mật là Căn Bản Trí, bốn điều sau đó là Hậu Đắc Trí. Cũng có thể nói, Bát Nhã Ba La Mật là Thật Trí (真實, trí huệ chân thật), bốn điều sau đó là Quyền Trí (權智, trí huệ quyền biến), Quyền và Thật đối ứng. Khi nào thì trí huệ đáng nên khởi tác dụng như thế nào, sẽ chẳng sai lầm mảy may! Lợi ích trọn khắp hết thấy hữu tình trong chín pháp giới, thực hiện tận thiện, tận mỹ, chẳng có mảy may khuyết điểm nào, nên nói là “*tận*”.

Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát biểu thị Thập Ba La Mật, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị mười đại nguyện vương. Hai vị Văn Thù và Phổ Hiền giao xen, giúp đỡ lẫn nhau. Trong Bồ Thí có mười nguyện Phổ Hiền, trong Trì Giới cũng có mười nguyện Phổ Hiền. Mỗi điều trong Thập Ba La Mật đều trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền. Mười nguyện Phổ Hiền, điều thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Trong lễ kính chư Phật, bao hàm viên mãn Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát. “*Xưng tán Như Lai*”, “*quảng tu cúng dường*”, chẳng có một điều nào không trọn đủ Thập Ba La Mật. Đây gọi là pháp Nhất Thừa, thù thắng hơn pháp Đại Thừa. Trong pháp Đại Thừa, nói thông thường là Lục Ba La Mật. Trong Bồ Thí, nhất định bao gồm Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Trong Trì Giới, nhất định có Bồ Thí, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Một chính là sáu, sáu chính là một, nhưng trong ấy, chẳng có mười nguyện Phổ Hiền. Trong kinh Hoa Nghiêm, mỗi một môn [Ba La Mật] của Văn Thù Bồ Tát đều trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền, khác hẳn! Nhất Thừa và Đại Thừa sai khác ở chỗ này!

Nói với chúng ta là đại tâm chúng sanh. Chúng ta là chúng sanh, chẳng phải là thánh nhân, nhưng tâm lượng to lớn, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Khởi tâm động niệm bèn nghĩ vì hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, nên gọi là “*đại tâm phạm phu*”. Nghe Hoa Nghiêm, học Hoa Nghiêm, có thể nghe lọt tai, có thể là nghe hiểu, hoặc có thể thấu hiểu giáo nghĩa, có thể khế nhập cảnh giới. Chẳng phải ai cũng là đại tâm phạm phu! Nói thật ra, trong đời quá khứ, tuyệt đối chẳng phải một đời, hai đời, ba đời, năm đời, chẳng phải vậy! Mà là đã nhiều đời nhiều kiếp từng nghe những kinh giáo Nhất Thừa

này. Vì thế, trong đời này, sau khi được gặp gỡ, rất dễ dẫn phát thiện căn trong đời trước, cho nên có tâm lượng to dường ấy. Nghĩ đến chính mình rất ít, đều nghĩ vì người khác, đều là “*hy sinh, dâng hiến*” như người hiện thời hay nói. Bỏ mình vì người khác, người ấy có tâm lượng này. Đây cũng là do thiện căn “tiếp xúc Đại Thừa, tiếp xúc Nhất Thừa” trong đời trước dẫn phát, cho nên cũng biến thành bậc đương cơ của kinh Hoa Nghiêm, rất đáng mừng rỡ, cảm thấy may mắn. Đó là tâm Văn Thù!

“*Kiến, văn, giác, tri*”: Thấy, nghe, hay, biết là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đều là Phổ Hiền Hạnh. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mười nguyện Phổ Hiền tự nhiên sanh khởi. Trong khi chúng tôi giới thiệu tựa đề kinh, [quý vị] đã thấy phần giới thiệu [tựa đề kinh của] Thanh Lương đại sư. Nếu chú tâm, chúng ta có thể thông hiểu đôi chút: Pháp Nhất Thừa xác thực là chẳng thể nghĩ bàn. Pháp Nhất Thừa thật sự quá khó có! Đến đâu để tìm Nhất Thừa Bồ Tát? Chúng ta thường nói “*người tốt bậc nhất trong thế gian*”, chẳng có tự tư tự lợi, chẳng có ganh tỵ, ngạo mạn, chẳng có chính mình, chỉ có người khác. Đây là căn tánh Nhất Thừa.

Kế đó, [lời Sớ] nói: “*Văn Thù tâm cố, tâm vô trược loạn, thị viết thanh tịnh*” (Do cái tâm Văn Thù, tâm chẳng như bản, rồi loạn, nên nói là “*thanh tịnh*”). Tâm chẳng nhiễm trược. Quý vị thấy kinh Di Đà nói thế gian này là “*ngũ trược ác thế*”. Người ấy ở trong ngũ trược ác thế, chẳng đắm nhiễm, đó là thanh tịnh, là công phu định lực. “*Bất loạn*”: Bất loạn là trí huệ, vì sao bất loạn? Như như bất động. Chính như kinh Kim Cang đã dạy “*bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng giữ lấy tướng, như như bất động), kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*”. Tâm vô trược loạn chính là nhất tâm bất loạn, nhị tâm bèn trược loạn. Nhất tâm sẽ chẳng trược, chẳng loạn. Định và Huệ học cân bằng, Định và Huệ cùng vận dụng, như trong phần trước đã nói là “*Bi Trí song vận*”. Định và Huệ cùng vận dụng, đây là thanh tịnh.

“*Phổ Hiền Hạnh cố, thị Phật vãng tu*”: Đối với Phổ Hiền Hạnh, trước khi hết thầy chư Phật Như Lai thành Phật, đều tu Phổ Hiền Hạnh. Chúng ta biết [người ở] thế giới Cực Lạc tu Phổ Hiền Hạnh. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy hai vị trợ thủ của Hoa Tạng thế giới Tỳ Lô Giá Na Phật là Văn Thù và Phổ Hiền, chúng ta cũng thấy hai vị này [là bậc thượng thủ] trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, chúng ta hiểu: Thế giới Hoa Tạng cũng tu Phổ Hiền Hạnh. Do vậy, mục tiêu chung cực của sự tu hành ở đây là Vô Thượng Bồ Đề. Đây cũng chính là như trong đoạn trước, trong phần “*lai ý*” (ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này) đã nói là “*dục giai diêu vị*” (muốn đạt lên địa vị màu nhiệm). “*Diêu vị*” là Vô Thượng Bồ Đề, là Phật quả rốt ráo. Thế giới Cực Lạc là như thế, mà thế giới Hoa Tạng cũng là như thế.

“*Chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã*” (Chư Phật, Bồ Tát cũng cùng hành). “*Chư Phật*” là Bồ Tát, Bồ Tát là chư Phật, vì Bồ Tát đang nói ở đây chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Những vị Bồ Tát này là Phật thuộc địa vị Phần Chúng. Tuy chẳng chứng đắc rốt ráo, các Ngài thật sự quyết định chẳng giả. Trí của các Ngài là chân thật, Giải là thật, đức năng là thật, hoàn toàn là Tánh Đức

lưu lộ, chẳng giống mười pháp giới! Trong mười pháp giới còn có A Lại Da Thức, tâm hiện, thức biến, còn có chuyện này. Mười pháp giới càng lên cao hơn, biên độ biến đổi càng nhỏ, càng rất gần với Nhất Chân pháp giới. Càng đi xuống, hướng đến lục đạo, hướng đến tam đồ, khoảng cách càng xa, biến hóa càng lớn, lớn đến nỗi ngay cả Tánh Đức cũng không nhận biết. Càng hướng lên trên, càng tiếp cận Tánh Đức. Đạo lý là như thế đó.

Sau khi quý vị đã hiểu đạo lý này, mới biết chẳng thể không học “*thánh học*”, tức là giáo huấn của thánh nhân. Trong các vị thánh nhân, Phật quả viên mãn rất ráo, trong Phật pháp gọi là Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, viên mãn rất ráo. Thánh nhân thế gian chẳng ít. Chúng ta quan sát kỹ lưỡng các vị thánh nhân trong nhiều tôn giáo, đặc biệt là các vị sáng lập tôn giáo, Phật pháp coi họ đều là Bồ Tát, tức Pháp Thân Bồ Tát! Ở đây nói là “*chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã*” (là những điều do chư Phật, Bồ Tát cùng hành). Những điều do Phật, Bồ Tát hành, há có lẽ nào chẳng thanh tịnh? Sở hành chính là Tịnh. Chúng tôi giới thiệu phần Thích Danh đến đây.

Lại xem đoạn thứ ba tiếp theo là phần Tông Thú. Tông (宗) là tông chỉ (宗旨), tức là cương lĩnh tu hành. Thú là thú hướng (趣向, hướng về, đạt đến), tức là Quả. Tông là tu hành, là nhân. Thú là nương theo phương pháp lý luận ấy để tu hành, sẽ đạt được quả báo như thế nào. Phải hiểu rõ điều này thì mới chẳng đến nỗi tu mù, luyện đui. Chúng ta hãy xem Thanh Lương đại sư khai thị:

(Sớ) Tông Thú giả, dĩ tùy sự xảo nguyện, phòng tâm bất tán.

(疏)宗趣者，以隨事巧願，防心不散。

(Sớ: Tông Thú là dùng nguyện khéo thích ứng với Sự để ngăn ngừa cái tâm, chẳng để bị tán loạn).

Nói hay lắm. Tiếp đó, Ngài nói:

(Sớ) Tăng trưởng Bồ Tát bi trí đại hạnh vi Tông.

(疏)增長菩薩悲智大行為宗。

(Sớ: Tăng trưởng đại hạnh bi trí của Bồ Tát là Tông).

Nêu ra tông chỉ. “*Tăng trưởng Bồ Tát bi trí đại hạnh*”: Chúng ta đọc chữ Hạnh theo giọng Khứ Thanh, không đọc là Xíng (Hành), mà đọc Hèng (Hạnh). Hèng (Hạnh) là động từ, Xíng (Hành) là danh từ, đọc Hạnh là [hiểu theo nghĩa] động từ.

(Sớ) Thành tựu Phổ Hiền thật đức vi Thú.

(疏)成就普賢實德為趣。

(Sớ: Thành tựu thật đức của Phổ Hiền là Thú).

Nhân và quả đều nêu ra. Thật đức của Phổ Hiền Bồ Tát, đại hạnh của Văn Thù Bồ Tát. Thật Đức của Phổ Hiền Bồ Tát là mười đại nguyện vương. Bi trí đại hạnh của Văn Thù Bồ Tát là Thập Ba La Mật. Vì thế, Tông Thủ tu hành của toàn thể kinh Hoa Nghiêm là hai mươi điều ấy.

Thực hiện viên mãn Thập Ba La Mật và mười đại nguyện vương, khởi sự từ chỗ nào? Bắt đầu bằng phẩm kinh này. Do vậy, tôi nói: Phẩm kinh này là Đệ Tử Quy trong pháp môn Nhất Thừa. Nhìn theo mặt Sự, sẽ thấy dường như rất đơn giản, nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy quá sâu, sâu rộng vô tận, đều là trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta làm mỗi ngày, nhưng mê chứ chẳng giác. Vì mê nên làm mỗi ngày, tà mà chẳng chánh. Quý vị có chuyển hay không? Không biết chuyển, [cho nên] nhiễm chứ không tịnh. Quý vị thấy các Ngài biết chuyển trong cuộc sống, bất cứ chuyện gì cũng đều là “giác, chánh, tịnh”. Hiện thời, đối với bất luận khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta từ sáng đến tối, hãy cẩn thận, phản tỉnh, suy ngẫm, có phải thấy đều là “mê, tà, nhiễm” hay không? Làm thế nào để chuyển biến “mê, tà, nhiễm” thành “giác, chánh, tịnh”? Đây gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”. Vị thánh ấy chẳng phải là tiểu thánh, mà là đại thánh, Pháp Thân Như Lai đây nhé! Chẳng phải là tiểu thánh, chẳng phải là Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, mà là Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới. Toàn bộ Thật Đức tức mười nguyện của Phổ Hiền đều có thể thực hiện.

Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới quá cạn, giống như nay quý vị đang học lớp tiến sĩ trong chương trình nghiên cứu sinh, nhìn lại vườn trẻ (mẫu giáo), tiểu học, trung học, xem xét trình độ của bọn họ. Nhưng quý vị phải hiểu: Lớp tiến sĩ cũng là học từ vườn trẻ. Xây dựng vững vàng căn cơ sơ học, tự nhiên là sẽ dễ dàng tiến cao hơn. Sơ xênh căn cơ sơ học, càng tiến cao hơn, càng khó khăn, chớ nên không hiểu đạo lý này! Ví như cất một căn nhà mà chẳng đắp nền móng, quý vị chỉ có thể cất một cái chòi tranh, hoặc chòi lá, chẳng thể xây một tòa nhà lớn được! [Cất một dinh thự lớn] sẽ sụp đổ, nền đất chẳng thể chịu nổi. Nhất định là phải xây dựng nền móng vững vàng thì mới có thể xây một tòa nhà to, mới có thể xây cao ốc. Nền móng chẳng xây kiên cố, xây nhà ba tầng, năm tầng còn được, chứ xây mười tầng, hai mươi tầng, chẳng được đâu nhé, nhất định là sẽ đổ nhào! Do vậy, quý vị thấy người dựng nhà, [phải cân nhắc] xem nền móng có thể chịu nổi sức nặng bao nhiêu? Có thể chịu được bao nhiêu tầng? Đạo lý là như thế đó!

Nền móng là gì? Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Sa Di Luật Nghi là ba loại nền móng. Yêu cầu nhất định hết sức nghiêm ngặt, trong tương lai quý vị mới có thể cất cao ốc một trăm tầng. Xây một trăm tầng là pháp Nhất Thừa, là Phật quả rốt ráo viên mãn. Do vậy, sơ học chẳng nghiêm ngặt sao được? Chẳng nghiêm, thành tựu của quý vị sẽ hữu hạn. Thầy dạy trò phải tròn hết trách nhiệm của người thầy. Nếu thầy chẳng vun bồi căn cơ bền vững cho trò, trong tương lai, nó chẳng có thành tựu to lớn gì, thầy sẽ có lỗi với trò! Nhưng trong hiện thời, xác thực là có chướng ngại. Do đâu mà có chướng ngại? Chướng ngại do nhân quyền! Nhi đồng có nhân quyền, cha mẹ chẳng thể cai quản con nghiêm ngặt. Hiện thời, cha mẹ chửi con, đánh con, nó tố cáo, cảnh sát liền can thiệp, bảo quý vị ngược

đãi nhi đồng, quý vị nói có phiền phức hay là không? Do vậy, hiện thời, trẻ nhỏ được pháp luật của quốc gia bảo đảm, chúng chẳng yêu thương cha mẹ, bất kính đối với cha mẹ, chẳng nghe theo giáo huấn cha mẹ. Chuyện này khó khăn quá!

Chính tôi còn nhớ, chúng tôi sanh trưởng ở nông thôn. Khi tôi còn bé, còn nghe nói quốc gia có một đạo luật gọi là “*thân quyền xử phân*” (親權處分, quyền phân xử của cha mẹ). Đạo luật này hình như bị phế trừ vào khoảng năm Dân Quốc 20 (1931). Thân quyền xử phân là gì? Cha mẹ của quý vị có quyền lực của cha mẹ. Quý vị bất hiếu, chẳng làm tròn trách nhiệm, cha mẹ có thể thưa quý vị ra tòa: “Đứa con này bất hiếu, quý vị hãy đem bán nó đi”. Sau khi tòa án nhận được đơn thưa, lập tức thi hành án, chẳng cần tra hỏi, chẳng cần biện hộ. Đó là “*thân quyền xử phân*”. Vì sao? Cha mẹ há có lẽ nào chẳng đau đầu yêu thương con cái? Cha mẹ chẳng cần quý vị nữa, quý vị còn có tư cách gì để làm người trong xã hội? Do vậy, cha mẹ đi thưa, chẳng có ai biện hộ, chẳng hề có! Thân quyền xử phân đấy mà! Do vậy, vào thời ấy, đứa con cái bất hiếu, vẫn phải giả bộ hiếu thảo. Vì sao? Cha mẹ đâm đơn thưa quý vị, không có ai cứu quý vị đâu nhé! Quan tòa hành hình ngay lập tức, chẳng có luật sư nào có thể biện hộ cho quý vị. Sau khi đã phế trừ [đạo luật ấy], chẳng còn nữa, con cái bất hiếu, cha mẹ đối với chúng nó chẳng có một tí biện pháp nào cả! Vì thế, trong hiện thời, có nhiều kẻ trẻ tuổi thấy con cái bất hiếu, làm thế nào đây? Chẳng muốn có con nữa! Những kẻ trẻ tuổi trong hiện thời đều có ý nghĩ như thế, phiền toái rất lớn!

Do vậy, giáo huấn của thánh nhân mấy ngàn năm chẳng biến đổi, duy trì sự an định và hòa bình trên thế giới và trong xã hội, nó có đạo lý ở trong ấy, chẳng phải là không có lý do! Khi đã có nhân quyền, cha mẹ chẳng thể dạy con cái, thầy chẳng thể dạy học trò! Những kẻ trẻ tuổi cậy vào đâu để học đạo đức, thành tựu học vấn? Quá khó khăn! Vì thế, hiện thời nói đến chuyện hoàng dương Phật pháp, không chỉ là khó khăn gấp mười lần quá khứ, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hiện thời cậy vào đâu? Nương vào thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong đời quá khứ, đã gieo thiện căn sâu dày, [vậy thì] dễ dạy, kẻ ấy vừa nghe sẽ tiếp nhận. Kẻ ấy có thể tiếp nhận, có thể biện định những thứ này là tốt đẹp!

Chế độ xã hội cũng là như vậy. Tôi cũng thường gặp mấy người, câu thứ nhất họ hỏi tôi, đại khái là vào sáu, bảy năm trước, pháp sư Diễm Bồi [đã từng hỏi tôi đúng câu ấy]. Chúng tôi là bạn bè cũ, hơn hai mươi năm chẳng gặp mặt. Tôi sang Tân Gia Ba giảng kinh, Sư sống ở Tân Gia Ba. Trong quá khứ, Sư đã từ Đài Loan di dân sang đó, ở bên ấy đã hai mươi lăm năm. Tôi và Sư gặp nhau tại đó, Sư mời tôi ăn cơm. Trong khi nói chuyện gẫu, Sư đột nhiên hỏi tôi một câu: “Pháp sư Tịnh Không! Ông tán thành chuyên chế, hay tán thành dân chủ?” Hỏi tôi một câu như thế đó. Tôi nói: “Tôi tán thành có hoàng đế. Hoàng Thượng chuyên chế, tôi tán thành. Tôi chẳng tán thành dân chủ”. Sư hỏi vì sao? Tôi nói: “Hoàng đế chịu trách nhiệm. Ông ta phải vì quốc gia bồi dưỡng những người lãnh đạo rất tốt, lãnh trách nhiệm ấy. Thế hệ kế tục của ông ta chẳng tốt đẹp, chánh quyền của ông ta sẽ bị kẻ khác lật đổ”. Tôi nói cho Sư nghe đạo lý ấy.

Được tuyển cử theo kiểu dân chủ, một nhiệm kỳ là bốn năm, hay năm năm. Đã trúng cử, do nhiệm kỳ chẳng dài, cái tâm trách nhiệm của kẻ ấy chẳng sâu

nặng. Khi tranh cử, đã hao tổn bao nhiêu tâm huyết, tốn kém bao nhiêu tiền bạc. Sau khi nhậm chức, nói chung là muốn gỡ gạc lại, chẳng thể lỗ vốn. Tới nhiệm kỳ sau, chẳng biết lần sau sẽ là ai giữ chức? Vì thế, nói đến trách nhiệm chánh trị, dân chủ chẳng bằng chuyên chế. Quý vị thấy lịch đại đế vương Trung Hoa, các đế vương khai quốc chọn người thừa kế hết sức chú ý cẩn thận, toàn tâm toàn lực bồi dưỡng. Hoàng đế chẳng dễ làm, từ bé đã bị quản giáo nghiêm ngặt, chẳng thể có một tí sai lầm, sợ gì? Sợ thân nát nhà tan, quốc phá gia vong. Hoàng đế đời cuối của mỗi triều đại đều là những kẻ chẳng vâng theo giáo huấn của tổ tông, chẳng nghe lời dạy bảo của thầy, thích như thế nào bèn làm như thế ấy! Kết quả là bị kẻ khác lật đổ. Do vậy, xã hội an định! Tôi nói: “Tôi tán thành chuyên chế, chẳng tán thành dân chủ”. Sư nói: “Sao đầu óc thầy suy nghĩ ngoan cố dường ấy!” Sư bảo tôi có ý nghĩ ngoan cố!

Nói thật ra, dân chủ và chuyên chế là vấn đề chế độ. Chế độ có tốt xấu hay không? Quý vị nói xấu hay tốt rất hữu hạn, vấn đề thật sự là ở nơi đâu? Vấn đề thật sự ở nơi con người. Khổng Tử đã nói rất hay: “*Nhân tồn chánh cử, nhân vong chánh tức*” (Con người còn thì chánh quyền tồn tại, con người đã mất thì chánh quyền chấm dứt). Câu nói ấy đã nói đến nơi đến chốn [thực chất của vấn đề]. Bất luận quý vị là chuyên chế, hay là dân chủ, người lãnh đạo có đức hạnh, có tâm yêu thương, thật sự có thể hy sinh, dâng hiến, thì dân chủ cũng được, mà chuyên chế cũng được. Nếu quý vị chẳng có luân lý, đạo đức, hoàn toàn vì lợi hại cá nhân, tiếng tăm, lợi dưỡng, thì dân chủ chẳng tốt mà chuyên chế cũng bất hảo! Do vậy, từ xưa tới nay, Trung Hoa đề xướng, chẳng nói tới vấn đề chế độ mà nói gì? Nói tới giáo học trước. “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Quan trọng nhất là giáo dục. Thực hiện giáo dục tốt đẹp, chế độ gì cũng đều tốt đẹp. Nếu quý vị chẳng thực hiện giáo dục tốt đẹp, bất cứ chế độ nào cũng đều xuất hiện khuyết điểm! Trong xã hội hiện tại, chư vị lắng lòng quan sát sẽ thấy: Giáo dục quan trọng nhất!

Giáo dục nhất định lấy con người làm gốc. Mục đích của giáo dục thời cổ là dạy con người làm thánh, làm hiền. “*Độc thư chí tại thánh hiền*” (Độc sách, dốc chí nơi thánh, nơi hiền). Đây là tông chỉ giáo dục. Giáo dục trong nhà Phật là “*thành tựu Phổ Hiền Thật Đức*”, câu này nên giải thích như thế nào? Thập Ba La Mật của Văn Thù, mười nguyện Phổ Hiền, thực hiện viên mãn. Bất luận là chế độ nào, dân chủ tốt đẹp, quân chủ cũng tốt đẹp, chuyên chế tốt đẹp, chẳng có gì không tốt đẹp. Người lãnh đạo ấy chính là thánh nhân, là hiền nhân. Chỉ cần người lãnh đạo là “*thánh*” (thánh minh, sáng suốt tột bậc), văn võ bá quan dưới quyền nhất định là hiền nhân, nhân dân hưởng phước, xã hội nhất định là an hòa, lợi lạc. Vì thế, giáo dục tốt đẹp hơn bất cứ thứ gì khác. Đúng là đại đức, đại năng, đại trí.

Như Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng làm quốc vương, vì sao? Làm quốc vương, quý vị hy sinh, hiến dâng, tạo phước cho nhân dân một nước. Phạm vi chẳng lớn, chẳng thể vì người trong thiên hạ tạo phước. Vượt khỏi ranh giới quốc gia, phải tạo phước cho người trong thiên hạ. Đối với tất cả các quốc gia, tất cả các nhóm dân, nhằm tạo phước cho mọi người, phải vượt ra ngoài chánh trị. Thuở ấy, lại chẳng có Liên Hiệp Quốc. Do vậy, nói theo kiểu hiện thời: Suốt một đời,

Thích Ca Mâu Ni Phật theo đuổi công tác giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Ngài chẳng làm quốc vương, chẳng làm quan. Các nghề nghiệp trong xã hội rất nhiều, Ngài chẳng chọn một nghề nào, mà chuyên dạy học, nêu gương mẫu cho chúng ta nhìn vào!

Vì thế, Phật Thích Ca cao hơn Khổng Tử. Vì sao? Khổng Tử chu du liệt quốc, mục đích là muốn làm quan hòng thi thố hoài bão của chính mình. Chư hầu các nước (tức vua các nước) biết người này là một người tốt, có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nhưng chẳng dám dùng ông ta. Do vậy, tới khi tuổi đã cao, sáu mươi tám tuổi, Khổng Tử mới bỏ ý niệm làm quan, quay về quê nhà dạy học, qua đời lúc bảy mươi ba tuổi. Vì thế, thời gian Ngài dạy học là năm năm. Năm năm mà được người đời sau tôn sùng là Vạn Thế Sư Biểu (萬世師表, bậc thầy gương mẫu của muôn đời). Tôi thường nói: Thuở tại thế, Khổng Tử có nằm mộng cũng không ngờ đến chuyện ấy. Nếu Ngài nghĩ đến, ắt sẽ học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài “*tam thập nhi lập*”, tức là khi ba mươi tuổi hãy nên theo đuổi công tác giáo dục, suốt đời theo đuổi công tác giáo dục thì sự thành tựu của Ngài quyết chẳng thua kém Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có địa vị quốc vương mà chẳng cần đến, cứ theo đuổi công tác giáo dục, chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch chuyện ấy. Giáo dục là sự nghiệp thanh cao, hết sức có ý nghĩa, bồi dưỡng nhân tài thật sự có đức hạnh, có học vấn cho quốc gia, cho xã hội, cho hết thảy chúng sanh trên cả thế giới. Trong tương lai, những nhân tài ấy sẽ ở trong xã hội, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, tự nhiên là sẽ có thể hy sinh, dâng hiến, tạo phước cho nhân dân! Đây mới là thành tựu đức năng và trí huệ chân thật. Chúng ta học phần Tông Thù đến đây.

Đoạn thứ tư gọi là Giải Phương, Giải (解) là giải thích, Phương (妨) là phương ngại (妨礙, trở ngại, ngăn trở). Thứ gì gây trở ngại? Nghi hoặc là trở ngại, người ấy đối với pháp này có nghi vấn. Tu hành bị trở ngại, chứng quả bị trở ngại, đều là do có nghi vấn. “Nghi” là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Vì thế, [Giải Phương là] nói đến chuyện “*phá nghi, sanh tín*”, thật sự có tín tâm. Quý vị chẳng nghi thì [lực dụng của pháp môn đang học] mới sanh khởi. Học tốt đẹp như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu học, Khổng Tử hiểu học, Mạnh Tử hiểu học. Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Phu Tử đã nói: “*Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tâm, dĩ tư vô ích, bất như học dã*” (Ta thường suốt ngày không ăn, suốt đêm không nghỉ để suy nghĩ vô ích, chẳng bằng học vậy). Suốt ngày đêm chẳng ăn uống, chẳng ngủ nghỉ, cứ suy nghĩ, đương nhiên là suy nghĩ rất nhiều. Cuối cùng kết luận: “*Chẳng có lợi ích gì! Chẳng bằng học hành*”. Học gì vậy? Học theo thánh nhân, học theo hiền nhân.

Khổng phu tử học Nghiêu, Thuấn, học Châu Công. Trong tâm mục của Ngài, ba vị ấy đáng bội phục nhất, đáng ngưỡng mộ nhất. Châu Công phò tá Châu Thành Vương. Thuở đầu, ông giúp đỡ anh mình, tức Châu Vũ Vương. Châu Công là em của Vũ Vương. Vũ Vương chết đi, ngôi vua truyền cho con. Châu Công là chú của Thành Vương, phò tá cháu, thật sự là bậc thánh nhân. Khổng Tử rất muốn học theo Châu Công, chẳng có ai dùng Ngài! Nếu thuở ấy có chư hầu dùng Khổng Tử, địa vị của Khổng Tử trong xã hội sẽ chẳng giống như hiện thời. Trong sự suy

ngã của chúng tôi, [nếu được chư hầu sử dụng], Khổng Tử sẽ là nhân vật bậc nhất như Châu Công, Quán Trọng, Gia Cát Lượng, là danh thần một thuở, chẳng thể nào trở thành Vạn Thế Sư Biêu, chẳng thể nào!

Vì Thích Ca Mâu Ni Phật có quan niệm hoàn toàn khác với Khổng Tử, đương nhiên là có sự nhận thức khác hẳn. Hơn nữa, Thích Ca Mâu Ni Phật tâm lượng rộng lớn, đúng như trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã nói: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Chẳng có giới hạn quốc gia, chẳng có giới hạn chủng tộc, cũng chẳng có giới hạn tôn giáo, tín ngưỡng. Chúng ta xem kinh Phật, sẽ thấy: Thuở đó, khá nhiều tín đồ tôn giáo, hoặc người lãnh đạo tôn giáo, hoặc những thầy truyền giáo đều đến bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, tự mình tình nguyện làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, học tập theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Có thay đổi tôn giáo của người ta hay không? Chẳng có! Vì thế, Phật giáo chẳng phải là một tôn giáo, Phật giáo là giáo dục. Quý vị thấy kinh có nói, trong kinh Địa Tạng mà mọi người thường niệm, cô gái Bà La Môn và cô Quang Mục đều chẳng phải là Phật tử, đều là những tín đồ giáo khác đến học Phật. Chúng ta xem năm mươi ba lần tham học [của Thiện Tài Đồng Tử] trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] bà-la-môn Thắng Nhiệt và ngoại đạo Biên Hành đều là những nhà truyền giáo hoặc nhân vật lãnh đạo của các tôn giáo thuở ấy, đều làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thay đổi tín ngưỡng tôn giáo của họ. Quý vị tin theo tôn giáo nào cũng đều được, Phật giáo nhằm nâng cao đạo đức và trí huệ của quý vị. À! Chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Tiếp tục xem phần thứ tư, tức phần Giải Phương của phẩm Tịnh Hạnh. Xin xem lời Sớ:

(Sớ) Giải phương giả, vấn: “Văn trung dẫn biện nhất bách dư nguyện, hà hữu hạnh da?”

(疏)解妨者，問，文中但辨一百餘願，何有行耶。

(Sớ: Giải thích nhằm đoạn trừ chướng ngại. Hỏi: “Trong kinh văn chỉ biện định hơn một trăm nguyện, há có hạnh u?”)

Ý nghĩa của lời hỏi rất rõ ràng. Do phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện, bèn thắc mắc: Những nguyện ấy chẳng nói đến hạnh, có sao nói là phẩm Tịnh Hạnh? Vì sao không nói là phẩm Tịnh Nguyện, mà nói là phẩm Tịnh Hạnh? Dưới đây, Thanh Lương đại sư đã giải đáp, giả thiết là có người hỏi như thế.

(Sớ) Đáp: Văn trung biện hạnh, lược hữu số trùng, vị tự sở lịch sự trung, thử tự xuất gia, chung u ngoại giác, giai sự hạnh dã.

(疏)答，文中辨行，略有數重，謂就所歷事中，始自出家，終於臥覺，皆事行也。

(Sớ: Đáp: Kinh văn biện định về Hạnh, nói đại lược là có đến mấy tầng, nghĩa là lần lượt trải qua các sự, bắt đầu từ xuất gia cho đến cuối cùng là nằm mà giác ngộ (thị hiện nhập Niết Bàn) đều là Hạnh thuộc về mặt Sự vậy).

Đây là Sự, có sao [nói là] chẳng có Hạnh cho được? Ở đây, Thanh Lương đại sư đã chỉ rõ: Xác thực là Nguyên và Hạnh chẳng tách rời, nói chung là có mười bốn chuyện, giống như cách sắp xếp trong Đệ Tử Quy vậy. Đệ Tử Quy có tất cả bảy chuyện, gồm một trăm mười ba câu. Phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một bài kệ, trong ấy nói tới mười bốn chuyện. Trước hết, chúng tôi nói sơ lược; sau đây, đối với từng đoạn kinh văn [qua phân tích, quý vị] sẽ đều có thể nhìn ra được.

Hạnh có Sự Hạnh, Lý Hạnh và Trí Hạnh, đó là ba loại. Loại thứ tư là Đại Bi Hạnh, thứ năm là Bi Trí Vô Ngại Hạnh. Lại có Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, Chỉ Quán Song Vận Hạnh. Trong Tam Quán, có Giả Quán, Không Quán, và Trung Quán. Có Tam Đệ Quán Hạnh, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Có Thập Độ Tề Tu Hạnh (hạnh mười độ đều cùng tu), có Tứ Hoàng Thệ Nguyên Hạnh, sao lại bảo là chẳng có Hạnh? Quý vị thấy nói gộp lại, sẽ gồm mười bốn điều. Mười bốn Hạnh ấy thuộc trong một trăm bốn mươi một nguyên, nhất định là trước hết phải hiểu rõ ràng. Nếu không, người ta đọc phần kinh văn này, rất có thể là sẽ nêu câu hỏi như thế này: Trong ấy có Nguyên mà chẳng thấy có Hạnh!

Chúng ta xem phần giải đáp trong lời Sớ. “*Văn trung biện Hạnh, lược hữu số trùng*” (Kinh văn biện định về Hạnh, đại lược có mấy tầng). Điều thứ nhất là “*vị tưu sở lịch sự trung, thí tự xuất gia*” (nghĩa là trong các sự đã được trải qua, bắt đầu từ xuất gia), những điều này đều là Sự, “*chung ư ngọa giác*” (kết thúc bằng nằm mà giác ngộ). Đây là nói về cuộc đời Thích Ca Mâu Ni Phật từ khi xuất gia cho đến khi lão nhân gia viên tịch, thị hiện nhập Bát Niết Bàn tại Song Thu Lâm, thấy đều là hạnh, hiện tướng cho chúng ta thấy.

(Sớ) Tri gia tánh Không, Lý Hạnh dã. Xúc cảnh bất mê, thiện đạt Sự Lý, Trí Hạnh dã.

(疏)知家性空理行也。觸境不迷善達事理智行也。

(Sớ: Biết tánh của nhà là Không, tức Lý Hạnh. Tiếp xúc cảnh chẳng mê, khéo thông đạt sự lý, tức Trí Hạnh).

Trong bài kệ tụng [đầu tiên của phẩm Tịnh Hạnh], “*tri gia tánh Không*” (biết tánh của nhà là Không) thuộc loại Lý Hạnh. “*Xúc cảnh bất mê, thiện đạt Sự Lý*” (Tiếp xúc cảnh chẳng mê, khéo thông đạt Sự Lý) chính là Trí Hạnh. Chúng ta có Sự mà chẳng hiểu Lý. Người trong thế gian, có ai chẳng có nhà? Chẳng biết tánh của nhà là Không, chẳng biết! Nhà là “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Nhất là đối với người hiện thời, người hiện thời cũng dần dần có quan niệm yếu ớt, hời hợt đối với nhà! Chỗ nào là nhà? Trong một đời, chẳng biết đã dọn nhà bao nhiêu lần? Chỗ nào là nhà? Thường xuyên dọn nhà có ưu điểm là dễ thấu hiểu tánh của nhà là Không, quan niệm [chấp trước] đối với nhà dần dần nhẹ

mỏng. Chẳng giống như trong xã hội trước kia. Xã hội xưa kia nói đến “lão gia” (老家, quê nhà), sống tại một nơi, hẳn sống ở đâu, bèn sống suốt mấy trăm năm, con cháu đời đời truyền thừa, ở đâu cũng có thể thấy những gia tộc lâu đời lưu truyền đến ba trăm năm. Đó là “gia”.

Có lần, tôi đến chơi Hoàng Sơn. Sau khi xuống núi, đến thăm khu văn hóa Huy Châu ở Hoàn Nam³. Nghe nói hiện thời họ còn giữ được khoảng từ mười mấy đến hai mươi thôn trang, là những nơi ở xưa cũ từ ba trăm năm trở lên, rất đáng đến thăm viếng. Tuy người nhà ra ngoài làm việc, buôn bán, viễn du, cuối cùng đều là “lá rụng về cội”. Ở bên ngoài đều là tạm cư, lữ du, thật sự có nhà! Suốt cả một đời vì gia tộc phục vụ, suốt một đời chẳng quên quê nhà. Loại tình cảm thân thiết ấy, nói thật ra là do truyền thống giáo dục Trung Hoa hun đúc thành công. Sau khi thấy như vậy, chúng tôi rất xúc động, rất đáng khiến cho kẻ khác hâm mộ. Đó là cơ sở để xã hội an định và thế giới hài hòa, chúng ta chẳng thể không coi trọng!

Hiện thời, thế giới này động loạn, là do nguyên nhân nào? Chẳng có nhà! Giống như cây cỏ chẳng có rễ, như bèo trôi trên mặt nước, sóng cuốn bông bênh, chẳng có gốc rễ! Chẳng có rễ, sẽ không tăng trưởng được! Nỗ lực suốt một đời mà chẳng có thành tựu. Hiện thời, có rất nhiều đại xí nghiệp chẳng thể sánh bằng những tiệm buôn xưa cũ của Trung Hoa. Những cửa hàng xưa cũ, con cháu đời đời có người truyền thừa. Tiệm xưa, bảng hiệu xưa, còn các xí nghiệp kinh doanh hiện thời, do chẳng phải là xí nghiệp của gia đình, mà do nhiều cổ đông (股東, kẻ góp vốn) hợp thành. Nếu chẳng có người thừa kế tốt đẹp, thường là khi chính mình đã già, công ty phải sập tiệm, tuyên bố phá sản. Tốt hơn một chút thì phải cải tổ, chẳng giống như thời cổ. Nói cách khác, sự nghiệp hiện đại trôi nổi, sự nghiệp thời cổ là có căn bản. Sáng lập cơ nghiệp gian nan, giữ gìn những gì đã thành tựu chẳng dễ dàng. Do vậy, hết sức coi trọng giáo dục. Chuyện này có lý lắm!

“Thiện đạt sự lý” (Khéo thông đạt sự lý). Trong câu này, quan trọng nhất là Thiện. Phương tiện thiện xảo, thông đạt Sự Lý. Trong cuộc sống, trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, người ấy đều có thể làm hết sức viên mãn, đây mới gọi là Thiện. Do vậy, Thiện là vận dụng trí huệ cao độ, vận dụng viên mãn. Từ những việc làm của Phật, của Bồ Tát, chúng ta quan sát cẩn thận, sẽ có thể thấy, thấu hiểu Thiện có ý vị như thế nào. Đó gọi là Trí Hạnh.

Đoạn thứ hai nói:

(Sớ) Dĩ Nguyên đạo Trí, bất trệ tự lợi, Đại Bi Hạnh dã. Thượng nhị Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh dã.

(疏)以願導智不滯自利大悲行也。上二不二悲智無礙行也。

³ Hoàn Nam (皖南) là khu vực phía Nam Hoàng Sơn ở tỉnh An Huy. Thông thường, Hoàn Nam bao gồm vùng đất từ Trường Giang cho đến các thành phố Mã Yên Sơn, Vu Hồ, Đồng Lăng, Tuyên Thành, Hoàng Sơn và Trì Châu. Thánh địa Cửu Hoa Sơn cũng thuộc trong khu vực này. Cửu Hoa Sơn thuộc huyện Thanh Dương, trực thuộc thành phố Trì Châu.

(Sớ: Dùng Nguyện để hướng dẫn Trí, chẳng vướng vào tự lợi, chính là Đại Bi Hạnh. Hai điều trên đây chính là Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh).

Trí chẳng thể không có Nguyện. Nếu Trí chẳng có Nguyện, sẽ chẳng khởi tác dụng. Vì thế, ở đây, kinh nói một trăm bốn mươi một nguyện, dùng Nguyện để hướng dẫn trí huệ khéo thông đạt Sự Lý! Trí huệ bèn nảy sinh sự viên dung vô ngại nơi sự tướng, đạt tới hiệu quả thật sự đáng gọi là “*tận thiện, tận mỹ*”. Do vậy có thể biết, Trí, Nguyện, Hạnh tuy một mà ba, tuy ba mà là một. Vì thế, người ấy chẳng dừng nơi tự lợi, mà niệm niệm đều nhằm lợi ích chúng sanh, tức lợi tha. Tự lợi là lợi tha, lợi tha là tự lợi, tự và tha chẳng hai!

Chẳng giống như phàm phu, Tiểu Thừa! Tiểu Thừa phần nhiều tự lợi, ít lợi tha. Phàm phu càng chẳng cần phải nói nữa! Tự lợi chiếm tám mươi phần trăm, lợi tha có thể đạt tới hai mươi phần trăm là đã khá quá rồi, hãy còn biết nghĩ tới người khác! Có kẻ thật sự thuần là tự lợi, chẳng có ý nguyện lợi tha. Hễ làm một tí chuyện tốt hòng lợi tha đều là có điều kiện. Đối với chuyện tốt mà chẳng có điều kiện thì một cái lông cũng chẳng nhỏ⁴, chẳng chịu làm, [khi] hưởng hết phước báo, quả báo sẽ là trong tam đồ. Điều này thuộc Đại Bi Hạnh. “*Thượng nhị Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh dã*” (Hai loại trên đây, chính là Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh): Đây là Đại Bi Hạnh và Bi Trí Vô Ngại Hạnh, thuộc loại thứ ba.

Câu thứ ba dưới đây nói về Chỉ Quán.

(Sớ) Ngộ vi thuận cảnh, tâm bất trì tán, Chỉ Hạnh dã.

(疏) 遇違順境，心不馳散，止行也。

(Sớ: Gặp cảnh thuận thảo hay trái nghịch, tâm chẳng tán loạn. Đó là Chỉ Hạnh).

“*Ngộ vi*” (遇違) là gặp phải nghịch cảnh mà chính mình chẳng ưa thích. “*Thuận*” (順) là thuận cảnh, thứ gì đều vừa lòng, tâm chẳng tán loạn. Điều này có nghĩa là: Ở trong nghịch cảnh, chẳng sanh lòng sân hận; trong thuận cảnh, chẳng dấy lòng tham ái. Tâm chẳng tán loạn, vĩnh viễn gìn giữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” của chính mình. Điều này thuộc loại Chỉ Hạnh. Sách Đại Học có nói: “*Tri Chi nhi hậu hữu Định, Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc*” (Do đã biết ngưng dứt, nên sau đó bèn có Định. Sau khi đã Định, bèn có thể tĩnh. Sau khi đã có thể tĩnh, bèn có thể an. Sau khi đã an, sẽ có thể suy nghĩ. Sau khi đã suy nghĩ, sẽ có thể đạt được). “*Lự*” (慮) chính là trí huệ sanh khởi.

(Sớ) Trí bất trầm một, Quán Hạnh dã.

(疏) 智不沈沒，觀行也。

⁴ Đây là cách nói của Dương Chu, người chủ trương thuyết Vĩ Ngã (tức ích kỷ đến tột cùng). Ông ta nói để làm lợi cho người khác dầu nhỏ nhất như nhỏ một cái lông cũng không làm!

(Sớ: Trí chẳng chìm đắm, chính là Quán Hạnh).

“Trầm một” (沈沒) là trí chẳng khởi tác dụng. Chẳng có đại nguyện lợi ích chúng sanh, trí sẽ đắm chìm. Đắm chìm là chẳng có phương tiện thiện xảo. Chẳng đắm chìm! Trí đối ứng Sự là phương tiện thiện xảo, viên dung tự tại, viên dung vô ngại. Đây là Quán Hạnh.

(Sớ) Túc Chỉ Quán song vận hạnh dã.

(疏)即止觀雙運行也。

(Sớ: Chính là cùng vận dụng Chỉ Hạnh và Quán Hạnh).

Đây là tổng kết phần trên. “Chỉ Quán song vận” là trong Chỉ có Quán, trong Quán có Chỉ. Quán (觀) là rành mạch, minh bạch, Chỉ (止) là như như bất động. Chỉ Quán là Thiền Định, dịch theo ý nghĩa này. Thiền Định là danh từ dịch từ tiếng Phạn. Thiền (Dhyana) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, có ý nghĩa là Quán, ngụ ý “hiểu rõ”. Vì thế, Thiền Na được dịch thành Tĩnh Lự. Tĩnh (靜) là Chỉ, Lự (慮) là Quán, Lự là hiểu rõ. Cũng là như kinh Kim Cang đã dạy: “Bất thủ u tướng, như như bất động” (Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). “Chẳng giữ lấy tướng” là không chấp tướng. “Không chấp tướng” là Thiền, “như như bất động” là Định. “Chẳng chấp tướng” là Quán, “như như bất động” là Chỉ. Chỉ và Quán cùng vận dụng, trong Quán có Chỉ, trong Chỉ có Quán. Quán là Huệ, Chỉ là Định. Quán là điều gì cũng đều biết rõ ràng, đều hiểu rõ; Chỉ là như như bất động. Chẳng khởi tâm, không động niệm, há có phân biệt, chấp trước? Phật pháp nói “tu hành”, tu gì vậy? Tu những điều này! Chỉ là danh tướng được nói bởi các tông, các phái, các pháp môn chẳng giống nhau; thật ra, ý nghĩa đều như nhau.

Quý vị nói xem: Pháp môn Niệm Phật, tu Tịnh Độ của chúng ta là tu gì vậy? Kinh Di Đà đã dạy rất rõ ràng: “Nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo”. Nhất tâm là Chỉ, bất loạn là Quán; nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ, Định và Huệ cùng vận dụng. Nay chúng ta niệm Phật, chỉ là niệm A Di Đà Phật. Trong A Di Đà Phật không có Chỉ mà cũng chẳng có Quán, cho nên niệm suốt một đời, ngay cả công phu thành phiền cũng chẳng đạt được! Nguyên nhân là gì? Chẳng biết niệm! Học theo người khác niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, trong ấy chẳng có Định và Huệ, cho nên chẳng thể thành tựu. Đối với Định, Huệ, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý và phương pháp niệm Phật. Quý vị phải hiểu vì sao cần niệm Phật? Dùng phương pháp Niệm Phật để tu Thiền Định, tu Định Huệ đẳng trì (giữ cho Định và Huệ cân bằng), Định và Huệ cùng vận dụng. Chúng ta phải chọn lấy phương pháp này, phương pháp Trì Danh Niệm Phật rất thuận tiện! Dùng phương pháp này để tu Thiền Định. Dùng phương pháp này để tu Bát Nhã. Dùng phương pháp này để tu Chỉ Quán, phải hiểu điều này. Sau khi đã hiểu, quý vị gặp các pháp môn khác thì mới có thể như như bất động, chẳng do dự, sẽ chẳng tam tâm nhị ý [đến nỗi] bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, thâm nhập một môn,

thành tựu cuối cùng hoàn toàn như nhau. Vì thế mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Tu thành công, quyết định là bình đẳng. Khi chẳng thành công, dường như là có cao hay thấp. Thật ra, chẳng có cao thấp, phải biết điều này!

(Sớ) Hựu đối u sự cảnh, thiện liễu tà chánh. Đương nguyện chúng sanh, giai Giả Quán dã.

(疏)又對於事境，善了邪正，當願眾生，皆假觀也。

(Sớ: Lại nữa, đối với sự cảnh, khéo hiểu rõ tà, chánh, “hãy nên nguyện cho chúng sanh” đều là Giả Quán).

Đây là nói theo giáo nghĩa Thiên Thai, Tam Chỉ Tam Quán. Một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm kinh này thấy đều trọn đủ [Tam Chỉ, Tam Quán]. Đối với sự cảnh, sự hạnh, sáu căn của chúng ta đối ứng với cảnh giới bên ngoài, đó là “*sự cảnh*”, khéo hiểu rõ tà và chánh. Người thế gian như Nho gia [chẳng hạn] có thể hiểu rõ tà và chánh, nhưng chẳng phải là khéo hiểu rõ! Chữ Thiện hay khéo cùng cực, thế nào là Thiện Liễu (善了)? Thiện (善) chính là trí huệ chân thật, thấy thấu suốt vạn sự vạn vật. Có tà hay không? Có chứ! Có chánh hay không? Có chứ! Tướng có, Tánh không! Tánh Không: Tánh của tà là trọn chẳng thể được, mà tánh của chánh cũng là trọn chẳng thể được. “*Tánh chẳng thể được*” chính là Pháp Tánh, là chân tánh. Trong tánh, chẳng có tà hay chánh. Do đâu mà có tà và chánh? Từ giác và mê mà có; trong pháp tánh, chẳng có [tà hay chánh]. Đã giác, chẳng có một pháp nào bất chánh. Mê rồi, chẳng có pháp nào không tà! Đó là chân tướng sự thật. Sau khi đã liễu giải, sẽ đối với chánh pháp như như bất động, mà đối với tà pháp cũng là như như bất động. Đây là cảnh giới gì? Cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát.

Nói theo phía chúng sanh trong lục đạo, sẽ là khuyên họ cải tà quy chánh, vì sao? Do tà tri, tà kiến, tà hạnh, mà cảm khổ báo trong địa ngục. Do chánh tri, chánh kiến, chánh hạnh, sẽ cảm vui phước báo nhân thiên. Tuy đều là giả, đều chẳng thật, nhưng khổ và lạc khác nhau! Lục đạo đều chẳng thật. Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo*”, nằm mộng mà! Nhưng đối với người này, mộng thấy mộng đẹp, kẻ kia mơ thấy ác mộng! Khuyên can bọn họ, đối với người đang gặp ác mộng, chẳng bằng mơ một giấc mộng đẹp. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong lục đạo là do ý nghĩa như thế đó. Đây đều là phương tiện quyền xảo, mục đích thật sự là khiến cho quý vị giác ngộ, khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật. Sau đây, bản thân quý vị phát nguyện, lìa bỏ lục đạo luân hồi, từ trong giấc mộng lớn tỉnh lại. Đó là ý nghĩa thật sự của việc Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Bảo quý vị đoạn ác tu thiện, chẳng đọa trong ba ác đạo, sanh trong thiện đạo; đây là phương tiện, tạm thời. Vì quý vị vẫn chưa đạt đến trình độ này, vẫn chưa trông thấy, vẫn chưa lãnh hội được.

Do vậy, hoàn toàn nương theo căn tánh của chúng sanh, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân hình ấy, nên dùng phương pháp gì để đắc độ, bèn nói pháp ấy. Phật, Bồ Tát chẳng có thân tướng nhất định, chẳng có hình tướng, mà

cũng chẳng có pháp nhất định để có thể nói, đó là Thiện! Trí huệ của chúng ta dẫu cao tới đâu đi nữa, phương pháp dẫu xảo diệu cỡ nào đi nữa, hễ đem so với Phật, Bồ Tát, chúng ta cũng là rất vụng về, chẳng phải là khéo hiểu, mà là ngốc nghếch, vụng về. Đây là Giả Quán. Từ câu “*đương nguyện chúng sanh*” trở đi, quý vị đều có thể thấy, [đó chính là] Giả Quán.

(Sớ) Tri thân không tịch, tâm vô nhiễm trước, Không Quán dã.

(疏)知身空寂，心無染著，空觀也。

(Sớ: Biết thân rỗng rang, vắng lặng, tâm chẳng đắm nhiễm, chính là Không Quán).

Kinh Kim Cang nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Có thân hay không? Có thân, thân là “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Khoa học hiện thời có thể chứng thực chuyện này. Thân thể của chúng ta và tất cả vạn sự vạn vật sanh diệt trong từng sát-na, chẳng phải là vĩnh hằng. Vì thế, Phật pháp thường nói: “*Chư pháp vô thường*” (Các pháp vô thường), “*vô thường*” tức là nó chẳng tồn tại vĩnh cửu. Phải nói lời thật cùng quý vị: Căn bản là nó chẳng tồn tại! Cớ sao chẳng tồn tại? Sanh diệt trong từng sát-na! Hết thay vạn sự vạn vật, tất cả các hiện tượng trong thế gian, xác thực là giống như chúng ta nhìn những hình ảnh trên màn hình của TV, hay trên màn bạc của phim ảnh. Đúng là như thế đó, sanh diệt trong từng sát-na. Vì tốc độ sanh diệt của chúng quá nhanh, mắt chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận được, chẳng nhận biết chúng là sanh diệt, cứ ngỡ chúng là chân thật.

Tương trong điện ảnh thô thiển, một giây sanh diệt hai mươi bốn lần, chúng ta xem phim đã chẳng biết tướng sanh diệt ấy. Tốc độ của hình ảnh trên TV nhanh hơn, mọi người đều biết nguyên lý ấy: Từ những điểm (pixel) biến thành tia, từ tia biến thành mặt⁵. Tốc độ ánh sáng quá lớn, một giây là ba mươi vạn cây số. Vì thế, màn ảnh huỳnh quang chẳng lớn, do bao nhiêu tia sáng hợp thành? Mọi người cũng biết chuyện này, dùng tốc độ của sóng điện từ. Tốc độ của sóng điện từ chẳng kém tốc độ ánh sáng cho mấy. Vì thế, nó chỉ là một phần ngàn giây, hoặc một phần vạn giây, hình ảnh [hiện ra] cũng rất đầy đủ, làm sao quý vị biết nó là giả cho được!

Trong cuộc sống hiện thực của chúng ta, những thứ “*hiện thực*” đều là giả định, há có hiện thực? Đều là nói phương tiện, đừng coi là thật, chẳng có hiện

⁵ Đây là nói theo cách hiển thị hình ảnh của các loại TV kiểu cũ, tức loại màn hình còn sử dụng loại bóng đèn bầu to (CRT- cathode-ray tube), không phải các loại TV sử dụng màn hình LED hoặc HDMI như hiện thời. Khi TV nhận được tín hiệu truyền đến, nó sẽ tách các hình ảnh thành nhiều luồng điện tử truyền dọc theo cuống bóng đèn hình. Các điện cực có từ tính sẽ tách các luồng điện tử thành tia, bắn thẳng vào màn hình quang đã phủ một lớp hóa chất (thường gọi là phosphors) để tạo nên những chấm sáng. Chúng sẽ được điều khiển để quét ngang màn hình theo từng hàng một cho đến hết với tốc độ rất nhanh để tạo thành hình ảnh. Do vậy, xem TV theo lối cũ hoặc nhìn vào màn hình máy điện toán (monitor) kiểu cũ sẽ mỏi mắt vì chúng chớp nháy liên tục.

thực đâu nhé! Tất cả hết thấy các hiện tượng trong hoàn cảnh hiện thực, nói theo kinh Nhân Vương, chúng tôi đã từng giảng kinh Nhân Vương, là do đức Thế Tôn nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Nói phương tiện thì dùng Toán Học hiện thời để tính toán: Trong một giây, sanh diệt bao nhiêu lần? Trong một giây là hai lần mười vạn tám ngàn ($2 \times 108.000 = 216.000$). Nói cách khác là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, vẫn ít hơn khi so với ánh sáng và sóng điện từ! Ánh sáng trong một giây đi được ba mươi vạn cây số (300.000km). Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã nói: Hiện tượng sanh diệt của hết thấy vạn sự vạn vật, trong một giây là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Đây là đức Thế Tôn nói phương tiện. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, trong hiện thời, tướng của tất cả hết thấy mọi vật sanh diệt trong một phần ngàn vạn giây, một phần ức vạn giây, một phần trăm ức vạn, hoặc một phần ngàn ức vạn của một giây, chẳng có cách nào tương tượng được! Do vậy, trong kinh Phật có một câu rất hay: “*Sanh diệt đồng thời*”. Có sanh diệt hay không? Có sanh diệt, nhưng gần như chẳng có cách nào cảm nhận hiện tượng sanh diệt ấy. Vì thế, chúng ta thấy tướng tượng tục (tướng liên tục tồn tại), bèn tưởng là chân thật. Trên thực tế, toàn là tướng tượng tục sanh diệt, tốc độ quá nhanh mà!

Các khoa học gia hiện thời đã biết điều này, cũng hiểu tất cả các hiện tượng đều chẳng thật. Đặc biệt là khoa học gia cận đại đã nêu báo cáo: Không gian chẳng có thật. Thời gian cũng chẳng thật. Chư vị phải biết: Có thứ gì có thể lia khỏi thời gian và không gian? Đã là không gian và thời gian chẳng có thật, vậy thì vạn sự vạn vật đương nhiên cũng chẳng phải là thật! Không gian và thời gian giống như màn ảnh huỳnh quang, vạn sự vạn vật giống như tướng được hiện trên màn ảnh huỳnh quang. Nếu màn ảnh huỳnh quang đã chẳng có, lấy đâu ra hiện tượng? Phải hiểu đạo lý này!

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã bảo chúng ta: Vạn hữu trong vũ trụ và sanh mạng do đâu mà có? Các nhà khoa học xưa nay đã thăm dò cả trăm, cả ngàn năm, [nêu ra] khá nhiều cách giải thích, nhưng đều chẳng thể khiến cho người ta tâm phục, khẩu phục. Xác thực là chỉ có mình Phật pháp, sau khi quý vị đọc, đứng là chẳng bàn ra tán vào được nữa, Phật pháp nói hay quá! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng: Từ một niệm bất giác mà sanh. Một niệm bất giác được gọi là vô minh. “*Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng. Cảnh giới làm duyên, tăng trưởng sáu thô tướng*”. Đây là nói về sự hình thành của vũ trụ, cũng như cội nguồn của sanh mạng, [chính là] ba tế tướng, sáu thô tướng. Ba tế tướng và sáu thô tướng nói theo thời gian, sẽ là hình thành trong một phần ức vạn giây. Bởi thế, tất cả các hiện tượng đều là động, chẳng có thứ gì bất động. Thứ gì bất động? Pháp Tánh bất động. Pháp Tánh giống như Chân Không mà chúng ta đang nói trong hiện thời, nó là thật, bất động. Trong Chân Không, tất cả hết thấy các hiện tượng đều là động, vì sao? Vô minh là động. Tất cả hết thấy các hiện tượng thấy đều phát sanh từ vô minh, bản thể của vô minh là động, [vậy thì] các hiện tượng được phát sanh bởi nó, có lẽ nào bất động cho được? Khoa học hiện thời nói đến sự dao động. Toàn thể đại vũ trụ, nói theo nhà Phật chính là “*y báo và chánh báo trang*”

nghiêm trong mười pháp giới” đều là các hiện tượng dao động. Ngoại trừ sự dao động, thứ gì cũng đều chẳng có! Các nhà khoa học cận đại đã nói rất chính xác, kinh Phật nói theo kiểu ấy.

Do đó, sau khi quý vị đã biết chân tướng, sẽ bất động, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, chớ nên có phân biệt, chấp trước nữa, đã thật sự giác ngộ. Không Quán là giác ngộ. Biết vạn sự vạn tượng rốt ráo là chuyện như thế nào, há còn so đo cùng kẻ khác ư? Đạt đến cảnh giới ấy, tâm quý vị đã định, quý vị mới thật sự có thể đạt đến tự tại tùy duyên. Trong mười nguyện Phổ Hiền, có hai nguyện dạy chúng ta: “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Chúng sanh thiện tâm, bèn tùy thuận họ; chúng sanh tạo ác thì cũng tùy thuận kẻ đó, vì sao? Biết kẻ đó tạo ác hay làm lành, đều là không tịch, chẳng có một pháp nào là chân thật! Quý vị tùy thuận họ, giúp đỡ họ. Hễ tùy thuận, họ sẽ hoan hỷ. Quý vị giáo hóa họ, họ sẽ tiếp nhận; giúp họ giác ngộ, giúp họ liễu giải chân tướng sự thật.

Câu cuối cùng...

(Sớ) Kiến như thật lý, Trung Quán dã.

(疏) 見如實理，中觀也。

(Sớ: Thấy lý như thật, đây là Trung Quán).

Giả là Sự, Không là Tánh. Lý và Sự chẳng hai, Tánh, Tướng như nhau, đây là Trung Quán. Điều này được kinh Bát Nhã gọi là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp). Thấy Lý như thật, thấy Sự như thật, Lý và Sự là một, không hai. Đó là quý vị thật sự thấy Thật Tướng của các pháp. Nói đến ý nghĩa “*thấy thật lý của các pháp*” thì Thật Tướng chính là Sự và Lý thấy đều hiểu rõ. Giáo Hạ gọi cảnh giới như vậy là “*dại khai viên giải*”. Tri kiến của quý vị đã viên, chẳng có thiên kiến, viên dung vô ngại. Thiên Tông [gọi cảnh giới ấy] là “*minh tâm kiến tánh*”. Danh từ khác nhau! Trong Tịnh Độ Tông gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”, cảnh giới giống hệt. Ba thứ danh tướng khác nhau, cùng là một chuyện! Vì thế mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vấn đề là chúng ta phải biết học.

Kế đó, lại nói đến phương thức tu hành của tông Thiên Thai, căn tánh của mỗi người khác nhau:

(Sớ) Hoặc tiên Không, hậu Trung, hoặc nhất, hoặc nhị, hoặc nhất niệm đốn cụ.

(疏) 或先空後中，或一或二，或一念頓具。

(Sớ: Hoặc là trước [tu tập] Không, sau [tu tập] Trung, hoặc chỉ tu một pháp, hoặc tu hai pháp, hoặc trong một niệm nhanh chóng có trọn đủ [cả ba phép Quán]).

Căn tánh không giống nhau. Có người thuộc loại căn tánh trước là tu Không Quán, sau tu Trung Quán. Lại có một loại căn tánh, trước là tu Giả Quán, sau là

tu Trung Quán. Hoặc là có loại người chỉ tu một phép Quán, tu Giả Quán, hoặc Không Quán, hoặc tu Trung Quán, chỉ có tu một phép Quán, hoặc tu cả hai phép Quán. Trong thí dụ vừa mới nêu, người ấy [tu tập] có trước sau, còn “*hoặc nhị*” (或二) chính là đồng thời. “*Hoặc nhất niệm đốn cụ*” chính là Tam Quán đồng thời, tông Thiên Thai gọi cách này là Nhất Tâm Tam Quán. Tam Quán đồng thời là bậc căn cơ nhạy bén nhất, tốc độ nhanh nhất. Kế đó nói:

(Sớ) Tư vi diệu đạt Tam Đế Quán chi hạnh dã.

(疏)斯為妙達三諦觀之行也。

(Sớ: Đây chính là hạnh để khéo đạt đến Tam Đế Quán).

Nói rõ một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh tương ứng với Thiên Thai Giáo Quán. Tam Đế Tam Quán của tông Thiên Thai: Chân Đế, Tục Đế, Trung Đế [là Tam Đế]. Danh tự của Tam Quán trong phần trước đã có, tức Giả Quán, Không Quán và Trung Quán, đều được bao gồm trong ấy. Nói rõ một trăm bốn mươi một chuyện này triển khai ra, sẽ chẳng sót một chuyện nào trong khắp pháp giới, hư không giới. Nó được gọi là Phổ Hiền Hạnh, là cơ sở của Phổ Hiền Hạnh, hoặc là Đệ Tử Quy trong Phổ Hiền Hạnh Môn! Chúng ta muốn học kinh Hoa Nghiêm, quý vị phải biết nhập môn từ chỗ này. Nhưng quý vị chớ nên không biết cơ sở này, cơ sở này được kiến lập trên Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Quý vị thấy đức Thế Tôn giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói tuyệt hay: “*Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề*”, đó là Tiểu Thừa. “*Vô Thượng Bồ Đề*” chính là Đại Thừa, cho đến pháp nhân thiên, cho nên biến thành Ngũ Thừa, không gì chẳng lấy Thập Thiện làm căn cơ. Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp cơ bản của Phật pháp, là Đệ Tử Quy của toàn thể Phật pháp. Chẳng có Thập Thiện, trong kinh này, đức Phật đã sánh ví Thập Thiện như đại địa, coi hết thấy các pháp ví như cây cối, hoa cỏ, hết thấy chúng sanh trên mặt đất. Hết thấy chúng sanh, cây cối, hoa cỏ đều phải nương cây đại địa thì mới có thể sanh trưởng, mới có thể kiến lập. Chẳng có đất, thứ gì cũng đều chẳng có. Vô lượng pháp môn đều nương vào Thập Thiện Nghiệp Đạo để kiến lập. Vô Thượng Phật quả, Bồ Tát quả báo, Thanh Văn, Duyên Giác quả báo, nhân thiên quả báo, thấy đều nương vào Thập Thiện mà thành tựu. Thập Thiện là đại địa! Có sao chúng ta sơ sót? Do sơ sót, toàn bộ hết thấy các pháp đều thất bại. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Do vậy, ở đây, Thanh Lương đại sư dùng chữ “*diệu đạt*”, “*đạt*” (達) là thông đạt. Chư vị hiểu: Tu Thiên Thai Chỉ Quán mà muốn có thể tu đến Nhất Tâm Tam Quán chẳng phải là chuyện dễ dàng đâu nhé! Nếu từ phẩm Tịnh Hạnh đề tu Tam Chỉ Tam Quán của Thiên Thai Tông sẽ dễ dàng hơn, cho nên gọi là “*diệu đạt*”. Nếu chúng ta mong thành Phật viên mãn ngay trong một đời, pháp môn Niệm Phật là diệu đạt. Trong thời kỳ Mạt Pháp, hết thấy các pháp môn đều chẳng dễ thành tựu. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là thành tựu ôn hòa, thích đáng. Đó là ý nghĩa “*diệu đạt*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1465

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống! Chúng ta xem tiếp đoạn thứ tư là Giải Phương (解妨, giải trừ những chướng ngại) trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư. Đoạn này lại chia thành sáu tiểu đoạn; hôm qua chúng ta đã học tập tới đoạn thứ tư, hôm nay bắt đầu xem từ đoạn thứ năm. Trước hết, tôi đọc lời Sớ một lượt, để quý vị thấy đúng chỗ.

(Sớ) Hựu sở tạo thành hạnh, giai thí chúng sanh, bất khởi Nhị Thừa chi tâm, an nhẫn cường nhuuyến lưỡng cảnh, hoặc tăng thiện phẩm, tâm bất dị duyên, diệu đạt tánh Không, thiện xảo hồi chuyển, giai nguyện lợi vật, đồng thú Bồ Đề. Nhị Thừa, thiên ma sở bất năng động, thiện tri dược bệnh, quyết đoán vô sai, tức Thập Độ Tề Tu chi hạnh dã.

(疏)又所造成行，皆施眾生，不起二乘之心，安忍強軟兩境，或增善品，心不異緣，妙達性空，善巧迴轉，皆願利物，同趣菩提，二乘天魔所不能動，善知藥病，決斷無差，即十度齊修之行也。

(Sớ: Lại nữa, đối với những hạnh đã tạo thành (Phổ Hiền Hạnh) đều thí cho chúng sanh, chẳng khởi tâm Nhị Thừa. An trụ, chịu đựng nghịch cảnh và thuận cảnh, tăng trưởng phẩm hạnh tốt lành, tâm chẳng duyên theo điều gì khác, khéo thấu đạt tánh Không, chuyển biến thiện xảo, luôn nguyện lợi lạc chúng sanh cùng tiến đến Bồ Đề. Nhị Thừa và thiên ma đều chẳng thể động, khéo biết cách chữa bệnh, quyết đoán chẳng sai lầm. Đây chính là Thập Độ Tề Tu Hạnh).

Chúng ta xem đoạn thứ năm này. Như chúng ta đã đọc trong những phần trước, có Sự Hạnh, Lý Hạnh, Trí Hạnh, Đại Bi Hạnh, Bi Trí Vô Ngại Hạnh, Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, Chỉ Quán Song Vận Hạnh, Giả Quán, Không Quán, Trung Quán, Tam Đế Quán Hạnh. Hôm nay, chúng ta đọc đoạn này, chính là Thập Độ Tề Tu Hạnh. Do vậy, chúng ta có thể biết: Trí, Hạnh, Nguyện tuy một mà ba, tuy ba mà một! Trong Hạnh có Trí và Nguyện, trong Nguyện có Trí và Hạnh, trong Trí có Hạnh và Nguyện. Đó là hạnh của Pháp Thân Bồ Tát, hạnh của Đại Thừa Bồ Tát.

Chúng ta xem đoạn văn này, “sở tạo thành hạnh”. “Tạo” (造) ở đây là tạo tác. Chúng ta đã hiểu rõ ý nghĩa chữ Hạnh. Trong ấy, có Trí và Nguyện. Chúng sanh tạo tác, bất luận là khởi tâm động niệm, hay sự tạo tác bằng ngôn ngữ; nói thật ra, chẳng có Trí, chẳng có Nguyện, mà có gì? Có nghiệp, thường nói là thiện nghiệp, ác nghiệp, và vô ký nghiệp (nghiệp chẳng thiện, chẳng ác). Chúng sanh khởi tâm động niệm, không gì chẳng là nghiệp, không gì chẳng là tội!

Chúng ta thấy các vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có! Chúng ta phải biết điều này: Khởi tâm động niệm là vọng tưởng, là vô minh phiền não. Các Ngài đã đoạn Kiến Tư phiền não và Trần Sa phiền não. Cũng có nghĩa là: Đối với hết thảy các pháp thế

gian và xuất thế gian, [các Ngài] quyết định chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có chấp trước. Ngay cả tập khí phân biệt, chấp trước cũng đều đoạn. Đã phá một phẩm vô minh. Vô minh là khởi tâm động niệm; [các Ngài] cũng chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, nhưng tập khí khởi tâm động niệm hãy còn. Tiến lên cao hơn là bốn mươi một tầng cấp [Pháp Thân đại sĩ]. Từ Nhị Trụ, [tức là] Sơ Trụ phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tiến lên cao hơn là Nhị Trụ. Từ Nhị Trụ cho đến Đẳng Giác, lại tiến cao hơn nữa sẽ là Diệu Giác. Chúng ta cũng gọi những cấp bậc ấy là bốn mươi tầng cấp. Bốn mươi tầng cấp ấy, xét theo Lý thì có, về Sự bèn chẳng có. Nơi Sự, hoàn toàn là pháp giới bình đẳng, xác thực là công phu có cạn hay sâu khác nhau, cũng là do tập khí vô minh từ vô thi dày hay mỏng khác nhau. Đạt đến quả địa Như Lai, tức là quả địa rốt ráo, mới hoàn toàn đoạn hết [tập khí vô thi vô minh]. Vì lẽ đó, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm [sinh tướng vô minh]. Sơ Trụ trong Viên Giác đã phá một phẩm vô minh trong bốn mươi một phẩm, hãy còn có bốn mươi phẩm, mang theo (đối nghiệp) nhiều quá. Ý nghĩa là như thế đó.

Đòi với Hạnh của các Ngài, đã là “chẳng khởi tâm, chẳng động niệm”, có sao có tạo? Thành Hạnh như thế nào? Đây là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, các Ngài bèn ứng. Cảm ứng quyết định là hữu duyên, chúng ta ắt cần phải ghi nhớ điều này. Trong Phật pháp thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Ai chẳng có duyên với Phật, Bồ Tát, sẽ chẳng dấy lên tác dụng cảm ứng đạo giao. Hễ dấy lên sự cảm ứng đạo giao, nhất định là hữu duyên. Duyên không nhất định là thiện duyên hay ác duyên, nhưng trong vô ký thì chẳng có duyên! Bất luận là thiện duyên hay ác duyên, thấy đều có cảm. Những điều này đều là trước khi nhập pháp giới, còn ở trong lục đạo, còn thuộc vào mười pháp giới, vì tập khí phiền não chưa đoạn hết, đương nhiên là có mối liên hệ qua lại với chúng sanh trong ấy. Chỉ cần là có qua lại, sẽ là hữu duyên. Bất luận cái duyên ấy cạn hay sâu, thấy đều khởi tác dụng cảm ứng. Vì lẽ đó, hễ chúng sanh có cảm, sự cảm ấy sẽ rõ rệt, hoặc ngấm ngấm. Chúng ta thường nói, có trường hợp là hữu tâm cầu (bọn phàm phu chúng ta cầu Phật, Bồ Tát là hữu tâm cầu), có khi là vô tâm cầu, chẳng có khởi tâm động niệm, nhưng thật ra là có cầu, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Hữu tâm cầu bèn có cảm ứng, mà vô tâm cầu cũng có cảm ứng. Khởi tác dụng cảm ứng giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Hiện thân thì sẽ có tạo tác, cùng chúng sanh qua lại, sẽ nhất định là có thuyết pháp. Thuyết pháp cũng là tạo tác, nhưng sự tạo tác ấy sẽ là “*làm mà không làm, không làm mà làm*”. Phàm phu thấy các Ngài có tạo tác, nhưng trên thực tế, các Ngài chẳng có tạo tác.

Ở đây, nói đến “*thành hạnh*”. Thành hạnh gì vậy? Phổ Hiền Hạnh, đều thí cho chúng sanh. Vì vậy, nói theo lẽ hướng thượng, [sẽ là] “chẳng có, chẳng không”. Có và Không chẳng hai, giống như Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, đây mới gọi là Diệu, diệu hạnh, diệu pháp. Quý vị thầy Văn Thù Bồ Tát có một biệt hiệu là Diệu Sanh (妙生), Ngài hiện thân thuyết pháp, hết thấy các tạo tác đều chẳng vì

chính mình, chẳng có chính mình. Tự và tha là một, tự và tha bất nhị! Vì sao phạm phu tạo nghiệp? Vì sao Bồ Tát chẳng tạo nghiệp? [Nguyên nhân đã được giải thích] ở ngay trong câu này! Hiểu rõ câu này, quý vị sẽ biết: Hết thấy các hành vi của Bồ Tát đều là vì chúng sanh, chẳng có chính mình! Dầu tạo nghiệp, cũng chẳng có cách nào vương quả báo. Phải có một cái Thể thì mới có quả báo. Ngài chẳng có, [tức là] Ngài chẳng có chính mình, ai sẽ chịu quả báo? Có chính mình, sẽ có hứng chịu quả báo, Ngài chẳng có! Giống như kinh Kim Cang đã nói, Ngài chẳng có tứ tướng: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Không chỉ là chẳng có tứ tướng, mà tứ kiến cũng đều chẳng có, tức là ý niệm đều chẳng có! Nửa sau bộ kinh Kim Cang đã nói những ý niệm ấy, tức là “*ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến*”, chẳng hề có! Chúng ta tán thán sự thị hiện của Phật, Bồ Tát; câu “*sở tạo thành hạnh*” nhằm tán thán [các vị Bồ Tát thuộc địa vị Pháp Thân đại sĩ] đã thành tựu đại hạnh Phổ Hiền. Chúng ta tán thán như thế đó.

Vì sao phạm phu tạo nghiệp? Do có ngã, [cho nên] ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thấy đều trọn đủ. Hễ có ngã, bèn có tự tư tự lợi. Hễ có người (thấy có kẻ khác), giữa ta và người bèn có đối lập, có mâu thuẫn trong ấy, những hiểu lầm bèn phát sanh. [Nói] “*chúng sanh*” [là nói đến] không gian, “*thọ giả*” (壽者) là thời gian. Chúng ta nói là “*thời không*” (時空, thời gian và không gian). Họ tạo nghiệp, do nghiệp cảm, bèn hiện ra lục đạo luân hồi. Trong lục đạo bèn có quả báo, tức là ba thiện đạo và ba ác đạo. Tương ứng với thiện, sẽ cảm ba thiện đạo; tương ứng với ác, sẽ chiêu cảm quả báo trong ba ác đạo.

“*Giai thí chúng sanh, bắt khởi Nhị Thừa chi tâm*” (Đều thí cho chúng sanh, chẳng khởi tâm Nhị Thừa): Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác. Tuy chẳng có chấp trước, chẳng có Kiến Tư phiền não, Nhị Thừa còn có phân biệt. Đó gọi là “*Ngã Chấp đã hết, Pháp Chấp hãy còn*”. Nếu chúng ta hỏi, ai chấp trước Pháp Chấp? Nếu chẳng có Ngã, ai chấp trước Pháp Chấp? Hàng Nhị Thừa xác thực là đã đoạn Ngã Chấp. Ở đây, chúng ta hiểu: Tập khí Ngã Chấp chưa đoạn. Đoạn Kiến Tư phiền não dễ dàng, nhưng đoạn tập khí của Kiến Tư phiền não chẳng dễ dàng như vậy đâu nhé! Bởi lẽ đó, hàng Nhị Thừa có tập khí Kiến Tư, chưa đoạn Trần Sa phiền não. Ất phải là tập khí của Trần Sa phiền não cũng đoạn sạch thì mới có thể phá một phẩm vô minh, vượt thoát mười pháp giới.

Những Sự Lý này đều rất sâu, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, chúng ta có cần biết hay không? Phải biết! Đáng phải nên biết! Biết thì có lợi ích gì? Biết hiện thời cần phải làm những gì. Hiện thời, phải coi nhẹ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chớ nên thấy chúng nghiêm trọng dường ấy. Đặc biệt là trong cư xử giữa con người với nhau, cổ nhân đã dạy chúng ta: “*Quân tử chi giao đạm như thủy*” (Quân tử giao du với nhau, thanh đạm như nước), kết giao với nhau nhất định phải dùng cái tâm bình thường. Tâm bình thường là gì? “*Bình*” (平) là bình đẳng, “*thường*” (常) là vĩnh hằng. Giao du cùng hết thấy mọi người, vĩnh viễn giữ tấm lòng bình đẳng. Đó gọi là “*bình thường tâm*”. Bình đẳng tâm là Phật tâm, bình đẳng tâm là chân tâm. Chấp tứ tướng, hễ còn có “*ngươi, ta, kẻ khác*”, sẽ chẳng phải là bình đẳng. Ta luôn mạnh hơn người một chút, đó là gì? Ngạo

mạn, tham, sân, si, mạn. Có Ngã, chấp trước cái thân này là ta. Hễ có ta, chắc chắn là sẽ có tâm tham, có ngu si, có sân khuê, có ngạo mạn. Phải biết những điều ấy được gọi là “*luân hồi tâm*”. Luân hồi tâm khởi tác dụng là luân hồi nghiệp, quý vị làm sao có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi cho được? Do vậy, sau khi đã hiểu những điều này, trong cuộc sống hằng ngày, hãy thật sự dụng công, thứ gì cũng đều xem nhẹ, điều gì cũng đều chẳng đáng kể!

Chuyện gì quan trọng nhất? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” quan trọng nhất. Bất luận trong hoàn cảnh nào, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, làm thế nào để gìn giữ cái tâm “*thanh tịnh, bình đẳng*” của chính mình, trọng yếu lắm! Vì sao? Trong lục đạo chẳng có “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”; trong lục đạo là tham, sân, si, mạn, nghi. Vì thế, hãy suy nghĩ kỹ càng: Khởi tâm động niệm của chính chúng ta là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, hay là tham, sân, si, mạn, nghi? Nếu niệm nào cũng đều chẳng lìa khỏi tham, sân, si, mạn, nghi, chắc chắn chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà niệm Phật cũng sẽ chẳng thể vãng sanh! Nếu khởi tâm động niệm tương ứng với “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chúc mừng quý vị: Quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhất định thành công! Vì thế, hết thầy người và chuyện trong thế gian này, có gì đáng để chấp trước? Có gì đáng coi là nghiêm trọng? Những thứ ấy toàn là giả, chẳng thật! Kinh Kim Cang nói hay lắm: “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Quý vị chấp trước chúng để làm gì? Hãy nên buông xuống! Chẳng buông xuống được, đó là tập khí phiền não! Cứ từ từ, mỗi ngày buông một chút, buông xuống hằng ngày. Buông xuống tới một mức độ nhất định, sẽ rất dễ dàng, chẳng khó khăn gì! Mở đầu rất khó, sau khi đã đột phá được chỗ khúc mắc, sẽ dần dần dễ dàng hơn! Từ đây về sau, ngày càng dễ dàng hơn. Đạt đến [địa vị] Pháp Thân Bồ Tát, sẽ hoàn toàn chẳng có chính mình, “*chẳng khởi cái tâm Nhị Thừa*”!

Nhị Thừa thiên trọng tự lợi, chẳng chủ động lợi tha. Pháp Thân Bồ Tát chủ động lợi tha, đây gọi là “*đại từ đại bi*”. Lòng từ bi của hàng Nhị Thừa chẳng phải là đại từ đại bi. Đức Phật chia từ bi thành bốn cấp bậc:

1) Người thế gian chúng ta cũng có từ bi. Lòng từ bi ấy có điều kiện, được gọi là “*ái duyên từ bi*”. Quý vị thích ai, sẽ đối xử với kẻ đó rất từ bi. Chẳng có tâm từ bi đối với kẻ chính mình không ưa thích. Đó gọi là Ái Duyên Từ Bi (愛緣慈悲). Đây là lục đạo phàm phu.

2) Lên cao hơn nữa là Chúng Sanh Duyên Từ Bi (眾生緣慈悲). Đây cũng là phàm phu, nhưng tâm lượng to lớn, biết như thế nào? Biết có thể suy từ ta mà nghĩ đến kẻ khác. Nói theo Đệ Tử Quy, sẽ là “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải thương yêu). Đó là Chúng Sanh Duyên Từ Bi.

3) Nhị Thừa và Bồ Tát là Pháp Duyên Từ Bi (法緣慈悲), tầng này càng cao hơn nữa. Người ấy đối với chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, Phật pháp gọi chân tướng sự thật này là “*chư pháp Thật Tướng*” đã dần dần thấu hiểu. Vì thế, đối với hết thầy chúng sanh, tâm từ bi chẳng sai biệt. Đó là Pháp Duyên Từ Bi. Lòng từ bi này thuộc vào tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới là Pháp Duyên Từ Bi.

4) Thoát ly mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới, đến thế giới Cực Lạc, sẽ là Vô Duyên Từ Bi (無緣慈悲), [tức là lòng từ bi] chẳng có điều kiện. Chúng ta cũng gọi [lòng từ bi] này là đại từ đại bi. Ở đây, [lời Sớ] bảo là “*sở tạo thành Hạnh, giai thí chúng sanh, bất khởi Nhị Thừa chi tâm*” (đối với những hạnh đã tạo thành, đều thí cho chúng sanh, chẳng khởi tâm Nhị Thừa).

Nhị Thừa là Pháp Duyên Từ Bi, [lòng từ bi được nói đến] ở đây là Vô Duyên Từ Bi, giống như Phật, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Vì sao? Khắp pháp giới, hư không giới và chính mình là một, quý vị còn nói chi nữa? Chẳng ai biết chân tướng sự thật này, người đã biết, sẽ chẳng kèm thêm điều kiện nào! Kinh nói: Hàng Nhị Thừa độ chúng sanh, hễ hữu duyên các Ngài bèn độ, chẳng có duyên sẽ không độ. Chẳng giống như Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ hễ hữu duyên bèn độ kẻ ấy; chẳng có duyên, bèn kết duyên, thầy đều độ. “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. A La Hán có phân biệt, Pháp Thân Bồ Tát chẳng phân biệt, chẳng bỏ một ai. [Đấy chính là] “*chẳng khởi tâm Nhị Thừa*”.

“*An nhân cường duyên lưỡng cảnh*” (An trụ, chịu đựng nghịch cảnh và thuận cảnh): “*Cường*” (強) là nghịch cảnh, “*nhuyễn*” (軟) là thuận cảnh, “*an*” (安) là an trụ. An trụ, nhẫn nại trong hết thầy các cảnh giới. Đối với thuận cảnh, phải an nhẫn, nhẫn gì vậy? Chẳng khởi tham, si, chớ nên tham luyến. Đối với nghịch cảnh, chẳng sanh sân khuê. Đấy gọi là công phu an nhẫn. [Những điều trên đây là nói theo] hoàn cảnh vật chất. Đối với hoàn cảnh nhân sự, “*cường*” là ác duyên. Gặp phải kẻ ác, quý vị phải có thể nhẫn, chẳng sanh lòng sân khuê, chẳng sanh tâm báo thù. “*Nhuyễn*” là thiện duyên. Quý vị gặp những người tốt. Những người ấy đối xử với quý vị thật tốt, rất chăm sóc quý vị, cư xử rất hoan hỷ đối với quý vị, chớ nên sanh lòng tham luyến! Khi ấy, rất dễ dấy lòng tham. Do vậy, đối với thuận cảnh dễ khởi tâm tham; nghịch cảnh dễ khởi sân khuê. Trong tham và sân, nhất định là có si. Vì vậy, nếu quý vị chẳng thể an nhẫn cường cảnh và duyên cảnh, sẽ dấy lên tham, sân, si.

Chúng ta hãy ngắm xem: Trong hoàn cảnh này, sống trong thế gian này vài chục năm, có phải là hằng ngày khởi tâm động niệm đều rơi vào tham, sân, si hay không? Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, chẳng sai tí nào! Thích Ca Mâu Ni Phật nói như thế, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai cũng nói như vậy. Chúng ta hãy quan sát tư duy cẩn thận, đừng xem xét người khác, hãy tự xét mình. Công phu tu hành tốt đẹp hay không, nói thật ra là do mức độ tham, sân, si, mạn, nghi có cạn, sâu, dày, mỏng khác nhau. Người chẳng học Phật thì [tham, sân, si, mạn] rất nghiêm trọng, người học Phật nhẹ hơn đôi chút. Chúng ta thấy công phu khá lắm, tham, sân, si nhạt bớt, Giới, Định, Huệ tăng trưởng, tức là công phu tu hành tốt đẹp. Tu hành vài chục năm, đến lúc lâm chung, vẫn khởi tham, sân, si, có [trường hợp như vậy] hay không? Có chứ! Không chỉ là có, mà còn rất nhiều! Khi lâm chung, hãy còn tham, sân, si, vẫn chưa buông xuống được! Học Phật kiểu đó, đời sau sẽ tùy thuộc người ấy tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp [mà sanh về đâu]. Nếu người ấy suốt một đời làm lành, sẽ lại sanh trong đường nhân thiên, chẳng thoát khỏi tam giới, mà cũng chẳng thể vãng sanh. Nếu người ấy tạo tác ác nghiệp, sẽ vào ba ác đạo. Tùy thuộc kẻ ấy tạo tác tội nghiệp nhẹ hay nặng

mà có súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ bất đồng. Chớ nên không biết điều này! Đã biết, quý vị mới có thể dụng công, mới biết tu hành như thế nào. Chẳng biết, quý vị sẽ không biết cách tu như thế nào!

Niệm Phật, niệm kinh có hữu dụng hay không? Kẻ chẳng biết tu, cổ nhân bảo: “*Miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn*”. Trong tâm còn có tham, sân, si, mạn, nghĩ tới những thứ ấy, miệng niệm “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, [thế mà trong tâm] thấy kẻ này gai mắt, thấy chuyện kia ngứa mắt, dẫu niệm Phật lớn tiếng đến mấy đi nữa, niệm nhiều cách mấy đi nữa, vô dụng! “*Gào toạc cổ họng vẫn uống công*”. Đó là gì? Kẻ ấy đang tạo nghiệp! Trong các phần trước, chúng tôi cũng từng thưa cùng quý vị: Kẻ ấy chẳng biết niệm! Biết niệm, sẽ tương ứng với tâm nguyện của A Di Đà Phật. Ở đây nói “*có trí, có nguyện*”, đó là tương ứng. Đó là một tiếng Phật hiệu sẽ là một tiếng Phật: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, tương ứng với những gì? Tương ứng với Phật trí, tương ứng với Phật nguyện. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng có gì là vì chính mình, mà vì hết thảy chúng sanh, hoàn toàn tương ứng với chư Phật Như Lai. Đó gọi là “*biết niệm*”, há có lẽ nào cầu nguyện vắng sanh mà chẳng sanh?

Trong phẩm kinh này, chư Phật Như Lai thị hiện, chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải khéo học. Học rồi, thật sự thay đổi quan niệm, sửa đổi hành vi. Thật sự biết học, học rồi sẽ thật sự vận dụng. “*Hoặc tăng thiện phẩm*”: “*Tăng*” (增) là tăng thượng. Thiện tăng trưởng, ác giảm tởn, chúng ta nói là “*đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ*”.

“*Tâm bất dị duyên*” (Tâm chẳng duyên theo lẽ khác): “*Duyên*” ở đây là “*phan duyên*” (攀緣, nắm níu). Chư vị hãy ngẫm xem: Chuyện này được gọi là “*nhất tâm bất loạn*”. Trong phẩm kinh này, Phật, Bồ Tát thị hiện, niệm niệm chẳng bỏ chúng sanh, niệm niệm chỉ duyên nơi một chuyện. Chuyện ấy chính là câu đầu tiên trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Đây là bốn nguyện của chư Phật Như Lai. Chỉ có một niệm ấy, quyết định chẳng có niệm thứ hai, tâm chẳng duyên chuyện khác!

Quý vị thấy trong kinh văn thuộc phần sau, một trăm bốn mươi mốt bài kệ đều là “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh), tức là nói: Những hạnh đã tạo thành đều tặng cho chúng sanh. Chẳng hề nói “*đương nguyện ngã tự kỳ*” (nguyện cho chính tôi), mà đều là “*đương nguyện chúng sanh*”. Chúng sanh có đạt được lợi ích chân thật hay không? Khẳng định là có. Chúng sanh nghiệp chướng và tập khí quá nặng, nguyện lực của Phật, Bồ Tát gia trì họ, họ chẳng tiếp nhận. Không tiếp nhận, Phật, Bồ Tát vẫn gia trì y hết. Chẳng phải là “*không tiếp nhận, ta sẽ chẳng gia trì người nữa*”. [Nói “*chẳng gia trì*”] là Tiêu Thừa. Đối với [thánh nhân] Tiêu Thừa, quý vị không tiếp nhận, các Ngài sẽ chẳng gia trì. Quý vị thấy trong phần trước đã nói “*bất khởi Nhị Thừa chi tâm*” (chẳng khởi tâm Nhị Thừa), [hàm ý: Dẫu] chúng sanh chẳng tiếp nhận, vẫn gia trì, hết sức cảm động lòng người! Quý vị bài xích, cự tuyệt, thậm chí phản đối, bày ra đủ mọi hành vi bất thiện, chướng ngại Phật pháp, những vị Bồ Tát ấy vẫn “*đương nguyện chúng sanh*”, niệm niệm chẳng bỏ, thật đấy, chẳng giả!

“*Diệu đạt tánh Không, thiện xảo hồi chuyển*” (Khéo thấu đạt tánh Không, chuyển biến khéo léo), “*diệu*” (妙) là trí huệ khởi tác dụng, tức diệu huệ! Thấy Không ở chỗ nào? Từ trong Hữu bèn thấy Không thì gọi là Diệu. Thứ gì cũng đều chẳng có, quý vị thấy là Không, chẳng coi là Diệu! Diệu là gì? [Nhận biết] bản thể chính là Không, biết vạn sự, vạn pháp, bao gồm thời gian và không gian đều là “Sự có, Lý không; Tướng có, Tánh không”, [điều đó thường được diễn tả bằng thuật ngữ] “*tánh Không*”. Đây là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã, chẳng cần đợi phân tích. Các khoa học gia hiện thời sử dụng phân tích, hàng Nhị Thừa sử dụng phân tích, phân tích đến cuối cùng, sẽ trọn chẳng thể được, biết là do duyên tụ, hay duyên tán. Duyên tụ, bèn hiện huyễn tướng ấy; duyên tán, huyễn tướng ấy chẳng tồn tại. Đó là Tích Không Quán (析空觀), [tức là] phân tích cái Không. Chẳng như Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài trí huệ cao, trọn chẳng chấp trước tất cả các hiện tướng (tướng được hiện ra) ở trước mặt, quyết chẳng phân biệt. Vì sao? Ngay nơi bản thể chính là Không.

Kinh Bát Nhã dạy: “*Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thảy các pháp chẳng có sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Quý vị phân biệt nó, há chẳng phải là sai lầm ư? Quý vị chấp trước nó, càng sai hơn! Quý vị muốn chiếm hữu nó, thân thể còn chẳng chiếm hữu được. Toàn là vọng tưởng, thấy đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ngoài vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ra, chẳng có gì cả, thứ gì quý vị cũng chẳng đạt được. Những gì quý vị đạt được toàn là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là “nghiệp”. Vì vậy, “*muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân*”. Nghiệp cảm quả sẽ biến hiện, quả là gì? Quả là biến hiện, vạn vẻo biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Bất luận biến như thế nào, vẫn là huyễn giác, sự thật thì sao? Sự thật chẳng biến đổi. Sự thật là tánh Không. Tánh Không biến theo cách nào? Cái bị vạn vẻo là hình tướng, Lý Thể vĩnh hằng bất biến. Lý Thể là tánh Không. Do vậy, Bồ Tát thấu đạt chân tướng sự thật.

“*Thiện xảo hồi chuyển, giai nguyện lợi vật, đồng thú Bồ Đề*” (Thiện xảo xoay chuyển, luôn nguyện lợi lạc chúng sanh cùng tiến đến Bồ Đề): Chính mình mừng rỡ, cảm thấy may mắn vì đời này gặp thiện duyên, được nghe chánh pháp. Đây chính là do thiện căn, phước đức, nhân duyên xưa kia, [cho nên] có thể tin, có thể hiểu, có thể nhập, trọn đủ “*tín, giải, hành, chứng*”. Quay lại nhìn đồng đạo chúng sanh trong chín pháp giới, nhất là trong lục đạo, vẫn giống như bản thân chúng ta xưa kia, điên đảo, lầm loạn [như thế đó]. Nay ta đắc độ, chẳng cần người khác đến khuyên dạy, tự nhiên cái tâm từ bi nảy sanh tràn trề, tự nhiên giống như chư Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ họ, chẳng có bất cứ điều kiện nào. Chúng sanh cảm, nói theo cách hiện thời sẽ là “dao động”. Khởi tâm động niệm, nay chúng ta nói là “sóng tư tưởng”, dấy lên thiện niệm, dấy lên một vọng niệm, hoặc khởi một ác niệm, bất luận ý niệm của quý vị là chánh hay tà, thiện hay ác, chẳng cần biết, làn sóng của chúng đều giống nhau. Tốc độ dao động ấy, ánh sáng chẳng thể sánh bằng, mà điện năng cũng chẳng thể sánh bằng. Ánh sáng và điện năng thua kém nó quá xa! Tốc độ của ánh sáng và điện năng rất gần giống nhau, một giây đi được ba mươi vạn cây số, nhưng sóng tư tưởng vừa động bèn trọn khắp pháp giới,

ánh sáng và điện năng làm sao có thể sánh bằng? Ánh sáng và điện năng vượt qua Ngân Hà, [nói theo] hệ Ngân Hà của chúng ta, từ mé bên này, ví như trong hệ Ngân Hà này, từ mé bên này [đi tới] mé bên kia, các nhà khoa học bảo: Dùng tốc độ của ánh sáng, phải mất hai mươi vạn năm! Trong vũ trụ có vô lượng vô biên Ngân Hà giống như vậy, sóng tư tưởng của chúng ta vừa dấy động đã trọn khắp.

Vì thế, trên là khởi cảm ứng với chư Phật, Bồ Tát: Ý niệm của chúng ta là cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng. Dưới thì đồng thời cũng khởi sự cảm ứng đối với hết thảy chúng sanh. Trong hết thảy chúng sanh, có yêu ma, quỷ quái, oán thân trái chủ, đồng thời cũng khởi cảm ứng với họ. Do đó, trên đường Bồ Đề, có rất nhiều chướng duyên. Chướng duyên do đâu mà có? Do trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã có va chạm với hết thảy chúng sanh, do như vậy mà có. Chẳng có duyên gặp gỡ, sẽ không có chuyện gì. Có duyên gặp gỡ, hễ gặp gỡ bèn phiền phức; chuyện là như thế đó! Nhưng nếu quý vị thật sự giác ngộ, thật sự giống như Phật, Bồ Tát, những hạnh đã tạo thành đều thí cho chúng sanh, oán thân trái chủ gặp quý vị cũng bội phục, cũng chẳng nói năng gì được! Thiện duyên thì họ sẽ ngấm ngấm giúp đỡ quý vị, làm thần hộ pháp cho quý vị. Ác duyên chúng sanh sẽ chẳng hại quý vị. Quý vị chẳng có ý niệm tự tư tự lợi, họ cũng rất tôn kính quý vị. Nếu thiện căn và phước đức của họ hiện tiền, họ cũng sẽ biến thành thần hộ pháp của quý vị.

Nếu trong quá trình tu hành, quý vị do một niệm mê hoặc, dấy lòng kiêu căng, ngã mạn, sẽ giống như quốc sư Ngô Đạt đời Đường. Rất nhiều người trong quý vị biết chuyện quốc sư Ngô Đạt: Ngài là vị cao tăng suốt mười đời, chẳng dễ dàng! Mười đời đều chẳng mất thân người, lại còn đời đời kiếp kiếp đều có duyên xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng suốt mười đời. Trong đời thứ mười, do tu hành rất có thành tựu, làm thầy của đế vương, “*quốc sư*” là thầy của đế vương! Hoàng Thượng là học trò của Sư, cúng dường Sư một bảo tọa bằng trầm hương. Trầm thủy hương khó có lắm! Người Hoa gọi bảo tọa ấy là “*thái sư y*” (太師椅, ghế thái sư), giá trị liên thành⁶. Sau khi Sư nhận lấy, tâm ngạo mạn sanh khởi, cảm thấy hết sức vinh diệu, ân sủng của Hoàng Thượng mà! Chẳng phải là cái tâm bình thường nữa, dấy lên một tí tâm ngạo mạn: “Há có ai trong số những người xuất gia sánh bằng ta?” Do một niệm ngạo mạn ấy, thần hộ pháp bỏ đi! Thần hộ

⁶ “*Liên thành*” (連城): Ý nói giá trị rất lớn, gần như vô giá. Thành ngữ “*liên thành*” xuất phát viên ngọc bích của Biện Hòa. Khi viên ngọc này thuộc quyền sở hữu của Triệu Huệ Văn Vương thời Chiến Quốc, Tần Chiêu Vương đã viết thư xin đổi bằng mười lăm thành. Theo Hàn Phi Tử, Biện Hòa nước Sở kiếm được một tảng đá có ngọc tại Kinh Sơn, dâng lên Sở Lệ Vương. Vua sai người giám định. Người giám định nói chỉ là đá, vua phạt tội khi quân bằng cách sai người chặt đứt một chân Biện Hòa. Tới thời vị vua kế tiếp là Sở Vũ Vương, Biện Hòa lại dâng tảng đá ấy lên, lại bị người giám định bảo chỉ là một tảng đá, bị phạt tội chặt nốt chân kia. Đến khi Sở Văn Vương tức vị, Biện Hòa ôm tảng đá có ngọc khóc thảm thiết dưới rừng Kinh Sơn. Sở Văn Vương nghe chuyện, cảm thương, sai người chẻ đá ra, quả nhiên được bảo ngọc, bèn gọi viên ngọc ấy là ngọc Biện Hòa (Sở thường gọi là “*Hòa Thị Bích*”, 和氏璧). Về sau, nước Tần chiếm được viên ngọc ấy. Tần Thủy Hoàng sai chế thành ngọc tỳ, gọi là Truyền Quốc Ngọc Tỳ. Sau đó, cái ấn ngọc ấy trở thành vật tranh giành của các triều đại kế tiếp.

pháp chẳng nể tình! Quý vị thật sự có đạo tâm, các Ngài nhất định hộ trì quý vị. Đạo tâm của quý vị sai kém đôi chút, các Ngài bỏ đi. Thần hộ pháp vừa bỏ đi, oán thân trái chủ xộc tới, bám vào thân, mọc ra một mụn ghẻ mặt người, gần như khiến Sư mất mạng. Dầu sao, Sư có thiện căn sâu dày, là bậc cao tăng mười đời, cũng là có cảm. Trong tai nạn ấy bèn có cảm, tôn giả Ca Nặc Ca giúp Sư điều giải (調解, điều đình, hóa giải). Oán thân trái chủ của Sư cũng tiếp nhận, rời khỏi, ghẻ mặt người được lành. Từ Bi Tam Muội Thủy Sám chính là công án do tôn giả Ca Nặc Ca điều giải cho Sư, rất đáng cho chúng ta cảnh giác.

Trong lục đạo, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng biết khi nào sẽ dẫn phát tập khí phiền não của quý vị, sẽ đem lại rắc rối! Các đồng tu tu hành trong hiện thời, bất luận tại gia hay xuất gia, tôi thấy những người bị oán thân trái chủ dựa vào thân cũng rất nhiều! Thật sự hiểu đạo lý này, tín tâm bất thoái, tín tâm chẳng trái nghịch, oán thân trái chủ đều bội phục quý vị, sẽ chẳng tìm quý vị gây phiền! Chúng ta phải hiểu Lý và Sự này. Sau khi đã hiểu, không chỉ là chính mình chẳng bị oán thân trái chủ gây phiền phức, mà cũng có thể giúp đỡ những người đã bị làm phiền, giúp họ điều giải, khuyên can những oán thân trái chủ hãy xa lìa. Vì sao? Sau khi họ tìm đến, đôi bên đều đau khổ, oan oan tương báo, khi nào mới có thể hóa giải? Chẳng thà hiện thời giác ngộ, quay đầu, cùng nhau nghe kinh, nghe pháp, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, như thế sẽ tốt đẹp hơn! Rất nhiều oán thân trái chủ nghe xong, đều tiếp nhận; hễ tiếp nhận, bèn hóa giải. Chính mình phải thật sự dụng công, phải thật sự nỗ lực. Trong hết thảy các pháp trên thế gian, chỉ có điều này là thật, những thứ khác toàn là giả! A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp phần Sớ của Thanh Lương đại sư. Kế đó là “*Nhị Thừa thiên ma sở bất năng động, thiện tri được bệnh, quyết đoán vô sai, tức Thập Độ Tề Tu chi Hạnh dã*” (Nhị Thừa, thiên ma chẳng thể lay động, khéo biết thuốc chữa bệnh, quyết đoán chẳng sai, đây chính là Hạnh cùng tu cả mười Độ): Nhị Thừa, thiên ma chẳng thể lay động, không phải vì họ chẳng thể động, mà là do chính quý vị đã bất động, kẻ khác sẽ chẳng thể động. Nếu chính mình có nghi hoặc, Nhị Thừa và thiên ma sẽ có thể động. Nói cách khác, họ có thể ảnh hưởng quý vị. Một thí dụ rõ rệt nhất là như ngôn ngữ thường nói: “*Dao ngôn chỉ u trí giả*” (Lời đồn đại bị chặn lại bởi người trí). Những kẻ bình phàm hễ nghe xong, đều tin theo lời đồn đại, đều chẳng bỏ công suy nghĩ, cứ tin là thật. Do vậy, rất dễ làm chuyện sai lầm. Về sau, biết là mắc lừa, lại do vấn đề thể diện, chẳng chịu thừa nhận sai lầm của chính mình! Sai lầm ấy vĩnh viễn trở thành sai lầm đến cùng! Chuyện như vậy, trong thế gian này, xưa nay, trong ngoài nước rất ư là nhiều! Vì thế, thánh nhân ca ngợi: “*Quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (Làm lỗi mà có thể sửa đổi, không điều gì tốt lành to lớn bằng). Đó là sự biểu hiện của đại trí, đại nhân, đại dũng. Biết làm lỗi của chính mình, có thể sám hối, có thể nhận lỗi. Bậc trọn đủ “trí, nhân, dũng” mới có thể làm được. Làm sai mà chẳng thừa nhận, cổ thánh tiên hiền nói kẻ đó là tiểu

nhân, chẳng phải là bậc quân tử, chẳng có trí huệ, chẳng có nhân ái, chẳng có đạo nghĩa! Ba chữ “*trí, nhân, dũng*” đều chẳng có!

Xác thực là trong thế gian này, thánh hiền và quân tử ít ỏi, phàm phu và tiểu nhân đông đảo! Vì sao thế giới này gọi là Sa Bà? Chính vì ý nghĩa này. Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, càng càng nan hóa*” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề cứng cõi, khó giáo hóa). May mắn là có những vị thánh hiền xuất thế ứng hóa trên thế gian. Trong các vị quốc vương, đại thần, cũng có rất nhiều vị là Phật, Bồ Tát ứng hóa hiện đến. Đáng nên dùng thân quốc vương để độ, bèn thị hiện thân quốc vương. Đáng nên dùng thân đại thần để độ, bèn hiện làm đại thần. Quốc vương, đại thần độ chúng sanh như thế nào? Hộ pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật đem một sự nghiệp to tát như thế, tức sự nghiệp văn hóa giáo dục đa nguyên, giao cho ai hộ trì? Giao cho những kẻ bình phàm sẽ chẳng đủ sức [để tích cực hộ trì]. Quý vị thấy trong kinh điển [đã chép rõ]: Đức Thế Tôn khi nhập diệt đã dặn dò hàng quốc vương, đại thần, những người ấy có quyền, có sức, có thế lực, họ sẽ hộ trì [những vị hoàng pháp] dễ dàng!

Nền giáo dục của đức Phật được phát huy rạng rỡ tại Trung Hoa nhờ vào [sự hộ trì của] đế vương. Hán Minh Đế phái đặc sứ sang Tây Vực cầu pháp, nghênh thỉnh cao tăng Ấn Độ là Nhiếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, nghênh thỉnh hai vị cao tăng mang tượng Phật và kinh Phật đến Trung Hoa. Đây là đế vương nghênh thỉnh. Trong ấy, cũng có sự cảm ứng. Trước đó, Minh Đế nằm mộng, mộng thấy một người thân sắc vàng. Ngày hôm sau, vua bàn luận chuyện ấy [cùng quần thần], có một vị đại thần hiểu biết, tâu: - Thân kim sắc chính là Phù Đồ (Phật)⁷. Phật Đà là phiên âm, [nói gọn là] Phật. Phù Đồ ở phương Tây, là bậc thánh nhân ở phương Tây. Ông ta tâu: “Điều ấy đúng là một loại cảm ứng”. Vì thế, hoàng đế hào hứng, phái người sang Tây Vực nghênh thỉnh. Lịch đại đế vương đều hộ trì [Phật giáo], Hán Minh Đế dẫn đầu. Do vậy, hình thành ảnh hưởng rộng lớn như thế đó tại Trung Hoa.

Người học Phật thuộc các tầng lớp trong xã hội Trung Hoa rất đông. Người thành tựu cũng rất nhiều! Thành tựu là kẻ hữu duyên, do duyên chín muồi. Chẳng thành tựu vẫn là có duyên, nhưng duyên chưa chín muồi! Người Hoa có duyên với Phật như thế nào? “*Gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật*” (Nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật). Đã chín muồi, Nhị Thừa và thiên ma sẽ chẳng thể động. Người ấy quyết định thành tựu trong một đời này, quyết định siêu phàm nhập thánh. Tối thiểu là có thể thoát ly lục đạo luân hồi, sanh vào tứ thánh pháp giới, cũng là siêu phàm nhập thánh. Huống hồ, trong số đó, trải qua các thời đại, người vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới rất nhiều! Chẳng giả! Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, sẽ vượt thoát mười pháp giới, đây là [cơ duyên thành Phật] chín muồi. Do vậy, người Hoa ai nấy đều biết có Phật. Biết là có Phật, tức là trong A Lại Da có chủng tử, sẽ là kẻ hữu duyên! Bất quá, chủng tử ấy chưa chín muồi; tuy có chủng tử, nhưng chưa chín muồi. Trong kinh, đức Phật dạy: “Chủng tử ấy vĩnh hằng bất diệt”. Chẳng thể xác định là khi nào gặp duyên, nó

⁷ Phù Đồ (浮屠) là một lối phiên âm rất cổ của chữ Buddha.

sẽ khởi tác dụng. Có người trong một đời bèn gặp duyên. Có người đến đời sau, hoặc đời sau nữa. Có người đến mấy trăm đời, mấy ngàn đời, cho đến còn có người sau mấy đại kiếp mới gặp cái duyên ấy. Kim Cang chủng tử mà!

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta lợi dụng điều này để kết pháp duyên. Lợi dụng mạng Internet, lợi dụng truyền hình vệ tinh (Satellite TV), kết duyên càng rộng! Ai là người có duyên? Người biết địa chỉ trang nhà (homepage URL) của chúng ta trên Internet, biết tiếp nhận sóng của đài truyền hình vệ tinh chúng ta thì chính là người hữu duyên. Thích xem, thích cùng nhau học tập, hằng ngày cùng nhau học tập, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, quyết định được vãng sanh, chẳng phí uổng đời này! Thật sự có người đã thành tựu như vậy. Các đồng học kể với tôi tin tức này. Họ học tập từ đài truyền hình vệ tinh. Khi học, lại còn thật sự có người phát đại tâm: Không chỉ là chính mình học, còn khuyên người khác học. Tự hành, hóa tha, đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, phước chẳng lường uổng! Do vậy, điều khẩn yếu là chính mình thật sự tin, khéo hiểu, tận lực thực hiện. Vãng sanh chính là chúng quả.

Chính mình chẳng dao động, Nhị Thừa và thiên ma sẽ chẳng thể động. Hết thấy các lời đồn đãi, hủy báng, vũ nhục, hãm hại, đều là ma đến nhiễu loạn. Chính mình phải hiểu rành mạch, rõ ràng, chớ nên bị lừa! Khi ma đến nhiễu loạn, phải làm như thế nào? Chỉ cần chính mình như như bất động, chẳng quan tâm đến chúng, chuyện gì cũng đều chẳng có. Hủy báng thì cứ mặc họ hủy báng, chớ nên đoái hoài. Hễ bận tâm, sẽ bị lừa! Chẳng màng tới họ, họ hủy báng đến một lúc nào đó, [thấy ta] chẳng có phản ứng: [Điều đó] cũng có nghĩa là những lời lẽ hủy báng cay nghiệt, dữ dằn của quý vị, tôi chẳng tiếp nhận, tôi thật sự chẳng nhận lãnh. Vì quý vị chẳng hủy báng trước mặt tôi, tôi không nghe. Quý vị viết thành văn tự đăng trên tạp chí, hoặc nhật báo, tôi không đọc. Như vậy thì sẽ giống như kinh đã nói: Ở đây, tôi chẳng tiếp nhận, cuối cùng vẫn trả lại cho chính quý vị. Đức Phật dạy chúng ta như thế đó!

Đối với tất cả hết thấy những lời đồn đãi, cũng giống như thế, chẳng cần tiếp nhận. Kẻ chẳng có trí huệ tin tưởng, người có trí huệ ở bên cạnh trông thấy rõ ràng, rành rẽ cái nào đúng, cái nào sai. Kẻ hằng ngày chửi bới người khác, luôn luôn [thấy] người này sai trái, kẻ kia trật lất. Người bị mắng chửi chẳng nói một câu nào. Người ấy lỗi lạc thay, có tu dưỡng, đâm ra được người ta tán thán: “Người ấy có tu dưỡng, người ấy có đức hạnh”. Chớ nên [phản ứng trước những lời khen, tiếng chê], bị kẻ khác sát hại cũng chẳng oán hận. Chúng ta hãy nhớ xưa kia, Cam Địa (Gandhi) bị kẻ khác ám sát chết. Trước khi chết, Ngài dặn một câu: “Đừng truy cứu hung thủ”. Nhân từ thay! Chẳng truy cứu hung thủ. Hung thủ là người, hấn có lương tâm, sẽ ân hận suốt đời: “Tôi đã giết lầm một người tốt. Giết ông ta, ông ta chẳng hận tôi. Ông ta chẳng oán hận, ông ta chẳng báo thù”. Thế gian há có hạng người tốt như vậy ư? Khó thể gặp gỡ! Tấm lòng của Cam Địa như thế đó, yêu thương con người, chẳng oán hận. Chúng ta biết Ngài chết đi, chắc chắn sẽ sanh thiên, chẳng đọa ác đạo, [bởi lẽ], Ngài chẳng có tham, sân, si! Chẳng tham luyến thế gian này, người khác dùng thủ đoạn độc ác gì đi nữa, Ngài

chẳng sân hận, do đã hiểu rành rẽ, rõ ràng, chẳng ngu si. Ngài sẽ đến nơi đâu? Tối thiểu là Dục Giới Thiên.

Vì thế, đối với kẻ hãm hại, quý vị chẳng oán hận thì sẽ là chánh xác. Nếu quý vị oán hận, có trả thù, quý vị sẽ vào tam đồ. Vì sao? Chờ đợi cơ hội báo thù. Oan oan tương báo, chẳng xong, chẳng hết. Đau khổ lắm thay! Sai lầm mất rồi! Đó là chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Người liễu giải chân tướng sự thật, chắc chắn là chẳng có [oán hận, báo thù]. Chúng sanh làm chuyện sai trái là vì họ vô tri, họ đáng thương lắm, lẽ nào quý vị còn có thể giáng thêm tội cho họ? Nếu họ là người hiểu biết, nếu họ là kẻ hiểu chuyện, sẽ chẳng thể làm như vậy! Nếu chúng ta trách móc họ, chúng ta cũng biến thành kẻ chẳng hiểu chuyện, có cùng mức độ như họ. Lỗi ở nơi chúng ta, chẳng do ai khác, người khác đâu có sai!

Chúng ta đọc sách thánh hiền, Khổng Mạnh dạy chúng ta như thế nào? “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ*” (Hễ có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại chính mình). Đức Phật dạy chúng ta như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Vì thế, thánh hiền dạy chúng ta chẳng đi sai đường. Nhất định phải biết: Con người không phải chỉ có một đời này là hết, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị có đời trước, có đời sau. Những gì quý vị đạt được trong đời này là do tu tập trong đời quá khứ, quả báo trong đời sau do quý vị gây tạo trong đời này. “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị*” (Muốn biết cái nhân trong đời trước, những gì hưởng thụ trong đời này chính là nó). Những gì quý vị hưởng thụ trong một đời này chính là nó (tức là cái quả), do cái nhân đã tạo trong đời trước. “*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là [cái nhân của] nó). Vì sao chẳng làm lành? Vì sao cứ muốn làm ác? Người khác đối xử ác với ta, ta dùng điều thiện để đáp trả, dùng đức báo oán, nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, chớ nên oan oan tương báo!

Người khác toan xâm chiếm tài vật của ta, cứ cho họ. Hãy hoan hỷ ban cho họ, chớ nên tranh chấp. Tranh chấp thì sai mất rồi! Chúng ta tin tưởng: Trong mạng của ta có, ta cho kẻ đó; sau đó, sẽ lại có. Trong mạng chẳng có, chắc chắn là chẳng đạt được. Có được thì cũng mất đi rất nhanh. Trong mạng đã có, dẫu vứt bỏ, cũng chẳng vứt bỏ được! Quý vị vứt chỗ này, sau đấy lại có [cái khác] đưa đến. Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư đã dạy tôi những đạo lý ấy. Tôi tôn trọng thầy, tin tưởng thầy, chẳng hoài nghi giáo huấn của thầy, suốt đời y giáo phụng hành. Do đó, trên đường Bồ Đề, đã hóa giải khá nhiều tai nạn, đều bình an vượt qua. Phải biết thực hiện như thế nào?

Ngạn ngữ có câu: “*Chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt trước mắt*”. Khổng Mạnh là “người già”, Phật, Bồ Tát là “người già”. Các Ngài đối với chúng sanh chẳng có mong cầu điều gì! Những hạnh đã tạo thành đều thí cho chúng sanh. Chúng ta chẳng tin những vị ấy, quý vị còn tin tưởng ai được nữa? Người thế gian còn có phiền não, còn có tập khí, còn có tham, sân, si, mạn, còn có tự tư tự lợi, chúng ta chớ nên hoàn toàn nghe theo lời họ. Thánh nhân chẳng có tự tư tự lợi, chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng có tham, sân, si, mạn; có thể tin lời của những vị ấy. Tin tưởng lời các vị ấy, há chỉ là hàng ngàn, hàng vạn người?

Chẳng có ai không được lợi ích. Người y giáo phụng hành có phước. Vì thế, câu này rất quan trọng.

Chúng ta có chân tín, có thiết nguyện (nguyện thiết tha), có trí huệ chọn lựa. Trong hết thảy các cảnh giới, đều gìn giữ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, như như bất động, sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Hãy nên xa lìa cảnh giới bên ngoài. Vì sao? Chẳng có gì tốt đẹp, chẳng có lợi ích! Vì thế, suốt bốn mươi năm, tôi chẳng tiếp xúc radio, TV, nhật báo, tạp chí. Thầy Phương bảo tôi: “Những thứ ấy toàn là nhiễm ô!” Khi xưa, tôi ở Đài Loan. Chánh phủ Đài Loan đề xướng khôi phục nền văn hóa cổ hữu, có một cuộc vận động như vậy. Có một hôm, tôi đang ở nhà thầy Phương, nhằm lúc là dường như có ba người là viên chức của bộ Giáo Dục [viếng thăm]. Họ hết sức tôn trọng thầy Phương, thỉnh giáo thầy: “Phục hưng văn hóa Trung Hoa thì phải làm như thế nào?” Chuyện ấy do Tưởng Tổng Thống (tiên sinh Tưởng Giới Thạch) đề xướng, bộ Giáo Dục chịu trách nhiệm chấp hành. Họ thỉnh giáo thầy Phương làm như thế nào?

Nghe xong, thầy Phương rất nghiêm túc, thái độ hết sức nghiêm túc. Cả hai, ba phút chẳng nói gì, sau đây, mới lên tiếng: “Nếu muốn phục hưng văn hóa Trung Hoa, trước hết là phải đóng cửa ba đài TV ở Đài Loan, đóng cửa tất cả các đài truyền thanh. Nhật báo, tạp chí nhất loạt đình bản”. Những viên chức ấy nghe nói, sững sờ, lắc đầu thưa với thầy: “Làm không được!” Sau đó, thầy bèn nói: “Những thứ ấy hằng ngày phá hoại văn hóa Trung Hoa. Nếu quý vị muốn phục hưng văn hóa Trung Hoa, trước hết là phải diệt trừ những thứ phá hoại văn hóa Trung Hoa, làm sao quý vị có thể phục hưng cho được?” Ngày hôm đó, tôi ở bên cạnh nghe những lời ấy, thầy nói đúng quá, chẳng làm được! Những lời ấy được nói từ bốn mươi năm trước, quý vị thấy cảnh tượng rối beng trong xã hội Đài Loan hiện thời, đã bị thầy nói trúng phóc mất rồi!

Tôi nhớ các viên chức ấy còn hỏi một số câu nữa. Trong khi trò chuyện, câu hỏi chánh yếu đã hỏi rồi, trong khi chuyện gẫu, họ bàn luận: “Nước Mỹ là cường quốc siêu cấp trên thế giới hiện thời, là cường quốc siêu cấp lớn nhất. Theo lịch sử ghi chép, La Mã của Âu Châu là cường quốc bậc nhất trên thế giới cũng bị tiêu vong”. Họ hỏi: “Trong tương lai, đương nhiên là nước Mỹ cũng sẽ bị diệt vong. Nguyên nhân bậc nhất khiến cho nước Mỹ diệt vong là gì?” Chẳng có may do dự, chẳng suy nghĩ, thầy Phương lập tức đáp: “TV!” Thuở ấy còn chưa có mạng lưới điện toán, còn chưa có Internet, [chỉ có] TV. Thầy còn nói: “Các ông phải cẩn thận. Nếu Đài Loan chẳng khéo quản lý những phương tiện thông tin, trong tương lai, sẽ bị thua thiệt bởi chúng”. Tôi thấy chuyện này hiện thời đã xảy ra rồi! Đó là gì vậy? Đối với giáo dục xã hội, TV, radio, nhật báo, tạp chí, chính là giáo dục xã hội. Hằng ngày quý vị dạy dỗ đại chúng trong xã hội, quý vị dạy những gì, họ học những thứ ấy!

Phương tiên sinh xác thực là có trí huệ, cụ thấy rất thấu triệt. Lão nhân gia cũng không xem những thứ ấy, hằng ngày đọc sách. Lại nữa, gần như vào lúc tuổi già, toàn bộ những sách cụ đọc đều là sách vở của cổ thánh tiên hiền. Sau khi Đại Tạng Kinh xuất bản, cụ cũng tốn một khoản tiền rất lớn để thỉnh một bộ. Lúc tuổi

già, cụ thật sự tiến nhập cảnh giới Phật, cụ dạy học ở trường, giảng những gì? Triết học trong kinh Phật. Tôi biết tại đại học Đài Loan, cụ từng giảng về Phật học đời Ngụy - Tấn, Phật học thời Tùy - Đường. Trong chương trình tiến sĩ tại đại học Phụ Nhân, cụ dạy Triết Học của kinh Hoa Nghiêm, mở ra mấy khóa học với quy mô lớn, nghiên cứu kinh Phật đến mức độ sâu xa. Vì thế, hễ chính mình chẳng nhận biết rõ ràng, chẳng có trí huệ, quý vị sẽ có nghi hoặc, sẽ bị bên ngoài gây chướng ngại. Đối với ngoại duyên gây chướng ngại, nhất định là chính mình phải bất động.

Hôm qua, có một đồng tu từ Thâm Quyển đến hỏi tôi một vấn đề: Những năm qua, ông ta dạy lũ trẻ đọc kinh; hiện thời, chẳng thể dạy nữa. Ông ta bảo chỉ còn sót lại mười mấy đứa trẻ, vốn là [thoạt đầu] có tới bảy, tám chục đứa, hỏi tôi làm như thế nào? Tôi hỏi ông ta: “Đệ Tử Quy ông có làm được hay không?” “Không ạ!” Ông chẳng làm được, làm sao có thể dạy kẻ khác cho được? Ông đừng coi thường lũ trẻ là con nít, chúng nó rất thông minh. Ông dạy bảo chúng nó, chúng nó nhất định suy nghĩ: “Thầy chẳng làm được, có sao thầy dạy tôi?” Về đến nhà, nhìn vào cha mẹ: “Cha mẹ chẳng làm được, vì sao bắt con học?” Vì sao ở Trung Hoa Đại Lục có những người dạy rất tốt, rất được hoan nghênh? Chẳng có gì khác, chính họ đã làm được. Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia đã nói trong một đời, nếu có câu nào Ngài chẳng làm được, ai sẽ tin tưởng Ngài? Ai sẽ tôn sùng, học theo Ngài? Khổng Tử suốt đời dạy người khác, nếu có câu nào Ngài chẳng làm được, người khác cũng chẳng thể nghe lời Ngài, cũng sẽ chất vấn Ngài. Do vậy, trong các buổi giảng, tôi đã đề cập nhiều lần: “*Chính mình thầy đều làm được, sau đấy mới nói, mới dạy người khác, đó là thánh nhân. Đã nói xong, chính mình nhất định sẽ làm được, đó là hiền nhân. Nói rồi, chẳng làm được, đó là kẻ lừa đảo!*” Kẻ lừa đảo thì làm sao có thể thành công cho được? Há có đạo lý ấy! Chẳng thể nào có chuyện đó! Chẳng có gì khác, ông hãy tiếp tục đổ công dốc sức nơi ba trăm sáu mươi câu trong Đệ Tử Quy suốt một năm, thực hiện từng câu một rồi lại mở lớp, sẽ thành công. Nhất định là trước hết phải cầu nơi chính mình!

“*Thiện tri dược bệnh, quyết đoán vô sai*” (Khéo biết cách chữa bệnh, quyết đoán chẳng sai): “*Dược*” (藥) là phương pháp, “*bệnh*” (病) là bệnh thái (病態, tình trạng bệnh tật). Hết thầy chúng sanh trong xã hội hiện thời mắc những chứng bệnh nào, quý vị có biết hay không? Tự tư, tự lợi là bệnh, một mực theo đuổi tiếng tăm, lợi dưỡng là bệnh. Tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần là bệnh. Tham, sân, si, mạn là bệnh. Hoài nghi giáo huấn của thánh hiền, coi thường hoặc bài xích đều là bệnh! Đó là bệnh căn! Những chứng bệnh ấy sẽ cảm ứng thiên tai, nhân họa, phải dùng phương pháp nào để đối trị? Đạo chính là thuốc. Chúng tôi đọc đến tám chữ này (“*thiện tri dược bệnh, quyết đoán vô sai*”), tự nhiên liên tưởng đến niên đại 1970 trong thế kỷ hai mươi, tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) của nước Anh đã nói: “*Muốn giải quyết những vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp*”. Những vấn đề trong thế kỷ hai mươi mốt chính là bệnh, học thuyết Khổng Mạnh và Đại

Thừa Phật pháp là thuốc, “*quyết đoán chẳng sai lầm*”, chúng ta không thể chẳng bội phục!

Đối với vấn đề này, chúng tôi cũng đã từng thảo luận rất lâu. Tôi cũng đã từng hỏi rất nhiều đồng tham đạo hữu: “Lời ông Thang Ân Tử nói có phải là thật hay không?” Quý vị thấy có bao nhiêu người học Phật trong và ngoài nước, Đại Thừa Phật pháp có thể giải quyết ư? Chúng ta là người học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, Thập Thiện Nghiệp chẳng làm được, Tam Quy Y chẳng làm được, Ngũ Giới chẳng làm được, có thể giải quyết vấn đề hay không? Chẳng thể! Đối với học thuyết Không Mạnh, trong những năm qua, người học tập học thuyết của Không Mạnh trên thế giới ngày càng nhiều, Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, chỗ nào cũng có người đang giảng giải, học tập, có thể dấy lên tác dụng hay không? Vì sao chẳng dấy lên tác dụng? Ông Thang Ân Tử nói sai rồi ư? Tôi khẳng định: Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, mà là do bản thân chúng ta đã làm sai, sai ở chỗ nào? Bản thân chúng ta chẳng y giáo phụng hành. Đây chính là như tôi vừa mới nói, nói được, nhưng làm chẳng được! Những điều Luận Ngữ đã nói toàn là đạo lý, nhưng chính mình chẳng làm được! Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói đạo lý rõ ràng, làm không được thì chẳng hữu ích chi cả!

Vì thế, tôi bảo các đồng tham đạo hữu, lời ông Thang Ân Tử đã là chẳng sai, vậy thì phải bắt đầu thực hiện từ chỗ nào? Căn bản của Nho ở nơi đâu? Căn bản của Phật pháp ở nơi đâu? Điều này giống như cây cối, hoa cỏ vậy. Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là cành, lá, hoa, quả. Kinh luận Đại Thừa cũng là cành, lá, hoa, quả, dễ coi lắm, nhưng quý vị chẳng thật sự đạt được! Quý vị hái nó cắm vào bình hoa, rất đẹp, nhìn rất sướng mắt, hai, ba ngày sau nó chết khô! Hiện thời, chúng ta đối xử với học thuyết Không Mạnh và Đại Thừa Phật pháp giống như thế đó. Do vậy, chúng ta nói tới chuyện phải tìm cội rễ, cội rễ là một thứ sống động. Cội rễ chẳng phải là đẹp mắt, nhưng sau khi đã tìm được cội rễ, nó sẽ có thể nảy mầm, có thể trưởng thành, có thể trở hoa, có thể kết quả.

Cội rễ của Nho gia ở chỗ nào? Trong giáo dục gia đình, giáo dục luân lý đạo đức. Quý vị phải nên phát hiện chuyện này: Trung Hoa từ xưa tới nay coi trọng gia giáo nhất. Vì thế, tôi nói điểm đặc sắc của giáo dục Trung Hoa là giáo dục gia đình. Giáo dục trong nhà trường là tiếp nối của giáo dục gia đình. Giáo dục xã hội là giáo dục gia đình được mở rộng. Cho đến giáo dục của Phật giáo chính là giáo dục đạt tới viên mãn. Bốn loại giáo dục (giáo dục gia đình, giáo dục trong học đường, giáo dục xã hội, và giáo dục Phật giáo) là nhất quán, là một Thể. Đức Phật dạy chúng ta: Đại Thừa Phật pháp nhất định phải nương vào Tiểu Thừa làm cơ sở. Đức Phật nói rất rõ ràng: “*Chẳng trước là học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử đức Phật*”. Người Hoa hiện thời chẳng học Tiểu Thừa. Trước kia, người Hoa chẳng học Tiểu Thừa, nhưng họ học Nho, học Đạo. Bất luận tại gia hay xuất gia học Phật, đều có cơ sở giáo dục gia đình rất tốt đẹp, đều từng đã học Nho và Đạo, Không, Mạnh, Lão, Trang, họ có cơ sở ấy! Cho nên họ tiến nhập Phật pháp chẳng có vấn đề gì. Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, người ta thật sự có thể thực hiện, thật sự có thể giải quyết vấn đề trong xã hội. Hiện thời, căn bệnh trong xã hội ngày nay là do thiếu sót những thứ này. Do vậy, chúng tôi

đặc biệt đề xướng Đệ Tử Quy, đây là cơ sở của cơ sở. Trung tâm của Nho gia là hiếu đạo và hiếu đễ! Cổ nhân nói rất hay: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi), “*Khổng Tử chi đạo, nhân nghĩa nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Khổng Tử chỉ là nhân nghĩa mà thôi). Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở. Chẳng có hiếu, đễ, nhân, nghĩa, Phật pháp sẽ chẳng thể sống sót. [Thiếu những thứ ấy], Phật pháp sẽ là “*hữu danh vô thực*”, phải hiểu điều này!

Hiện thời, Phật pháp suy vi, chúng ta bất luận xuất gia hay tại gia, đều là hình tượng của Phật pháp, nhưng chẳng có thực chất của Phật pháp, phải biết như thế! Tam Quy Y là [giáo pháp] nhập môn truyền trao cho quý vị, về căn bản, [quý vị] chẳng hiểu Tam Quy Y là gì? Tam Quy Y là quý vị vừa vào Phật môn, liền đem tông cương lãnh, tông mục tiêu, và tông phương hướng của sự tu học truyền dạy quý vị, hy vọng suốt một đời, quý vị sẽ có cái để tuân theo, chẳng đến nỗi đi sai đường! Tam Quy Y là gì? Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay, nói rành mạch, rõ ràng. Quy y Phật, Phật có nghĩa là giác. Quy y Phật chính là quy y giác, giác chứ không mê. Nay chúng ta vẫn mê chứ không giác, chẳng có điều này (tức là chưa thật sự quy y Phật). Pháp là chánh tri chánh kiến, chánh chứ không tà. Nay chúng ta vẫn là tà chứ không chánh. Vì thế, chẳng có Pháp! Tăng nghĩa là thanh tịnh. Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Nay chúng ta nhiễm chứ không tịnh. Những gì chúng ta đã làm chính là “mê, tà, nhiễm”, Tam Bảo là Giác, Chánh, Tịnh. Có quy y hay không? Chẳng có!

Do chẳng có Tam Quy, Ngũ Giới sẽ chẳng làm được, Thập Thiện chẳng làm được, Đại Thừa Phật pháp chẳng thể cứu được căn bệnh của thế kỷ hai mươi mốt! Chúng ta phải chú ý lời nhắc nhở của ông Thang Ân Tử. Hiện thời, đối với chuyện tự hành, hóa tha trên toàn thế giới, chẳng phải là đại kinh, đại luận, mà là những thứ gần gũi, dễ hiểu nhất, tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy, Ngũ Giới, người xuất gia còn phải học Sa Di Luật Nghi, chúng ta chẳng cần thực hiện [những pháp cao siêu ấy nữa, hãy chú trọng] những thứ chướng ngại này, chúng có thể hóa giải hết thảy xung đột, có thể khôi phục sự an định và hòa bình của thế giới, thật sự hữu hiệu! Làm bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu thực hiện từ chính bản thân mình! Ta chẳng làm, sẽ chẳng thể ảnh hưởng kẻ khác. Ta thật sự làm được, ta thật sự hiểu rõ, có làm được thì mới hiểu rõ. Chẳng làm được, sẽ vĩnh viễn chẳng thể hiểu rõ! “*Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu*” (Nguyện được trí huệ thật sự sáng suốt, hiểu rõ) thì phải nương vào Hành, phải làm được! Sau khi đã làm được; sau đó, quý vị lại khuyên bảo người khác, người ta sẽ tin tưởng.

Người mong học làm người tốt rất nhiều, nhưng chẳng có một tấm gương tốt. Chúng ta làm như thế nào để nêu gương tốt cho người khác trong thế gian, nêu gương tốt về Nho? Gương tốt của Nho gia chính là Đệ Tử Quy. Hiện thời, có khá nhiều vấn đề gia đình, vấn đề xã hội, và vấn đề học đường, khắp nơi đều có vấn đề. Chỉ cần liều thuốc này, học Đệ Tử Quy, vấn đề gì cũng đều chẳng có! Nếu còn thêm Thập Thiện Nghiệp, ngay cả cội gốc của vấn đề cũng đều bị dẹp trừ, thật sự có lợi ích ấy! Do vậy, ông Thang Ân Tử “*thiện tri dược bệnh, quyết đoán vô sai*” (khéo biết thuốc để chữa bệnh, quyết đoán chẳng sai), chẳng phải là

phàm nhân! Chúng ta nhất định phải hiểu rõ: Bản thân chúng ta thực hiện, [đó là] tự độ, tự cứu. Chúng ta giúp đỡ người khác, tức là độ tha. Chính mình có thể làm được, đó là thân giáo! Người biết xem, sẽ học thông hiểu. Kẻ chẳng biết xem, sẽ chẳng hiểu biết. Người có tâm tư tỉ mỉ, sẽ thấy rõ ràng, rành rẽ.

Trong xã hội hiện thời, cạnh tranh kịch liệt. Chúng ta học theo Không Mạnh, Thế Tôn, trong thế gian này, chúng ta suốt đời chẳng tranh chấp với kẻ khác. “*U nhân vô tranh, u thế vô cầu*” (Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời), cuộc sống sung sướng. Người hiện thời than vãn “áp lực quá nặng”, chúng ta chẳng có mảy may áp lực nào! Thân thể chẳng có áp lực, tinh thần chẳng có áp lực, hằng ngày ở chung với thánh hiền. Bậc thánh hiền đang ở chỗ nào? Sách vở chính là các bậc thánh hiền. Hằng ngày đọc sách thánh hiền, hằng ngày nghe lời dạy của thánh hiền, hằng ngày tư duy thánh hiền, hằng ngày làm chuyện thuộc hành vi của thánh hiền, lẽ nào người ấy chẳng sung sướng? Sung sướng khôn sánh! Tuy chẳng tiếp xúc muôn hình muôn vẻ trong xã hội, cũng như hoàn toàn chẳng ngó tới nhật báo, tạp chí, TV, các hình thức truyền thông, nhưng bất luận chuyện gì, hễ có người nhắc tới, ta đều biết, chẳng phải là không biết. Chẳng cần tiếp xúc mà đều biết. Biết như thế nào? Biết tâm người hiện thời đang nghĩ gì? Nghĩ tưởng chuyện tự tư tự lợi, nghĩ tưởng tiếng tăm, lợi dưỡng, nghĩ tưởng hưởng thụ ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn. Do vậy, ta biết suy nghĩ của họ, ta biết việc họ làm, ta cũng biết những gì họ sẽ hứng chịu. Chẳng cần tốn nhiều tinh thần dường ấy để xem đọc những tin tức từ các phương tiện truyền thông, chẳng cần thiết!

Ta có phương pháp đối trị, họ chẳng có. Họ chẳng thể tưởng tượng sự sung sướng của chúng ta! Sự sung sướng của chúng ta là “*pháp hỷ sung mãn*”, là “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng hữu tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?*” (Học rồi tu tập, cũng chẳng vui sao? Có bạn bè từ phương xa đến, cũng chẳng sướng sao? Kẻ khác chẳng biết mà chính mình chẳng giận, cũng chẳng phải là quân tử ư?) Họ chẳng thể hiểu “*Khổng Nhan chi lạc*”, tức là niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hài! Chẳng tranh với người, chẳng mong cầu nơi đời, an phận thủ thường. Họ sống trong đời loạn, ta ở trong đời thịnh trị thái bình. Họ loạn, ta chẳng loạn!

Đoạn này nói về hạnh cùng tu Thập Ba La Mật, chúng ta thường nói Lục Độ Tứ Nhiếp, ở đây nói là “*thập độ cùng tu*” (mười độ cùng tu). Điều ấy thuộc vào một trăm bốn mươi một nguyện này, những nguyện ấy chính là Đệ Tử Quy của hàng Pháp Thân Bồ Tát. A! Đã hết thời gian rồi!

Tập 1466

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp đoạn thứ tư là Giải Phương (解妨, giải trừ những điều chướng ngại) trong phần năm môn phân biệt của [Hoa Nghiêm Kinh Sớ dành cho] phẩm Tịnh Hạnh. Phần trước nói về “*hạnh cùng tu mười độ*”, phần kế đó chính là hạnh Tứ Hoàng Thệ Nguyên. Chúng ta xem đoạn kinh văn này.

(Sớ) Hựu giai nguyện lợi sanh, giai thành Phật đức, kiến ác tất linh kỳ đoạn, kiến thiện tất linh kỳ cụ, tức Tứ Hoàng Thệ Nguyên chi hạnh dã.

(疏)又皆願利生，皆成佛德，見惡必令其斷，見善必令其具，即四弘誓願之行也。

(Sớ: Lại nữa, đều nguyện lợi lạc chúng sanh, đều thành Phật đức, thấy điều ác, ắt làm cho nó đoạn, thấy điều thiện, ắt làm cho nó trọn đủ. Đây chính là hạnh Tứ Hoàng Thệ Nguyên).

Tứ Hoàng Thệ Nguyên là tông cương lãnh trong Hạnh Môn của chư Phật, Bồ Tát, các đồng học đều biết hết sức rõ ràng, miệng thường xuyên niệm, niệm đã lâu lâu rồi! “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Đó là Tứ Hoàng Thệ Nguyên. Hết thấy chư Phật đều nương theo cương lãnh này để tu thành Phật, hết thấy Bồ Tát không vị nào chẳng nương theo [tông cương lãnh này] để tu hành. Vì thế, nó là tông phương hướng, tông mục tiêu, và tông cương lãnh trong Hạnh Môn. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã giảng rất nhiều lượt, có cần phải giảng nữa hay không? Cần chứ! Vì sao? Chẳng làm được.

Giáo học Phật pháp và giáo học Nho gia xác thực là khác nhau. Giáo học của Phu Tử là “*cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản*” (nêu ra một góc mà chẳng thể suy ra ba góc kia), Phu Tử sẽ không dạy, người quá ngu ngốc! Phật pháp khác hẳn, Phật pháp thật sự là từ bi đến tột bậc, “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, nói hay quá! Phật pháp chẳng sợ phiền phức, chẳng sợ trùng lặp, vì sao? Đức Phật biết căn tánh của hết thấy chúng sanh, tập khí phiền não quá u là sâu, chẳng nhắc đi nhắc lại vô số lần, sẽ chẳng cảnh tỉnh được! Khi quý vị nói, họ gật đầu, họ nghe thấy rất đúng, chớp mắt đã quên tuốt, cảnh giới hiện tiền vẫn do phiền não làm chủ. Bản thân họ có biết hay không? Không biết! Quý vị bèn hiểu tập khí phiền não nghiêm trọng dường ấy! Khi nào trong hết thấy các trạng huống và cảnh duyên, quý vị đều có thể dấy lên sự giác quán, tức là “*công phu quán chiếu*” như Tông Môn đã nói, chúng ta thường nói là “*dấy tâm cảnh giác*”, công phu mới có thể đắc lực. Chẳng dấy lòng cảnh giác, công phu của quý vị chẳng có cách nào đắc lực. Do vậy, hữu ý hoặc vô ý thường nổi nóng. Do nguyên nhân gì? Đức Phật đã nói rất hay: Tập khí Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não quá nặng!

Do vậy, khá nhiều kinh điển trong giáo pháp Đại Thừa đều nói: “*Chúng sanh Diêm Phù Đề cứng cõi, khó giáo hóa*”, không phải chỉ riêng kinh Địa Tạng

[nói như thế]. Phải biết Sự và Lý này. Sau khi đã biết, chính quý vị sẽ biết xử lý như thế nào? Đối trước chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa, người thật sự học Phật có thể thông đạt, lý giải Phật pháp, [sẽ cảm nhận] hoàn cảnh là tốt hay xấu? Tốt chứ! Chẳng phải là không tốt. Đúng như trong kinh đức Phật đã dạy: “*Tu hành trong thế giới Sa Bà một ngày bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc*”. Quý vị nói xem: Thế giới Sa Bà có tốt đẹp hay không? Tốt lắm! Vì sao tu hành trong thế giới Sa Bà có công đức và lợi ích thù thắng như vậy? Trong cõi này, có nhiều nghịch cảnh. Trong nghịch cảnh mà quý vị có thể tu đến mức như như bất động, trong thuận cảnh cũng tu như như bất động, quý vị đã thành công. Hễ gió cảnh giới bên ngoài vừa động, quý vị chịu không nổi, đến ngày nào quý vị mới có thể thành công?

Những kẻ tu hành bình phàm luôn mong mỗi tìm được một hoàn cảnh thanh tịnh, [tìm được] một nơi chẳng có phiền não, chẳng có chướng ngại. Quý vị hãy ngẫm xem: Quý vị có phước báo to cỡ nào thì mới có thể tìm được một nơi như vậy? Nói thật thà, Thích Ca Mâu Ni Phật còn tìm chẳng được! Từ kinh giáo, chúng ta thấy, thuở đức Phật tại thế, bên ngoài có lục sư ngoại đạo⁸ quấy nhiễu, phê bình, hủy báng, chướng ngại các học trò, khiến cho các môn đồ mất tín tâm đối với đức Phật. Đó là hoàn cảnh bên ngoài. Trong thì có Lục Quân tỳ-kheo⁹, tức là những học trò chẳng vâng lời, khuấy rối trong Tăng đoàn, gây chuyện rắc rối. Oai đức của Phật to lớn [mà còn gặp nghịch cảnh như thế]. Đẹp yên họ, đã đẹp yên rồi họ lại khuấy rối tiếp. Đây cũng là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện.

⁸ Lục sư ngoại đạo là sáu lãnh tụ tôn giáo thời ấy tại Ấn Độ:

1) A Kỳ Đa Xí Xá Khâm Bà La (Ajita Kesakambalin): Chủ trương Thuận Thế Luận, tức là chủ trương duy vật, cho rằng con người do Tứ Đại hợp thành, chết đi là hết, chẳng có đời sau, chẳng có nhân quả.

2) Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên (Pakudha Kaccayana): Chủ trương con người do thất đại hợp thành (đất, nước, gió, lửa, khổ, lạc và mạng), vật chất, đau khổ, khoái lạc và linh hồn đều chẳng liên quan gì với nhau.

3) Phú Lan Nan Ca Diếp (Purana Kassapa): Chủ trương thiện ác đã làm trong đời này chẳng thể mang sang đời sau được, chẳng dẫn đến quả báo trong đời vị lai, hoàn toàn theo thuyết phủ định nghiệp nhân, không có gì là đạo đức hay vô đạo đức.

4) Mạt Già Lê Câu Xá Lê Tử (Makkhali Gosāla): Tu tiên bằng cách lỏa thể, khát thực, chủ trương con người bất lực, đau khổ là chuyện tiền định.

5) San Xá Dạ Tỳ La Chi Tử (Sanjaya Bellatthiputta): Chủ trương hoài nghi luận.

6) Ni Càn Đà Nhã Đề Tử (Nigantha Nataputta), còn gọi là Mahavira (đại lực giả) chính là thi tổ của Kỳ Na Giáo (đạo Jain hiện thời): Chủ trương gạt bỏ mọi đau khổ bằng cách tránh tạo ác nghiệp.

⁹ Lục Quân tỳ-kheo (Sad-vargika-bhikṣu) là sáu vị tỳ-kheo thường kết bè đảng, gây nên những chuyện mất oai nghi, rắc rối trong Tăng đoàn, tạo cơ hội cho đức Phật chế định giới luật. Thông thường tên của sáu vị ấy được kể như sau: Nan Đà (Nanda), Ô Bạt Nan Đà (Upananda), A Thuyết Ca (Āsvaka, Mã Túc), Bồ Nại Bà Tố Ca (Punarvasu, Mãn Túc, đôi khi còn phiên âm là Phú Na Bà Sa hoặc Phát Na Bạt), Xiển Đà (Chanda, tức Xa Nặc, là người đánh ngựa của Thái Tử Tất Đạt Đa).

Đức Phật tại thế, trong Tăng đoàn còn là như vậy, huống gì đời sau, huống hồ hiện thời lại là thời kỳ Mạt Pháp! Nếu muốn trong Tăng đoàn không có ai quấy rối, há chẳng phải là phước báo còn to hơn Thích Ca Mâu Ni Phật ư? Chẳng thế nào có chuyện đó được! Nếu muốn trong Tăng đoàn chẳng có kẻ nào tới quấy rối, chỉ có một cách: Chẳng cần lập Tăng đoàn, ta tu một mình tại gia thì được! Một người tu tại gia, cũng có lẽ còn có người nhà quyền thuộc của quý vị kiếm chuyện làm phiền! Quý vị nghĩ xem: Lắm nỗi khó khăn ngàn ấy! Những khó khăn ấy quý vị đều có thể khắc phục, cho nên công phu tu hành của quý vị vượt trội [công phu tu tập trong] thế giới Cực Lạc! Vì sao? Thế giới Cực Lạc chẳng có những nỗi phiền phức ấy, toàn là “*các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ*”. Trong ấy, chẳng có kẻ tìm đến gây phiền phức, chẳng có kẻ nào bất thiện. Do vậy, người ấy tiến bộ chậm chạp, phiền não tập khí chẳng dễ dàng tiêu trừ. Thế giới Sa Bà có lắm kẻ gây phiền phức, [cho nên] tiêu nghiệp chướng nhanh chóng. Vấn đề ở chỗ nào? Quý vị phải nhận biết.

Đạo tràng nào cũng đều chẳng phải là ngoại lệ! Tôi thân cận ba vị thầy. Tiên sinh Phương Đông Mỹ là giáo sư đại học, người hủy báng thầy rất nhiều, người phê bình thầy cũng rất đông. Họ nói ngay trước mặt tôi. Hơn nữa, còn có kẻ phê bình là đồng hương, cùng là người huyện Đồng Thành (thuộc tỉnh An Huy), hiểu biết trạng huống gia đình của thầy rất rõ ràng, dấy lên rất nhiều chuyện thị phi. Tôi nghe nói, tâm có dao động hay không? Hễ dao động, ai bị thua thiệt? Chính tôi bị thua thiệt! Điều gì cũng đều chẳng học được! Sau khi tôi nghe xong, như như bất động. Chúng ta phải hiểu rõ lý này: Dầu kẻ khác nói Phương tiên sinh đủ thứ sai trái, tối thiểu là [nói về] Phương tiên sinh hai mươi năm trước, tôi cũng không quen biết [thầy thuở đó]. Anh quen biết thầy ở quê nhà, tôi chẳng quen biết! Hai mươi năm sau, cổ nhân nói: “*Sĩ*” (士) là người đọc sách, “*sĩ cách tam nhật, quát mục tương khán*” (kẻ sĩ cách biệt ba ngày, phải dụi mắt nhìn). Người ấy đọc sách mỗi ngày, tụng công mỗi ngày, sửa lỗi mỗi ngày, những tập khí không tốt trước kia nay đều sửa đổi cả! Đã sửa đổi, nhưng quý vị chẳng biết, quý vị chẳng tiếp xúc thầy. Tôi học tập với thầy, mỗi tuần gặp mặt thầy, thường xuyên gặp mặt, những điều quý vị đã nói tôi chẳng nhận thấy nơi thầy. Phải hiểu đạo lý này!

Kẻ ác có thể biến thành người tốt, người tốt có thể biến thành người xấu, đích thân chúng tôi đã kinh nghiệm. Người thân cận quanh mình trước kia hết sức tốt đẹp, sau khi bị người khác “*đâm bị thóc, chọc bị gạo*”, ngay lập tức thay đổi thái độ, biến thành kẻ cừ địch. Trong tâm chúng tôi biết rõ, chúng tôi bị oan uổng, người đó chẳng biết. Đến khi người ấy đã biết, người ấy cũng hối hận. Tuy hối hận, chẳng buông thả diện xuống được, chẳng muốn gặp mặt tôi. Tôi rất muốn gặp mặt người ấy, người ấy cự tuyệt, chẳng bỏ thể diện được! Những chuyện này đều là do có phiền não tập khí. Thầy Lý có kẻ hủy báng cụ, Chương Gia đại sư cũng có kẻ hủy báng Ngài, trước nay, tôi chẳng dao động, chỉ có một lòng tôn sư trọng đạo, chúng ta mới có thể học được này nọ. Tổ Ấn Quang đã nói rất tuyệt: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”.

Dầu đời này chúng ta làm điều tốt cách mấy đi nữa, trước khi chúng ta học Phật, có tạo ác nghiệp hay không? Có! Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, có tạo ác nghiệp hay không? Có quá đáng với người khác hay không? Chúng tôi tin tưởng, khẳng định là có, rất ư là nhiều, vậy thì được rồi! Nay chúng ta mong học tốt đẹp, những oán thân trái chủ trong quá khứ và đời này sẽ đến chướng ngại, tới gây phiền phức. Đó là lẽ đương nhiên! Họ đến nhiều loạn đạo tràng, đến hủy báng sư phụ của chúng ta, hủy báng pháp môn của chúng ta, chúng ta hiểu rõ: Họ đến báo oán, đến gây chướng ngại. Chỉ cần bản thân ta như như bất động, sẽ chẳng phá hoại tín tâm, chẳng phá hoại nguyện tâm, chẳng phá hoại sự học tập của ta, mà ngược lại, sẽ khiến cho ta tiến bộ càng nhanh hơn. Đối với những kẻ bịa chuyện, sanh sự hủy báng, ta càng cảm kích họ. Vì sao? Họ giúp chúng ta tăng tốc độ [tiến bộ], tiến cao hơn!

Do vậy, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay: “*Cảnh duyên không tốt, xấu*”. Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên đều bình đẳng, chẳng có tốt, xấu. “*Tốt xấu do tâm sanh*”. Chính quý vị phải gánh trách nhiệm. Thị phi, thiện ác là do chính mình sanh tâm. Chính mình dùng thiện tâm đối đãi, sẽ toàn là cảnh giới tốt đẹp. Chính mình dùng cái tâm bất hảo để đối đãi, sẽ đều là cảnh giới bất hảo! Nói cách khác, nơi người ta là cảm, chúng ta ứng như thế nào? Nếu quý vị hiểu đạo lý này, tu hành trong thế giới Sa Bà, sẽ tiến bộ rất nhanh, khẳng định là sẽ vượt trời thế giới Cực Lạc. Chẳng hiểu đạo lý này, đối với thuận cảnh thiện duyên, sẽ sanh tâm hoan hỷ, đối với nghịch cảnh ác duyên, sanh tâm sân khuê, chắc chắn là quý vị sẽ đọa lạc. Sanh hoan hỷ là sanh tâm tham. Sanh tâm sân khuê tức là khi cảnh giới bên ngoài đưa đến, quý vị sẽ sanh cái tâm gì? Sanh tham, sân, si. Quý vị tăng trưởng tham, sân, si, chẳng tăng trưởng Giới, Định, Huệ. Tham, sân, si tương phản Giới, Định, Huệ. Chẳng bị cảnh giới bên ngoài dao động, vẫn y như cũ đúng pháp tu học, chẳng bị quấy nhiễu chút nào, Giới, Định, Huệ của quý vị sẽ tăng trưởng, tăng trưởng trên mức độ rộng lớn. Vì thế, cảnh duyên bên ngoài thật sự chẳng có tốt hay xấu. Có người ở trong trạng huống ấy bèn tăng trưởng Giới, Định, Huệ với mức độ to lớn, có người tăng trưởng tham, sân, si ở mức độ to lớn, quả báo chẳng giống nhau! Bởi lẽ đó, cảnh duyên đúng là chẳng có tốt hay xấu, tốt xấu ở nơi tâm, chúng ta dùng tâm thái nào để đối với người, đối với sự, đối với vật?

Tôi học Phật đã nhiều năm ngàn ấy. Hơn hai mươi năm trước, ở Mỹ, đã viết một đôi câu đối như thế này, nay đang treo trong Phật đường, đây chính là tâm đắc học Phật của tôi. Chúng ta dùng cái tâm gì để đối với người, đối với sự, đối với vật? “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Dùng thái độ gì để xử thế? “*Khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*” (Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật). Quý vị hỏi về sự tu học của tôi ư? Sự tu học của tôi là hai mươi chữ ấy. Học Phật năm mươi bốn năm, chẳng lìa khỏi hai mươi chữ ấy. Vì thế, gặp bất cứ cảnh giới nào, tôi đều có thể chuyển. “Chuyển” thì công phu cao hơn chịu đựng, nhường nhịn một bậc. Chịu đựng, nhường nhịn thì quý vị hãy còn chấp tướng, còn đang chế phục phiền não, còn đang đè nén. Khi chuyển, sẽ là chuyển biến, chuyển ác thành thiện, chuyển mê

thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển cảnh giới. Hai mươi chữ ấy là điểm chuyển đổi của tôi, vĩnh hằng bất biến.

“*Thấy thấu suốt, buông xuống*” là do Chương Gia đại sư dạy, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” được dạy trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Thầy Lý cho tôi bộ kinh ấy, tôi có sứ mạng phổ biến, hoằng dương kinh ấy. Trong quá khứ, có khá nhiều ý kiến phản đối bản hội tập, tôi đã nói rõ ràng: Ý nghĩa thật sự chẳng phải là phản đối bản hội tập, mà là phản đối pháp sư Tịnh Không, tôi hiểu rất rõ. Bất luận là lời lẽ, bất luận là văn tự [chỉ trích], tôi đều chẳng quan tâm, chẳng có phản ứng. Hủy báng thì cứ mặc cho họ nói, thích nói sao thì cứ nói vậy, quyết chẳng trả treo một câu nào! Về mặt văn tự, tuy quý vị viết này nọ trên tạp chí, nhật báo, quý vị thích viết bao nhiêu cứ viết bấy nhiêu, tôi chẳng phản bác một chữ nào. Hai, ba năm sau, sẽ tự nhiên chẳng có chi nữa, tốt lành thay! Cái tâm thanh tịnh trong sự tu học của bản thân chúng tôi chẳng bị họ lay động, sóng to gió lớn chẳng ăn nhập gì đến tôi. Hằng ngày, tôi vẫn đọc kinh, vẫn giảng kinh. Trong các đồng học, có vị nghe [những lời chỉ trích] bèn dấy lòng bất bình, đến nói với tôi. Tôi khuyên bảo họ: Hãy nên tâm bình khí hòa, “*oan gia nên giải, chó nên kết*”, chó nên kết oán cùng kẻ khác.

Vì vậy, người ta chửi thì cứ để cho họ chửi miết. Chửi mệt rồi họ sẽ không chửi nữa. Họ muốn đánh cứ mặc cho họ đánh, chẳng cần đánh lại. Đánh tới khi mỏi tay, họ sẽ chẳng đánh nữa! Như vậy thì họ sẽ chẳng chửi, mà cũng chẳng đánh được, thiên hạ thái bình. Đây chính là phương pháp hóa giải oán đối.

Nếu đạo tràng của chúng ta có kẻ như thế đến nhiều loạn, kẻ ấy muốn chửi bới, cứ để cho hắn chửi. Cứ để mặc hắn, chúng ta hãy khéo niệm Phật. Kẻ ấy chửi mệt rồi, tự nhiên sẽ bỏ đi. Đến chửi mấy lần đều chẳng có hiệu quả gì, kẻ ấy sẽ chẳng đến nữa. Chớ nên cãi lộn với kẻ ấy, càng cãi cọ, càng thêm khúc mắc! Sau khi cãi vã, cảnh sát ở bên ngoài tới, ký giả báo chí tìm tới, hình tượng đạo tràng của chúng ta bị phá hoại, người bị tổn thất thật sự là chúng ta, kẻ đó chẳng bị tổn thất! Nhưng chúng ta bỏ mặc đó, chẳng quan tâm tới, mặc kệ các người muốn làm sao thì làm! Chửi cũng chẳng cãi lại, bị đánh cũng không đập trả, dường như là chúng ta bị thua thiệt đôi chút. Trên thực tế là chiếm đại tiện nghi. Truyền ra ngoài, [người ta sẽ nói]: “Người trong đạo tràng ấy có tu dưỡng. Người trong đạo tràng ấy là người tốt”, người bên ngoài tán thán quý vị. Mọi người từ bên ngoài sẽ đến chỗ quý vị học tập. Ở chỗ quý vị thật sự có đạo!

Đức Phật dạy người tu hành đừng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thù dật, phải làm được [những điều trên đây] thì mới được. Đối với thiện nhân là như thế, mà đối với ác nhân cũng là như thế. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, hoàn toàn chẳng phải là “quý vị đối với thiện nhân bèn chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói thù dật, chẳng ác khẩu, còn đối với kẻ ác thì có thể [làm như vậy]”. Ngài chẳng nói như thế. Đã là chẳng nói như thế, tức là đối với hết thảy mọi người, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, thiện nhân, ác nhân, đều bình đẳng như nhau, đều dùng thiện tâm thiện ý để đối đãi, tức là quý vị chẳng sai. Như vậy thì mới có thể đoạn phiền não của chính mình, mới có thể phổ độ chúng sanh.

Vì đối với những chuyện này, chúng tôi học Phật trong nửa thế kỷ qua, đã gặp rất nhiều. Khá nhiều đồng tu chẳng biết xử lý như thế nào, cảm thấy rất ưu lự, rất phiền não! Thật ra, [những nỗi phiền não ấy] chẳng có! Nếu chúng ta ưu lự, phiền não, chúng ta đã bị lừa, vì sao? Họ đã đạt mục đích. Nếu [chúng ta coi như] chẳng có những chuyện ấy, hết thấy hành vi của kẻ đó chẳng khởi tác dụng. Chẳng khởi tác dụng, họ sẽ không làm. Chính họ cũng biết chuyện ấy chẳng phải là chuyện tốt đẹp, họ hy vọng sẽ có thể đạt được hiệu quả, thế mà chẳng có hiệu quả, họ còn thực hiện để làm gì? Chẳng làm!

Chúng ta đọc sách hiểu lý, nhất định phải hiểu: Đoạn phiền não từ trong cảnh giới là thật sự đoạn. Chẳng khảo nghiệm bằng cảnh giới, quý vị nói phiền não của chính mình đã nhẹ nhàng, nhìn từ chỗ nào đây? Nhìn chẳng ra! Quý vị nói trí huệ của quý vị tăng trưởng, cũng chẳng nhìn ra. Đều là từ trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, mới thật sự biết công hạnh của chính mình đã đạt đến giai đoạn nào? Có tăng tấn hay không? Mấy năm trước, gặp chuyện ấy sẽ nổi cáu; nay gặp những chuyện này, tâm bình khí hòa, chẳng nổi cáu, cho thấy quý vị có tiến bộ. Đối với những kẻ tìm đến gây phiền, quý vị sẽ tự nhiên rất khách sáo, đối đãi cung kính với kẻ ấy. Vì sao? [Những người ấy chính là] thầy đến khảo thí, kiểm xem công phu của ta có tiến bộ hay không. Không chỉ chẳng oán hận những kẻ ấy mà còn cảm tạ! Đều là lời thật, cảnh giới của chính mình tăng tấn trên một mức độ lớn. Dầu vãng sanh tôi chẳng dám nói là nắm chắc, nhưng sanh lên trời, khẳng định là nắm chắc, chẳng có mảy may nghi hoặc nào! Đã có điều kiện sanh thiên, đối với Tịnh Tông mà chân tín, thiết nguyện, nhất tâm tu học, quý vị sẽ thật sự nắm chắc vãng sanh Tịnh Độ, chẳng hoài nghi mảy may!

Đã vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, chư thượng thiện nhân là đồng tham hảo hữu của chúng ta. Sống trong thế giới này chẳng lâu, ta sẽ rời đi, còn so đo với những kẻ kiếm chuyện gây phiền phức trong thế giới này nữa hay không? Chẳng cần nữa! Bất luận kẻ kiếm chuyện gây phiền phức to lớn cỡ nào, quý vị cũng đều chẳng so đo, sẽ là tâm bình khí hòa. Quý vị còn ham hố thế giới này, chứ tôi ngay lập tức sẽ ra đi. Dầu người đó giết tôi, tôi hết sức cảm kích người đó. Vì sao? Người đó khiến cho tôi ra đi ngay lập tức, đúng là đưa tôi sang thế giới Cực Lạc. Nếu không, tôi còn phải ở lại đời ba năm. Người ấy giết tôi chết, tôi lập tức ra đi. Chẳng có mảy may tâm oán hận, chẳng có mảy may ý niệm báo thù, quý vị mới có thể vãng sanh. Nếu quý vị oán hận, muốn báo thù, thôi rồi, quý vị vẫn đọa trong tam đồ, sau đây, tìm cơ hội để báo thù. Sai mất rồi! Cơ hội làm Phật trăm ngàn vạn kiếp khó gặp, há nên dễ dãi vứt bỏ? Đó là nghiệp chướng sâu nặng, thật sự sai lầm!

Do vậy, học Phật thì chúng ta nhất định phải chuyển ý niệm, đó là chuyện cơ bản! Đối với chuyện dạy học, tôi đã nói với khá nhiều người theo đuổi công tác giáo dục. Tại đại học, tôi đã bảo nhiều vị giáo sư: “Người tiến hành công tác giáo dục, tín niệm đầu tiên là phải khẳng định con người tánh vốn lành”. Trong Tam Tự Kinh có nói: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu, tánh vốn lành), quý vị mới có tư cách tiến hành công tác giáo dục. Con người tánh vốn lành, vì sao trở thành bất thiện? Họ chẳng được giáo dục tốt đẹp! Tiếp đó, Tam

Tự Kinh nói: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Tánh thì giống nhau, do huân tập mà khác nhau). “*Tánh tương cận*” là do Không Tử nói. “*Tập*” (習) là tập quán (習慣, thói quen). Thói quen không tốt khiến cho họ dần dần xa lia bản tánh của chính mình (bản tánh vốn là thiện), bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, học theo những điều chẳng lành. Đạo lý là như thế đó.

Giáo dục được kiến lập là vì chuyện này. Cổ thư đã ghi chép: Thời Nghiêu - Thuấn, chánh trị được thực hiện tốt đẹp. Vua Nghiêu, vua Thuấn đều là những vị vua nhân đức, giáo hóa dân chúng, khiến cho dân chúng đều có thể no cơm ấm áo, xã hội an định, thiên hạ thái bình. Nhưng nếu chẳng dạy bảo những người ấy, họ suốt ngày ăn no chẳng làm gì, có khác gì cầm thú? Vì thế, mới ủy nhiệm ông Khé¹⁰ (Khé (契) là một người, là tên của một người) làm Tư Đồ. Tư Đồ (司徒) là một chức quan của chánh phủ, chương quản chuyện dạy học. Đây chính là khởi đầu của chuyện thiết lập một chức vụ chuyên quản lý giáo dục, giống như bộ Giáo Dục của quốc gia hiện thời. Vào thời cô ở Trung Hoa, trong thời đại Nghiêu - Thuấn, chánh phủ đã lập ra một quan chức chuyên môn trông coi giáo dục. Dạy những gì? Dạy luân lý đạo đức, cũng là dạy quý vị phải biết mối quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên, quan hệ giữa con người và thiên địa, quý thân. Quý vị hiểu rõ những mối quan hệ ấy, xử lý các mối quan hệ tốt đẹp, gia đình hòa thuận, quốc thái dân an, mục đích đã đạt được. Hết thấy những kỹ thuật khác đều là chuyện nhỏ nhặt, con người là căn bản. Do vậy, giáo dục Trung Hoa là giáo dục nhân bản, là giáo dục thánh hiền. Ai nấy đều là thánh hiền, ai nấy đều là người tốt, ai nấy đều biết “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, ai nấy đều biết tôn trọng người khác, kính yêu người khác, hỗ trợ hợp tác.

Giáo dục cận đại Tây phương thiên trọng khoa học, kỹ thuật. Khoa học kỹ thuật là giáo học trên phương diện sự vật, sơ sót nhân bản. Khoa học kỹ thuật phát triển, ngày càng tiến bộ, quan hệ giữa con người với nhau ngày càng xa lạ, thậm chí cha con tương tàn, thường nghe nói tới chuyện ấy. Anh em tàn sát lẫn nhau, trò giết thầy, bạn học giết nhau, thường xuyên nghe nói, đã chẳng còn là tin [sốt dẻo] đáng cho báo chí quan tâm nữa! Đây chính là như Nghiêu - Thuấn đã nói: “*Chẳng có giáo dục luân lý, con người ngay cả súc sanh cũng chẳng bằng!*” Từ mấy ngàn năm trước, đã thấy được chân tướng sự thật này. Vì vậy, lịch đại đế vương chẳng có ai không coi trọng giáo dục, đề xuất “*kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (kiến thiết đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Để quốc gia bình trị, làm thế nào để xã hội có thể an định? Làm thế nào để quốc gia hưng thịnh (vận nước tốt đẹp), cậy vào đâu? Cậy vào giáo dục. Chẳng phải là cậy vào pháp luật, chẳng phải là cậy vào cảnh sát, mà cậy vào giáo dục. Trong tổ chức chánh

¹⁰ Ông Khé, họ Từ, tên là Khé, là con trai của Đế Khốc, là em cùng cha khác mẹ của vua Nghiêu. Ông Khé chính là tổ tiên của Tổ Ất (tức vua Thành Thang về sau này). Ông cũng giúp Đại Vũ trị thủy. Sau khi trị thủy xong, ông được vua Nghiêu phong cho đất Thương Khâu (nay là thành phố Thương Lạc, tỉnh Thiểm Tây). Huyền sử của Trung Hoa lại nói ông được phong thêm chức Hòa Chánh (thường gọi là Khuyết Bá), giữ nhiệm vụ tế bái Hòa Tinh. Vì vậy, về sau, ông và Chúc Dung cùng được tôn làm Hòa Thần của Trung Hoa.

phủ vào thời cổ, giáo dục xếp hạng thứ nhất. Dưới Tể Tướng là lục bộ, bộ thứ nhất là bộ Giáo Dục. Thời cổ, không gọi là bộ Giáo Dục mà gọi là Lễ Bộ. Lễ Bộ Thượng Thư chính là bộ trưởng Giáo Dục. Trong lục bộ, ông ta lớn nhất. Những thiết chế này đã ban cho đời sau, đặc biệt là người hiện thời, một sự khai thị rất lớn.

Gia đình coi trọng giáo dục; do đó, trong gia giáo có điều khoản: “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*” (Bất hiếu gồm ba điều, chẳng có người thừa kế là lớn nhất). “*Hậu*” (後) ở đây không có nghĩa là quý vị có con cháu, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Trong đám con cháu của quý vị, chẳng có hiền nhân. Đó là đại sự! Thánh nhân, hiền nhân là do dạy dỗ mà có. Vì thế, “*vô hậu vi đại*” (chẳng có con hiếu cháu hiền là chuyện bất hiếu lớn nhất) chính là điều [bận lòng] lớn nhất trong gia giáo của quý vị! Trong xã hội trước đây, vợ chồng kết hợp thành một gia đình, trong gia đình có hai chuyện mà hai người phải chia nhau đảm trách. Vì thế, “*phu phụ hữu biệt*” (vợ chồng có chức trách khác biệt), có nhiệm vụ bất đồng. Chồng phụ trách vấn đề kinh tế, tức kinh tế của gia đình, tức là cuộc sống vật chất; chồng mưu sinh kiếm tiền nuôi nấng gia đình. Vợ ở nhà dạy dỗ thế hệ kế tiếp. Thế hệ kế tiếp trong gia đình quý vị có thánh hiền hay không, có quân tử hay không, có người tốt hay không, chính là nhiệm vụ của người vợ. Vì thế, công tác của vợ nặng hơn chồng khá nhiều. Chồng chỉ kiếm tiền nuôi gia đình. Gia đình quý vị có tiền đồ hay không, có hy vọng hay không, cậy vào con cái thuộc thế hệ sau có thành tài hay không?

Vì lẽ đó, trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã nói rất nhiều. Đối với vấn đề bàn đến chuyện nam nữ bình đẳng, nam nữ đang tranh quyền trong hiện thời, Tổ Ấn Quang đã nói rất hay: Tại Trung Hoa từ xưa tới nay, quyền lực của nữ nhân vượt trội nam tử khá nhiều. Gia đạo có thể truyền cho đời kế tiếp hay không, sự nghiệp có thể truyền lại hay không, thậm chí chánh quyền của quốc gia có thể truyền thừa hay không, đều là [do vấn đề] có người kế tục trong đời sau [hay không]? Do vậy, “*vô hậu vi đại*”. Nếu quý vị chẳng có thế hệ kế thừa, gia đình của quý vị đã xong đời, sự nghiệp của quý vị chẳng có truyền nhân (người kế thừa) thuộc thế hệ kế tiếp, đến khi quý vị chết đi, sự nghiệp liền tiêu tán. Bồi dưỡng nhân tài kế tục trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, đó là sự nghiệp to lớn trong gia đình, do phụ nữ đảm nhiệm. Đối với Khổng Phu Tử, bao nhiêu người biết mẹ của Khổng Phu Tử, chẳng biết cha Khổng Tử [là ai]. Bao nhiêu người biết mẹ Mạnh Tử, chẳng biết cha của Mạnh Tử. Vì sao? [Các vị thánh nhân thế gian ấy] do mẹ dạy dỗ mà thành, đạo lý ở ngay chỗ này!

Vì vậy, Tổ Ấn Quang chủ trương: Phụ nữ chẳng cần phải tranh quyền cùng nam giới trong xã hội. Hãy ở nhà dạy dỗ con cháu cho tốt, khiến cho từ nhà quý vị nẩy sanh thánh nhân, hiền nhân. Không chỉ là rạng rỡ tổ tông trong gia đình, mà người khắp cả nước, người trên toàn thế giới đều hưởng phước âm từ gia đình của quý vị. Công tác ấy vĩ đại lắm! Đáng tiếc là hiện thời chẳng có ai nói, chẳng có ai biết. Nếu chúng ta không đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao thì cũng không biết. Bao nhiêu người đọc đến đoạn này trong Văn Sao đều sơ sót ý nghĩa

chánh yếu của Tổ, chẳng lưu ý điều căn bản này, chuyện này quá to lớn! Vì thế, chính mình nhất định phải phát đại nguyện lợi ích hết thảy chúng sanh.

Một trăm bốn mươi một nguyện ở nơi đây, nguyện nào cũng đều nhằm lợi ích chúng sanh. Thấy điều ác, mong tìm phương pháp giúp đỡ người khác đoạn ác, hãy dùng phương pháp nào? Dùng cách “chính mình hãy đoạn ác”, làm cho người khác thấy. Quý vị chẳng cần khuyên họ! Quý vị khuyên họ, chưa chắc họ đã có thể tiếp nhận. Mỗi ngày quý vị đều làm như vậy, hằng ngày họ đều trông thấy. Đồi ba năm, họ sẽ giác ngộ, hoặc tám, mười năm, họ sẽ giác ngộ. “*Quý vị đã làm đúng, ta làm chẳng đúng*”, đã giác ngộ! Phải tốn thời gian, phải kiên nhẫn! Thấy điều lành, hy vọng người khác cũng sẽ lành (cũng có điều tốt lành giống như vậy) thì cũng phải làm cho người khác thấy! Chẳng làm, chắc chắn sẽ chẳng đạt được hiệu quả.

Hiện thời, xã hội động loạn, xung đột liên tiếp xảy ra. Vì thế, trong xã hội, những người lãnh đạo quốc gia, những người lãnh đạo xí nghiệp, đoàn thể, những nhà lãnh đạo tôn giáo, những vị học giả, chuyên gia trong giới học thuật, có người nào chẳng quan tâm hóa giải xung đột, xúc tiến an định, hòa bình? Liên Hiệp Quốc đã lập ra một cơ cấu để chuyên môn nghiên cứu chuyện này. Hằng năm chẳng biết đã mở bao nhiêu hội nghị, đồ ra nhân lực, tài lực, vật lực. Tôi đã tham gia năm lần, hiểu rõ: Chẳng đạt được hiệu quả! Chúng tôi nghe các chuyên gia, học giả bàn luận, có lý lắm, nói toàn những điều hợp lý, cuối cùng thì sao? Chẳng thể thực hiện được! Tỷ lệ động loạn mỗi năm một tăng, tai hại mỗi lần một nghiêm trọng hơn, khiến cho rất nhiều người tham dự công tác hòa bình mất lòng tin. Sau khi mở hội nghị, có rất nhiều học giả, chuyên gia (chúng tôi rất quen thuộc) có địa vị rất cao, có những vị đảm nhiệm chức bộ trưởng Giáo Dục, hoặc là giáo sư đại học, gặp mặt bàn luận đều cười khở, lắc đầu, làm không được! Về sau, tôi không tham dự những cuộc hội nghị ấy nữa, tôi đã hiểu rõ, đã liễu giải. Chẳng tham gia thì không biết, chứ sau khi đã tham gia, thấy đều liễu giải: Nguyên nhân căn bản ở chỗ nào? Bản thân chúng ta chẳng làm được! Vì thế, chẳng có đủ sức ảnh hưởng, chính mình chẳng làm được mà!

Chính mình lúc chẳng vừa lòng bèn nổi cáu, còn đập bàn, làm sao được nữa? Vậy thì làm sao có thể hòa bình? Tâm bình khí hòa, quý vị thấy đó: Bình bèn có hòa. Tâm nếu bình, khí sẽ hòa; hòa bình do đây mà có. Sau khi đã đối đãi bình đẳng thì mới có sự cư xử hòa thuận. Tôi tham gia hội nghị kể ra cũng chẳng ít lượt, tôi cũng được coi như là một trong những người giảng diễn chủ yếu. Mỗi lần tôi đều đề xuất: “*Đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận*”. Nước lớn và nước nhỏ phải bình đẳng, nước giàu và nước nghèo phải bình đẳng, chủng tộc phải bình đẳng, tôn giáo phải bình đẳng, mỗi nghề nghiệp cũng phải bình đẳng. Sau khi đã bình đẳng thì mới có sự cư xử hòa thuận. Nếu bất bình đẳng, lấy đâu ra hòa thuận? Bất bình đẳng sẽ nảy sanh xung đột xã hội, sẽ tạo thành hiểu lầm, sẽ tạo thành đối lập. Căn nguyên của tất cả hết thảy xung đột là bất bình đẳng, bình đẳng đối đãi rất trọng yếu!

Người Hoa nói “hòa bình” thì Hòa là quả, là sự cư xử hòa thuận. Quả do đâu mà có? Đối đãi bình đẳng, đó là nhân. Trung Hoa và Ấn Độ có rất nhiều chỗ

giống nhau, đều đem quả báo để nói ở đằng trước, nói nhân ở sau. Người thế gian luôn coi trọng quả báo, quý vị nói đến quả trước, họ sẽ chú ý. Sau đây mới nói vì sao có cái quả ấy, nhân là gì? Cái nhân của sự hòa thuận là bình đẳng. Bình đẳng nhất định phải bắt đầu thực hiện từ bản thân. Thực hiện từ chỗ nào? Phải hóa giải ý niệm đối lập với hết thầy mọi người, hết thầy sự, hết thầy vật, hóa giải những ý niệm hiểu lầm trong nội tâm của chính mình. Người khác hiểu lầm ta cũng được, ta chẳng hiểu lầm kẻ khác. Người khác đối lập với ta, cứ việc! Ta chẳng đối lập với họ. Chư vị phải hiểu, đối lập nhất định là song phương; diệt trừ một phương thì phương kia sẽ chẳng đối lập được nữa. Họ đối lập, ta chẳng đối lập. Xung đột là song phương, hiểu lầm cũng là song phương. Chỉ cần nơi phía ta chẳng có, nơi họ nhất định cũng sẽ dần dần hóa giải. Sở dĩ Phật, Bồ Tát có thể tu hành thành Phật, đạo lý là ở chỗ này.

Vì vậy, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Hễ có gì chẳng làm được, hãy xét lại mình), “*kỷ sở bất dục, vật thi u nhân*” (điều gì chính mình chẳng muốn, chớ làm cho người khác). Quý vị hạ thủ công phu tại đó, bất luận pháp thế gian hay Phật pháp, đều có thể thành tựu. Dạy người khác tu thiện như thế nào? Dạy người khác đoạn ác như thế nào? Đều bắt đầu thực hiện từ chính bản thân mình. “*Học vi nhân sự, hạnh vi thế phạm*” (Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), phải nêu gương tốt cho người khác xem. Con người sống trên cõi đời rất ngắn ngủi, một trăm năm xác thực là một cái khảy ngón tay, một sát-na. Tôi đã tám mươi tuổi, nghĩ đến cuộc sống xưa kia ở nông thôn lúc bảy, tám tuổi, giống như ngày hôm qua! Tám mươi năm như một cái khảy ngón tay, có ý nghĩa gì đâu? Lời đức Phật nói chẳng sai tí nào, “*vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (muôn thứ chẳng mang theo được, chỉ có nghiệp theo thân). Trong thế gian này, cái gì là của quý vị? Quý vị có thể mang theo thứ gì? Thân thể chẳng mang theo được. Đã là chẳng mang theo được, hãy buông xuống toàn bộ, chẳng cần nữa! Cái mang theo được, hãy lưu ý, chỉ có nghiệp theo thân. Quý vị có thể mang ác nghiệp theo được, thiện nghiệp quý vị cũng có thể mang theo được, tịnh nghiệp quý vị cũng mang theo được! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta sẽ mang theo tịnh nghiệp tốt nhất.

Tịnh nghiệp là gì? Dùng cái tâm thuần tịnh, tâm thuần thiện đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, mang theo [tịnh nghiệp ấy]. Đời sau, quý vị sẽ ở trên cõi trời, chẳng ở trong nhân gian. Quý vị tu Tịnh Độ, quý vị ở Tây Phương thế giới Cực Lạc, quý vị thành Phật trong một đời, thù thắng lắm! Mang theo tịnh nghiệp, chẳng mang theo nhiễm nghiệp, thiện hay ác đều là nhiễm nghiệp. Tịnh nghiệp là gì? Làm lành, nhưng chẳng chấp tướng. Đoạn ác tu thiện chẳng vì chính mình thì là tịnh nghiệp. Chẳng có chính mình, chỉ vì chúng sanh, đây là thuần tịnh, thuần thiện, là Tứ Hoàng Thệ Nguyệt Bồ Tát hạnh! Được rồi, chúng ta nói tới chỗ này.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phần Số kế tiếp.

(Sớ) Cố Trí Thủ tổng tiêu chư đức dĩ cầu kỳ nhân, Văn Thù linh thiện dụng tâm, đôn hoạch chúng quả. Dẫn ngôn duy nguyện, khởi bất hoặc tai!

(疏)故智首總標諸德以求其因，文殊令善用心，頓獲眾果，但言惟願，豈不惑哉。

(Sớ: Vì thế, Trí Thủ nêu chung các đức để cầu cái nhân, Văn Thù dạy hãy khéo dụng tâm để nhanh chóng đạt được các quả. Kẻ chỉ nói [phẩm Tịnh Hạnh] là “chỉ có nguyện”, há chẳng làm lạc thay!)

Câu này nhằm tổng kết. Trong phần trước là Giải Phương, giả sử có người nêu ra câu hỏi này: “Trong một trăm bốn mươi một nguyện ấy, dường như chẳng có Hạnh, chỉ có Nguyện, chẳng có Hạnh!” Trong đoạn này, Thanh Lương đại sư đã phân tích, nói cặn kẽ [các nguyện ấy] gồm mười bốn loại, chia đại lược thành sáu đoạn. Vì thế, trong phần tổng kết, Ngài nhắc đến Trí Thủ Bồ Tát. Phẩm kinh này do Trí Thủ Bồ Tát hỏi, Văn Thù Bồ Tát giải đáp. Một hỏi, một đáp khiến cho chúng ta khai trí huệ.

“*Trí Thủ Bồ Tát*”: Quý vị hãy xem danh hiệu của Ngài; danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp, chớ nên không biết điều này. “*Tổng tiêu chư đức*” (Nêu chung các đức): Trí huệ đứng đầu trong hết thảy các đức, đó là cái nhân. Do vậy, trong phần [luận định về các] Hạnh trên đây, trong Sự Hạnh có Lý Hạnh, có Trí Hạnh. Đây là cái nhân thật sự để tu hành chứng quả. Văn Thù Bồ Tát trả lời [câu hỏi của Trí Thủ Bồ Tát] nhằm dạy chúng ta: Trong hết thảy các cảnh duyên, hãy khéo dụng tâm, quý vị sẽ có thể nhanh chóng đạt được các quả. Trong các phần trước, tôi đã nói chẳng ít, phải biết chuyển cảnh giới. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”. Bất luận cảnh giới gì, dầu là cảnh giới xấu hèn; hễ chuyển, sẽ biến thành cái nhân lành. Trong phần trước, tôi đã nói: Dầu có kẻ vô duyên vô có giết ta, ta cũng chẳng có một tí oán hận nào, chẳng có chút ý niệm báo thù nào, ta còn hoan hỷ cảm tạ kẻ đó. Vì sao? Kẻ ấy đưa ta lên trời, đưa ta sang thế giới Cực Lạc. Nếu chẳng như vậy, ta tự đi, nói chung vẫn phải trì hoãn một khoảng thời gian nào đó. Kẻ ấy đưa ta đi mau chóng ngàn ấy! Hễ ý niệm đã chuyển, chẳng có mảy may ác ý, thuận tịnh, thuận thiện, quyết định chẳng kết oán cừu! Dầu là oán cừu trong đời quá khứ, thảy đều hóa giải, khéo dụng tâm!

Tông Môn thường nói, nhằm khảo nghiệm học trò, “*nhĩ hội ma*” (ngươi hiểu chứ?) “*Hội*” (會, hiểu) có nghĩa là quý vị có biết dụng tâm hay không? Phạm và thánh dụng tâm khác nhau! Biết dụng tâm, thuận tịnh, thuận thiện, chẳng có điều gì là không tốt. Người ấy, thậm chí là đối với kẻ mắc chứng thần kinh phân liệt, vô duyên vô có dên đạo tràng gây ồn ào, âm ỉ, nếu biết dụng tâm, sẽ coi như chẳng có chuyện ấy, [coi đó] cũng là [cơ hội tốt] để tiêu nghiệp chướng cho chúng ta, nhằm khảo hạch công phu định lực, khảo hạch trí huệ của mọi người. Nếu tâm quý vị loạn, chứng tỏ quý vị tu hành chẳng có công phu! Quý vị như như bất động, thiện xảo phương tiện, ứng phó viên mãn, chẳng kết oán đối (chẳng đối lập,

chẳng kết oán), sẽ mau chóng đạt được các quả. “*Chúng quả*” (眾果) là có rất nhiều quả trong ấy, chẳng phải là một. Thông thường, do một chuyện mà Lục Ba La Mật đều thành tựu, [hoặc nói rộng hơn] sẽ là Thập Ba La Mật trong kinh Hoa Nghiêm. “*Đản ngôn duy nguyện, khởi bất hoặc tai*”: Câu này ngụ ý chỉ trích. Sao quý vị có thể nói một trăm bốn mươi một bài kệ ấy chỉ có nguyện, chẳng có trí, chẳng có hạnh? Đó là quý vị mê hoặc, Văn Thù Bồ Tát vừa giảng giải, quý vị liền hiểu rõ!

Tiếp đó, còn có hai đoạn nữa. Chúng ta xem đoạn vấn đáp trước:

(Sớ) Phục hữu vấn ngôn.

(疏)復有問言。

(Sớ: Lại có kẻ hỏi rằng).

Đây là “lại có”, tức là lại có người nêu ra nghi vấn.

(Sớ) Phù diệu hạnh giả, thống duy vô niệm, kim kiến thiện, kiến ác, nguyện ly, nguyện thành, bì dịch thân tâm, khởi đương vi đạo?

(疏)夫妙行者，統唯無念，今見善見惡，願離願成，疲役身心，豈當為道。

(Sớ: Ôi! Diệu hạnh đều chỉ là vô niệm, nay thấy thiện, thấy ác, nguyện lìa, nguyện thành, nhọc nhằn thân tâm, há đáng coi là đạo ư?)

Chư vị hãy ngẫm xem, có kẻ nào nêu ra câu hỏi này hay không? Có chứ! Lại còn có rất nhiều! Luôn luôn chẳng rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ nêu ra câu hỏi này! Nếu nói đến diệu hạnh, diệu hạnh là tu hành ở mức độ cao. Nay chúng tôi dùng kiểu nói này, mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Phật môn nói là “*hướng thượng nhất trước*” (noi theo lẽ hướng thượng). Bất luận là tông nào, bất luận là phái nào, Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, hễ chú trọng hướng thượng sẽ đều chỉ là vô niệm. Nói đến tầng cao nhất, sẽ là vô niệm. Huệ Năng đại sư truyền Thiền Tông, “*dùng vô niệm làm Tông*”. Tông là tông chỉ (宗旨), nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong sự tu hành là “*vô niệm*”. Nhìn từ chỗ này, người tu hành, tức những vị Bồ Tát ấy thấy có thiện, ác, thành tựu thiện nguyện, lìa ác nguyện, đây chẳng phải phân biệt, chấp trước ư? Đối với chính mình chẳng phải là nhọc nhằn thân tâm ư? “*Bì*” là bì lao (疲勞, mệt mỏi), tu rất vất vả! “*Khởi đương vi đạo*”: Đây là Bồ Tát đạo ư? Bồ Tát đạo là như vậy ư? Bồ Tát đạo thì phải nên ly niệm. Chúng ta nghe [hỏi như vậy] thì dường như có lý lắm chứ!

Lại xem lời giải thích của Thanh Lương đại sư như dưới đây:

(Sớ) Đáp: Nhược tư kiến giả.

(疏)答，若斯見者。

(Sớ: Đáp: Nếu thấy như vậy).

Sở dĩ có loại kiến giải giống như trên đây.

(Sớ) Ly niệm cầu vô niệm.

(疏)離念求於無念。

(Sớ: Lìa niệm để cầu vô niệm).

Công phu kiến giải của kẻ ấy bất quá là như thế, dùng lìa niệm để cầu vô niệm.

(Sớ) Thượng vị đắc vô niệm dã.

(疏)尚未得於真無念也。

(Sớ: Còn chưa đắc vô niệm thật sự).

Quý vị nói xem: Kẻ ấy có phải thật sự là vô niệm hay không? Thật sự vô niệm sẽ không nói những lời lẽ ấy! Thốt ra những lời lẽ ấy, kẻ đó đã khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; kẻ ấy lấy đâu ra vô niệm?

(Sớ) Huống niệm vô niệm chi vô ngại da?

(疏)況念無念之無礙耶。

(Sớ: Huống hồ vô ngại đối với niệm và vô niệm ư?)

Đấy mới là thật sự vô niệm. Niệm chính là vô niệm, vô niệm chính là niệm. Niệm và vô niệm là một pháp, chẳng phải là hai pháp; đấy mới là thật sự vô niệm. Kẻ ấy đã phạm khuyết điểm ở chỗ nào? Luôn đọa trong hai pháp, [thấy có] vô niệm và hữu niệm đối lập. Thấy thiện và ác đối lập. Nguyên xa lìa và nguyên thành tựu đối lập, toàn là hai pháp. Nói theo Đản Kinh, “*hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị*”. Quý vị hãy xem câu trả lời của Lục Tổ Huệ Năng đại sư dành cho pháp sư Ấn Tông có hợp lý hay chẳng? Đấy là thật sự vô niệm.

Niệm chính là vô niệm, đó là “*chân vô niệm*”. Khi chẳng khởi tác dụng, đúng là niệm nào cũng đều chẳng có. Khi khởi tác dụng, thứ gì cũng đều hiểu rõ, vô lượng nguyện hạnh khởi tác dụng. Chẳng có tác dụng là Thể, khởi tác dụng là Tướng và Dụng. Thể, Tướng, Dụng là một, không hai. Có Thể, có Dụng; hề có Dụng bèn có Thể. Thể chẳng lìa Dụng, Dụng chẳng lìa Thể. Nếu có Thể mà chẳng có Dụng, cái Thể ấy cũng chẳng sử dụng được! Pháp Tánh là Thể, Pháp Tướng là Dụng. Pháp Tánh rỗng lặng, chẳng có dấu vết. Chúng ta nói đến Không, thì Không cũng chẳng có, [đó là] Pháp Tánh. Pháp Tướng chẳng có số lượng, vô lượng vô biên. Tuy là vô lượng vô biên, ngay nơi cái Thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được! Quý vị nói nó là có hay không có? Tánh và Tướng chẳng hai, Lý và Sự như một, thật sự vô niệm. Đạo lý này rất ư là sâu, nếu quý vị chẳng nhận thức những điều này, đối với Đại Thừa Viên Giáo, sẽ có nhiều nỗi nghi vấn.

Do vậy, tầng cao nhất chính là chẳng có pháp chương ngại. Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư đã nói bốn thứ vô ngại: Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, [đó là] bốn thứ vô ngại. Đây mới là Thật Tướng của các pháp, tức là chân tướng của hết thảy các pháp. Vì sao có chương ngại? Nay chúng ta thì như thế nào? Hiện thời, chúng ta Sự Sự đều có trở ngại, Lý Sự cũng bị trở ngại, Lý và Sự chẳng thể tương thông, tức là có chương ngại. Lý có trở ngại, Sự cũng có trở ngại, bốn loại đều có chương ngại. Nay chúng ta đang ở trong hoàn cảnh ấy. Vì sao bốn thứ ấy đều có chương ngại? Chẳng có trí huệ!

Do vậy, trong đoạn kinh văn này, người khái thỉnh là ngài Trí Thủ, người giải đáp là ngài Văn Thù, là bậc Bồ Tát trí huệ bậc nhất. Ở đây, [lời Sớ] nói ngài Văn Thù dạy “*hãy khéo dụng tâm*”. Kinh Kim Cang bảo “*ba tâm đều chẳng thể được*”, dùng cái tâm gì? Toàn là vấn đề! Nói viên dung như thế nào? Thừa cùng chư vị, trên sự thật là viên dung, nhưng nói ra, rất khó thể diễn tả viên dung. Vì sao? Quý vị nói bên này, chẳng thể đồng thời chiếu cố bên kia; bởi lẽ, ngôn ngữ hữu hạn! Không chỉ là ngôn ngữ hữu hạn, mà tư duy tưởng tượng cũng có hạn chế. Buông xuống ngôn ngữ, tư duy, quý vị sẽ thấy viên dung. “*Ngôn ngữ dứt bất, tâm hạnh xú diệt*”, pháp giới viên dung bao gồm bốn thứ vô chương ngại ở ngay trước mặt. Do vậy, lỗi lầm ở chỗ nào? Lỗi lầm ở chỗ sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; đây là làm lỗi. Pháp giới viên dung vô ngại toàn bộ bị biến dạng, thuận theo vọng tưởng của chúng ta mà vắn vẹo, có phải là thật sự vắn vẹo hay không? Chẳng có! Thật sự là như như bất động, quyết định chẳng bị quý vị quấy nhiễu. Sự vắn vẹo nơi quý vị chỉ là cảnh giới hư huyền, chẳng thật sự tồn tại, nảy sanh từ huyền tưởng và huyền giác, chẳng có chuyện như vậy! Nếu Phật, Bồ Tát chẳng nói xuyên suốt cho chúng ta biết, xác thực là suốt một đời này, chúng ta có mộng cũng chẳng nghĩ tới được, mê hoặc suốt một đời, đời sau lại tiếp tục mê hoặc. Khi nào thì mới có thể phá mê, khai ngộ? Đúng là quá ư khó khăn! Vì thế, bộ đại kinh này đúng là “*trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”!

Vào đời nhà Thanh trước kia, ông Bành Tế Thanh là một vị đại đức, đã nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”. Quý vị đã được nghe Phật pháp, [đây chính là cơ hội] hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Người ta thấy [cơ hội ấy] quý trọng dường ấy, khó có ngàn ấy; vì thế, cái tâm cầu pháp, cái tâm học pháp sẽ khác hẳn, thành tựu tự nhiên sẽ khác hẳn! Một phần thành kính, đạt được một phần thành tựu; người ta mười phần thành kính, khó trách người ta đạt được mười phần thành tựu. Xác thực là ông Bành Tế Thanh đã thấy thấu suốt, buông xuống. Ông ta là một người rất lỗi lạc. Vừa nhược quan bèn đỗ Tiến Sĩ, “*nhược quan*” (弱冠) là chưa đầy hai mươi tuổi, lúc mười tám, mười chín tuổi đã thi đậu Tiến Sĩ. Cha ông là Binh Bộ Thượng Thư vào đời hoàng đế Càn Long, giống như bộ trưởng Quốc Phòng hiện thời. Vì thế, nói theo cách hiện thời, ông ta là “con em cán bộ cao cấp”, lại thông minh cỡ ấy, chưa đầy hai mươi tuổi đã đỗ Tiến Sĩ. Gia đình rất giàu có, chẳng lo lắng về cái ăn, cái mặc, chẳng ra làm

quan mà đi học Phật. Ông ta chẳng xuất gia, làm cư sĩ, học Phật hết sức thành tựu!

Ông ta nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”. Ông ta có soạn bộ Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận. Ông Bành trước tác rất nhiều, đồ công dốc sức rất sâu nơi Nho, Thích, Đạo, cuối cùng quy nhập Phật môn. Thật sự là bậc có đạo đức, có học vấn, chẳng phải là kẻ bình phàm! Ông Bành vãng sanh Tây Phương thế giới Cực Lạc, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có chép truyện ông ta. Hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, câu này cũng do ông ta nói. Nói về điều gì vậy? Nói về Tịnh Độ. Đời này, quý vị có thể gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, gặp kinh Vô Lượng Thọ, đó là đại sự, chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu nhé! Ông đã biên soạn một bản tiết giáo cho kinh Vô Lượng Thọ, “*tiết*” (節) là tiết lục (trích lục), “*giáo*” (校) là so sánh với những bản khác, hiệu đính kinh văn. Ông ta dựa trên bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, tức là bản dịch kinh Vô Lượng Thọ của ngài Khang Tăng Khải, tham khảo những bản dịch khác để giáo đối. Bản tiết giáo này đọc rất thông thuận, dễ đọc.

Hiện thời, kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản được lưu thông, gồm năm bản dịch gốc, một bản tiết giáo của ông Bành Tế Thanh, những bản khác là bản hội tập: Bản của Vương Long Thư vào đời Tống, bản của Ngụy Mặc Thâm trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, [ông Ngụy sống] sau thời ông Bành Tế Thanh. Ông Bành Tế Thanh sống vào thời Càn Long. Bản cuối cùng là bản của Hạ Liên Cư, vào đầu thời Dân Quốc. Tổng cộng có chín bản, tức là kinh Vô Lượng Thọ có chín loại phiên bản khác nhau. Đối với chín bản khác nhau ấy, chúng tôi đều khắc in chung với nhau, in thành một tập lớn. Những vị tu pháp môn Tịnh Tông đều thấy toàn bộ. Sau khi quý vị đã xem xong cả chín phiên bản, thích trì bản nào thì dùng bản đó, đều tốt đẹp, đều có thể thành tựu.

Lại xem đoạn cuối cùng:

(Sớ) Hựu vô niệm, đản thị hạnh chi nhất dã, khởi thành nhất niệm viên đôn, như thượng sở minh dã. Hạnh học chi giả, nguyện thiện lưu tâm.

(疏)又無念，但是行之一也。豈成一念頓圓，如上所明也。行學之者，願善留心。

(Sớ: Lại nữa, vô niệm chỉ là một trong các hạnh, há chẳng thành nhất niệm viên đôn như đã nói trên đây ư? Người học Giáo và tu hành, xin hãy khéo lưu tâm).

“*Hạnh*” là tu hành, “*học*” là học Giáo. Người tu hành, học Giáo hãy khéo dụng tâm lưu ý. “*Vô niệm*” là một môn trong tám vạn bốn ngàn Hạnh Môn, như niệm Phật cũng là một môn trong tám vạn [bốn ngàn] Hạnh Môn. Trong Niệm Phật, còn chia thành Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, [những hạnh môn ấy] đều được nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Nay chúng ta chọn lựa pháp Trì Danh Niệm Phật, là một loại trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Phải biết điều này!

“*Khởi thành nhất niệm đốn viên*”. Hoa Nghiêm là nhất niệm đốn viên, nhất niệm viên mãn. Viên mãn như thế nào? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cũng là như chúng tôi thường nói: Trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quyết định chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Ở trong cảnh giới, nhất niệm đốn viên. “*Đốn*” (頓) là nhanh chóng, “*viên*” (圓) là viên mãn. Viên mãn bằng cách nào? Một niệm ấy viên mãn tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nói chung, tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng là nhất niệm. Nhất niệm là vô niệm, là không khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đã viên mãn! Người nào có thể làm được? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã làm được! Từ Sơ Trụ trở lên, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, mỗi địa vị Pháp Thân đại sĩ đều là nhất niệm đốn viên.

Vì sao có bốn mươi một địa vị? Tập khí vô thi vô minh dày hay mỏng khác nhau! Trừ điều này ra, quý vị ngay cả dấu vết đều chẳng trông thấy, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải biết điều này, đây mới là thật sự hướng thượng! Câu hỏi trên đây, tuy nói đến sự hướng thượng, nhưng hướng thượng cũng có tầng cấp. Người hỏi ấy chẳng phải là bậc thượng thượng thật sự. Giống như chúng ta lên lầu, tòa cao ốc có mười mấy tầng, tầng ấy là tầng cao nhất. Chúng ta hướng về phía trước, lên cầu thang của tầng thứ nhất, là nấc đầu tiên, còn có người ở nấc thứ hai, có người ở nấc thứ ba, đều gọi là “*hướng thượng*”. Tuy đều đang hướng thượng, mỗi người ở mỗi bậc thang khác nhau! Từ chỗ này, chúng ta quan sát, tư duy cẩn thận, sẽ dần dần hiểu rõ. Vì thế, Phật pháp nói “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Từ bi là căn bản. Từ bi là nguyện thứ nhất trong Tứ Hoảng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Chúng sanh chủng loại khác nhau, phải dùng pháp phương tiện. “*Phương*” (方) là phương pháp, “*tiện*” (便) là tiện nghi. Nói theo kiểu hiện thời, phương pháp thích hợp nhất, phương pháp hữu hiệu nhất, thì gọi là “*phương tiện thiện xảo*”. Phương tiện thiện xảo chẳng phải là pháp cố định, nhất định là ứng cơ thuyết pháp (thuận theo căn cơ để thuyết pháp). Chúng sanh căn cơ gì bèn dùng phương pháp ấy để dạy họ; sau khi họ đã học, nhất định sẽ dần dần tăng cao cảnh giới. Như vậy thì sẽ hữu hiệu.

Đối với kẻ sơ học, chế định giới luật đòi hỏi [phải tuân thủ] nghiêm ngặt. Có chương ngại, dường như là điều gì cũng đều chẳng thuận tiện. Lúc tôi mới học Phật, bạn đồng nghiệp của tôi có người đã học Phật nhiều năm, còn khi ấy tôi mới chấp chững học, ông ta bảo tôi: “*Lý luận trong kinh điển Phật giáo hay lắm, nhưng giới luật thì không được!*” Tôi nói: “*Sao vậy?*” Ông ta nói: “*Giới luật quá rườm rà, buộc anh phải trì giới, anh chẳng động đậy gì được. Giống như dùng dây trói chặt quý vị, chẳng tự do*”. [Trong những kẻ học Phật, người] ưa thích kinh luận, [ch chuộng] lý luận [suông] chiếm đa số, thật sự học cũng rất ư là ít, nguyên nhân là ở chỗ này! Thuở ấy, chúng tôi suy ngẫm [cũng ngỡ là kiểu nói ấy] đúng lắm, có lý! Chúng ta thích đọc kinh giáo, lý luận giảng giải hay quá, nhưng khi dạy quý vị làm, quý vị đều chẳng chịu làm. Dạy quý vị bồ thí, [quý vị vẫn] rất keo kiệt, chẳng buông xuống được. Dạy quý vị trì giới, dạy quý vị ăn

chay, chẳng làm được! Sau đấy, dần dần hiểu rõ đạo lý, mới biết sự dạy bảo của đức Phật là chánh xác.

Dạy quý vị đừng sát sanh, dạy quý vị ăn chay, mục đích là gì? Trường dưỡng cái tâm từ bi, chẳng nỡ ăn thịt chúng sanh. Trong cái tâm Bồ Đề, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Nuôi dưỡng lòng từ bi là nuôi dưỡng chánh giác, nuôi dưỡng bình đẳng, nuôi dưỡng thanh tịnh, nuôi dưỡng chân thành. Vì sao? Bồ Đề tâm, nhất tâm! Có Thể, có Dụng; hễ có thể nuôi dưỡng một cái, toàn bộ sẽ đều đạt được. *“Một chính là nhiều, nhiều chính là một”*, mục đích ở chỗ này. Đây là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa thứ hai là chẳng kết oán cừu với chúng sanh. Sát sanh ăn thịt là kết oán cừu với chúng sanh. Đức Phật dạy kiếp binh đao trong thế gian, tức là chiến tranh. Tai nạn chiến tranh chẳng phải là chuyện tốt lành, chiến tranh là tai nạn! Vì sao có chiến tranh? Do kết oán nghiệp cùng hết thầy chúng sanh. Kinh Phật nói: *“Người chết làm dê, dê chết làm người”*, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong, rất tàn khốc. Chúng ta muốn hóa giải oán kết, phương pháp có hiệu quả nhất chính là chẳng ăn thịt chúng sanh, đạo lý ở chỗ này!

Nay chúng ta lại gặp một kiếp nạn, hiện thời mọi người thường nhắc tới: Thân tâm đều bất an, bệnh cúm gia cầm do loài chim (ôn dịch, bird flu) lây lan. Tức là nói ôn dịch ấy do trời giáng xuống, phiền toái rất lớn! Hiện thời là mùa Đông, cổ nhân Trung Hoa thường nói: *“Chỉ sợ bệnh dịch mùa Đông chuyển thành bệnh dịch vào mùa Xuân”*, tai hại sẽ to lớn! Nhưng chúng ta nhìn vào hiện tượng trước mắt, rất có thể là bệnh dịch mùa Đông sẽ chuyển thành bệnh dịch mùa Xuân! Hôm trước, có bạn bè đến phỏng vấn, chúng tôi còn thuê một cuốn băng, đài TV Hoa Tạng cũng đặc biệt hỏi về vấn đề này! Nguyên nhân thật sự là gì? Vẫn chẳng phải là do cầm thú bị ăn quá nhiều, chúng nó đến báo thù hay sao?

Quý vị hãy nghĩ xem, có hợp lý hay không?

Chúng ta thấy căn bệnh dịch này, lại thấy tin tức thông báo: Ở những chỗ bắt đầu phát hiện chúng ôn dịch ấy, họ giết sạch gà, vịt, ngỗng ở đó. Hễ giết, bèn giết mấy chục vạn con, mấy trăm vạn con, tạo thành nghiệp nhân của chúng bệnh cúm gia cầm đấy nhé! Quý vị giết súc sanh nhiều ngàn ấy, trong số đó, có những con chẳng bị nhiễm bệnh, quý vị đã giết chúng nó trước, oán khí ấy đến cỡ nào? Quý vị chôn xác chúng ở đó, sau khi rửa nát, sẽ biến thành virus gây bệnh. Ngày nào đó, một cơn gió lớn cuốn qua, thổi đến nơi đâu, đến chỗ nào, virus liền lan truyền đến nơi đó. Đây chẳng phải là biện pháp, chớ nên giết! Nếu con người trúng phải loại virus ấy, chẳng lẽ quý vị giết sạch người ở chỗ ấy hay sao? Chẳng thể làm như thế được, mà vội vã trị liệu, còn có thể cứu được một nửa. Tôi nghe những người trong giới y khoa bảo: Tỷ lệ sống sót của người nhiễm phải loại virus ấy là một phần hai, tức là một nửa có thể chữa khỏi, nửa kia trị chẳng lành. Nếu quý vị hiểu đạo làm người, có tâm yêu thương, phát hiện những gia cầm hoặc loài chim (đối với loài chim, quý vị chẳng thể không chế chúng dễ dàng. Gia cầm trong nhà thì dễ không chế) mắc bệnh, hãy gắng chữa bệnh cho chúng, giống như đối với người, nghiên cứu phương pháp trị liệu, giúp cho chúng nó khôi phục,

khỏe mạnh, đó là đúng. Chớ nên giết! Càng giết, càng nghiêm trọng; càng giết, [bệnh tật] càng nhiều. Đấy chẳng phải là biện pháp.

Muốn diệt trừ chứng ôn dịch này, phải dùng cách trị liệu, chớ nên dùng cách sát hại. Khá nhiều người hỏi tôi, tôi có cách nhìn như thế đó. Gia súc, gà, vịt bị cúm, nếu có thể cho chúng uống thuốc chữa cảm mạo, chữa khỏi rất dễ dàng, còn hữu hiệu hơn [chữa bệnh cho] con người! Vì sao chẳng giúp đỡ chúng, chẳng trị bệnh cho chúng, mà lại giết chết chúng? Quý vị kết mối oan cừu này đã sâu lắm, oan oan tương báo. Người hiện thời chẳng tin chuyện này, chẳng có cách nào hết! Chẳng phải là nói không tin bèn chẳng có đâu nhé, vẫn có y hết! Đến lúc oan oan tương báo, quý vị hối hận thì đã muộn. Quý vị giải thích với chúng như thế nào đây? Quý vị nói ta khi ấy vô tri, giết các người oan uổng. Quả báo trong tương lai của quý vị cũng là bị kẻ khác giết chết oan uổng, cứ một báo đền trả một báo. Nhân duyên quả báo chẳng sai duyên mảy may!

Trong kinh, đức Phật đã nói: *“Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”*, [nghĩa là] những gì chúng ta tạo tác trong đời này chính là [cái nhân tạo thành] quả báo trong đời sau. Đời này thời gian ngắn ngủi, đời sau thời gian lâu dài. Trong lục đạo, chỉ có thời gian trong nhân đạo là ngắn nhất. Thiên đạo thọ mạng lâu dài, trong súc sanh có loài vật trường thọ. Thọ mạng trong địa ngục và ngạ quỷ đều rất dài, họ chịu khổ quả. Đức Phật lại nói: *“Dục tri thế thượng đao binh kiếp, đản thánh đồ môn dạ bán thanh”* (Muốn biết đao binh trong cõi thế, lò mổ hãy nghe tiếng nửa đêm). Nửa đêm giết lợn hiện thời chẳng nhiều như vậy. Hiện thời là giết mổ với một số lượng lớn; vì thế, chiến tranh hiện thời khác hẳn xưa kia. Hiện thời, có vũ khí sát thương với quy mô lớn: Một quả bom hạch nhân (bom nguyên tử) nổ, sẽ giết chết mấy trăm vạn người, há chẳng phải là vì hiện thời giết mổ những loài súc sanh [với số lượng quá lớn] ư? Một trận ôn dịch giết chết mấy vạn, mấy chục vạn, trên trăm vạn người, há chẳng phải là chuyện giống như bom nguyên tử bùng nổ ư? Nhân như thế nào, quyết định cảm quả báo như thế ấy, chớ nên không biết, chớ nên chẳng suy nghĩ kỹ càng!

Đồng học tới hỏi tôi, tôi giảng Phật pháp cho họ nghe, tôi nói chánh lý, nhất định chớ nên kinh hoảng! Tai nạn còn chưa giáng xuống thân, chính mình lại hoảng hốt, sợ hãi, bị nó dọa sợ gần chết, quý vị nói có oan uổng hay không? Là chuyện rất oan uổng! Quý vị còn chưa mắc bệnh, ở trong nhà, hằng ngày bị nỗi sợ hãi dọa chết ngất, sai mất rồi! Cổ nhân nói có lý lắm: *“Sanh tử hữu mạng, phú quý do thiên”* (Sanh tử có số, phú quý do trời). Quý vị chẳng đáng chết, đâu tai nạn kiểu nào hiện tiền đi nữa, quý vị đều có thể miễn trừ. Chẳng phải là nói khu vực này hề có tai nạn, mọi người đều chết sạch, chẳng còn một ai, chẳng thế nào! Vẫn có một số ít sống sót, chẳng bị kinh hãi bởi virus! Trong ấy có nghiệp nhân, nghiệp của mỗi cá nhân khác nhau!

Sau khi chúng ta nghe Phật pháp, hiểu những đạo lý này, bèn hạ quyết tâm chẳng kết ác duyên với chúng sanh nữa. Đối với những nghiệp duyên đã làm trong quá khứ, chúng ta thường xuyên sám hối, hồi hướng công đức do chính mình đã tu tập, tích lũy cho họ. Hằng ngày tu sám hối, hằng ngày hồi hướng cho

họ, hy vọng họ cũng có thể biết: Trong quá khứ, chúng ta vô tri. Nay chúng ta khéo tu hành, trong tương lai, sau khi chính mình đã tu thành tựu, do họ có duyên với chúng ta, nhất định sẽ độ người hữu duyên trước. Họ ở trong lục đạo, khổ chẳng thể diễn tả nổi. Nếu có người độ họ, họ cũng hoan hỷ. Như thế chính là chúng ta “ta và người đều có lợi”. Nếu họ báo thù, gây chướng ngại, đôi bên đều bất lợi. Nếu nói rõ ràng, nếu hiểu minh bạch lý, tâm chúng ta sẽ định. Tâm đã định, sẽ chẳng có ngờ vực, chẳng bị lay nhiễm dễ dàng. Lay nhiễm là gì? Do có tâm kinh sợ! Nghe chuyện ấy rất sợ hãi, sẽ dễ dàng bị lay nhiễm. Chẳng để ý đến nó tí nào; đâm ra, chẳng bị lay nhiễm dễ dàng. Dầu đã bị lay nhiễm, cũng đừng kinh hoảng, đừng sợ hãi, cứ coi như chẳng có chuyện ấy, hãy khéo niệm Phật. Chẳng thể trị bèn vãng sanh, thời gian vãng sanh đã đến rồi. Nếu trị lành thì cũng được, ở lại tu vài năm, có gì đáng sợ hãi cơ chứ?

Trung Y có toa thuốc. Năm trước có căn bệnh SARS, chúng tôi có được một toa thuốc rất tốt, tức là Tam Tiên Thang (三鮮湯). Toa thuốc ấy đã được công bố, chúng tôi đăng tải trên Internet, đài truyền hình vệ tinh Hoa Tạng cũng đã phát sóng. Nói thật ra, rất đơn giản! Cải bắp thảo (Napa cabbage), củ cải, đậu xanh, ba món ấy, tỷ lệ phải chính xác. Nếu bị ho thì thêm lê, chẳng bị ho thì không cần thêm lê. Nấu thành nước canh uống như trà, một ngày uống hai, ba lượt bèn có thể dự phòng, mà cũng có thể trị liệu, rất đơn giản, chẳng phiền phức tí nào. Mùa Đông chính là mùa sanh trưởng của cải bắp thảo và củ cải, trời đã an bài chu đáo cho con người. Lúc này có ôn dịch, những thứ ấy có thể giải trừ ôn dịch. Quý vị phải tin tưởng, phải biết dùng, không chỉ là tự mình giúp đỡ chính mình, mà còn phải chẳng có tí ti tâm riêng tư nào, giúp đỡ người khác. Tôi đã thông cáo toa thuốc ấy trên đài truyền hình Hoa Tạng, mấy ngày nay chúng tôi phát hình vài lượt, khiến cho mọi người đều biết. Nói thật ra, những toa thuốc trị liệu như vậy trong Trung Y có rất nhiều, đúng lý phải đều là hữu hiệu. Chư vị có cơ duyên này, đều có thể hướng về những vị lang y thỉnh giáo để có nhiều toa thuốc hòng tham khảo. Hôm trước, cũng có một người bạn tặng tôi một toa thuốc, trị bệnh cúm gia cầm, dường như là dùng cây mắc cỡ (Mimosa Pudica). Nấu cây mắc cỡ khô với nước, bỏ thêm đường phèn. Nếu tìm chẳng được cây mắc cỡ khô, hãy nên dùng rễ cây mắc cỡ bán trong tiệm thuốc Bắc, cũng hữu hiệu! Người ấy dùng phương pháp này.

Do vậy, tôi hy vọng các đồng học gặp phải tai nạn này, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi, chớ nên khủng hoảng. Người ăn chay đã chẳng kết oán cừu với chúng sanh, trọng yếu lắm! Chúng ta hằng ngày sám hối, phải nhận sai. Quá khứ vô tri, đã sát hại rất nhiều chúng sanh. Chúng ta phải nhận sai, phải hối lỗi; từ nay trở đi, quyết định chẳng tổn hại chúng sanh. Một niệm thiện tâm sẽ hóa giải rất nhiều nỗi oán hận. Chúng ta khởi tâm động niệm, cảnh chuyển theo tâm, phải tin tưởng lời dạy của đức Phật: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống như Như Lai*”. Một trăm bốn mươi một bài kệ trong phẩm kinh này là nêu tỷ dụ, các thí dụ nhằm dạy chúng ta chuyển đổi cảnh giới như thế nào! Thấu hiểu thì tốt lắm, có thể tự độ, lại có năng lực độ tha. Vì thế, chúng ta tu hành, học Giáo phải khéo lưu ý. Chúng tôi giảng phần Sớ của Thanh Lương đại sư đến đây!

Tập 1467

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh, phẩm thứ mười một, [xem phần] Hợp Luận của Lý Trường Giả.

(Luận) Tương thích thử phẩm, ước tác tứ môn phân biệt. Nhất thích phẩm danh mục, nhị thích phẩm lai ý, tam thích phẩm Tông Thú, tứ tùy văn thích nghĩa.

(論)將釋此品，約作四門分別。一釋品名目，二釋品來意，三釋品宗趣，四隨文釋義。

(Luận: Để giải thích phẩm này, chia thành bốn môn phân biệt: Một là giải thích tên gọi của phẩm này, hai là giải thích ý nghĩa vì sao có phẩm này, ba là giải thích về Tông Thú của phẩm này, bốn là dựa theo kinh văn để giải thích ý nghĩa).

Trong đoạn mở đầu này, Lý Trường Giả¹¹ đã chia đại ý của lời giải thích phẩm này thành bốn đoạn. Đầu tiên là giải thích tựa đề của phẩm này, chúng ta xem lời Luận:

(Luận) Nhất thích phẩm danh mục giả, hà cố danh vi Tịnh Hạnh Phẩm?

(論)一釋品名目者，何故名為淨行品。

(Luận: Một là giải thích tên gọi của phẩm kinh này. Vì sao gọi là phẩm Tịnh Hạnh?)

¹¹ Lý Trường Giả, tên thật là Lý Thông Huyền (có sách chép là Thông Nguyên), sinh năm 635, mất năm 730. Ông vốn xuất thân từ hoàng tộc, người xứ Luân Châu, có thuyết nói là Thương Châu. Ông còn có hiệu là Táo Bá Đại Sĩ. Thời trẻ, ông đổ công dốc sức nghiên cứu kinh dịch. Đến năm bốn mươi mấy tuổi, mới chuyên tâm nghiên cứu kinh Phật, đặc biệt có hứng thú với kinh Hoa Nghiêm. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719), ông đem bản Hoa Nghiêm mới dịch (Bát Thập Hoa Nghiêm) đến vùng núi thuộc thôn Đại Hiền, huyện Nam Đồng, tỉnh Thái Nguyên, để chuyên tâm soạn luận chú giải kinh Hoa Nghiêm. Suốt ba năm ông không ra khỏi cửa, mỗi ngày chỉ ăn một bữa sáng bằng mấy quả táo, và một tấm bánh làm bằng bột trộn lẫn với lá cây bách, nên người đời gọi ông là Táo Bá Đại Sĩ. Sau đó, ông dời sang một hang đất ở chân núi Thần Phước cùng huyện để dễ chuyên tâm tạo luận hơn. Năm năm sau, luận mới hoàn thành. Đó là bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận gồm bốn mươi quyển. Ông lại soạn tiếp bộ Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận gồm bốn quyển. Ông tịch vào năm Khai Nguyên 18 (730), thọ chín mươi sáu tuổi. Tông Huy Tông khi đọc tiểu sử của ông đã hết sức ngưỡng mộ, phong tặng ông danh hiệu Hiền Giáo Diệu Nghiêm Trường Giả. Vì thế, người đời sau khi nhắc đến ông, thường gọi ông là Lý Trường Giả. Sau khi Lý Trường Giả qua đời khoảng bốn hoặc năm năm sau, một nhóm pháp sư do ngài Quảng Siêu lãnh đạo đã biên tập, lưu thông bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận. Danh xưng Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận là công trình của nhóm tỳ-kheo do Chí Ninh lãnh đạo. Họ đã ghép kinh văn vào luận, chỉnh lý, hiệu đính thành bộ Hợp Luận hiện thời. Đến đời Minh, Lý Chấp viết Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận Giản Yếu (bốn quyển) và Phương Trạch viết Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận Toàn Yếu (ba quyển) đều nhằm giúp cho người học dễ nắm được tư tưởng của Lý Trường Giả.

Trước hết, nêu ra tên gọi của phẩm này. Vì sao phải gọi là phẩm Tịnh Hạnh? Dưới đây là lời giải thích.

(Luận) Dĩ vô thi chư kiến, vô minh, tham, sân, si, ái, kim dĩ phát Bồ Đề tâm, tín nhạo chánh pháp, đốn phiên chư kiến, thành kỳ đại nguyện, trưởng đại bi môn.

(論)以無始諸見無明貪瞋痴愛，今已發菩提心，信樂正法，頓翻諸見，成其大願，長大悲門。

(Luận: Do từ vô thi, đã có các kiến giải [sai lầm], vô minh, tham, sân, si, ái, nay đã phát Bồ Đề tâm, tin ưa chánh pháp, nhanh chóng đốn các kiến chấp thành đại nguyện, tăng trưởng đại bi môn).

Lời giải thích rất dài, chúng ta đọc đến đoạn này. Cứ học tập từng đoạn một! Hết thấy chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, luân lạc trong lục đạo đã từ vô thi kiếp tới nay. “Chư kiến” (諸見): “Kiến” (見) là kiến giải sai lầm, chúng ta nói là Kiến Tư phiền não. “Chư kiến” là Kiến phiền não; tiếp đó, “vô minh tham, sân, si, ái” chính là Tư phiền não. Vì thế, nói gộp lại là Kiến Tư phiền não. Vì chúng ta có Kiến Tư phiền não, Kiến Tư phiền não là nghiệp nhân thứ nhất của lục đạo luân hồi; chỉ cần Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, quý vị sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chẳng thoát ra, đương nhiên là lưu chuyển nhiều kiếp dài lâu! Dài lâu chẳng biết đến cỡ nào! Thời gian chẳng phải là xét theo ngày, tháng, năm để tính, mà là dựa theo kiếp số để tính. Lưu chuyển bao kiếp dài lâu trong lục đạo, sanh sanh, tử tử, chẳng xong, chẳng hết!

Khi nào quý vị sẽ có thể thoát ly? Khi nào quý vị giác ngộ, phát Bồ Đề tâm, sẽ thoát ly. Đối với câu này, chúng tôi chẳng cần phải rườm rà!

Trong “chư kiến”, đầu tiên là Thân Kiến, [nghĩa là] chấp trước cái thân là ta. Biên Kiến: Nay chúng ta nói Biên Kiến là “*trương đối*”. Khởi ý niệm có ta, tương đối với ta là kẻ khác, có lớn, sẽ có nhỏ, có dài, bèn có ngắn, có tròn đầy, sẽ có thiếu hụt! Xác thực là chúng ta sống trong thế giới tương đối. Các khoa học gia ngoại quốc đã sáng chế học thuyết Tương Đối Luận. “*Trương đối*” là lục đạo luân hồi; hễ thoát khỏi lục đạo luân hồi, sẽ chẳng có tương đối nữa!

Do vậy, có những kiến giải sai lầm, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Các kiến giải của chúng ta thấy đều là sai lầm, đức Phật chia chúng thành năm loại lớn ấy. Quý vị khởi tâm động niệm, có cách nhìn như thế nào đi nữa, chắc chắn chẳng thoát khỏi phạm vi ấy (phạm vi của năm loại kiến giải trên đây). Quý vị có cách nghĩ như thế nào đi nữa, chắc chắn chẳng vượt khỏi phạm vi của tham, sân, si, mạn, nghi.

“Kim dĩ phát Bồ Đề tâm” (Nay đã phát Bồ Đề tâm): Đương nhiên, hàng Bồ Tát được nói trong phẩm Tịnh Hạnh là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín. Thập Tín Bồ Tát hễ phát Bồ Đề tâm, bèn vượt thoát mười pháp giới. Chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng vượt khỏi mười pháp giới. Do vậy, chư vị phải biết: Trong khá nhiều kinh luận, đức Phật dạy: Nhị Thừa chẳng phát Bồ Đề tâm. Nhị Thừa là A

La Hán và Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát chẳng phát Bồ Đề tâm. Phật [pháp giới] trong mười pháp giới, ở đây nói là “*nay đã phát Bồ Đề tâm*”, tức là vừa mới phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm vừa phát, bèn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Bồ Đề tâm là chân tâm. Sau khi đã phát Bồ Đề tâm, bèn chuyển Thức thành Trí.

Chẳng phát Bồ Đề tâm, ai sẽ là người nắm quyền làm chủ? Tám thức, năm mươi một Tâm Sở nắm quyền làm chủ, [sẽ thuộc trong] mười pháp giới. Cái tâm ấy được gọi là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, [bởi lẽ] ở trong ấy, có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, [cho nên] chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Phát Bồ Đề tâm, đoạn trừ “phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm”. Tuy đã đoạn, tập khí vô thi vô minh hãy còn, rất khó đoạn! Nhưng tập khí vô thi vô minh chẳng ngăn ngại kiến tánh, quý vị vẫn là minh tâm kiến tánh, nhưng minh tâm kiến tánh chẳng triệt để, chẳng thấy viên mãn, giống như phía trước hãy còn có một tầng sương mù! Mây hôm nay, Hương Cảng sương mù rất dày, từ cao ốc nhìn qua núi Sư Tử ở vùng Cửu Long¹² đối diện [Hương Cảng] chẳng thấy gì, đều là một vàng mờ mịt trong sương mù. Điều này giống như sơ phát Bồ Đề tâm [kiến tánh] vậy!

Bồ Đề tâm đã phát, chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Đức Phật nói có bốn mươi một phẩm vô minh. Các Ngài (các vị đã phát tâm Bồ Đề ấy) tu hành trong Nhất Chân pháp giới, chẳng ở trong mười pháp giới, dụng công nhằm phá vô thi vô minh. Đối với chuyện [phá trừ] vô thi vô minh, đúng là chẳng thể dùng sức được, cần phải tốn thời gian. Quý vị phải có thể giữ vững sao cho sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần mà chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, vĩnh viễn gìn giữ [cái tâm bất động ấy]. Kinh Kim Cang đã nêu ra tiêu chuẩn, “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, toàn bộ đều thực hiện, xác thực là chẳng chấp tướng. Đối với hết thấy hiện tướng (現相, những tướng biến hiện) trong pháp thế gian và xuất thế gian, đều chẳng chấp trước, biết những hiện tướng ấy chính là hư vọng: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, xác thực là cảnh giới ấy! Lại tiến hơn nữa, đối với Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, không chỉ là chẳng có Tứ Tướng, mà Tứ Kiến cũng chẳng có. Chư vị phải hiểu: “*Kiến*” chính là tập khí vô minh từ vô thi (tức là vô minh tập khí). Xác thực là chẳng chấp tướng, nhưng hãy còn có tập khí, còn đèo thêm tập khí. Chúng tôi nghĩ: Đại khái là cho đến địa vị Thập Hồi Hướng, tập khí cũng rất nhẹ, rất mỏng. Có [tập khí] hay không? Có chứ! Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn có một phẩm tập khí Sanh Tướng Vô Minh chưa phá.

¹² Cửu Long là phần đất liền đối diện với đảo Hương Cảng, bao gồm bán đảo Cửu Long và vùng Tân Cửu Long. Cửu Long cách đảo Hương Cảng bởi eo biển Lý Ngư môn. Theo cách giải thích thông thường, sở dĩ vùng này được gọi là Cửu Long là vì có tám mạch núi chính, tức Nha Sào Sơn, Bút Giá Sơn, Sư Tử Sơn, Kê Hung Sơn, Từ Vân Sơn, Đại Lão Sơn, Đông Sơn và Phi Nga Sơn, cộng thêm hoàng đế nhà Tống (Tống Đế Bính đã từng lánh nạn quân Liêu chạy tới đây), coi như là có chín long mạch.

Từ sơ phát tâm, [tức là mới] phát Bồ Đề tâm, thật sự phát Bồ Đề tâm. Hãy ghi nhớ tiêu chuẩn của thật sự phát Bồ Đề tâm là: Trong hết thảy các cảnh giới, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là thật sự phát Bồ Đề tâm. Hễ còn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, chấp trước, quý vị vẫn là lục đạo phàm phu. Quý vị dùng cái tâm luân hồi, dùng tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Dùng tám thức, năm mươi một Tâm Sở chánh đáng, sẽ chẳng ở trong lục đạo. Dùng chẳng sai lầm, dùng chánh đáng, sẽ hoàn toàn tương ứng với giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Dùng chánh đáng, sẽ là tứ thánh pháp giới. Dùng chẳng chánh đáng, sẽ là lục đạo phàm phu. Tà và chánh lấy Phật pháp làm tiêu chuẩn. Vì thế, người ta chẳng thể không học Phật. Học Phật, chẳng thể không y giáo phụng hành, rất trọng yếu!

Bồ Đề tâm là gì? “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, đây là Bồ Đề tâm. Kế đó, nói: “*Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*” chính là Bồ Tát hạnh. Bồ Đề tâm nhất định là Bồ Tát hạnh. Quý vị phải thực hiện thì mới được! Chẳng làm, không được rồi! Phải thật sự làm! Bất luận đối với ai, đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với chúng sanh trong chín pháp giới, đối với muỗi, đối với kiến, đối với la-sát, đối với nga quý, thầy đều là “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước. Đó là hình trạng của Bồ Đề tâm. Hễ phát Bồ Đề tâm, con người sẽ biến thành người khác hẳn, pháp thế gian thường nói là “*thoát thai, hoán cốt*”, con người biến thành người khác hẳn. Thật vậy! Từ câu này, chúng ta có thể hiểu: Con người biến đổi, tướng mạo biến đổi, thể chất biến đổi. Tướng chuyển theo tâm là “*tướng mạo biến đổi*”. Thể chất biến đổi là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Thân tâm thanh tịnh, thân tâm khỏe mạnh, xa lìa hết thảy bệnh tật. Bệnh tật là gì? Nghiệp chướng. Hễ phát Bồ Đề tâm, nghiệp chướng bèn tiêu. Vì thế, tôi thường bảo các đồng học: “*Tâm thanh tịnh, bình đẳng, sẽ chẳng thể cảm nhiễm virus*”. Hiện thời, bệnh truyền nhiễm rất nhiều. Do cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, sẽ chẳng bị cảm nhiễm. Đại từ, đại bi có thể giải độc. Thân thể chúng ta có năng lực ấy, chính mình phải biết dùng năng lực ấy. Phải giống như chư Phật, Bồ Tát, chuyên virus gây bệnh thành chất dinh dưỡng tốt nhất. Phật, Bồ Tát là như vậy. Cách chuyển như thế nào? Phẩm kinh này dạy chúng ta cách chuyển, rất khó có! Hôm nay, chúng ta học môn học này.

Do vì Bồ Đề tâm đã phát, quý vị sẽ thấy là “*tín nhạo chánh pháp*” (tin ưa chánh pháp). Những gì chư Phật, Bồ Tát đã tu, đã dạy, đã truyền, đều là chánh pháp. Vì sao nói những điều ấy là chánh pháp? Hoàn toàn tương ứng với Pháp Tánh. Trái nghịch Pháp Tánh thì là tà pháp. Pháp Tánh tận thiện, tận mỹ, chẳng có mảy may điểm nào đáng chê trách! Đây là Pháp Tánh. Chúng ta có thể tin, có thể hiểu, hoan hỷ tiếp nhận, hoan hỷ học tập, [đó là] “*tín nhạo chánh pháp*”.

Đã tín nhạo chánh pháp, sẽ nhanh chóng thay đổi các kiến. Kiến Tư phiền não hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức. Thể của phiền não là Pháp Tánh, Thể của Bồ Đề cũng là Pháp Tánh. Do Thể của phiền não cũng là Pháp Tánh, cho nên “*phiền não tức Bồ Đề*”, nhưng phải chuyển. Chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển tà thành chánh, quý vị phải biết chuyển! “*Đốn*” (頓) nghĩa là rất nhanh chóng, “*phiên*” (翻) nghĩa là “*phiên chuyển*” (翻轉, xoay chuyển). Quý vị ngay

lập tức chuyển đổi những cách nhìn, cách nghĩ ấy, chuyển thành gì? Chuyển thành đại nguyện. Nói chung, chuyển thành Tứ Hoảng Thệ Nguyện, niệm nào cũng nhằm lợi ích chúng sanh, niệm nào cũng nhằm thành tựu chúng sanh.

Tôi nghe nói: Trong nước, có những đồng học trẻ tuổi, tu dưỡng, kiến giải lần thuyết pháp đều đạt đến mức độ rất cao, thậm chí ngang ngửa với tôi. Họ mới bắt đầu; dăm ba năm sau, chắc chắn sẽ vượt trội tôi. Tôi nghe nói, hết sức hoan hỷ, đấy chính là giáo dục thành công. Giáo dục thành công, phải là thế hệ sau vượt trội thế hệ trước. Đó là thành công. Nếu thế hệ tiếp theo chẳng bằng thế hệ của ta, bị ai thay! Ngang ngửa với thế hệ của ta, lắc đầu! Chúng ta giáo dục chẳng thành công! Cổ nhân nói: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (Màu xanh phát xuất từ màu chàm, mà vượt trội màu chàm). Quý vị thầy sản phẩm khoa học kỹ thuật trong hiện thời cũng là từng “*thế hệ*” (generation) một! Đối với các thương hiệu xe hơi, thương hiệu máy bay, sản phẩm chế ra lúc ban đầu sẽ được đánh số. Sang năm thứ hai, khi tạo tác [sản phẩm mới] bèn sửa đổi, cải tiến những khuyết điểm trong năm thứ nhất; đương nhiên là sản phẩm đời thứ hai chắc chắn tốt hơn sản phẩm đời trước. Lại qua một năm, cải tiến, sửa đổi vượt trội lần thứ hai, mỗi ngày, mỗi tháng đều khác!

Đối với giáo dục con người, cũng có cùng một đạo lý. Người làm cha luôn hy vọng con cái trong tương lai có thành tựu vượt trội chính mình, rạng mày nở mặt tổ tông. Nếu con cái chẳng thể khá hơn chúng ta, thậm chí thua kém chúng ta, gia đạo suy thoái mất rồi! Con người đáng sợ nhất là cái tâm ganh tỵ, thấy người khác có chỗ nào tốt đẹp, chúng ta liền ganh tỵ, nghĩ hết mọi phương pháp để chướng ngại, tương lai sẽ mắc quả báo nào? Bất luận quý vị làm sự nghiệp gì, đều có chướng ngại trùng trùng, báo ứng mà! Lại còn đời đời ngu si, chẳng ở trong nhân đạo, mà ở trong ba ác đạo. Quả báo ấy chẳng biết đến khi nào mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng được! Vì sao khó tiêu trừ ngân ấy? Vì quý vị có tập khí “ganh tỵ, sân hận, chẳng quen thấy người khác giỏi giang hơn” quá nặng, cho nên đọa lạc trong ác đạo, chẳng thoát ra được. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đối với hết thảy mọi người, hết thảy thiện nhân, thiện hạnh, thiện sự, có ganh tỵ hay không? Nếu có ganh tỵ, quý vị hãy nghĩ đến sự kinh khủng của quả báo trong địa ngục!

Do đâu mà có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới? Tâm hiện, thức biến. Đức Thế Tôn nói rất hay: “*Sanh từ tâm tưởng*”. Quý vị có cách nghĩ như thế nào? Tâm của Bồ Tát là chánh, suy nghĩ cũng chánh, nguyện cũng chánh, cho nên đại nguyện thành tựu. Đại nguyện ấy chính là đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng tôi nói đến đại nguyện của Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Chẳng sai! Mười đại nguyện vương là cương lĩnh, “*cương*” (綱) là nguyên tắc chung. Một trăm bốn mươi một nguyện được nói trong phẩm Tịnh Hạnh chính là những khoa mục riêng biệt trong mười cương lĩnh ấy. Thừa cùng chư vị, [một trăm bốn mươi một nguyện ở đây] vẫn thuộc loại cương lĩnh. Nếu nói cặn kẽ từng mục, sẽ gọi là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, hoặc nói là “*vô lượng pháp môn*”, tức là những khoa mục chi tiết. Khoa mục chi tiết đâu nhiều đến mấy đi nữa, chẳng thể

vượt ngoài một trăm bốn mươi một điều ở đây, mà một trăm bốn mươi một điều này quyết định chẳng vượt ngoài phạm vi của mười đại nguyện vương. Trong ấy có Tông và Biệt, có Cương và Mục. Nói chung, chúng ta phải hiểu rõ ràng hồng thành tựu đại nguyện Phổ Hiền.

“*Trường đại bi môn*”: Tăng trưởng tâm đại từ bi của quý vị. Tâm đại từ bi tăng trưởng, chắc chắn quý vị sẽ chẳng thoái thất địa vị Bồ Tát, tức là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Mỗi ngày, quý vị tăng trưởng, làm sao có thể thoái chuyển cho được? Đây chính là ba món Bất Thoái thường được giáo pháp Đại Thừa nhắc đến. Lại xem phần Luận tiếp theo:

(Luận) Nhược dẫn dĩ tam không vô tướng đối trị, bất sanh đại từ đại bi, bất năng thành tựu Phổ Hiền Hạnh cố.

(論)若但以三空無相對治，不生大慈大悲，不能成就普賢行故。

(Luận: Vì nếu chỉ dùng tam không vô tướng để đối trị, chẳng sanh đại từ đại bi, sẽ chẳng thể thành tựu hạnh Phổ Hiền).

Ở đây, nêu rõ sự khác biệt giữa giáo pháp Đại Thừa và giáo pháp Nhất Thừa. Giáo pháp Đại Thừa dạy đối trị tập khí phiền não như thế nào? Cũng là nói theo cương lĩnh, chẳng ngoài Tam Không, chẳng ngoài vô tướng. Tam Không là Nhân Không, Pháp Không, [Nhân Pháp] Câu Không. Vô Tướng thì Tánh Tông và Thiền Tông khéo dùng. Trong phần trước, chúng tôi đã có nói: Tánh Tông và Tướng Tông đều là “*dùng vô tướng làm Tông*”, dùng điều này để đối trị. Hữu hiệu hay không? Hữu hiệu, nhưng chẳng sanh từ bi. Quý vị thấy điều này trong phẩm Hạnh Nguyện: Bồ Tát sanh tâm từ bi, thành tựu đại nguyện, tăng trưởng đại bi môn, khác hẳn! Chẳng có tâm từ bi, sẽ chẳng thể thành tựu Phổ Hiền Hạnh. Lòng từ bi của Phổ Hiền Bồ Tát đạt đến rốt ráo viên mãn. Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Bồ Tát bất tu Phổ Hiền hạnh, bất năng viên thành Phật đạo*” (Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể viên thành Phật đạo). Nói cách khác, Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền Hạnh, chắc chắn chẳng thể phá một phẩm Sanh Tướng Vô Minh cuối cùng!

Trong quá trình tu hành của Bồ Tát, phá tập khí vô thủ vô minh hết sức gian nan, [bởi lẽ] chẳng có tâm từ bi! Có tâm từ bi sẽ dễ dàng; không có tâm từ bi, chẳng dễ dàng! Nếu chúng ta hỏi: “*Vì sao niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu dễ dàng như vậy?*” Chúng ta có thể hiểu hay không? Nếu quý vị chẳng hiểu, chẳng đáp được, uổng công đọc kinh Vô Lượng Thọ mất rồi! Quý vị thấy trong phần Biệt Tục của kinh Vô Lượng Thọ có một câu nói: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (Đều cùng tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), quý vị hiểu ngay. Thế giới Cực Lạc là Phổ Hiền pháp giới. Phàm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, chẳng có ai không tu Phổ Hiền Hạnh. Đều cùng tuân tu, chẳng có một ai là ngoại lệ! Do vậy có thể biết, trong thế giới Cực Lạc, một trăm bốn mươi một nguyện này, ai nấy đều làm được. Do vậy, tôi nói một trăm bốn

mười một điều này chính là Đệ Tử Quy để vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị có thể trọn đủ một trăm bốn mươi một nguyện này, sẽ có thể nắm chắc vãng sanh, chẳng có mấy may hoài nghi nào, sẽ ổn thỏa, thích đáng vãng sanh! Quý vị đến hỏi tôi, [tôi sẽ không do dự đáp, người như thế] “chắc chắn vãng sanh”. Chẳng có mấy may hoài nghi nào! Quý vị phải làm được!

Hãy ngắm xem vì sao chẳng làm được? Quý vị niệm, niệm hằng ngày. Có người hằng ngày lấy phẩm Hạnh Nguyện, tức là lấy Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm làm kinh tụng niệm sáng tối. Vì quyền cuối cùng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm được xếp vào Tịnh Độ Ngũ Kinh. Tịnh Độ gồm năm kinh một luận, năm kinh chính là ba kinh tức kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Phật Thuyết A Di Đà Kinh, cộng thêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm thành bốn kinh Tịnh Độ. Ấn Quang đại sư thêm vào Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, gọi là năm kinh, đã viên mãn! Hết sức viên mãn! Vì thế, [phẩm Hạnh Nguyện] thuộc trong Ngũ Kinh Nhất Luận. Có người chuyên môn thọ trì, dùng phẩm kinh ấy làm công khóa sáng tối, vấn đề là nhất định phải làm được thì mới hữu dụng! Nếu mỗi ngày niệm tụng mà chẳng làm được, chẳng làm được thì vô dụng. Chỉ có thể nói là gieo một thiện căn trong A Lại Da. Khi nào lại gặp gỡ pháp duyên thù thắng, nồng nhiệt yêu mến hạnh nguyện Phổ Hiền, y giáo phụng hành, quý vị sẽ có thể vãng sanh. Do vậy, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có ngoại lệ. Nếu quý vị muốn thành tựu, nhất định là phải thực hiện, nói suông vô dụng!

Lại xem đoạn tiếp theo, đoạn này rất quan trọng:

(Luận) Dục hành trường lộ, phi túc bất hành.

(論)欲行長路，非足不行。

(Luận: Muốn đi đường dài, chẳng có chân, sẽ không đi được).

Quý vị muốn đi đường xa, đích đến rất xa xôi, nếu chẳng có chân, sẽ chẳng đi được! Quý vị phải có chân.

(Luận) Dục hành đại bi, nhập Phổ Hiền môn, sung pháp giới hành giả.

(論)欲行大悲，入普賢門，充法界行者。

(Luận: Hành giả muốn hành đại bi, nhập Phổ Hiền môn, trọn khắp pháp giới).

Quý vị muốn học tập đại từ đại bi, muốn nhập cảnh giới của Phổ Hiền Bồ Tát, hãy làm cho lòng từ bi của quý vị đầy ắp pháp giới. Nay chúng ta đề xướng “tâm yêu thương trọn khắp pháp giới”, “tâm yêu thương” chính là từ bi. “Ái tâm biến pháp giới, thiện ý mãn Sa Bà” (Tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện ý đầy ắp Sa Bà) sẽ tương ứng với điều được Lý Trưởng Giả đang nói ở đây:

(Luận) Ư nhất thiết kiến văn giác tri, nhi vô quá thất, tiện thành vạn hạnh trang nghiêm.

(論)於一切見聞覺知而無過失，便成萬行莊嚴。

(Luận: Đối với hết thấy thấy, nghe, hay, biết mà chẳng có lỗi lầm, sẽ trở thành vạn hạnh trang nghiêm).

Hết thấy thấy, nghe, hay, biết tức là sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, pháp thế gian hay Phật pháp thấy đều bao gồm trọn hết. Trong ấy, chẳng có lỗi lầm thì mới gọi là “vạn hạnh trang nghiêm”, hoặc còn nói là “vạn đức trang nghiêm”, đều là cùng một ý nghĩa. “Vạn đức trang nghiêm” chính là “vạn hạnh trang nghiêm”. Chúng ta mong thành tựu mục tiêu ấy. Chúng ta thường thấy bức hoành phi treo trên khám thờ Phật của tượng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong đại hùng bảo điện đề là “vạn đức trang nghiêm”.

Quả vị rốt ráo của chư Phật Như Lai, quyết định chẳng có mảy may khuyết điểm nào! Có nghĩa là: Bồ Tát còn có khuyết điểm, chứ Phật chẳng có khuyết điểm. “Phật” ở đây là nói từ chỗ nào (từ địa vị nào)? Thừa cùng chư vị, từ Sơ Trụ của Viên Giáo. Từ Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên đều là vạn hạnh trang nghiêm, chẳng có lầm lỗi. Vì sao? Vì các Ngài chẳng có khởi tâm động niệm. Trong khởi tâm động niệm, còn có thiện, ác. Chẳng có khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên là chẳng có phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chấp trước, lấy đâu ra lầm lỗi! Lầm lỗi do đâu mà có? Ta, người, đúng, sai, do đó mà có! Nói cách khác, toàn là từ phân biệt, chấp trước mà có, đó là lầm lỗi! Khởi tâm động niệm là cội rễ, khởi tâm động niệm là pháp vô ký, trong ấy chẳng có thiện hay ác. Nhưng do khởi tâm động niệm mà sanh khởi phân biệt, sanh khởi chấp trước. Trong phân biệt, chấp trước, bèn có thiện, ác. Vì thế, người có công phu tu hành thật sự, sẽ tu luyện ngay trong cảnh giới, luyện chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Đó là thật sự biết dụng công. “Luyện chẳng khởi tâm, chẳng động niệm”, cách nói ấy chẳng sai, nhưng chúng ta có làm được hay không? Làm chẳng được! Chắc chắn là chẳng làm được! Vì thế, Nho gia cũng nói: “Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ” (Biết điều trước lẽ sau thì gần với đạo). Quý vị phải biết học từ chỗ nào, phải biết có thứ tự trước sau. Giống như đi học, nhất định là phải học từ vườn trẻ (mẫu giáo), Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, cho đến nghiên cứu sinh, có thứ tự trước sau! Nay chúng ta bắt đầu từ nơi đâu? Bắt đầu từ chẳng chấp trước, chuyên môn đồ công đốc sức ở chỗ này, học chẳng chấp trước. Cho đến khi xác thực là đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, bèn tiến thêm bước nữa là học chẳng phân biệt.

Chư vị phải hiểu: Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi. Tối thiểu là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán, chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Còn Đại Thừa thì như hàng Viên Giáo Bồ Tát đang nói ở đây, tức là địa vị Đệ Thập Tín, [địa vị] sau đó là Sơ Trụ. Địa vị Đệ Thất Tín Bồ Tát đoạn chấp trước, địa vị Đệ Thập Tín Bồ Tát đoạn phân biệt. Vì thế, ở đây nói là “kim dĩ phát Bồ Đề tâm” (nay đã phát Bồ Đề tâm).

Hễ phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng có phân biệt. Có phân biệt, chẳng có Bồ Đề tâm. [Do Bồ Đề tâm đã phát], chẳng còn phân biệt nữa. Tiến cao hơn, sẽ tu chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, bèn phá vô minh. Từ đây trở đi, bốn mươi một địa vị đều là chuyên môn tiêu trừ tập khí vô trí vô minh, thực hiện công phu này. Thực hiện công phu này như thế nào? Phổ Hiền Hạnh. “*Văn Thủ Trí, Phổ Hiền Hạnh*”, dùng trí để hướng dẫn hạnh, dùng hạnh để viên mãn trí, trí huệ viên mãn.

Câu kế tiếp nhằm nói cụ thể:

(Luận) *Giai cần tu tập thử nhất bách tứ thập đại nguyện môn.*

(論) 皆勤修習此一百四十大願門。

(Luận: *Đều siêng tu một trăm bốn mươi môn đại nguyện này.*)

“*Một trăm bốn mươi*” là nói tròn số; trên thực tế là một trăm bốn mươi một. Câu nào cũng đều là “*đương nguyện chúng sanh*”, quý vị nhìn vào cuộc sống hằng ngày, chúng tôi sẽ giới thiệu cặn kẽ trong phần sau. Nếu quý vị không tu học một trăm bốn mươi một nguyện này, sẽ chẳng có cách nào thực hiện hết thảy “*thấy, nghe, hay, biết, chẳng có làm lỗi*”. Lời này có ý nghĩa sâu xa, chẳng giống như tu Tam Không, tu Vô Tướng, tu Vô Niệm trong Đại Thừa. Vì sao? Những người đó chẳng có đại tâm từ bi như thế ấy!

Người tu Phổ Hiền Hạnh, đúng là hết thảy chúng sanh “*có cầu, ắt ứng*”. Đối với người tu học Đại Thừa, tu học Tam Không, tu học Vô Niệm, có lúc quý vị tìm họ, họ chẳng quan tâm đến quý vị: Quý vị trở ngại tôi, ngăn trở tôi dụng công! Chẳng có tâm từ bi! Chẳng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát không sợ hãi. Có phương ngại hay không? Chẳng có. Vì sao? Cảnh giới vừa hiện tiền, các Ngài lập tức chuyển biến nó, chuyển Hạnh thành Nguyện, chuyển thành Trí. Nguyện, Hạnh, Trí tăng trưởng Bồ Đề tâm, tăng trưởng đại nguyện môn. Hàng Đại Thừa Bồ Tát như đã nói trong phần trước vẫn chưa thể chuyển cảnh giới này, còn Bồ Tát hành Phổ Hiền Hạnh thảy đều có thể chuyển cảnh giới. Vì thế, địa vị của các Ngài cao lắm, các Ngài ở trong Nhất Chân pháp giới, chẳng thuộc trong mười pháp giới. Tuy ở trong Nhất Chân pháp giới, các Ngài ứng hóa trong mười pháp giới. Mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới chẳng hai, các Ngài nhập pháp môn Bất Nhị. Tuy Đại Thừa Bồ Tát chẳng có chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới khác nhau, các Ngài khác hẳn. Phổ Hiền Bồ Tát là như thế đó, chẳng có tí ti trở ngại nào!

Vì vậy, tiếp đó nói:

(Luận) *Tiện ư sanh tử hải trung, kiến văn giác tri, nhất thiết chư hạnh, tất giai thanh tịnh. Nhập Phổ Hiền Hạnh cố, cố danh Tịnh Hạnh.*

(論) 便於生死海中，見聞覺知，一切諸行，悉皆清淨，入普賢行故，故名淨行。

(Luận: Bèn ở trong biển sanh tử, thấy, nghe, hay, biết, hết thấy các hạnh, thấy đều thanh tịnh. Do nhập Phổ Hiền Hạnh, nên gọi là Tịnh Hạnh).

Vì thế, hạnh này được gọi là Tịnh Hạnh. Phẩm Tịnh Hạnh do như thế mà có. Trong lời Luận đã đặc biệt nói, chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này: “*Tiễn u sanh tử hải trung*” (Bèn ở trong biển sanh tử), “*sanh tử hải*” chỉ lục đạo luân hồi. Phổ Hiền Bồ Tát tu ở nơi đâu? Tu trong lục đạo, trong ba ác đạo. Nơi nào có cảm, Ngài hiện ngay trong đường ấy, không có chỗ nào chẳng hiện thân! Rất nhiều đồng học chúng ta đã thấy Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Trong tầng mười của chúng ta, còn có thờ một bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Quý vị có thấy Thiên Thủ Thiên Nhãn Phổ Hiền Bồ Tát hay chưa? Có từng thấy Thiên Thủ Thiên Nhãn Văn Thù Bồ Tát hay chưa? Tôi đã từng trông thấy. Thiên Thủ Thiên Nhãn là biểu thị pháp, biểu thị điều gì? Mắt nhìn thấy, tay chạm đến. Thấy chúng sanh có khổ nạn, Ngài lập tức vươn tay giúp đỡ, đến đó, chắc chắn là chẳng bỏ lỡ. Đây gọi là Thiên Thủ Thiên Nhãn. Chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa biểu thị pháp.

Nay chúng ta học kinh giáo ở đây, giúp đỡ người khác như thế nào? Chư vị đồng tu phải hiểu: Sau khi đã học kinh Hoa Nghiêm, trí huệ phải mở mang. Chúng ta chẳng dựng đạo tràng. Có người tặng tiền cho tôi, muốn giúp tôi xây một ngôi chùa lớn, tôi không cần. Dựng chùa lớn tức là đem tiền chôn vùi dưới đất! Chùa miếu càng lớn, càng trang nghiêm, người tranh giành càng nhiều. Rất nhiều người đến đó xuất gia, họ xuất gia vì lẽ nào? Sản nghiệp này to tát, ta xuất gia thì trong tương lai, sản nghiệp ấy sẽ là của ta. Trẻ nhỏ hiện thời rất thông minh, tôi nghe rất nhiều đồng tu kể: Con trai, con gái họ rất nhỏ, đại khái vào khoảng mười tuổi, đã nói với cha mẹ: “Ba má biết không? Tài sản của ba má đều là của con!” Cha chúng nó nghe nói hoảng hồn luôn! Đúng quá! Sẽ do chúng nó kế thừa, chẳng giả! Sư phụ vất vả nhọc nhằn dựng một ngôi chùa to, hoặc đạo tràng lớn, đồ đệ nói sao? “Sư phụ! Sau khi thầy chết rồi, tài sản này là của con!” Chẳng sai tí nào! Kẻ ấy đến xuất gia, chẳng phải vì đạo, mà vì ngôi chùa lớn như thế đó.

Chuyện này cũng khéo ứng hợp với năm thứ kiên cố như đức Thế Tôn đã nói trong năm giai đoạn ứng với mỗi năm trăm năm. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, năm trăm năm đầu tiên là “*giải thoát kiên cố*”, người có thể nghiêm trì giới luật sẽ có thể chứng quả. Trong năm trăm năm thứ hai, trì giới chưa được, phải tu Thiền. Đó là “*Thiền Định kiên cố*” trong năm trăm năm thứ hai. Trong năm trăm năm thứ ba, tu Thiền cũng chẳng thể thành tựu, “*đa văn kiên cố*”. Đúng như vậy đó! Phật giáo truyền đến Trung Hoa nhằm lúc Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ một ngàn năm, tiến nhập Trung Hoa chính là đa văn kiên cố. Vì thế, mười tông phái, vào thời Tùy - Đường giống như sau mưa Xuân, từng chồi măng xuất hiện. Tại Nhật Bản là mười ba tông phái¹³. Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi vẫn chưa nói xong. Giờ sau, chúng tôi sẽ tiếp tục.

¹³ Mười ba tông phái trong Phật giáo Nhật Bản hiện thời là:

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Trong phần trước, chúng tôi đã nói đến câu “*ư sanh tử hải trung, kiến, văn, giác, tri, nhất thiết chư hạnh, tất giai thanh tịnh. Nhập Phổ Hiền Hạnh cố, cố danh Tịnh Hạnh*” (ở trong

1) Hoa Nghiêm (Kegon): Do ngài Lương Biện (Roben) thỉnh cầu ngài Thẩm Tường (Shinsho) truyền giảng kinh Hoa Nghiêm vào năm 736 tại Kim Chung Sơn Tự (Kinsho-ji). Về sau chùa này trở thành Đông Đại Tự (Todai-ji).

2) Luật Tông (Ritsu, hoặc Risshū) do ngài Giám Chân người Hoa truyền vào Nhật Bản từ năm 753, theo truyền thống Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Tông của Trung Hoa. Luật Tạng chủ yếu dựa theo giới bản của trường phái Đàm Vô Đức (Dharmaguptaka), đặt tổng bản sơn tại Toshodai-ji (Đường Chiêu Đề Tự).

3) Thiên Thai (Tendai): Do đại sư Tối Trùng (Saichō) sáng lập. Do ngài Tối Trùng còn học Kim Cang Thừa Trung Hoa trước khi trở về Nhật, nên trong tông Thiên Thai còn tu tập Mật Pháp, để phân biệt với Chân Ngôn Tông về sau, người ta thường gọi là Thai Mật để chỉ các phái tu tập Mật Tông theo truyền thống của Thiên Thai. Thiên Thai Tông của Nhật không thuần túy là giáo nghĩa Thiên Thai mà còn bao gồm cả Thiên, Luật, Mật. Về sau, tông này tách ra hai phái nhỏ là Sơn Môn Phái (tuân theo giáo nghĩa của sư Viên Nhân) và Tự Môn Phái (theo giáo nghĩa của Viên Trân). Tổng bản sơn là chùa Diên Lịch (Enryaku-ji) tại núi Tỳ Duệ (Hiei).

4) Chân Ngôn (Shingon): Do Không Hải đại sư (Kūkai) sáng lập vào năm 816, hành trì Mật Tông theo pháp được truyền bởi Kim Cang Trí (Vajrabodhi) và Bất Không Tam Tạng (Amoghavajra), thường được gọi là truyền thống Đường Mật. Tổng bản sơn là núi Cao Dã (Koyashan).

5) Tịnh Độ (Jōdo) do ngài Pháp Nhiên (Hōnen) sáng lập vào năm 1175.

6) Tịnh Độ Chân Tông (Jōdo Shinshū) do Thân Loan (Shinran) sáng lập vào năm 1224. Thân Loan là học trò của Pháp Nhiên. Đúng lý ra, phái này chỉ có thể coi là một đoàn thể tại gia, vì Thân Loan lấy vợ, sinh con. Các “tăng sĩ” thuộc tông này, dẫu đã thọ đại giới, vẫn lấy vợ, sinh con đẻ cháu. Thậm chí không cạo đầu, ăn mặc chẳng khác gì người thường, chỉ đắp ca sa và mặc áo tràng khi hành lễ.

7) Thời Tông (Ji-shū) do Nhất Biến (Ippen) sáng lập vào năm 1270, cũng là một tông phái Tịnh Độ. Ippen chủ yếu thừa kế tư tưởng của Shōkū (Chứng Không). Chứng Không chính là đệ tử của sư Pháp Nhiên. Sư chủ trương niệm Phật chia theo nhiều thời khóa nhất định trong một ngày, do vậy mới có cái tên Thời Tông.

8) Dung Thông Niệm Phật (Yūzū-nembutsu) do Lương Nhẫn (Ryōnin) sáng lập năm 1117. Giáo nghĩa chánh yếu của tông này là niệm Phật không chỉ lợi lạc cho cá nhân hành trì mà còn lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình trong vũ trụ.

9) Lâm Tế (Rinzai): Thiền phái do Vĩnh Tây (Eisai) sáng lập năm 1191, tuân theo đường lối tu Thiền của tông Lâm Tế Trung Hoa.

10) Tào Động (Sōtō): Thiền phái theo Tào Động Tông Trung Hoa do ngài Đạo Nguyên (Dogen) sáng lập vào năm 1227.

11) Hoàng Bá (Ōbaku): Do ngài Ấn Nguyên (Ingen) sáng lập vào năm 1654, chịu ảnh hưởng của Hoàng Bá Lâm Tế Tông Trung Hoa.

12) Pháp Tướng (Hossō): Do ngài Đạo Siêu (Dōshō) truyền nhập vào năm 654, tức là Duy Thức Tông của Trung Hoa. Ngài Đạo Siêu học Duy Thức trực tiếp với Huyền Trang đại sư.

13) Nhật Liên (Nichiren) do Nhật Liên sáng lập vào năm 1253, phát xuất từ Thiên Thai, có tư tưởng quá khích, gièm chê các tông khác. Nhật Liên tự xưng mình là Thượng Hạnh Bồ Tát hóa thân, và còn ngạo nghễ tuyên bố giáo nghĩa Thiên Thai theo kiểu Nhật Liên mới là chánh truyền, giáo nghĩa của Trí Giả chỉ là quyền biến (Tích Môn), chưa phải là Bản Môn của Thiên Thai thật sự.

biển sanh tử, thấy, nghe, hay, biết, hết thảy các hạnh thảy đều thanh tịnh. Do nhập Phổ Hiền Hạnh, nên gọi là Tịnh Hạnh). Chúng tôi đã đề cập chuyện đức Thế Tôn nói trong năm trăm năm thứ năm [sau khi Ngài diệt độ], đúng như Thích Ca Mâu Ni Phật đã tiên đoán, tức là Ngài thấy sau khi lão nhân gia diệt độ hai ngàn năm trăm năm. “*Năm trăm năm lần thứ năm*” tức là hai ngàn năm trăm năm, chính là thời đại của chúng ta trong hiện tại. Năm trăm năm thứ nhất là “*giải thoát kiên cố*”: Sau khi đức Phật diệt độ, nương theo giới luật để tu hành, có thể chứng quả. Năm trăm năm thứ hai là “*Thiền Định kiên cố*”, tức là trì giới đã chẳng thể thành tựu, căn tánh chúng sanh ngày càng kém cỏi. Nói cách khác, ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng. Vì nguyên nhân này, cho nên tu Thiền Định. Vào năm trăm năm thứ ba, Phật giáo truyền đến Trung Hoa, xác thực là ứng với lời huyền ký của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã tiên đoán: “*Đa văn kiên cố*”. Vì thế, tại Trung Hoa, Giáo Hạ kiến lập phổ biến. Ngoài Thiền Tông ra, [các tông khác] đều là Giáo Hạ. Phiên dịch kinh luận, học tập, giảng giải rất phổ biến, bao nhiêu pháp sư xuất hiện. Thuở ấy, các Ngài giảng kinh, thuyết pháp, lưu lại khá nhiều trước tác, đa văn kiên cố mà! Năm trăm năm thứ tư, người nghiên cứu giáo ít ỏi, chuyên môn dựng chùa. Đó là thời “*tháp tự kiên cố*”. Thói ham chuộng xây dựng chùa miếu hết sức thịnh hành, khắp nơi đều xây cất chùa miếu. Phật giáo có hình thức, thực chất dần dần phai nhạt! Đến năm trăm năm thứ năm, chính là “*đấu tranh kiên cố*”. Do vậy, hiện thời, nếu các nơi chẳng đấu tranh, chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói sai hay sao? Thời đại hiện tại là thời đại đấu tranh kiên cố!

Vì vậy, nếu chúng ta xây dựng tự viện hoặc đạo tràng to lớn, phải biết là người thật sự tu hành chẳng mấy, mà là người làm chuyện đấu tranh đông đảo, đây là tạo tội nghiệp! Đây là lý do vì sao tổ Ấn Quang dạy chúng ta chẳng cần xây dựng đại đạo tràng! Càng nghĩ, càng thấy giáo huấn của Ấn Quang đại sư có lý, càng nghĩ, càng thấy chánh xác. Ngài dạy chúng ta: Tứ chúng đồng học cùng nhau tu hành trong một đạo tràng, tốt nhất là đừng vượt quá hai mươi người, hãy là một đạo tràng nhỏ. Đạo tràng nhỏ chẳng ai thèm, người ta chẳng để vào mắt, hai mươi người mà thôi! Đạo tràng nhỏ, chi tiêu cũng ít, duy trì dễ dàng. Hai, ba vị hộ pháp chăm sóc là được rồi, quý vị có thể an tâm tu đạo, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhưng trong thời Mạt Pháp hiện thời, niệm Phật cũng gặp khó khăn, do không hiểu rõ giáo lý. Thanh Lương đại sư nói: “*Có Hạnh mà không có Giải, tăng trưởng vô minh; có Giải mà không có Hạnh, tăng trưởng tà kiến*”. Do vậy, nhất định phải là Giải Hạnh tương ứng!

Đạo tràng niệm Phật quan trọng nhất là phải giảng kinh luận Tịnh Tông, hoặc ngữ lục của tổ sư đại đức Tịnh Tông, [ngõ hầu] thời thời khắc khắc khích lệ, tăng tấn chúng ta, chẳng đến nỗi để cho chúng ta giải đãi, lười nhác, đọa lạc. Điều này rất quan trọng! Nghĩ đến những thiết bị khoa học kỹ thuật cao cấp hiện thời, chúng ta có băng thâu hình, thâu âm, đĩa CD/DVD giảng kinh, có thể cung cấp cho Niệm Phật Đường, giúp đỡ họ về Giải môn. Có khá nhiều đồng học đã đến núi Đông Thiên Mục ở Hàng Châu, trên thực tế, dường như tôi chỉ đến đó hai lần. Mỗi lần, ở trên núi một ngày, ngày hôm sau đã xuống núi. Ở đó hai tối, tôi vẫn chẳng quen thuộc nơi ấy cho lắm, nhưng phong khí niệm Phật nơi ấy rất

thịnh! Tề cư sĩ¹⁴ bảo tôi: “Mỗi ngày nghe kinh sáu giờ, nghe kinh Vô Lượng Thọ”. Đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và Hạnh Nguyên Phẩm do tôi giảng đều có, mỗi ngày họ nghe giảng sáu giờ. Hiện thời, còn nghe Đệ Tử Quy do thầy Thái Lễ Húc giảng bốn mươi giờ, hoặc nghe kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, nghe những thứ ấy. Mỗi ngày nghe kinh sáu giờ, niệm Phật mười giờ. Đó là đúng. Thời kỳ Mạt Pháp mà có đạo tràng như vậy, ai nấy đều thành tựu.

Vì thế, đạo tràng chẳng cần to, nhỏ thôi! Niệm Phật Đường dành cho hai mươi mấy người không cần quá lớn. Tại Trung Hoa Đại Lục, họ tính diện tích theo mét vuông, một trăm mét vuông là đủ rồi. Hai mươi người cùng nhau niệm Phật, nghe kinh, cũng đủ! Tại Hương Cảng, diện tích rộng một ngàn phương xích¹⁵ là được rồi, số người chẳng cần đông! Nếu đông người, lại lập thêm một đạo tràng, đều là dựng đạo tràng cỡ nhỏ. Chẳng cần mời pháp sư bên ngoài, chính mình niệm Phật, dùng máy niệm Phật là được rồi! Có pháp sư thì tốt, chẳng có pháp sư cũng không sao, chẳng cần phải cầu cạnh ai! Nghe kinh cũng chẳng cần phải mời pháp sư, dùng những đĩa CD/DVD là được rồi! Ngoài những thứ ấy ra, chúng ta có mạng điện toán, dùng mạng Internet, dùng truyền hình vệ tinh, có thể đồng thời học tập với các đồng tu trên toàn thế giới. Chẳng cần dùng món tiền lớn ấy để xây cất chùa to, chôn tiền xuống đất, chẳng có ý nghĩa chi hết. Ấn Quang đại sư dạy chúng ta chuyện này. Chúng ta nhìn vào các hiện tượng trong thời kỳ Mạt Pháp, có thể hiểu tổ Ấn Quang đã chỉ dạy tuyệt đối chính xác. Vì thế, chúng tôi ở một nơi nhỏ nhoi như thế này tại Hương Cảng, ở trong một cái phòng thâm hình bé tí như thế này là được rồi!

Tháng Tám năm nay, cục trưởng cục Tôn Giáo nhà nước của Trung Quốc là tiên sinh Diệp Tiểu Văn tham dự một hội nghị hòa bình quốc tế tại Úc Đại Lợi, chúng tôi ở cùng một chỗ. Tôi nói với ông ta: “Tôi giảng kinh không có thánh chúng (trong phòng thâm hình chẳng có thánh chúng). Tôi dạy học mà chẳng có

¹⁴ Tề cư sĩ ở đây là bà Tề Tố Bình. Đạo tràng Đông Thiên Mục Sơn ở thôn Mai Gia, thành phố Lâm An, thuộc Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, cách Hàng Châu hai tiếng đồng hồ lái xe. Tề cư sĩ đã đứng ra trùng tu chùa Chiêu Minh bỏ hoang đã lâu trên núi, lập Di Đà Thôn trên núi Đông Thiên Mục, biến chùa ấy thành đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ. Thoạt đầu, chùa không có tăng sĩ, bà Tề đã tận lực cúng dường, quyên mộ, chiêu tập những tăng sĩ chuyên tu Tịnh Độ về đây. Có lúc, đạo tràng có đến bốn mươi pháp sư, và hơn một trăm cư sĩ thường trụ. Điểm đặc biệt là nơi đây có đạo tràng chuyên tu Ban Châu tam-muội (trì danh niệm Phật không nằm, chỉ đi hoặc đứng suốt chín mươi ngày). Núi Đông Thiên Mục có nhiều di tích lịch sử như Phân Kinh Đài (nơi Chiêu Minh Thái Tử chia kinh Kim Cang làm ba mươi hai phần cho mẹ tiện đọc tụng và nắm được ý nghĩa đại cương trong từng đoạn), Tây Nhân Trì (theo tương truyền Chiêu Minh Thái Tử chia kinh xong, mắt bèn mù. Về sau đến chỗ ao này, vốc nước rửa, mắt lại sáng như cũ) v.v... Chiêu Minh Thái Tử là Tiêu Thống (501-531), con trưởng của Lương Vũ Đế. Chiêu Minh là thụy hiệu do chính Lương Vũ Đế đặt sau khi Tiêu Thống đã mất. Tiêu Thống thông minh, đức độ, khoan dung, sùng mộ Phật giáo, tinh thông giáo điển. Ông mất rất sớm (về sau, con ông là Tiêu Sát đã truy phong cha là Cao Tông Chiêu Minh Hoàng Đế, chứ ông chưa làm vua ngày nào). Các tự viện Trung Hoa ở Hoa Nam hay lập bài vị thờ cha con ông như thần hộ pháp.

¹⁵ “*Phương xích*” (方尺) là đơn vị đo diện tích của Trung Hoa, một phương xích bằng khoảng 0.11 mét vuông.

học trò”. Ông ta nghe xong, bật cười! Thật vậy đó! Quý vị nói xem: Tự tại đường ấy, chẳng có mấy may áp lực nào! Suốt đời chẳng quản đến ai, chẳng ai cai quản. Thính chúng đều chẳng ở gần bên, thế mà chúng tôi đạt được hiệu quả giáo học. Núi Đông Thiên Mục có đông người học như vậy, căn bản là tôi chẳng tới nơi đó, mà gửi đĩa CD/DVD đến. Trên cả thế giới, có khá nhiều đạo tràng đều dùng phương thức này. Các đồng tu ở Mỹ thường gọi điện thoại cho tôi: “Thưa pháp sư! Chúng con rất nghiêm túc học tập, hằng ngày chẳng thiếu thời khóa nào, mỗi ngày là bốn tiếng đồng hồ. Trừ việc ấy ra, ấn định thời gian niệm Phật”. Lời chỉ dạy của tổ sư há có sai lầm u? Thân tâm an ổn.

Tôi suốt đời chẳng có đạo tràng. Chỗ ở Hương Cảng là một căn hộ của bà cụ Trần, là một gian nhỏ trong cao ốc. Đại khái chỉ có hơn một ngàn ba trăm xích vuông (phương xích), đủ rồi! Mọi người đều biết trong đạo tràng Tiêm Sa Thu (Tsim Sha Tsui)¹⁶ này do ba vị cư sĩ [cúng dường] mà thành tựu, có đến ba vị cư sĩ thành tựu, đó là điều chủ yếu. Người hộ trì rất nhiều, những vị làm công quả ở đây đều là hộ pháp cho đạo tràng. Tôi hằng ngày giảng kinh tại nơi đây, quý vị chẳng đến phòng thâu hình gặp tôi. Trong phòng thâu hình, tôi có thờ bài vị. Trước khi giảng kinh, tôi phải lạy những vị hộ pháp ấy; sau khi giảng xong, phải hồi hướng cho những vị hộ pháp ấy. Bất luận làm việc gì ở nơi đây, đều là hộ pháp Bồ Tát. Không có những vị hộ pháp ấy, đạo tràng sẽ chẳng thể thành tựu. Từng chút công đức nhỏ nhất của chúng ta đều hồi hướng, đó là “*đương nguyện chúng sanh*”, thành tựu vô lượng công đức. Do vậy, chúng ta tu Tịnh Hạnh. Quý vị mong có đạo tràng, mong có đồ chúng rất đông, hạnh của quý vị sẽ chẳng có cách nào thanh tịnh được! Tịnh hạnh sung sướng lắm, thật sự sung sướng!

Chúng ta xem tiếp phần Luận kế đó:

(Luận) Nhược vô thử nguyện, thiết đoạn phiền não, tức Nhị Thừa hạnh cố.

(論)若無此願，設斷煩惱，即二乘行故。

(Luận: Vi nếu không có nguyện này, dấu đoạn phiền não, chính là hạnh Nhị Thừa).

Đây là nói: Quý vị chẳng có những nguyện này. Chẳng có những nguyện này, giả sử quý vị đã thật sự đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, bất quá, quý vị chứng quả vị Thanh Văn hoặc Duyên Giác. Nếu học Đại Thừa, sẽ là Quyền Giáo Bồ Tát, chẳng lìa khỏi mười pháp giới. Tiếp đó, Luận nói:

(Luận) Thiết thị Bồ Tát, tức sanh Tịnh Độ.

(論)設是菩薩即生淨土。

(Luận: Nếu là Bồ Tát, liền sanh Tịnh Độ).

¹⁶ Tiêm Sa Thu (vùng miệng cát nhọn), còn gọi là Heung Po Tau (Hương Bộ Đầu) là một khu vực ở Hương Cảng, thuộc phía Nam khu vực Cửu long. Khu này chính vùng mũi đất nhô ra vịnh Victoria của bán đảo Cửu Long.

Đây là Đại Thừa Bồ Tát. Bất luận tu học pháp môn nào, đều đem những gì quý vị đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, liền sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Cực Lạc, sẽ lại tiếp tục học tập. Học tập đã thành tựu, bèn thả chiếc bè Từ, thừa nguyện tái lai, quý vị cũng phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn ấy. Vì thế, tiếp đó, lời Luận viết:

(Luận) Dĩ thử nhất bách tứ thập đại nguyện môn, đốn năng tịnh kỳ nhất thiết trần lao, tiện thành Phổ Hiền pháp giới hạnh cố. Cố danh Tịnh Hạnh.

(論)以此一百四十大願門，頓能淨其一切塵勞，便成普賢法界行故，故名淨行。

(Luận: Do một trăm bốn mươi môn đại nguyện ấy, có thể nhanh chóng thanh tịnh hết thảy trần lao, trở thành hạnh của pháp giới Phổ Hiền, nên gọi là Tịnh Hạnh).

Đây là ý nghĩa thứ hai của Tịnh Hạnh. Có thể tu phẩm Tịnh Hạnh, sẽ chẳng khác gì Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc. Thật vậy, chẳng giả! Chưa vãng sanh, chưa thấy A Di Đà Phật? Đúng vậy, chưa vãng sanh, nhưng trong mỗi niệm, A Di Đà Phật đều gia trì quý vị. Một trăm bốn mươi một nguyện hoàn toàn tương ứng với chư Phật, Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc. Quý vị vãng sanh lúc nào, đó là điều khẳng định, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, các vị Pháp Thân Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, bất luận ở trong cảnh giới nào, đều đúng như một câu trong kinh Lăng Nghiêm đã nói, ở đây là cả một phẩm kinh: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, ắt giống như Như Lai). Tám chữ ấy trong kinh Lăng Nghiêm chính là phẩm Tịnh Hạnh trong kinh này. “*Tắc đồng Như Lai*”: Chính là Pháp Thân Như Lai, giống như thế giới Cực Lạc, giống như thế giới Hoa Tạng.

“*Đốn năng*” (頓能) [nghĩa là] ngay lập tức có thể. “*Tịnh kỳ nhất thiết trần lao*” (Tịnh trừ hết thảy trần lao): “*Trần lao*” (塵勞) là phiền não. Ở trong thế gian này, ở trong bất luận cảnh giới nào, chẳng sanh phiền não. Vì sao? Hết thảy các thứ phiền não chẳng ngoài tự tư tự lợi. Quý vị có ý niệm tự tư tự lợi, sẽ còn có phiền não. Chẳng vì tự tư tự lợi, phiền não sanh từ chỗ nào? Làm một chuyện tốt đẹp, làm thành công một chuyện tốt đẹp, chúng sanh có phước, ta chẳng thể kể công chính mình đã làm rất nhiều chuyện tốt, chẳng có! Do chúng sanh có phước [nên được thành công, chẳng phải là công sức của ta]. Làm chẳng thành công, chẳng có phiền não, chẳng áo não, chúng sanh chẳng có phước! Chúng ta dốc hết sức, do chúng sanh chẳng có phước, cho nên chuyện này chẳng thực hiện viên mãn! Hễ có chính mình ở trong ấy, hễ có tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình [xen vào đó], bèn sanh phiền não. Vì sao? Người ấy dấy lên tham, sân, si, mạn. Thật sự có thể làm được “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, bất luận làm chuyện gì, thành công cũng thế, mà thất bại cũng thế, luôn luôn là như như bất động. Vậy thì mới có thể đạt được đại tự tại. Lại còn như thế nào? Nguyện tâm bất thoái! Chuyện này chẳng làm thành công, [là

vì] duyên không đủ. Duyên không đủ, vì sao phải làm? Cứ làm thử xem. Làm thử, quả nhiên thành công. Kẻ bình phàm thường nói là “*may mắn thành công*”. Đối với chuyện tốt, nói chung là chúng sanh được lợi ích, quyết chẳng vì chính mình. Chính mình đạt được gì? Chính mình tăng trưởng sự thanh tịnh, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng từ bi, tăng trưởng nguyện lực. Đó là xét theo phía của chính mình, chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng! Do vậy, đây là Phổ Hiền Pháp Giới Hạnh.

Phổ Hiền Hạnh kèm thêm Pháp Giới, ý nghĩa này rất sâu. Phổ Hiền pháp giới chính là thế giới Cực Lạc, là thế giới Hoa Tạng. Hai vị Bồ Tát chủ yếu trong thế giới Hoa Tạng là Văn Thù và Phổ Hiền. Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm, đến cuối cùng, hai vị Bồ Tát này dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vì thế, sanh vào Hoa Tạng, cuối cùng, nhất định là quý vị sẽ thân cận Văn Thù, Phổ Hiền, hai vị ấy sẽ dẫn quý vị sang thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật. Từ chỗ này, quý vị có thể thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng ngàn ấy! Đã biết là thù thắng, hãy nên học phẩm Tịnh Hạnh. Nhưng trong phần trước, tôi đã nói, [để hành] Tịnh Hạnh Phẩm, nhất định là phải nương theo Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Sa Di Luật Nghi làm cơ sở. Có những món căn cơ ấy, sẽ thực hiện một trăm bốn mươi một nguyện rất dễ dàng. Quý vị chẳng có cội rễ ấy, sẽ chẳng được! Quan niệm cơ bản trong căn cội ấy là niệm nào cũng nhằm thành tựu cho người khác. Trung Hoa có một câu ngôn ngữ cổ xưa là: “*Thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*” (Giúp đỡ người khác thành tựu những điều tốt đẹp, chẳng giúp người khác thành tựu điều ác). Đừng giúp người khác tạo tội nghiệp thành tựu, phải giúp người khác làm lành, thành tựu công đức cho người khác. Niệm nào cũng đều có cái tâm ấy, đây là chuyện có thể làm được! Quyết định chẳng có một niệm vì chính mình. Hễ có một niệm vì chính mình, sẽ trái nghịch hạnh nguyện Phổ Hiền!

Lại xem đoạn kế tiếp:

(Luận) Dĩ thử đại nguyện trang nghiêm nhất thiết thế gian chư hạnh, tổng vi pháp giới nhất thiết đạo tràng, cố danh Tịnh Hạnh.

(論)以此大願莊嚴一切世間諸行，總為法界一切道場，故名淨行。

(Luận: Dùng đại nguyện ấy trang nghiêm các hạnh trong hết thảy các thế gian, luôn là đạo tràng cho hết thảy các đạo tràng trong pháp giới, nên gọi là Tịnh Hạnh).

Quý vị thấy đó: Niệm niệm chẳng quên dùng một trăm bốn mươi một nguyện này để trang nghiêm hết thảy các hạnh trong thế gian. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú ý chữ “*nhất thiết*” (一切, hết thảy). Đối với “*hết thảy*”, có hai cách nói:

1) Một cách nói là: Trong giáo pháp Đại Thừa, thường nói “*hữu tình thế gian, khí thế gian, và trí chánh giác thế gian*”. Đây là nói trọn hết mười pháp giới. Mười pháp giới được chia thành ba loại.

2) Một cách nói khác là nói về y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới.

Hai cách nói này khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau: Hết thấy thế gian!

Đối với các hạnh của chúng sanh trong hết thấy thế gian, vì quý vị niệm niệm đều hồi hướng, niệm niệm đều chân thành chúc phước cho họ, chư vị hãy ngẫm xem: Há còn có ý niệm tổn thương chúng sanh hay không? Chẳng sanh khởi [những ý niệm ấy được]. Quý vị còn có ý niệm ganh tỵ chúng sanh hay không? Quý vị còn ý niệm tàn hại chúng sanh hay không? Quý vị còn có ý niệm chiếm tiện nghi của chúng sanh hay không? Toàn bộ đều chẳng có! Do vậy mới nói: Hết thấy thấy, nghe, hay, biết đều chẳng có làm lỗi. [Đã là] chẳng có làm lỗi, quý vị hãy nói xem: Hạnh môn này quan trọng lắm! Người học Phật chúng ta có kẻ nào chẳng hy vọng tiêu nghiệp chướng? [Ai nấy] đều biết nghiệp chướng của chính mình rất nặng, nhưng chẳng biết tiêu bằng cách nào? Phẩm kinh này dạy chúng ta phương pháp cụ thể để tiêu trừ hết thấy các nghiệp chướng! Thế nhưng, người trì tụng phẩm kinh này chẳng ít, có người dùng phẩm kinh này để tụng niệm trong công khóa sáng tối từ xưa tới nay đều có, có bao nhiêu người thành tựu? Tùy thuộc căn cơ của họ! Căn cơ là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, căn cơ đấy! Quý vị chẳng có ba món căn cơ ấy, niệm niệm sanh tâm hoan hỷ đối với một trăm bốn mươi một nguyện này, nhưng chính mình chẳng làm được!

Phẩm kinh này là “*hành kinh*” (行經, kinh dạy về phương pháp cụ thể để hành trì), Tịnh Hạnh! Do vậy, phần Giải Phương [của Thanh Lương Sớ] trong phần trước đã nói rất hay: “*Dường như một trăm bốn mươi một nguyện đều chẳng có Hạnh?*” Thanh Lương đại sư đã bảo chúng ta: Hạnh có sáu loại lớn, chia cận kề hơn, sẽ gồm mười bốn điều. Sự Hạnh, Lý Hạnh, Trí Hạnh, “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Thanh Lương đại sư nói nhiều ngàn ấy, trong bất cứ một ý nghĩa nào, cũng đều bao hàm hết thấy các ý nghĩa. Nói đến Sự Hạnh, một trăm bốn mươi một điều toàn là Sự. Nói đến Lý Hạnh, một trăm bốn mươi một điều về Sự toàn là Lý. Nói đến Trí Hạnh, một trăm bốn mươi một Sự Lý ấy toàn là Trí. Một và nhiều chẳng hai, đó mới là chân tịnh. Do vậy, dùng đại nguyện này để trang nghiêm các hạnh trong hết thấy các thế gian.

“*Tổng vi pháp giới nhất thiết đạo tràng*”: Hết thấy các đạo tràng trong pháp giới là một đạo tràng, tức là đạo tràng Tịnh Hạnh. Hạnh Môn của hết thấy các chúng sanh trong pháp giới không gì chẳng phải là Tịnh Hạnh. Trong tâm mục của Phổ Hiền Bồ Tát, chân tướng sự thật là như vậy đó. Sai biệt rất lớn so với sự “thấy, nghe, hay, biết” của bọn phàm phu chúng ta. Phàm phu thấy hết thấy chúng sanh có thiện hạnh, có ác hạnh, có phân biệt, có chấp trước. Vì sao Phổ Hiền Bồ Tát thấy tất cả đều là Tịnh Hạnh? Trong phần trước, chúng tôi đã nói đến chuyện này: Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Phàm phu thấy hết thấy chúng sanh có thiện hạnh, có ác hạnh, có thiện quả, có ác báo, chẳng thấy thanh tịnh. Phàm phu mê mất tự tánh, thấy những huyền tướng ấy [chẳng biết] “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, ngộ huyền tướng là

chân thật, chấp tướng, chẳng thấy tánh! Nhưng Bồ Tát thì “*Tánh, Tướng viên dung, Lý, Sự chẳng hai*”. Vì thế, Ngài thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới toàn là Tịnh Hạnh, hết thấy các đạo tràng cũng là Tịnh Hạnh. Chúng ta biết người như vậy đã tu thành Pháp Thân Bồ Tát, dự vào địa vị chư Phật Như Lai, chẳng phải là phàm nhân!

Lại xem câu cuối cùng:

(Luận) Dĩ thử chư kiến, thành đại thiện căn, cố danh Tịnh Hạnh.

(論)以此諸見，成大善根，故名淨行。

(Luận: Dùng các kiến giải ấy để thành tựu đại thiện căn, nên gọi là Tịnh Hạnh).

Lý Trường Giả đã nêu ra bốn ý nghĩa của Tịnh Hạnh. “*Dĩ thử chư kiến*”: Chữ “*thử*” (此) chỉ phẩm kinh này, chữ “*chư*” (諸) chỉ một trăm bốn mươi một bài kệ tụng trong phần sau. “*Thành đại thiện căn*”: Thiện căn của Pháp Thân Bồ Tát đương nhiên là Tịnh Hạnh. Lý Trường Giả đã giới thiệu đại ý của tên gọi phẩm kinh này khéo lắm, có thể phối hợp với lời giới thiệu của Thanh Lương đại sư, giống như hai vị đạo hữu càng thêm nêu rõ lẫn nhau vậy!

Lại xem đoạn thứ hai là “*thích phẩm lai ý*” (giải thích ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này). Ngài Thanh Lương giới thiệu [phẩm kinh này], xếp “*lai ý*” làm mục thứ nhất, xếp phần giải thích tên gọi của phẩm vào mục thứ hai. Lý Trường Giả hoàn toàn đảo ngược, đầu tiên là giới thiệu tên gọi của phẩm kinh, sau đây mới cho chúng ta biết vì sao có phẩm kinh này.

(Luận) Vị minh tiền Vấn Minh phẩm.

(論)為明前問明品。

(Luận: Nhằm nói rõ phẩm Vấn Minh trước đó).

Trong phần trước, chúng ta đã học phẩm Bồ Tát Vấn Minh.

(Luận) Thị thành kỳ Thập Tín trung giải cố.

(論)是成其十信中解故。

(Luận: Là để thành tựu sự liễu giải đối với địa vị Thập Tín).

“*Thành*” (成) là thành tựu. Nhằm thành tựu sự lý giải của chúng ta đối với địa vị Thập Tín. Nói cách khác, khiến cho chúng ta hiểu rõ địa vị Thập Tín, nhận biết địa vị Thập Tín. Đây chính là đại ý của phẩm [Bồ Tát] Vấn Minh.

(Luận) Thử phẩm thành kỳ Thập Tín chi hạnh cố, thử phẩm tu lai.

(論)此品成其十信之行故，此品須來。

(Luận: Phẩm này là để thành tựu hạnh trong địa vị Thập Tín, cho nên cần có phẩm này).

Có Giải, đã nhận thức, đã hiểu rõ. Nếu quý vị chẳng thể thực hiện, sẽ là vô dụng, chẳng khác gì không hiểu, chẳng khác gì không biết! Giải và Hạnh nhất định phải tương ứng, quý vị mới có thể thật sự đạt được thọ dụng. Do vậy, nhất định phải có phẩm này!

(Luận) *Nãi chí quả hạnh viên mãn dĩ lai, bất ly thứ đại nguyện cố.*

(論)乃至果行圓滿已來，不離此大願故。

(Luận: *Vì mãi cho đến khi quả hạnh viên mãn, chẳng lìa đại nguyện này*).

“*Quả Hạnh*”: “*Quả*” chính là Phật quả viên mãn rốt ráo, là quả vị vô thượng, cũng là địa vị Diệu Giác được nói trong kinh Hoa Nghiêm, còn cao hơn địa vị Đẳng Giác. Đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ thành địa vị Diệu Giác. Từ địa vị Diệu Giác trở xuống, [tức là câu “*Quả Hạnh viên mãn dĩ lai*”] nhằm nói tới các địa vị thấp hơn địa vị Diệu Giác. Câu này có nghĩa là bốn mươi một địa vị cho đến Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, đều thuộc về Đẳng Chánh Giác, chúng ta nói là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Vô thượng*” là Phật quả rốt ráo. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ là Chánh Đẳng Chánh Giác, thấy đều chẳng rời khỏi một trăm bốn mươi một nguyện này. Nói cách khác, một trăm bốn mươi một nguyện này chính là sở hành của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Hạnh của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ là Tịnh Hạnh, chúng ta phải học tập. Phiền não gì đi nữa, chướng ngại gì đi nữa, tai nạn gì đi nữa, hễ người tu tịnh hạnh gặp phải, sẽ đều hoàn toàn hóa giải. Do vậy, chúng tôi cũng rất lưu tâm giáo huấn này. Trong những năm qua, chúng tôi đề xướng “*thuần tịnh, thuần thiện*”, thuần tịnh, thuần thiện chính là Tịnh Hạnh.

“*Bất ly thứ đại nguyện cố*” (Do chẳng rời đại nguyện này): Hạnh nguyện như thế, từ đầu tới cuối chẳng lìa, vĩnh viễn chẳng lìa. Sau khi đã chứng đắc quả vị Như Lai rốt ráo, có còn cần đến một trăm bốn mươi một nguyện này hay không? Vẫn cần, vẫn giống như người mới học. Vì sao? Làm gương cho chúng sanh trong chín pháp giới. Chúng ta hãy xem thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, có phải là một trăm bốn mươi một điều đang được nói ở đây hay không? Có điều nào Ngài chẳng làm được? Điều nào cũng đều làm được! Điều nào cũng đều thành tựu viên mãn; chúng ta chớ nên không biết điều này! Nếu quý vị chẳng biết, sẽ chẳng có cách nào học tập. Quý vị đã hiểu rõ, mới biết cách học như thế nào!

Nhất là các đồng học tu Tịnh Độ, quý vị phải nhớ câu sau đây trong kinh Vô Lượng Thọ quan trọng hơn bất cứ điều nào khác: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (Đều cùng tuân theo, tu tập đức của Phổ Hiền đại sĩ). Đức Phật nói kinh ấy có ý nghĩa rất sâu. Trong phần Chúng Thành Tựu, đặc biệt nêu ra “*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ). Mười sáu vị ấy là tại gia Bồ Tát, chẳng phải là xuất gia. Mười sáu vị ấy là tại gia Bồ Tát thuộc địa vị nào? Đẳng Giác, ngang hàng với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. “*Mười sáu*” là một con số biểu thị pháp. Trong Mật Tông,

nó biểu thị sự viên mãn. Trong Hiền Giáo, dùng số bảy và mười để biểu thị viên mãn. Trong Mật Tông, dùng “mười sáu”, hoặc “hai mươi một”. Đây là những con số viên mãn trong Mật Tông. Kinh Vô Lượng Thọ là “*Hiền Mật viên dung, thông Tông, thông Giáo*”, chẳng thể nghĩ bàn! Ý nghĩa này mang ý nghĩa kín nhiệm: Tại gia thành Phật là chủ yếu! Tại gia học Phật mà muốn thành Phật trong một đời, chỉ có pháp môn này!

Mười sáu vị Chánh Sĩ ấy, trong phần kinh văn tiếp theo [của kinh Vô Lượng Thọ] đã nói: “*Hàm cộng tuần tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Chư vị hãy suy ngẫm ý vị ấy! Ý vị gì vậy? Trong phần Chúng Thành Tựu, Văn Thù và Phổ Hiền là xuất gia Bồ Tát, mười sáu vị Chánh Sĩ là tại gia Bồ Tát. Tỷ lệ tại gia nhiều, xuất gia ít. Chúng ta đọc kinh, học giáo, chớ nên xem nhẹ những chỗ này! Chớ nên sơ sót! Ý nghĩa trọng yếu đã được nêu bày rõ rệt trong ấy, khiến cho chúng ta từ đây thấu hiểu, biết được ý nghĩa do Như Lai đã dạy. Trong bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, “*chân thật nghĩa*” đòi hỏi quý vị hãy chú tâm lãnh hội. Nếu quý vị có thể thấu hiểu, mới có thể nghiêm túc học tập, dũng mãnh, tinh tấn, bất thoái thành Phật ngay trong một đời. Kinh Hoa Nghiêm là “*thành tựu trong một đời*”. Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Thành tựu một đời trong kinh Pháp Hoa đã được long nữ thể hiện cho chúng ta thấy. Do vậy, những kinh này được gọi là kinh Nhất Thừa, [vì] thành tựu trong một đời! Thành tựu trong một đời, [đối với] Tín, Giải, Hạnh, Chứng, phẩm kinh này thuộc về Hạnh! Chính vì một trăm bốn mươi một nguyện này khiến cho Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới do tu tập một trăm bốn mươi một nguyện này mới có năng lực phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vượt thoát mười pháp giới, tức là từ địa vị Thập Tín, bước lên địa vị Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ Bồ Tát được gọi là Phát Tâm Trụ, [hàm nghĩa] mới phát Bồ Đề tâm! Vì vậy, chẳng phát Bồ Đề tâm thì là phàm phu; hễ phát Bồ Đề tâm thì là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo!

Trong phần trước, chúng ta đã đọc “*kim dĩ phát Bồ Đề tâm*” (nay đã phát Bồ Đề tâm). Hãy nghĩ: Chúng ta trong hiện tiền, hằng ngày đều niệm “*phát Bồ Đề tâm*”, niệm vài chục năm, Bồ Đề tâm chẳng phát ra nổi! Mỗi ngày vẫn là phát tâm thị phi, nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, vẫn phát cái tâm ấy. Cái tâm ấy là tâm luân hồi. Phát loại tâm ấy, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều là tạo nghiệp luân hồi. Tạo nghiệp luân hồi là nhân, thọ quả báo luân hồi là quả. Làm sao có thể thoát ly lục đạo luân hồi cho được? Chuyện này rất nghiêm trọng, chẳng phải là chuyện nhỏ, mà là đại sự.

Học Phật trong hiện thời, nếu chúng ta nghe giảng kinh văn như vậy, nghe những đạo lý này, cơ duyên [được nghe giảng kinh văn và đạo lý như vậy] sẽ chẳng nhiều, quý vị đến nơi đâu để có thể nghe? Chúng tôi hy vọng sẽ có thể mở rộng, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có cơ hội được nghe, đều có cơ hội tiếp xúc. Đây là nhờ khoa học kỹ thuật mà đắc lực, chúng ta toàn tâm toàn lực đi theo phương hướng này. Theo phương hướng này, người giảng kinh, hoằng pháp ít ỏi, không sao cả, xác thực là có thể thu được hiệu quả lợi ích vô biên. Huống hồ lại thuận theo nguyện lực (nguyện lực thanh tịnh), xác thực là chúng sanh trong chín

pháp giới đều được lợi ích. Chớ nên thấy trong phòng thâu hình chẳng có một người nào, những chúng sanh mà nhục nhãn của bọn phàm phu chúng ta chẳng thấy không biết là bao nhiêu, chẳng có cách nào tính toán! Do vậy, chúng tôi sanh tâm hoan hỷ. Phu Tử có nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc nhạo hồ?”* (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao? Có bạn bè từ phương xa tới, cũng chẳng thích sao?) “Bạn bè” ở đây chính là chúng sanh trong chín pháp giới. *“Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ?”* (Người khác không biết đến mà chẳng giận, cũng chẳng phải là quân tử ư?) Người thế gian chẳng biết, chúng ta vẫn tâm bình khí hòa y hệt, quyết định chẳng có mảy may trách móc họ. Đó là thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác nhau, làm sao có thể trách móc họ cho được? Người ta chẳng biết đến mà chẳng giận, cũng phải là một vị quân tử! Vì thế, nay chúng ta học Phật, tự hành, hóa độ người khác, ba câu trên đây trong Luận Ngũ thủy đều hiện tiền, thật sự hưởng thụ! Đây chính là như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: *“Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Cụ nói lời ấy hết sức có lý! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây. Lần sau, chúng ta sẽ lại học tập tiếp phần thứ ba là *“thích phẩm Tông Thú”*.

Tập 1468

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một. Lần trước, tôi đã nói trong bộ Hợp Luận của Lý Trường Giả, để giải thích phẩm kinh này, Ngài đã chia thành bốn môn phân biệt, trong đó, “*thích phẩm danh mục*” và “*thích phẩm lai ý*” chúng ta đã học tập xong. Hôm nay, chúng ta coi đoạn thứ ba là “*thích phẩm Tông Thú*”. Tôi đọc trước lời luận một lượt.

(Luận) Thích phẩm Tông Thú giả, dĩ Trí Thủ thị hạ phương Pha Lê Sắc thể giới, Phật hiệu Phạm Trí, minh thị nhất thiết chư Phật pháp, bốn tự thể bạch tịnh vô nhiễm chi trí, dĩ vi năng vấn chi nhân. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tức thị nhất thiết chư Phật thiện trạch diệu huệ, vi thuyết pháp chi chủ, dĩ nhất thiết chư Phật căn bản trí huệ chi môn, thiện tự vi vấn đáp chi chủ bạn, thuyết nhất bách tứ thập đại nguyện chi môn, dĩ thành Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, thập nhất địa đẳng Phổ Hiền pháp giới vô tận hạnh hải.

(論)釋品宗趣者，以智首是下方玻璃色世界，佛號梵智，明是一切諸佛法，本自體白淨無染之智，以為能問之人。文殊師利菩薩，即是一切諸佛善擇妙慧，為說法之主，以一切諸佛根本智慧之門，善自為問答之主伴，說一百四十大願之門，以成十信十住十行十迴向十地十一地等普賢法界無盡行海。

(Luận: “Giải thích Tông Thú của phẩm này”: Do Trí Thủ là [vị Bồ Tát] từ thế giới Pha Lê Sắc ở hạ phương, Phật hiệu là Phạm Trí, chỉ rõ: Tự thể của hết thầy các Phật pháp vốn là trí trắng sạch, vô nhiễm, dùng [trí ấy] để làm người hỏi. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chính là trí huệ mâu nhiệm khéo chọn lựa của hết thầy chư Phật, dùng [trí ấy] làm vị chủ trì thuyết pháp. Dùng môn trí huệ căn bản của hết thầy chư Phật để khéo thực hiện sự vấn đáp giữa chủ và bạn, nói ra một trăm bốn mươi môn để thành tựu biển hạnh vô tận trong Phổ Hiền pháp giới cho Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và địa vị thứ mười một [là Đẳng Giác]).

Chúng ta xem đoạn này; đoạn này nói về Tông Thú của phẩm này. Tông (宗) là tông chỉ tu hành, cũng là phương pháp tu hành. Thú (趣) nghĩa là nương theo phương pháp này để tu học, chúng ta có thể đạt được quả báo như thế nào. “*Thú*” là hướng đến cái quả. Do vậy, đoạn này cũng hết sức quan trọng. Đã thông đạt, hiểu rõ, sẽ biết tu nhân, chứng quả.

“*Trí Thủ thị hạ phương*” (Trí Thủ là ở phương dưới): Ở đây, có ý nghĩa biểu thị pháp. “*Phương dưới*” chính là đối tượng chủ yếu trong việc hóa độ chúng sanh của chư Phật Như Lai. Do vậy, Bồ Tát có danh hiệu là Trí Thủ. Trí ấy chẳng phải là Căn Bản Trí, mà là Hậu Đắc Trí. Trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù Bồ

Tát nói Thập Ba La Mật. Thông thường, trong giáo pháp Đại Thừa chỉ nói Lục Ba La Mật, đó là khoa mục tu học của Bồ Tát. Thứ nhất là Bồ Thí, thứ hai là Trì Giới, thứ ba là Nhẫn Nhục, thứ tư là Tinh Tấn, thứ năm là Thiền Định, thứ sáu là Bát Nhã (tức là trí huệ). Thập Ba La Mật là đem điều cuối cùng, tức Bát Nhã Ba La Mật, lại triển khai thành Phương Tiện Ba La Mật, Nguyện Ba La Mật, Lực Ba La Mật, và Trí Ba La Mật. Trí ở cuối cùng, tức Trí Ba La Mật. Bốn thứ Phương Tiện, Nguyện, Lực, và Trí đều là Hậu Đắc Trí, cũng là do trí huệ Bát Nhã khởi tác dụng. Vì vậy, Thập Ba La Mật và Lục Ba La Mật chẳng hai, chỉ là tách ra hay gộp lại khác nhau. Tách ra sẽ thành Thập Ba La Mật, quy nạp lại là Lục Ba La Mật; nội dung chẳng tăng, chẳng giảm!

Nói tới Lục Độ thì trong Bát Nhã Ba La Mật có Quyền Trí và Thật Trí, có Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí, thấy đều dung hợp một chỗ. Thập Ba La Mật là tách rời Quyền và Thật, Bát Nhã Ba La Mật là Thật Trí, tức trí huệ chân thật. Bốn điều sau đó, từ Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí, bốn môn này chính là xét Bát Nhã Ba La Mật theo sự ứng dụng sai khác. Vì thế, nhà Phật thường nói: *“Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”*. Phương Tiện chính là Bát Nhã Ba La Mật. Quý vị thấy đó: Trong Phật pháp, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, liền hiện thân ấy. Đây là phương tiện; đáng nên nói pháp gì, liền nói pháp ấy. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có hình tướng nhất định, mà cũng chẳng có pháp nhất định để có thể nói. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta chớ nên không biết. *“Hiện tướng”* là thuận theo khả năng tiếp nhận của cái tâm chúng sanh [để biến hiện]. Chúng sanh thích thân nào, Phật, Bồ Tát bèn hiện thân ấy. Chúng sanh thích nghe thuyết pháp như thế nào, Phật, Bồ Tát bèn dùng phương pháp như thế đó để thuyết pháp. Sống động chứ không chết cứng, toàn thể đều thuộc về Bát Nhã Ba La Mật.

Quý vị thấy chúng sanh hiện thời chẳng giống chúng sanh trong quá khứ. Chúng sanh trong quá khứ thích nghe kinh, nghe pháp, cung kính giống như vào lớp học vậy. Trong buổi học, thầy giảng giải cho chúng ta, các bạn học nghiên cứu, thảo luận, làm thế nào để chúng ta có thể thực hiện những điều đã học trong cuộc sống hằng ngày, thấy đều vận dụng được, thật sự đạt được lợi ích. Trong thời đại hiện tại chúng ta đang sống này, nói hoa mỹ là *“thời đại kiến thức bùng nổ”*, trên thực tế thì là như một câu trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”*. Đây chính là [thực chất] của chuyện kiến thức bùng nổ trong hiện thời. Con người chẳng có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh, chẳng có tâm kiên nhẫn nghe kinh, nghe pháp, kê cả các trường đại học trong hiện thời! Có thể là đại học của Trung Hoa đỡ hơn một chút, chứ đối với đại học ngoại quốc, tôi khá thông hiểu [tình hình]. Ngoại trừ những người làm công tác chuyên môn nghiên cứu ra, quá nửa là khoa học, kỹ thuật, thông thường nhất là đối với môn nhân văn (humanities), sinh viên [nghe thầy giảng bài] đều chẳng nghe lọt tai, chẳng có tâm kiên nhẫn. Giáo sư giảng bài, [sinh viên chú tâm] nghe giảng tối đa là mười lăm phút; sau mười lăm phút, vọng niệm bèn dấy lên!

Người hiện thời ưa thích điều gì? Thích TV, thích những show truyền hình nhiều kỳ. Chúng ta có thể dùng những kỹ xảo ấy để diễn đạt Phật pháp hay không? Được chứ! Thời cổ đã có chuyện đưa Phật pháp lên sân khấu! Đại khái là vào

những năm đầu đời Thanh, trong Phật môn có một vở tuồng tên là Quy Nguyên Kính. Tôi chẳng biết có đồng tu nào đã xem vở tuồng ấy hay chưa? Vở tuồng ấy là Bình Kịch (Kinh Kịch), nội dung diễn tả chuyện của ba vị tổ sư Tịnh Độ Tông. Vị thứ nhất là Lư Sơn Viễn công Sơ Tổ, vị thứ hai là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, tức là Tịnh Độ Tông Lục Tổ, vị thứ ba là Hàng Châu Vân Thê Liên Trì đại sư, là vị tổ thứ tám của Tịnh Độ Tông. [Vở tuồng đó kể chuyện] ba vị ấy. Dùng phương pháp sân khấu để biểu diễn, mọi người hoan hỷ.

Năm xưa, tôi thấy vở tuồng ấy rất hoan hỷ, liền nghĩ hiện thời phải dùng phương pháp phim truyền hình nhiều tập, các đồng học hưởng ứng thật sự chẳng ít. Hôm nay, tôi thấy có một vị pháp sư đem tới kịch bản của phim truyền hình nhiều tập là Địa Tạng Kinh. Tôi biết có mấy nơi đang quay phim Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh. Còn có người nói với tôi: Muốn đem một mình câu chuyện cô Bà La Môn trong kinh Địa Tạng quay thành phim. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân] cũng được miêu tả hết sức khéo léo, kinh Kim Cang chỉ nhắc tới, chẳng nêu chi tiết. Câu chuyện ấy được nói tường tận trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Các thân hữu trong giới kịch nghệ, điện ảnh nghe câu chuyện ấy, [cảm thấy] tuyệt vời quá, có thể quay thành phim xi-nê gây xúc động cả thế giới. Quý vị thấy đức Phật từ bi, bị cắt chặt thân thể oan uổng, bị lăng trì xử tử, nhưng Nhẫn Nhục tiên nhân chẳng oán hận vua Ca Lợi chút nào! Chẳng phản kháng chút nào, lại còn phát nguyện: “Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ người đầu tiên!” Lời đức Phật nói đã được thực hiện, Nhẫn Nhục tiên nhân thuở ấy là Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Vua Ca Lợi thuở ấy là tôn giả Kiều Trần Như trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, đúng là người được đặc độ đầu tiên. Câu chuyện này hết sức cảm động lòng người. Vì thế, người hiện thời nghĩ đến chuyện dùng phương pháp điện ảnh, hoặc dùng phương pháp kịch truyền hình nhiều tập [để trình bày Phật pháp], tốt lắm! Giống như năm mươi ba lần tham học ở cuối kinh Hoa Nghiêm, hay khéo dùng ấy, đúng là có thể khiến cho người ta xem trăm lượt chẳng chán!

Trong những năm qua, tôi thấy phong hóa trên thế giới mỗi ngày một tệ, thế giới xác thực là đầy ắp nguy cơ. Lại nghĩ đến lão pháp sư Ấn Quang trong quá khứ, lão nhân gia suốt đời dốc hết sức lực đề xướng giáo dục nhân quả, có lý lắm chứ! Có ý nghĩa nhằm bảo rành mạch với chúng ta: “Muốn cứu vớt thế giới trong hiện thời, Phật pháp chẳng cứu vãn kịp, Nho giáo cũng chẳng cứu vãn kịp! Biện pháp duy nhất là giáo dục nhân quả”. Nếu mọi người đều biết gieo nhân lành, chắc chắn có quả lành. Tạo ác nghiệp, chắc chắn có ác báo. Con người thật sự biết nhân quả báo ứng, tôi tin chắc họ sẽ tự nhiên thâm liễm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác. Do vậy, thuở sinh tiền, lão pháp sư suốt đời chẳng tiếc công sức, lưu hành một lượng lớn ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư. Ta có thể cảm nhận: Đây là nỗi khổ tâm cứu vãn xã hội hiện tại [của Tổ]!

Do tôi nghĩ: Trong thời đại này, in sách chẳng có ai đọc! Thuở ấy thì được. Thời đầu Dân Quốc thì được, hiện thời chẳng có ai đọc. Hiện thời, tốt nhất là làm kịch truyền hình, kịch nhiều tập. Do đó, tại Trung Hoa, tôi đã tìm người quay

Liễu Phàm Tứ Huấn thành [một bộ phim] dài hai mươi tập. Phim đã quay xong, hiện thời đang làm công tác hậu chế tác, tức là cắt ghép, làm những công tác hoàn thành, đại khái là trong vòng tháng Ba, hay tháng Tư năm sau, sẽ có thể ra mắt. Đây là bộ đầu tiên. Sẽ tiếp tục quay bộ thứ hai là Cảm Ứng Thiên Vọng Biên gồm ba mươi tập. Lại quay An Sĩ Toàn Thư ba mươi tập. Nửa đầu của An Sĩ Toàn Thư là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn có tánh chất giống như Cảm Ứng Thiên, nói về nhân quả báo ứng. Hai phần còn lại, Vạn Thiện Tiên Tư chuyên nói về chuyện kiêng giết, nói về nhân quả của sự sát sanh. Dục Hải Hồi Cuồng chuyên nói về quả báo tà dâm. Phần cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ nhằm khuyên người ta niệm Phật. Tôi cũng tính toán làm ba mươi tập. Tổng cộng là tám mươi tập, hy vọng có thể hoàn thành trong thời gian hai năm. Năm sau là năm 2006, đại khái là khoảng tháng Năm, hay tháng Sáu năm 2007, sẽ có thể hoàn thành. Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn dùng thân ấy. Đáng nên dùng phương thức gì, bèn dùng phương thức ấy. Cứu vãn kiếp nạn là chuyện quan trọng. Dùng phương thức ấy để hy vọng cảnh tỉnh con người về khái niệm nhân quả. Nếu bài bác chẳng có nhân quả, tức là chuyện xấu gì cũng đều dám làm, cứ nghĩ chẳng có báo ứng. Đến khi báo ứng xảy đến, hối hận chẳng kịp, chúng ta chớ nên không biết điều này!

Tổ sư đã mở đầu cho chúng ta, chúng ta phải biết nên thực hiện như thế nào! Ở đây nói tới ngài Trí Thủ, chính là trí huệ. Bởi lẽ, rất nhiều người nghĩ đến, rất nhiều người muốn làm, trên thực tế, những người ấy đều là người có thiện tâm, đều là người sẵn lòng từ bi, hy vọng quý vị hãy cùng nhau tập trung sức lực, hãy tập trung nhân lực, vật lực, tài lực lại! Cá nhân sức lực hữu hạn. Tập trung sức lực bèn to lớn, có thể làm ra một tác phẩm có chất lượng tốt nhất. Tìm đạo diễn bậc nhất, diễn viên hạng nhất, dùng phương thức ấy để hiển thị luân lý đạo đức, nhân quả báo ứng của Nho gia và Phật gia hòng giáo hóa chúng sanh, [sẽ là] vô lượng vô biên công đức! Chúng ta thấy ngài Trí Thủ ở phương dưới thì phải biết dùng phương pháp này!

“*Pha Lê Sắc*”: Thời cổ chẳng có pha lê. Pha Lê (Sphatika, 玻璃) là thủy tinh, nay ta gọi [pha lê] là thủy tinh, thời cổ gọi là Pha Lê. Nay chúng ta gọi Lưu Ly (Vidurya) trong kinh Phật là Phi Thúy, tức là ngọc có màu lục, trong suốt. Kinh gọi loại ngọc ấy là Lưu Ly, [thuộc về] thất bảo. Pha Lê là thủy tinh, cũng là một thứ trong bảy báu. Thế giới Pha Lê Sắc: Thế giới thủy tinh ấy hoàn toàn trong suốt, chẳng có mây may ô nhiễm, có ý nghĩa này!

“*Phật hiệu Phạm Trí*”: Quý vị thấy trí ấy cũng là Hậu Đắc Trí, vô lượng vô biên trí huệ. “*Phạm*” (梵) là thanh tịnh. Trong trí huệ ấy, chẳng có mây may ô nhiễm nào! Ô nhiễm là gì? Kinh Hoa Nghiêm nói khá đơn giản: Phân biệt là ô nhiễm, chấp trước là ô nhiễm, vọng tưởng là ô nhiễm, tức là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói. Đây là ô nhiễm. Ô nhiễm bèn gọi là hữu lậu. Hữu lậu trí là trí huệ của phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Trí huệ của thánh nhân là vô lậu, vô lậu chính là Phạm Trí. Chúng ta học Phật, điều gì quan trọng nhất? Thanh tịnh quan trọng nhất, đặc biệt là tu Tịnh Độ. Đồng tu tu Tịnh Độ nhất định phải ghi nhớ: “*Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh!*” Trong tâm còn có tự tư tự lợi, còn có thị phi, nhân ngã,

còn có lợi hại, được mất, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có ngũ dục, lục trần, còn có tham, sân, si, mạn, [đấy chính là] ô nhiễm nghiêm trọng! Đã ô nhiễm, há có trí huệ? Ô nhiễm mà có thông minh [thì sự thông minh ấy chỉ là] Thế Trí Biện Thông!

Chư vị phải biết: Theo Phật pháp, Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn. Trong tám nạn có Thế Trí Biện Thông, nó chẳng phải là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật sanh từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Thiên, là Định. Thiên Định là danh từ chung tổng quát để gọi sự tu hành theo giáo pháp Đại Thừa, chúng ta chớ nên không biết điều này! Chớ nên giải thích sai danh từ ấy! Trong Lục Tổ Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng: Thiên là gì? “*Ngoài chẳng chấp tướng là Thiên, nội tâm bất động là Định*”. Vì vậy, tu Thiên không nhất định là ngồi xếp bằng ngó vào vách. Ngồi xếp bằng ngó vào vách là một phương pháp để tu Thiên Định. Có bao nhiêu loại phương pháp? Có tám vạn bốn ngàn loại. Ngồi xếp bằng nhìn vách là một loại trong tám vạn bốn ngàn loại!

Do đó, quý vị phải liễu giải, Thiên là gì? Ngoài thì không chấp tướng, trong thì chẳng động tâm! Trong kinh Hoa Nghiêm, trường giả Dục Hương tu Thiên Định ở nơi đâu? Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là công ty bách hóa. Mỗi ngày, Ngài la cà nơi công ty bách hóa, la cà một vòng những nơi náo nhiệt để tu Thiên Định. Cách tu như thế nào? Mắt thấy rõ ràng, rành rẽ, tai nghe rành mạch, ngoài là chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, thật sự là Thiên Định, là công phu thật sự! Phạm phu trông thấy những thứ ấy, sẽ khởi tâm động niệm, tức là chẳng có Định. Tâm quý vị đã bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, bị cảnh giới bên ngoài lôi dắt. Người thật sự có công phu, trong hết thấy các cảnh giới, đều như như bất động, chẳng bị ảnh hưởng mảy may! Người thật sự có Thiên Định, chẳng ai biết! Cái gọi là “ngồi xếp bằng Thiên Định” chính là Thiên Định sơ cấp, người khác trông thấy sẽ ca ngợi, lễ bái quý vị, nhưng người thật sự tu Thiên Định chẳng ai có thể nhìn ra. Người thật sự có công phu sẽ nhìn ra, thật sự buông xuống!

Buông xuống chẳng phải là không tiếp xúc, mà là trong khi tiếp xúc, thật sự buông xuống. Thật sự chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm, niệm niệm sanh trí huệ. Giống như ngài Huệ Năng gặp Ngũ Tổ, đã thưa với Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Nếu chúng ta gặp Ngũ Tổ, nhất định sẽ trình với Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh phiền não!*” Nói thật đấy! Quý vị thấy Huệ Năng đại sư thường sanh trí huệ. Nói cách khác, chẳng sanh phiền não. “*Chẳng sanh phiền não*” là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, bèn chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, chẳng động niệm. Đó là thánh nhân. Đấy chính là hạng người nào trong kinh Hoa Nghiêm? Sơ Trụ Bồ Tát. Nay chúng ta còn đang học Thập Tín, còn chưa đạt đến Sơ Trụ. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, không khởi tâm, chẳng động niệm. Địa vị Thập Tín Bồ Tát chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, còn có thể khởi tâm động niệm. Nói đúng ra là “chưa phá vô minh, đã đoạn Kiến Tư phiền não, đã đoạn Trần Sa phiền não, nhưng chưa phá vô minh”. Phá một phẩm vô minh, người ấy là Pháp Thân Phật. Tuy chứng một phần Pháp Thân, nhưng thật sự là Phật, chẳng giả! Chẳng phải là Phật trong mười pháp giới.

Đối với Phật trong mười pháp giới, Thiên Thai đại sư đã nói rất hay: “*Tương tự tức Phật*”, chẳng phải là thật sự, mà thuộc vào địa vị tương tự. Người học Phật chúng ta chớ nên không phân biệt rõ ràng, chẳng thể nào không thật sự hành. “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”, “*mạng người trong hơi thở*”. Hễ một hơi thở ra chẳng hít vào kịp, hối hận chẳng kịp!

Trong thế gian này, chuyện gì là đại sự? Nâng cao cảnh giới của chính mình là đại sự, cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật là đại sự, những thứ khác là chuyện vặt vãnh! Đối với những chuyện vặt vãnh thì sao? Tùy duyên, có duyên bèn làm, chẳng có duyên sẽ không làm. Trong nhiều năm qua, tôi đã nói với mọi người như thế rất nhiều lần! Mọi người cũng đã thấy rất rõ: ‘Tôi chẳng muốn đa sự. Tôi chẳng mong đa sự!’ Tôi ở Hương Cảng, ngay cả chỗ ở cũng không có. Chỗ tôi ở hiện thời là do Trần lão cư sĩ cúng dường. Cúng dường thì tôi chỉ cần quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu. Nhà cửa vẫn là của bà ta, cho tôi mượn ở. Bà ta rất từ bi, nói: “Thưa pháp sư! Bất luận thầy ở Hương Cảng bao nhiêu năm, tôi đều cúng dường thầy”. Ngày nào tôi rời khỏi, không ở đây nữa, trả lại căn nhà cho bà ta, chẳng vương mắc, chẳng ưu lự!

Suốt một đời, chính mình chẳng dựng đạo tràng. Đạo tràng này do các đồng tu và tín đồ ở Hương Cảng tạo lập, tôi giảng kinh ở đây. Giảng xong bèn ra đi. Suốt đời chẳng bận tâm, chẳng có ưu lự. Nhiều chuyện chẳng bằng ít chuyện, hảo sự chẳng bằng vô sự! Nhưng có duyên (tức là cơ hội), chúng ta phải làm! Vì sao? Chuyện lợi ích chúng sanh, chuyện lợi ích Phật pháp thì phải làm, chẳng thể đùn đẩy trách nhiệm. Chẳng có thì không cần phan duyên. Tôi suốt đời chẳng hóa duyên, chẳng hỏi xin ai một đồng nào, tự tại! Mọi người chẳng hiểu vì sao tôi có thể tự tại dường ấy. Nếu quý vị muốn làm chuyện gì, quý vị phải phan duyên, đi khắp nơi kiếm tiền, đi khắp nơi chèo kéo tín đồ, rất khổ! Quý vị làm sao có thể tự tại cho được?

Học Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Tôi học Phật, những quyển sách đầu tiên do thầy dạy tôi xem chính là cuốn Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Những sách ấy trong Đại Tạng Kinh chính là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật do người đời Đường viết. Chúng ta học Phật phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào? Ngài đã thật sự bỏ sạch sành sanh, cuộc sống thật đơn giản: Nghi dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa. Com ăn mỗi ngày đều xin từ bên ngoài, cho gì ăn nấy, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước! Mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngồi dưới cội cây, chợp mắt là được rồi, tinh thần đã khôi phục. Suốt đời chẳng có đạo tràng, chẳng xây dựng đạo tràng. Cũng có những nơi như Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên, hoặc Trúc Lâm Tinh xá. Những chỗ ấy đều là của cư sĩ, cung cấp cho đức Phật có chỗ để giảng kinh, thuyết pháp. Đức Phật đi rồi, trả lại cho họ. Suốt một đời, đức Phật chẳng có đạo tràng, chúng ta phải học theo. Đã xuất gia thì chẳng có nhà. Xuất gia mà lại tạo một cái nhà to, đó chính là gây thêm phiền phức cho chính mình, khổ quá!

Những năm qua, tôi ở hải ngoại, cũng thấy tàn suất động loạn trên thế giới mỗi năm một tăng, tai nạn mỗi năm một nghiêm trọng hơn. Chuyện này cũng là do người từ bên ngoài đến tìm tôi, chẳng phải là tôi đến tìm họ! Họ tìm tôi, hy

vọng tôi do xem nhiều, liễu giải nhiều, sẽ nêu ra những ý kiến hữu ích cho việc hóa giải xung đột, xúc tiến sự an định trong xã hội, thế giới hòa bình. Chuyện này là chuyện chúng ta phải nên làm, hễ có duyên bèn làm. Tham gia hội nghị hòa bình quốc tế năm lần, tôi liễu giải: Hòa bình chẳng phải là mở hội nghị bèn có thể đạt được! Như thế nào thì mới có thể thật sự hóa giải xung đột, đạt được an định, hòa bình? Giáo học! Suy đi nghĩ lại, vẫn là như câu nói cũ mèm của cổ thánh tiên hiền: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu).

Đôi với chuyện giáo học, vì sao đức Thế Tôn giáo học thành công? Đức Thế Tôn giáo học trong một thời gian dài. Ngài ba mươi tuổi thành đạo, cũng có nghĩa là đức hạnh và học vấn đều có thành tựu, bắt đầu giáo hóa chúng sanh. Bảy mươi chín tuổi viên tịch. Suốt một đời, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài đã thành công. Không Tử giáo học ở Trung Hoa cũng thành công. Thời gian giáo học của Không Tử ngắn ngủi, chỉ có năm năm. Ngài cũng là ba mươi tuổi, đạo đức và học vấn thành tựu. Sau khi đã thành tựu, vẫn một mực ngưỡng mộ Châu Công, hy vọng có thể làm một viên quan hay chức vụ nhỏ nhỏ, hòng công hiến sở học của chính mình cho quốc gia, cống hiến cho xã hội. Rong ruổi khắp các nước [chư hầu], chẳng có ai dùng Ngài, đúng là đã lãng phí thời gian mười mấy năm, lại trở về nước Lỗ vào lúc sáu mươi tám tuổi, bảy mươi ba tuổi qua đời. Vì thế, Không Tử giáo học năm năm rất thành công, do nguyên nhân gì? Chính mình đã làm được những gì mình đã nói. Thích Ca, Không Tử đều là chính mình thật sự đã làm được, sau đấy mới lại dạy kẻ khác, học trò khâm phục! Sau khi đã làm được rồi mới nói; vì thế, ta thường nói [các Ngài] là thánh nhân! Nói xong, có thể làm được thì là hiền nhân. Nói xong, chẳng làm được, sẽ là gạt người! Chư vị ngẫm xem: Người ta giáo học thành công, thành công ở chỗ nào? Làm được!

Trong những năm qua, chúng ta thấy đủ loại tình hình hủ bại trong và ngoài giáo, rất đau lòng! Phật pháp nương tựa vào gì? Giới luật. Chẳng có giới luật, sẽ chẳng có Phật pháp. Đó là hình thức, biểu hiện giả dối. Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới có làm được hay không? Chẳng làm được! Bất luận là xuất gia hay tại gia, tại gia thì Ngũ Giới, Thập Thiện có làm được hay chẳng? Chẳng làm được! Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là thế hệ của chúng ta từ bé đã đánh mất giáo dục luân lý, đạo đức, tối thiểu là bảy mươi năm! Theo ký ức của tôi, lấy tôi làm tiêu chuẩn, tôi sanh trưởng ở nông thôn, mười tuổi lìa khỏi gia đình, cơ sở của tôi được bồi dưỡng tại nông thôn. Ở nông thôn có trường tư thực, cấy vào sự giáo dục của cha mẹ, do thầy giáo trường tư thực chỉ dạy mà vun bồi căn cội. Do căn cội ấy, tiến nhập Đại Thừa Phật pháp, được thầy giáo tốt chỉ dạy, có bạn học tốt lành giúp đỡ, rèn luyện, mài giũa, mới có thể khế nhập cảnh giới Phật pháp, chẳng dễ dàng! Vì thế, tôi nghĩ lại, [những vấn đề nảy sanh trong xã hội hiện thời] là do chẳng có gia giáo.

Điểm đặc sắc trong giáo dục của cổ thánh tiên hiền là gia giáo. Gia giáo dạy gì? Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là gia giáo. Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa, Đệ Tử Quy do cha mẹ, bậc trưởng thượng, và người lớn trong nhà quý vị

nêu gương tốt cho con cái thấy. Bắt đầu dạy từ khi nào? Đại khái là sau khi trẻ nít sanh ra được ba ngày, vừa mở mắt, tai dựng lên, nó có thể nghe. Tuy nó chẳng thể nói, chuyện gì nó cũng đều không hiểu, nhưng người lớn ở trước mặt nó trò chuyện vui cười, nhất cử, nhất động, nó đều nghe, thấy, đều in vào trong A Lại Da Thức. Cổ nhân diễn tả chuyện này: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Do đã tạo thành từ bé, nên trở thành giống như bẩm sanh, do thói quen nên trở thành tự nhiên). Vun bồi như thế đó! Đó là giáo dục có cội rễ! Vì thế, Trung Hoa có câu ngạn ngữ: “*Tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân*” (Từ tính cách của một người lúc ba tuổi, có thể thấy tính cách lúc tám mươi. Từ năm, bảy tuổi mà có thể thấy được tính cách suốt đời), có lý lắm! Chẳng phải là vô lý, mà là có đạo lý to lớn!

Nhưng sau khi nhà Mãn Thanh diệt vong, thời ấy là thời quân phiệt cát cứ¹⁷ Trung Hoa, xã hội là một bầu hỗn loạn, thành thị thua kém nông thôn, [những thói hư tật xấu, vong bản] lan tràn đến nông thôn ít hơn. Nhưng người Nhật Bản xâm lược Trung Hoa, tám năm kháng chiến cũng khiến cho nông thôn rối loạn tít mù! Mọi người lo chạy loạn. Trong thời gian ấy, tôi đã chạy loạn qua khắp mười tỉnh. Chúng tôi cứ chạy đằng trước, phía sau là quân Nhật đuổi theo. Cả xã hội loạn lạc, mãi cho đến hiện thời, chẳng thể khôi phục! Vì thế, tôi nói [gia giáo] bị gián đoạn tối thiểu bảy mươi năm. Thời gian bảy mươi năm chẳng coi là ngắn, mà cũng chẳng coi là quá dài; hiện thời, cứu vãn vẫn còn kịp. Nếu để sau mười năm nữa mới toan cứu vãn thì đã bỏ lỡ thời tiết, nhân duyên, chẳng có cách nào cứu được!

Trong mấy năm qua, xác thực là có chẳng ít người có lòng đề xướng [vận động] trẻ nhỏ đọc kinh. Chuyện này tốt lắm, nhưng nếu chẳng thể thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, nó chỉ trở thành một loại học thuật, chẳng thể thọ dụng chân thật. Thọ dụng chân thật là đức hạnh. Do vậy, tứ chúng đồng học là đệ tử trong Phật môn phải có nghĩa vụ. Chúng ta có sứ mạng, phải làm cho đại chúng trong xã hội trông thấy. Làm gì vậy? Thực hiện Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy được thực hiện từ chính bản thân ta. Có Đệ Tử Quy làm cơ sở, lại học Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó. Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn cơ của nhà Phật, Đệ Tử Quy là căn cơ của Nho. Chư vị nhất định phải biết: Đại Thừa Phật pháp tại Trung Hoa chẳng kiến lập trên cơ sở Tiểu Thừa, mà là kiến lập trên cơ sở Nho gia. Nguyên nhân khiến cho Tiểu Thừa không thịnh đạt ở Trung Hoa là ở chỗ này! Từ giữa đời Đường trở đi, dùng Nho gia thay thế Tiểu Thừa. Vì thế, hiện

¹⁷ Quân phiệt cát cứ (軍閥割據): Hiểu theo nghĩa hẹp, đây là thời kỳ chánh quyền trung ương suy yếu, những kẻ có dã tâm, hoặc có thế lực ở các nơi tận dụng mọi thủ đoạn để xung hùng tại các tỉnh (nhất là các thủ lĩnh quân sự từ thời Thanh, như các tướng tá thuộc Bát Kỳ, những lực lượng quân sự nghĩa dũng địa phương chống lại quân xâm lăng ngoại quốc như quân Bắc Dương của Viên Thế Khải). Tuy trên danh nghĩa, họ nghe lệnh chánh quyền trung ương, nhưng thật ra mỗi nơi có luật lệ, thuế khóa riêng, nắm toàn quyền sanh sát. Thậm chí đi từ tỉnh này sang tỉnh kia phải xin giấy thông hành, nộp thuế riêng. Những tay quân phiệt làm mưa làm gió thời ấy là Viên Thế Khải, Đoàn Kỳ Thụy, Phùng Quốc Chương, Trương Tác Lâm, Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường v.v...

thời chẳng học Tiểu Thừa, lại chẳng học Nho, quý vị sẽ chẳng có căn cội! Bản thân quý vị hãy suy nghĩ, Ngũ Giới, Thập Thiện quý vị đều làm không được, còn có thể thành tựu gì hay chăng? Giảng kinh, thuyết pháp đến nổi hoa trời rơi lá tả cũng chẳng có tác dụng gì hết! Vì sao? Quý vị chẳng thể khế nhập cảnh giới của Phật!

Chương cuối trong phẩm Quang Minh Giác ở phần trước nói về cảnh giới Phật rất sâu. Mỗi chương, mỗi đạo trong phần trước rất sâu, kinh văn trong hai chương ấy rất trọng yếu! Quang Minh Giác nói về Giải phần của Bồ Tát; phẩm này, tức phẩm Tịnh Hạnh, nói về Hạnh của Bồ Tát. Thấy Bồ Tát hành trì như thế nào, chúng ta rất ngưỡng mộ, nhưng làm không được. Nguyên nhân làm không được là như tôi vừa mới nói: Chúng ta chẳng có Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện làm cơ sở, chẳng có cơ sở Đệ Tử Quy, niêm Phật mà được vãng sanh là do may mắn, chẳng chắc chắn. Đúng là tùy thuộc thiện căn trong đời quá khứ, một niệm cuối cùng trong khi sắp mạng chung, quý vị nghĩ tới A Di Đà Phật, có thể buông xuống vạn duyên, sẽ có thể vãng sanh. Nếu một niệm cuối cùng sai trái, còn lưu luyến, còn vướng mắc, quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ. Chớ nên không biết, chẳng thể không cảnh giác!

Làm như thế nào thì mới nắm chắc vãng sanh? Quý vị có Đệ Tử Quy, có Thập Thiện Nghiệp, có Tam Quy, Ngũ Giới, sẽ nắm chắc vãng sanh. Tín tâm trọn đủ, chẳng nghi hoặc tí nào! Quý vị đã có cơ sở ấy, nhưng luôn đánh rất nhiều dấu hỏi, quý vị sẽ chẳng nắm chắc, [là vì cái] tâm không chắc thật! Do vậy có thể biết, Đệ Tử Quy, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện trọng yếu ngàn ấy! Nếu là người xuất gia, còn phải thêm Sa Di Luật Nghi thập giới, hai mươi bốn môn oai nghi, thật sự là người xuất gia.

Đây là những điều chúng ta hãy cùng nên khích lệ lẫn nhau: Sống một ngày bèn nghiêm túc thực hiện một ngày, quyết chẳng thể phí uổng thời gian! Bây giờ đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin tiếp tục xem phần Hợp Luận của Lý Trưởng Giả:

(Luận) Phật hiệu Phạm Trí, minh thị nhất thiết chư Phật pháp, bốn tự thể bạch tịnh vô nhiễm chi trí, dĩ vi năng vấn chi nhân.

(論)佛號梵智，明是一切諸佛法，本自體白淨無染之智，以為能問之人。

(Luận: Phật hiệu là Phạm Trí, nói rõ: Tự thể của hết thảy các Phật pháp vốn là cái trí trắng sạch, vô nhiễm, dùng trí ấy để làm người thưa hỏi).

Thưa hỏi mà nếu chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể hỏi được. Hỏi và đáp đều là như thế, nhất định là phải có trí huệ chân thật. Bọn phàm phu chúng ta chẳng hỏi được. Phật, Bồ Tát hết sức từ bi, các Ngài hóa thân thay chúng ta thỉnh pháp, hỏi thay cho chúng ta. Do vậy, phải biết [điều ấy]. Chúng tôi dùng câu chữ đơn

giản nhất để giải thích Phạm Trí, “*trí huệ tối cực thanh tịnh*” được gọi là Phạm Trí. Chẳng có mảy may ô nhiễm, chẳng có mảy may xen tạp, trí ấy được gọi là Phạm Trí. Ai có? Hết thấy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ. Quý vị có, tôi cũng có, người khác cũng có, ai nấy đều có. Chỉ tiếc là chúng ta tuy có mà mê mất, đúng như đức Phật đã nói trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí huệ của Như Lai là Phạm Trí, “*đức*” là đức năng, “*tướng*” là tướng hảo. Người thế gian nói là “*phước báo*”. Quý vị thấy trí huệ, đức năng chính là tài nghệ, phước báo, trong tự tánh của hết thấy chúng sanh vốn trọn đủ, chẳng hai, chẳng khác so với mười phương hết thấy chư Phật Như Lai.

Chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Trong kinh vãng sanh, chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Đó là những thứ tự tánh vốn trọn đủ. Hết thấy chúng sanh đều có, bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác. Vì sao hiện thời có sự chênh lệch to lớn ngàn ấy? Phật đang giác, giác chứ không mê. Bọn phàm phu chúng ta đang mê, mê mà bất giác, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ không tịnh, do như vậy, tuy có mà chẳng thể hiện tiền. Giống như mặt trời, ban ngày tuy có mặt trời, nhưng hôm nay trời âm u, mây che rất dày, che khuất vàng thái dương, chẳng thấy mặt trời, biến thành bầu trời âm u. Chư Phật giống như ngày quang đặng, chúng ta giống như ngày âm u. Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi chỉ dạy chúng ta, dạy những gì? Diệt trừ mây đen, trí huệ và đức tướng trong tự tánh bèn hiện tiền. Chẳng phải là do từ bên ngoài mà có, vốn sẵn là như vậy. Do vậy, làm thế nào để có thể diệt trừ những thứ ấy, Phật, Bồ Tát có thể giúp đỡ hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng giúp được! Đó gọi là “*thảo chuông vẫn cần phải do người buộc chuông*”.

Chúng ta mê hoặc chẳng phải là do người ngoài gây ra, mà là do chính bản thân mình mê muội. Do vậy, vẫn phải do chính mình giác ngộ! Phật, Bồ Tát bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật, dạy chúng ta phương pháp phá mê, khai ngộ, chúng ta chỉ cần y giáo phụng hành. Nếu dừng mãi, tinh tấn, có thể thành tựu trong một đời này, chẳng cần chờ đến đời sau! Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn “*thành tựu trong một đời*”. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ cũng biểu diễn “*thành tựu trong một đời*”. Điều then chốt là dừng mãi, tinh tấn thì mới được. Giải đãi, biếng nhác, chẳng biết là [sẽ thành tựu vào] năm nào, tháng nào, xa vời vợi chẳng có kỳ hạn! Nhất định là phải dừng mãi, tinh tấn, phải phấn chấn, những thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều phải buông xuống thì trí huệ thanh tịnh trong tự tánh của chúng ta mới hiện tiền.

Trong phẩm kinh này, Trí Thủ Bồ Tát là hóa thân của Phạm Trí Phật. Ngài đến nêu câu hỏi thay cho chúng ta. Ai giải đáp? Văn Thủ Bồ Tát giải đáp cho chúng ta.

(Luận) Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, tức thị nhất thiết chư Phật thiện trạch diệu huệ.

(論)文殊師利菩薩，即是一切諸佛善擇妙慧。

(Luận: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chính là trí huệ mẫu nhiệm khéo chọn lựa của hết thầy chư Phật).

Phải ghi nhớ điều này. Văn Thù Sư Lợi là gì? Văn Thù Sư Lợi chính là Căn Bản Trí của Như Lai khởi tác dụng, tác dụng ấy đã “*thiện xảo tuyển trạch*”. “*Trạch*” (擇) là chọn lựa pháp, “*thiện*” (善) là thiện xảo. Thiện xảo là sống động, chẳng phải là chết cứng, chẳng phải là một loại phương pháp [cố định], mà là tùy cơ ứng biến. Do vậy, đối tượng ứng hóa của Phật chính là đối với những người bất đồng, đối với những chuyện khác nhau, đối với thời gian khác nhau, đối với nơi chốn khác nhau, đối với điều kiện và hoàn cảnh khác nhau, đều là ứng cơ thuyết pháp. Nói ra hết thầy các pháp, chắc chắn đều khiến cho đại chúng hiện tiền đạt được lợi ích. Người lợi căn sẽ được lợi ích to lớn, kẻ độn căn được lợi ích nhỏ nhất. Chẳng có ai không đạt được lợi ích. Đó gọi là “*khế cơ, khế lý*”, đức Phật nói như thế. Vì thế, Văn Thù Bồ Tát biểu thị ứng dụng của trí huệ Bát Nhã.

(Luận) Vi thuyết pháp chi chủ.

(論)為說法之主。

(Luận: Là người thuyết pháp chủ yếu).

Đức Phật đã giới thiệu: Ngài Văn Thù Sư Lợi đã từng là thầy của bảy vị Phật trong quá khứ, bảy vị Phật trong quá khứ đều là học trò của Ngài. Bồ Tát từ bi, chẳng thị hiện thành Phật, vẫn ở địa vị Bồ Tát. Vì sao? Bồ Tát dạy người khác dễ dàng hơn Phật dạy người khác. Phật là sư đạo, sư đạo phải tôn nghiêm. Đó gọi là “*chỉ nghe người đến học, chưa nghe người đến dạy*”. Sư đạo tôn nghiêm! Bồ Tát là đồng học. Đồng học sẽ tùy tiện, quý vị chẳng đến tìm ta, ta có thể tìm quý vị. Đây là Bồ Tát, chứ Phật chẳng thế. Do vậy, vì sao Bồ Tát đã thành Phật, vẫn lui xuống địa vị Bồ Tát? Đạo lý ở ngay chỗ này: Phương tiện độ chúng sanh!

Lại xem đoạn kế tiếp:

(Luận) Dĩ nhất thiết chư Phật căn bản trí huệ chi môn.

(論)以一切諸佛根本智慧之門。

(Luận: Dùng môn trí huệ căn bản của hết thầy chư Phật).

Chớ nên coi lướt qua câu này, phải chú tâm lãnh hội. “*Dĩ nhất thiết chư Phật căn bản trí huệ chi môn*”: Chẳng phải là một vị Phật! “*Nhất thiết chư Phật căn bản trí huệ chi môn*” là gì? Chính là Pháp Tánh, là Phật Tánh. Pháp Tánh, Phật Tánh, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có, gọi là trí huệ căn bản. Bồ Tát khởi tác dụng, tác dụng to lớn không ngăn mé, bày ra vô lượng vô biên trí huệ đều chẳng lìa căn bản. Điều này trọng yếu. Giống như một cội đại thụ, cội đại thụ ấy rất to, cành, lá, hoa quả hết sức xum xuê, bất cứ chiếc lá nào cũng đều chẳng rời khỏi căn cội của cái cây ấy. Bồ Tát vì hết thầy chúng sanh hoằng tông, nghiên giáo, chẳng lìa Căn Bản Trí. Phải hiểu đạo lý này!

Chẳng có Căn Bản Trí, sẽ chẳng có Hậu Đắc Trí. Hễ có Hậu Đắc Trí, quyết định có Căn Bản Trí. Người hiện thời gặp phiền toái vì chẳng biết cầu Căn Bản Trí, cứ chuyên cầu Hậu Đắc Trí, có thể thành tựu hay không? Chẳng thể thành tựu! Giống như gì? Cái mà quý vị cầu được giống như hoa cắm trong bình, chẳng có rễ, nhìn đẹp lắm, ba, bốn ngày đã khô héo, chết ngắc! Người hiện thời cầu học bên cầu bề ngoài, chẳng biết cầu căn bản. Thời đầu Dân Quốc, cư sĩ Đường Đại Viên đã nói về chuyện này rất nhiều. Ông ta bảo các đồng học học Phật: “*Bất luận tại gia hay xuất gia, hãy coi trọng Căn Bản Trí*”. Chẳng có Căn Bản Trí, quyết định là chẳng có Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là gì? Thừa cùng chư vị, Căn Bản Trí là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, sanh ra Hậu Đắc Trí. Kinh Kim Cang cũng nói rất hay: “*Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng*”.

Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, Phật, Bồ Tát thường khuyên dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là gì? Kinh luận đã nói rất nhiều, tổ sư đại đức từ xưa đã chú sớ rất nhiều, càng xem càng không hiểu. Chúng tôi cũng dùng phương tiện thiện xảo, dùng ba điều của Bồ Đề tâm. Điều thứ nhất trong ba điều là cái Thể của Bồ Đề tâm, điều thứ hai là Tự Thọ Dụng của Bồ Đề tâm, điều thứ ba là Tha Thọ Dụng của Bồ Đề tâm. Có Thể, có Dụng, Thể là một, nhưng tác dụng chia thành hai. Vì thế nói là “ba tâm”. Theo giáo pháp Đại Thừa, sẽ là “tam tâm viên phát”, phát khởi viên mãn thì là Bồ Đề tâm. Trong giảng đường này, chúng ta có một cặp câu đối, vế trên là “*chân thành*”, chân thành là cái Thể của Bồ Đề tâm. “*Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” chính là Tự Thọ Dụng của Bồ Đề tâm. Chữ cuối cùng tức “*từ bi*” chính là Tha Thọ Dụng của Bồ Đề tâm. Nói theo kiểu như vậy, mọi người sẽ dễ hiểu. Nếu nói theo cách diễn tả trong kinh luận, sẽ là chí thành tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Nói theo Khởi Tín Luận sẽ là trực tâm, nói theo Quán Kinh sẽ là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. Nay tôi viết theo cách này, mọi người sẽ dễ hiểu hơn! Thâm tâm là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, thâm tâm! Hồi hướng phát nguyện tâm, đại bi tâm đều là đại từ đại bi.

Tôi sử dụng mười chữ, suốt một đời khởi tâm động niệm, xử sự, đãi người, tiếp vật đều chẳng trái nghịch. Người khác đối với tôi bằng hư tình giả ý, tôi đối với người ấy chân thành. Vì sao? Vì người ấy vẫn mong luân hồi, hư tình giả ý là mong luân hồi, là cái tâm luân hồi! Tôi chẳng mong luân hồi, tôi mong đời này có thể thoát ly luân hồi, liễu sanh tử, thoát tam giới, tôi dùng sự chân thành. Chân thành sẽ bị lừa gạt, bị thua thiệt! Chẳng sao cả! Dầu tôi bị thua thiệt cả trăm năm, bị gạt gẫm suốt trăm năm, tôi vĩnh viễn lìa khỏi lục đạo luân hồi, đáng giá lắm! Nếu quý vị sợ bị thua thiệt, sợ bị lừa gạt, được rồi, sẽ tiếp tục luân hồi! Hễ xoay chuyển trong luân hồi sẽ là vô lượng kiếp! Đúng là đáng sợ, chẳng thể tiếp tục làm nữa! Do vậy, tôi chỉ một mực chân thành đãi người, tiếp vật, đối với chính mình chắc chắn là mong sao thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm, bình đẳng, chẳng có cao thấp; chánh giác, quyết định chẳng mê hoặc, rành mạch, rõ ràng; đối đãi hết thấy chúng sanh đại từ đại bi, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt sang hèn, chẳng phân biệt giàu nghèo, chẳng phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng. Dùng một niềm từ bi để tiếp xúc hết thấy chúng sanh, đó gọi là học Phật. Phật là

như vậy, Bồ Tát cũng là làm như vậy. Chúng ta học Phật, học Bồ Tát, hãy bắt đầu thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ nơi tâm, phải hiểu điều này! Tâm giống như Phật, ngôn ngữ của quý vị đương nhiên giống như Phật. Ngôn ngữ giống như Phật, hành vi của quý vị đương nhiên cũng giống như Phật. Ngôn ngữ là giáo, hành vi là giới luật, tự nhiên hợp quy củ. Như vậy thì mới có thể liễu sanh tử, mới có thể thoát khỏi tam giới, chính mình đạt được đại an lạc ngay trong một đời này!

Có đồng học đến hỏi tôi: Gần đây nhất, sông Tùng Hoa¹⁸ ở Đông Bắc Trung Hoa đã bị ô nhiễm nghiêm trọng. Ở Bắc Kinh, tôi đã nghe tin tức ấy. Khá nhiều người chẳng có nước uống, lâm vào cảnh khốn đốn cùng cực! Người học Phật biết: Đây là do cộng nghiệp cảm vời! Mỗi ngày trên khắp thế giới đều có tai nạn nghiêm trọng nảy sinh. Hai hôm nay, tôi nghe nói cả khu vực từ Giang Tây cho tới gần Hồ Bắc bị động đất, cũng có khá nhiều người chẳng có nhà để về. Tai nạn quá nhiều, đến nơi đâu để tránh né? Chẳng có chỗ nào cả! Đó gọi là “đang trong kiếp số, khó trốn được”. Chẳng thuộc vào kiếp số, tự nhiên quý vị bình an, vô sự. Người học Phật gặp tai nạn nghiêm trọng, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi, chẳng oán trời, chẳng hờn người, đừng nên trách móc ai! Hãy một lòng niệm Phật, quyết định có cảm ứng. Khi ấy, phải cảnh giác, phải phản tỉnh, phải sám hối, phải đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện.

Tai nạn tự nhiên và lòng người có quan hệ hay không? Có mối quan hệ chặt chẽ! Người có thiện niệm, tất cả hết thầy thiên tai, nhân họa đều chẳng có. Ý niệm của chúng ta chẳng tốt, ngôn ngữ chẳng tốt, hành vi chẳng tốt, sẽ chiêu cảm khá nhiều tai nạn. Trong kinh điển đã dạy chuyện này rất rõ ràng. Không chỉ là kinh Phật có nói, mà trong Tân Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo có nói, kinh Cổ Lan (Qur'ān) của đạo Hồi cũng có nói, tôi thường xem, cùng một đạo lý! Phật pháp giảng rất thấu triệt: “*Cảnh chuyển theo tâm!*” Vì thế, tôi thường nói: Cực Lạc và Sa Bà chẳng hai, Hoa Tạng và nơi đây như nhau. Đã là chẳng hai, vì sao có sai biệt to lớn ngàn ấy? Sai biệt do lòng người! Người trong thế giới Hoa Tạng thuần tịnh, chẳng có ác. Nếu quý vị hỏi tôi: “Sao thầy biết họ thuần tịnh, chẳng ác?” Tôi đã đọc từ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật bảo Long Vương: “*Bồ Tát có một pháp, có thể lia hết thầy nỗi khổ trong ác đạo*”. Hết thầy ác đạo chính là mười pháp giới. Pháp ấy là pháp gì vậy? “*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp*”. Thiện pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sau đó, còn có một câu nói rất quan trọng: “*Chẳng dung mây may bất thiện nào xen tạp*”. Do vậy, tôi biết cư dân trong thế giới Hoa Tạng là thiện tâm, tư tưởng thiện, hành vi thiện, chẳng có mây may bất thiện nào xen tạp. Vì thế, hoàn cảnh cư trú của họ trang nghiêm ngàn ấy!

Cực Lạc được gọi là Tịnh Độ. Tuy người vãng sanh chẳng đạt tới mức độ thuần thiện, thuần tịnh, nhưng người sanh vào thế giới Cực Lạc được bốn nguyên

¹⁸ Sông Tùng Hoa (tiếng Mãn Châu gọi là Sungari Ula, có nghĩa là Thiên Hà hay Ngân Hà. Tùng Hoa chỉ là phiên âm của chữ Sungari) là chi lưu lớn nhất của Hắc Long Giang (sông Amur trong tiếng Nga, hoặc Sahaliyan Ula, tức Hắc Thủy). Sông này bắt nguồn từ rừng Trường Bạch, từ hướng Đông Nam chảy theo hướng Tây Bắc qua các tỉnh Cát Lâm và Hắc Long Giang.

và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Tuy trong A Lại Da có chủng tử tập khí ác, nó chẳng khởi hiện hành. Vì vậy, thế giới ấy thù thắng khôn sánh. Quý vị phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ lý! Thật sự hiểu rõ, hiểu minh bạch, làm một người [đúng nghĩa “con người”] trong một đời này, chúng ta nhất định phải làm được. Người ta có thể làm được, vì sao ta chẳng làm được? Chẳng có lẽ ấy! Thiện tâm, ý niệm thiện, hành vi thiện, niệm niệm đều tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Niệm niệm đều tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị ở nơi đâu cũng đều chẳng có tai nạn. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm!

Khá nhiều tôn giáo nói đến ngày tận thế, nay chúng ta thật sự tu hành, thật sự tu tập, đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Kẻ hủy báng ta, khinh nhục ta, hãm hại ta, ta chẳng có chút nào oán hận người ấy, lại còn cảm ơn người ấy, cảm tạ kẻ đó! Cho nên có người hỏi tôi: “Ông cảm tạ người ấy về chuyện gì?” Cảm tạ người ấy giúp tôi tiêu nghiệp chướng! Từ vô thi kiếp cho đến đời này, ta đã tạo nghiệp chướng rất nhiều. Người ấy hủy báng, lăng nhục, hãm hại ta, ta chẳng sân khuê, nghiệp chướng bèn tiêu. Nếu ta có tâm sân khuê, sẽ chẳng thể tiêu nghiệp chướng được! Oán nghiệp còn sâu đậm hơn. Về sau, oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong! Ta chẳng có chút oán hận nào, chẳng có một chút ý niệm báo thù nào, nghiệp chướng liền tiêu. Người ấy giúp ta tiêu trừ, lẽ nào chẳng cảm kích người ấy? Nếu người ấy gặp khó khăn, ta nhất định sẽ giúp đỡ kẻ ấy, nhất định sẽ chiếu cố kẻ ấy! Đó là đạo lý làm người, là đạo lý học Phật, nhất định phải thực hiện, nhất định phải làm! Phật, Bồ Tát có thể làm được, ta cũng có thể làm được!

Làm không được thì sao? Hãy đọc kinh, nghe kinh. Vì sao quý vị chẳng làm được? Chẳng thông hiểu lý, hoặc là do hiểu lý chẳng sâu! Tôi có thể làm được, cũng chẳng phải là ngẫu nhiên! Tôi học Phật năm mươi bốn năm, tôi thừa với các đồng học, tôi có thể khế nhập cảnh giới Phật bất quá là hai mươi năm mà thôi. Nói cách khác, trước đó, tôi có công phu hơn ba mươi năm, dần dần mới nhập cảnh giới này. Vì thế, hiện thời bất luận ở nơi đâu, tâm bình khí hòa, tai nạn gì xảy ra trước mặt tôi, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi. Tôi sẽ chẳng hoảng hốt, không sợ hãi. Có khá nhiều tiên đoán về [tai ương sẽ xảy ra], đó gọi là “*định số*”, quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu rõ. Chúng ta tự mình tu hành là “*biến số*”. Nhiều người tu hành, sức mạnh của biến số sẽ tăng cao, dầu chẳng thể hóa giải tai nạn, cũng có thể giảm khinh, có thể rút ngắn thời gian tai nạn. Trong định số có biến số, phải hiểu đạo lý này. Do vậy, bản thân chúng ta nghiêm túc nỗ lực, không chỉ là có lợi cho chính mình, mà còn có lợi cho người khác, thậm chí có lợi cho cả khu vực, có sao chẳng làm? Vì thế, hy vọng mọi người chớ nên không nghe kinh. Một ngày chẳng nghe kinh, mặt mũi sẽ hoàn toàn đổi khác.

Lần này, do tôi ăn uống không cẩn thận, ruột và bao tử bị chứng hàn, người ta thường nói là bị “viêm ruột và bao tử cấp tính”. Tôi uống thuốc Bắc bốn ngày bèn khôi phục bình thường, nhưng thể lực chưa khôi phục hoàn toàn. Đại khái là phải hai, ba ngày mới có thể khôi phục hoàn toàn. Ăn uống phải hết sức cẩn thận. Lần này, xin lỗi mọi người vì thời gian giảng kinh bị gián đoạn quá dài. Thoạt đầu, tôi cho rằng sẽ chẳng quá một tuần, kết quả là gặp phải chuyện như vậy, đều là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu.

Do vậy, đọc kinh phải hiểu lý. Bất luận cảnh giới gì, đối với thuận cảnh, chẳng sanh tham luyến, đối với nghịch cảnh, chẳng sanh sân khuê. Cảnh giới thuận hay nghịch đều là nhân duyên tốt đẹp để chúng ta nâng cao cảnh giới trong tu hành, chỉ cần quý vị biết tu. Người sống trong thế gian, điều quan trọng nhất chẳng phải là gì khác, [chỉ là] tăng tấn cảnh giới của chính mình. Đó là thật, những thứ khác đều giả trá! Những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này đều chẳng mang theo được! Cổ nhân thường nói: “*Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân*”. Phải cảnh giác điều này, chớ nên tạo ác nghiệp. Quý vị tạo thiện nghiệp sẽ có thể mang theo, hưởng phước trong đời sau! Quý vị tạo ác nghiệp có thể mang theo, đời sau chịu khổ, đều có quả báo. Nhân duyên quả báo chẳng sai sảy mảy may. Cổ nhân nói: “*Bất thị bất báo, thời thân vị đáo*” (Chẳng phải là không báo, thời giờ chưa đến). Khi thời gian đã tới, quý vị có hối cũng chẳng kịp! Vì thế, nhất định phải đọc sách, đọc sách thánh hiền, nhất định phải hiểu rõ. Đọc kinh, nghe kinh, niệm Phật, quyết định chẳng thể gián đoạn giữa chừng!

Các đồng tu ở Đông Thiên Mục Sơn cho tôi biết: Mỗi ngày họ nghe kinh sáu giờ, niệm Phật mười mấy giờ, làm rất đúng pháp. Đây là đạo tràng niệm Phật chân chánh. Ở ngoại quốc, tôi yêu cầu các đồng tu trong Tịnh Tông Học Hội, mỗi ngày nghe kinh chẳng thể ít hơn bốn tiếng đồng hồ! Niệm Phật thì hoàn cảnh ở ngoại quốc chẳng giống tại Trung Hoa, nhưng cũng chẳng thể ít hơn bốn tiếng đồng hồ. Mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ thì khá lắm! Đạo tràng chuyên tu, mỗi ngày dụng công chẳng thể ít hơn mười sáu tiếng đồng hồ. Vì thế, nghe kinh sáu tiếng đồng hồ, mười tiếng đồng hồ niệm Phật. Đó là hạn định thấp nhất. [Có như vậy] quý vị mới chẳng dấy vọng tưởng, sẽ không suy nghĩ loạn xạ, tâm là Định, thần trí sáng suốt, chẳng mê hoặc.

Tiếp đó:

(Luận) Thuyết nhất bách tứ thập đại nguyện chi môn.

(論)說一百四大願之門。

(Luận: Nói ra một trăm bốn mươi môn đại nguyện).

Phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một bài kệ, mỗi bài kệ là một nguyện. Có tất cả một trăm bốn mươi một bài kệ! Ở đây, Lý Trường Giả nói tròn số, bỏ bớt số lẻ, [nên viết là] “*một trăm bốn mươi đại nguyện*”. Hãy xem câu tiếp theo, sẽ hiểu tầm quan trọng của phẩm kinh này.

(Luận) Dĩ thành Thập Tín.

(論)以成十信。

(Luận: Để thành tựu Thập Tín).

“*Thành*” là thành tựu, thành tựu Thập Tín.

(Luận) Thành tựu Thập Trụ, thành tựu Thập Hạnh, thành tựu Thập Hồi Hương, thành tựu Thập Địa, thành tựu thập nhất địa.

(論)成就十住，成就十行，成就十迴向，成就十地，成就十一地。

(Luận: Thành tựu Thập Trụ, thành tựu Thập Hạnh, thành tựu Thập Hồi Hương, thành tựu Thập Địa, thành tựu địa vị thứ mười một).

Địa vị thứ mười một là Đẳng Giác.

(Luận) Phổ Hiền pháp giới vô tận hạnh hải.

(論)普賢法界無盡行海。

(Luận: Biển hạnh vô tận của Phổ Hiền pháp giới).

Câu này quan trọng lắm! Bởi lẽ, cổ đức thường nói: “*Chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể viên thành Phật đạo*”. Nói về phía Bồ Tát, Bồ Tát phải tu Phổ Hiền Hạnh thì mới có thể viên thành Phật đạo. Thông thường, hễ nói đến hạnh Phổ Hiền, mọi người chỉ biết mười đại nguyện vương được nói trong phẩm Hạnh Nguyện. Chư vị phải biết: Mười nguyện ấy là Cương (綱, nguyên tắc chánh yếu), một trăm bốn mươi một nguyện được nói ở đây là Mục (目), tức những hạng mục chi tiết. Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, cho đến phổ giai hồi hương, thực hiện như thế nào? Phẩm kinh này nhằm thực hiện. Phẩm kinh này nhằm thực hiện cụ thể hạnh Phổ Hiền trong cuộc sống hằng ngày, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, trong khởi tâm động niệm, quý vị nói xem có trọng yếu lắm hay không? Vì thế, phẩm kinh này chính là Hoa Nghiêm Hạnh. Học Hoa Nghiêm thì nhất định phải làm được!

Nay chúng ta chỉ đọc và nói, ai có thể làm được? Một điều cũng chẳng làm được! Do một điều cũng chẳng làm được, Phật pháp suy vi là vì lẽ này, chẳng thể thực hiện! Trong trạng huống ấy, thật sự là đệ tử Phật, bi tâm của quý vị tự nhiên sanh khởi. Chúng ta mong cầu chánh pháp tồn tại lâu dài, bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu từ chính bản thân ta! Quý vị chớ nên đòi hỏi người khác, đòi hỏi người khác sẽ vĩnh viễn thất bại, quyết định chẳng trông mong được. Hãy đòi hỏi chính mình, chánh pháp liền tồn tại lâu dài. Sau khi ta đã làm được, chắc chắn sẽ ảnh hưởng người khác, ảnh hưởng bao nhiêu người? Đó là pháp duyên của quý vị! Duyên của quý vị thù thắng, sẽ ảnh hưởng nhiều người. Duyên của quý vị chẳng thù thắng, sẽ ảnh hưởng ít người!

Trong thời đại hiện thời, phải biết: Muốn mở rộng ảnh hưởng, chẳng thể xem nhẹ công cụ, tức là công cụ khoa học kỹ thuật! Hiện thời, truyền hình vệ tinh và mạng Internet là công cụ tốt nhất. Vì thế, tôi chẳng có đạo tràng, tôi chỉ phát triển hai thứ này. Chúng tôi sử dụng mạng Internet tám năm; tuy giảng kinh trong studio, nhưng đối diện cả thế giới, mọi người có thể đồng thời xem. Truyền hình vệ tinh đã làm ba năm, gần như là bốn năm, bắt đầu từ Tết Nguyên Đán năm 2003, hiện thời có năm vệ tinh phủ sóng khắp thế giới. Chỉ cần lắp một máy nhận sóng, quý vị có thể xem suốt hai mươi bốn giờ. Do vậy, đã có người từng hỏi tôi:

“Pháp sư! Đạo tràng của thầy ở chỗ nào?” Tôi bảo người ấy: “Đạo tràng của tôi ở trên trời”. Người ấy nghe không hiểu, khéo sao đạo tràng của người ấy có một thiết bị nhận sóng vệ tinh (satellite disk). Người Hoa gọi [thiết bị ấy] là Oa (鍋, cái chảo), ông ta có một cái “chảo lớn”. Tôi liền chỉ vào đó: “Quý vị có thể thu được tiết mục giảng kinh của tôi. Quý vị bắt đúng băng tần, có thể thu được suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn”. Đây là gì? Mở rộng ảnh hưởng. Trước mặt, không có ai học tập, chẳng sao cả! Xác thực là có rất nhiều người, nhiệt thành mến mộ Phật pháp đang học tập trên Internet, học tập từ TV, hết sức nghiêm túc nỗ lực.

Do vậy, đối với một trăm bốn mươi một nguyện này, tôi tin tưởng trong số quảng đại thính chúng, nhất định là sẽ có người hăng hái, nỗ lực thực hiện. Phật môn gọi những người ấy là “bậc tái lai”, chẳng phải là phàm phu, chẳng phải là kẻ tầm thường! Trong một đời này, những người ấy quyết định thành tựu chính mình, quyết định trụ trì chánh pháp, thành tựu chúng sanh. Những bằng hữu chí đồng đạo hợp không nhất định phải gặp mặt, Phật pháp trọng thực chất, chẳng đặt nặng hình thức. Cương mục tu hành đều là nguyên lý, nguyên tắc, mỗi nguyện triển khai ra sẽ đều là vô lượng vô biên, mỗi nguyện triển khai ra sẽ đều là vô lượng hạnh môn, phải hiểu đạo lý này! Quý vị thấy những điều được nói ở đây: Thập Tín giống như Tiểu Học, là bậc Tiểu Học trong Phật môn. Thập Trụ là Sơ Trung (cấp hai). Thập Hạnh là Cao Trung (cấp ba), Thập Hồi Hướng là Đại Học, Thập Địa là nghiên cứu sinh (Cao Học), địa vị thứ mười một (Đẳng Giác) là chương trình Tiến Sĩ. Mỗi một tầng tiến cao hơn, tu gì? Đều là tu mười nguyện Phổ Hiền, đều là tu một trăm bốn mươi một đại nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh này, tu những thứ đó. Trong mỗi nguyện, đều bao hàm viên mãn Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát. Nguyện nào cũng trọn đủ Thập Ba La Mật, [cho nên] kết luận cuối cùng là “*Phổ Hiền pháp giới vô tận hạnh hải*”.

A! Chúng ta lại xem đoạn kê tiếp. Đoạn ấy nói rõ vì sao có một trăm bốn mươi một nguyện.

(Luận) Hựu tùy vị tu đạo thượng phiền não.

(論) 又隨位修道上煩惱。

(Luận: Lại còn do phiền não trong mỗi địa vị tu đạo).

Theo từng địa vị mà tấn tu, tu gì vậy? Không gì chẳng nhằm đoạn phiền não.

(Luận) Lục vị trung, nhất vị hữu nhị thập, lục vị cộng hữu nhất bách nhị thập, căn bản thập vô minh, giai nhân Thân Kiến, Biên Kiến, nhị kiến hữu nhị thập.

(論) 六位中，一位有二十，六位共有一百二十，根本十無明，皆因身見邊見，二見有二十。

(Luận: Trong sáu địa vị, mỗi địa vị có hai mươi [món phiền não], sáu địa vị gộp thành một trăm hai mươi [món phiền não]. Mười món vô minh căn bản đều do hai kiến là Thân Kiến và Biên Kiến mà thành hai mươi [món phiền não nữa]).

Đây là một trăm bốn mươi, cho nên:

(Luận) Cộng tùy vị tấn tu, nhiễm tịnh phiền não, tổng hữu nhất bách tứ thập.

(論)共隨位進修，染淨煩惱，總有一百四十。

(Luận: Cộng chung sự tấn tu trong từng địa vị và phiền não nhiễm tịnh, có tất cả một trăm bốn mươi món).

Đây chính là cội nguồn của một trăm bốn mươi nguyện.

(Luận) Vị phòng thử chướng, khởi nhất bách tứ thập nguyện, linh tấn tu giả, tùng Sơ Tín tâm, Lý Sự viên dung, đạt kỳ nguyện thể, vô khuy tự tâm căn bản tịnh trí.

(論)為防此障，起一百四十願，令進修者，從初信心，理事圓融，達其願體，無虧自心根本淨智。

(Luận: Nhằm ngăn ngừa những chướng ngại ấy nên dấy lên một trăm bốn mươi nguyện, khiến cho người tấn tu từ cái tâm Sơ Tín, Lý Sự viên dung, thấu đạt bản thể của Nguyện, chẳng thiếu sót căn bản tịnh trí nơi tự tâm).

Đây là nói rõ nguyên do vì sao có một trăm bốn mươi một nguyện này: Nhằm đối trị phiền não. Phiền não tập khí đã hết, trí huệ và đức tướng của Như Lai vốn sẵn có trong tự tánh liền hiện tiền. Vì thế, ở đây, Lý Trưởng Giả đã nói rất rõ ràng: Tấn tu theo từng địa vị, hằng ngày phải làm! Bản thân chúng ta chẳng cần bận tâm chính mình đang ở giai tầng nào, hoặc địa vị nào, không cần hỏi đến! Chỉ hỏi chính mình có phải là hôm nay phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng, hy vọng chúng ta mỗi năm phiền não một nhẹ hơn, mỗi tháng một nhẹ hơn, mỗi tuần một nhẹ hơn hay không? Có thể làm như vậy, công phu là thượng thừa. Mỗi tuần đều có tiến bộ. Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Phiền não tồn tại, sẽ chướng ngại trí huệ, khiến cho trí huệ chẳng hiện tiền. Phiền não là tối tăm, trí huệ là sáng suốt. Trừ khử tối tăm, quang minh hiện ra, phải hiểu đạo lý này! À! Hôm nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1469

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh. Chúng ta xem tiếp phần Thích Phẩm (釋品, giải thích nội dung của phẩm này) trong bộ Hợp Luận của Lý Trường Giả. Chúng ta xem tiếp phần Luận ngày hôm qua, từ câu: “*Hựu tùy vị tu đạo thượng phiền não*” (Lại còn do phiền não trong mỗi địa vị tu đạo), đọc đoạn văn bắt đầu từ câu ấy. Xin xem lời Luận:

(Luận) *Tùy vị tu đạo thượng phiền não, lục vị trung, nhất vị hữu nhị thập, lục vị cộng hữu nhất bách nhị thập, căn bản thập vô minh, giai nhân Thân Kiến, Biên Kiến, nhị kiến hữu nhị thập, cộng tùy vị tấn tu, nhiễm tịnh phiền não, tổng hữu nhất bách tứ thập.*

(論) 隨位修道上煩惱，六位中，一位有二十，六位共有一百二十，根本十無明，皆因身見邊見，二見有二十，共隨位進修，染淨煩惱，總有一百四十。

(Luận: *Lại còn do phiền não trong mỗi địa vị tu đạo. Trong sáu địa vị, mỗi địa vị có hai mươi [món phiền não], sáu địa vị gộp thành một trăm hai mươi [món phiền não]. Mười món vô minh căn bản đều do hai kiến là Thân Kiến và Biên Kiến mà thành hai mươi [món phiền não nữa]. Cộng chung sự tấn tu trong từng địa vị và phiền não nhiễm tịnh, có tất cả một trăm bốn mươi món.*

Ngày hôm qua, chúng ta đã học tới chỗ này. Nay nói tiếp:

(Luận) *Vị phòng thử chướng, khởi nhất bách tứ thập nguyện, linh tấn tu giả, tùng Sơ Tín tâm, Lý Sự viên dung, đạt kỳ nguyện thể, vô khuy tự tâm căn bản tịnh trí, diệu trạch chi huệ, động tịch câu chân, bất thiên tu cố.*

(論) 為防此障，起一百四十願，令進修者，從初信心，理事圓融，達其願體，無虧自心根本淨智。妙擇之慧，動寂俱真，不偏修故。

(Luận: *Nhằm ngăn ngừa những chướng ngại ấy, nên dấy lên một trăm bốn mươi nguyện, khiến cho người tấn tu từ cái tâm Sơ Tín, Lý Sự viên dung, thấu đạt bản thể của Nguyện, trí căn bản nơi tự tâm thanh tịnh chẳng thiếu sót, huệ chọn lựa hay khéo, động và tịch đều chân thật, chẳng tu lệch lạc vậy.*

Chúng ta xem đến chỗ này. Phạm và thánh vốn chẳng hai, Lý và Sự như một. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã vô số lần nói đến chuyện này. Chúng ta ắt cần phải nhận biết từ chỗ này! Mọi người, hết thấy chúng sanh vốn là Phật, vì sao hiện thời biến thành nông nổi này? Chúng ta thấy tình huống trong lục đạo, tam đồ, địa ngục chẳng dễ coi cho lắm, vì sao biến thành nông nổi ấy? Chính là vì bị nhiễm phải chất độc gây nghiện! Giống như hút thuốc phiện, [thuốc phiện]

có chất gây nghiện. Chất độc ấy chính là gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi. Trong kinh thường nói Tam Độc, tôi nói với quý vị Ngũ Độc! Tam Độc là tham, sân, si, nhất định phải thêm vào mạn và nghi. “*Nghi*” (疑) là ngờ vực thánh giáo, ngờ vực nhân quả, đáng sợ lắm! Trong quá khứ, tiên sinh Châu An Sĩ đã nói hai câu rất hay: “*Nhân nhân tín nhân quả, thiên hạ đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tín nhân quả, thiên hạ đại loạn chi đạo dã*” (Ai nấy đều tin nhân quả, đó là đạo khiến cho thiên hạ bình trị tốt bậc. Ai nấy chẳng tin nhân quả, đó là đường lối dẫn đến thiên hạ đại loạn). Cụ nói hai câu ấy rất hay, đã nói toạc sự bình trị hay loạn lạc trong thế gian.

Thế gian hiện thời đại loạn, nguyên nhân gây loạn là gì? Chẳng tin tưởng nhân quả, chẳng tin tưởng giáo huấn của thánh nhân, chẳng biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, hoàn toàn bị phiền não quấy phá. Phiền não nắm quyền làm chủ, tham, sân, si, mạn, nghi nắm quyền làm chủ, phiền phức khá lớn! Trong phẩm kinh này, có nói sáu địa vị; sáu địa vị ấy bao gồm Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, sáu địa vị ấy. Trong mỗi địa vị, có hai mươi món phiền não¹⁹. Thừa cùng chư vị, hai mươi món ấy chính là con số nói quy nạp! Nếu nói chi tiết, sẽ là vô lượng vô biên, chính là “*phiền não vô tận thế nguyên đoạn*”. Thật vậy! Vô tận phiền não quy nạp thành hai mươi loại. Từ Sơ Tín cho đến Đẳng Giác, có tất cả năm mươi một tầng cấp, Phật pháp nói đến địa vị, trong mỗi địa vị, đều là vô lượng vô biên phiền não. Tuy nhiên, tiến cao hơn, phiền não sẽ dần dần nhẹ đi. Tuy nhẹ, số lượng vẫn nhiều ngàn ấy!

Chuyện này khó nói, nói ra khó khăn quá, đương nhiên là nghe sẽ chẳng dễ hiểu! Vì sao khó khăn? Chư vị phải biết: Trong phạm vi của mười pháp giới thì sẽ dễ nói. [Chuyện này] thường được gọi là “*hình nhi hạ*” (形而下), tức là những chuyện mà kiến thức thông thường của chúng ta dễ dàng tiếp nhận, do chúng tương ứng với thường thức nên dễ hiểu. Vượt ra ngoài mười pháp giới, tức Nhất Chân pháp giới, sẽ khó thể nói! Khó nói như thế nào? Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xúr diệt! Quý vị nói bằng cách nào? Nhưng xét theo lẽ hướng thượng, cũng chẳng phải là đơn giản như vậy, rất phức tạp, xét theo lẽ hướng thượng mà! Năm mươi một địa vị Bồ Tát trong Hoa Nghiêm, chỉ có các địa vị thuộc Thập Tín là ở trong mười pháp giới, từ Sơ Trụ trở lên, thuộc vào Nhất Chân pháp giới. Chư vị đọc [các tác phẩm chú sớ của các vị] Thiên Thai và Hiền Thủ, như Thiên Thai Tứ Giáo Nghi, Hiền Thủ Ngũ Giáo Nghi, sẽ hiểu rõ. Trong mười pháp giới, có

¹⁹ Hai mươi món phiền não ở đây chính là Tùy Phiền Não (Upakleśa), bao gồm Phẫn (giận dữ), Hận (căm ghét), Phú (giấu diếm tội lỗi), Não (buồn bực lo rầu), Tật (ganh ghét), Xan (keo kiệt), Cuồng (đôi trá), Siểm (nịnh bợ), Kiêu (kiêu ngạo), Hại (có ý niệm làm hại kẻ khác), Vô Tàm (chẳng biết tự hổ thẹn), Vô Quý (chẳng hổ thẹn khi người khác biết mình làm chuyện xấu), Hôn Trầm, Diệu Cử (lao chao, nhấp nhô, tâm lảng xãng chẳng định), Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật (buông lung), Thất Niệm (không giữ được chánh niệm), Tán Loạn và Oai Tri (hiểu biết cong vạy). Do các thứ phiền não này từ sáu căn bản phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, và bất chánh kiến phát sanh, nên gọi là Tùy Phiền Não hoặc Chi Mạt Hoặc.

Nội Phàm và Ngoại Phàm²⁰, đều là phàm phu, [bởi lẽ], chưa minh tâm kiến tánh, chẳng thể gọi là thánh nhân! Minh tâm kiến tánh mới là thánh nhân thật sự. Chưa minh tâm kiến tánh thì gọi là gì? Cũng gọi là thánh nhân, [nhưng là] “thánh nhân trong mười pháp giới”. Phải hiểu điều này!

A La Hán là tiểu thánh; Bích Chi Phật là trung thánh; Bồ Tát là đại thánh, đều chẳng vượt khỏi mười pháp giới. A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi vì đã đoạn Kiến Tư phiền não. Nói theo Hoa Nghiêm, sẽ là “*đã đoạn ý niệm chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian*”. Chấp trước chính là Kiến Tư phiền não. Nếu chẳng còn chấp trước, sẽ chứng quả A La Hán. Sở chứng của A La Hán là đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp, đoạn trừ ý niệm chấp trước. Sự đoạn chứng của địa vị Thất Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm bằng với bậc A La Hán, nhưng trí huệ vượt trội A La Hán quá nhiều, A La Hán chẳng đuổi kịp hít bụi được, căn tánh viên đốn mà! Bích Chi Phật cũng đoạn tập khí Kiến Tư, [xét theo] địa vị trong Thập Tín, sẽ bằng với địa vị Bát Tín Bồ Tát.

Địa vị Thất Tín là A La Hán, địa vị Bát Tín là Bích Chi Phật, địa vị Cửu Tín là Bồ Tát, viên mãn Thập Tín sẽ là Phật, [đó là] Phật trong mười pháp giới, đạt tới bờ mé phá vô minh. Chỉ cần phá một phẩm vô minh, vị ấy sẽ vượt thoát mười pháp giới, [trở thành] Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chúng ta thường gọi vị ấy là Pháp Thân đại sĩ, hoặc Pháp Thân Bồ Tát, cũng là Phật, là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Địa vị này, không chỉ là chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Không chỉ là phân biệt cũng chẳng có, mà khởi tâm động niệm đều chẳng có. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, không động niệm. Chư vị hãy ngẫm xem: Còn có pháp gì để có thể nói? Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt! Chẳng có pháp để có thể nói, khế nhập thanh tịnh tịch diệt. Thanh tịnh tịch diệt là Đại Thừa Đại Niết Bàn; nhập cảnh giới ấy, gọi là Nhất Chân pháp giới.

Nhưng từ Sơ Trụ lại tiến cao hơn, tức Nhị Trụ, Tam Trụ, Tứ Trụ, cho đến Thập Trụ. Từ Thập Trụ lại tiến cao hơn thì có Thập Hạnh, từ Thập Hạnh lại tiến cao hơn thì có Thập Hồi Hướng, từ Thập Hồi Hướng lại tiến cao hơn thì có Thập Địa, từ Thập Địa lại tiến cao hơn bèn có Đẳng Giác, từ Đẳng Giác lại tiến cao hơn là Diệu Giác, mới là viên mãn. Vì sao còn có nhiều giai cấp như thế? Đối với

²⁰ Nội Phàm là những người chưa thật sự chứng đắc, thuộc địa vị Tụ Giải (dường như ngộ nhập, nhưng chưa thật sự ngộ nhập). Ngoại phàm là chưa đạt đến địa vị Tụ Giải.

Nếu xét theo Tiểu Thừa, các địa vị đã chứng đắc Ngũ Đình Tâm Quán, Biệt Tướng Niệm Xứ và Tương Tục Niệm Xứ vẫn thuộc về Ngoại Phàm, những vị đã chứng Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất Pháp thì gọi là Nội Phàm.

Nếu xét theo Đại Thừa, địa vị Thập Tín thuộc Ngoại Phàm, từ Thập Trụ trở lên cho đến Thập Hồi Hướng thuộc Nội Phàm. Như vậy là trong năm mươi một địa vị Bồ Tát của Viên Giác, chỉ có những địa vị Bồ Tát thuộc Thập Địa là thánh nhân thật sự, còn địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) và Thập Tín đều bị coi là phàm phu, hoặc gọi là “trương tự thánh nhân”.

các giai cấp nhiều ngàn ấy, chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không có! Có sao chẳng thể nói là có? Chẳng có dấu vết! Tìm chẳng ra dấu vết, vì các Ngài thấy đều lia vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Nhu Lai. Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”. “*Vọng tưởng*” là khởi tâm động niệm, “*chấp trước*” bao gồm phân biệt và chấp trước. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não, đều đã đoạn, chẳng khởi tâm, không động niệm. Cảnh giới ấy được gọi là “*bát tư nghị giải thoát cảnh giới*”.

Câu “*bát tư nghị*” này nói hay lắm! Có tư nghị (có suy nghĩ, bàn luận), quý vị sẽ chẳng thể giải thoát, chẳng thể thoát ly mười pháp giới, [vì] quý vị còn có tư (思, suy nghĩ), còn có nghị (議, bàn luận) mà! Vì vậy, người thoát ly mười pháp giới chẳng có Tư, tức là chẳng có ý niệm. Đối với Nghị, tức là chẳng có ngôn ngữ! Vì sao? Người ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Đây là nói [nguyên nhân] vì sao bốn mươi một tầng cấp ấy đều chẳng có dấu vết; nhưng rốt cuộc có bốn mươi một tầng cấp hay không? Có chứ! Vì sao nói là có? Do tập khí phiền não của mỗi người! Đây chính là như ở đây, Lý Trường Giả đã nói: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Thập Nhất Địa (địa vị thứ mười một²¹, tức Đẳng Giác) còn có tập khí phiền não. Phiền não ấy chính là tập khí phiền não từ vô thi vô minh, đều chẳng dễ đoạn. Cần phải mất thời gian bao lâu mới có thể đoạn hết các tập khí phiền não ấy? Trong kinh, đức Thế Tôn thường nói là “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”, sẽ chẳng còn tập khí phiền não. Tu hành trong cảnh giới ấy chẳng giống sự tu hành của chúng ta. Chúng ta tu hành thì phải dũng mãnh, tinh tấn, các Ngài sử dụng cách tu hành ấy sẽ chẳng đắc lực! Tu như thế nào? Hoàn toàn tùy thuận tự nhiên, chẳng thể có một ý niệm. Nếu dấy lên một ý niệm, quý vị lại đọa lạc trong mười pháp giới, do quý vị còn có ý niệm! Đúng như trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi bặm?*”, cảnh giới như thế đó! Không chỉ là chẳng thể thốt lên lời, dẫu nghĩ, cũng chẳng nghĩ nổi! Chẳng có cách nào nghĩ được! Hễ suy tưởng bèn rơi vào phân biệt. Nếu chẳng cẩn thận, lại biến thành chấp trước, khó lắm! Chúng ta đọc những kinh giáo Đại Thừa này, nhất là kinh luận Nhất Thừa, chớ nên không biết những kiến thức thông thường này! Không biết, sẽ sanh nghi hoặc. Hễ nghi hoặc, sẽ trở thành chướng ngại, tham, sân, si, mạn, nghi!

Trong giai đoạn hiện tiền này, chúng ta không chỉ chẳng thoát khỏi mười pháp giới, mà còn chẳng vượt thoát lục đạo. Nói cách khác, chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, thấy đều trọn đủ, phiền não hiện hành, tập khí thấy đều trọn đủ. Không chỉ là chúng ta chẳng có cách nào để sánh bằng Pháp Thân Bồ Tát, mà ngay như Tiểu Thừa, chẳng cần nói tới Tứ Quả La Hán, ngay cả Sơ Quả, chúng ta cũng chẳng có cách nào sánh bằng! Công phu đoạn chứng của Tiểu Thừa Sơ Quả bằng địa vị Sơ Tín trong kinh Hoa Nghiêm. Đối với Kiến

²¹ Đẳng Giác được gọi là địa vị thứ mười một vì là địa vị kế tiếp của Thập Địa.

Tư thiền nào, địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Thập Tín đã đoạn Kiến phiền não, đã buông xuống, chẳng còn chấp trước, nhưng chưa đoạn Tư phiền não, chỉ đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới.

Phật, Bồ Tát vì đại chúng giảng kinh, thuyết pháp, đã quy nạp những phiền não ấy thành năm loại lớn cho dễ nói. Đặc biệt là đối với kẻ sơ học, loại thứ nhất trong năm loại lớn ấy là Thân Kiến. Chư vị hãy ngẫm xem: Cái ải này khó phá lắm! Đối với thân, có kẻ nào chẳng chấp trước thân là ta? Sai mất rồi! Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói “*nhược Bồ Tát*” (nếu Bồ Tát), giả sử có một vị Bồ Tát như vậy, vị ấy còn có ngã tướng, còn có nhân tướng, còn có chúng sanh tướng, còn có thọ giả tướng, đức Phật nói vị ấy “*tức phi Bồ Tát*”, [nghĩa là] chẳng phải là Bồ Tát! Rốt cuộc, câu ấy nói về địa vị Bồ Tát nào? Thừa cùng chư vị, chẳng phải là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm! Vì địa vị Sơ Tín Bồ Tát đã phá tứ tướng, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Địa vị Sơ Tín Bồ Tát đã phá tứ tướng, thật sự nhập môn Đại Thừa, giống như lớp Một của Đại Thừa. Năm mươi một lớp chính là năm mươi một tầng cấp. Quý vị vừa mới học lớp Một, là Phật tử thật sự, chẳng giả!

Thứ nhất là phá Thân Kiến, biết điều gì? Thân chẳng phải là ta; vậy thân là gì? Thân là cái sở hữu của ta, giống như y phục. Ta mặc y phục trên thân, nó là cái của ta, y phục chẳng phải là ta! Thân chẳng phải là ta. Thân sẽ hư hoại, có sanh, có diệt, Ngã bất sanh, bất diệt. Y phục đã dơ bẩn, chúng ta thay ra để giặt giũ, thay một bộ quần áo sạch sẽ khác. Giống như thân thể này, thân thể đã hư hoại, chẳng cần nữa, ta lại thay đổi thân thể khác! Thay đổi thân thể trong lục đạo luân hồi, luân hồi trong mười pháp giới cũng là thay đổi thân thể! Thay đổi thân thể có hai thứ sức mạnh [chi phối]: Một loại là nghiệp lực, đúng là chính mình chẳng thể làm chủ được! Trong kinh đã nói rất thấu triệt, thiện nghiệp dẫn dắt quý vị sanh trong ba thiện đạo, ác nghiệp dắt quý vị sanh vào ba ác đạo, [chúng được] gọi là “*dân nghiệp*” (引業), [hàm nghĩa] dẫn dắt quý vị sanh vào đường nào! Vì thế, luân hồi đầu thai trong lục đạo chẳng phải do Diêm Vương làm chủ tể, cũng chẳng phải là những quý tử (鬼卒, quý sứ làm lính hầu của Diêm Vương) có năng lực thay đổi quý vị, chẳng hề có! [Mà là] do chính quý vị tạo nghiệp, nghiệp lực dẫn dắt quý vị đi về nơi đâu. Quý vị thấy chuyện này có quan trọng hay là không? Chuyện này chính là định luật nhân quả!

Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, sẽ biết: Con người sống trong cõi đời, chuyện gì lớn nhất? Chuyện gì quan trọng nhất? Một câu thôi: Nâng cao linh tánh của chính mình là điều trọng yếu. Nâng cao trí huệ và linh tánh của chính mình, trong tương lai, quý vị luân hồi trong mười pháp giới, sẽ từng bậc tiến cao hơn, sẽ chẳng đọa lạc xuống dưới! Giống như chúng ta thay đổi y phục, mỗi bộ là một bộ đồ mới, mỗi bộ đều đẹp hơn, mỗi bộ đều trang nghiêm hơn! Hoan hỷ lắm! Do vì cái thân chẳng phải là ta, trong Phật môn có một câu ngạn ngữ: “*Tá giả tu chân*” (Nhờ vào cái giả để tu cái thật). “*Giả*” là gì? Thân là giả. Quý vị phải nhờ vào công cụ hư giả ấy để tu chân tánh, đoạn ác, tu thiện, quyết định chẳng còn luân lạc trong tam đồ lục đạo nữa, chẳng muốn tiếp tục nữa! Chán ghét tam đồ, chẳng mấy may lưu luyến hai mươi tám tầng trời. Vì sao? Những cõi ấy

ngắn ngủi, tạm bợ. Phước cõi trời tuy tốt đẹp, nhưng chẳng lâu dài! Huống hồ sanh lên trời cũng chẳng phải chuyện dễ dàng, đại phước báo mà! Phước báo tu hành trong bao nhiêu kiếp đem đổi lấy phước trong cõi trời, chẳng đáng! Người thật sự giác ngộ, sẽ đem những công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, đúng rồi! Đây là sự chọn lựa thông minh bậc nhất! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này thành tựu trong một đời, thành tựu ổn thỏa, thích đáng, thành tựu rất nhanh chóng. Chớ nên không hiểu điều này!

Trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã dạy: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, Mạt Pháp thì chọn lựa Tịnh Độ chính là tuân theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng chống trái, đức Phật khuyên chúng ta tu Tịnh Độ mà! Nói đến đây, nhất định phải biết: Tập khí phiền não khó đoạn! Chúng ta rất nghiêm túc nỗ lực đổ công dốc sức, đoạn phiền não chính là rèn luyện công phu. Đặc biệt là rèn giữa trong hoàn cảnh nhân sự, đối với thuận cảnh thiện duyên, chẳng sanh tham luyến. [Trong thuận cảnh thiện duyên], tâm niệm, ý niệm tham luyến rất dễ tăng trưởng. Quý vị phải biết, giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, tâm quý vị chẳng bị thiện duyên thuận cảnh lay động, đó gọi là “tu hành”, là “tu Định”, là Thiền Định thật sự. Ta còn động tâm thì làm như thế nào? Người niệm Phật chúng ta dùng một câu Phật hiệu. Hễ dấy lên tâm tham, lưu luyến nó, ngay lập tức niệm một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” để đập tan ý niệm ấy, chẳng để cho ý niệm ấy tiếp nối! Ý niệm ấy chính là tập khí. Tập khí phiền não gặp duyên, sẽ dấy lên hiện hành; chúng ta dùng một câu Phật hiệu để chèn ép, không chế, hồng chuyển biến nó. Đây cũng là tu Thiền Định!

Trong kinh, đức Phật đã dạy, tức là như kinh Đại Tập đã chép: “*Niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiền*”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, có pháp môn nào lìa khỏi Thiền? Chẳng có! Trong phần trước, tôi đã có nói về ý nghĩa của Thiền, phải luôn ghi nhớ: “*Ngoài chẳng chấp tướng là Thiền, trong chẳng động tâm là Định*”. Chẳng phải là lìa khỏi cảnh giới, mà là ở ngay trong cảnh giới, học gì? Học chẳng phân biệt, không chấp trước; trước tiên, đổ công dốc sức ở chỗ này! Còn như chẳng khởi tâm, không động niệm, quá ư là khó, chúng ta chẳng làm được, phải biết điều này! Chẳng làm được, không cần miễn cưỡng! Cứ thông thả, đến khi có thể ở trong hết thấy các cảnh giới mà chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, sau đây, quý vị mới lại tu “không khởi tâm, không động niệm”. Hiện thời, quan trọng nhất là chúng ta không chấp trước, chẳng phân biệt. Hãy đổ công dốc sức ở chỗ này, đó gọi là “thật sự tu, thật sự hành”!

Nghịch cảnh ác duyên, oán thân trái chủ tìm đến, họ muốn tìm quý vị gây khó dễ, ác ý hủy báng, lăng nhục quý vị, tìm các phương cách hãm hại quý vị, trong hoàn cảnh ấy, quý vị tu bằng cách nào? Chẳng sanh sân khuê. Ở chỗ này, dễ sanh tâm sân khuê nhất! Chẳng sanh sân khuê, chẳng báo thù, lại còn sanh tâm cảm ơn! Cảm ơn gì vậy? Cảm kích họ đã đến rèn giữa ta, cảm tạ họ đến trải nghiệm công phu của ta, xem thử ta đạt tiêu chuẩn hay thất bại! Ở trong cảnh giới

ấy, thật sự chẳng sanh một niệm sân khuể, Nhẫn Nhục Ba La Mật thành tựu, có tiền bộ! Chẳng có cảnh giới ấy hiện tiền, làm sao quý vị biết [chính mình] đã đoạn sân khuể, đoạn ngu si hay chưa? Làm sao biết chúng mỏng nhẹ hơn? Vì thế, cảnh giới hiện tiền, chính mình biết ngay: “Có còn khởi tham, sân, si hay không?” Cảnh giới hiện tiền, chẳng khởi tham, sân, si. Chỉ cần không khởi tham, sân, si, khẳng định sẽ là khởi Giới, Định, Huệ, đó là chuyện nhất định! Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng gặp hòa thượng Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, ngài Huệ Năng đã thưa: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Trong tâm Ngài sanh khởi Giới, Định, Huệ. Vì sao sanh Giới, Định, Huệ? Ngài chẳng sanh tham, sân, si. Đấy gọi là tu hành thật sự, công phu thật sự.

Do vậy, tu hành chẳng phải là mỗi ngày niệm Phật bao nhiêu, lạy Phật bao nhiêu, chẳng phải vậy! Nhưng đối với người sơ học, nhất định phải rèn luyện từ những phương pháp ấy. Chẳng có những phương pháp ấy, nói thật thà, hễ cảnh giới hiện tiền, tập khí phiền não của quý vị chắc chắn sẽ phát tác, quý vị chẳng thể không chế được, chẳng có năng lực ấy! Do vậy, năng lực ấy vẫn phải từ tuân thủ quy củ, rèn luyện dần dần mà thành! Chính tôi là người đã từng trải, có kinh nghiệm: Tôi luyện ba mươi năm, công phu mới đắc lực. “*Đắc lực*” là gì? Thuận cảnh thiện duyên hiện tiền, có sanh tham ái hay không? Sanh chớ! Nhưng ý niệm tham luyến vừa dấy lên, chính mình lập tức biết ngay. Niệm thứ hai, niệm thứ ba liền dẹp yên. Một câu Phật hiệu bèn dẹp yên; đây là công phu đắc lực, phiền não chẳng dấy lên hiện hành, [phiền não] vừa trôi lên bèn giấn ép xuống. Gặp phải nghịch cảnh ác duyên, có sanh phiền não hay không? Sanh chớ! Nhưng ý niệm sân khuể vừa dấy lên, biết ngay. Ý niệm sân khuể vừa trôi lên, hễ nó trôi lên, ngay lập tức dùng A Di Đà Phật để giấn nén, nó liền lặng dứt. Rất nhanh! Mấy giây liền dẹp yên, tâm bình, khí hòa. Công phu như vậy, thưa cùng quý vị, [để đạt được] phải mất ba mươi năm!

Do vậy, tôi thường bảo mọi người: - Tôi chẳng phải là hạng thượng căn lợi trí, tôi là kẻ căn tánh trung hạ. Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày giảng kinh. Giảng suốt hai, ba mươi năm, mới có thể chắc chắn dẹp yên [các vọng niệm] trong vòng một giây, thân người khôi phục bình thường, tâm bình khí hòa. Sau mười năm bèn [trở thành] tự nhiên, hễ cảnh giới hiện tiền, có dấy ý niệm hay không? Không! Tồn bốn mươi năm công phu đấy nhé! Tôi học Phật đến nay là năm mươi bốn năm! Hằng ngày hành, nghiêm túc hành, nỗ lực hành, mới đạt hiệu quả ấy! Nếu bản thân quý vị chẳng nghiêm túc, không nỗ lực, quý vị còn có những mong cầu viển vông, còn có những chuyện mong mỏi, khó lắm! Suốt một đời này, quý vị chẳng thể không chế tập khí phiền não của mình. Do vậy, phải thật sự hành. Điều kiện cơ sở là được thầy dạy dỗ, thấy thấu suốt, buông xuống. Buông xuống tự tự lợi, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn. Đấy là điều kiện cơ bản, tôi thường nói mười sáu chữ ấy. Mười sáu chữ ấy chính là cửa ải đầu tiên. Chẳng thể đột phá cửa ải ấy, sẽ vĩnh viễn đứng ở bên ngoài, chẳng vào được cửa Phật! Đối với mười sáu chữ ấy, quý vị thấy đều buông xuống, chúc mừng quý vị, đã nhập Phật môn.

Nhập Phật môn, cảnh giới hiện tiền, thật sự chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Để được là người như vậy, tôi phải mất ba mươi năm. Đương nhiên là có người thiện căn sâu dày hơn tôi, họ có thể tốn thời gian ngắn hơn. Lục Tổ Huệ Năng đúng là chúng ta đuổi theo hít bụi chẳng kịp, Ngài hai mươi bốn tuổi bèn thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Nay tôi phải tốn đến năm mươi bốn năm, vẫn chưa được! Nay tôi chỉ có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, chứ đối với vọng tưởng, chẳng có một tí biện pháp nào hết! Có nghĩa là: Hễ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, sẽ khởi tâm động niệm. Do vậy, tôi đọc mấy câu kinh văn này, cảm khái rất sâu, biết tập khí phiền não chẳng dễ đoạn, nhưng không thể nào chẳng đoạn! Nếu quý vị chẳng đoạn, sẽ chẳng nắm chắc vãng sanh, [bởi lẽ] tâm hạnh của quý vị chẳng tương ứng với giáo huấn trong kinh! Thân, tâm, thể giới, ắt cần phải đều buông xuống!

Tuy hiện thời có những vị trưởng giả, cư sĩ hết sức nhiệt tâm muốn làm các thiện sự, tôi giúp họ làm, chẳng thể không đeo một danh xưng nào! Chuyện này có trở ngại cho sự tu hành của tôi hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng gây trở ngại. Đối với Sự thì tôi làm, nhưng trong tâm chẳng có dấu vết! “*Làm mà không làm, không làm mà làm*” chẳng phải là chuyện dễ dàng, như vậy thì quý vị mới chẳng có chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Chỉ cần quý vị còn có cái tôi, có ý niệm ích kỷ, quý vị sẽ chẳng tự tại, sẽ sanh phiền não. Tham, sân, si, mạn, nghi thủy đều hiện tiền, còn làm sao được nữa? Đây là sự thật, rất nhiều người thủy đều có, làm như thế nào? Tôi nói cho quý vị biết một phương pháp: Hằng ngày nghe kinh, hằng ngày niệm Phật. Nghe kinh, đọc kinh, niệm Phật, chính là một tấm lưới bảo hộ hết sức tốt. Quý vị một ngày chẳng nghe kinh, một ngày không đọc kinh, không niệm Phật, sẽ chẳng có tấm lưới bảo hộ ấy, hễ tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, làm sao có thể chẳng sanh phiền não? Chẳng thể nào! Phải biết: Sanh phiền não là ngày càng đọa lạc. Quý vị nói xem: Chuyện này có đáng sợ lắm hay không? Cổ nhân đã bảo: “*Tam nhật bất đọc thánh hiền thư, diện mục khả tắng*” (Ba ngày chẳng đọc sách thánh hiền, mặt mũi đáng ghét). Người hiện tại không được! [Chỉ cần] một ngày chẳng đọc sách thánh hiền, diện mạo hoàn toàn sai trái!

Nghe kinh, không nhất định phải ở hiện trường. Hiện thời, chúng ta dùng những công cụ khoa học kỹ thuật cao cấp, bất luận ở nơi đâu, chúng tôi có trang nhà trên Internet, có vệ tinh. Vệ tinh và mạng Internet nối kết, từ các trang nhà của Internet có thể xem [các chương trình truyền hình] vệ tinh, thuận tiện lắm! Hy vọng mọi người phải khéo tận dụng! Một người nghe tốt lắm, người một nhà cùng nghe, càng tốt hơn! Khi mới học, có thể lấy việc nghe kinh làm công khóa sáng tối. Công khóa sáng tối hết sức quan trọng: Sáng sớm nhằm nhắc nhở chính mình một lần, buổi tối là một lần phản tỉnh. Nhưng thường là công khóa sáng tối chỉ còn có hình thức; vì là hình thức, [cho nên] “*miệng có, tâm không*”, có đạt được lợi ích chân thật hay không? Rất khó!

Quan sát lợi ích chân thật từ chỗ nào? Cổ nhân nói hai câu: “*Phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng*”. Đây là lợi ích chân thật. Quý vị hãy ngẫm xem: So sánh giữa ngày hôm qua và ngày hôm nay, có phải là hôm nay phiền não nhẹ hơn

hôm qua hay không? Có phải là hôm nay trí huệ tăng trưởng hơn hôm qua hay không? Hãy từ chỗ này để khảo sát công phu và hiệu quả tu hành của quý vị, quý vị mới có thể thấy được! Quyết chẳng phải là cầu phước báo trong thế gian; thăng quan, phát tài, chẳng liên can chi hết. Những điều đó [có sẵn] trong mạng của quý vị. Trong vận mạng của quý vị, khi nào đáng nên thăng quan, lúc đó sẽ thăng quan. Khi nào đáng nên phát tài, khi ấy sẽ phát tài. Trong ấy, hằng ngày có sự cộng, trừ, nhân, chia, [là vì] có liên quan đến chuyện đoạn ác tu thiện của chính mình. Đó là chuyện thế gian; chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp thật sự dạy quý vị đoạn phiền não, khai trí huệ. Sau khi đã khai trí huệ, quý vị sẽ chẳng làm chuyện sai lầm, chẳng tạo ác nghiệp. Kẻ chẳng có trí huệ, rất dễ tạo ác nghiệp! Vì thế, thứ quý báu là gì? Trí huệ là của báu. Đức Phật nói tam đức bí tạng, thứ nhất là trí huệ Bát Nhã vốn có sẵn trong tự tánh, phải biết điều này!

Phiền não có số lượng nhiều ngàn ấy, quý vị hãy xem Bồ Tát dùng phương pháp gì để đối trị? Dấy lên một trăm bốn mươi nguyện, tức là một trăm bốn mươi một bài kệ tụng được nói trong phẩm này. Những bài kệ tụng ấy thuộc loại “*tứ ngôn tụng*”, [tức là] mỗi câu gồm có bốn chữ. Mỗi bài kệ gồm có mười sáu chữ. Có khi một bài kệ nói một chuyện, có lúc trong một bài kệ nói tới hai chuyện, cũng có khi hai hoặc ba bài kệ nói về cùng một chuyện, không nhất định. Những chuyện ấy đều là các điều thường thức trong kinh Phật, tu Phổ Hiền Hạnh. Phải ghi nhớ, thông thuộc một trăm bốn mươi một bài kệ ấy, giống như hiện thời chúng ta học Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy có tất cả ba trăm sáu mươi câu, các câu dài hay ngắn khác nhau, chúng ta quy nạp lại, sẽ là bảy điều cương lĩnh. Mỗi cương lĩnh nhiều thì là hai mươi bốn điều mục, ít thì là bốn điều, nhiều hay ít khác nhau. Đây chính là những điều ắt cần phải tuân thủ để mọi người học thành một người tốt. Một trăm bốn mươi một nguyện ấy chính là những điều phải thi hành để làm Bồ Tát. Nếu chẳng thi hành, sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống! Xin xem phần kinh văn tiếp theo:

(Luận) Vị phòng thử chương, khởi nhất bách tứ thập nguyện, linh tấn tu giả, tùng sơ tín tâm, Lý Sự viên dung, đạt kỳ nguyện thể.

(論) 為防此障，起一百四十願，令進修者，從初信心，理事圓融，達其願體。

(Luận: Nhằm ngăn ngừa những chương này, dấy lên một trăm bốn mươi nguyện, khiến cho người tấn tu từ sơ tín tâm, Lý Sự viên dung, thấu đạt cái Thể của các nguyện ấy).

Mấy câu này hết sức quan trọng. Chúng ta phải đặc biệt chú ý, từ Sơ Tín Tâm, cũng có nghĩa là khi nào bắt đầu học Phổ Hiền Hạnh? Xác thực là Sơ Tín

trong Thập Tín Bồ Tát, chẳng giống Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến là năm loại lớn, tổng cộng gồm tám mươi tám phẩm, đều đoạn hết sạch. Năm loại lớn ấy, nói theo kiểu bây giờ, chính là kiến giải sai lầm, vị ấy đã đoạn. Cũng có nghĩa là kiến giải của bậc Tu Đà Hoàn là chánh xác, chẳng có vấn đề! Nhưng trong tư tưởng của bậc Tu Đà Hoàn còn có sai lầm, chưa đoạn Tư Hoặc. Tư Hoặc trong tam giới gồm tám mươi một phẩm. Sau khi đã đoạn Tư Hoặc, vị ấy liền chứng quả A La Hán, sẽ từ địa vị Sơ Tín đạt đến địa vị Thất Tín. Thất Tín tương đương với A La Hán, công phu đoạn chứng tương đương với A La Hán. Vì thế, địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm phải tu một trăm bốn mươi một nguyện.

Chúng ta học đến chỗ này, tự nhiên sẽ đầy lòng cảm khái, sẽ sanh khởi cái tâm hổ thẹn: Chúng ta chẳng làm được! Nguyên nhân không làm được, tôi đã nói rất nhiều lượt, chúng ta chẳng thể thực hiện tốt đẹp Thập Thiện! Thập Thiện là Đại Thừa Phật pháp. Thanh Văn Phật pháp, Duyên Giác Phật pháp, cho đến căn bản là thiện pháp nhân thiên, nếu chẳng có Thập Thiện, sẽ chẳng phải là một thiện nhân. Nguyên tắc chỉ đạo tu hành cao nhất trong Tịnh Tông chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước gồm bốn câu: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Điều đầu tiên là tu Thập Thiện. Vì sao hiện thời hàng tại gia, xuất gia ngay cả Thập Thiện cũng làm chẳng được? Do nguyên nhân gì? Do chúng ta đã đánh mất gia giáo. Phải biết căn bản trong nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền chính là gia giáo.

Đối với gia giáo, cha mẹ trong nhà, người lớn đối với trẻ nhỏ, trẻ còn thơ bé, chưa phải là rất lớn. Quý vị thầy cô nhân bảo: “*Giáo nhi anh hài*” (Dạy con từ thuở còn thơ), chúng ta nói đến “trẻ thơ”, “*giáo phụ sơ lai*” (dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Dạy con từ thuở còn thơ, bắt đầu dạy từ ngày nào? Từ lúc trẻ thơ được sanh ra ba, bốn ngày đã bắt đầu [dạy dỗ]. Nó vừa mở mắt ra bèn có thể nhìn, tai dựng cao lên, có thể nghe được rồi. Tuy nó vẫn chưa biết nói, chưa phát triển hoàn toàn, nhưng nó có thể thấy, có thể nghe. Phật pháp nói là [những gì trẻ thấy, nghe khi ấy] sẽ tạo thành chủng tử trong A Lại Da Thức, đúng như cổ nhân đã nói: “*Thiếu nhược thành thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Vun bồi từ bé sẽ giống như là bẩm sinh, do thói quen mà thành tự nhiên). Vì thế, kể từ lúc được sanh ra hai, ba ngày cho đến ba tuổi, trong ba năm ấy, trẻ được vun bồi căn cội ổn thỏa. Trẻ nhỏ ba tuổi cũng rất hiểu chuyện, còn có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác, nó có năng lực ấy. Trong nhà, cha mẹ, người lớn dạy nó những gì? Luân thường, đạo đức, chẳng phải là nói cho nó nghe. [Nó nghe sẽ] chẳng hiểu, mà là làm cho nó thấy, thân giáo mà! Đây là [lý do vì sao] hiện thời chúng tôi đề xướng Đệ Tử Quy.

Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa để dạy nhi đồng, chẳng phải vậy, mà là dạy kẻ làm cha mẹ nêu gương tốt, [thật sự] làm cho trẻ thơ trông thấy. Để cho nó trông thấy suốt ba, bốn năm, nó sẽ hiểu rõ, tự nhiên ngôn, hạnh, cử chỉ sẽ làm theo Đệ Tử Quy. Xem hiểu, nghe hiểu, còn chưa biết chữ, nhưng khởi tâm

động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng có gì không hợp quy củ. Chúng ta chẳng tiếp nhận sự giáo dục ấy, do chúng ta sanh nhằm thời đại động loạn, xã hội chẳng an định, truyền thống gia giáo bị bỏ sót. Vì thế, tạo thành tình cảnh khôn đốn trong hiện thời.

Chúng ta học Phật, Tam Quy chẳng làm được, Ngũ Giới chẳng làm được, Thập Thiện chẳng làm được, [tức là] học Phật chẳng chân thật! Chư vị phải hiểu: Chẳng có giới luật, sẽ chẳng có Phật pháp. Chẳng có lễ nghi, sẽ chẳng có giáo dục truyền thống, sẽ chẳng có Nho. Quý vị nói xem: Quan trọng như thế đó! Học tập kinh giáo, đàm huyền thuyết diệu (bàn luận những chuyện cao siêu, huyền diệu) chẳng có ích chi cả! Khởi tâm động niệm vẫn là tạo nghiệp, vẫn tạo tội, có tác dụng gì đâu? Càng nghĩ, càng thấy vấn đề này nghiêm trọng; do đó, chẳng thể không quay lại học từ đầu. Bản thân chúng ta nhất định phải đòi hỏi chính mình thực hiện Đệ Tử Quy, thực hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện Sa Di Luật Nghi; sau đây, [thực hiện] một trăm bốn mươi một nguyện sẽ chẳng khó! Nếu không, chúng ta chỉ đọc một trăm bốn mươi một nguyện, chứ vẫn chẳng làm được, dầu một điều cũng làm chẳng được! Tâm hạnh của chúng ta làm sao có thể tương ứng Phổ Hiền Bồ Tát cho được? Trong Nhất Thừa giáo, vị thầy lãnh đạo chúng ta là hai ngài Văn Thù và Phổ Hiền. Văn Thù là Thập Ba La Mật; Phổ Hiền là mười đại nguyện vương. Thập Ba La Mật và mười đại nguyện vương được thực hiện ở chỗ này, tức là một trăm bốn mươi một nguyện.

“Lý Sự viên dung, đạt kỳ nguyện thể” (Lý Sự viên dung, thấu đạt cái Thể của các nguyện ấy): Nguyện thể (願體, bản thể của các nguyện) là tự tánh, là Tánh Đức.

(Luận) Vô khuy tự tâm căn bản tịnh trí.

(論)無虧自心根本淨智。

(Luận): Trí căn bản nơi tự tâm thanh tịnh chẳng thiếu sót.

“Căn bản tịnh trí” là Căn Bản Trí, là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng có mảy may ô nhiễm. Chư vị phải biết: Chấp trước là ô nhiễm, phân biệt là ô nhiễm, khởi tâm động niệm vẫn là ô nhiễm, chỉ là [nếu so sánh] thì thứ này nhẹ hơn thứ kia. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã dạy: *“Bát dung hào phân bất thiện giáp tạp”* (Chẳng để cho mảy may bất thiện xen tạp). Khi tôi giảng kinh, bèn nói theo nghĩa rộng bằng câu: *“Bát dung hào phân bất tịnh giáp tạp”* (Chẳng để cho mảy may bất tịnh xen tạp). Tâm quý vị là thanh tịnh, tâm quý vị là thuần thiện. Cổ nhân Trung Hoa nói: *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (Con người thoát đầu tánh vốn lành). *“Bản thiện”* là Tánh Đức, chẳng để cho mảy may bất thiện xen tạp. Căn Bản Trí là tịnh trí, chẳng để cho mảy may bất tịnh xen tạp. Như vậy thì mới thật sự là *“vô khuy tự tâm căn bản tịnh trí”*.

(Luận) Diệu trạch chi huệ.

(論)妙擇之慧。

(Luận: Huệ chọn lựa hay khéo).

Được biểu thị bởi Văn Thù Bồ Tát. Quan trọng là chữ Diệu. “Trạch” (擇) là “trạch pháp” (擇法, chọn lựa pháp), chính là căn bản tịnh trí khởi tác dụng. “Diệu” (妙) là thiện xảo, tức phương tiện thiện xảo! Trong hoàn cảnh khác nhau, trong thời tiết nhân duyên khác nhau, [đối với] đối tượng chúng sanh bất đồng, đều có thể vận dụng linh hoạt hết sức thỏa đáng, đó là “diệu trạch chi huệ”. “Thiện xảo phương tiện” là thuật ngữ trong Phật môn, [hàm nghĩa] có thể làm cho chúng sanh giác ngộ trong hiện tiền, đạt được lợi ích trong hiện tiền.

(Luận) Động tịch câu chân, bất thiên tu cố.

(論)動寂俱真，不偏修故。

(Luận: Vì động và tịch đều thật, chẳng tu hành lệch lạc).

Bất luận động hay tĩnh, đều là chân thật, quyết định chẳng có hư vọng. “Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”. Hiện thời, quốc gia đề xướng xã hội hài hòa, chúng tôi sửa đổi hai chữ trong hai mươi chữ ấy cho phù hợp. Mười chữ trong vế trên của câu đối chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, [tức là] “động tịch câu chân” (động và tịch đều thật). Vế dưới là “khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên” (nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên), sửa hai chữ cuối cùng (“niệm Phật”) thành “hòa hài” (和諧), gọi là “xã hội hài hòa”, đây chính là điều thông dụng đối với đại chúng. Trong Tịnh Độ Tông của Phật môn, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “Động tịch câu chân, bất thiên tu cố” (Vì động và tịch đều thật, nên chẳng tu hành lệch lạc): Trong Phật pháp có pháp thế gian, đổi niệm Phật thành “hòa hài”, tức là pháp thế gian. Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng hai, đây là “diệu trạch chi huệ” (huệ chọn lựa hay khéo)!

(Luận) Thị cố Hoa Tạng thế giới, hữu như Tu Di sơn vi trần số phong luân sở trì, kỳ thượng nhất thiết trang nghiêm, nhân đại nguyện phong luân, năng trì vạn hạnh, dĩ hạnh chiêu quả cố. Nhân dĩ nguyện lực kiên trì, báo đắc phong luân trì sát cố.

(論)是故華藏世界，有如須彌山微塵數風輪所持。其上一切莊嚴，因大願風輪，能持萬行，以行招果故。因以願力堅持，報得風輪持剎故。

(Luận: Do vậy, thế giới Hoa Tạng có phong luân số nhiều như số vi trần trong núi Tu Di duy trì. Hết thảy các sự trang nghiêm trên ấy do đại nguyện phong luân có thể gìn giữ muôn hạnh, vì dùng hạnh để chiêu vời quả. Do dùng nguyện lực để giữ vững, nên cảm quả báo là phong luân duy trì cõi nước).

Đoạn này nói rất hay. Đây chính là vật lý vũ trụ đang được nói trong hiện thời, thuộc ngành khoa học tiên phong hiện thời. Thế giới Hoa Tạng có thể tồn

tại liên tục không gián đoạn, dựa vào đâu? Do được phong luân duy trì. “Phong” là động, “luân” (輪) là hình tròn. Chư vị hãy ngẫm xem, hiện thời mọi người đều biết: Địa cầu vận hành trong vũ trụ, tự xoay quanh nó một vòng hết hai mươi bốn tiếng đồng hồ, xoay quanh mặt trời một vòng mất một năm, ba trăm sáu mươi lăm ngày. Quý vị thấy những tinh cầu ấy có phải là đều đang chuyển động hay không? “Phong” là động, chúng ta nói là “vận động”. Quỹ đạo của nó là tròn, chẳng vuông, [nên gọi là] “luân”, [thế giới Hoa Tạng] do phong luân duy trì.

“Hữu như Tu Di sơn vi trần số phong luân sở trì” (Được duy trì bởi các phong luân số nhiều như số vi trần trong núi Tu Di). Hiện thời, nói chuyện này dễ lắm. Vì thế, chúng ta chẳng thể nào không bội phục các vị đại đức thời cổ, rất nhiều thứ mà các nhà khoa học còn chưa phát hiện, làm thế nào các Ngài có thể nói viên dung như vậy? Chẳng thể không khiến cho kẻ khác bội phục! Nay chúng ta có không ít thường thức về phương diện thiên văn vũ trụ, cho nên đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy dễ dàng, [bởi lẽ, những điều kinh dạy] chẳng khác [những gì đã được] các nhà khoa học đã phát hiện. Thế giới được hợp thành như thế nào? Nay mọi người đều biết: Tùy tiện lấy bất cứ vật chất nào trên địa cầu, nhìn dưới kính hiển vi có độ phóng đại cực mạnh của các nhà khoa học, sẽ thấy [vật chất do] các phân tử [hợp thành]. Phân tử lại tách ra thành nguyên tử. Nguyên tử lại tách ra thành điện tử, thành các hạt (lạp tử). Nếu lại chia nhỏ hơn, sẽ thành cái hiện thời gọi là khoa-khắc (quark, hạt vi lượng), tức là hạt cơ bản. Đó là vật chất. Nhục nhãn của chúng ta không trông thấy vật chất cơ bản. Các nhà khoa học biết có thứ ấy, nhưng cũng chẳng thấy. Công cụ khoa học [trong hiện thời] vẫn chưa được, chưa đủ tinh tế!

Ví như mấy năm trước, trong một bài luận văn phát biểu của tổng cục không gian Hoa Kỳ có nói: Vật chất là “vô trung sanh hữu” (từ trong không sanh ra có). Vũ trụ có nguyên điểm (原點, điểm xuất phát, điểm khởi đầu), đó là vật chất nhỏ nhất. Nguyên điểm của vũ trụ to cỡ nào? Bản báo cáo ấy viết rất rõ ràng, tôi chẳng nhớ được con số, chỉ nhớ được một tỷ dụ trong ấy. Dùng tóc của chúng ta, tóc của loài người, một sợi tóc. Cắt ngang sợi tóc ấy, nơi chỗ bị cắt, sẽ có một bình diện (平面, mặt cắt ngang sợi tóc). Do sợi tóc có hình trụ, [mặt cắt sẽ] là hình tròn, sẽ có đường kính. Đối với đường kính ấy, nơi chỗ nhỏ nhoi ngàn ấy của sợi tóc, trên đường kính đó, có thể sắp bao nhiêu nguyên điểm của vũ trụ? Sau con số một trăm vạn là ba chữ Ưc, tức là một trăm vạn ức ức ức nguyên điểm! Đây là vật chất, vật chất nhỏ nhất đấy nhé! Vật chất là động, chẳng phải là tĩnh! Trong vũ trụ, chỉ cần là vật chất, sẽ chẳng tĩnh lặng, mà thấy đều đang chuyển động.

Do vậy, nhà Phật nói tới Tứ Đại. Tứ Đại chính là các tánh chất của vật chất. Vật chất đều nhỏ đến mấy, hiện thời nói tới Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) là nói đến [vật chất] nhỏ nhất. Vật chất đều nhỏ đến mấy, đều có bốn hiện tượng. Hiện tượng thứ nhất là nó có thể tích, đều nhỏ nhoi cách nào đi nữa, xác thực là có một thứ gì đó tồn tại. Thứ ấy tích điện, tích điện Âm, hoặc điện Dương. Phật pháp gọi vật chất là Địa Đại, “Địa” là vật chất, dùng chữ này để biểu thị vật chất. Nó chứa điện Dương thì nhà Phật gọi là Hỏa Đại, chứa điện Dương. Nó chứa điện Âm, Phật môn gọi nó là Thủy Đại. “Thủy” là điện Âm, nó

tích điện. Sau đấy, nó chuyển động, chẳng phải là tĩnh lặng, động thì gọi là Phong Đại. Vì thế, Địa, Thủy, Hỏa, Phong nhằm hình dung bốn loại hiện tượng của vật chất rất nhỏ (vật chất cơ bản).

Hiện thời, “*Tứ Đại giai không*” (Tứ Đại đều là không) đã được chứng minh. Vật chất là “từ trong không sanh ra có”, Tuy là từ trong không sanh ra có, sanh ra những vật chất ấy, nhưng trong thời gian rất ngắn, nó lại bị tiêu diệt. Tiêu diệt rồi, nó lại xuất hiện. Vì thế, hết thấy các hiện tượng mà chúng ta trông thấy trong vũ trụ là “*tướng tương tục*” (tướng nối tiếp liên tục). Chân tướng là gì? Chân tướng là nó sanh diệt trong từng sát-na. Giảng kinh Hoa Nghiêm, trong các phần trước, chúng tôi đã nói [chuyện này] mấy lần, nói rất cặn kẽ. Tôi nhớ đã có lần, chúng tôi dùng đến bảy, tám tiếng đồng hồ để nói về vấn đề này. Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm có khoa học tiên phong. Câu nói này hoàn toàn giống như điều đã được phát hiện bởi khoa học trong hiện thời. Quý vị thấy kinh Phật nói đơn giản như thế đó, một câu thôi nhé: “*Hữu như Tu Di sơn vi trần số phong luân sở trì*”. Báo cáo khoa học hiện thời dài đến mấy vạn chữ, báo cáo chi tiết; trong kinh Phật [chỉ gói gọn] trong một câu nói. Sau khi quý vị đã xem bản báo cáo mấy vạn chữ, đối với câu này trong kinh Phật bèn hiểu ngay, hoàn toàn hiểu rõ!

Hiện thời, địa cầu tồn tại như thế nào? Thái Dương Hệ tồn tại như thế nào? Hệ Ngân Hà tồn tại như thế nào? Hệ Ngân Hà cũng là động, nhất định sẽ xoay vòng quanh một tinh hệ to hơn nữa! Hiện thời, chúng ta chưa phát hiện. Trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm thuộc phần trước, đã nói về chuyện này, nói về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Vũ trụ do đâu mà có? Do nguyên nhân nào mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Chỉ có Phật pháp trả lời thấu triệt những vấn đề ấy, nói minh bạch, cao minh hơn các nhà khoa học hiện thời. Vì thế, chúng tôi hết sức cảm thán: Các nhà khoa học chẳng có cơ duyên tiếp xúc kinh điển Phật giáo. Nếu họ được tiếp xúc, thật sự tiếp xúc, tôi tin rằng, họ sẽ tìm thấy rất nhiều khai thị, sẽ có nhiều phát hiện hơn, sẽ có các giải thích càng hay hơn!

Lại xem câu trọng yếu kế tiếp đó! “*Kỳ thượng nhất thiết trang nghiêm, nhân đại nguyện phong luân, năng trì vạn hạnh, dĩ hạnh chiêu quả cố*” (Hết thấy các sự trang nghiêm trên đó, do đại nguyện phong luân có thể trì vạn hạnh, dùng hạnh để chiêu cảm quả). Câu nói này khá quan trọng! Thế giới, tinh cầu là thế giới, vô lượng vô biên. Trong mỗi tinh cầu đều có chúng sanh, tuyệt đối chẳng phải là nói chúng ta dùng phi thuyền đáp xuống mặt trăng, hoặc đổ bộ Hỏa Tinh, phát hiện nơi đó chẳng có sinh vật, chẳng có ai hết! Chuyện này nói theo Phật pháp sẽ chẳng thông. Nhất định là trước hết phải có người, sau đấy mới có thế giới. Thế giới và con người đồng thời phát sanh, có trước sau, nhưng tốc độ quá nhanh, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng thứ tự trước sau ấy, quá nhanh chóng! Chẳng phải là không có trước sau! Có trước sau, nhưng tốc độ quá nhanh. Đối với kinh điển của Pháp Tướng Duy Thức, kinh Hoa Nghiêm là một trong sáu kinh [căn bản của tông Duy Thức]. Tông ấy có sáu kinh và mười một luận [để làm cơ sở lý luận cho các giáo thuyết của tông]. Kinh Hoa Nghiêm là một bộ

trong ấy, nói về vũ trụ, nói về sanh mạng, nói về những chân tướng sự thật ấy. Mỗi tinh cầu có chiều không gian chẳng giống như [thế giới của] chúng ta. Do vậy, trong ấy có những chúng sanh, chúng ta chẳng thấy họ, mà họ cũng chẳng thấy chúng ta, giống như gì? Giống như chúng ta xem các băng tần (channel) truyền hình vậy. Có rất nhiều băng tần khác nhau. Chúng ta chọn băng tần này, hình ảnh thuộc băng tần này hiện ra, chẳng có hình ảnh của các băng tần khác, chúng ẩn mất. Chúng ta lại chọn một băng tần khác, hình ảnh thuộc băng tần khác sẽ hiện ra, các hình ảnh thuộc băng tần này lại chẳng còn thấy nữa. Những thứ ấy thật sự có, chẳng phải là không có. Trên địa cầu của chúng ta cũng đã từng phát sanh chuyện ấy.

Tuần trước, có một đồng tu đã hạ tải (download) từ Internet một câu chuyện được giới khoa học phát hiện. Chuyện ấy chẳng xảy ra trong hiện thời, mà là chuyện phát sanh không lâu sau Đệ Nhị Thế Chiến. Chuyện kể rằng: Có một chiếc máy bay chở hơn năm mươi hành khách, bỗng dừng bay tới một chiều không gian khác! Rất may mắn, nó lại trở về. Sau khi trở về, đáp xuống một phi trường. Sau khi hạ cánh, mọi người cảm thấy rất ngỡ ngàng: “Chúng ta chẳng đến chỗ này, vì sao lại đáp xuống nơi đây?” Lại hỏi về thời gian của chuyến bay, tra mã số chuyến bay, đúng vậy, chẳng sai, ba mươi lăm năm trước có một chiếc phi cơ chở khách như thế bị mất tích. Bỗng nhiên nó đáp xuống, họ chẳng có cảm giác lâu lắc chi cả, từ chỗ kia bay tới chỗ này, chỉ là bay sai phương hướng. Sau khi đáp xuống, mới biết trong thế gian này đã hơn ba mươi năm trôi qua! Do mọi người đều cho rằng chiếc máy bay ấy đã gặp nạn, tiền bảo hiểm đã đều đều bù cả rồi. Họ đều quay về gặp người nhà của chính mình, chính họ chẳng già nua, giống như mới lên máy bay ngày hôm qua, hôm nay quay về, người nhà đều già khòm cả rồi! Đây là chuyện phát sanh trên địa cầu, là thật, chẳng giả! Chiều không gian khác nhau, thời gian sai biệt lớn ngàn ấy, khoa học chẳng có cách nào giải thích!

Do vậy, chúng tôi tin tưởng: Mỗi tinh cầu, bất luận là đại tinh cầu hay tiểu tinh cầu, thấy đều có chúng sanh đang sống trong ấy. Vì “*y báo chuyển theo chánh báo*”, “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Vì vậy, thế giới Hoa Tạng là đạo tràng của Tỳ Lô Giá Na Phật, sự trang nghiêm trong ấy chẳng khác thế giới Cực Lạc cho mấy. Sự trang nghiêm ấy do đâu mà có? Đại nguyện phong luân. “*Đại nguyện phong luân*” ấy chính là động lực “*tự hành, hóa độ người khác*” như chúng ta thường nói. Đại nguyện của chư Phật Như Lai đã viên mãn, các vị đại Bồ Tát còn đang thực hiện đại nguyện của các Ngài. Đại nguyện tuy nhiều, quy nạp lại sẽ chẳng ngoài bốn loại lớn, tức Tứ Hoàng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Những vị Bồ Tát ấy, nhìn theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Thập Tín là khoa dự bị, là lớp dự bị, chưa chánh thức nhập học, giống như nhà trẻ (ấu trĩ viên, mẫu giáo) trong nhà trường, vẫn chưa phải là lớp Một Tiểu Học. Cho đến Thập Trụ, Sơ Trụ mới là lớp Một Tiểu Học, Thập Trụ giống như Tiểu Học. Thập Hạnh là Trung Học, Thập Hồi Hương là Đại Học, Thập Địa là nghiên cứu sinh, Đẳng Giác là lớp Tiến Sĩ. Địa vị Thập Tín là vườn trẻ. Nhưng tiên hành một trăm bốn mươi một nguyện, [chính là còn

đang học] mẫu giáo đã bắt đầu học tập lớp Một. Vì vậy, đến khi nhập học, học lớp Một, người ấy đã là “*thói quen trở thành tự nhiên*”, thực hiện viên mãn Tứ Hoàng Thệ Nguyên, thực hiện viên mãn mười đại nguyện vương của Phổ Hiền, thực hiện viên mãn Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát, đều đã thực hiện! Thế giới ấy trang nghiêm, thế giới ấy tốt đẹp.

Thật ra, nói lời thật cùng quý vị, thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc có khác địa cầu chúng ta đang sống hay chẳng? Chẳng khác biệt, hoàn toàn giống nhau. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là một, không hai. Vì sao? Toàn là do Pháp Tánh biến hiện thành pháp tướng, há có lẽ nào chẳng giống nhau? Chỗ khác nhau là gì? Cư dân ở những nơi ấy tạo nghiệp khác nhau. Tạo thiện nghiệp, nơi đây biến thành thiên đường. Tạo ác nghiệp, nơi đây biến thành địa ngục. Hoàn cảnh bên ngoài thuận theo khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác của chúng ta mà chuyển biến, chẳng phải là đã hình thành thì sẽ không biến đổi! Sóng tư tưởng của chúng ta thay đổi cấu trúc của nó (hoàn cảnh bên ngoài) trong từng sát-na. Trong kinh, đức Phật đã nói lời này rất nhiều! Hết sức khó có là gần đây, một nhà khoa học Nhật Bản là tiến sĩ Giang Bồn Thắng (Masaru Emoto) đã dùng nước làm thí nghiệm, nghiệm nhiên thí nghiệm hiện tượng này!

Nước là khoáng vật, chẳng phải là động vật, chẳng phải là thực vật. Nó là khoáng vật! Ông ta thí nghiệm suốt mười năm, xác thực là đã chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu ý nghĩ của con người. Quý vị cho nó thấy những hình ảnh đẹp đẽ, nó sẽ phản ứng hết sức xinh đẹp. Quý vị cho nó thấy những hình ảnh xấu hèn, nó cũng phản ứng rất khó coi! Chúng ta khởi tâm động niệm cũng là như thế, dùng thiện ý ái tâm đối với nó, nó sẽ phản ứng hết sức tốt đẹp. Nếu chúng ta bảo: “Chán ghét mày, tao căm hận mày, tao chẳng thích mày!” Nó sẽ phản ứng hết sức xấu hèn. Suốt mười năm làm mấy trăm vạn cuộc thí nghiệm, đã chứng minh [những điều ấy]. Hiện thời, các nhà khoa học tại Liên Hiệp Quốc đều khẳng định. Tôi cũng biến thành bằng hữu của ông ta. Trước hết, ông ta thuần túy theo khoa học, chẳng dính dáng đến tôn giáo, bảo “tôn giáo là mê tín”, chẳng mong qua lại với tôn giáo. Tôi tiếp xúc ông ta, bảo: “Những thí nghiệm của ông trong kinh Phật đã có nói”. Ông ta nghe xong, sửng sò! Tôi nói: “Những điều đã nói trong kinh Phật đã được ông chứng minh, rất khó có, nhưng ông chứng minh một phần, vẫn chưa hoàn toàn”. Ông ta nghe vậy, rất kinh ngạc: “Còn có gì nữa?” Tôi nói: “Ông đã chứng minh thấy, nghe, hay, biết. Đối với sắc, thanh, hương, vị, ông chỉ chứng minh sắc, chứ âm thanh, hương, vị, ông vẫn chưa thể thí nghiệm được! Vì thế, thành tựu của ông là cục bộ, chưa phải là viên mãn. Ông phải càng thêm nỗ lực, chắc chắn là sẽ phát hiện nó có âm thanh rất vi diệu, nó có mùi thơm, nó có mùi vị”.

Trong Phật pháp có nói: Đối với tất cả hết thảy vật chất, những đức tướng cơ bản của chúng chẳng phải là từ chỗ nào khác mà có, bản thân nó vốn sẵn có. Thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương, vị, vật chất đều nhỏ đến mấy đều trọn đủ. Vì thế, vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng. Ngay cả ngôi, đá, bùn, cát đều sống động, đều chẳng chết cứng. Do con người thiện tâm, thuần

tịnh, thuần thiện, những thứ ấy đều biến thành vàng, bạc, bảy báu. Tâm con người bất thiện, bảy báu đều biến thành cát, đá, sỏi, sạn, chúng biến đổi theo lòng người. Bởi lẽ, Phật, Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, Phật, Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc tâm địa thuần tịnh, thuần thiện, kinh thường nói: “*Tâm tịnh, ắt cõi tịnh*”. Nếu người trên địa cầu, ai nấy đều có thể quay đầu, đều có thể đoạn ác, tu thiện, đều có thể chẳng xen tạp mấy may bất thiện nào, chẳng xen tạp mấy may bất tịnh nào, thế giới của chúng ta, Hoa Tạng, và Cực Lạc quyết định chẳng khác nhau. Từ thí nghiệm kết tinh nước, có thể chứng minh [điều này].

Có Phong Thủy hay không? Có chứ! Phong Thủy chuyển theo lòng người, chẳng phải là con người chuyển biến theo cảnh giới bên ngoài. Con người chuyển biến theo cảnh giới bên ngoài, mê mất rồi! Chuyển. Các nhà Phong Thủy đã nói rất hay: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước sống ở chỗ tốt lành, nơi tốt lành, người có phước sống). Núi sông xinh đẹp là nơi người có phước báo sống. Người chẳng có phước báo đến sống ở đó mấy tháng, Phong Thủy xấu đi! Vì sao? Ý niệm của quý vị đã phá hoại nó! Chỗ nào Phong Thủy chẳng tốt, người thuần tịnh, thuần thiện đến ở nơi ấy nửa năm hoặc mấy tháng, Phong Thủy biến thành tốt đẹp. Tâm chuyển cảnh giới, chứ không phải là cảnh giới chuyển tâm. Do vậy, chư vị mong hết thấy đều tốt đẹp, trước hết, phải tu cái tâm cho tốt. Tâm thiện, chẳng có điều gì bất thiện; tâm tịnh, chẳng có điều gì bất tịnh; tâm hảo, chẳng có điều gì bất hảo. “*Dại nguyện phong luân có thể trì vạn hạnh, dùng hạnh để chiêu cảm quả*”: Thiện hạnh, tịnh hạnh của chúng ta, phẩm này là phẩm Tịnh Hạnh, tịnh thiện chiêu cảm cái quả là thế giới Hoa Tạng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Thế giới hiện thời đã loạn, tai nạn liên tiếp, hóa giải bằng cách nào? Quý vị đọc Hoa Nghiêm bèn hiểu rõ: “Hóa giải như thế nào?” Hóa giải từ nội tâm của chính mình! Hãy nghiêm túc học theo Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng có một niệm bất thiện, Phật, Bồ Tát chẳng có hạnh nào bất tịnh, thuần tịnh, thuần thiện! Đừng nghĩ chúng sanh đều đang tạo ác nghiệp, một mình ta thuần tịnh thuần thiện, há có năng lực gì? Một người thuần tịnh thuần thiện có thể chống lại trăm vạn người, ngàn vạn người. Nếu ở chỗ này, chúng ta có ba người, năm người, mười người, tám người thuần tịnh thuần thiện, tôi tin tưởng nửa quả địa cầu sẽ không có tai nạn, có thể sanh ra hiệu quả to lớn ngàn ấy! Do vậy, tôi rất tán thán tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã làm thí nghiệm ấy, vì sao? Chúng tôi bình thường giảng kinh, [người ngoài thường nghĩ chúng tôi] nói những lời ấy là chuyện thần thoại, ai tin tưởng? Điều khó có là ông ta đã dùng phương pháp khoa học để nêu ra chứng cứ, chứng minh [những điều ấy] là thật, chẳng giả!

Tiến sĩ Giang Bồn Thắng nhỏ tuổi hơn tôi. Năm nay, ông ta mới sáu mươi mấy tuổi, đứng cùng một chỗ với tôi, ông ta trông già nua hơn, cho nên rất hâm mộ tôi, nói: “Pháp sư! Thầy tu như thế nào vậy? Thầy dùng phương pháp gì để bảo dưỡng?” Tôi bảo ông ta: “Tôi dùng đúng phương pháp như ông đã làm thí nghiệm”. Ông ta làm thí nghiệm mười năm, điều gì [khiến nước] kết tinh đẹp nhất? Yêu thương, cảm tạ. Do yêu thương và cảm tạ, nước sẽ kết tinh theo mô thức đẹp đẽ nhất, chẳng có gì có thể sánh bằng! Do vậy, ông ta bảo tôi: “*Yêu*

thương và cảm tạ là cốt lõi của vũ trụ". Tôi nói: - Chẳng sai! Nhà Phật gọi yêu thương là "*từ bi*", gọi cảm ơn là "*tri ân, báo ân*". Thường cảm niệm ân của hết thầy chúng sanh, nói theo Phật pháp chính là câu "*thương báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*" trong kệ Hồi Hương. Tứ Trọng Ân là ân cha mẹ, ân thầy (đức Phật là thầy, nhớ ơn thầy), ân quốc gia, ân chúng sanh. Quý vị phải biết ân, phải biết báo ân. Con người hiện thời vong ân phụ nghĩa, vì sao? Chẳng biết ân đức. Hễ biết, cái tâm báo ân sẽ nảy sanh tràn trề. Do vậy, yêu thương và báo ân sẽ [khiến cho nước kết tinh] theo mô thức đẹp đẽ nhất!

Nhà Phật nói: "*Từ bi biến pháp giới, thiện ý mãn Sa Bà*" (Từ bi khắp pháp giới, thiện ý trọn Sa Bà). Nghe lời này, đại chúng bình phàm chẳng hiểu, cho nên tôi sửa một câu: "*Ái tâm biến hoàn vũ*" (Tâm yêu thương trọn khắp hoàn cầu) sẽ dễ hiểu hơn, "*thiện ý mãn nhân gian*". Đây là thu nhỏ cái tâm yêu thương! Khởi tâm động niệm phải yêu thương địa cầu, khởi tâm động niệm yêu thương tất cả mọi người và tất cả các sinh vật trên địa cầu. Tới cuối cùng, sẽ là tất cả hết thầy các hiện tượng thiên nhiên. Do cái tâm yêu thương bình đẳng, chân thành, thế giới này biến thành Hoa Tạng, biến thành Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng chẳng phải là tự nhiên mà có. Đại nguyện phong luân có thể trì vạn hạnh, dùng hạnh để chiêu cảm quả; do vậy mà có! Chúng ta hiểu rõ, sẽ biết tu, sẽ biết chính mình phải nên làm như thế nào! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 1470

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh, chúng ta vẫn tiếp tục xem lời luận của Lý Trưởng Giả. Lời luận khá dài, giảng giải hết sức hay khéo. Chúng ta tiếp tục phần hôm qua. Hôm qua, chúng ta đọc đến câu “*thị cố Hoa Tạng thế giới hữu như Tu Di Sơn vi trần số phong luân sở trì, kỳ thượng nhất thiết trang nghiêm, nhân đại nguyện phong luân, năng trì vạn hạnh, dĩ hạnh chiêu quả cố*” (vì vậy, thế giới Hoa Tạng có các phong luân số nhiều như số vi trần trong núi Tu Di duy trì, hết thảy các thứ trang nghiêm trên ấy do đại nguyện phong luân có thể trì vạn hạnh, dùng hạnh để chiêu vời quả vậy).

Ngày hôm qua, chúng ta học tập đến chỗ này! Hôm nay, xem tiếp đoạn kế đó:

(Luận) Nhân dĩ nguyện lực kiên trì, báo đắc phong luân trì sát cố.

(論) 因以願力堅持，報得風輪持剎故。

(Luận: Do dùng nguyện lực để giữ vững, cảm báo phong luân duy trì cõi nước).

Nguyện lực ở đây và đại nguyện được nói trong phần trước hết sức trọng yếu. Một đẳng là đại nguyện của chư Phật Như Lai, một đẳng là đại nguyện của các vị Bồ Tát phát tâm tu hành. Nếu chẳng có hai thứ nguyện lực ấy, thế giới này đã sớm không tồn tại.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt*”. “*Tâm*” là nói đến Pháp Tánh. Pháp Tánh có thể hiện (năng hiện), Pháp Tướng là cái được hiện (sở hiện). Tánh thức là cái có thể biến (năng biến), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến ra (sở biến). Đối với năng hiện, sở hiện, năng biến, sở biến, chúng ta thấy đều phải hiểu rõ! Như trong kinh Địa Tạng đã nói: Chúng sanh “*khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội*”. Nghiệp có thiện và ác, thiện nghiệp chiêu cảm ba thiện đạo trong lục đạo, ác nghiệp chiêu cảm ba ác đạo, do như vậy mà có lục đạo sai biệt! Vì lẽ đó, Phật lực và nghiệp lực của chúng sanh gần như tương đương, nhưng Phật lực có thể tương ứng Pháp Tánh, chúng ta thường nói là “*được Pháp Tánh gia trì*”. Do vậy, Phật lực phải to hơn nghiệp lực của chúng sanh, cho nên mới có thể duy trì cõi nước!

Nay chúng ta gọi “*Sát*” (剎, sát-độ, cõi nước) là “*tinh cầu*” hoặc “*tinh hệ*”. Như Thái Dương Hệ, Ngân Hà Hệ, trong kinh Phật thường dùng chữ “*sát*” để biểu thị, [chẳng hạn như] “*chư Phật sát-độ*”. Nói thông thường, khu vực giáo hóa của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Xưa kia, nhiều người nghĩ một hệ Ngân Hà chính là một tam thiên đại thiên thế giới, đó là một cõi Phật. Khi xưa, tôi cũng có cách nhìn như thế ấy. Khi gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão nhân gia bảo tôi: “*Không chỉ là như vậy!*” Cụ nói: - Trên thực tế, một hệ Ngân Hà chính là một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật. Mặt trời, mặt trăng xoay

quanh sườn núi Tu Di. Hiện thời, trung tâm của hệ Ngân Hà, theo như bản đồ thiên văn đã cho thấy, hệ Ngân Hà có hình dạng giống như một cái đĩa, chính giữa dày, càng hướng ra ngoài rìa càng mỏng dần. Hệ Thái Dương của chúng ta xác thực là xoay tròn quanh trung tâm của nó (hệ Ngân Hà). Cụ Hoàng nói rất có lý!

Một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới, một ngàn hệ Ngân Hà là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới mới là một đại thiên thế giới, tức là một Phật độ (một cõi Phật). Một Phật độ là một đại thiên thế giới, có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức! Mười ức hệ Ngân Hà là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Chúng ta đã đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Trụ, sự chứng ngộ của chư Phật Như Lai chẳng khác nhau. Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng có vấn đề, hoàn toàn giống nhau, Phật Phật đạo đồng. Nhưng hết thầy chư Phật phước báo khác nhau, là do nguyên nhân nào? Phước báo là do khi quý vị hành Bồ Tát đạo đã tu trong đời đời kiếp kiếp. Quý vị chẳng kết duyên với người khác, kẻ có duyên với quý vị sẽ không nhiều. Trong tương lai, quý vị thành Phật, khu vực giáo hóa của quý vị là một tam thiên đại thiên thế giới. Nếu quý vị thích kết duyên với người khác, pháp duyên của quý vị sẽ rất thù thắng. Có những vị Phật có khu vực giáo hóa là hai tam thiên đại thiên thế giới, cho đến năm hoặc mười tam thiên đại thiên thế giới, hai mươi, một trăm đại thiên thế giới, chẳng giống nhau!

Thưa cùng chư vị, trong chư Phật Như Lai, vị có khu vực giáo hóa lớn nhất chính là A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật có ngần mé tới vô lượng vô biên, do nguyên nhân nào? Ngài kết duyên quá sâu, quá rộng cùng hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Vì thế, chẳng có vị Phật Như Lai nào chẳng tán thán A Di Đà Phật. Lời tán thán của đức Thế Tôn trong kinh Vô Lượng Thọ đã biểu thị lời hết thầy chư Phật tán thán A Di Đà Phật: *“Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”* (Quang minh tôn quý tột bậc, là vua trong chư Phật). Do vậy, chúng ta học Phật, nói thật ra, đối với chuyện này hoàn toàn chẳng liễu giải cho lắm! Nhưng thầy của chúng tôi từ bi, thầy đã giảng chuyện này rất thấu triệt. Vì thế, khi chúng tôi làm học trò, đã biết kết duyên trọng yếu. Rộng kết duyên lành, pháp duyên của chúng ta sẽ thù thắng, hết sức thù thắng!

Suốt một đời, chúng tôi tuy không hóa duyên, chẳng xin tiền ai, nhưng tứ chúng đồng học cúng dường chẳng thể không tiếp nhận! Họ đến cúng dường là vì lẽ nào? Nghĩ quý vị là phước điền, đến cúng dường quý vị để gieo phước. Chúng ta hãy ngẫm xem: Chúng ta có thật sự là phước điền hay không? Chúng ta nhận sự cúng dường ấy có thể tiêu hóa hay không? Lỡ như chẳng tiêu hóa được, sẽ phiền phức to lớn! Cổ đức bảo: *“Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn”* (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đên). Lời ấy muôn ngàn phần xác đáng, chẳng phải là nói tùy tiện, mà là chân tướng sự thật. Chúng ta chẳng có đức to lớn ấy, lại có người đến cúng dường, làm như thế nào? Thầy bảo tôi phải

tiếp nhận. Sau khi đã nhận, bèn “*triển chuyển bố thí cúng dường*”, tức là thay người ấy tu phước, chúng ta phải hiểu rõ điều này!

Thật sự tu phước, chúng ta hãy chú tâm quan sát cổ đại đức, đương nhiên Thích Ca Mâu Ni Phật là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Nhưng trong thời đại của đức Thế Tôn, tuy có không ít quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cúng dường Phật Đà rất nhiều, Phật Đà đều bố thí sạch, chẳng giữ lại, thứ gì cũng chẳng giữ lại. Chúng ta lại nhìn vào [hành trạng của] lịch đại tổ sư, gần đây nhất là Ấn Quang đại sư, vị này là tổ sư của chúng ta. Chúng tôi học Tịnh Độ Tông do tổ Ấn Quang trực tiếp truyền lại. Thầy tôi là học trò của tổ Ấn Quang. Cụ đặc pháp nơi tổ Ấn Quang, truyền cho tôi, cùng một mạch truyền thừa. Chúng tôi suy nghĩ, suốt một đời, pháp sư Ấn Quang tiếp nhận cúng dường, Ngài chỉ dùng để làm một chuyện, đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Một chuyện gì vậy? In kinh để bố thí. Mười phương cúng dường, Ngài một phân tiền cũng chẳng dùng cho chính mình, hoàn toàn dùng để làm một sự nghiệp là Hoằng Hóa Xã. Chúng ta thường gọi Hoằng Hóa Xã là Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Chính Ngài có xưởng ấn loát, thuê ấy, in theo lối sắp chữ chì. Trong thời ấy, đấy là xưởng ấn loát tiên tiến nhất, đương nhiên là hiện thời càng tiến bộ hơn thuê trước. [Tiền cúng dường] thầy đều dùng để in kinh, Pháp Bố Thí! Ngài làm chuyện này viên mãn!

Quý vị thấy: Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói [công đức của pháp bố thí] đến cỡ nào? Dầu quý vị dùng bảy báu chứa trọn khắp đại thiên thế giới để bố thí cúng dường, vẫn chẳng bằng vì người khác nói bốn câu kệ. Đức Phật đã nói tỷ dụ ấy rất nhiều. Cúng dường bằng cách vì người khác nói bốn câu kệ, sẽ vượt trội cúng dường bảy báu trong khắp đại thiên thế giới. Phần “*quảng tu cúng dường*” trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Tổ Ấn Quang đã làm mẫu cho chúng ta thấy, cho nên tôi cũng học theo. Mười phương cúng dường tôi, tôi dùng để làm gì? In kinh. In kinh trong mấy chục năm qua, bản thân tôi cũng chẳng biết số lượng, quá u là nhiều! Chỉ riêng có việc in tặng Đại Tạng Kinh, đấy là một bộ sách lớn, có con số [cụ thể]. Ngay như trong quá khứ, tôi đã thỉnh Đại Tạng Kinh gửi cho Trung Hoa Đại Lục (chẳng phải do chính mình tự in, mà là mua từ người khác). Tôi ước tính tổng cộng là hơn năm ngàn năm trăm bộ. Đó là [chỉ tính riêng về] Đại Tạng Kinh, những kinh sách khác, đúng là vô số!

Hai mươi năm gần đây nhất, đi theo con đường khoa học kỹ thuật, cho nên chúng tôi tặng băng thâu âm, băng thâu hình, nay là đĩa CD, DVD. Giá thành ngày càng thấp, phẩm chất ngày càng tốt, lưu thông trên khắp thế giới. Tám năm gần đây, chúng tôi sử dụng mạng Internet, giảng kinh trong phòng thâu hình, cả thế giới đều có thể xem từ mạng Internet. Bắt đầu từ Nguyên Đán năm 2003, chúng tôi có đài truyền hình vệ tinh. Năm 2003 có ba vệ tinh. Năm 2004 có thêm một vệ tinh nữa thành bốn vệ tinh. Nguyên Đán năm 2005 lại có thêm một vệ tinh nữa, thành năm vệ tinh. Hiện thời đã bao trùm toàn thể thế giới. Chỉ cần có máy tiếp sóng, trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, đều có thể xem băng thâu hình giảng kinh của chúng tôi, không ngừng phát tín hiệu để các đồng tu hữu duyên trên toàn thế giới cùng nhau học tập. Chúng tôi dùng tiền vào chỗ này!

Vì thế, suốt đời tôi chẳng dựng chùa. Tám mươi tuổi, tôi chẳng có một chỗ ở. Chỗ tôi ở đều là nhà của cư sĩ, họ có nhà dư bèn cho tôi mượn ở! Được lắm! Xác thực là học giống tổ sư đôi chút, học giống như đức Phật đôi chút. Ngoài cái thân ra, chẳng trồng dưỡng vật gì, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc. Giảng kinh trong phòng thâm hình, chỉ có mình tôi đối diện với máy thâm hình. Vì thế, hiện trường giảng kinh chẳng có thính chúng. Hiện trường dạy học chẳng có học trò nào, học trò đều ở trước màn hình, thế mà chúng ta có thể đối diện. Hễ có câu hỏi, có thể fax đến đây, hoặc có thể dùng hộp thư điện tử (email) để nêu câu hỏi. Thứ Năm mỗi tuần, chúng tôi sẽ giải đáp một lần, đối diện các đồng tu trên toàn thế giới. Đây là hiện đại hóa đạo tràng, chẳng có hình thức đạo tràng, nhưng có thực chất. Do vậy, in kinh vẫn y như cũ là pháp bổ thí trọng yếu nhất của chúng tôi!

Những chuyện này đều phải cậy vào nguyện lực, tức nguyện lực của Phật, nguyện lực của Bồ Tát, và nguyện lực của chính chúng ta. Công khóa sáng tối mỗi ngày, chẳng phải là miệng niệm Tứ Hoàng Thệ Nguyện là xong. [Niệm suông] sẽ chẳng có tác dụng, phải thật sự làm được! “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Nói theo cách hiện thời, Độ (度) có nghĩa là giúp đỡ, hiệp trợ kẻ khác. Giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, giúp đỡ người ta đoạn ác tu thiện, giúp đỡ họ lìa khổ được vui, giúp đỡ họ chuyên phàm thành thánh. Thấy căn cơ của chúng sanh như thế nào, chúng ta phải dùng phương pháp gì để giúp đỡ họ. Trừ điều ấy ra, mọi người đều biết: Thế giới này hiện thời tai nạn liên tiếp xảy ra, tần suất tai nạn mỗi năm một tầng lên, tai hại mỗi ngày một nghiêm trọng hơn, do nguyên nhân gì tạo thành? Trong kinh vẫn, có một câu chư vị phải ghi nhớ: “*Nhân đại nguyện phong luân, năng trì vạn hạnh, dĩ hạnh chiêu quả cố*” (Do đại nguyện phong luân có thể trì muôn hạnh, do dùng hạnh để chiêu cảm quả). Câu ấy chính là đáp án. Đại nguyện của chúng sanh trong hiện thời là gì? Tham tài, tham sắc, tham tiếng tăm, lợi dưỡng, tham quyền thế địa vị. Hễ chẳng tham được, bèn sân hận. Vì thế, đại nguyện của chúng sanh trong hiện thời là tham, sân, si, mạn, nghi. Dùng tham, sân, si, mạn, nghi làm đại nguyện phong luân, cho nên họ cảm quả báo là thiên tai nhân họa. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, chẳng phải là mê tín đâu nhé!

Ngày hôm qua, tôi có đề cập cùng chư vị: Tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản, từ thí nghiệm với nước, đã dùng phương pháp khoa học để chứng minh, bọn phàm phu chúng ta là những kẻ sống trên địa cầu, khởi tâm động niệm sẽ ảnh hưởng tới quả địa cầu mà chúng ta đang cư ngụ. Trên địa cầu vì sao có thủy tai? Vì sao có phong tai? Vì sao có hỏa tai? Vì sao có động đất? Thủy đều có nguyên nhân. Tâm tham cảm vờn thủy tai, sóng thần là thủy tai. Sân khuê khiến cho núi lửa bùng nổ là hỏa tai. Ngu si là phong tai. Trước đây chẳng lâu, ba tiểu bang thuộc miền Nam nước Mỹ bị bão lốc, rất đáng sợ! Do ngu si cảm vờn, kiêu căng, ngã mạn, gây nên động đất. Tham, sân, si, mạn, nghi chiêu cảm quả báo như thế đó! Kẻ chẳng thâm nhập kinh tạng, chẳng hiểu đạo lý này, chẳng biết chúng ta khởi tâm động niệm có ảnh hưởng to như thế. Sau khi đã biết, đức Phật dạy bảo chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm đều là thiện niệm, chẳng có ác niệm, ngôn

ngũ, tạo tác đều là thiện hạnh, chẳng có ác hạnh. Thực hiện từ chính cái tâm của chính mình, đó gọi là “tự độ”.

Chính chúng ta đã tự độ. Ý niệm của chúng ta là dao động. Hiện thời, dao động được gọi là “sóng điện từ” hoặc “sóng ánh sáng”, nhưng sự dao động của ý niệm mạnh hơn, nhanh chóng hơn bất cứ dao động nào khác. Đúng là trong một sát-na, đã trọn khắp hư không pháp giới. Hiện thời, mọi người trên thế gian đều có ý niệm bất thiện. Nếu niệm nào của chúng ta cũng đều là thuần tịnh, thuần thiện, thiện niệm ấy phát ra, giao xen với ý niệm bất thiện của kẻ khác, thiện niệm của chúng ta bị ảnh hưởng, bị dao động, nhưng ác niệm của kẻ ấy cũng sẽ giảm nhẹ! Ác niệm của kẻ ấy giống như sóng to, chúng ta là nước rất bình lặng, hai thứ nước kết hợp, chúng ta cũng sẽ có sóng nhỏ, nhưng sóng lớn của kẻ ấy sẽ giảm thấp. Đó là hóa giải tai nạn.

Trong khá nhiều tôn giáo có nói ngày tàn của thế giới, chẳng giả! Nhưng đó là một định số, trong định số sẽ có biến số. Nay bản thân chúng ta nỗ lực tu tập, sẽ giống như kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy: “*Chẳng để mây may bất thiện xen tạp*”. Khi tôi giảng kinh, cũng đặc biệt nói mở rộng ý nghĩa bằng câu: “*Chẳng để mây may bất tịnh xen tạp*”. Chúng ta nhất định phải tu ý niệm thuần tịnh, thuần thiện, cái tâm thuần tịnh, thuần thiện, hành vi thuần thiện, thuần tịnh. Làm như vậy, sẽ có thể hóa giải tai nạn. Dầu chẳng thể hóa giải toàn bộ, tối thiểu là cũng có thể giảm nhẹ tai nạn, rút ngắn thời gian tai nạn, khẳng định có thể làm được chuyện này.

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản hết sức tin tưởng điều này! Tôi hai lần đi họp ở Nhật Bản, chúng tôi đã gặp nhau, biến thành bạn bè thân thiết. Báo cáo thí nghiệm của ông ta nay đã được lưu hành khắp nơi trên thế giới. Do vậy, chúng ta có ý niệm “độ chính mình”, có ý niệm “giúp đỡ người khác, giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, giúp đỡ thế giới khổ nạn này”, bèn gọi là Bồ Tát, là giác ngộ, là người hiểu rõ. Ngàn muôn phần đừng nên tự tư tự lợi nữa! Ngàn muôn phần đừng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng! Những thứ đó là giả, chẳng thật, sẽ gặp phải quả báo bất thiện!

Lại xem phần luận kế tiếp:

(Luận) Hựu vân, như thị Hoa Tạng trang nghiêm, giai tùng Phổ Hiền nguyện lực khởi, vi vô nguyện cố, hạnh nãi bất thành, tức trang nghiêm bất hiện, bất cảm vô tận y quả báo cố.

(論)又云，如是華藏莊嚴，皆從普賢願力起。為無願故，行乃不成，即莊嚴不現，不感無盡依果報故。

(Luận: Lại nói, Hoa Tạng trang nghiêm như thế đều khởi từ nguyện lực của Phổ Hiền. Bởi lẽ, chẳng có nguyện, hạnh sẽ chẳng thành, tức là trang nghiêm chẳng hiện, chẳng cảm chánh báo và y báo vô tận).

Chúng ta xem đến chỗ này. Trong đoạn này, câu đầu tiên [nêu câu hỏi]: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng do đâu mà có? Điều khởi từ nguyện lực của Phổ Hiền. Nguyện lực của Phổ Hiền là gì? Chính là phẩm kinh

này, tức phẩm Tịnh Hạnh. Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền được thực hiện bằng một trăm bốn mươi một nguyện này! Do vậy, có thể biết: Nếu người trên địa cầu, ai nầy đều tu phẩm Tịnh Hạnh, trên thế giới này, tai nạn gì cũng đều chẳng có, ô nhiễm kiêu nào cũng đều chẳng có. Địa cầu này và thế giới Hoa Tạng chẳng hai, chẳng khác. Vì sao thế giới Hoa Tạng tốt đẹp? Cư dân trong thế giới Hoa Tạng ai nầy đều tu tịnh hạnh, tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, hạnh thanh tịnh. Vì thế, cảm được y báo và chánh báo trang nghiêm trong Hoa Tạng. Do như vậy mà có!

Trong sử sách cổ đại có ghi chép: Tam Hoàng, Ngũ Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang. Đây là thời đại thái bình mà Khổng Tử và Mạnh Tử hâm mộ nhất. Vì sao? Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang giáo hóa nhân dân tốt đẹp! Dân chúng trong quốc thổ của họ, nay nói là “nhân dân”, ai nầy đều hiểu Ngũ Luân, Bát Đức, ai nầy đều là hảo nhân. Vì thế, chiêu cảm quả báo là gió hòa, mưa thuận, ngũ cốc được mùa, nhân dân an lạc. Thế giới hiện thời động loạn, quý vị cứ so sánh từng cặp một, sẽ lập tức thấy được nguyên nhân! Là gì vậy? Chẳng có giáo dục luân lý đạo đức, con người sống trong thế gian này chẳng biết vì sao mà sống! Chúng tôi thường nói đến ý nghĩa của sanh mạng, giá trị của sanh mạng là gì? Rất ít người có thể đáp được! Vì thế, tỷ lệ tự sát quá cao! Tôi nghe nói: Hiện thời, độ tuổi tự sát đã hạ thấp. Trẻ nhỏ năm, sáu tuổi đã tự sát, đáng sợ quá! Thiếu niên, trung niên, lão niên tự sát quá nhiều, do nguyên nhân gì? Chẳng biết chính mình sống vì điều gì!

Tự sát có thể giải quyết vấn đề hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng thể giải quyết vấn đề! Tự sát sẽ càng thêm thống khổ, chẳng liễu giải chân tướng sự thật! Liễu giải chân tướng sự thật, ta sẽ biết những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nghiệp báo. Trong đời quá khứ, đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, đời này quý vị sẽ hưởng phước, quý vị sẽ sống rất tốt đẹp. Nếu đời quá khứ tạo tác tội nghiệp, chẳng biết tích đức, chẳng biết tu thiện, đời này chúng ta sẽ sống rất khổ, quả báo đó mà! Đức Phật đã nói rất tuyệt: Con người sanh vào thế gian này để làm gì? Đời người để đền trả nghiệp! Quý vị đến hứng chịu quả báo! Quả báo khổ hay vui chẳng sao cả, hãy đừng bận tâm. Điều quan trọng nhất là gì? Tiếp nhận sự giáo dục. Sau khi đã hiểu đạo lý này, ta có thể sửa đổi vận mạng của chính mình!

Liễu Phàm Tứ Huán là một điển hình về sự sửa đổi vận mạng. Trên thực tế, người sửa đổi vận mạng có hiệu quả hơn ông ta (Viên Liễu Phàm) cũng rất nhiều, nhưng họ chẳng viết ra. Chúng ta xem một bài văn ngắn có tựa đề là Du Tịnh Ý Ngộ Táo Thần Ký (ghi chép về chuyện Du Tịnh Ý gặp ông Táo), văn chương chẳng dài. Tiên sinh Du Tịnh Ý và Viên Liễu Phàm sống cùng thời đại, đại khái là ông Du lớn hơn ông Viên mười mấy tuổi, tiên sinh Liễu Phàm nhỏ hơn ông Du mười mấy tuổi. Ông Du đạt được hiệu quả vượt trội ông Viên Liễu Phàm, quả báo cũng vượt trội tiên sinh Liễu Phàm. Đời này, tôi chịu ảnh hưởng rất lớn từ họ, tôi cũng tự mình thay đổi vận mạng của chính mình trong một đời này. Đời trước, tôi chẳng tu Tài Bố Thí; do vậy, đời này nghèo túng, kém hèn, “*nghèo túng*” là chẳng có của cải, “*kém hèn*” là chẳng có địa vị. Mạng khổ sở, thọ mạng lại ngắn cùn, bốn mươi lăm tuổi mà thôi. Năm tôi hai mươi sáu tuổi,

tiếp xúc Phật pháp, đọc Liễu Phàm Tứ Huấn. Sau khi xem xong, dường như là trong vòng hai tháng, tôi đọc [tác phẩm ấy] ba mươi lần, hết sức cảm động. Từ đây trở đi, sửa lỗi đổi mới. Vì thế, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, chẳng thiếu tiền bạc để chi dụng, đều là do tu tập trong một đời này, chẳng phải do kiếp trước, kiếp trước chẳng có [những cái nhân ấy]. Tôi tu học cũng chẳng mong cầu của cải, cũng chẳng cầu thông minh, cũng chẳng cầu khỏe mạnh, sống lâu, hết thảy đều thuận theo tự nhiên. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên. Dầu sống một ngày, bèn học một ngày, sự học tập của tôi từ đầu đến cuối chẳng bị gián đoạn. Hằng ngày đều học, mỗi ngày đều giảng, dạy và học tăng trưởng lẫn nhau! Giảng cho người khác nghe chính là giảng cho chính mình nghe. Rốt cuộc người khác nghe bao nhiêu, tôi chẳng biết, nhưng chính mình được lợi ích một trăm phần trăm.

Do vậy, có rất nhiều người hỏi tôi: “Học Phật thì phải nên học theo cách nào?” Lên giảng đài là cách tốt nhất! Lên giảng đài, [tình thế] ép quý vị chẳng thể nào không giảng, ép quý vị chẳng thể nào không dụng công. Đó là phương pháp rất tốt khiến cho chính mình không dám giải đãi, khiến cho chính mình chẳng thoái chuyển. Nhất định là phải giữ sao cho thường hằng, phải buông xuống vạn duyên, phải buông xuống tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, phải buông xuống ngũ dục, lục trần, phải buông xuống tham, sân, si, mạn. Nếu chẳng buông những thứ ấy xuống, quý vị rất khó tiến bộ, rất khó nhập cảnh giới của Phật, chẳng dễ gì tiến nhập cảnh giới của thánh nhân. Thấy đều buông xuống, chướng ngại sẽ chẳng có. Vì thế, biết các thứ trang nghiêm trong Hoa Tạng và Cực Lạc đều là do nguyện lực của Phổ Hiền. Kinh Hoa Nghiêm giảng thấu triệt, từng câu, từng chữ trong cả bộ kinh Hoa Nghiêm đều là nguyện lực của Phổ Hiền.

Tiếp đó, Luận viết: “*Vi vô nguyện cố, hạnh nãi bất thành*” (Vì nếu không có nguyện, hạnh sẽ chẳng thành). Đây là nói về thế giới chúng ta, tức thế giới trong hiện thời, có mấy ai tu nguyện lực Phổ Hiền? Niệm mười đại nguyện vương của Phổ Hiền hằng ngày, niệm miết, vô dụng! Một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, niệm những câu ấy vô dụng! Lễ kính chư Phật: Quý vị có thật sự lễ kính hay không? Chẳng có! “*Chư Phật*” là nói đến ai? Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, chư Phật trong ba đời. Vị lai Phật là hết thảy chúng sanh, chúng ta có tôn kính hết thảy chúng sanh hay không? Nếu chẳng tôn kính hết thảy chúng sanh, quý vị chẳng làm được điều này! Không chỉ là phải tôn kính hết thảy mọi người, mà muỗi, kiến, ruồi có phải là chúng sanh hay không? Chúng ta có Phật Tánh hay không? Có chứ! Chúng ta có phải là vị lai Phật hay không? Phải! Hễ có Phật Tánh, sẽ đều coi như Phật! Huống chi kinh Hoa Nghiêm đã nói rất viên mãn, “*tình và vô tình, cùng viên mãn Chủng Trí*”. Điều này có nghĩa là: Không chỉ là hữu tình chúng sanh (tức động vật) có Phật Tánh, mà thực vật và khoáng vật cũng đều chẳng phải là ngoại lệ. Thực vật và khoáng vật có Pháp Tánh, Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh. Chúng ta có tôn trọng các thực vật hay không? Chúng ta có cung kính khoáng vật, bùn, cát, viên gạch, miếng ngói hay không? Chẳng có! Do chẳng có nguyện, hạnh chẳng thành!

Khá nhiều sám nghi (懺儀, nghi thức sám hối), câu đầu tiên là: “*Nhất thiết cung kính*” (Hết thầy cung kính), “*nhất tâm đảnh lễ*”. Mọi người thấy những câu ấy đã quá nhiều rồi, chỉ là loang loáng niệm qua, chẳng hiểu cảnh giới ở trong ấy! Chẳng biết bắt đầu tu như thế nào! Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là cương lĩnh, được thực hiện bằng một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh. Có thể y giáo phụng hành, người ấy được gọi là Phổ Hiền Bồ Tát, là bậc thù thắng khôn sánh trong các vị Bồ Tát! Đại nguyện đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát: Chẳng có nguyện, hạnh sẽ chẳng thành, sự trang nghiêm chẳng hiện. Vì sao chẳng hiện? Địa cầu này trang nghiêm giống hết như Hoa Tạng và Cực Lạc, nhưng sự trang nghiêm chẳng hiện. Vì sao chẳng hiện? Người sống trên địa cầu chẳng có nguyện hạnh Phổ Hiền. Vì thế, sự trang nghiêm chẳng hiện!

“*Bất cảm vô tận y quả báo cố*” (Vì chẳng cảm y báo và chánh báo vô tận): “*Cảm*” (感) là cảm vờ. Vì quý vị chẳng có nguyện, chẳng có hạnh, cho nên chẳng có cách nào cảm vờ “*vô tận y quả báo*”, “*y*” (依) là y báo, “*quả*” (果) là chánh báo. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng chẳng thể hiện tiên! Nói cách khác, nếu chúng ta thật sự hành, chúng ta hiểu rõ, quay đầu, xác thực là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều có thể tương ứng với mười nguyện Phổ Hiền. Trong hết thầy mọi lúc, hết thầy chỗ, hết thầy cảnh duyên, “*cảnh*” (境) là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” (緣) là hoàn cảnh nhân sự, không gì chẳng kính trọng. Đây là điều đầu tiên. Chẳng có gì ta không tôn trọng, chẳng có gì ta không lễ kính. Đây chính là quý vị học tập nguyện thứ nhất trong mười nguyện Phổ Hiền, lễ kính chư Phật, không gì chẳng kính. Câu đầu tiên trong thiên Khúc Lễ sách Lễ Ký của Nho gia là: “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy người khác thì đầu tiên là dạy quý vị phải biết tôn kính người khác, tôn kính vạn vật. Đối với người, đối với sự, đối với vật, đều chớ nên có tâm khinh mạn.

Nay chúng ta hãy chú tâm quan sát: Cái tâm khinh mạn của hết thầy chúng sanh do đâu mà có? Có thể nói: Đây là tập khí vô thi vô minh. Tuy con người bản tánh vốn lành, nhưng đáng tiếc là sau khi sanh ra, chẳng được ai dạy bảo. Sau khi sanh ra, dần dần bị ô nhiễm. Đắm nhiễm mười năm, hai mươi năm, Tánh Đức hoàn toàn bị mê, chẳng thấu lộ mảy may quang minh nào! Dầu có cơ hội gặp gỡ Phật pháp, nghe kinh, nghe pháp, giống như một tia chớp, bỗng dung giác ngộ, nhưng một, hai phút sau lại mê hoặc. Đối với hiện tượng này, tôi tin là có rất nhiều người trong các đồng học chúng ta đều có kinh nghiệm này: Sau khi nghe giảng kinh, dường như đã giác ngộ, chớp mắt lại mê, do mê, nên vẫn tạo nghiệp. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, dấy lên thất tình, ngũ dục, sanh ra phiền não, chẳng sanh trí huệ, đạo lý ở ngay chỗ này! Nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta tiếp tục xem lời luận định của Lý Trưởng Giả:

**(Luận) Do thị nghĩa cố, tín tâm chi thượng, Pháp Tánh bi trí diệu huệ
vạn hạnh, tổng y Phật hữu, nhi vị tấn tu, bất đắc biệt hữu.**

**(論)由是義故，信心之上，法性悲智妙慧萬行，總依佛有，
而為進修，不得別有。**

*(Luận: Do nghĩa này, trên cơ sở tín tâm, bi trí, diệu huệ, vạn hạnh trong
Pháp Tánh đều nương vào Phật mà có, để vì đó mà tấn tu, chứ chẳng có gì khác).*

Mấy câu này hết sức trọng yếu. Kẻ học Phật bình phàm như chúng ta thường phạm sai lầm ở chỗ này, nầy sanh sự hiểu lầm nghiêm trọng ở chỗ này! Cứ tưởng cách nghĩ, những điều chính mình đã lãnh ngộ đều chánh xác, chẳng biết sai lầm ở chỗ nào. Hễ sai lầm, bèn sai đến cùng, vĩnh viễn chẳng thể quay đầu!

“Do thị nghĩa” [có nghĩa là] từ những đạo lý đã nói trên đây. “Tín tâm chi thượng”: Chúng ta có tín tâm đối với vấn đề này hay không? Tôi tin mỗi vị đồng tu đều nói “tôi có tín tâm”, [nhưng tiếc rằng] tín tâm ấy là giả trá, chẳng thật! Nếu quý vị có tín tâm, quý vị đã thuộc vào địa vị Thập Tín Bồ Tát. “Tín tâm chi thượng”, tín tâm ở đây chính là Sơ Phát Tâm, tức là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Chúng ta có cái tín tâm ấy hay không? Nói thật thà, chẳng có! Nếu có cái tín tâm ấy, chúng ta đã tiến nhập địa vị Sơ Tín. Số lượng phiền não đã đoạn trong địa vị Sơ Tín chính là tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc đã đoạn, tri kiến chánh xác, Phật tri, Phật kiến; đây là tín tâm. “Tín tâm dĩ thượng” (Từ tín tâm trở lên) tức là từ Sơ Tín trở lên, từ Nhị Tín, Tam Tín, Tứ Tín, cho đến Thập Tín. Thập Tín nếu lên cao hơn, sẽ là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, trong phần trước, [Lý Trường Giả đã gọi chung các địa vị ấy] là “lục vị”, đây là từ tín tâm trở lên! “Pháp Tánh bi trí” vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh của quý vị. “Diệu huệ vạn hạnh” đều vốn trọn đủ trong tự tánh của chính mình. Vốn trọn đủ, hiện thời bị mê mất. Thật sự đột phá được cái ải phiền não đầu tiên, đạt được tín tâm, chẳng dễ dàng! Nói thật ra, trong thời đại hiện tại, đã là một ngàn năm thứ hai trong thời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, nương theo những pháp môn ấy để tu học, quý vị chẳng có cách nào chứng đắc địa vị Sơ Tín! Quý vị hãy nghĩ thử xem, quý vị đã đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới hay chưa?

Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc được quy nạp thành năm loại lớn:

1) Thứ nhất là Thân Kiến. Quý vị xác thực đã phá trừ Thân Kiến, chẳng còn coi thân này là ta. Thật sự phá trừ Thân Kiến, quý vị tuyệt đối sẽ chẳng lợi dụng thân thể này để tạo tội nghiệp. Thân này chẳng phải là ta; vì thế, quý vị chẳng dùng cái thân này để tạo tội nghiệp.

2) Thứ hai là Biên Kiến. Nay chúng ta gọi Biên Kiến là “tương đối”. Phàm là kiến giải tương đối, sẽ đều là Biên Kiến. Chân và vọng là tương đối. Tà và chánh là tương đối. Thiện và ác là tương đối. Khổ và lạc là tương đối. Quý vị đọc Đản Kinh, [sẽ thấy] pháp sư Ấn Tông thỉnh giáo Lục Tổ: “Ngài từ Hoàng Mai đến, đối với Thiên Định và giải thoát, Ngũ Tô lão nhân gia nói theo cách nào?”

Lục Tổ đáp lời: “*Thiền Định và giải thoát là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị*”. Ân Tông nghe xong, kính phục. Đây gọi là “*chánh thuyết*”! Phàm phu có ai chẳng rơi vào hai bên (tức là Biên Kiến)? Các khoa học gia hiện thời gọi [kiến giải ấy] là Tương Đối Luận, tương đối là Biên Kiến.

3) Giới Thủ Kiến: Chẳng phải là nhân mà chấp trước là nhân.

4) Kiến Thủ Kiến: Chẳng phải quả mà chấp trước là quả, đều là nẩy sanh kiến giải sai lầm đối với nhân quả.

5) Loại cuối cùng không thuộc vào bốn loại lớn trước, Tà Kiến là tri kiến sai lầm.

Thầy đều đoạn trừ [những kiến chấp ấy], mới là tín tâm hiện tiền. Tín tâm ấy có tiêu chuẩn, chẳng phải là nói: Chúng ta học Phật, thọ giới, xuất gia [sẽ có tín tâm], chưa chắc! Trước kia, thầy Lý đã bảo tôi, khi ấy, tôi vừa mới thọ giới. Sau khi thọ giới, đến Đài Trung bái yết thầy. Tôi còn chưa vào cửa, còn đang ở ngoài cửa, thầy ở bên trong trông thấy, chỉ tôi nói: “*Anh phải tin Phật, anh phải tin Phật*”. Nói “*anh phải tin Phật*” đến mấy câu! Tôi đến trước mặt thầy, tôi cũng ngơ ngác. Tôi đã xuất gia hai năm rồi mới thọ giới. Sau khi thọ giới, quay về gặp thầy, sao thầy bảo tôi phải tin Phật? Thầy bảo tôi ngồi xuống, nói: “*Tin Phật chẳng dễ dàng! Có rất nhiều vị lão hòa thượng học suốt một đời, đến chết vẫn chẳng tin Phật*”. Tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. “*Tín vi đạo nguyên, công đức mầu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Đức Phật bảo quý vị đừng sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, có sao quý vị chẳng làm được? Do chẳng tin! Nếu quý vị tin tưởng, thầy đều làm được! Do quý vị chẳng tin, cho nên mới chẳng làm được. Từ chỗ này, hãy xét tín tâm của quý vị. Thọ Tam Quy, quý vị chẳng làm được. Quy y Phật là giác chứ không mê, quý vị vẫn mê mà chẳng giác. Quy y Pháp là chánh chứ không tà, quý vị vẫn là tà chứ chẳng chánh. Quy y Tăng là tịnh chứ không nhiễm, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, quý vị vẫn là ô nhiễm. Tán thán quý vị mấy câu, bèn cao hứng, đắc ý, vênh váo! Hủy báng quý vị dăm câu, rầu rĩ mấy ngày, lấy đâu ra tịnh? Lấy đâu ra tín? Quý vị mới biết tín tâm khó lắm!

Nay chúng ta cậy vào đâu? Cậy vào kinh giáo. Chẳng nương tựa kinh giáo, quý vị lấy đâu ra chánh tín? “Tín” của quý vị là mê tín, chẳng phải là chánh tín. “Mê” là tôi tin, nhưng Phật là gì, chẳng biết! Giáo là gì, không biết! Dẫu sao, tôi tin là được rồi! Kẻ ấy mê tín! Có hữu dụng hay không? Vô dụng! Chẳng thể giải quyết vấn đề. Nương theo giáo huấn trong kinh luận, lòng tin ấy được gọi là “*chánh tín*”. Vì sao? Kinh luận là chánh pháp. Nương theo giáo huấn trong chánh pháp, đương nhiên niềm tin ấy là chánh tín, chẳng phải là chân tín. Chánh tín và chân tín khác nhau. Chân tín là gì? Sau khi chứng đắc, sẽ là chân tín. Tuy ta y giáo tu hành, ta vẫn chưa chứng quả!

Chư vị phải hiểu: Sơ Tín là chứng quả. Người thuộc địa vị Sơ Tín là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Chứng đắc Sơ Quả, tuy quý vị vẫn chẳng lìa thoát lục đạo luân hồi, chắc chắn chẳng đọa vào tam đồ, chính mình thật sự nắm chắc chuyện này, chẳng mê hoặc tí nào, quyết định chẳng đọa tam đồ. Vì sao chẳng

đọa tam đồ? Người ấy chẳng tạo nghiệp tam đồ! Tuy trong A Lại Da còn có chủng tử tam đồ, nhưng chẳng có duyên. Chẳng tạo nghiệp tam đồ, duyên đoạn mất; có nhân mà chẳng có duyên, quả báo sẽ chẳng thể hiện tiền. Khởi tâm động niệm còn có tham, sân, si, còn có thị phi, nhân ngã, tự tư tự lợi, không được rồi! Giả trát, chẳng thật!

Học Phật và Phật học là hai chuyện, nhất định là phải phân biệt rõ ràng. Học Phật là gì? Học tập kinh giáo mà chẳng thực hành, đó là Phật học. Còn “*học Phật*” là thật sự thực hiện. Đức Phật dạy chúng ta như thế nào, bèn làm đúng như thế ấy. Làm đến một mức độ nhất định, đến một khoảng thời gian nhất định, sẽ hoằng nhiên đại ngộ, sẽ khế nhập. Khế nhập thì gọi là “*chứng*”, chứng tiểu quả, chẳng phải là đại quả. Vì thế, tiểu ngộ bao nhiêu lượt, đại ngộ bao nhiêu lượt rồi mới có thể triệt ngộ. Đại Thừa Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo và Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa đoạn phiền não số lượng như nhau, nhưng trí huệ khác hẳn! Xét theo trí huệ, A La Hán vẫn chẳng sánh bằng [Sơ Tín Bồ Tát]. Vì sao? Trong đoạn trước, Lý Trường Giả đã nói rất hay: “*Tùng sơ tín tâm, Lý Sự viên dung, đạt kỳ nguyện thể*” (Từ sơ tín tâm, Lý Sự viên dung, thấu đạt cái Thể của các nguyện ấy), Ngài chỉ rõ: Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín có trí huệ cao. Tiểu Thừa tuy đã đoạn phiền não, trí huệ chẳng khai, đó là chỗ khác nhau! Đại Thừa trí huệ đã khai, [Đại Thừa Bồ Tát] là đại đạo tâm chúng sanh, là đại tâm phàm phu, là một loại trong mười loại đương cơ của kinh Hoa Nghiêm. Đại tâm phàm phu có năng lực tiếp nhận Hoa Nghiêm, được thọ dụng nơi Hoa Nghiêm.

Chúng ta phải hiểu tự tánh vốn trọn đủ từ bi, trí huệ, vạn hạnh, nhất định phải vâng theo giáo huấn của đức Phật để tấn tu, chẳng có chi khác! Nếu quý vị chẳng nương theo giáo huấn của Phật Đà, quá nửa là sẽ đi theo tà huệ, sai mất rồi! Người học Phật thật sự chẳng thể không lưu ý, chẳng thể không biết điều này! Thành tựu trong học Phật quý ở chỗ thật thà, [tức là] thật thà theo thầy, y giáo phụng hành! Làm được giáo huấn của thầy một trăm phần trăm, quý vị chính là học trò ngoan, mới có thể đạt thành tựu. Không thầy mà tự thông suốt, Đản Kinh đã nói, trước thời Oai Âm Vương Phật thì được; sau Oai Âm Vương Phật mà “không thầy tự thông suốt”, đều là thiên ma ngoại đạo! Tổ sư nói [như vậy], chẳng phải là tôi nói. Nay chúng ta học Phật chẳng lia thầy. Thầy mất, giáo huấn vẫn còn, vĩnh viễn ghi nhớ trong lòng, niệm niệm y chỉ, y giáo phụng hành, chúng ta mới không đến nổi lạc đường!

Tu Tịnh Độ, thầy tôi đã bảo tôi: Quyết định phải y chỉ Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư ở nơi đâu? Toàn tập của Ấn Quang đại sư vẫn còn. Hiện thời, toàn tập được đóng bìa cứng thành một bộ dày như thế, gồm bảy quyển, hằng ngày có chẳng thể lia khỏi. Đây là y chỉ Ấn Quang đại sư. Đọc hằng ngày, học hằng ngày, [những giáo huấn trong ấy] sẽ trở thành nguyên tắc chỉ đạo cho khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác suốt ngày hôm ấy, suốt năm ấy, suốt cả một đời, chớ nên trái phạm. Đó gọi là “y chỉ thầy”. Vì sao chẳng y chỉ kinh Phật? Đức Phật cách chúng ta quá xa, tổ sư gần chúng ta hơn. Tổ sư học Phật rất giống, học thật sự thành tựu, chúng ta lấy Ngài làm gương. Khi nào chúng ta học theo Ngài đã thành, đã giống như Ngài; sau đây, vượt cao lên một cấp, lấy Phật làm thầy.

Hiện thời, lấy Phật làm thầy chính là nói cho dễ nghe, chứ đâu có làm được! Phật quá cao, chắc chắn là quý vị tu chẳng được. Giống như đi học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba chậm rãi mà tiến. Nếu nói đến chuyện học nhảy, Tiểu Học lẫn Trung Học đều chẳng học, ngay lập tức học chương trình Cao Học. Đó là gạt người! Phải biết điều này, phải cẩn thận, phải chú ý, chớ nên cuồng vọng! Vì thế, hai câu khai thị này trọng yếu hơn bất cứ điều nào khác!

Tiếp đó, Luận viết:

(Luận) Nhược ly Phật, biệt hữu tự pháp giả, bất thành tín tâm, bất thành thập chủng thắng giải, bất thành tu hành.

(論)若離佛別有自法者，不成信心，不成十種勝解，不成修行。

(Luận: Nếu lìa Phật mà tự có pháp nào khác, sẽ chẳng thành tựu tín tâm, chẳng thành mười thứ thắng giải, chẳng thành tu hành).

Đoạn này nói theo hướng phản diện. Quý vị chẳng nương theo Phật mà nương cậy chính mình, [tự nghĩ] chính mình rất thông minh, chính mình có cách thức riêng, thậm chí nói [cách thức ấy] còn cao hơn Phật pháp. Đối với họ, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, chư Phật Như Lai đều chẳng đáng để vào mắt! Hiện thời, trên thế gian có kẻ như vậy hay không? Có, rất nhiều! Tôi đã từng thấy, từng nghe nói, tôi chẳng dám dính dáng đến họ. Vì sao? Họ cao quá! Trong tâm chúng tôi, kinh điển rõ ràng là tiêu chuẩn, bày ra ngay trước mặt chúng ta. Vì thế, hạng người như vậy, tín tâm chẳng thành! Kinh Hoa Nghiêm nói mười tín tâm, kẻ ấy chẳng có. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói sáu thứ tín tâm, kẻ ấy chẳng có! [Người trọn đủ mười tín tâm, hoặc sáu thứ tín tâm như tổ Ngẫu Ích đại sư đã nói] chính là người chuyên tu Tịnh Độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật.

Trong sáu thứ tín tâm, đầu tiên là “tín tự”. Chính mình phải có tín tâm, tin tưởng trong một đời này, chính mình nhất định có thể được sanh về Tịnh Độ, có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Đó là điều kiện thứ nhất. Điều kiện thứ hai là tín Tha, Tha là ai? A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhất định phải có tín tâm đối với các Ngài, phải nghe theo giáo huấn của các Ngài. Hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân trong kinh Vô Lượng Thọ rất quan trọng. Đức Phật đã dạy chúng ta, chúng ta có làm được hay không? Chánh tu lẫn trợ tu đều [được kinh Vô Lượng Thọ] nói rất tỉ mỉ. Quý vị chẳng thể y giáo phụng hành, chính mình muốn tạo một kiểu cộ riêng, chắc chắn là sai lầm, chắc chắn sẽ thất bại! Vì thế, nhất định phải luôn ghi nhớ: “*Tổng y Phật hữu, nhi vi tán tu*” (Luôn nương vào Phật mà có, để rồi tán tu).

Vì thế, có thể biết: Học Phật thì học khởi đầu từ nơi đâu? Tín, giải, hạnh, chứng. Học khởi đầu từ đây. Tín, giải, hạnh, chứng, các vị tổ sư từ xưa đã sắp sẵn thứ tự cho chúng ta. Thứ nhất là tin tưởng. Tin tưởng thì quý vị mới có thể nhập môn, mới có thể cầu giải. Sau khi đã giải, lòng tin ấy sẽ là chánh tín. Sau khi đã

hành, lòng tin ấy mới là chân tín. Vì sao? Thông qua thực nghiệm, chứng minh đó là thật, chẳng giả! Tín tâm vị, cái tâm thuộc địa vị Sơ Tín là chánh tín, chân tín. Vì sao? Ngài đã chứng đắc, đã đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, đã chứng đắc! Phải hiểu đạo lý này! Nói dễ dàng lắm, trên thực tế, hết sức khó khăn! Vì thế, trong thời kỳ Mật Pháp, ngoại trừ niêm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có con đường thứ hai nào để quý vị có thể thành tựu tín tâm.

Nương theo giáo huấn của đức Phật, cũng cần mất một thời gian rất dài. Lâu ngày chầy tháng, dùi mài chẳng bỏ! Tôi nói với các quý vị đồng học: Từ khi thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, trong năm mươi bốn năm, tôi hằng ngày đều làm, chẳng có bữa nào không đọc kinh, chẳng có ngày nào không giảng kinh. Ngồi ở đây là giảng kinh, cùng tất cả các khách khứa hoặc bạn bè nhà Phật tới lui trò chuyện, toàn nói về kinh, chẳng dễ dàng! Mấy chục năm đều như một ngày thì mới có thể khế nhập cảnh giới này. Tôi biết gian nan lắm! Con đường ấy tôi đã từng đi, chướng ngại trên đường rất nhiều, dụ dỗ mê hoặc trên đường quá u là nhiều! Quý vị có thể chịu nổi khảo nghiệm hay không? Quý vị có thể ải nào cũng thuận lợi vượt qua hay không? Bao nhiêu kẻ bị đào thải, các đồng học của tôi cũng có! Thoạt đầu, đều là phát tâm như nhau, phát tâm dũng mãnh khiến kẻ khác tán thán. Sau một vài năm, bị đào thải. Nói chung là vì chẳng lia khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng, trong là chẳng thể diệt dứt tham, sân, si, mạn, bên ngoài là chẳng có cách nào cự tuyệt sự dụ dỗ, mê hoặc của danh lợi. Đây chính là nguyên nhân gây đọa lạc.

“Bất thành thập chủng thắng giải” (Chẳng thành mười thứ thắng giải): Mười thứ thắng giải chúng ta đã học trong phẩm Quang Minh Giác ở phần trước. Các phẩm kinh trước (Quang Minh Giác, Bồ Tát Văn Minh) giảng về Giải, phẩm kinh này nói về Hạnh, tức là: Sau khi đã giải, bèn khởi tu. Mười thứ rất sâu ấy, chúng ta đã học, nhưng mấy ai có thể thấu hiểu? Mấy ai có thể khế nhập? Chẳng cần nói khế nhập rất sâu, [khế nhập] một phần, hai phần [mà thôi]! Chúng ta chia sự khế nhập ấy thành một trăm phần. Quý vị có thể khế nhập một, hai phần, suốt một đời này thọ dụng chẳng hết, thật sự đạt được lợi ích. Giống như khi thầy Phương giới thiệu [Phật pháp] cho tôi, đã nói: *“Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Chư vị phải nghe lời ấy cho rõ ràng, học Phật, chứ không phải là Phật học! Phật học sẽ chẳng có cách nào đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong đời người, học Phật mới được. Học Phật là thật sự hành! Phật học là coi kinh giáo như một môn học thuật để nghiên cứu, không được rồi, đã biến thành học thuật thế gian! Vì thế, học Nho phải học theo Khổng Tử, học giống Khổng Tử như đúc! Học Phật thì phải học theo Phật Thích Ca, giống Thích Ca Mâu Ni Phật như đúc, sẽ thành công!

Bất luận là thánh nhân thế gian hay xuất thế gian, đều có cùng một phép tắc như nhau, đều phải là buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, buông xuống phiền não tham, sân, si, mạn. Đức Thế Tôn là như thế, Khổng Tử cũng như thế. Nếu chúng ta chẳng thấy thấu suốt, buông xuống những thứ ấy, học cách nào cũng đều học chẳng giống! Nếu quý vị muốn thật sự học cho giống, phải triệt để buông xuống!

Chẳng đạt được “*thắng giải*”, tín tâm chẳng thành. Thắng giải chẳng thành, đương nhiên là tu hành chẳng thành! Chúng ta phải nhận thức rõ ràng hai chữ “*tu hành*”. “*Hành*” là hành vi, hành vi quá nhiều! Đức Thế Tôn quy nạp chúng thành ba loại lớn, động tác nơi thân là thân nghiệp, ngôn ngữ là khẩu nghiệp, khởi tâm động niệm là ý nghiệp. Hành vi dẫu nhiều cách mấy, chẳng ra ngoài ba loại lớn ấy. Ba loại hành vi lớn ấy phát sanh sai lầm, phải sửa đổi, uốn nắn chúng, đó gọi là “*tu hành*”. Vì vậy, tu hành là sửa đổi hành vi sai lầm thành chánh đáng. Chúng ta đã thấy sai, nghĩ lầm đối với hết thầy người, sự, vật, phải uốn nắn lại. Nói sai, kể sai thì phải sửa đổi cho đúng, làm sai thì càng phải sửa đổi cho đúng, uốn nắn cho đúng hành vi sai lầm!

Phàm phu có hành vi sai lầm quá ư là nhiều! Dựa vào đâu [để uốn nắn]? Dựa theo kinh luận của đức Phật. Kinh luận là căn cứ để chúng ta uốn nắn tư tưởng, kiến giải sai lầm; giới luật nhằm uốn nắn ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta. Thân thể tạo tác hết thầy các hành vi sai lầm, giới luật là tiêu chuẩn. Tam Tạng Kinh Luật Luận giúp chúng ta tu hành. Lìa khỏi Kinh, Luật, Luận, quý vị chẳng có tiêu chuẩn, tự nhiên chẳng thành tu hành! Chẳng có Kinh, Luật, Luận [để hướng dẫn], sẽ là phiền não, là tập khí. Tùy thuận tập khí phiền não chính là tạo nghiệp. Khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, ngôn ngữ là tạo nghiệp, các động tác nơi thân thể đều là tạo nghiệp, tạo tác đủ mọi thứ bất thiện. Vì thế, chiêu cảm khá nhiều thứ tai nạn trong thế gian này, nguyên nhân là như thế đó.

Đoạn kế tiếp nói rất hay:

(Luận) Thiết khổ hạnh tinh cần, thị tà tinh tấn.

(論) 設苦行精勤，是邪精進。

(Luận: Dẫu khổ hạnh, tinh chuyên, siêng năng, vẫn là tà tinh tấn).

Giả sử người tu hành ấy tu khổ hạnh, tinh chuyên, siêng năng dụng công, lữ bình phàm chúng ta trông thấy đều bị người ấy làm cho cảm động, đều hết sức tôn trọng, kính ngưỡng người ấy, chẳng biết người ấy chẳng phải là chánh tinh tấn, mà là tà tinh tấn! Sự khổ hạnh, tinh chuyên, siêng năng ấy về sau chẳng đạt được kết quả, chẳng thể khai ngộ, chẳng thể chứng quả, sai mất rồi! Sai lầm ở chỗ nào? Kẻ ấy chẳng nương vào kinh giáo, chẳng nương theo giáo huấn của đức Phật. Sai lầm ở chỗ này!

(Luận) Cần khổ lũy kiếp, sanh nhân thiên trung, nhất niệm tham sân, nhất thời phần tận.

(論) 勤苦累劫，生人天中，一念貪瞋，一時焚盡。

(Luận: Siêng khổ bao kiếp, sanh trong đường trời, người, do một niệm tham sân, đốt sạch trong thoáng chốc).

Câu này chính là nói: Người ấy đến cuối cùng chẳng có kết quả! Người khác có thành tựu hay không, chẳng liên quan đến ta. Điều quan trọng nhất là trông thấy tình hình ấy, hãy hồi quang phản chiếu, xét xem chính mình có [vướng phải lỗi lầm ấy] hay không? Đoạn sạch Kiến Tư phiền não mới là tinh tấn thật sự.

Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, bất luận khổ hạnh, tinh tấn như thế nào đi nữa, đều thuộc loại tà tinh tấn. Vì thế, trong hàng trời, người, người ấy có phước báo. Do người ấy tu hành nên có phước, không ngờ trong một niệm nào đó, do một tâm niệm tham, bèn bị đọa lạc. Một niệm sân khuê, địa ngục liền hiện tiền, giống như lửa vậy. Phật pháp sánh ví sân khuê như lửa. “*Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng ngại mở ra), hoàn toàn bị tiêu hủy!

Trong chánh pháp nhân thiên, chư vị phải biết: Trong hai giới thuộc phía trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), chẳng có sân khuê. Chẳng phải là họ đã đoạn, mà là do công phu định lực chế phục. Chư thiên trong Sắc Giới chẳng có sân khuê, chư thiên trong Vô Sắc Giới chẳng có sân khuê. Đến khi nào thì do một niệm tham sân, sẽ đốt sạch trong thoáng chốc? Đến khi thọ mạng của người ấy chấm dứt. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Chư thiên thuộc Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên có công phu tu hành cao nhất trong tam giới lục đạo, nhưng họ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thọ mạng của họ lâu dài, tám vạn đại kiếp! Trong tám vạn đại kiếp, họ chẳng dấy lên phiền não, vì công phu định lực chế ngự. Khi đã hết tám vạn đại kiếp, công phu định lực bị mất đi, phiền não dấy lên. Khi ấy, do một niệm tham sân, đốt sạch trong thoáng chốc, trèo cao ngã đau! Người trong Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên sau khi mạng chung, đều đọa địa ngục, do nguyên nhân nào? Chính họ tưởng mình đã chứng đắc quả vị rất ráo thuộc cảnh giới Đại Niết Bàn của Như Lai. Người trong Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên ngỡ đó là Niết Bàn, rất hoan hỷ: Chứng đắc cảnh giới cao như thế, sẽ bất sanh, bất diệt. Khi thọ mạng đã hết, có sao còn có sanh tử? Vậy thì những lời chư Phật Như Lai đã nói đều là giả trá, chẳng thật. Ta đã chứng đắc, vì sao còn có sanh tử? Khi ấy, ý niệm báng Phật, báng Pháp, báng Tăng dấy lên, quả báo là địa ngục A Tỳ, chúng ta chớ nên không biết!

Trong quá trình tu hành của chính chúng ta, thời thời khắc khắc phải tự mình răn dè. Trong thuận cảnh, chẳng dấy tâm tham, có tham niệm hay không? Hễ có tham niệm, sẽ là quý đạo, súc sanh đạo. Trong nghịch cảnh, có oán hận hay không? Có oán trời hờn người hay không? Nếu có ý niệm ấy, sẽ là địa ngục đạo. Công phu tu hành của chính chúng ta là trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là trong hoàn cảnh nhân sự. Chúng ta cư xử với người khác, thấy người này bèn ưa thích, thấy kẻ kia đáng ghét, [tức là] chẳng có công phu, vẫn là phàm phu y như cũ! Có thể vãng sanh hay không? Chẳng thể! Vì sao? Phàm những ai sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là bậc thượng thiện nhân. Còn ưa thích kẻ này, căm ghét kẻ kia, người ấy chẳng phải là thượng thiện, chẳng thể vãng sanh!

Do vậy, kinh nói về sự vãng sanh rất hay: “*Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”. Quý vị phải thật sự tu thành công cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, thì mới có thể vãng sanh. Lời này do đức Phật nói, chẳng phải do tôi nói. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, quý vị thấy bậc thượng, bậc trung và bậc hạ, và một đoạn sau đó là nhất tâm tam bối, có hai câu trọng yếu nhất: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, phải ghi nhớ tám chữ ấy. Hiện thời, có rất nhiều người như thế nào? Họ chỉ nắm

lấy “nhất hướng chuyên niệm”, quên bằng “phát Bồ Đề tâm”. Kinh đã nói rõ ràng tám chữ, mà quý vị chỉ muốn học một nửa. Vì thế, quý vị suốt một đời tinh tấn, nỗ lực, vẫn chẳng thể vãng sanh, [nguyên nhân là vì] chẳng có Bồ Đề tâm!

Bồ Đề tâm là gì? Tôi đã viết rõ ràng: “Chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm”. Đây là Bồ Đề tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, quyết định chẳng trái nghịch mười chữ ấy (chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi), phải học! Học ngay trong cuộc sống, học ngay trong xử sự, đãi người, tiếp vật, học dùng lòng chân thành, chẳng hư ngụy. Người khác dùng cái tâm hư ngụy đối với ta, ta tiếp nhận. Ta chớ nên dùng [cái tâm hư ngụy] đối với người khác. Cứ như vậy, có rất nhiều người bảo: “Thưa pháp sư! Vậy thì chẳng phải là con chịu thua thiệt ư?” Chẳng sao cả! Chịu một tí thua thiệt trong thế gian này, tương lai đến thế giới Cực Lạc, sẽ chiếm đại tiện nghi. Hiện tại, chẳng thể chịu thua thiệt nhỏ nhoi, sẽ chẳng có phần trong thế giới Cực Lạc. Hãy khéo tính toán chuyên này!

Người khác đối xử với ta bằng cái tâm ô nhiễm, ta đối xử với họ bằng cái tâm thanh tịnh. Người khác đối xử với ta bằng sự kiêu căng, ngã mạn, ta dùng tâm bình đẳng đối đãi họ. Người khác đối xử với ta bằng lòng tự tư tự lợi, ta đối xử với người ta bằng lòng đại từ đại bi. Đây gọi là “tu hành”.

Tập khí phiền não từ vô thủy kiếp tới nay đều phải mài giũa. Mài giũa trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Tất cả những góc cạnh đều giũa sạch, mài cho tròn quay, chúng ta niệm Phật luôn luôn chuyên niệm thì mới quyết định được vãng sanh! Nếu chỉ có “luôn luôn chuyên niệm”, chẳng có Bồ Đề tâm, vẫn chẳng thể vãng sanh! Quan trọng lắm! Quan trọng hơn bất cứ điều nào khác! Phát Bồ Đề tâm, luôn luôn chuyên niệm. Đặc biệt là các đồng học trong Niệm Phật Đường, chớ nên không biết, chớ nên không đề cao cảnh giác.

Chúng ta lại xem phần Luận kế tiếp:

(Luận) Thị cố thử phẩm hạ văn vân: Trụ khứ lai kim chư Phật chi đạo.

(論)是故此品下文云，住去來今諸佛之道。

(Luận: Vì thế, trong phần kinh văn ở phía sau của phẩm này có nói: “Trụ trong đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật”).

“Trụ khứ lai kim”: Khứ (去) là quá khứ, lai (來) là vị lai, kim (今) là hiện tại, tức tam thế chư Phật. Chúng ta phải trụ trong đạo của tam thế chư Phật, câu nói này có ý nghĩa ấy.

(Luận) Tùy chúng sanh trụ, hằng bất xả ly.

(論)隨眾生住，恆不捨離。

(Luận: Thuận theo chúng sanh để trụ, thường chẳng lìa bỏ).

Trụ cùng với chúng sanh, quý vị mới có cơ hội để tu hành. Chúng sanh dùng tâm bất thiện đối xử với ta, ta dùng thiện tâm đối đãi họ. Chúng sanh dùng cái tâm hư ngụy đối xử với ta, ta dùng cái tâm chân thành đối xử với họ. Chúng

sanh dùng ý niệm ô nhiễm đối xử với ta, ta dùng tâm thanh tịnh để đối đãi họ. Là khỏi chúng sanh thì đến đâu để tu? Chẳng có chỗ nào để tu. Vì thế, “*tùy chúng sanh trụ, hằng bất xả ly*”! Ở ngay trong chúng sanh để mài giữa chính mình nhãn bóng, trụ lụi, tất cả hết thấy các góc cạnh đều bị mài bằng! Chư vị phải biết, là khỏi chúng sanh, chẳng có chỗ nào để tu hành! Người thật sự tu hành chẳng là chúng sanh.

(Luận) Như chư pháp tướng, tất năng thông đạt.

(論)如諸法相，悉能通達。

(Luận: Như các pháp tướng, thấy đều có thể thông đạt).

Đây là Giải môn, cũng có nghĩa là quý vị hiểu rõ, thông đạt chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đây chính là mười thứ [thắng giải] rất sâu được nói trong phẩm Quang Minh Giác thuộc phần trước. Hiểu rõ ràng chân tướng sự thật, chúng tôi thường nói (nói tinh lược) thành sáu chữ “*Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả*” của các pháp, sáu chữ ấy! Hiểu rành mạch, rõ ràng Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả, chính là Giải môn. Sau khi đã thật sự giải, chắc chắn sẽ...

(Luận) Đoạn nhất thiết ác, cụ túc chúng thiện.

(論)斷一切惡，具足眾善。

(Luận: Đoạn hết thấy ác, trọn đủ các điều thiện).

Chuyện này là chắc chắn! Quý vị làm sao tạo ác cho được? Không chỉ là chẳng có ác ngôn, chẳng có ác hạnh, mà ngay cả một ác niệm cũng đều chẳng có. Con người thoải mái, thật sự sung sướng! Đoạn hết thấy ác, trọn đủ các điều lành thì...

(Luận) Đương như Phổ Hiền sắc tướng đệ nhất, nhất thiết hạnh nguyện giai đắc cụ túc. Dĩ thượng, minh Tông Thú cánh.

(論)當如普賢色像第一，一切行願皆得具足，已上明宗趣竟。

(Luận: Sẽ giống như Phổ Hiền, sắc tướng bậc nhất, hết thấy hạnh nguyện thấy đều trọn đủ. Trên đây đã giảng xong phần Tông Thú).

Nếu chúng ta đã hiểu rõ, đã minh bạch Tông Thú của phẩm này, quý vị nói xem: Có cần phải học phẩm kinh này không? Chúng ta có cần thật sự thực hiện hay không? Quý vị thật sự thực hiện, trong tương lai sẽ được quả báo giống như ngài Phổ Hiền, sắc tướng bậc nhất, hết thấy các nguyện đều được trọn đủ, chính là như nay ta nói “*tâm tướng sự thành*”.

(Luận) Ý minh hồi phàm tiểu sở chấp tâm cảnh sai biệt nghiệp, giai thành nguyện hải, cụ Phổ Hiền môn.

(論) 意明迴凡小所執心境差別業，皆成願海，具普賢門。

(Luận: Nhằm dụng ý nêu rõ: Hãy xoay chuyển cái nghiệp sai biệt được tạo thành bởi sự chấp trước của phàm phu, Tiểu Thừa đối với tâm cảnh, [khiến cho tâm địa ai nấy] đều trở thành biển nguyện, đầy đủ Phổ Hiền môn).

Chúng tôi giảng đoạn văn này tới đây, vừa đúng lúc hiện thời đã hết thời gian rồi!

Tập 1471

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh, thứ mười một. Đoạn lớn thứ năm là Thích Văn (釋文, giải thích kinh văn). Trong phần Thích Văn, chia thành hai đoạn:

(Sớ) Tiên Trí Thủ vấn, cử đức trung nhân, hậu Văn Thù đáp, tiêu đức hiển nhân.

(疏) 先智首問，舉德徵因，後文殊答，標德顯因。

(Sớ: Trước là ngài Trí Thủ hỏi, chính là nêu ra đức để gạn cái nhân, sau là ngài Văn Thù đáp, nhằm nêu lên đức để hiển lộ cái nhân).

Hai câu này đã bao quát toàn bộ nội dung của phẩm này. Trước hết, chúng ta học tập đoạn thứ nhất.

(Sớ) Kim sơ, diệc tiên tiêu vấn đáp chi nhân, hậu trần sở nghi chi vấn.

(疏) 今初，亦先標問答之人，後陳所疑之問。

(Sớ: Nay là phần thứ nhất, cũng là trước hết, nêu ra người hỏi đáp, sau là trần thuật những điều nghi vấn).

Đối với phần [kinh văn chép] lời hỏi của ngài Trí Thủ, chia thành hai tiểu đoạn. Đoạn thứ nhất là trước hết giới thiệu người vấn đáp. Chúng ta xem kinh văn:

(Kinh) Nhĩ thời Trí Thủ Bồ Tát vấn Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ngôn.

(經) 爾時智首菩薩問文殊師利菩薩言。

(Kinh: Khi ấy, Trí Thủ Bồ Tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng).

Câu này nhằm giới thiệu hai vị tôn giả. Nói thật ra, Trí Thủ Bồ Tát nêu câu hỏi thay cho chúng ta, Văn Thù Bồ Tát giải đáp cho chúng ta. Kinh văn hoàn toàn chẳng dài, nhưng nội dung hết sức phong phú. Chúng ta hãy xem lời chú giải của Thanh Lương đại sư.

(Sớ) Thử nhị Bồ Tát, vị hiển viên tu, lịch sự xảo nguyện, tất trí vi đạo cố.

(疏) 此二菩薩，為顯圓修，歷事巧願，必智為導故。

(Sớ: Hai vị Bồ Tát này, nhằm hiển thị sự tu tập viên mãn, nguyện hay khéo từng trải các sự, ắt phải dùng trí để hướng dẫn).

Chúng ta xem trước đoạn này. Giáo pháp Đại Thừa, hai vị Bồ Tát [Trí Thủ và Văn Thù] đều biểu thị trí huệ. Một vị biểu thị Căn Bản Trí, chúng ta thường gọi trí ấy là Thật Trí, tức là trí huệ chân thật. Một vị biểu thị Quyền Trí, cũng gọi là Hậu Đắc Trí, tức là trí huệ chân thật được ứng dụng nơi sự tướng. Kinh Bát

Nhã thường nói: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. “*Vô tri*” là Căn Bản Trí, “*không gì chẳng biết*” là nó khởi tác dụng. Khi nó khởi tác dụng, sẽ là “*không gì chẳng biết*”; khi chẳng khởi tác dụng, sẽ là “*vô tri*”.

Nói thật ra, Định và Huệ là cùng một chuyện. Trong kinh giáo Đại, Tiểu Thừa, đức Thế Tôn thường nói: “*Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ*”, chỉ có trí huệ mới có thể hướng dẫn hạnh! Hướng dẫn Bồ Tát phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, phải cậy vào trí huệ, chứ Định chẳng được! Định là then chốt; chẳng có Định, lấy đâu ra trí huệ? Vì thế, Định và Huệ là một Thể, chúng làm Thể và Dụng lẫn cho nhau. [Nghĩa là] Định là Thể, Huệ là tác dụng; Huệ là Thể, Định là tác dụng. Dùng làm Thể và Dụng lẫn nhau! Quý vị làm thế nào thì mới có thể đạt được trí huệ? Trì Giới, bất luận là người thượng căn, trung căn, hay hạ căn, hoặc bậc thượng thượng căn! Trong Thiên Tông Trung Hoa, chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư xác thực là bậc thượng thượng căn, trong vạn vạn người khó tìm được một! Tại Trung Hoa (thầy tôi rất từ bi, khi tôi mới học đã nói với tôi), trước Huệ Năng đại sư, chẳng thấy có người như vậy, mà sau Huệ Năng đại sư, trong một ngàn ba, bốn trăm năm, cũng chẳng thấy ai. Đó là bậc thượng thượng căn. Chúng ta tôn kính, kính ngưỡng Ngài, nhưng chẳng có cách nào học tập [theo Ngài], học chẳng nổi! Chúng ta chẳng phải là căn cơ ấy!

Bậc thượng thượng căn khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác tự nhiên tương ứng với giới luật. Trong mười hai thời, xác thực là người ấy chẳng sanh một vọng niệm. Vọng niệm còn chẳng có, tà niệm càng chẳng có. Không khởi niệm thì thôi; hễ khởi niệm, sẽ là chánh niệm, tương ứng viên mãn với Tánh Đức. Đây là gì? Đây là Định Cộng Giới, Đạo Cộng Giới. Cao nhất là Đạo Cộng Giới, [nghĩa là] trong Đạo, tự nhiên viên mãn đầy đủ các giới, chẳng thể trái phạm. Bậc thượng thượng căn đắc đạo mà! Nay chúng ta chẳng đắc đạo; chẳng đắc đạo thì làm như thế nào? Tu đạo. Các Ngài đã đắc đạo, chúng ta phải tu đạo. Tu đạo khởi đầu từ nơi đâu? Khởi đầu từ giới luật!

Thưa cùng chư vị, phẩm kinh này thuộc loại giới luật, là Đại Thừa Bồ Tát Giới. Nay chúng ta cùng nhau học tập, rất hoan hỷ, có làm được hay không? Quá khó! Phải bắt đầu làm từ đâu? Thưa cùng chư vị đồng học, nhất định phải bắt đầu học từ *Đệ Tử Quy*, dần dần nâng cao thì mới có thể khế nhập cảnh giới tịnh hạnh. Do vậy, tôi khuyên lơn, khích lệ các đồng học hãy dùng thời gian một năm, bất luận pháp thế gian hay xuất thế gian đều nhấn mạnh “*chuyên*”. Đối với trẻ nhỏ học vỡ lòng, sách giáo khoa vỡ lòng là Tam Tự Kinh có câu: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đường lối giáo dục chú trọng nơi chuyên), đây là giáo học. Đạo lý giáo học chẳng có gì khác, chính là một chữ Chuyên. Chớ nên học tạp, chớ nên học nhiều! Học tạp, học nhiều, sẽ chẳng thể thành tựu! Vậy thì làm như thế nào? Thuở trẻ, chúng ta đã sơ sót, chẳng vun quén căn cội. Hiện thời, tuổi đã cao, “*mát dê mới lo sửa chuồng*” vẫn chẳng coi là trễ! Phải xem môn công khóa này giống như một pháp môn chủ tu của chúng ta trong giai đoạn hiện tiền, đây mới là đúng. Kỳ hạn một năm, trong thời gian một năm ấy, ta có thể nghe kinh, có thể niệm Phật, chẳng trở ngại; [nhưng đối với] khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hành vi trong cuộc sống, nhất định phải dùng *Đệ Tử Quy* để làm khuôn khổ cho

chính mình, nghiêm túc thực hiện. Vì vậy, thứ này chẳng phải là để nói, chẳng phải là để đọc thuộc lòng, mà phải là thực hiện từng chữ, từng câu! Quý vị thật sự có thể làm được, quý vị còn có căn cội, còn có cơ sở, giống như xây nhà, quý vị có nền tảng, học Phật trên cơ sở này.

Học Phật là học từ nơi đâu? Từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là cội gốc của Phật pháp, Đệ Tử Quy là cội gốc của Nho gia, là cội gốc của hiếu đạo. Phật pháp là sư đạo, sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo, chúng ta chớ nên không biết điều này! Chẳng có hiếu đạo, sẽ chẳng có sư đạo. Vì sao hiện thời người học Phật, tại gia lẫn xuất gia, chẳng làm được Thập Thiện? Chẳng có Thập Thiện, sẽ chẳng có Tam Quy, Ngũ Giới, những thứ ấy đều là giả. Quý vị thấy Tịnh Nghiệp Tam Phước là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất do đức Phật đã dạy đối với sự học Phật của chúng ta, quyết định chớ nên trái nghịch! Điều thứ nhất là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*, đó là điều đầu tiên. Làm được điều thứ nhất, sẽ có thể tiếp tục học tập điều thứ hai. Quý vị thấy điều thứ hai là *“thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*. Tam Quy Ngũ Giới là điều thứ hai, dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Thập Thiện Nghiệp Đạo dùng Đệ Tử Quy làm cơ sở. Đệ Tử Quy nói những gì? Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, chẳng thể không biết điều này. Khi quý vị không biết, quý vị niệm kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối nhuần nhuyễn, có thể đọc đảo ngược lại lầu lầu, vô dụng! Quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy!

Vì vậy, học Phật, học Nho, chẳng thể không coi trọng giới luật. Hễ có Giới, sẽ còn có Phật giáo; có lễ, sẽ còn có Nho. Chẳng có lễ, Nho là giả, sẽ là Nho học, chẳng phải là học Nho. Chẳng có Giới, sẽ là Phật học, chẳng phải là học Phật, khác hẳn! Hai vị Bồ Tát ấy chính là Nhất Thừa Viên Giác, còn cao hơn Đại Thừa. Đời này, chúng ta có duyên, có thể tiếp xúc Hoa Nghiêm, cũng thật sự là *“bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”* (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ)! Bài kệ Khai Kinh là do Vũ Tác Thiên đề tặng kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm phiên dịch sang tiếng Hán, phiên dịch xong, đưa cho bà ta xem. Bà liền viết bốn câu sau đây trên bìa bộ kinh: *“Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*, viết quá hay! *“Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp”* là nói về kinh Hoa Nghiêm; hai vị Bồ Tát ấy thuộc về hội Hoa Nghiêm.

“Vi hiển viên tu” (Vi hiển thị sự tu tập viên mãn), chuyện này là cao nhất, thù thắng nhất trong tu hành. *“Viên tu”* (圓修) là gì? Tu một pháp môn, mà hết thầy các pháp môn đều chẳng sót, một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Đó là *“viên tu”*. Chúng ta biết chuyện này, rất hâm mộ, rất khao khát, dần dần [sẽ đạt tới]. Nếu chúng ta thật sự có thể nương theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, nó (sự tu hành) có thứ tự, có công phu mười năm, hoặc hai mươi năm, chúng ta có thể từ Biệt đạt đến Viên, chẳng phải là làm không được. Mở đầu kinh, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay: Kinh Hoa Nghiêm có mười loại đương cơ, loại cuối cùng là phàm phu. Phàm phu [đương cơ của kinh Hoa Nghiêm] có điều kiện, điều kiện gì vậy? Họ được gọi là *“đại tâm phàm phu”*. Chúng ta hiểu theo ý nghĩa

nông cạn, dễ hiểu nhất, [đại tâm phàm phu] thì tâm lượng phải lớn! Tâm lượng nhỏ, chẳng phải là đương cơ của Hoa Nghiêm! Tâm lượng phải to lớn; đây là hiểu theo nghĩa nông cạn, dễ hiểu nhất. Theo tiêu chuẩn của Hoa Nghiêm, “*đại tâm*” là Bồ Đề tâm. Người thật sự phát Bồ Đề tâm, tuy là phàm phu, mà là bậc đương cơ của Hoa Nghiêm, người ấy có điều kiện này!

Bồ Đề tâm là gì? Chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm. Chẳng khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm, nhất định tương ứng với mười chữ ấy; người ấy chính là bậc đương cơ của Hoa Nghiêm. Nói cách khác, người ấy có tư cách học Hoa Nghiêm. Mười chữ tạo thành năm câu ấy (“*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”) hết sức trọng yếu! Để vãng sanh Tịnh Độ, cũng phải hội đủ những điều kiện ấy. Vì thế, người niệm Phật chúng ta ngàn muôn phần chớ nên sơ sót! Kinh Vô Lượng Thọ đã giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*tam bối vãng sanh*”, thượng bối, trung bối, hạ bối đều nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Nay chúng ta quên bẵng chuyện phát Bồ Đề tâm, chỉ biết “*nhất hướng chuyên niệm*”. Do vậy, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi.

Năm xưa, khi tôi theo thầy Lý học Phật, thầy thường nói: “*Một vạn người niệm Phật, thật sự vãng sanh chỉ có hai, ba người*”. Vì sao ít như vậy? Họ chẳng có Bồ Đề tâm. Có nghĩa là người ấy chẳng có “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, chẳng hề có, chỉ có “*nhất hướng chuyên niệm*”. Vì thế, chỉ là kết thiện duyên với thế giới Tây Phương, đời này chẳng thể vãng sanh. Ngày nào, người đó phát cái tâm ấy, xác thực là trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật đều là cái tâm chân thành, chẳng có mảy may hư ngụy, mà toàn là tâm thanh tịnh, chẳng có ô nhiễm, đều là tâm bình đẳng, chẳng kiêu căng ngã mạn, toàn là tâm trí huệ, chẳng mê hoặc, điên đảo, đều là từ bi tâm, chẳng tự tư tự lợi, người ấy quyết định vãng sanh. Trong giáo pháp Đại Thừa, Đại Thừa Bồ Tát đều phát Bồ Đề tâm, tức là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều trọn đủ, nhưng các Ngài chẳng có “*nhất hướng chuyên niệm*”, cho nên các Ngài cũng chẳng thể đến thế giới Cực Lạc. Vì thế, để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải biết là chẳng thể thiếu [những điều kiện ấy]. Hai mươi chữ mà tôi đã viết ấy quá trọng yếu! Nếu quý vị đều có thể làm được hai mươi chữ ấy, chắc chắn sẽ vãng sanh trong đời này, chính mình thật sự nắm chắc.

Do đó, chúng ta thấy hai vị Bồ Tát này, phải nghĩ trí huệ là quan trọng. Trong ấy, có một câu là “*trí vi đạo cố*” (dùng trí để hướng dẫn), câu này quá quan trọng. Nhất định là trí làm người dẫn đường, trí ở đằng trước để lãnh đạo quý vị. “*Lịch sự xảo nguyện*” (Nguyện hay khéo từng trải các sự). Đây là “*viên tu*”, [tu tập] trong bất luận cảnh giới nào. Trong phần sau, có một trăm bốn mươi một nguyện, [đó chính là những phương pháp để tu tập trong] thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên. Quý vị thấy Bồ Tát gặp [những cảnh ấy], Ngài chuyển biến ý niệm như thế nào, chúng ta nói là “*chuyển cảnh giới*”! Chuyển cảnh giới thì mới thật sự là chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Chẳng lìa khỏi quần chúng, chẳng lìa khỏi xã hội, hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh, khởi tâm động niệm tương ứng với trí huệ, chẳng tương ứng với

phiền não. Tương ứng với phiền não thì sai mất rồi, phiền não là gì? Thất tình, ngũ dục, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, Ngài chẳng có [những thứ ấy]. Quyết định chẳng tương ứng với mười ác nghiệp. Mười ác nghiệp là thân giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, ý thì tham, sân, si, quyết định chẳng có [những điều ấy]. Những thứ phiền não ấy đều sanh từ mê hoặc, trong trí huệ chẳng có những thứ ấy.

(Sớ) Sự cận, chỉ viễn, duy viên hạnh cố.

(疏) 事近旨遠，唯圓行故。

(Sớ: Do sự gần gũi mà tông chỉ thì xa xôi, chỉ có hạnh là viên dung).

“*Sự*” (事) là cuộc sống hằng ngày, cho nên rất gần gũi. “*Chỉ*” (旨) là tông chỉ (宗旨), ý nghĩa này quá sâu, quá rộng! Do vậy, biểu hiện của Bồ Tát là viên hạnh, niệm nào cũng viên mãn, hạnh nào cũng viên mãn. “*Viên mãn*” là hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức. Kế đó, nói rõ ràng cụ thể:

(Sớ) Văn Thù tác Bát Nhã quán Không, Trí Thủ tác âu hòa thiệp sự.

(疏) 文殊則般若觀空，智首則漚和涉事。

(Sớ: Văn Thù là Bát Nhã quán Không, Trí Thủ là hòa quyện cùng Sự).

“*Âu hòa*” (漚和) là nhu hòa (柔和), [“*âu hòa*”] có cùng ý nghĩa với chữ “*nhu hòa*” (柔和, vò thành một khối). Văn Thù Bồ Tát biểu thị Căn Bản Trí, biểu thị Thật Trí. Bát Nhã quán Không, điều này rất quan trọng. Thật sự có trí huệ chân thật, biết tất cả các hiện tượng (現相, tướng được biến hiện), vũ trụ, nhân sinh, sâm la vạn tượng là chuyện như thế nào. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Bốn câu kệ trong phần sau kinh Kim Cang càng nói minh bạch hơn: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như vậy*”. Đây là Bát Nhã quán Không. Có trí huệ như vậy, tiếp xúc những cảnh giới ấy, người ấy có khởi tâm động niệm hay không? Sẽ không! Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên là chẳng có phân biệt, đương nhiên là chẳng có chấp trước, người như vậy là ai? [Chính là] Pháp Thân Bồ Tát. Ngài không ở trong lục đạo, chẳng ở trong mười pháp giới, ở nơi đâu? Ở trong Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới ở chỗ nào? Trọn khắp pháp giới, hư không giới, không chỗ chẳng phải [là Nhất Chân pháp giới].

Chúng ta thường thảo luận những vấn đề này, tôi dùng màn hình TV làm tỷ dụ. Màn hình TV là Nhất Chân pháp giới, vĩnh hằng bất biến, trọn chẳng thể ô nhiễm. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là gì? Là hình ảnh trong TV. Bất luận xuất hiện hình ảnh như thế nào, là thiện, hay là ác, là tà, hay là chánh, chúng có nhiễm màn hình TV hay chẳng? Chẳng có! Đứng là chẳng trở ngại giả tướng tỏ lộ, giả tướng nhất định chẳng nhuốm bản chân tánh. Từ màn hình, quý vị có thể thấu hiểu: Trí huệ Văn Thù chính là “*biết chân tướng sự thật*”.

Vì lẽ đó, đối với chân tướng của sự thật, chắc chắn không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Trí Thủ Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, đáng nên dùng phương pháp gì để giúp đỡ chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy, chẳng có pháp nhất định, chẳng có một hình tướng nhất định. “*Áu hòa thiệp sự*” (Hòa quyện cùng Sự): Tuy dính lúu Sự, nhưng chẳng trở ngại chân, chân và vọng bất nhị. Nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ màn hình, bản thân cái màn hình là thật, tướng đã hiện là vọng, tức là vọng tướng! “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chân và vọng chẳng hai. Chân và vọng chẳng trở ngại lẫn nhau!

Do vậy, [có thể nói tỷ dụ], Văn Thủ Bồ Tát tượng trưng cho cái màn hình, Trí Thủ Bồ Tát tượng trưng những tướng cảnh giới biến hiện trên màn hình. Từ chỗ này, chúng ta chú tâm thấu hiểu, sẽ có thể khế nhập chút phần. Dụng tâm của Bồ Tát khi dán mình vào Sự là như thế đó. Phàm phu thì như thế nào? Phàm phu hễ dụng tâm, dính lúu đến sự, sẽ chấp tướng, ngộ huyền tướng là thật, chẳng biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, họ chẳng biết. Chẳng biết “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Trong hiện thời, có thể nói là khoa học kỹ thuật khá phát triển, một số ít các nhà khoa học tiên phong đã phát hiện, nhận thấy: Tất cả hết thấy các hiện tượng trong vũ trụ chẳng phải là thật. Phát hiện ấy rất lỗi lạc! Không chỉ là tất cả tướng đã biến hiện chẳng phải là thật, mà thời gian chẳng thật, không gian cũng chẳng thật! Vì thế, các nhà khoa học chỉ thừa nhận: “*Trong vũ trụ, chỉ thật sự có “trường”²² thật sự tồn tại. Tất cả hết thấy các tướng đã biến hiện đều là do trường biến hiện*”. Điều này rất gần gũi với những điều đã nói trong Phật pháp. Phật pháp bảo muôn vàn hình tượng do đâu mà có? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Chúng tôi nghĩ “trường” như các nhà khoa học đã nói chính là A Lại Da Thức, chứ đối với tự tánh thật sự, họ chẳng có cách nào, vẫn chưa tìm được. Thức có thể biến, tánh có thể hiện.

Tuy họ phát hiện, thử hỏi họ còn có khởi tâm động niệm hay không? Họ còn có phân biệt hay không? Còn chấp trước hay không? Có! Vẫn có. Đây là chỗ khác với Bồ Tát! Bồ Tát khế nhập cảnh giới, đúng là chẳng có chấp trước, thật sự chẳng có phân biệt. Vì thế, Ngài lại có thể tiến cao hơn, có thể kiến tánh, thật sự có thể giải quyết vấn đề. Khoa học gia phải nhờ vào công cụ, phải cạy vào máy móc. Nếu rời khỏi những máy móc và công cụ ấy, họ bó tay chịu chết! Đúng là chẳng giống người tu hành! Người tu hành chẳng cần những thứ ấy. Hiện thời, chúng ta thăm dò vũ trụ phải dùng viễn vọng kính, trong Phật môn chẳng cần! Trong Phật môn có Thiên Nhân Thông, chẳng cần dùng viễn vọng kính. Để trông thấy các vi sinh vật, chúng ta phải dùng kính hiển vi; đó là công cụ. A La Hán thấy vi trần bằng Thiên Nhân. Thiên Nhân có thể nhìn xa, mà cũng có thể nhìn gần, có thể thấy lớn, mà cũng có thể thấy nhỏ, chẳng cần sử dụng công cụ!

²² Trường (field) là một khái niệm vật lý rất phức tạp. “Trường” là một thực thể vật lý, có thể hiểu thô thiển như một khoảng không gian mà mỗi điểm trong ấy đều có giá trị riêng biệt cho không gian và thời gian. Một thí dụ thông thường được nói là “trường điện” (electric field), được coi là một khoảng không gian có điều kiện phát sanh từ hiện tượng tương tác điện. Khi một điện tử được đặt trong trường điện ấy, nó sẽ tăng vận tốc.

Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, nhà Phật thường nói đến sáu loại thần thông. Đức Phật nói rất hay: Sáu loại thần thông ấy chính là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài. Vì sao chúng ta đánh mất các năng lực vốn có ấy? Chẳng phải là thật sự mất đi, [mà là do] hiện tiền có chướng ngại, khiến cho năng lực của quý vị chẳng có cách nào phát huy, quý vị có chướng ngại mà! Chướng ngại là gì? Phiền não, tập khí, Phật pháp chia nó thành ba loại lớn: Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Ba loại phiền não ấy cộng thêm tập khí, [khiến cho] trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh thấy đều chẳng thể hiện tiền. Phật pháp dạy người ta tu hành là tu gì vậy? Đoạn phiền não mà thôi! Dùng phương pháp gì để giúp quý vị đoạn phiền não? Giới luật. Nhất định phải khởi đầu từ chỗ này! Giới luật là Tánh Đức, xử sự, đãi người, tiếp vật trong bản tánh vốn là như thế ấy. Sau khi mê mất tự tánh, hết thấy đều do phiền não làm chủ, hình trạng ấy liền bị biến đổi. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, nếu ghi chép cuộc sống, công việc, cách xử sự, đãi người, tiếp vật của các Ngài, [sẽ thấy] là như thế này: Tùy thuận Tánh Đức, tùy thuận tự nhiên. Chúng ta dùng những điều này làm trợ duyên hòng gò chính mình vào khuôn khổ, dần dần khiến cho chính mình định lại, tâm chẳng còn rong ruổi bên ngoài nữa. Đây chính là như Mạnh Tử đã nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cốt sao tìm lại cái tâm đã mất mà thôi)²³, khiến cho cái tâm được thâm hồi. Đây chính là học vấn.

Phật pháp nói “Định”, Định là gì? Định là thâm hồi cái tâm. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). Có tướng hay không? Có chứ! Có thể tiếp cận tướng hay không? Có thể, chẳng trở ngại! “*Bất thủ*” (不取) là gì? Chớ nên chấp trước nó, chớ nên phân biệt nó, chuyện gì cũng đều chẳng có! Quý vị có thể thọ dụng, chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt; người như vậy là bậc giác ngộ. Người thật sự liễu giải chân tướng sự thật, sẽ đắc đại tự tại trong muôn hình tượng cũng như trong y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, đắc đại tự tại. Vì sao phạm phu đau khổ ngàn ấy? Là vì thứ gì cũng đều phân biệt, thứ gì cũng đều chấp trước, sai mất rồi! Theo Lý, chẳng có phân biệt, chấp trước; nơi Sự, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước sanh từ vọng tưởng của quý vị, hoàn toàn là hư vọng, chẳng phải là chân thật. Quý vị có thể buông bỏ chúng, đó là đúng!

Do vậy, ngài Văn Thù dạy chúng ta quan sát, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, đã giảng Bát Nhã. Giảng Bát Nhã chính là nói về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, tốn bao nhiêu thời gian? Hai mươi hai năm. [Đức Phật giảng kinh] bốn mươi chín năm, [dành ra] hai mươi hai năm để giảng Bát Nhã, gần như chiếm một nửa thời gian giảng kinh giáo học

²³ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải trong trang nhà Trung Hoa Cổ Tích Bạch Thoại Giải Tích Hệ Lệ Hợp Tập, phần Mạnh Tử Thích Chú.

của lão nhân gia. Từ chỗ này, quý vị có thể thấu hiểu, đức Phật dạy mọi người, Bát Nhã là một môn công khóa chủ yếu của Ngài.

Đối với những gì đức Phật đã nói trong suốt một đời Ngài, nói theo kiểu phân loại tổng quát thì có Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, năm giai đoạn lớn. Nay chúng ta nói là năm đại đơn vị, năm đơn vị lớn. Hoa Nghiêm là Ngài đã thành đạo, thành tựu vào năm ba mươi tuổi. Không Tử nói “*tam thập nhi lập*”, đạo đức và học vấn của Ngài đã thành tựu. Thích Ca Mâu Ni Phật vào năm ba mươi tuổi đã thị hiện thấu hiểu triệt để chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đích thân chứng nhập. Những gì Ngài đã hiểu đều được giải bày trọn hết, nhưng chẳng có ai hiểu! Do vì Hoa Nghiêm được giảng trong Định, hiện thời, Nam Truyền Tiểu Thừa chẳng thừa nhận. Họ bảo kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát tạo ra, chẳng phải là do đức Phật nói, họ chẳng thừa nhận! Tiểu Thừa hoàn toàn dùng sự để luận sự. Quý vị nói [kinh Hoa Nghiêm] được giảng trong Định, ở trên cõi trời, họ không tin tưởng. Người Tiểu Thừa tin tưởng A Hàm. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, ở Lộc Dã Uyển, đã độ năm vị tỳ-kheo, thân nhận năm môn đệ. Hằng ngày giảng dạy, thuyết pháp cho họ. Về sau, học trò ngày càng nhiều, Thường Tùy Chúng có tới một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị. Những chuyện này đều được ghi chép trong kinh, hàng Tiểu Thừa tin tưởng sự thật ấy. Quý vị nói kinh Hoa Nghiêm được giảng trong long cung, thính chúng là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, họ chẳng thể tiếp nhận.

Những kinh ấy truyền đến Trung Hoa, người Hoa có thể tiếp nhận. Người Hoa xác thực là căn tánh Đại Thừa. Người Hoa có thể ngộ nhập, có thể nương theo lý luận và phương pháp trong kinh điển để tu hành, thật sự khế nhập cảnh giới. Khế nhập cảnh giới thì sẽ như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Vì thế, trí huệ của ngài Văn Thù hết sức trọng yếu! Do có Văn Thù trí thì mới có Trí Thủ. Ngài Trí Thủ đại diện cho chúng ta trong hiện thực, bất luận là cuộc sống, công việc, xử sự, hay đãi người, tiếp vật, chẳng có gì không viên mãn, viên hạnh mà! “*Áu hòa thiệp sự*” (Hòa quyện cùng sự): Dẫn mình vào Sự mà chẳng mê Lý. “*Thiệp sự*” (涉事) là trong cuộc sống hằng ngày, tại gia học Phật thì quý vị chẳng lìa khỏi gia đình, xuất gia học Phật thì quý vị chẳng lìa khỏi Tăng đoàn. Những điều ấy đều là Sự. Tại gia học Phật, ngoài học Phật ra, còn có những công việc khác, có những sự nghiệp khác. Xuất gia học Phật, nhất định là phải thực hiện tốt đẹp đạo đức và học vấn, sau đây mới có thể gánh vác sứ mạng giáo hóa chúng sanh.

Vì lẽ đó, Phật giáo chính là sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là tôn giáo. Phải hiểu rõ điều này! Nói theo cách hiện thời, Phật giáo chính là giáo dục xã hội, giống như Không Tử trong quá khứ vậy. Phạm vi của giáo học là đối với nguồn gốc của học trò, chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Chỉ cần quý vị đến học, chịu học, Thích Ca Mâu Ni Phật đều hết sức nhiệt tâm dạy dỗ.

(Sớ) Thiệp Sự bất mê u Lý.

(疏) 涉事不迷於理。

(Sớ: Hành nơi Sự mà chẳng mê Lý).

Giống như chúng ta xem TV, các hình ảnh trên TV là Sự. Chúng ta thường thức những hình ảnh ấy, [đó là] “*thiếp Sự*”. Chẳng mê nơi Lý là gì? Những thứ ấy rỗng không, chẳng phải là thật sự có, mà là huyền hữu, diệu hữu. Diệu Hữu là “*có mà chẳng phải là có, chẳng phải là có mà có*”, nên gọi là Diệu Hữu. Quý vị chẳng thể nói nó chẳng có, mà cũng không thể nói nó là có. Quý vị bảo nó có, sai mất rồi! “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (Bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được). Quý vị nói “*nó chẳng có*” cũng sai, hình ảnh rành rành ở ngay trước mặt mà! Biết Không và Hữu là một, chẳng phải là hai. Chẳng mê nơi Lý, Lý chính là Không.

(Sớ) Cố tuy nguyện nhi vô thủ.

(疏) 故雖願而無取。

(Sớ: Vì thế, tuy nguyện mà chẳng giữ lấy).

Bồ Tát luôn có nguyện. Quý vị thấy Tứ Hoàng Thệ Nguyện, nguyện độ chúng sanh, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Có nguyện, tuy có nguyện, nhưng “*vô thủ*” thì đúng. Nguyện là gì? Thiệp sự (hành nơi Sự). “*Vô thủ*” (無取) là gì? Quán Không. Phải biết hết thấy các pháp đều là “*vô sở đắc*” (chẳng có gì để đạt được). Bát Nhã Tâm Kinh đã nói rất hay. Đức Thế Tôn nói Bát Nhã hai mươi hai năm. Trong các kinh điển được dịch sang tiếng Hán, Bát Nhã là bộ phận lớn nhất, gồm sáu trăm quyển, tức kinh Đại Bát Nhã. Sau khi tôi xem một lượt, cuối cùng, đã rút ra một kết luận: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy các pháp chẳng sở hữu, rốt ráo là không, chẳng thể đạt được). Không chỉ pháp thế gian là như thế, mà Phật pháp cũng là như thế, đây mới là chân tướng sự thật. Quý vị tưởng là “*có đạt được*”, sai mất rồi, mê mất rồi. Quý vị chẳng biết chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật thì hết thấy đều rỗng không. “*Vậy thì ta điều gì cũng đều chẳng cần làm, nguyện cũng chẳng cần phát nữa*”! Sai mất rồi! Quý vị đã đọa lạc vào bên Không. Phàm phu đọa lạc nơi Có, ngỡ những thứ ấy là thật sự có, mong giữ lấy. Ái, Thủ, Hữu! Hàng Nhị Thừa nghe nói “*hết thấy các pháp đều Không*”, chuyện gì họ cũng đều không làm, đọa vào Không! Đọa Không và đọa Hữu đều là sai lầm. Vì thế, Bồ Tát hành Trung Đạo, hai bên Không và Hữu đều chẳng dính mắc. Do có nguyện, nên chẳng phải là Không; do chẳng giữ lấy, nên chẳng phải là Hữu, bất Không, bất Hữu!

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, quý vị thấy sau khi lão nhân gia thành tựu, chẳng nghỉ ngơi ngày nào. Nhiệt tâm dạy người khác như vậy đó. Ở đâu có người thỉnh, Ngài bèn đến đó, độ chúng ngày càng nhiều. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm người là những vị có thành tựu, giống như bảy mươi hai hiền

nhân của Khổng lão phu tử. [Đó là những vị] có thành tựu; những học trò chưa thành tựu chẳng biết là bao nhiêu! Đã thành tựu là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, những vị ấy giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, giữa trưa ăn một bữa, tối nghỉ dưới gốc cây. Cơm ăn mỗi ngày là do đi khát thực từng nhà, đến khát thực tại các thôn trang hoặc thành thị ở bốn phía chung quanh. Khát thực có quy củ, có lễ tiết, cho nên được mọi người tôn kính. Nhu cầu sống có mức độ thấp nhất, thật sự làm được “*chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời*”, một niềm từ bi. Vì thế, phải có nguyện, đã có nguyện, lại chẳng thể có Thủ. Hễ có Thủ thì sai mất rồi! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem phần Sớ Sao kế tiếp. Đối với từ ngữ “*âu hòa thiệp sự*”, Thanh Lương đại sư có chú giải. Trong phần chú giải, đã ghi:

(Sao) Âu hòa thiệp sự giả, thử vân phương tiện thiện xảo, tức Triệu công Tông Bản Luận văn.

(鈔) 漚和涉事者，此云方便善巧，即肇公宗本論文。

(Sao: “Hòa quyện cùng Sự” ở đây chính là nói về phương tiện thiện xảo, tức là như đã giảng trong phần luận văn thuộc bộ Tông Bản Luận của ngài Tăng Triệu).

Triệu công là Tăng Triệu đại sư, Ngài là một trong bốn vị đại đệ tử của đại sư Cưu Ma La Thập. Ngài nói:

(Sao) Âu hòa Bát Nhã giả, đại huệ chi xưng dã.

(鈔) 漚和般若者，大慧之稱也。

(Sao: “Hòa lẫn cùng Bát Nhã” là nói đến đại huệ).

Đây chính là đại trí huệ chân chánh. Đại trí huệ thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong khi đối trước sâm la vạn tượng, hiển thị diệu dụng của trí huệ chân thật.

(Sao) Chư pháp Thật Tướng, vị chi Bát Nhã, năng bất hình chứng, âu hòa công dã.

(鈔) 諸法實相，謂之般若，能不形證，漚和功也。

(Sao: Thật Tướng của các pháp được gọi là Bát Nhã, chẳng thể chứng bằng hình tướng, đây là công năng của sự hòa quyện vậy).

Đối với Thật Tướng của các pháp, “*chứng*” (證) là “*minh tâm kiến tánh*” như trong Tông Môn đã nói. Người minh tâm kiến tánh có [dính lú đến Sự] hay

không? Có chứ! Nếu người ấy chẳng dính líu đến Sự, chẳng muốn liên quan đến Sự, người ấy bỏ đi, rời khỏi mười pháp giới, sẽ đến Nhất Chân pháp giới. Nhưng tuyệt đại đa số Bồ Tát đã đạt tới cảnh giới này, có lìa khỏi mười pháp giới hay không? Các Ngài chẳng lìa khỏi, đó là công năng của sự hòa lẫn (“*âu hòa*”), [tức là] Ngài có thể hòa quang đồng trần. Vì sao? Trong cảnh giới, các Ngài đã là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Trụ trong Nhất Chân, hay trụ trong mười pháp giới, chẳng hai, chẳng khác, cũng là như trong Giáo Hạ đã nói: Thật sự nhập pháp môn Bất Nhị. Do vậy, đại nguyện của Ngài đã được thực hiện, tức là cái nguyện “*độ chúng sanh*” [đã được thực hiện].

Nguyện độ chúng sanh, nói theo kiểu hiện thời, sẽ là vì hết thảy chúng sanh phục vụ. “*Độ*” (度) có nghĩa là “*phục vụ, hiệp trợ, giúp đỡ*”. Giúp chúng sanh chuyện gì? Căn tánh của chúng sanh chẳng ngang nhau; do vậy, quý vị nhất định phải có trí huệ chân thật, phương tiện thiện xảo. Đối với kẻ mê Lý và Sự nặng nề, cũng có nghĩa là kẻ có tâm phân biệt, chấp trước đặc biệt nặng nề, dùng phương pháp gì để giúp đỡ họ? Dùng Lý, dùng Sự, dùng nhân, dùng quả, giúp họ đoạn ác, tu thiện, đây chính là giúp họ “*lìa khổ, được vui*”. Dạy họ! Dùng phương pháp Lý, Sự, nhân, quả để dạy họ, [khiến cho họ] chẳng đọa ác đạo, đời sau và đời đời kiếp kiếp sẽ hưởng thụ phước báo nhân thiên. Đó là đối với kẻ hạ căn. Đối với người trung căn, có trình độ khá cao, cũng phải dùng Lý, Sự, nhân, quả, dùng Lý cho nhiều, chứ đối với kẻ hạ căn, phải sử dụng nhân quả cho nhiều thì họ mới có thể tin tưởng. Tu nhân như thế nào, sẽ đạt được quả báo như thế đó. Tuyệt đối chẳng phải là dùng những thủ đoạn không chánh đáng để lừa lọc, cưỡng đoạt, [nếu làm như vậy], sẽ là sai lầm! Những gì quý vị đạt được thảy đều là sẵn có trong mạng của quý vị. Trong mạng chẳng có, sẽ chẳng thể đạt được! Trong mạng đã có, nhưng vì tư tưởng, ngôn luận, và hành vi của quý vị không tốt; cho nên phước báo trong mạng bị tước bớt, giảm trừ! Bản thân quý vị vẫn cứ rất đắc ý, “*ta dùng những thủ đoạn hay khéo này, cho nên đã đoạt được lắm thứ như thế đó!*” Thật ra, đã sai lầm mất rồi! Nếu quý vị dùng những phương cách chánh đáng, những gì quý vị đạt được còn nhiều hơn những gì đã có trong hiện thời! Nhiều hơn quá nhiều!

Con người quyết định chớ nên tạo tội nghiệp, quyết định chớ nên tổn người, lợi mình. Đó là sai lầm đặc biệt to lớn! Nếu chính mình có thể tổn mình, lợi người, phước báo mai sau sẽ không ngừng tăng cao hơn! Sau khi đã nói rõ ràng, nói minh bạch đạo lý này, thế gian sẽ chẳng có tham quan. Tham quan ô lại sẽ chẳng có, các thương nhân kinh doanh cũng giữ đúng bản phận. Vì sao? Họ thật sự có thể đạt được lợi ích. Lợi ích trong mạng của họ mỗi ngày một tăng trưởng, chẳng đến nỗi hao bớt. Bất luận nghề nghiệp nào cũng nhất định là nói đến đạo đức, nói đến luân lý, sự nghiệp ấy mới có thể lâu dài, lợi nhuận sẽ không ngừng tăng lên. Hễ ý niệm sai lầm, cứ ngỡ “*ta chẳng lừa kẻ khác, ta không hãm hại kẻ khác, sẽ chẳng thể kiếm tiền*”. Sai mất rồi, sai toàn bộ, sai lầm đặc biệt to tát! Đối với kẻ hạ căn thì nói những điều này, đối với người trung căn thì giúp họ phá mê khai ngộ, đối với kẻ thượng căn thì giúp họ chuyển phàm thành thánh. Do vậy, đối với người hạ căn, giáo dục nhân quả là thích hợp nhất. Đối với người trung căn, giáo

dục Nho gia hoặc giáo dục Tiểu Thừa trong Phật pháp sẽ rất thích đáng. Đối với bậc thượng căn, pháp Nhất Thừa, pháp Đại Thừa, pháp thượng thượng thừa sẽ hữu dụng, giúp họ thật sự thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới.

Bồ Tát đạt đến cảnh giới ấy, chẳng chứng Bát Niết Bàn, nói theo giáo pháp Đại Thừa, sẽ là “*chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn*”. Đối với chứng đắc của người như vậy (bậc thượng căn), Phật pháp có một danh từ là Vô Trụ Niết Bàn. Vị ấy thật sự trụ trong cảnh giới Bát Niết Bàn, nhưng chẳng chứng! Hai bên Niết Bàn và sanh tử đều chẳng vướng mắc; do vậy, nói là “*chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn*”. Do chẳng trụ sanh tử, nên chẳng phải là phạm phu. Do chẳng trụ Niết Bàn, chẳng phải là Như Lai. Vị ấy dùng thân phận Bồ Tát du hóa trong mười pháp giới. Chỗ nào có cảm, Ngài sẽ ứng nơi đó, chẳng có sắc tướng nhất định. Đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. Quan sát căn cơ của chúng sanh, đáng nên thuyết pháp nào, bèn thuyết pháp ấy cho họ. Đó gọi là “*phương tiện thiện xảo*”. Đó gọi là “*âu hòa Bát Nhã*”. Thật sự là đại trí huệ, đại Bát Nhã.

Tiếp đó, giải thích rất hay:

(Sao) Thích hóa chúng sanh, vị chi âu hòa.

(鈔)適化眾生，謂之漚和。

(Sao: Giáo hóa chúng sanh thích đáng thì gọi là “âu hòa”).

“*Thích*” (適) là hết sức thích hợp, chúng ta nói là “*khế cơ, khế lý*”. Do căn tánh của chúng sanh khác nhau, phương pháp giáo học của quý vị sẽ không giống nhau, nhưng quyết định là khiến cho họ đạt được lợi ích trong hiện tiền, trong tương lai đạt được lợi ích. Điều này rất trọng yếu! [Nếu] hiện tiền đạt được lợi ích, trong tương lai chẳng đạt được lợi ích, sai mất rồi! Ví như dạy quý vị rất nhiều phương pháp chẳng chánh đáng, quý vị thu được mỗi lợi to lớn, thu được của cải, đạt được địa vị, đều là do dùng những thủ đoạn không chánh đáng, hiện tiền đạt được lợi ích, sau khi đã chết, sẽ đọa địa ngục; đây chẳng phải là lợi ích! Lợi ích trong hiện tiền ngăn ngại, khổ báo đọa trong địa ngục khôn cùng! Thời gian ấy quá dài; vì thế, [tạo lợi ích] kiểu đó là sai lầm! Phật pháp dạy người ta, [có thể là] hiện tiền chẳng đạt được lợi ích, nhưng trong tương lai, sẽ được lợi ích. Đây là chánh xác. Hiện tiền đạt được lợi ích, trong tương lai cũng có lợi ích, đương nhiên là càng tốt hơn, có ai mà chẳng mong mỗi! Quyết định là chẳng thể khiến cho [chúng sanh] trong đời sau chẳng đạt được lợi ích. [Nếu đời sau chẳng đạt được lợi ích], hỏng rồi, sai mất rồi!

“*Âu hòa*” (漚和) là danh từ Bát Nhã, [hàm ý] người ấy có thể [vận dụng] phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Trong thế giới hiện thời, chúng ta nhất định phải khẳng định tánh con người vốn lành, “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), nhất định phải khẳng định điều này. Vì sao biến thành bất thiện? Bị dạy hư! Vì thế, Phật, Bồ Tát là do được dạy thành, thánh hiền cũng là do được dạy thành. Ác nhân cũng là do được dạy thành, yêu ma quỷ quái vẫn là do được dạy thành. Tùy thuộc quý vị dạy những gì? Thánh hiền dùng chánh đạo để dạy người khác, chẳng dạy tà đạo, mà là dạy người ta bằng chánh

đạo. Tương ứng với tự tánh, tương ứng với Tánh Đức, tương ứng với pháp tắc vận hành của thiên nhiên, đó là “*thánh đạo*”, là trí huệ chân thật. Tiếp đó [lời Sao] viết:

(Sao) Bất nhiễm trần lụy, Bát Nhã lực dã.

(鈔)不染塵累，般若力也。

(Sao: Chẳng nhiễm trần lụy là do sức Bát Nhã).

Câu này rất quan trọng. Chư vị phải biết: Bồ Tát ở trong thế gian, chẳng phải là thần tiên. Trong Phật môn, [những vị] được gọi là Phật hoặc Bồ Tát chẳng liên quan gì đến thần tiên! Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói chuyện này rất nhiều lần. Phật, Bồ Tát, A La Hán là những danh xưng học vị trong Phật giáo, giống như các học vị (degree) trong trường đại học hiện thời. Cao nhất là Tiên Sĩ, trong Phật pháp gọi là Phật Đà. Phật Đà là Tiến Sĩ, Bồ Tát là Thạc Sĩ, A La Hán là Học Sĩ (Cử Nhân), có những học vị ấy. Ngoài ra, bất luận là tại gia hay xuất gia đều chẳng đạt được học vị. Đạt được học vị, tiêu chuẩn của học vị là gì? Đoạn Hoặc, chứng Chân; Hoặc (惑) là mê hoặc, phiền não. Đối với ba loại đại phiền não, đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị được gọi là A La Hán. Đoạn Trần Sa phiền não, quý vị được gọi là Bồ Tát. Đoạn vô minh phiền não, quý vị được gọi là Phật Đà.

Trong Phật môn, Phật, Bồ Tát, La Hán quá u là nhiều! Phật giáo chẳng giống các tôn giáo khác. Trong tôn giáo, thần chỉ có một, chẳng thể có hai vị! Thượng Đế chỉ có một, chẳng thể có rất nhiều. Trong Phật giáo, Phật rất nhiều. Đó là danh xưng của học vị, chẳng biểu thị quyền lực. Phật chẳng có quyền lực; Ngài tượng trưng cho trí huệ, tượng trưng cho đức hạnh, [Phật là] đức hạnh và trí huệ. Vì thế, Phật giáo là giáo dục. Giáo hóa chúng sanh, đương nhiên là sẽ ở cùng một chỗ với chúng sanh, nhưng chẳng nhiễm trần lụy. Quý vị thấy đó, bọn phàm phu chúng ta ở trong thế gian này lắm nỗi phiền não, lắm thứ đèo bồng không cần thiết, [những điều ấy] thường gọi là “*vướng mắc, nghi ngại*”, thân và tâm đều có áp lực. Nhưng Bồ Tát ở trong thế gian này, chẳng có trần lụy, chẳng có áp lực. Vì sao? Các Ngài biết “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”; tuy rất nỗ lực làm việc, nhưng chẳng có phiền lụy. Vì sao? “*Làm mà không làm, không làm mà làm*”, chẳng có phiền lụy. Làm việc cũng có khi thành công, cũng có lúc thất bại. Thành công là gì? Chúng sanh có phước, chẳng kể công. Tâm thanh tịnh, tuyệt đối không nghĩ “ta đã vì chúng sanh làm bao nhiêu chuyện tốt đẹp”. Chẳng có! Chẳng có ý niệm nào! Chuyện chẳng làm thành công, chúng sanh chẳng có phước, ta chẳng có làm lỗi, chẳng nhiễm trần lụy. Đó là gì? Đấy chính là trí huệ Bát Nhã.

Chẳng có trí huệ Bát Nhã, trong công việc hằng ngày, sẽ tính toán, so đo chi ly, đã bỏ ra bao nhiêu công sức thì nhất định phải được đền bù bấy nhiêu, chẳng giống như Bồ Tát. Nói theo cách nói của phàm phu, Bồ Tát chỉ có bỏ ra, tuyệt đối chẳng có ý niệm thu về, chẳng có ý niệm ấy. Nếu là Bồ Tát thuộc địa vị cao hơn đôi chút, hằng ngày chịu khổ chịu khó làm lụng, ngay cả ý niệm siêng

khổ làm việc cũng chẳng có. Đây là “*làm mà không làm, không làm mà làm*”; vì thế, Ngài chẳng có phiền lụy, tâm khai ý giải. Mặt trời chiếu trọn khắp đại địa, mặt trời có kể công hay chẳng? Ta đối với quý vị có ân đức to lớn ngàn ấy, hằng ngày chiếu cố các vị, mỗi ngày tặng nguồn năng lượng cho quý vị. Chẳng có! Chẳng hề kể công, tự nhiên! Từ chư Phật, Bồ Tát, A La Hán trở lên, các Ngài ứng hóa trong thế gian, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, tuyệt đối chẳng có ý niệm kể công! Vì sao phải làm? Vì thực hiện bốn nguyện, lúc mới học Phật đã phát nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Hiện tại, có đức năng ấy, có năng lực ấy, có đạo đức ấy, có học thuật ấy, nếu quý vị chẳng chịu phục vụ chúng sanh, chẳng phải là quý vị đã phát nguyện ấy rỗng tuếch hay sao? Nói rồi chẳng làm, há có lẽ ấy! Vì thế, tự nhiên là phải thực hiện!

Đã chứng đắc A La Hán, chứng đắc Bồ Tát, chứng đắc quả vị Phật, có phải trì giới hay không? Phải! Nói thật ra, các Ngài giới hạnh viên mãn, [vẫn trì giới nhằm] mong nêu gương cho người khác thấy. Nếu không nêu gương tốt, dạy kẻ khác trì giới, nhưng chính mình chẳng trì giới, người ta sẽ không tin tưởng. Chính mình phải nêu gương cho người ta thấy, mọi người trông thấy chẳng bàn ra tán vào được nữa, đã tin tưởng! Vì thế, trì giới là vì người khác; đây là giáo học, thân giáo, lấy chính mình làm gương. Trước là có thân giáo, sau đó có ngôn giáo, mọi người mới tin tưởng, mới tiếp nhận. Do vậy, phải đoạn phiền não, phải học pháp môn; thật ra, có pháp môn nào các Ngài chẳng trọn đủ? Vẫn là rất nghiêm túc từ cạn đến sâu, học dần dần từ bộ kinh nhỏ đến bộ kinh lớn, chẳng có điều gì không nhằm làm cho người khác trông thấy! Trong kinh Phạm Võng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói lời thật, chúng ta mới biết lão nhân gia đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa. Lần này, Ngài đến địa cầu nhằm biểu diễn một phen. Ngài bảo lần này là lần thứ tám ngàn Ngài đến đây! Mỗi lần đến đều giống như diễn tuồng, đều là làm từ đầu, nêu gương cho kẻ khác thấy.

Trước hết, dạy chúng ta buông xuống. Tôi học Phật, ngày đầu tiên gặp mặt Chương Gia đại sư. Vị này là người xuất gia, đây là lần đầu tiên tôi gặp một người xuất gia trong đời này. Tôi bèn thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài dạy tôi sáu chữ “*khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (nhìn thấu suốt, buông xuống). Về sau, chúng tôi thâm nhập kinh tạng, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn, đúng là “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Ngài là vương tử, chẳng cần đến ngôi vua, từ bỏ, vinh hoa, phú quý, vợ con đều từ bỏ, xuất gia tu đạo, sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh. Vì sao phải làm như vậy? Làm cho chúng ta nhìn vào! Trong tâm chúng ta, niệm nào cũng đều truy cầu vinh hoa, phú quý, truy cầu địa vị, truy cầu quyền lực, truy cầu ngũ dục, lục trần, lão nhân gia biểu diễn buông xuống toàn bộ cho chúng ta thấy, khiến cho chúng ta trông thấy một chiêu ấy, sẽ nghiêm túc suy nghĩ cẩn kẽ, vì sao Ngài làm như vậy? Chính là bảo cho quý vị biết: Những gì quý vị mong cầu, vướng mắc, suy nghĩ, toàn là giả trá, chẳng thật! Con người sống trên cõi đời, điều gì quan trọng nhất? Chân thật mới là quan trọng nhất, chứ hư giả sẽ chẳng quan trọng! Trong phần trước, chúng tôi đã nói về những cái giả, chính là lợi ích trước mắt, còn Chân là gì? Lợi ích đời đời kiếp kiếp mai sau, thời gian lâu dài.

Lợi ích chân thật là nâng cao linh tánh. Nói cụ thể hơn một chút, Tam Học Giới, Định, Huệ được tăng cao. Giới là chẳng tham, Định là chẳng sân, Huệ là chẳng si. Tương phản của Giới, Định, Huệ là tham, sân, si. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, buông xuống tham, sân, si, hiện ra Giới, Định, Huệ, những thứ này quý vị có thể mang theo được! Chúng ta phải mang theo Giới, Định, Huệ, đừng nên đem theo tham, sân, si. Mang theo tham, sân, si chính là đi vào ba ác đạo, mang theo Giới, Định, Huệ chính là đại pháp nhân thiên. Nếu Giới, Định, Huệ chẳng ngừng tăng cao, quý vị sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, sẽ thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Tăng cao hơn nữa, sẽ vượt thoát mười pháp giới, quý vị gia nhập câu lạc bộ của chư Phật Như Lai. Thật đấy! Chẳng giả đâu nhé! Đạt tới cảnh giới ấy, chẳng cần nói tới Nhất Chân pháp giới, chỉ cần quý vị có thể đạt tới tứ thánh pháp giới, quả A La Hán là học vị trong Phật môn, là học vị thấp nhất mà quý vị thật sự đạt được, sẽ có năng lực đến thị hiện trong lục đạo, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. A La Hán có thể làm được [chuyện này].

Trong A La Hán, có Tiểu Thừa và Đại Thừa. Đại Thừa A La Hán là Bồ Tát, tức là Thập Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Trong phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều, nói rất rõ ràng. Địa vị Sơ Tín bằng Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa. Địa vị Thất Tín bằng Tiểu Thừa A La Hán, địa vị Bát Tín bằng Bích Chi Phật, địa vị Cửu Tín bằng Bồ Tát trong mười pháp giới. Địa vị Thập Tín là Phật trong mười pháp giới, tức là Thập Tín Bồ Tát [trong kinh Hoa Nghiêm] đấy nhé! Lên cao hơn sẽ là Sơ Trụ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy là Pháp Thân Như Lai. Trong Hoa Nghiêm, các Ngài được gọi chung là “*Pháp Thân đại sĩ*”, kinh Kim Cang gọi các Ngài là “*chư Phật Như Lai*”. Sơ Trụ trong Viên Giáo thuộc địa vị chư Phật Như Lai. Chúng ta phải hiểu rõ, phải thấu hiểu, phải thật sự hiểu rõ, thật sự hiểu minh bạch chân tướng sự thật này! Không chỉ là quý vị sẽ chẳng làm chuyện xấu, mà những ý niệm bất thiện, xấu ác đều chẳng có! Vì sao? Dấy lên một ác niệm, sẽ gây hại rất lớn đối với đức hạnh của chính mình. Hại người, người khác chẳng bị thương tổn cho mấy, chính mình bị tổn hại quá nghiêm trọng. Quý vị khởi tâm động niệm hại kẻ nào đó, người ta bị thương tổn ba phần, chính mình bị hại bảy phần. Ai mong làm chuyện ấy, chẳng có ai muốn làm!

Hiện thời, chúng ta nhìn vào xã hội hiện tiền, quý vị mới biết nền giáo dục của đức Phật quan trọng dường ấy, nền giáo dục của Khổng Mạnh quan trọng dường ấy, giáo dục nhân quả trọng yếu dường ấy! Vứt bỏ ba loại giáo dục ấy, mà mong thế giới khôi phục sự an định, khôi phục hòa bình, sẽ là như xưa kia thầy Lý thường nói: “*Chư Phật, Bồ Tát, thân tiên đều làm không được!*” Phương pháp duy nhất là nỗ lực học tập sự giáo dục của thánh hiền, học bắt đầu từ nơi đâu? Học khởi đầu từ chính bản thân ta! Quý vị chớ nên mong mỗi ai khác! Quý vị trông mong người khác thì sai mất rồi, hãy làm từ chính mình, bắt đầu học từ bản thân. Bản thân chúng ta học giống như vậy, tự nhiên sẽ ảnh hưởng những người chung quanh ta. Ta học càng giống, ảnh hưởng càng to, thời gian ảnh hưởng cũng càng dài. Hãy thật sự làm, chẳng thể làm giả vờ được! Trong kinh Phật thường nói “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Chúng ta được làm thân người,

nghe Phật pháp, cơ duyên ấy chính là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Đã được gặp gỡ, chớ nên để luống uổng đời này, nhất định là phải có thành tựu!

Thành tựu lớn hay nhỏ là do sự nỗ lực của chính mình. Thật sự nỗ lực, chẳng ngừng siêng năng tinh ròn, quý vị sẽ có thành tựu rất lớn. Giải đãi, lười nhác, tán loạn, thành tựu rất hữu hạn. Trong xã hội này, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài hết sức mạnh mẽ, to lớn; do đó, nếu chính mình chẳng thâm nhập kinh tạng, quý vị làm sao có thể bảo vệ chính mình? Quý vị làm sao có thể không bị dụ dỗ, mê hoặc, chẳng bị quấy nhiễu? Chẳng dễ dàng! Những điều này đều là công năng của sự “hòa quyện cùng Bát Nhã”, chẳng nhiệm trần lụy. Thật sự là sức mạnh của Bát Nhã. Bát Nhã nhất định là do Định mà có, Định nhất định là do Giới mà có. Vì thế, chúng ta phải mong có trí huệ như vậy, hòng có thể chẳng bị bên ngoài quấy nhiễu. Công phu sâu hơn, chúng ta còn có thể cảm hóa người khác, còn có thể thay đổi phong tục, có thể biến đổi hoàn cảnh, đều phải cậy vào chính mình thật tu, thật sự làm!

Sau đây, [lời Sao] viết:

(Sao) Nhiên tắc Bát Nhã chi môn quán Không, âu hòa chi môn thiệp Hữu. Thiệp Hữu, vị thì mê hư, cố thường xử Hữu nhi bất nhiễm. Bất yếm Hữu nhi quán Không, cố quán Không nhi bất chứng. Thị vi nhất niệm chi lực, Quyền Huệ cụ hỹ.

(鈔)然則般若之門觀空，漚和之門涉有，涉有未始迷虛，故常處有而不染，不厭有而觀空，故觀空而不證，是為一念之力，權慧具矣。

(Sao: Vậy thì môn Bát Nhã là quán Không, môn “hòa quyện” dính lứu Hữu. Dính lứu Hữu mà chẳng mê nơi Hư, cho nên thường ở trong Hữu mà chẳng nhiễm. Chẳng chán Hữu mà quán Không, vì thế, quán Không mà chẳng chứng. Đây là sức của nhất niệm, Quyền Huệ trọn đủ).

Mấy câu này rất quan trọng. Bát Nhã là triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Quán Không là chân tướng. “Không” chẳng dễ hiểu cho lắm! Vì sao? “Không” chẳng phải là Vô (không có gì); lũ bình phàm chúng ta hễ nói đến Không, bèn nghĩ Không là Vô. Thứ gì cũng chẳng có, bèn gọi là Không; đấy là sai lầm. Phật pháp nói Không thì nó là có, giống như nay chúng ta nhìn vào màn hình TV, trong ấy có sắc tướng hiện ra, nhưng quý vị chẳng nắm bắt sắc tướng ấy được! Vì thế, bản thể của nó chính là Không. Kinh Bát Nhã đã tổng kết: “Vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc” (Chẳng sở hữu gì, rốt ráo là không, chẳng thể được). Đối với kẻ sơ học như chúng ta, tốt nhất là học chín chữ này từ TV! Đối trước TV, quý vị thường dùng ba câu ấy để nhắc nhở, “hết thấy các pháp chẳng có sở hữu, rốt ráo là không, chẳng thể được!” Xem hằng ngày, hằng ngày luôn nhắc nhở, tôi nghĩ dăm ba năm, quý vị sẽ hoát nhiên đại ngộ. Sau khi đã ngộ, thâm la vạn tượng trước mắt chúng ta chẳng khác [những hình ảnh] trong TV.

Do vậy, trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia đã nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lực thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành bày sáu nẻo, giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Mộng là gì? Mê. Khi đã mê thì dường như là thật sự có. Sau khi giác ngộ, nó là huyền hữu, nó là Diệu Hữu, chẳng phải là thật sự có! Hữu chẳng trở ngại Không, Không chẳng ngăn ngại Hữu. Hữu là Không, Không là Hữu. Tâm Kinh nói: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc*”. Sắc và Không là một, không hai. Quý vị thật sự hiểu rõ điều này, Không và Hữu vô ngại. Vì thế, Bát Nhã quán Không. “*Áu hòa chi môn thiệp Hữu. Thiệp Hữu, vị thí mê Hu*” (Môn hòa quyện dính dáng với Hữu. Dính dáng với Hữu, chẳng mê nơi Hu), “*hu*” (虛) là gì? “*Hu*” là hư vọng. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Dính líu đến Hữu mà chẳng mê, biết nó là hư vọng. Biết nó là hư vọng, quý vị đối với hết thấy Hữu, hết thấy các hiện tượng, sẽ chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, đương nhiên là càng chẳng thể chiếm hữu nó! Nếu quý vị mong đạt được nó, chiếm hữu nó, [tức là] quý vị chẳng biết bản thể của nó là Không, trọn chẳng thể được!

Từ Bồ Tát, A La Hán trở lên, sẽ có năng lực ấy, lăn lộn trong Hữu mà chẳng mê, biết Thật Tướng của các pháp là chuyện như thế nào! Hòa quang đồng trần cùng hết thấy chúng sanh; khi tôi giảng kinh, thường nói: “*Quyết định chẳng dấy lên một ý niệm, chẳng thể có ý niệm chiếm hữu*”. Bọn phàm phu chúng ta khởi tâm động niệm luôn mong chiếm lấy làm của mình, điều ấy sai mất rồi! Thân của chính mình cũng là hư vọng, cũng là chẳng thể được. Vì lẽ đó, chẳng dấy lên ý niệm ấy, sẽ chẳng chiếm hữu, chẳng mê mất tự tánh, biết là do “tâm hiện, thức biến”, quyết định chẳng có ý niệm không chế. Chúng ta có không chế, có chiếm hữu, sai mất rồi! Đó là phàm phu, đối với chân tướng sự thật, chẳng biết một chút gì! Qua lại cùng hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, thấy đều chẳng có ý niệm chiếm hữu, phải hiểu điều này! Chẳng có ý niệm không chế, đây là chính mình đang thật sự tu hành. Thật sự đang học điều gì? Buông xuống. Thấy người khác làm sai, bèn khuyên nhủ, dùng phương tiện thiện xảo để khuyên dụ họ cải tà quy chánh. Thấy họ làm đúng, bèn dùng phương tiện thiện xảo để khích lệ họ. Bất luận là khích lệ hay khuyên dụ, đều chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ là hoàn toàn đúng. Chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian. Đấy gọi là thật sự học, là học xứ của Bồ Tát!

Trong cuộc sống hằng ngày, đối với sự, đối với người, đối với vật, phải biết dùng khởi tâm động niệm làm cảnh giới hòng rèn luyện chính mình. Một trăm bốn mươi một nguyện ở đây nhằm dạy chúng ta: Trong cảnh giới, trong hoàn cảnh nhân sự, trong hoàn cảnh vật chất, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, rèn luyện như thế nào, mài sạch tập khí phiền não của chính mình, trí huệ sẽ hiện tiền, sẽ giống như Bồ Tát đã nói trong kinh: Phương tiện thiện xảo, dính líu Sự mà chẳng nhiễm trần lụy, dính líu Hữu mà chẳng mê Không. “*Hu*” là Không, chẳng mê!

“*Thường xử Hữu nhi bất nhiễm, vô yém Hữu nhi quán Không, cố quán Không nhi bất chứng*” (Thường ở trong Hữu mà chẳng nhiễm, chẳng chán Hữu

mà quán Không. Vì thế, quán Không mà chẳng chứng). Nếu quán Không mà mong chứng, sẽ xuất hiện phiền phức, sẽ biến thành Tiểu Thừa. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói là “đọa vô vi khanh” (đọa trong hãm vô vi). Hàng Tiểu Thừa công phu chẳng đến nơi đến chốn, dính líu Hữu sẽ khó lắm! Nhất là chúng sanh trong Diêm Phù Đề, ương ngạnh, khó hóa độ. Quý vị đối với họ bằng một niềm chân thành, một niềm từ bi, họ ngược ngạo đối xử quý vị bằng ác ý, quý vị có thể chịu đựng hay không? Chịu không nổi! Thôi đi, hạng người đó chẳng có lương tâm, chẳng biết tốt xấu, quên đi, mặc kệ họ. Đây là [quan niệm] của Tiểu Thừa.

Người Đại Thừa chẳng có quan niệm như vậy. Người Đại Thừa không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, bất luận quý vị dùng thái độ gì đối xử với tôi, hủy báng cũng thế, lăng nhục cũng thế, hãm hại cũng thế, [tôi luôn] như như bất động. Thấy quý vị có khổ nạn, vẫn giúp đỡ quý vị. Quý vị có thể tiếp nhận, bèn giúp đỡ hiển nhiên, giúp đỡ quý vị công khai. Quý vị chẳng thể tiếp nhận, bèn ngấm ngấm góp sức, âm thầm chăm sóc quý vị, âm thầm chúc phước cho quý vị. Tinh thần ấy chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Thế gian chẳng có kẻ ác, hết thấy chúng sanh bản tánh vốn lành! Sở dĩ có kẻ làm ác là vì đã mê mất tự tánh; người giác ngộ chớ nên trách móc họ. Hễ trách họ, quý vị đã sai mất rồi. Có sao quý vị lại dấy lên phân biệt, chấp trước? Người giác ngộ chỉ có phương tiện thiện xảo giúp họ quay đầu. Đời này, họ chẳng tiếp nhận, [là do] duyên không đủ. Chúng ta chớ nên đoạn duyên với họ, niệm niệm luôn giúp đỡ họ. Chúng ta tụng kinh, tu trì, tu tập tích lũy các công đức đều hồi hướng, chúc phước cho họ. Đây là mối quan hệ vĩnh viễn chẳng dứt. Đời này mê hoặc, đời sau có thể giác ngộ, quay đầu. Đời sau chẳng giác ngộ, đời sau nữa sẽ giác ngộ, được rồi! Bồ Tát có lòng kiên nhẫn. Dầu cho vô lượng kiếp sau mới quay đầu, đều bằng lòng chờ đợi. Tinh thần ấy, nói theo pháp thế gian sẽ là “chẳng thể nghĩ bàn”.

Ở đây, Thanh Lương đại sư bảo:

(Sao) Cố quán Không nhi bất chứng, thị vi nhất niệm chi lực, Quyền Huệ cụ hỷ. Nhất niệm chi lực Quyền Huệ cụ hỷ, hảo tư, lịch nhiên khả giải.

(鈔)故觀空而不證，是為一念之力，權慧具矣，一念之力權慧具矣，好思，歷然可解。

(Sao: Vì thế, quán Không mà chẳng chứng, đó là do sức của nhất niệm, Quyền Huệ đầy đủ vậy. Do sức của nhất niệm mà Quyền Huệ đầy đủ, suy nghĩ kỹ càng, sẽ thấy rành rành dễ hiểu).

“Hảo tư” (好思) nghĩa là quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng, rành mạch, rõ ràng, [sẽ thấy những điều đã nói] trọn chẳng khó hiểu. Do vậy, niệm lực chẳng thể nghĩ bàn, nhất là trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”, niệm lực chẳng thể nghĩ bàn! Thiện niệm thì Phong Thủy chẳng tốt đều biến thành tốt. Ác niệm thì Phong Thủy tốt liền biến thành xấu. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng mà! Tâm tưởng có sức mạnh to lớn ngàn ấy. Vì

sao chúng ta chẳng nghĩ thiện? Vì sao cứ nghĩ ác? Từ nay về sau, nhất định phải hạ quyết tâm, niệm niệm đều tương ứng với thiện, chẳng để cho may may bất thiện xen tạp. Đây là đệ tử Phật thật sự. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 1472

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh, thứ mười một. Đoạn lớn thứ hai:

(Sớ) Trần sở vấn trung, hữu nhị thập vân hà, tổng thập nhất đoạn, đoạn các thập cú, thành nhất bách nhất thập chủng đức.

(疏) 陳所問中，有二十云何，總十一段，段各十句，成一百一十種德。

(Sớ: Trong phần nêu bày những câu hỏi, có hai mươi điều “như thế nào”? Tổng cộng là mười một đoạn, mỗi đoạn có mười câu, hợp thành một trăm mười thứ đức).

Tiếp đó, Thanh Lương đại sư đã giới thiệu đơn giản về cương mục ấy.

(Sớ) Đệ nhất đoạn, minh tam nghiệp ly quá thành đức.

(疏) 第一段，明三業離過成德。

(Sớ: Đoạn thứ nhất, chỉ ra ba nghiệp là lỗi sẽ trở thành đức).

Điều này hết sức trọng yếu. “Tam nghiệp” là thân, ngữ, ý. Trong thế gian này, thân, ngữ, ý của phàm phu đều là lầm lỗi. Trong thời đại hiện tại, có thể nói là sai lầm nghiêm trọng!

Học Phật, chúng ta đều tin sâu nhân quả. Tuy chẳng phải là như trong Tịnh Nghiệp Tam Phước đã nói, [“tin sâu nhân quả” trong ấy] nhằm nói với hàng Bồ Tát. “Tin sâu nhân quả” đối với các Ngài, sẽ đặc biệt là “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. Nói theo lẽ người bình phàm chúng ta, [“tin sâu nhân quả” có nghĩa là] thiện tâm, thiện hạnh, quyết định đắc thiện quả. Quả báo có khi là ở trong đời này, có khi thuộc về đời kế, hoặc đời sau nữa, quyết định chẳng hư dối, thật đấy! Vì thế, trước hết, chúng ta phải tin tưởng nhân quả ba đời, phải tin con người có đời trước, có đời sau. Trong xã hội hiện tại, chúng ta thường nghe người ngoại quốc nói tới nhân quyền. Có người đến hỏi tôi, thậm chí trong hội nghị quốc tế, có người hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Thầy đối với vấn đề nhân quyền có cách nhìn như thế nào?” Mọi người đều hết sức coi trọng vấn đề này. Con người có quyền gì vậy? Nếu nói con người thật sự có quyền, tôi hy vọng năm nào cũng là năm mười tám tuổi, có làm được hay không? Chẳng làm được! Quý vị mỗi năm một già nua hơn. Từ sáu mươi hoặc bảy mươi tuổi trở đi, mỗi năm một kém hơn, lấy đâu ra nhân quyền?

Có người hỏi, đời người rốt cuộc có ý nghĩa gì? Sống trên thế giới này, rốt cuộc có giá trị gì? Khá nhiều mệnh đề trong triết học thảo luận chuyện này! Nói theo Phật pháp, thảo luận những vấn đề ấy đều chẳng phù hợp khít khao với thực tế, chúng đều thuộc loại Bất Tương Ứng Hành Pháp. Đức Phật đã dạy về thực tế rất tuyệt. Đức Phật bảo con người sanh vào thế gian để làm gì? Vì sao sanh vào

đây? Đức Phật dạy: “*Nhân sanh thù nghiệp*” (Đời người nhằm đền trả nghiệp). Quý vị thấy một câu nói gồm bốn chữ ấy đã giải đáp rành mạch, rõ ràng: Đền trả nghiệp báo trong đời quá khứ của quý vị! Trong đời quá khứ, quý vị tu thiện tích đức, đời này mới được làm thân người hưởng phước. Trong quá khứ đã tu tập có phước báo [nên mới được như vậy]. Nếu trong đời quá khứ chẳng tu phước, sẽ phải chịu quả báo bần tiện. Vì thế, cùng được làm thân người, [mà có] giàu, nghèo, sang, hèn, yếu, thọ, thọ đều chẳng giống nhau. Trong Phật pháp, đã nói rất rõ ràng, cùng được làm thân người như nhau, tức là dẫn nghiệp tương đồng, [nghiệp ấy] dẫn dắt chúng ta đến thọ sanh trong loài người, nghiệp ấy (dẫn nghiệp) giống như nhau, nhưng mẫn nghiệp khác nhau. Mẫn nghiệp là nghiệp thiện hay ác, tức là trong đời quá khứ đã tạo nghiệp thiện hay ác khác nhau!

Hiểu rõ chân tướng sự thật này, tự nhiên sẽ hiểu rõ ý nghĩa của đời người là gì! Điều quan trọng nhất trong đời người là tăng cao đức hạnh của chính mình, nâng cao trí huệ của chính mình, từng bước tiến cao hơn trong mười pháp giới. Có ý nghĩa ấy! Đó là “có giá trị”. Quyết định chớ nên ở trong thế gian này tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng, tranh giành vinh hoa, phú quý. Thừa cùng chư vị, sẽ tranh chẳng được. Trong mạng có, quyết định sẽ có. Trong mạng chẳng có, dùng phương pháp gì để tranh lấy, cũng đều chẳng giành giật được! Do vậy, nói rõ ràng, nói minh bạch chuyện này, vẫn là Phật pháp!

Đoạn kinh văn này, nói đến chỗ rốt cùng, đức Phật dạy chúng ta “*tam nghiệp ly quá*” (ba nghiệp lìa lỗi). Quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói. Các đồng học trong Tịnh Tông chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ nhiều nhất. Khá nhiều đồng học dùng kinh ấy làm kinh nhật tụng, tốt lắm! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*” (Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác), xếp chuyện này làm điều thứ nhất. Quý vị hãy ngẫm xem: Do ý nghĩa gì vậy? Thông thường, trong kinh luận, hễ nói tới ba nghiệp, đều là [nói theo thứ tự] thân, khẩu, ý. Kinh Vô Lượng Thọ xếp khẩu nghiệp làm đầu, thứ hai là nói tới thân, thứ ba là nói tới ý. Đây là chỉ rõ: Phạm phu dễ tạo nghiệp nhất là khẩu nghiệp, hữu ý hay vô tình! Phê phán, hủy báng người khác, bịa đặt đồn thổi, những tội nghiệp ấy rất nặng! Chẳng biết tự mình phản tỉnh, chuyên môn làm khó dễ người khác! Vì thế, đức Phật xếp điều này làm điều đầu tiên. Ngài dạy chúng ta “*thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*”. Người khác có lỗi lầm, chớ nên nói! Thấy người khác phạm lỗi lầm, quý vị thấy ngay cả Đệ Tử Quy cũng dạy chúng ta như vậy, lập tức phải phản tỉnh xem ta có phạm lỗi ấy hay không? “*Hữu tắc cải chi, vô tắc gia miễn*” (Hễ có bèn sửa đổi, không có bèn càng cố gắng hơn). Hễ có, ngay lập tức sửa đổi; chẳng có thì phải cố vũ chính mình, chớ nên phạm lỗi lầm ấy!

Đặc biệt là trong phẩm kinh này, tức phẩm Tịnh Hạnh, làm thế nào để trong cảnh giới thuận hay nghịch, trong duyên thiện hay ác, ba nghiệp lìa lỗi để trở thành đức? Ở đây, Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta. Chúng ta phải thật sự mong học, thật sự mong thành tựu, học bắt đầu từ chỗ nào? Tôi đã nói rất nhiều, nhất định phải học từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy có ba trăm sáu mươi câu, mỗi câu gồm ba chữ, tổng cộng là một ngàn lẻ tám mươi chữ. Phải thực hiện từng câu, từng

chữ, thật sự làm được. Xác thực là mô tả giống hệt cuộc sống, ngôn hạnh, hành vi, khởi tâm động niệm của chúng ta, ghi chép lại đúng như vậy. Người ấy đã trọn đủ cơ sở để “*thành đức*”. Đại thánh đại hiện thể gian và xuất thể gian đều lấy những điều này làm cơ sở, kiến lập Thập Thiện Nghiệp từ cơ sở này. Chư vị nhất định phải biết: Nói theo Phật pháp, Thập Thiện Nghiệp là pháp nhân thiên, Thượng Phẩm Thập Thiện sanh lên trời, sanh vào Dục Giới Thiên. Trung Phẩm Thập Thiện được làm thân người. Hạ Phẩm Thập Thiện là A-tu-la, la-sát, có phước báo. Phước báo do đâu mà có? Do tu từ đời quá khứ, chúng ta chớ nên không biết điều này!

Chẳng có Đệ Tử Quy, Thập Thiện sẽ chẳng làm được. Chẳng có Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới sẽ làm không được. Chẳng có Tam Quy, Ngũ Giới, các đồng học tại gia sẽ chẳng hành Bồ Tát Giới được. Nói tới giới luật, chính là nói tới đức hạnh. Cho nên chúng ta phải thật sự làm, làm bắt đầu bằng Đệ Tử Quy, nỗ lực dùng một năm hoặc nửa năm để thực hiện. Đã có cơ sở Đệ Tử Quy, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, sẽ có phần trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, thật sự có thể sanh về đó được. Nếu chúng ta ngay cả Đệ Tử Quy cũng làm không được, dẫu niệm Phật hiệu nhiều đến mấy, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, hai mươi vạn tiếng, sẽ như cổ nhân đã nói: “*Gào toạc cổ họng vẫn uổng công*”, chẳng thể vãng sanh! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Đức Thế Tôn giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy ba kinh Tịnh Độ nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chữ “*thiện*” ấy trọn đủ Thập Thiện. Đương nhiên là Thượng Phẩm Thập Thiện, chẳng phải là Trung Phẩm, vì Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là “*chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ*” (các vị thượng thiện nhân họp lại cùng một chỗ). Thượng Thiện: Dùng Đệ Tử Quy làm cơ sở để tu Thập Thiện Nghiệp thì là Thượng Thiện. Chẳng có Thập Thiện Nghiệp Đạo, chỉ có Đệ Tử Quy, trong Phật pháp có thể nói là Trung Phẩm Thiện, hoặc Trung Hạ Thiện, chẳng phải là Thượng Thiện. Nó (Đệ Tử Quy) kết hợp cùng Thập Thiện Nghiệp, sẽ biến thành Thượng Thiện. Quý vị nghĩ xem: Chuyện này quan trọng lắm, chúng ta nhất định phải làm từ chỗ này!

Hiện thời là thời kỳ Mạt Pháp, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”. Chúng ta học Phật thì học ở nơi đâu? Ở đâu là đạo tràng Phật thật sự? Thừa cùng chư vị, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đã sớm trao môn phương tiện cho chúng ta. Chỉ cần chúng ta thành tâm thành ý đoạn ác tu thiện, chỗ nào cũng đều là đạo tràng. Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Ví như Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến Bồ Tát Giới, chính mình có thể đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát để phát thệ thọ giới, sẽ có thể đạt được, nhưng đối với giới xuất gia thì không được! Giới xuất gia nhất định phải là tam sư thất chứng, tối thiểu phải có năm vị tỳ-kheo, hoặc ba vị tỳ-kheo, hoặc hai vị tỳ-kheo chứng minh. Viên mãn là mười vị pháp sư truyền giới. Tam sư thất chứng, tôn chứng A Xà Lê. Nhưng có tìm được mười vị pháp sư hay chăng? Đã chẳng tìm được từ lâu rồi! Lời này do chính Ngẫu Ích đại sư đã nói vào đời Minh. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Sau triều đại Nam Tống, Trung Hoa chẳng có tỳ-kheo nữa!*” Người

xuất gia thọ giới xuất gia là hình thức, có hình dáng tỳ-kheo, chẳng có thực chất của tỳ-kheo! Vì sao? Chẳng hành trì giới luật!

Ngẫu Ích đại sư cũng là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Quý vị xem bản chú giải Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngài. Nói thật thà, một đời này, quyển sách tôi thích đọc nhất là chính là cuốn Yếu Giải của lão nhân gia, đúng là viết hay quá, quá viên mãn! Trong quá khứ, tôi ở Mỹ, đã có người từng hỏi tôi. Người ấy nói: “Thưa pháp sư! Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều ngàn ấy, nếu chỉ cho thầy học một bộ kinh, thầy sẽ chọn bộ nào?” Tôi chẳng có may mắn dẫn đo, [đáp]: “Tôi chọn Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư”. Tôi thích bộ kinh ấy, tôi cũng rất ưa thích giảng bộ kinh ấy. Trong một đời, giảng kinh nhiều ngàn ấy, đều là vì người khác khải thỉnh, yêu cầu, chẳng phải là do ý mình. Nếu do ý mình, suốt một đời, tôi sẽ giảng Di Đà Kinh Yếu Giải. [Tác phẩm ấy] hay đến mức độ nào? Ấn Quang đại sư tán thán, quý vị thấy trong Văn Sao, Ngài không chỉ nói một lần. Tổ Ấn Quang nói: “*Dẫu cổ Phật tái lai viết chú giải cho kinh Di Đà, vẫn chẳng thể hay hơn được*”. Lời ấy tán thán đến cùng cực! Phật đến viết chú giải cho kinh Di Đà, đều chẳng có cách nào viết hay hơn tổ Ngẫu Ích được! Chúng ta hãy nghĩ xem: Rất nhiều người biết tổ Ấn Quang là Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát hóa thân tái lai. Lời ấy thốt từ miệng của Đại Thế Chí Bồ Tát. Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào? Nếu Ngài chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, khẳng định sẽ là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, sẽ chẳng viết được, chẳng thể viết hay như thế được! Chúng ta chớ nên không biết.

Do vậy, học Giáo, tu hành quý ở chỗ thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Nhưng trong thời kỳ Mạt Pháp, thật ra, người có thể hiểu Yếu Giải cũng chẳng nhiều lắm. Thuận tiện nhất vẫn là kinh Vô Lượng Thọ do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, dễ hiểu! Lại còn giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới rất tường tận. Bản kinh ấy là sách hướng dẫn về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là sách thuyết minh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải biết tôn trọng, phải nên nghiêm túc học tập. Bắt đầu làm từ chỗ nào? Nhất định phải thực hiện từ “*tam nghiệp lý quá thành đức*”.

Bước ban đầu, phương tiện sơ khởi là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, đó là tại gia cư sĩ; sau đây mới thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, niệm Phật thật sự sanh về Tịnh Độ. Nếu là người xuất gia, còn phải thêm một bộ Sa Di Luật Nghi, mười giới, hai mươi bốn môn oai nghi. Ngẫu Ích đại sư nêu gương cho chúng ta thấy. Ngài xuất gia, thọ giới tỳ-kheo, thọ giới Bồ Tát. Sau khi đã thọ bèn thoái lui giới tỳ-kheo. Vì sao? Giới tỳ-kheo chẳng làm được. Hơn nữa, khi truyền pháp của giới tỳ-kheo, chẳng có năm vị tỳ-kheo thật sự! Lão nhân gia bảo, ở Trung Hoa từ sau đời Nam Tống trở đi, chẳng có tỳ-kheo thật sự, toàn là danh tự tỳ-kheo, hữu danh vô thật! Vì thế, lão nhân gia thoái lui tỳ-kheo giới, suốt đời tự xưng là Bồ Tát Giới sa-di, danh xứng với thật, đúng thật, chẳng giả.

Một người đại tu hành như vậy, một người tu hành thật sự có thành tựu như vậy, đã thị hiện như thế đó. Học trò của Ngài (học trò của Ngẫu Ích đại sư) là Thành Thời, chúng ta thường nói là “*đồ đệ*”. Pháp sư Thành Thời cũng rất lỗi

lạc. Sau khi Ngẫu Ích đại sư viên tịch, đối với trước tác trong suốt một đời của lão nhân gia, pháp sư Thành Thời đã thay Ngài chỉnh lý, thay Ngài khắc ván lưu thông. Công lao ấy rất lớn! Do sư phụ đã xưng là Bồ Tát Giới sa-di, chính pháp sư cũng không dám xưng là sa-di. Ta thấy trong văn chương của Ngài, cuối bài Ngài ghi là “*Bồ Tát Giới xuất gia ưu-bà-tắc*”, tức là cư sĩ xuất gia. Ưu-bà-tắc là tại gia cư sĩ, Ngài thêm vào hai chữ “xuất gia”, thành “xuất gia ưu-bà-tắc”. Ngài là người đầu tiên dùng chữ “*Bồ Tát Giới xuất gia ưu-bà-tắc*”, quý vị thấy cổ nhân [làm như vậy đó].

Vào những năm đầu thời Dân Quốc, cũng có vị đại đức dùng kiểu xưng hô ấy, chính là Hoàng Nhất đại sư. Chư vị đều biết: Hoàng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật, lão nhân gia cũng tự xưng Bồ Tát Giới xuất gia ưu-bà-tắc. Điều là thị hiện cho người đời sau thấy, khiến cho người đời sau biết hổ thẹn. Nhưng trên hình thức, có cần phải thọ giới hay không? Phải thọ! Chẳng thọ, sẽ có những kẻ hiềm nghi, hủy báng, họ tạo tội nghiệp. Vì chẳng để cho họ tạo khẩu nghiệp, chúng ta cũng thọ. Tuy thọ, nhưng chính mình nhất định phải hiểu rõ ràng, giống như Ngẫu Ích đại sư đã nói, quyết định chẳng thể đắc giới. Đây là sự thật trong hiện tiền, tôi nói cho các đồng học biết như vậy.

Ngoài ra, muôn thật sự thọ trì giới luật, lúc tôi mới học Phật, [khi ấy tôi] hai mươi sáu tuổi, Chương Gia đại sư dạy tôi, Ngũ Giới, Thập Giới, Bồ Tát Giới, đều có thể đối trước tượng Phật, tự mình phát nguyện thọ trì. Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Anh phải thật sự hành! Chẳng cần thọ toàn bộ, điều nào anh có thể làm được, anh bèn thọ điều ấy. Có thể hành được hai điều, anh bèn thọ hai điều. Mọi người chẳng thừa nhận, nhưng Phật, Bồ Tát thừa nhận, thần hộ pháp thừa nhận*”. Chương Gia đại sư dạy tôi điều ấy. Lần đầu tiên, tôi nghe một câu nói như thế này: “*Phật giáo trọng thực chất, không coi trọng hình thức*”, Chương Gia đại sư nói [như thế đó]. Sau này, ở Tân Gia Ba, tôi gặp tổng thống Nạp Đan²⁴, chúng tôi dùng cơm với nhau. Ông ta bảo tôi, ông ta theo Ấn Độ giáo, nguyên quán cũng là người Ấn Độ. Ông bảo: “*Tôi phục Phật giáo nhất. Phật giáo trọng thực chất, không coi trọng hình thức*”. Tôi nghe câu ấy mà rón da gà, ông ta là nội hành (tu tập ngấm ngấm bên trong), chẳng phải là ngoại hành, thật sự thấu hiểu, nghiêm nhiên nói cùng một câu với Chương Gia đại sư!

Do vậy, chúng ta phải hiểu học Phật thì phải thật sự hành, coi trọng thực chất, không coi trọng hình thức. Bản thân ta thọ giới, cũng chẳng cần phải bảo cho người khác biết. Đối với Ngũ Giới, có thể làm được mấy điều, bèn thọ mấy điều. Chính mình đối trước Phật, Bồ Tát tuyên thệ, quyết định chẳng vi phạm! Người xuất gia cũng giống như vậy, Sa Di Luật Nghi là cơ sở, có thể đối trước Phật, Bồ Tát, tự mình thọ. Giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni thì không được, nhất định là phải có tam sư thất chứng truyền trao. Bồ Tát Giới thì có thể, có thể đối trước Phật, Bồ Tát, tự mình tuyên thệ thực hiện. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới

²⁴ Ông này có tên đầy đủ là Sellapan Rama Nathan, thuộc sắc dân Tamil, sinh năm 1924, sinh trưởng tại Tân Gia Ba. Ông là Tổng Thống thứ sáu Tân Gia Ba, nhiệm kỳ 1999-2011, kế nhiệm tổng thống Ong Teng Cheong (Vương Đỉnh Xương). Ông Nathan cũng là người đầu tiên làm tổng thống hai nhiệm kỳ của Tân Gia Ba.

khinh trong kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới vốn dành cho người xuất gia thọ trì. Các đồng học tại gia thọ Bồ Tát Giới quá nửa là chọn hành theo kinh Anh Lạc. Anh Lạc Bồ Tát Giới gồm sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh. Bởi lẽ, giới điều ít hơn, gần như ít hơn một nửa, gồm sáu điều trọng giới và hai mươi tám điều khinh giới. Chúng ta đọc giới bản ấy, điều nào có thể thọ thì chúng ta đối trước Phật, Bồ Tát tuyên thệ để thọ. Làm không được, chớ nên miễn cưỡng. Làm không được, cứ miễn cưỡng thọ, quý vị thường phạm giới, phá giới, điều ấy không tốt! Đó là tội càng thêm tội! Phải hiểu điều này. Bất luận quý vị là tại gia hay xuất gia, giới luật cơ sở nhất chính là Đệ Tử Quy. Chẳng thể không vun bồi kỹ lưỡng cơ sở này!

Do vậy, nói đến chuyện “*lìa lỗi thành đức*”, trong đức có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, không gì chẳng trọn đủ. Những thứ ấy vốn sẵn có trong tự tánh, chúng sanh và Phật chẳng hai! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lỗi, làm lỗi! Tam nghiệp lìa lỗi, trí huệ và đức năng trong tự tánh của chúng ta hiện tiền. Vì thế, hai mươi điều vấn đáp là tổng vấn (câu hỏi tổng quát), bao gồm mười câu. Chúng ta có thể xem trong phần kinh văn tiếp theo.

Đoạn thứ hai:

(Sớ) Đắc kham truyền pháp khí.

(疏)得堪傳法器。

(Sớ: Đáng kham làm pháp khí truyền thừa).

Chuyện này chẳng dễ dàng! Đây là nói về chuyện gì? Truyền nhân của Phật! Phật pháp đời đời truyền thừa, quý vị phải hội đủ điều kiện để có thể tiếp nhận, truyền thừa. Phải có đủ những điều kiện nào? Đương nhiên là nhất định phải trọn đủ “*tam nghiệp ly quá*” trong đoạn thứ nhất. Để truyền thừa, trừ điều này ra, điều quan trọng nhất là trí huệ! Trí huệ đã khai. Trí huệ chẳng khai, sẽ chẳng thể truyền pháp. Chúng ta thấy một thí dụ rất hay trong Thiên Tông: Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn ở Hoàng Mai nhiều năm, gặp Huệ Năng bèn đem y bát truyền cho Huệ Năng. Thần Tú theo Tổ nhiều năm, là đệ tử thượng thủ trong các đệ tử của Tổ, thường thay Tổ giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Y bát của Ngũ Tổ chẳng truyền cho Ngài, mà truyền cho Huệ Năng, do nguyên nhân nào? [Thần Tú] chẳng khai ngộ, chẳng kiến tánh. Vì thế, tiêu chuẩn đáng kham làm pháp khí truyền thừa chính là minh tâm kiến tánh; đó là Thiên Tông. Giáo Hạ thì đại khai viên giải, người ấy mới có năng lực tiếp nhận và truyền thừa đại pháp. Về sau, Lục Tổ chỉ truyền pháp, không truyền y bát. Pháp là gì? Dùng tâm ấn tâm, chứng minh cho quý vị, chứng minh quý vị thật sự khai ngộ!

Trong thế giới hiện thời, còn có hạng người ấy hay không? Chúng tôi chẳng dám nói. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã từng bàn với tôi về vấn đề này. Cụ nói trong xã hội hiện tiền, so trong thời kỳ Mạt Pháp dài một vạn năm, đã một ngàn năm trôi qua. Hiện thời bắt đầu một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Theo

ghi chép của người Hoa, [kể từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi ba năm. Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Một ngàn năm thứ nhất của thời Mạt Pháp đã qua, nay là năm thứ ba mươi ba trong một ngàn năm thứ hai. Cự Hoàng bảo tôi: “Bất luận là Hiền Giáo hay Mạt Giáo, đều chẳng có người khai ngộ. Đắc Định thì còn có thể có, chứ khai ngộ chẳng có!” Đối với chuyện đắc Định, phải biết: Có Thiên Định thế gian và Thiên Định xuất thế gian khác nhau. Thiên Định thế gian tu thành công sẽ đến nơi đâu? Đến Sắc Giới Thiên. [Đắc] Tứ Thiên Bát Định, sanh vào Sắc Giới hoặc Vô Sắc Giới, chẳng thoát khỏi lục đạo. Để thoát khỏi lục đạo, phải tu Thiên Định xuất thế gian, chỉ sợ là hiện tiền cũng chẳng có. Phải hiểu loại thường thức ấy.

Có rất nhiều người không biết, thấy kẻ khác nhập Định, nhập Định suốt mười ngày hoặc nửa tháng, hoặc một tháng, hai tháng. Người ấy ngồi đó, như như bất động, mà cũng chẳng ăn, chẳng uống. Chờ đến khi người ấy xuất Định, cho biết: “Cảm thấy dường như chỉ có mấy phút”. Trên thực tế, đã là mười ngày, nửa tháng, người ấy cảm thấy chỉ là mấy phút. Đó là nhập vào một thời gian và không gian khác, chiều thời gian và không gian khác nhau! Tưởng là người ấy đã đắc đạo. Chẳng phải vậy, cách biệt đắc đạo và chứng quả còn xa lắm! Vì thế, nếu quý vị chẳng thông hiểu giáo lý trong Phật pháp, sẽ tạo thành hiểu lầm hết sức dễ dàng. Có những kẻ do tu thành công, có những người là bẩm sinh, hiện thời, nói là “*công năng đặc dị*”. Trong Phật pháp thì gọi là “*thần thông*”. Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ thông, cao hơn chút nữa là Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông. Người có năng lực ấy có phải là đã chứng quả hay không? Cũng chưa chắc! Quý vị không hiểu Phật pháp, sẽ chẳng có cách nào phân biệt. Thấy những người thần kỳ ấy, tưởng họ là Phật sống tái lai. Sai mất rồi!

Phật pháp, chư Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có thần thông, [nhưng đều] không dùng. Vì sao chẳng dùng thần thông để truyền pháp? Vì đối với thần thông, yêu ma quỷ quái đều có thần thông. Trừ Lưu Tận Thông ra, [những món thần thông khác], bọn chúng đều có. [Sử dụng thần thông] giống như nhau, chánh pháp và tà pháp chẳng có cách nào phân biệt. Vì thế, đức Phật dùng giảng kinh để dạy học, yêu ma quỷ quái chẳng thể làm như vậy. Biến hiện pháp thuật, biến hiện ma thuật thì chúng nó có thể làm, chứ giảng kinh, thuyết pháp, bọn chúng chẳng thể. Vì lẽ này, đức Phật dùng phương pháp ấy (thuyết pháp) để giáo hóa chúng sanh, chẳng dùng thần thông. Ngẫu nhiên dùng thần thông để hỗ trợ thì được, chẳng thể dùng nó làm phương thức chủ yếu để giáo học, chẳng thể được! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này!

Căn bản nhất của việc truyền pháp là gì? Phải nên biết điều này, cơ sở [căn bản] nhất là trọn đủ Tam Học Giới, Định, Huệ, trì Giới, tu Định, phát Bồ Đề tâm. Trong Tịnh Tông chúng ta, thật sự “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, đây là “*đắc kham truyền pháp khí*”, hạng người ấy quyết định vãng sanh trong một đời này. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần nghĩ phẩm vị cao hay thấp, không cần! Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta thị hiện, chúng ta phải ghi nhớ giáo huấn của lão nhân gia. Ngài thường nói: “*Nếu tôi chỉ có thể hạ hạ*

phẩm vãng sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, tôi đã rất thỏa mãn”. Ngẫu Ích đại sư thị hiện [như vậy đó]. Câu nói ấy rất có ý nghĩa. Có cần phải tranh giành phẩm vị hay không? Chẳng cần! Tự nhiên tăng tấn. Trong Phật pháp, chớ nên có ý niệm cạnh tranh. Nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị thầy đều buông xuống. Phật pháp là pháp bình đẳng, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng. Tuy nó xác thực có ba bậc chín phẩm, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm thật sự có, giống như thế giới Hoa Tạng xác thực là có bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, nhưng như thế nào? Bình đẳng! Vì sao bình đẳng? Vì họ chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, chẳng thể nói những phẩm vị ấy là có, mà cũng chẳng thể nói chúng chẳng có. Quý vị phải liễu giải chân tướng sự thật. Đây là đoạn thứ hai. Đoạn thứ ba là nói:

(Sớ) Thành tựu chúng huệ.

(疏)成就眾慧。

(Sớ: Thành tựu các trí huệ).

Điều này rất trọng yếu. “*Chúng huệ*” là vô lượng trí huệ. Chúng ta vừa thấy câu này liền hiểu: Thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, cũng là “*phương tiện thiện xảo*” như giáo pháp Đại Thừa thường nói. Căn Bản Trí là một, như nhau. Hậu Đắc Trí vô lượng vô biên. Giống như một cội đại thụ, Căn Bản Trí là cội rễ của nó, Hậu Đắc Trí là gì? Là cành, lá, hoa, quả của nó, vô lượng vô biên. Căn Bản Trí do từ Thiên Định mà đắc. Định sanh ra Huệ. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Hậu Đắc Trí là Căn Bản Trí trong các thứ cơ duyên sai khác bèn khởi tác dụng, phương tiện thiện xảo. Vì thế, trí huệ mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Bất cứ vấn đề phức tạp nào, hễ gặp Bát Nhã đều giải khai, chẳng có gì không giải khai được. Cuối Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát có Phương Tiện, Nguyệt, Lục và Trí, bốn thứ ấy hợp thành phương tiện thiện xảo, là Quyền Trí, là Hậu Đắc Trí. Câu thứ tư:

(Sớ) Cụ đạo nhân duyên.

(疏)具道因緣。

(Sớ: Trọn đủ nhân duyên tu đạo).

“*Cụ*” (具) là trọn đủ, “*đạo*” (道) là tu đạo. Trọn đủ nhân duyên tu đạo, điều này hết sức trọng yếu! Quý vị thấy trong kinh Di Đà, đức Phật đã dạy: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Đối với thiện căn, tôi đã giảng kinh như thế nhiều năm, tôi nói khá rõ ràng, dễ hiểu. Thiện căn là gì? Có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn. Đã tiếp xúc, ta tin tưởng, chẳng hoài nghi. Đọc kinh, nghe kinh, ta có thể lý giải. Đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là có thể hành, có thể chứng. Ta có thể đem những điều ta tin, ta hiểu, áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, sử dụng trong công việc, dùng trong xử sự, đãi người, tiếp vật, phước đức đây! Nhân duyên thì quá nửa là nói

tới tăng thượng duyên và thân nhân duyên thầy đều có. Trong nhân duyên, quan trọng nhất là thầy. Thầy có thể gặp, chứ chẳng thể cầu. Thứ hai là đồng học, thứ ba là đạo tràng. Nếu duyên thù thắng, há có lẽ nào chẳng thành công? Khá nhiều người thật sự trọn đủ thiện căn và có phước đức, nhưng nhân duyên không trọn đủ, thường thoái chuyển, công phu tu học bị gián đoạn nửa chừng, hoặc là đổi sang học theo tôn giáo khác. Chúng ta cũng thường thấy, thường tiếp xúc chuyện này. Nay đã hết thời gian rồi! Chúng tôi giảng tới chỗ này!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta lại tiếp tục xem phần Sớ của Thanh Lương đại sư, tức đoạn thứ năm trong mười một đoạn [của phần Thích Văn].

(Sớ) Ngũ, u pháp thiện xảo.

(疏)五、於法善巧。

(Sớ: Năm, thiện xảo đối với pháp).

Thiện xảo là đại dụng của trí huệ. “Thiện” (善) là chẳng có làm lỗi, “xảo” (巧) là rất hay khéo, thành tựu viên mãn. Pháp bao quát quá rộng. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, thường nói là “nghịch thuận giai phương tiện” (nghịch hay thuận đều là phương tiện). Đối với thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, trong ấy chỉ cần có trí huệ Bát Nhã, sẽ đều có thể đạt tới thiện xảo tột bậc. Đến phần sau chúng ta sẽ thấy. Thứ sáu...

(Sớ) Tu Niết Bàn nhân.

(疏)修涅槃因。

(Sớ: Tu cái nhân Niết Bàn).

Đây là chính mình tu hành đạt tới chỗ tột đỉnh, đây là nói về tự tánh. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, có rất nhiều cách dịch, chúng ta chớ nên không biết. Cách dịch thường thấy nhất là Diệt. Trong Tứ Đế “Khổ, Tập, Diệt, Đạo”, Diệt chính là Niết Bàn. Cái nhân của Niết Bàn là tu cái nhân bất sanh bất diệt. Nói theo nguyên tắc, nguyên lý tổng quát, chính là “buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”; đây là cái nhân của Niết Bàn. Chuyện này nói thì dễ, thực hiện đúng là rất khó! Bởi lẽ, Niết Bàn có Đại, Tiểu, [tức là] Tiểu Thừa Niết Bàn và Đại Thừa Niết Bàn khác nhau. Tiểu Thừa Niết Bàn chỉ đoạn Kiến Tư, tức là đoạn Kiến Tư phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi Kiến Tư là chấp trước, [đoạn Kiến Tư là] đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. Vì sao không chấp trước? Người ấy có trí huệ, thật sự hiểu rõ “vạn pháp đều Không, phạm những gì có tướng đều là hư vọng”, cho nên không chấp trước. Chấp trước là sai lầm, kinh Bát Nhã đã nói: “Hết thầy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”.

Các nhà khoa học hiện thời đã phát hiện vật chất do đâu mà có? Từ trong Không sanh ra Có, sát-na chẳng ngừng. Mấy năm trước, các nhà khoa học đã phát hiện điều này. Phát hiện này rất tương ứng với những điều đức Phật đã dạy trong kinh Bát Nhã. Trong kinh, đức Phật chẳng dùng danh từ “*vật chất*”, mà dùng gì? Dùng chữ Sắc. Sắc là vật chất. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc và Không chẳng hai. Đây chính là như khoa học nói về Không, Hữu, Không và Hữu chẳng hai, Hữu là từ trong Vô mà sanh Hữu. Vật chất là từ trong Vô mà sanh Hữu, thời gian tồn tại của nó quá ngắn, diệt mất trong sát-na, diệt rồi, nó lại sanh khởi. Vì thế, những tướng mà chúng ta thấy là tướng liên tục, giống như nay chúng ta đang nhìn vào màn hình TV. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ hiểu sắc tướng trong màn hình là chuyện như thế nào, chính là vô số điểm hợp thành tia, các tia hợp thành hình ảnh. Tốc độ quá nhanh, hiện ra những hình ảnh ấy, chúng ta bị chúng nó mê hoặc, tưởng chúng nó là thật, chẳng biết căn bản là chúng nó chẳng tồn tại. Bốn câu ấy của Tâm Kinh đặt thành một cặp câu đối trước TV sẽ là hay nhất, không có gì hay hơn được nữa! “*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Đây chính là chân tướng của màn hình TV.

Các tướng trong màn hình TV là như thế; sau đây, quý vị mới quay lại suy nghĩ: Sấm la vạn tượng trong hiện tiền có bao giờ lại chẳng phải là như thế? Nếu ai thật sự khế nhập cảnh giới này, sẽ còn có gì chẳng buông xuống được! Buông xuống chính là cái nhân của Niết Bàn. Tánh tịnh Niết Bàn, Niết Bàn chẳng phải từ bên ngoài mà có, vốn sẵn là như vậy. Hết thấy các pháp bất sanh bất diệt, sanh diệt là duyên, chẳng phải là tánh, Pháp Tánh bất sanh bất diệt. Do vậy, duyên sanh, duyên diệt, duyên có sanh diệt. Tánh chẳng có sanh diệt. Sanh diệt và bất sanh diệt là một, không hai, đây mới là thật sự khế nhập cảnh giới Niết Bàn. Quý vị coi sanh diệt và chẳng sanh diệt như hai chuyện; đó là phàm phu. Lục đạo phàm phu đều có kiến giải này, đều có cách nhìn ấy, sai mất rồi, đã thấy sai rồi!

Đoạn thứ bảy:

(Sớ) Mãn Bồ Tát hạnh.

(疏) 滿菩薩行。

(Sớ: Viên mãn hạnh Bồ Tát).

Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh. Bồ Tát Hạnh vô lượng vô biên, quy nạp lại sẽ không ngoài sáu loại lớn ấy. Đó là chân tướng sự thật, chẳng thể không nói rõ ràng, chẳng thể không nói minh bạch! Bồ Tát hạnh là thật sự rốt ráo, trí huệ và phước đức đều viên mãn, nhưng phàm phu chẳng biết, phàm phu đang mê, “*khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là tội*”, kinh Địa Tạng đã dạy như thế. Nhưng người hiện thời chẳng đọc kinh Phật, chẳng biết tới chân tướng của vũ trụ và nhân sinh do những bậc đại thánh đại hiền, chư Phật, Bồ Tát đã nói, họ không biết. Hoàn toàn tùy thuận phiền não và tập khí của chính mình làm chủ, há có lẽ nào chẳng tạo tội nghiệp? Người thế gian dùng gì để làm tâm? Tham, sân, si, mạn. Tâm tham (tham mà chẳng chán), sân khuê, ghen ty, ngu si, ngạo mạn. Giáo pháp

Đại Thừa gọi những điều này là căn bản phiền não. Phiền não do đâu mà có? Do mê mất tự tánh. Trong tự tánh vốn trọn đủ viên mãn Giới, Định, Huệ. Mê mất tự tánh, biến Giới thành tham (xan tham), biến Định thành tán loạn, biến Huệ thành ngu si, biến khiêm đức thành ngạo mạn. Vì lẽ đó, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Phiền não chính là Bồ Đề”*, Thể của phiền não và Bồ Đề là một. Mê thì gọi là phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi; đã giác bèn gọi là trí huệ, đức hạnh, Giới, Định, Huệ Tam Học.

Giáo pháp Đại Thừa đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta phải tin, phải giải, phải hành, phải chứng. *“Chứng”* có nghĩa là gì? *“Chứng”* là như trước kia Phương tiên sinh đã nói: *“Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, quý vị thật sự đạt được. Ví như người trong thế gian tham tài, bất luận là Trung Hoa hay ngoại quốc, cô nhân hay người hiện thời, có ai chẳng tham tài? Nhưng chúng ta có tự hỏi chính mình hay chẳng? Của cải có thể tham được hay không? Nếu có thể tham được, do ai nấy đều có tâm tham, ai nấy đều phát tài cả rồi! Vì sao có người phát tài, có kẻ bần cùng? Có thể thấy: Của cải chẳng do tham mà có. Dùng cái tâm tham, chắc chắn chẳng đạt được của cải! Những gì quý vị tham được vẫn y như cũ là những thứ vốn có trong mạng. Người Hoa nói phải tin vào vận mạng: *“Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là tiền định”*. Kinh Cổ Lan (Q’uran) của đạo Y Tư Lan (Islam) cũng nói *“sáu niềm tin”*, trong ấy có một điều là *“tin vào tiền định”*. Chân Chúa (Allāh) sẽ dựa theo tiền định của mỗi người mà an bài cho quý vị hưởng phước hay thọ tội. Nói kiêu ấy hay lắm, nói rõ: Trong đời mỗi người, hưởng phước cũng thế, mà chịu tội cũng thế, đều do Allāh an bài. Chẳng phải do Allāh yêu hay ghét quý vị, mà là thuận theo định nghiệp trong đời trước của quý vị. Lời này nói hay lắm!

Người Hoa nói tới vận mạng, trong mạng của quý vị có của cải, có thông minh, trí huệ, chức vị hay không? Làm quan thì trong mạng của quý vị có quan ấn hay không, đều hết sức có lý! Đời trước chẳng tu, đời này mong đạt được quyền lực, quan chức, của cải, há có lẽ ấy? Đạt được là do đã tu! Cách tu như thế nào? Trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát Hạnh, điều thứ nhất là bố thí, tu bố thí. Bỏ ra của cải [để bố thí], quý vị sẽ đạt được của cải. Do vậy, người trong vận mạng có tài sản sung túc, đó chính là quả báo đạt được do kiếp trước tu tài bố thí. Trong mạng có của cải to lớn, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, tài nguyên cuộn cuộn đưa tới. Trong khá nhiều kinh luận, đức Phật đã thường dạy, quý vị có thể tin tưởng hay không? Quý vị có chịu bỏ ra của cải để bố thí hay không? Người ta thường nói: Kiếm được tiền rất khó khăn, chẳng muốn thí xả. Hoặc là nghe trong Phật pháp có nói: *“Bỏ một, được báo cả vạn”*, hay quá! Ta liền bỏ ra một đồng, coi thử có phải là ngày mai sẽ có một vạn đồng đưa lại hay không? Ôm lòng hoài nghi, lòng cầu may, lòng lươn lẹo chụp giựt, sẽ chẳng đạt được phước báo đâu nhé! Không chỉ là chẳng có công đức, mà phước đức cũng chẳng có. Nhất định là phải dùng cái tâm chân thành, phúc hậu! Ta bỏ ra tiền của, chẳng cầu quả báo, mới đạt được nhiều. Bỏ tiền của với hy vọng sẽ thu được bao nhiêu quả báo, những gì quý vị có được là những gì vốn có trong mạng, luôn luôn là hữu hạn,

chẳng phải là vô hạn. Chẳng có mong cầu, sẽ là vô hạn; có mong cầu, bèn hữu hạn. Do vậy, phải tin tưởng.

Do pháp bố thí, đạt được thông minh, trí huệ. Do vô úy bố thí, được khỏe mạnh, sống lâu. Trong vô úy bố thí, đơn giản nhất, thuận tiện nhất là ăn chay. Ta đã hiểu đạo lý này, từ nay trở đi, chẳng ăn thịt chúng sanh nữa, oán kết đối với chúng sanh mới có thể hóa giải. Ăn thịt, sẽ vĩnh viễn kết [oán thù], chẳng thể hóa giải được! Phải biết những nỗi oán kết với chúng sanh sẽ là oan oan tương báo chẳng xong, chẳng hết. Chuyện này phiền toái lắm! Thật đấy, chẳng giả tí nào! Chỉ có người thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, sẽ sửa đổi từ nội tâm của chính mình, đem công đức do chính mình đã tu tập tích lũy trong một đời niệm niệm hồi hướng cho oán thân trái chủ trong đời trước và hiện tiền thì mới có thể hóa giải tiêu trừ được. Đại khái là có thể hóa giải, bảy, tám phần mười, còn có một ít chấp trước hết sức kiên cố, khó lắm, chẳng dễ dàng! Nhưng chính mình phải hiểu: Đời đời kiếp kiếp tu hành, đời đời kiếp kiếp chẳng kết oán cùng chúng sanh, cũng phải mất một thời gian mới có thể hóa giải vấn đề này, chẳng phải là trong một đời này mà có thể hóa giải hết được. Chuyện ấy chẳng làm được đâu nhé!

Do vậy, Bồ Tát tu hành đã đạt tới địa vị cao, vẫn có ma chướng. Nói theo kinh này, chỉ có một địa vị chẳng có ma chướng là Diệu Giác. Diệu là quả, chẳng phải là địa vị tu hành, người ấy (người đã chứng địa vị ấy) chẳng có chướng ngại. Nói cách khác, từ Đẳng Giác trở xuống (Đẳng Giác là địa vị bốn mươi một [của hàng Pháp Thân đại sĩ]) thấy đều có chướng. Nay chúng ta đang ở trong địa vị phàm phu, nói theo giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm, ngay cả địa vị Sơ Tín chúng ta còn chưa đạt được. Chúng ta học từ chỗ nào? Nhất định phải ghi nhớ, Nhẫn Nhục Ba La Mật. Chuyện gì cũng đều phải nhường nhịn, phải học chịu thua thiệt, chẳng sợ bị lừa thì mới có thể đào thải hết sạch những phiền não tập khí ấy, mới có thể thành tựu đức hạnh của chính mình.

Điều khó có nhất trong đời này là chúng ta gặp pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này được gọi là “*Phật pháp đương sanh thành tựu*”. Chúng ta cũng chớ nên khinh dễ, sai sót; “*đương sanh thành tựu*” là thành công ngay trong một đời này! Công phu Lục Ba La Mật không cần quá sâu, tức là có được một, hai phần. Chúng ta chia Ba La Mật thành một trăm phần, đối với một trăm phần, chúng ta chỉ có một, hai phần trăm là được rồi! Đừng nói là một, hai phần [chẳng đáng kể], nó khởi tác dụng sẽ có thể giúp quý vị vãng sanh Tịnh Độ, phải thật sự hành. Điều nào trong Lục Độ cũng đều trọng yếu. Tài, pháp, vô úy trong bố thí đều thật sự làm, chẳng còn tạo ác nghiệp nữa. Trong Trì Giới, chúng ta nói tới giới điều cơ bản nhất, nay chúng ta không chọn dùng Tiểu Thừa, mà dùng Đệ Tử Quy của Nho gia để làm cơ sở. Hãy nghiêm túc thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Thập Thiện Nghiệp.

Giáo huấn trọng yếu nhất trong Thập Thiện Nghiệp chính là đức Phật dạy chúng ta “*thường niệm thiện pháp*”, tâm thiện; “*tư duy thiện pháp*”, tư tưởng thiện; “*quan sát thiện pháp*” là hành vi thiện, ba nghiệp đều chẳng bắt thiện! Sau đó, còn có một câu hết sức trọng yếu: “*Chẳng để may may bắt thiện xen tạp*”. Thượng Phẩm Thập Thiện mà niệm Phật, há có lẽ nào chẳng vãng sanh! Do vậy,

Trì Giới chẳng cần nói nhiều. Quý vị có Đệ Tử Quy, có Thập Thiện, có Tam Quy, Ngũ Giới là được rồi, đảm bảo quý vị được vãng sanh. Điều thứ ba là Nhẫn Nhục, hết sức quan trọng. Nếu quý vị chẳng thể nhẫn, những điều trước đó đều bị phá hoại. Chính là như kinh Kim Cang đã nói: “*Hết thấy các pháp do Nhẫn mà thành*”. Người ta thành tựu là do nhẫn nại; quý vị chẳng nhẫn, sẽ bị phá hoại, sẽ chẳng thể thành tựu. Có thể nhẫn thì mới có tinh tấn, mới có Thiên Định, mới có trí huệ. Do vậy, Nhẫn là then chốt, nhất định phải coi trọng. Nói thông thường, cương lĩnh của Bồ Tát hạnh là Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm, phải dưỡng! Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả chính là Tứ Vô Lượng Tâm. Thứ tám:

(Sớ) Đắc Thập Lực trí.

(疏)得十力智。

(Sớ: Đắc trí Thập Lực).

Đây là đoạn thứ tám, “*đắc Thập Lực trí*”. Thập Lực trí thì có Thập Lực nơi quả địa Như Lai, mà cũng có Bồ Tát tu hành Thập Lực nơi nhân vị (địa vị tu nhân). Thập Lực nơi quả địa Như Lai, trong phần trước, chúng tôi đã nói vài lần rồi, đương nhiên là hề gặp [điều này] trong kinh văn, vẫn phải giảng. Vì sao? Chẳng làm được! Thậm chí đã đọc trong phần trước rồi, đọc xong, quên tuốt! Đó là chỗ khác biệt giữa giáo viên trong Phật pháp và giáo viên trong thế gian. Đức Phật hết sức từ bi, chẳng ngại phiền phức, cứ nói lặp đi lặp lại với chúng ta. Thầy giáo trong thế gian chẳng từ bi như Phật! Quý vị thấy Nho gia thường nói: “*Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản*” (Nêu lên một góc mà chẳng suy ra ba góc còn lại), chẳng muốn dạy quý vị, quý vị đàn quá! Nhưng đức Phật chẳng vậy, đức Phật có thể chẳng ngại phiền phức mà nói với quý vị vô số lần, đúng là từ bi đến tột cùng! Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai; vì thế, gọi là “*dại từ đại bi*”.

Đối với Thập Lực của Phật, chúng tôi nói đơn giản một chút.

Thứ nhất là “*thị xứ phi xứ trí lực*”. Năng lực này có nghĩa là nói rõ nhân quả báo ứng. Quý vị hành thiện, nhất định đắc thiện quả. Quý vị tạo ác, nhất định mắc ác báo. Đó gọi là Thị Xứ (是處), nhân quả tương ứng! Nói một kẻ làm lành mắc ác báo, tạo ác mà đắc thiện báo, đó là Phi Xứ (非處), [nghĩa là] chẳng có chuyện ấy! Nhưng rõ ràng là thấy có [những trường hợp như vậy] trong thế gian. Kẻ ấy là người ác, [thế mà] phước báo rất lớn; một kẻ khác là thiện nhân, nghèo khổ, rất đáng thương, áo cơm đều thiếu thốn. Đó là do nguyên nhân nào? Người lành chẳng có hảo báo! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Kẻ ác làm ác, nhưng đời trước kẻ đó đã tu phước rất lớn; do tạo tác ác nghiệp, đã chiết giảm phước báo. Sau khi đã chiết giảm, kẻ ấy vẫn còn có dư phước. Ví như trong mạng kẻ ấy có tài sản đến một ức, do không điều ác nào chẳng làm, đã tổn giảm gì? Đã tổn giảm chín ngàn vạn, kẻ ấy hãy còn có của cải một ngàn vạn. Người thế gian chúng ta thấy kẻ làm ác vẫn đang hưởng thụ. Đúng thế, đúng là kẻ đó [đang hưởng thụ], nhưng quý vị phải hiểu: Tài sản của kẻ đó đã bị chiết giảm chín phần mười mà chính kẻ đó chẳng biết!

Nếu kẻ ấy chẳng làm ác, sẽ tuyệt lắm, kẻ đó sẽ hưởng của cải bao nhiêu đời chẳng hết. Đời đời kiếp kiếp bao nhiêu đời chẳng hưởng hết. Đáng tiếc là kẻ ấy chẳng hiểu đạo lý, không điều ác nào chẳng làm, cho nên thiện nhân tích lũy trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ đều bị tiêu hao sạch trong đời này! Hưởng hết phước báo, đại nạn xảy tới, đời sau là tam đồ, địa ngục. Nếu quý vị có thể thấy nhân quả ba đời, sẽ gặt đầu, chẳng sai! Quý vị chớ nên chỉ nhìn một đời hiện tại này, quý vị phải nhìn vào quá khứ, phải nhìn vào đời vị lai. Người tốt suốt đời làm lành, vẫn bị bần cùng, cuộc sống hết sức khó khăn là do đời trước chẳng tu. Đời này tuy rất nỗ lực tu tập, kẻ ấy mới miễn cưỡng được no ấm. Nếu kẻ ấy chẳng tu, sẽ còn khổ hơn hiện thời! Phải hiểu đạo lý này. Tuyệt đối chẳng phải là “làm lành mắc ác báo, tạo ác được thiện báo”, chẳng có đạo lý ấy! Nhất định phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch.

Thứ hai là “*ngiệp trí lực*”. Hết thấy các nghiệp do chúng sanh đã tạo trong đời đời kiếp kiếp, đức Phật đều biết. Vì thế, đức Phật thuyết pháp khế cơ. Trong mỗi điều của Thập Lực đều có chữ Trí, quý vị mới hiểu căn nguyên của lực là do đâu mà có? Trí huệ. Do có trí huệ, quý vị mới có năng lực ấy. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng có năng lực ấy.

Điều thứ ba là “*định trí lực*”, điều thứ tư là “*căn trí lực*”, điều thứ năm là “*dục trí lực*”. Dục vọng: Hết thấy chúng sanh đều có dục vọng, chẳng có gì đức Phật không biết! Điều thứ sáu là “*giới trí lực*”, giới phân (界分, ranh giới).

Điều thứ bảy là “*chí xứ trí lực*”, “*chí xứ*” (至處) là gì? Hết thấy chúng sanh trong đời sau sẽ đến thọ báo ở nơi đâu, họ đến chỗ nào, [đức Phật đều biết] rõ ràng, rành rẽ. Tuy chúng ta chẳng đạt đến năng lực nơi quả địa của Phật, Bồ Tát như vậy, nhưng đọc kinh Phật nhiều, cũng sẽ biết rất rõ chính mình trong tương lai sẽ đi về đâu! Ngẫm lại chính mình trong một đời này, khởi tâm động niệm là thiện hay ác? Ngôn ngữ, tạo tác là thiện hay ác? Đại khái sẽ biết. Thiện mà nếu chẳng thoát khỏi lực đạo luân hồi, quyết định sẽ là phước báo nhân thiên. Thương phẩm thiện sanh thiên, trung phẩm thiện sanh trong nhân gian, hưởng phú quý. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác bất thiện, niệm nào cũng đều nghĩ tổn người lợi mình, quả báo đương nhiên là ở trong tam ác đạo. Tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, lời nói và việc làm bất thiện, thường ôm lòng tổn người lợi mình, đối với hết thấy người, sự, vật, có ý niệm không chừa và chiếm hữu, đây là bất thiện. Những ý niệm ấy chiết giảm phước báo của chính mình, mê mất trí huệ của chính mình, đi vào tam đồ, chớ nên không biết điều này!

Thứ tám là túc mạng, “*túc mạng trí lực*”. Túc mạng (宿命) là biết đời quá khứ của hết thấy chúng sanh. Đời đời kiếp kiếp quý vị ở trong đường nào, có hình dạng như thế nào, tên là gì, quý vị đã làm những chuyện gì trong một đời, [đức Phật] đều hiểu hết. Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát thuyết pháp khế cơ chẳng phải là không có đạo lý. Các Ngài hiểu biết quý vị quá rõ, chẳng phải là nhìn vào đời này của quý vị, mà là đời đời kiếp kiếp.

Thứ chín là “*Thiên Nhân trí lực*”, quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài đều trông thấy, chính mắt thấy.

Cuối cùng là “*Lậu Tận trí lực*”, Lậu (漏) là phiền não. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng tôi đã nói: Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy đều đoạn sạch. Đây chính là mười thứ trí lực nơi quả địa Như Lai.

Nơi nhân địa, Bồ Tát cũng tu Thập Lực, điều này càng quan trọng. Vì sao? Đối với quả địa Như Lai, chúng ta chỉ đành nghe. Khi nào, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, quý vị mới có thể chứng đắc. Do Bồ Tát còn đang thuộc địa vị tu nhân, chúng ta còn có chỗ để thực hiện. Vì thế, Thập Lực của Bồ Tát hết sức đáng cho chúng ta tham khảo.

1) Điều thứ nhất trong Thập Lực [của hàng Bồ Tát] là “*phát Nhất Thiết Trí tâm kiên cố lực*”, phải phát tâm, phát [tâm nguyện] cầu Nhất Thiết Trí. Sau khi đã phát cái tâm ấy, chớ nên thoái chuyển. Nói cách khác cho mọi người dễ hiểu, điều này cũng rất giống như trong Nho gia nói đến “*cái tâm hiếu học*”. Quý vị thấy có đúng hay không? Hiếu học rất gần với chuyện này! Chính Khổng phu tử thường nói: So với kẻ khác, Ngài chẳng có cảm thấy chính mình có ưu điểm gì, chẳng cảm thấy chính mình khác mọi người. Nhưng Ngài thừa nhận một điều, Ngài nói: Đối với chuyện hiếu học, chỉ sợ có rất nhiều người không bằng Ngài, hiếu học mà! Điều này quan trọng. Vì thế, chúng tôi cho rằng: Chuyện rất hiếu học của Nho gia rất giống, rất gần gũi với câu đầu tiên trong Thập Lực của Bồ Tát.

2) Thứ hai, “*bát xả chúng sanh đại từ lực*”. Chính là đối với hết thảy chúng sanh phải bình đẳng, phải giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, mắt trông thấy, tay bèn vươn tới. Ta đã thấy, ta đã nghe, ta sẽ dùng năng lực của chính mình để giúp đỡ họ. Năng lực chẳng làm được, thì sẽ như cô nhân đã nói: “*Tâm có thừa, mà chẳng đủ sức*”. Tôi chẳng đủ sức giúp đỡ quý vị, tôi bèn niệm Phật hồi hướng cho quý vị. Tôi tụng kinh hồi hướng cho quý vị. Có thể làm được chuyện này để chúc phước quý vị, giúp quý vị tiêu nghiệp chướng. Còn như có hiệu quả hay không, đó là chuyện khác. Tâm chúng ta đã làm hết sức rồi, đó là tâm từ bi!

3) Thứ ba, “*cụ túc đại bi lực*”. Từ là ban vui, Bi là cứu khổ. Thấy chúng sanh khổ sở, bèn chẳng đắn đo, tận tâm tận lực giúp đỡ họ, cứu khổ, cứu nạn.

4) Thứ tư, “*tin nhất thiết Phật pháp tinh tấn lực*”. Đối với Phật pháp, bèn tu học dũng mãnh, tinh tấn, quyết định chẳng thoái chuyển. Quý vị nhất định phải tin tưởng “*hết thảy Phật pháp là pháp bình đẳng*”. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: “*Các pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì thế, phải tôn trọng hết thảy các pháp. Trong hết thảy các pháp, chúng ta chỉ có thể học một pháp, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Đây là tinh tấn lực. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một*”. Do vậy, nhập một pháp, pháp nào cũng sẽ nhập. Thông một pháp, các pháp đều thông. Phải hiểu Lý và Sự này, chúng ta mới có thể thật sự chọn lựa một pháp môn để suốt một đời tinh tấn chẳng lười nhác, quyết định sẽ có thành tựu.

5) Thứ năm là “*tư hành Thiên Định lực*” (思行禪定力). Ngàn muôn phân đừng hiểu lầm Thiên Định, ngỡ là chúng ta cũng phải tham Thiền. [Hiểu như vậy] là sai lầm mất rồi! Mọi người đều biết: Phật pháp nói “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, có nghĩa là gì? Tám vạn bốn ngàn phương pháp để tu Thiên Định, chẳng

có pháp nào không phải là tu Thiền Định. Vì sao? Không tu Định, chẳng khai huệ! Mục tiêu chung cực của Phật pháp là dạy quý vị khai huệ. Vì thế, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều nhằm tu Thiền Định. Đây chính là “*một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều chẳng hai*”. Chúng ta niệm Phật, có phải là tu Thiền Định hay không? Phải! Trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã nói: “*Niệm Phật là vô thương thâm diệu Thiền*”. Không chỉ là Thiền Định, mà còn là Thiền Định hết sức cao minh. Mục đích niệm Phật là như kinh Di Đà đã nói rất hay: “*Nhất tâm bất loạn*”. “*Nhất tâm*” là Thiền Định, bất loạn, trí huệ mở mang, từ Định khai Huệ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát gia hộ; Phật, Bồ Tát gia hộ như thế nào? Quý vị đắc nhất tâm liền gia hộ. Quý vị bất loạn, trí huệ mở mang, bất luận vấn đề gì, đưa đến trước mặt quý vị, sẽ đều giải quyết.

6) Thứ sáu, “*trừ nhị biên trí huệ lực*”. Chúng ta gọi “*nhị biên*” là Biên Kiến, là đối lập. Chỉ có trí huệ lực thì mới có thể diệt trừ nhị biên. Nay chúng tôi tham gia rất nhiều hội nghị quốc tế, thảo luận làm thế nào để hóa giải xung đột. Trong hội nghị, tôi thường nói: “*Hóa giải xung đột từ nội tâm của chính mình*”. Nội tâm của chính chúng ta đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với vật. Đối lập là Nhị Biên. Phải hóa giải điều này, khiến cho thân tâm của chúng ta hài hòa; sau đây, chúng ta mới có thể giúp đỡ người khác hóa giải xung đột. Quý vị không thực hiện từ chỗ này, quý vị thực hiện từ chỗ nào?

7) Thứ bảy, “*thành tựu chúng sanh lực*”. Chẳng có lực này, thì cũng phải có nguyện này. Niệm niệm hy vọng chúng sanh thành tựu, giúp đỡ chúng sanh thành tựu. Chúng sanh tu giỏi hơn tôi, tôi càng vui sướng, càng hoan hỷ. Vì sao? Họ thành Phật sẽ đến độ tôi! Quyết định chẳng có tâm ganh tỵ, quyết định chẳng có tâm chướng ngại kẻ khác, có thể tu tùy hỷ công đức.

8) Thứ tám, “*quán pháp Thật Tướng lực*”. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, thường dấy lên công phu quán chiếu. Nói thật ra, chúng ta đọc tụng kinh văn, thường nắm vững mấy câu là được rồi. Trong Phật giáo Trung Hoa, đại đa số là dùng kinh Kim Cang. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Thường nhắc nhở chính mình, biết Thật Tướng của các pháp, không mê, chẳng đến nỗi mê hoặc, chẳng đến nỗi thấy sai!

9) Thứ chín, “*nhập tam giải thoát môn lực*”. Tam giải thoát môn là Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, phải khế nhập. Cửa vào của ba thứ giải thoát ở đâu? Cửa vô môn quý vị làm thế nào để có thể tiến vào?

10) Câu cuối cùng, “*vô ngại trí lực*”, là như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Bồ Tát tu mười thứ trí lực, chúng ta phải nên học tập. À! Hôm nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 1473

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh, thứ mười một, đoạn thứ hai trong Sớ Sao của Thanh Lương đại sư.

(Sớ) Trần sở vấn trung, hữu nhị thập vân hà, tổng thập nhất đoạn, đoạn các thập cú, thành nhất bách nhất thập chủng đức, đệ nhất đoạn, minh tam nghiệp ly quá thành đức, nhị đắc kham truyền pháp khí, tam thành tựu chủng huệ, tứ cụ đạo nhân duyên, ngũ u pháp thiện xảo, lục tu Niết Bàn nhân, thất mãn Bồ Tát hạnh, bát đắc Thập Lực trí.

(疏)陳所問中，有二十云何，總十一段，段各十句，成一百一十種德，第一段，明三業離過成德，二得堪傳法器，三成就眾慧，四具道因緣，五於法善巧，六修涅槃因，七滿菩薩行，八得十力智。

(Sớ: Trong phần trần thuật những điều thưa hỏi, có hai mươi điều “như thế nào”, tổng cộng là mười một đoạn, mỗi đoạn gồm mười câu, hợp thành một trăm mười loại đức. Đoạn thứ nhất là nói tam nghiệp là lỗi thành đức, hai là đáng làm pháp khí để truyền pháp, ba là thành tựu các thứ trí huệ, bốn là trọn đủ nhân duyên tu đạo, năm là thiện xảo đối với pháp, sáu là tu cái nhân của Niết Bàn, bảy là viên mãn hạnh Bồ Tát, tám là đắc Thập Lực trí).

Trong lần trước, chúng ta đã học đến chỗ này. Nay xem tiếp đoạn thứ chín.

(Sớ) Thập vương kính hộ.

(疏)十王敬護。

(Sớ: Mười vua kính trọng, hộ trì).

Một người phát Bồ Đề tâm, tu Phổ Hiền hạnh, mười vị vua đều tôn kính, đều làm hộ pháp cho người ấy. Điều này thuộc loại Tăng Thượng Duyên. Điều thứ mười...

(Sớ) Năng vi nhiều ích.

(疏)能為饒益。

(Sớ: Có thể tạo lợi ích rộng lớn).

“Ích” (益) là lợi ích, “nhiều” (饒) là phong nhiêu (豐饒, dồi dào). Có nghĩa là: Có thể đem lại lợi ích thù thắng nhất cho chúng sanh. Lợi ích thù thắng nhất là gì? Người hiện thời hễ nói tới “lợi ích”, chẳng có ai không hiểu, nhưng những cái được gọi là “lợi ích” đều chỉ là của cải, quyền vị, ngõ những thứ đó là lợi ích. Chẳng thể nói những thứ ấy không phải là lợi ích, nhưng chúng chẳng phải là “nhiều ích”. Vì các lợi ích ấy chỉ có thể giải quyết những khó khăn nhỏ nhoi

trước mắt, chẳng thể giải quyết đại sự sanh tử, chẳng thể giải quyết vấn đề luân hồi. Vì thế, những lợi ích ấy chẳng phải là đại lợi ích.

Người đọc sách vào thời cổ, không chỉ là tại Trung Hoa, ở ngoại quốc cũng có rất nhiều vị, [đều là] thật sự có học vấn, thật sự biết nâng cao linh tánh của chính mình, đều xem rất nhẹ cuộc sống vật chất, chẳng ghim tiếng tăm, lợi dưỡng trong lòng. Tại Trung Hoa, quý vị thấy Không, Mạnh, thấy Lão Trang; bên ngoại quốc, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị thấy khá nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, những nhà tôn giáo sáng lập tôn giáo đều vì chúng ta thị hiện khổ hạnh. Suốt một đời, họ chẳng nề hà lao khổ, giáo hóa chúng sanh, khuyên hết thấy chúng sanh đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ, như vậy thì mới có thể lìa khổ, được vui.

“*Lạc*” là thật, chẳng giả. Có khi chúng ta thấy họ trọn chẳng rời khỏi khổ! Tại Trung Hoa, Nhan Hôi là một thí dụ tốt nhất. Nhan Hôi “*đan thực, biểu ẩm, cư lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hôi dã bất cải kỳ lạc*” (ăn cơm trong giỏ, uống nước trong bầu, ở trong ngõ nghèo cùng, người khác chẳng chịu được nỗi khổ ấy. Nhan Hôi cũng chẳng biến đổi niềm vui ấy). Không phu tử dùng mấy câu ấy để tán thán ông ta. Cuộc sống vật chất của Nhan Hôi hết sức bần khổ, chẳng có của cải, chẳng có địa vị. Người trong xã hội nghĩ loại người như vậy là kẻ bần tiện, “*bần*” (貧, nghèo) là chẳng có của cải, “*tiện*” (賤, hèn) là chẳng có địa vị; Nhan Hôi hoàn toàn chẳng lo buồn vì chuyện ấy. Mỗi ngày, ông ta hết sức sung sướng. Nói theo kiểu hiện thời, cuộc sống vật chất nghèo nàn, thiếu thốn, nhưng cuộc sống tinh thần phong phú. Ông ta tôn Không Tử làm thầy, thật sự học được đạo của Phu Tử²⁵. “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi tu tập, cũng chẳng vui sao?) “*Duyệt*” (悅) là sự hỷ duyệt (喜悅, vui sướng) từ trong nội tâm. Còn như ông ta bần tiện, nghèo hèn, đoản mạng, Phu Tử nói đó là “*thiên dã*” (夭也, mạng trời vậy), thiên mạng! Nói theo Phật pháp, Nhan Hôi cũng là Bồ Tát thị hiện. Tuy thời gian [thị hiện] không dài, đã lưu lại một tấm gương tốt nhất cho người đời sau: Hiếu học, chẳng mỗi mệ! Phu Tử chịu dạy, ông ta chịu học, học rất giống! Còn đối với chuyện phú quý, bần tiện, Nho gia nói là “*thiên mạng*”; nói theo Phật pháp thì là “*nhân quả*”.

Con người sanh vào thế gian này, nói theo kinh Phật, là do có hai lực, tức “*nghiệp lực*”:

1) Loại thứ nhất là Dẫn Nghiệp (引業), dẫn dắt quý vị đến thế gian này. Đó là nghiệp gì vậy? Trong đời quá khứ, đã từng thật sự học Ngũ Giới. Vậy thì khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa thì sao? Khi [Phật pháp] chưa truyền đến Trung Hoa, tại Trung Hoa đã có các bậc tiền bối dạy người ta Ngũ Luân, Ngũ Thường. Ngũ Thường là thường đạo (đạo thường hàng), chẳng thể lìa khỏi! “*Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”: Nhân là không sát sanh, Nghĩa là không trộm cắp, Lễ là không dâm dục, Trí là không uống rượu, Tín là không nói dối. Quý vị thấy đó,

²⁵ Nguyên văn là “*phu tử chi học tha chân học đạo liễu*” (ông ta thật sự học được cái “*học*” của Không Tử), chúng tôi nghĩ “*phu tử chi học*” chỉ những điều tâm đắc, chứng nghiệm của Không Tử nên dịch gọn thành “*đạo của Không Tử*”.

chẳng khác gì Ngũ Giới được nói trong nhà Phật. Người ta sống cả đời, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều có thể dùng các đức hạnh ấy làm tiêu chuẩn. Người có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, chẳng đánh mất thân người, đời sau còn có thể sanh trong loài người. Đây là sức mạnh dẫn dắt quý vị đến thọ sanh trong nhân loại.

2) Còn như sau khi được làm thân người, xác thực là có nghèo, giàu, sang, hèn, thọ mạng dài hay ngắn v.v... các thứ bất đồng, là do một loại nghiệp lực khác, gọi là Mãn Nghiệp (滿業), “mãn” (滿) trong viên mãn, cho nên gọi là Mãn Nghiệp. Mãn Nghiệp là do những gì quý vị đã tu trong đời trước, đời này đạt được quả báo. Trong mạng quý vị có của cải, là do trong đời quá khứ thích tu Tài Bố Thí. Thích tu Tài Bố Thí, chẳng keo kiệt, sau [khi đã bố thí], chẳng có lòng hối hận. Đời này, quý vị được làm thân người, trong mạng quý vị có của cải, bất luận quý vị làm nghề gì, tiền tài không ngừng cuộn cuộn đưa đến, trong mạng có sẵn mà! Nếu trong mạng chẳng có, bất luận làm nghề gì, quý vị đều chẳng kiếm được tiền. Vì thế, tiền tài tuyệt đối chẳng phải là do người ta dùng phương pháp xảo diệu hay mưu toan mà có thể kiếm được! Chẳng có lẽ ấy! Đó là điều đã định sẵn trong mạng của quý vị bởi [những cái nhân trong] đời trước. [Đối với cái quả] đã định sẵn bởi [nghiệp nhân đã tạo trong] đời trước, hằng ngày đều có cộng, trừ, nhân, chia. Một niệm tương ứng với đạo đức, trí huệ, của cải, đức năng sẵn có trong mạng, thậm chí thọ mạng, đều gia tăng. Nếu trái nghịch luân lý, đạo đức, tâm hạnh bất thiện, như vậy thì hằng ngày [những thiện quả tương ứng với các nhân lành đã tạo trong quá khứ] sẽ bị tổn giảm. Quý vị làm chuyện đại thiện, chúng sẽ được nhân lên; làm chuyện đại ác, chúng sẽ bị chia bớt. Vì thế, hằng ngày đều có cộng, trừ, nhân, chia, mỗi năm đều có cộng, trừ, nhân, chia.

Phật pháp nói rất thấu triệt. Nếu chúng ta tham cứu thấu triệt đạo lý ấy, trong một đời này, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, niệm nào cũng đều lợi ích chúng sanh, nhiều ích chúng sanh, niệm nào cũng “tôn mình, lợi người”, đúng rồi! Chớ nên dây lên ý niệm “tôn người, lợi mình”. “Tôn người, lợi mình” sẽ giảm phước. “Tôn mình, lợi người” sẽ đắc đại phước báo! Chúng ta rất giàu có, trong cuộc sống hằng ngày, chỉ cần có thể sống vừa phải là được rồi, chớ nên xa xỉ. Hễ có thể giảm bớt, nhất định phải giảm bớt chi dùng, tiết kiệm. Những tài vật đã tiết kiệm đều bố thí cho người thiếu thốn, nghèo khổ, thường chăm sóc mọi người, phước báo của quý vị tăng thêm mỗi ngày. Nếu như trong một đời, suốt mấy chục năm đều [làm như vậy] chẳng gián đoạn, chẳng thay đổi, chẳng ngã lòng, phước báo lúc xế bóng sẽ được tăng trưởng trên một mức độ lớn, được phú quý, được trường thọ, được tự tại như ý. Vì thế, quý vị đã hiểu, chịu tu, đạt được những thứ rồi thì sao? Giúp đỡ càng nhiều người càng hơn. Trong lịch sử Trung Hoa, ông Phạm Trọng Yên đời Tống là một tấm gương tốt nhất. Phạm tiên sinh là một Phật tử kiên thành, làm đến chức Tể Tướng. Quốc gia ban thưởng cho ông ta, do ông có công đối với xã tắc, được ban thưởng rất nhiều. Suốt một đời, ông Phạm sống cuộc đời bình dị, tiền tiết kiệm dùng để giúp đỡ hơn ba trăm gia đình nghèo túng. Vì thế, con cháu của ông đời đời tương truyền, cho đến hiện thời, hậu duệ vẫn hết sức tốt đẹp. Tổ tông tích đức quá lớn!

Từ Ân Quang Đại Sư Văn Sao, chúng ta đọc thấy tổ Ân Quang nói Trung Hoa có ba người rất lỗi lạc:

1) Người thứ nhất là Khổng Tử. Khổng lão phu tử tu Pháp Bố Thí, [bằng cách] dạy người khác. Quý vị thấy hậu đại của Ngài truyền hơn bảy mươi đời, người trong xã hội hiện thời vẫn tôn kính hậu duệ của Ngài. Có một năm, tôi nghe nói tiên sinh Khổng Đức Thành (hậu duệ của Khổng phu tử) đến Cựu Kim Sơn, tại hải quan, người Mỹ biết ông ta là hậu duệ của Khổng phu tử đã đối xử với ông ta đặc biệt lịch sự, tô tông vẻ vang!

2) Vị thứ hai là Phạm Trọng Yêm. Quý vị thấy gia tộc của ông ta truyền thừa tám trăm năm chẳng suy.

3) Vị thứ ba là vào những năm đầu triều Thanh, có một vị trạng nguyên họ Diệp. Gia đạo của Diệp trạng nguyên hơn ba trăm năm chẳng suy. Nhà tích đức, nhà hành thiện, đáng cho chúng ta học tập!

Phàm là những kẻ tâm hạnh bất thiện, tôn người, lợi mình, làm những chuyện bất thiện, có thể duy trì được ba đời đều rất khó khăn. [Những ai] có thể giữ vững ba đời là do trong quá khứ, tổ tông tích đức to lớn. Nếu tích đức chẳng dày, một đời là đã tiêu rồi! Sau khi thế hệ của chính mình chết đi, con cái khiến cho gia đình suy bại! Thậm chí còn bị ai hơn nữa là chính mình đến lúc tuổi già bị phá sản, sự nghiệp kinh doanh phải dẹp tiệm! Trong xã hội hiện tiền, chúng ta thấy chuyện này quá ư là nhiều! Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân nào ư? Chẳng biết đoạn ác, tu thiện, chẳng biết tích lũy công đức, chẳng biết giúp đỡ người khác! Bồ Tát tu Phổ Hiền hạnh; ở đây, câu đầu tiên hết sức trọng yếu, “*tam nghiệp lià lỗi thành đức*”. Thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có lỗi lầm, đương nhiên là người ấy sẽ đem lại lợi ích chân thật cho xã hội và hết thảy những người khổ nạn.

Câu cuối cùng là:

(Sớ) Siêu thắng tôn quý.

(疏)超勝尊貴。

(Sớ: Tôn quý thù thắng, vượt trội).

“Thắng” (勝) là thù thắng. Vị ấy đại đức, đại nhân, đại ái, được hết thảy đại chúng tôn trọng, tôn sùng. Quý vị thấy kinh Phật xưng tụng Thích Ca Mâu Ni Phật, [tức là] đại chúng tôn xưng Thích Ca Mâu Ni Phật, gọi Ngài là Thế Tôn, [nghĩa là] “*bậc đáng tôn kính nhất trong thế gian*”, cho nên gọi là Thế Tôn (世尊). [Một danh hiệu tôn xưng khác là] Thiên Nhân Sư: Ngài không chỉ là bậc đạo sư của nhân gian, mà chư thiên thuộc các cõi trời thảy đều học tập theo Ngài.

Mười một đoạn ấy đều là giới thiệu. Phẩm kinh này có tất cả mười một đoạn. [Lời Sớ] nói:

(Sớ) Thử thập nhất trung, nhược tự tương hiển.

(疏)此十一中，若就相顯。

(Sớ: Trong mười một đoạn ấy, nếu dựa theo tương để chỉ rõ).

“*Tướng*” (相) là hình tướng, tỏ rõ ra.

(Sớ) Nhị tứ dữ lục, thử tam duy nhân.

(疏)二四與六，此三唯因。

(Sớ: Ba đoạn thứ hai, thứ tư và thứ sáu chỉ nói về nhân).

Đoạn thứ hai là “*kham truyền pháp khí*”, đoạn thứ tư là “*đầy đủ nhân duyên tu đạo*”, đoạn thứ sáu là “*tu cái nhân Niết Bàn*”, ba điều này đều là nói theo cái nhân.

(Sớ) Bát cập thập nhất, thử nhị duy quả.

(疏)八及十一，此二唯果。

(Sớ: Hai đoạn thứ tám và mười một chỉ nói về quả).

Đoạn thứ tám “*đắc Thập Lục trí*”, đoạn thứ mười một là “*tôn quý thù thắng vượt trời*”, thấy đều là nói theo quả. Những điều khác...

(Sớ) Dư thông nhân quả.

(疏)餘通因果。

(Sớ: Những đoạn khác bao gồm nhân và quả).

Những điều khác có nhân lẫn quả.

(Sớ) Hoặc nhiếp vi tứ đối nhân quả.

(疏)或攝為四對因果。

(Sớ: Hoặc gộp lại thành bốn cặp nhân quả).

Cách này cũng hợp lý, [phân] thành bốn cặp [nhân quả].

(Sớ) Sơ nhị thập cú, vấn phước nhân, phước quả.

(疏)初二十句，問福因福果。

(Sớ: Hai mươi câu đầu tiên là hỏi về phước nhân, phước quả).

Trước là nói nhân, sau là nói đến quả.

(Sớ) Thứ nhị thập cú, vấn huệ nhân, huệ quả.

(疏)次二十句，問慧因慧果。

(Sớ: Hai mươi câu kế tiếp, hỏi về huệ nhân, huệ quả).

Trước là nói đến quả, sau là nói đến nhân.

(Sớ) Tam nhị thập cú, vấn xảo giải nhân, quán hạnh quả. Tứ hữu ngũ đoạn.

(疏)三二十句，問巧解因，觀行果。四有五段。

(Sớ: Hai mươi câu thứ ba, hỏi han để khéo hiểu cái nhân, quán cái quả của các hạnh. Hai mươi câu thứ tư gồm có năm đoạn).

Đoạn kinh văn này rất dài.

(Sớ) Vấn tu hành nhân, thành đức quả.

(疏)問修行因，成德果。

(Sớ: Hỏi về cái nhân tu hành và cái quả do thành tựu đức).

Ở đây, lại chia thành năm tiểu đoạn.

(Sớ) Sơ nhất vi nhân.

(疏)初一為因。

(Sớ: Tiểu đoạn thứ nhất là nhân).

Đoạn thứ nhất là nhân.

(Sớ) Dư tứ vi quả, hoặc phân vi nhị, sơ thập vân hà.

(疏)餘四為果，或分為二，初十云何。

(Sớ: Bốn tiểu đoạn kia là quả, có thể chia thành hai. Mười câu “như thế nào” đầu tiên nhằm...)

Đây là mười câu hỏi.

(Sớ) Vấn Tịnh Hạnh thể.

(疏)問淨行體。

(Sớ: Hỏi về cái Thể của Tịnh Hạnh).

Đó là ý nghĩa của lời hỏi về cái nhân.

(Sớ) Hậu thập vân hà, vấn hạnh sở thành.

(疏)後十云何，問行所成。

(Sớ: Mười câu “như thế nào” sau đó hỏi về sự thành tựu của các hạnh).

Có ý nghĩa hỏi về quả.

(Sớ) Dĩ thiện tu Thất Giác đẳng, diệc thị Tịnh Hạnh chi năng cố.

(疏)以善修七覺等，亦是淨行之能故。

(Sớ: Do khéo tu những thứ như Thất Giác v.v... cũng là do năng lực của Tịnh Hạnh vậy).

Thất Giác là Thất Giác Chi, trong phần sau sẽ nói đến.

(Sớ) Giai ngôn vân hà đắc giả, vi tu hà hạnh nhi đắc chi da?

(疏)皆言云何得者，為修何行而得之耶？

(Sớ: Đều nói là “như thế nào để đạt được”, tức là tu hạnh nào thì sẽ đạt được?)

Điều này hoàn toàn chẳng khó hiểu. “*Vân hà đắc giả*”: Tu cái nhân như thế nào, sẽ đạt được cái quả như thế ấy. Vì vậy, tu thiện nhân, nhất định đạt được thiện quả. Quý vị tạo ác nghiệp, chắc chắn là đạt được ác báo. Nhân duyên quả báo chẳng sai sót mấy may!

(Sớ) Sơ thập vọng hậu, cố thuyết vi nhân, vọng lịch duyên xảo nguyện, thành Tịnh Hạnh thể.

(疏)初十望後，故說為因，望歷緣巧願，成淨行體。

(Sớ: Mười câu đầu tiên do chiếu ứng với những câu sau, nên bảo chúng là nhân, ứng với chuyện trải qua các duyên để khéo thực hiện nguyện, trở thành cái Thể của Tịnh Hạnh).

Đây là quả. Tuy là quả, nó chẳng phải là viên quả.

(Sớ) Vị thị viên quả, nhi thị phân quả.

(疏)未是圓果，而是分果。

(Sớ: Chưa phải là quả viên mãn, mà là quả có hạn cuộc).

“*Viên quả*” là viên mãn, “*phần*” là có hạn cuộc, [“*phần quả*”] chẳng phải là quả báo viên mãn.

(Sớ) Cố thượng tổng vân, cử quả trưng nhân.

(疏)故上總云，舉果徵因。

(Sớ: Vì thế, trên đây là nói tổng quát, nêu ra cái quả hòng gạn hỏi cái nhân).

Đây là giới thiệu rõ ràng. Trong từng đoạn sau, [chúng ta] sẽ thấy [rõ ràng].

(Sớ) Kim phân vi nhị, sơ chi nhất đoạn, tổng vấn kỳ quả.

(疏)今分為二，初之一段，總問其果。

(Sớ: Nay chia thành hai tiểu đoạn, đoạn thứ nhất là hỏi chung về quả).

Đoạn này rất trọng yếu.

(Sớ) Hậu thập biệt minh, kim sơ thập cú.

(疏)後十別明，今初十句。

(Sớ: Mười câu sau là nói rõ từng điều, nay [luận định] về mười câu đầu).

Đây là hỏi chung về cái quả. Chúng ta xem kinh văn, chúng ta đều đọc cả mười câu ấy.

(Kinh) Phật tử! Bồ Tát vân hà đắc vô quá thất thân, ngữ, ý nghiệp?

(經)佛子。菩薩云何得無過失身語意業。

(Kinh: Thừa Phật Tử! Bồ Tát làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp không lầm lỗi?)

Đây là câu đầu tiên.

(Kinh) Vân hà đắc bất hại thân, ngữ, ý nghiệp?

(經)云何得不害身語意業。

(Kinh: Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng hại?)

Đây là câu “vân hà” thứ hai, câu thứ ba là...

(Kinh) Vân hà đắc bất khả hủy thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc bất khả hoại thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc bất thoái chuyển thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc bất khả động thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc thù thắng thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc vô nhiễm thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc trí vi tiên đạo thân, ngữ, ý nghiệp?

(經)云何得不可毀身語意業。云何得不可壞身語意業。云何得不退轉身語意業。云何得不可動身語意業。云何得殊勝身語意業。云何得清淨身語意業。云何得無染身語意業。云何得智為先導身語意業。

(Kinh: Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng thể hủy? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng thể hoại? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp bất thoái chuyển? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng thể động? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp thù thắng? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh? Làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp vô nhiễm? Làm thế nào để được trí dẫn dắt thân, ngữ, ý nghiệp?)

Mười câu này, nói chung chính là nói về đại pháp chứng đắc tự tánh viên mãn, là đại pháp đại viên mãn. Chúng ta thấy trong Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã nói rõ:

(Sớ) Đắc thử thập chủng tam nghiệp, thành hạ thập quả.

(疏)得此十種三業，成下十果。

(Sớ: Đạt được mười thứ tam nghiệp ấy, sẽ thành tựu mười quả trong phần sau).

Trong phần sau là Thập Trụ. Có nghĩa là đã đạt được mười loại tam nghiệp thân, ngữ, ý thù thắng viên mãn ấy thì mới có thể thành tựu quả đức của Thập Trụ Bồ Tát. Thập Trụ Bồ Tát do tu từ địa vị Thập Tín mà đạt được, cách tu như thế nào? Cụ thể là như trong phẩm kinh này đã nêu ra những thí dụ. Một trăm bốn mươi một bài kệ là một trăm bốn mươi một nguyện, mà cũng là một trăm bốn mươi một tịnh hạnh. Có nguyện, có hạnh, nguyện chính là hạnh, hạnh chính là nguyện, gọi là Phổ Hiền hạnh nguyện. Mười câu này chính là tổng cương lãnh của mười một đoạn lớn trong phẩm kinh này. Sau mỗi câu đều có một đoạn [giảng rõ] cách tu như thế nào, “*vân hà đắc*” (làm thế nào để đạt được), nhằm dạy cho quý vị biết phương pháp tu hành!

Trong phần Sớ, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Do vô quá tam nghiệp, cố siêu thắng tôn quý.

(疏)由無過三業，故超勝尊貴。

(Sớ: Do ba nghiệp không làm lỗi, cho nên tôn quý thù thắng vượt trội).

Quý vị thấy câu hỏi đầu tiên là: Làm thế nào để đạt được “*vô quá thất thân, ngữ, ý nghiệp*” (thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có làm lỗi)? Hiện thời, thân, ngữ, ý nghiệp của chúng ta có vô lượng làm lỗi. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Trụ rất lỗi lạc, thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có làm lỗi. Các Ngài vượt thoát mười pháp giới. Không chỉ là vượt thoát lục đạo, [mà còn] vượt thoát mười pháp giới. Đến nơi đâu? Đến thế giới Hoa Tạng, Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới; vì thế, đạt được “*siêu thắng tôn quý*” (sự tôn quý thù thắng vượt trội). “*Siêu*” (超) là vượt khỏi mười pháp giới, là bậc đạo sư của mười pháp giới. Vì thế, chúng ta gọi Ngài là Thế Tôn, xưng tụng Ngài là Phật Đà. Trong Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giác là Phật thật sự, chẳng phải là giả Phật, chính là Phần Chứng Túc Phật trong Lục Túc Phật như Thiên Thai đại sư [đã dạy]. Trong phần trước đã có nói, Ngài chẳng phải là viên mãn quả, mà là phần quả. Tiến cao hơn, [tức là] từ Sơ Trụ tiến lên cao hơn, [sẽ có] bốn mươi một địa vị. Trong phần sau, tôi sẽ nói, vì sao trong phẩm Tịnh Hạnh, [phải nói đến] một trăm bốn mươi một nguyện? [Nêu ra] một trăm bốn mươi một nguyện ấy là có sự chú trọng đặc biệt, chẳng phải là nói tùy tiện!

“*Một trăm*” là do Thập Tín đã viên mãn, mỗi một Tín trong Thập Tín đều có đủ Thập Tín, cho nên mười nhân mười thành một trăm, [hợp thành] những điều tu tập của địa vị Thập Tín. “*Bốn mươi một*” thì sao? “*Bốn mươi một*” là bắt đầu từ Sơ Trụ trong Viên Giác, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị, [hợp với một trăm nguyện trong Thập Tín] thành một trăm bốn mươi một. Địa vị cuối cùng là Diệu Giác, địa vị ấy chẳng có làm lỗi. Đây là viên quả, còn bốn mươi một địa vị này đều là phần quả, chưa đạt

đến viên mãn, đều là phần quả. Chỉ cần thuộc vào những quả ấy, sẽ là Pháp Thân Bồ Tát, hoặc Pháp Thân Như Lai, chưa đạt tới quả vị rốt ráo, [chưa đạt tới] viên quả, là Phần Chứng Phật. Địa vị càng lên cao, càng tiếp cận viên quả rốt ráo. Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình chuyện này vài lần. Trong mười pháp giới, có tu, có chứng; tiến lên cao hơn, còn có tu chứng hay không? Chẳng thể nói là không có. Chẳng thể nói là có. Vì sao chẳng thể nói là “không có”? Vì vị ấy thuộc phần quả, chẳng phải là viên quả, đương nhiên là có tu. Vì sao nói Ngài chẳng có [tu chứng]? Tiến lên cao, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo tiến lên cao, các lỗi lầm nơi ba nghiệp đều rời lìa, cũng có nghĩa là: Các Ngài không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Các Ngài tu hành chẳng có dấu vết! Không chỉ là quý vị không thấy, quý vị có nghĩ cũng chẳng nghĩ được! Đó gọi là “*tâm hạnh xứ diệt, ngôn ngữ dứt bật*”. Chúng ta chỉ đành khen ngợi các vị ấy là “*siêu thắng tôn quý*”, xưng tụng họ là Thế Tôn. Câu này là “*tổng thuyết*” (nói tổng quát).

Tiếp đó, [lời Sớ] viết:

(Sớ) Do bất khuể hại.

(疏) 由不恚害。

(Sớ: Do chẳng bị hại bởi sân khuể).

Đấy chính là nói đến “*vân hà đắc bất hại thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng hại). “*Khue*” (恚) là sân khuể (瞋恚, nóng giận), ghen ty. Do sân khuể mới có thể hại người. Người nào chẳng có sân khuể, sẽ chẳng có lòng ghen ty. Vì thế, người ấy chẳng có ý niệm tổn hại hết thảy chúng sanh. Không tổn hại chúng sanh thì nhìn theo khía cạnh khác, sẽ là lợi ích, tôn trọng, bao dung, yêu thương, che chở, giúp đỡ chúng sanh.

(Sớ) Cố thường vi nhiều ích.

(疏) 故常為饒益。

(Sớ: Cho nên thường tạo lợi ích thù thắng).

Bọn phàm phu chúng ta, nhất là trong xã hội hiện thời, kẻ bình phàm chưa từng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, oán khí đầy bụng, oán trời, hờn người, đầy áp phần hận, ghen ty. Luôn thấy ta không bằng kẻ khác, địa vị của ta thua kém người khác, thu nhập của ta không bằng người ta, sự hưởng thụ của ta chẳng bằng người khác. Tôi nghe nói có khá nhiều sinh viên đại học tự sát, vì sao tự sát? Oán hận đầy bụng! [Tự sát] có thể giải quyết vấn đề hay không? Chẳng thể! Nếu quý vị thường xuyên đọc kinh Phật, sẽ biết quý vị đến thế gian này nhằm đền trả nghiệp báo trong đời quá khứ. Sau khi đã hiểu rõ, vận mạng bản tiền bèn yên bề bản tiền. Ta tạo nhân, ta luôn phải tiếp nhận quả báo. Trong mạng là phú quý, sẽ yên phận phú quý. Người hiểu rõ Lý, người liễu giải chân tướng sự thật,

suốt đời chẳng oán trời, chẳng hờn người. Huống chi vận mạng còn có thể sửa đổi, chư vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu rõ!

Trong Phật môn thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Thiền sư Vân Cốc dạy tiên sinh Viên Liễu Phàm đạo lý này. Ông ta hiểu, giác ngộ, nghiêm túc nỗ lực sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức; quả nhiên không đầy ba năm, vận mạng chuyển biến tốt hơn, càng chuyển, càng tốt đẹp. Trong mạng chẳng có công danh, [thế mà] ông ta đạt được công danh. Trong mạng phú quý hữu hạn, ông ta tăng thêm phú quý. Trong mạng chỉ thọ năm mươi ba tuổi, ông ta sống đến bảy mươi bốn tuổi, kéo dài tuổi thọ hai mươi năm. Trong mạng không có con cái, ông ta có một con trai ngoan ngoãn tên là Thiên Khải. Vì thế, vận mạng do chính mình thao túng, chẳng do ai khác an bài. Người khác nói sẽ sửa đổi vận mạng thay cho quý vị là giả trá, chẳng đáng tin! Há có đạo lý ấy! Thầy bói nói “ta sửa đổi vận mạng cho quý vị, quý vị phải đưa ta bao nhiêu tiền”, hấn lừa gạt quý vị đây! Nếu gã đó có thể sửa đổi vận mạng, vì sao hấn không sửa đổi vận mạng của chính mình? [Vận mạng của] chính hấn còn chẳng sửa đổi được, hấn làm sao có thể sửa đổi vận mạng của người khác được chớ? Phật pháp nói “sửa đổi vận mạng” là do chính bản thân quý vị, chẳng do Phật. Phật, Bồ Tát chẳng giúp được! Phật, Bồ Tát dạy quý vị phương pháp, dạy quý vị “*quay đầu là bờ*”, sửa lỗi, đổi mới, mỗi ngày phải phát hiện lầm lỗi của chính mình, sửa đổi lầm lỗi của chính mình. Đó là thật sự tu hành!

Tu đến mức thân, ngữ, ý của chính mình hoàn toàn chẳng có lầm lỗi, quý vị bèn tương ứng với phẩm Tịnh Hạnh của Hoa Nghiêm. Chúc mừng quý vị! Quý vị không chỉ vượt thoát lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới, công đức ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Đây là “*nhiều ích*” thật sự. Sân khuê gây hại hết sức nghiêm trọng! Kinh Đại Thừa thường nói: “*Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở*”. Người khác đúng là vô duyên, vô cớ [đổi xử tệ hại với chúng ta]. Chúng ta dùng thiện tâm đối đãi kẻ khác, người ta dùng ác ý báo đáp, quý vị có tâm sân khuê hay không? Nếu quý vị có tâm sân khuê, phải lập tức giác ngộ. Tâm sân khuê của ta dấy lên, đối phương bị hại nhỏ, chính mình bị hại to lớn. Ta báo thù họ, căm hận họ, đối phương bị hại tối đa là ba phần, chính mình bị hại tối thiểu bảy phần. Chư vị phải biết: Đúng là “cái được chẳng bù nổi cái mất”, sai mất rồi! Nếu ý niệm của quý vị đã chuyển, [dẫn cho] ta có ân đức đối với kẻ ấy, [thế mà] kẻ ấy vong ân phụ nghĩa, còn toan hủy báng ta, làm nhục ta, tổn thương ta, ta hoàn toàn tha thứ kẻ ấy, hoàn toàn chẳng để tâm. Chẳng có lòng oán hận mảy may, lại càng chẳng có ý niệm báo thù. Đây là chính mình đã tu đại đức.

Đại đức này là do đối phương thành tựu [cho quý vị, nếu] chẳng có ác hạnh của đối phương, [quý vị] làm thế nào biết công phu của chính mình [đến mức độ nào]? Làm thế nào để biết sự hàm dưỡng của chính mình? Vì thế, không chỉ là chẳng có tâm oán hận, mà trái lại còn có tâm cảm ơn. Chẳng sai! [Những kẻ ấy] đối xử với ta như vậy nhằm khảo nghiệm công phu của ta đã đạt đến trình độ nào! Khi đối phương gặp tai nạn, gặp khó khăn, hễ chúng ta biết, nhất định phải giúp đỡ kẻ ấy. Đó gọi là “*tích lũy công đức*”. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng

ta: “*Bất niệm cựu ác, bất tắng ác nhân*” (Chẳng nghĩ tới điều ác cũ, chẳng ghét kẻ ác). [Bởi lẽ], kẻ ấy vong ân phụ nghĩa, nói theo hiện thời, sẽ là chuyện bình thường, vì sao? Kẻ đó chưa từng được tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền, chẳng biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chẳng biết lý luận và sự thật của nhân quả báo ứng, mới làm ra những chuyện bất thiện ấy, làm sao có thể so đo với kẻ ấy cho được? Vì thế, trông thấy [những chúng sanh đó] chỉ sanh lòng thương xót, đồng tình, cảm thương, chẳng sanh sân khúe. Đây mới là “*thường vi nhiều ích*” (thường tạo lợi ích thù thắng).

Chúng ta làm như vậy, nhất thời kẻ đó không hiểu. Mấy năm sau, kẻ đó dần dần sẽ nghĩ: “Người ấy đúng là một người tốt, ta có ác ý đối với hắn, hắn vẫn đối xử với ta bằng thiện ý. Khi ta gặp khó khăn, hắn vẫn vui vẻ giúp đỡ ta”. Nói chung, sẽ có một ngày lương tâm của kẻ đó thức tỉnh, sẽ quay đầu. Đồng thời, làm như vậy cũng sẽ khiến cho người xung quanh bị cảm động. “*Thiện hạnh*” là gì? Làm mẫu cho người ta thấy, chẳng phải là miệng nói suông! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp phần Sớ kể đó.

(Sớ) Do vô dư Hoặc, bất khả cơ hủy, cố thập vương kính hộ.

(疏) 由無餘惑，不可譏毀，故十王敬護。

(Sớ: Do chẳng còn phiền não sót lại, chẳng thể chê bai, hủy báng, cho nên được mười vua kính trọng, hộ trì).

“*Dư Hoặc*” (餘惑) được nói ở đây chính là tập khí. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Tứ Quả A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, hãy còn có tập khí, tức là *Dư Hoặc* hãy còn. Thật sự chẳng có tham, sân, si, mạn, nhưng những tập khí tham, sân, si sẽ có lúc hiện hành. Đức Phật đã nêu rất nhiều thí dụ về tập khí khó đoạn. A La Hán đến khi nào mới có thể đoạn tập khí? [Khi đạt tới] quả vị Bích Chi Phật. Trong Hoa Nghiêm, A La Hán là địa vị Thất Tín; đạt đến địa vị Bát Tín, tập khí [Kiến Tư Hoặc] mới đoạn, Trần Sa phiền não chưa đoạn. Đạt đến địa vị Cửu Tín, Trần Sa phiền não mới đoạn. Địa vị Thập Tín, tập khí Trần Sa phiền não cũng chẳng có. Vì thế, ở đây nói “*vô dư Hoặc*”, nghĩa là tập khí Kiến Tư và tập khí Trần Sa đều chẳng có. “*Bất khả cơ hủy*” (Chẳng thể chê bai, hủy báng): Có kẻ nào trong thế gian chàm chọc người ấy hay không? Có kẻ hủy báng người ấy hay không? Có chứ! Không chỉ là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín [bị hủy báng], Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô Tỳ Lô Giá Na Phật²⁶, trong xã hội hiện thời, có kẻ nào chẳng tôn trọng các Ngài hay không? Có kẻ nào hủy báng các Ngài hay không? Có kẻ nào lãng nhục các Ngài hay không?

²⁶ Trong đoạn này, Hòa Thượng nói như vậy, do tôn trọng, chúng tôi giữ nguyên cách nói như thế.

Có chứ, rất nhiều! Kẻ chẳng tin Phật pháp mặc tình phá hoại hình tượng Phật và Bồ Tát.

Mấy năm trước, tại A Phú Hãn (Afghanistan) có một bức tượng Phật lớn đã tồn tại bảy trăm năm bị họ đặt chất nổ phá hủy. Tin tức ấy truyền đi khắp thế giới. Nhằm lúc đó, tôi ở Hương Cảng, đài truyền hình Phương Hoàng đến phỏng vấn tôi, hỏi cách nhìn của tôi đối với chuyện này. Tôi cảm thấy đây là chuyện rất đáng tiếc. Vì đây là một loại, nói theo kiểu hiện thời là “di tích cổ”, là tác phẩm nghệ thuật, là quốc bảo của một quốc gia. Quý vị đừng nên coi nó là tôn giáo, đừng coi là dị giáo! Đó là một tác phẩm nghệ thuật đã có từ bảy trăm năm. Vì vậy, rất đáng tiếc! Tôi chỉ có thể phát biểu như vậy. Vì sao? Vì những kẻ phá hoại ấy vô tri, họ không biết. Nếu họ thật sự hiểu, sẽ chẳng phá hoại. Nói theo hiệu quả lợi ích kinh tế trong hiện thời, cũng chẳng nên phá hoại! Do là đồ cổ đã có lịch sử bảy trăm năm, sẽ có thể đem lại bao nhiêu du khách ngoạn cảnh, đây là nguồn hấp dẫn du lịch tốt nhất. Hiện thời, mỗi quốc gia đều biết mở rộng du lịch văn cảnh; đó là nguồn thu hút du lịch tốt nhất. Vì lẽ đó, phá hoại rất đáng tiếc! Nghe nói có người phát tâm muốn khôi phục bức tượng ấy, đây cũng là chuyện tốt. Vì thế, nói là “*bất khả cơ hủy*” (chớ nên gièm chê, hủy báng). Con người vô tri, nhưng quỷ thần biết, thiên thần biết, họ tôn kính quý vị. Vì thế, “*thập vương kính hộ*” (mười vị vua kính trọng, hộ trì). “*Thập vương*” ở đây chính là quỷ vương. Quỷ vương tôn kính, hộ trì; thiên vương càng chẳng phải là ngoại lệ.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, chư thiên Tịnh Cư thay chúng ta thỉnh pháp. Nếu họ chẳng thay chúng ta thỉnh pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ thị hiện diệt độ, [vì] không có ai khải thỉnh. Tịnh Cư Thiên thuộc Tứ Thiên Thiên. Tứ Thiên Thiên rất đặc thù, là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tứ Thiên có chín tầng trời, trong đó, có ba tầng trời thuần túy dành cho chư thiên thật sự của Tứ Thiên cư trú. Ngoài ra, còn có một loại gọi là Vô Tướng Thiên, người tu Vô Tướng Định tu hành tại đó. Có thể thấy công năng của môn Định ấy khá cao, có thể đạt tới Tứ Thiên Thiên. Những tầng trời còn lại là nơi các vị thánh nhân, Tiểu Thừa A La Hán và một số Đại Thừa Bồ Tát tu hành trong đó. Chỗ các Ngài ở được gọi là Tịnh Cư Thiên, hoặc Ngũ Bất Hoàn Thiên. Bất Hoàn (不還) có nghĩa là chẳng đến nhân gian; tu hành ở nơi đó có thể vượt thoát lục đạo. Vượt thoát lục đạo, bèn sanh vào tứ thánh pháp giới. Có người sanh làm Thanh Văn, có người sanh làm Duyên Giác, có người sanh làm Bồ Tát, cao nhất là Phật [pháp giới] trong mười pháp giới. Thiên Thai đại sư nói “*Tương Tự Tức Phật*” chính là nói về Phật trong mười pháp giới, chẳng phải là Phần Chứng Phật. Quả báo Tương Tự Tức Phật chẳng thật, [quả báo như đang nói] ở đây, trong phần trước đã có nói, tuy là phần quả, nhưng nó là thật, chẳng phải là giả! Quả báo trong mười pháp giới chẳng chân thật, nhất định phải biết điều này. Người, trời mê hoặc, tà tri, tà kiến, chẳng biết tôn trọng thánh hiền, chẳng biết tôn trọng thánh giáo, nhưng chư thiên, quỷ thần biết, họ tôn trọng. Do vậy, kinh nói là “*thập vương kính hộ*”, không phải là nói đến [đế vương trong] nhân gian, không nói đến những kẻ đó, mà là nói tới quỷ vương. Quỷ vương tôn kính, hộ trì. Câu thứ tư là nói:

(Số) Do ác duyên bất khả hoại, đắc Phật Thập Lục.

(疏)由惡緣不可壞，得佛十力。

(Sớ: Do ác duyên chẳng thể hoại mà đắc Thập Lực của Phật).

Đây là “vân hà đắc bất khả hoại thân, ngữ, ý nghiệp” (làm thế nào để đạt được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng thể hoại). “Ác duyên”: Duyên có hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự. Đây chẳng phải là thiện duyên, mà là ác duyên. Luôn nghĩ đến gây chướng ngại, đến phá hoại, có thể phá hoại hay không? Chẳng thể! Vì sao chẳng thể? Người ấy đã “đắc bất khả hoại thân, ngữ, ý nghiệp”. Thân thể có sanh, có diệt, là vô thường; linh tánh bất sanh bất diệt, Tánh Đức bất sanh bất diệt. Vì thế, đạt được Thập Lực nơi quả địa của Phật. Trong phần trước, đã giới thiệu Thập Lực cùng quý vị. Thứ năm...

(Sớ) Do tu hành bất thoái chuyển, mãn Bồ Tát hạnh.

(疏)由修行不退轉，滿菩薩行。

(Sớ: Do tu hành chẳng thoái chuyển, viên mãn hạnh Bồ Tát).

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú trọng chữ Mãn (滿). Viên mãn tâm Thập Tín, sẽ lìa khỏi mười pháp giới, sanh vào Hoa Tạng. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này thì cũng mới thật sự thấu hiểu: Thoát ly lục đạo, thoát ly mười pháp giới, tuyệt đối chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Vì thế, Phật, Bồ Tát thường nói: Trong thời kỳ Mật Pháp, nếu không tu Tịnh Độ, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có kẻ nào có thể tự mình thành tựu. Quý vị xem mười câu này bèn hiểu, quý vị sẽ nói: “Khó khăn lắm!” Vì thế, được làm thân người, nghe Phật pháp, rất may mắn! Có thể nghe pháp môn Tịnh Độ chính là may mắn nhất trong các điều may mắn, quý vị quá may mắn! Vì sao? Trong đời này, quý vị còn có cơ hội vượt thoát mười pháp giới, vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc không thuộc vào mười pháp giới, đã vượt thoát! Nói cách khác, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vẫn có thể nói là “viên mãn Bồ Tát hạnh”. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ bất thoái chuyển, chúng trọn vẹn ba thứ bất thoái.

Chúng ta phải tin tưởng đức Thế Tôn không nói dối, Phật Di Đà không nói dối, mười phương chư Phật không nói dối, [các Ngài] khác miệng cùng lời khuyên lớn, khích lệ chúng ta thân cận A Di Đà Phật, vãng sanh thế giới Cực Lạc, thành tựu viên mãn trong một đời. Thành tựu là viên quả, chẳng phải là phần quả, đây là chuyện hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Đối với Bồ Tát hạnh, xét theo giáo pháp Đại Thừa thông thường, dùng Lục Độ là có thể bao gồm trọn hết, trong kinh Hoa Nghiêm thì [Bồ Tát hạnh] là Thập Ba La Mật, còn phải kể thêm Tứ Vô Lượng Tâm. Do vậy, thường nói là Lục Độ Tứ Đăng, Tứ Đăng là “từ, bi, hỷ, xả”, tức Tứ Vô Lượng Tâm, đã tu đến mức viên mãn. Đây là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Câu thứ sáu:

(Sớ) Do viễn ly chư tướng, như như bất động, thành Niết Bàn nhân.

(疏)由遠離諸相，如如不動，成涅槃因。

(Sớ: Do xa lìa các tướng, như như bất động, thành cái nhân Niết Bàn).

[Câu này tương ứng với câu] “*vân hà đắc bất khả động thân*” (làm thế nào để được thân chẳng thể động) trong kinh văn. Đây là nói tới cái nhân của Niết Bàn. Vì thế, ở chỗ này, nói là “*như như bất động*”. Vì sao có thể như như bất động? Xa lìa các tướng. Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp giữ tướng, như như bất động). Nếu lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài mà quý vị chấp tướng, cái này đẹp mắt, cái kia dễ nghe, cái này ăn ngon... Đối với hết thấy các tướng bên ngoài, quý vị dấy khởi tham, sân, si, mạn, dấy khởi tâm phân biệt ưa ghét, tâm quý vị bị động. Tâm động thì chẳng phải là cái nhân của Niết Bàn, đó là cái nhân luân hồi. Vì vậy, đối với chỗ này, bản thân chúng ta phải quay đầu lại, hồi quang phản chiếu, sẽ hiểu rõ ngay. Chúng ta từ sáng đến tối sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, sẽ thành tựu cái nhân Niết Bàn, hay thành tựu cái nhân luân hồi? Chuyện này chẳng thể không nghiêm túc phản tỉnh! Nếu mỗi ngày vẫn là tạo cái nhân luân hồi, [vậy thì] đời này mong cầu sanh Tịnh Độ sẽ chẳng có hy vọng đâu nhé!

Nếu mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, hết thấy cảnh duyên trong thế giới này ắt đều phải buông xuống. “*Cảnh*” là nói về hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là nói tới hoàn cảnh nhân sự, hãy triệt để buông xuống! Không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng đều chẳng có. Đương nhiên, nói lời này dễ dàng, thực hiện rất ư là khó! Quý vị có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị còn khởi tâm động niệm, nhưng xác thực là chẳng có phân biệt, chấp trước. Do chẳng có phân biệt, chấp trước, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Chúng ta chỉ có thể đối với hết thấy các pháp không chấp trước, nhưng hãy còn có phân biệt. Do không chấp trước, đã buông chấp trước xuống, nhưng vẫn còn có vọng tưởng và phân biệt, sẽ sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do vậy có thể biết: Niệm Phật là tu công phu, tu công phu gì vậy? Tôi thiểu là đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. Trong Tịnh Độ, điều này được gọi là tạo thành cái nhân Niết Bàn, “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Phải thấy rõ ràng chân tướng của các tướng, “*phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”, đều là chẳng chân thật. Chớ nên không biết điều này! Câu thứ bảy...

(Sớ) Do đức hạnh thù thắng, cố u pháp thiện xảo.

(疏)由德行殊勝，故於法善巧。

(Sớ: Do đức hạnh thù thắng, cho nên thiện xảo nơi các pháp).

Trong phần sau, chúng ta sẽ thấy mười thứ thiện xảo; đến chỗ ấy, tôi sẽ lại nói cặn kẽ với quý vị. “*Thiện xảo*” (善巧) là trí huệ khởi tác dụng, do đâu mà có? Đức hạnh. Trong đức hạnh có trí huệ, trí hướng dẫn; vì thế, đức hạnh thù thắng.

Những gì bọn phàm phu chúng ta đã làm đều là nghiệp, nói khó nghe sẽ là tội! Tội nghiệp! Chẳng có đức. Vì sao? Phiền não dẫn dắt, tham, sân, si, mạn dẫn dắt, lẽ nào quý vị chẳng tạo tội? Làm sao quý vị chẳng tạo nghiệp! Bồ Tát đoạn sạch tham, sân, si, mạn, tam nghiệp thanh tịnh, đã đoạn sạch. Vì thế, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Được Bồ Đề dẫn đường, đương nhiên là đức hạnh thù thắng. Đây mới là đạt được phương tiện thiện xảo trong hết thảy các pháp.

Câu thứ tám là nói “*vân hà đắc thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để đạt được thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh).

(Sớ) Do Thể thanh tịnh như hư không, cố thành cụ đạo duyên.

(疏) 由體清淨如虛空，故成具道緣。

(Sớ: Do Thể thanh tịnh như hư không, nên tạo thành nhân duyên tu đạo trọn đủ).

“*Thể*” có hai loại, có Tánh Thể và Chất Thể. Tánh là Pháp Tánh, nó chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần, nó vốn sẵn thanh tịnh. Tuy vốn sẵn thanh tịnh, nay chúng ta đang mê, mê mất tự tánh, tự tánh chẳng thể nắm quyền làm chủ. Kẻ nắm quyền làm chủ là gì? Tập tánh. Tập tánh là A Lại Da, tám thức, năm mươi một Tâm Sở, chúng nó làm người cầm quyền, sai mất rồi! Khi nào quý vị có thể thấy thấu suốt tám thức và năm mươi một Tâm Sở, thấy thấu suốt điều gì? Chúng chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. Thật sự là “*vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (chẳng sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được), sự thanh tịnh của quý vị liền được khôi phục.

Tánh Thể và Chất Thể đều chẳng tồn tại, quyết định chẳng thể dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, thành tựu đầy đủ nhân duyên tu đạo. Bất luận quý vị ở trong thuận cảnh hay trong nghịch cảnh, bất luận quý vị gặp thiện duyên hay ác duyên, thấy đều là nhân duyên trợ đạo, giúp quý vị thành tựu. Trong thuận cảnh, thiện duyên, quý vị thấy thấu suốt, chẳng có mảy may tham luyến, chẳng sanh tham luyến. Trong nghịch cảnh, ác duyên, chẳng sanh sân khú. Quý vị thấy bất luận hoàn cảnh nào, cũng đều giúp quý vị đoạn tham, sân, si. Đoạn tham, sân, si là thành tựu Giới, Định, Huệ. Một trăm bốn mươi một nguyện trong phần sau, mỗi nguyện đều thành tựu trọn đủ nhân duyên tu đạo. Vì sao? Chính là do Thể thanh tịnh như hư không.

Câu thứ chín là “*vân hà đắc vô nhiễm thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để đắc thân, ngữ, ý nghiệp vô nhiễm). “*Nhiễm*” (染) là nhiễm ô.

(Sớ) Do thiệp cảnh vô nhiễm, cố đắc kham truyền pháp khí.

(疏) 由涉境無染，故得堪傳法器。

(Sớ: Do tiếp xúc cảnh mà chẳng nhiễm, nên có thể kham làm pháp khí để truyền thừa pháp).

“*Cảnh*” (境) là cảnh giới. Trong phần trước, đã nói về thuận cảnh, nghịch cảnh, ác duyên, thiện duyên. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Năm mươi ba lần tham học quả thật đã tỏ rõ cảnh thuận nghịch, duyên thiện ác. Thiện Tài tham học trọn đủ Phật pháp, tiếp xúc cảnh mà chẳng nhiễm. Kinh Kim Cang đã giáo huấn: “*Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*”, Ngài đã thật sự làm được! Vì thế, trải qua sự việc để luyện tâm, luyện gì vậy? Luyện chẳng nhiễm đắm. Trong hết thấy các cảnh duyên, hiểu rành rẽ, rõ ràng, trí huệ đầy nhé! Chẳng nhiễm, chẳng chấp, đây là công phu định lực! Sở học của người ấy là “*Định Huệ đẳng trì*” (Định và Huệ giữ cân bằng), trong Định có Huệ, trong Huệ có Định. Định và Huệ tăng trưởng, không khởi phiền não, “*nhiễm*” là phiền não. Vì lẽ đó, người ấy đáng là pháp khí để truyền pháp. Người nào có thể truyền pháp của đức Thế Tôn? Người như vậy sẽ thỏa điều kiện. Có thể thấy: Truyền pháp chẳng đơn giản!

Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta thấy Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng truyền y bát cho Huệ Năng đại sư, chẳng truyền y bát cho Thần Tú. Do nguyên nhân gì? Chư vị hãy suy nghĩ hai bài kệ do hai vị ấy đã làm, sẽ hiểu ngay. Bài kệ của ngài Thần Tú là: “*Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai*” (Thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, thường siêng năng lau chùi, đừng để nhuộm bụi bặm). Đối chiếu với tiêu chuẩn này, Ngài (Thần Tú) tiếp xúc cảnh có bị nhiễm hay không? Có nhiễm! Hằng ngày, Ngài vẫn phải lau chùi, sợ dính phải bụi bặm. Bài kệ của Huệ Năng đại sư là: “*Bồ Đề bốn vô thụ, minh kính diệc phi đài, bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?*” (Bồ Đề chẳng phải cây, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng có vật gì, chỗ nào vương bụi trần?) Ngài không chỉ là vô nhiễm, mà ngay cả cảnh cũng chẳng có. Nói đến thân, nói đến tâm, tức là có cảnh. Thân và tâm đều chẳng có, cảnh đều chẳng có, lấy đâu ra nhiễm? Quý vị hãy ngắm xem, y bát nên truyền cho ai? Đương nhiên Huệ Năng đại sư là pháp khí để truyền pháp, Ngài tiếp nhận ngôi vị Tổ là chuyện đúng lý. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Câu cuối cùng là “*vân hà đắc trí vi tiên đạo thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để trí hướng dẫn thân, ngữ, ý nghiệp), câu này hết sức quan trọng.

(Sớ) Do trí tiên đạo, cố thành tựu chúng huệ.

(疏) 由智先導，故成就眾慧。

(Sớ: Do trí dẫn đường, nên thành tựu các huệ).

Trong quá trình học tập của chúng ta trong hiện tiền, câu này là nguyên tắc chỉ đạo rất trọng yếu. “*Trí*” là lý trí, tương phản của lý trí là cảm tình. Xử sự theo cảm tình, chẳng thể nào không xuất hiện rối loạn được! Trong cảm tình có ưa ghét, ta thích kẻ này, ưa chuyện này, ghét kẻ kia, chẳng ưa chuyện nọ, các thứ tệ hại ồ ạt nảy sinh từ chỗ này, vấn đề quá nhiều! Nếu nói lý trí làm chủ tể, gạt cảm tình sang một bên, suy xét đối với người cũng thế, mà đối với sự, đối với vật cũng

thế, nên hay không nên, đúng pháp hay không đúng pháp, quý vị sẽ giảm bớt lầm lỗi!

Sắp đến Tết rồi! Vào dịp Tết, người Hoa có tập tục tặng quà. Đối với trưởng bối, đối với bạn bè, đó là sự lễ phép, nhằm duy trì cảm tình giữa con người với nhau. Lễ sẽ có tiết, “*tiết*” (節) là chừng mực, [nghĩa là] chớ nên quá lộ, mà cũng chớ nên sơ sài. Quá lộ sẽ lộ vẻ bợ đỡ, người hiện thời gọi là “hôi lộ”, quá lộ rồi! Nếu quá sơ sài, sơ sài tức là biểu lộ sự ngạo mạn, đều là không hay! Nhất định là phải có chừng mực. Chừng mực ấy do quốc gia chế định, hay lắm, nhất định phải tuân thủ, có phong tục và tình cảm giữa con người với nhau được đời đời truyền thừa. Ví như vào dịp Tết, chúng ta biếu quà cho trưởng bối, trước kia, chúng tôi ở nông thôn, biếu những vật gì? Đại khái là biếu hai cân thịt, biếu một con gà, biếu hai cân mì, biếu cho người già ăn Tết. Đây là có quy củ, có chừng mực. Nếu quý vị nói ta biếu bốn cân thịt, biếu hai con gà, ta lại biếu bốn, năm cân mì, quá lộ rồi. Nếu nói ta chỉ biếu hai cân thịt, gà và mì đều chẳng biếu, hoặc ta chỉ biếu hai cân mì, những thứ khác đều chẳng có, không đủ, chưa đến mức! Nhất định là phải phù hợp chừng mực.

Người ngoại quốc cũng có [chừng mực trong việc tặng quà], như chúng tôi ở Úc, chánh phủ Úc quy định: Các viên chức nhận quà tặng của người khác, theo nguyên tắc [giá trị của món quà tặng] không quá một trăm đồng! Vượt quá một trăm đồng, sẽ là hôi lộ, sẽ phạm tội. Có tiêu chuẩn, mọi người đều biết tuân thủ. Bất luận là quý vị tặng phong bì, hoặc mua quà tặng, giá trị của món quà đều chẳng hơn một trăm đồng. Người nhận rất hoan hỷ, người tặng quà không đến nỗi phung phí quá mức. Quý vị thấy mỗi khía cạnh đều được quan tâm, trí dẫn đường mà! Nếu xử sự dựa theo cảm tình, “người này đối đãi khá lắm, hoặc là còn có giá trị lợi dụng, ta phải hôi lộ cho nhiều”, phạm tội mất rồi! Đối với chính mình và người ấy đều bất lợi. Hiện thời, những chuyện này không có ai dạy; vì thế, chuyện không đúng pháp rất nhiều. Hiện nay, thật sự làm chuyện tốt không có ai tin tưởng, chuyện tốt rất khó thành tựu!

Có ai trên cả thế giới chẳng mong mỗi hòa bình? Có ai không hy vọng an định? Nhưng hơn nửa thế kỷ qua, tần số động loạn trong xã hội mỗi năm một tăng, sự tai hại mỗi lần một nghiêm trọng hơn! Trên thế giới, những người quan tâm chuyện này, những người nỗ lực thực hiện chuyện này thật sự chẳng ít, tôi đã thấy rất nhiều! Nhưng từ đầu tới cuối chẳng thấy hiệu quả, khiến cho khá nhiều người nhiệt tâm làm công tác này cảm thấy nguội lạnh tâm lòng. Hễ nản lòng, đương nhiên là sẽ thoái chuyển, nhiệt tình sẽ giảm thấp với một mức độ lớn. Nhưng vấn đề này là một vấn đề hết sức nghiêm túc, là một vấn đề hết sức trọng yếu. Bản thân tôi tham gia công tác ấy năm năm, liễu giải những trạng huống, cũng quen biết không ít bạn bè. Nếu chúng ta hỏi: “Có thể hóa giải xung đột hay không? An định hòa bình có thể thực hiện hay không?” Câu trả lời luôn là khẳng định, vấn đề là phải thực hiện như thế nào?

Vẫn là cô thánh tiên hiền nói rất hay: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có điều gì chẳng làm được, hãy xét lại mình). Nỗ lực nhiều năm như vậy, chẳng trông thấy hiệu quả, hãy khéo quay đầu nghĩ lại, chúng ta có phải là dùng

trí để hướng dẫn hay không? Dường như chẳng nghĩ đến vấn đề này, mà là dùng gì để hướng dẫn? Dùng lợi để hướng dẫn! Vì thế, từ đầu đến cuối, chẳng thể thực hiện. Lợi ích của mỗi cá nhân khác nhau, mỗi lợi lớn thì mọi người đều muốn tranh. Vì thế, dùng phương pháp gì để hóa giải xung đột? Ăn miếng trả miếng! Ăn miếng trả miếng có thể hóa giải xung đột hay không? Oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong! Người hiện thời chẳng nói tới nhân quả; [dẫu] không nói tới nhân quả, những chuyện oan oan tương báo vẫn tồn tại. Trong tông tộc của quý vị sẽ có con cháu. Con cháu vĩnh viễn ghi nhớ cừ hận, luôn tìm cơ hội để trả thù. Quý vị trả thù họ, họ phục thù quý vị, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp vẫn chẳng hết, chẳng xong! Quý vị nói xem chuyện ấy đáng sợ đến ngàn nào? Nếu thật sự hiểu nhân quả, quý vị sẽ biết chuyện này càng đáng sợ!

Những người thuộc các thế hệ trước tại Trung Hoa tin tưởng nhân quả báo ứng rất nhiều. Theo lịch sử ghi chép, những trường hợp cụ thể như vậy chẳng biết là bao nhiêu! Trong hai mươi lăm bộ Sử đã chép mấy trăm câu chuyện. Trong bút ký và văn tự của cô nhân đã ghi chép chẳng biết bao nhiêu! Trong các sách như Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiểu Lam, Liêu Trai Chí Dị, Tử Bất Ngữ, [những chuyện được ghi chép trong ấy] không phải là hoàn toàn hư cấu, tuyệt đại đa số đều là sự thật. Quý vị có thể chẳng tin ư? Lại xét theo chính bản thân chúng ta. Đối với những chuyện từng trải trong cuộc đời của chính mỗi người, quý vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, sẽ thấy có rất nhiều chuyện chẳng thể nghĩ bàn xảy ra, chẳng có cách nào giải thích được!

Năm xưa, tôi ở Mỹ, ở tại Đạt Lạp Tu (Dallas), hội trưởng hội Phật Giáo Dallas là ông Thái Văn Hùng, từng kể cho tôi nghe một chuyện. Khi ông ta mới tới Mỹ, cùng mấy người bạn lái xe đi chơi. Khi trở về, bị lạc đường, lái vào một thành phố nhỏ. Đột nhiên, ông ta cảm thấy thành phố nhỏ ấy rất quen thuộc, nhưng đúng là lần đầu tiên ông đến đó trong đời này. Ông ta có thể biết rõ đường sá trong thành phố nhỏ ấy, biết trong thành phố nhỏ bé ấy có những kiến trúc nào. Sau khi lái xe vào trong đó, quả nhiên là như vậy. Đối với vấn đề này, đã nhiều năm mà ông ta chẳng có cách nào tìm ra lời giải đáp, thường nghi hoặc vì sao có chuyện như vậy? Khi gặp tôi, bèn hỏi, tôi đáp: “Chắc chắn là trong đời trước, ông đã từng ở thành phố nhỏ ấy, đã sống rất nhiều năm trong tiểu trấn ấy, rất quen thuộc nó”. Ông ta suy nghĩ, cảm thấy rất có lý! Nếu quý vị không ở nơi đó rất nhiều năm, làm sao có thể quen thuộc như vậy được! Nói lên điều gì? Chúng tôi là có kiếp trước.

Rất nhiều người có kinh nghiệm về tình hình giống như vậy, nhưng chẳng [cảm nhận] rành rẽ, rõ ràng như ông ta! Nếu bảo chẳng phải là “đời trước”, tìm đâu ra câu trả lời cho vấn đề này, không có cách nào giải thích được! Vì thế, ông ta tự mình suy nghĩ, cười xòa, nói: “Có thể lắm! Xưa kia Cự Kim Sơn (San Francisco) có mỏ vàng”. Có thể [ông ta đã từng làm] công nhân khai thác quặng vàng bên đó, sống ở đó, rất có thể là như vậy! “Trong kiếp sống đó, ông chẳng làm chuyện gì xấu, chẳng hãm hại kẻ khác, [cho nên] còn có thể được làm thân người. Đời này vẫn khá lắm, kinh doanh vẫn khá lắm”. [Chuyện này] chỉ rõ con người có ba đời, có tiền căn, có hậu quả. Đã có kiếp trước, đương nhiên là có đời

sau. Biết có kiếp trước và đời sau, quý vị phải vận dụng lý trí cho nhiều, bớt dùng tình cảm để xử sự, làm nhiều chuyện tốt, ít làm chuyện xấu. Chúng ta đời đời kiếp kiếp tiến cao hơn, chẳng đến nỗi đọa lạc xuống dưới, [chuyện này] quá trọng yếu! Điều này quan trọng hơn bất cứ điều nào khác! Vì thế, do trí hướng dẫn, thành tựu các huệ. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 1474

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, mười câu đầu tiên trong kinh văn chính là mười câu đầu tiên trong đoạn thứ nhất, thuộc phần “*tổng vấn kỳ quả*” (hỏi chung về cái quả), đại khái chúng ta đều đã học tập rồi. Trong phần sau lời chú giải của Thanh Lương đại sư, hãy còn có một ít phần, hôm nay chúng ta sẽ học tiếp, đọc từ câu “*hựu do thập hậu*” (lại do mười câu sau đó).

(Sớ) *Hựu do thập hậu, năng thành tựu thử thập, dĩ thập tam nghiệp vĩnh vô thất đẳng, duy Phật bất cộng, phân phần vô thất, diệc thông ư nhân.*

(疏) 又由後十，能成就此十，以十三業永無失等，唯佛不共，分分無失，亦通於因。

(Sớ: *Lại do mười điều trong phần sau, có thể thành tựu mười điều này. Do tam nghiệp như đã được nói trong mười câu ấy vĩnh viễn chẳng có sai lầm, chỉ riêng đức Phật là có thể từng phần đều chẳng phạm lỗi. Vì thế, [mười điều này] cũng có thể coi là nhân.*

Chúng ta xem đoạn này trước. Thanh Lương đại sư đã mào đầu, mười loại trong phần sau là nói về quả đức, tức là [quả đức của] Thập Trụ Bồ Tát, có thể thành tựu mười loại ấy. Mười câu trong phần này chính là hỏi chung về quả. Do mười loại ấy, tức là như trong phần kinh văn chúng ta vừa đọc, [sẽ đặc] “*thập chủng tam nghiệp vĩnh vô thất đẳng*” (mười loại tam nghiệp vĩnh viễn chẳng phạm sai lầm), vĩnh viễn chẳng có lầm lỗi! Thân, ngữ, ý nghiệp vĩnh viễn chẳng có lầm lỗi thì chỉ có mình đức Phật mới có thể làm được. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa thể nói là “hoàn toàn không phạm sai lầm”. Do vậy có thể biết, tập khí vô thỉ vô minh xác thực là chẳng dễ đoạn! Tập khí Kiến Tư phiền não còn dễ đoạn, đạt đến quả vị Bích Chi Phật bèn chẳng có. Nếu nói theo địa vị Thập Tín trong kinh Hoa Nghiêm, [Bích Chi Phật] sẽ là đạt đến Bát Tín. Thất Tín đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng hãy còn có tập khí. Từ Bát Tín cho đến địa vị Thập Tín, tập khí Kiến Tư phiền não đã đoạn, nhưng các Ngài còn có Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não cũng sẽ đoạn trong lúc ấy. Sau khi đã đoạn loại phiền não ấy, sẽ còn sót lại vô thỉ vô minh phiền não. Phá một phẩm vô thỉ vô minh phiền não, bèn vượt thoát mười pháp giới, chứng quả vị Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ là Pháp Thân đại sĩ, tức Pháp Thân Bồ Tát.

Đoạn tập khí vô thỉ vô minh trong Nhất Chân pháp giới, cách đoạn là như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đã nói rất hay: “*Vô công dụng đạo*”. Cổ đại đức nói ở chỗ này, chẳng thể dùng sức! Vì sao? “*Ngôn ngữ dứt bất, tâm hạnh xir diệt*”, “*mở miệng bèn trật, động niệm liền sai*”. Chẳng thể thốt ra lời, chẳng thể động niệm. Hễ động niệm, vô minh bèn dấy lên hiện hành, đó đều là tập khí. Phải tốn thời gian lâu cỡ nào mới đoạn hết tập khí ấy? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường bảo với chúng ta: “Ba đại A-tăng-kỳ kiếp”. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp

chẳng phải là nói đến [thời gian] chúng ta tu hành thông thường, mà là [kể từ khi đã chứng nhập] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân mãi cho đến khi đạt tới quả vị rốt ráo. Trong ấy, có bốn mươi một địa vị, bốn mươi một đẳng cấp. Những đẳng cấp ấy là do đức Phật vì chúng ta mà nói, chứ trong cảnh giới của các Ngài, có những đẳng cấp ấy hay không? Thừa cùng chư vị, không có! Nếu có, sẽ là còn có phân biệt, chấp trước, làm sao có thể thoát khỏi mười pháp giới cho được?

Vì thế, hãy nên biết, đoạn chấp trước sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, đoạn phân biệt bèn vượt thoát mười pháp giới. Ở trong Nhất Chân pháp giới, hoàn toàn là vì mong đoạn tập khí vô thi vô minh. Chuyện này quá u là khó! Chẳng dễ đoạn đâu nhé! Cổ nhân đã nói một tỷ dụ, tỷ dụ rất hay. Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ càng tỷ dụ ấy, sẽ có thể lãnh hội đôi chút tin tức. Cổ nhân nói: Ví như một cái bình rượu. Bình rượu đựng rượu, rượu đã đổ hết rồi. Rượu giống như phiền não, đổ hết sạch cả rồi, lau chùi sạch sẽ trong ấy, xác thực là một giọt rượu cũng chẳng có. Ngửi thử, sẽ thấy cái bình ấy vẫn có mùi rượu! Quý vị trừ hơi rượu bằng cách nào? Chỉ đành mở toang nắp bình, đặt ở nơi đó, bỏ đó mười ngày, nửa tháng, ngửi thử, [hơi rượu] nhẹ hơn rất nhiều. Lại để sau một tháng, hai tháng, ba tháng, chẳng còn [hơi rượu nữa]. Điều này giống như tập khí vô minh, đối với mùi vị của cái bình đựng rượu, chẳng có cách nào dụng công, chỉ đành chờ một thời gian dài để nó tự nhiên tiêu mất.

Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác là bốn mươi một tầng cấp. Chẳng thể nói bốn mươi một tầng cấp ấy không có, mà cũng chẳng thể nói chúng là có. Giống như cái bình đựng rượu vậy, hơi rượu trong bình phải mất bao nhiêu ngày mới hết mùi? Phải mất bốn mươi một ngày, chúng ta sánh ví bốn mươi một đẳng cấp như bốn mươi một ngày. Nhưng quý vị ngửi mỗi ngày, [sẽ thấy hơi rượu] mỗi ngày một nhẹ hơn. Đến ngày thứ bốn mươi một lại ngửi, chẳng có nữa! Đây là chứng đắc viên mãn quả vị. Chư vị hãy suy nghĩ từ thí dụ nông cạn, rõ ràng này. Do vậy, đoạn tập khí vô thi vô minh, xác thực là chẳng có bất cứ phương pháp gì. Đúng là cổ nhân nói chẳng sai! Ở chỗ này, chẳng thể sử dụng sức được! Chẳng thể khởi tâm động niệm, càng chẳng thể nói đến phương pháp gì. Hễ quý vị khởi tâm động niệm, sẽ vướng vào phân biệt, chấp trước. Đúng là Phật pháp thượng thượng thừa. Vì thế, tam nghiệp vĩnh viễn chẳng có lỗi lầm, đoạn hết tập khí.

Địa vị bốn mươi hai gọi là địa vị Diệu Giác; đây là quả địa, vĩnh viễn chẳng có [lỗi lầm]. Do vậy, chỉ có mình Phật quả rốt ráo, nên bảo là “*duy Phật bất cộng, phần phần vô thất*” (chỉ riêng mình đức Phật đối với từng điều đều chẳng sai lầm). Chẳng như Bồ Tát, Bồ Tát gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ còn có những phần lầm lỗi, chẳng phải là không có lầm lỗi. Cổ nhân thường nói: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá? Quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (Con người chẳng phải là thánh hiền, ai có thể không lầm lỗi? Có lỗi mà có thể sửa, không gì tốt lành hơn). Vì thế, chúng ta chẳng cần chỉ trích lầm lỗi của kẻ khác. Vì sao? Tập khí từ vô thi đến nay. Lục đạo phàm phu có tập khí Kiến Tư, có tập khí Trần Sa, có tập khí Vô Minh, làm sao người ấy chẳng tạo nghiệp cho được? Nếu là người tu hành, lỗi lầm sẽ ít, chẳng thể nói là không có!

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, từ nay trở đi, chớ nên trách móc kẻ khác nữa, hãy dưỡng thành lòng khoan dung, độ lượng, có thể bao dung hết thảy. Mọi việc đều phải xét lại chính mình. Hễ thấy lỗi lầm của kẻ khác, hãy phản tỉnh ta có [lỗi lầm ấy] hay không. Hễ có, bèn sửa đổi; không có, bèn càng gắng sức hơn. Nếu ta có, bắt đầu từ hôm nay ta phải sửa đổi. Sửa đổi thì phải có tâm thường hằng, phải có nghị lực. Hôm nay sửa, ngày mai lại phạm, đây là do nguyên nhân gì? Tập khí rất nặng! Tập khí vô minh căn bản, quý vị hãy ngẫm xem, ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể trừ hết. [Để trừ sạch] tập khí Kiên Tu phiền não, cũng tốn thời gian rất dài. Chẳng có cái tâm thường hằng, chẳng có nghị lực, chẳng nghiêm túc phản tỉnh, sửa đổi hằng ngày, tiến bộ trên đường Bồ Đề rất khó, lui sụt rất dễ dàng. Chớ nên không biết sự thật này!

Vì thế, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều khuyên mọi người vãng sanh Di Đà Tịnh Độ. Vì sao? Chỉ có Di Đà Tịnh Độ là nơi chẳng thoái chuyển. Bọn phàm phu chúng ta một phẩm phiền não chẳng đoạn, đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích tốt lớn nhất là viên chứng ba thứ bất thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, chẳng khác Pháp Thân Bồ Tát, có thể chiếm tiện nghi to lớn! Tu đến [địa vị] Pháp Thân Bồ Tát, quý vị thấy: Phải vượt thoát lục đạo, phải vượt thoát mười pháp giới thì mới có thể chứng đắc [Bất Thoái], khá khó khăn! Nhưng tu Tịnh Độ thì chẳng cần vượt thoát, thành tựu ngay trong một đời, gọi là “*hoành siêu*” (橫超, siêu việt theo chiều ngang), chẳng phải là “*thụ xuất*” (豎出, thoát ra theo chiều dọc). “*Thụ xuất*” là quý vị phải trải qua lục đạo, trải qua mười pháp giới. Chẳng cần trải qua, hoàn toàn cậy vào bốn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì, thành tựu viên mãn ngay trong một đời. “*Tam nghiệp vô thất diệc thông ư nhân*” (Ba nghiệp không lầm lỗi cũng có thể coi là nhân). “*Ba nghiệp không lầm lỗi*” thuộc về quả, mà cũng bao gồm nhân.

(Sớ) Hựu thử thập cú, sơ nhất tổng hiển vô quá.

(疏) 又此十句，初一總顯無過。

(Sớ: Lại mười câu ấy, câu thứ nhất là nêu chung: [Tam nghiệp] không có lầm lỗi).

Câu thứ nhất là “*vân hà đắc vô quá thất thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp không có lầm lỗi), là một câu như thế đó. Câu ấy nhằm nói tổng quát. Tám câu sau đó...

(Sớ) Biệt hiển vô quá.

(疏) 別顯無過。

(Sớ: Chỉ rõ sự không lầm lỗi trong từng mục riêng biệt).

Từ “*bất hại thân, ngữ, ý... vô nhiễm thân, ngữ, ý nghiệp*”, tức là từ câu thứ hai cho đến câu thứ chín. Câu cuối cùng là...

(Sớ) Tổng xuất kỳ nhân, nhược dĩ trí huệ vi tiên đạo, thân, ngữ, ý nghiệp thường vô thất cố.

(疏)總出其因，若以智慧為先導，身語意業常無失故。

(Sớ) Nêu cái nhân tổng quát, nếu dùng trí huệ để dẫn dắt, thân, ngữ, ý nghiệp thường chẳng có làm lỗi.

Cuối cùng là câu thứ mười “*vân hà đắc trí vi tiên đạo thân, ngữ, ý nghiệp*” (làm thế nào để được trí hướng dẫn thân, ngữ, ý nghiệp). Câu này rất quan trọng, nêu tổng quát rõ ràng vì sao người ấy có thể đạt được tam nghiệp chẳng có làm lỗi. Người ấy thuần túy là lý trí, chẳng sử dụng tình thức. Hễ dùng tình thức, sẽ luôn có làm lỗi! Nhưng chúng ta biết: Thánh hiền trong mười pháp giới vẫn dùng thân, ngữ, ý, sử dụng cái tâm ý thức. Trong lục đạo, do sử dụng chẳng chánh đáng, cho nên làm lỗi cũng rất nhiều, giống như kinh Địa Tạng đã nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô bất thị tội, vô bất thị nghiệp*” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là tội, không gì chẳng phải là nghiệp). Đây là thực tại!

Đạt đến tứ thánh pháp giới, quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng đắc Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát. Chúng ta thường nói “*tứ thánh pháp giới*”, [tức là nói tới “tứ thánh” trong] tứ thánh lục phạm của mười pháp giới. “*Tứ thánh*” vẫn dùng tám thức, năm mươi một Tâm Sở, nhưng họ sử dụng chánh đáng. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Chính là giáo huấn của đức Phật, tức Kinh, Luật, Luận. Những vị Thanh Văn và Bồ Tát thuộc Tứ Thánh đều phải nương theo giáo huấn của đức Phật thì mới là chánh. Nếu chẳng thuận theo giáo huấn của đức Phật, sẽ là tà. Chúng ta thấy trong xã hội hiện tiền, gần như là tà tri tà kiến đầy ắp. Quý vị hãy nghe kỹ thử xem, dường như là đúng, nhưng [thật ra] sai bét! Họ nói những đạo lý thoạt nghe rất có lý, nếu lắng lòng quan sát thâm nhập, [sẽ thấy ngay là] chẳng có đạo lý chi hết!

Vì sao? Trong quá khứ, xã hội coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức; quốc gia coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức. Tại Trung Hoa, kể từ đời Hán, tuyển lựa, đề bạt nhân tài hòng phục vụ vì xã hội, vì quốc gia, tức là “*những cán bộ nhân tài của quốc gia*” như trong cách nói hiện thời, dùng phương pháp gì? Tuyển cử! Chẳng phải là người dân tuyển cử, mà là do quan chức địa phương tuyển cử (tuyển chọn, đề cử). Tuyển lựa, đề bạt nhân tài được xếp thành điều thứ nhất trong thành tích cai trị của viên quan ấy. Quan ở địa phương ấy làm việc rất tốt, thứ gì cũng đều thực hiện rất tốt đẹp, nhưng suốt ba năm chẳng thay quốc gia tuyển chọn, đề bạt một nhân tài, ông ta sẽ bị giáng chức. Đã phạm lỗi làm! Chẳng thay quốc gia chọn lựa, đề bạt nhân tài! Tiêu chuẩn để tuyển chọn, đề bạt nhân tài, quốc gia có văn bản quy định rõ ràng, gọi là Hiếu Liêm. Quý vị thấy trong cổ thư Trung Hoa có chép “*cử hiếu liêm*” (舉孝廉), “*cử*” (舉) chính là “*tuyển cử*”.

Quan viên địa phương thường phải ngắm ngòm thăm dò. Những vị đại quan ấy, dân chúng bình phạm chẳng thấy mặt. Nếu họ ăn mặc xoàng xĩnh, dân chúng

bình phàm gặp mặt cũng chẳng nhận ra. Mặc quan phục, [người dân] vừa trông thấy bèn biết ông ta thuộc tầng cấp nào, thân phận là gì, có thể nhìn ra được! Vì thế, đi thăm dò ngấm ngầm, hỏi han bên ngoài, nhà ai có con nhỏ mà hiếu thuận với cha mẹ? Có thể hiếu thuận với cha mẹ, sẽ tận trung đối với quốc gia và xã hội. Điều kiện thứ hai là liêm khiết. Liêm khiết sẽ chẳng tham ô. Hội đủ hai điều kiện ấy, sẽ tuyển lấy, đề bạt cho quốc gia bồi dưỡng nó, đưa nó vào trường học hành. Trường học ấy do quốc gia lập ra, nhằm bồi dưỡng cán bộ quốc gia cho tương lai. Do vậy, điều kiện của nó là Hiếu, Liêm. Chế độ ấy hay lắm, chẳng giống như hiện thời. Thuở trước, kẻ làm quan đều đã từng tiếp nhận sự giáo dục của Nho gia; Đạo gia và Phật gia đều đã từng học qua, xác thực là có đức hạnh, có học vấn. Những nhân tài do họ chọn lựa, đề bạt, tất nhiên là khá lắm, đáng tin cậy.

Vì lẽ đó, chúng ta phải lưu ý cái nhân này. Trí huệ dẫn dắt thì mới giảm thiểu lầm lỗi. Nếu chẳng có trí huệ, mà có tư tâm; do tư tâm mà muốn thay quốc gia tuyển lựa, đề bạt nhân tài, sẽ tuyển kẻ nào? Tuyển thân thích của chính mình, tuyển những kẻ có liên quan với mình, chẳng phải là đại công vô tư. Có hạng người ấy hay không? Có chứ! Đời nào cũng đều có. Nói chung, chuyện gì có lợi thì sẽ có những nổi tệ. Nếu chúng ta quan sát cẩn thận, sẽ thấy lợi nhiều hay là tệ hại nhiều. Chuyện “*cử hiếu liêm*” suy cho đến cùng vẫn là lợi nhiều hơn tệ. Vì thế, quốc gia rất coi trọng mà cũng rất thận trọng đối với chuyện này. Tuyển lựa, đề cử nhân tài vào trường Thái Học. Trước kia, trường Thái Học được gọi Quốc Tử Giám, cũng phải do thầy quan sát, dạy bảo một thời gian dài, khiến cho kẻ ấy trở thành nhân tài rường cột của đất nước. Chúng ta phải ghi nhớ câu này: Hết thầy chừa Phật, Bỏ Tát, không vị nào chẳng dùng trí huệ để hướng dẫn. Vì thế, thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có lầm lỗi, hoặc là ít lầm lỗi!

(Sớ) Hựu w trung bát, tiền nhị ly quá, hậu lục thành đức.

(疏) 又於中八，前二離過，後六成德。

(Sớ: Lại nữa, trong tám câu giữa, hai câu trước nói về lìa lỗi, sáu câu sau nói về thành đức).

Đây là nói về tám câu giữa, [tức là] từ câu thứ hai cho đến câu thứ chín. “*Tiền nhị cú*” (Hai câu đầu) là câu thứ hai và câu thứ ba. “*Ly quá*” (Lìa lỗi) là “*bát hại*” và “*bát khả hủy*”. Sáu câu sau là “*thành đức*”: Chẳng thể hoại, không thoái chuyển, chẳng thể động, thù thắng, thanh tịnh, vô nhiễm, thành tựu đức hạnh của chính mình. Chúng tôi giảng đoạn thứ nhất tới đây. Đoạn này nhằm hỏi chung về cái quả.

Tiếp theo là “*thập đoạn biệt minh*” (mười đoạn giảng rõ từng điều riêng biệt). Chúng tôi đọc một lượt phân giới thiệu của Thanh Lương đại sư trong lời Sớ.

(Sớ) Sơ, nhất Dị Thục Quả.

(疏) 初一異熟果。

(Sớ: Đoạn thứ nhất, Dị Thục Quả).

Đây là đoạn thứ nhất. Sau đó là mười đoạn, dưới đây là đoạn thứ nhất.

(Sớ) Thứ, tứ Sĩ Dụng Quả.

(疏) 次、四士用果。

(Sớ: Bốn đoạn kế đó là Sĩ Dụng Quả).

Tức là bốn đoạn gồm các đoạn hai, ba, bốn và năm.

(Sớ) Thứ, nhị Ly Hệ Quả.

(疏) 次、二離繫果。

(Sớ: Hai đoạn sau đó là Ly Hệ Quả).

Hai đoạn sáu và bảy.

(Sớ) Thứ, nhất Tăng Thượng Quả.

(疏) 次、一增上果。

(Sớ: Một đoạn kế đó là Tăng Thượng Quả).

Đoạn kế tiếp sau đó là đoạn thứ tám.

(Sớ) Hậu, nhị Đẳng Lưu Quả.

(疏) 後、二等流果。

(Sớ: Hai đoạn sau rốt là Đẳng Lưu Quả).

Tức là đoạn thứ chín và đoạn thứ mười. Những danh từ Pháp Tướng này thuộc loại Phật giáo thường thức. Đại Thừa Biệt Giáo nói có sáu loại nhân, năm loại quả. Chúng tôi giới thiệu đơn giản; trước hết là nói về sáu nhân. “Sáu” chính là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, sáu loại ấy, tức là sáu loại địa vị thuộc [giai đoạn] tu nhân. Diệu Giác là quả địa, chẳng phải là nhân địa. Nhân địa có tu, quả địa là thành tựu, thành tựu rốt ráo viên mãn. Vì thế, nó chẳng phải là nhân địa. Nhân địa có sáu địa vị ấy. Chúng ta phải hiểu rõ: “Hễ là pháp hữu vi sanh khởi, ắt phải nương vào nhân và duyên hòa hợp”, nó mới có thể sanh khởi hiện tướng. Vì thế, nhà Phật nói “*nhân, duyên, quả*”. Có nhân mà chẳng có duyên, sẽ chẳng thể kết quả. Có duyên mà chẳng có nhân, cũng không thể kết quả. Nhất định phải là nhân duyên hòa hợp, quả báo bèn hiện tiền. Vì thế, nhân gồm có sáu thứ, tức là có sáu loại. Quả có năm loại. Chúng ta xem sáu loại ấy trước.

1) Loại thứ nhất là “*năng tác nhân*” [Phật Học Từ Điển giảng]: “*Vị phạm vi sanh pháp, dữ dĩ lực giả, hựu bất tác chướng hại giả*” (Ý nói: Phạm là pháp sanh khởi, bèn dùng sức để giúp nó, lại chẳng gây chướng ngại tổn hại nó). Đây là Năng Tác Nhân (能作因). Đối với bất cứ một pháp nào sanh khởi, bèn:

- Một là “*dĩ dĩ lực giả*”, [tức là] quý vị có thể giúp, bèn giúp đỡ nó. [Sự giúp đỡ ấy] được gọi là Năng Tác Nhân.

- Loại thứ hai, tuy quý vị chẳng giúp đỡ nó, nhưng chẳng chướng ngại, chẳng làm hại nó, để thuận theo tự nhiên, nó cũng có thể sanh trưởng tốt đẹp.

Vì thế, sau phần [giải thích về] Năng Tác Nhân [như đã trích dẫn trên đây, Phật Học Từ Điển] có nói: “*Cố thử nhân hữu dĩ lực, bất chướng nhị chủng*” (Vì thế, cái nhân ấy gồm có hai loại là “giúp sức” và “chẳng chướng ngại”), Năng Tác Nhân có hai loại ấy. “*Dĩ lực giả, pháp chi sanh thời*” (Dĩ Lực là khi pháp sanh khởi), “*pháp*” ở đây là nói đến hết thảy các pháp, bất cứ pháp nào sanh khởi, “*dĩ thắng lực giả dã*”, [nghĩa là] nó (pháp vừa được sanh khởi ấy) nhờ vào cái nhân Năng Tác này mà đắc lực. “*Nhãn Căn chi sanh Nhãn Thức*” (Nhãn Căn sanh ra Nhãn Thức): Nêu tỷ dụ để nói, Nhãn Căn là vật chất, Nhãn Thức chẳng phải là vật chất. Sáu căn và năm trần là vật chất, là Sắc pháp. Thức thứ sáu và Ý Căn chẳng phải là Sắc pháp, chúng chẳng phải là vật chất, nay chúng ta nói là “*tinh thần*”. “*Nhãn*” là nói đến Nhãn Căn. Nếu chẳng có Nhãn Thức, tuy có mắt mà không thấy. Chư vị phải hiểu: Cái có thể thấy chính là Nhãn Thức, chẳng phải là Nhãn Căn. Cái có thể nghe là Nhĩ Thức, chẳng phải là Nhĩ Căn, phải hiểu điều này! Xác thực là Nhãn Căn đã giúp cho Nhãn Thức [khởi tác dụng]; do vậy, [Nhãn Căn] thuộc loại Dĩ Lực, nghĩa là ban cho nó một sức mạnh, giúp đỡ nó, thuộc loại Năng Tác Nhân.

Lại nói một tỷ dụ khác: “*Như đại địa chi sanh thảo mộc*” (Như đại địa sanh thảo mộc), hoa cỏ cây cối, “*thị vi hữu lực Năng Tác Nhân*” (là cái nhân Năng Tác có sức mạnh). Nhãn Căn sanh ra Nhãn Thức, đại địa sanh trưởng cây cối, hoa cỏ, đều ban cho nó một loại sức mạnh, tạo sức mạnh giúp nó, tức là Năng Tác Nhân có sức mạnh. “*Thử hữu lực Năng Tác Nhân chi nhân thể, chỉ hạn ư hữu vi pháp, bất thông ư vô vi pháp*” (Bản thể của cái nhân Năng Tác Nhân hữu lực chỉ hạn cuộc trong pháp hữu vi, chẳng thông với pháp vô vi). Pháp hữu vi là pháp có sanh, có diệt, đó là pháp hữu vi. Pháp vô vi là pháp bất sanh, bất diệt. Bất sanh, bất diệt thì đương nhiên là chẳng thể áp dụng vào tiểu loại Dĩ Lực trong Năng Tác Nhân được! Do vậy, Dĩ Lực chẳng thông với pháp vô vi, nó chỉ thông với pháp hữu vi, không thông với vô vi! Vì sao? Tiếp đó, [từ điển] giảng: “*Dĩ vô vi pháp, vi vô tác dụng, bất hướng bỉ chi sanh pháp nhi dĩ lực dã*” (Do pháp vô vi chẳng có tác dụng, chẳng thể ban sức mạnh cho pháp vừa sanh khởi ấy được).

Nhưng ý nghĩa thứ hai của Năng Tác Nhân sẽ thông với pháp vô vi, chẳng chướng ngại! Tuy quý vị chẳng giúp đỡ nó, nhưng quý vị không trở ngại nó. Vì thế, “*bất chướng giả, vị bất phương tha chi sanh pháp, sử tha tự tại nhi sanh giả dã*” (“bất chướng” nghĩa là chẳng trở ngại pháp khác sanh khởi, khiến cho nó tự tại sanh khởi). Đây là loại Năng Tác Nhân thứ hai, chẳng gây chướng ngại. “*Như hư không chi ư vạn vật, thị vi vô lực Năng Tác Nhân*” (Như hư không đối với vạn

vật, thuộc loại Năng Tác Nhân không có sức). Hư không đối với hết thảy vạn vật, như cây cối, hoa cỏ, hư không chẳng ngăn ngại chúng, chẳng chướng ngại cây cối hoa cỏ sanh trưởng, nhưng hư không xác thực là chẳng giúp gì, chẳng giống như đại địa. Đại địa xác thực là có đất, nước, có rất nhiều thứ giúp nó, hư không chẳng giúp! Nhưng hư không chẳng chướng ngại cây cối, hoa cỏ sanh trưởng, chẳng ngăn trở nó, không hại nó. Vì thế, cũng thuộc loại Năng Tác Nhân. Năng Tác Nhân có hai ý nghĩa ấy, ở đây là vô lực Năng Tác Nhân, loại trước là hữu lực Năng Tác Nhân. “*Cố thử vô lực Năng Tác Nhân, thông u nhất thiết vô vi pháp dã*” (Vì thế, vô lực Năng Tác Nhân thông với hết thảy các pháp vô vi). Vì lẽ đó, nhân có hai loại như thế ấy.

“*Thử nhân sở đắc chi quả, danh vi Tăng Thượng Quả*” (Cái quả đạt được bởi cái nhân này được gọi là Tăng Thượng Quả). Tăng Thượng Quả là Năng Tác Nhân; Tăng Thượng (增上) là giúp đỡ. Do giúp đỡ có hai loại, ví như nay chúng ta làm chuyện gì đó, làm một chuyện tốt đẹp, có người phụ trợ quý vị, bỏ tiền, ra sức. Chuyện ấy được thành tựu, người ấy là “hữu lực Năng Tác Nhân”. Một hạng người khác tán thán quý vị: “Bạn làm chuyện tốt”. Tuy người ấy chẳng bỏ tiền, mà cũng không ra sức, nhưng chẳng làm hại quý vị, chẳng chướng ngại quý vị. Đó là “vô lực Năng Tác Nhân”. Hai loại ấy đều thuộc về Tăng Thượng Quả. Hễ thành tựu đều xem như Tăng Thượng Quả. Ý nghĩa này giảng rất viên mãn, rất hay. Xác thực là trong hết thảy các pháp hữu vi và vô vi, chúng ta quan sát cẩn thận, sẽ thấy thật sự có cái nhân ấy, có cái quả ấy.

2) Loại thứ hai gọi là Câu Hữu Nhân (俱有因). Câu Hữu Nhân là gì? [Phật Học Từ Điển giảng] “*vi câu hữu quả chi nhân, cố danh Câu Hữu Nhân, vị thị tất nhị cá dĩ thượng chi pháp tương y nhi sanh, như thúc lô chi tương y, địa đẳng chi tứ đại chủng, sanh trụ đẳng chi tứ tướng, thị dã*” (chính là cái nhân luôn có quả, nên gọi là Câu Hữu Nhân. Ý nói: Ất phải là từ hai pháp trở lên nương vào nhau mà sanh khởi, như kết lau lách [làm thành lều] để ở, bốn đại chủng như đất v.v... bốn tướng như sanh, trụ v.v... chính là Câu Hữu Nhân). Những thí dụ vừa nêu cũng rất hay. Địa là đại địa, tức là Địa trong tứ đại chủng Địa, Thủy, Hỏa, Phong, đó gọi là Địa trong Tứ Đại Chủng. Tứ Tướng: “*Sanh trụ đẳng chi tứ tướng*” [nghĩa là] bốn thứ hiện tượng sanh, trụ, di, diệt. Tiếp đó, [từ điển] giảng rất hay: “*Cái tứ đại chủng chi sanh, tất hỗ tương y nhi sanh, khuyết nhất, bất khả dã*” (Bởi lẽ, tứ đại chủng sanh khởi, ắt phải nương tựa lẫn nhau để sanh. Thiếu một thứ, sẽ chẳng được). Từ chỗ này, chúng ta bèn hiểu rõ ý nghĩa này. Nay chúng ta nói Địa là vật chất. Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được sự sanh khởi của vật chất. Nói thật ra, Thiên Nhãn của A La Hán cũng chẳng nhìn thấy. Trong kinh, đức Phật đã nói: Thiên Nhãn của A La Hán có thể trông thấy vi trần. Vi trần là gì? Là vật chất rất nhỏ, đức Phật hay dùng “*trần*” (塵, hạt bụi) để tỷ dụ.

Trong kinh, đức Phật đã nói: Lông trâu, lông trên thân con trâu rất thô. Ví như sợi lông trâu ấy, trên chót đầu sợi lông có một hạt bụi, tức là một hạt vật chất rất nhỏ. Hạt bụi ở trên đó, sẽ đặt rất vững vàng, chẳng rơi xuống. Đây là nói tới cái rất nhỏ, cũng có lẽ mắt chúng ta tốt sẽ có thể thấy rõ ràng. Trên lông trâu có vật ấy, rất nhỏ! Chia Ngưu Mao Trần (牛毛塵, hạt bụi trên lông trâu) thành bảy

phần, một phần bảy [của Ngưu Mao Trần] cũng rất nhỏ. Một phần bảy ấy được gọi là Dương Mao Trần (羊毛塵, hạt bụi trên lông dê), lông dê mịn hơn lông trâu. Người Hoa dùng bút lông để viết chữ, đầu bút lông làm bằng lông dê rất nhiều, tức là lông tơ của dê, rất mịn. Nó là một phần bảy, tức một phần bảy của Ngưu Mao Trần. Dương Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần bảy của nó gọi là Thỏ Mao Trần (兔毛塵, hạt bụi trên lông thỏ), lông thỏ càng mịn hơn! Thỏ Mao Trần còn có thể chia nhỏ, một phần bảy sau khi đã chia được gọi là một Thủy Trần. Nay chúng ta biết nước có mật độ hoàn toàn chẳng lớn. Nhìn dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn, nó cũng giống như màng lưới. Phân tử nước giống như màng lưới, trong ấy, có rất nhiều khe hở. Hạt trần này rất nhỏ, có thể hoạt động trong các kẽ hở của phân tử nước chẳng có chướng ngại. Nhục nhãn chẳng thể thấy loại trần này.

Thủy Trần còn có thể chia nhỏ, một phần bảy của nó sau khi chia được gọi là một Kim Trần. “Kim” (金) là thuộc về kim loại; vàng, bạc, đồng, sắt là kim loại! Mật độ của kim loại cũng rất lớn; tuy rất lớn, quan sát dưới kính hiển vi, nó cũng giống như màng lưới, ở giữa [các phân tử] vẫn có kẽ hở. Loại hạt này cũng có thể tự do hoạt động trong các kẽ hở ấy chẳng có chướng ngại. Quý vị thấy nó nhỏ cỡ nào! Trong kim loại, nó thể di chuyển xuyên qua xuyên lại, chẳng có chướng ngại! Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy Kim Trần. Kim Trần lại chia thành bảy phần, một phần của nó gọi là Vi Trần. Thiên Nhân của A La Hán có thể thấy Vi Trần. Nhưng Vi Trần còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần ấy được gọi là Sắc Tụ Chi Vi, A La Hán chẳng trông thấy. Sắc Tụ Chi Vi còn có thể chia nhỏ, chia thành bảy phần thì một phần ấy được gọi là Cực Vi Chi Vi, chẳng thể chia nhỏ hơn được nữa! Hễ chia nữa, sẽ chẳng có gì. Vì thế, loại trần này cũng được gọi là Lân Hư Trần (鄰虛塵), [hàm nghĩa] nó gần giống như hư không, hễ chia nhỏ hơn nữa, sẽ chẳng có gì hết. Trong kinh, đức Phật nói theo kiểu ấy, quý vị thấy có giống như hiện thời nói phân tử, nguyên tử, điện tử, lap tử (hạt, particles) hay không? Đối với những danh từ mà các nhà khoa học hiện thời sử dụng, Phật học đều dùng chữ “*vi trần*” hoặc “*trần*”, đều là nói tới cùng một chuyện, nhưng nói theo hai cách khác nhau! Trong kinh Phật có khoa học, kỹ thuật cao. Thật đấy, chẳng giả! Nhục nhãn chẳng thể thấy những thứ này, A La Hán chẳng trông thấy, đại Bồ Tát (Pháp Thân Bồ Tát) có thể trông thấy. Các Ngài thấy được Cực Vi Chi Vi.

Các khoa học gia hiện đại cũng rất thông minh, cũng rất có khả năng. Họ đã phát hiện nguyên điểm của vũ trụ hết sức nhỏ. Nếu nguyên điểm bùng nổ, sẽ là đại vũ trụ. Nguyên điểm to cỡ nào? Chúng tôi cũng đã báo cáo điều này rất nhiều lần. Cắt ngang một sợi tóc, đối với thiết diện (mặt cắt) của sợi tóc, ví như chúng ta cắt ngang một sợi tóc này, chỗ bị cắt ngang sẽ có thiết diện, do sợi tóc có hình trụ, nên thiết diện là hình tròn. Thiết diện ấy có đường kính, trên đường kính có thể xếp dọc những nguyên điểm, có thể xếp tới một trăm vạn ức ức nguyên điểm! Các dụng cụ khoa học hiện thời đều chẳng có cách nào trông thấy [những nguyên điểm ấy]! Các nhà khoa học đã suy luận từ Toán Học, đó là vật chất. Vật chất ấy tồn tại trong thời gian bao lâu? Đúng là trong từng sát-na, lại

còn do đâu mà có? Từ trong Vô mà sanh ra Hữu, thời gian tồn tại hết sức ngắn ngủi, tạm bợ! Hiện thời, các thứ sắc tướng như chúng ta đã thấy là do những vi trần tụ hợp, gọi là Vi Trần Tụ, tụ tập lại thành tướng tương tục (tướng liên tục). Giống như chúng ta xem phim ảnh, những tướng được hiện trên màn bạc là do từ các tấm phim trong máy chiếu phim [rọi lên]. Các tấm phim lưu lại giả tướng trên màn bạc, chẳng phải là thật. Khi quý vị nhìn [vào màn bạc], nó đã thay đổi, từng tấm một, một giây thay đổi hai mươi bốn tấm hình, chúng ta bèn cảm thấy nó là thật, chẳng thấy nó là giả!

Trong hoàn cảnh hiện thực, tất cả hết thấy các sắc tướng có tốc độ sanh diệt nhanh cỡ nào? Phim ảnh mỗi giây thay đổi hai mươi bốn lần, cũng có nghĩa là mỗi giây có hai mươi bốn tướng sanh diệt. Chúng ta thấy [các hình ảnh hiện trên màn bạc] liên tục, hoàn toàn chẳng biết là chúng sanh diệt, cứ thấy chúng là liên tục. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã dạy: Đối với một cái khảy ngón tay, một phần sáu mươi của [thời gian] khảy ngón tay, thời gian ấy rất ngắn, gọi là một sát-na (ksana). Trong một sát-na, có chín trăm lần sanh diệt. Chúng ta khảy ngón tay thử xem, khảy thật mau thì trong một giây tôi có thể khảy bốn lần. Bốn nhân với sáu mươi lại nhân với chín trăm, vừa đúng hai lần mười vạn tám ngàn (2x108.000). Nói cách khác, hiện tượng sanh diệt của vật chất theo kinh Nhân Vương sẽ có thời gian tồn tại là hai lần mười vạn tám ngàn, tức là hai mươi một vạn sáu ngàn (216.000) lần sanh diệt. Một giây là hai mươi một vạn sáu ngàn hiện tượng sanh diệt, làm sao quý vị biết nó là giả cho được?

Do vậy, đức Phật nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*. Vì Ngài thấy chúng sanh diệt, chẳng phải là thật, toàn là huyễn tướng, cho nên đức Phật gọi cái Có này là Diệu Hữu. Diệu Hữu và Chân Không là một, không hai. Bát Nhã Tâm Kinh nói: *“Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”*, là một, không hai. Trong các phần trước, chúng tôi cũng đã báo cáo điều này nhiều lần. Tôi nói: Đức Phật nói kiểu này là nói phương tiện. Nói chân thật, sẽ là ức vạn phần của một giây, chẳng có cách nào tưởng tượng! [Nói như trong] kinh Nhân Vương là đức Phật nói sơ lược. A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng tôi còn chưa giảng xong Câu Hữu Nhân. Tôi vừa mới nói đến Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Địa là vật chất, vật chất nhỏ nhất. Dầu là vật chất nhỏ nhoi đến mấy đi nữa, nó có bốn thứ hiện tượng, kinh Phật gọi chúng là *“tứ đại chủng”* Địa, Thủy, Hỏa, Phong, nhất định là có bốn loại hiện tượng ấy. Địa Đại biểu thị vật chất. Các nhà khoa học hiện thời gọi Thủy Đại và Hỏa Đại là *“đời điện”* (tích điện). Thủy Đại là tích điện Âm, Hỏa Đại là tích điện Dương, nhất định là nó tích điện. Phong là nói nó động, chẳng tĩnh lặng, lại còn chuyển động với tốc độ rất lớn, và cũng rất nhanh. Nói theo Phật pháp, hễ bốn đại chủng ấy sanh khởi, nhất định là chúng nương tựa lẫn nhau để sanh. Hễ thiếu một thứ, sẽ không thể được. Xác thực là như vậy. Hễ chúng sanh khởi thì cả bốn loại hiện tượng ấy đồng thời sanh khởi. Đó gọi là: *“Đồng thời câu*

hữu chi pháp, hổ vi nhân, hổ vi quả giả. Thử vị chi hổ vi quả Câu Hữu Nhân. Thử nhân sở sanh chi quả, danh Sĩ Dụng Quả” (Pháp đồng thời đều có, làm nhân lẫn nhau, làm quả lẫn cho nhau. Đó là Câu Hữu Nhân có thể dùng làm quả lẫn nhau. Cái quả do cái nhân ấy sanh ra, sẽ được gọi là Sĩ Dụng Quả). Cho đến khi chúng ta xem [phần giải thích về] năm quả, chư vị sẽ đều thấy, [quả của] điều này được gọi là Sĩ Dụng Quả (士用果), nó là Câu Hữu Nhân, nó làm nhân và làm quả lẫn cho nhau!

3) Loại thứ ba gọi là Đồng Loại Nhân (同類因). [Tự điển giảng] “*vị đồng loại chi pháp, dĩ đồng loại chi pháp vi nhân, như thiện pháp vi thiện pháp chi nhân, nãi chí vô ký pháp vi vô ký pháp chi nhân*” (ý nói pháp đồng loại dùng pháp đồng loại làm nhân, như thiện pháp là nhân của thiện pháp, cho đến pháp vô ký là nhân của pháp vô ký). “*Nãi chí*” tức là tinh lược “*như ác pháp, nhất định vi ác pháp chi nhân*” (như ác pháp nhất định là nhân của ác pháp). Pháp rất nhiều, nói chung chẳng ra ngoài ba loại lớn ấy, tức là thiện, ác, vô ký. “*Thử đồng loại chi danh, tựu thiện ác chi tánh nhi lập, phi tựu sắc tâm đẳng chi sự tướng, thiện chi Sắc Uẩn dữ thiện chi Thức Uẩn tương vọng, do Đồng Loại Nhân đẳng lưu quả cố dã. Cái thử nhân sở đắc chi quả, nãi Đẳng Lưu Quả dã*” (Danh xưng Đồng Loại chính là dựa theo tánh thiện hay ác mà thành lập, chẳng phải là căn cứ trên sự tướng như sắc, tâm v.v... Sắc Uẩn của thiện và Thức Uẩn của thiện đối ứng nhau. Do Đồng Loại Nhân, sẽ lưu xuất (sanh ra) cái quả có cùng tánh chất với cái nhân. Do vậy, cái quả đạt được bởi Đồng Loại Nhân sẽ là Đẳng Lưu Quả). Đẳng Lưu (等流) nghĩa là cái nhân có cùng một loại [với cái quả]. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu chúng ta chú tâm quan sát, sẽ thấy hết sức rõ rệt. Đời trước chuộng đức, tu thiện, đời trước đã có cái nhân ấy; đời này, tuy chẳng có ai dạy người ấy, người ấy cũng ưa chuộng điều thiện, cũng tích đức. Y học nói là “*di truyền*”, kẻ ra cũng có đôi chút đạo lý. Nhưng Phật pháp nói rõ ràng hơn: Tập khí từ đời trước. Đời trước ưa chuộng tạo ác, nếu đời này không có ai dạy dỗ đàng hoàng, tập khí của kẻ ấy thường hiện tiền, cũng sẽ thường xuyên ưa thích làm ác, làm những điều dữ dội! Trong Phật pháp, [tập khí] còn gọi là “*tập tánh*”, thường nói là “*giang sơn dễ đổi, tập tánh khó trừ*”.

Nghiệp thiện ác, tập khí vô minh, xác thực là do đời trước ảnh hưởng đời này; đời này sẽ ảnh hưởng đời sau. Vì thế, con người chẳng thể không học, chẳng thể không tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền. Trong tập khí, nói thật ra, thiện ít, bất thiện nhiều. Nói theo số mục trong Phật pháp, chúng ta cũng hiểu rất rõ ràng! Quý vị thấy trong Bách Pháp, tức Bách Pháp Minh Môn, thiện pháp chỉ có mười một điều, ác pháp có hai mươi sáu điều. Phiền não có hai mươi sáu điều, thiện pháp chỉ có mười một điều, cho thấy: Trong tập tánh, ác nhiều, thiện ít, đương nhiên là ác lực mạnh hơn thiện lực. Do đó, người thế gian làm ác rất dễ dàng, tu thiện rất khó khăn, nguyên nhân là gì? Đồng Loại Nhân. Chớ nên không biết điều này. Cái quả đạt được bởi Đồng Loại Nhân gọi là Đẳng Lưu Quả, tức Đẳng Lưu Quả trong năm quả.

4) Lại xem loại thứ tư là Tương Ứng Nhân (相應因). “*Tâm dữ tâm sở chi pháp, tất đồng thời tương ứng nhi sanh, cố danh tương ứng pháp. Tựu thử nhất*

tụ chi tâm, tâm sở, dĩ nhất vọng tha, danh Tương Ứng Nhân, như bỉ chi Câu Hữu Nhân (tiền diện sở thuyết đích). Cái u Câu Hữu Nhân trung, đặc biệt khai tâm, tâm sở chi pháp nhi lập thủ nhân dã. Cố sở đắc chi quả, dĩ Câu Hữu Nhân vi lệ, xưng vi Sĩ Dụng Quả” (Tâm Pháp và Tâm Sở Pháp ắt đồng thời tương ứng mà sanh, nên gọi là pháp tương ứng. Dựa theo một nhóm tâm và tâm sở, dùng một nhóm này để đối ứng với những điều khác, nên gọi là Tương Ứng Nhân, như Câu Hữu Nhân (đã nói trong phần trước). Ấy là vì trong Câu Hữu Nhân, đặc biệt dựa trên tâm pháp và tâm sở pháp để lập ra cái nhân này. Vì thế, cái quả đạt được [bởi Tương Ứng Nhân] sẽ tuân theo cách thức của Câu Hữu Nhân, gọi là Sĩ Dụng Quả). Vì lẽ này, Sĩ Dụng Quả có cái nhân là Tương Ứng Nhân [trong phần này] và Câu Hữu Nhân như đã nói trong phần trước. Do hai thứ nhân là Câu Hữu Nhân và Tương Ứng Nhân mà đạt được quả, [cái quả ấy] sẽ gọi là Sĩ Dụng Quả. Vì lẽ này, nhân có sáu, quả có năm.

Ở đây, nêu Tâm và Tâm Sở làm thí dụ. Tâm là tám thức, được gọi Bát Thức Tâm Vương. Tâm Vương khởi tác dụng thì [những tác dụng ấy] được gọi là Tâm Sở. Bởi lẽ, Tâm Sở chính là pháp được sở hữu bởi tâm! Tám thức và tất cả các pháp tương ứng với nó, trong Bách Pháp đã nói rất rõ ràng. Như A Lại Da, có Tâm Sở tương ứng với nó ít nhất, chỉ có năm điều, [năm điều ấy được] gọi là Ngũ Biến Hành. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, có [Tâm Sở] nhiều nhất, năm mươi một pháp Tâm Sở thấy đều trọn đủ. Thức thứ sáu là Ý Thức phân biệt. Hễ tâm phân biệt dấy lên, năm mươi một Tâm Sở tương ứng với Ý Thức đều dấy lên hiện hành. Những điều này có thể nói là tâm lý học Phật giáo, giảng giải hết sức vi tế!

5) Loại thứ năm là Biến Hành Nhân (遍行因). “*Thị vi do Đồng Loại Nhân, đặc biệt khai phiền não pháp nhi lập giả*” (Đây là từ Đồng Loại Nhân, đặc biệt dựa theo những pháp thuộc về phiền não mà lập ra [cái nhân này]), giống như Tương Ứng Nhân. Tương Ứng Nhân là từ trong Câu Hữu Nhân, đặc biệt tách ra Tâm và Tâm Sở để lập thành [một cái nhân khác], gọi là Tương Ứng Nhân. Biến Hành [Nhân] cũng giống như thế. Từ trong Đồng Loại Nhân, đặc biệt tách ra pháp phiền não. Phiền não là thiện, ác, vô ký (không thiện, không ác). “*Cái tại Kiến Hoặc, Khổ Đế hạ chi ngũ kiến cập nghi dữ vô minh, Tập Đế hạ chi tà kiến, Kiến Thủ nhị kiến*” (Ấy là vì trong Kiến Hoặc thì năm loại kiến thuộc Khổ Đế, cùng với nghi và vô minh, tà kiến trong Tập Đế, hai kiến thuộc loại Kiến Thủ), Kiến Thủ Kiến là [kiến chấp] thuộc về quả, Giới Thủ Kiến là [kiến chấp] thuộc về nhân; đó là hai thứ kiến thuộc loại Kiến Thủ, cùng với nghi và vô minh. Chư vị phải ghi nhớ, nói “*tham, sân, si, mạn, nghi*” thì vô minh chính là si. Đối với si trong “*tham, sân, si*”, si là vô minh. “*Biến sanh nhất thiết chi Hoặc, cố danh Biến Hành Nhân*” (Do sanh trọn khắp hết thấy các Hoặc, nên gọi là Biến Hành Nhân). Do vậy có thể biết: Hoặc (惑) là mê hoặc. Vì sao mê hoặc đối với hết thấy các pháp? Do kiến giải sai lầm! Kiến Hoặc là quý vị chẳng liễu giải chân tướng của các hiện tượng trong vũ trụ và nhân sinh, quý vị đã nhìn sai. Kiến Hoặc là quý vị thấy sai, Tư Hoặc là quý vị nghĩ sai. Nghĩ sai, thấy sai, há có lẽ nào chẳng làm sai? Năm thứ Kiến thuộc Khổ Đế, cùng với nghi và vô minh, tà kiến trong Tập Đế, hai thứ kiến thuộc Kiến Thủ, những thứ ấy sanh ra trọn khắp hết thấy các

Hoặc. Chúng ta mê hoặc đối với vũ trụ, nhân sinh, và hết thảy người, sự, vật, [sự mê hoặc ấy] do đâu mà ra? Nêu rõ cho chúng ta biết căn nguyên ấy; vì thế, điều này được gọi là Biến Hành Nhân. “*Thị bất quá vi Đồng Loại Nhân chi nhất chủng*” (Bất quá là một loại trong các thứ Đồng Loại Nhân), nói tổng quát thì gọi là Đồng Loại Nhân là được rồi. Nó (Biến Hành Nhân) từ trong Đồng Loại Nhân tách ra. “*Có sở đắc chi quả, tức đẳng loại quả dã*” (Do vậy, đạt được cái quả chính là Đẳng Loại Quả), nghĩa là Đẳng Lưu Quả.

6) Cuối cùng, loại thứ sáu được gọi là Dị Thục Nhân (異熟因). “*Thị dĩ ác dữ hữu lậu thiện chi nhị pháp vi Thử*” (Nhân này lấy hai pháp là ác và hữu lậu thiện làm Thử). Do vậy, có thể biết: Dị Thục Nhân thuộc vào tam giới. “*Ác và hữu lậu thiện*”: Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Tuy tu thiện, chẳng lìa khỏi phiền não, phiền não gì vậy? Trong những điều thiện do quý vị đã tu có tham, sân, si mạn, nghi. Nói theo kiểu hiện thời, quý vị tu thiện, tích đức, trong ấy có tự tư tự lợi, có tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng buông xuống những thứ ấy. Thiện pháp đó gọi là hữu lậu thiện! Quả báo ở chỗ nào? Quả báo trong nhân thiên. “*Thiên*” ở đây là Dục Giới Thiên, đại đa số là sanh trong Tứ Vương Thiên hoặc Đao Lợi Thiên của Dục Giới Thiên. Từ Đao Lợi Thiên trở lên như Dạ Ma, Đâu Suất, phiền não nhẹ nhàng. Từ Đao Lợi Thiên trở xuống, phiền não vẫn khá nghiêm trọng. Ông ta (Đình Phước Bảo) dùng chuyện này làm tỷ dụ: “*Ác dữ hữu lậu thiện chi nhị pháp vi Thử, như dĩ Ngũ Nghịch chi ác pháp, cảm địa ngục chi báo*” (Hai pháp ác và hữu lậu thiện làm Thử, như do ác pháp Ngũ Nghịch mà cảm báo trong địa ngục). Đây là nêu tỷ dụ để nói. Ngũ Nghịch là đại ác, giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Đây là Ngũ Nghịch. Tội Ngũ Nghịch quyết định đọa vào A Tỳ địa ngục, là tội nặng nhất! Cha mẹ sanh ra quý vị, nuôi nấng dạy dỗ quý vị, có đại ân, đại đức, có thể nào sát hại ư? Do vậy, đây là tội cực nặng!

Nếu chúng ta hỏi, muốn truy cứu vì sao con cái giết cha mẹ ư? Hiện thời còn có trường hợp cha mẹ giết con cái. Vì sao? Đều là do có mối quan hệ trong đời trước. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, duyên giữa cha mẹ và con cái có bốn loại:

1) Loại thứ nhất là báo ân. Vậy thì gia đình sẽ hết sức hòa hợp, đến báo ân mà! Trong quá khứ, cha mẹ có ân đối với con cái. Phạm những kẻ đến báo ân, nhất định là con hiếu, cháu hiền, gia đình hòa thuận.

2) Loại thứ hai đến báo oán. Trong quá khứ, cha mẹ đã quá lỗi, hoặc là giết kẻ đó, hãm hại kẻ đó; cho nên đời này, họ đầu thai vào nhà quý vị, [trở thành đứa con] oán hận, bất hiếu. Sau khi khôn lớn, sẽ là đứa con khiến cho gia đình bại hoại, nhất định sẽ khiến cho quý vị nhà tan, người chết. Kẻ ấy đến báo thù, đến báo oán. Chuyện này phiền phức lắm!

Do vậy, oan gia hãy nên cởi gỡ, chớ nên buộc. Quý vị hiểu đạo lý này, quyết định chớ nên kết oán với người khác. Đã kết oán, đời này kẻ ấy chẳng thể báo thù, [chờ đến] đời kế. Đời kế cũng chẳng thể báo thù, [sẽ chờ đến] đời sau nữa! Nếu ý niệm báo thù của kẻ ấy chẳng dứt, ngày nào duyên đã chín muồi, quả báo của sự báo thù bèn hiện tiền, rất phiền phức. Khi báo thù, con cái giết cha

mẹ, cha mẹ có phải là cam tâm tình nguyện, chẳng có tâm sân khuê hay không? Nếu là như vậy, mỗi oán ấy đã giải quyết xong! Nếu cha mẹ chẳng có tấm lòng độ lượng ấy, tâm sẽ thông thiết căm hận con cái đại nghịch bất đạo, thôi rồi! Đời sau gặp gỡ lại báo thù! Oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong! Trong thế giới hiện thời, chỉ cần quý vị lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] người trong một nhà báo oán, đòi nợ quá nhiều! Rất ư là nhiều! Báo ân, trả nợ ít. Trong một đời này, chúng ta có ân đức đối với bao nhiêu người? Hoan hỷ bố thí bao nhiêu người? Vì thế, chúng ta đã tạo cái nhân gì, chính mình hiểu rõ rành rành. Những gì ta hứng chịu chính là quả, nhân quả báo ứng chẳng sai sót mấy may!

Hiểu rõ đạo lý và sự thật này, đối với hết thầy người, sự, vật, không chỉ là chúng ta chẳng dùng hành vi ác để đối đãi với người khác, mà ý niệm ác cũng chẳng dậy lên. Như vậy thì mới thật sự thành tựu đức hạnh, nâng cao cảnh giới của chính mình, chẳng sống uổng phí đời này! Thấy người khác tốt đẹp hơn ta, giàu có hơn ta, tôn quý hơn ta, trong tâm bèn khó thể chịu đựng, ganh tỵ, ý niệm chướng ngại bùng bùng nảy sanh, chẳng tốt! Người đã hiểu mình bạch bèn biết: Người ta giàu có hơn mình là do trong đời quá khứ, người ấy đã tu Tài Bố Thí, tu quá nhiều, ta chẳng tu! Nay người ta làm quan lớn, có quyền thế, là do đời trước tu thiện tích đức tốt đẹp, đáng nên hưởng quả báo ấy, ta đâu có tu! Hiểu rõ đạo lý này, dầu chúng ta nghèo hèn, chẳng oán trời, chẳng hờn người. Chúng ta nỗ lực sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện, đời sau có thể vượt trội kẻ đó, không chỉ là như thế! Vàn muôn phần chớ nên ganh tỵ, gây chướng ngại! Ganh tỵ và chướng ngại chính là thật sự chướng ngại mình. Đời này, báo hết, khi thọ mạng đã tới, chắc chắn quý vị sẽ đọa trong tam đồ, chẳng thể lại được làm thân người. Vì thế, con người đối với hết thầy người, sự, vật, đều phải có thành ý, dùng thiện tâm để đối đãi. Ác pháp Ngũ Nghịch cảm quả báo trong địa ngục!

“Dĩ Thập Thiện chi hữu lậu thiện, chiêu thiên thượng chi quả” (Dùng Thập Thiện thuộc loại hữu lậu thiện để chiêu cảm quả báo trên cõi trời). Ta học Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo mười thiện nghiệp để tu hành, nhưng chúng thuộc loại hữu lậu, vì còn kèm theo tập khí phiền não, chẳng đoạn hết tập khí phiền não! Nói cách khác, hễ còn có tự tư tự lợi, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có tham, sân, si, mạn, nương theo Thập Thiện Đạo để tu hành, quả báo ra sao? Quả báo ở trong cõi trời, tức là như trong phần trước đã nói: Đạo Lợi Thiên và Tứ Vương Thiên. *“Bỉ thiên thượng dữ địa ngục chi quả, giai phi thiện, phi ác, đản vi vô ký tánh”* (Quả trên cõi trời và trong địa ngục đều chẳng phải là thiện hay ác, chỉ có tánh chất vô ký). Tuy nó có tánh chất vô ký, *“duy nhất khổ, nhất lạc”* (nhưng một đằng là khổ, một đằng là vui), cõi trời sướng, địa ngục khổ, nhưng quý vị sanh thiên cũng thế, mà đọa địa ngục cũng thế, chẳng nói đến thiện hay ác, đó gọi là Vô Ký. Nhân có thiện hay ác, quả là Vô Ký! *“Nhu thử dĩ thiện nhân, ác nhân, giai cảm vô ký chi quả, nhân quả dị loại nhi thực”* (Như thế thì do thiện nhân hay ác nhân đều cảm cái quả vô ký, nhân và quả khác loại mà chín muồi). Do vậy, gọi là Dị Thực Nhân. Nhân và quả khác loại mà chín muồi, nhân và quả cũng chín muồi khác thời. Khác loại, khác thời! *“Nhất nhân ác quả vô ký, nhất nhân thiện quả vô ký”* (Một đằng là do cái nhân ác, mà cái quả là vô ký; một đằng là do cái

nhân thiện, mà quả cũng là vô ký). Đây gọi là Dị Thục Nhân, quả báo được gọi là Dị Thục Quả.

Nói về sáu loại nhân, thì danh từ [được sử dụng] trong Câu Xá Luận giống như chúng tôi đang nói ở đây. Những điều đã nói trong phần trước đều là dựa theo Câu Xá Luận. Thứ nhất là Năng Tác Nhân, thứ hai là Câu Hữu Nhân, thứ ba là Đồng Loại Nhân, thứ tư là Tương Ứng Nhân, thứ năm là Biến Hành Nhân, thứ sáu là Dị Thục Nhân. Trong quyển ba mươi hai của Đại Trí Độ Luận cũng có nói đến [sáu nhân], nhưng danh từ hơi sai khác đôi chút. Trí Độ Luận nói: Thứ nhất là Tương Ứng Nhân, thứ hai là Cộng Sanh Nhân (共生因), Cộng Sanh Nhân chính là Câu Hữu Nhân; thứ ba là Tự Chủng Nhân (自種因), Tự Chủng Nhân là Đồng Loại Nhân; thứ tư là Biến Nhân (遍因), tức Biến Hành Nhân; thứ năm là Báo Nhân (報因), tức là Dị Thục Nhân; thứ sáu là Vô Chướng Nhân (無障因), tức là Năng Thế Nhân (Năng Tác Nhân). Giới thiệu sáu thứ nhân đơn giản như vậy đó.

Kế đó, chúng ta lại xem năm quả. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói về năm loại quả.

(Sớ) Tánh Tướng môn, phân biệt nhân quả chi tướng, nhân hữu lục, quả hữu ngũ.

(疏)性相門，分別因果之相，因有六，果有五。

(Sớ: Tánh Tướng môn, phân biệt tướng nhân quả, nhân có sáu, quả có năm).

Thứ nhất là:

(Sớ) Dị Thục Quả, dĩ ác nghiệp chiêu lai thế tam nghiệp chi khổ quả, dĩ thiện nghiệp chiêu lai thế nhân thiên chi lạc quả. Khổ lạc chi quả, tánh giai vi vô ký, dĩ nghiệp nhân chi thiện dữ ác chi tánh dị, cố danh Dị Thục Quả, tự lục nhân trung chi Dị Thục Nhân nhi lai.

(疏)異熟果，以惡業招來世三業之苦果，以善業招來世人天之樂果，苦樂之果性皆為無記，與業因之善與惡之性異，故名異熟果，自六因中之異熟因而來。

(Sớ: Dị Thục Quả, do ác nghiệp chiêu cảm khổ quả nơi ba nghiệp trong đời sau, do thiện nghiệp chiêu cảm quả vui nơi đờng trời, người trong đời sau. Tánh của khổ quả và lạc quả đều là vô ký. Do [tánh của quả] khác với tánh thiện hay ác của nghiệp nhân, nên gọi là Dị Thục Quả, do Dị Thục Nhân trong sáu nhân mà có).

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt ghi nhớ, thiện nhân quyết định sẽ cảm vờ quả báo nhân thiên, ác nhân chắc chắn chiêu cảm quả báo trong tam đồ. Nhân thì có thiện hay ác khác nhau, nhưng quả báo đạt được thảy đều thuộc loại Vô Ký

Nhân, cho nên gọi là Di Thục Quả. [Cái quả này] do Di Thục Nhân mà có. Loại thứ hai:

(Sớ) Sĩ Dụng Quả, như nông phu chi ư mễ, mạch, như hành lực chi ư đạo quả.

(疏)士用果。如農夫之於米麥，如行力之於道果。

(Sớ: Sĩ Dụng Quả, như gạo, lúa mì đối với nông phu, như đạo quả đối với người dốc sức tu hành).

“Hành” là tu hành, “lực” là công phu, do tu hành mà chứng quả.

(Sớ) Tổng y tạo tác chi lực dụng nhi đắc giả.

(疏)總依造作之力用而得者。

(Sớ: Nói chung là luôn nương vào lực dụng của sự tạo tác mà đắc [cái quả này]).

Nông phu gieo trồng rất vất vả, họ phải nỗ lực cày cấy thì mới có thu hoạch. Vì thế, nương vào lực dụng tạo tác để đạt được quả. Tu hành cũng là như thế, quý vị phải thật sự tu hành đúng lý đúng pháp thì mới có thể chứng đắc đạo quả. Điều quan trọng nhất trong tu hành là đoạn ác tu thiện, đoạn ác trước hết. Nếu ác chẳng đoạn, quý vị sẽ không thể tu điều lành nào! Vì sao? Tâm của quý vị là ác, ý niệm là ác, dẫu làm dễ coi cách mấy, do bản chất chẳng lìa khỏi ác, làm sao quý vị đạt thiện quả cho được? Vì thế, nhất định là trước hết phải biết đoạn ác, thiện mới có căn cội được!

Phải hết sức nghiêm túc thực hiện chuyện đoạn ác tu thiện. Trước hết, quý vị phải hiểu rõ thiện là gì? Ác là gì? Đây là trí huệ. Kẻ bình phàm hết sức khó khăn, nhất là trong xã hội hiện thời, thiện ác lẫn lộn, chẳng rõ ràng, rất khó phân biệt. Quý vị quan sát cẩn thận, sẽ thấy ác dường như là thiện, thiện dường như là ác. Chẳng có trí huệ chân thật, chẳng có công phu định lực kha khá, chẳng có học thức phong phú, đúng là chẳng có cách nào biện định rõ ràng! Chẳng thể biện định rõ ràng thì là ngu si, là mê hoặc. Do đó, kẻ ấy luôn nương vào lực dụng của sự tạo tác thì mới đạt được quả báo này. Đạt được quả báo này là do tương ứng với hai loại nhân là Câu Hữu Nhân và Tương Ứng Nhân trong sáu loại nhân. Loại thứ ba...

(Sớ) Ly Hệ Quả, y Niết Bàn chi đạo lực nhi chứng chi giả.

(疏)離繫果。依涅槃之道力而證之者。

(Sớ: Ly Hệ Quả do nương vào đạo lực của Niết Bàn mà chứng).

Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, có nghĩa là “bất sanh, bất diệt”. Đạo bất sanh bất diệt là gì? Là tự tánh, là Tánh Đức. Tiếp đó, [lời Sớ] nói rất hay.

(Sớ) Niết Bàn ly nhất thiết chi hệ phược, cố vân Ly Hệ.

(疏)涅槃離一切之繫縛，故云離繫。

(Sớ: Niết Bàn là lìa hết thảy các thứ trói buộc, cho nên nói là Ly Hệ).

“Phược” (縛) là tên gọi khác của phiền não. Phiền não giống như dây thừng, trói chặt chúng ta lại, chẳng thể cựa quậy, chẳng thể tự tại. Niết Bàn là hết thảy phiền não. Niết Bàn của Tiểu Thừa là lìa Kiến Tư phiền não, chúng ta thường nói là “đoạn Kiến Tư phiền não”, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chấp trước là Kiến Tư phiền não; người ấy chẳng còn chấp trước, hết thảy buông xuống, hết thảy tùy duyên, chứng Thiên Chân Niết Bàn của Tiểu Thừa. Vì thế, Niết Bàn do A La Hán đã chứng chính là Tiểu Thừa Niết Bàn, chẳng giống như Đại Thừa Bồ Tát. Đại Thừa Bồ Tát không chỉ là đã lìa Kiến Tư phiền não, mà Trần Sa phiền não cũng lìa, vô minh phiền não cũng buông xuống. Vì thế, lìa hết thảy trói buộc, đó là Ly Hệ.

(Sớ) Thử pháp thường trụ.

(疏)此法常住。

(Sớ: Pháp ấy thường trụ).

Đó là pháp Niết Bàn, buông xuống, thường trụ.

(Sớ) Phi tự lục nhân sanh giả.

(疏)非自六因生者。

(Sớ: Chẳng phải là sanh từ sáu thứ nhân).

Trong phần trước đã nói sáu thứ nhân, Ly Hệ Quả chẳng phải là [kết quả của bất cứ] điều nào trong sáu cái nhân ấy.

(Sớ) Duy dĩ đạo lực nhi chứng hiển.

(疏)唯以道力而證顯。

(Sớ: Chỉ do đạo lực mà chứng đắc, hiển lộ).

Quả báo ấy do đâu mà có? Quả báo ấy do tu đạo, do sức tu đạo mà chứng, mà hiển lộ. Chúng ta thường nói là “khai ngộ”, khế nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Chứng từ chỗ này, hiển lộ từ chỗ này.

(Sớ) Cố tuy dĩ dĩ quả chi danh, nhi phi đối ư lục nhân chi nhân thể.

(疏)故雖與以果之名，而非對於六因之因體。

(Sớ: Vì thế, tuy đặt cho nó danh xưng là quả, nó chẳng dùng sáu thứ nhân để làm thể của cái Nhân).

Ly Hệ cũng được coi là quả, có danh xưng là quả, nhưng chẳng hề liên quan đến sáu loại nhân thể như đã nói trong phần trước! Quả ấy hoàn toàn do vâng theo lời dạy mà tu hành bèn chứng đắc. Vì thế, buông Kiến Tư xuống, bèn chứng A La Hán. Buông xuống phân biệt, chấp trước, bèn chứng quả vị Bồ Tát. Buông xuống hết thấy vọng tưởng, bèn chứng quả vị Phật, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ là Phật quả! Loại thứ tư...

(Sớ) Tăng Thượng Quả, dĩ nhất hữu vi pháp, vọng kỳ dư nhất thiết chi hữu vi pháp vi Tăng Thượng Quả.

(疏) 增上果。以一有為法，望其餘一切之有為法為增上果。

(Sớ: Tăng Thượng Quả, do một pháp hữu vi, tương ứng với hết thấy các pháp hữu vi khác để làm Tăng Thượng Quả).

Pháp hữu vi là pháp có sanh, có diệt, quá u là nhiều. Pháp hữu vi quá nhiều, nói chẳng hết. Dùng một pháp để đối ứng với những pháp khác, đó là Tăng Thượng.

(Sớ) Kỳ dư nhất thiết pháp, hoặc dĩ chi dĩ lực, hoặc bất dĩ lực, diệc bất chướng hại chi.

(疏) 其餘一切法，或與之以力，或不與力，亦不障害之。

(Sớ: Hết thấy các pháp khác, hoặc là giúp sức cho nó, hoặc chẳng giúp sức, nhưng cũng không chướng ngại, tổn hại nó).

Đây chính là Năng Tác Nhân như đã nói trong phần trước. Đối với một pháp, hết thấy các pháp khác hoặc là sẽ giúp đỡ nó, như đại địa đối với cây cối, hoa cỏ chính là “*dĩ chi dĩ lực*” (giúp sức cho). Như hư không đối với cây cối, hoa cỏ, tuy chẳng giúp sức, nhưng chẳng chướng ngại chúng, chẳng gây hại cho chúng. Do đó, pháp ấy có thể sanh, có thể thành tựu.

(Sớ) Tuy tự tiền chi Sĩ Dụng Quả, nhiên bỉ cục u đối hữu lực chi nhân thể.

(疏) 雖似前之士用果，然彼局於對有力之因體。

(Sớ: Tuy giống như Sĩ Dụng Quả trong phần trước, nhưng nó hạn cuộc nơi các nhân thể hữu lực).

“*Cục*” (局) là hạn cuộc, [cái quả này] giới hạn trong những nhân thể hữu lực (tức là những cái nhân có sức giúp cho nó thành tựu) để tăng thêm cái quả.

(Sớ) Thử tắc thông u hữu lực vô lực chi nhất thiết pháp, nhi vi sở đắc chi quả, tự Năng Tác Nhân nhi lai.

(疏)此則通於有力無力之一切法，而為所得之果，自能作因而來。

(Sớ: Loại này thông với hết thảy các pháp hữu lực hoặc vô lực, nhưng cái quả đạt được là do Năng Tác Nhân mà có).

Đây là Tăng Thượng. Xét theo cái nhân, Tăng Thượng có hai ý nghĩa: Một là thật sự giúp đỡ, phụ trợ, thành tựu và duy trì quý vị. Hai là tuy chẳng duy trì, giúp đỡ, nhưng chẳng phá hoại, để cho quý vị phát triển tự nhiên. Những pháp như vậy rất nhiều! Vì thế, Tăng Thượng Quả là do Năng Tác Nhân mà có. Cuối cùng là...

(Sớ) Đẳng Lưu Quả, y tiền chi thiện tâm nhi chuyển sanh hậu chi thiện tâm, y tiền chi ác tâm nhi ích sanh hậu chi ác tâm, y tiền chi vô ký nhi sanh hậu chi vô ký, đẳng u quả tánh nhân tánh nhi lưu lai giả, tự lực nhân trung chi Đồng Loại Nhân dữ Biến Hành Nhân nhi lai.

(疏)等流果。依前之善心而轉生後之善心，依前之惡心而益生後之惡心，依前之無記而生後之無記，等於果性因性而流來者，自六因中之同類因與遍行因而來。

(Sớ: Đẳng Lưu Quả: Nương vào thiện tâm trước đó mà chuyển sanh cái thiện tâm sau đó. Nương vào ác tâm trước đó mà sanh thêm cái ác tâm sau đó. Nương vào pháp vô ký trước đó mà sanh ra pháp vô ký sau đó. Giống như tánh chất của quả phát xuất từ tánh chất của cái nhân. Đẳng Lưu Quả do Đồng Loại Nhân và Biến Hành Nhân trong sáu loại nhân mà có).

Trong phần trước, chúng ta đã đọc sáu cái nhân ấy. Thiện nhân, tập khí thiện nhân nhất định ảnh hưởng đến đời sau. Ác tâm, tập khí ác hạnh cũng sẽ duyên đến đời sau. Chuyện này không chỉ là Phật gia mà Nho gia và Đạo gia đều nói đến. Không chỉ là người Hoa nói, mà ở ngoại quốc, tôi đã từng xem báo cáo của ông Khải Tây (Edgar Cayce) người Mỹ. Ông này cách chúng ta không xa, sống vào thế kỷ trước. Hình như ông ta đã mất sau Đệ Nhị Thế Chiến, cách chúng ta khoảng sáu mươi năm. Trong báo cáo, ông ta đã khẳng định: Bất cứ người nào trên thế giới mà quý vị gặp gỡ trong đời này, nhất định là có mối quan hệ dính líu đến nghiệp nhân trong đời trước. Chẳng thể nào có chuyện gì phát sanh mà chẳng có nghiệp nhân trong đời trước, chẳng có chuyện đó!

Do vậy có thể biết: Hết thảy những gì chúng ta gặp gỡ trong đời này đều là do thiện nhân, ác nhân đã tạo ra trong đời trước, đời này cảm quả báo. Hết thảy các hạnh nghiệp chúng ta đã tạo trong đời này, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến quả báo trong đời sau. Nếu hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật này, tự nhiên quý vị sẽ chẳng oán trời, hờn người. Trách móc ông trời chẳng công bằng, trách móc người khác, đây là sai lầm đặc biệt to lớn! Vì thế, cổ nhân đã nói hay lắm: “Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ” (Chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại

chính mình). Chúng ta bất luận làm chuyện gì, gặp phải khó khăn, gặp phải thử thách, đừng nên trách ai, hãy quay lại phản tỉnh, lắng lòng suy xét, đừng sanh phiền não. Tìm ra nguyên nhân ở chỗ nào, sửa đổi cái nhân không tốt, quả báo sẽ hiện tiền. Đây mới là người thông minh, mới là người thật sự đọc sách hiểu lý. Chúng tôi giới thiệu sáu cái nhân và năm cái quả đến đây!

Nay chúng ta thấy, trong phần Sớ của Thanh Lương đã nói, phần sau là “*thập đoạn biệt minh*” (mười đoạn là nói riêng từng hạnh), phẩm kinh này có tất cả mười một đoạn. Đoạn trước là tổng thuyết (nói chung), “*tổng vấn kỳ quả*” (hỏi chung về quả), đó là căn bản. Mười đoạn sau đó đều chẳng rời khỏi mười câu [tổng thuyết] trong phần trước. Trước là Tổng, sau là Biệt. Phần trước là Cương, phần sau là Mục. Trong phần Biệt Minh, tuy gồm mười đoạn, Ngài (Thanh Lương đại sư) lại chia thành năm loại, cũng là chia thành năm đoạn. Đoạn thứ nhất là Dị Thục Quả, đoạn thứ hai gồm bốn đoạn chính là Sĩ Dụng Quả. Phần thứ ba gồm hai đoạn là Ly Hệ Quả. Đoạn thứ tư là Tăng Thượng Quả. Phần cuối cùng gồm hai đoạn, thuộc loại Đăng Lưu Quả.

(Sớ) Kim sơ.

(疏)今初。

(Sớ: Nay là đoạn thứ nhất).

Đoạn thứ nhất nói về Dị Thục Quả.

(Sớ) Kim sơ tức tu đạo chi khí.

(疏)今初即修道之器。

(Sớ: Nay đoạn đầu, chính là [nói đến những người đáng] làm pháp khí tu đạo).

Trong Phật môn thường nói đến “*pháp khí*” (法器) là do ý nghĩa này. Nói cách khác, người ấy hội đủ điều kiện để tu đạo. Người ấy có thể tu đạo, có thể thành tựu. Người thành tựu nhỏ sẽ khai ngộ, thành tựu to là chứng quả, thấy đều gọi là “*pháp khí*”. Kế đó, [Thanh Lương đại sư] giải thích rất hay:

(Sớ) Dĩ Bồ Tát khởi tu hành thời, yếu cụ thử thập, phương thành nhị lợi chi hạnh.

(疏)以菩薩起修行時，要具此十，方成二利之行。

(Sớ: Do khi Bồ Tát bắt đầu tu hành, phải có trọn đủ mười điều ấy thì mới thành tựu hạnh nhị lợi).

“*Nhị lợi*” là tự lợi và lợi tha. Bồ Tát khởi sự tu hành, nhất định phải có đủ mười điều kiện ấy thì mới có thể thành tựu hạnh tự lợi và lợi tha. Mười điều kiện ấy bao gồm mười câu, mười câu ấy là một đoạn. Kinh dạy...

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc?

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ, chủng tộc trọn đủ, nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ, niệm trọn đủ, huệ trọn đủ, hạnh trọn đủ, vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ?)

Đây là đoạn thứ nhất, hoàn toàn nói về Di Thục Quả. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta chừa đoạn kinh văn này lại để ngày mai học tập tiếp.

Tập 1475

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh, đoạn thứ hai trong phần kinh văn trường hàng. Đoạn này toàn là các câu hỏi do Trí Thủ Bồ Tát nêu ra, có tất cả hai mươi câu “vân hà” (云何, như thế nào). Đoạn đầu tiên trong phần trước là “*tổng vân kỳ quả*” (hỏi chung về quả); trong mười đoạn sau đó, mỗi đoạn chỉ dùng một chữ “vân hà”, những câu tiếp đó đều tỉnh lược [chữ “vân hà”]. Vì vậy, phần trường hàng gồm có mười đoạn. Nói chung, [toàn bộ kinh văn trong phẩm Tịnh Hạnh] gồm mười một đoạn, mười đoạn sau đó (tức mười đoạn sau phần “*tổng vân kỳ quả*”) nhằm nói riêng biệt [từng hạng mục], chúng tôi vẫn tính số thứ tự của từng đoạn trong toàn thể phẩm kinh cho dễ nói. Nói theo tổng thể, đoạn kinh văn này là đoạn thứ hai. Chúng ta đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc?

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ, chủng tộc trọn đủ, nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ, niệm trọn đủ, huệ trọn đủ, hạnh trọn đủ, vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ?)

Thanh Lương đại sư bảo đoạn này thuộc về *Di Thục Quả* trong năm loại quả, cũng gồm có mười câu hỏi. Trong Hoa Nghiêm, “mười” biểu thị sự vô tận. Vì thế, chúng ta chẳng thể coi “mười” như một con số. Phải coi nó là “viên mãn”, viên mãn rốt ráo, chẳng bị khuyết hãm, mang ý nghĩa ấy. “Mười” biểu thị ý nghĩa ấy! Tôi tin là các đồng học niệm kinh Di Đà rất nhuần nhuyễn, kinh Di Đà dùng “bảy” để biểu thị pháp, “bảy” cũng nhằm biểu thị sự viên mãn. Nói “bảy” là nói theo Đông, Tây, Nam, Bắc, đây là bốn, [cộng thêm] phương trên và phương dưới thành sáu, còn có một phương ở chính giữa, ở ngay trung tâm, [nên gộp thành bảy], nó cũng biểu thị sự viên mãn. Vì thế, “bảy” và “mười” chẳng sai biệt về mặt ý nghĩa; nói chung, [cứ hiểu] chúng biểu thị sự viên mãn là được rồi! Trong phần Sớ, Thanh Lương đại sư có giảng giải, chúng ta vẫn xem lời giải thích của Ngài. Chúng ta khế nhập Hoa Nghiêm, hai vị đại đức là Thanh Lương đại sư và Lý Trương Giả bầu bạn làm hướng dẫn viên du lịch cho chúng ta. Các Ngài là hai vị hướng dẫn viên du lịch rất giỏi.

(Sớ) Thập sự, Du Già cụ thích.

(疏)十事，瑜伽具釋。

(Sớ: Mười sự ấy được giải thích cặn kẽ trong luận Du Già).

Trong Du Già Sư Địa Luận đã có giải thích rất tỉ mỉ. Điều thứ nhất...

(Sớ) Thường sanh trung quốc hữu Phật pháp xứ.

(疏) 常生中國有佛法處。

(Sớ: Thường sanh ở trung tâm của quốc gia là nơi có Phật pháp).

Đây là lời giải đáp cho câu hỏi thứ nhất, [tức câu] “*vân hà đắc sanh xứ cụ túc*” (làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ), trả lời cho câu hỏi ấy. Chữ “*trung quốc*” ở đây chẳng phải là Trung Hoa trong hiện thời, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm! Tương phản với “*trung quốc*” là “*biên địa*”. Nếu nói theo kiểu hiện thời, “*trung quốc*” nghĩa là chỗ đô hội có trình độ văn hóa rất cao, có ý nghĩa này. Hơn nữa, ở nơi ấy nhất định là đặc biệt phải có Phật pháp trọn vẹn. Nếu chỗ nào chẳng có Phật pháp, sẽ gọi là “*biên địa*”, chẳng gọi là “*trung quốc*”. Trong tương lai, khi chư vị thấy chữ “*sanh trung quốc*” trong kinh luận, ngàn vạn phần đừng hiểu lầm!

Phật giáo truyền đến Trung Hoa đã hai ngàn năm. Vào năm Vĩnh Bình thứ mười (năm 67 công nguyên) đời Hán Minh Đế, hoàng thượng phái sứ tiết²⁷ qua Tây Vực, thỉnh hai vị cao tăng đại đức là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan sang Trung Hoa; đây là Tăng Bảo. Các Ngài mang theo tượng Phật và kinh Phật; do vậy, Tam Bảo trọn đủ, Phật Pháp Tăng Tam Bảo chánh thức truyền sang Trung Hoa, được triều đình và dân chúng Trung Hoa hoan hỷ tiếp nhận. Trong lịch sử có ghi chép chuyện này. Tương truyền, Minh Đế nằm mộng. Nhà vua có một giấc mơ rất lạ lùng, mơ thấy một người toàn thân có sắc vàng ròng, đến từ phương Tây, phóng quang minh rất lớn. Ngày hôm sau, nhà vua kể cho các vị đại thần biết chuyện trong mộng. Trong số đó, có một vị quan có kiến thức hết sức phong phú, thưa: “Tâu hoàng thượng! Ngài trông thấy người vàng, có thể đây là vị được gọi là Phật Đà ở Tây Vực”. Do vậy, nhà vua rất thích thú, liền phái sứ giả mang tiết việt sang Tây Vực xem thử. Nếu có, hãy thỉnh Ngài đến Trung Hoa. Nhân duyên là như thế đó, Phật giáo được truyền sang Trung Hoa!

Tại lãnh thổ Trung Hoa, cơ sở văn hóa hết sức thích hợp cho Phật giáo sanh trưởng. Vì chúng ta đều biết, Phật giáo là sự đạo. Chúng ta nói đến Phật giáo, chẳng phải là nói đến tôn giáo, mà là [nói đến] giáo huấn của đức Phật, hoặc là nói đến sự giáo dục của đức Phật, giống như chúng ta nói đến Khổng giáo, tức là nền giáo dục của Khổng lão phu tử và Mạnh phu tử. Bởi lẽ, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, mà là sự giáo dục, là giáo học, chúng ta nhất định phải biện định rõ ràng điều này! Sự đạo nhất định được kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Sự giáo dục của người Hoa nói đến “*hiếu đạo*”, đó là cái cốt lõi. Xưa kia, những người đọc sách đều biết: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hĩ*” (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi). Vì sao nhắc đến Nghiêu Thuấn? Nghiêu Thuấn cách hiện thời khoảng chừng bốn ngàn năm, trước đó còn có [những nhân vật lịch sử khác], xét theo thời gian [tồn tại] của lịch sử Trung Hoa, phải là gần tới năm ngàn năm.

²⁷ Sứ tiết (使節): Sứ giả cầm cờ tiết, phủ việt.

Vì sao hẳn chúng tôi nói tới giáo dục bèn nhắc tới Nghiêu Thuấn? Trong thời đại Nghiêu Thuấn, chánh phủ mới chánh thức thiết lập quan chức trông coi sự dạy học, giống như bộ Giáo Dục trong hiện thời. Chánh phủ có một cơ cấu chuyên môn quản trị sự giáo dục như vậy, vào thời đại Nghiêu Thuấn mới có chuyện này. Trước đó thì sao? Trước đó đã có giáo dục, nhưng chánh phủ chẳng thiết lập quan chức chủ quản để gánh vác trách nhiệm này. Sự giáo dục trước kia toàn là gia giáo.

Vì vậy, người ngoại quốc nói: Trong bốn nền văn minh lớn vào thời cổ của thế giới, ba nền văn minh kia đều biến mất, riêng Trung Hoa vẫn tồn tại. Do nguyên nhân gì? Họ nói có thể là do người Hoa chú trọng nền giáo dục gia đình. Cách nói ấy hoàn toàn chánh xác, chẳng sai tí nào! Giáo dục Trung Hoa từ xưa tới nay là gia giáo, chẳng có ai không coi trọng sự giáo dục trong gia đình, ai này đều biết, nhà nào cũng đều biết. Vì lẽ ấy, giáo dục luân lý đạo đức chẳng phải là kể từ thời Nghiêu Thuấn mới bắt đầu, nhưng Nghiêu Thuấn thiết lập Tư Đồ (司徒); đó là tên của một chức quan chủ quản giáo dục. Dạy điều gì? Dạy dỗ luân lý đạo đức, mãi cho đến những năm cuối đời Thanh, [tức là] hơn bốn ngàn năm, cách giáo học truyền thống Trung Hoa chẳng bị gián đoạn. Vào đời Nguyên, người Mông Cổ vào làm chủ Trung Hoa, nhà Thanh là do người Mãn Châu vào làm chủ Trung Hoa, [hai triều đại Nguyên và Thanh] đều kế thừa truyền thống giáo dục của Trung Hoa. Đặc biệt là vào đời Thanh, mấy vị đế vương khai quốc nhà Thanh đã phát huy rực rỡ giáo dục luân lý đạo đức, cho nên nhà Thanh có thể thống trị Trung Hoa hai trăm sáu mươi năm, chẳng phải là không có đạo lý. Nếu chẳng phải vì những vị đế vương cuối triều Thanh lơ là chuyện giáo dục, chẳng coi trọng như tổ tiên họ xưa kia, thế lực của quốc gia [đâu đến nỗi] suy sụp. Cuối cùng bị vong quốc!

Chúng ta lắng lòng quan sát những bài học lịch sử ấy, sẽ biết nền giáo dục truyền thống hết sức trọng yếu. Chánh quyền để cho kẻ khác nắm giữ chẳng sao hết, chỉ cần nền giáo dục truyền thống vẫn tồn tại, quốc gia và dân tộc sẽ tồn tại. Nếu chúng ta chẳng có sự giáo dục truyền thống, vậy thì đúng là nền văn minh cuối cùng trong bốn nền văn minh lớn thời cổ cũng chẳng còn, cũng bị tiêu mất trên địa cầu, biến thành chuyện lịch sử! Điều này hết sức đáng tiếc! Chúng ta thấy hiện thời, dầu là nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền cũng chẳng được coi trọng cho mấy, nhưng tại các quốc gia lân cận, xứ coi trọng [sự giáo dục truyền thống] nhất trong hiện thời là Đại Hàn, họ đạt thành tựu khá nhất. Tại hải ngoại, tôi chú tâm quan sát, thấy những học giả ngành Hán Học tại các quốc gia như Anh và Đức chẳng đơn giản. Khi tôi đến thăm, gặp mặt tôi, họ nói tiếng Phổ Thông rất khá, khiến cho tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc, chúng tôi không cần phiên dịch. Đối với sách vở Hán Học của Trung Hoa, xác thực là họ thâm nhập. Những quốc gia khác tuy cũng có nghiên cứu Hán Học, vẫn không mạnh bằng họ. Họ thật sự nhận biết, thật sự thông hiểu, có hứng thú sâu đậm đối với Hán Học. Cũng khó trách Tiên Sĩ Thang Ân Tỷ (Arnold Toynbee) là một sử gia kiêm triết gia của nước Anh đã nghiệm nhiên phát biểu: “*Để giải quyết các vấn đề xã hội trong thế*

kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa và Đại Thừa Phật pháp”, thật sự thông suốt!

Đại học Nguu Tân (Oxford) và đại học Kiêm Kiêu (Cambridge) là những đại học nổi tiếng nhất của nước Anh, nghiên cứu Hán Học khá lắm. Nhưng ở Luân Đôn, chúng tôi phát hiện, thật sự có nghiên cứu [sâu sắc nhất] đối với Hán Học, chẳng phải là hai ngôi trường ấy, mà là đại học Luân Đôn. Tuy không nổi tiếng bằng hai đại học trên đây, nhưng xác thực là đối với chuyện nghiên cứu Hán Học, bọn họ đứng đầu các nước, rất đáng khiến cho chúng ta bội phục. Tôi đến viếng thư viện của đại học Luân Đôn, thấy họ lưu trữ không ít các sách cổ của Trung Hoa. Nhân viên phụ trách thư viện cho tôi biết họ có một số sách cổ, số lượng khá lớn, niên đại đã quá lâu. Những quyển sách ấy hề lật ra sẽ bị hư nát, họ cũng rất lo lắng. Sau khi tôi xem xong, [bảo họ] người Hoa dùng một phương pháp là bôi sách, giống như bôi tranh vậy, [tức là] phía sau [mỗi trang], sẽ dán thêm một trang giấy lụa mỏng, những quyển sách ấy sẽ có thể lại bảo tồn từ năm trăm năm trở lên. Tôi bảo họ: “Các vị có bao nhiêu sách như vậy, hãy soạn mục lục, có bao nhiêu quyển, mỗi quyển có bao nhiêu trang, đưa sang Trung Hoa bôi sách”. Chúng ta cũng có nghĩa vụ giúp đỡ họ, kho báu văn hóa là sở hữu chung của hết thầy chúng sanh trên thế giới, hy vọng trong nhà trường sẽ có người nghiên cứu, phát huy rạng rỡ, “*vị cô thánh kế tuyệt học, vị vạn thế khai thái bình*” (tiếp nối cái học tuyệt diệu của những bậc thánh nhân thời cổ, mở ra nền thái bình cho muôn đời).

Do vậy, “*trung quốc*” ở đây [có nghĩa] là nơi chốn có trình độ văn hóa cao, có nền giáo dục của đức Phật thì gọi là “*trung quốc*”. Nếu sanh vào chỗ ấy, quý vị mới có cơ hội tiếp xúc Phật pháp. Nói thật ra, nhận biết Phật pháp hết sức chẳng dễ dàng. Bản thân tôi từ nhỏ sau khi tiếp nhận sự giáo dục trong nhà trường, ngay cả trong sách giáo khoa (sách giáo khoa cấp Tiểu Học) đều nói “Phật giáo là mê tín”. Tiên sinh Tôn Trung Sơn đến chùa miếu đập nát tượng Phật. Sách giáo khoa luôn nói [tôn giáo là] mê tín, phá trừ mê tín; quan niệm này đã được khắc họa hết sức sâu đậm [trong tâm lý đại chúng]. Phật giáo vào thời Mạt Pháp, người giảng kinh, thuyết pháp, thông hiểu Phật giáo quá ít, chúng tôi chẳng có cơ hội tiếp xúc, một mực coi Phật giáo là mê tín. Có lúc đến chùa miếu là để du ngoạn ngắm cảnh, nhìn ngắm những di tích Phật giáo thời cổ được lưu lại, [bởi lẽ] đạo tràng đều là những kiến trúc ở các chỗ có non nước đẹp đẽ. Chúng tôi coi chúng như những địa điểm để du ngoạn ngắm cảnh, chẳng xem trọng văn hóa của chúng.

Hơn năm mươi năm trước, đã năm mươi bốn năm rồi, tôi ở Đài Loan được quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, theo thầy học Triết Học. Hết sức khó có là thầy dành thời gian để giảng cho tôi một khóa Triết Học Khái Luận, giảng từ phương Tây sang phương Đông, cuối cùng nói đến Ấn Độ. Chương cuối cùng là nói đến triết học trong kinh Phật. Tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc: - Kinh Phật là mê tín, làm sao có thể là triết học cho được? Thầy bảo: “*Anh không hiểu!*”, thầy giảng: “*Triết Học trong kinh Phật mới là đỉnh cao nhất trong Triết Học trên toàn thế giới. Học Phật mới là sự hưởng thụ cao nhất trong*

đời người”. Lúc đó, tôi nghe mấy câu ấy hết sức rúng động! Khi ấy, tôi bèn hướng về lão nhân gia thỉnh giáo, thưa: “Vì sao lão nhân gia biết? Thầy học với ai?”

Ngay khi đó, thầy bảo tôi: Trong thời gian kháng chiến, thầy dạy học tại đại học Trung Ương. Thuở đó, đại học Trung Ương ở Trùng Khánh²⁸. Có một khoảng thời gian thầy bị bệnh, bạn bè đề nghị thầy đến tu dưỡng tại núi Nga Mi. Núi Nga Mi là một trong bốn đại thánh địa của Phật giáo Trung Hoa, tôi đã từng đến đó. Thầy ở trên núi, nhất là giao thông và thông tin thuở đó hết sức bất tiện. Trên núi, chẳng có nhật báo, mà cũng chẳng có tạp chí; ngoài kinh Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Vì thế, trong khi dưỡng bệnh, Phương tiên sinh mỗi ngày kiếm một ít sách vở để xem, bèn xem kinh Phật. Càng xem, càng thấy thú vị! Từ đây trở đi, thầy kết duyên với kinh Phật, có thể nói là suốt đời chẳng gián đoạn. Ngài thông thuộc kinh điển, khá nhiều đoạn kinh văn trọng yếu Ngài có thể đọc thuộc lòng, khiến cho chúng tôi bội phục năm vóc sát đất.

Bậc đại hòa thượng giảng kinh, thuyết pháp trong Phật môn, nói đến kinh Phật chẳng thuộc bằng thầy. Thầy đọc rất nhiều, xem hằng ngày, đọc hằng ngày. Vì vậy, thầy bảo tôi: “Nếu anh muốn học Phật, chẳng cần đến chùa miếu, chẳng cần tìm những vị hòa thượng”. Tôi hỏi: “Vậy thì đến nơi đâu?” “*Trong kinh điển. Phật giáo thật sự ở trong kinh điển*”. Lời nói ấy áp dụng vào thời đại đó cũng chẳng sai tí nào! Nhân duyên tiếp xúc kinh Phật của tôi là như vậy. Thoạt đầu tiếp xúc kinh Phật có thái độ như vậy là do Phương tiên sinh dạy, chịu ảnh hưởng rất lớn bởi thầy. Đến chùa miếu chẳng biết lạy Phật, tâm cung kính thì có, nhưng chẳng hiểu các thứ lễ tiết. Đến chùa miếu, bèn hỏi: “Quý vị có lầu tàng kinh hay không?” “Có, thư viện!” “Trong chùa miếu có Đại Tạng Kinh hay không?” Trong chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc có Thư Viện Thái Hư (Thái Hư Đồ Thư Quán) để kỷ niệm Thái Hư đại sư. Thuở ấy, mấy vị trụ trì đều là đồ đệ của Thái Hư, cất giữ không ít sách vở nhà Phật. Chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ đều đến thư viện Thái Hư để xem kinh Phật. Do thuở ấy kinh điển lưu thông với một số lượng rất nhỏ, chẳng thể mua được ở bên ngoài, cho nên chỉ đành tự mình sao chép những gì hay nhất, quan trọng nhất. Thầy dạy tôi: “Kinh điển nào anh có thể đọc thì hãy chép lại, sao chép kinh”. Tôi đã sao chép chẳng ít. Nhập môn từ chỗ này! Đây chính là “*chỗ có Phật pháp thì được gọi là trung quốc*”.

Thứ hai...

(Sớ) *Chúng tộc tôn quý, phi hạ tiện đẳng.*

(疏) 種族尊貴，非下賤等。

(Sớ: *Chúng tộc tôn quý, chẳng phải là hạng hèn kém v.v...*)

²⁸ Thời Kháng Chiến chính là thời gian Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa. Chánh quyền Quốc Dân Đảng phải bỏ các thành phố lớn rút sâu vào nội địa, thiên đô sang Trùng Khánh thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Trường đại học Trung Ương là trường đại học lâm thời, tập trung các vị giáo sư của bốn trường đại học nổi tiếng tại Bắc Kinh thuở ấy.

[Đây chính là nói đến] “*chúng tộc cụ túc*” (chúng tộc trọn đủ). Điều kiện thứ nhất hết sức trọng yếu. Quý vị sống ở chỗ ấy là nơi có văn hóa Phật giáo, quý vị sẽ có cơ hội tiếp xúc [Phật giáo]. “*Chúng tộc cụ túc*” tự nhiên sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn đối với sự tu học của chúng ta, [bao gồm] sự tu học của chính mình và sự giáo hóa của người khác. Đây là một bối cảnh rất tốt! Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, Ngài thuộc vương tộc, bản thân Ngài là vương tử, phụ thân là một vị quốc vương. Ngài lại còn là con trưởng, sẽ thừa kế ngôi vua. Chuyện này đúng như người thế gian nói: “Luôn mơ mộng mong cầu”. Có người nào trong thế gian chẳng cầu phú quý? Còn có gì tốt đẹp hơn phú quý? Thích Ca Mâu Ni Phật biết có thứ còn tốt đẹp hơn phú quý. Vì thế, Ngài từ bỏ vương vị, buông bỏ vinh hoa, phú quý để học Phật. Chuyện này có lý lắm chứ! Ngài chẳng phải là kẻ nghèo hèn [đến nỗi] chẳng có áo mặc, chẳng có cơm ăn, vì bắt đắc dĩ mà phải tìm đến Phật môn hồng cầu cuộc sống yên ổn. Chẳng phải vậy! Trong pháp thế gian, thứ gì Ngài cũng chẳng thiếu, vì sao phải làm hạnh này?

Từ truyện ký của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong Đại Tạng Kinh có Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phỏ, sau khi đọc xong, chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi tội bậc. Ngài thấy cuộc sống của người trong thế gian quá khổ, thường nói là “*bát khổ giao tiên*” (tám nỗi khổ chen nhau nung nấu), [tức là] sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà phải gặp gỡ, năm Âm hừng hực, quá nhiều phiền não! Nói theo đời người, những vấn đề ấy chính là những vấn đề to lớn, xác thực là những vấn đề bức thiết cần phải giải quyết! Chánh trị chẳng có cách nào giải quyết, mà quân sự cũng chẳng có cách nào! Thuở trẻ, Thích Ca Mâu Ni Phật võ nghệ cao cường, Ngài xác thực là một vị tướng quân hoặc nguyên soái rất giỏi, nhưng Ngài chẳng làm chuyện ấy! Công thương nghiệp, khoa học kỹ thuật như trong hiện thời, đều chẳng thể giải quyết! Cái duy nhất có thể giải quyết, thật sự giúp đỡ [người đời giải quyết những vấn đề ấy], chỉ có sự giáo dục của thánh hiền. Vì thế, lúc mười chín tuổi, Ngài lìa khỏi gia đình, tìm thầy, hỏi bạn, đi tham học khắp nơi.

Nói theo kiểu hiện thời, cổ Ấn Độ có bao nhiêu học giả và chuyên gia, Thích Ca Mâu Ni Phật đều đến thân cận, đều đến bái phỏng. Ngài cảm thấy học vấn của họ đều chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn; cuối cùng, trở lại bên sông Hằng, tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, tu Định. Ngài khai ngộ trong Định, Định đến một mức độ nhất định, sẽ hoát nhiên đại ngộ. Ngộ gì vậy? Nói theo cách hiện thời, đây cũng là cách nói trong Phật giáo, “*chân tướng của vũ trụ và nhân sinh*”. Hễ nói “*tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả*”, sáu chữ ấy đã bao gồm trọn hết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Sau khi đã giác ngộ, Ngài không trở về nước làm vua, mà theo đuổi công tác dạy học, dùng thân làm gương, những gì Ngài đã nói thấy đều làm được. Ngài dạy kẻ khác thấy thấu suốt, Ngài thật sự thấy thấu suốt. Ngài dạy kẻ khác buông xuống, Ngài thật sự buông xuống.

Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Khi chẳng có ai thỉnh giáo Ngài, tâm Ngài giống như nước lặng, chẳng sanh một niệm. Đây là Căn Bản Trí, vô tri. Có người hướng về Ngài thỉnh giáo, bất luận quý vị đem vấn đề gì hỏi Ngài, Ngài đều đối đáp lưu loát, chưa bao giờ cần phải suy nghĩ. Quý vị

hỏi, Ngài liền trực tiếp giải đáp, trí huệ hiện tiền. Sau khi đã giác ngộ vào lúc ba mươi tuổi, Ngài theo đuổi chuyện dạy học, dìu dắt một nhóm học trò trong lãnh thổ Ấn Độ rộng lớn như thế. Trong lịch sử, vùng đất ấy được gọi là Ngũ Ấn Độ, tức Bắc Ấn Độ, Đông Ấn Độ, Tây Ấn Độ, Nam Ấn Độ, lại còn có [khu vực] trung gian (Trung Ấn Độ). Chúng ta biết lẽ hành thuở ấy đều là đi bộ, chẳng có công cụ thay thế cho chuyện đi bộ! Dấu chân đức Phật in khắp Ngũ Ấn Độ, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Dòng dõi vua chúa mà có thể bỏ ngôi vua để làm công tác ấy, đương nhiên là những kẻ bình phàm nghe nói đến thân phận và địa vị của Thích Ca Mâu Ni Phật đều chẳng hoài nghi. Ngài đề xướng bình đẳng. Cổ Ấn Độ hết sức bất bình đẳng, giai cấp rất nghiêm ngặt, tức là Bà La Môn, Sát Đế Lợi, đây là [giai cấp] quý tộc, [ngoài ra còn có] bình dân và nô lệ. [Phân chia] giai cấp rất ngặt nghèo! Lão nhân gia đề xướng bình đẳng, bình đẳng tôn trọng, bình đẳng yêu thương, che chở, bình đẳng quan tâm, bình đẳng học tập.

Học trò [của đức Phật] đông đảo, chúng ta gọi toàn thể các vị ấy là “*Tăng đoàn*”. Đức Phật đã vì Tăng đoàn chế định Lục Hòa Kính, chính là quy củ mà mọi người nhất định cùng nhau tuân thủ, [bao gồm] sáu điều hòa kính. “*Kiến hòa đồng giải*”: Nay chúng ta nói là “*phải kiến lập nhận thức chung*”. Cách nhìn của chúng ta đối với hết thầy người, sự, vật, đều phải rất gần giống như nhau. Điều này hết sức quan trọng. Điều thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”. Phải vâng giữ pháp, trong đó, quan trọng nhất là Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới, oai nghi, nhất định phải tuân thủ. Giáo học như vậy sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn, người theo học với Ngài ngày càng đông! Quý vị thấy Ngài chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Vào thời cổ, Ấn Độ là một quốc gia tôn giáo, bất luận là tín đồ của tôn giáo nào, quý vị đến học với đức Phật, Ngài đều hết sức vui thích dạy bảo quý vị. Hoàn toàn chẳng khuyên quý vị thay đổi tín ngưỡng tôn giáo, chẳng hề có! Quý vị chẳng thấy trong kinh Phật đã ghi chép chuyện ấy. Quý vị theo đạo Bà La Môn, vẫn cứ tín ngưỡng đạo Bà La Môn. Quý vị chỉ theo Ngài cầu trí huệ, cầu học vấn. Lại nữa, Ngài tôn trọng tất cả các tôn giáo, chẳng phê bình, khó có lắm! Vì thế, chủng tộc cũng là chuyện hết sức trọng yếu, nó có sức ảnh hưởng.

Nhưng cũng không nhất định! Ví như ở Trung Hoa, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư chẳng phải là quý tộc, Ngài là thường dân. Lại còn chưa hề đi học, chẳng biết chữ, xuất thân là dân lao động nặng. Ngài làm công việc gì? Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng, Ngài bán củi, là một tiểu phu. Mỗi ngày, lên núi đốn củi, đủ số lượng, bèn gánh xuống núi, gánh đến thành trấn là chỗ có đông người để bán. Cái nghề ấy hết sức vất vả! Lúc tôi học tiểu học tại Phước Kiến, tức Kiến Âu thuộc vùng Mân Bắc của tỉnh Phước Kiến. Kiến Âu là một thành phố lớn. Khi đó, mỗi nhà đun nấu, do thuở đó chưa có than đá, toàn là đốt củi, đây là thứ chẳng thể thiếu khuyết! Một là mua củi, hai là mua nước, vì thời ấy chưa có nước máy. Do vậy, có rất nhiều người múc nước bên sông, gánh đến thành thị bán. Một gánh nước giá mấy cắc, một gánh củi cũng là mấy cắc, rất rẻ! Ngài bán củi, thu được tiền, mua một ít gạo, một chút đồ ăn, trở về nhà phụng dưỡng mẹ già.

Sự thành tựu của Ngài có duyên khác hẳn; Ngài được Ngũ Tổ thượng thức, truyền y bát cho Ngài. Khi được truyền, Ngài chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Vì thế, có những kẻ chẳng phục, truy lùng Ngài khắp nơi, toan đoạt y bát trở về, “gã ấy há có đủ tư cách?” Bất đắc dĩ, Ngài đến ẩn thân trong đội thợ săn suốt mười lăm năm. Mười lăm năm sau, khi chuyện ấy đã lắng xuống, kẻ tìm Ngài đã suốt một thời gian dài mà chẳng tìm thấy, coi như hết chuyện. Duyên đã chín muồi, Ngài gặp pháp sư Ấn Tông. Thuở ấy, pháp sư Ấn Tông là một vị cao tăng đại đức ở Lĩnh Nam (thuộc vùng Quảng Đông hiện nay), thông Tông, thông Giáo, là một vị đại pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, được rất nhiều người kính ngưỡng. Pháp sư Ấn Tông rất lỗi lạc, gặp Lục Tổ, pháp sư Ấn Tông chẳng có tâm ganh tỵ. Nếu [pháp sư Ấn Tông] ôm lòng ganh tỵ, hãm hại, Lục Tổ đã xong đời! Lục Tổ gặp được một người thật sự rất lỗi lạc! Pháp sư Ấn Tông hỏi han minh bạch, Huệ Năng đại sư mong cầu được xuất gia, Sư liền thế độ cho Tổ. Sau khi đã thế độ, lại trở ngược bái Tổ làm thầy. Tôi nói chuyện này là “*nước dâng, thuyền cao*”. Pháp sư Ấn Tông đề cao Tổ, Tổ lập tức nổi danh! Đại hòa thượng Ấn Tông bái ông ta làm thầy, ông ta còn chẳng phải là bậc tuyệt diệu ư? Ông ta phải là nhân vật cỡ nào? Duyên bất đồng! Nếu Lục Tổ chẳng gặp pháp sư Ấn Tông, có thể là suốt cả một đời chẳng ai biết tới Tổ. Duyên có mối quan hệ quá lớn!

Trong xã hội hiện thời, cũng nhấn mạnh chuyện xuất thân và chủng tộc, nhưng quan niệm chẳng giống với quan niệm xưa kia. Người hiện thời coi trọng bằng cấp, Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều là như vậy. Quý vị xuất gia, mà là phân tử trí thức cao cấp, tốt nghiệp đại học, hoặc đạt được học vị Thạc Sĩ, hay đạt được học vị Tiến Sĩ, tự nhiên là quý vị xuất gia sẽ khác hẳn! Quý vị giảng kinh, thuyết pháp, mọi người sẽ tôn trọng quý vị, quý vị có học vị cao ngan ấy mà! Vì thế, chẳng ít người xuất gia trẻ tuổi vào học tại các trường đại học nhằm mục đích giành lấy học vị. Có chánh xác hay không? Điều ấy có tất yếu hay không? Nói thật ra, chẳng tất yếu! Điều trọng yếu nhất vẫn là phải tuân thủ truyền thống, quý vị đổ công dốc sức sâu xa nơi kinh giáo, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sau mười năm, hai mươi năm, quý vị trở thành chuyên gia. Tuy chẳng có bằng cấp, nhưng tôi đã đổ công dốc sức nơi môn này sâu hơn quý vị rất nhiều, chẳng thể phủ nhận điều ấy! Quý vị nêu câu hỏi, tôi có thể giải đáp; tôi nêu câu hỏi, quý vị trả lời không được. Đây đều là sự thật!

Vì lẽ này, tôi thường bảo các vị pháp sư trẻ tuổi: - Chúng ta đã có cơ duyên này, được làm thân người, nghe Phật pháp. Nhất định là phải chọn lựa một môn trong kinh giáo Đại Thừa để thâm nhập một môn. Chính mình đã có thể khế nhập cảnh giới, sau đấy mới có thể giáo hóa người khác. Chẳng cần cầu tiếng tăm, lợi dưỡng! Cổ nhân nói: “*Thật chí danh quy*” (Đã có thực chất tốt bậc thì tiếng tăm sẽ dồn tới), người ta sẽ tự nhiên tôn trọng quý vị. Quý vị lại còn có cơ hội biểu lộ, hằng ngày giảng kinh, mỗi ngày lên bục giảng; trong số thánh chúng, chẳng thiếu người là Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, có rất nhiều nhân vật danh giá, hàng học giả, chuyên gia ngồi nghe ở dưới. Tôi thường nói tôi là một tấm gương tốt. Tôi chỉ học hết cấp hai, học Trung Học được nửa năm bèn bị thất học. Vì thế, suốt đời này, học tập rất vất vả. Điều khó có là gặp gỡ mấy vị thầy tốt nhiệt tâm dạy bảo.

Thuở đó, tôi nghèo hèn đến tột bậc, thầy nhiệt tâm dạy bảo, chẳng lấy học phí, tôi hết sức cảm ơn. Sau khi học thành công, một mực đi giảng, bực giảng chính là chỗ để tôi học tập. Thính chúng đều là thầy, đều là các vị giám học của tôi, tôi quyết định chẳng dám khinh mạn, dạy và học giúp nhau tăng trưởng. Không ngừng nâng cao đức hạnh và học vấn của chính mình như vậy! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta tiếp tục đọc đoạn kinh văn thứ hai một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc?

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ, chủng tộc trọn đủ, nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ, niệm trọn đủ, huệ trọn đủ, hạnh trọn đủ, vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ?)

Trong buổi học trước, chúng tôi đã nói đến “*chủng tộc cụ túc*”, chuyện này có thể ảnh hưởng rất mạnh. Nhân duyên của sự ảnh hưởng ấy rất phức tạp! Nếu nói bằng một câu tổng quát, sẽ là “*nhân duyên trọn đủ*”. Nhân duyên bao quát quá nhiều, những thứ ấy đều được gộp trong một câu này! Bởi lẽ, gia tộc có thể khiến cho đại chúng và người đời sau sanh khởi tín tâm. Thứ ba là...

(Sớ) Sanh tín hướng Tam Bảo, tu thiện chi gia, phi ngoại đạo đẳng gia.

(疏)生信向三寶修善之家，非外道等家。

(Sớ: Sanh trong nhà tin tưởng Tam Bảo, tu thiện, chẳng phải là nhà của bọn ngoại đạo).

Đây là “*gia cụ túc*”. Điều này là duyên phận, nhưng cũng chẳng nhất định! Ví như bản thân tôi chẳng có điều này! Cha mẹ và gia tộc tôi chẳng hề tín ngưỡng Phật pháp. Mẹ tôi tuy vào ngày Tết, ngày lễ, có đến chùa, đến miếu thờ thần để dâng hương, nhưng toàn là thuộc loại mê tín! [Dâng hương để] cầu trời Phật che chở bình an, cầu Phật, cầu thần phù hộ bình an, phù hộ thăng quan, phát tài, toàn là quan niệm như vậy. Cách nghĩ ấy thuộc loại mê tín! Sanh trong gia đình tin tưởng Tam Bảo, tu thiện, nhất định là người ấy có cơ sở hết sức tốt đẹp, chúng ta có thể tưởng tượng được chuyện này. Từ nhỏ đã được Phật pháp hun đúc, cái duyên ấy quá thù thắng, rất khó gặp gỡ! Trong một đời này, nói theo chính bản thân tôi, nếu chẳng gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, người nào khuyên tôi học Phật, tôi cũng chẳng thể tiếp nhận! Trong sự cảm nhận của chính mình, đối với

một vị trưởng thượng mình kính ngưỡng nhất, tôn trọng nhất, những lời từ chính miệng của vị ấy thốt ra sẽ khiến cho chúng ta tin tưởng trọn vẹn.

Tuy chúng tôi chẳng hoàn thành học nghiệp thế gian, nhưng đây là một loại học vấn khác. Do được Phương tiên sinh giới thiệu, tôi chẳng hoài nghi Phật pháp. Biết chuyện ấy xác thực là như thầy đã nói, [Phật pháp xác thực] là đỉnh cao nhất của triết học; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Kẻ khác chẳng biết đến sự hưởng thụ ấy, nhưng người đọc sách Nho có thể hiểu được ít phần. Đó gọi là “*Khổng Nhan chi lạc*” (niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hò). Câu đầu tiên mở đầu sách Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ?*” (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao? Có bạn từ phương xa đến thăm, cũng chẳng sướng sao? Người ta chẳng biết mà không tức giận, cũng chẳng phải là bậc quân tử ư?) Dùng ba câu ấy để hình dung niềm vui do học Phật, quý vị mới thật sự thấu hiểu ít phần, thật sự vui sướng, đây là hưởng thụ. Sự hưởng thụ ấy chẳng phải là tiền tài, chẳng phải là của cải, chẳng phải là địa vị, chẳng phải là quyền thế, mà là cảnh giới không ngừng nâng cao hơn! Trong xã hội, chúng ta suốt đời giữ vững bản phận của chính mình. Tôi chọn lựa nghề nghiệp này, tức xuất gia, cũng chẳng do chính tôi chọn lựa, mà là do Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa. Lão nhân gia rất miệng buốt lòng khuyên tôi: “Chẳng cần làm gì khác, anh chẳng phải là người thích hợp để làm chuyện gì khác. Hãy chăm chỉ học Phật, hoằng pháp lợi sanh!” Tôi hết sức tôn trọng thầy, rất nghe lời, là học trò ngoan. Lão nhân gia đã chọn lựa cho tôi, tôi liền xác định đi theo con đường ấy!

Cổ đức đã nói về con đường ấy rất hay: “*Hoằng pháp là gia vụ*”. [Hoằng pháp là] việc nhà của chúng ta, chuyện của chính mình là y giáo tu hành, hoằng pháp lợi sanh. Đây là chuyện thuộc về bản phận của bản thân chúng ta. Đời này tôi đã làm được. Trừ chuyện này ra, bất cứ chuyện gì khác tôi cũng đều chẳng bận tâm. Cho nên đến hiện thời, vào độ tuổi này, tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có tinh xá. Nơi tôi trụ là của người khác, quyền sở hữu thuộc về người khác. Tôi nói “tôi có quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu”, rất tự tại! Chẳng có đồ chúng. Tuy dạy học hằng ngày mà cũng chẳng có học trò; nghiêm nhiên có nhiều kẻ nói họ là đồ chúng hoặc là học trò của tôi. Đó là do họ nói, chẳng phải là do tôi nói! Nhất định phải hiểu điều này! Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày giảng kinh, thời gian lâu dài, bất tri bất giác bèn dần dần khế nhập. Thật sự vui sướng! Phiền não ít, trí huệ tăng trưởng, vọng tưởng, phân biệt ngày càng ít đi. Hằng ngày nghĩ tưởng chuyện gì? Nghĩ tưởng kinh văn, kinh giáo, đức Phật nói như thế nào, ta phải nên học như thế nào, ta phải nên giúp đỡ kẻ khác ra sao. Nghĩ tưởng những chuyện ấy, hết sức đơn thuần! Mấy chục năm qua, tuy ở đô thị, nhưng trên thực tế vẫn là ẩn cư như cổ nhân đã nói, “*ẩn cư nơi đô thị*”. Nơi đô thị có nhiều chuyện lắm, nhưng tôi nhất loạt không biết, không xem TV, không xem nhật báo, không đọc tạp chí, không nghe radio. Vì thế, mỗi ngày [luôn cảm thấy] thiên hạ thái bình.

Hễ phát sanh đại sự gì, có những tín đồ sẽ kể với tôi những tin tức ấy. Vì thế, tôi cũng có thể hiểu đôi chút, biết một ít. Trước nay, chính mình chẳng tiếp xúc, như vậy thì cái tâm mới có thể định được. Định sanh ra Huệ, Huệ có thể giải quyết vấn đề. Do vậy, năm 1998, tôi đến Tân Gia Ba, duyên cũng rất thù thắng. Có một lần ngẫu nhiên tôi nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên:

- Nếu muốn cho thế giới hòa bình, nhất định phải là các phe phái chẳng còn đối lập, có thể hóa giải sự kỳ thị chủng tộc, tôn giáo đối xử hòa thuận với nhau, mới có thể giải quyết vấn đề này! Nhưng đối với ba vấn đề lớn ấy, thực hiện từ tôn giáo sẽ dễ dàng hơn. Vì sao? Phạm là tín đồ tôn giáo, sẽ đều tin tưởng thần, họ có một điểm trung tâm. Hễ nắm được điểm trung tâm ấy, tức là “*thần yêu thương người đời*”, [đối với] nhà Phật là đại từ đại bi. Phật pháp là gì? “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Đây chính là “*thần yêu thương người đời*”, “*Thượng Đế yêu thương người đời*”.

Tôi nói [do những điều ấy, sẽ] có thể đoàn kết tôn giáo. Ông ta nghe nói rất thích thú, chủ động liên lạc giùm tôi, liên lạc với chín tôn giáo tại Tân Gia Ba, tuyệt quá! Tôi liền bỏ ra một chút thời gian, ông ta tháp tùng tôi đến thăm từng tôn giáo một, kết bạn; đến cuối cùng, chín tôn giáo biến thành người một nhà. Tổng Thống Tân Gia Ba thuở ấy là tiên sinh Vương Đỉnh Xương thấy vậy hết sức hoan hỷ. Tôi đã gặp vợ chồng ông Vương Đỉnh Xương vài lần. Họ rất tán thán chuyện chúng tôi đã làm!

Ở chỗ nhỏ bé ấy, chúng tôi đã thực hiện ba năm, tổ chức ba lần dạ tiệc thân mật, các tôn giáo cùng nhau ăn mừng năm mới. Lần đầu tiên là năm 1999, ba ngàn tám trăm người tham gia. Lần thứ hai là năm 2000 Dương Lịch, có bảy, tám ngàn người tham gia. Lần thứ ba là năm 2001, dự đoán sẽ có hơn vạn người [tham dự]. Do trong lần cuối cùng, Thủ Tướng Tân Gia Ba làm khách danh dự của chúng tôi; đây là người lãnh đạo quốc gia, cho nên nhân viên bảo vệ sẽ đông hơn, cẩn thận hơn. Nhưng họ cũng nói với chúng tôi, hy vọng số người [tham dự sẽ] không đông lắm. Do vậy, chúng tôi phỏng chừng là năm ngàn người, thế mà hôm ấy, thật sự có gần tám ngàn người tham dự, làm rất thành công. Máy quốc gia phụ cận đều có đại biểu đến tham dự, như Mã Lai, Indonesia, Việt Nam, Cao Miên, Thái Lan, Phi Luật Tân, gần như là mấy vị chủ quản tôn giáo của quốc gia, hoặc các vị đại đức có tiếng tăm, có địa vị trong tôn giáo. Vì thế, kết giao bằng hữu càng nhiều hơn cũng là do nhân duyên như thế đó. Tôi tạo lập mối quan hệ rất tốt đẹp với Nam Dương.

Rời khỏi Tân Gia Ba, chánh phủ Úc đặc biệt cấp giấy phép nhập cảnh cho tôi, đối xử hết sức lịch sự. Ở Úc, tôi bèn có duyên phận, giúp họ đoàn kết tôn giáo, giúp họ đoàn kết các sắc tộc. Đối với chuyện này, chánh phủ Úc đã lập ra một cơ cấu chuyên môn là bộ văn hóa đa nguyên để quản trị chuyện ấy. Người chấp hành là các học viện, do các đại học chấp hành. Chuyện này hay lắm, hết sức tốt đẹp! Vì các học viện chẳng thiên vị một tôn giáo nào, quyết định là giữ địa vị trung lập, đối với mỗi tôn giáo đều tốt đẹp. Vì thế, tôi được tiếp xúc [với những vị thuộc] ngành giáo dục bậc cao, có cơ duyên cùng những vị giáo sư thuộc các học viện đi dự hội nghị tọa đàm hai lần. Không ngờ, học viện trao tặng tôi

bằng Tiến Sĩ danh dự, mời tôi làm giáo sư đại học. Tôi thừa cùng các vị, tôi tốt nghiệp cấp hai, tuy học vấn của tôi rất thấp trong trường, nhưng tôi có công phu năm mươi năm nơi Phật học. Tôi dạy học, [tức là] giảng kinh dạy học cho đến năm đó dường như là đã bốn mươi ba năm. Giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi ba năm; đây là những thứ thực tại bày ra trước mặt. Chúng tôi tiến hành tọa đàm với các giáo sư, các giáo sư nêu ra câu hỏi, tôi đều có thể giải đáp từng vấn đề một. Dựa vào đâu? Phật pháp. Phật pháp xác thực là trí huệ viên mãn. Đáng tiếc là bản thân chúng tôi vẫn chẳng đạt tới viên mãn, học đã nhiều năm ngàn ấy, chẳng có đại trí huệ, chỉ mở mang một chút trí huệ. Một chút trí huệ ấy vẫn dùng được. Vì thế, người thật sự có học vấn chân thật, kẻ khác chẳng thể coi rẻ được!

Nhất là trong hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, phương tiện thông tin phát triển. Hiện thời, chúng tôi giảng kinh dạy học, lợi dụng mạng lưới Internet, lợi dụng truyền hình vệ tinh, bất cứ nơi nào trên toàn cầu đều có thể tiếp nhận. Sự ảnh hưởng này xác thực là chẳng giống như trước kia, trong khoảng thời gian rất ngắn bèn có ảnh hưởng rất lớn. Vì vậy, suốt đời tôi không xây cất chùa miếu, [bởi lẽ] chùa miếu chẳng có sức ảnh hưởng to lớn. Tôi biết truyền hình vệ tinh và mạng Internet có ảnh hưởng to lớn, tôi dùng những thứ ấy làm đạo tràng, ở nơi phải thuê mướn cũng được, chẳng cần chính mình phải có đạo tràng. Hằng ngày khăng khăng chẳng mệt, nghiêm túc nỗ lực nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp người khác học Phật. Học Phật nói chung chẳng ngoài chuyện giúp cho kẻ khác “*quay đầu là bờ*”, giúp kẻ khác đoạn ác tu thiện, giúp người ta phá mê khai ngộ. Mục đích chung cực là giúp đỡ họ “*chuyển phàm thành thánh*”. Quý vị nói xem, sự nghiệp ấy có nhiều ý nghĩa, nhiều giá trị, sung sướng như thế đó! Đây mới là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Cái duyên ấy cũng chẳng phải là rất dễ dàng đạt được. Nói tổng quát bằng một câu, nhà Phật nói “duyên” chính là nói hết sức chánh xác, nói khiến cho người ta [nghe xong] chẳng thể không năm vóc gieo sát đất, đều là do duyên!

Trong xã hội hiện thời, [xem xét] câu này (“*gia cụ túc*”), [sẽ thấy] dấu sanh trong nhà ngoại đạo, nếu người ấy có duyên gặp gỡ Phật pháp, sẽ có thể cải biến. Người từ tôn giáo khác chuyển sang học Phật rất nhiều, tôi đã gặp không ít. Khi tôi gặp mặt, luôn dùng chánh pháp khuyên họ, chẳng cần thay đổi tín ngưỡng tôn giáo của quý vị. [Ép buộc kẻ khác phải thay đổi tôn giáo để học Phật] là sai lầm! Quý vị học Phật là chánh xác! Vì sao? Đức Phật là thầy của quý vị. Ví như quý vị là tín đồ đạo Thiên Chúa, quý vị tín ngưỡng Chúa Trời. Thượng Đế là chủ, là cha của quý vị. Quý vị theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là thầy, thầy và cha mẹ ta chẳng xung đột. Vậy thì quý vị nói “ta muốn từ bỏ cha mẹ, chẳng cần cha mẹ nữa, đi theo thầy”, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thân nhận quý vị. Vì sao? Quý vị bất hiểu! Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Quý vị đã bất hiểu đối với cha mẹ, làm sao Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thân nhận quý vị cho được? Phải biết điều này! Từ kinh Phật, chúng ta đã thấy rất nhiều. Quý vị thấy rất nhiều tín đồ tôn giáo Bà La Môn, Du Già, Số Luận, Ấn Độ vào thời cổ có rất nhiều tín đồ tôn giáo như thế ấy, các bậc học giả hoặc lãnh đạo tôn giáo hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo. Đây là giáo dục! Mỗi

quan hệ giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, mối quan hệ giữa chúng ta và các vị Bồ Tát là quan hệ bạn học. Các Ngài học trước chúng ta, chúng ta học sau. Chúng ta là bạn học lớp trước và lớp sau, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng giống như tôn giáo!

Trong tôn giáo có thần, có một vị chân thân duy nhất, hoặc một vị chân chúa duy nhất, con người chẳng thể là chân chúa, chẳng thể làm thần! Trong Phật giáo, tất cả hết thầy mọi người đều có thể làm Phật, vì sao? Phật là một danh xưng học vị trong Phật giáo, học vị cao nhất gọi là Phật Đà. Rất giống như trong các viện đại học hiện thời, học vị cao nhất là Tiến Sĩ. Quý vị học hành chăm chỉ đều có thể đạt được học vị Tiến Sĩ. Do vậy, đức Phật mới nói: *“Hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật”*. Lời này nói chẳng sai, phải hiểu chuyện này, chớ nên nầy sanh hiểu lầm! Tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng đều có thể học Phật hay không? Đều có thể học Phật! Vì thế, tôi đối xử với những tôn giáo khác hết sức tốt đẹp, quan hệ rất tốt đẹp. Đã thông đạt, hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ chẳng có chướng ngại!

Do vậy, chúng ta đọc đoạn kinh văn này, nghĩ đến câu *“nói chung là gặp duyên khác nhau”*, Thiện Đạo đại sư đã nói như vậy. Ngài nói: *“Tuy niệm Phật vãng sanh, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nói chung là do gặp duyên khác nhau”*. Chúng ta có thể dùng câu nói ấy của Ngài để [liễu giải] duyên phận của mỗi cá nhân trong suốt một đời cũng là do gặp duyên khác nhau! Gặp duyên thù thắng, quý vị sẽ có thành tựu rất khá. Chẳng gặp duyên thù thắng, hoặc gặp phải duyên bất hảo, chúng sẽ có thể dụ dỗ quý vị đi vào con đường bất thiện, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, đáng tiếc quá! Do vậy, chúng ta phải tiếc duyên, phải tiếc quý duyên phận!

Câu thứ tư là *“Sắc cụ túc”*:

(Sớ) Hình sắc đoan nghiêm, phi xú lậu đẵng.

(疏)形色端嚴，非醜陋等。

(Sớ: Hình sắc đoan nghiêm, chẳng xấu xí, hèn kém...)

“Hình” (形) là hình dạng, *“sắc”* (色) là thái độ của chúng ta. Dáng vẻ hòa nhã, vui tươi, đoan trang, nghiêm túc, khiến cho người khác kính yêu. Đối với người tu hành, điều này chẳng quan trọng cho lắm, nhưng hoàng pháp sẽ rất thuận tiện. Vì hình sắc đoan nghiêm sẽ tạo hảo cảm cho người khác, pháp duyên của quý vị sẽ thù thắng; nhưng hình sắc đoan nghiêm do đâu mà có? Phải biết: Ngàn muôn phần quý vị đừng nên đi sửa sắc đẹp. Quý vị sửa sắc đẹp hoặc trang điểm thì sai mất rồi! Hậu quả sẽ là khổ sở chẳng kham nói nổi! Vì sao? Phá hoại hoàn cảnh sanh thái tự nhiên của chính quý vị. Thân thể và dung mạo của quý vị do cha mẹ sanh ra như vậy, có thể sửa đổi hay không? Có thể chứ! Dùng phương pháp gì để sửa? Đức Phật nói: *“Hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Quý vị có thể hiểu đạo lý ấy, sẽ có thể sửa được! Do đó, quý vị thấy người học Phật có những vị tướng mạo của họ biến đổi rất rõ rệt. Vốn là tướng mạo xấu xí, nay thì tướng mạo hết sức trang nghiêm. Đó là gì? Công phu đấy! Vì sao tướng mạo vốn

không tốt? Tham, sân, si, mạn quá nặng! Tham, sân, si là phiền não. Cái tâm đầy ắp phiền não, tướng mạo làm sao tốt đẹp cho nổi? Sau khi đã học Phật, trừ bỏ tham, sân, si, siêng tu Giới, Định, Huệ, đương nhiên là hình sắc của người ấy sẽ biến đổi. Người càng từ bi, quý vị thấy tướng của họ là tướng từ bi. Càng nhu hòa, tướng của họ là tướng nhu hòa.

Đức Phật dạy con người tu Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả, lẽ nào tướng mạo chẳng tốt đẹp cho được? Đương nhiên sẽ là tốt đẹp! Tướng mạo tốt đẹp, mà thể chất cũng sẽ tốt đẹp. Khi chưa học Phật, lắm bệnh tật; khi đã học Phật, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, thân thể cũng khá hơn, các bệnh tật đều chẳng có! Đây mới là công phu chân thật. Nếu tướng mạo không tốt, pháp duyên tiếp dẫn đại chúng sẽ bị chướng ngại! Người ta vừa trông thấy tướng mạo không tốt, chẳng muốn thân cận quý vị! Vì thế, Bồ Tát thành Phật, [tức là] Bồ Tát tu hành thành Phật, trong kinh đức Phật đã nói, vẫn phải dùng thời gian một trăm kiếp, [sử dụng] thời gian dài như vậy để chuyên môn tu phước báo. Vì sao? Phước báo có thể tiếp dẫn chúng sanh. Phước báo là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Đây là nói về hình sắc đoan nghiêm. Tướng mạo của Phật, Bồ Tát đều hết sức tốt đẹp, tâm địa tốt lành, thiện tâm, thiện tư duy, ngôn ngữ và hành vi đều thiện, chẳng có gì không tốt. Tướng chuyển theo tâm, biến thành hết sức thiện lương. Người thân cận kẻ ấy, sẽ tự nhiên giống như có một sức hấp dẫn thu hút, thiện cảm ứng với thiện mà! Do đó, chẳng thể dùng những thứ giải phẫu bên ngoài, chẳng thể cầu những thứ thuốc thang linh dị, những thứ ấy đều là giả! Hãy ghi nhớ: Tướng chuyển theo tâm, thể chất cũng chuyển theo tâm. Tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải thiện lương. Thể chất thanh tịnh sẽ ít bệnh. Tâm địa thiện lương, diện mạo của quý vị liền thiện lương. Dùng phương pháp này sẽ tốt đẹp, sửa đổi vận mạng của chính mình.

Thứ năm là...

(Sớ) Cụ tượng phu tướng.

(疏)具丈夫相。

(Sớ: Đầy đủ tướng trượng phu).

[Đây là] “*tượng cụ túc*” (tượng trọn đủ) [trong lời hỏi thuộc phần chánh kinh].

Tiếp đó, [lời Sớ] viết:

(Sớ) Chư căn bất khuyết.

(疏)諸根不缺。

(Sớ: Các căn chẳng khuyết).

Điều này cũng hết sức trọng yếu. Trong chuyện hoằng pháp lợi sanh, quý vị gặp rất nhiều thuận tiện. Tuy là như thế, người các căn chẳng trọn đủ vẫn có thành tựu, nhưng ít hơn. “*Manh*” (盲) là mù mắt, chẳng nhìn thấy, chẳng có cách

nào đọc kinh vì không trông thấy. “Lung” (聾) là chính người ấy không nghe được. “Á” (啞, câm) thì người ấy có nghi vấn sẽ chẳng hỏi được. Những điều ấy đều là chướng ngại, đều gọi là “các căn bị khuyết hãm”. “Chư căn” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đều chẳng bị thiếu hụt, đây là tướng hảo. Nghiêm túc tu hành, sáu căn của quý vị ngày càng tinh tường, ngày càng thù thắng.

Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Cụ ngoài tám mươi, răng đã rụng, lại mọc hai cái răng, chẳng thể nghĩ bàn! Cụ vãng sanh khi đã chín mươi bảy tuổi, chẳng mất một cái răng nào. Đây là tu hành đặc lực. Cụ có thể sống trường thọ như vậy, cũng là do tu trì đặc lực. Nếu nói theo cách xem tướng thông thường, phần Địa Các²⁹ nơi cằm của cụ chẳng dài, phần Nhân Trung còn tạm được, chứ cằm bị lép, tướng như vậy là đoản mạng, rất khó sống đến sáu mươi tuổi. Cụ sống đến chín mươi bảy tuổi, cũng là đã thật sự sửa đổi vận mạng của chính mình. Do vậy, học Phật, quý vị có thể hiểu rất nhiều điều, đều có thể ứng dụng vào cuộc sống, sửa đổi vận mạng của chính mình. Đời này sẽ sống rất hạnh phúc, rất vui sướng, đời sau càng viên mãn hơn. Đời sau là quả báo, đời này là hoa báo.

Đối với câu thứ sáu [trong phần chánh kinh], tức “*niệm cụ túc*”, [lời Sớ giảng]:

(Sớ) Chánh niệm bất vong, diệc túc niệm hiện tiền.

(疏)正念不忘，亦宿念現前。

(Sớ: Chánh niệm chẳng quên, túc niệm cũng hiện tiền).

“*Túc niệm*” (宿念) là trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ, những gì người ấy đã niệm đều là chánh niệm. Duyên trong đời này hết sức thù thắng, từ bé đã gặp gỡ [Phật pháp], sanh trong gia đình rất tốt đẹp, cha mẹ và gia đình đều học Phật. Từ nhỏ đã tiếp nhận Phật pháp un đúc, do thiện căn trong đời quá khứ dẫn phát, cho nên thông minh khác người, có trí huệ bất phàm. Từ chỗ này, chúng ta cũng hiểu, người có thiện căn từ đời trước chẳng phải là đa số, mà là rất ít. Đa số chúng sanh trong đời trước đều tạo ác nghiệp. Vì thế, ác tập khí rất nặng, ác niệm rất mạnh. Nhìn từ chỗ nào? Nhìn vào lúc chúng tôi giảng kinh, nhìn từ lúc chúng tôi lên lớp, quý vị thấy có rất nhiều thính chúng khi chuyên tâm nghe giảng, do thiện căn đời trước của người ấy dẫn phát, họ bị cảm động, khóc òa, đầm đìa nước mắt, sấm hồi. Từ điều này quý vị có thể nhìn ra, nhưng như thế nào? Sấm hồi thì sấm hồi vậy đó; sau một, hai ngày, bệnh cũ lại phát ra!

Đây là do nguyên nhân gì? Quý vị bèn hiểu, tập khí bất thiện trong đời quá khứ quá nặng. Vì vậy, họ chẳng có cách nào! Họ rất muốn sửa đổi, nhưng sửa không được, rất mong học, nói chung là do nhân duyên sai biệt chướng ngại họ.

²⁹ Địa Các (地閣) là phần tương ứng với cằm trong khoa xem tướng mặt. Theo quan niệm tướng số Trung Hoa, người giàu có, phong lưu, sống lâu, địa các phải đầy đặn, rộng rãi, nở nang, không được lẹm, hoặc chẻ, không hẹp, ngắn, hay lõm. Nhân Trung (人中) là cái rãnh lõm trên mặt giữa mũi và miệng. Người Hoa cho rằng nhân trung dài, rộng, sâu sẽ thọ, lắm con cháu.

Chúng ta thường có thể thấy chuyện này! Lại quay về xét chính mình, nếu bản thân chúng ta chẳng dừng mãnh tinh tấn, mỗi ngày đều học tập, dù mài chẳng bỏ, chắc chắn là cũng bị tập khí ác tiêm nhiễm! Do vậy, có rất nhiều đồng học đến hỏi tôi: “Thầy làm thế nào để giữ cho mình chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm?” Tôi trả lời họ chỉ bằng một câu: “Đọc kinh mỗi ngày, giảng kinh mỗi ngày, quý vị sẽ chẳng bị [ô nhiễm]”. Mỗi ngày đọc kinh là mỗi ngày đều thân cận Phật, Bồ Tát. Mỗi ngày giảng kinh thì quý vị mỗi ngày đều phải chuẩn bị. Nếu quý vị chẳng chuẩn bị, lên giảng đài sẽ không thể kết thúc được, khó coi lắm, thật đấy! Đây là phương pháp đốc thúc chính mình tốt nhất. Quý vị xem nhé, thầy đốc thúc, cha mẹ đốc thúc, [chúng ta] đều có cách qua mặt, lừa gạt, dùng mảnh khóc để chiếm lợi thế. Thính chúng đốc thúc, học trò đông đảo như vậy đốc thúc quý vị, quý vị sẽ chẳng có cách nào lừa gạt được! Chẳng thể nào không chuẩn bị nghiêm túc!

Mỗi ngày tư tưởng đều đặt nơi đạo, nơi chánh niệm; dầu có tà niệm, nó chẳng dậy lên được! [Bởi lẽ], tà niệm chẳng có duyên, còn duyên của chánh niệm hết sức đầy đủ. Kinh luận Phật giáo quá nhiều, giảng cả đời chẳng hết! Đối với bộ kinh Hoa Nghiêm này, xét theo tốc độ tiến triển hiện thời, còn phải giảng bao nhiêu năm nữa? Tối thiểu là từ mười năm trở lên. Hiện thời, chúng tôi mới giảng một phần mười, đã giảng đến hơn ba ngàn giờ, [thế mà chỉ giảng được] một phần mười! Do vậy, [để giảng những phần sau] tối thiểu là mười năm nữa! Mười năm như một ngày, niệm niệm đều đặt nơi Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, làm sao quý vị học theo thói xấu cho được? Đó là chuyện chẳng thể nào có! Nay đang trong thời kỳ Mạt Pháp, bên ngoài có sức dụ dỗ, mê hoặc to lớn, mạnh mẽ, đây là phương pháp tốt nhất để làm thế nào hòng giữ cho chính mình chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc! Đời này, bản thân tôi nhờ cách này mà đắc lực. Nếu chẳng giảng kinh [mà mong] chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, sẽ là rất khó. Quá khó lòng, cảm cụ không nổi!

Câu thứ bảy [trong phần chánh kinh] là “*huệ cụ túc*” (huệ trọn đủ) [được lời Sớ giảng như sau]:

(Sớ) Huệ ngộ cao minh, thiện giải thế pháp.

(疏) 慧悟高明，善解世法。

(Sớ: Trí tuệ giác ngộ cao minh, khéo hiểu pháp thế gian).

“*Thế*” (世) là pháp thế gian, đúng như Tiên Sĩ Thang Ân Tử đã nói: “*Để giải quyết những vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Không Mạnh và Đại Thừa Phật pháp*”. Đại Thừa Phật pháp có thể giải quyết vấn đề xã hội, [đấy chính là] “*thiện giải thế pháp*” (khéo hiểu pháp thế gian). Vì sao? Trí tuệ đã khai. Người đời chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, luôn dựa vào kinh nghiệm trong quá khứ của chính mình để suy đoán. Suy đoán thì làm sao có thể đoán đúng cho được? Các nhà khoa học tuy dựa theo phương pháp suy luận để khảo sát, vẫn chẳng đạt được câu trả lời chính xác! Do nguyên nhân nào? Trước kia, thầy Phương đã bảo tôi, lên cao hơn, lý luận học (Logic) sẽ vô

dụng, siêu việt mà! Lý luận học, Nhân Minh (Hetuvidyā), và biện chứng pháp (Dialectic method) là những phương pháp luận khoa học. Phương pháp luận của khoa học cũng có phạm vi nhất định. Vượt ra ngoài phạm vi ấy, thấy đều chẳng dùng được. Thầy Phương nói Đại Thừa Phật pháp siêu việt. Thuở ấy, đức Phật thường vận dụng những phương pháp ấy vào đâu? Giáo pháp Tiểu Thừa. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát thì dùng được, chẳng thể áp dụng với hàng Bồ Tát Ma Ha Tát. Quý vị nói xem, những lời Huệ Năng đại sư đã nói trong Đàn Kinh là siêu việt!

Do đó, đối với pháp thế gian, bất luận sanh khởi vấn đề phức tạp, khó khăn gì chi nữa, hễ gặp được trí huệ chân thật, sẽ tự nhiên hóa giải, [đó là] “*thiện giải thế pháp*”. Giúp hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp hết thầy chúng sanh hóa giải tai nạn. Thiên tai, nhân họa, không gì chẳng phải là do ác nghiệp tác động. Lìa khỏi ác nghiệp, há có những chuyện ấy? Có rất nhiều kẻ không tin, nói đến nhân họa (人禍, tai họa do con người gây ra), chúng ta hồi tâm hướng thiện [hòng giải trừ nhân họa], cũng có lẽ họ còn có thể tin tưởng. Chứ thiên tai như động đất, bão lụt, sóng thần, núi lửa bùng nổ, vỏ trái đất nẩy sanh sự biến hóa, [họ sẽ phản bác] “những chuyện ấy có gì dính dáng đến chuyện con người tạo tác thiện hay bất thiện?” Mọi người đều nói kiểu đó! Kinh Phật bảo “có liên quan”. Lũ bình phàm chúng ta chẳng thừa nhận, đặc biệt là những kẻ thuộc giới khoa học. Trong kinh, đức Phật đã nói chuyện này, nhưng trong khoa học chẳng tìm thấy căn cứ, tìm không ra chứng cứ!

Vì vậy, trong những năm qua, Tiến Sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm về sự kết tinh của nước. Các đồng học thấy tin tức ấy trên Internet, hạ tải (download) cho tôi xem, tôi thấy vậy hết sức hoan hỷ. Vì sao? Khoa học đã chứng minh ý niệm của con người có thể biến đổi hoàn cảnh bên ngoài. Chúng ta có một niệm thiện, nước sẽ kết tinh biểu lộ hết sức đẹp đẽ. Tâm chúng ta bất thiện, nó sẽ phản ứng hết sức xấu xí. Nước là khoáng vật, chẳng phải là sinh vật. Từ thí nghiệm ấy, chúng ta khẳng định: Đúng như kinh Phật đã dạy, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, có sanh mạng, sống động! Theo giáo pháp Đại Thừa, hết thầy các pháp do đâu mà có? Do Pháp Tánh biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, do pháp tánh biến ra. Pháp Tánh là chân tánh, nó có sẵn năng lực thấy, nghe, hay biết, có sắc, thanh, hương, vị. Thấy, nghe, hay, biết là tánh của nó. Sắc, thanh, hương, vị là tướng của nó. Pháp Tánh, pháp tướng, toàn thể vũ trụ là sống động!

Vì thế, tôi cố vũ Tiến Sĩ Giang Bồn Thắng càng thêm gắng công! Hiện thời, ông ta mới chỉ là phát hiện sự thấy, nghe, hay, biết. Nước có thấy, nghe, hay, biết, [tức là] khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết. Đã phát hiện nó có sắc tướng, nó hãy còn có âm thanh, còn có hương, còn có vị, mà ông ta vẫn chưa phát hiện. Hãy tiếp tục khéo gắng sức, chúng tôi cũng kết giao thành bạn bè thân thiết. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

Tập 1476

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem đoạn kinh văn thứ hai trong phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh, cũng là đoạn thứ nhất trong mười đoạn của phần Biệt Minh. Chúng ta đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc sanh xứ cụ túc, chủng tộc cụ túc, gia cụ túc, sắc cụ túc, tướng cụ túc, niệm cụ túc, huệ cụ túc, hạnh cụ túc, vô úy cụ túc, giác ngộ cụ túc?

(經)云何得生處具足，種族具足，家具足，色具足，相具足，念具足，慧具足，行具足，無畏具足，覺悟具足。

(Kinh: Làm thế nào để được chỗ sanh về trọn đủ, chủng tộc trọn đủ, nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ, niệm trọn đủ, huệ trọn đủ, hạnh trọn đủ, vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ?)

Lần trước, chúng ta đã học đến câu thứ bảy, tức “*huệ cụ túc*”. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã viết: “*Huệ ngộ cao minh, thiện giải thế pháp*” (Trí huệ giác ngộ cao minh, khéo hiểu pháp thế gian). Đây là vào thời đức Thế Tôn trụ thế, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, gần như đã gặp khắp nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trong xã hội. Trên là từ quốc vương, đại thần, [dưới là] cho tới kẻ buôn bán nhỏ, kẻ chạy vật; trong số đó, còn có khá nhiều nhà tôn giáo, người tu hành, bậc học giả, đức Phật đều tiếp xúc. Những người ấy đối trước đức Thế Tôn nêu ra khá nhiều câu nghi vấn hoặc vặn hỏi, nay chúng ta gọi là những vấn đề “*nổi cộm*”, đức Phật chưa hề suy ngẫm, nghĩ ngợi, chẳng hề có, mà là trả lời ngay lập tức! Trả lời tự nhiên, trả lời thù thắng dường ấy; đây chính là “*huệ cụ túc, thiện giải thế pháp*”. Xác thực là có những kẻ cố ý gây khó dễ, đến thử thách Thích Ca Mâu Ni Phật, “*coi xem rốt cuộc ông có năng lực cỡ nào?*” Đức Phật chẳng tránh né, đều có thể giải đáp. Sau khi Ngài trả lời, đối phương năm vóc gieo sát đất, chẳng thể không bội phục!

Đức Phật nói lời thật, những đức năng ấy hết thảy chúng sanh vốn sẵn trọn đủ, giống như trong phẩm [N hư Lai] Xuất Hiện ở phần sau kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Đức Phật biết rành mạch, rõ ràng. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời chỉ vì một chuyện, kinh Pháp Hoa đã dạy rất rõ ràng: “*Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời*”. Đại sự ấy chính là đại sự gì vậy? Chính là nói rõ chân tướng sự thật ấy với mọi người! Đây là đại sự, chẳng phải là chuyện vặt vãnh! Hết thảy chúng sanh có trí huệ bình đẳng, chẳng khác chư Phật Như Lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể! Đối với đức hạnh và tướng hảo, đức Thế Tôn thị hiện Liệt Ứng Thân, tức là ba mươi hai tướng cùng với tám mươi thứ hảo. Những tướng tốt như trong sách xem tướng thế gian đã nói đức Phật đều trọn đủ, chẳng thiếu một tướng nào! Người thế gian chỉ biết những điều ấy, họ đâu có biết đức Phật còn có Báo Thân.

Báo Thân là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, chẳng thể dùng những con số để tỷ dụ, tính toán. Người thế gian chẳng biết điều này! Vì thế, pháp Tiểu Thừa thiên về kinh nghiệm và kiến thức thông thường của người thế gian; hễ nói ra, mọi người sẽ dễ hiểu. Pháp Đại Thừa khó khăn, [bởi lẽ, nó] chẳng phải là kinh nghiệm như người thế gian sở hữu, mà là cảnh giới do chư Phật Như Lai đích thân chứng nhập. Người hiện tại gọi [những giáo nghĩa Đại Thừa] là “chân tướng của vũ trụ và nhân sinh”, là chân thật, chẳng giả!

Sau khi đã hiểu rõ, chúng ta hãy nên giác ngộ, cũng là như đức Phật thường nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Vào những năm đầu nhà Thanh thuở trước, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Hiếm có khó gặp kể từ vô lượng kiếp đến nay*”, [tức là nói về chuyện] được gặp Phật pháp Đại Thừa. Được làm thân người, gặp Phật pháp Đại Thừa, khó khăn dường ấy! Sau khi đã gặp gỡ, hy vọng quý vị đừng nên luống uổng đời này, hãy giải quyết đại sự nhân duyên ngay trong đời này. “*Đại sự*” ấy chính là nhập Phật cảnh giới. Chuyện này nói khó thì chẳng khó, mà bảo là dễ thì cũng chẳng dễ! Khó hay dễ chẳng do bên ngoài; khó hay dễ là do cái tâm của mỗi người. Quý vị thật tâm muốn học, sẽ chẳng khó! Quý vị chẳng dùng chân tâm để học tập, sẽ chẳng dễ dàng! Thật tâm học tập thì điều đầu tiên là quý vị phải nhận biết, tức là quý vị phải nhận thức, phải hiểu rõ. Đây chính là trí huệ, thường nói là “*thấy thấu suốt*”, quý vị phải hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, quý vị sẽ có thể buông xuống!

Đức Phật dạy: Sở dĩ phàm phu chẳng thể thành Phật, cũng có nghĩa là quý vị chẳng thể khôi phục Tánh Đức của chính mình, là vì có ba loại chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm gọi chúng là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Giáo pháp Đại Thừa gọi chúng là “*phiền não*”. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Nói những danh từ này, kẻ sơ học [sẽ cảm thấy] khó hiểu. Nói như kinh Hoa Nghiêm, tuy cũng chẳng dễ hiểu, nhưng mọi người nghe xong, sẽ dễ tiếp nhận hơn! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy là nghiệp nhân thật sự. Do ba loại nghiệp nhân ấy, hiện ra ba loại cảnh giới bất đồng vơi vợi. Các cảnh giới ấy chính là “*duy thức sở biến*”, tâm hiện, thức biến. Ba loại chấp trước ấy đều có! Quý vị có toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ hiện ra cảnh giới lục đạo luân hồi, đọa lạc ở trong ấy. Khi đọa lạc dễ dàng, đúng là chẳng cẩn thận liền bị đọa lạc, nhưng thoát ra sẽ khó lắm! Thoát chẳng được! Nếu chúng ta thật sự giác ngộ, buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng còn chấp trước, biết những tướng ấy đúng như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chẳng chấp trước nữa, thật sự có thể tự tại tùy duyên, tùy duyên mà không phan duyên, sẽ vượt thoát lục đạo!

Nhưng quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, còn có hai thứ ấy; hai thứ ấy sẽ biến hiện thành tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật trong mười pháp giới. Chư vị phải ghi nhớ: Phật trong mười pháp giới chính là Tương Tự Tức Phật như Thiên Thai đại sư đã nói. Tương tự, chẳng

phải là thật sự; rất giống, nhưng chẳng thật, [đó gọi là] Tương Tự Tức. Đây là bốn pháp giới ở phía trên trong mười pháp giới. Nếu quý vị cũng buông phân biệt xuống, nói cách khác, chẳng còn phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, ý niệm phân biệt đã đoạn dứt, vậy thì chúc mừng quý vị. Quý vị có tư cách vượt thoát mười pháp giới.

Pháp giới ở ngoài mười pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là thế giới Hoa Tạng, kinh Vãng Sanh gọi nó là thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải là mười pháp giới. Điều kiện để đạt đến Nhất Chân pháp giới thường nói là *“phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*. Vô minh là gì? Vô minh là vọng tưởng, nay chúng ta nói là “khởi tâm động niệm”, đúng là chẳng dễ dàng! Thật sự dụng công là vận dụng ở chỗ nào? Ngay trong khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, dùng công phu gì? Liễu giải chân tướng sự thật. Kinh Bát Nhã nói: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*. Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ đạo lý này, buông xuống muôn duyên, tâm quý vị sẽ tịch tĩnh. Tĩnh sanh huệ! Cái tâm tịch tĩnh khởi tác dụng là trí huệ. Trí huệ ấy vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải là đến từ bên ngoài. Tự tánh vốn sẵn có trí huệ hiện tiền. Đây gọi là *“một đại sự nhân duyên”*.

Ân huệ của đức Phật đối với chúng sanh là ở ngay chỗ này. Nếu đức Phật chẳng nói thấu suốt, chúng ta làm sao biết được? Đức Phật nói rành rẽ, minh bạch chuyện này. Chúng ta phải mong nhập cảnh giới của Phật, vượt thoát mười pháp giới; mười pháp giới là hư vọng, chẳng chân thật. Vĩnh Gia đại sư bảo: *“Trong mộng rành rành phô sáu nẻo. Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang”*. Lục đạo là cảnh mộng, là một giấc mộng, lẽ nào tứ thánh pháp giới lại chẳng phải là một giấc mộng cho được? Lục đạo là ác mộng, tứ thánh là hảo mộng, dầu sao đều là ở trong mộng, đều là vẫn chưa tỉnh giấc. Sau khi đã tỉnh giấc, sẽ là Hoa Tạng, là Nhất Chân, phải biết điều này! Đây mới thật sự là lia khổ được vui. Lia hết thấy khổ, được vui rốt ráo, chúng ta chẳng sống uổng phí đời này! Đời này chúng ta tự nhiên liễu giải rành rẽ, tự sanh lòng cảm ơn. Vì sao? Đức Phật có ân đối với chúng ta, cho chúng ta biết tin tức này. Trong đời này, chúng ta y giáo phụng hành, nghiêm nhiên vượt thoát. Vấn đề chẳng thể giải quyết trong vô lượng kiếp, đời này đã giải quyết xong, may mắn quá! Cảm ơn cha mẹ. Nếu cha mẹ chẳng ban cho chúng ta cái thân giả này, chúng ta chẳng được làm thân người, sẽ chẳng gặp Phật pháp. Được làm thân người là do cha mẹ mà được; nhờ thầy mà được nghe Phật pháp. Toàn là ân của cha mẹ và sư trưởng. Hết thấy chúng sanh thấy đều là Tăng Thượng Duyên của chúng ta. Chẳng có những chúng sanh ấy giúp đỡ, chúng ta làm sao có thể buông xuống ba thứ phiền não cho được?

Phải cậy vào những ngoại duyên, thuận cảnh, thiện duyên; ở trong [những cảnh và duyên] ấy, [luyện tập] buông xuống tham, si. Nghịch cảnh và ác duyên giúp chúng ta buông xuống sân khuê, buông xuống ngu si. Do vậy, đoạn tham, sân, si ở đâu? Trong khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng dấy lên tham, sân, si, chẳng dấy khởi những ý niệm ấy, trí huệ sẽ sanh, sẽ hiện tiền, công phu sẽ đạt được. Công phu là gì? Công phu là buông xuống. Trong sự tu hành của

tông Thiên Thai, có danh từ Chỉ Quán. Chỉ (止) là buông xuống, Quán (觀) là thấy thấu suốt. Lúc tôi mới học Phật, vừa mới tiếp xúc kinh Phật khoảng chừng hơn một tháng, bạn bè giới thiệu cho tôi quen biết Chương Gia đại sư. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia, ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Thực hiện từ chỗ nào?” Ngài dạy tôi bố thí, dạy tôi thực hiện khởi đầu từ bố thí, tôi thật sự làm! Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi sáu chữ: “*Khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (Thấy thấu suốt, buông xuống). Lại còn dặn dò: “*Anh thực hiện tốt đẹp suốt sáu năm; sau sáu năm, sẽ thật sự có cảm ứng*”. Do vậy, vấn đề là quý vị phải thật sự làm thì mới được. Chẳng thật sự làm, không được đâu nhé!

Câu tiếp theo [trong chánh kinh] là “*hạnh cụ túc*” (hạnh trọn đủ); trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Nhu hòa điều thiện, ly quá tu hành.

(疏) 柔和調善，離過修行。

(Sớ: Nhu hòa, điều phục cái tâm tốt lành, lìa lỗi để tu hành).

Nói hết sức đơn giản, hết sức tinh yếu. Học Phật thì điều thứ nhất là phải học nhu hòa! Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, điều đầu tiên là phải học nhu hòa, quyết định chẳng nóng nảy, bộp chộp. Phải biết điều tâm! Nói thật ra, nói theo kiểu hiện thời, “*điều tâm*” (調心) sẽ là khắc chế tập khí phiền não của chính mình! Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, có ai chẳng dấy lên thất tình, ngũ dục? Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn đều hiện tiền, tham, sân, si, mạn! Tôi thường khuyên lơn các đồng học, tôi nói mười sáu chữ. Thật sự mong tu hành, thật sự mong khế nhập cảnh giới của Phật, cửa ải đầu tiên là quý vị phải thật sự buông xuống. Cái đầu tiên phải buông xuống chính là lòng ích kỷ, chớ nên có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ích kỷ, làm sao có thể nhập cảnh giới của Phật cho được?

Có Phật tử người Hoa nào chưa hề niệm kinh Kim Cang? Kinh đã dạy rất rõ ràng: “*Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, sẽ chẳng phải là Bồ Tát*”, không phải là [Bồ Tát]. Đầu tiên là Ngã Tướng, ích kỷ chính là ngã tướng. Nếu quý vị chẳng buông xuống, quý vị học Phật, giảng kinh, bái sám, nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Vì sao? Chẳng buông cái Ngã xuống! Đây là Ngã Chấp trong chấp trước, là căn bản của tất cả hết thảy các phiền não. Ngã tham, ngã si, ngã ái, ngã kiến. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Bốn đại phiền não thường theo sau, làm sao quý vị có thể rời lìa lục đạo cho được!

Có những thứ ấy tồn tại, nhu hòa sẽ rất khó thực hiện! Nếu có thể phá ngã tướng, phá ngã chấp, sẽ tự nhiên nhu hòa, tự nhiên “*điều thiện*”, “*điều*” (調) là điều hòa. Mấy năm gần đây, tôi có cơ duyên tham dự một vài hội nghị hòa bình quốc tế, tôi bèn nêu ra những giáo huấn trong Phật pháp để khuyên lơn, khích lệ mọi người. Làm như thế nào thì có thể thực hiện hòa bình, hóa giải xung đột?

Chuyện này chẳng phải là làm từ bên ngoài, mà phải thực hiện từ nội tâm. Đầu tiên là phải điều giải hết thầy những đối lập với người khác, phải hóa giải hết. Hóa giải hết những mâu thuẫn đối với người khác, sau đấy xung đột ở bên ngoài sẽ chẳng thể phát sanh. Do đó, điều quan trọng nhất là chúng ta chẳng đối lập với hết thầy người, sự, vật, chẳng có mâu thuẫn, chẳng có nghi hoặc, tự nhiên là chẳng có xung đột. Bản thân chúng ta làm được, sẽ dần dần ảnh hưởng đến người khác, thật sự làm được, sức ảnh hưởng sẽ rất lớn!

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật dạy người khác, người ta đều tin tưởng? Không Tử dạy người khác, Jesus dạy người khác, Mahomed dạy người khác, mọi người đều có thể tin tưởng, do đạo lý gì vậy? Những vị đó là thánh nhân, thánh nhân là gì? Chính bản thân họ làm được, sau đấy mới dạy người khác. Người ta sẽ tin tưởng, chẳng hoài nghi những vị ấy. Vì lẽ này, tôi thường nói: Bản thân chúng ta làm được, sau đấy dạy người khác, đó là thánh nhân. Những gì do chính chúng ta đã nói, sau khi nói xong, xác thực là đều có thể làm được; đấy là hiền nhân, thấp hơn một bậc. Chúng ta nói rồi mà chính mình chẳng làm được, đó là lừa người. Nói chung, sẽ có ngày bị kẻ khác vạch trần. Sau khi đã bị vạch trần, tín tâm của người ta đối với quý vị sẽ bị mất đi, quý vị làm sao có thể cảm hóa kẻ khác cho được?

Do đó, thế gian toàn là giả, Phật pháp nói lẽ thật. Phật pháp sử dụng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, [đó là] Phật tâm! Hết thầy chúng sanh, có kẻ nào chẳng có chân tâm? Chỉ là vì mọi người đã mê mắt, mê mắt như thế nào? Chấp trước cái thân này là ta, sai mất rồi! Từ trong mê hoặc, nầy sanh vô lượng vô biên tri kiến sai lầm, đúng là “hễ sai, bèn sai đến cùng”! Đức Phật dạy chúng ta tu hành rất hay; quý vị thấy tám chữ ấy (“*nhu hòa điều thiện, ly quá tu hành*”) của Thanh Lương đại sư, tu hành là tu gì vậy? Tu nhu hòa, tu “*điều thiện*”, tu lìa lỗi! Đấy là thật sự tu hành. Ba chuyện ấy không chỉ nhằm đối với người khác, mà quan trọng nhất là trước hết đối với chính mình. Chính mình nhu hòa, chính mình điều hòa cái tâm tốt lành, chính mình lìa lỗi; sau đấy dạy bảo người khác, sẽ thấy chẳng khó! Bản thân chúng ta chẳng làm được, dạy người khác sẽ rất khó!

Chúng tôi học Phật đã hơn nửa thế kỷ. Trong nửa thế kỷ ấy, chúng tôi cũng từng đến thăm nhiều nước, tiếp xúc các đệ tử Phật môn trên toàn thế giới. Không chỉ là tiếp xúc Phật môn, mà còn tiếp xúc khá nhiều tín đồ tôn giáo, khiến cho chúng tôi có cảm xúc rất sâu. Cổ nhân đã nói: “*Mỗi thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước*”, tôi có cảm xúc sâu đậm [đối với chuyện này]! Hãy quan sát cẩn thận, vì sao có thể sanh ra hiện tượng này? Thứ nhất là do tiếp nhận sự giáo dục khác nhau, yếu tố thứ hai là phong khí xã hội ngày càng đi xuống! Càng trở ngược về thời cổ, [càng cảm thấy] lòng người thuần hậu. Bất luận là kẻ biết chữ hay không, đều được hưởng sự giáo dục tốt lành, hiểu đạo làm người, biết tôn trọng người khác, biết “bỏ mình vì người”, đấy là do đã được hưởng sự giáo dục. Còn biết chữ hay không là chuyện khác, [điều quan trọng là] họ biết làm người! Họ học Phật, chẳng biết niệm kinh, chẳng hiểu trong kinh có ý nghĩa gì, nhưng họ có thể y giáo phụng hành, có thể đạt được thành tựu.

Người hiện thời được giáo dục chẳng giống người xưa. Tuy học hành nhiều, trong đại học có Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, hàng năm chẳng biết ra trường bao nhiêu người, nhưng như thế nào? Chẳng hiểu đạo làm người! Vì thế, rất nhiều kẻ có bằng cấp cao ngất, sau khi tốt nghiệp, chẳng thể tìm được việc trong xã hội! Chủ nhân các công ty, hãng xưởng, hoặc cửa tiệm chẳng muốn thuê họ. Nguyên nhân là gì? Họ làm việc rất có năng lực, nhưng chẳng biết làm người, chẳng thể cư xử hòa thuận, chẳng thể hợp tác hỗ trợ người khác! Hiện tượng ấy mở rộng sang tôn giáo, cho đến tận Phật môn. Vì lẽ này, tôn giáo trong hiện thời, nhất là đối với Phật giáo, trong đại xã hội, trên cả thế giới, người chẳng liễu giải tôn giáo hoặc hiểu lầm tôn giáo quá đông! Có thể trách móc kẻ khác hay chăng? Chẳng thể! Chỉ có thể nói là bản thân chúng ta chẳng làm tốt! Tôi không nói “chúng ta làm vẫn chưa đủ tốt”. “Chưa đủ tốt” thì kẻ ra vẫn còn là làm khá lắm! Chúng ta hoàn toàn chẳng làm tốt, ngay cả câu “chẳng đủ tốt” chúng ta không có tư cách để nói! Lẽ nào chẳng có lầm lỗi cho được?

Đệ tử Phật môn chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia, nếu thật sự thực hiện rất tốt trong xã hội, đại chúng trong xã hội sẽ tôn trọng, kính yêu quý vị, biết quý vị là đệ tử Phật môn, họ cũng sẽ tôn trọng Phật môn. Do đức hạnh, trí huệ và sự công hiến của quý vị, quý vị đã vì thế giới, vì xã hội, vì chúng sanh làm khá nhiều chuyện tốt, mọi người sẽ kính ngưỡng, cảm kích quý vị. Trong các chuyện tốt, quan trọng nhất là giúp cho chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh thoát lìa lục đạo và mười pháp giới; đó gọi là “*lìa khổ, được vui*”. Chẳng phải là như hiện thời nói “ta thoát khỏi sự bần cùng”. Cổ nhân chẳng nói như vậy! Cần phải chăm sóc cuộc sống của người bần cùng. Bần cùng là khổ, nỗi khổ ấy có mối quan hệ nhân quả. Có thể nói rõ ràng, nói minh bạch đạo lý và chân tướng sự thật của nhân quả, người ta [nghe xong] sẽ có thể sửa đổi vận mạng của chính mình. Tiên sinh Liễu Phàm chẳng phải là đã sửa đổi hay sao?

Hôm nay, còn có một đồng học đem khoảng chừng sáu kịch bản Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký cho tôi xem. Tiên sinh Du Tịnh Ý cũng là điển hình, khuôn mẫu trong chuyện sửa đổi vận mạng. Thành tựu của ông ta vượt trội Viên Liễu Phàm, nhưng chẳng nổi tiếng như ông Viên Liễu Phàm. Danh tiếng của ông Viên Liễu Phàm, nói thật ra là do lão pháp sư Ấn Quang tuyên truyền. Thật ra, phương pháp sửa đổi lần hiệu quả của ông Du Tịnh Ý đều vượt trội tiên sinh Liễu Phàm. Mạng có nhất định, do ai định? Do nghiệp của chính mình đã tạo trong đời quá khứ quyết định quả báo trong đời này của quý vị. Chẳng phải là do Diêm Vương định, cũng chẳng phải do Thượng Đế định, lại càng không phải là do Phật, Bồ Tát định, [mà là] tự làm, tự chịu! Trong đời quá khứ ngu si, tạo rất nhiều ác nghiệp, đời hiện tại mọi chuyện đều chẳng như ý. Đời này đã thấu hiểu, chẳng sao cả, hãy lìa lỗi để tu hành; từ nay về sau, đoạn ác tu thiện, sửa đổi vận mạng. Đây mới gọi là chân tướng sự thật. Vì thế, bần cùng mà dựa vào cứu tế thì chẳng được. Cứu tế chỉ có thể giúp đỡ trong khi ngặt nghèo, làm sao có thể cứu quý vị suốt đời cho được? Cứu quý vị cả đời ư? Há có lẽ ấy? Chẳng có lẽ ấy! Vì thế, tại Trung Hoa, Nho, Phật, tất cả các tôn giáo trên thế gian đều dạy con người đoạn

ác tu thiện. Quý vị có thể hiểu rõ đạo lý này, nghiêm túc thực hiện, tự nhiên sẽ chuyển được.

Hôm nay, pháp sư Ngô Đạo mang đến một tấm ảnh cho tôi xem. [Đây là] lúc tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, ở trong chòi tranh của pháp sư Sám Vân, có chụp một bức hình, tính đến bây giờ, [bức hình đã] chụp cách nay bốn mươi bảy năm về trước. Bốn mươi bảy năm trước, tôi chụp cho họ. Hình như lúc ấy tôi ba mươi một tuổi, [bức ảnh ấy] rất có giá trị kỷ niệm. Khi đó, thật sự là lều tranh. Vách nhà bốn phía đều bằng những thanh trúc ken lại, bên ngoài dùng xi-măng trát lên. Quý vị thấy sơ sai đường ấy! Phía trên lợp cỏ tranh, toàn là dùng vật liệu ở trên núi ngay nơi ấy, đúng là “lều tranh”. Có tất cả bảy gian phòng, toàn là phòng rất nhỏ. Trong số ấy, căn phòng lớn nhất dùng làm Phật đường. Ba gian mỗi bên đều là liêu phòng, rất nhỏ! Nay chúng tôi ở chỗ này tại Hương Cảng, phòng ở rất hẹp, rất nhỏ. Căn phòng của chúng tôi ở tại lều tranh ấy, mỗi người ở một phòng, còn nhỏ hơn phòng ở Hương Cảng trong hiện thời. Trong mỗi phòng, chỉ có thể kê hai cái giường đơn là căn phòng ấy đã chật cứng; cũng may là người sống trong lều tranh không đông lắm. Kể cả pháp sư Sám Vân, chúng tôi chỉ có năm người.

Như vậy thì nói đến chuyện tu hành, nói thật ra, thế hệ trước đã sơ sót chuyện dạy bảo về đức hạnh cơ bản. Nay chúng tôi đã trải qua hơn năm mươi năm, mới thật sự hoảng nhiên đại ngộ: “Vì sao đệ tử Phật đối với Thập Thiện Nghiệp đều chẳng làm được?” Thập Thiện Nghiệp Đạo là yêu cầu thấp nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với học trò, thật sự là cơ sở của Phật pháp, là đức mục tu học cơ bản. Lũ xuất gia và tại gia chúng ta đều chẳng làm được! Trước kia, người ta đều có thể làm được, nay chúng ta chẳng làm được! Người xuất gia tu hành, ngoài Thập Thiện Nghiệp Đạo ra, còn cần thêm Sa Di Luật Nghi, đấy là cơ sở thấp nhất, mười giới, hai mươi bốn môn oai nghi. Vì vậy, xuất gia có Thập Thiện, sau đấy mới có Tam Quy, Ngũ Giới.

Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, điều thứ nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo, điều thứ hai mới là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Do vậy, điều thứ hai lấy điều thứ nhất làm cơ sở. Chẳng hiểu thảo với cha mẹ, chẳng tôn trọng thầy, quý vị chẳng thể nhập môn Thập Thiện Nghiệp Đạo, bất luận là tại gia hay xuất gia, quý vị đều chẳng vào được cửa Phật! Hiện thời, chúng ta đã thấy: “*Chỉ có hình thức, chẳng có thực chất*”; nhưng Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Quý vị đọc Thích Ca Phở, Thích Ca Phương Chí, sẽ hiểu rõ! Xác thực là thuở đức Thế Tôn tại thế, tất cả những vị đệ tử của Ngài, xuất gia hay tại gia tứ chúng đệ tử đông đảo, đều chú trọng thực chất, chẳng chú trọng hình thức. Đến thời kỳ Mạt Pháp, xếp hình thức thành bậc nhất, chẳng có thực chất, đấy là “*hữu danh vô thực*”. Chúng ta phải hiểu điều này, phải ngay lập tức cứu chữa. Bắt đầu cứu từ chỗ nào? Khởi đầu bằng cứu chính mình. Chính mình chẳng thể đắc độ, mà mong độ người khác, chẳng có lẽ ấy! Nhất định là trước hết phải thực hiện từ chính mình.

Kế đó là câu thứ chín [trong chánh kinh], “*vô úy cụ túc*”, Thanh Lương đại sư bảo:

(Sớ) Chí lực kiên cường, cố vô khiếp nhược.

(疏) 志力堅強，故無怯弱。

(Sớ: Chí lực cứng rắn, mạnh mẽ, nên chẳng khiếp nhược).

Vô úy! Sau đó, Ngài cũng dẫn kinh luận để giảng rõ:

(Sớ) Hựu vô úy giả, y Trí Độ Luận, Bồ Tát hữu tứ chủng vô úy, nhất tổng trì vô úy, u pháp ký trì, bất cụ vong thất.

(疏) 又無畏者，依智度論，菩薩有四種無畏，一總持無畏，於法記持，不懼忘失。

(Sớ: Lại nữa, theo Trí Độ Luận, đối với vô úy thì Bồ Tát có bốn loại vô úy. Một là tổng trì vô úy, đối với pháp ghi nhớ, gìn giữ, chẳng sợ quên mất).

Đây là Tổng Trì Vô Úy. Có nghĩa là đối với những pháp, những kinh giáo mà quý vị đã học, quý vị đều có thể ghi nhớ, đều có thể thực hiện. “Trì” là thực hiện. Do vậy, “ký trì” (記持) là hai chuyện: Một là quý vị ghi nhớ, hai là quý vị làm được, có ý nghĩa giống như chữ “học tập” như Nho gia đã nói. “Học” (學) là quý vị có thể ghi nhớ, “tập” (習) là quý vị làm được, quý vị sẽ chẳng quên mất. Đây là vô úy. Đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng. Thứ nhất là đòi hỏi phải có trí nhớ tốt, thứ hai là phải đọc thuộc. Chẳng đọc cho thông thuộc, sẽ không được! Nghiêm túc thực hiện, quý vị mới có pháp hỷ. Vì thế, “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?” (học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao?), pháp hỷ rất trọng yếu!

Pháp hỷ là như xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ khi giới thiệu Phật pháp cho tôi, đã dạy: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”. Sự hưởng thụ cao nhất chính là pháp hỷ sung mãn. Sự hoan hỷ ấy chẳng đến từ bên ngoài, chẳng phải là tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng phải là ngũ dục, lục trần, mà là quý vị khế nhập, ngộ nhập Phật pháp. Do vậy, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, lẽ nào người ấy chẳng hoan hỷ? Hằng ngày có tiên bộ! Phật pháp rộng lớn, tinh thâm. Không chỉ là quý vị học suốt đời chẳng hết, mà đời đời kiếp kiếp đều học chẳng hết, đúng là sung sướng vô cùng! Đây là đối với chính mình.

Thứ hai...

(Sớ) Tri căn vô úy, tri căn thọ pháp, bất cụ sai thất.

(疏) 知根無畏，知根授法，不懼差失。

(Sớ: Vô úy do biết căn cơ: Biết căn cơ để truyền trao pháp [phù hợp], chẳng sợ sai sót).

Điều này nhằm nói về chuyện dạy người khác. Người thật sự có đức hạnh, có học vấn, sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định sẽ dạy người khác. Người

ấy sẽ không làm nghề nghiệp nào khác. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, sau khi đại triệt đại ngộ, Ngài liền triển khai giáo học, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, sung sướng thay! Sung sướng khôn sánh! Chẳng có chuyện gì trong thế gian vui hơn chuyện này, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng hiểu. Nhập cảnh giới ấy, quý vị mới có thể thật sự thấu hiểu. Cổ nhân cũng có nói một câu: “*Đắc thiên hạ anh tài nhi nhạo dục chi*” (Vui sướng vì được bồi dưỡng bậc tài năng lỗi lạc trong thiên hạ), [đó là] chuyện vui sướng nhất trong đời người. Cổ nhân cũng đã nói một câu như vậy. Nay đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu thứ chín, tức câu “*vô úy cụ túc*” [trong chánh kinh]. Thanh Lương đại sư đã dẫn lời giảng của Trí Độ Luận về bốn loại vô úy của Bồ Tát. Loại thứ nhất là Tổng Trì Vô Úy, loại thứ hai là Tri Căn Vô Úy, đây là dạy kẻ khác. Chư Phật, Bồ Tát cho đến bậc A La Hán, các Ngài giáo hóa chúng sanh mạnh mẽ hơn bọn phàm phu chúng ta. Lấy A La Hán để nói, A La Hán có hai loại thần thông là Thiên Nhân và Túc Mạng, có thể biết trong năm trăm đời, chúng sanh đã làm những gì trong mỗi đời, mỗi kiếp. Thấu hiểu căn kẽ tận gốc, đương nhiên là sẽ thuyết pháp khế cơ, những gì đã nói đều đúng với những điều họ đang suy nghĩ. Bồ Tát, Phật lại càng chẳng cần phải nói nữa! Phật có thể biết từ vô lượng kiếp trước cho đến kiếp này, đời đời kiếp kiếp các chúng sanh đã làm những gì, chẳng có gì Ngài không liễu giải. Do vì người đó (người được hóa độ) có đại phước báo, đại nhân duyên, nên gặp Phật. Gặp Phật, chắc chắn sẽ chẳng luống uổng, quyết định đạt được thành tựu ngay trong một đời này! Đây là do đức Phật giáo hóa khế cơ, biết căn cơ của chúng sanh, cho nên có thể chẳng nói sai! Phàm phu thì rất khó khăn, hoàn toàn cậy vào kinh nghiệm và sự từng trải của chính mình, thường là nhìn sai người, chẳng thể sánh bằng Phật được!

Đức Phật là mười thứ cụ túc, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập, sẽ khó lắm! Nhưng trong Phật môn có phương pháp thiện xảo, tức là cầu nguyện vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì, năng lực của chúng ta ngay lập tức nâng cao, gần như chẳng khác Phật cho mấy, còn thù thắng hơn hàng Bồ Tát bình phàm, đương nhiên là A La Hán đuổi theo hít bụi chẳng kịp. Đây là lý do vì sao kẻ bình phàm nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, là vì đạo lý này! Đến thế giới Cực Lạc rồi mới quay lại, thường gọi là “*thả chiếc bè Từ*”, phổ độ chúng sanh. Chúng ta có Tri Căn Vô Úy thì bốn món Vô Úy của hàng Bồ Tát chúng ta sẽ đều đạt được!

Thứ ba là...

(Sớ) Quyết nghi vô úy, tùy vấn năng đáp, bất cụ bất kham!

(疏) 決疑無畏，隨問能答，不懼不堪。

(Sớ: Giải trừ nghi hoặc không sợ hãi, hễ hỏi liền có thể đáp, chẳng sợ không kham nổi).

Chuyện này bọn phàm phu chúng ta cũng chẳng có cách nào làm được! Gặp gỡ khá nhiều người thuộc các ngành nghề, nam, nữ, già, trẻ, họ nêu ra câu hỏi mà đều có thể giải đáp, chẳng phải là chuyện dễ! Nay chúng ta hoàng pháp bên ngoài, cảnh tượng như vậy gần như thường xuyên gặp phải, làm như thế nào? Chỉ đành cầu Tam Bảo oai thần gia trì. Trừ cách ấy ra, chẳng có cách nào khác! Trước kia, thầy Lý đã dạy tôi, chí thành cảm thông! Chỉ nhằm cầu giúp đỡ người khác, giúp họ giải trừ nghi nan, giúp họ kiên định tín tâm, giúp họ dũng mãnh tinh tấn. Chẳng có mấy may nguyện vọng cá nhân trong ấy, điều gì thuộc về cá nhân cũng đều chẳng có, thì mới có thể được Phật, Bồ Tát gia trì. Chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ làm chẳng được!

Thứ tư là...

(Sớ) Đáp nạn vô úy.

(疏) 答難無畏。

(Sớ: Đáp lời vấn nạn chẳng sợ hãi).

“Nạn” (難) ở đây là gì? Cố ý làm khó dễ, cố ý bắt bí quý vị! Cố ý làm cho quý vị lòi cái dốt trước mặt mọi người. Có đấy! Tôi nhớ là vào năm 1977, lần đầu tôi đến Hương Cảng giảng kinh do hai vị là pháp sư Sướng Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên mời. Mượn thư viện Phật giáo Trung Hoa ở phố Giới Hạn (Boundary Road) [làm chỗ giảng]; khi ấy, pháp sư Sướng Hoài tiếp nhận chức thư viện trưởng. Tôi giảng ở chỗ đó hai tháng. Trước đó, tôi và pháp sư Sướng Hoài chưa hề gặp mặt; gặp mặt lần ấy, mới biết tuổi tác chúng tôi không chênh lệch mấy. Sư nhỏ hơn tôi mấy tuổi. Tối hôm đó, cùng nhau dùng cơm, Sư bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Tuổi thầy chẳng cao, mà cũng chẳng nổi danh, đến Hương Cảng giảng kinh rất chẳng dễ dàng. Người Hương Cảng chẳng nghe kinh. Dầu là lão pháp sư trứ danh đến Hương Cảng giảng kinh thì thính chúng cũng rất ít. Đại khái là ngày đầu quý vị khai giảng, họ sẽ đến để ủng hộ, đến ngày cuối cùng giảng kinh viên mãn, họ sẽ lại đến, trong khoảng giữa thì không chắc!” Sư bảo: “Trong khoảng ấy, có thể là lúc thầy giảng kinh, chẳng có ai tới hết! Thầy phải chuẩn bị tâm lý nhé”. Tôi liền thưa với pháp sư Sướng Hoài: “Chuyện ấy không sao cả!” Tôi nói chúng tôi là kẻ sơ học, đang học giảng kinh, có người đến nghe thì tốt lắm, không có ai đến cũng được. Tôi thưa: “Không có ai đến thì bàn ghế bày nhiều như vậy, tôi cứ coi chúng như người đang nghe giảng là được rồi!” Pháp sư Sướng Hoài cười xòa: “Nhu vậy thì không có vấn đề chi hết”.

Ngoài ra, Sư còn bảo tôi một vấn đề nữa: “Còn có những kẻ chuyên môn đến gây khó dễ, cố ý đưa ra những câu hỏi bắt chẹt trong khi giảng kinh, khiến cho pháp sư lúng túng, khiến cho pháp sư bị mất mặt trước mọi người, thầy đều phải có chuẩn bị về mặt tâm lý”. Tôi nói: “Được chớ! Tôi đến đây để tiếp nhận giáo huấn”. Chúng tôi vừa khai giảng liền tiến hành liên tục hai tháng. Trong khi ấy, cũng chẳng nghỉ ngày Chủ Nhật. Mỗi ngày giảng hai tiếng đồng hồ, dành ra

một giờ để dịch sang tiếng Quảng Đông. Cũng rất khó có, trong hai tháng ấy, gần như mỗi ngày đều không có ghé trống. Hơn một tuần sau, pháp sư Sướng Hoài bảo: “Pháp sư Tịnh Không! Pháp duyên của ông rất thù thắng, tôi chẳng ngờ được!” Thư viện Phật giáo Trung Hoa ở phố Giới Hạn không lớn, theo như chúng tôi thấy, độ lớn của nó chẳng khác giảng đường ở lầu mười một cho mấy! Có thể là còn lớn hơn [giảng đường của chúng ta] một chút, chỉ có thể chứa khoảng hơn một trăm người. Mỗi ngày [người nghe] đều ngồi kín chỗ, những người đến sau phải đứng ở ngoài cửa.

Sau khi giảng xong hai tháng ấy, chúng tôi đổi chỗ, đổi sang Quang Minh Giảng Đường của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool Road), Hương Cảng. Tiếp tục giảng ở đó hai tháng, thỉnh chúng đều đến đó. Cũng rất công bằng là thời đó còn chưa có đường hầm, mỗi lần vượt biển đều phải ngồi phà³⁰. Cũng giảng hai tháng tại đó, pháp duyên rất thù thắng. Đây là lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng. Có những kẻ thường kiếm chuyện cũng đều đến nghe kinh; sau khi nghe xong, họ cũng chẳng cất vản chi hết. Có lần, họ mời tôi dùng cơm, tôi cũng đi. Pháp sư Sướng Hoài đi cùng với tôi. Sư nói: “Những kẻ đó đều là những kẻ gây rối, đều phục vụ trong giới văn hóa tại Hương Cảng, cũng đều là những kẻ có thân phận rất lớn”. Khi dùng cơm, mọi người hết sức hoan hỷ, có nêu ra một số câu hỏi, tôi đều giải đáp cặn kẽ. Đó là lần đầu tiên đến Hương Cảng, giảng liên tục bốn tháng trời. Từ đây về sau, hầu như là mỗi năm đều sang Hương Cảng một lần, thời gian giảng kinh đại khái cũng chẳng hơn một tháng; vì thế, kết pháp duyên cùng Hương Cảng. Đó là nói về Đáp Nạn Vô Úy, thầy đều là trống lòng, kiên thành cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu Phật, Bồ Tát gia trì.

(Sớ) Hữu nạn giai thông, bất cụ nghi trệ.

(疏)有難皆通，不懼疑滯。

(Sớ: Bị vấn nạn đều [giải đáp] thông suốt, chẳng sợ bị nghi trệ).

Vì thế, học Phật, giảng kinh, hoằng pháp, không chỉ là phải hiểu kinh giáo, mà đối với pháp thế gian cũng phải liễu giải. Pháp thế gian và xuất thế gian đều có thể thông đạt, đây chẳng phải là chuyện rất dễ dàng! Trước kia, thầy Lý đã từng nêu một thí dụ. Cụ nói: “*Tam Tạng mười hai phân giáo chính là một bộ Đại Tạng Kinh, trong một đời này, quý vị có thể thông hiểu hay chẳng?*” Đối với pháp thế gian, cụ không nói gì khác, chỉ nói đến một bộ tòng thư trong pháp thế gian của Trung Hoa là Tứ Khố Toàn Thư, còn chưa bao gồm những phát minh khoa học trong hiện thời, quý vị có thể thông đạt một bộ Tứ Khố hay chẳng? Chẳng thể thông đạt thì làm như thế nào? Cuối cùng, thầy tặng tôi bốn chữ, để cầu thông suốt thì câu bằng cách nào? “*Cảm thông*”. Dùng điều gì để cầu cảm? Dùng lòng thành, tâm chân thành, chân thành đến tột bậc, [sẽ là] “*chí thành*”. Chí thành sẽ

³⁰ Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán nằm ở đường Boundary, thuộc về khu Cửu Long, tức là ở trên đất liền. Còn Quang Minh Giảng Đường ở đường Blue Pool ở ngay trên đảo Hương Cảng. Hương Cảng và Cửu Long cách nhau bởi một eo biển nhỏ.

có thể cảm thông. Tôi đặc lực nhờ vào lời giáo huấn ấy của thầy, suốt đời y giáo phụng hành, đến chỗ nào, chính mình cũng đều rất chú tâm, cẩn thận. Cuối cùng, kể ra cũng được lắm, Tam Bảo gia trì, bốn mươi năm qua, trả lời những câu hỏi nghi nan do khá nhiều người nêu ra, vẫn còn có thể may mắn vượt qua. Chẳng giống như người ta thường bị bắt bí, chẳng thể đáp nổi, chẳng vượt qua được! Nếu chẳng dùng lòng chân thành cầu Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ chẳng làm được! Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Hết thầy đều vì Phật pháp, hết thầy vì chúng sanh, chính mình hy sinh hiến dâng viên mãn, niệm nào cũng vì người khác, quyết chẳng thể có một ý niệm vì chính mình. Vì chính mình thì sẽ chẳng thông, chẳng có cảm ứng, không thông suốt được! Chớ nên không biết điều này!

Câu cuối cùng là “*giác ngộ cụ túc*”; ở đây, Thanh Lương đại sư cũng chỉ giải thích bằng tám chữ:

(Sớ) Tánh tự khai giác, bất nhiễm thế pháp.

(疏)性自開覺，不染世法。

(Sớ: Tánh tự mở mang, giác ngộ, chẳng nhiễm pháp thế gian).

Tám chữ này hay lắm! “*Tánh*” là tự tánh, là như trong Thiên Tông đã nói: “*Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*” bèn gọi là “*tánh tự khai giác*”. Đương nhiên là trong cảnh giới ấy, quyết định chẳng nhiễm pháp thế gian. Chẳng cần nói tới nhân gian, đối với cõi trời, phước báo của chư thiên to lớn, đối với phước trời cũng chẳng nhiễm! Biết lục đạo và mười pháp giới hư huyền, chẳng thật; hễ quý vị tiêm nhiễm, chấp trước, sẽ phiền toái to lớn, sẽ bị đọa lạc vào đó. Thời gian chúng ta đọa lạc quá lâu; vì thế, đắm nhiễm tập khí rất sâu. Trong đời này, được nghe Phật pháp, gặp gỡ thiện tri thức thật sự dặt dìu, giúp đỡ, quý vị có thể dần dần học “*chẳng đắm nhiễm pháp thế gian*”.

Nói thật ra, thầy và cảnh duyên đều là Tăng Thượng Duyên. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đều là người tu hành; chẳng có cơ sở tu hành trong quá khứ, đời này sẽ chẳng làm được. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Chẳng cần nói tới hàng xuất gia, kể tại gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Pháp duyên suốt một đời của thầy Lý thù thắng lắm! Tôi theo cụ mười năm, cụ thường bảo ban, cổ vũ, khích lệ tôi kết pháp duyên với đại chúng. Cụ còn bảo: Cụ giảng kinh chẳng phải chỉ một đời, một kiếp này! Tôi tin tưởng [chuyện ấy]. Biết đâu đời trước cụ là một vị đại pháp sư, là người xuất gia; đời này, dùng thân cư sĩ để xuất hiện, pháp duyên vẫn thù thắng y như cũ. Ở Đài Loan, người theo cụ niệm Phật, khi tôi rời khỏi thầy, lúc tôi theo thầy thì thầy đã giảng kinh ở Đài Trung mười năm rồi, tôi theo thầy mười năm, tức là Đài Trung Liên Xã đã tồn tại hai mươi năm. Khi đó, liên hữu của Đài Trung Liên Xã (họ có danh sách) tổng cộng gần như đến năm mươi vạn người. Có thể thấy pháp duyên thù thắng!

Nhìn vào hành trạng, nghị luận của thầy, chỗ khiến cho chúng ta hết sức kính nể, cũng như khiến cho chúng ta nghiêm túc học tập, [chính là] tám chữ [trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư] đã mô tả [cụ Lý] khít khao, thích hợp: “*Tánh tự khai giác, bất nhiễm thế pháp*”. Thầy sống kham khổ, những gì chúng

ta đã thấy thật ra vẫn chưa phải là thấy rốt ráo. Cho đến sau khi lão nhân gia viên tịch, chúng ta thấy những thứ thầy để lại mới biết. Áo lót, vớ, tức những thứ mặc bên trong, vá chằng, vá đụp, chẳng có cái nào còn mới. Học trò của thầy đông lắm! Tín đồ của thầy, đông hơn năm mươi vạn người, chẳng có ai không tôn trọng lão nhân gia, thường xuyên cúng dường Ngài, biếu tặng quần áo, biếu đồ ăn. Lão nhân gia hoan hỷ nhận lấy, để trong Liên Xã, thấy ai thiếu thôn, cần dùng, bèn ngay lập tức tặng lại cho kẻ đó. Tôi còn có mấy bộ áo lót bằng len rất tốt, dành để mặc vào mùa Đông do lão nhân gia tặng cho. Bản thân cụ mặc thứ rách nát, chúng ta đâu có biết. Cụ mặc ở bên trong, [rách nát] đâu có ai biết! Sau khi trông thấy, đối với thầy đúng là “năm vóc gieo sát đất”, chẳng nói gì được nữa! Bản thân thầy là bí thư chủ nhiệm của ty Phụng Tự Quan³¹, gián nhậm một cấp³², thu nhập cũng rất khá, lại còn là giáo sư đại học. Toàn bộ thu nhập thầy đều dùng để bố thí làm sự nghiệp từ thiện, ngay cả những thứ được người khác cúng dường đều đem bố thí. Đây chính là trong giai đoạn hiện tiền của thời kỳ Mạt Pháp, cụ đã nêu tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự thực hiện “*chẳng nhiễm đấm pháp thế gian*”.

Tiếp đó, cuối đoạn chú giải của Thanh Lương đại sư, Ngài đã dùng đoạn sau đây để tổng kết:

(Sớ) Hựu thử thập sự, nhược ước pháp giả, sanh tại Phật gia, thị sanh xứ cụ túc đẳng, tư chi.

(疏)又此十事，若約法者，生在佛家是生處具足等，思之。

(Sớ: Lại nữa, mười sự này, nếu xét theo pháp, sanh trong nhà Phật chính là chỗ sanh trọn đủ v.v... Hãy suy nghĩ!)

Thanh Lương đại sư sợ chúng ta sơ ý, hời hợt xem lướt qua câu này. Vì thế, Ngài lại tự chú giải thêm. “Sao” là chú giải lời Sớ. Lời Sao cũng được trích lục phần quan trọng như dưới đây, chúng ta hãy đọc một lượt.

(Sao) Hựu thử thập sự hạ.

(鈔)又此十事下。

(Sao: Từ câu “lại nữa, mười sự này” trở đi).

Tức là đoạn văn chúng ta vừa đọc.

(Sao) Ước pháp, sanh tại Phật gia giả.

(鈔)約法生在佛家者。

³¹ Đây là một ty được gọi Phụng Tự Quan do chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc lập ra để phong tặng cho con cháu của Khổng Tử. Người giữ chức quan này là trưởng họ Khổng, có nhiệm vụ trông coi điển lễ của các Khổng Miếu, cũng như chú trọng hoàng dương Khổng Học. Bí thư chủ nhiệm chính là chức vụ Chánh Văn Phòng của một ty.

³² “Gián nhậm một cấp” có nghĩa là cụ Lý giữ chức bí thư trưởng, thấp hơn ông Khổng Đức Thành một cấp, nhưng được đãi ngộ và trả lương bổng không thua chức vụ trưởng ty.

(Sao: “Xét theo pháp, sanh trong nhà Phật”).

“Nhà Phật” là gì?

(Sao) **Bồ Đề tâm gia cố, đẳng ư dư cú.**

(鈔)菩提心家故，等於餘句。

(Sao: [Nhà Phật chính là] nhà Bồ Đề tâm, cũng như các câu khác).

“Dư cú” (những câu khác) là mười thứ “cụ túc” sau đó.

(Sao) **Vị nhị chủng tộc, tức cụ Phật chủng tánh, vị tự tánh trụ tánh, tập sở thành đẳng.**

(鈔)謂二種族，即具佛種性，謂自性住性，習所成等。

(Sao: Ý nói [câu thứ] hai [trong phần chánh kinh] là “chủng tộc” [cụ túc], nghĩa là “trọn đủ chủng tánh Phật”, ngụ ý: Tự tánh trụ nơi tánh, do huân tập mà thành v.v...)

Do vậy có thể biết, “chủng tộc” ấy chính là Phật chủng tộc, tức là gì? “Phật gia” là Bồ Đề tâm, không nhất định là do nhân duyên nào mà Bồ Đề tâm của quý vị dậy khởi. Hãy ngẫm xem, trong Phật giáo Trung Hoa, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư có phải là sanh trong nhà Phật hay không? Có phải là “chủng tộc trọn đủ” hay không? Có phải là “nhà trọn đủ, sắc trọn đủ, tướng trọn đủ” cho đến “giác ngộ trọn đủ” hay không? Ngài thầy đều trọn đủ.

Lúc hai mươi bốn tuổi, Ngài đắc pháp tại [huyện] Hoàng Mai, tuổi trẻ quá! Tuổi tác quá trẻ, kẻ bình phàm chẳng nhận biết, mà cũng chẳng có vị đại đức nào nâng đỡ, hộ trì, giúp đỡ Ngài, chẳng có! Chính Ngài cũng rất thông minh, vâng nhận giáo huấn của Ngũ Tổ, tìm một nơi để ẩn náu, trốn tránh, chờ đến lúc cơ duyên chín muồi. Ngài đến ẩn nấp trong đội thợ săn mười lăm năm, [đắc pháp khi] hai mươi bốn tuổi, mười lăm năm sau thì Ngài gần như bốn mươi tuổi mới xuất hiện. Khi lộ diện, điều khó có là Tổ được pháp sư Ấn Tông hộ trì. Ấn Tông là một vị lão hòa thượng giảng kinh, thuyết pháp, tu hành bậc nhất tại Lĩnh Nam, không ai chẳng tôn kính. Ấn Tông bái Tổ làm thầy, như vậy là “nước dâng, thuyền vọt lên cao”, ngay lập tức Tổ được đề cao! Tổ là sư phụ của pháp sư Ấn Tông, vậy thì [Tổ phải là một người] lỗi lạc lắm chứ! Do vậy, thành tựu của Lục Tổ chính là sự thành tựu của pháp sư Ấn Tông. Chẳng có Ấn Tông, ai biết có Huệ Năng? Chúng ta phải hiểu điều này! Vì thế, công đức hộ pháp vượt trời hoàng pháp. Trong quá khứ, tôi đã thường nói như thế; về sau, quả nhiên, trong kinh xác thực là đức Phật đã nói như thế.

Bản thân ta chẳng thể giảng kinh, ta tu hành chẳng tốt đẹp, không sao hết! Ta hộ trì người khác, công đức của người ấy chính là công đức của ta. Bản thân ta chẳng thể dạy người khác, không sao cả! Ta có thể mở trường học, mời thầy giỏi, những học trò được dạy dỗ đều là do quý vị dạy. Đây là hộ pháp! Hoàng dương và hộ trì là một thể. Hộ pháp còn quan trọng hơn hoàng pháp. Chẳng có

hộ pháp, chắc chắn là chẳng có hoằng pháp. Vì thế, hộ pháp thật sự là công đức bậc nhất. Căn bệnh lớn nhất của người đời là ganh tỵ, chướng ngại. Thấy người thật sự tu hành, thật sự có đức hạnh, bèn ôm lòng ganh tỵ, nghĩ trợn mọi phương pháp để chướng ngại, sai mất rồi! Chẳng biết quý vị được gặp gỡ [người ấy], chính là đại nhân duyên! Nếu quý vị có thể thật sự hộ trì, có thể giúp đỡ, sự thành tựu của người ấy sẽ chính là sự thành tựu của quý vị. Thành tựu của quý vị chắc chắn vượt trội sự thành tựu trong hoằng pháp của kẻ ấy. Phải hiểu đạo lý này, quả đức chẳng thể nghĩ bàn!

Kể đó:

(Sớ) Hựu cụ túc giả, duy Phật nhất nhân.

(疏)又具足者，唯佛一人。

(Sớ: Lại nữa, người trọn đủ [mười thứ ấy], chỉ có mình đức Phật).

Trọn đủ viên mãn mười thứ ấy, chỉ có một mình đức Phật! Trừ Phật ra, có [kẻ nào khác] trọn đủ hay không? Có chứ! Nhưng chẳng viên mãn như Phật, nói chung là luôn có những khiếm khuyết. Thấy đều trọn đủ những điều đó thì chỉ có mỗi mình đức Phật. “*Thấy đều trọn đủ*” cũng là nói rõ: Đến một thời đại nào đó, cái duyên đặc độ của chúng sanh chín muồi. Do cơ duyên đặc độ đã chín muồi, sẽ cảm Phật ứng hóa. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Chỉ có thiếu số chín muồi, Phật cũng ứng đến, nhưng chẳng dùng [cái thân] trọn đủ mười thứ ấy; đáng nên dùng thân gì để đặc độ, Phật bèn hiện thân ấy. Đức Phật ở trong thế gian này, thời gian dài hay ngắn, ảnh hưởng giáo hóa cạn hay sâu, chẳng do Phật, mà là do duyên, do chúng sanh! Chúng sanh có thật sự học tập hay không? Có hăng hái mến mộ hay không? Những điều ấy có quan hệ rất lớn! Vì vậy, chúng ta thấy, trong giai đoạn này, ở nơi chốn này, chẳng có Phật xuất thế, chẳng có Bồ Tát đến ứng hóa, chúng sanh mờ mịt bất giác. Chúng ta là kẻ đã biết, bản thân chúng ta phải phát đại nguyện cầu pháp thay cho hết thảy chúng sanh. Cầu thay bằng cách nào? Bản thân ta y giáo tu hành, nghiêm túc tu hành. Ta chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh, sẽ có thể cảm động Phật, Bồ Tát xuất thế. Chúng ta làm người khai thỉnh cho đại chúng, hướng dẫn mọi người.

Giống như thuở đức Thế Tôn trụ trong thế gian này, thị hiện thành Đẳng Chánh Giác, thị hiện thành Phật. Phạm phu không biết, chẳng ai thỉnh. Không có ai khai thỉnh, đức Phật sẽ “*bát Niết Bàn*”, tức là đức Phật nhập Niết Bàn, do không có ai khai thỉnh. Vào thời đại Nam Bắc Triều, pháp sư Bảo Hương ở Tứ Xuyên là bậc Bồ Tát ứng hóa, [thế mà] không có ai khai thỉnh, không ai nhận biết! Thuở đó, ngài Bảo Chí Công (hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát) là thầy của đế vương. Có những tín đồ từ Tứ Xuyên đến thăm ngài Bảo Chí Công; Bảo Chí Công hỏi họ: “*Tứ Xuyên đích hương quý tiện như hà?*” Những tín đồ ấy nghe không hiểu, tưởng ngài Bảo Chí Công hỏi họ: “*Ở chỗ quý vị, hương bán đắt hay rẻ*”, những người ấy liền thưa: “*Ở chỗ chúng tôi, hương rất rẻ, chẳng đáng tiền*”. Ngài Bảo Chí Công nghe xong, bảo: “*Có thể đi rồi*”. Ngài cũng chẳng nói gì nữa. Sau khi trở lại Tứ Xuyên, họ gặp pháp sư Bảo Hương, kể với Sư họ đã gặp ngài

Bảo Chí Công. Pháp sư Bảo Hương hỏi họ: “Ngài Bảo Chí Công nói với quý vị như thế nào?” Họ thưa: “Trước hết, ngài Bảo Chí Công hỏi chúng tôi: ‘Tứ Xuyên đích hương quý tiện như hà?’ Chúng tôi đáp ‘rất rẻ’, Ngài liền nói ‘có thể đi rồi’, chúng tôi nghe chẳng hiểu Ngài nói gì”.

Thiền sư Bảo Hương nghe lời ấy xong, liền biết: Ngài ở nơi ấy chẳng có địa vị, thật sự là một người đắc đạo, người ta cũng không coi trọng mà xem thường Ngài, có thể đi rồi! Vài hôm sau, Ngài tổ chức một đại hội Vô Già. Người Tứ Xuyên không tin Phật pháp, không ăn chay. Ngài bèn đào một cái ao phóng sanh lớn tại cửa chùa. Ngày hôm ấy, đại hội Vô Già rất đặc biệt, thiền sư Bảo Hương mời đại chúng đến dùng cơm, chẳng phải là đồ chay, mà là gà, vịt, cá, thịt thảy đều có. Mọi người hoan hỷ, đều kéo tới. Thiền sư Bảo Hương cũng cùng ăn với mọi người. Sau khi ăn xong, Sư biểu diễn. Ngài đến bên ao phóng sanh, vừa mở miệng ra, những thứ gà, vịt, cá còn sống đều bị ói ra ngoài, đập dềnh trên mặt nước. Ai nấy đều kinh ngạc! Ngài hiển lộ thân thông. Sau khi đã hiển lộ, bèn văng sanh, đứng mất! Sau đây, mọi người mới nghĩ đến lời nói của ngài Bảo Chí Công. Thật sự là một bậc đắc đạo, không ai lưu giữ Ngài, chẳng ai hộ pháp! Bộc lộ một chút tài năng cho quý vị thấy, chớ cho đến khi quý vị biết thì đã chẳng kịp nữa, Ngài đã ra đi rồi! Trong Thần Tăng Truyện có truyện ký của thiền sư Bảo Hương. Chúng tôi giới thiệu đoạn này đến đây.

Lại xem đoạn kế tiếp.

(Sớ) Đệ nhị hữu tứ đoạn, minh Sĩ Dụng Quả.

(疏) 第二有四段，明士用果。

(Sớ: Phần thứ hai gồm bốn đoạn, nói về Sĩ Dụng Quả).

Phẩm kinh này có tất cả mười một đoạn. Đoạn đầu tiên là Tổng Vấn, mười đoạn sau đó là Biệt Vấn. Tính theo cả phẩm, đoạn này là đoạn thứ ba, là đoạn thứ hai trong phần Biệt Vấn. Chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ, vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ, vô dũ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ?

(經) 云何得勝慧。第一慧。最上慧。最勝慧。無量慧。無數慧。不思議慧。無與等慧。不可量慧。不可說慧。

(Kinh: Làm thế nào để được huệ thù thắng, huệ bậc nhất, huệ tối thượng, huệ tối thắng, huệ vô lượng, huệ vô số, huệ chẳng thể nghĩ bàn, huệ chẳng sánh bằng, huệ chẳng thể tính lường, huệ chẳng thể nói được?)

Trong phần Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã cho biết: Bốn đoạn kế đó, nói theo phần Biệt Minh sẽ là phần thứ hai, gồm các đoạn thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm. Đoạn này là đoạn đầu tiên trong bốn đoạn ấy, cả bốn đoạn đều nói về Sĩ Dụng Quả. Đoạn thứ nhất hoàn toàn nói về mười loại huệ.

(Sớ) Huệ vi giản trạch.

(疏) 慧為揀擇。

(Sớ: Huệ nhằm chọn lựa, phân biệt).

Nay chúng ta nói là “*tuyển trạch*”. Quý vị chẳng có trí huệ, sẽ chẳng biết chọn lựa. Đoạn thứ hai nói về Lục, hỏi về mười thứ lục. Lục là nói đến sự tu tập, nói đến sự tu học. Đoạn thứ ba hỏi về mười thứ “*thiện xảo*”. Mười thứ thiện xảo là nói về sự ứng dụng của trí huệ. Đoạn thứ tư là nói về đạo phẩm trợ tu, nay chúng ta nói là “*trợ đạo phẩm*”, [phần này] gồm bốn đoạn ấy.

(Sớ) Tất dĩ tam nghiệp nhi đắc thành tựu.

(疏) 悉以三業而得成就。

(Sớ: Đều do ba nghiệp mà được thành tựu).

Đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý mà được thành tựu. Nay đối với mười câu ở chỗ này:

(Sớ) Kim sơ ngôn Huệ giả, tức đạo chi Thể.

(疏) 今初言慧者，即道之體。

(Sớ: Nay trước hết nói về Huệ thì Huệ là Thể của đạo).

Câu này hết sức trọng yếu. Tu học trong Phật pháp, bất luận tại gia hay xuất gia, mục tiêu chung cực là khai trí huệ. Do vậy, Huệ là Thể của đạo! Học Phật mà chẳng thể khai trí huệ thì sai mất rồi. Chữ “*Phật*” là tiếng Phạn, phiên âm tiếng Ấn Độ, có nghĩa là Giác. Giác cần phải cậy vào gì? Giác phải cậy vào Huệ! Huệ là Thể, Giác là Dụng. Ứng dụng trí huệ vào cuộc sống, ứng dụng vào công việc, ứng dụng vào xử sự, đãi người, tiếp vật, đó gọi là Giác. Do vậy, xếp điều này hàng đầu.

(Sớ) Thập trung.

(疏) 十中。

(Sớ: Trong mười điều).

Trong mười câu hỏi ấy của Ngài (Trí Thủ Bồ Tát). Câu hỏi thứ nhất là...

(Sớ) Thắng huệ.

(疏) 勝慧。

(Sớ: Huệ thù thắng).

“Thắng” (勝) là thù thắng. Trong phần chú giải, tuy Thanh Lương đại sư nói rất đơn giản, nhưng đã nói rất rõ ràng.

(Sớ) Thắng thế gian cố.

(疏)勝世間故。

(Sớ: Vì vượt trời thế gian).

Tuy chỉ có bốn chữ, ý nghĩa quá sâu. Thế gian, nói thông thường thì là lục đạo; xét trong lục đạo, tiến lên cao hơn sẽ bao gồm cả hai mươi tám tầng trời, chẳng ai có thể sánh bằng! [Tức là] trí huệ [của bậc Bồ Tát từ Thập Tín trở lên] thì không người nào trong hai mươi tám tầng trời có thể sánh bằng! Nếu nói theo nghĩa rộng, sẽ bao gồm cả mười pháp giới. Trong mười pháp giới, có Thanh Văn, có Duyên Giác, có Bồ Tát, có Phật, [trí huệ] cũng đều chẳng thể sánh bằng vị ấy. Vì sao? Chúng ta đừng nên quên đoạn trước [đã nói]: “*Vô úy trọn đủ, giác ngộ trọn đủ*”. Thanh Lương đại sư càng nói hay hơn nữa: “*Cụ túc giả, duy Phật nhất nhân*” (Chỉ mình đức Phật trọn đủ). Chữ Phật ở đây hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Nếu nói theo nghĩa hẹp, phải hiểu “*Phật*” là Cứu Cánh Phật, tức là vị Phật rốt ráo viên mãn. Nói theo nghĩa rộng, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đều gọi là “*chư Phật Như Lai*”, đã vượt thoát mười pháp giới. Nói cách khác, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là Phần Chứng Túc Phật. Tuy chưa đoạn hết vô minh, nhưng trí huệ của Ngài, xét theo mười pháp giới, chẳng có ai có thể sánh bằng Ngài!

Vì sao? Chúng sanh trong mười pháp giới, “*chúng sanh*” bao gồm cả Phật, Bồ Tát [trong mười pháp giới] đều chưa phá vô minh, vẫn dùng cái tâm tám thức, năm mươi một Tâm Sở y như cũ. Trong mười pháp giới, thấy đều dùng cái tâm ấy, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Do vậy, họ chẳng phải là chân Phật. Chân Phật dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm là gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đầy là chân tâm. Người trong pháp giới học Phật, đều có “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, nhưng chẳng phải là thật. Vì sao chẳng phải là thật? Họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, hãy còn có lòng ích kỷ, còn có thị phi nhân ngã, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có tham, sân, si, mạn, chẳng phải là thật! Học kiểu nào cũng học không giống! Làm sao họ có thể “*thắng thế gian*” (vượt trời thế gian) cho được? Sơ Trụ Bồ Tát lỗi lạc, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có vô minh. Cái mà Ngài còn có chính là tập khí vô minh, tuy đã phá sạch vô minh, nhưng vẫn còn đeo thêm tập khí, tuy có tập khí mà chẳng trở ngại sự! Do vậy, đối với Phật được nói ở đây [trong câu] “*duy Phật nhất nhân*” (chỉ mình đức Phật), chúng ta rất có thể nói: Chữ Phật được hiểu theo nghĩa rộng, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, [đều gọi là] *chư Phật Như Lai*. Đây là cách nói của cư sĩ Giang Vị Nông trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, nói kiểu ấy rất hay! Vì thế, trí huệ của vị ấy được gọi là “*thắng huệ*”. Nói cách khác, huệ là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”.

Thanh Lương đại sư giải thích câu thứ hai “*đệ nhất huệ*” (huệ bậc nhất) là...

(Sớ) Quá Nhị Thừa cố.

(疏)過二乘故。

(Sớ: Vì vượt hơn Nhị Thừa).

Vượt hơn Thanh Văn, vượt hơn Duyên Giác. Thanh Văn và Duyên Giác được gọi là Nhị Thừa, thường gọi chung là Tiểu Thừa. Thanh Văn (A La Hán) đoạn chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều không chấp trước, nhưng còn có tập khí. Bích Chi Phật có công phu cao hơn Thanh Văn. Bích Chi Phật là tập khí Kiến Tư chẳng có, mà tập khí chấp trước cũng chẳng có, cao hơn A La Hán. “*Đệ nhất huệ*” vượt trội các vị ấy (Thanh Văn và Bích Chi Phật). Do vậy có thể biết, Bích Chi Phật và A La Hán tuy chẳng có chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Pháp Thân Bồ Tát ngay cả phân biệt cũng chẳng có. Vì thế, vượt trội, “*quá Nhị Thừa cố*” (vượt hơn hàng Nhị Thừa). Đó là “*đệ nhất huệ*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nói tới chỗ này.

Tập 1477

Chư vị đồng học, xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ ba trong phần kinh văn trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ, vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ, vô dĩ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ?

(經)云何得勝慧。第一慧。最上慧。最勝慧。無量慧。無數慧。不思議慧。無與等慧。不可量慧。不可說慧。

(Kinh: Làm thế nào để được huệ thù thắng, huệ bậc nhất, huệ tối thượng, huệ tối thắng, huệ vô lượng, huệ vô số, huệ chẳng thể nghĩ bàn, huệ chẳng sánh bằng, huệ chẳng thể tính lường, huệ chẳng thể nói được?)

Trong phần trước, chúng ta học đến “tối thượng huệ”, điều thứ ba là Tối Thượng Huệ. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Giản Quyền Giáo cố.

(疏)揀權教故。

(Sớ: Nhằm vạch rõ chẳng phải là Quyền Giáo).

[Các loại trí huệ được nói trong] phần trước đều vượt trời Nhị Thừa. “Đệ nhất huệ” [là trí huệ] vượt trời Nhị Thừa; “tối thượng huệ” trong câu thứ ba là [trí huệ] vượt trời Quyền Giáo. Tuy Quyền Giáo Bồ Tát cũng phát Bồ Đề tâm, tu lục độ, vạn hạnh, nhưng chẳng đoạn vô minh phiền não, vẫn ở trong tứ thánh pháp giới y như cũ. Những vị thuộc về Bồ Tát pháp giới hay Phật pháp giới trong tứ thánh pháp giới đều thuộc về Quyền Giáo. Nếu tiên cao hơn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy sẽ vượt thoát mười pháp giới, sẽ chẳng phải là Quyền Giáo Bồ Tát! [Khi ấy], phải nên sửa Quyền thành Thật, “Thật” trong Chân Thật, [Quyền Giáo Bồ Tát trở thành] Thật Giáo Bồ Tát, [người như vậy] là Bồ Tát thật sự. Thiên Thai đại sư gọi Quyền Giáo là Tương Tự Tức Phật, [nghĩa là] rất tương tự Phật, Bồ Tát, rất gần gũi, nhưng vị ấy chưa phải là [Phật, Bồ Tát] thật sự. Nếu tiên cao hơn thì mới là Thật.

Câu thứ tư là “tối thắng huệ”.

(Sớ) Phật quả siêu nhân cố.

(疏)佛果超因故。

(Sớ: Đó là cái nhân siêu việt của Phật quả).

Chúng ta xem hai câu [chú giải] kế đó của Thanh Lương đại sư, ý nghĩa cũng rất rõ rệt. Tiếp đó, lời Sớ ghi:

(Sớ) Thượng tứ giản liệt, dư lục đương thể.

(疏) 上四揀劣，餘六當體。

(Sớ: Nhằm vạch rõ bốn câu [nói về trí huệ] trên đây nhằm nói về [trí huệ thuộc] loại kém, sáu loại huệ còn lại là Thế).

Có thể thấy [trí huệ được nói trong] bốn câu thuộc phần trước chẳng vượt ngoài mười pháp giới. Phật quả ở đây chính là [quả vị] Phật trong mười pháp giới, “tối thắng huệ” thuộc mười pháp giới. Công phu tu hành của người ấy là “sấp phá vô minh, chứ chưa phá”, thuộc vào giai đoạn ấy. Nếu phá vô minh, vị ấy sẽ vượt thoát mười pháp giới. Hễ vượt thoát mười pháp giới, sẽ sanh vào thế giới Hoa Tạng. Đây là Phật thật sự, chẳng giả, thật sự là Pháp Thân Bồ Tát. Bốn thứ trí huệ ấy (thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ) chính là trí huệ trong mười pháp giới. Loại thứ nhất là Thắng Huệ, thù thắng trong thế gian, thuộc vào lục đạo. Lục đạo bao gồm hai mươi tám tầng trời. Quý vị chẳng thể nói chư thiên không có trí huệ! Trí huệ và thần thông của chư thiên mạnh mẽ hơn chúng ta khá nhiều, nhân gian chúng ta làm cách nào cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng nếu so sánh với tứ thánh pháp giới, chư thiên sẽ thua xa. Họ chẳng bằng Thanh Văn, chẳng sánh bằng Duyên Giác!

[Lời sớ giải đã] vì chúng ta nói rõ từng tầng một; chúng ta cầu trí huệ chân thật, học Phật, chớ nên không biết [điều này]. Nếu đối với cái chẳng thật mà đổ khá nhiều công sức, lãng phí bao nhiêu thời gian, sẽ rất đáng tiếc! Hết thầy phải tu từ chân thật; thực hiện chân thật từ chỗ nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thầy phải học từ cái tâm chân thật*”. Chư Phật, Bồ Tát đều vận dụng cái tâm chân thật. Giáo pháp Đại Thừa thường gọi cái tâm chân thật là Bồ Đề tâm; đây là chân tâm. Hết thầy chúng sanh ai nấy vốn sẵn có chân tâm, hết thầy chúng sanh có ai chẳng sẵn có? Có ai chẳng trọn đủ? Vì sao lại luân lạc đến nông nổi này? Đức Phật bảo [nguyên nhân là vì] chúng ta đã mê mất chân tâm. Đã mê mất chân tâm thì cái chân tâm ấy được gọi là “vọng tâm”. Thế của vọng tâm là chân tâm. Do vậy, chân và vọng chẳng hai. Nói theo Thế, sẽ là một, chẳng hai.

Phật, Bồ Tát giác, giác chứ không mê; phàm phu, mười pháp giới đều là phàm phu. Giáo pháp Đại Thừa nói rất hay, [chúng sanh] trong lục đạo gọi là Nội Phàm, trong tứ thánh pháp giới gọi là Ngoại Phàm. “*Ngoại*” là gì? Ở ngoài lục đạo. Ngoài lục đạo có tứ thánh pháp giới. Mười pháp giới là Nội Phàm và Ngoại Phàm. Nội Phàm hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, đi ngược đường! Tứ thánh pháp giới tuy dùng vọng tâm, nhưng họ y giáo tu hành, chẳng trái nghịch thánh giáo. Nói cách khác, họ sử dụng vọng tâm chánh đáng, sử dụng chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. [Đây chính là] học Phật! Đức Phật dạy ta như thế nào, ta liền làm như thế ấy, học rất giống như Ngài! Rất giống, bề ngoài rất giống, nhưng trong tâm chẳng ngộ nhập, nhưng làm rất giống. Đó gọi là Ngoại Phàm, thật sự là học trò ngoan của đức Phật!

Chỉ cần nương theo lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói để học tập, sẽ nhất định có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, quyết định sẽ có thể mình

tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là chứng quả. Nhưng nếu quý vị chẳng thể y giáo phụng hành, tự mình suy tưởng một kiểu cách riêng để minh tâm kiến tánh, khó khăn lắm! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này! Mười phương ba đời tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật, đúng là cùng một con đường, một phương hướng, một mục tiêu. Tuy có tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn bất đồng, chứ phương hướng và mục tiêu giống nhau. Do vậy, kinh Bát Nhã mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, cuối cùng đều đạt tới chỗ mục đích giống nhau! Tịnh Độ Tông được gọi là “*môn dư đại đạo*” (門餘大道, đường lớn ở ngoài các môn), “*môn*” (門) chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn. [Pháp môn Tịnh Độ] ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng thuộc trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vậy thì đạo ấy có phải là cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu với các pháp môn khác hay không? Thừa cùng chư vị, vẫn cùng! Nếu phương hướng và mục tiêu chẳng tương đồng, sẽ là tà đạo, chẳng phải là Phật đạo! Nói thật ra, nguyên lý và nguyên tắc được nói trong pháp môn Tịnh Tông và tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng trái nghịch.

Nói chung, Phật pháp bất luận Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, hay Giáo Hạ, tổng nguyên tắc đều là “*nuông vào Giới, Định, Huệ*”. Chớ nên sơ sót điều này, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Huệ là Phật tâm, Giới là Phật thân. Nhất cử nhất động của Phật, quý vị ghi chép lại sẽ là giới luật, Giáo là Phật ngôn. Do vậy, Định và Huệ là một Thể. Định là Thể, Huệ là Dụng. Huệ là Thể, Định là Dụng. Định và Huệ là một Thể, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Huệ mới có thể hóa giải tất cả hết thảy tình chấp hư vọng của quý vị, thảy đều có thể hóa giải. Do vậy, điều mong cầu trong Phật pháp chính là sáu loại trí huệ “*đương thể*” được nói trong phần sau. Bốn loại trí huệ được nói trong phần trước, ngoại trừ [trí huệ] thế gian, trong Phật pháp gọi trí huệ thế gian là Thế Trí Biện Thông, chính là một trong tám nạn, đức Phật chẳng thừa nhận loại trí huệ ấy là trí huệ chân thật. Đức Phật thừa nhận trí huệ của Nhị Thừa, Quyền Giáo, và trí huệ của Phật trong mười pháp giới, nhưng các loại trí huệ ấy đều chưa phá vô minh phiền não! Nói cách khác, chúng là trí huệ tương tự, tiếp cận trí huệ, chẳng phải là chân thật.

Điều gì mới là chân thật? “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” mới là chân thật. Bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, nhất định phải đạt đến triệt ngộ, trí huệ mới hiện tiền. Trí huệ hiện tiền, quý vị mới có thể giải quyết hết thảy các nghi nan tạp chướng trong thế gian và xuất thế gian, mới có năng lực ấy. Chúng ta ắt phải biện định rõ ràng điều này. Sau khi đã hiểu rõ, mới biết Phật pháp xác thực chẳng dễ dàng. Nhưng sau khi quý vị đã hiểu minh bạch, sẽ có thể thấu hiểu Phật pháp cũng hoàn toàn chẳng phải là rất khó khăn. Khó và dễ là ở chỗ nào? Ở chỗ bản thân quý vị có thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không! Nếu thật sự chịu buông xuống, Phật pháp chẳng khó. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông hai mươi bốn tuổi đắc đạo, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, hai mươi bốn tuổi đấy nhé! Kinh Hoa Nghiêm đã ban cho chúng ta một tấm gương, Thiện Tài đồng tử thành Phật trong một đời, thành Phật rốt ráo viên mãn. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật. Những

trường hợp ấy đã nói rõ [thành Phật] chẳng khó, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ quý vị chẳng thể buông xuống được. “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”, hai câu ấy nói rất dễ dàng, thực hiện chẳng đơn giản!

Người thật sự tu hành chẳng có gì khác, đầu tiên là người ấy thật sự thấy thấu suốt. “Thấy thấu suốt” chính là trí huệ, biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh đều là huyền tướng, chẳng chân thật! Vì thế, Phật pháp gọi nó là Hữu. Hữu được gọi là Diệu Hữu, [bởi lẽ] Diệu Hữu chẳng phải là có, Chân Không chẳng phải là không! Quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này; thế giới này là huyền hóa, chẳng thật! Các pháp vô thường, sanh diệt trong từng sát-na, kinh điển đã nói rất nhiều [về chuyện này]. Kinh văn của kinh Hoa Nghiêm khá dài, từ đây về sau còn có nhiều chỗ nhắc lại [những điều này]; vì thế, nếu nghe phần trước mà chẳng hiểu, không sao cả, trong các phần sau còn có, sẽ còn nhắc lại. Đây là chỗ từ bi trong Phật pháp, không chỉ là nói một lần, mà là luôn luôn nhắc nhở quý vị.

Nói thật ra, đức Phật hiểu bọn phàm phu chúng ta quá rõ: [Bọn chúng ta nghe những giáo huấn trong kinh điển], nghe rõ ràng, nghe minh bạch, thật sự thông hiểu, cũng rất mong thực hiện, làm được vài ngày lại mê! Đây là do nguyên nhân nào? Tập khí quá nặng! Tập khí phiền não của chúng ta quá nặng, chẳng dễ gì quay đầu! Vì vậy, Phật, Bồ Tát từ bi, thường xuyên nhắc nhở, thường xuyên lặp đi lặp lại. Chẳng ngại nói một câu đến một ngàn lượt, chẳng sợ nói đến một vạn lần! Chỉ cần quý vị còn chưa thật sự quay đầu, sẽ nhắc nhở quý vị hằng ngày. Chẳng giống như các vị thầy trong thế gian, ngay cả Khổng lão phu tử cũng chẳng làm được! Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Phu Tử đã nói: “*Cử nhất ngưng nhi bất dĩ tam ngưng phản*” (Nêu ra một góc mà chẳng thể suy ra ba góc kia), Phu Tử chẳng muốn dạy quý vị. Vì sao? Quý vị quá đần! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng vậy. Đần độn ư? Không ngại! Chỉ cần quý vị chịu học, Ngài sẽ dạy quý vị từng lần một, nhắc nhở hằng ngày. Chỉ cần quý vị có lòng kiên nhẫn; sau dăm ba năm dạy bảo, người ấy sẽ khai ngộ. Trong ấy, có rất nhiều nhân tố!

Đức Phật chẳng phải là người thế gian. Người thế gian chẳng có Tha Tâm Thông, chẳng có Túc Mạng Thông. Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn một người, có thể biết đời quá khứ người ấy đã làm gì. Chẳng phải là một, hai, ba, năm đời trong quá khứ, mà là có thể thấy vô lượng đời trong quá khứ của người ấy. Năng lực của A La Hán có thể thấy năm trăm đời, đương nhiên là năng lực của Bích Chi Phật và Bồ Tát càng to hơn nữa. Đức Phật có thể biết vô lượng kiếp, biết trong đời đời kiếp kiếp quý vị đã làm gì, hiểu rõ ràng! [Biết rõ] phải dùng phương pháp gì để điều phục, giáo huấn, có thể giúp quý vị giác ngộ. Vì thế, [Phật pháp] khéo cơ, khéo lý. Nếu ai gặp đức Phật, người ấy có đại phước báo, chắc chắn sẽ tu hành chứng quả ngay trong một đời. Đó là đạo lý nhất định. Thánh nhân thế gian chẳng có năng lực ấy, chúng ta phải hiểu, phải minh bạch điều này! Sau đấy, chính mình mới có thể sanh khởi tín tâm, yêu chuộng Phật pháp, học tập Phật pháp, dù mài chẳng bỏ, cũng có thể thành tựu ngay trong một đời này.

Nhất là gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, Thiện Đạo đại sư đã nói rất hay: “*Pháp môn này, vạn người tu, vạn người vắng sanh*”. Đại sư nói thật đấy, chẳng giả đâu

nhé! Trong thời đại hiện tại, vì sao chúng ta thấy người niệm Phật đông như thế, người thật sự thành tựu rất ít? Chẳng phải là “*vạn người tu, vạn người vãng sanh*”. Vạn người tu, vạn người vãng sanh chính là [những người] biết tu hành đúng lý, đúng pháp, chẳng có một ai không vãng sanh! Hiện thời, có rất nhiều người niệm Phật chẳng hiểu lý, chẳng biết phương pháp, đúng là “*tu mù, luyện đui*”. Tu mù, luyện đui sẽ kết pháp duyên với A Di Đà Phật, chẳng thể thành tựu ngay trong đời này! Do vậy, phải đúng lý, đúng pháp, trong kinh điển đã dạy lý luận và phương pháp rõ ràng!

Người niệm Phật ai nấy đều đã từng đọc kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị đã hiểu những đạo lý trong kinh Vô Lượng Thọ hay chưa? Quý vị có còn hoài nghi hay không? Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Phương pháp đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, quý vị có làm được hay không? Quý vị thấy kinh điển vừa mở đầu đã dạy chúng ta rõ ràng, thực hiện từ “*thiện hộ tam nghiệp*” (khéo giữ gìn ba nghiệp), chúng ta có làm được hay không? Câu đầu tiên là “*thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*” (khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng gièm chê lỗi của người khác), đây là Thập Thiện Nghiệp. Khẩu nghiệp trong Thập Thiện Nghiệp là chẳng nói dối, chẳng lường thiệt (“*lưỡng thiệt*” (兩舌) là thêu dệt thị phi), chẳng ác khẩu (“*ác khẩu*” (惡口) là ăn nói thô lỗ), chẳng ý ngữ (“*y ngữ*” (綺語) là hoa ngôn xảo ngữ lừa gạt người khác).

“*Thiện hộ khẩu nghiệp*” thì quan trọng nhất là “*bất cơ tha quá*” (chẳng gièm chê lỗi của người khác). Thấy lỗi lầm của kẻ khác, giống như chẳng trông thấy, điều này quan trọng lắm! Vì sao? Tu pháp môn Tịnh Tông là tu cái tâm thanh tịnh. Hằng ngày, chúng ta ghim trong tâm chính mình những lỗi lầm của kẻ khác, há cái tâm của chính mình chẳng biến thành thùng rác hay sao? Làm sao quý vị có thể thanh tịnh cho được? Quý vị thấy chuyện này trọng yếu lắm! Chẳng chấp trước dấu vết! Thấy khuyết điểm của người khác, phản ứng đầu tiên là “ta có phạm lỗi lầm ấy hay không”? Nếu ta có, hãy nhanh chóng sửa đổi, đừng bận tâm người khác [có lỗi lầm hay không]. Chẳng có thì chính mình phải tự cố vũ chính mình thêm gắng sức. Đây là làm lỗi chúng ta chớ nên phạm. Hễ có bèn sửa; nếu không, hãy càng thêm nỗ lực. Đó là người tu tịnh nghiệp chân thật. Thấy kẻ khác chẳng đúng pháp, suốt ngày từ sáng đến tối cứ nhắc đến, tâm quý vị bị nhiễm bẩn, mà miệng cũng bị bẩn thỉu theo, há có nên ư? Làm sao quý vị có thể thành tựu cho được?

“*Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi*” (Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng phạm luật nghi), “*luật*” (律) là giới luật, “*nghi*” (儀) là oai nghi, nay chúng ta nói là “*phong độ*”.

Câu thứ ba là “*thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*” (khéo giữ gìn ý nghiệp, thanh tịnh, chẳng nhơ). Ý nghiệp là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si; chẳng sanh tham, sân, si đối với pháp thế gian và xuất thế gian. Đây là vừa mở đầu, [kinh Vô Lượng Thọ] đã dạy chúng ta về Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta có thực hiện hay không? Có nghiêm túc thực hiện hay không? Đây chính là pháp căn bản!

Những lý luận được nói trong kinh điển đều sâu rộng, không ngần mé, chúng ta phải nên thấu hiểu; hiểu được bao nhiêu chẳng quan trọng, hãy đọc cho nhiều! Cô nhân dạy: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa). Quý vị đọc một ngàn lần, tâm đã định, có thể ngộ nhập đôi chút. Lại đọc một ngàn lần nữa, lại ngộ nhập thêm một ít, rộng sâu chẳng có bờ mé! Hằng ngày đều khế nhập, quý vị nói xem có sung sướng lắm hay không? Đây chính là “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi tập luyện, cũng chẳng vui ư?) [Kinh điển nhà Phật] chẳng giống sách vở thế gian. Sách vở thế gian sâu rộng có hạn mục! Kinh Phật chẳng có hạn độ, màu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Vì thế, điều khẩn yếu là phải thật sự thực hiện, phải thật sự thấy thấu suốt. Sau khi đã thấy thấu suốt, phải thật sự buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị mới có thể đạt được tự tại.

Câu kế tiếp là “*vô lượng huệ*”, Thanh Lương đại sư bảo:

(Sớ) Dư lục đương Thê.

(疏) 餘六當體。

(Sớ: Sáu điều kia làm Thê).

“*Thê*” là Pháp Tánh, là chân tâm, là bản tánh, chính là trí huệ Bát Nhã vốn trọn đủ trong tự tánh, cả sáu món [trí huệ ấy] đều là trí huệ Bát Nhã. Bởi lẽ, trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài mà có, trong nội tâm vốn sẵn đủ. Hiện thời, trí huệ ấy chẳng thể hiện tiền; trí huệ đã biến thành phiền não, phiền não vô lượng vô biên, vọng tưởng vô lượng vô biên. Đó là gì? Đó là trí huệ. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa có nói: “*Phiền não tức Bồ Đề*” (Phiền não chính là Bồ Đề). Vấn đề là quý vị có biết chuyển biến hay không? Hễ chuyển biến, những phiền não vốn toàn là trí huệ. Do vậy, chẳng thể đoạn phiền não! [Nếu] đoạn phiền não, trí huệ cũng chẳng còn! Hãy chuyển phiền não thành Bồ Đề, đó là đúng. Nói “*đoạn phiền não*”, thật ra là “*chuyển biến*”, chuyển đổi chúng. “*Chuyển mê thành ngộ*” là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Hai câu ấy có cùng một ý nghĩa, là cùng một chuyện. Do vậy, đối với những giáo huấn trọng yếu trong Phật pháp như thế đó, chúng ta quyết định chớ nên hiểu sai ý nghĩa. Hiểu sai ý nghĩa, chúng ta sẽ đi sai đường!

(Sớ) Vô lượng huệ, vô phân lượng.

(疏) 無量慧，無分量。

(Sớ: Vô lượng huệ, chẳng có số lượng).

Câu kế tiếp:

(Sớ) Vô số huệ, vô nhược can.

(疏) 無數慧，無若干。

(Sớ: Vô số huệ là [trí huệ] chẳng tính rõ số lượng).

Vô lượng, vô số, chẳng thể dùng những con số để tính đếm được, chẳng thể diễn nói bằng con số được. Đây gọi là “vô lượng, vô số”. Vô lượng, vô số ở đây chẳng phải là những con số vào thời cổ Ấn Độ. Trong những đơn vị số của cổ Ấn Độ, có Vô Lượng, Vô Biên, Vô Số; [những danh từ vừa nói] đều là những con số, thật sự có hạn lượng. Ở đây, chẳng phải vậy. [Vô lượng, vô số] chính là xứng tánh, vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Phải như thế nào thì chúng ta mới có thể khôi phục những trí huệ ấy? Đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”; ở đây, [phẩm Tịnh Hạnh] nói đến sáu loại trí huệ. “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Bằng một lời, đức Phật đã nói toạc ra, khôi phục trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta như thế nào? Chẳng có gì khác! Chỉ cần quý vị buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị buông xuống một phần, trí huệ bèn thấu lộ một phần! Buông xuống hai phần, trí huệ bèn thấu lộ hai phần. Chúng tôi nêu tỷ dụ. Ví như chúng ta có một ngọn đèn; trong studio có rất nhiều đèn, bốn phía đều là đèn chiếu sáng. Nhưng để cân bằng ánh sáng của những ngọn đèn ấy, đều dùng một trang hay hai trang giấy che bóng đèn, khiến cho ánh sáng của nó dịu bớt. Che bằng hai, ba trang giấy, vẫn rất sáng. Nếu che hai, ba trăm trang giấy, chẳng có ánh sáng nữa. Che bằng hai, ba ngàn trang giấy, tối thui!

Nay quang minh trong tự tánh của chúng ta sáng ngời như ánh đèn, nhưng hiện thời những chướng ngại che lấp phía trước trí huệ trong tự tánh giống như những trang giấy, có bao nhiêu tầng? Đức Phật nói “tám vạn bốn ngàn phiến não”, tức là [có thể hiểu thô thiển, giống như] nói đến tám vạn bốn ngàn trang. Chúng ta dùng giấy rất mỏng, [nhưng dùng đến] tám vạn bốn ngàn tờ thì may mắn ánh sáng cũng chẳng thể thấu lộ! Do đó, người mới học chẳng dễ dàng! Mới học khó lắm! Chúng ta phải diệt trừ những chướng ngại ấy, tám vạn bốn ngàn tờ đấy nhé! Ta diệt trừ bốn ngàn trang, trí huệ có mở mang hay không? Chẳng mở mang, [do vậy] rất nóng ruột, [cứ nghĩ] “vậy là vô dụng mất rồi!” Có tác dụng chứ, nhưng quý vị còn chưa trừ [chướng ngại] đủ mức. Nếu quý vị lại nỗ lực, lại trừ một vạn trang. Nếu trừ một vạn trang, sẽ thấu lộ một tí quang minh, quý vị mới có thể sanh khởi tín tâm. Quý vị càng nghiêm túc nỗ lực buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Phải biết thứ tự trước sau của ba thứ ấy. Thứ tự trước sau là trước hết buông chấp trước xuống. Chấp trước là phiến não thô nặng nhất, hãy khởi sự từ nó trước. Phải học trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Học không chấp trước, học tùy duyên. Nếu quý vị hỏi vì sao đừng nên chấp trước ư? Kinh Bát Nhã đã dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, có gì đáng để chấp trước? Ai nấy đều không chấp trước, thiên hạ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Chúng ta hy vọng hóa giải xung đột, xung đột sanh từ nơi đâu? Vẫn chẳng phải là do chấp trước sanh ra ư? Tôi có chấp trước, quý vị cũng có chấp trước, xung đột sẽ nảy sanh. Quý vị chấp trước, tôi không chấp trước, xung đột chẳng nảy sanh. Quý vị tiến, tôi lùi. Chỗ nào cũng đều phải học lễ phép, nhường nhịn, biển rộng trời cao, cần gì cứ phải chấp trước? Cần gì phải tranh chấp cùng người khác? Giáo dục hiện thời dạy trẻ nhỏ bé tí đã cạnh tranh!

Tôi ở đại học Côn Sĩ Lan (Queensland) của Úc, có một lần dùng cơm cùng mọi người. Tôi ngồi đối diện một vị giáo sư già, có địa vị và kiến thức rất cao. Tôi thấy trong bảng sắp tên của đại học, ông ta được xếp hàng thứ hai, là người Mỹ, khéo sao chúng tôi ngồi đối diện nhau. Tôi hỏi ông ta, có phải là giáo dục nước Mỹ dạy trẻ cạnh tranh từ mẫu giáo? Ông ta nói: “Đúng vậy. Tiểu Học, Trung Học, Đại Học đều dạy cạnh tranh”. Nếu cạnh tranh cao hơn, sẽ là đấu tranh. Đấu tranh lại càng cao hơn sẽ là chiến tranh. Quan niệm giáo dục ấy chính là một tử lộ. Quý vị có nhận biết hay không? Giáo dục của các bậc thánh nhân phương Đông chẳng phải là như thế. Từ nhỏ, đã dạy trẻ nhường nhịn, khiêm hư, khiêm nhượng. Nhẫn nại, nhường nhịn, khiêm nhượng (khiêm tốn, nhún nhường), lễ nhượng (giữ lễ tiết, nhường nhịn), đó chính là một con đường sống động. Khái niệm cơ bản về giáo dục khác nhau. Nhìn bên ngoài, dường như chúng ta bị thua thiệt; thật ra, đâu có bị thua thiệt! Phạm là kẻ có lễ độ, nhường nhịn, về sau, phước sẽ vô cùng. Đó là trí huệ. Cạnh tranh, đấu tranh là phiền não, hằng ngày vắt óc để tìm cách ăn thua đủ với kẻ khác; đây là phiền não. Há có như cách giáo học của phương Đông, tâm địa của mỗi người là quang minh, sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não? Khác hẳn!

Loại thứ ba là “*bất tư nghị huệ*”.

(Sớ) Siêu ngôn niệm.

(疏)超言念。

(Sớ: Vượt khỏi nói năng, suy nghĩ).

Đây là trí huệ chân thật. “Ngôn” (言) là ngôn ngữ, “niệm” (念) là ý niệm. “Ngôn ngữ” là nghị luận, “ý niệm” là tư duy. “*Bất tư nghị huệ*”: Trí huệ chân chánh, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là trí huệ chân thật. Trong Phật pháp, gọi [những gì] có thể tư duy, có thể nghị luận là Đệ Nhị Nghĩa. [Bất tư nghị huệ] há có phải thuộc vào Đệ Nhị Nghĩa ư? “*Đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ*” như đã nói trong phần trước đều là có thể nghĩ, có thể bàn. Nói xứng tánh, “*vô lượng huệ, vô số huệ*” chẳng thể nghĩ bàn; đây gọi là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt, mở miệng liền trập, động niệm ắt sai*”. Đây là huệ gì? Trong giáo pháp Đại Thừa, nó được gọi là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”.

Vô tri là Căn Bản Trí, tức là “*chẳng thể nói, chẳng thể khởi tâm động niệm*” đang được nói ở đây. Đây chính là Căn Bản Trí. “*Siêu việt ngôn niệm*”, [nghĩa là] ngôn ngữ lẫn tư duy đều không thể đạt tới được! Chỉ khi nào cảnh giới của chính quý vị nâng cao đến mức này, quý vị sẽ có thể thấu hiểu. Hết thầy chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác. Khi trí huệ khởi tác dụng, tác dụng gì vậy? Hễ có người khác hướng về các Ngài thỉnh giáo, nêu ra vấn đề để thưa hỏi, các Ngài có thể đối đáp trôi chảy, chẳng cần suy nghĩ, trí huệ chân thật lưu lộ mà! Chúng ta có thể nhìn thấy [những điều này] từ chỗ nào? Từ kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật. Phần lớn kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật đều là trả lời những nghi nan của kẻ khác. Những người hướng về Ngài thỉnh giáo, nam,

nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp thầy đều có. Có nghi nan, hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo, Ngài đều giải thích, giúp quý vị đoạn nghi; những điều ấy được ghi chép lại, biến thành kinh điển. Không gì chẳng biết, ứng dụng đầy! Chẳng có một vấn đề nào có thể bắt bí Ngài, chẳng hề có! Ngài hoàn toàn chẳng cần học, Ngài chưa hề học qua, [thế mà] thật sự thông đạt, hiểu rõ chân tướng vũ trụ và nhân sinh.

Câu kế tiếp là “*vô dũ đẳng huệ*” (huệ chẳng có gì sánh bằng).

(Sớ) Vô đẳng thất.

(疏) 無等匹。

(Sớ: Không có gì sánh bằng).

Đây là nói chẳng có gì có thể sánh bằng Ngài. Phật Phật đạo đồng. Nếu quý vị chẳng chứng đắc quả vị này, trí huệ của quý vị sẽ chẳng viên mãn. [Trí huệ] này là [trí huệ] nơi quả vị rốt ráo. Trong phần trước đã nói “*vô phân lượng, vô nhược can, siêu ngôn niệm*” (chẳng có hạn lượng, chẳng có số lượng bao nhiêu, vượt khỏi ngôn từ và suy niệm), đó là nói về [trí huệ của] Pháp Thân Bồ Tát. Ba thứ trí huệ sau thuộc về Phật quả rốt ráo, trong Phật pháp thường gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ*” như đã nói trong phần trước đều là [trí huệ] của Đẳng Giác Bồ Tát, [từ quả vị thấp nhất trong các địa vị] Pháp Thân Bồ Tát [cho đến] Đẳng Giác Bồ Tát. Kinh thường phiên âm là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này có thể phiên dịch, nhưng không phiên dịch. Nói theo thể lệ dịch kinh, tức là trong Ngũ Chung Bất Phiên (năm loại chẳng phiên dịch), trường hợp này là “*tôn trọng bất phiên*”, [nghĩa là từ ngữ ấy] có thể phiên dịch, nhưng chúng ta vì tôn trọng nó, cho nên vẫn dùng cách phiên âm. Nó có ý nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ở đây, chúng ta phải chú ý, Chánh Giác chẳng vượt thoát mười pháp giới. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, bốn loại huệ đầu tiên được nói ở đây chính là bốn loại huệ [thuộc về tứ thánh pháp giới] trong mười pháp giới, chúng ta gọi [các thứ trí huệ ấy] là Chánh Giác. Quý vị thấy “*thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ*” chính là Chánh Giác. Nhìn như vậy, mọi người sẽ hiểu rất rõ ràng. “*Vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ*” là [trí huệ thuộc loại] Chánh Đẳng Chánh Giác, [trí huệ của] Pháp Thân Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba loại sau đó, tức “*vô dũ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ*” chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Giải thích như vậy cũng rất rõ ràng, rất minh bạch. Bốn loại trước thuộc về tứ thánh trong mười pháp giới; đối với sáu loại sau, ba loại đầu là Chánh Đẳng Chánh Giác, ba loại cuối cùng chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đối với Huệ, trong phần trước, Thanh Lương đại sư đã chú giải rất rõ ràng, “*Huệ thị Đạo chi Thể*” (Huệ là Thể của Đạo). Trong câu đầu tiên mở đầu đoạn này, Ngài viết: “*Ngôn Huệ giả, tức Đạo chi Thể*” (Nói đến Huệ thì đây chính là Thể của Đạo). Câu này rất quan trọng. Những gì đức Phật đã dạy, đã tu, đã thành tựu, đã giáo hóa chúng sanh, đều là trí huệ. Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài

mà có, hết thầy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ, chỉ là quý vị mê hoặc có sâu hay cạn khác nhau. Mê càng sâu, trí huệ càng ít. Mê càng cạn, trí huệ hiện ra càng nhiều. Mê hay ngộ khác nhau! Giáo học chẳng có gì khác, [chỉ nhằm] giúp cho chúng sanh phá mê khai ngộ [mà thôi]! Có phải là thật sự giúp đỡ hay không? Thật sự là chẳng thế, nhất định phải biết điều này. Vì mê hay ngộ là cá nhân, là do chính người ấy, là do bản thân người ấy. Ngộ là chính người ấy ngộ, mê là chính người ấy mê; ở chỗ này, đức Phật chẳng giúp đỡ được. Đức Phật chỉ có thể dạy quý vị những lý luận và phương pháp, quý vị hãy khéo học. Quý vị phải nghiêm túc nỗ lực, phải khắc phục khuyết điểm và sự nhiễm trước của chính mình, thật sự là công phu khắc kỷ. Vì thế, trí huệ này chẳng có gì sánh bằng được, đây chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kế tiếp là “*bất khả lượng huệ*”, loại cuối cùng là “*bất khả thuyết huệ*”, trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã viết:

(Sớ) Nan tỷ giáo.

(疏)難比較。

(Sớ: Khó so sánh được).

Điều cuối cùng là:

(Sớ) Duy chứng tương ứng.

(疏)唯證相應。

(Sớ: Chỉ có đã chứng đắc mới có thể tương ứng).

Đây là “*bất khả thuyết huệ*”, chính là Phật quả rốt ráo vừa mới nói. Sau đó, Thanh Lương đại sư viết mấy câu rất hay:

(Sớ) Dục ngôn kỳ hữu, vô tướng vô hình.

(疏)欲言其有，無相無形。

(Sớ: Muốn nói nó là Có thì do nó chẳng có hình tướng [nên chẳng thể nói là Có]).

Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần.

(Sớ) Dục ngôn kỳ vô, thánh dĩ chi linh.

(疏)欲言其無，聖以之靈。

(Sớ: Muốn nói nó là Không thì do nó linh thông [nên chẳng thể nói là Không được]).

Loại trí huệ chân thật ấy đúng là khiến cho người ta phải bội phục năm vóc sát đất! Nó có linh thông thật sự hay chẳng?

(Sớ) Dục ngôn câu giả, Huệ vô nhị thể, dục ngôn song phi, phi vô thuyên hiển, cố bất khả thuyết.

(疏) 欲言俱者，慧無二體，欲言雙非，非無詮顯，故不可說。

(Sớ: Muốn nói là nó “vừa có, vừa không” thì Huệ chẳng có hai Thể. Muốn nói nó “chẳng phải có, chẳng phải không” thì nó chẳng phải là không thể diễn tả, hiển lộ được. Vì thế là “chẳng thể nói”).

Mấy câu này nói hết sức hay! Nay đã hết thời gian rồi! Chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經) 云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Đoạn này nói đến mười loại lực; trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã chỉ ra: Mười loại lực ấy chính là “cụ đạo nhân duyên” (đầy đủ nhân duyên tu đạo). “Cụ” (具) là đầy đủ, “đạo” (道) ở đây là nói đến đạo quả. Do vậy có thể biết, đây là điều kiện ắt cần phải trọn đủ trong sự tu hành chứng quả của chúng ta.

Thanh Lương đại sư đã chú giải rất hay:

(Sớ) Đệ tam lực giả, tức cụ đạo nhân duyên, giai ngôn lực giả, thử thập các hữu tư đạo chi năng cố.

(疏) 第三力者，即具道因緣，皆言力者，此十各有資道之能故。

(Sớ: Lực thứ ba chính là đầy đủ nhân duyên tu đạo. Điều nói là “lực” vì mười thứ này đều có năng lực giúp đỡ đạo).

“Tư” (資) là giúp đỡ, giúp chúng ta khai ngộ, giúp chúng ta chứng quả. Vì thế, Trí Thủ Bồ Tát hướng về Văn Thủ Bồ Tát thỉnh giáo, thật sự đều là hỏi thay cho chúng ta. Chúng ta gặp Văn Thủ Bồ Tát, chẳng biết hỏi gì, Ngài (Trí Thủ Bồ Tát) thay chúng ta nêu câu hỏi. Từ một đàng hỏi, một đàng đáp, chúng ta sẽ biết tu hành như thế nào, biết người tu hành phải trọn đủ những điều kiện nào?

Quý vị thấy điều thứ nhất là cần có trí huệ. Trí huệ chính là “thấy thấu suốt” như chúng ta thường nói. Quý vị chẳng thấy thấu suốt, cho nên mới chẳng

buông xuống được! Do lẽ này, nói thật ra, thấy thấu suốt là khó, chứ buông xuống chẳng khó! Vì sao hiện thời chúng ta buông xuống khó khăn ngần ấy? Do chẳng thật sự thấy thấu suốt, đạo lý vẫn là ở chỗ này. Chẳng thật sự thấy thấu suốt, chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Trước kia, thầy chúng tôi thường xuyên dạy chúng tôi đọc kinh. Đọc kinh thì nhất định phải ghi nhớ lời dạy của cổ nhân: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy ý nghĩa). Nói thật ra, đạo lý này rất sâu! Đọc kinh, tâm tình phải như đối trước Phật, Bồ Tát, mở quyển kinh ra, tốt nhất là thờ một bức tượng Phật, kinh do Phật nói, ta niệm ở nơi đó, Phật, Bồ Tát ở trước mặt ấn chúng cho ta. Ta cung kính đọc tụng tại đó. Trong khi đọc tụng, tâm chúng ta chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm. Đây là Giới. Nhất tâm chuyên chú, đây chính là Định. Niệm từng chữ rõ ràng, chẳng bỏ sót, chẳng niệm đảo lộn câu chữ; đây chính là Căn Bản Trí, tức là Huệ.

Do vậy, đọc kinh theo phương pháp ấy xác thực là hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ cùng một lúc. Quý vị mỗi ngày niệm một giờ chính là tu Tam Học Giới, Định, Huệ một giờ. Niệm hai tiếng đồng hồ chính là đang tu Tam Học Giới, Định, Huệ hai tiếng đồng hồ. Trong xã hội hiện thời, hai tiếng đồng hồ có được hay không? Không được! Quý vị thấy một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị tu Giới, Định, Huệ hai tiếng đồng hồ, hai mươi hai giờ kia quý vị bị xã hội nhuộm bản, công phu hai tiếng đồng hồ của quý vị chẳng chóng đỡ nổi! Vì thế, đây là lý do vì sao tu hành khó khăn dường ấy, đã tìm được nguyên nhân rồi. Vậy thì phải làm sao? Nói thật ra, tôi thiếu là năm mươi phần trăm (tức là tôi thiếu phải đọc tụng mười hai tiếng mỗi ngày), công phu mỗi ngày của ta là đọc tụng, sử dụng phương pháp đọc tụng, phương pháp này rất hữu hiệu. Nhất là đối với những kẻ được gọi là “phần tử trí thức” trong hiện thời, chúng ta mong tìm được một vị thầy tốt, mong tìm được một hoàn cảnh tu hành tốt đẹp, nhưng chẳng tìm được, [vậy thì] thật sự mong đạt thành tựu phải làm như thế nào? Đây chính là một phương pháp tốt đẹp!

Nhưng cũng cần phải có phước báo! Nếu quý vị chẳng có phước báo, người nào có thể đọc kinh mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày? Đại phước báo đấy nhé! Cuộc sống của quý vị chẳng thành vấn đề, áo cơm có người lo liệu thì quý vị mới có thể làm được. Nếu không, quý vị chẳng làm được. Từ mười hai tiếng đồng hồ trở lên, tốt nhất là có thể đến mười sáu tiếng đồng hồ. Thời gian ấy chiếm đến hai phần ba thời gian mỗi ngày. Hai phần ba thời gian mỗi ngày, quý vị đều luôn nhiếp tâm nơi kinh giáo. Nếu hàng ngày [nhiếp tâm nơi kinh giáo] chẳng gián đoạn, liên tục suốt dăm ba năm, quý vị đã vun quén căn cội bền vững. Mười năm hoặc tám năm, quý vị có thể khai ngộ. Thượng căn thì có người mười năm hay tám năm sẽ khai ngộ, trung căn thì có thể là mười năm hoặc hai mươi năm, hạ căn thì có thể là ba mươi năm hoặc bốn mươi năm. Do vậy, để học Phật, thọ mạng rất trọng yếu. Thọ mạng ngắn cùn là không được rồi!

Năm xưa, bao người đã đoán mạng cho tôi, đều nói tôi chỉ thọ đến bốn mươi lăm tuổi. Bốn mươi lăm tuổi đúng là không được rồi! Lúc tôi bốn mươi lăm tuổi, tôi học Phật từ năm hai mươi sáu tuổi, tôi chẳng dám nói là tôi trường thọ. Người ta đoán như vậy, tôi tin tưởng, nghiêm túc nỗ lực niệm Phật. Nếu tới khi

bốn mươi lăm tuổi, thật sự phải chết, sẽ vãng sanh trong ba phẩm hạ của cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì cũng được, tối đa là chỉ có thể làm được như vậy! [Thế mà] bốn mươi lăm tuổi chẳng chết, còn sống cho đến hiện thời, sống lâu hơn ba mươi lăm năm. Trong ba mươi lăm năm ấy, đã nâng cao Định và Huệ của chính mình trên một mức độ lớn. Do vậy, người học Phật nhất quyết phải đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, chẳng cầu thọ mạng mà thọ mạng sẽ dài thêm. Dài thêm để làm gì? Kéo dài thêm hòng nâng cao cảnh giới của chính mình. Nếu thọ mạng của chúng ta dài [nhưng cảnh giới] chẳng thể nâng cao, sẽ là sống uổng phí, há có ý nghĩa gì đâu? Chớ nên không biết điều này!

Do vậy, hỏi về mười loại lực này rất hay! Loại thứ nhất là “*nhân lực*”, Thanh Lương đại sư chú giải là:

(Sớ) Túc thị chủng tánh.

(疏)即是種性。

(Sớ: Chính là chủng tánh).

“*Chủng*” (種) là tập chủng (習種), tức là những chủng tử trong A Lại Da Thức. Quý vị thấy Thanh Lương đại sư bảo:

(Sớ) Vị dĩ hữu tập chủng.

(疏)謂已有習種。

(Sớ: Tức là nói đã có chủng tử được huân tập).

Trong đời quá khứ, quý vị đã từng học, nay lại học nữa, sẽ dẫn khởi chủng tánh trong A Lại Da Thức của quý vị. Đời này lại khiến cho nó mạnh mẽ hơn.

(Sớ) Vô đảo văn huân.

(疏)無倒聞熏。

(Sớ: Chẳng bị huân tập bởi nghe pháp điên đảo).

“*Đảo*” (倒) là điên đảo, chẳng hề có! Chúng ta tiếp nhận sự Văn Huân (聞薰, sự huân tập do nghe nhận) từ chánh pháp trong kinh giáo. Ngoài chánh pháp ra, đều là điên đảo, đều là tà tri tà kiến. Vì thế, trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng có cách nào lìa khỏi xã hội, nhưng phải biết xã hội này ô nhiễm hết sức nghiêm trọng, đây chính là “*điên đảo văn huân*”. Những gì quý vị thấy, nghe, tiếp xúc hằng ngày, đều chẳng phải là chánh pháp. Quý vị bị những thứ ấy huân tập, tự nhiên dưỡng thành khá nhiều tri kiến bất thiện, tư tưởng bất thiện, ngôn luận bất thiện, hành vi bất thiện; đây là phiền toái to lớn! Phật pháp gọi đó là “*tạo nghiệp*”. Lẽ đương nhiên là quý vị sẽ tạo tội nghiệp. Vì sao? Quý vị bị những thứ ấy huân tập.

Tu hành trong thời đại này, tánh cảnh giác của chính mình phải cao, hết sức cao! Gần như là hơn bốn mươi năm qua, tôi chẳng xem báo chí, chẳng coi

TV, cũng chẳng nghe bất cứ đài radio nào cả. Tuy sống tại đô thị, giống như ở nơi xa cách! Vì sao? Chẳng bị những thứ ấy huân nhiễm! Có chuyện gì quan trọng nảy sinh, sẽ có các đồng học đem những tin tức trọng yếu viết đơn giản cho tôi biết. Tôi cũng biết, chẳng cần thông tin tỉ mỉ đường ấy. Chuyện này sẽ không sanh ra chương ngại đối với tôi. Chúng tôi đọc kinh hằng ngày, điều này quan trọng lắm! Chẳng có ngày nào không đọc kinh, hằng ngày giảng kinh. Trao đổi với các đồng học đều nhằm nghiên cứu, thảo luận, tâm tâm niệm niệm chẳng lìa chánh pháp. Đó là huân tập thành cái nhân, cái nhân ấy được gọi là “*tập chủng*”.

(Sớ) Dĩ tánh chủng hợp.

(疏)與性種合。

(Sớ: Phù hợp tánh chủng).

“*Tập chủng*” là hiện tiền, còn “*tánh chủng*” [là chủng tử] vốn sẵn có trong tự tánh. Sự huân tập trong hiện tại là sự huân tập bằng kinh giáo. Cái vốn sẵn có trong tự tánh chính là Phật Tánh, như đức Phật đã dạy: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”; đó là “*tánh chủng*”. Chúng ta tiếp nhận sự huân tập của chánh pháp, kết hợp với tánh chủng trong tự tánh. Đó là “*nhân*”. Cái nhân ấy được gọi là cái nhân khai ngộ, là cái nhân để chứng quả. Vì thế, “*nhân lực*” được xếp hàng đầu, hết sức quan trọng.

Tiếp đó, Thanh Lương đại sư trích dẫn Nhiếp Luận để nói:

(Sớ) Lương Nhiếp Luận vân, đa văn huân tập, dĩ A Lại Da Thức trung giải tánh hòa hợp.

(疏)梁攝論云，多聞熏習，與阿賴耶識中解性和合。

(Sớ: Nhiếp Đại Thừa Luận bản đời Lương³³ có nói: “Đa văn huân tập, hòa hợp với tánh hiểu trong A Lại Da Thức”).

“*Giải tánh*” (解性) chính là trí huệ, là sự học tập trong đời quá khứ. Đời này tuy lại sanh vào nhân gian, vì bị mê khi cách âm, chẳng nhớ được những gì thuộc đời quá khứ. Tuy chẳng nhớ được, nếu trong đời này lại có duyên dẫn khởi nó, sẽ lý giải mau chóng hơn. Nhất định là sẽ lý giải sâu hơn đời trước một tầng. Thế nhưng, duyên hết sức quan trọng! Duyên phải thuần chánh, chẳng thể có mấy may sai lệch nào. Hễ có gì sai lệch, quý vị sẽ đi sai đường, sẽ biến thành tà tri, tà

³³ Nhiếp Luận (gọi đầy đủ là Nhiếp Đại Thừa Luận, Mahāyāna-saṃgraha) do Vô Trước Bồ Tát biên soạn. Bộ luận này có hai bản dịch bằng tiếng Hán (bản thứ nhất do ngài Phật Đà Phiến Đa dịch vào thời Bắc Ngụy, bản thứ hai do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường). Bản Nhiếp Luận đời Lương nói ở đây chính là bản chú giải bộ Nhiếp Luận, có tên là Nhiếp Đại Thừa Luận Thích (do Thế Thân Bồ Tát biên soạn) được ngài Chân Đế dịch sang tiếng Hán vào cuối đời Hậu Lương. Bộ này có nhiều bản dịch, ngoài bản dịch của ngài Chân Đế, còn có bản dịch thứ hai là của nhóm các vị Cấp Đa, Hành Cự v.v... phiên dịch vào đời Tùy. Bản cuối cùng do ngài Huyền Trang dịch. Từ bản này, ngài Huyền Trang lại triển khai các giáo nghĩa, soạn thành bộ Thành Duy Thức Luận.

kiến. Vì vậy, đối với chuyện học Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rất rõ ràng: Quan trọng nhất là thầy. Thầy là Tăng Thượng Duyên bậc nhất đối với sự tu học của chúng ta, nhất định phải thân cận thiện tri thức. Kinh Tiểu Thừa nói “*thân cận minh sư*”, chữ Minh (明) trong minh bạch, hoặc Minh trong quang minh, chẳng phải là danh tiếng rất lớn³⁴. Danh tiếng rất lớn vô dụng, [“*minh sư*” là vị thầy] thật sự có đức hạnh, thật sự có tu hành, có giải, có chứng. Do vậy, người “có tu, có chứng” chính là vị thiện tri thức tốt nhất!

Nay chúng ta ở trong thời đại này, tìm một vị hữu chứng chẳng dễ dàng, tìm chẳng ra! Nay chúng ta có thể tìm được một vị hữu giải (có sự giải ngộ), hữu hạnh là khá quá rồi. Vị ấy có thể thật sự thông đạt Phật pháp, lại còn y giáo tu hành; vị thiện tri thức ấy hết sức hiếm có. Quý vị học theo vị ấy, sẽ chẳng đâm quàng ngõ rẽ, sẽ chẳng phạm sai lầm. Tìm không thấy thì làm như thế nào? Tìm không thấy, bèn có một phương pháp là tìm cổ nhân. Cổ nhân đã mất, trước tác của họ vẫn còn. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo thầy lúc ba mươi một tuổi, [khi ấy] lão nhân gia bảy mươi tuổi, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi. Cụ hết sức khiêm hư, bảo: “Tôi chỉ có thể dạy anh năm năm”, rất khiêm hư! Cụ giới thiệu cho tôi một vị thầy, ai vậy? Pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang là thầy của cụ. Khi ấy, tôi chưa xuất gia, còn là tại gia. Cụ dạy tôi: “*Đối với cổ nhân, đừng học theo Tô Đông Pha; đối với người hiện thời, đừng học theo Lương Khải Siêu*”. Trong lịch sử, hai người ấy đều là Phật học gia, cũng là bậc đại đức trong Phật môn. Họ rất giỏi về Phật học, đọc rất nhiều, mà nghe cũng rất nhiều, nhưng chẳng làm theo! Tập khí thế tục rất nặng. Do vậy, họ chẳng thể thành tựu. Cụ dặn tôi chớ nên học theo họ, cụ dạy tôi hãy học theo pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang đã khuất, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao hãy còn. Vì lẽ ấy, thuở đó, cụ tặng tôi một bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, chính là Chánh Tập và Tục Tập gồm bốn quyển. Hiện thời, toàn thư đã được in ra, tổng cộng là bảy quyển đóng bìa cứng. [Bộ sách tôi được tặng] chính là quyển thứ nhất (Chánh Biên) và thứ hai (Tục Biên) trong bộ toàn thư hiện thời.

Đọc hằng ngày, hiểu rõ giáo huấn của tổ sư, có thể y giáo phụng hành. Vận dụng những điều lão nhân gia đã dạy vào cuộc sống, vào công việc, vào xử sự, đãi người, tiếp vật; đó gọi là “*y giáo phụng hành*”. Thật sự có thể y giáo phụng hành, sẽ là học trò của pháp sư Ấn Quang. Tuy Ngài chẳng còn, nhưng thuở Ngài còn trụ thế, Ngài nhất định sẽ thừa nhận: “Quý vị là do ta dạy dỗ mà thành”. Đây thật sự là chẳng tìm được một vị thầy tốt đẹp, bèn học theo cổ nhân, làm học trò tư thực của cổ nhân, tôn cổ nhân làm thầy. Tôi đã dạy khá nhiều người, vì tôi chẳng có đạo tràng, đến nay, tôi vẫn chẳng có chùa miếu của chính mình, tôi cũng chẳng có tinh xá. Chỗ tôi ở là do các vị cư sĩ cung cấp, rất nhỏ, quyền sở hữu vẫn thuộc về họ, tôi không cần. Tôi đến ở nhờ chỗ này; tôi rời khỏi, nhà cửa sẽ trả lại cho họ. Do vậy, suốt một đời này, tôi chẳng có đạo tràng của chính mình. Đây cũng là học theo Ấn Quang đại sư. Tổ Ấn Quang suốt đời chẳng có đạo tràng, trụ

³⁴ Do Minh (明) và Danh (名) đều đọc là Míng nên hòa thượng phải nói rõ như vậy, vì sợ người nghe hiểu lầm là “danh sư” thay vì “minh sư”.

ở chỗ người khác. Quý vị thấy lão nhân gia suốt đời không làm Trụ Trì, suốt đời không nhận đồ đệ xuất gia, suốt đời chẳng tham dự truyền giới, luôn nêu gương tốt nhất cho chúng ta!

Tiếp nhận sự cúng dường của tín đồ, Ngài dùng toàn bộ [tiền cúng dường] để làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Phương pháp hoằng pháp lợi sanh của Ngài là ấn tông kinh sách. Thuở ấy, trong thời đại của Ngài, đây chính là phương pháp hữu hiệu nhất, có thể truyền khắp mười phương, mà cũng có thể để lại cho đời sau. Đây chính là sự cống hiến to lớn nhất của tổ Ấn Quang đối với Phật giáo cận đại. Ngài đã thật sự lấy thân làm gương, nêu gương cho chúng ta thấy, khiến cho chúng ta học tập theo. Thầy Lý giới thiệu chẳng sai tí nào! Chúng tôi rất cảm ơn chuyện này. Lời lẽ của tổ sư ngôn từ giản dị, ý nghĩa bao trùm. Nói thật ra, ngay trong thời Ngài, tức là vào những năm đầu thời Dân Quốc, Ngài đã nhìn thấy tai nạn trong xã hội. Do vậy, lão nhân gia đặc biệt đề xướng giáo dục nhân quả. Tôi lần đầu tiên đến Hương Cảng giảng kinh là do pháp sư Sướng Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên khải thỉnh vào năm 1977, sang năm là 2006, đã ba mươi năm rồi! Trong ba mươi năm ấy, Hương Cảng biến hóa quá lớn! Tôi tưởng nhớ xã hội Hương Cảng vào ba mươi năm trước, thuần phác hơn hiện thời, lại còn mang đậm tình người.

Chỗ giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở phố Giới Hạn của khu vực Cửu Long. Ở nơi ấy, tôi thấy Hoằng Hóa Xã của Ấn Quang đại sư là chỗ lưu thông xuất bản kinh Phật. Sách vở, kinh luận, thiện thư, lão nhân gia đều in. Ba thứ được in nhiều nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư. Ba quyển sách ấy được in nhiều nhất. Tôi dựa theo trang bản quyền [trong các bản in] để tính toán, [nhận thấy] gần như là ba trăm vạn bộ! Lúc đó, tôi rất kinh ngạc. Ngài là tổ sư của Tịnh Độ Tông, là bậc đại đức trong Phật môn, [thế mà] đối với kinh luận Ngài chẳng hoằng dương như vậy. Ngài in Liễu Phàm Tứ Huấn là nhân quả được nói trong Nho gia, Cảm Ứng Thiên là Đạo giáo, nửa trước của An Sĩ Toàn Thư là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn cũng là của Đạo giáo. Ba thiên sau đó đều thuộc loại đoản thiên. Vạn Thiện Tiên Tư giới sát, khuyên người ta kiêng giết. Dục Hải Hồi Cuồng khuyên kẻ khác kiêng dâm. Thiên cuối cùng là Tây Quy Trục Chi, khuyên người ta niệm Phật. Ba thứ ấy được in với số lượng lớn ngàn ấy, gửi tặng khắp nơi.

[Điều này] khiến cho chúng tôi phản tỉnh sâu đậm, lắng lòng quan sát, [nhận ra]: Đây chính là tấm lòng từ bi của lão nhân gia, Ngài biết xã hội sẽ loạn, Phật chẳng cứu được, mà Nho cũng chẳng thể cứu. Dùng gì [để cứu]? Nhân quả báo ứng! Ba loại sách ấy đều giảng về nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục nhân quả. Nếu ai này đều có thể tin tưởng nhân quả báo ứng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của người ấy sẽ thâu liễm. Tôi dùng hai, ba tuần lễ [suy niệm] mới ngộ được đạo lý này! Đây là thật sự đại từ đại bi. Vì thế, sau khi từ Hương Cảng trở về Đài Loan, hình như tôi cũng in năm vạn quyển cho ba loại sách ấy. Lại còn đều giảng mỗi loại. Hình như giảng Liễu Phàm Tứ Huấn ba lần, Cảm Ứng Thiên và An Sĩ Toàn Thư đều đã giảng qua.

Đối với xã hội hiện thời, tức ba mươi năm sau [kể từ lúc ấy], tôi cảm thấy lão nhân gia đề xướng chuyện này tuyệt đối chính xác! Thật sự khiến cho tôi bội phục năm vóc sát đất. Nhưng ba mươi năm sau, trình độ tiếng Hán trong xã hội đúng là xuống dốc không phanh! Thời ấy, ba loại sách đó kẻ bình phàm đều có thể đọc hiểu. Hiện tại, người thời nay xem ba loại sách ấy không hiểu, tôi tin tưởng những người hiện thời dưới bốn mươi tuổi đều xem không hiểu, [tuy những sách ấy] được viết bằng thể loại Văn Ngôn đơn giản, dễ hiểu. Nỗi khổ tâm cứu vớt tai nạn thế gian của Ấn Quang đại sư, chúng ta phải kế thừa. Lão nhân gia đề xướng, nay chúng ta phải suy nghĩ phương pháp, người hiện tại thích nhất điều gì? Cái mà mỗi ngày chẳng thể thiếu là TV. Vì thế, chúng tôi chế ba loại ấy thành phim TV nhiều tập. [Phim] Liễu Phàm Tứ Huấn hai mươi tập đã quay xong, nay còn đang cắt ráp, sang tháng Hai, tháng Ba năm sau có thể phát hành. Kế tiếp là Cảm Ứng Thiên ba mươi tập, An Sĩ Toàn Thư ba mươi tập, tổng cộng là tám mươi tập. Chúng tôi dùng phương thức phim truyền hình nhiều tập để thúc đẩy cái tâm đại từ đại bi, nguyện vọng cứu khổ cứu nạn của tổ Ấn Quang, dùng phương pháp này để phổ biến khắp thế giới.

Giáo dục nhân quả quá trọng yếu! Quốc gia, dân tộc Trung Hoa có thể đứng sừng sững năm ngàn năm trên thế giới, chẳng bị đào thải là do nguyên nhân nào? Bản thân tôi đã thể nghiệm mấy chục năm, điều thứ nhất là giáo dục luân lý đạo đức, đó là gia giáo. Thứ hai là giáo dục lòng nhân từ, bác ái của Nho gia. Thứ ba là giáo dục nhân quả từ miếu Thành Hoàng và Thập Vương Điện. Vì thế, tôi cảm thấy các cơ cấu thiết lập xưa kia tại Trung Hoa tuyệt diệu lắm. Từ Đường dạy đạo hiếu, dạy luân lý. Khổng Miếu dạy đạo đức, ngũ luân, bát đức. Miếu Thành Hoàng dạy nhân quả. Ba cơ cấu này có ảnh hưởng quá lớn đối với xã hội. Người hiện thời không tin tưởng! Dầu không tin, chẳng phải là không có [nhân quả báo ứng]. Dầu không tin, những thứ ấy vẫn tồn tại! Chẳng có miếu Thành Hoàng, nhân quả báo ứng vẫn có, chẳng trốn thoát được. Nếu chưa vị chú tâm, lắng lòng, quan sát, [sẽ thấy] chuyện nhân quả báo ứng phát sanh mỗi tuần trên cả thế giới, nhật báo, tạp chí đều có đăng tải. Tuy nói những chuyện ấy là mê tín, khoa học chẳng có cách nào giải thích, nhưng thật sự có những chuyện ấy, vẫn có những người tin tưởng. Nói thật thà, người tin tưởng vẫn là đa số, kẻ không tin là thiểu số. Vì thế, những thứ ấy khởi tác dụng rất lớn, đều nói về thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo.

Nhân ở đây chính là cái nhân làm Phật, điều này quan trọng lắm! Cái nhân làm Phật [được dạy trong] kinh điển Nhất Thừa thuộc kinh giáo Đại Thừa, Nhất Thừa cao hơn Đại Thừa. Nhất Thừa nói về [pháp] thành Phật, Đại Thừa giảng về pháp thành Bồ Tát, Tiểu Thừa giảng về pháp thành Thanh Văn và Duyên Giác. Kinh Pháp Hoa có nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Đức Phật nói lời thật, khuyên con người làm Phật. Đó là nói lời thật. Quý vị có thể làm Phật hay không? Quý vị có Phật Tánh, có sao quý vị chẳng làm Phật? Nay quý vị chẳng làm Phật, là vì quý vị đã mê mất Phật Tánh, hoàn toàn để tập tánh làm chủ. Quý vị thấy Tam Tự Kinh của Nho gia đã nói rất hay:

“*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành), “*bổn thiện*” chính là bản tánh của quý vị. “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Tánh thì giống như nhau, do huân tập mà khác xa nhau). “*Tương cận*” là tánh của mọi người giống như nhau, chẳng có gì sai biệt, nhưng do huân tập mà dần dần khiến cho quý vị xa rời [bản tánh]. Quý vị xa rời tánh, nhân phẩm cũng sai biệt to lớn. “*Câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Nếu chẳng dạy, tánh bèn biến đổi), giáo dục được hưng khởi từ chỗ này. Mục đích của giáo dục thánh hiền là làm thế nào để giữ gìn bản tánh của quý vị, làm thế nào để gìn giữ bản tánh vốn lành, chẳng bị biến chất!

“*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất). Câu này quan trọng, đã nêu rõ nguyên lý và nguyên tắc giáo học. Bất luận học Nho hay học Phật, đều là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, quý vị mới có thể thành tựu. Vì thế, phải hiểu “đọc sách ngàn lần, đọc sách vạn lần, đọc sách mười vạn lần”, rất hữu lý! Suốt cả đời quý vị đọc một thứ, tâm sẽ định, chẳng suy nghĩ lung tung. Định có thể khai Huệ. Định đến một mức độ nhất định, sẽ hoằng nhiên đại ngộ. Một ngộ, hết thầy ngộ. Sau khi đã ngộ, bất cứ kinh luận nào cũng đều thông. Điều này khác với học văn thế gian. Học đại học trong thế gian, quý vị học tốt nghiệp từ một khoa này, đối với những khoa khác, quý vị sẽ chẳng biết chi hết! Phật pháp khác hẳn. Tông phái trong Phật pháp, các tông, các phái rất nhiều; chỉ cần quý vị thông một môn, đã ngộ thì toàn bộ đều ngộ. Không chỉ là ngộ Phật pháp, mà pháp thế gian cũng thông suốt. Lạ lùng thay! Thông một điều, sẽ thông suốt hết thầy. Ngộ một, sẽ ngộ hết thầy. Tu một, sẽ là tu hết thầy. Chứng một, sẽ chứng hết thầy. Kinh Hoa Nghiêm dạy như thế đó.

Kinh Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, “*duy hữu Nhất Thừa pháp*” (chỉ có pháp Nhất Thừa). Đối với pháp Nhất Thừa, trong các kinh điển được phiên dịch tại Trung Hoa, [chỉ có] ba bộ là pháp Nhất Thừa, chuyên môn giảng về phương pháp thành Phật. Ba bộ kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng là pháp Nhất Thừa, cao hơn Đại Thừa, chớ nên không biết điều này. Kinh Hoa Nghiêm phân lượng quá lớn; vì thế, trải qua nhiều đời, người giảng rất ít. Kinh Pháp Hoa được giảng nhiều hơn, vì kinh Pháp Hoa có phân lượng nhỏ hơn. Chúng tôi [giảng] lần này là vì trước khi vãng sanh, Quán Trưởng Hàn Anh đã yêu cầu tôi nhất định phải giảng kinh Hoa Nghiêm một lượt, lưu lại băng âm hình để làm tài liệu tham khảo cho người đời sau. Tôi đã nhận lời bà ta.

Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà hoàn toàn quán thông. Vì thế, cổ nhân bảo kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, rất có lý! Do vậy, cầu sanh Tịnh Độ, [nếu] quý vị có thể hiểu Hoa Nghiêm, sẽ hoàn toàn hiểu rõ, thông đạt Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có nghi lự, tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên cố, niệm Phật quyết định được vãng sanh. Kinh Hoa Nghiêm có thể nghe, chẳng cần đồ công đức sức nơi ấy, mà hãy nên dụng công nơi kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà. Chú giải hay nhất cho kinh A Di Đà là bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Hai bản chú giải ấy quá hay, chú giải tuyệt diệu. Sớ Sao hoàn toàn dùng nghĩa thú của Hoa Nghiêm. Vì thế, quý vị đọc Sớ Sao sẽ giống như đọc kinh Hoa Nghiêm, cách thức cũng giống hệt như Hoa Nghiêm. Mở đầu là

Thập Môn Khai Khải. Do vậy, đối với câu văn đã trích dẫn từ Nhiếp Luận, chúng ta phải hiểu: Trong A Lại Da Thức của mỗi cá nhân đều có chủng tử Phật tánh, nay lại dùng kinh giáo Đại Thừa để huân tập, chủng tử trong tập tánh của quý vị sẽ hòa hợp cùng tánh chủng.

(Sớ) Nhất thiết thánh nhân dĩ thử vi nhân.

(疏)一切聖人以此為因。

(Sớ: Hết thầy thánh nhân lấy điều này làm nhân).

“Hết thầy thánh nhân” ở đây bao gồm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, là những người thật sự tu hành, hy vọng vĩnh viễn thoát ly luân hồi, vượt thoát mười pháp giới, thầy đều dùng điều này làm nhân. Do đó, thưở đức Thế Tôn tại thế, đã vì mọi người giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Phật pháp là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Các tín đồ tôn giáo cũng đến học. Từ kinh luận, chúng ta thấy [chuyện này]. Kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng phải là ngoại lệ, ta thấy rất nhiều [trường hợp giống như vậy]. Bà-la-môn là tôn giáo, họ đến học với Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng buộc họ thay đổi tôn giáo. Quý vị là tín đồ Bà-la-môn, học Phật thì vẫn là tín đồ Bà-la-môn. Quý vị là tín đồ Du-già (Yoga) học Phật thì vẫn là tín đồ Du-già, chẳng biến đổi. Học Phật là gì? Học Phật là đến nơi đây để cầu Giới, Định, Huệ, đến học trí huệ. Đã có trí huệ, quý vị trở về tôn giáo của chính mình, sẽ nâng cao cảnh giới tôn giáo của chính mình. Do đó, Phật giáo là sự giáo dục tốt nhất, chẳng phải là tôn giáo. Nó chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Đúng là giống như Khổng Tử, “*chỉ văn lai học*” (chỉ nghe nói có người đến học), hoan nghênh quý vị đến học, Thích Ca Mâu Ni Phật thầy đều có thể tiếp nhận, nhất định sẽ nghiêm túc tận hết trách nhiệm dạy bảo quý vị. Chỉ cần quý vị chịu nghe lời, chịu y giáo phụng hành, chẳng có một ai không thành tựu. Vì thế, các đồng học học Phật phải nhận thức đức Phật, phải hiểu rõ ràng: Chúng ta đến nơi đây nhằm mong học gì? Mong thành tựu điều gì? Điều này rất quan trọng!

(Sớ) Vô Tánh Nhiếp Luận vân: “Thử văn huân tập, tuy thị hữu lậu, nhi thị xuất thế tâm chủng tử tánh”.

(疏)無性攝論云：此聞熏習，雖是有漏，而是出世心種子性。

(Sớ: Bộ Vô Tánh Nhiếp Luận³⁵ có nói: “Sự huân tập do nghe [pháp] này tuy là hữu lậu, nhưng nó chính là chủng tử tánh của cái tâm xuất thế”).

Câu này rất quan trọng. Nay chúng ta dùng kinh giáo để huân tập chính là sự huân tập bởi nghe pháp trong hiện tiền, xác thực là hữu lậu. Vì sao? Chúng ta

³⁵ Vô Tánh Nhiếp Luận là một tác phẩm chú giải Nhiếp Đại Thừa Luận, mang tên Nhiếp Đại Thừa Luận Vô Tánh Thích do ngài Vô Tánh biên soạn. Bản chú giải này được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành mười quyển.

chưa đoạn tập khí phiền não, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thể mà [sự huân tập ấy lại] là chủng tử tánh của cái tâm xuất thế. Nếu chúng ta muốn đi theo con đường xuất thế này (“*xuất thế*” là vượt thoát tam giới lục đạo), nó sẽ có thể hướng dẫn quý vị. Nó là con đường chánh đáng, chẳng phải là nẻo tà! Điều này tốt đẹp. Trong hết thấy các sự học tập, nó là đạo xuất thế, hết sức hy hữu, khó có!

Thứ hai là Dục Lực, “*dục*” (欲) là dục vọng, Thanh Lương đại sư chú giải rất hay:

(Sớ) Hữu thắng dục lạc, hy đại Bồ Đề, cập khởi hạnh cố.

(疏)有勝欲樂，希大菩提，及起行故。

(Sớ: Vì có dục lạc thù thắng, mong cầu đại Bồ Đề, và khởi hạnh).

Đối với “*dục lực*” như kinh đã dạy, nó cũng chính là “*nguyện lực*” như chúng ta đã nói, các vị nghĩ xem có đúng hay không? Nguyện lực đây nhé! Có dục vọng thù thắng, có sự “*ái nhạo*” (yêu chuộng) thù thắng, “*nhạo*” ở đây là “*nhạo háo*” (樂好, thích thú, mến thích). Người thế gian luôn có dục vọng, mỗi cá nhân có dục vọng khác nhau. Thù thắng nhất, yêu chuộng nhất là gì? “*Hy đại Bồ Đề*” (Mong cầu đại Bồ Đề). Điều quý vị mong cầu chính là đại Bồ Đề, tức là Vô Thượng Bồ Đề. Ai chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề? Trong thế gian này, người gần chúng ta nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài đã chứng đắc, đã đạt được. Vì thế, đối với Bồ Đề, Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Đại Bồ Đề là Đại Giác; từ ngữ dịch sang tiếng Hán sẽ là Đại Giác. Đại Giác là đối với vũ trụ, nhân sinh, quá khứ, vị lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Quý vị hãy ngắm xem, có ai chẳng mong cầu? Có ai chẳng mong cầu đạt được? Đâu tiên, quý vị phải thừa nhận điều này, phải nhận thức điều này, phải hiểu rất triệt để, rất rõ ràng, nguyện vọng của chúng ta mới có thể sanh khởi được!

Tuy đã có nhân, mà nếu chẳng có sự mong mỏi này; nói thật ra, sự mong mỏi ấy chính là duyên. Cái duyên này là Sở Duyên Duyên, còn cái nhân trước đó chính là Thân Nhân Duyên. Đã có Thân Nhân Duyên, mà nếu chẳng có Sở Duyên Duyên, chẳng yêu chuộng, chẳng mong cầu nó, nó cũng chẳng thể hiện hành, cũng chẳng khởi tác dụng, dục vọng mạnh mẽ mà! Quý vị thấy Thân Nhân Duyên thì ai nấy đều trọn đủ, nhưng Sở Duyên Duyên thì chính mình phải phát tâm. Quý vị có thể vứt bỏ hết thấy tất cả dục vọng trong thế gian, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, ngay cả ngôi vua cũng buông bỏ, vinh hoa, phú quý đều bỏ sạch. Chuyện này so với chuyện làm quốc vương, so với sự hưởng thụ vinh hoa phú quý vẫn là vui sướng hơn, những kẻ bình phàm chẳng có trí huệ ấy. Có trí huệ, quý vị mới có thể thật sự chọn lựa con đường sung sướng, mới thật sự biết chọn lựa giữa khổ và lạc! Trong thế gian này, trong tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần đều có lạc, nhưng quý vị hãy suy nghĩ cẩn kỹ: Có thứ lạc nào chẳng có tác dụng phụ? Quý vị ưa chuộng thứ lạc ấy, sẽ phải trả giá bao nhiêu? Hơn nữa, đối với những thứ lạc ấy, đức Phật nói lạc là Hoại Khổ, chẳng phải là chân lạc. Chân lạc là đại

Bồ Đề, quyết định chẳng có Hoại Khổ. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật chọn lựa điều này. Đây là sự chọn lựa bằng trí huệ chân thật. Ngài thật sự có thể thực hiện đại Bồ Đề trong cuộc sống, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, thực hành trong giáo hóa chúng sanh. Ngàn năm, vạn đời, bao nhiêu người kính ngưỡng Ngài, bao nhiêu người đã học tập Ngài, [đó là] đại lạc! Không ai có thể sánh bằng! Chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

Tập 1478

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Đối với sự tu hành, khai ngộ, chứng quả, mười loại lực này chẳng thể khuyết thiếu. Trong phần trước, chúng ta đã học đến phương tiện, tức là “*phương tiện lực*”. Chúng ta thấy Thanh Lương đại sư chú giải:

(Sớ) Phương tiện giả, vị tạo tu lực, y lực phương tiện, thành bi trí cố.

(疏)方便者，謂造修力，依六方便，成悲智故。

(Sớ: Phương tiện nghĩa là do sức tạo tác và tu chỉnh, nương vào sáu phương tiện mà thành bi và trí).

“*Tạo tu*”: “*Tạo*” (造) là tạo tác, “*tu*” (修) là sửa cho đúng. Ngôn ngữ là tạo tác nơi khẩu nghiệp, động tác là sự tạo tác nơi thân nghiệp, khởi tâm động niệm là tạo tác nơi ý nghiệp. Quý vị thấy đối với người chẳng tu hành, thường nói: “Quý vị tạo nghiệp”! Đây là lời chân thật, bọn phàm phu chúng ta có ai không tạo nghiệp? Trong nghiệp có ác nghiệp, thiện nghiệp và vô ký nghiệp. Tạo thiện nghiệp, đạt được phước báo trong ba thiện đạo. Tạo ác nghiệp sẽ chịu khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tức là sự khổ trong ba ác đạo. Chẳng thiện chẳng ác thì gọi là vô ký nghiệp. Vô ký nghiệp cũng có quả báo, [chính là] ngu si. Vì thế, tu tập là chuyện hết sức trọng yếu. [Tu tập] chính là làm thế nào để uốn nắn ba loại tạo tác ấy.

Sự tạo tác trong lục đạo đều chẳng chánh đáng; vì thế, đều gọi là tâm luân hồi, nghiệp luân hồi. Đó là phàm phu trong lục đạo. Chánh là gì? Bất chánh là gì? Tiêu chuẩn của chánh và bất chánh là gì? Trong ấy, có một tiêu chuẩn tuyệt đối; đó là Tánh Đức. Tự tánh vốn sẵn đầy đủ trí huệ và đức tướng. Tương ứng với điều ấy thì là chánh. Trái nghịch với điều ấy, sẽ là tà, chẳng chánh! Bọn phàm phu chúng ta nay đang tạo tác và tu chỉnh nương cậy điều gì? Nhất định là phải nương theo giáo huấn của thánh nhân. Sự tạo tác nơi ba nghiệp của thánh nhân đều có thể tùy thuận Tánh Đức. Tuy chúng ta chẳng kiến tánh, chẳng biết Chân Như tự tánh là gì, nhưng chúng ta có thể tùy thuận Phật, Bồ Tát, tùy thuận hành vi của các bậc thánh hiền. Hành theo các Ngài, sẽ chẳng đến nỗi phạm sai lầm!

Đại thánh là Phật Đà, Phật tâm là Thiên, Thiên là Phật tâm. Ngôn ngữ của Phật là kinh giáo, kinh giáo là ngôn ngữ của Phật. Hạnh nghiệp của Phật là giới luật. Quý vị thấy ba thứ ấy, ba thứ kinh, luật, luận nhằm tu chỉnh hành vi nơi tam nghiệp của chúng ta. Giới luật tu chỉnh hành vi nơi khẩu nghiệp và hành vi nơi thân nghiệp. Kinh luận tu chỉnh hành vi do kiến giải và tư tưởng sai lầm. Chúng ta có căn cứ. Tuy nhiên, kinh, luật, luận nhiều quá, chúng ta học suốt cả một đời chẳng xong, phải tu như thế nào? Một bộ là được rồi, một bộ trong kinh, luật, luận là được rồi! Trong giới học thuật hiện thời, thường có quan niệm khác hẳn các bậc thánh hiền. Bậc thánh hiền tự mình tu học, dạy người, đều tuân theo những quy củ xưa cũ của cổ thánh tiên hiền truyền lại nhiều đời, tức là: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Quý vị xem Tam Tự Kinh, phần mở đầu của Tam Tự Kinh đã dạy chúng ta: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo giáo dục, quý ở chỗ chuyên nhất). Giáo thì phải chuyên, chẳng thể tạp, chẳng thể nhiều. Học cũng phải chuyên, cũng chẳng thể tạp, cũng chẳng thể loạn.

Tôi theo thầy Lý học kinh giáo; thuở ấy, các bạn học của tôi có hơn hai mươi người. Lớp học ấy giống như trường tư thục, chẳng phải là mọi người cùng học một bộ kinh giáo, chẳng phải vậy, mà là mỗi người học một bộ kinh riêng của người ấy. Quý vị thích học kinh gì cũng đều có thể, chính quý vị chọn lựa, chọn lựa từ Đại Tạng Kinh. Quý vị chọn lựa xong, thầy giám định. Nếu thầy thấy quý vị chọn bộ kinh ấy mà trình độ của quý vị chẳng đủ, căn tánh của quý vị chẳng đủ. Nếu căn tánh và trình độ của quý vị chẳng đủ, [thầy sẽ khuyên]: “Không được! Chọn lại một bộ khác”. Thật sự chọn chẳng thỏa đáng, thầy sẽ chọn giùm quý vị một bộ, lại còn chọn một bộ kinh nhỏ vì quý vị bắt đầu mới học!

Lớp học ấy là lớp giảng kinh, tức là học cách giảng kinh. Học giảng kinh là dùng một bộ kinh đề lên bục giảng, giảng mấy lần? Thầy quy định, tối thiểu chẳng thể ít hơn ba lượt. Như kinh Bát Đại Nhân Giác, giảng ba lượt là viên mãn. Nói thật ra, ba lần, mỗi lần hai tiếng đồng hồ. Trong hai tiếng đồng hồ, có phiên dịch. Một người giảng bằng tiếng Phổ Thông; khi ấy, ở Đài Loan, người kia nói bằng Đài ngữ³⁶. Vì thế, có hai người phiên dịch. Thoạt nhìn thì dường như là hai người phiên dịch, nhưng trên thực tế, chính là hai người cùng học một bộ kinh. Lên bục giảng, thông thường là [người nói tiếng] Phổ Thông nói trước một đoạn, người nói Đài ngữ cũng nói một đoạn. Dường như là phiên dịch; thật ra, hai người ấy cùng dùng một bài giảng như nhau. Vì vậy, trên thực tế là giảng một giờ. Ba lượt, ba ngày, bộ kinh ấy tốn ba tiếng đồng hồ. Đối với kẻ mới học, phương pháp này rất hữu hiệu, khiến cho sĩ khí của nhóm người học tập như chúng tôi hết sức tràn trề, học rất hứng thú. Lâu nhất thì chẳng thể hơn mười lần, tức là mười ngày.

³⁶ Đài ngữ (Tâi-gú) là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Đài Loan ngoài tiếng Phổ Thông, nhưng chưa bao giờ được coi là ngôn ngữ chính thức. Thậm chí vào năm 1980, đã có đề nghị đòi chính phủ cắm dùng Đài ngữ trong công sở và trường học. Kể từ năm 2011, Đài Ngữ mới được chính thức công nhận như ngôn ngữ chính thức của đảo quốc này. Thật ra, đây là một loại phương ngôn của vùng Mân Nam tỉnh Phước Kiến, chủ yếu là giọng nói của người thuộc Tuyên Châu và Chương Châu tỉnh Phước Kiến, pha trộn một số từ vay mượn từ tiếng Hà Lan và Nhật Bản, cũng như các thứ tiếng của thổ dân Đài Loan.

Thầy quy định như vậy. Ngắn nhất là ba ngày, dài nhất chẳng thể hơn mười ngày. Lớp học kinh tại Đài Trung vào thuở ấy là như vậy đó.

Kinh luận được chọn lựa phải rất cạn, chính mình thật sự có đủ mức độ nhận thức, có thể lý giải, quý vị mới có thể giảng cho người khác cũng có thể lý giải, cũng có thể sanh tâm hoan hỷ. Lớp học kinh thuở ấy của chúng tôi giống như trường tư thục. Hai đồng học cùng học một bộ kinh như nhau, một người nói tiếng Phổ Thông, người kia nói bằng Đài ngữ. Lớp học ấy kéo dài hai năm, các đồng học gồm hơn hai mươi người thay phiên giảng, nhưng khi lên lớp, tất cả các đồng học đều phải đến. Khi lên lớp, mọi người đều phải dụng tâm lắng nghe, dụng tâm học tập. Quý vị thấy cách này cũng coi như là quảng học đa văn, nhưng công phu của chính mình chỉ vận dụng nơi bộ kinh mà chính mình đang học tập. Những điều mà các đồng học khác giảng giải, học tập, sẽ có thể giúp cho việc học tập bộ kinh của chính mình càng đạt lý giải thâm nhập hơn! Quả thật, phương pháp này hết sức hay! Quyết định chẳng thể đồng thời học hai hay ba bộ kinh điển, thầy chắc chắn chẳng chấp thuận, chẳng dạy quý vị! Quý vị theo học với thầy, chỉ có thể học một thứ. Học một thứ hoàn tất rồi, mới có thể học bộ thứ hai. “*Học hoàn tất*” là gì? Quý vị lên bục giảng, giảng cho đến khi thầy hài lòng, gặt đầu, coi như quý vị đã học xong bộ kinh ấy, quý vị mới có thể học bộ thứ hai. Vì thế, tôi ở Đài Trung mười năm, trong mười năm học năm bộ kinh. Nếu trong Phật Học Viện thông thường, năm bộ kinh ấy [chỉ cần mắt] một năm là đã học xong, còn chúng tôi là mười năm, thâm nhập một môn mà!

Tôi đã thừa cùng quý vị chuyện học kinh của chính mình. Sau khi quý vị đã thấy, [sẽ cảm nhận] chẳng có may mắn hiếm lạ chi hết. Tôi học bộ kinh thứ nhất từ thầy Lý là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh. Bộ kinh này tôi cũng có giảng nghĩa. Bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm. Từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn, có thứ tự nhất định, chẳng thể rối loạn. Quý vị học thật sự, học đến một mức độ sâu xa, sẽ được thọ dụng. Học tập được thọ dụng bao nhiêu tùy thuộc bề sâu lý giải và khế nhập của quý vị. Khế nhập là gì? Quý vị thật sự vận dụng trong cuộc sống. Nói theo chúng ta trong hiện thời, trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật, quý vị thật sự dùng được, đó chính là sự hưởng thụ. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, chẳng giả tí nào!

Sự hưởng thụ như Phương tiên sinh đã nói chính là như câu nói đầu tiên của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi tập luyện, há cũng chẳng vui sao?) Đây là sự hưởng thụ, tức là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Nếu quý vị chẳng thể hiểu; do vậy, nói đến “*thâm giải*”, kinh điển nhà Phật cũng thường nói “*thâm giải nghĩa thú*”. Nếu quý vị đã hiểu sâu xa, thì sẽ hành đắc lực, nghiêm túc nỗ lực y giáo phụng hành. Những gì chúng ta đã học chính là cuộc sống, cuộc sống chính là những gì ta đã học; đây mới là có ý vị! Nay chúng ta học Hoa Nghiêm, nhất định phải nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, cuộc sống của chúng ta chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm,

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chính là cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đây mới là thật sự thọ dụng.

Vì thế, đối với “*tạo tu*” (tạo tác, tu chỉnh), nhất định là phải có phương tiện thì mới có thể thành tựu lòng đại từ bi và trí huệ của quý vị. “*Thành bi trí cố*” (Cho nên thành tựu bi trí): Ứng dụng từ bi và trí huệ vào cuộc sống hằng ngày thì gọi là “*phương tiện*”. Phật giáo là gì? Phật giáo thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, Bi là “*từ bi làm gốc*”, Trí là “*phương tiện làm cửa*”. Ở đây, đức Phật nói đến sáu món phương tiện:

(Số) Nhất, từ bi cố luyện. Nhị, liễu tri chư hạnh. Tam, hân Phật diệu trí. Tứ, bất xả sanh tử. Ngũ, luân hồi bất nhiễm. Lục, xí nhiên tinh tấn.

(疏) 一慈悲願戀，二了知諸行，三欣佛妙智，四不捨生死，五輪迴不染，六熾然精進。

(Số: Một, từ bi chăm nom, yêu mến. Hai, hiểu rõ các hạnh. Ba, ưa thích diệu trí của Phật. Bốn, chẳng bỏ sanh tử. Năm, luân hồi mà chẳng nhiễm đấm. Sáu là hùng hực tinh tấn).

Sáu câu này nói rất đơn giản, nhưng [ý nghĩa] trong mỗi câu [đều là] sâu rộng không ngần mé, nghĩa thú vô cùng. Nay quốc gia đang nói đến xã hội hài hòa, thế giới hiện thời cũng đang hô hào làm thế nào để thực hiện hòa bình. [Để thực hiện những điều ấy, cứ làm theo] mấy câu này là được rồi. Đặc biệt là câu đầu tiên, “*từ bi cố luyện*”.

“*Từ bi*” là gì? Chính là tâm yêu thương chân thành. Hết thầy chúng sanh có [từ bi] hay không? Có chứ! Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, làm sao chẳng có [từ bi] cho được? Từ bi là đức, hết thầy chúng sanh thầy đều có. Rất đáng tiếc, chúng sanh đã mê mất từ nhiều kiếp lâu xa trước, [cho nên] chẳng có tâm từ bi! Đôi khi, giống như một ánh chớp trong đêm đen, tâm từ bi phát ra trong khoảnh khắc, rất ngắn, ngay lập tức chẳng còn nữa! Chẳng thể giống như chư Phật, Bồ Tát, tâm từ bi giữ được vĩnh hằng, trong hết thầy mọi lúc, hết thầy mọi chỗ đều là một bầu từ bi. Đây là điều đầu tiên trong các phương tiện. Quý vị chẳng có tâm từ bi thì còn tu gì nữa? Vì thế, Phật pháp nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa*”.

“*Từ*” là ban vui cho chúng sanh, “*bi*” là cứu khổ cho chúng sanh. Khi chúng sanh gặp khổ nạn, quý vị giúp họ hóa giải, đây là Bi. Chúng sanh chẳng đạt được sự vui sướng thật sự, quý vị giúp cho họ được vui. Đây là Từ. Cội nguồn của khổ và lạc chính là mê hoặc. Mê là mê mất tự tánh, không biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, quý vị chẳng có gì không khổ. Khi một kẻ đang mê, Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng biến hiện thành mười pháp giới; đây là Khổ. Lạc thật sự là gì? Là giác ngộ. Sau khi đã ngộ, chuyển thức thành trí, tâm khai ý giải, chuyển mười pháp giới thành Hoa Tạng. Đây chính là “*nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”; đó là lạc chân thật. Vì thế, từ bi đối với hết thầy chúng sanh được biểu hiện ở chỗ nào? Biểu hiện bằng giáo hóa. Trong giáo hóa,

quan trọng nhất là thân giáo, [tức là] dùng thân làm gương, thường nói là “*hiện thân thuyết pháp*”. Quý vị không hiểu, tôi nói cho quý vị nghe, quý vị hoài nghi. [Vậy thì] làm cho quý vị thấy. Đối với người hiện thời, làm cho quý vị thấy, quý vị thấy rồi cũng chẳng hiểu, vẫn hoài nghi!

Năm xưa, chúng tôi mở lớp bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp ngắn hạn ở Tân Gia Ba, cứ mỗi kỳ là ba tháng. Khi mở khóa thứ nhất, có chín học sinh, tôi đến dạy. Học sinh nghi hoặc, chẳng thể tiếp nhận, hoài nghi chúng tôi: “Quý vị mở khóa học này, tìm chúng tôi đến học tập, dụng ý là gì? Mục đích là gì?” Nghi vấn như thế, học gần một tháng rưỡi mới coi như là đã hiểu rõ. Chúng tôi chẳng có mục đích, mà cũng chẳng có dụng ý gì cả! Chỉ là vì chúng tôi thấy nhân tài hoằng pháp trong Phật giáo quá ít, hy vọng là đối với các nhân tài thật sự có chí phát tâm hoằng pháp, chúng tôi sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ những người ấy. Người khác đối với chúng ta tốt quá, bèn hoài nghi: “Dụng tâm của họ là gì? Dụng ý là gì?” Cho đến một tháng rưỡi mới hiểu rõ ràng, ai nấy đều gào khóc, quỳ sụp xuống đất sám hối. Thời gian của khóa học ba tháng đã mất hết một nửa, [họ mới hiểu], chẳng dễ dàng! Hiện thời, quý vị hảo tâm, thiện tâm đối với người khác, người ta suốt đời không chỉ từng thấy, mà còn chưa hề nghe nói, lẽ nào chẳng hoài nghi quý vị cho được?

Do vậy, hiện thời khó làm chuyện tốt, chẳng giống như xưa kia. Đối với quý vị, họ đánh khá nhiều dấu hỏi. Có thể hóa giải hoàn toàn những dấu hỏi ấy hay không, rất khó nói! Nhưng chuyện này có phải làm hay không? Phải làm! Tùy duyên, chúng ta sẽ rất tự tại. Có duyên, quý vị hoài nghi cũng thế, mà chẳng hoài nghi cũng thế, chỉ cần quý vị chịu đến học, chúng tôi luôn nhiệt tâm dạy quý vị, giúp đỡ, thành tựu quý vị. Nếu quý vị chẳng thể tiếp nhận? Chẳng thể tiếp nhận thì quý vị có thể ra đi. Đa số chẳng thể tiếp nhận, chúng tôi liền ngừng khóa học, không tổ chức nữa. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên chứ không phan duyên! “*Tùy duyên*” là hễ thời tiết nhân duyên còn có thể, [tức là] còn có thể tổ chức, tuy có chướng ngại, nhưng chẳng khẩn yếu, vẫn có thể thực hiện thì phải làm! [Nếu như] chướng ngại nghiêm trọng, chẳng thể thực hiện, hãy ngay lập tức “*thu dọn sạp hàng, ra đi*”, bản thân chúng ta công đức đã viên mãn. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy rất hay: “*Phát ý viên thành*”, công đức viên mãn! Chẳng phải là ta không làm, [chỉ vì] hoàn cảnh không cho phép. Mọi người chẳng biết thứ này tốt đẹp, chẳng thể tiếp nhận, chúng ta bèn dời sang phương pháp khác.

Giống như hiện thời chúng ta dùng phương pháp này, chúng ta dùng mạng Internet, dùng [truyền hình] vệ tinh. Người thích nghe, có thể tiếp thu mỗi ngày, có thể nghe hằng ngày. Kẻ chẳng ưa nghe, chẳng bắt băng tần ấy, sẽ vĩnh viễn chẳng trông thấy! Tốt lắm, chẳng miễn cưỡng mấy may! Chúng ta gặp mặt nhau mỗi ngày qua màn hình, quý vị thấy tôi rất thân thuộc, tôi chẳng nhận biết quý vị! Tháng Sáu năm nay, tôi đến thăm Luân Đôn, viếng thăm đại học Nguru Tân (Oxford) và đại học Luân Đôn. Ở đó, có mấy vị giáo sư tiếp đãi tôi rất thân thiết. Họ là người Anh, có thể nói tiếng Phổ Thông rất khá. Sau này, tôi mới biết họ chuyên môn nghiên cứu Hán học, nghiên cứu những thứ thuộc về Trung Hoa. Họ rất thân thiết đối với tôi, tôi cũng rất cảm kích. Những vị giáo sư ấy bảo tôi: “Pháp

su! Tôi quen biết thầy đã rất lâu”, tôi cũng rất kinh ngạc. Họ nói: “Hằng ngày tôi gặp thầy trên truyền hình vệ tinh hoặc trên Internet”. Trên mạng Internet rất quen thuộc, gặp mặt càng thân thiết hơn. Người Âu Châu rất coi trọng Hán học, họ nghiên cứu rất có thành tựu, rất khó có! Chúng tôi thấy vậy hết sức hoan hỷ.

Do vậy, từ bi là điều quan trọng nhất. Nền giáo dục truyền thống của Trung Hoa đã bị mất đi, thật sự quá đáng tiếc! Nếu quý vị hiểu cách giáo dục truyền thống Trung Hoa, nay chúng ta một lòng chân thành yêu thương giúp đỡ người khác, họ sẽ chẳng nghi hoặc. Vì sao? Do được dạy dỗ từ bé, [sẽ thấy chuyện giúp đỡ người khác vô điều kiện] rất bình thường! Há còn có mong cầu, còn có mục đích chi nữa? Chẳng có, rất bình thường. Năm ngàn năm trước, Trung Hoa coi trọng giáo dục, dạy những gì? Dạy những lời ấy. Câu này (“*từ bi cố luyến*”) thuộc về Phật môn, Trung Hoa chẳng nói theo kiểu ấy. Trung Hoa thì sao? “*Phụ tử hữu thân*” (Cha con có tình thân). Quý vị hãy ngẫm xem, “*phụ tử hữu thân*” và “*từ bi cố luyến*” có phải là cùng một chuyện hay không? Đúng là giống hệt nhau! Đứa trẻ vừa mới sanh ra, được cha mẹ chăm sóc chẳng rời khỏi một thời, một khắc nào. Đó là “*luyến*” (戀)! Mẹ đến chỗ nào làm chuyện gì đó, trong tâm nghĩ đứa con thơ nay đang như thế nào. Làm xong chuyện bèn trở về ngay lập tức, “*cố luyến*” đây! “*Từ bi cố luyến*” đúng là “*phụ tử hữu thân*”! Khi đứa trẻ mới vừa được sanh ra, đặc biệt là trong vòng nửa năm, thông thường nó còn chưa biết nói, còn chưa biết đi. Quý vị thấy cha mẹ yêu thương nó, quyến luyến nó, dốc hết tấm lòng, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện gì! Điều kiện gì cha mẹ cũng quên tuốt, trong tâm chỉ có đứa bé ấy.

Giáo dục được sanh ra, được hưng khởi từ chữ này (Ái). Đây là thiên tánh, [tình yêu thương giữa] cha con hay mẹ con là thiên tánh! Mục đích giáo dục là làm thế nào để gìn giữ vĩnh viễn tình yêu thương ấy. Mọi tình thân ái giữa cha mẹ đối với con cái được vĩnh viễn giữ gìn, giữ gìn suốt cả đời chẳng biến đổi, chuyện này cần phải cậy vào giáo dục. Do đó, mục tiêu thứ nhất trong giáo dục chính là chuyện này. Hiện thời, chúng tôi cực lực đề xướng Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa, chẳng phải là thứ để cho trẻ nhỏ đọc, mà là gì? Dành cho cha mẹ. Kẻ làm cha mẹ thấy đều phải làm được, làm cho con cái quý vị thấy, sử dụng thân giáo. Trẻ nhỏ sanh ra hai, ba ngày, mở mắt ra nó có thể nhìn, tai có thể nghe, trông thấy nhất cử, nhất động, một câu nói, một tiếng cười của người lớn, nói theo Phật pháp, sẽ in vào A Lại Da Thức của nó, biến thành chủng tử. Do vậy, ở trước mặt con cái (trước mặt trẻ thơ), cha mẹ nói năng, cư xử đều phải theo quy củ, hoàn toàn để cho trẻ hấp thụ những điều chánh đáng, chẳng để cho chúng thấy những điều phản diện! Quý vị thấy nó từ lúc sanh ra được hai, ba ngày đã bắt đầu học, học cho đến lúc ba tuổi. Cổ nhân nói “*tam tuế khán bát thập*”, chẳng phải là không có đạo lý! Trẻ được huân tập trong ba năm ấy, thâm căn cố đế, [cho tới] tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi. Đây chính là ý nghĩa của câu “*tam tuế khán bát thập*”. Tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi, người ấy thấy đều học được rồi!

Vì vậy, Đệ Tử Quy là gia giáo, là cha mẹ dùng thân thể biểu hiện cho con cái thấy. Trẻ thơ ba, bốn tuổi đã có năng lực phân biệt đúng, sai, thấy kẻ khác làm

chuyện này nọ, [bèn nhận xét]: “Kẻ ấy đúng, kẻ kia sai”. Nó biết đúng và sai, nó có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của nó chính là tiêu chuẩn trong *Đệ Tử Quy*, nó đã học hiểu rồi. Đến khi sáu, bảy tuổi, vào trường học, thầy dạy nó, thầy cũng nêu gương tốt, tức là giáo dục gia đình được tiếp nối. Thầy dạy hiếu, đễ, trung, cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo. Trong trường học, dạy những gì? “*Trường ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (Lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín), tôn sư trọng đạo. Hầu hạ thầy giống như hầu hạ cha mẹ. [Đó là chuyện] học trò phải làm, chẳng phải là nói suông, mà phải làm. Học hầu hạ thầy như thế nào, vì về đến nhà sẽ biết hầu hạ cha mẹ. Hầu hạ đàn anh như thế nào, tức là [hầu hạ] những bạn học lớn tuổi hơn ta; về nhà, sẽ biết hầu hạ anh chị của chính mình. Điều được coi trọng nhất chính là thân giáo, ngôn giáo là phụ trợ. Giáo dục Tiểu Học đều thuộc loại [giáo dục] đức hạnh. Đức hạnh là bậc nhất. Vì thế, đức hạnh và ngôn ngữ phải do thầy dạy, hễ có sai lầm thì thầy phải giúp trò sửa chữa cho đúng.

Vào độ tuổi ấy, trong suốt quá trình của một đời người, trí nhớ mạnh mẽ nhất. Phạm là những sách vở của cổ thánh tiên hiền cần phải ghi nhớ, đều bắt trẻ học thuộc, học thuộc đến mức có thể nhớ nằm lòng. Có thể ghi nhớ nằm lòng; khi đã nhớ nằm lòng rồi, thời xưa học trò đi học được trải nghiệm [bằng cách trả bài]. Học trò có trình độ khác nhau, căn tánh không giống nhau. Giống như sách giáo khoa hiện thời, mỗi “mặt giấy”³⁷ là mười dòng, mỗi dòng hai mươi chữ. Sách vở thời cổ được sắp chữ đại khái đều là như vậy. Bất luận nhà (thư cục) nào khắc in, thấy đều là mỗi mặt giấy có mười dòng, mỗi dòng hai mươi chữ, rất khoa học! Vì thế, hỏi quý vị trang thứ mấy, dòng thứ mấy, đều giống như nhau, bất luận do nhà nào in sách, thấy đều giống như nhau. Điều này mang tính khoa học, thống nhất!

Vì vậy, khi đọc sách, đũa có thiên tư tốt, đại khái là mỗi ngày có thể học một trang, một “trang” gồm hai mặt giấy, hai mặt giấy thì gần như là bốn trăm chữ. Quý vị thấy một dòng là hai mươi chữ, mười dòng là hai trăm, hai mặt giấy là hai mươi dòng, tức bốn trăm chữ. Như vậy thì coi là gì? Kẻ thượng căn, là học trò tốt. Thượng căn thì một ngày có thể thuộc hai mươi hàng. Còn có đũa đặc biệt thông minh, một ngày có thể thuộc sáu trăm chữ, [kẻ như vậy] rất ít, chẳng nhiều! Đũa thuộc bốn trăm chữ thì còn có. Trong một tư thực, thông thường là sẽ có khoảng hai, ba đũa có năng lực này. Kẻ là căn tánh bậc trung sẽ thuộc mười hàng, từ mười hàng cho tới mười lăm hàng. Kẻ căn tánh bậc hạ thì từ năm hàng cho đến mười hàng, năm hàng là một trăm chữ. Mỗi ngày đọc sách [như vậy đó].

Tiêu chuẩn là mười lượt. Quý vị đọc mười lượt bèn có thể thuộc, lấy điều này làm tiêu chuẩn. Ví như chúng ta đối với một mặt giấy này, một mặt gồm mười dòng tức là hai trăm chữ, sau khi quý vị đọc mười lượt, vẫn không thuộc được, bèn giảm bớt. Giảm bớt hai dòng, còn tám dòng. Vẫn không thuộc được, lại giảm bớt hai dòng, còn sáu dòng. Nhất định là mười lần bèn có thể thuộc được. Điều này chẳng miễn cưỡng tí nào! Mỗi cá nhân có trình độ khác nhau; vì thế, đồng

³⁷ Do thời cổ in sách lên một trang giấy dài, rồi xếp lại thành sách, sao cho hai mặt giấy có chữ đầu lưng với nhau, khâu gáy thành sách. Cổ nhân gọi “trang” tức là một nếp gấp ấy, mỗi trang đều có hai “mặt”.

học cùng nhau học sách, mỗi người có tiến độ (mức độ tiến triển) khác nhau. Có người tiến độ mau, có người tiến độ chậm, tùy theo năng lực học tập của chính họ. Sau khi đọc mười lần có thể thuộc, thầy đốc thúc trò phải đọc thuộc một trăm lần. Vì sao? Trò sẽ chẳng quên mất. Ngày hôm sau, khi lên lớp, trước hết là đọc thuộc lòng những gì đã học hôm qua cho thầy nghe, tức là ôn tập; sau đấy, sẽ dạy bài hôm nay. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Sách chẳng được giảng giải, chỉ dạy quý vị đọc. Vì thế, sau khi học xong Tiểu Học, những sách đã học sẽ là suốt đời chẳng quên. Đến mai sau, quý vị trưởng thành, ra làm việc trong xã hội, những gì quý vị đã học đều có thể dùng được, dẫn chứng kinh điển, chẳng cần tra cứu tài liệu, tất cả đều ở trong đầu.

Tôi đã thấy hai người là tiên sinh Phương Đông Mỹ và lão cư sĩ Lý Bình Nam. Từ nhỏ, họ đã được huấn luyện theo kiểu ấy. Bảy, tám mươi tuổi, viết văn, dẫn chứng kinh điển, chẳng cần phải tra sách. Chúng tôi hỏi thầy: “Thưa thầy! Thầy đúng là tuyệt diệu quá!” “Anh có hiểu không? Khi làm học sinh, do quỳ trên gạch mà thành ra như vậy đấy!” Các cụ nói thật đấy, chẳng giả đâu! Khi đó, nếu quý vị học chẳng thuộc, thầy giáo sẽ phạt quỳ. Khi quỳ, chẳng phải là quỳ suông, mà là quỳ trên miếng gạch, khiến cho quý vị khó chịu đựng nổi. Quý vị chẳng dụng công có được hay không? Vì thế, đúng là chịu được nỗi khổ nhất trong các thứ khổ thì mới là người cao quý trong mọi người. Thời cổ nói “*thập tải hàn song, tái nhất cử thành danh*” (mười năm bên song lạnh, đi thi một lần sẽ thành danh), quý vị chẳng dụng công thì làm sao được?

Do vậy, giáo dục của Trung Hoa là một chữ Ái. Mục tiêu thứ nhất là gìn giữ [chữ Ái ấy]. Quý vị yêu thương cha mẹ, yêu thương anh em, yêu thương gia tộc, vĩnh hằng bất biến, suốt đời chẳng thay đổi. Đây là giáo dục thành công! Mục tiêu thứ hai của giáo dục là phát huy rộng lớn cái tâm yêu thương ấy. Không chỉ là yêu thương gia tộc của quý vị, mà còn có thể yêu thương xóm giềng, nay chúng ta nói là quý vị “có thể yêu thương xã hội, yêu thương quốc gia, có thể yêu thương nhân loại”. Quý vị thấy trong Đệ Tử Quy có dạy: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (Phàm là người thì đều phải yêu thương). Phải mở rộng điều này, mở rộng đến mức yêu thương nhân loại. Trong Phật pháp, càng nói rộng hơn, yêu thương hết thấy chúng sanh, ngay cả động vật, thực vật thấy đều yêu thương, còn bao gồm cả khoáng vật, tức là thiên nhiên. Do vậy, giáo dục Trung Hoa là “*phụ tử hữu thân*” có cùng ý nghĩa với “*từ bi cố luyến*” ở chỗ này, quý vị tiếp nhận sự giáo dục ấy.

Người hiện thời chẳng được tiếp nhận nền giáo dục ấy. Vì thế, triển khai cái tâm ấy, người khác sẽ hoài nghi quý vị. Họ hoài nghi là chuyện phải lẽ, chúng ta chớ nên nói: “Họ hoài nghi, thôi đi! Chẳng cần quan tâm đến họ nữa”. Như thế thì sai mất rồi, chúng ta học những thứ này còn có tác dụng chi nữa? Đã học thì phải yêu thương chúng sanh, đã học thì sẽ yêu thương thế giới. Đây là giáo học của Nho và Phật, là cốt lõi của nền giáo dục truyền thống, thật sự có thể hóa giải tất cả hết thấy tranh chấp và xung đột trên thế giới hiện thời, xác thực là có thể hóa giải chúng, có thể đem lại an định hòa bình cho thế giới; chúng ta chớ nên không biết điều này. Đối với Nho, đối với Phật, quý vị đã học được bao nhiêu?

Rốt cuộc là có được bao nhiêu? Nhìn từ sự thực hiện lòng từ bi, nhìn từ mức độ sâu rộng của lòng từ bi, sẽ biết công phu của quý vị đạt được bao nhiêu. Đây là phương tiện thứ nhất, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác.

Phương tiện thứ hai, “*liễu tri chư hạnh*”. Liễu (了) là hiểu rõ, “*tri*” (知) cũng là hiểu rõ. Chữ Hạnh (行) ở đây phải đọc giọng Khứ Thanh, hiểu như là động từ, nghĩa là việc làm của hết thảy chúng sanh, quý vị phải hiểu rõ. Quý vị chẳng hiểu rõ, sẽ chẳng thể giúp đỡ họ. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ. Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, các nghề nghiệp đều nảy sanh thói tệ. [Có biết rõ] nguyên nhân ở chỗ nào, quý vị mới biết phải giúp họ như thế nào! Chúng ta tiếp xúc rất rộng. Quý vị chẳng tiếp xúc rộng rãi, sẽ chẳng thể biết rộng rãi, chẳng hiểu sâu xa! Trong xã hội, mỗi quốc gia, mỗi sắc dân, mỗi tôn giáo, các nền văn hóa khác biệt, đều phải tiếp xúc. Quý vị đều tiếp xúc, đều liễu giải, quý vị mới có thể phát hiện cội rễ xung đột ở chỗ nào, quý vị mới biết hóa giải, cứu chữa vấn đề ấy tận gốc!

Tôi thường nói với người khác: Tất cả những nỗi tệ hại trong thế giới ngày nay đều có chung một cội nguồn, chính là con người chẳng biết tự yêu thương chính mình! Chẳng biết tự yêu thương chính mình, họ sẽ chẳng biết yêu thương người khác. Vì thế, họ chẳng biết “*phụ tử hữu thân*”. Chẳng biết điều này, họ sẽ chẳng biết “*nghĩa quân thân*”, chẳng biết “*phu phụ chi biệt*” (vợ chồng có trách nhiệm khác nhau), họ cũng chẳng biết “*trưởng ấu trật tự*” (tôn ty trật tự giữa kẻ lớn người nhỏ), cũng chẳng biết “*bằng hữu hữu tín*” (bạn bè giữ chữ tín), xã hội lẽ nào chẳng loạn cho được? Con người nếu thật sự biết tự yêu thương chính mình, chắc chắn sẽ chẳng dám làm chuyện thiếu suy nghĩ, chắc chắn sẽ chẳng dám tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp, làm chuyện thiếu suy nghĩ, lẽ nào chẳng có lỗi đối với chính mình? Phải tự yêu thương chính mình. Làm thế nào để chẳng có lỗi đối với cha mẹ? Làm thế nào để không có lỗi với tổ tông? Làm thế nào để chẳng có lỗi đối với thầy? Vì thế, con người phải biết tự yêu thương chính mình.

Người thật sự tự yêu thương chính mình nhất định là người tốt, tuân thủ quy củ. Kẻ biết tự yêu thương chính mình, quyết định sẽ học tập các bậc thánh hiền. Vì sao? Các vị thánh hiền đều biết tự yêu thương chính mình, thời thời khắc khắc mong nâng cao cảnh giới của chính mình. Trong Phật pháp nói là “*phiền não khinh, trí huệ trọng*”. Phiền não mỗi năm một ít hơn, trí huệ mỗi năm một tăng trưởng. Ý niệm ích kỷ mỗi năm một giảm thiểu, ý niệm đại từ đại bi mỗi năm một tăng trưởng, người ấy biết tự yêu thương chính mình. Biết “*con người tánh vốn lành*”, biết chúng sanh và chính mình đều có Phật tánh, đây là tự yêu thương chính mình. Chỉ có tự yêu thương chính mình thì mới hiểu “*từ bi có duyên*”, mới biết “*phụ tử hữu thân*”, mới có thể liễu giải luân lý đạo đức. “*Liễu tri chư hạnh*” thì mới có thể giúp đỡ đại chúng. “*Liễu tri chư hạnh*” là khế cơ; câu kế tiếp sẽ là khế lý. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp sáu thứ phương tiện, điều thứ ba là “*hân Phật diệu trí*” (ưa thích diệu trí của Phật). “*Hân*” (欣) ở

đây là ưa thích, [*“hân Phật diệu trí”* là] ưa thích trí huệ của Phật. Nói thật ra, trí huệ của Phật chính là trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh của chính mình. Đó là trí huệ chân thật. Nay chúng ta thấy đức Phật có [loại trí huệ ấy]. Quý vị thấy trong cuộc sống, công việc (công việc của Ngài là giáo học), đãi người, tiếp vật, đức Phật đều tỏ lộ trí huệ viên mãn khôn sánh, xác thực là khiến cho chúng ta cảm thấy yêu thích khôn cùng. Do ưa thích, chúng ta sẽ mong đạt được, làm thế nào để có thể đạt được trí huệ giống hệt như chư Phật Như Lai? Đức Phật nói rất hay, chỉ cần có thể trừ bỏ một tầng chướng ngại nơi trí huệ và đức năng trong tự tánh, trí huệ liền hiện tiền. Chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vô lượng vô biên phiền não và chướng ngại, nói chung chẳng ra ngoài ba loại lớn ấy! Vì thế, A La Hán buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng còn chấp trước nữa. Chúng ta có chịu buông chấp trước xuống hay không? Buông chấp trước xuống, sẽ gọi là Chánh Giác. Quý vị thấy trong Phật môn mong cầu điều gì? Tôi nghĩ các đồng học đều biết, chúng ta thường xuyên thấy kinh nhắc đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. [Từ ngữ ấy] có thể phiên dịch, chẳng phải là không thể phiên dịch. Có thể phiên dịch, có sao chẳng phiên dịch? Do tôn trọng, nên chẳng phiên dịch, vì chuyện này là mục tiêu mong cầu chung cực của người học Phật chúng ta, là trí huệ viên mãn sẵn có trong tự tánh.

Trong ba loại chướng ngại, buông xuống chấp trước, quý vị sẽ đắc Chánh Giác. Quý vị thấy: Đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị đã đạt được Chánh Giác. Trong phần trước, tôi đã nói rất cặn kẽ cùng quý vị, Chánh Giác không ở trong lục đạo. Trong lục đạo chẳng có Chánh Giác, Chánh Giác ở chỗ nào? Trong tứ thánh pháp giới, [trí huệ trong] tứ thánh pháp giới là Chánh Giác. Nếu lại cũng có thể buông phân biệt xuống, chẳng phân biệt pháp thế gian và xuất thế gian, lại phá một phẩm vô minh, vô minh là vọng tưởng, lại phá một phần vọng tưởng, quý vị sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác có bốn mươi một địa vị; trong kinh Hoa Nghiêm, [trí huệ của các địa vị] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác đều gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn hết bốn mươi một phẩm vô minh, tức là đoạn sạch vọng tưởng, chứng đến quả vị cuối cùng, gọi là Diệu Giác. Đẳng Giác lên cao hơn sẽ là Diệu Giác. Diệu Giác là quả vị, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Vì lẽ này, chúng ta yêu mến trí huệ của Phật, mong khôi phục diệu trí Bát Nhã sẵn có trong tự tánh của chính mình. Quý vị phải nên hiểu tầm trọng yếu của việc đoạn phiền não. Chớ nên có chấp trước! Hễ có chấp trước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Hễ có phân biệt, sẽ không thoát mười pháp giới, phải hiểu điều này. Chấp trước chính là thức thứ bảy, tức Mạt Na. Phân biệt là thức thứ sáu. Pháp Tướng Tông nói: *“Chuyển thức thành trí”*, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Do vậy, chúng ta buông xuống chấp trước, Bình Đẳng Tánh Trí liền hiện tiền. Tôi thường nói: *“Nền hòa bình trên thế giới được kiến lập trên cơ sở đối đãi bình đẳng”*. Chúng ta đối với hết thảy người, sự, vật đều bất bình đẳng,

thế giới sẽ chẳng có hòa bình. Hòa là quả, đối xử hòa thuận; cái nhân là đối đãi bình đẳng. Vì sao tăng đoàn hiện thời chẳng thể thực hiện Lục Hòa Kính? Nếu tăng đoàn Lục Hòa Kính xuất hiện, trên địa cầu này có một tăng đoàn Lục Hòa Kính xuất hiện, người trên cả thế giới đều được phước, thật sự là đại nạn hóa thành tiểu nạn, tiểu nạn hóa thành chẳng có nạn gì! Vì sao chẳng làm được? Chúng ta thấy người khác bất bình đẳng, chúng ta nhìn sự, nhìn vật cũng đều bất bình đẳng! Ta ưa thích cái này, ta ghét cái kia, đây là chấp trước. Vì sao Tăng đoàn thời đức Thế Tôn xưa kia có thể đối xử hòa thuận? Mỗi ngày tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, ai nấy đều y giáo phụng hành, đều buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước nữa. Không chấp trước, tánh bình đẳng hiện tiền, chúng ta nói là “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng*”, điều này hết sức trọng yếu. Do vậy, nhất định phải thực hiện từ chỗ này.

Chấp trước thì chúng ta chẳng thể ngay lập tức đoạn được. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Tập khí phiền não đã dưỡng thành từ vô lượng kiếp trước, há có thể ngay lập tức đoạn hết đơn giản như vậy ư? Do đó, trong Phật môn thường nói: “*Lý có thể đốn ngộ, Sự cần phải trừ dần dần*”. Trong Sự, cần phải rèn luyện dần dần thì mới có thể diệt trừ. Kinh chẳng thể một ngày không đọc. Một ngày không đọc kinh, nhất định là tập khí phiền não của quý vị sẽ tăng trưởng, sẽ không giảm bớt. Chỉ có đọc kinh hằng ngày, phản tỉnh hằng ngày, sửa lỗi hằng ngày, đối mới hằng ngày, như vậy thì mới hòng phiền não ngày một nhẹ bớt, trí huệ ngày một tăng trưởng. Đó là đúng! Kinh không chỉ là phải nghe, mà còn phải giảng, càng giảng càng hiểu rõ! Giảng, không có ai nghe ư? Dẫu không có ai nghe, cũng giảng. Thời cổ, “*Sanh công thuyết pháp*”, tức là hòa thượng Đạo Sanh thuyết pháp, không có ai nghe. Ngài chắt một đồng đá lớn đặt ở đó, đối trước đá giảng. Vì thế, đá gập đầu. Chuyện này đã ban cho chúng ta một sự khai thị rất lớn. Nay chúng ta giảng kinh không có ai nghe, trên tầng chín là Vạn Tánh Tổ Tiên Kỳ Niệm Đường, chúng ta có thể đối trước hơn một vạn hai ngàn bài vị của tổ tiên để giảng, thính chúng rất đông. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, giảng kinh sẽ chẳng thể gián đoạn.

Xác thực là trong những năm qua, đã có rất nhiều tin tức đặc biệt cho tôi biết, chúng sanh trong chín pháp giới đều đang nghe kinh Hoa Nghiêm. Tin tức ấy truyền đến khiến cho chúng tôi cảm động, hoan hỷ không chỉ lớn bằng. Chẳng phải là không có ai nghe, mà là thính chúng quá đông! Đây là quý vị đọc mỗi ngày, giảng mỗi ngày. Chỗ có cây cối, hoa cỏ, được lắng chớ! Giảng cho cây cối, hoa cỏ nghe, dạy và học tăng trưởng lẫn nhau! Quý vị có thể làm như vậy, trong tương lai, pháp duyên nhất định là hết sức thù thắng. Đây là điều khẳng định.

Điều phương tiện thứ tư là “*bất xả sanh tử*”. Xả thân, thọ thân trong chín pháp giới, chẳng vứt bỏ. Câu này có nghĩa là gì? Giống như chư Phật, Bồ Tát, “*ngàn xứ khẩn cầu, ngàn xứ ứng*”. Hễ chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn có ứng. Chúng sanh khai thính, chúng ta phải đến giảng, chỉ cần có người [khai thính]! Thế gian trong hiện tại có rất nhiều tai nạn, phạm là đạo tràng có chánh pháp đều có thể giúp hóa giải tai nạn. Dẫu chẳng thể hoàn toàn hóa giải tai nạn, tai nạn lớn sẽ đổi thành tai nạn vừa, tai nạn vừa hóa giải thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ hóa

thành chẳng có tai nạn. Đây là điều khẳng định! Thời gian tai nạn dài, có thể rút ngắn thời gian, chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi điều này. Vì thế, hễ con người trọn đủ “*từ bi cố luyến*”, chắc chắn là nơi nào có tai nạn, sẽ đến nơi ấy để hoằng pháp, đến đó giảng kinh hoằng pháp, tu hành đúng như lời dạy, ta và người đều được lợi. Không chỉ là ta lẫn người cùng được lợi, mà dương thế và âm gian đều cùng lợi lạc. Đây là “*bất xả sanh tử*”. Dẫn cho dưới một tình huống nào đó, hy sinh thân mạng cũng chẳng tiếc nuối, cũng chẳng có mảy may lưu luyến. Vì sao? Vì chính mình tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, đã liễu giải rõ ràng, minh bạch, hết thấy chúng sanh có sanh tử hay không? Chẳng có! Sanh tử là thay đổi một cảnh giới mà thôi. Khoa học hiện thời nói đến “*các chiều không gian khác nhau*”, chúng ta nói là “*thay đổi băng tần TV*” mà thôi. Chẳng có băng tần này thì băng tần kia hiện ra, lấy đâu ra sanh tử?

Người có thể thật sự tu hành, trong phần trước đã nói là “*liễu tri chư hạnh*”, bản thân chúng ta hiểu rất rõ ràng: Sau khi chúng ta vứt bỏ cái thân này, đời sau nhất định là càng thù thắng hơn đời này! Vì sao? Trong đời này, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, đều là tiến cao hơn, chẳng đọa lạc xuống dưới. Chết rồi sẽ được nâng cao hơn viên mãn, quyết chẳng đọa trong ba ác đạo, quý vị nói xem: Thù thắng ngàn ấy, há có gì để kinh hoàng, sợ hãi? Chẳng có lẽ ấy! Hết thấy vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Dẫn người khác hiểu lầm, chẳng liễu giải, hủy báng, vũ nhục, hãm hại quý vị, thậm chí giết chết quý vị, chúng ta chẳng có chút lòng oán hận nào, mà là cảm kích. Vì sao? Cảm kích kẻ ấy đã nâng ta lên cao hơn. Cái thân này bị giết hại, [tức là] đã được tiến lên cao hơn rồi! Người ấy đưa ta lên cao hơn, chẳng phải là kéo ta xuống, mà là đưa ta lên cao hơn. Vì thế, vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn! Kẻ chẳng thể khế nhập cảnh giới ấy sẽ chẳng hiểu, người khế nhập cảnh giới sẽ hiểu rõ.

Phương tiện thứ năm là “*luân hồi bất nhiễm*” (chẳng nhiễm trước luân hồi). Tuy lục đạo luân hồi rất khổ, nhưng chúng sanh khổ sở ở trong ấy rất đông, đúng như đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát: “*Địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật*”, “*ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục*”. Ta vào địa ngục để làm gì? Nhằm cứu độ chúng sanh trong địa ngục, vì những điều này mà vào. Ý nghĩa này nhằm nói rõ: Nơi nào chúng sanh có khổ nạn, người có tấm lòng từ bi bèn muốn đến đó, quyết định là chẳng thể bỏ mặc, không hỏi tới! Còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chẳng muốn cùng chịu đựng tai nạn với chúng sanh khổ nạn, [tức là] chẳng có tâm từ bi! Kẻ chẳng có tâm từ bi sẽ đọa lạc, phải biết điều này. Người có tâm từ bi sẽ tiến cao hơn.

Luân hồi mà chẳng nhiễm đấm là như thế nào? Chẳng có tâm luân hồi! Bồ Tát vận dụng Bồ Đề tâm, chẳng phải là luân hồi tâm. Luân hồi tâm là gì? Ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn; đây là luân hồi tâm. Nghiệp đã tạo bởi luân hồi tâm đều là luân hồi nghiệp. Luân hồi tâm tạo ra thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, toàn là luân hồi nghiệp, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Bồ Đề tâm chẳng phải là luân hồi tâm, nghiệp đã tạo bởi Bồ Đề tâm chính là tịnh nghiệp. Trong lục đạo luân hồi, chẳng có quả báo của tịnh nghiệp, phải biết điều này! Tịnh nghiệp rõ rệt, nông cạn nhất chính là tứ thánh pháp giới;

tịnh nghiệp sâu rộng là thế giới Cực Lạc. Do vậy, người ấy không thuộc trong mười pháp giới, chẳng ở trong lục đạo. Ở trong lục đạo độ chúng sanh, chỉ cần quý vị dùng Bồ Đề tâm, chúng tôi đã nói rất minh bạch: Dùng “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi*”, đây chẳng phải là luân hồi tâm, sẽ ở trong luân hồi mà quyết định chẳng nhiễm đắm luân hồi, dùng cái tâm ấy! Dùng cái tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật như thế, chắc chắn là sẽ thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đó là điều khẳng định. Niệm Phật quyết định sanh về Tịnh Độ. Luân hồi bất nhiễm đây!

Điều cuối cùng trong sáu phương tiện là “*xí nhiên tinh tấn*”. Xí nhiên tinh tấn: “*Xí nhiên*” (熾然) là tỷ dụ, có trạng thái giống như lửa mạnh cháy hừng hực. Chúng ta thường nói là “*dũng mãnh, tinh tấn*”, quyết định chẳng biếng nhác, há có lẽ nào đạo nghiệp chẳng thành tựu? Đương nhiên là thành tựu. Trong sáu phương tiện ấy, ở đây, Thanh Lương đại sư bảo: “*Nhiếp Luận quảng thuyết*” (Nhiếp Luận rộng nói). Nếu chúng ta muốn biết thêm, hãy xem trong Nhiếp Luận. Đây là phương tiện lực.

Lại xem tiếp loại thứ tư là “*duyên lực*”.

(Sớ) Vị thiện hữu khuyến phát.

(疏) 謂善友勸發。

(Sớ: Ý nói: Bạn lành khuyên lơn, phát khởi).

Đối với pháp thế gian và xuất thế gian, duyên hết sức trọng yếu. Vì thế, đức Phật dạy: “*Chư pháp nhân duyên sanh*” (Các pháp sanh từ nhân duyên). “*Duyên*” ở đây là nói đến bạn lành. Gặp bạn lành khuyên dạy quý vị, quý vị bèn phát tâm, mới phát nguyện. Thật đây! Phật pháp xác thực giống như hư không tồn tại trong thế gian, nhất là hiện thời, chúng ta lợi dụng phương thức khoa học kỹ thuật cao, [sử dụng] Internet và vệ tinh bao trùm toàn cầu. Bất luận ở nơi chốn nào, bất luận thời gian nào, đều có thể bắt sóng để xem. Nhưng có khá nhiều người chẳng biết băng tần, chẳng biết tiếp sóng như thế nào, có bạn bè giới thiệu cho quý vị, quý vị liền trông thấy, duyên đã chín muồi rồi! Nếu chẳng có cái duyên ấy, quý vị phải thường xuyên đi tới, đi lui, mò mẫm tìm kiếm. Đến chỗ nào? Đến các đoàn thể tôn giáo. Chúng ta học Phật, tự viện, am đường của Phật giáo trên khắp thế giới đều có. Chỗ nào có tự viện Phật giáo, có thể đến viếng cảnh, cũng có thể gặp gỡ thiện hữu, tức là người hữu duyên! [Người ấy] giới thiệu kinh sách và phương pháp tu học cho quý vị, hoặc giới thiệu quý vị thân cận thiện tri thức. Duyên ấy hết sức trọng yếu, thiện hữu làm duyên. Chúng tôi chẳng may may hoài nghi chuyện này!

Bản thân tôi vào lúc hai mươi sáu tuổi được quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Nếu chẳng do lão nhân gia giới thiệu, suốt cả đời này, chúng tôi chẳng có duyên với Phật. Thuở trẻ, học theo những tri kiến sai lầm, cứ ngỡ Phật giáo là mê tín, coi Phật giáo là tôn giáo cấp thấp. Vì sao nói là cấp thấp? Phiếm thần giáo, đa thần giáo, thứ gì cũng lạ! Quan niệm sai lầm ấy rất sâu, rất khó dẹp trừ. Nếu kẻ bình phàm muốn đem Phật giáo giới thiệu cho tôi, tôi sẽ chẳng ngó ngang tới;

lại còn ngược ngạo châm chọc kẻ ấy, gièm chê kẻ ấy mê tín! Lúc tôi tuổi trẻ, thường thức cũng rất phong phú, lại còn có chút tài ăn nói, mong biện định với tôi quả thật chẳng phải là chuyện dễ! Trong sự cảm nhận của tôi, thầy Phương là một bậc trưởng thượng tôn kính nhất. Ngài từ bi, yêu thương tôi, cùng vai vế với cha tôi. Tôi học Triết với thầy, thầy dùng kinh Phật làm tài liệu giảng dạy để giới thiệu Triết Học trong kinh Phật. Do vậy, chúng tôi mới biết trong Phật học có đại học vấn, trước nay chưa hề nghe nói tới! Trước kia, cứ tưởng Phật giáo là tôn giáo, nào biết nó là Triết Học! Do được thầy Phương giới thiệu, tôi còn thỉnh giáo lão nhân gia: “Thưa thầy! Thầy học từ nơi đâu?” Thầy phải kể ra nguyên nhân nguồn cội cho tôi nghe, tôi mới tin tưởng.

Để tiếp xúc Phật pháp, thầy chỉ dạy, nhất định là phải từ kinh điển. Trải qua sự chỉ dạy như vậy, tôi mới lợi dụng ngày nghỉ đến chùa miếu để tìm kinh Phật. Vì thuở ấy, kinh Phật được lưu thông với số lượng quá ít, những tiệm sách thông thường ngoài phố không bán. Thuở đó, tôi học Phật, tại Đài Loan chỉ có ba nhà [xuất bản] in sách Phật, số lượng đều rất ít. Thứ nhất là Khánh Phương Thư Cục ở Đài Nam in sách Phật. Thứ hai là Thụy Thành Thư Cục ở Đài Trung, cũng in kinh Phật, nhưng còn in rất nhiều thứ khác, chẳng phải là chuyên in sách Phật, nên số lượng rất ít, chẳng dễ gì mua được! Thứ ba là tại Đài Bắc, lão cư sĩ Châu Kính Trụ lập một Ấn Kinh Xứ, do mấy vị cư sĩ đóng góp chút ít tiền bạc, in kinh nhằm kết duyên với mọi người. Đây là biếu tặng, chẳng phải là mua bán, số lượng cũng rất ít. Vì thế, chẳng dễ tìm thấy sách Phật. Chỉ có đến tự miếu để mượn kinh sách chép lại, tôi còn sao được mấy bộ kinh Phật.

Thiện hữu quan trọng hơn bất cứ gì khác. Sau khi thầy Phương giới thiệu, tôi bắt đầu xem kinh. Xem kinh đương nhiên gặp khó khăn, nhưng thầy Phương đã nói một câu hết sức hấp dẫn tôi: “*Kinh Phật chính là Triết Học cao nhất trên toàn thể thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Sức hấp dẫn ấy hết sức mạnh mẽ, chính là “*dục lực*” như chúng ta đang nói ở đây. Mong cầu, trong ấy có những điều tốt đẹp dường ấy, dầu xem không hiểu, vẫn muốn xem! Xem một lần không hiểu thì xem hai lần. Xem hai lần không hiểu, xem ba lần, dù mài chẳng bỏ! Duyên đúng là rất thù thắng. Sau hơn một tháng như thế, hàng xóm của chúng tôi vốn không quen biết, có một đứa con gái tám tuổi, thường đến chơi trong sân nhà tôi. Thấy tôi đang xem kinh Phật, nó trở về kể cho bố biết. Bố nó đến thăm tôi, ông ta là Phật tử, nghe nói tôi đang xem kinh Phật, ông ta rất hoan hỷ, hỏi: “Có gặp khó khăn hay không?” Tôi nói: “Có chứ!” “Có cần người chỉ dạy hay không?” “Khó có quá! Ai vậy?” “Chương Gia đại sư”. Về sau, chúng tôi biết: Ông ta (người hàng xóm ấy) là một vị thân vương ở Nội Mông, là người Mông Cổ, tức là Mãn Thân Vương dưới thời Mãn Thanh, rất thân thuộc với Chương Gia đại sư.

Vậy là tôi kết duyên với Chương Gia đại sư, hết sức hữu duyên. Tôi được Ngài chỉ dạy ba năm, căn cơ Phật học từ chỗ này mà có. Mười năm sau đấy, học giảng kinh với thầy Lý, đều là do thiện hữu khuyến khích, phát khởi! Ở chỗ thầy Lý, chúng tôi vốn đến nghe kinh, đâu dám phát tâm giảng kinh? Giảng kinh là do thầy Lý khuyến, thầy khuyến nhiều lượt, tôi đều chẳng dám. Cuối cùng, thầy có

lớp dạy giảng kinh, dẫn tôi đến xem. Họ lên lớp, thầy dẫn tôi đến coi. Coi xong, hết buổi học, tôi thưa với thầy: “Được, con cảm thấy có thể tham gia”. Đây là một duyên rất quan trọng trong các duyên!

Câu kế tiếp là “*sở duyên lực*”.

(Sớ) Tức sở quán sát bi trí chi cảnh.

(疏)即所觀察悲智之境。

(Sớ: Chính là cái cảnh được quan sát bởi bi và trí).

Đây gọi là “*sở duyên*”, cũng có nghĩa là những cảnh giới mà quý vị gặp gỡ ngay trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Cái duyên ấy ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là trong sự tiếp xúc với người khác. Chúng ta học Phật, đương nhiên là có rất nhiều bằng hữu học Phật thường xuyên cùng nhau nghiên cứu kinh giáo, thảo luận, trao đổi sự tâm đắc trong tu hành. Ngoài những người ấy ra, còn có những bằng hữu không học Phật, cũng thường xuyên thích nói chuyện gẫu với quý vị. Trong khi chuyện gẫu, nhất định là quý vị sẽ nói tới Phật pháp. Họ hỏi, quý vị đáp. Họ hỏi han, chính quý vị hãy ngẫm xem, bản thân quý vị giải đáp cho họ, họ có thỏa ý hay là không? Những điều này sẽ giúp chúng ta tiến bộ hết sức to lớn! Đây gọi là “*giáo học tương trường*”. Giáo học không nhất định là trong lớp học, không nhất định là học trò thật sự. Quý vị phải hiểu đạo lý này! Hằng ngày, thời thời khắc khắc, khắp nơi, khắp chốn, hễ gặp người khác đều có thể dạy học, đều thuyết pháp. Do đó, giảng kinh, thuyết pháp, chẳng có ngày nào gián đoạn! Nói năng bèn là giảng kinh, giải đáp là giáo học. Đây là Trí và Bi của quý vị. Bi là gì? Thành khẩn, thật thà giúp đỡ người khác nhận biết Phật giáo, Phật giáo chẳng phải là mê tín. Đây là từ bi, đây là trí huệ. Trong Phật môn nói là “*đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn*”.

Trong phần trước, đã nói về cội nguồn của khổ nạn rất nhiều, nói chung là do mê mất tự tánh tạo thành. Trong tự tánh, có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng (nay chúng ta nói là “*tài nghệ*”), vô lượng tướng hảo (người hiện thời nói là “*phước báo*”), đều là vô lượng! Sau khi đã mê mất tự tánh, trí huệ, đức năng, tướng hảo đều chẳng thấy nữa! Kinh luận Phật giáo đã nói chuyện này rất nhiều, chúng ta phải tin tưởng, phải giúp đỡ chính mình, và cũng phải giúp đỡ tất cả hết thấy chúng sanh. Đó gọi là “*Phật độ người hữu duyên*”. Ai có duyên? Quý vị nói, giới thiệu với họ, họ có thể tin, có thể lý giải, có thể làm theo, đây gọi là “*kẻ hữu duyên*”. Tôi theo thầy Phương học tập, về sau xuất gia, tôi đến thăm thầy, thầy sùng sờ: “Anh thật sự làm à?” Tôi thưa: “Vâng ạ! Thầy giới thiệu thứ tốt đẹp như thế, con đương nhiên phải làm”. Thầy bảo: “Đúng rồi! Anh đi theo con đường này là đúng lắm”. Tôi xuất gia, thầy tôi, bạn học, bè bạn, cấp trên, chẳng có một ai tán thành, đều nói: “Người mê muội mất rồi! Người học Phật thì được, chứ học Phật chẳng nên mê man đến nỗi này”. Chỉ có mình thầy Phương tán thán, chỉ có thầy nói tôi làm đúng, “anh đi theo con đường này là chánh xác”. Do vậy, còn may mắn là có một người trí huệ như thế, là người mà chính tôi bội phục nhất trong lòng, Ngài đã ấn chúng tôi đi theo con đường này là đúng!

Thầy còn rất thận trọng dặn dò tôi một nhiệm vụ, là gì? Hải hòa xã hội. Khi đó, chúng tôi tuổi trẻ, chẳng có sức quan sát nhạy bén như thầy. Thầy bảo tôi: “Chúng ta ở Đài Loan, người trong tỉnh này và người ngoài tỉnh (người đến từ Trung Hoa Đại Lục) cư xử với nhau hoàn toàn chẳng thuận thảo cho lắm”. Do vậy, thầy dặn tôi: “Do thân phận này, anh làm chuyện điều hòa, hóa giải rất thuận tiện”. Đối với những điều thầy dặn dò tôi khi ấy, nay tôi mở rộng giáo huấn của thầy. Trên thế giới có khá nhiều xung đột, trong giới học thuật, hoặc trong xã hội thường nói: “*Trừ khử xung đột, xúc tiến hòa bình*”. Tôi tham gia đại học, trong đại học có học viện hòa bình, giúp đỡ nhà trường, đại diện nhà trường tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tôi dùng từ ngữ “*hóa giải xung đột, xúc tiến an định hòa bình*”. Chúng tôi vĩnh viễn chẳng quên giáo huấn của thầy, thầy từ bi quá!

“An định, hòa bình” là niềm mong mỏi chung của toàn thể nhân loại. Có ai chẳng mong mỏi an định? Có ai chẳng trông mong hòa bình? Thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ chính bản thân chúng ta! Đầu tiên là hóa giải sự đối lập với hết thầy mọi người, đối lập với hết thầy sự ngay trong nội tâm của chính mình, khiến cho chúng ta trước hết là tâm bình khí hòa thì mới có thể hòa hợp với đại chúng, hải hòa với muôn vàn quốc gia. Đây chính là “*quan sát bi trí chi cảnh*”. Có phải là viên mãn hay không? Chẳng viên mãn! Viên mãn là phải nói đến hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Thế giới Sa Bà có mười pháp giới, hết thầy các cõi Phật đều có mười pháp giới. Chúng sanh trong mười pháp giới của thế giới Sa Bà chẳng hòa thuận, các pháp giới trong các cõi Phật khác cũng chẳng khác biệt cho mấy. Vì thế, công tác hòa thuận phải là trọn khắp pháp giới, hư không giới thì mới là viên mãn. Đều làm từ nội tâm của chính mình; hễ lìa khỏi nội tâm của chính mình, xác thực là chẳng có một pháp nào để có thể đạt được cả! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1479

Chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Đoạn này vẫn chưa giảng xong, chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quan sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quan sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Trong phần trước, chúng ta đã học đến Sở Duyên Lực, nay xem tiếp điều thứ sáu là Căn Lực. Chú giải điều này, Thanh Lương đại sư đã nêu ra:

(Sớ) Căn vị Tín đẳng.

(疏)根謂信等。

(Sớ: Căn là nói đến Tín v.v...)

Đây là Ngũ Căn. “Sáu” là nói đến câu thứ sáu trong mười câu [của đoạn chánh kinh vừa mới đọc]. “Căn vị Tín đẳng”, [nghĩa là nói đến] Ngũ Căn, tức Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, đây là Ngũ Căn. Ngũ Căn có mối quan hệ hết sức trọng yếu đối với sự học tập của chúng ta. Thứ nhất là Tín Căn. Nếu quý vị không tin, sẽ chẳng có cách nào để học cả! Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm và những bộ luận Đại Thừa, đức Phật dạy rất hay: “Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), [Tín là] cội nguồn để nhập đạo. “Mẫu” là tỷ dụ “có thể sanh”, cũng là “có thể sanh ra hết thảy các công đức”, là gì vậy? Chính là Ngũ Căn có thể sanh ra hết thảy các công đức, đặc biệt là Tín Căn. Trong quá trình học tập suốt đời của bản thân chúng ta, chuyện này hết sức rõ ràng!

Cầu học thì điều thứ nhất là phải có lòng tin đối với thầy. Nếu hoài nghi thầy, chẳng tôn trọng thầy, thứ gì quý vị cũng đều chẳng học được! Cổ đại đức đã nói rất hay: “Đạo thầy trò được kiến lập trên Tín Căn đối với thầy”. Tổ Ấn Quang đã nói rất khéo: “Một phần thành kính, sẽ được một phần lợi ích. Mười phần thành kính, sẽ được mười phần lợi ích”. “Một, hai phần” [như Tổ đã dạy] chính là [nói về] tín tâm của quý vị. Do đó, đối với thầy, phải có tín tâm chân thành. Bất luận thầy của chính mình tu hành như thế nào, dầu thầy tu hành tốt đẹp đến mấy đi nữa, hoặc thầy là Phật hay Bồ Tát tái lai, nhưng quý vị chẳng tin thầy, dầu theo thầy, cũng chẳng đạt được lợi ích! Thầy là một gã phàm phu, chẳng tu hành chi cả, nhưng quý vị đối với thầy mười phần thành kính, quý vị sẽ có thể đạt được mười phần thành tựu.

Điều này nói ra nghe rất kỳ quái; do vậy, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Câu này chính là tổng nguyên lý, tổng nguyên tắc. Quý vị nói bệnh tật ai nấy đều chẳng thể tránh khỏi, hễ mắc bệnh, quý vị đi khám bác sĩ. Có đúng là bác sĩ chữa trị cho quý vị hay không? Chưa chắc! Ai chữa cho quý vị lành bệnh? Tín tâm! Quý vị có lòng tin đối với vị bác sĩ ấy, tin tưởng thuốc men do người ấy kê toa, chính lòng tin ấy sẽ trị lành bệnh cho quý vị. Quý vị có hiểu đạo lý này hay chẳng? Vị bác sĩ ấy thật sự cao minh, [thế nhưng] quý vị chẳng tin tưởng, hoài nghi người ấy. Người ấy kê toa, cho thuốc, quý vị cũng hoài nghi, uống thuốc vào sẽ chẳng lành bệnh! Do vậy, ai là thiện tri thức? Ai là thầy giỏi? Ai là thầy thuốc giỏi? Điều chẳng quan trọng! Trước hết phải hỏi: Quý vị có lòng tin đối với vị thầy hay vị bác sĩ ấy hay không? Chỉ cần quý vị tin sâu, chẳng ngờ, sẽ có lợi, quan trọng lắm! “*Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, trưởng dưỡng hết thấy các thiện căn*”, quý vị thấy [tín tâm] trọng yếu như thế đó!

Do có Tín thì mới có Tinh Tấn, điều thứ hai trong Ngũ Căn là Tấn. Tấn (進) là Tinh Tấn. Có Tín, đương nhiên sẽ tinh tấn. Chẳng tin thì sao? Chẳng tin thì sẽ biếng nhác, chẳng muốn học. Đã có Tín rồi sau đây mới có Niệm. Nay chúng ta nói đến chuyện niệm Phật, có người công phu khá lắm, niệm Phật rất khá; có kẻ tâm rất tán loạn, chẳng niệm được! Niệm một tiếng đồng hồ thì còn được, chứ niệm nhiều hơn nữa, sẽ suy nghĩ loạn cào cào, không được rồi! Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân gì ư? Điều đầu tiên là Tín có vấn đề! Đối với pháp môn Tịnh Độ bán tín bán nghi, chẳng có Tín Căn! Do vậy, cái tâm tinh tấn chẳng thể dấy lên được, niệm lực chẳng thể tập trung, quý vị làm sao có thể thành tựu cho được? Những điều này có mối quan hệ liên đới, chớ nên không biết! Chúng ta [phải tìm ra] mắt xích nào nẩy sanh vấn đề? Điều quan trọng nhất là phải tìm ra khuyết điểm, sửa đổi nó, vấn đề sẽ được giải quyết.

Trong Thất Bồ Đề Phần, đức Phật dạy chúng ta “*trạch pháp*”, [nghĩa là] chúng ta muốn tu pháp thì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị chọn lựa pháp môn nào? Nếu đối với pháp môn ấy, quý vị trọn đủ tín tâm viên mãn, nghiêm túc tu học, chẳng thể nào không thành tựu! Quan trọng lắm! Chọn lựa pháp môn chẳng phải là chuyện dễ dàng! Lúc tôi mới học, gần như là dùng thời gian bảy, tám năm [để chọn lựa pháp môn]. Thầy giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cho tôi, chẳng phải là vừa giới thiệu tôi liền tiếp nhận. [Thầy] giới thiệu, [tôi] cảm ơn thầy, tôi phải đọc kỹ kinh điển và chú sớ của tổ sư đại đức đối với pháp môn này mấy lượt, đã có sự liễu giải và nhận thức đối với pháp môn, sau đây mới lại quyết định xem tôi có muốn học pháp môn này hay không? Chẳng dễ dàng! Thật sự hạ quyết tâm học pháp môn này, trong khi giảng kinh, tôi cũng đã thưa trình cùng quý vị mấy lần: Nhằm khi tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm, tức lần đầu giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan. Khi giảng được một nửa, có một hôm, tâm huyết dâng trào, nghĩ những vị như Văn Thù, Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm đã học pháp môn gì? Đặc biệt là trong phần sau, trong năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử là đệ tử nhập môn và truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu pháp môn gì?

Đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm như thế một lượt [để tìm xem] các Ngài tu gì? Tu pháp môn Niệm Phật! Văn Thù phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là môn sinh đặc ý của ngài Văn Thù, đương nhiên là truyền pháp của thầy! Chúng tôi lại xem kỹ năm mươi ba lần tham học. Vị thiện tri thức thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học là tỳ-kheo Đức Vân, Ngài dạy Thiện Tài pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ; điều này hết sức quan trọng! Người Hoa và người Ấn Độ giống nhau, đều biết “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì được tiếp nhận đầu tiên sẽ là chủ yếu), [nghĩa là] điều được tiếp nhận đầu tiên sẽ gây nên ảnh hưởng chủ yếu. Lại xem vị cuối cùng, tức vị [thiện tri thức] trong lần tham học thứ năm mươi ba, chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài điều gì? Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Từ đầu đến cuối, tôi bèn hiểu rõ: Thiện Tài chuyên tu pháp môn Niệm Phật, năm mươi ba lần tham học nhằm quảng học đa văn. Ngài có bị dao động bởi pháp môn nào khác hay không? Chẳng có! Thứ gì cũng đều hiểu rõ, như như bất động, thật thà niệm Phật. Ngài đã ban cho tôi sự khải thị ấy! Tôi mới khăng khăng một mực tu pháp môn này. Gần như là tôi học Phật hơn hai mươi năm mới quyết định chọn lựa pháp môn này, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Nhân duyên khiến cho tôi tiến nhập Phật môn là do tiên sinh Phương Đông Mỹ dùng kinh Phật như triết học để giới thiệu cho tôi. Vì thế, tôi tiến nhập Phật môn nhằm học Triết Học, tức là học Triết Học trong kinh Phật. Trong Phật môn, [cách tiếp cận ấy] được gọi là Giáo Hạ. Tôi đến học Giáo, chẳng nhằm học Thiên, mà cũng chẳng nhằm học niệm Phật, tôi mong học Giáo. Trong Giáo, đúng là tôi thích kinh Hoa Nghiêm nhất, nói chung là do duyên phận trong đời quá khứ. Trông thấy bộ kinh này, bèn sanh tâm hoan hỷ! Chúng ta hãy nên hiểu điều này: Đối với pháp này mà có tín tâm, có hứng thú, ưa thích. Đó chính là “*có Căn*”, [tức là Ngũ Căn] Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

Trong môn Định, thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy học đều chú trọng “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, hoàn toàn bất đồng với quan niệm giáo dục hiện thời của chúng ta. Giáo dục hiện thời là kể từ bé, đã bắt đầu học rộng, nghe nhiều. Chương trình Tiểu Học có khá nhiều môn được giảng dạy đồng thời. Chẳng hạn như học trò Tiểu Học mỗi ngày học môn thứ nhất là Quốc Ngữ, môn thứ hai là Toán, môn thứ ba là Địa Lý, môn thứ tư là Lịch Sử. Mỗi ngày phải học khá nhiều môn khác nhau! Mỗi môn học một tiếng đồng hồ, trên thực tế, chỉ có năm mươi phút, nghỉ [đôi tiết] mười phút. [Học xong mỗi môn, đối với học trò], ấn tượng mơ hồ còn chưa hình thành! Tiết học thứ hai đã đổi [sang môn khác], đổi sang sách giáo khoa khác. Vì thế, những gì bọn trẻ học tập đều là sơ sài bên ngoài, đều là thường thức, chẳng có căn cội. Chẳng giống như giáo học theo kiểu truyền thống của Trung Hoa và Phật pháp. Giáo học theo lối truyền thống của Trung Hoa là “*thâm nhập một môn*”. Quý vị thấy Tam Tụ Kinh đã nói rất hay: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo lý dạy học cốt yếu là chuyên nhất), chớ nên xen tạp, chớ nên nhiều. Những điều này đều là nói đến Định.

Vì lẽ ấy, thầy giảng bài chỉ dạy một môn. Quý vị chẳng học thấu đáo môn học ấy, chưa học xong xuôi, chắc chắn là chẳng thể học môn thứ hai. [Chuyện

này] khiến cho quý vị trong quá trình học tập, ví như lấy kinh Phật để thí dụ, kinh Hoa Nghiêm tuy lớn, có ba mươi chín phẩm, mỗi phẩm là một môn học. Đây là một hệ thống, gồm có ba mươi chín môn học, chúng ta học tập từng môn một. Đại khái là đối với mỗi phẩm (mỗi phẩm kinh dài hay ngắn khác nhau) đều phải tốn mấy chục giờ, có khi tốn hơn một trăm giờ. Nay chúng ta mới học đến phẩm thứ mười một, đã tốn bao nhiêu thời gian? Gần như là đã tốn hơn ba ngàn giờ. Nếu tính bình quân, đại khái là mỗi phẩm kinh phải mất khoảng hai trăm giờ. Học từng phẩm một, chẳng phải là học đồng thời rất nhiều phẩm, chẳng phải vậy! Có như thế thì tâm của quý vị mới chuyên, tâm đã định, thâm nhập một môn, có thể đạt thành tựu. Nếu đồng thời học rất nhiều môn, tâm chúng ta tán loạn, chẳng thể tập trung tư tưởng, chẳng thể tập trung ý chí, mong thành tựu quá khó khăn!

Vì thế, do Định sẽ tự nhiên khai huệ, chúng ta đã đạt được mục đích học tập. Nay chúng ta đã hiểu rõ sự học tập của người thế gian, dầu trí nhớ tốt đến mấy đi nữa, những gì họ đã học được đều thuộc loại thường thức, chẳng mở mang trí huệ. Vì sao chẳng mở mang trí huệ? Chẳng có Định! Chớ nên không biết điều này! Đây là Căn Lực.

Kế đó là câu thứ bảy, tức Quan Sát Lực. Thanh Lương đại sư bảo:

(Sớ) U tỳ tha sự lý dược bệnh thiện giản trạch cố.

(疏)於自他事理藥病善揀擇故。

(Sớ: Đối với ta, người, sự, lý, khuyết điểm và cách đối trị, đều khéo chọn lựa).

Điều này nói hay lắm! Quan Sát thuộc về Huệ, Huệ khởi tác dụng. Quý vị khéo quan sát chính mình, người khác (“*tha*” (他) là người khác), hoặc là sự việc, hay đạo lý, hay là thuốc, hoặc là bệnh. “*Bệnh*” là sai lầm, khuyết điểm. “*Dược*” là phương pháp, sửa đổi như thế nào? “*Khéo chọn lựa*”: Chúng ta thường nói “*giản trạch*” (揀擇) là chọn lựa. Đây là trí huệ. Nói theo phía mỗi cá nhân chúng ta, nhất định là phải có sự sáng suốt tự hiểu biết. Biết căn tánh của chính mình, biết hoàn cảnh sống, công việc, và học tập của chính mình, biết ngoại duyên của sự học tập như thầy, bạn lành, hoàn cảnh bên ngoài, thầy đều liễu giải. Chọn lựa phương pháp như thế nào để tu hành, ngõ hầu trong một đời này, bản thân chúng ta nói chung là hy vọng sẽ sớm có ngày thành tựu. Có ai mà chẳng hy vọng như vậy?

Bày ra ngay trước mặt chúng ta, nói theo Đại Thừa Phật pháp, Thiên Tông, Tánh Tông cần phải là hạng người thượng thượng căn. Thật sự là người phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng thì mới có năng lực học tập. Chúng ta có phải là căn tánh ấy hay không, phải biết chuyện này! [Chúng ta] chẳng phải là căn tánh ấy! Người căn tánh thượng thượng được thiện tri thức giáo huấn, đúng là “*nghe một, ngộ cả ngàn*”, vừa nghe liền khai ngộ, liền hiểu rõ! Chúng ta nghe bao nhiêu lần, vẫn nghe chẳng hiểu, [vì] chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Nói cách khác, chúng ta chẳng có duyên với Thiên Tông hoặc Tánh Tông trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị chớ nên chọn lựa pháp môn ấy. Quý vị thật sự mong tìm những

vị thầy như vậy, thầy vừa nhìn thấy quý vị, [sẽ bảo]: “Người chẳng phải là căn tánh này, ta chẳng thu nhận người. Người hãy đến nơi khác”. Đó là vị thiện tri thức thật sự. Môn đình thiết lập khác nhau, nhiếp thọ căn cơ chẳng giống nhau.

Nói thật ra, Mật Tông cũng là Phật pháp thượng thượng thừa. Trong Phật môn, đã có nói: “*Chẳng học Mật Pháp, chẳng thể thành Phật*”. Mật pháp là Phật pháp cao cấp nhất. Sẽ học tập khi nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, bậc Địa Thượng Bồ Tát, tức là đẳng địa Bồ Tát, khi ấy sẽ học Mật. Nay cả địa vị Sơ Tín Bồ Tát mà chúng ta còn chưa đạt đến, quý vị thấy Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, năm mươi địa vị, bốn mươi địa vị trước đều đã tu hoàn mãn, địa vị thứ bốn mươi một mới là Sơ Địa, chúng ta há có phần? Thuở trước, Chương Gia đại sư đã dạy tôi điều này. Ngài là một vị đại đức Mật Tông, chẳng gạt người!

Khi Ngài dạy dỗ tôi, đã khuyên tôi học Giáo, đặc biệt là dạy tôi học giới luật. Vì sao? Giới luật là căn cơ của hết thảy Phật pháp. Chẳng có thứ ấy, Phật pháp gì đi nữa cũng đều chẳng thể thành tựu. Đại pháp như Thiên, Mật, tiểu pháp như Tiểu Thừa, A Hàm, pháp nhân thiên, chẳng có giới luật thảy đều chẳng thể thành tựu. Chư vị đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ biết. Phật pháp cấp thấp nhất nhằm giữ được thân người trong đời sau, cũng có nghĩa là quý vị sẽ chẳng đọa vào tam đồ, đời sau còn có thể hưởng phước báo nhân thiên. Sau khi đã chết, lại đầu thai sanh vào nhân gian. Phải cấy vào gì? Phải cấy vào Thập Thiện Nghiệp! Thượng phẩm Thập Thiện sanh thiên, tức là Dục Giới Thiên. Trung phẩm Thập Thiện được làm thân người. Hạ phẩm Thập Thiện là A-tu-la, quý vị hãy ngắm xem! Do vậy, giới luật là căn bản. Bất luận quý vị tu tông nào, pháp môn nào, trước hết hãy học giới. Đây là chánh xác.

Chương Gia đại sư dạy tôi điều này. Ngài dạy tôi thấy thấu suốt, buông xuống, mấy nguyên tắc trọng yếu ấy. Nguyên lý và nguyên tắc nhất định phải tuân thủ, Ngài căn dặn tôi “*giới luật rất trọng yếu*”. Vì khi đó, tôi chẳng quan tâm đến giới luật, chính mình có một quan niệm rất sai lầm, cứ ngỡ giới luật là khuôn phép cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Khuôn phép cho cuộc sống hằng ngày đương nhiên là quan trọng, nhưng giới luật chế định trong kinh Phật chính là khuôn phép sinh hoạt của người Ấn Độ từ ba ngàn năm trước, chẳng phải là của Trung Hoa. Khuôn phép trong cuộc sống của người Hoa thì Nho gia đã có Lễ. Cổ thánh tiên vương chẳng dùng hình pháp để chế ngự đất nước, mà dùng Lễ để giữ yên đất nước. Vì thế, vào thời cổ, Trung Hoa thường xưng là “*lễ nghĩa chi bang*”, nước ấy dùng lễ nghĩa để trị quốc! “*Nghĩa*” là đạo đức, tức là dùng đức và Lễ, biểu hiện ra bên ngoài là Lễ, bên trong là đức. Đó là giáo dục truyền thống của Trung Hoa.

Phật pháp dùng Giới, Giới tương đương với Lễ của Nho gia. Do đó, chẳng có Lễ, sẽ chẳng có Nho; chẳng có Giới, sẽ chẳng có Phật! Tuy kinh Phật còn đó, nhưng chẳng có người học Phật! Người học Phật nhất định phải khởi sự bằng trì giới. Thật sự trì giới thì mới gọi là “*học Phật*”. Nếu không trì giới, hằng ngày tụng kinh, hằng ngày niệm Phật, sẽ kết duyên với Phật, chẳng thể coi là đệ tử Phật, chẳng thể coi là học Phật, chẳng thể đạt được công đức lợi ích thù thắng trong

Phật pháp. Do vậy, chúng ta hãy nghĩ xem, chúng ta chẳng phải là căn tánh thượng thừa, đúng là chẳng có phần!

Lại xem tới Giáo Hạ, dụng công từ kinh luận. Kinh luận quá nhiều, Tam Tạng mười hai phần giáo, chúng ta có thể đọc hết trong một đời này hay không? Bất luận kinh điển, sách vở của tông phái nào, đúng là đều mênh mông như khói lan tỏa trên mặt biển, sâu rộng không bờ bến! Chẳng phải là trong một thời gian ngắn, giống như đi học, [lần lượt học] Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, chẳng có chuyện mười năm hay hai mươi năm [mà thông hiểu trọn hết kinh sách nhà Phật]. Lại còn phải có một vị thầy tốt đẹp chỉ dạy, đồng học kề cận khích lệ, rèn giũa, dùi mài chẳng ngơi, phải mất mười năm hay hai mươi năm mới có thể đạt thành tựu, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Hiện thời, dầu bản thân quý vị có điều kiện ấy, nhưng chẳng tìm được thầy, mà cũng chẳng tìm thấy đồng học, cũng chẳng tìm thấy hoàn cảnh tu học [thuận tiện], ngoại duyên chẳng đủ!

Do vậy, trong thời kỳ Mật Pháp, Tịnh Độ Tông thù thắng! Vì sao? Kinh điển của Tịnh Độ Tông ít nhất, chỉ có sáu bộ. Kinh điển lớn nhất là kinh Vô Lượng Thọ, kinh điển ngắn nhất là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, ngắn nhất, còn ngắn hơn Tâm Kinh. Tâm Kinh là hai trăm sáu mươi chữ, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương hai trăm bốn mươi bốn chữ. Do vậy, kinh điển của Tịnh Độ Tông, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, và Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là năm kinh. Tịnh Độ Tông chỉ có năm kinh, còn có một bộ luận là Vãng Sanh Luận, chẳng dài! Năm kinh một luận in thành một quyển, vẫn là một tập sách hơi mỏng, thích hợp nhất đối với người hiện thời. Người hiện thời sợ quá nhiều, sợ quá khó! [Những kinh điển của Tịnh Độ] vừa ít lại dễ dàng!

Đương nhiên là đối với năm loại kinh ấy, quý vị đều học hết [cả năm] thì đương nhiên là rất tốt. Đối với sự lý, nhân quả, phương pháp, cảnh giới của Tịnh Độ, quý vị đều có thể hiểu rõ ràng, thấu triệt. [Đó là] chuyện tốt đẹp. Nếu chẳng đủ năng lực, không sao cả! Hãy học một thứ. Từ xưa tới nay, người chọn tu theo Phật Thuyết A Di Đà Kinh đông nhất, có thành tựu hay chẳng? Có chứ! Thành tựu rất thù thắng! Họ thành tựu như thế nào? Đầy đủ Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, tín tâm thành tựu. Họ có năng lực chọn lựa tốt đẹp, chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, chọn lựa kinh A Di Đà. Đây là quán sát. Họ có sức quán sát, có quán huệ. Biết căn tánh và hoàn cảnh của chính mình. Sự chọn lựa ấy được gọi là Dị Hành Đạo (đạo dễ hành). Trong hết thảy các pháp môn, pháp môn này dễ dàng nhất. Lại còn ôn hòa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất. Dầu chẳng có thầy chỉ dạy, vẫn chẳng sao hết, quý vị nhất tâm nhất ý nương cậy A Di Đà Phật là được rồi!

Nhưng ở đây, chư vị phải biết: Quý vị vẫn phải có đủ Thập Thiện Nghiệp! Chẳng có Thập Thiện Nghiệp, niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Kinh A Di Đà đã dạy rất rõ ràng: Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là “*chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ*” (các vị thượng thiện nhân đều nhóm họp một chỗ). Nếu chúng ta chẳng phải là bậc thượng thiện, làm sao có thể vãng sanh cho được? Dầu A Di Đà Phật từ bi tiếp dẫn quý vị sanh về đó, người bên ấy chẳng

tiếp nhận quý vị, quý vị làm như thế nào đây? Vì sao? Quý vị chẳng phải là thương thiện! Trong phần trước, chúng tôi đã nói: Thương Thiện Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ sanh thiên, [sanh vào] Dục Giới Thiên, đây là chuyện tuyệt diệu. Trọn đủ điều kiện sanh vào Dục Giới Thiên, người niệm Phật sẽ chắc chắn sanh về Tịnh Độ. Đối với chuyện này, những kẻ bình phàm như chúng ta nếu nghiêm túc nỗ lực một phen, sẽ có thể làm được!

Quý vị chọn lựa pháp môn này, chánh xác lắm! Hãy quay lại suy ngẫm những khuyết điểm của chính mình. Khuyết điểm là gì? Thập Ác; phải dùng Thập Thiện để đối trị những khuyết điểm ấy. Lúc chưa học Phật, không biết, thích ăn thịt, sát sanh. Nay đã hiểu “ăn thịt, sát sanh, chẳng thể sanh về thế giới Cực Lạc”. Quý vị đã phạm điều gì? “Không sát sanh”; quý vị phạm lỗi sát sanh. Chỗ nào cũng đều muốn chiếm đoạt chút tiện nghi của kẻ khác. Đây là trộm cắp. Chẳng thể buông cái tâm trộm cắp xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh. Có ý niệm trộm cắp, làm sao có thể vãng sanh cho được? Vì thế, chúng ta phải bỏ ý niệm chiếm tiện nghi của người khác, chớ nên có! Chớ nên có ý niệm tổn thương, làm hại chúng sanh. Đã chẳng có ý niệm, đương nhiên là sẽ chẳng có hành vi. Thế giới Tây Phương là thế giới thanh tịnh, nhất định phải đoạn tâm dục. Đồng tu tại gia vợ chồng kết hợp. Vì thế, đức Phật thường nói là “*không tà dâm*”. Ngoài vợ chồng là tà dâm. Tà dâm chẳng thể vãng sanh! Dẫu là vợ chồng, trong lúc vãng sanh, ý niệm dâm dục cũng phải đoạn. Hoặc là khi sanh bệnh bèn đoạn trừ, chẳng có ý niệm ấy nữa. Đây chính là điều kiện vãng sanh, rất quan trọng!

Chẳng nói dối, chẳng gạt người, nói lời thật thà. Trong xã hội hiện thời, rất nhiều đồng học nói với tôi: “Chúng ta nói thật sẽ bị thua thiệt, người khác luôn dối gạt chúng ta. Sao chúng ta có thể nói thật với kẻ khác cho được?” Vậy là tôi phải hỏi quý vị: Quý vị muốn đến thế giới Cực Lạc, hay là mong luân hồi trong lục đạo? Nếu muốn sanh về thế giới Cực Lạc, nhất định phải nói lời thật thà. Hiện thời bị thua thiệt đôi chút, chẳng sợ! Trong tương lai, ta sẽ đến thế giới Cực Lạc. Nếu hiện thời chẳng muốn bị thua thiệt, tức là vẫn muốn luân hồi, chẳng sanh về thế giới Cực Lạc trong đời này được! Hãy tính toán cho kỹ đi! Người học Phật chẳng sợ bị lừa, chẳng sợ bị thua thiệt, chẳng sợ kẻ khác lừa gạt mình! Ai có quả báo này. Kẻ khác lừa gạt ta, ta có biết hay không? Biết chớ! Nếu ta không biết, tức là ngu si, hồ đồ! Ta phải biết, nhưng chẳng ghim trong lòng; đó gọi là công phu! Hơn nữa, nhân quả của ai, kẻ đó sẽ thọ báo, rành rẽ, rõ ràng, vằng vặc phân minh. Kẻ đó đang mê, chẳng tỉnh ngộ, quý vị chẳng thể nói gì với họ. Hễ nói, kẻ đó sẽ ôm hận trong lòng. Dưới tình thế như vậy, chỉ đành mặc kệ kẻ đó, hẩn tự làm, tự chịu. Trong tương lai bị quả báo, kẻ đó sẽ giác ngộ, quay đầu, ta lại đến độ kẻ ấy, lại đến giúp kẻ ấy. Trong một đời này, chúng ta quyết định nắm vững Tịnh Độ, điều này quan trọng hơn bất cứ chuyện gì khác! Vì thế, quyết định chẳng thể lừa gạt kẻ khác. Trong và ngoài như một, quý vị sẽ tự tại, vui sướng, chẳng có mây may hư ngụy nào!

Chẳng nói dối chiều: Nói dối chiều tức là đâm bị thóc, chọc bị gạo. Trước mặt Trương Tam bảo Lý Tứ nói xấu người, trước mặt Lý Tứ nói Trương Tam nói xấu người, khiến cho hai người ấy chẳng hòa hợp. Đó là “nói dối chiều”. Phá hoại

gia đình của kẻ khác, phá hoại đoàn thể của người ta, phá hoại tình hữu nghị của người khác, phá hoại chuyện lành của người khác. Nhân quả ấy rất ư là nặng nề, trong giới kinh đã dạy rất rõ ràng.

Chẳng nói thù dật: Nói thù dật tức là hoa ngôn, xảo ngữ, nói nghe hết sức êm tai, nhằm mục đích gạt người, khiến cho người khác mắc lừa!

Ác khẩu: Ăn nói thô lỗ, thái độ không tốt, khiến cho người khác nghe xong, trong tâm cảm thấy khó chịu.

Chúng ta có phạm những khuyết điểm ấy hay không? Nếu có, phải sửa ngay lập tức, sửa ngay trong cuộc sống hằng ngày. Phản tỉnh mỗi ngày, sửa đổi mỗi ngày! Trong ý thức, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Đó gọi là Thập Thiện Nghiệp.

Vì thế, khuyết điểm của chúng ta là Thập Ác, điều thiện của chúng ta là Thập Thiện. Phải dùng phương pháp gì để đối trị tập khí tật xấu của chúng ta, khiến cho chúng ta tu hành có thể đạt đến hiệu quả thật sự? Đối với một người thật sự phát tâm tu hành, thật sự mong vãng sanh Tịnh Độ ngay trong một đời này, điều này quá trọng yếu! Do vậy, trong mấy năm gần đây nhất, chúng tôi đặc biệt đề xướng Đệ Tử Quy, do nguyên nhân nào? Đệ Tử Quy là giới luật, giới luật cơ bản! Mục đích là gì? Mục đích nhằm dạy người ta làm người tốt. Do chúng ta chẳng làm được Thập Thiện, vì sao chẳng thể thực hiện Thập Thiện? Chẳng thực hiện Thập Thiện, sẽ không có cách nào tiến nhập Phật môn. Quý vị thấy trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, đức Phật đã dạy: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*, [đó là] điều đầu tiên. Quý vị làm được trọn vẹn điều này thì mới có thể *“thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*. Thọ Tam Quy mới nhập Phật môn. Vì thế, Thập Thiện Nghiệp là cơ sở phải hội đủ trước khi tiến nhập Phật môn, mà cũng là điều kiện cơ bản để tiến nhập Phật môn. Mở kinh Phật ra, mọi người đều thấy [từ ngữ] *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, đó là có tiêu chuẩn, chẳng phải là nói tùy tiện. Thập Thiện Nghiệp Đạo quý vị thấy đều làm được thì mới là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*. Nếu quý vị chẳng làm được, thôi rồi! Làm được thì mới coi là thiện nam tử, thiện nữ nhân, hy vọng chúng ta phải đặc biệt chú ý [điều này]!

Vì sao không làm được? Vì chúng ta chẳng có nền tảng thiện! Nền tảng thiện được kiến lập từ nơi đâu? Kiến lập từ Đệ Tử Quy. Nay chúng ta chẳng dùng giới luật Tiểu Thừa, mà dùng Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy thay thế Tiểu Thừa. Chớ nên không coi trọng điều này, chớ nên không học cho kỹ. Vì thế, tôi khuyên mọi người phải hạ quyết tâm, dùng thời gian một năm để thực hiện Đệ Tử Quy. Nó có tất cả ba trăm sáu mươi câu. Thật sự làm được, quý vị chính là thiện nhân, là bậc thiện nhân trong thế gian. Dùng cơ sở ấy để tu Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó. Nói cách khác, quý vị có thiện căn. Đệ Tử Quy là thiện căn. Quý vị đã có thiện căn, học Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng rất dễ dàng. Có cơ sở Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị thọ trì Tam Quy, năm giới, mười giới chẳng khó, thật sự có thể làm được. Xuất gia thì quý vị có thể thực hiện Sa Di Luật Nghi. Những điều khác chúng tôi không bàn tới, quá cao; [chỉ bàn tiêu chuẩn] thấp nhất là Sa Di Luật Nghi. Người xuất gia chân chánh [sẽ được] chư Phật hộ niệm, long thiên

che chở! Điều này có nghĩa là quý vị phải dùng trí huệ để quán sát, chọn lựa pháp môn, biết căn tánh của chính mình, mà cũng có thể giúp đỡ người khác. Đối với chính mình, đối với người khác, trong hết thấy sự lý, nhân quả, thấy đều hiểu rõ ràng, thấy đều hiểu minh bạch. Có năng lực ấy, quý vị thấy trong xã hội hiện thời có quá nhiều tình trạng xấu xa, người khác thỉnh giáo quý vị, xin quý vị giúp đỡ, quý vị thật sự có thể giúp họ giải quyết vấn đề. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Tiếp theo là câu thứ tám, Xa-ma-tha Lực, và câu thứ chín là Tỳ-bát-xá-na Lực, hai danh từ này đều là tiếng Phạn. Xa-ma-tha (Śamatha) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chỉ (止, ngưng dứt), Thanh Lương đại sư chú giải:

(Sớ) Xa-ma-tha, thử vân Chỉ, cửu, Tỳ-bát-xá-na, thử vân Quán.

(疏)奢摩他，此云止，九，毘鉢舍那，此云觀。

(Sớ: Xa-ma-tha cõi này dịch là Chỉ; điều thứ chín là Tỳ-bát-xá-na, cõi này dịch là Quán).

Chỉ Quán! Trong pháp Đại Thừa, như Hoa Nghiêm Tông, Thiên Thai Tông đều tu Chỉ Quán. Do vậy, hai danh từ này trong kinh điển được nói rất nhiều, nói rất cặn kẽ. Trước tiên, chúng tôi giải thích theo cách phổ biến, thông thường, Chỉ là gì, Quán là gì, giới thiệu đơn giản, dễ hiểu. Sau đây, chúng ta mới xem lời giải thích “*Xa-ma-tha lực, Tỳ-bát-xá-na lực*” của Thanh Lương đại sư trong Sớ Sao, hãy chú trọng chữ Lực. Nay chúng tôi nói về những danh từ này trước đã!

Chỉ Quán, tiếng Phạn là Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na (Śamatha Vipassanā), có nghĩa là “*Chỉ Quán, Định Huệ, Tịch Diệu, Minh Tĩnh*”. Từ bốn danh từ ấy, chúng ta cũng có thể lãnh hội ý nghĩa của nó. Chỉ là Định, là Tịch, là Tĩnh (Tĩnh trong Ninh Tĩnh, 寧靜); đây là Chỉ. Quán là Huệ, là Diệu, là Minh, dùng bốn chữ như vậy để giải thích, ý nghĩa cũng rất sáng tỏ. [Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo giảng] “*Chỉ giả, đình chỉ chi nghĩa, đình chỉ u đế lý bất động dã. Thử tự năng chỉ nhi đắc danh*” (“Chỉ” có nghĩa là ngưng lại. Ngưng trụ nơi đế lý bất động. Đây là nói theo khía cạnh “có thể ngưng dứt” mà lập ra danh xưng ấy). Vì sao gọi là Chỉ? Chính là [nói về] cái tâm của chúng ta, Nho gia nói là “*chỉ u chí thiện*” (ngưng trụ nơi chỗ an lành tốt bậc), đã biết Chỉ rồi sau đó sẽ có Định. Đã Định thì sau đó sẽ có thể Tĩnh. Sau khi đã Tĩnh, bèn có thể An. Đã An rồi sẽ có thể Lực; đã có thể Lực bèn có thể Đắc. Do vậy, biết Chỉ hết sức quan trọng! “*Chỉ*” ở chỗ nào? “*Chỉ*” nơi chân lý. Nay chúng ta gọi “*đế lý*” (諦理) là chân lý, chúng ta phải an trụ nơi chân lý. Quyết định chẳng hoài nghi, quyết định chẳng dao động. Đây là công phu Chỉ. Vì thế, trong Giáo Hạ, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa xác thực là an trụ nơi chân lý. Chân lý là gì? Là tự tánh, mà cũng là Pháp Tánh; tâm an trụ nơi ấy, quyết định chẳng bị lay động. Vì thế, Chỉ là do có thể ngưng trụ mà thành lập tên gọi.

“*Hựu chi tức chi nghĩa, chi tức vọng niệm dã, thử tự sở quán nhi đắc danh*” (Lại nữa, nó còn có nghĩa là ngưng dứt, ngưng dứt vọng niệm. Đây là dựa theo đối tượng được quán mà đặt tên). “*Chi*” gì vậy? Ngưng dứt vọng niệm. Công phu sơ học phải thực hiện từ chỗ này. Nếu chia nhỏ vọng niệm ra, sẽ là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy đều là vọng niệm! Nói thật ra, hễ có niệm đều là vọng, vô niệm cũng là vọng. Chuyện này khó hiểu, mà cũng khó thể diễn tả. Hễ có niệm thì đều là vọng. [Bởi lẽ], có niệm thì quý vị luôn rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đương nhiên là vọng niệm. Vô niệm bèn dừng nơi vô minh, vẫn là một vọng niệm. [Chư thiên trụ trong] Vô Tướng Định thuộc Tứ Thiên Thiên là những vị trời ngoại đạo, họ chẳng phải là [tu tập] Chỉ Quán thật sự. Họ đã hiểu lầm ý nghĩa Chỉ Quán, lầm tưởng Vô Tướng Định là cảnh giới tu hành cao nhất, tưởng đó là cảnh giới Niết Bàn bất sanh, bất diệt. Chư thiên thuộc Tứ Không Thiên cũng hiểu lầm điều này, coi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên là đã đạt đến rốt ráo, trọn chẳng biết: Sau khi công phu định lực mất đi, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, không thoát ra được! Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Chỉ Tức trọng yếu, quá u quan trọng! Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối vọng niệm quá nhiều. Vọng niệm là phiền não; do vậy, tâm chẳng thể thanh tịnh. Tu hành trong Tịnh Độ Tông là tu điều gì? Tu cái tâm thanh tịnh. Quý vị chẳng ngưng vọng niệm được, tâm thanh tịnh hiện tiền bằng cách nào? Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, quý vị nắm chắc vãng sanh Tây Phương; đây chính là “*tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”. Đối với vọng niệm, phải đồ công dốc sức từ chỗ nào? Hãy bắt đầu bằng chấp trước. Trước hết, hãy học chẳng chấp trước đối với hết thảy các pháp. Cá nhân đã chẳng chấp trước, đối với chuyện thuộc về công cộng hay thường trụ, có cần chấp trước hay không? Sự việc trong thường trụ phải có quy củ thường hằng, ấn định một quy củ, mọi người đều có thể tuân thủ, đây chính là “*chi u quy củ*” (an trụ trong quy củ). Vì kẻ sơ học, đức Phật chế định giới luật, vì kẻ mới học Nho mà [những bậc tiên nho] chế định các lễ pháp, giống như học trò trong nhà trường có nội quy học tập, ai nấy ắt đều phải tuân thủ, quý vị nhất định phải an trụ tại một nơi. Vì thế, biết Chỉ rất quan trọng! Trong ba loại đại phiền não, trước hết, chúng ta phải ngưng dứt Kiến Tư phiền não, đó là chấp trước. Nếu tiến thêm bước nữa, chúng ta ngưng dứt phân biệt. Hết thảy phân biệt đối với pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng phải là thật tại, đều là hư vọng, vọng niệm! Cuối cùng là gì? [Ngưng dứt] khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm cũng là vọng niệm.

Kế đó, [từ điển Phật học] nói về Quán: “*Quán giả, quán đạt chi nghĩa*” (Quán là quan sát đến mức thấu đạt). “*Quán*” (觀) là quan sát, “*đạt*” (達) là thông đạt. Quý vị quan sát bèn thông đạt. “*Quán trí thông đạt, khế hội Chân Như dã. Thử tự năng quán nhi đắc danh*” (Quan sát cho đến mức thông đạt, khế nhập, dung hội Chân Như. Đây chính là dựa theo chủ thể có thể quán mà đặt tên). Do vậy, Chỉ và Quán có sai biệt. Chỉ là như như bất động, Quán là rành mạch, rõ ràng. Cổ nhân dùng nước để tỷ dụ, Chỉ là gió yên, sóng lặng. Trong trạng huống nước chẳng bị sóng gió, sẽ giống như một tấm gương. Quán là gì? Chiếu soi các phong cảnh trên bờ rành rành, giống như một tấm gương soi rành mạch vậy!

Tâm Phật, Bồ Tát giống như thế đó. Tâm [các Ngài] như nước lặng. Đây là Chỉ. Soi thấu muôn pháp, đây là Quán. Tâm thủy của bọn phàm phu chúng ta chẳng ngưng lặng, luôn cuộn sóng. Lục đạo phàm phu là sóng to, gió lớn; tứ thánh pháp giới là gió nhỏ, sóng nhẹ. Trong khi chúng ta gió to, sóng lớn, cảnh quan ở hai bên bờ chiếu vào trong những con sóng to, sẽ vỡ thành những mảnh nhỏ, có chiếu soi hay không? Vẫn chiếu, nhưng nát vụn, quý vị chẳng thấy được toàn thể! Vì thế, sóng càng nhỏ, càng soi rõ hơn. Khi hoàn toàn chẳng có sóng gió, giống như tấm gương. Hoàn toàn chẳng có sóng gió, chính là cảnh giới nơi quả địa của Phật. Sóng gợn lăn tăn, chúng ta chẳng nhìn thấy, chẳng cảm nhận được, đó chính là Thập Địa Bồ Tát, sóng gợn nhẹ nhẹ. Thập Hồi Hương Bồ Tát sóng lại to hơn một chút. Thập Hạnh, Thập Trụ Bồ Tát gợn sóng to hơn các vị ấy một chút, nhưng vẫn có thể thấy rất rõ ràng, chẳng sai lầm! Đương nhiên là chẳng rõ ràng như những vị Bồ Tát thuộc địa vị cao hơn những vị này, nhưng đã hiểu rõ khá rõ ràng. Đức Phật bảo: A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định; vì thế, cảnh giới của các Ngài là Chánh Giác, cũng có nghĩa là chẳng nhìn sai hết thấy các vấn đề. Tuy Chỉ Quán của các Ngài chưa phải là mười phần, đại khái cũng được sáu, bảy phần. Vì thế, thấy vũ trụ và nhân sinh rất rõ ràng, chẳng phạm sai lầm quá lớn.

“Hưu quán xuyên chi nghĩa, trí huệ chi lợi dụng, xuyên tạc phiền não nhi diễ diệt chi dã” (Lại có nghĩa là xuyên suốt. Do tác dụng nhạy bén của trí huệ đã đục thủng phiền não, diệt trừ hết sạch). Thật ra *“diễ diệt”* (殄滅, diệt trừ hết sạch) ở đây chính là chuyển phiền não thành Bồ Đề. Đây là Chỉ Quán. *“Chỉ”* là không chế vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng để cho chúng nó dấy lên tác dụng. Huệ hiện tiền, trí huệ hiện tiền, đây là Quán. *“Quán”* chuyển biến phiền não thành trí huệ. Bồ Đề là trí huệ, chẳng có phiền não, trí huệ hiện tiền. Chúng ta thường nói *“giảm thiểu phiền não một phần, tăng trưởng trí huệ một phần; phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng”* chính là ý nghĩa này. Nói thật ra, phiền não và trí huệ là một Thể, một Thể mà có hai mặt. Một mặt là bất giác, là phiền não; mặt kia là giác. Giác chính là Bồ Đề, mê chính là phiền não, chúng là một, không hai. Làm thế nào để hóa phiền não thành Bồ Đề? Chỉ Quán là một phương pháp xảo diệu.

Chỉ Quán cũng là nói theo nguyên lý và nguyên tắc; chúng ta niệm Phật có phải là tu Chỉ Quán hay không? Phải chứ! Quý vị thấy vị đường chủ trong Niệm Phật Đường thường nhắc nhở mọi người: *“Buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật”*. *“Buông xuống muôn duyên”* là Chỉ, *“nhất tâm niệm Phật”* là Quán. Niệm Phật hiệu rành mạch, rõ ràng, chẳng niệm trật chữ nào, chẳng niệm đảo lộn chữ nào, Quán đây! Niệm Phật cũng là tu Chỉ Quán, [chỉ là] phương pháp khác với Tông Môn và Giáo Hạ. Chúng ta dùng phương pháp Trì Danh để tu Chỉ Quán, phải hiểu điều này! Quý vị đã hiểu rõ, đối với các pháp môn khác, tâm quý vị đã định, sẽ chẳng còn hâm mộ, sẽ chẳng chán cũ, chuộng mới! Nếu có tâm thái như vậy, hôm nay học pháp môn này, ngày mai lại đổi sang pháp môn khác, suốt cả một đời vẫn chẳng thể thành tựu! Muôn thành tựu, quyết định là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Quý vị thật sự Chỉ, Huệ sẽ thật sự hiện tiền. Đây mới là khởi tác dụng.

“*Nhược tỳu sở tu chi phương tiện nhi ngôn, tắc Chỉ thuộc ư Không môn, Chân Như môn, duyên vô vi chi Chân Như nhi viễn ly chư tướng dã*” (Nếu nói theo phương tiện tu tập, Chỉ thuộc về Không Môn, Chân Như môn, vì nó duyên theo Chân Như vô vi để xa lìa các tướng). Đây là quý vị đã thật sự biết Chỉ. Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Khi tôi mới học Phật, đã hướng về Chương Gia đại sư thỉnh giáo. Tôi thưa: “Con biết Phật pháp thù thắng, có phương pháp nào khiến cho con có thể khế nhập rất nhanh hay không?” Tôi nêu câu hỏi ấy. Chương Gia đại sư trầm mặc rất lâu, Ngài nhìn tôi chăm chú, chẳng nói một câu nào, gần như là nửa tiếng đồng hồ. Do như vậy, tinh thần và ý chí của tôi hoàn toàn tập trung, nghe Ngài khai thị, tâm đã định. Ngài quan sát thấy tâm tôi đã định, chẳng có vọng niệm rồi Ngài mới cất lời. Nói với quý vị khi cái tâm của quý vị hời hợt, bộp chộp, sẽ vô dụng, quý vị sẽ chẳng nhớ kỹ, mà cũng chẳng coi trọng! Vì thế, phương pháp của Ngài hết sức cao minh!

Trầm mặc lâu như thế, sau đấy, Ngài buông một chữ Có! Tôi cũng rất chú ý, Có, động tai lên nghe, Ngài lại chẳng nói gì nữa! Trầm mặc lần này thời gian ngắn hơn, chưa đến năm phút. Ngài nói sáu chữ, nói hết sức chậm: “*Khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (Thấy thấu suốt, buông xuống), tôi nói với tốc độ mau, chứ tốc độ của Ngài rất chậm. Chúng tôi tuổi trẻ, chẳng có sự tu dưỡng như Ngài, nghe sáu chữ ấy, lập tức có phản ứng: Tôi có thể lãnh hội ý nghĩa của sáu chữ ấy, nhưng thực hiện từ đâu? Thầy lại trầm mặc mấy phút, buông ra hai chữ: “Bồ thí”. Tôi gặp mặt Ngài lần đầu, gần như là hai tiếng đồng hồ, gần như là đều đang tĩnh tọa, khiến cho cái tật hời hợt, bộp chộp của tôi thấy đều thâm liễm. Vì thế, khi ấy, tôi hiểu được chỗ hết sức cao minh của phương pháp giáo học ấy, suốt một đời từ đây trở đi, chẳng hề gặp [vị nào có cách dạy như vậy]! Lời nói đơn giản, hữu lực, khiến cho quý vị vĩnh viễn chẳng quên lãng! Bởi lẽ, “*thấy thấu suốt, buông xuống*” chính là Chỉ Quán. Ngài thay đổi cách nói. Nếu Ngài nói Chỉ Quán, chúng tôi sẽ không hiểu. Nói Chỉ là gì, Quán là gì, hay lắm, nhưng tốn công. Đây là trí huệ chân thật!

Nói theo phương tiện tu hành, quý vị hãy xem câu hỏi của tôi, thực hiện từ chỗ nào? Bồ thí. Bồ thí là buông xuống; buông xuống là Chỉ. Vì sao bảo quý vị phải buông xuống? Kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”; quý vị chấp trước nó, phân biệt nó, sai mất rồi! Hết thấy đều buông xuống, hết thấy đều ngưng dứt, tâm của quý vị là định. Vì thế nói: “*Chỉ thuộc ư Không môn, thuộc ư Chân Như môn*” (Chỉ thuộc về Không môn, Chân Như môn). Chân Như chẳng có tướng. “*Chân*” là nói tới chân tánh, Pháp Tánh. Nó là chân thật, có thể hiện hết thấy các tướng. “*Như*” là Pháp Tướng, tức là hết thấy các tướng được hiện ra. Năng và Sở là một, không hai, gọi là Chân Như. Chân tánh trọn đủ trí huệ và đức tướng. Chân tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Nó có thể hiện tướng, cái được hiện là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, nay chúng ta nói là “hết thấy các hiện tượng thuộc về vũ trụ và nhân sinh”. Đây là Pháp Tướng. Pháp Tướng do đâu mà có? Do Pháp Tánh biến hiện ra. Pháp Tánh vốn có trí huệ và đức tướng, bất sanh, bất diệt. Tướng Phần do nó

(Pháp Tánh) biến hiện, tức là trong các tướng đã hiện ấy, có những thứ trí huệ và đức tướng vốn sẵn có trong Pháp Tánh như vậy hay không? Có chứ! Tánh và Tướng như một, Tánh và Tướng chẳng hai!

“*Duyên vô vi chi Chân Như nhi viễn ly chư tướng*” (Do duyên theo Chân Như vô vi mà xa lìa các tướng), “*viễn ly*” ở đây là không chấp trước. Không chấp trước, chẳng phân biệt. Trong hết thấy các tướng, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là Chỉ. Có các tướng hay không? Chẳng thể nói là Có, chẳng thể nói là không có! Nếu quý vị nói “nó chẳng có” ư? Tướng tồn tại! Nếu quý vị bảo “nó là Có”, bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được! Vì thế, Phật pháp gọi Có là Diệu Hữu, Diệu Hữu mà chẳng có; gọi Chân Như là Chân Không, Chân Không chẳng không. Nó có thể hiện tướng. Tướng đã hiện mà chẳng có tự thể, đúng là mâu nhiệm chẳng thể diễn tả! Đây là Tánh. Vì thế, người khế nhập Đại Thừa biết hết thấy các tướng đã được hiện trong vũ trụ chính là Pháp Tánh, là Chân Như. Ở chỗ nào? Người khai ngộ trong Tông Môn lấy bất cứ một pháp nào, chẳng có pháp nào không phải là [Pháp Tánh], đúng như thế đó.

Lấy bất cứ một pháp nào, nó có Tánh Đức hay không? Có chứ; bởi lẽ, muôn sự muôn vật đều có linh tánh. Hiện thời, điều khó có là tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng phương pháp khoa học để làm thí nghiệm. Ông ta thí nghiệm thấy khoáng vật, nước thuộc loại khoáng vật, nó có thấy, nghe, hay, biết. Thấy, nghe, hay, biết chính là Tánh Đức. Nước có thể thấy, có thể nghe, hiểu ý nghĩ của con người, tùy theo tâm ý của con người mà hiện ra cảnh giới bất đồng. Cho thấy mỗi một nguyên lý khác nhau trong y báo và chánh báo trang nghiêm đều được tỏ lộ. Tâm hạnh của chúng sanh trong mười pháp giới khác nhau; vì thế, sắc tướng không giống nhau. Sắc, thanh, hương, vị khác nhau. Tâm địa thanh tịnh, thiện lương, sắc, thanh, hương, vị sẽ hết sức đẹp đẽ. Tâm hạnh chẳng thiện lương, sắc, thanh, hương, vị đều rất xấu xí. Nếu chúng ta thật sự tham cứu thấu đạt đạo lý này, chúng ta muốn tu tướng hảo, muốn tu cho thân thể khỏe mạnh, quý vị sẽ hiểu, sẽ biết cách tu như thế nào! Tu thiện tâm, thiện ý, thiện niệm, thiện ngữ, thiện hạnh, không có gì là bất thiện, như vậy thì tướng mạo của quý vị sẽ giống như Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng có gì bất thiện. Thân thể quý vị cũng giống như thân Phật, Bồ Tát, kim cang bất hoại thân! Do vậy, nếu quý vị hiểu đạo lý, sau đây, quý vị sẽ biết tu như thế nào. Tu hành vẫn chẳng lìa nguyên tắc này của Chỉ Quán.

Kê đó, [Phật Học Từ Điển] chép: “*Quán giả thuộc u Hữu Môn, sanh diệt môn*” (Quán thuộc về Hữu môn, thuộc về Sanh Diệt Môn). Quán là gì? Quán Hữu! Có tướng thì quý vị mới có thể quán. Quý vị chẳng có cách nào quán Chân Như! Chân Như chỉ có Chỉ, quý vị mới có thể lãnh hội, chứ chẳng có cách nào quan sát. Quán là gì? Pháp tướng. Pháp tướng là Hữu môn, Hữu là có sanh diệt. “*Không*” là chẳng có sanh diệt. Bởi lẽ, Pháp Tánh chẳng có sanh diệt, pháp tướng có sanh diệt. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là pháp tướng. “*Duyên hữu vi chi sự tướng nhi phát đạt trí giải*” (Duyên theo sự tướng hữu vi mà phát khởi, đạt đến trí giải). Quán là duyên theo sự tướng hữu vi. Hữu vi là có sanh diệt; bởi lẽ, nó là Sự, là tướng, trọn khắp pháp giới, hư không giới.

Từ những sự tướng ấy, chúng ta nói đến sự khai ngộ. “*Phát đạt*” (發達) là khai ngộ, trí giải! “*Phát đạt trí giải*” chính là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, nói theo giáo pháp Đại Thừa, nó thuộc loại Hậu Đắc Trí. Chỉ thuộc về Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là Chỉ, Hậu Đắc Trí là Quán.

“*Nhược tự sở tu chi thứ đệ nhi ngôn, tặc Chỉ tại tiên, tiên phục phiền não, Quán tại hậu, đoạn phiền não, chánh chứng Chân Như*” (Nếu nói theo thứ tự tu tập thì Chỉ ở trước, [tức là] trước hết chế phục phiền não, Quán ở sau, đoạn phiền não, thật sự chứng nhập Chân Như). Có thứ tự ấy! Chương Gia đại sư dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi hỏi Ngài thực hiện từ chỗ nào? Bồ Thí. Bồ Thí là buông xuống; trước hết là thực hiện từ Chỉ, có thứ tự ấy. Vì sao? Nếu quý vị chẳng Chỉ, tâm quý vị sẽ loạn. Cái tâm tán loạn làm sao có thể sanh ra trí huệ cho được? Há có năng lực Quán? Vì thế, trước hết, ắt phải biết Chỉ, vì Chỉ giúp quý vị chế phục phiền não. Ví như trong cuộc sống hằng ngày, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, khởi tâm động niệm. Ta ưa thích thứ này, rất mong có được nó. Ý niệm ấy vừa dấy lên, chúng ta hãy ngẫm xem có cần bắt buộc phải có thứ ấy hay không? Nếu chẳng phải là thứ ắt cần [phải có], có thể không cần đến, hãy chế phục ý niệm tham của chính mình. Tuy ra chợ nhìn ngắm, thấy trong chợ muôn hình muôn vẻ, mắt thấy đủ thứ chói lòa, thấy rành mạch, rõ ràng, rành rẽ, phải Chỉ. Thấy xong sẽ như thế nào? Như như bất động, chẳng dấy lên tham, sân, si, mạn. Đây là Chỉ, đây là công phu.

Vì vậy, thật sự dụng công, trước hết là Chỉ, hãy học Chỉ, tức là học chẳng bị lay động bởi cảnh giới, chẳng bị cảnh duyên dụ hoặc, quý vị học công phu ấy trước. Cảnh giới tốt đẹp, chẳng khởi tham dục. Cảnh giới chẳng tốt, không sanh sân khuê. Đây là tu Chỉ. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng dấy lên tham, sân, si. Lại thêm hai thứ vào sau đó nữa, sẽ thành tham, sân, si, mạn, nghi. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, chẳng dấy lên tham, sân, si, mạn, nghi. Đây là Chỉ. Công phu luôn luyện trong cuộc sống hằng ngày, rèn luyện công phu của quý vị, quý vị phải thật sự tu hành! Quán là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều hiểu rành mạch, rõ ràng, chẳng chấp lấy tướng, như như bất động, [tức là] trong ấy có Quán. “*Chỉ*” là chế phục phiền não; Quán là khai trí huệ, đoạn phiền não. Đoạn phiền não sẽ chứng Chân Như. Vì sao? Phiền não là Chân Như, Tánh và Tướng là một, Sự và Lý chẳng hai! Quý vị biết phiền não là Chân Như, chẳng còn phiền não nữa. Đây chính là thật sự tu hành.

Tôi vừa mới nói, Tịnh Tông dùng một câu Phật hiệu, nhất định phải hiểu rõ: Ngay trong cuộc sống, trong công việc hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, phiền não vừa mới động, phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, tức là bầy mọi tình cảm! Những ý niệm ấy dấy lên, tức là phiền não dấy lên hiện hành! Cổ đại đức thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Tham, sân, si, mạn là phiền não, mừng, giận, buồn, vui... là thất tình. Phiền não và thất tình vừa mới dấy lên, đó là ý niệm thứ nhất, ý niệm thứ hai bèn là “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Một câu Phật hiệu xóa sạch vọng niệm ấy, chế phục nó. Chỉ Quán đây nhé! Chế phục vọng niệm là Chỉ; sáu chữ hồng danh

rành rẽ, rõ ràng, nhắc nhở chính mình, đó là Quán. Trong Niệm Phật có Chỉ và Quán!

Chỉ Quán là Thiên Định. Thiên Định là Định và Huệ cân bằng. Chỉ Quán hợp lại, Chỉ Quán chẳng hai, đó gọi là Thiên Định. Chỉ Quán như một, Quán ở trong Chỉ, Chỉ ở trong Quán. Cổ đức có một tỷ dụ rất hay: “*Chỉ phục vọng niệm, thí như ma kính. Ma dĩ, tắc kính thể ly chư cấu*” (Chỉ là chế phục vọng niệm, ví như mài gương. Đã mài thì Thể của gương sẽ lìa các chất nhờn), giống như đoạn Hoặc. Ở chỗ này, chúng ta phải hiểu, vì đối với người hiện thời, họ không hiểu vì sao phải mài gương? Gương hiện thời làm bằng thủy tinh, rất tiến bộ, chẳng cần phải mài! Thuở xưa, chưa phát minh ra thủy tinh; thời cổ dùng gì để làm gương? Đồng! Gương đồng cũng làm rất tinh xảo. Nếu quý vị có dịp đến thăm viện bảo tàng, sẽ có thể thấy gương đồng. Một mặt là gương, được chế tác rất tinh xảo, làm bằng đồng. Mặt kia tức là mặt sau của gương có hoa văn, cũng thường khắc những câu cách ngôn nhằm cảnh tỉnh chính mình; mặt đối diện là gương. Gương để lâu sẽ đóng bụi bặm, có teng đồng, khi quý vị soi, sẽ chiếu soi [hình ảnh] không rõ ràng cho lắm! Do vậy, ắt phải thường xuyên mài bóng. Vì thế nói “*ma kính*” (mài gương), càng mài càng sáng. Mài sạch những thứ dơ bẩn nơi mặt gương, chuyện này giống như đoạn Hoặc. Sau đây, cầm gương để soi, sẽ giống như gương [thủy tinh trong hiện thời]. Quý vị soi bóng [những hình tượng] bên ngoài rành rẽ, phân minh. “*Năng hiện vạn tượng*” (Có thể hiện ra muôn hình tượng), điều này giống như chứng Lý, “*thị tức Quán dã*” (đấy chính là Quán). Mài sạch những chất nhờn khỏi Thể của gương, đấy là Chỉ. Khi gương khởi tác dụng Chiếu, sẽ Quán. Quán thuộc về Huệ, Quán có thể chứng Lý.

“*Nhược chân Chỉ, chân Quán, tất vi bất nhị*” (Nếu là Chỉ và Quán thật sự, ắt sẽ chẳng hai). Đây là tỷ dụ chúng giống như gương. Thể của gương là Chỉ, khởi tác dụng chiếu là Quán. Chúng nhất định chẳng hai! Lại xem một sự thật: “*Pháp Tánh tịch nhiên thị Chỉ, Pháp Tánh thường chiếu thị Quán*” (Pháp Tánh vắng lặng là Chỉ, Pháp Tánh thường chiếu là Quán). Đây là chân lý của vũ trụ. Trong các khóa giảng trong quá khứ, chúng tôi đã nói về Pháp Tánh rất nhiều! Pháp Tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chúng ta đều chẳng thể tiếp xúc được, kinh Phật nói là “*chẳng duyên được*”. Thứ thứ sáu là Ý Thức chính là tư tưởng, chẳng tưởng được, mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe, mũi chẳng ngửi thấy, lưỡi chẳng nếm được, thân chẳng tiếp xúc được, tâm cũng chẳng tưởng được! Nó (Pháp Tánh) thật sự có, nó tồn tại, nó có thể hiện, hiện gì vậy? Hiện ra hư không, hiện ra thế giới. Tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều do nó biến hiện, nó có thể hiện! Nó có thể hiện ra tinh thần, có năng lực hiện ra vật chất. Tinh thần và vật chất thảy đều do Pháp Tánh biến hiện.

Pháp Tánh vắng lặng, nó như như bất động, trước nay chẳng động, chính là Chỉ. Tuy nó vắng lặng, nhưng nó lại thường chiếu. Thường chiếu là Quán. Nói cách khác, chẳng có gì nó không hiểu rõ; chẳng có gì nó không thông đạt. Đây là Quán. Quán thuộc về Huệ, Tịch thuộc về Định. Chân Chỉ, chân Quán nhất định là chẳng hai! Vì thế nói chân Quán nhất định là vắng lặng, trí huệ thật sự nhất

định là như như bất động. “*Chân Quán tất tịch nhiên, cố Quán tức Chỉ. Chân Chỉ tất minh tịnh*” (Chân Quán ắt vắng lặng; vì thế, Quán chính là Chỉ. Chân Chỉ ắt sáng suốt, thanh tịnh). Chân Chỉ tất nhiên là hiểu rõ, tất nhiên là thanh tịnh. Thanh tịnh là chẳng có mây may ô nhiễm. “*Cố Chỉ tức Quán dã*” (Vì thế, Chỉ tức là Quán). Vì lẽ này, mối quan hệ giữa Chỉ và Quán là một, không hai. Chỉ là Thể, Quán là Dụng; Quán là Thể, Chỉ là Dụng. Hai thứ ấy có thể làm Thể và Dụng lẫn cho nhau. Tịch chính là Chiếu, Chiếu tức là Tịch. Chỉ là Quán, Quán là Chỉ, là một, không hai. Chỉ Quán thật sự [là như thể đây]!

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta tu hành, quý vị hiểu đạo lý này, hiểu phương pháp này, nguyên lý và nguyên tắc được vận dụng vào chỗ nào? Dùng ngay trong cuộc sống hằng ngày, dùng vào công việc, dùng trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Tâm địa thanh tịnh, quang minh. Thanh tịnh là Chỉ, quang minh là Quán. Thanh tịnh là Định, quang minh là Huệ. Vì lẽ này, Lục Tổ Huệ Năng gặp Ngũ Tổ, đã thưa với Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Quý vị có hiểu câu nói ấy hay không? Nếu quý vị đã hiểu đạo lý Chỉ Quán, quý vị sẽ hiểu rõ [hàm nghĩa trong câu nói ấy]. Tâm Lục Tổ như nước lặng, đối với cảnh giới bên ngoài xác thực là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*”. Chẳng có gì Ngài không hiểu rõ, chẳng có gì Ngài không thông đạt. “*Thường sanh trí huệ*” có nghĩa là chẳng sanh phiền não, chẳng dấy lên sự dấn nhiễm. Đây là công phu của Ngài!

Đoạn này nhằm giới thiệu [Chỉ Quán theo cách hiểu] thông thường. Trong buổi học sau, chúng ta lại xem cảnh giới của Thanh Lương đại sư trong phẩm kinh này, xem lão nhân gia giảng giải về Chỉ Quán. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 1480

Chư vị đồng học xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Đối với đoạn kinh văn này, trong phần trước, chúng ta đã học đến Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Đây là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán sẽ là Chỉ Quán. Trong phần trước, chúng tôi đã thưa trình cùng quý vị cách giải thích danh tướng thông thường theo giáo pháp Đại Thừa. Hôm nay, chúng ta xem những lời dạy của Thanh Lương đại sư trong Sớ Sao. Chúng tôi đọc lời văn của Thanh Lương đại sư một lượt.

(Sớ) Bát, Xa-ma-tha, thứ vân Chỉ.

(疏)八奢摩他，此云止。

(Sớ: Tám, Xa-ma tha, cõi này nói là Chỉ).

Xa-ma-tha là tiếng Phạn, “*thứ*” (此) là nơi đây, tức Trung Hoa, nghĩa tiếng Hán là Chỉ.

(Sớ) Đệ cửu, Tỳ-bát-xá-na.

(疏)第九毘鉢舍那。

(Sớ: Thứ chín là Tỳ-bát-xá-na).

Đây là tiếng Phạn.

(Sớ) Thứ vân Quán dã.

(疏)此云觀也。

(Sớ: Cõi này dịch là Quán).

Nói gộp lại, sẽ là Chỉ Quán.

(Sớ) Du Già, Khởi Tín đẳng luận.

(疏)瑜伽，起信等論。

(Sớ: Các bộ luận như Du Già, Khởi Tín v.v...)

Du Già Sư Địa Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận, kinh Giải Thâm Mật, kinh Đại Niết Bàn v.v...

(Sớ) Quảng biện kỳ tướng, cụ như biệt chương.

(疏) 廣辨其相，具如別章。

(Sớ: Điều biện định rộng rãi tướng của chúng, [những điều này] đã được nêu đầy đủ trong chương khác).

Hai danh tướng ấy đã được giải thích hết sức tỉ mỉ [trong các bộ kinh luận ấy]. Trong Sớ Sao, Thanh Lương đại sư cũng đã trích dẫn, nhưng không [nêu ra] ở chỗ này. Trong phần sau, chúng ta sẽ còn đọc thấy. Đọc đến chỗ đó, sẽ thấy càng nói càng cạn kẽ!

Từ những phần trước, chúng ta đã nhiều lần thấy kinh Hoa Nghiêm nói đến điều gì? Vừa mở đầu, đã giới thiệu duyên khởi của pháp giới. Phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu, nói theo kiểu hiện thời, toàn là nói về khoa học. Vũ trụ do đâu mà có? Thế giới thành tựu như thế nào? Kinh đã nói về hoàn cảnh y báo của chúng ta rất rõ ràng. Kế đó là nói về sự tu hành, phàm phu như thế nào thì mới có thể đạt tới quả địa viên mãn rốt ráo? Do vậy, các đề mục chánh yếu của kinh này là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Sau đó là kèm theo phần biểu diễn, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử nhằm làm cho chúng ta thấy. Do vậy, thuở trước tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu bộ kinh này cho tôi, đã nói đây là một bộ sách tuyệt diệu vô song trên thế giới, là một bộ Phật học khái luận hoàn chỉnh. Vì sao nói là hoàn mỹ? Nó có lý luận, có phương pháp, còn kèm thêm biểu diễn. Sách giáo khoa được biên soạn như vậy, chẳng tìm thấy bộ thứ hai trên thế giới!

Sau khi tôi đọc Hoa Nghiêm, nghĩ đến Châu phu tử (Châu Hy) đời Tống biên tập Tứ Thư. Châu phu tử cũng đổ công sức rất nhiều nơi Phật giáo, có khá nhiều điều ông dùng Phật giáo để giải thích kinh điển Nho gia. Tôi nghĩ có thể là ông ta biên tập Tứ Thư do được gợi hứng từ kinh Hoa Nghiêm. Vì sao? Tứ Thư gồm có bốn bộ, tức là Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, và Mạnh Tử³⁸. Đại Học nói về phương pháp, Trung Dung giảng về lý luận, Luận Ngữ và Mạnh Tử chính là sự biểu diễn của Khổng Tử và Mạnh Tử. Làm thế nào để áp dụng phương pháp và lý luận ấy trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật? Rất có hương vị của Hoa Nghiêm! Đây là suy nghĩ của tôi, đương nhiên là chẳng tìm thấy căn cứ, có thể là [Châu phu tử] do tiếp nhận khái thị của kinh Hoa Nghiêm, do đọc kinh Hoa Nghiêm, đột nhiên có sự linh

³⁸ Đại Học là một chương sách rút ra từ sách Lễ Ký bao gồm những lời chú thích của Tăng Sâm đối với một đoạn lời dạy của Khổng Tử. Trung Dung là một chương sách khác rút ra từ Lễ Ký, bao gồm những lời giảng giải của Tử Tư (cháu nội Khổng Tử). Luận Ngữ là tuyển tập các lời dạy của Khổng Tử, sách Mạnh Tử là tuyển tập các lời dạy của Mạnh Tử.

cảm như vậy đó. Bởi thế, Tứ Thư là sách giáo khoa hết sức hoàn mỹ của Nho gia, chúng ta cũng có thể coi Tứ Thư như triết học khái luận của Nho gia.

Ở đây, Thanh Lương đại sư đã nói đại lược.

(Sớ) Kim lược hiển kỳ tướng, dĩ vi thập môn.

(疏)今略顯其相，以為十門。

(Sớ: Nay nói đại lược tướng ấy, gồm có mười môn).

Đây là nói về Chỉ, tức Xa-ma-tha. Chỉ và Quán, trong phần trước, chúng tôi đã nói, chẳng thể tách rời! Trong Chỉ có Quán, trong Quán có Chỉ. Chỉ tức là Quán, Quán tức là Chỉ. Trong phần trước, đã trình bày ý nghĩa này rất minh bạch. Nay chúng ta xem ở chỗ này.

(Sớ) Tâm hạnh xưng lý, nhiếp tán danh Chỉ.

(疏)心行稱理，攝散名止。

(Sớ: Tâm hạnh tương ứng với Lý, thâm nhiếp tán loạn, gọi là Chỉ).

Thanh Lương đại sư nói đơn giản, trọng yếu, ngắn gọn. “*Tâm*” là khởi tâm động niệm, “*hạnh*” là hành vi, ngôn ngữ, tạo tác. Tâm và hạnh đã bao gồm ba nghiệp. Quý vị thấy “*thân, ngữ, ý*”, thân và ngữ là hạnh, tâm là ý. Tam nghiệp đều xưng Lý, tức là tương ứng với Lý. Lý là gì? Lý là Tánh Đức, [xưng Lý] là tương ứng với tự tánh, tương ứng với Pháp Tánh. Tự tánh và Pháp Tánh là một tánh, trong Nho gia gọi là “*bản tánh*”. Quý vị thấy sách Nho nói hết thầy mọi người tánh vốn lành. Tam Tự Kinh nhằm dạy trẻ nít, là sách giáo khoa để dạy vỡ lòng. Câu đầu tiên là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Bản tánh vốn lành là Lý. Chúng ta khởi tâm động niệm là thiện, ngôn ngữ, hành vi tạo tác là thiện, đây gọi là “*xưng Lý*”, nhằm phân biệt với ba nghiệp thân, ngữ, ý chẳng lành, [ba nghiệp chẳng lành thì] sai mất rồi! Ba nghiệp thuần tịnh, thuần thiện! Câu này là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, chúng ta phải nhớ kỹ. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải tương ứng với bản tánh vốn lành. Thiện trong Nho gia là luân lý, đạo đức, ngũ luân, bát đức. Đây là Lý, phải tương ứng!

“*Chỉ*” nghĩa là gì? Là “*nh nhiếp tán*”. “*Tán*” (散) là gì? Suy nghĩ lung tung, tâm tán loạn. Chúng ta thâm hồi cái tâm tán loạn, đó là Chỉ. Đúng như Mạnh Tử đã dạy: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, mong sao thâm hồi cái tâm buông lung mà thôi). Tâm quý vị luôn rong ruổi bên ngoài, chúng ta có thể thâm hồi cái tâm buông lung ấy; đây chính là học vấn, ở đây, gọi là Xa-ma-tha. Xa-ma-tha là thâm hồi cái tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, mắt chúng ta thấy sắc, thấy cái gì hợp với ý nghĩ của chính mình, tâm tham ái bèn dấy lên, tâm chạy theo cảnh giới bên ngoài, quý vị thường nghĩ nhớ nó. Thấy cảnh giới nào mà chính mình chẳng ưa thích, liền chán ghét, tâm sân khêu sanh khởi. Thấy người khác tốt lành hơn chúng ta, cái tâm ghen tỵ liền dấy

lên. Thấy người khác chẳng bằng chúng ta, tâm ngạo mạn nảy sanh. Những điều ấy đều gọi là “*tâm tán loạn*”. Suốt ngày từ sáng đến tối, cái tâm như nổi sóng, chao động không ngừng, chẳng thể Chỉ được. Cái tâm của quý vị luôn động!

Chỉ là gì? Chỉ là khiến cho cái tâm của chúng ta khôi phục sự bình lặng thì gọi là Chỉ. Khi nào sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đối với thuận cảnh, thiện duyên, cảnh giới tốt đẹp, thường là tâm chúng ta rất hoan hỷ, nhưng chẳng sanh tham luyến. Tham luyến là sóng gió. Chẳng dấy lên sóng gió. Trước nghịch cảnh, ác duyên, chúng ta nói là “*oan gia đối đầu*”, sau khi đã gặp phải [oan gia đối đầu], tâm sân khuê bèn sanh khởi. Trong khi đó, quý vị có thể giữ sao cho không sân khuê, tâm quý vị đã Chỉ. Phải học điều này! Tâm hạnh xứng lý, trong Phật môn gọi điều đó là “*Bồ Đề tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, lý đấy! Hạnh là Thập Thiện Nghiệp, chẳng giết, chẳng trộm, không dâm, không nói dối, không nói đôi chiều, không ác khẩu, không nói thù dật, không tham, không sân, không si. Nếu cái tâm thật sự là tâm hạnh đều tương ứng với Bồ Đề tâm, đều tương ứng với Thập Thiện Nghiệp, tâm của quý vị đã Chỉ. An trụ nơi Bồ Đề, an trụ trong Thập Thiện. Đó là đúng, hãy nên biết để học tập [điều này].

Ý nghĩa thứ hai:

(Sớ) Chỉ bất trệ tịch, bất ngại quán Sự.

(疏) 止不滯寂，不礙觀事。

(Sớ: Chỉ chẳng trệ nơi Tịch, chẳng trở ngại quán Sự).

Chỉ là Tịch. Tuy là Chỉ Tịch, nó khởi tác dụng, chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, giống như nước khi gió yên, sóng lặng. Sáu căn của chúng ta ở trong cảnh giới sáu trần đã đạt đến mức độ nào? Chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, chẳng động niệm, cái tâm bình lặng. Đó là Chỉ Tịch. Nhưng sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, bèn thấu hiểu rành mạch, rõ ràng, [đó là] “*bất ngại quán Sự*”. Chỉ là Định, Quán là Huệ. Chỉ là như như bất động, Quán là hiểu rành mạch, rõ ràng. Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, hãy nên học như thế thì là đúng. Đây là cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Các Ngài cũng là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, chúng ta cũng thế, nhưng tâm chúng ta chẳng định. Tâm không định, bèn suy nghĩ loạn xạ, cho nên trong tâm cuộn sóng. Nếu là phần hận to lớn, nổi cáu, sẽ là sóng to gió lớn!

Chỉ cần tâm có thất tình, ngũ dục, tâm sẽ chẳng bình lặng, chẳng tịnh, chẳng có Chỉ Tịch. Có thể quán Sự hay không? Có thể, nhưng thường là nhìn nhận sự việc sai be bét! Chuyện bày ra trước mặt quý vị rõ ràng, [thế mà quý vị] thấy sai, nghe trật, hiểu sai ý nghĩa! Chuyện như vậy có nhiều hay không? Quá nhiều! Chẳng cần hỏi ai khác, cứ hỏi chính mình, [sẽ nhận thấy] chính mình thường là như vậy. Do nguyên nhân gì? Đọc những sách ấy sẽ biết, tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, quý vị thấy cũng thế, nghe cũng thế, đúng là rành mạch, rõ ràng, chẳng có làm lỗi! Tâm chẳng thanh tịnh, nghe sai, hiểu sai ý nghĩa, thường nảy

sanh sai lầm! Ở chỗ nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, hằng ngày đều gặp phải! Từ nay về sau, hãy gặp phải những chuyện ấy, tâm quý vị hiểu rõ ràng, đừng nên trách móc người khác! Vì sao? Tâm họ chẳng định! Bản thân chúng ta cũng đừng nên học theo họ, tâm nhất định phải thanh tịnh, vọng niệm càng ít càng hay. Vọng niệm là phiền não. Vọng niệm ít, trí huệ sẽ tăng trưởng. Vì sao? Quán sự sẽ hiểu rõ, thông đạt, chẳng có chướng ngại. Đây chính là trí huệ, trí huệ đã mở mang!

Tiếp đó là câu thứ ba:

(Sớ) Do Lý Sự giao triệt nhi tất câu toại, sử Chỉ Quán vô ngại nhi song vận.

(疏) 由理事交徹而必俱遂，使止觀無礙而雙運。

(Sớ: Do Lý và Sự hoàn toàn dung thông lẫn nhau, nên đều cùng thành tựu, khiến cho Chỉ Quán vô ngại, cùng vận dụng Chỉ và Quán).

Lý nhất định có Sự, Sự nhất định có Lý. Trong Lý có Sự, trong Sự có Lý. Đó gọi là “Lý Sự giao triệt”. Chẳng nói là chỉ đơn độc có Sự, không có Lý. Đơn độc có Lý, chẳng có Sự, chuyện này nói chẳng suông! Đây là cảnh sở duyên của chúng ta, tất nhiên sẽ khiến cho Chỉ Quán vô ngại, mà có thể vận dụng đồng thời. Chỉ Quán là năng quán (chủ thể quán sát), Lý Sự là sở quán (đối tượng được quán). Trong phần trước, tôi cũng đã thưa trình cùng chư vị: Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Đây là phương pháp tu học do Chương Gia đại sư dạy cho tôi trước kia. Ngài chẳng nói Chỉ Quán! Nếu Ngài dùng danh từ Chỉ Quán, chỉ sợ tôi nghe cũng không hiểu, sẽ rất tốn công. Tôi là kẻ mới học, vừa mới tiếp xúc Phật pháp. Ngài thay đổi danh tướng để nói; đây là chỗ cao minh, là chỗ trí huệ của Ngài!

Buông xuống gì vậy? Buông xuống vọng tưởng, buông xuống phân biệt, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống thất tình, ngũ dục. Tâm của quý vị bình lặng, tức là Chỉ. Chỉ cần quý vị thật sự có thể buông xuống, trí huệ hiện tiền, nhìn cũng thế, nghe cũng thế, tư duy cũng thế, xác thực là cao hơn người khác một bậc, trí huệ vượt trội người khác! Trí huệ do đâu mà có? Chính mình vốn sẵn có! Vì sao chúng ta đánh mất trí huệ? Vọng niệm quá nhiều, [cho nên] Chỉ không được. Trong tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất nhiều, cho nên chỉ có vọng tưởng, chẳng có trí huệ, đạo lý ở ngay chỗ này. Người công phu đặc lực, công phu Chỉ Quán thật sự đặc lực, thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống; buông xuống lại giúp cho quý vị thấy thấu suốt. Đây là “Chỉ Quán song vận, Chỉ Quán vô ngại”. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, tâm như như bất động, chẳng bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận là thiện duyên hay ác duyên, quyết định chẳng bị ảnh hưởng, trong tâm như như bất động. Vì sao người ấy có thể làm được? Vì sao người trong thế gian chẳng làm được? “Chuyện này ta có thể chẳng nghĩ tới ư? Chuyện này có liên quan đến ta, có thể chẳng nghĩ tới hay sao?” Vì thế, họ Chỉ không được. “Chỉ” không được là vì họ chẳng thấy thấu suốt, chẳng hiểu chân tướng của vũ trụ và

nhân sinh. Giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Tâm Kinh đã nói: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc chính là Không, Không chính là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như thế*”.

Đức Thế Tôn giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, chúng tôi đọc xong, đã nêu ra tổng kết: “*Tất cả hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian vô sở hữu, tất cánh không, chẳng thể được!*” Nếu quý vị có thể hiểu chân tướng sự thật này, có gì mà chẳng buông xuống được? Quý vị buông xuống, đúng rồi. Quý vị chẳng buông xuống, sai rồi! Đúng là “*thiên hạ bốn vô sự, dung nhân tự nhiều chi*” (thiên hạ vốn chẳng có chuyện gì, kẻ tầm thường tự mình quấy nhiễu). Không buông xuống được, sẽ là “*dung nhân*” (庸人, kẻ tầm thường, kém cỏi). Buông xuống sẽ là “*thánh nhân*”. Thánh nhân: Thánh (聖) có nghĩa là minh bạch; “*thánh nhân*” là người đã minh bạch. Không buông xuống được sẽ là “*dung nhân*”, là kẻ ngu si. Phàm và thánh khác biệt ở ngay chỗ này! Vì thế, chúng ta phải học, phải thật sự tu hành, thật sự dụng công.

Trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng chư vị: Niệm Phật là tu Chỉ Quán. Ngay vào lúc trong tâm dấy lên vọng tưởng, phân biệt, bèn ngay lập tức “*nam-mô A Di Đà Phật*” để trừ khử, thay thế tạp niệm ấy [bằng Phật hiệu]. Đây chính là như cổ đại đức đã nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Vọng niệm dấy lên, không sao hết! Vì là phàm phu, đương nhiên là vọng niệm sẽ dấy lên. Nếu chẳng dấy vọng niệm, đây chính là thánh nhân, quý vị đã tu thành công. Há có lẽ nào phàm phu chẳng dấy lên vọng niệm? Nhưng vọng niệm vừa dấy lên, quý vị có thể nhận biết. Đó là giác ngộ! Hễ nhận biết, sẽ ngay lập tức dùng một câu Phật hiệu để đánh tan, dùng Phật hiệu để thay thế, chẳng để vọng niệm tiếp tục, khiến cho từng tiếng Phật hiệu “*A Di Đà Phật*” tiếp nối, vọng niệm sẽ chẳng dấy lên. Đây chính là công phu.

Niệm đã lâu, thông thường thì đại khái là bao lâu? Chúng ta thấy cổ đại đức, tám, chín phần mười là ba năm! Thật sự dụng công ba năm, dùng một câu A Di Đà Phật để áp chế vọng tưởng. Ý niệm dấy lên, bất luận là thiện niệm hay ác niệm đều chẳng quan tâm, chỉ cần ý niệm dấy lên, bèn “*A Di Đà Phật*” để áp chế nó. Ba năm, công phu tốt đẹp sẽ đặc nhất tâm, nhất tâm bất loạn. Trong số ấy, người đặc Sự nhất tâm thì nhiều, người đặc Lý nhất tâm ít ỏi. Công phu nông cạn, tức công phu nhất tâm bất loạn nông cạn nhất, chúng ta thường gọi là “*công phu thành phiền*” có nghĩa là gì? Đối với vọng niệm, công phu niệm Phật của quý vị mới vừa đạt tới mức độ có thể chế phục nó. Chẳng dấy lên ý niệm thì thôi; lúc dấy lên, sẽ đều là “*A Di Đà Phật*”. Trừ “*A Di Đà Phật*” ra, chẳng khởi ý niệm nào khác! Đó gọi là “*công phu thành phiền*”. Đây là mức thấp nhất, là nhất tâm bất loạn thuộc mức sơ cấp nhất! Công phu như vậy quyết định sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc. Tôi nói lời này, hy vọng các đồng học phải lưu ý, phải nghiêm túc nghe. Vì sao? Chẳng có công phu này, sẽ chẳng thể vãng sanh! Mỗi ngày quý vị niệm mười vạn câu Phật hiệu, một mặt niệm Phật hiệu, mặt khác vẫn dấy vọng tưởng, vô dụng! Phải niệm đến mức nào? Niệm đến mức Phật hiệu chẳng có vọng tưởng, quý vị sẽ nắm chắc vãng sanh! Khi niệm

Phật còn có vọng tưởng, chẳng nắm chắc. Chớ nên không biết điều này, đó gọi là công phu thật sự!

Khi thật sự đổ công dốc sức, pháp môn Tịnh Tông thù thắng lắm. Vì sao? Nó chẳng trở ngại Sự, không trở ngại quý vị làm việc. Ta vừa làm việc, vừa có thể dụng công. Nhất là [khi làm những việc] không cần suy nghĩ, chỉ tốn sức, chẳng cần suy nghĩ, sẽ càng dễ dàng. “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, mỗi niệm đều là A Di Đà Phật. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, có chép chuyện một người thợ rèn, rèn sắt rất vất vả. Có một hôm, gặp một vị xuất gia, ông ta mời vị xuất gia ấy uống một chén nước, thỉnh giáo: “Con rèn sắt quá cực nhọc, có phương pháp nào giúp cho con giải thoát hay không?” Vị pháp sư ấy dạy ông ta niệm A Di Đà Phật. Sư dặn: “*Ông cầm búa đập xuống, A Di Đà Phật; nhắc búa lên, A Di Đà Phật*”. Ông ta bèn học như thế, hằng ngày rèn sắt cứ “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”. Người khác hỏi ông ta: “Ông vừa rèn sắt vừa niệm Phật, có quá mệt hay không?” Ông ta thưa: “Không! Trước đây, rèn sắt thì mệt. Kể từ khi tôi niệm Phật, rèn sắt chẳng thấy mệt”. Ba năm sau, ông ta đứng vãng sanh. Ngay trong lúc rèn sắt, đập một búa xuống, “*A Di Đà Phật*”, ông ta chẳng chuyển động, đã vãng sanh, đứng thác! Dường như còn nói thêm một bài kệ: “*Beng beng, bang bang, luyện lâu thành thép, thái bình đã gần, ta về Tây Phương*”. Đập xuống một búa, đã đi mất rồi. Đây là gì? Công phu thành phiền!

Quý vị xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, xem Vãng Sanh Truyện, [sẽ thấy] bảy, tám phần mười là ba năm, từ ba năm cho đến năm năm, công phu bèn thành tựu. Chúng ta niệm Phật không chỉ là ba năm, không chỉ là năm năm, vì sao hiện thời ngay cả tin tức của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng có? Chẳng có Chí! Niệm Phật hiệu hằng ngày, [nhưng là] tán niệm, chẳng có cách nào thành tựu công phu! Làm như thế nào để có thể thành tựu công phu? Quý vị phải biết nhiếp tâm; câu Phật hiệu xác thực giúp chúng ta nhiếp tâm. Niệm dấy lên, bèn “*A Di Đà Phật*”, dùng [Phật hiệu] để thay thế cái niệm ấy. “*Niệm*” (vọng niệm, tán niệm) chẳng còn nữa, chỉ còn lại A Di Đà Phật! Câu “*A Di Đà Phật*” có thể khiến cho vọng niệm chẳng dấy lên. Chẳng phải là đoạn vọng niệm, chẳng hề đoạn, mà là chế ngự nó, giống như đá đè lấp, giần ép cây cỏ. Ai nấy đều khởi sự luyện tập từ chỗ này. Đó gọi là “*công phu đặc lực*”. Chẳng thể giần ép vọng niệm được, công phu sẽ chẳng đặc lực!

Hiện thời, chúng ta thấy người niệm Phật rất nhiều, nhưng chẳng thể giần ép phiền não, quý vị hãy xem xét kỹ. Lỡ ai đó có động tác hay nói năng không cẩn thận làm mất lòng họ, ngay lập tức nổi quạu liền. Thấy thứ gì ưa thích, tâm tham ngay lập tức dấy lên, chẳng có công phu. “*Chẳng có công phu*” là không chịu nổi sự dụ dỗ, mê hoặc do cảnh giới bên ngoài. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần liền khởi tham, sân, si, mạn y như cũ, khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước y như cũ. Đây là niệm Phật uống công mất rồi! Cô đại đức nói: “Tôi đa là gieo chủng tử niệm Phật trong A Lại Da Thức, chẳng thể dấy lên hiện hành trong đời này”. Trong đời này, chẳng có cách nào hết! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Do vậy, chúng ta phải thật sự biết niệm Phật, nhất định phải hiểu ý nghĩa của hai chữ Chỉ Quán.

Đối với Quán, ta chẳng phải là tách lìa, tách lìa là sai lầm! Ta ở trong cảnh giới, hòa quang đồng trần, ta thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nhưng như thế nào? Không khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, chỉ có một câu “*A Di Đà Phật*”. Người khác cung kính ta, “*A Di Đà Phật*”; người khác hận ta, “*A Di Đà Phật*”; chẳng cần phải bận tâm đến cảnh giới bên ngoài. Chẳng qua ta trả lời, cười hì hì, đáp bằng một tiếng “*A Di Đà Phật*”! Bất luận trong cảnh giới nào, tập khí phiền não đều chẳng dấy lên hiện hành, [tức là] công phu đặc lực, mới có thể vãng sanh. Đây là mục tiêu rốt cùng của chúng ta, hy vọng có thể thực hiện được. Nếu niệm Phật vẫn quy về niệm Phật, khởi tâm động niệm vẫn quy về khởi tâm động niệm, chẳng được rồi! Đây chẳng phải là cách thức [niệm Phật đúng lẽ]. Vì thế, vận dụng cả Chỉ lẫn Quán, tức là: Do thấy thấu suốt mà buông xuống, do buông xuống mà thấy thấu suốt.

Hãy nhớ thuở Bồ Đại hòa thượng tại thế, vào thời đại Nam Tống. Ngài sống cùng thời đại với Nhạc Phi. Cũng chẳng có ai biết Ngài họ gì, tên gì, không có ai biết cả! Do hằng ngày Ngài luôn cầm một cái túi vải to, nên mọi người gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng (布袋和尚, hòa thượng túi vải). Bồ Đại hòa thượng nổi tiếng, nói tới Bồ Đại hòa thượng chẳng có ai không biết. Trong truyện ký, cũng chẳng ghi tên Ngài, mà cũng viết là Bồ Đại hòa thượng. Có người hỏi lão nhân gia: “Phật pháp là gì?” Ngài buông túi xuống đất, buông thông hai tay, buông xuống đấy! Phật pháp là gì? Buông xuống; buông xuống chính là Chỉ. Người ta thấy dáng vẻ ấy, thấu hiểu ý nghĩa ấy, buông xuống! Sau khi đã buông xuống thì làm sao? Ngài nhắc cái túi lên, khoác lên vai, bỏ đi, chẳng nói câu nào cả! Nghĩa là gì? Sau khi đã buông xuống phải nhắc lên, chẳng phải là buông xuống là đã xong chuyện! Sau khi buông xuống, phải nhắc lên, nhắc lên điều gì vậy (thực hiện điều gì vậy)? Giáo hóa chúng sanh. Buông xuống nhằm thành tựu chính mình; sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định phải thành tựu chúng sanh. Về sau, mọi người biết Ngài là Di Lặc Bồ Tát thị hiện. Vì thế, trong các tự viện tại Trung Hoa, hễ tạc tượng Di Lặc Bồ Tát, đều tạc tượng Ngài (Bồ Đại hòa thượng).

Ý nghĩa của câu thứ tư sâu xa:

(Sớ) Lý Sự hình đoạt nhi câu tận, cố Chỉ Quán lưỡng vong nhi tuyệt ký.

(疏)理事形奪而俱盡，故止觀兩亡而絕寄。

(Sớ: Do Lý và Sự đoạt lẫn nhau, nên đều cùng hết sạch. Vì thế, Chỉ và Quán cùng mất, chẳng còn nương dựa vào đâu nữa).

Dùng Lý để đoạt Sự, Sự chẳng tồn tại. Câu này chẳng dễ hiểu. Ví như các nhà khoa học hiện thời đã phát hiện: “*Thời gian và không gian chẳng phải là thật, vật chất là huyền tượng*”. Điều phát hiện ấy chính là Lý. Dưới một điều kiện nào đó, không gian bằng zéro; dưới một điều kiện nào đó, thời gian bằng zéro. Không gian bằng zéro, [tức là] chẳng có xa hay gần; thời gian bằng zéro, chẳng có trước hay sau! Do đâu mà có vật chất? Từ trong Vô sanh ra Hữu, Hữu lại trở về Vô. Tốc độ dấy lên rồi diệt mất ấy quá nhanh chóng, nhanh đến nỗi chẳng có cách nào hình dung; đây là Lý. Nếu nói theo Lý, Sự cũng chẳng tồn tại. Thời gian

và không gian thấy đều không tồn tại. Dùng Lý đoạt Sự, Sự chẳng có. Dùng Sự để đoạt Lý, Lý sẽ chẳng có.

Quý vị nói “*một điều kiện nào đó*”, nay chúng ta xác thực là có không gian, có thời gian, có vật chất. Cũng có nghĩa là đối với các hiện tượng trong vũ trụ, quý vị nhìn từ góc độ nào? Giống như cái chén này, nhìn từ phía này, quý vị thấy nó lõm, lõm xuống. Nhìn từ bên kia, nó lồi lên! Người nhìn từ phía này, sẽ nói là lồi, trọn chẳng thừa nhận nó bị lõm. Người nhìn từ mặt kia, sẽ thừa nhận là lõm xuống, trọn chẳng thừa nhận nó lồi lên. Đây là chỉ nhìn vào một mặt, chẳng thấy mặt khác.

“*Lý Sự hình đoạt*” (Lý và Sự đoạt lẫn nhau): Lý và Sự đều chẳng tồn tại. Lý và Sự là đối tượng của Chỉ Quán, nó là cảnh giới được quán. Cảnh giới để quán (sở quán) chẳng có, Quán Huệ có thể quán (năng quán) cũng chẳng tồn tại. Nếu Năng và Sở đối lập, sẽ có năng quán và sở quán. Hễ thiếu một bên, hai bên đều chẳng tồn tại. Lý này sâu lắm! “*Chỉ Quán song vong*” (Chỉ và Quán cùng mất), đây là cảnh giới gì? Cảnh giới Đại Niết Bàn nơi quả địa Như Lai, cũng là như Bồ Đại hòa thượng bỏ cái túi vải xuống đất, buông thõng hai tay, chính là cảnh giới như thế đó.

Lại xem câu thứ năm kế tiếp:

(Sớ) Tuyệt Lý Sự vô ngại chi cảnh, dữ mãn Chỉ Quán vô ngại chi tâm, nhị nhi bất nhị, cố bất ngại tâm cảnh nhi nhất vị, bất nhị nhi nhị, cố bất hoại nhất vị nhi tâm cảnh lưỡng thù.

(疏)絕理事無礙之境，與泯止觀無礙之心，二而不二，故不礙心境而一味，不二而二，故不壞一味而心境兩殊。

(Sớ: Do dứt tuyệt cảnh Lý Sự vô ngại, và mất sạch cái tâm Chỉ Quán vô ngại. Do tuy là hai mà chẳng hai, nên chẳng ngại tâm và cảnh một vị. Do chẳng hai mà là hai, cho nên chẳng hoại một vị mà tâm và cảnh hai đàng khác nhau).

Đây là dạy chúng ta ắt phải quán từ mỗi mặt, quý vị mới thật sự liễu giải chân tướng sự thật. Mỗi mặt đều nhìn trọn vẹn, chẳng dễ dàng! Lúc chúng tôi mới học Phật, thầy Lý dạy: Người thế gian nhìn mọi việc theo kiểu bộp chộp nuốt trọn quả táo. Đức Phật dạy mọi người phương pháp quan sát hết thấy các hiện tượng, tối thiểu là quý vị phải biết cách quan sát tám mặt. Tám mặt là gì? Thấy Thê, Tướng, Dụng của nó là ba mặt. Lại thấy nhân, duyên, quả của nó, là sáu mặt. Lại thấy Sự và Lý của nó, [cộng lại thành] tám mặt. Như vậy, đối với mỗi chuyện, kể như quý vị thấy chẳng sai, thấy rõ ràng, nhưng như thế nào? Quý vị chỉ thấy bề ngoài, chẳng có chiều sâu. Chiều sâu là gì? Mỗi mặt đều có tám mặt, tám lần tám là sáu mươi bốn mặt. Sáu mươi bốn mặt, quý vị sẽ thấy mọi vật có chiều sâu. Sáu mươi bốn mặt? Chẳng sâu lắm; tuy có chiều sâu, chẳng đủ sâu! “Đủ sâu” là như thế nào? Mỗi mặt trong sáu mươi bốn mặt lại có tám mặt, trùng trùng vô tận!

Từ chỗ này, chúng ta mới lãnh hội trí huệ của Phật, Bồ Tát là gì, chúng ta làm sao có thể sánh bằng cho được? Ý niệm tự cho là đúng, tự cho chính mình là rất lỗi lạc sẽ ngay lập tức tiêu mất! Chẳng cần nói tám mặt, chúng ta miễn cưỡng

có thể nhìn tám mặt, chứ sáu mươi bốn mặt thì chẳng được rồi! Trong Lý có Lý, có Sự; trong Lý có Thể, có Tướng, có Dụng, có nhân, có duyên, có quả, trùng trùng vô tận, sâu không đáy, rộng vô biên.

Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp phần chú giải của Thanh Lương đại sư. Điều thứ năm...

(Sớ) Tuyệt Lý Sự vô ngại chi cảnh, dĩ mãn Chỉ Quán vô ngại chi tâm, nhị nhi bất nhị, cố bất ngại tâm cảnh nhi nhất vị, bất nhị nhi nhị, cố bất hoại nhất vị nhi tâm cảnh lưỡng thù.

(疏)絕理事無礙之境，與泯止觀無礙之心，二而不二，故不礙心境而一味，不二而二，故不壞一味而心境兩殊。

(Sớ: Do dứt tuyệt cảnh Lý Sự vô ngại, và mất sạch cái tâm Chỉ Quán vô ngại. Do tuy là hai mà chẳng hai, nên chẳng ngại tâm và cảnh một vị. Do chẳng hai mà là hai, cho nên chẳng hoại một vị mà tâm và cảnh hai đàng khác nhau).

Trước khi nói tới điều này, chúng tôi đã nói Phật pháp dạy chúng ta đối với hiện tượng đều phải quan sát trọn khắp từng mặt. Lại còn phải trùng trùng khề nhập bất tận. Điều ấy có liên quan đến hai câu này. “Tuyệt” (絕) và “mãn” (泯) có cùng một ý nghĩa. “Tuyệt Lý Sự vô ngại chi cảnh” (Dứt mất cảnh Lý Sự vô ngại), câu này nói về ngoại cảnh. Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý, Lý Sự vô ngại, cũng giống như “Chỉ chẳng ngại Quán, Quán chẳng ngại Chỉ”. “Mãn Chỉ Quán vô ngại chi tâm”. “Mãn” và “tuyệt” đều là nói “buông xuống”, “mãn” cũng là buông xuống, “tuyệt” cũng là buông xuống, cảnh giới này càng cao hơn! Có Chỉ Quán hay không? Có. Buông xuống là gì? Trong tâm buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng chấp trước Chỉ Quán, chẳng chấp trước Lý Sự, chẳng phân biệt, không khởi tâm, chẳng động niệm; Lý, Sự, Chỉ Quán vô ngại đều hiện tiền.

Trong cảnh giới ấy, “nhị nhi bất nhị” (tuy hai mà chẳng hai). Lý và Sự tuy hai mà chẳng hai, Chỉ và Quán tuy hai mà chẳng hai. Năng Quán là Chỉ Quán, Sở Quán là Lý Sự, cũng là hai mà chẳng hai. Vì thế, “bất ngại tâm cảnh nhi nhất vị” (chẳng ngại tâm và cảnh một vị). Tâm là Chỉ Quán, cảnh là Lý Sự, tâm và cảnh một vị, cảnh giới này sâu lắm. Đây là nói đến điều gì? Vũ trụ là một, Năng và Sở bất nhị, đó là cảnh giới sở chứng của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai. Đó là nói theo Lý. Nếu nói theo sự tướng, [sẽ là] chẳng hai mà hai, [tức là] nói theo Tục Đế. Trong phần trước là nói theo Chân Đế, ở đây là nói theo Tục Đế, chẳng hai. “Cố bất hoại nhất vị nhi tâm cảnh lưỡng thù” (Vì thế, chẳng hoại một vị mà tâm và cảnh hai đàng khác nhau). Xác thực là có tâm, có cảnh, có Lý, có Sự, có Chỉ, có Quán. Có chướng ngại hay không? Chẳng có! Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, hiển thị pháp giới chẳng có chướng ngại.

Pháp giới vô chương ngại, nay chúng ta gọi pháp giới vô chương ngại là “hài hòa”. Cổ nhân nói là “thái hòa”, thái hòa (太和) là gì? Thái hòa là nói tới sự hài hòa trong vũ trụ. Xác thực là vũ trụ hài hòa, các hệ tinh cầu là hài hòa. Quý vị thấy bao nhiêu ngôi sao trong hệ Ngân Hà đều vận hành xoay quanh trung tâm, mỗi tinh cầu có quỹ đạo riêng, chẳng va chạm nhau. Vũ trụ hài hòa, thái hòa đấy! Nếu quan sát gần hơn, ở trên địa cầu mà chúng ta đang sống, tất cả sinh vật, động vật, thực vật, khoáng vật trên địa cầu cũng là hài hòa. Vì thế, sự cư xử giữa người và người, sự cư xử giữa con người và thiên địa, vạn vật, tự nhiên là hài hòa. Vốn là hài hòa, nhưng hiện thời bất hòa, nguyên nhân bất hòa là ở chỗ nào? Nguyên nhân là do chúng ta không biết chân tướng của vũ trụ và vạn vật.

Do vậy, tôi thường nói với các đồng học học Phật: Nếu quý vị cảm thấy đạo lý này quá sâu, chẳng dễ hiểu, hãy quan sát chính mình, quan sát thân thể của chính mình. Đó là [quán theo phạm vi] nhỏ. Nếu thân thể của chính mình chẳng dễ quán, hãy nhìn vào thân thể của người khác, quý vị hãy nhìn cẩn thận. Quý vị thấy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, có hài hòa hay không? Mắt thấy, tai nghe, mắt và tai có cãi nhau hay không? Mắt có nói “ta có thể thấy, ta cũng có thể nghe, ta chẳng cần người” hay không? Tai có nói “ta có thể nghe, mà cũng có thể thấy, ta cũng không cần người” hay không? Có cãi nhau hay không? Nhìn vào bên trong, ngũ tạng, lục phủ, có phải là hài hòa hay không? Tự nhiên hài hòa. Vì thế là thái hòa, thân thể của chúng ta là một tiểu vũ trụ, vũ trụ cô đọng. Mỗi khí quan, thậm chí mỗi tế bào, quý vị thấy mỗi cái vận hành theo cương vị của nó, thực hiện viên mãn, hợp tác hài hòa với toàn thể. Hỗ trợ hợp tác, hòa thuận, hài hòa, chẳng có mây may xung đột.

Trong thân thể của chúng ta, có khí quan nào phát sanh xung đột với khí quan khác? Chẳng có. Tế bào nào phát sanh xung đột với tế bào khác? Chẳng có! Vốn là hài hòa. Nếu bất hòa, sẽ sanh bệnh; bất hòa là bệnh tật, hài hòa là khỏe mạnh, câu này nhằm nói về đạo lý ấy. “*Tâm cảnh lưỡng thù*” (Tâm và cảnh hai dạng sai khác): Giống như các khí quan khác nhau trong thân thể chúng ta, chúng có hình tướng khác nhau, có tác dụng khác nhau, nhưng như thế nào? Chúng lại là “*tuy hai mà một*”. “*Bất ngại tâm cảnh nhi nhất vị*” (Chẳng trở ngại tâm và cảnh là một vị), điều này có nghĩa là gì? Khí quan dầu nhiều, tuy hai mà chẳng hai, cùng một thân thể, “*nhất vị*” là “cùng một thân thể”. Thân thể chính là “*cộng đồng thể*” (cái thể chung), là sanh mạng của tất cả các khí quan, cộng đồng thể ấy là nhất vị. Nếu quý vị nói rộng ra, “*cộng đồng nhất vị*” của đại vũ trụ chính là gì? Pháp Thân! Pháp Thân là nhất vị; đúng là tâm cảnh chẳng ngại mà nhất vị!

Pháp Thân là toàn thể, tâm cảnh là bộ phận, là các khí quan khác nhau! Nói theo phương diện các khí quan khác nhau, hình tướng của các khí quan khác nhau, tác dụng khác nhau, xác thực là có sai biệt. Sai biệt và “một Thể” chẳng hai, đó là hài hòa. Nếu sai biệt và “một Thể” phát sanh xung đột, loài người sẽ bị bệnh, địa cầu sanh bệnh, vũ trụ sanh bệnh. Chúng ta thâm nhập quan sát từ chỗ này, quý vị sẽ có thể khai trí huệ, cũng có nghĩa là quý vị có thể thấy thấu suốt. Sau khi đã thấy thấu suốt, quý vị sẽ có thể buông xuống. Buông xuống những gì? Buông xuống chấp trước, buông xuống phân biệt, thiên hạ vô sự, thiên hạ thái

bình. Tất cả hết thấy mọi chuyện đều là do đôi bên chẳng buông xuống được, phát sanh đối lập lẫn nhau, sanh ra sự mâu thuẫn lẫn nhau, xung đột bèn phát sanh, hoàn toàn là sai lầm. Giữa con người với nhau, giống như giữa các tế bào trong một thân thể, có cùng một đạo lý. Giữa con người và thiên địa vạn vật, cũng có mối quan hệ hoàn toàn giống như mối quan hệ giữa các tế bào và toàn thân.

Quan sát ở một mức độ cao hơn nữa, [chính là] điều thứ sáu...

(Sớ) Do tức Lý chi Sự thâm nhất thiết pháp, cố tức Chỉ chi Quán diệc kiến nhất thiết.

(疏)由即理之事收一切法，故即止之觀亦見一切。

(Sớ: Do Sự chính là Lý gồm thâm hết thấy các pháp, cho nên Quán chính là Chỉ cũng thấy hết thấy).

Lý là một, Sự có vô lượng. Lý là gì? Pháp Tánh, Sự là pháp tướng. Pháp tướng của tất cả hết thấy các sự đều là do Pháp Tánh biến hiện; do vậy, Pháp Tánh có thể gồm thâm hết thấy các pháp. Trong Phật pháp, Pháp Tánh cũng thường được gọi là Pháp Thân. “*Pháp*” là vạn pháp, là hết thấy các pháp. Do dùng hết thấy các pháp làm thân, nên gọi là Pháp Thân. Pháp Thân ở chỗ nào? Pháp Thân không chỗ nào chẳng tồn tại, nó hiện diện khắp nơi. Tất cả hết thấy các hình tướng đều là Pháp Thân. Vì thế, nói đến Pháp Tánh, hoặc nói đến Pháp Thân, đều gồm thâm hết thấy các pháp. “*Cố tức Chỉ chi Quán diệc kiến nhất thiết*” (Vì thế, Quán tức là Chỉ cũng thấy hết thấy), [Quán] chính là Chỉ vì tâm đã định, tâm thanh tịnh. Cái tâm ấy thanh tịnh đến một mức độ nhất định, tác dụng quán chiếu sẽ hiện tiền. Giống như nước, nước đạt đến thanh tịnh, chẳng nổi sóng, hoàn toàn ở trong trạng huống yên lặng, mặt nước giống như một tấm gương, soi chiếu rành rẽ tất cả các hiện tướng (tướng được biến hiện) bên ngoài, chẳng sai sót mảy may! Chuyện này giống như “*tức Chỉ chi Quán diệc kiến nhất thiết*” vậy!

Những điều này do chính đức Phật dạy, ở đây, Thanh Lương đại sư dạy lại chúng ta, hy vọng trong cuộc sống hằng ngày, khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, sẽ biết xem, sẽ biết nghe, sẽ có thể lãnh hội cảnh giới này. Thật sự biết xem, biết nghe, sẽ chẳng thể chấp trước, mà cũng chẳng thể phân biệt. Chẳng phân biệt, không chấp trước là Chỉ. Nếu quý vị dây lên phân biệt, chấp trước, đầu chân tướng của vũ trụ bày ra ngay trước mặt, quý vị vẫn chẳng thấy! Vì sao? Tâm thủy của quý vị bị xáo động, gợn sóng, cuộn sóng, tác dụng chiếu kiến bị mất đi. Đạo lý ở chỗ này.

Kế đến là câu thứ bảy:

(Sớ) Do thử sự tức thị bỉ sự, cố linh Chỉ Quán kiến thử tâm tức thị bỉ tâm.

(疏)由此事即是彼事，故令止觀見此心即是彼心。

(Sớ: Do sự này chính là sự kia, cho nên khiến cho Chỉ Quán thấy cái tâm này chính là cái tâm kia).

Mấy câu này chẳng dễ hiểu, xác thực là có mức độ khá sâu. “*Sự này chính là sự kia*” là như thế nào? Cớ sao nói “*tâm này chính là tâm kia*”? Tâm tôi và tâm quý vị có giống hệt nhau hay không? Chẳng giống! Khi có chướng ngại, sẽ khác nhau. [Bởi lẽ], Lý Sự có chướng ngại, Sự Sự có chướng ngại. Hễ đạt đến tứ vô ngại pháp giới, sẽ giống hệt như nhau! Xác thực là cổ nhân đã thị hiện năng lực như thế đó. Có một vị đạo nhân gặp một tú tài. Chàng tú tài đọc văn chương của mình hết sức đắc ý. Những bài văn ấy do chàng đã viết lúc đi thi. Đạo nhân rút một trang giấy từ trong tay áo, đưa cho chàng ta xem. Chàng ta trông thấy sững sờ, [bài văn ấy] do chàng viết, đúng y hệt: “Bài văn do tôi viết sao lại ở chỗ ông?” Đạo nhân nói: “Không chỉ là một bài văn này, mà những văn tự do ông đã viết suốt một đời, tôi đều có hết”. Đây là thị hiện, thị hiện điều gì? Tự và Tha là một, không hai! Nhà Phật nói Tha Tâm Thông, nay chúng ta “*tha tâm bất thông*” (chẳng thông hiểu cái tâm của người khác). Khi đã thật sự thông, người khác khởi tâm động niệm, chẳng có gì mà [người đã đắc Tha Tâm Thông] không hiểu rõ ràng!

Nói tới lục thân thông, tức Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Túc Mạng, Tha Tâm, Thân Túc, Vô Lậu, nói theo cách diễn tả của các khoa học gia hiện thời, khởi tâm động niệm là hiện tượng dao động. Đối với một ao nước, bất luận chúng ta ở góc nào bên bờ ao, ném một viên đá nhỏ xuống ao, quý vị sẽ thấy ao gợn sóng, những gợn sóng sẽ từ từ lan khắp mặt ao. Một người khác ở bờ bên kia, cũng ném xuống một viên đá nhỏ, dao động cũng dần dần thông thả lan khắp cả ao. Chúng ta đã thấy hiện tượng ấy, [đấy chính là] hiện tượng dao động. Khởi tâm động niệm là sóng tư tưởng, nay chúng ta đúng là có chướng ngại, chẳng thể tiếp nhận luồng sóng tư tưởng của người khác. Nếu chẳng có chướng ngại, chúng ta có thể tiếp thu [luồng sóng tư tưởng của] người khác, người khác cũng có thể tiếp thu [luồng sóng tư tưởng của] chúng ta. Như vậy thì sẽ giống như ở đây đã nói: “*Thử sự tức thị bỉ sự*” (chuyện này chính là chuyện kia), hiện tượng dao động đấy mà!

Vì thế, Chỉ Quán sẽ thấy tâm này chính là tâm kia, [vì] là một tâm. Không chỉ tâm là một, kinh Hoa Nghiêm nói vạn hữu trong vũ trụ là “*tâm hiện, thức biến*”. Tâm là một, mọi người chúng ta đều rất dễ dàng khẳng định, thừa nhận “tâm là một”, nhưng nếu bảo quý vị “thức là một”, quý vị sẽ hoài nghi. Nói đến tâm, tức là chân tâm thì nó có thể hiện, duy tâm sở hiện. Nói đến thức thì thức là vọng tâm, duy thức sở biến. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Duy thức sở biến. Mỗi pháp giới khác nhau, mười pháp giới khác nhau. Tâm tướng của chúng sanh trong mười pháp giới khác nhau, kinh Đại Thừa đã nói về điều này rất nhiều. “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, khác nhau! Nhưng kinh Đại Thừa lại dạy: “*Đồng phận kiến vọng, biệt nghiệp kiến vọng*”, nghĩa là chúng ta trong hiện tiền, trong thời khắc này, cùng được làm thân người, cùng cư trú một chỗ, đó là “*đồng phận*”, còn biệt nghiệp thì sao? Đương nhiên là đồng phận và biệt nghiệp đều có. Cảnh giới hiện tiền có phải do tâm tôi hiện ra hay không? Hay là do tâm quý vị hiện? Bọn chúng ta rất đồng, mỗi người chúng ta ai nấy có thức biến riêng, hay là chúng ta có cùng chung một cái thức

biển ra? Nếu quý vị tham cứu thấu đạt chuyện này, quý vị sẽ hiểu rõ “*chuyện này, chuyện kia*” ở đây!

Như thế nào thì mới có thể tham cứu thấu đạt? Đương nhiên là do Thiên Định rất sâu, trí huệ rất sâu. Định sanh Huệ, Huệ mới có thể thấy được. Vì thế, Định chỉ có thể chế phục Hoặc, còn Huệ có thể chuyển Hoặc, chuyển mê thành ngộ, chuyển Hoặc thành trí. Trí có thể chế phục, Huệ có thể hóa giải, Quán chính là hóa giải. Do vậy, phải chế phục cái tâm, sau đấy, dần dần trí sẽ hiện tiền, sẽ hóa giải. Trong phần trước, tôi đã từng nói những điều này, ứng dụng ngay trong hằng ngày, khi tu hành nhập môn thì hãy nên dùng Chỉ trước, sau đấy sẽ dùng Quán.

Chuyện này và chuyện kia là một chuyện, tâm này và tâm kia là một tâm. Chân tâm là một, vọng tâm cũng là một. Chân tâm đã là một, làm sao có thể có nhiều vọng tâm cho được? Kinh Hoa Nghiêm nói hay lắm, “*một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều chẳng hai*”. Chúng ta phải tham cứu đạo lý này dần dần, chớ nên tư duy, chớ nên suy đoán, chẳng thêm vào mảy may phân biệt, chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm, vấn đề này sẽ được giải quyết. Nếu còn có khởi tâm động niệm, sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề này, nghi vấn này sẽ tồn tại. Khi nào chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, mới thật sự trở về cảnh giới “*vạn pháp chính là một, một chính là vạn pháp, một chính là nhiều, nhiều chính là một*”, mới có thể trở về cảnh giới này. Trong kinh, đức Phật thường nói là “*tịnh cực quang thông*”.

Kê tiếp là câu thứ tám:

(Sớ) Do tiền trung, lục tắc nhất đa tương nhập nhi phi nhất.

(疏) 由前中，六則一多相入而非一。

(Sớ: Do những điều trên đây, điều thứ sáu chính là một và nhiều dung nhập lẫn nhau, chẳng phải là một).

Điều thứ sáu chính là “*tức Lý chi Sự thâm nhất thiết pháp, cố tức Chỉ chi Quán diệc kiến nhất thiết*” (Sự tức Lý gồm thâm hết thấy pháp; vì thế, Quán chính là Chỉ cũng thấy hết thấy). Điều thứ sáu chính là môn “*nhất đa tương nhập, nhi phi nhất*” (một và nhiều dung nhập lẫn nhau, chẳng phải là một).

Điều thứ bảy “*do thử sự tức thị bỉ sự, cố linh Chỉ Quán kiến thử tâm tức thị bỉ tâm*” (do chuyện này chính là chuyện kia, nên khiến cho Chỉ Quán thấy tâm này chính là tâm kia). Đây chính là “*nhất đa tương tức*” (một chính là nhiều, nhiều chính là một). Ở chỗ này, dùng chữ Thị (是, là) cũng được. Trong kinh luận, thường dùng “*nhất đa tương tức nhi phi dị*” (một và nhiều chính là lẫn nhau, nhưng chẳng phải là khác). Một chính là nhiều, nhiều chính là một.

(Sớ) Thử nhị bất nhị, đồng nhất pháp giới Chỉ Quán vô nhị chi trí, đồn kiến tức nhập nhị môn, đồng nhất pháp giới nhi vô tán động.

(疏)此二不二，同一法界止觀無二之智，頓見即入二門，同一法界而無散動。

(Sớ: Hai điều ấy chẳng hai, cùng là một trí bất nhị Chỉ Quán pháp giới, nhanh chóng thấy hai môn tương tức và tương nhập, cùng một pháp giới mà chẳng tán loạn, dao động).

Cảnh giới này tối thiểu là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phá một phạm vô minh, thấy một phần Pháp Thân, sẽ nhập cảnh giới này. Một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều dung nhập lẫn nhau mà chẳng phải là một, một và nhiều chính là lẫn nhau mà chẳng phải là khác. Vì thế, chẳng phải là một, chẳng phải là khác, chẳng thể nói là một, chẳng thể nói là nhiều. Vì sao? Chúng ta hãy suy ngẫm câu nói của pháp sư Huệ Năng trong Đàn Kinh: “Một và nhiều là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị”. “Chẳng phải một, chẳng phải khác” thì là hai pháp. Hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp. Hai điều ấy chẳng hai. Vì sao là chẳng hai? Cùng một pháp giới.

Nay chúng tôi nêu tỷ dụ để nói. Mắt chẳng phải là tai, tai chẳng phải là mắt, mắt và tai là hai pháp. Tuy là hai pháp, nhưng như thế nào? Cùng ở trong một thân, giống như cùng một pháp giới. Quý vị nói nó là hai, hay nói nó là một? Cùng một pháp giới mà! Vì thế, nói theo thân thể con người, một và nhiều đều chẳng có, cùng một Pháp Thân! Ở đây, chúng ta tỷ dụ Pháp Thân như pháp giới, quý vị sẽ thấy dễ hiểu. Gạt bỏ toàn thể, chẳng nói đến nữa, chỉ nói cục bộ thì có thể nói: ‘Mắt và tai là hai pháp, chẳng phải là một pháp’. Nói theo toàn thể, sẽ là chẳng hai, cùng một pháp giới. “Chỉ Quán vô nhị”, đây mới là Trí. Chỉ là Căn Bản Trí, Quán là Hậu Đắc Trí. Chỉ là nói theo Thể, Quán là nói theo Dụng. Chỉ là đối với tâm tánh, tâm tánh chẳng sanh một niệm, Quán là đối với ngoại cảnh. Trong phần trước, chúng tôi đã nói cô nhân dùng mặt gương để tỷ dụ, dùng gương đồng, tỷ dụ ấy hay lắm. “Chỉ” giống như mài gương, Quán là như gương sau khi đã mài kỹ, bèn tỏa sáng, có thể chiếu. Nói theo sự năng chiếu thì là Quán; xét theo phương diện nó sạch bong, chẳng nhiễm mảy trần, thì gọi là Chỉ. Chỉ và Quán là một, không hai. Chỉ Quán là trí không hai. “Đốn kiến tức nhập nhị môn” (Nhanh chóng thấy hai môn tương tức và tương nhập). Do cùng một pháp giới, quý vị sẽ nhập pháp môn Bất Nhị, hai môn mà chẳng hai, cùng một pháp giới! Chỉ bất động thì Quán có bao giờ dao động? “Đồng nhất pháp giới nhi vô tán động” (Cùng một pháp giới, nhưng chẳng tán loạn, dao động), trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói đến cảnh giới này.

Các hiện tượng trong toàn thể vũ trụ là lặng lẽ. Do quán chiếu tinh vi, tỉ mỉ những hiện tượng ấy, đức Phật đã dạy: “Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”. Do cái tâm của chúng ta động, nên thấy cảnh giới bên ngoài là động. Tâm chúng ta tĩnh, sẽ thấy cảnh giới bên ngoài tĩnh lặng, cảnh chuyển theo tâm mà! Kinh Lăng Nghiêm có nói: “Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai”. Tâm bọn phàm phu chúng ta là động, cho nên thấy toàn thể vũ trụ đều là động. Tâm Như Lai tĩnh lặng, cho nên trong cảnh giới của Như Lai, muôn pháp đều tĩnh lặng,

tướng tịch diệt thanh tịnh! Từ những hiện tượng ấy, chúng ta có thể lãnh hội: Các tướng được biến hiện bên ngoài đều chẳng thật. [Nếu là] thật, làm sao có thể chuyên biến theo ý niệm của chúng ta được? Chúng chẳng thật! Đó là huyền tướng, tức là Diệu Hữu! Diệu Hữu chẳng phải là Có, Chân Không chẳng phải là Không, thể nghiệm từ chỗ này, sẽ có thể lãnh hội.

Nói cách khác, chỉ có Thiên Định rất sâu, trí huệ rất sâu, mới có thể thấy chân tướng của vũ trụ. Chân tướng là gì? Cùng một pháp giới. Đúng như các kinh Đại Thừa thường nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ*”, trong phần trước, chúng ta đã từng đọc: “*Một tâm, một trí huệ, lực vô úy cũng thế*”. Trong cảnh giới ấy, há có Tự hay Tha? Vì thế, có thể biết: Do đâu mà có Tự và Tha? Do từ phân biệt, chấp trước. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Tự và Tha đều chẳng có, đối lập chẳng có, mâu thuẫn chẳng có, chúng ta lãnh hội từ chỗ này! Sau khi đã lãnh hội, sẽ thực hiện từ chỗ nào? Học tập như thế nào? Phải buông xuống sự đối lập với người khác, đối lập với vật, đối lập với sự (sự thì có chuyện thích làm, có chuyện chẳng thích làm) trong cái tâm của chính mình, buông xuống sự chấp trước về đối lập, buông xuống sự phân biệt về đối lập. Dần dần, chúng ta có thể “*nhi vô tán động*” (chẳng tán loạn, dao động), trở về pháp giới. Pháp giới là bản tánh vốn lành.

Lại xem câu thứ chín kể đó:

(Sớ) Do Sự tắc trùng trùng vô tận, Chỉ Quán diệc phổ nhãn tề chiếu.

(疏) 由事則重重無盡，止觀亦普眼齊照。

(Sớ: Do Sự là trùng trùng vô tận, Chỉ Quán cũng là phổ nhãn đều cùng chiếu).

Nói theo Sự, Sự là trùng trùng vô tận, vô lượng vô biên. Chúng ta thường nói là “*y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới*”; ở đây, chỉ nói tới thế giới Sa Bà. Một đại thế giới, [xét theo] thế giới Hoa Tạng, thế giới Hoa Tạng có hai mươi tầng, Sa Bà và Cực Lạc đều thuộc tầng thứ mười ba. Trong thế giới Hoa Tạng, có bao nhiêu đại thế giới? Đại thế giới là cõi hóa độ của chư Phật, trùng trùng vô tận. Hai chữ “*trùng trùng*” tuyệt diệu thay! Nếu chúng ta chưa đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ chẳng cảm nhận ý vị của hai chữ ấy! Phần kinh văn phía trước đã dạy cho chúng ta biết một chân tướng sự thật: Lớn và nhỏ chẳng hai!

Nay chúng ta nói “*lớn là thế giới, nhỏ là vi trần*”, lớn và nhỏ chẳng hai. Trong thế giới có vi trần, chẳng biết là có bao nhiêu. Trong vi trần có thế giới, cũng chẳng biết là có bao nhiêu. Trong thế giới có vô tận vô số vi trần, chúng ta hiểu [chuyện này] dễ dàng. Trong vi trần cũng có vô tận vô số thế giới, chúng ta chẳng hiểu. Nhưng chuyện này chẳng khó hiểu, quý vị chỉ chú tâm suy tưởng, thế giới trong vi trần và thế giới như nay chúng ta đang thấy to như nhau! Thế giới trong vi trần chẳng phóng to, thế giới của chúng ta chẳng rút nhỏ. Ai có thể vào thế giới trong vi trần? Kinh Hoa Nghiêm đã dạy: Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào. Nếu chúng ta hỏi Ngài: Thế giới trong vi trần còn có vi trần hay không? Đương nhiên là có! Vô tận vô số vi trần. Trong mỗi vi trần thuộc vô tận vô số vi trần ấy,

có thể giới hay không? Có thể có! Trùng trùng vô tận mà! Thế giới trùng trùng vô tận, Lý Sự trùng trùng vô tận.

Vì thế, Chỉ Quán cũng “*phổ nhân tề chiếu*” giống như vậy! Ai có thể chiếu trùng trùng vô tận thế giới? Phổ nhân thì có thể chiếu. Ai có phổ nhân? Chư Phật Như Lai và bậc đại Bồ Tát có phổ nhân, thường nói là Địa Thượng Bồ Tát. Nếu dựa theo cách nói trong kinh Hoa Nghiêm, vị Phổ Hiền ấy chính là Đương Vị Phổ Hiền, tức là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát phổ nhân tề chiếu, chúng ta tin tưởng, chẳng nghi hoặc chuyện này. Mở rộng giới hạn một chút, nói lỏng một chút, bậc Địa Thượng Bồ Tát, tức là hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên, hoặc nếu chúng ta nói cẩn thận hơn một chút, [sẽ là] từ Thất Địa trở lên, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới “*phổ nhân tề chiếu*” là “*bất tư nghị giải thoát cảnh giới*”. Cảnh giới bất tư nghị giải thoát rất khó hiểu, nhưng từ một câu ở đây, nếu quý vị chú tâm lãnh hội, tuy chẳng hiểu rõ, sẽ có thể hiểu đôi chút. Bởi lẽ, trí huệ và đức năng của con người chẳng thể nghĩ bàn. Trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 1481

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, cuối đoạn thứ tư trong phần trường hàng còn có một câu chưa giảng xong. Chúng ta đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quan sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毘鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quan sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Trong buổi trước, chúng ta đã học đến đoạn thứ mười của phần khai thị trong bộ [Hoa Nghiêm Kinh] Sớ Sao của Thanh Lương đại sư:

(Sớ) Thập tức thử Phổ Môn chi trí vi chủ, cố đôn chiếu Phổ Môn pháp giới thời, tất nhiếp nhất thiết vi bản, vô tận vô tận, thị thử Hoa Nghiêm sở cầu Chỉ Quán.

(疏)十即此普門之智為主，故頓照普門法界時，必攝一切為伴，無盡無盡，是此華嚴所求止觀。

(Sớ: Mười là dùng trí Phổ Môn ấy làm chủ, cho nên khi nhanh chóng chiếu soi pháp giới Phổ Môn, tất sẽ gồm thâu hết thảy làm bản, vô tận, vô tận. Đây chính là Chỉ Quán được mong cầu trong Hoa Nghiêm).

Đoạn này hết sức trọng yếu, [Thanh Lương đại sư] đã chỉ ra pháp Chỉ Quán được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Phạm vi của Chỉ Quán hết sức rộng lớn, Hoa Nghiêm dùng gì để Chỉ Quán? Chúng ta đọc bộ đại kinh này, [sẽ thấy] ở đây, ngài Thanh Lương cho chúng ta biết [cảnh giới Chỉ Quán] phát xuất từ câu thứ chín [trong lời Sớ]. Câu thứ chín đã viết: “*Sự tức trùng trùng vô tận, Chỉ Quán diệp phổ nhân tề chiếu*” (Sự là trùng trùng vô tận, Chỉ Quán cũng là phổ nhân cùng chiếu). Kinh Hoa Nghiêm lấy chuyện này làm chủ; vì thế nói “*tức thử Phổ Môn chi trí vi chủ*” (lấy ngay trí Phổ Môn này làm chủ). “*Phổ*” (普) là phổ biến, Môn (門) là pháp môn. Chúng ta thường gọi Phổ Môn là “*vô lượng pháp môn*”, nhưng nhất định phải hiểu, “*vô lượng là một, một là vô lượng, một và nhiều chẳng hai*”, đây mới là trí, đây mới gọi là Phổ Môn, dùng trí ấy làm chủ. Trí là Chỉ Quán, trong phần trước, chúng ta đã học: “*Chỉ thật sự sẽ nhất định có Quán, Quán thật sự sẽ nhất định có Chỉ. Chỉ và Quán chẳng hai. Chỉ chính là Quán, Quán chính là Chỉ*”. Đây mới là chân thật. Nói thành hai phương diện, trên thực tế là một chuyện, [đó là] hai mặt của một Thể. Tu học Phật pháp, chúng ta nói “*tu hành Phật pháp*” là tu gì vậy? Hai chữ Chỉ Quán đã bao gồm trọn hết! Vì thế, Chỉ Quán thâm nhiếp viên mãn hết thảy các pháp!

Tôi cũng từng đặc biệt thưa trình với mọi người, thầy dạy tôi, Ngài đã thay đổi danh từ, vì khi ấy tôi mới học Phật, vừa mới tiếp xúc Phật giáo chưa đầy một tháng, điều gì cũng đều chẳng hiểu. Tôi hướng về lão nhân gia thỉnh giáo, thưa: “Con biết Phật pháp tốt đẹp, Phật pháp thù thắng, có phương pháp gì khiến cho con có thể khế nhập rất nhanh hay không?” Hỏi vấn đề ấy đúng là lớn quá! Lão nhân gia quả thật có phương tiện thiện xảo, Ngài dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là Quán, buông xuống là Chi, Ngài chẳng dùng [từ ngữ] Chi Quán. Nếu Ngài nói Chi Quán, sẽ khiến cho tôi hồ đồ! Ngài dùng chữ “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, dường như tôi nghe cũng có thể hiểu ý nghĩa, cũng có thể tiếp nhận. Đây là phương tiện thiện xảo. Dạy kẻ sơ học như thế nào? Thầy đã làm gương cho chúng tôi thấy, chẳng cần phải nói bằng những danh từ, thuật ngữ [chuyên biệt]! [Dùng] danh từ thuật ngữ [để giảng giải] thì có nói cả buổi cũng chẳng nói rõ ràng được! Vì thế, đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành trong Phật pháp, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, quý vị đều chẳng rời khỏi nguyên tắc này. Chi giúp đỡ Quán, [nghĩa là] thấy thấu suốt giúp buông xuống, buông xuống lại giúp thấy thấu suốt. Hai chuyện ấy lần lượt làm chủ và khách cho nhau, dùng làm Thể và Dụng cho nhau, giống như lên cầu thang, [trèo lên] từng tầng một đạt tới viên mãn rốt ráo.

Tôi cũng thường thưa trình cùng các đồng học: Chúng ta buông xuống hết thấy chấp trước, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, sẽ là A La Hán. Buông xuống hết thấy phân biệt, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều không phân biệt, quý vị thấy tâm thanh tịnh lắm, thanh tịnh là trí. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng, chiếu kiến cảnh giới bên ngoài; sự chiếu kiến ấy là Quán. Chi chính là Quán, Chi là Thể. Quán là Dụng của Chi. Quán là Thể, Chi là Dụng. Nhằm đảm bảo cảnh giới định tĩnh ấy nhất định được nâng cao hơn, phải Quán. Chẳng thấy thấu suốt, quý vị sẽ không buông xuống được! Đối với người thế gian, khi tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần hiện tiền, mọi người tranh nhau mong cầu, đoạt lấy. Chỉ có người thấy thấu suốt [sẽ không tranh giành], người ấy thấy thấu suốt như thế nào? Người ấy biết thế gian này là giả, là rỗng không. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, vạn pháp vô thường, người ấy đã thấy thấu suốt. Đã thấy thấu suốt, sẽ như thế nào? Người ấy chẳng tranh, chẳng còn chấp trước nữa. Thấy thấu suốt giúp buông xuống. Sau khi đã buông xuống, sẽ có năng lực giúp cho quý vị thấy thấu suốt thêm một tầng, tăng cao hơn!

Thấy thấu suốt những gì? Thấy thấu suốt Dục Giới Thiên. Dục Giới gồm có sáu tầng trời, thù thắng hơn nhân gian của chúng ta quá nhiều. Mỗi tầng trời sau đều thù thắng hơn tầng trời trước! Tuy phước báo lớn, thọ mạng dài, vẫn chẳng lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Đó là thấy thấu suốt! Sau khi đã thấy thấu suốt, có còn hâm mộ Dục Giới Thiên hay không? Chẳng hâm mộ! Đối với thiên vương cũng chẳng hâm mộ. Đối với Ngọc Hoàng đại đế như người Hoa đã nói, cũng không hâm mộ. Vậy là đã tiến lên một “tầng lầu” cao hơn nữa, quý vị đã buông Dục Giới xuống. Đã buông Dục Giới xuống, Sắc Giới hiện tiền. Trong Sắc Giới Thiên chẳng có dục, chẳng có những thứ dục như tài, sắc, danh vọng, ăn uống,

ngủ nghê. Họ có sắc tướng, có sắc thân, nhưng chẳng có ăn uống, ngủ nghê, nam nữ, chẳng có những thứ ấy, thanh tịnh hơn Dục Giới nhiều lắm! Quan sát cẩn thận, sẽ thấy Sắc Giới có mười tám tầng trời, tuy chẳng có Khổ Khổ, vẫn còn có Hoại Khổ, vẫn chẳng phải là rốt ráo, y như cũ! Chư thiên Dục Giới thấy những điều đó hết sức hâm mộ. Vì thế, sau khi đã thấy thấu suốt, có còn mong muốn mười tám tầng trời của Sắc Giới nữa không? Chẳng cần, buông xuống!

Lại lên cao hơn nữa, sẽ là Vô Sắc Giới Thiên. Vô Sắc Giới Thiên ngay cả thân thể cũng chẳng cần. Lũ bình phàm chúng ta thường gọi [Vô Sắc Giới Thiên] là “*linh giới*” (spirit world), họ chẳng có nhục thể. Lão Tử đã nói như thế này: “*Ngô hữu đại họa, vi ngô hữu thân*”, [nghĩa là] Ngài nói ta có mối lo âu rất lớn, là gì vậy? Ta có thân thể! Chẳng có thân thể, sẽ tốt hơn nhiều! Lão Tử nghĩ như vậy. Xác thực là chư thiên trong Vô Sắc Giới Thiên chẳng cần thân thể. Thân thể là thứ thừa thãi, phiền toái; vì thế, [Vô Sắc Giới] càng thanh tịnh hơn Sắc Giới, nhưng như thế nào? Chẳng có cách nào phá vô minh, chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo. Cảnh giới tuy tốt đẹp, thọ mạng lâu dài. Đức Phật bảo thọ mạng của Phi Tướng Phi Tướng Thiên là tám vạn đại kiếp, chẳng có cách nào tính toán! Thế nhưng tám vạn đại kiếp tuy dài, vẫn là có số lượng, có lúc kết thúc hay không? Đương nhiên là có lúc kết thúc. Đã kết thúc thì vẫn phải đọa lạc xuống dưới, vì phía trên chẳng có gì nữa, chẳng thể tiến lên cao hơn nữa. Hiện tượng luân hồi mà! Do vậy, quý vị đã thấy thấu suốt thì mới có thể buông xuống!

Hiện tượng luân hồi là gì? Nguyên nhân căn bản là chấp trước. Chấp trước là không buông xuống được! Đối với lục đạo, chẳng buông xuống tình chấp ấy! Sau khi đã buông xuống, quý vị mới có thể vượt thoát lục đạo, chuyện này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Khi nào sẽ buông xuống? Lúc nào cũng đều phải buông xuống, quý vị mới chẳng bị chướng ngại. Chẳng phải là nói “ta đến khi nào đó sẽ buông xuống”, chẳng thể được! Lúc nào cũng đều buông xuống, tâm địa sạch lâu lâu, thứ gì cũng đều chẳng có. Nếu chúng ta mong vắng sanh thế giới Cực Lạc, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có thế giới Cực Lạc, những thứ khác thấy đều chẳng có, vậy thì mới được! Hễ quý vị có mảy may lưu luyện nào, sẽ chẳng thể vắng sanh! Hễ có mảy may lưu luyện thế gian này, quý vị chẳng có cách nào thoát lìa thế gian này; nhưng quý vị lại phải hiểu rõ: Trong thế gian này, thân người khó có! Hãy ngắm đến chính mình, trong một đời này, đạo đức làm người cơ bản ta có làm được hay không? Nói theo người Hoa, “*cơ bản*” sẽ là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; nói theo Phật pháp, sẽ là Ngũ Giới, Thập Thiện, quý vị có làm được hay không?

Đối với Ngũ Giới, Thập Thiện, phải đạt tiêu chuẩn là sáu mươi điểm, đời sau mới có thể chẳng đánh mất thân người, [nghĩa là] lại sanh trong thế gian, chẳng bị mất thân người. Nếu chúng ta đối với Ngũ Giới, Thập Thiện chẳng đạt tới sáu mươi điểm, sẽ vào tam đồ, tức súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục! Vì thế, người thế gian thường nói “*người đã chết sẽ làm quỷ*”; người đã chết bèn thành quỷ, nói kiểu ấy không hợp lý! Người ta sau khi đã chết, đời sau có đến sáu chỗ để đầu thai, quỷ là một trong sáu nơi ấy, lẽ nào lại nói người đã chết đều vào quỷ đạo? Nói kiểu này chẳng suông! Nhưng nghĩ kỹ, câu nói ấy cũng chẳng phải là vô lý!

Nghĩa là sao? Người ta sau khi đã chết, đúng là quá nửa đều vào quỷ đạo. Nghiệp nhân của quỷ là gì? Xan tham! Quý vị hãy ngẫm xem, trong thế gian hiện thời, cái tâm tham của chúng ta có nặng hay không? Cái này cũng muốn, cái kia cũng muốn, do như vậy nên cái này cũng chẳng thể xả để tặng cho người khác, cái kia cũng chẳng nở lòng cúng dường! Xan tham mà! Xan tham là nghiệp nhân của ngạ quỷ đạo; vì thế, ngạn ngữ có câu “*người đã chết đều biến thành quỷ*”, ngẫm ra cũng có lý! Trong thế gian này, có mấy ai như nay chúng ta đang nói, làm được Đệ Tử Quy, giữ được Ngũ Giới, Thập Thiện, quyết định chẳng đánh mất thân người? Đòi sau, người ấy nhất định sanh trong cõi trời, người, tuyệt đối chẳng đọa trong ba ác đạo. Chúng ta nghĩ xem: Trong xã hội hiện thời, có mấy ai làm được? Chẳng cần nghĩ tưởng ai khác, hãy quay lại xét chính mình. Chính mình có làm được hay không? Nếu bản thân ta chẳng làm được, quý vị phải có lòng cảnh giác cao độ. Đòi sau, quý vị sẽ có phần trong tam đồ, chẳng có phần trong nhân thiên! Điều này đáng sợ quá!

Do vậy, bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, ngu si, vọng ngữ lừa người, tôi nói những điều ấy là gì? Tương phản với Ngũ Thường! Trung Hoa thường nói đến “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”. Vô nhân, vô nghĩa, vô lễ, ngu muội (ngu muội là vô trí), lừa gạt người khác là vô tín, đây là nghiệp nhân của tam đồ. Có người nói: “Nếu nay chúng ta nói nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, nhưng người khác đối với ta chẳng bận tâm [tuân thủ những điều ấy], chẳng phải là ta bị thua thiệt, bị lừa gạt ư?” Không sai! Quý vị không chịu bị thua thiệt, bị lừa gạt, vậy thì đòi sau quý vị sẽ vào trong tam ác đạo. Quý vị chịu bị thua thiệt, chịu bị lừa, đòi sau sẽ chẳng đọa tam đồ. Hãy tính toán chuyện này cho kỹ, chớ nên sơ ý, chớ nên qua loa! Chuyện phải nên ngưng dứt thì phải ngưng dứt, phải nên buông xuống. Chuyện đáng nên thông đạt, hiểu rõ, quý vị phải thấy rõ ràng, thấy minh bạch, đó là thấy thấu suốt, tức là Quán. Có Chỉ, có Quán!

Đạt đến “*phổ nhãn*”, trong phần trước, tôi đã nói với chư vị, [“*phổ nhãn*”] là nói về bậc Địa Thượng Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân! Nói nghiêm ngặt, sẽ là từ Thất Địa trở lên, rất gần với quả vị rốt ráo, [đó là] phổ nhãn. Phổ Môn, “*phổ nhãn tề chiếu*”, [nghĩa là] đối với toàn thể vũ trụ và nhân sinh, chúng ta thường nói là hoàn toàn thấy thấu triệt “*tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả*”, chẳng có mảy may sai lầm nào, thì gọi là Đại Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân! Trong lục đạo, điều quan trọng nhất là nhân quả. Thiện nhân nhất định cảm thiện quả, ác nhân nhất định mắc ác báo, nhân quả báo ứng chẳng sai sót mảy may! Cổ nhân thường nói: “*Bất thị bất báo, thời hậu vị đáo*” (Chẳng phải là không báo ứng, chỉ là chưa đến lúc). Khi đã đến lúc, hối hận chẳng kịp đâu nhé! Hãy thừa dịp chưa đến lúc mà gấp rút quay đầu, đó là đúng! Chỉ cần một hơi thở chưa dứt, hãy triệt để quay đầu, sẽ được cứu. Vì thế, Chỉ Quán của Hoa Nghiêm có thể nói là Chỉ Quán đạt đến rốt ráo viên mãn, lấy trí Phổ Môn làm chủ; đây chính là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, tức là Căn Bản Trí, [hoặc còn gọi là] Thật Trí.

“*Có đốn chiếu Phổ Môn pháp giới*” (Vì thế, nhanh chóng chiếu soi pháp giới Phổ Môn). Chúng ta thường gọi “*Phổ Môn pháp giới*” là “*trọn khắp pháp giới, hư không giới*”. “*Đốn chiếu*”: Một chiếu, hết thấy đều chiếu, chẳng sót một

thứ gì! “*Tất nhiếp nhất thiết vi bạn*” (Ất đều gồm thâu hết thảy làm bạn). “*Tất*” (必) là nhất định. Nhiếp hết thảy các pháp môn làm bạn, Hoa Nghiêm là chủ, chủ và bạn chẳng hai! “*Vô tận, vô tận*”: Đây là [cảnh giới] của Hoa Nghiêm Chỉ Quán, chúng ta có thể thấu hiểu câu này. Nói đến Chỉ Quán được mong cầu trong kinh Hoa Nghiêm thì đây chính là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Phần kinh văn chúng ta đang đọc hiện thời [chính là cảnh giới của] hàng Thập Tín Bồ Tát, còn chưa đạt đến [Sơ Trụ], nhưng đã mấp mé gần đến, tiến lên cao hơn một cấp, sẽ là Sơ Trụ trong Viên Giáo, sẽ khế nhập cảnh giới ấy, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Quý vị thấy đó, buông xuống Kiến Tư phiền não, Kiến Tư phiền não là chấp trước, buông xuống Trần Sa phiền não, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não cũng buông xuống, Vô Minh phiền não là vọng tưởng, chẳng ở trong mười pháp giới, đã vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới, sẽ là thế giới Hoa Tạng. Do vậy, chúng ta hiểu: Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, sẽ đạt được Hoa Nghiêm Chỉ Quán.

Tuy trong thế giới Hoa Tạng còn có bốn mươi một tầng cấp, chư vị hãy ngẫm xem: Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống. Tôi nói “*vọng tưởng*” là khởi tâm động niệm. Nói cách khác, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, ở trong cảnh giới ấy, lấy đâu ra tầng cấp? Nếu còn có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ thảy đều trọn đủ, toàn bộ đều tồn tại, chính là như thế đó! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều hoàn toàn chẳng có, lấy đâu ra tầng cấp? Thật sự là chẳng có tầng cấp! Chẳng có tầng cấp, [thế mà] đức Phật dạy có tầng cấp, những tầng cấp ấy do đâu mà có? Do tập khí vô thỉ vô minh chẳng đoạn, [tức là hành nhân] chẳng có vô minh, đã buông xuống [vô minh], nhưng chưa đoạn tập khí. Đối với tập khí, trong phần trước, tôi [đã nói] cổ nhân dùng mùi của cái bình đựng rượu để tỷ dụ tập khí, tỷ dụ ấy dễ hiểu. Cần phải tốn một thời gian dài, tự nhiên [mùi rượu trong bình] chẳng còn nữa. Cổ nhân nói: Ở đây, vận dụng [các phương pháp trừ phiền não], sẽ chẳng đắc lực. Vì sao? Chẳng thể khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm, tức là vô minh dấy lên hiện hành. Căn bản là chẳng khởi tâm, không động niệm, thanh tịnh tịch diệt; đây là chân trí. Do vậy, phép Quán của người ấy có thể quán Phổ Môn pháp giới, tức là trọn khắp pháp giới, hư không giới. Lại còn là pháp giới trùng trùng vô tận, người ấy đều thấy rõ ràng, đều thấy minh bạch. Trọn khắp pháp giới, hư không giới là một Thế, một pháp giới, cho nên mới gọi là Nhất Chân. Pháp giới mới gọi là Nhất Chân. Từ chỗ này, chúng ta sẽ lãnh hội đôi chút, thấu hiểu ít phần. Chỗ khác biệt giữa Pháp Thân Bồ Tát và chúng ta là gì? Đã nói rõ ràng [ở đây]!

Sau đó, còn có [lực] thứ mười, lực thứ mười là tư duy, tức “*tư duy lực*”.

(Sớ) Tư duy giả, trừ lượng ưng tác bất ưng tác cố.

(疏) 思惟者，籌量應作不應作故。

(Sớ: Tư duy là suy tính có nên làm hay không nên làm).

Nay chúng ta nói [tư duy] là “suy xét”. Quý vị suy nghĩ nhiều lẽ, nếu đều hiểu minh bạch, rõ ràng mọi thứ, chẳng thể nói là “hiểu rõ mười phần”, có những thứ chỉ hiểu được một, hai phần, quý vị suy nghĩ, [sẽ biết]: “Trong thế gian hiện thời, chuyện nào ta nên làm? Chuyện nào ta chẳng nên làm?” Chuyện chẳng nên làm, quyết định chớ nên làm nữa! Chuyện đáng nên làm, sẽ thực hiện tốt đẹp; đó là đúng. Đại Thừa Phật pháp có Thể và Dụng. Nói theo phía bản thân ta: Không ngừng nâng cao cảnh giới của chính mình là chuyện nên làm. Chuyện gây chướng ngại khiến cho cảnh giới chẳng thể nâng cao chính là chuyện chớ nên làm; phải hiểu điều này! Đối với người khác mà nói: Giúp chúng sanh lìa khổ được vui, đáng nên làm. Khiến cho chúng sanh vì ta mà chịu khổ, đấy là chuyện chớ nên làm. Chúng ta phải thực hiện, phải thật sự hành! Ta thật sự tu hành, thật sự đúng lý, đúng pháp, tự nhiên sẽ gia trì người khác. [Nghĩa là] người khác trông thấy, sẽ sanh tâm hoan hỷ, tán thán, học tập theo quý vị; đấy là lợi tha. Do vậy, tự lợi là lợi tha, lợi tha là thật sự tự lợi, Tự và Tha chẳng hai. Biết chuyện gì đáng nên làm, chuyện gì đừng nên làm, chuyện này quan trọng hơn bất cứ chuyện gì khác!

Thanh Lương đại sư nói mười câu này rất hay, cả mười câu đều nói là Lực. Những lực ấy có thể giúp chúng ta tăng trưởng đạo nghiệp, có thể giúp chúng ta nâng cao cảnh giới, mười loại lực mà! Đương nhiên, những gì kinh đã nói đều là nêu ra những trường hợp tiêu biểu. Hiểu rõ đạo lý này, [sẽ biết] phạm những lực nào giúp chúng ta tăng trưởng đạo nghiệp, chúng ta thấy đều phải làm. Đó là Tăng Thượng Duyên cho sự tu hành của chúng ta. Lại xem đoạn kinh văn thứ năm tiếp theo. Đoạn thứ năm nói về Thiện Xảo. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn:

(Kinh) Vân hà đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo, Dục Giới thiện xảo, Sắc Giới thiện xảo, Vô Sắc Giới thiện xảo, Quá Khứ thiện xảo, Vị Lai thiện xảo, Hiện Tại thiện xảo?

(經)云何得蘊善巧。界善巧。處善巧。緣起善巧。欲界善巧。色界善巧。無色界善巧。過去善巧。未來善巧。現在善巧。

(Kinh: Làm thế nào để đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo, Dục Giới thiện xảo, Sắc Giới thiện xảo, Vô Sắc Giới thiện xảo, Quá Khứ thiện xảo, Vị Lai thiện xảo, Hiện Tại thiện xảo?)

Chúng ta xem phần Sớ của Thanh Lương đại sư, đây là đoạn thứ tư trong phần Biệt Thuyết.

(Sớ)Đệ tứ u pháp thiện xảo, giai ước lưu chuyển dĩ minh.

(疏) 第四於法善巧，皆約流轉以明。

(Sớ: Thứ tư, thiện xảo đối với các pháp, đều dựa theo sự lưu chuyển để minh định [những ý nghĩa này]).

Đoạn này hoàn toàn nói về Sự, chẳng nói về Lý, mà hoàn toàn là luận định Sự! Mười câu này được chia thành ba đoạn, bốn câu đầu là “lưu chuyển chi Thể” (cái Thể của sự lưu chuyển). Chúng ta gọi “lưu chuyển” là luân hồi trong lục đạo,

chẳng thoát ra được! Vì thế, những lời này nhằm chuyên nói với chúng sanh trong lục đạo, có thể nói như thế đó! “*Uẩn, Giới, Xứ, Duyên Khởi*” là Thể của sự lưu chuyển. Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới là nơi chốn để lưu chuyển, quý vị lưu chuyển tại nơi nào? Lưu chuyển trong tam giới, trong vòng tam giới. Tam giới là lục đạo, chẳng thoát ra được. “*Quá khứ, vị lai, hiện tại*” là nói tới thời gian, “*tam thế, lưu chuyển chi thời*” (ba đời là thời gian lưu chuyển). Các nhà khoa học hiện đại khá thông minh, họ đã phát hiện thời gian và không gian chẳng thật. Dưới một điều kiện nào đó, không gian bằng zéro, chẳng có không gian! Dưới một điều kiện nào đó, thời gian bằng zéro! Thời gian và không gian đều chẳng chân thật, từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói rõ điều này!

Sách giáo khoa sơ học nhập môn của Tướng Tông là Bách Pháp Minh Môn Luận. Trong tài liệu giảng dạy ấy, đức Phật đã nói về không gian và thời gian. Đức Phật chia hết thấy các pháp thành năm loại lớn:

- Loại thứ nhất là Tâm Pháp.
- Loại thứ hai là Tâm Sở Pháp, tức là hiện tượng tâm lý, hoạt động tâm lý.
- Loại thứ ba nói về Sắc Pháp. Sắc pháp là vật chất. Tâm và Tâm Sở đều chẳng phải là vật chất, chúng ta gọi chúng là tinh thần, còn sắc pháp là vật chất.
- Thứ tư là nói đến Bất Tương Ứng Hành Pháp. Có một thứ như thế đấy, nó lại chẳng phải là tâm pháp, mà cũng chẳng phải là Tâm Sở Pháp. Nó cũng chẳng phải là sắc pháp, nhưng cũng chẳng có cách nào lìa khỏi những pháp ấy. Nói theo cách hiện thời, loại này chính là những khái niệm trừu tượng, chẳng thật! Thật ra, [bách pháp] cũng đều chẳng thật, nhưng thứ này (Bất Tương Ứng Hành Pháp) quá giả!

- Loại thứ năm là Vô Vi Pháp. Chúng là thật, vĩnh hằng bất biến.

Trong năm loại lớn ấy, không gian và thời gian đều thuộc loại Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách hiện thời, do đâu mà có thời gian và không gian? Do khái niệm trừu tượng, tuyệt đối chẳng là sự thật. Từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chuyện này, đến nay mới được giới khoa học phát hiện.

Các khoa học gia nói “*dưới một loại điều kiện nào đó*”, điều kiện ấy là gì? Trong Phật pháp, điều kiện ấy được gọi là Chỉ Quán, Chỉ Quán là Thiền Định. Bởi lẽ, danh từ Thiền Định là Phạn Hoa hợp dịch, gồm hai chữ. Thiền (禪) tức là chữ phiên âm [rút gọn] của Thiền Na (Dhyāna). Định (定) là văn tự Trung Hoa. Vì trong Thiền Na quả thật có ý nghĩa Định trong tiếng Hán; do vậy, người phiên dịch đã dịch Thiền Na thành Thiền Định. Giải thích, Thiền Định là Tĩnh Lự, Tĩnh (靜) là vắng lặng. Lự (慮) có nghĩa là sự tĩnh chỉ ấy chẳng chết cứng, mà là sống động. Vì thế, nó có Quán. Nếu nói nó Tĩnh chẳng có Lự, hoặc có Chỉ mà chẳng có Quán, cảnh giới cao nhất sẽ là Vô Tướng Thiên trong Tứ Thiền Thiên. Người ấy có Định, công phu định lực rất sâu, nhưng trong Định chẳng có quán chiếu. Vì thế, Định ấy là loại Định chết cứng, chẳng khởi tác dụng. Định ấy chẳng sanh trí huệ, Định ấy vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Sai mất rồi! Phật pháp nói trong Định có cảnh giới, cảnh giới ấy là Quán.

Những điều này đã được nói trong phần trước. Những điều đã nói trong phần trước, có phạm vi to lớn, “*phổ nhãn tề chiếu*”, “*đốn chiếu Phổ Môn pháp*”

giới”. Phạm vi này to lớn, hàng Bồ Tát minh tâm kiến tánh mới có thể làm được. Những kẻ tu hành trong tam giới chẳng đạt đến, chẳng có Định sâu như thế. Do đó, chẳng có năng lực Chiếu to lớn như vậy. Người đắc tiểu định sẽ có năng lực quán chiếu nhỏ, đại định sẽ có năng lực quán chiếu to hơn. Công phu Định, nói nghiêm ngặt, mỗi cá nhân khác biệt! Cùng là một người, nếu người ấy thật sự tu hành, mỗi năm sẽ khác hẳn, mỗi năm sẽ một sâu hơn, trí huệ mỗi năm một lớn hơn, người ấy hằng ngày có tiến bộ! Đức Phật chỉ vì chúng ta nói khái lược. Nếu nói chi tiết, sẽ chẳng có cách nào nói được! Mỗi người mỗi khác! Ngay như mỗi cá nhân, mỗi năm đều khác nhau, mỗi tháng chẳng giống nhau. Vì thế, Tĩnh Lự hay Tịch Chiếu đều là dịch từ chữ Thiên Định. Tịch (寂) là tịch diệt, tịch diệt là Chi; Chiếu (照) là chiếu kiến. Đây là Quán.

“*Thiện xảo*” (善巧) hoàn toàn nói theo Quán, thấy những hiện tượng trong vũ trụ, thời gian và không gian cũng hết sức thiện xảo. Thiện (善) là tốt, Xảo (巧) là khéo! Chúng ta không xem phân kinh văn này, nhưng nếu chúng ta quan sát kỹ lưỡng thân thể con người, quý vị hãy nói xem, có phải là thiện xảo đến tột cùng hay chẳng? Mắt có thể nhìn, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể tiếp xúc, ý có thể biết. Quý vị thấy chuyện này, trên thực tế, trong ấy đều có! Đó là gì? “*Uẩn thiện xảo*”. Những điều tôi đã nói đều được bao gồm trong Uẩn. Uẩn chính là Ngũ Uẩn (Pañca Skandha), tức Sắc (Rūpa), Thọ (Vedanā), Tưởng (Samjñā), Hành (Samskāra), Thức (Vijñāna). Sắc là vật chất, nay chúng ta nói là Nhân Căn, Nhĩ Căn, Tỵ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn, Ý Căn. Ý Căn thuộc loại tâm pháp; năm căn trước đó, tức Nhân, Nhĩ, Tỵ, Thiệt, Thân, đều là sắc pháp. Trong tâm pháp có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đó là Ngũ Uẩn.

Quý vị quan sát, tư duy cẩn thận, chúng có phải là thiện xảo tột bậc hay không? “*Xảo*” (巧) là xảo diệu. Có hai con mắt, hai con mắt thì mới điều chỉnh tiêu cự (focal length); có [điều chỉnh] tiêu cự thì mới hiển thị xa hay gần. Nếu chỉ có một con mắt, xa hoặc gần sẽ nhìn chẳng ra. Rõ rệt nhất là như khi chúng ta dùng máy chụp hình: Khi dùng một máy chụp hình, hình chụp sẽ là hai chiều. Nếu dùng hai máy chụp hình, điều chỉnh tiêu cự đúng mức, sẽ là hình lập thể (ba chiều, 3D). Ở Mỹ, tôi đã từng xem phim 3D, chẳng có gì khác, chỉ là hai máy chiếu phim đồng thời, khiến cho quý vị cảm nhận rõ ràng cảm giác lập thể! Uẩn thiện xảo đấy!

“*Giới thiện xảo*”, Giới là mười tám giới. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, đây là mười tám giới. Sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn. Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong sáu trần, pháp trần là đối tượng của ý căn. Sáu thức là [các thức nơi] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Mười tám món gồm sáu căn, sáu trần, sáu thức ấy đã gồm toàn thể vũ trụ. Toàn thể vũ trụ chẳng ra ngoài mười tám giới ấy. “*Giới*” (界) là “giới hạn, giới phần”, chẳng ra khỏi mười tám [giới hạn ấy]. Sáu căn, sáu thức nơi bản thân loài người chúng ta, đó là Căn Thân của chúng ta. Căn (根) là sắc thân, chúng ta gọi Thức là “tinh thần”. Cái thân của động vật là một hiện tượng do tinh thần và vật chất hòa hợp như thế đó. Cảnh giới

bên ngoài gồm có lục trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đã bao gồm toàn thể vũ trụ. Nay đã hết thời gian rồi, hãy nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp:

(Kinh) *Uân thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo.*

(經) 蘊善巧。界善巧。處善巧。

(Kinh: *Uân thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo.*)

“Xứ” (處, Āyatana) là mười hai xứ (Dvadasayatani). Trong kinh giáo, khi đức Phật khai thị cho đại chúng, đã dựa theo căn tánh bất đồng của chúng sanh. Nói theo kiểu hiện thời, tinh thần cùng vật chất được Phật pháp gọi là “*sắc, tâm*”. Sắc là vật chất, Tâm là tinh thần. Đối với kẻ mê Sắc nhẹ, mê tâm nặng nề, tức là đối với phương diện tinh thần, người ấy mê nặng nề, đối với phương diện vật chất, người ấy mê nhẹ hơn, đức Phật nói Ngũ Uẩn. Quý vị thấy Ngũ Uẩn, Sắc chỉ nói một điều, Tâm nói đến bốn điều, tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đây là đức Phật thuyết pháp thiện xảo. Mười hai xứ [là để nói với kẻ] hoàn toàn tương phản với hạng người trước, kẻ đó mê tâm nhẹ, mê sắc nặng, tức là đối với phương diện vật tướng (物相, hình tướng của vạn vật) bèn mê rất nặng. Vì thế, đức Phật nói nhiều về sắc tướng. Trong Sắc, nói ra sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nêu ra sáu loại trần. Đối với thân bèn nói năm căn. Năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, mười một điều ấy, tức là năm căn cộng với sáu trần, mười một món đều là sắc pháp, chỉ có ý căn là tâm. Như vậy là đối với tâm pháp chỉ nói một điều, sắc pháp nói mười một điều. Đây là kẻ mê tâm pháp nhẹ, mê sắc pháp nặng, đức Phật liền nói theo cách ấy.

Nếu đối với sắc và tâm đều mê rất nặng, đức Phật bèn nói mười tám giới (Astādaśa Dhātavaḥ). Trong mười tám giới, tâm pháp được nói thành bảy món, sáu thức là tâm pháp, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức, sáu món, đây là tâm pháp. Trong lục căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm căn ấy là sắc pháp, ý căn là tâm pháp. Do vậy, trong mười tám giới, tâm pháp nói ra bảy món, sắc pháp nói ra mười một món, gộp chung lại là mười tám món. Đây là đức Phật thuyết pháp thiện xảo, cho nên có ba cách thuyết pháp là Uẩn, Xứ, Giới. Ba cách thuyết pháp ấy mở rộng ra sẽ là toàn thể vũ trụ, quý vị hãy cẩn thận quan sát, chẳng có gì không thiện xảo!

Chúng ta xem con người. Con người được sanh ra, như trong hiện thời, dùng khoa học kỹ thuật để tạo ra con người, tạo kiểu nào cũng chẳng tạo được! Thiện xảo mà! Quý vị lại xem các tiểu động vật. Quý vị thấy trứng gà nở ra một con gà con. Con gà con vừa được sanh ra, quý vị hãy quan sát nó cẩn thận. Chúng ta dùng khoa học kỹ thuật tạo ra con gà con, có thể tạo ra một quả trứng nở ra gà giống như vậy, tinh xảo dường ấy hay không? Vũ trụ tạo ra vạn vật, thiện xảo đến tột cùng. Đề hình dung chuyện ấy, bọn phàm phu chúng ta chỉ đành dùng bốn chữ “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chúng ta thấy muôn hình muôn vẻ trong vũ trụ, vì sao có thể thiện xảo dường ấy? Do vậy, các tôn giáo đều nói những thứ ấy do thần tạo

ra, chẳng phải do con người làm ra, mà là do thần tạo ra. Nhưng [cách nói ấy] lại có vấn đề: Thần tạo ra vạn vật, ai tạo ra thần? [Nếu bảo] “thần không do ai tạo”, nói kiêu ấy chẳng suông! Thần không do ai tạo mà có, vậy thì vạn vật chẳng bắt buộc phải do thần tạo ra, mà cũng có thể tự mình có. Mâu thuẫn trong cách nói này hết sức nhiều! Chúng ta thấy đức Phật giải thích như thế nào? Đức Phật nói tới duyên khởi, vạn pháp do nhân duyên sanh. Duyên hết sức phức tạp; nay chúng ta miễn cưỡng gọi Duyên là “điều kiện”. Nó phải trọn đủ khá nhiều điều kiện, hiện tượng do vậy sẽ phát sanh. Các điều kiện ấy nếu thiếu một, hai điều, hiện tượng sẽ chẳng thể phát sanh. Vì thế, đức Phật giải thích hiện tượng vạn hữu trong vũ trụ bằng “nhân, duyên, quả”, nói đến ba điều; nhưng Ngài chẳng nói đến nhân mà nói về duyên!

Cái nhân của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chính là các chủng tử nghiệp tập được chứa đựng trong A Lại Da Thức, gần như hết thảy chúng sanh thảy đều có. Do vậy, trong A Lại Da Thức của mỗi người, cũng là trong nội tâm của quý vị, có chủng tử Phật, có chủng tử Bồ Tát, có chủng tử Thanh Văn, [chủng tử] Duyên Giác, có chủng tử trời, có chủng tử người, mà cũng có chủng tử nga quý, địa ngục, súc sanh, thảy đều trọn đủ. Trong tâm thảy đều trọn đủ! Chủng tử nào sẽ dậy lên hiện hành? Phải nhờ vào duyên. Chủng tử chẳng có duyên, nó sẽ không thể dậy lên hiện hành, cũng có nghĩa là nó sẽ không thể hiện tướng, nhất định phải cấy vào duyên. Vì lẽ này, Phật pháp nói “*duyên sanh*”, chẳng nói “*nhân sanh*”, [luôn luôn] nói là “*duyên sanh*”.

Bốn pháp duyên sanh là Thân Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, Vô Gian Duyên, và Tăng Thượng Duyên. Đây là nói đại lược. Đức Phật quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn. Trong bốn loại lớn ấy, ba loại lớn đầu tiên bản thân chúng ta đều có, chỉ có một loại Tăng Thượng Duyên là ở ngoài, là trợ duyên bên ngoài, còn ba thứ kia chính bản thân ta đều trọn đủ.

Sở Duyên Duyên là những gì chúng ta mong mỏi. Chúng ta mong mỏi chủng tử nào sẽ dậy lên hiện hành; đây là Sở Duyên Duyên. Trong kinh giáo, đức Phật thường diễn tả điều này bằng câu: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Sở Duyên Duyên là tâm tưởng. Thật sự là chủng tử của mười pháp giới chúng ta đều có. Nay chúng ta đang tâm tâm niệm niệm mong muốn điều gì? Mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, ý niệm ấy chính là Sở Duyên Duyên. Sở Duyên Duyên thù thắng, thù thắng khôn sánh! Quý vị chẳng nghĩ gì khác, mong làm Phật. Vậy thì vì sao rất nhiều người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Tâm niệm của họ chẳng chuyên! Tuy tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng vẫn nghĩ tới tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn nghĩ tưởng ngũ dục, lục trần, vậy là chẳng có cách nào hết! Tâm tưởng của họ chẳng thuần, tạp loạn. Vì thế, người ấy chẳng thể vãng sanh được! Đạo lý ở chỗ này.

Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, sẽ thành công. Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, thừa cùng chư vị, đều thuộc loại Sở Duyên Duyên. Một mực chuyên niệm cũng là Vô Gian Duyên. Quý vị chẳng thể gián đoạn chuyện này. Gián đoạn sẽ không được, niệm tại đâu, nghĩ tại đó. Quý vị chớ nên thay đổi ý niệm. Ý niệm thay đổi, nhất niệm sẽ bị

gián đoạn. Do vậy, chúng ta quan sát cẩn thận, quan sát chính mình, quan sát người khác, [sẽ thấy] nguyên nhân khiến cho công phu niệm Phật chẳng đắc lực, chẳng thể thành tựu là ở chỗ nào? Tọa niệm quá nhiều! Kẻ ấy chẳng phải là chuyên niệm, chẳng phải là nhất tâm, mà là loạn tâm, quá nhiều vọng niệm! Vọng niệm, tạp niệm, làm sao có thể thành công cho được? Há có lẽ ấy! Nếu nhất tâm chuyên niệm, sẽ thành công.

Niệm niệm chẳng quên, đây là chuyên niệm. Nói thật thà, chẳng cần một thời gian rất dài, ba năm hoặc năm năm. Thông thường, phần lớn là ba năm, tối đa là năm năm, quý vị sẽ thành công. Sau khi đã niệm thành công, vãng sanh tự tại, quý vị muốn vãng sanh, sẽ thật sự vãng sanh. Chẳng muốn trụ trong thế gian này, đi sớm một chút, đâu có thọ mạng mà chẳng cần đến, quý vị có công phu này. Có công phu này, vẫn ở trong thế gian thêm mấy năm nữa, đó là gì? Đó là vì có duyên phận. “*Duyên phận*” là trong thế gian này còn có khá nhiều người có thể tiếp nhận sự giáo huấn, tiếp nhận sự khuyên dạy của quý vị. Quý vị khuyên họ niệm Phật, họ chịu nghe theo. Người khác khuyên họ niệm Phật, họ không tin tưởng, quý vị có duyên với họ. Vậy thì quý vị do giúp đỡ kẻ hữu duyên, bèn trụ trong thế gian này thêm mấy năm nữa. Cái hay là quý vị thật sự đắc công phu thành phiền, chưa phải là nhất tâm. Hễ công phu thành phiền, sanh tử bèn tự tại.

Khi nào muốn ra đi, bèn ra đi lúc ấy; muốn trụ thêm mấy năm nữa cũng được, chẳng trở ngại. Đó gọi là “*sanh tử tự tại*”. Đối với thế gian này, xác thực là chẳng nhiễm mấy trần. Đối với những thứ tốt đẹp kiểu nào đi nữa, chẳng hề tham luyến, chẳng động niệm. Đối với những thứ chẳng tốt đẹp đến mấy đi nữa, cũng sẽ chẳng dấy lên ác niệm, chẳng có sân khuê. Nói cách khác, lục căn tiếp xúc hết thấy người, sự, vật, xác thực là chẳng dấy lên tham, sân, si, mạn, nghi, những điều ấy đều gọi là vọng niệm, chẳng khởi lên những thứ ấy! Ý niệm ấy là gì? Xác thực là Chỉ Quán như vừa mới nói trong phần trước! Không khởi tâm động niệm là Chỉ, hiểu rành mạch, rõ ràng, minh bạch là Quán. Quán là Huệ, có Định và Huệ. Định là không khởi tâm, không động niệm, chẳng có chuyện gì không hiểu rõ ràng, không hiểu rành rẽ, Quán đây! Có Chỉ, có Quán.

Trong một đời, chúng ta phải đồ công dốc sức, thật sự đồ công dốc sức ở chỗ này, công phu có thể đắc lực, tức là quý vị thật sự có thể buông xuống. Quý vị thật sự mong công phu đắc lực, nhưng lại không buông xuống được, vậy là không có cách chi hết! Vì sao bao nhiêu người công phu không đắc lực? Do chẳng buông xuống cảnh duyên. “*Cảnh*” (境) là nói đến vật chất, “*duyên*” (緣) là nói tới nhân sự. Quý vị còn có người thân ái, hoặc người ưa thích không buông được. Đây là “*duyên*”. Quý vị còn có tài sản, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng không buông xuống được. Đây là vật chất, thuộc về cảnh giới. Thấy đều phải buông xuống! Không chỉ là nhân gian phải buông xuống, mà cảnh giới trên cõi trời tốt đẹp ngàn ấy cũng đều phải buông xuống. Nếu quý vị chẳng buông xuống được, sẽ như thế nào? Không buông xuống được, trong tương lai sẽ sanh lên trời, chẳng đến thế giới Cực Lạc được!

Vô Trước, Thiên Thân, và Sư Tử Giác là ba anh em học Phật, công phu đều khá lắm. Các Ngài tu Duy Tâm Thức Định, tu đến mức độ khá lắm. Sư Tử

Giác vãng sanh trước, các Ngài cầu sanh về Di Lạc Tịnh Độ trong Đâu Suất Thiên. Ba người ước định, người nào đi trước, đến đó, phải nhanh chóng trở về báo tin. Sau khi Sư Tử Giác vãng sanh, từ đầu tới cuối chẳng trở về, chẳng có tin tức chi hết! Sau đây, Vô Trước Bồ Tát cũng vãng sanh, sau khi sanh lên Đâu Suất Thiên, ngay lập tức quay về, báo với Thiên Thân Bồ Tát. Thiên Thân Bồ Tát hỏi: “Vì sao ba năm anh mới trở lại báo tin?” Ngài nói: “Ta gặp mặt Di Lạc Bồ Tát, ngay lập tức trở về. Cõi trời và nhân gian thời gian sai khác rất lớn. Một ngày trong Đâu Suất Thiên là bốn trăm năm trong nhân gian” Quý vị nghĩ xem, ba năm, người ta ở trên đó vừa gặp mặt liền quay về ngay, đã mất ba năm! Một ngày trên đó là bốn trăm năm trong nhân gian. Thiên Thân bèn hỏi: “Sư Tử Giác thì sao?” Vô Trước nói Sư Tử Giác đã tới tầng trời thứ tư của Dục Giới là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên có ngoại viện, những thiên nữ ở ngoại viện rất đẹp, [Sư Tử Giác] bị thiên nữ mê hoặc, hiện thời còn chưa đến nội viện! Hãy nghĩ phước báo trên cõi trời nhân gian chẳng thể sánh bằng, gặp cảnh giới ấy, quý vị có thể bỏ được hay không? Quý vị có thể buông xuống hay không? Có thể thấy thấu suốt hay không? Vì lẽ ấy, lục đạo rất khó vượt thoát. Chuyện này cũng khó trách đức Phật dạy đệ tử, “*lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”, có đạo lý đây!

Chớ nên tham cầu hưởng thụ. Tập khí tham cầu hưởng thụ rất nặng, thuận cảnh thiện duyên hiện tiền, ngay lập tức quý vị đọa lạc. Phải bỏ, trong lúc bình thường phải bỏ, càng bỏ sạch càng hay! Vì sao? Chẳng có vướng mắc! Đối với chuyện này, nói “*bỏ*” nghĩa là trong tâm không chấp trước, thật sự buông xuống. Nhưng có cần phải buông xuống nơi Sự hay không? Sự có thể ảnh hưởng đến cái tâm của quý vị; vì thế, đức Phật dạy kẻ sơ học phải buông xuống từ Sự. Còn như người tu hành trong tứ thánh pháp giới, do đã vượt thoát lục đạo luân hồi, có buông xuống nơi Sự hay không, chẳng sao cả! Tâm họ đã thanh tịnh, quyết định chẳng có tham nhiễm. [Nếu] họ có tham nhiễm, sẽ không thoát khỏi lục đạo. A La Hán thoát khỏi lục đạo, [tức là] trong Kiến Tu phiền não, [các Ngài] chẳng có năm Lợi Sử, mà năm Độn Sử³⁹ cũng chẳng có. Kiến Tu phiền não bao gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, [những kiến chấp ấy] đều chẳng có, tham, sân, si, mạn, nghi chẳng có, thấy đều đoạn hết sạch, sẽ chứng quả A La Hán. Có Sự hay không, chẳng liên quan chi hết, chẳng tiêm nhiễm mảy may nào! Người ấy thật sự thấy thấu suốt.

Phàm phu không được! Quý vị thấy sắc nghe tiếng bèn khởi tâm động niệm, hồng mắt rồi! Khi ấy, làm như thế nào? Giống như chúng ta cũng mong cầu đời nghiệp vãng sanh, hãy tận hết sức tránh né, tận hết sức trừ bỏ, lìa khỏi cảnh duyên. Đây là hợp lý! Quý vị công phu chẳng đủ, chẳng thấy thấu suốt, chỉ đành dùng phương pháp này. Sử dụng phương pháp này lâu dài, sẽ dần dần trở thành thói quen, rất có hiệu quả; khi lâm chung, niệm Phật chẳng nảy sanh chướng ngại. Phải hiểu [điều này]! Do vậy, đối với kinh này, trong các phần trước, tôi đã trình bày cùng quý vị: Kinh chẳng thể không nghe, chẳng thể không đọc, chẳng

³⁹ Lợi Sử chính là năm thứ kiến (Kiến phiền não), tức Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Độn Sử (Tu phiền não) là tham, sân, si, mạn, nghi.

thể không niệm Phật, chẳng thể không trì giới, chẳng thể không tu phước, chẳng thể không cầu sanh Tịnh Độ. Như vậy thì mới có thể bảo đảm chúng ta vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này. Kẻ mới học, người tu lâu, đều phải thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình.

(Kinh) Duyên khởi thiện xảo.

(經)緣起善巧。

(Kinh: Duyên khởi thiện xảo).

Trong một phẩm thuộc phần trước, chương thứ nhất là “*duyên khởi thâm thâm*” (duyên khởi rất sâu), Thanh Lương đại sư đã chú giải: “*Duyên khởi, Lục Địa quang minh*”, nghĩa là đến phần sau, trong phẩm Thập Địa, nơi chương Lục Địa, sẽ nói rất cặn kẽ [về duyên khởi]. Trong phần trước, chúng ta đã thấy duyên khởi quá sâu. Bốn câu “*Uẩn, Xứ, Giới, Duyên Khởi*” chính là Thể của sự lưu chuyển. Xác thực là ai đang lưu chuyển luân hồi trong lục đạo? Bốn điều ấy đều có dính líu! Ngũ Uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, “*duyên khởi*” (Pratītya Samutpāda) có thể nói là Thập Nhị Nhân Duyên (Dvādaśanidāna). Trong Thập Nhị Nhân Duyên, có quá khứ, hiện tại, vị lai, mười hai nhân duyên trong ba đời! Chúng tôi giới thiệu đơn giản đôi chút về danh từ Thập Nhị Nhân Duyên. Thứ nhất là Vô Minh (Avidyā), thứ hai là Hành (Saṃskāra), thứ ba là Thức (Vijñāna), thứ tư là Danh Sắc (Nāmarūpa), thứ năm là Lục Nhập (Ṣaḍāyatana), thứ sáu là Xúc (Sparsa), thứ bảy là Thọ (Vedanā), thứ tám là Ái (Trṣṇā), thứ chín là Thủ (Upādāna), thứ mười là Hữu (Bhava), thứ mười một là Sanh (Jāti), thứ mười hai là Lão Tử (Jarāmaraṇa), mười hai danh tướng ấy. Vô Minh ở đây chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, trong kinh luận, đức Phật bảo: Đây chính là Chi Mạt Vô Minh. Vô Minh [trong Thập Nhị Nhân Duyên] là Chi Mạt Vô Minh, chẳng phải là Căn Bản Vô Minh (Mūlāvidyā). Vô Minh duyên Hành, Vô Minh ở đây là tập khí phiền não, là chủng tử trong A Lại Da Thức. Chủng tử gặp duyên, duyên là gì? Duyên là hạnh nghiệp. Gặp duyên, người ấy sẽ đầu thai, Thức bèn đầu thai. Vì thế, Vô Minh và Hành là cái nhân trong đời quá khứ, từ Thức đến Thọ là quả báo trong đời này. Trong Phật pháp, có Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Hành chính là Dẫn Nghiệp, dẫn dắt quý vị đi đầu thai.

Đầu thai cũng phải có điều kiện, chẳng phải là vô điều kiện. Con cái và cha mẹ có bốn loại duyên, đức Phật dạy điều này! Nếu chẳng có cái duyên ấy, nó sẽ chẳng thể đầu thai vào nhà quý vị:

1) Loại thứ nhất là báo ân. Trong quá khứ, quý vị có ân đối với nó, nó hết sức cảm ơn, sẽ đầu thai làm con cái trong nhà quý vị. Đứa con ấy từ bé cũng rất ngoan ngoãn, hiếu tử hiền tôn (con hiếu, cháu hiền). Do có cái nhân từ đời quá khứ, đây là báo ân.

2) Thứ hai là báo oán. Trong đời quá khứ, quý vị có xích mích đối với nó, có cừ oán, oán hận, đời này nó đến báo cừ. Nó sẽ là đứa con ngỗ nghịch, bất hiếu, bại hoại gia đình, có thể khiến cho quý vị tan cửa nát nhà, đến báo cừ mà!

3) Loại thứ ba là trả nợ. Trong đời quá khứ, quý vị đã bố thí cho nó rất nhiều, hoặc là nó thiếu nợ quý vị rất nhiều. Đời này gặp gỡ, nó còn có phước báo, bèn đến để trả nợ. Như vậy thì con cháu sẽ cung phụng quý vị về mặt vật chất chẳng thiếu thốn, tuy chẳng có hiếu tâm, chẳng có lòng cung kính đối với cha mẹ, nhưng sẽ chiều cố đời sống của cha mẹ. Lại còn tùy thuộc vào nợ nhiều hay ít. Nếu thiếu nhiều, nó sẽ trả nhiều, cuộc sống vật chất của quý vị rất sung túc. Nếu thiếu nợ ít, nó sẽ trả ít, miễn cưỡng làm cho quý vị có thể sống qua ngày, quý vị chẳng được dư dả chi cả!

4) Lại còn có một loại là đời nợ, tức là cha mẹ thiếu nợ nó. Thiếu nợ ít, đại khái là trẻ sanh ra, sống đến ba, bốn tuổi bèn chết ngắc, nó bỏ đi. Thiếu nợ nhiều, mười mấy tuổi, hai mươi tuổi mới chết, nó ra đi. Quý vị vun quén cho nó học hành, học đến khi tốt nghiệp đại học, chết ngắc, [cha mẹ] tốn không ít tâm huyết, hao tốn chẳng ít tiền. Đời nợ đầy mà!

Bốn thứ duyên đầy nhé! Chẳng có bốn loại duyên ấy, sẽ chẳng sanh vào nhà đó!

Vì thế, hiện thời, chúng tôi thấy rất nhiều người làm cha mẹ than với tôi trẻ nhỏ khó dạy. Do nguyên nhân nào? Đại khái đều là do báo oán, đều là do đời nợ. Vì thế, chính mình phải suy nghĩ, quý vị có phải là ưa thích bố thí, thích cúng dường, thích giúp đỡ những người khổ sở, khó khăn hay không? Quý vị bố thí ân đức, vậy thì con cái quý vị sẽ tốt đẹp, đều đến để báo ân, đều đến để trả nợ, chẳng phải là báo oán, chẳng nhằm đời nợ. Làm sao chẳng tốt đẹp cho được? Nếu khởi tâm động niệm đều là ích kỷ, luôn mang ý niệm tổn người, lợi mình, thôi rồi! Trong tương lai, con cháu của quý vị toàn là đến đời nợ, hoặc đến báo oán, chuyện này phiền toái to lớn!

Một người trong một đời, bất luận là ai, những chuyện gặp gỡ suốt một đời trong thế gian này đều có mối quan hệ nhân quả báo ứng với đời trước. Nếu quý vị hiểu rõ ràng, sẽ chẳng oán trời, sẽ chẳng hờn người. Vì sao? Tự làm tự chịu, quý vị có thể trách ai được chớ? Đức Phật đã giảng những chuyện này quá rõ ràng. Người một nhà, con hiếu, cháu hiền, chẳng phải là chuyện dễ! Trong đời quá khứ, đã bố thí ân đức, làm lành tích đức; do vậy, người ấy mới có quả báo tốt lành đó. Phạm là những kẻ ích kỷ, tổn người, lợi mình, tuyệt đối chẳng có con cháu tốt đẹp! Chư vị hãy xem xét kỹ càng lịch sử Trung Hoa và ngoại quốc, rồi quý vị lại nhìn kỹ xã hội hiện thời, xem xét những dòng họ quý tộc đầy quyền thế, hãy xem con cháu họ có thể hưng vượng mấy đời? Hai đời là đã khá lắm rồi, chẳng hề có ba đời đâu nhé! Do đạo lý nào? Quý vị học nhiều Phật pháp sẽ hiểu rõ, chẳng cần phải hỏi ai khác!

Vì thế, Vô Minh (無明) và Hành (行) là chủng tử của nghiệp tập đời trước, đời này gặp duyên, tức là quý vị và cha mẹ có bốn loại duyên ấy, sẽ đầu thai vào nhà họ. Đầu thai là Thức, người Hoa gọi Thức là “*linh hồn*”, nó đến [đầu thai].

Kế đó là Danh Sắc (名色). Đại khái, Danh Sắc là thọ mạng trong một, hai tuần. Nó chỉ là một khối thịt, gọi bằng gì cũng đều không được, cho nên gọi nó là Danh Sắc. “*Danh*” là nói tới tinh thần, “*Sắc*” là nói về vật chất. Nó là tinh thần và vật chất hỗn hợp trong cùng một khối thịt.

Danh từ kế tiếp là Lục Nhập (六入). Lục Nhập là thai nhi đã thành hình người, có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nó có hình dáng giống như một người, nhưng chưa thể gọi là người, bèn gọi là Lục Nhập.

Mãi cho đến khi nó sanh ra, khi sanh ra bèn gọi là Xúc (觸). Nó tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, thoát khỏi thân mẹ bèn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài. Xúc là từ sanh ra cho đến già chết, hằng ngày quý vị luôn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài.

Thọ (受) là quý vị cảm nhận. Cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả.

Đây là năm thứ quả báo trong đời hiện tại, tức Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ. Ba thứ đầu trong năm loại này là khi đang ở trong thai, khi còn đang ở trong thai mười tháng. Sanh ra thì gọi là Xúc, bèn có Thọ. Do vậy, Xúc và Thọ là suốt đời cho đến khi già, chết. Đó là quả! Thọ khổ, thọ lạc, lục căn tiếp xúc khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, trong Phật pháp gọi những điều này là Mãn Nghiệp, tức là những quả báo đạt được trong đời này từ những việc hành thiện, tạo ác trong đời trước. Trong đời hiện tại, ngoài việc hứng chịu quả báo ra, kẻ ấy sẽ còn tạo tác. Tạo tác dẫu nhiều, đức Phật đã quy nạp chúng thành ba điều, tức là ba chi trong hiện tại, là gì vậy? Chính là nghiệp nhân cho đời sau. Điều thứ nhất là Ái (愛). Ái là Vô Minh, Ái là phiền não. Ý nghĩa này là hiểu theo nghĩa rộng. Người mà ta ưa thích thường mong mỗi ở chung một chỗ. Kẻ ta chẳng ưa, hy vọng hẳn sẽ xa lìa ta. [Những điều ấy] đều dùng chữ này (Ái) để biểu thị. Do vậy, hàm nghĩa (ý nghĩa được bao hàm) trong chữ này rất rộng, rất sâu.

Ái là một ý niệm. Hễ có ý niệm ấy, kẻ đó sẽ mong đạt được. Vì thế, [chi nhân duyên] tiếp theo gọi là Thủ (取), tức là đạt được. “Thủ” ở đây hiểu theo nghĩa rộng, [có ý nghĩa] ham thích, mong mỗi ta sẽ đạt được; đối với thứ ta chẳng ưa thích, mong mỗi sẽ xa lìa. Những điều ấy đều thuộc về Thủ, dùng chữ này để biểu thị. Chúng ta chia hết thấy cảnh duyên bên ngoài, “cảnh” (境) là hoàn cảnh vật chất, “duyên” (緣) là hoàn cảnh nhân sự, thành hai loại lớn: Một là yêu, hai là ghét, tức là chán ghét nó. Chia thành hai loại lớn ấy! Do vậy, Ái có hai loại lớn, Thủ cũng có hai loại lớn. Ưa thích thì mong mỗi đạt được, chẳng ưa thích thì mong mỗi vứt bỏ, đều thuộc về Thủ. Tạo tác đấy nhé! Hiện thời đang tạo tác. Do tạo tác, trong A Lại Da Thức của quý vị lại có chủng tử. Hễ có chủng tử thiện ác, bèn có một cái Hữu (有). Chủng tử thiện ác ấy chính là Vô Minh và Hành trong đời sau. Hiện tại gọi nó là Hữu, đời sau gọi nó là Vô Minh và Hành. Vì thế, đời sau, quý vị sẽ lại đi đầu thai!

Hai chi trong vị lai, tức là đời sau quý vị lại có Sanh. Hễ có Sanh bèn có Lão Tử. “Sanh” là không nhất định thọ sanh vào một đường nào trong lục đạo. Bất luận ở trong đường nào, đều có lão, đều có tử. Đức Phật nói mười hai chữ, mười hai danh từ, chỉ rõ nhân quả ba đời, chúng ta chớ nên không biết chuyện này! Nếu quý vị biết đạo lý này, dẫu trong đời này có rất nhiều chuyện chẳng như ý, ta hiểu đây là gì? Chính là trong đời quá khứ, ta đã tạo tác hết thấy quả báo bất thiện! Đã hiểu, ta sẽ sửa lỗi, đổi mới, nhất định sẽ đoạn ác tu thiện trong một đời này. Như vậy thì sẽ có thể biến đổi quả báo trong một đời này!

Gần đây, có không ít đồng học đã quay Liễu Phàm Tứ Huấn thành phim bộ nhiều tập. Quay phim sớm nhất là Mã Lai, phim chỉ có hai tập, dài hai tiếng đồng hồ, cũng khá hay khéo, tôi đã xem rồi. Sau này, tại Bắc Kinh, chúng tôi đã một lần cho quay phim dài sáu tiếng. Trong sáu tiếng ấy, có những chỗ không thỏa đáng cho lắm; vì thế, sau đó, rút gọn thành bốn giờ. Còn có rất nhiều đồng học khác đưa kịch bản cho tôi xem, đều mong mỗi sẽ được quay thành phim. Bản thân chúng tôi cũng sang Bắc Kinh tìm một người bạn, chúng tôi muốn quay một bộ phim TV nhiều kỳ dài đến hai mươi tập. Phim hai, ba tập, đài truyền hình chẳng tiếp nhận, tôi thiểu là hai mươi tập, phim Liễu Phàm Tứ Huấn đấy nhé. Sửa đổi vận mạng như thế nào? Vận mạng chắc chắn là có, do nghiệp nhân trong đời trước, đời này hứng chịu quả báo, mạng đã định sẵn rồi! Tuy vận mạng đã định, vẫn có thể sửa vận mạng, chẳng phải là không thể sửa. Vì sao? Cái nhân do chính mình đã tạo, đương nhiên là chính mình hứng chịu cái quả! Đã là chính mình tạo nhân, chính mình sẽ có thể sửa đổi cái nhân đó! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Kẻ khác đến giúp quý vị sửa đổi, đó là giả trá, gạt người! Xem tướng, đoán mạng, sửa đổi Phong Thủy gì đi nữa, toàn là lừa người! Hãy sửa từ khởi tâm động niệm của chính quý vị. Vì thế, Liễu Phàm Tứ Huấn là một giáo huấn rất tốt.

Ngoài ra, còn có một bộ sách là Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký cũng hết sức hay! Nếu quay thành phim nhiều tập, tôi tin là còn hay khéo hơn Liễu Phàm Tứ Huấn. Nhưng tài liệu về ông ta chẳng phong phú như tiên sinh Liễu Phàm, chỉ có một người đồng hương là La tiên sinh viết một thiên truyện ký về ông ta, tức là tác phẩm Ngô Táo Thần Ký (ký sự về chuyện gặp ông Táo), viết rất hay! Hai hôm nay, pháp sư Ngô Đạo đem đến một kịch bản phim truyền hình cho tôi xem. Tôi xem xong, thấy không dài, sáu tập. Đây là [kịch bản phim] Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký được viết rất tốt, khá lắm, có thể quay thành phim để lưu thông, nhằm dạy người ta sửa đổi vận mạng như thế nào. Đây gọi là “*phùng hung hóa cát, ngộ nạn thành tường*” (gặp hung hiểm mà thành tốt lành, gặp nạn bèn thành may mắn).

Đức Phật giảng về nghiệp nhân quả báo rất sâu, rất rộng, rất kín nhiệm. Ở đây, điều quan trọng nhất là trong một niệm có trọn đủ mười hai nhân duyên. Chớ nên chẳng chú ý đến ý niệm, chớ nên không cẩn thận. Một niệm sanh ái (yêu mến) tức là Vô Minh dấy lên. Vô minh là gì? Chẳng liễu giải chân tướng sự thật, quý vị mới có thể khởi tâm động niệm. Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là gì? “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”, người liễu giải chân tướng sự thật, tâm địa thanh tịnh, bất luận cảnh giới gì hiện tiền, đều như như bất động, hiểu rành mạch. Đây là Quán Chiếu, là Định Huệ. “Như như bất động” là Định; “hiểu rành mạch” là Huệ. Do vậy, tâm quý vị vừa động một niệm, chúng ta nói là “*dấy động cảm tình*”, vô minh bèn khởi lên. Do cảm tình, quý vị mới tạo nghiệp, đó là Hành. Quý vị chuyên tâm nghĩ tới nó, đó là Thức. Thức kết hợp với Sắc thành Danh Sắc. Lục căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đều chuyển theo ý niệm của quý vị, đó gọi là Lục Nhập. Lục Nhập xúc động sự cảm nhận, tức là Xúc. Ba thứ cảm nhận là khổ, lạc, vô ký đều tự nhiên dấy lên. Đó là Thọ. Triền miên chẳng bỏ là Ái. Ở đây, hãy ghi nhớ, ghét

bỏ, ôm nỗi oán hận, chẳng vui thích, cũng chẳng chịu buông xả, khó chịu mất vài ngày. Những điều này đều thuộc về Ái.

Nay đã hết thời gian rồi, phía sau hãy còn có mấy điều chúng tôi chưa lại để lần sau có thời gian, sẽ học tập tỉ mỉ cùng các vị đồng học. Những điều ấy sẽ giúp cho chúng ta quan sát chân tướng sự thật.

Tập 1482

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ năm trong phần trước của phân trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt để quý vị dò đúng chỗ.

(Kinh) Vân hà đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo?

(經)云何得蘊善巧。界善巧。處善巧。緣起善巧。

(Kinh: Làm thế nào để đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo?)

Chúng ta đọc tới chỗ này. Đối với mười thiện xảo trong đoạn này, bốn câu đầu trong phần mười thiện xảo nói về “*lưu chuyển chi Thể*” (cái Thể của sự lưu chuyển), “*lưu chuyển*” (流轉) là sanh tử luân hồi, luân hồi trong lục đạo. “*Uẩn, Giới, Xứ*” tức là Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai xứ, và duyên khởi, đều là nói về Thể. Tiếp đó, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới là nói tới nơi chốn để quý vị lưu chuyển, luân hồi. Quý vị luân hồi ở nơi đâu, ở chỗ nào, nêu ra nơi chốn. Sau đây nói “*quá khứ, vị lai, hiện tại*” là nói về thời gian. Chúng ta có thể nói Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới là không gian; “*quá khứ, hiện tại, vị lai*” là thời gian. Ở trong không gian và thời gian nào sẽ phát sanh hiện tượng sanh tử luân hồi? Trong phần trước, đã giới thiệu Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai xứ. Hôm nay, chúng tôi nói về Duyên Khởi thiện xảo để biết sanh tử luân hồi rốt cuộc là chuyện như thế nào? Thông thường, nói theo Phật pháp, điều này thuộc về nhân duyên, tức là nhân duyên quan. Bích Chi Phật trong tứ thánh [pháp giới] học tập điều này. Trong kinh luận, đức Phật đã nói về những chuyện này rất nhiều!

Trước hết, chúng tôi phải giới thiệu duyên khởi đôi chút. Duyên khởi là gì? Phật pháp thường nói ba chữ “*nhân, duyên, quả*”. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói về bốn thứ duyên sanh ra pháp:

- Duyên thứ nhất trong bốn duyên là Thân Nhân Duyên; nói thật ra là nhân.
- Duyên thứ hai gọi là Sở Duyên Duyên.
- Duyên thứ ba là Vô Giáns Duyên.
- Duyên thứ tư là Tăng Thượng Duyên.

Tâm và tâm sở pháp nếu thiếu một trong bốn duyên ấy, sẽ chẳng thể sanh, chẳng thể dậy lên hiện hành. Nếu chúng ta nói tới thực vật, thực vật và khoáng vật chỉ cần hai loại duyên, một loại là Thân Nhân Duyên, loại kia là Tăng Thượng Duyên. Chúng chẳng cần Sở Duyên Duyên, chẳng có Vô Giáns Duyên! Hữu tình và vô tình sai biệt ở chỗ này. Nói chung, hữu tình lẫn vô tình thấy đều là duyên khởi. Phạm là duyên khởi (được sanh khởi bởi duyên), phạm là duyên sanh hay duyên khởi, đều chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể, thường nói là “*đương thể tức Không*” (chính cái bản thể của nó là Không), trọn chẳng thể được. Bạc Duyên Giác quan sát từ chỗ này mà giác ngộ, chúng ta nói là “*tĩnh ngộ*”, các Ngài mới có thể chứng đắc cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn có cạn và sâu. Cạn là Thiên Chân

Niết Bàn của Tiểu Thừa, sâu là Vô Trụ Niết Bàn của Đại Thừa. Chúng ta đều phải hiểu rõ ý nghĩa của những danh tướng ấy.

Nay chúng tôi giới thiệu đơn giản duyên khởi đôi chút. “*Duyên Khởi thiện xảo*” là biết hết thủy sự, hết thủy vật trong vũ trụ phát sanh như thế nào. Nếu xét theo những điều Phật pháp đã dạy, tất cả hết thủy sự vật đều chẳng có cách nào rời khỏi duyên, đều là “*đãi duyên nhi khởi*” (đợi duyên mà dậy lên), “*đãi*” (待) là chờ đợi. Nói theo cách hiện thời, Duyên là điều kiện. Điều kiện thủy đều trọn đủ, sẽ dậy lên hiện tượng. Nếu điều kiện chẳng đầy đủ, hiện tượng ấy sẽ chẳng thể phát sanh. Bất luận là hữu tình hay vô tình, người hiện thời gọi “*hữu tình*” là động vật, gọi “*vô tình*” là thực vật và khoáng vật cùng với hiện tượng thiên nhiên, đều là có khá nhiều điều kiện, giống như kinh Đại Thừa đã nói là “*vô lượng nhân duyên*” thì mới sanh khởi hiện tượng ấy, chẳng phải là rất đơn thuần. Chỉ có Phật và Pháp Thân Bồ Tát hiểu rõ ràng chuyện này, các Ngài hiểu rõ ràng; điều đó gọi là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Người hiểu rõ chân tướng là giác ngộ, giác chứ không mê. Bọn phàm phu chúng ta, không chỉ riêng loài người, mà phàm phu trong lục đạo đều chẳng giác ngộ. Tứ thánh pháp giới tuy giác ngộ, nhưng chẳng viên mãn, phải hiểu điều này. Tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; “Phật” ở đây là Phật trong mười pháp giới, chính là Tương Tự Túc Phật như Thiên Thai đại sư đã nói. Nói cách khác, các vị ấy chẳng phải là chân Phật. “*Chân*” được định nghĩa như thế nào? “*Chân*” là phải phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân. Đó là Chân, giáo pháp Đại Thừa cũng gọi vị ấy là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát là chân Phật, Thiên Thai đại sư gọi vị ấy là Phần Chứng Túc Phật. Tuy Ngài chẳng viên mãn, Ngài là [Phật] thật, chẳng giả. Sở dĩ Ngài không viên mãn là vì tập khí vô thủy vô minh chưa đoạn sạch. Trong những phần trước, chúng tôi đã nói điều này rất nhiều.

Tập khí vô thủy vô minh rất khó đoạn, phải mất một thời gian rất dài sẽ tự nhiên chẳng còn. Vì thế, giáo pháp Đại Thừa thường nói tới bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Điều này có nghĩa là trong Nhất Chân pháp giới có giai cấp hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng có! Nếu còn có giai cấp, [tức là] còn có sai biệt, sẽ chẳng gọi là Nhất Chân. Đã là chẳng có sai biệt, vì sao đức Phật lại nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ? Bốn mươi một địa vị ấy chẳng phải là bốn mươi một giai cấp hay sao? Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị. Nói thật ra, chẳng thể nói bốn mươi một địa vị ấy là có. Nhất Chân pháp giới là bình đẳng, người tu hành đạt đến cảnh giới ấy chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, thủy đều là như vậy. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lấy đâu ra giai cấp? Trong thế gian này, trong mười pháp giới, sanh ra giai cấp như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Vọng tưởng là khởi tâm động niệm. Do quý vị khởi tâm động niệm, vì quý vị có phân biệt, có chấp trước, cho nên mới có nhiều thứ bậc như vậy, mới có lắm sai biệt ngàn ấy. Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có sai biệt, trong thế giới Cực Lạc chẳng có sai biệt.

Nhưng quý vị nghe [nói như vậy], sẽ cảm thấy kỳ quái! Thế giới Cực Lạc có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, ý nghĩa này và ý nghĩa của bốn mươi một địa vị trong thế giới Hoa Tạng chẳng sai biệt cho mấy! Đó là gì? Chính là vì tập khí vô minh chẳng đoạn. Trong thế giới Hoa Tạng, xác thực là vô minh tập khí (tập khí vô trí vô minh) chưa đoạn, trong thế giới Cực Lạc chẳng phải vậy. Trong thế giới Cực Lạc, không chỉ là tập khí vô trí vô minh, mà còn kèm thêm tập khí Kiến Tư và Trần Sa, đúng là chẳng dễ dàng! Điều này gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”, vẫn đeo thêm những thứ ấy! Vì thế, đức Phật nói thế giới Cực Lạc có bốn cõi: Có cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có cõi Phương Tiện Hữu Dư, có cõi Thật Báo Trang Nghiêm, có cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chư vị phải hiểu: Trong thế giới Cực Lạc, chẳng có những danh xưng ấy! Trong thế giới Hoa Tạng cũng chẳng có [những danh xưng ấy]! Đức Phật vì chúng ta [nói ra những điều ấy], cho nên chẳng thể nói chúng là có, mà cũng chẳng thể nói là chúng không có. Vì sao chẳng thể nói chúng là không có? Xác thực là xét theo phía người tu hành, tập khí vô trí vô minh đúng là có đây hay mỏng khác nhau! Chẳng hạn như Thập Địa Bồ Tát tập khí rất ít, rất mỏng; các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền tập khí khá nặng! Nhưng chư vị phải biết: Chúng chẳng phải là Kiến Tư, chẳng phải là Trần Sa, mà là vô trí vô minh. Chúng ta chẳng có cách nào lãnh hội, chớ nên không biết điều này!

Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Nhất thiết chi hữu vi pháp, giai tự duyên nhi khởi giả*” (Hết thảy các pháp hữu vi đều do duyên của chúng mà dậy lên). “*Hữu vi*” là có sanh, có diệt; chư vị hãy ngẫm xem, có pháp nào chẳng sanh diệt? Trong kinh, đức Phật thường nói đến động vật, loài người chúng ta là động vật, có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật (là địa cầu, tinh cầu) có thành, trụ, hoại, không. Phạm những gì có các hiện tượng ấy, sẽ đều gọi là pháp hữu vi. Theo Bách Pháp Minh Môn Luận, trong một trăm pháp, có chín mươi bốn pháp hữu vi, sáu pháp cuối cùng gọi là pháp vô vi. Đối với pháp vô vi, chẳng thể nói tới duyên được. Nó chẳng phải là đời duyên mà sanh, nó thật sự tự nhiên tồn tại, tồn tại vĩnh hằng. Trong các pháp vô vi, chỉ có một pháp là vô vi thật sự (tức Chân Như vô vi), năm thứ khác đều là tương tự vô vi, chúng chẳng thể gộp vào trong các pháp hữu vi. Như hư không, hư không là vô vi. Chúng ta chẳng thấy hư không có sanh diệt, chẳng thấy sự biến hóa của nó, hư không thuộc về pháp vô vi. Rõ ràng là bất cứ loại nào, động, thực, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên, thảy đều là do có duyên mà sanh. Nay chúng ta gọi Duyên là điều kiện. Nếu trọn đủ những điều kiện sanh sản ấy, nó sẽ sanh khởi, hiện tượng sẽ hiện tiền.

Trong Trung Quán Luận Sớ có giải thích đơn giản.

(Sớ) Trung Quán Luận Sớ, thập.

(疏) 中觀論疏十。

(Sớ: Trung Quán Luận Sớ, quyển mười).

“*Thập*” là quyển thứ mười. Cuối quyển thứ mười, có mấy câu như thế này.

(Sớ) Duyên khởi giả, thể tánh khả khởi.

(疏)緣起者體性可起。

(Sớ: “Duyên khởi” là Thể Tánh có thể dấy lên).

Cần phải nói rõ điều này. Thể tánh là nhân, Thể là Pháp Thân, Tánh là Pháp Tánh. Quý vị thấy trong các kinh Đại Thừa, trong các kinh luận Đại Thừa, đức Phật luôn dạy: Vũ trụ do đâu mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Đức Phật đã nói rất hay: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Ở đây, cái tâm và cái thức ấy được gọi là Thể Tánh. Thể tánh là nhân, nó có thể hiện, có thể biến, đây là duy tâm sở hiện. Nhất Chân pháp giới do thể tánh hiện khởi, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đọi duyên mà sanh khởi. Các vị thuộc tông Pháp Tướng đã gọi “*đọi duyên để sanh khởi*” là “*duy thức sở biến*”, chúng thuộc vào mười pháp giới. Thức là gì? Thức là Thể Tánh đã mê thì gọi là Thức. Giác ngộ thì gọi là Tánh. Nói theo Thể, nó là thật, là chân tâm. Nói theo Tướng, nó là hư vọng. Vì thế, chúng ta nói A Lại Da Thức là chân vọng hòa hợp.

Chúng ta là chúng sanh trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng là chúng sanh. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa của danh từ này. Do các duyên hòa hợp cùng sanh khởi thì gọi là Chúng Sanh. Đọi duyên để phát khởi chính là chúng sanh. Duyên quá nhiều, vô lượng, vô biên, chẳng đơn thuần; do vậy, hễ là “*duyên sanh*” (pháp được sanh bởi các duyên) thì đều gọi là chúng sanh! “*Chúng sanh*” có ý nghĩa hết sức rộng lớn, chúng ta thường gọi loài người là chúng sanh, đây là nói theo ý nghĩa rất hẹp! Tất cả động vật là chúng sanh, tất cả thực vật là chúng sanh, tất cả khoáng vật là chúng sanh, tất cả các hiện tượng tự nhiên đều là chúng sanh, [bởi lẽ, chúng đều] do các duyên mà phát khởi, hòa hợp, sanh ra các hiện tượng. Phải hiểu rõ ràng hai chữ “*chúng sanh*”, phải hiểu rõ ràng ý nghĩa của nó!

Vì thế, “*thể tánh khả khởi*”. Có thể khởi mà nó chẳng phát khởi được là vì lẽ nào? Duyên không trọn đủ. Ví như loài người chúng ta, đức Phật nói, hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh; lại nói, tất cả hữu tình chúng sanh, “*hữu tình chúng sanh*” là nói đến động vật, đương nhiên bao gồm loài người trong ấy, “*đều có trọn đủ cái nhân của mười pháp giới*”. Nay trong các hữu tình, chúng ta chỉ nói đến loài người, trong các hữu tình chúng sanh, chúng ta chỉ nói một loại này. Mỗi người chúng ta đều có Phật Tánh. Nói cách khác, đều có thể tánh làm Phật. Trong thể tánh của chúng ta có Phật, vì sao nay chẳng phải là Phật? Duyên chẳng trọn đủ! Nay chúng ta tu hành, tu là gì? Tu là duyên, hy vọng sẽ khiến cho cái duyên thành Phật (điều kiện làm Phật) thấy đều trọn đủ. Nhân đã có, ai nấy đều có cái nhân Bồ Tát. Trong mười pháp giới, cái nhân thứ nhất cũng là duyên. Cái duyên thứ nhất quan trọng nhất. Đức Phật nói [cái duyên ấy] chính là tâm Phật bình đẳng. Có ai trong chúng ta chẳng có tâm bình đẳng? Có chứ! Bình đẳng thì là Phật!

Quý vị hãy ngẫm xem, giáo pháp Đại Thừa thường dạy chúng ta: Nếu có thể thật sự buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị chính là Phật! Nay quý vị niệm Phật mà chẳng thể thành Phật, là vì quý vị có vọng tưởng, phân

biệt, chấp trước, cho nên quý vị bị đọa lạc thành phàm phu. Phàm phu và Phật sai biệt ở chỗ này! Chúng ta nhìn vào tứ thánh pháp giới, sẽ hiểu rất rõ ràng. Quý vị buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian nữa, quý vị là A La Hán. Tiến cao hơn một bước, không chỉ là chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có, quý vị là Bồ Tát. Nếu tiến hơn bước nữa, không chỉ là chẳng có vọng tưởng, chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị là Phật. Quý vị hãy ngẫm xem, chúng ta có phải đều là trọn đủ hay không? Vấn đề ở chỗ nào? Chẳng buông xuống được! Vì không buông xuống được, cho nên mới làm phàm phu, cho nên mới đọa lạc trong lục đạo luân hồi.

Đức Phật dạy chúng ta lý luận thoát luân hồi là một câu này: “Buông chấp trước xuống!” Chấp trước là Kiến Tư phiền não, buông chấp trước xuống tức là đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo, chứng quả A La Hán. Buông xuống phân biệt, phân biệt là Trần Sa Hoặc. Đoạn trừ Trần Sa Hoặc, chứng quả vị Bồ Tát. Khởi tâm động niệm là vọng tưởng, là Vô Minh Hoặc. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đã phá vô minh, buông xuống vô minh, sẽ thành Phật. Nói theo Thê Tánh, chúng ta đều trọn đủ. Cái nhân làm Phật đã trọn đủ, cái nhân làm Bồ Tát đã trọn đủ, cái nhân làm Thanh Văn, Duyên Giác thấy đều trọn đủ. Nghiệp nhân của thiên đạo là Tứ Vô Lượng Tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, cộng thêm Thượng Phẩm Thập Thiện, sẽ sanh thiên. Chúng ta có [những cái nhân ấy] hay không? Có chứ! Vì sao biết là có? Ngay cả Nho gia cũng nói, tức là như trẻ nhỏ tại Trung Hoa học Tam Tự Kinh, câu đầu tiên là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Đây là gì vậy? Cái nhân để sanh lên cõi trời!

Bản tánh của loài người đều là thiện lương, vì sao lại biến thành bất thiện? Chẳng có ai dạy họ, học theo thói xấu! Vì thế, Trung Hoa hết sức coi trọng giáo dục, có kinh nghiệm hết sức phong phú. Người Hoa biết: Thánh nhân là do dạy dỗ mà có, thiện nhân cũng là do dạy dỗ mà ra, kẻ xấu cũng là do dạy dỗ mà ra. Xã hội hiện thời loạn đường ấy, người tốt ngày càng ít, kẻ xấu ngày càng đông là chuyện như thế nào? Do dạy dỗ mà ra! Trước kia có nhiều người tốt, đó là gì? Trong thế gian, thánh nhân và quân tử nhiều, [đại chúng trong xã hội] chịu ảnh hưởng của họ. Trong xã hội hiện thời, có lắm kẻ ích kỷ, khởi tâm động niệm toàn là tổn người, lợi mình. Học từ đâu ra? Học từ TV, học từ Internet, học từ điện ảnh, những thứ ấy đã dạy họ. Dạy người ta những thứ ấy. Quý vị nói xem, TV, Internet trong hiện thời, tôi không xem những thứ ấy, chúng có nội dung là gì? Các đồng học đã kể với tôi, [toàn là] sắc dục, bạo lực, giết, trộm, dâm, dối. Quý vị giáo dục kiểu đó, đương nhiên là xã hội này đều ngã theo bạo lực, sắc dục, ngã theo giết, trộm, dâm, dối, lẽ nào xã hội chẳng loạn cho được? Do dạy dỗ mà ra! Giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều nào khác!

Mấy hôm trước, lần này chúng tôi ngừng giảng mười ngày, tôi sang Mã Lai tham dự hội nghị hòa bình quốc tế. Trong hội nghị ấy, tôi đã giới thiệu cùng mọi người tham gia đại hội về nền giáo dục luân lý đạo đức của Trung Hoa vào thời cô. Nếu muôn hóa giải xung đột, thật sự thực hiện thế giới hòa bình, ngoài giáo dục ra, chẳng có cách nào khác! Dùng thủ đoạn chiến tranh, chỉ khiến cho

vấn đề này càng thêm phức tạp. Hội nghị khai mạc, đây là lần thứ sáu tôi tham dự hội nghị quốc tế. Bắt đầu từ năm 1970, Liên Hiệp Quốc đã khởi xướng, hy vọng có thể xúc tiến hòa bình trên thế giới. Chẳng biết hàng năm đã mở không biết bao nhiêu cuộc họp, đầu tư nhân lực, vật lực, tài lực suốt ba mươi lăm năm, chẳng biết đã họp bao nhiêu lần, [thế mà] thế giới này mỗi năm một loạn hơn, tai nạn mỗi lần càng nghiêm trọng hơn!

Từ sự thật này, chúng ta hiểu ra: Hội nghị chẳng thể giải quyết vấn đề, chiến tranh chẳng thể giải quyết vấn đề! Giải quyết vấn đề bằng phương pháp nào? Vẫn là như người Hoa đã nói: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Năm ngàn năm qua, Trung Hoa đã dựa vào đầu mà khiến cho quốc gia, dân tộc này đứng sừng sững trên thế giới chẳng bị suy thoái? Nguyên nhân chẳng có chi khác, chính là giáo dục. Người Hoa biết giáo dục, coi trọng giáo dục. Vì vậy, giáo dục tại Trung Hoa có lịch sử năm ngàn năm, năm ngàn năm kinh nghiệm, năm ngàn năm trí huệ, năm ngàn năm phương pháp, năm ngàn năm nội hàm, năm ngàn năm hiệu quả, chớ nên xem nhẹ điều này! Quý vị có thể vận dụng cách thức này của Trung Hoa để hóa giải, bất cứ xung đột nào trên thế giới cũng đều có thể hóa giải, bất cứ là ai cũng đều có thể hợp tác, thế giới an định, hòa bình. Quý vị chẳng dùng giáo dục thì dùng gì đây?

Khi tôi tham gia những hội nghị quốc tế ấy, đều giới thiệu quan niệm trọng yếu ấy với mọi người. Những người tham gia hội nghị đều là các nhân sĩ thiện tâm, đúng là chẳng tìm ra phương pháp thích đáng, biết tánh chất nghiêm trọng của vấn đề, nhưng chẳng tìm được biện pháp cứu vớt! Tại Trung Hoa, Hồ Cẩm Đào đề xướng xã hội hòa hài, thực hiện bằng cách nào? Tôi bảo mọi người, hài hòa phải thực hiện từ tâm hạnh của chính mình, phải dốc sức từ chỗ ấy. Hài hòa thực hiện từ nhà ta, hài hòa thực hiện từ thôn của ta, hài hòa bắt đầu từ trấn của ta, hài hòa bắt đầu từ huyện của ta. Dần dần mở rộng, từ huyện mở rộng đến tỉnh, từ tỉnh mở rộng ra quốc gia, từ quốc gia mở rộng ra thế giới. Nhất định phải thực hiện từ chính bản thân ta thì mới có thể thấu được hiệu quả. Nếu quên bằng [chẳng thực hiện hài hòa từ chính mình], quên bằng nhà mình, quý vị mong cầu thế giới hòa bình, há có lẽ ấy? Kinh Phật nói điều này là “*vô hữu thị xứ*” (chẳng có lẽ ấy); vì thế, phải biết bắt đầu từ chỗ nào! Quan trọng là khái niệm, vì sao phải hài hòa? Kinh Phật đã nói thấu triệt. Hai mươi câu hỏi của [Trí Thủ] Bồ Tát trong đoạn kinh văn này đều là những vấn đề to lớn. Quý vị thấy Văn Thủ Bồ Tát giải đáp, một hỏi, một đáp, chúng ta nghe hiểu minh bạch, sẽ khai trí huệ, biết hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ, biết chính mình phải nên làm như thế nào!

Thế tánh có thể khởi, đợi duyên để phát khởi. Trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa cũng có nói: “*Phật chủng tùng duyên khởi*” (Dòng giống Phật khởi từ duyên). Tổ sư đại đức trích dẫn câu này, Phật chủng sanh từ duyên, hợp lý quá! Chúng ta học Phật, bởi lẽ, Phật pháp coi trọng duyên, chẳng nói là “nhân sanh”, mà nói là “duyên sanh”, rất có lý! Vì nhân, tức là các chủng tử trong A Lại Da Thức đều có trọn đủ, nhưng chúng tùy thuộc duyên. Trong phần trước, chúng tôi đã nói, những cái nhân trong tứ thánh pháp giới, tức Phật, Bồ Tát, Thanh Văn,

Duyên Giác, chúng ta thấy đều có. Đối với lục đạo, chúng tôi cũng nói: Con người tánh vốn lành. “*Tánh con người vốn lành*” thì chính là thiên đạo và nhân đạo. Đối với ba ác đạo, ngã quý là do tâm tham, xan tham là ngã quý, sân khuê là địa ngục, ngu si là súc sanh. Trong A Lại Da Thức của quý vị, thấy đều có [những chủng tử ấy]. Vậy thì nay quý vị hãy xét xem, duyên của nghiệp nhân nào thù thắng nhất? Chúng ta nghĩ tới xã hội hiện thời, quý vị hãy lắng lòng quan sát, sau đây, quay lại nghĩ về chính mình. Nhìn ra bên ngoài, bên ngoài là một tấm gương, từ gương hãy hồi quang phản chiếu, soi xét chính mình: Trong A Lại Da Thức của ta có tham, sân, si; tham, sân, si là nghiệp nhân của ba ác đạo. Hiện thời, trong cuộc sống hằng ngày, nếu chúng ta tăng trưởng duyên tham, sân, si, sẽ phiền toái, đời sau sẽ sanh về đâu, quý vị tự hiểu rành rành! Tâm tham nặng nề, nhất định đọa ngã quý. Tâm sân khuê nặng nề, hay cáu giận, sẽ đọa địa ngục. Ngu si là chẳng hiểu rõ đúng, sai, không biện định tà hay chánh; ngu si sẽ đọa súc sanh đạo.

Trong xã hội hiện thời, chúng tôi nói những gì TV, Internet, phim ảnh, xã hội đều là dạy quý vị tham, sân, si, đều dạy quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tổn người lợi mình. Tổn người lợi mình sẽ tăng trưởng tham, sân, si. Nói cách khác, đều nhằm dạy con người vào trong ba ác đạo, chẳng phải là dạy con người sanh lên trời hay làm Phật, chẳng phải vậy! Quý vị nói xem, có đáng sợ lắm hay không? Chúng ta được làm thân người, nghe Phật pháp, hết sức khó khăn! Đã được làm thân người, nghe Phật pháp, ngay trong một đời này, chúng ta phải vứt bỏ tham, sân, si, chẳng cần những thứ ấy!

Tôi [bắt đầu] học Phật lúc hai mươi sáu tuổi, lần đầu tiên trong đời đến thưa hỏi một vị thiện tri thức là Chương Gia đại sư. Đây là lần đầu tiên qua lại cùng người xuất gia. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Nay con biết Phật pháp tốt đẹp, Phật pháp hết sức thù thắng”, tôi thưa: “Có cách nào khiến cho con có thể khéo nhập rất nhanh hay không?” Lão nhân gia dạy tôi sáu chữ. Tôi nói “có cách nào hay không?” Ngài bảo có, “*thấy thấu suốt, buông hết xuống*”. Tôi nghe rồi dường như hiểu, câu nói ấy rất đơn giản. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Thực hiện từ chỗ nào?” Ngài dạy tôi: “Bồ thí”, [nghĩa là] hãy thực hiện từ bồ thí. Vì sao? Lúc trẻ, tập khí tham, sân, si rất nặng nề. Tôi lại còn sanh trưởng ở nông thôn, hoàn cảnh gia đình hết sức nghèo khó, cuộc sống rất gian khổ; vì thế, chẳng có tâm bồ thí, chẳng có ý niệm ấy. Thầy dạy tôi học bồ thí, giảng cho tôi biết Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí, và Vô Úy Bồ Thí. Bồ thí là buông xuống, giúp quý vị thấy thấu suốt; thấy thấu suốt là trí huệ. “Buông xuống” là buông xuống phiền não, bồ thí xan tham, bồ thí sân khuê, bồ thí tập khí phiền não. Do vậy, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, do trí huệ mới có thể thấy thấu suốt, mới có thể liễu giải chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ. Đây là Phật pháp, là sự giáo dục của đức Phật. Vì thế, Phật giáo xác thực là chẳng giống những tôn giáo thông thường.

Các tôn giáo thông thường nói vũ trụ do đâu mà có? Do thần tạo ra, đều là do một vị chân thần nào đó tạo ra vũ trụ. Tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo trên thế giới, chúng tôi lại còn là bạn bè hết sức thuận thảo. Tôi đã từng nói với họ, theo như Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo và Cơ Đốc Giáo đã nói, vũ trụ do

Chúa tạo ra, tức Thượng Đế tạo ra. Bảy ngày tạo xong vũ trụ, tạo ra con người. Đạo Y Tư Lan (đạo Hồi) nói vũ trụ do An Lạp (Allāh) tạo ra. Họ gọi [thượng đế] là An Lạp, có nghĩa là Thượng Đế. Ấn Độ giáo nói vũ trụ do Đại Phạm Thiên tạo ra. Vì thế, tôi hỏi họ: “Vũ trụ chỉ có một, do vị thần nào tạo? Quý vị có từng nghĩ đến vấn đề này hay không? Hay là quý vị có nhiều vị thần trong các tôn giáo như thế, mọi người cùng nhau tạo ra? Hay là các vị thần cùng nhau kiến tạo?” Họ chẳng thừa nhận chuyện các vị thần cùng tạo, họ thừa nhận có một vị chân thần duy nhất. Tôi nói: “Đúng vậy! Tôi cũng tin tưởng là do một vị chân thần tạo ra”.

Tôi hỏi họ: “Quý vị có tin chân thần có trí huệ viên mãn hay không?” Họ đều tin chuyện này: Chân thần trí huệ vô lượng, chúng ta không có cách nào tưởng tượng. Chân thần có thần thông hay không? Ngài có thể biến hóa hay không? Họ đều tin tưởng chuyện này, tin tưởng chân thần có biến hóa, có thần thông. Tôi nói: “Vậy thì dễ biện định rồi! Vị chân thần ấy ở Trung Hoa, Ngài biến hóa thành Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Trang Tử. Ngài có thể biến, chân thần hóa thân. Trong Phật giáo, Ngài biến thành Thích Ca Mâu Ni. Trong Cơ Đốc Giáo, Ngài biến thành Gia Tô (Jesus). Trong Do Thái Giáo, Ngài biến thành Ma Tây (Moses). Trong đạo Hồi, biến thành Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed). Quý vị có tin hay không?” Bọn họ nghe nói đều ngây người, cuối cùng đồng ý với cách nhìn của tôi. Tôi nói: “Đều là một vị chân thần. Vì sao trên thế giới, vị chân thần ấy phải tạo ra nhiều tôn giáo như vậy? Phải hóa thân nhiều ngàn ấy? Đối với chuyện hóa thân, mọi người chẳng hoài nghi, vì trong kinh điển đều có nói. Chỉ vì trong thời đại ấy, giao thông chẳng phát triển, chẳng có thông tin, phạm vi sống trong một đời của nhân dân (tức là phạm vi sinh hoạt) rất nhỏ, tới khi già chết, chẳng qua lại với nhau. Thần muốn giáo hóa chúng sanh, phải đến các nơi hóa thân, sáng lập tôn giáo, tùy thuận phong tục, tình cảm và tập quán sống của người từng địa phương, cho nên mới có nhiều hiện tượng tôn giáo khác biệt phát sanh!”

Hiện thời, trên quả địa cầu này, khoa học kỹ thuật phát triển, thông tin phát triển, giao thông nhanh chóng, thuận tiện, [dân cư trên] địa cầu đã biến thành người một nhà. Hiện thời, [đã công nhận] những vị thần ấy đều là hóa thân của chân thần, chúng ta cũng phải gộp họ lại để xem như một chính thể thì mới có thể đạt được trí huệ rất sâu. Họ có thể tiếp nhận và đồng ý với cách nhìn này của tôi. Do vậy, tôi kết giao với họ, tôi thường đọc kinh Phật, mà cũng đọc Tân Cựu Ước. Tôi đọc Tân Cựu Ước thì tôi là tín đồ Cơ Đốc kiên thành, hoặc tín đồ Thiên Chúa Giáo kiên thành. Tôi đọc kinh Cổ Lan (Qur'an), tôi là Mục Tư Lâm (Muslim, tín đồ Hồi Giáo) kiên thành, chẳng có giới hạn. Chẳng thể nói họ là ngoại đạo! Nếu quý vị [thấy có] một kẻ ngoại đạo, quý vị còn có một vạch giới hạn, chẳng đạt được giáo huấn thật sự trong kinh điển! Chúng ta phải thấy như thế nào? Đây là hóa thân của Phật. Nhà Phật nói: “Đáng nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy. Đáng nên dùng phương pháp nào để giáo hóa, bèn dùng phương pháp ấy”. Phật chẳng có hình tướng nhất định, Phật, Bồ Tát chẳng có một pháp nhất định để có thể nói, [điều này thường được diễn tả là] “*vô hữu định pháp khả thuyết*”. Như vậy thì chúng ta mới biết trí huệ viên mãn, đức dụng viên mãn.

Tôi vốn cho rằng trong lần tiếp xúc ấy, còn có những người chẳng thể tiếp nhận, vẫn cần mất một thời gian dài để biện luận, thế mà trong những năm qua, tại các nơi trên thế giới đều thuận buồm xuôi gió, [người nghe] đều có thể tiếp nhận. Lão hòa thượng Trung Thôn Khang Long (Nakamura Kouryuu)⁴⁰ của Nhật Bản, năm nay đã một trăm lẻ một tuổi, mỗi lần sang Nhật, tôi đều đến gặp Ngài. Lần đầu tiên tôi gặp Ngài (vào năm năm trước), khi ấy, Ngài đã chín mươi sáu tuổi. Ngài bảo tôi: “*Tất cả những người sáng lập tôn giáo trên toàn thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát đều là Quán Âm Bồ Tát*”. Tôi nghe nói rất hoan hỷ. Vị lão hòa thượng ấy nói như thế đó! Sau khi tôi rời đi, những đồ đệ của Ngài bảo tôi: “Suốt đời, lão hòa thượng chưa hề nói lời ấy, [thế mà] Ngài lại bảo thầy điều ấy!” Lão hòa thượng tạo tín tâm cho tôi, cách nghĩ và cách nhìn ấy của tôi không sai! Lão nhân gia đã chứng thực cho tôi, tôi rất cảm kích Ngài!

Chúng ta nhất định phải khẳng định điều này, toàn thể vũ trụ, quý vị thầy đức Phật dạy rất hay. Đức Phật không nói đến chân thân, đức Phật nói gì? Ngài nói Pháp Tánh, Pháp Thân, đây chính là “*chân thân*” như những kẻ khác đã nói. Tâm hiện, thức biến, chân thân là gì? Chân thân là tánh thức. Tánh thức, quý vị nói thông tục hơn một chút, sẽ là chân tâm và vọng tâm. Chân tâm có thể hiện, vọng tâm có thể biến, thức là vọng tâm. Chân và vọng là một, không hai, vì sao? Chân tâm mê, bèn gọi nó là A Lại Da Thức; A Lại Da Thức giác ngộ, sẽ là Chân Như bản tánh. Do vậy, Pháp Tướng Tông nói A Lại Da Thức là chân và vọng hòa hợp. Từ phương diện mê thì gọi là A Lại Da, từ phương diện ngộ thì gọi là Pháp Tánh; cách nói khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Từ cơ sở này, từ quan niệm này, có thể đoàn kết các loại tôn giáo khác nhau trên thế giới, người một nhà mà! Hãy nên đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận, hãy nên hỗ trợ hợp tác, phải giúp cho người thế gian giác ngộ. Khổ do mê mà có, lạc do giác mà có. Chỉ cần giác ngộ, sẽ có thể lìa khổ được vui.

Phật pháp nói đến bốn loại duyên khởi, bốn loại duyên khởi ấy được nói trong Hoa Nghiêm.

1) Loại thứ nhất là nghiệp cảm duyên khởi, thuộc giáo pháp Tiểu Thừa. Giáo pháp Tiểu Thừa nói đến nghiệp cảm. “*Nghiệp*” là thiện nghiệp hoặc ác nghiệp do quý vị đã tạo, chúng chiêu cảm, sanh khởi hiện tượng.

2) Loại thứ hai là A Lại Da duyên khởi. A Lại Da duyên khởi là Đại Thừa Thi Giáo. [Loại duyên khởi này] do Pháp Tướng Tông nêu ra.

3) Loại thứ ba là Như Lai Tạng duyên khởi, thuộc về Đại Thừa Chung Giáo, Như Lai Tạng được nói đến trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

⁴⁰ Vị hòa thượng này sanh năm 1906, viên tịch năm 2008, pháp hiệu Tâm Dự, là môn chủ đời thứ tám mươi sáu của tổ đình Tri Ân Viện (Chion-in) thuộc Tịnh Độ Tông (Jōdo-shū) Nhật Bản, chi phái Tây Sơn (Seizan, chi phái được sáng lập bởi ngài Chứng Không, đồ đệ của tổ Pháp Nhiên) và chi phái Trán Tây (Chinzei). Ngài từng đảm nhiệm chức vụ Giám Học Trường của đại học Đại Chánh, là pháp chủ của chùa Tăng Thượng, kiêm hội trưởng hội Phật giáo Nhật Bản.

4) Loại thứ tư là pháp giới duyên khởi; đây là Viên Giáo. Kinh Hoa Nghiêm luôn nói về pháp giới duyên khởi. Hoa Nghiêm nói ngũ giáo, tức Tiểu, Thi, Chung, Đốn, [Viên]. [Cách biện định duyên khởi này] thiếu Đốn, nhưng có Viên. Vì sao không nói đến Đốn? Riêng loại trừ Đốn là vì Đốn giáo chẳng chấp tướng, nó chẳng có ngôn ngữ, lấy “*vô tướng, rời lìa ngôn ngữ*” làm tông, đạo lý ở chỗ này! Chúng ta phải hiểu điều này!

Hoa Nghiêm nói Thập Huyền, tức là mười huyền môn. Trong phần trước của kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giới thiệu điều này. Đến khi nào mới giải thích tỉ mỉ? Tôi nghĩ phải chờ đến khi giảng xong toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng, sẽ dùng phần Huyền Nghĩa của Thanh Lương đại sư để làm tổng kết. Vì đối với Huyền Nghĩa, tức là đối với toàn thể một bộ kinh mà nếu chẳng có sự nhận thức khái lược, cứ đàm huyền thuyết diệu, sẽ giống như vướng vào trong màn sương rộng năm dặm, quý vị chẳng mò được ngăn mé. Đã thông thuộc kinh Hoa Nghiêm, nắm tâng Huyền Nghĩa sẽ có ý vị vô cùng. Do vậy, tôi không giảng ở đằng trước, mà đặt ra sau để giảng, đạo lý ở chỗ này! Mười huyền môn ấy chính là pháp giới duyên khởi, nói về pháp giới duyên khởi. Chúng tôi giới thiệu đại ý của Duyên Khởi đến đây. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, chư vị pháp sư, xin mời ngồi xuống. “*Duyên khởi thiện xảo*”, quan trọng nhất là nói rõ đạo lý và chân tướng sự thật của sanh tử luân hồi. Học Phật, bất luận tu học tông phái nào, hay pháp môn nào, chẳng thể không biết chuyện này! Điều này thuộc về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đức Phật đã dạy mười hai duyên khởi thuộc về ba đời. Tôi nêu thí dụ để nói, [chẳng hạn như] một người, kinh gọi là một hữu tình (một người được nêu lên ở đây chính là một hữu tình chúng sanh), nay chúng ta gọi hữu tình chúng sanh là động vật, duyên khởi lưu chuyển trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Điều này chỉ rõ: Bất cứ một chúng sanh nào, kẻ đó có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, [những điều ấy] gọi là “*nhân quả ba đời*”. Nhân quả ba đời được chia thành mười hai đoạn để thuyết minh. Điều này được gọi là Thập Nhị Duyên Khởi, hoặc gọi là Tam Thế Thập Nhị Nhân Duyên.

Đầu tiên, chúng ta phải hiểu rõ ràng mười hai danh từ ấy. Tốt nhất là quý vị có thể ghi nhớ, những danh từ ấy cũng hết sức quan trọng. Nói chung, nếu có thể hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch, đối với sự tu hành của chính mình, giới thiệu cho người khác, quý vị sẽ chẳng mê hoặc tí nào! Danh từ thứ nhất trong mười hai danh từ ấy là Vô Minh, thứ hai là Hành, thứ ba là Thức, thứ tư là Danh Sắc, thứ năm là Lục Nhập, thứ sáu là Xúc, thứ bảy là Thọ, thứ tám là Ái, thứ chín là Thủ, thứ mười là Hữu, thứ mười một là Sanh, thứ mười hai là Lão Tử. Phải ghi nhớ mười hai danh từ ấy. Đức Phật dạy, trong giáo pháp Đại Thừa, [từ ngữ Thập Nhị Duyên Khởi] là nói theo lối tân dịch. Tân và cựu là dựa theo Huyền Trang đại sư để nói. Phiên dịch kể từ Huyền Trang đại sư về sau được gọi là tân dịch, trước ngài Huyền Trang sẽ gọi là cựu dịch. Trong Phật môn, thường nói “tân dịch” và “cựu dịch” là do lấy chuyện này làm tiêu chuẩn. Tân dịch gọi là Thập Nhị Duyên

Khởi, cụ dịch gọi là Thập Nhị Nhân Duyên. Trên thực tế là nói cùng một chuyện, nhưng giữa tân dịch và cựu dịch, có [danh xưng] khác biệt đôi chút!

Duyên khởi là nhân duyên, lại gọi bằng một danh xưng đơn lẻ là Nhân Duyên Quán. Nhân Duyên Quán chính là Bích Chi Phật, còn gọi là Chi Phật Quán. [Chi Phật tức là] Bích Chi Phật, coi pháp ấy là Quán môn của Bích Chi Phật. Quán môn là phương pháp tu hành của Ngài. Quán: Như trong phần trước, tôi đã nói với quý vị về Chỉ Quán. [Nếu] nói một chữ, khi nói đến Chỉ, trong Chỉ có Quán; nói Quán, trong Quán có Chỉ. Chỉ và Quán chẳng tách rời. Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Do vậy, Chương Gia đại sư dạy tôi, sau khi tôi khế nhập Phật môn, đối với phương tiện giáo học thiện xảo của lão nhân gia hết sức bội phục. Quý vị ngẫm xem, tôi mới nhập môn, chẳng biết gì hết, nghiêm nhiên nêu ra một vấn đề lớn như vậy. Nếu Ngài giảng về Chỉ Quán, có giảng suốt một tháng tôi nghe cũng chẳng hiểu rõ, sẽ khiến cho tôi hồ đồ, mơ màng! Ngài thay đổi danh từ thành “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là Quán, buông xuống là Chỉ, cao minh tốt bậc! Đối đãi thành phần trí thức trong hiện thời phải có phương tiện thiện xảo. Ý nghĩa vẫn là như vậy, nhưng cách nói khác đi, khiến cho họ dễ dàng lý giải, rất dễ tiếp nhận. Đây là thiện xảo, là thật sự cao minh. Đó gọi là “*thâm nhập thiên xuất*” (thâm nhập, nhưng diễn tả nông cạn). Thuyết pháp thì nhất định là quý vị phải khiến cho đối phương nghe hiểu, nhất định là phải khiến cho đối phương có thể khế nhập. Như vậy tức là đạt được hiệu quả, chúng ta và họ học tập chẳng uổng công!

Mười hai điều ấy nhằm nói đến duyên khởi theo thứ tự của sự luân hồi trong lục đạo trải khắp ba đời của chúng sanh. Do vậy, Huyền Trang đại sư dịch là Duyên Khởi. Dịch theo lối cổ là Nhân Duyên, chẳng sai, nhưng dịch là Duyên Khởi thì có lẽ ý nghĩa sẽ cạn hơn một chút, càng dễ lý giải hơn đôi chút. Vì thế, gộp hai lối tân và cựu dịch lại để xem, chúng ta sẽ hiểu rõ. Mười hai chữ ấy nói về ba đời, hai tầng nhân quả trong ba đời. Trong kinh giáo, đức Phật thường nói: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị*” (Muốn biết nhân đời trước, những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đây). Ta nghĩ trong đời quá khứ đã làm những gì ư? Quả báo ta hứng chịu trong một đời này chính là nó đây. Có nhân thì sẽ có quả. Đức Phật dạy: “*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó đây). Nếu lại nghĩ quả báo trong đời sau của ta sẽ ở đâu ư? Quả báo của ta tốt hay xấu? Đức Phật dạy, những gì quý vị đã tạo tác trong đời này chính là nó. Tạo tác trong đời này là nhân, là cái nhân cho đời sau, đời sau sẽ cảm quả báo. Do vậy, hai tầng nhân quả trong ba đời, đã tạo nhân trong đời quá khứ, đời này chịu quả báo. Tạo nhân trong đời này, đời sau chịu quả báo. Hai tầng nhân quả, ba đời!

Trong rất nhiều tôn giáo, toàn là quan niệm hai đời, [tức là] chỉ có đời này và đời sau, chẳng nói đến đời quá khứ. Chẳng hạn như Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, Y Tư Lan Giáo đều là quan niệm hai đời, chẳng nói đến ba đời. Nhưng chúng ta xem kinh cho kỹ, sẽ nhận thấy trong kinh [của các tôn giáo] thật sự có ba đời. Do vậy, tôi đặc biệt dùng bút đỏ khoanh những đoạn kinh văn ấy. Tức là trong kinh Cô Lan, Chân Chúa (Allāh) đã nói. Chân Chúa là Thượng Đế, là chân

thần. Ông ta nói: “*Ta dựa theo sự tiền định để sáng tạo vạn vật*”. Thượng Đế tạo ra vạn vật, Thượng Đế tạo ra con người, hoặc là cho quý vị hưởng phước hay chịu tội trong đời này, có phải là do ý nghĩ của Thượng Đế hay không? Chẳng phải. Thượng Đế nói Ngài dựa theo sự tiền định, “*tiền định*” chính là những điều thiện hay ác do quý vị đã tạo từ trước! Đời trước, quý vị làm lành, đời này Thượng Đế sẽ ban phước cho quý vị, quý vị là người hưởng phước. Nếu đời trước quý vị làm ác, Thượng Đế sẽ khiến cho quý vị đời này phải chịu khổ, phải mắc nạn. Đây là có đời trước! Tôi đưa đoạn kinh văn ấy cho họ xem: “Trong kinh điển của quý vị có nói đến đời trước!”

Kinh Cổ Lan nói đến sáu thứ tín, tức là tín điều cơ bản có sáu thứ. Trong sáu thứ ấy, thứ nhất là tin vào Allāh, tức là phải tin một vị chân thần duy nhất. Allāh là Thượng Đế của họ, là chân thần duy nhất, phải tin vào Allāh! [Thứ hai là] tin thiên sứ, Allāh đã phái những thiên sứ như Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) thuộc loại thiên sứ, do Thượng Đế hóa thân, quý vị phải tin tưởng thiên sứ. [Thứ ba là] tin kinh điển, phải tin tưởng kinh Cổ Lan. [Thứ tư là] tin vào tận thế, tức là ngày tận thế như kinh Cổ Lan đã nói. [Thứ năm là] tin vào tiền định, điều này trọng yếu. “*Tiền định*” là có đời trước! Nhất định là quý vị có đời trước. Đó là cái nhân, đời này quý vị hưởng quả báo. Do vậy, tìm tội trong kinh điển, tìm tội cẩn thận, sẽ thấy quả thật cũng là có tam thế. Vì thế, Thượng Đế chẳng phải tùy tiền định ra chuyện cát, hung, họa, phước cho bất cứ ai. Chẳng phải là ta thích kẻ đó, kẻ đó tin ta, ta ưa chuộng hẳn, sẽ ban phước cho hẳn. Kẻ đó chẳng tin ta, ta liền giáng tai họa cho hẳn! Chẳng phải như vậy, [mà là] tiền định, căn cứ trên tiền định, điều này nói rất có lý.

Dương nhiên, nói tỉ mỉ nhất, rõ ràng nhất, minh bạch và thấu triệt nhất, sẽ là kinh Phật. Mười hai nhân duyên nhân quả ba đời, nói khá tỉ mỉ. Thứ nhất là Vô Minh. Vô Minh là phiền não tập khí từ đời quá khứ. Nếu chẳng có phiền não tập khí, tức là quý vị chẳng tạo nghiệp. Nói tổng quát, đức Phật quy nạp phiền não thành ba loại lớn: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não; nói chung, chẳng ra ngoài ba loại lớn phiền não tập khí ấy! Vì tập khí phiền não, quý vị mới tạo nghiệp. Tạo nghiệp chính là điều thứ hai, tức Hành. Hành là hành vi. Hành vi là gì? Dựa vào phiền não trong đời quá khứ mà tạo tác hạnh nghiệp thiện hay ác. Vì thế, Hành là tạo tác. Tạo tác có thiện và ác. Đây là nghiệp.

Vô minh là duyên, nghiệp là nhân, phải hiểu rõ mối quan hệ này. Nếu chúng ta dùng ba đời để tỷ dụ, Vô Minh giống như ông nội, Hành là cha, Thức ở sau đó mới là chính mình. Đây là quả báo. Vì Vô Minh nên mới có Hành, do Hành nên mới có Thức, Thức ấy đầu thai. Cái nhân gần với sự đầu thai nhất, được gọi là Thân Nhân Duyên. Cái xa xôi hơn, xa hơn một chút, sẽ gọi là Tăng Thượng Duyên, nó chẳng phải là Thân Nhân Duyên. Nó có nhân và duyên, chúng ta phải phân định rõ, cái nào là nhân? Cái nào là duyên? Cái nào là quả? Do vì có duyên mới sanh ra các nghiệp nhân. Trong đời quá khứ đã tạo tác nghiệp nhân thiện hay ác, hiện tại thọ quả báo. Điều thứ nhất trong quả báo là đầu thai, [tức là] Thức nương theo cái nghiệp trong đời quá khứ để nhận lấy một niệm thọ thai trong đời hiện tại. Thức là thân thức, người Hoa gọi nó là “*linh hồn*”, trong Phật pháp gọi

là Thức. Ai đến đầu thai? Nó (Thức) đến đầu thai. Thức ấy là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức của chính chúng ta đến đầu thai.

Đầu thai cũng cần có duyên, tức là có duyên với cha mẹ. Chẳng có duyên, quý vị sẽ chẳng thể đến chỗ họ để đầu thai được! Vì thế, đức Phật thường nói quan hệ cha con có bốn loại duyên. Bốn loại duyên là:

1) Báo ân: Trong đời quá khứ, ta và kẻ khác có ân, tức là kẻ khác đối với ta có ân, ta thấy người ấy bèn sanh lòng hoan hỷ, ta đến báo đáp kẻ ấy. Đứa con đến đầu thai để báo ân sẽ là con hiếu, cháu hiền, do quan hệ trong đời trước dẫn khởi, cha mẹ có ân đối với con.

2) Loại thứ hai hoàn toàn trái nghịch, tức là báo oán. Đời trước cha mẹ và con là cừu nhân. Lần này, sau khi trông thấy, bèn đến đầu thai trong nhà kẻ thù để báo cừu. Báo cừu thì lúc bé nhất định sẽ khiến cho cha mẹ hết sức yêu quý, sau khi trưởng thành, con sẽ bất hiếu, là phá gia chi tử, nhất định sẽ khiến cho quý vị nhà tan, người chết! Bất luận là hữu ý hay vô tình, đều là do nghiệp lực dẫn dắt. Chuyện này rất đáng sợ!

3) Loại thứ ba là đòi nợ. Trong quá khứ, cha mẹ thiếu tiền con, nó đến đòi nợ. Sanh vào nhà quý vị, quý vị chăm sóc, nuôi nấng nó kỹ càng, nó cũng khiến cho cha mẹ vui sướng lắm. Hai, ba tuổi chết tươi. Đây là gì? Thiếu nợ ít, quý vị đổ tâm huyết, tốn kém tiền bạc cho nó, nó đòi xong rồi, đi mất! Nếu mắc nợ nhiều, đại khái đến hai mươi tuổi, ví như quý vị chăm chút nó, rất vất vả vun vén cho nó trưởng thành, tốt nghiệp, giành được học vị Tiên Sĩ, tự mình có thể dần thân vào xã hội, bèn chết ngắc, đi mất rồi! Món tiền quý vị phải chi dụng, nó đã đòi xong, đòi xong xuôi bèn ra đi. Nó với quý vị chẳng có mối quan hệ nào khác, nó đến đòi nợ, là quỵ đòi nợ.

4) Loại thứ tư là trả nợ. Trả nợ là gì? Đời trước, con cái thiếu tiền cha mẹ. Vì thế, đời này, nó phải kiếm tiền nuôi nấng cha mẹ. Nếu nó thiếu cha mẹ rất nhiều, nó phụng dưỡng cũng rất sung túc, cha mẹ thứ gì cũng chẳng thiếu. Nếu nó thiếu nợ ít, sẽ có thể chiếu cố cuộc sống của cha mẹ, nhưng chẳng phụng dưỡng sung túc. Chúng ta quan sát xã hội này cẩn thận, sẽ có thể thấy được. Quý vị sẽ thấy những đứa trẻ đến đòi nợ, đến trả nợ, đến báo ân, hay là đến báo oán.

Vì thế, hiện thời có rất nhiều kẻ làm cha mẹ đến kẻ với tôi, con cái bất hiếu, khó dạy! Do nguyên nhân nào? Chính mình phải nên hiểu, chúng ta có phải là đời đời kiếp kiếp bố thí ân đức cho hết thảy chúng sanh hay không? Nếu tâm địa quý vị quả thật thiện lương, bố thí ân đức, trong nhà quý vị sẽ có nhiều con hiếu cháu hiền, đều là đến báo ân. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, quý vị sẽ kết cừu oán với người khác, con cháu của quý vị [là những kẻ] đến báo oán. Vì thế, làm người, quyết định chớ nên có tà niệm, chớ nên mong chiếm tiện nghi của người khác. Quý vị phải biết: Chẳng thể chiếm tiện nghi của kẻ khác đâu nhé! Quý vị chiếm tiện nghi [lúc này], trong tương lai, sẽ phải đền trả kẻ đó! Phật pháp nói rất hay, như khi ăn thịt thì đức Phật dạy: “*Người chết làm dê, dê chết làm người*”. Quý vị ăn nó nửa cân, trong tương lai sẽ phải đền nó tám lượng, chuyện là như thế đó. Há có dễ dàng như vậy! Quý vị ăn nó, chẳng đền trả nó, chẳng có lẽ ấy! Thiếu nợ cũng giống như thế, nay quý vị nghĩ trọn mọi

phương pháp để mưu đoạt tài sản của người khác về tay mình, kết quả là gì? Đòi sau, quý vị vẫn phải đền trả cho họ, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may! Vì thế, làm sao có thể tùy tiện đoạt tài sản hoặc tùy tiện gây hại người khác cho được? Chẳng thể. Dẫu quý vị có phương cách trốn tránh luật pháp thế gian, thường nói là “tìm kẽ hở luật pháp”, nhưng nhân quả sẽ trốn chẳng thoát!

Trong xã hội hiện tại, con hiếu cháu hiền ít ỏi, đó là vì nguyên nhân nào? Người hiện thời chẳng biết bố thí ân đức, chẳng biết dùng thiện tâm thành ý đối với người khác, nguyên nhân ở ngay chỗ này! Vì thế, hiện thời chúng tôi đề xướng giáo dục điều ấy. Tôi thường nói, trong mỗi lần hội nghị quốc tế, tôi nhất định sẽ nói, vì người tham gia hội nghị mỗi lần khác nhau. Tôi luôn nói ba loại giáo dục có thể hóa giải xung đột, có thể giúp thế giới này khôi phục an định, hòa bình. Thế giới này vốn an định, hòa bình. Vì thế, tôi không nói là “xúc tiến”, mà nói là “khôi phục”. Ba loại giáo dục nào vậy? Thứ nhất là giáo dục luân lý, thứ hai là giáo dục nhân quả, quý vị phải hiểu nhân quả trong Thập Nhị Nhân Duyên. Sau khi đã hiểu rõ đạo lý ấy, làm sao chúng ta có thể dùng ác ý đối với kẻ khác cho được? Tuyệt đối chẳng thể! Quý vị biết chân tướng sự thật, sẽ kết thiện duyên cùng hết thảy chúng sanh.

Tôi thường nói (các đồng học thường thân cận tôi đều biết) muỗi cắn chúng ta, muỗi chích chúng ta, quý vị hãy ngắm xem, vì sao nó nhất định phải chích quý vị? Vẫn chẳng phải là vì đói mà muốn ăn no một bữa hay sao? Ý nghĩa là như vậy đó. Nếu quý vị chịu bố thí, cúng dường cho nó, cho nó ăn, nó ăn no xong, để cho nó tự bay đi. Nó chẳng phạm tội chết. Quý vị đập nó chết tươi, sẽ kết oán với nó, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Quý vị phải biết: Trong tương lai, nó biến thành người, quý vị biến thành muỗi. Quý vị chích nó, nó cũng đập bộp một phát, đánh chết quý vị. Oan oan tương báo! Quý vị không chịu bố thí, đuổi nó đi là được rồi, nó chẳng đáng tội chết, cứ sao phải giết hại nó? Ngay cả muỗi, kiến, quý vị đều biết thương yêu, giúp đỡ nó, chẳng tổn hại nó, đó là từ bi, là bố thí ân đức. Không sát sanh, không ăn thịt, [chính là] vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu!

Do tài bố thí được của cải. Do pháp bố thí, được thông minh, trí huệ. Do vô úy bố thí, được khỏe mạnh, sống lâu. Vì sao không tu bố thí? [Quý vị viện cớ] “tôi chẳng có tiền”, chẳng có tiền thì càng phải tu tài bố thí. Vì sao? Trong tương lai, của cải quý vị chẳng thiếu dùng! Nếu quý vị chẳng chịu bố thí, đời đời kiếp kiếp nghèo túng, đời này khôn quẩn, vất vả hơn đời trước! Nếu chúng ta chẳng gặp được thầy giỏi, chẳng gặp gỡ Phật pháp, làm sao hiểu được đạo lý này? Giáo dục luân lý là dạy người khác làm người tốt, chẳng phải là dạy người ta làm quan to, chẳng phải là dạy người ta phát tài to. Vì sao? Chức vị, phát tài thì phải có vận mạng, đã định sẵn bởi đời trước. Đời trước quý vị chẳng tu, đời này chẳng đạt được, đó là đạo lý nhất định. Nhưng quý vị chỉ cần làm người tốt, chịu tu, chịu học, gieo cái nhân cho đời sau. Đời này ta tu nhân, đời sau có quả báo tốt lành, chẳng cần hưởng quả báo trong đời này! Đời này tu cái nhân tốt, đời này làm người tốt, đây là giáo dục luân lý, giáo dục nhân quả, đạt đến viên mãn rất rõ ràng là

giáo dục tôn giáo. Chỉ có giáo dục tôn giáo mới có thể nói rõ ràng, minh bạch chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là chuyện như thế nào!

Vì thế, quý vị thầy đó, Vô Minh duyên Hành, hai điều này là cái nhân trong đời quá khứ, thuộc về đời quá khứ. Đời này đạt được quả báo, năm điều từ Thức cho đến Thọ là quả báo. Thức, nương theo nghiệp trong đời quá khứ mà thọ một niệm thụ thai trong đời này. Gặp được duyên, cha mẹ là duyên, tức là bốn loại duyên như tôi vừa mới nói. Chỉ cần có bốn loại duyên ấy, sau khi gặp gỡ, một niệm dấy lên, người ấy bèn nhập thai, ở trong thai, chúng ta nói là “đầu thai”, là chuyện như thế đó. Chẳng có kẻ nào làm chúa tể. Quý thân làm chúa tể, Diêm La làm chúa tể ư? Chẳng có chuyện ấy! Chính là một niệm của chính quý vị, do có duyên với cha mẹ mà dấy động một niệm. Một niệm ấy chính là phiền não dấy lên hiện hành, sẽ vào trong thai. Niệm ấy là gì vậy? Ái dục!

Điều kế tiếp là Danh Sắc. Danh Sắc là ở trong thai, thân tâm dần dần tăng trưởng, gọi bằng danh xưng này. Danh là vì nó là sông động, Sắc là vật chất. Nó là một khối thịt trong thai mẹ, nhưng khối thịt ấy sông động, chẳng chết cứng. Nó tăng trưởng dần dần, dần dần tăng trưởng trở thành hình dáng con người. Khi đã hoàn toàn hình thành hình dạng con người, bèn gọi là Lục Xứ (Lục Nhập). Lục Xứ là sáu căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều đã trưởng thành. Dần dần, sáu căn thấy đều trọn đủ, kẻ ấy bèn xuất thai, bèn sanh ra. Vì thế, từ khi thai nhi hình thành mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, mãi cho đến trước khi được sanh ra, đều gọi là Lục Xứ, đều gọi bằng danh xưng là Lục Xứ.

Kê đó là Xúc. Nói “Xúc” tức là nói theo kiểu trước kia. Xúc là gì? Đứa bé vừa xuất thai, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài. Vì thế, phải biết Xúc là xuất thai, tức là sanh ra. Sanh ra, sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) của nó tiếp xúc với thế giới bên ngoài thân thể mẹ, nó có cảm xúc. Quý vị thấy nó sanh ra bèn khóc, vì sao? Đau khổ. Ở trong thai mẹ là một hoàn cảnh sống, khi rời khỏi thai mẹ, sẽ là một hoàn cảnh bất đồng với vợ, nó chịu không nổi. Vì thế, nó rất đau khổ. Nó phải tập quen dần dần, tập quen với bên ngoài thai mẹ, tập quen với hoàn cảnh bên ngoài thân thể mẹ, nó phải tập quen dần. Vì thế, khi trẻ nhỏ sanh ra, chẳng có đứa nào không khóc. Quý vị nghe kỹ tiếng khóc, [sẽ thấy là] “Khổ a! Khổ a!” Kêu khổ, đến thế gian này sẽ phải khổ suốt đời! Quý vị thấy trẻ nhỏ nào vừa sanh ra bèn cười to ha hả? Chẳng có! Vì thế, quý vị nhìn từ những hiện tượng ấy, quan sát cẩn thận, sẽ liễu giải đời người xác thực là khổ. Do vậy, Xúc là tiếp xúc, từ khi sanh ra mãi cho đến lúc già chết, có ngày nào chẳng tiếp xúc? Tiếp xúc xã hội bên ngoài, tiếp xúc hết thấy người, sự, vật. Đó là Xúc.

Kế đó là Thọ. Trước kia, Thọ là sau khi đã sáu, bảy tuổi; hiện thời, Thọ sớm hơn. Chúng ta thấy điều này rất rõ ràng. Trước kia, xác thực là sau sáu, bảy tuổi, dần dần trẻ nhỏ đối với hết thấy sự vật, do nhận biết khổ lạc khác biệt mà có cảm nhận. Hiện thời như tôi thấy, thông minh một chút thì trẻ nít một tuổi đã có Thọ. Trẻ nít một, hai tuổi đã có thể quan sát sắc mặt, suy xét lời nói [của người lớn], lợi hại quá! Học từ đâu ra? Tôi nghĩ là học từ TV. Quý vị thấy sau khi nó vừa sanh ra, còn ngủ trong nôi, mỗi ngày xem những gì? Mỗi ngày xem TV. Cha mẹ chẳng dạy mà là TV dạy nó. Nó học được rất nhiều thứ từ TV. Tuy nó chưa

thể nói chuyện, chẳng đi được, trong tâm nó biết rất rõ ràng, rất minh bạch. Nhất cử nhất động của người lớn, nó mắt thấy, tai nghe, sẽ có phản ứng. Chỉ cần quý vị nhìn từ phản ứng, bèn biết là nó có Thọ, có ưa thích, có chán ghét, có những cảm nhận khổ lạc, có thể thấy rất rõ ràng.

Thọ là do có cảm nhận mà dấy lên, cũng là mãi cho đến khi già, chết, mỗi ngày quý vị đều đang Thọ. Trong cuộc sống, quý vị đều thọ, thọ trong công việc, lại còn thọ trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Thọ là gì? Đức Phật nói năm loại [cảm nhận] lớn là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Suốt một đời, nói chung, quý vị chẳng vượt ra khỏi năm chữ ấy. Thân có khổ, lạc, tâm có ưu, hỷ; khi khổ, lạc, ưu, hỷ tạm ngừng thì gọi là Xả. Nói chung, chẳng ra ngoài năm loại lớn ấy. Vì thế, gọi là Ngũ Thọ. Năm tầng cấp từ Thức đến Thọ là quả báo. Trong ấy, quý vị đến đầu thai, Phật pháp nói rất rõ ràng, Dẫn Nghiệp, tức là thiện ác đã tạo trong đời quá khứ dẫn dắt quý vị đi đầu thai, chẳng phải là có [một thứ khác làm] chúa tể [dẫn dắt]. Xác thực là đúng như kinh Cô Lan đã nói, Allāh đã dựa theo tiền định để ban cho quý vị, chẳng phải do ý nghĩ của chính ông ta, mà là dựa theo tiền định. Phật pháp nói rất thấu triệt, trong đời quá khứ từng trì Ngũ Giới, từng tu Thập Thiện, [vậy thì] Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ dẫn dắt quý vị đến đầu thai trong nhân gian. Chuyện là như thế đó, dẫn dắt quý vị [đi đầu thai]! Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả trong một đời này [gọi chung] là Mãn Nghiệp.

Vì thế, chúng ta sanh trong nhân đạo, Dẫn Nghiệp giống nhau, Mãn Nghiệp khác nhau. Mãn Nghiệp là do những điều thiện ác đã làm trong đời quá khứ tích lũy lại, cảm lấy quả báo trong đời này, tức là quả báo do khổ, lạc, ưu, hỷ, xả trong đời này. Vì vậy, giáo dục hết sức trọng yếu. Do người Hoa hiểu đạo lý này, [họ nhận biết] giáo dục có thể giúp quý vị cải thiện. Ví như trong quá khứ đã tạo ác nghiệp quá nhiều, trong đời này, quý vị phải chịu khổ. Nếu quý vị được giáo dục rất tốt, giác ngộ, trong một đời này, nếu sửa đổi tập khí, tật xấu, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, sẽ có thể chuyển đổi vận mạng của chính mình. Quý vị thấy Liễu Phàm Tứ Huán là một tấm gương rất tốt. Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký toàn là sự thật, hoàn toàn chẳng giả. Hiện thời, có đồng tu muốn quay Du Tịnh Ý Ngộ Táo Thần Ký thành phim, làm thành phim nhiều tập, đem kịch bản đến chỗ tôi. Tôi đọc thấy viết rất khá, chỉ sửa chữa sơ lược đôi chút, tổng cộng chỉ có sáu tập. Tôi nghĩ trong tương lai, chư vị đều có thể xem [bộ phim ấy]. Cách sửa đổi và quả báo đạt được của Du Tịnh Ý còn thù thắng hơn tiên sinh Liễu Phàm.

Điều này cho chúng ta biết: Có vận mạng hay không? Có! Có định số (vận số nhất định). Những gì đã tạo trong đời trước chính là định số; nhưng quý vị phải hiểu, ngoài định số còn có biến số. Biến số là gì? Những gì ta đã tạo trong đời này. Trong đời quá khứ, tạo ác nhiều, đời này chẳng làm ác, chuyên làm lành, điều thiện trong đời này đủ để che lấp những điều ác trong quá khứ. Như vậy là quý vị có thiện, chẳng có ác, mạng của quý vị hoàn toàn sửa đổi. Chúng ta thấy tiên sinh Liễu Phàm sửa đổi có hiệu quả, thu nhập hằng năm gia tăng. Đây là do Tài Bố Thí mà tăng thêm, tăng trưởng thông minh, trí huệ. Thi cử hằng năm, Không tiên sinh tiên đoán cho ông ta, tiên đoán thứ tự đỗ đạt [của Viên Liễu Phàm] trong mỗi lần khảo thí đều chẳng sai. Ông Viên gặp thiên sư Vân Cốc, biết

sửa lỗi, đổi mới, dốc hết tánh mạng nỗ lực tu thiện. Lại đi dự thi, thứ tự [đỗ đạt] cao hơn. Có một lần Khổng tiên sinh coi bói cho ông Viên, nói ông Viên sẽ đậu hạng ba, kết quả, ông Viên đậu hạng nhất, tiến cao hơn. Hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, nếu người thật sự hiểu nhân quả, hãy nên nỗ lực đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, sáng tạo vận mạng mới toanh cho chính mình. Đây mới gọi là người thông minh, có trí huệ.

Đến đây là một tầng nhân quả, là một thứ nhân quả trong hai đời, tức quá khứ và hiện tại. Cái nhân trong quá khứ là Vô Minh, Hành là duyên (nhân duyên), đời này là quả báo. Nhưng trong một đời này, chúng ta vẫn có thể tạo tác; do vậy, tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì dùng ba chữ đã bao gồm, tức là Ái, Thủ, Hữu. Giải thích Ái thì sau mười bốn, mười lăm tuổi, sanh ra các thứ ái dục mạnh mẽ. Hiện thời, độ tuổi này đã sớm hơn, đại khái là mười tuổi đã có ái dục rất mạnh mẽ, thậm chí bảy, tám tuổi, ái dục mạnh mẽ đã hiện tiền. Do nguyên nhân nào? Giáo dục. Người hiện thời từ bé đã được dạy thói ích kỷ! Giáo dục phương Tây đã dạy điều gì từ nhỏ? Cạnh tranh! Cứ làm như không có cạnh tranh, sẽ chẳng thể sanh tồn! Từ nhỏ đã dạy cạnh tranh, cạnh tranh là “có ta, sẽ chẳng có người”. Do vậy, trong quan niệm toàn là tôn người lợi mình, đây là tạo ác nghiệp. Chúng ta biết cạnh tranh ở mức độ cao hơn sẽ là đấu tranh, đấu tranh nâng cao hơn thì là chiến tranh. Do vậy, quan niệm giáo dục đi vào tử lộ. Chúng ta hỏi tượng cổ thánh tiên hiền dạy người khác, từ nhỏ đã dạy gì? Dạy nhân nhượng, dạy tôn trọng người khác. Mọi chuyện đều biết nhường nhịn, lễ độ, nhún nhường. Đây là hài hòa.

Nho gia nói đến Lễ. Tinh thần của Lễ là “*tự ty, tôn nhân*” (chính mình khiêm tốn, nhún nhường, tôn trọng người khác), hoàn toàn tương phản với quan niệm giáo dục của phương Tây. Chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, những thứ truyền thống của chúng ta tốt đẹp, hay những thứ của ngoại quốc tốt hơn? Quý vị phải hiểu rõ ràng, vì nó có liên quan đến hạnh phúc của quý vị trong một đời này, liên quan đến quả báo trong đời sau! Do vậy, chúng ta thật sự tin tưởng nhân quả ba đời. Có ý niệm ái dục, ý niệm dục vọng sanh khởi, do có dục vọng, kẻ ấy sẽ Thủ, [tức là] sẽ muốn đoạt lấy. Hiện thời, chẳng phải là sau khi đã trưởng thành [mới là như vậy]! Hiện nay, thanh thiếu niên đã là như thế. Ái dục càng mạnh, kẻ rong ruổi theo các cảnh để giành lấy những điều mong cầu hòng thỏa mãn dục vọng của chính mình. Danh từ mới mẽ hiện thời là “*cạnh tranh với kẻ khác*”, nhất định phải chiến thắng, nhất định là chính mình phải giành phần thắng. Hễ quý vị thắng, kẻ khác sẽ thua. Chẳng biết những thứ ấy vốn có trong mạng, chẳng phải là ai cũng có thể tranh giành được! Vì thế, nói đến mạng, chẳng thể không tin tưởng!

Có Thủ, Thủ là tạo nghiệp, sau đây bèn kết nghiệp! Hữu chính là phiền não nương tựa vào Ái và Thủ. Tạo các thứ nghiệp, chắc chắn sẽ có quả trong tương lai. Nghiệp ấy là gì? Kết nghiệp trong A Lại Da Thức; nghiệp ấy giống như chúng ta trong đời này nói đến Hành trong đời trước vậy. Những gì chúng ta đã làm trong đời này, Ái và Thủ thuộc về Vô Minh. Ái là vô minh, là mê hoặc, thứ gì cũng đều mong chiếm hữu, đây là tạo nghiệp. Nghiệp là như thế nào? Nghiệp sẽ cảm vùi quả báo trong đời sau. Do vậy, nghiệp dẫn đến hậu hữu. Quý vị lại có nhân duyên cho đời sau, bèn có đời sau. Vì vậy, Ái, Thủ, Hữu là nghiệp nhân đã

tạo trong đời này, cảm vời Sanh và Lão Tử trong đời sau. Quý vị thấy đức Phật dùng phương pháp đơn giản như vậy để giảng rõ ràng, giảng minh bạch nhân quả ba đời. Bích Chi Phật lãnh ngộ từ chỗ này, hiểu được gì? Từ vô lượng kiếp đến nay, sanh tử luân hồi không ngừng, vốn là chuyện như thế đó!

Làm thế nào để thoát ly luân hồi? Hãy đổ công dốc sức ngay nơi Ái, Thủ, Hữu. Có thể thật sự buông xuống ái dục, chẳng còn tham ái, đối với thứ ưa thích chẳng tham ái, đối với thứ không ưa thích chẳng nóng giận. Sống trong thế gian này, đối với hết thảy hoàn cảnh, hoàn cảnh nhân sự cũng thế, mà hoàn cảnh vật chất cũng thế, thấy đều dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, dùng cái tâm thanh tịnh để đối đãi, chẳng mê hoặc. Sống trong thế gian này, bất luận làm chuyện gì, đều là tùy duyên, chứ không phan duyên, [đó là] chẳng Thủ. Hễ Thủ, quý vị sẽ tạo nghiệp. Bởi lẽ, phan duyên bèn tạo nghiệp, tùy duyên chẳng tạo nghiệp. Tự mình nhất định chớ nên nghĩ ta phải làm chi đó. Đây là tạo nghiệp, hãy tùy duyên! Những chuyện đã làm đều là vì chúng sanh. Người học Phật là vì hai chuyện, một là vì chánh pháp tồn tại lâu dài, hai là vì lợi lạc hữu tình, chẳng vì chính mình. Chẳng có chính mình, quý vị sẽ không tạo nghiệp, như vậy thì mới có thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Kinh Kim Cang đã dạy chúng ta cách Quán, dạy chúng ta cách sửa đổi quan niệm sai lầm ấy. Quý vị thấy kinh dạy rất hay: “*Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, sẽ chẳng phải là Bồ Tát!*” Chúng ta phải thường nghĩ tưởng câu kinh văn này, hòng cảnh tỉnh chính mình. Chính mình dấy lên một ý niệm bất thiện, dấy lên ý niệm ích kỷ, hãy niệm mấy câu kinh văn này nhiều lượt. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, niệm mấy câu này nhiều lượt, sẽ tỉnh lại, chẳng còn mê hoặc. Có muốn [Thủ nữa] hay không? Chớ nên muốn! Hễ muốn, quý vị sẽ bị phiền toái!

Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia suốt cả một đời đã nêu gương tốt nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật có lập đạo tràng hay không? Chẳng có. Suốt đời Ngài hướng dẫn một tăng đoàn khá lớn, đệ tử thường tùy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị! Trụ ở nơi đâu? Nghỉ đêm dưới gốc cây, ăn thì sao? Khất thực! Giữa trưa ăn một bữa, tối nghỉ dưới cội cây. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dựng đạo tràng, phải ghi nhớ điều này. Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cúng dường đạo tràng là tạm thời. Có lúc thỉnh Ngài đến giảng kinh, bèn cung cấp hoàn cảnh [cư trụ cho Tăng đoàn], giảng xong bèn ra đi. Đức Phật xuất gia, nếu quý vị lại dựng đạo tràng, chẳng phải là lại biến thành có nhà ư?

Đạo tràng là thập phương đạo tràng, chẳng phải là của cá nhân, nhằm cung cấp phương tiện cho người tu hành chân chánh. Chúng ta cung cấp tứ sự cúng dường, hiện thời còn cúng dường đạo tràng, cúng dường cơ sở, khiến cho quý vị an tâm ở đây tu đạo, phải hiểu đạo lý này. Nếu chiếm đạo tràng ấy làm của riêng tư, làm đạo tràng của ta, được thôi! Đời sau quý vị có thể lìa khỏi đạo tràng hay không? Chẳng thể! Nhưng người ở trong đạo tràng là người xuất gia, chẳng có nam nữ giao phối, đời sau quý vị đầu thai vào đạo tràng này, sẽ đầu thai thành gì? Trong đạo tràng có chuột, có gián, có kiến, chúng nó giao phối, đời sau quý vị sanh trong ngôi tự viện ấy, sẽ sanh trong những loài đó. Vì sao? Quý vị chấp

trước đạo tràng ấy là của quý vị, chẳng chịu buông bỏ, chẳng chịu buông xuống, đời sau sẽ biến thành những loài ấy. Trong kinh giáo đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Người xuất gia buông xuống muôn duyên, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đấy mới là hợp lý!

Vì lẽ này, người học Phật bất luận tại gia hay xuất gia, chẳng thể không đọc kinh, chẳng thể không nghe kinh, chẳng thể không tu hành. Nhất định phải hiểu tu hành là uốn nắn hành vi sai lầm của chính mình. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng giống như kinh luận đã nói, chúng ta đã sai mất rồi! Phải nương theo kinh luận, uốn nắn những sai lầm của chính mình; đấy là tu hành. Chớ nên không hiểu điều này! Vì thế, tu hành là sửa chữa hành vi sai lầm của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta phải lễ kính chư Phật, phải xưng tán Như Lai. Chư Phật là gì? Chư Phật có quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật. Quá khứ, hiện tại được nói trong kinh, còn vị lai Phật là gì? Vị lai Phật là hết thảy chúng sanh. Tôi mỗi lần lên xuống thang, đều thấy có nhiều đồng tu chăm sóc, ngăn cản người khác để cho tôi lên xuống trước. Chuyện này dường như là đối xử lễ kính đối với tôi, nhưng chẳng công bằng đối với người khác. Có cần phải lễ kính người khác hay không? Họ có phải là chư Phật hay không? Phải! Phải bình đẳng, phải lễ độ, phải khách sáo, phải đều chiểu cổ tròn khắp, như vậy thì trong tâm người ta mới sanh lòng hoan hỷ. Quý vị một mực ích kỷ, ta phải đi trước, các vị theo sau, chẳng tốt! Hành vi ấy là sai lầm. Hy vọng các đồng học chúng ta phải giác ngộ, phải sửa đổi. Đối với bất luận người nào, cũng đều đối đãi bình đẳng, đối với bất cứ ai cũng đều phải tôn kính, đều phải lễ phép, nhân nhượng, như vậy thì mới nên! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

Tập 1483

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ năm trong phần trường hàng. Đoạn này là mười món thiện xảo, chúng ta vẫn chưa học xong, hôm nay học tiếp. Chúng tôi đọc trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Văn hà đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo?

(經)云何得蘊善巧。界善巧。處善巧。緣起善巧。

(Kinh: Làm thế nào để đắc Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo?)

Chúng ta đọc đến đoạn này. Học tập đoạn kinh văn này, xác thực là khiến cho chúng ta quan sát nghĩa thú của thiện xảo rất sâu! Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai xứ đều là nói về bản thân chúng ta. Mọi người đều biết Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Mười tám giới là Ngũ Uẩn được mở rộng. Đây chính là cách thuyết pháp thiện xảo của đức Phật dành cho ba loại người khác nhau. [Nói] Ngũ Uẩn đối với kẻ mê tâm pháp nặng nề, mê sắc pháp nhẹ. Do vậy, Ngài nói Sắc gồm một điều, nói tâm pháp gồm bốn điều. Quý vị coi trọng điều gì, phải nói cận kề điều ấy. Mười tám giới là nhằm vào kẻ mê sắc và tâm đều nặng; do vậy, sắc lẫn tâm đều phải nói cận kề. Mười hai xứ dành cho kẻ mê sắc pháp nặng, mê tâm pháp nhẹ. Vì thế, nói tâm pháp có một điều, nói sắc pháp đến mười một điều, [cả ba cách nói ấy] đều là nói về bản thân chúng ta.

Chúng ta hãy ngẫm xem, Duyên Khởi được giảng rất khéo, nói đến chuyện quý vị đi đầu thai, do nguyên nhân gì mà đầu thai? Trong phần trước, chúng ta đã học những điều ấy, vì sao quý vị có thể đi đầu thai? Nhưng được làm thân người, quý vị nói xem, thân người là thiện hay bất thiện, là khéo léo hay không khéo léo? Từ trong thân thể mẹ, quý vị có đầy đủ trọn vẹn tất cả các khí quan nơi toàn thân, do ai tạo ra? Chẳng phải do con người tạo ra! Nếu con người có thể tạo, vậy thì quý vị hãy nhìn vào động vật, quý vị thấy những con chim nhỏ, có một câu ngạn ngữ rất hay: “*Ma trước tuy tiêu, ngũ tạng câu toàn*” (Chim sẻ tuy bé, ngũ tạng⁴¹ đều đầy đủ). Quý vị hãy xem kỹ, chim sẻ bé tí xíu như vậy, nhưng Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai xứ, nó đầy đủ trọn đủ! Quý vị quan sát kỹ càng, nó phá vỡ vỏ trứng nở ra; sau khi sanh ra, thứ gì cũng đều trọn đủ. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân [bên ngoài], ngũ tạng, lục phủ⁴² bên trong, chẳng có gì không đầy đủ, chẳng có gì thừa thãi, mà cũng chẳng hề thiếu khuyết thứ gì! Đây là thiện, đây là xảo diệu, tự nhiên là như vậy. Phật pháp gọi điều này là “*chẳng thể nghĩ bàn*”.

⁴¹ Ngũ tạng: Tim, gan, lá lách, phổi và thận.

⁴² Lục phủ: Sáu khí quan bên trong thân thể con người, bao gồm ruột già, ruột non, bao tử, bàng quang, tam tiêu, và mật.

Quý vị tư duy, nhưng chẳng thể nghĩ tưởng được, nghĩ không ra, chẳng thể diễn tả sự vi tế, khéo léo ấy, tối đa là chỉ có thể nói được một hình trạng của nó. Đối với Thế, Tướng, Dụng, quý vị có thể nói về Tướng và Dụng, chứ chẳng có cách nào diễn tả Thế. Lý Thế chẳng phải là thứ mà ngôn ngữ, tư duy có thể đạt được, thiện xảo đến cùng cực!

Có một loại chúng sanh do căn tánh mà quan sát sự thiện xảo ấy, họ giác ngộ, hiểu rõ, Phật pháp gọi loại chúng sanh ấy là Duyên Giác, hoặc gọi là Độc Giác. Duyên Giác tức là họ có thầy giảng về Duyên Khởi thiện xảo, bèn khai ngộ. Hạng người ấy được gọi là Duyên Giác. Độc Giác cao minh hơn! Họ xuất hiện trong thế gian này, chẳng gặp thầy, chẳng gặp gỡ Phật pháp, do quan sát hiện tượng tự nhiên, quan sát sự thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, bèn hiểu rõ, giác ngộ. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa có nói đến chuyện quán duyên khởi, phá chấp trước. Chúng ta biết: Chấp trước là căn cội của sự luân hồi trong lục đạo. Nếu chúng ta buông xuống chấp trước, lục đạo sẽ chẳng còn nữa, quý vị sẽ vượt thoát lục đạo. Chỉ cần quý vị còn có chấp trước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, các đồng học niệm Phật phải đặc biệt chú ý điều này. Quý vị thấy từ xưa đến nay, câu “*khẩu đầu Thiên*” của vị đường chủ Niệm Phật Đường là: “*Buông xuống muôn duyên, nhất tâm chuyên niệm*”. Đây là câu khẩu đầu Thiên của vị đường chủ. Thân, tâm, thế giới, hết thảy [đều phải] buông xuống, quý vị mới có thể vãng sanh. Nếu quý vị có một chuyện chẳng thể buông xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh. [Dẫu] niệm Phật mà vẫn chẳng thể vãng sanh, quý vị nói chuyện này có quan trọng lắm hay không? Đòi này, chúng ta niệm Phật, đòi này cầu nguyện vãng sanh, đến cuối cùng, lúc sắp ra đi, quý vị còn có điều gì không buông xuống được, sẽ chẳng thể vãng sanh! Chẳng vãng sanh, phải đợi tới cơ hội lần sau! Cơ hội lần sau nói không chừng là đời kế tiếp, vậy thì rất gần; nói không chừng là đời sau. Đời sau là gì? Là từ đời thứ ba trở đi mãi cho đến vô lượng kiếp, đều gọi là “đời sau”!

Chư vị nhất định phải ghi nhớ, trong kinh, đức Phật đã khẩn thiết khuyên dạy chúng ta: “*Thân người khó được, Phật pháp khó gặp*”. Được làm thân người, chẳng dễ dàng! Đã được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, có thể gặp pháp môn Tịnh Độ, há dễ dàng ư? Các vị hãy ngẫm xem, hiện thời, nhân loại trên địa cầu gần đến bảy mươi ức; trong bảy mươi ức người, có bao nhiêu người được gặp Phật pháp? Chúng ta nói rộng hơn một chút, người học Phật trên toàn thế giới có mười ức người, trên thực tế, sợ rằng chẳng đạt đến con số này! Phải là khoảng sáu, bảy ức người, tức là một phần mười [dân số toàn thế giới]. Một phần mười [nhân loại] được nghe, được thấy tượng Phật, biết có Phật pháp, quý vị thấy đó, còn có chín phần mười nhân loại không biết! Trong một phần mười ấy, tức là trong bảy ức người đó, có bao nhiêu người có thể nghe giáo pháp Đại Thừa? Chỉ sợ là chẳng được một phần mười có thể nghe giáo pháp Đại Thừa! Chúng ta nói khái lược, tối đa là một phần trăm, [nói cách khác], trong một trăm người mới có một người nghe giáo pháp Đại Thừa. Có thể nghe pháp môn Tịnh Độ trong giáo pháp Đại Thừa, có thể lại là một phần trăm nữa. Cứ loại trừ dần dần, [sẽ thấy] người được nghe pháp môn Tịnh Độ] chẳng được mấy người. Chư vị đồng học

phải biết điều này! Gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, thật sự có thể vãng sanh trong đời này hay không? Vậy thì phải hỏi chính quý vị: Có thật sự buông xuống, triệt để buông xuống hay không? Hễ có mấy may lưu luyến, hoặc vướng mắc đối với thế gian này, sẽ đều chẳng thể vãng sanh! Do vậy, đối với lời dạy bảo chân thật này của đức Phật, chúng ta phải cảm ơn. Đời này có thành tựu hay không, mấu chốt là ở chỗ này, phải buông xuống!

Nếu quý vị thấy thấu suốt Mười Hai Nhân Duyên, [sẽ thấy] nó giảng về nhân quả ba đời theo hai tầng. Trong phần trước, tôi đã thừa trình cùng chư vị; ở đây, quý vị thấy tướng “*tam thế tương tục*” (ba đời tiếp nối nhau). Phá Đoạn Kiến, biết vạn sự vạn vật trong vũ trụ chẳng phải là “chỉ có trong hiện tại, trong tương lai chẳng có”. Kẻ bình phàm cứ ngỡ người đã chết thì thứ gì cũng đều chẳng có, chẳng có đời sau. [Quan niệm] “*chẳng có đời sau*” là Đoạn Kiến. Từ Mười Hai Nhân Duyên, quý vị thấy nghiệp nhân và nghiệp duyên trong đời quá khứ, quả báo trong đời này. Trong đời này, lại tạo nghiệp nhân và nghiệp duyên cho đời sau. Vì thế, quyết định là có hậu thế! Như vậy thì mới hiểu: Đã chết, chẳng phải là không còn gì nữa. [Nếu] đã chết sẽ chẳng có gì nữa, dễ quá rồi! Tôi thường nói chuyện này đã bao nhiêu năm, “*tử, bất đắc*”, vì sao? Đã chết thì đã tiêu tùng rồi, nói thật đấy! Trong đời này, chúng ta phải tu pháp bất tử thành công! “*Bất tử*” là như thế nào? Vãng sanh thế giới Cực Lạc chẳng phải là chết. Vì sao? Vãng sanh là ra đi trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới đi! Đã chết, rất khó vãng sanh. Ra đi trong lúc còn sống, cho nên khi lâm chung, biết trước lúc mất. Chư vị thấy chuyện này rất nhiều, [có những hành nhân Tịnh Độ] lúc lâm chung, thần thức sáng suốt, tinh táo, bảo người bên cạnh: “Phật đến tiếp dẫn ta, nay ta theo Phật ra đi”. Ra đi trong khi còn sống! Sau khi đã đi, chẳng cần đến thân thể này nữa, vứt bỏ, chẳng có mấy may vướng mắc, ra đi như thế đó. Đến thế giới Cực Lạc, đây cũng là đời sau, cũng là “*tương tục*” (相續, liên tục, tiếp nối).

Vì thế nói “hễ đã chết thì thứ gì cũng đều chẳng có”, đấy chính là tri kiến sai lầm. [Tri kiến ấy] được gọi là Đoạn Kiến. [Cứ tưởng] sau khi đã chết, đời này ta là người, đời sau vẫn là người, chớ chết thì đời sau vẫn là chớ, quan niệm ấy được gọi là Thường Kiến. Hai thứ kiến giải ấy đều là sai lầm. Sau khi đã hiểu Mười Hai Nhân Duyên, [sẽ biết] sanh diệt trong từng sát-na. [Do biết] sanh diệt trong từng sát-na, sẽ phá Thường Kiến. [Do thấy biết] ba đời tương tục, sẽ phá Đoạn Kiến. Có thể phá trừ cả hai thứ kiến giải sai lầm. [Do thấy] hai đời, có thể phá Ngã Chấp. Người thế gian chấp trước thân thể này là chính mình, đấy là sai lầm. Thân thể rốt cuộc là chuyện như thế nào? Thân thể do cha mẹ lưu lại, đâu phải là chính mình? Cũng giống như nói cha mẹ để lại di sản cho quý vị hưởng thụ, có ý nghĩa ấy, quý vị chẳng thấy rõ ràng chân tướng sự thật đó. Vì vậy, Phật pháp hiểu rất rõ thân thể này chẳng phải là ta, thân là cái ta sở hữu, chẳng phải là ta. Do đâu mà có thân? Thân do cha mẹ để lại. Các vị hãy suy ngẫm xem chuyện này có đúng hay chẳng? Có phải là chân tướng sự thật hay không? Đấy là di sản do cha mẹ lưu lại, ta được thọ dụng, trong ấy chẳng có ta! Quý vị thật sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch, sẽ thấu hiểu!

Nếu nói theo Mười Hai Nhân Duyên trong một niệm như kinh Đại Tập đã nói, sẽ phá Pháp Chấp. Vì sao? Niệm tâm sanh diệt thuộc loại vô thường. Tánh có hay không? Có! Nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất. Nó là Pháp Tánh. Nếu quý vị chấp trước những danh từ do đức Phật đã nói là thật, hoặc chấp trước những thứ ấy đều chẳng có, đều là sai lầm! Vì sao? Quý vị đều đọa lạc trong vô minh, thấy đều phải buông xuống! Vì thế, trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay. Ngài dạy các đồng học học Phật chúng ta ắt phải chuẩn bị tâm thái học tập tốt đẹp. Điều thứ nhất trong tâm thái học tập ấy chính là *“lià tướng ngôn thuyết”*. Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, đối với ngôn thuyết của Ngài bèn chẳng chấp trước, quý vị chỉ cần nghe. Nghe hiểu thì tốt lắm, nghe chẳng hiểu, không sao hết! Chẳng cần suy nghĩ, càng nghĩ càng trật! Đức Phật là *“không nói mà nói”*, chúng ta phải là *“không nghe mà nghe”*, quý vị mới có thể khê nhập cảnh giới. Vì sao? Chẳng chấp trước, [tức là] không chấp trước tướng ngôn thuyết. Không chấp trước tướng danh tự. Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc đều là danh tự. Danh tự là phương tiện để thuyết pháp của đức Phật, là phương tiện thiện xảo, chớ nên chấp trước! Nhưng nghe những danh tự ấy, quý vị có thể lãnh hội ý nghĩa của chúng. Đó là đúng, đó gọi là *“lià tướng danh từ, lià tướng tâm duyên”*. Tướng tâm duyên quyết định chẳng thể tư duy được; do vậy, chẳng thể nghiên cứu nó.

Những thứ thế gian có thể nghiên cứu, chứ Phật pháp chẳng thể nghiên cứu. Nghiên cứu là gì? Nghiên cứu là tướng tâm duyên. Tâm quý vị đang phan duyên, tâm đã bị động. Vì thế, nhà Phật nói *“tham cứu”*, chẳng nói *“nghiên cứu”*. *“Tham cứu”* là gì? Chính là lià ngôn thuyết, lià danh tự, lià tâm duyên, cũng là như kinh Hoa Nghiêm nói *“lià chấp trước, lià phân biệt, lià vọng tưởng”*. Đó là *“tham”* (參). Nghiên cứu sẽ chẳng lià khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nghiên cứu kèm theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chắc chắn là nghiên cứu sẽ chẳng thấu đạt chân tướng. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chướng ngại quý vị; do những thứ ấy, quý vị chẳng thể kiến tánh. Vì lẽ này, giáo pháp Đại Thừa đã nói rất rõ ràng:

- Buông xuống chấp trước, quý vị sẽ là Chánh Giác.
- Lại buông xuống phân biệt, quý vị sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Lại buông xuống vọng tưởng, quý vị sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giác.

Quý vị biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là chướng ngại, chướng ngại trí huệ, chướng ngại đức tướng sẵn có trong tự tánh, lẽ nào quý vị chẳng buông xuống?

Do vậy, quan sát cẩn thận Mười Hai Nhân Duyên, sẽ có thể phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn Thường (Đoạn Kiến và Thường Kiến) là phân biệt, Ngã Chấp là chấp trước, Pháp Chấp là vô minh. Pháp Mười Hai Nhân Duyên này, sẽ có thể phá trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta cũng chớ nên xem nhẹ Bích Chi Phật. Đương nhiên là các Ngài khê nhập có tầng lớp cao hay thấp khác nhau, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ vậy. Phương pháp của các Ngài khác nhau, nhưng tầng bậc chứng

nhập chẳng có ngoại lệ, giống như bốn cõi, ba bậc, chín phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc về loại này. Chúng ta phải nên biết điều này.

Chúng ta lại xem phần Giảng Nghĩa bổ sung. Những gì chúng ta đã học ngày hôm qua là giảng về hai tầng nhân quả. Hôm nay, chúng ta xem tiếp hai thứ Ái và Thủ, chúng chính là Hoặc trong hiện tại, [tức là] trong một đời này chúng ta mê hoặc. Người Hoa gọi chữ Ái này là “*thất tình*”, tức mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn. Đây là thất tình. Lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, chúng ta nói là “*tình đã động*”. [Để chỉ] tình đã động, trong Mười Hai Nhân Duyên, dùng một chữ Ái. Quý vị đã động tâm, sự động tâm ấy chính là vô minh khởi tác dụng. Sau khi tâm đã động, quý vị bèn có Thủ, tức là mong mỏi đạt được. Đây là nghiệp. Hai thứ [thuộc về] quá khứ trong Mười Hai Nhân Duyên chính là Hành (hạnh nghiệp), [tức là] quý vị có hành động, đang tạo nghiệp trong ấy. Đức Phật quy nạp các nghiệp đã tạo thành ba loại lớn: Thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp. Những nghiệp ấy chiêu cảm quả báo trong đời sau. Đó chính là “những gì đã làm trong kiếp này, sẽ phải hứng chịu trong đời sau”. Vì lẽ này, đức Phật nói rất hay: “*Muốn biết cái nhân trong kiếp trước, những gì phải chịu trong kiếp này chính là nó*”. Những gì ta hứng chịu trong đời này chính là quả báo do nghiệp nhân đã tạo trong đời trước cảm vờ. “*Muốn biết quả đời sau*”, đời sau ta sẽ như thế nào? “*Những gì đã làm trong kiếp này chính là nó đấy*”. Trong đời này, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, sẽ có thể cảm vờ quả báo trong đời sau. Đây là nhân quả ba đời. Do vậy, Ái và Thủ là Hoặc trong hiện tại.

Có Ái, có Thủ, đương nhiên là có Hữu. Hữu là nghiệp. Quý vị thấy đó, theo thói quen ngôn ngữ, chúng ta thường nói là “*sự nghiệp*”. Trong khi quý vị đang tạo tác, khi ấy bèn gọi là Sự. Khi đã tạo tác xong, đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, sẽ gọi là Nghiệp. Hễ quý vị có nghiệp, nghiệp sẽ cảm quả báo trong đời sau. Cái quả được cảm ấy thuộc loại Dị Thục Quả. Trong phần trước, chúng ta đã học điều này, [cái quả ấy] thuộc loại Dị Thục Quả. Do vậy, trong hiện thời, quý vị tạo Hữu nghiệp, nghiệp ấy sẽ cảm quả báo trong đời sau. Duyên theo cái nhân Hoặc nghiệp trong hiện tại, sẽ cảm cái quả “*sanh và già chết*” trong vị lai. Đây là một tầng nhân quả hiện tại và vị lai. Nói gộp lại, sẽ thành hai tầng nhân quả (“*nhân quả quá khứ - hiện tại*” và “*nhân quả hiện tại - vị lai*”). Đây chính là hai tầng nhân quả trong ba đời.

(Sớ) Y thử lưỡng trùng chi nhân quả, nhi tri luân hồi chi vô cực.

(疏) 依此兩重之因果，而知輪迴之無極。

(Sớ: Nương vào hai tầng nhân quả ấy để biết luân hồi chẳng có cùng cực).

“*Vô cực*” có nghĩa là “*vô tận*”. Nghiệp nhân và hiện tượng luân hồi có ý nghĩa ấy.

(Sớ) Cái ký kiến hiện tại chi Hoặc nghiệp.

(疏) 蓋既見現在之惑業。

(Sớ: Ấy là vì đã thấy Hoặc nghiệp trong hiện tại).

Hoặc nghiệp trong hiện tại chính là Ái, Thủ, Hữu. Ái, Thủ, Hữu là nghiệp thuộc loại phiền não trong hiện tại.

(Sớ) Do hiện tại chi khổ quả (Thức nãi chí Thọ) nhi sanh, tắc tri quá khứ chi Hoặc (vô minh), nghiệp hạnh diệt từng quá khứ (quá khứ hoàn hữu quá khứ) khổ quả nhi sanh. Kỳ kiến hiện tại chi khổ quả (Thức nãi chí Thọ).

(疏) 由現在之苦果 (識乃至受) 而生，則知過去之惑

(無明)，業行，亦從過去 (過去還有過去) 苦果而生。

既見現在之苦果 (識乃至受)。

(Sớ: Do cái khổ quả trong hiện tại (từ Thức cho đến Thọ) mà sanh, nên biết Hoặc (vô minh) và nghiệp hạnh trong quá khứ cũng sanh từ khổ quả trong quá khứ (đời quá khứ còn có quá khứ). Đã thấy khổ quả trong hiện tại (từ Thức cho đến Thọ)).

“Kỳ kiến hiện tại chi khổ quả” (Đã thấy khổ quả trong hiện tại): Đây chính là từ lúc đầu thai trong hiện tiền cho đến những gì quý vị đã hứng chịu trong một đời này.

(Sớ) Sanh hiện tại chi nghiệp (Hữu).

(疏) 生現在之業 (有)。

(Sớ: Sanh ra cái nghiệp trong hiện tại, tức Hữu).

Hữu là kết nghiệp.

(Sớ) Diệt tri vị lai chi khổ quả.

(疏) 亦知未來之苦果。

(Sớ: Cũng biết khổ quả trong vị lai).

“Khổ quả trong vị lai” là sanh, lão, tử trong vị lai.

(Sớ) Sanh vị lai chi nghiệp.

(疏) 生未來之業。

(Sớ: Sanh ra cái nghiệp của vị lai).

Nếu quý vị có thể quan sát như vậy, ngược về trước [cho đến] vô thi trong quá khứ...

(Sớ) Thượng tổ chi, tác quá khứ chi Hoặc nghiệp, cánh tòng quá khứ chi khổ quả nhi lai.

(疏)上溯之，則過去之惑業，更從過去之苦果而來。

(Sớ: Truy ngược lên, [sẽ thấy] Hoặc nghiệp trong quá khứ rất cuộc là từ khổ quả trong quá khứ mà có).

Nhìn về sau:

(Sớ) Hạ sân chi, vị lai chi khổ quả cánh sanh vị lai chi Hoặc nghiệp. Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, thủy vi vô thủy vô chung chi sanh tử luân hồi.

(疏)下趁之，未來之苦果更生未來之惑業。過去無始，未來無終，此為無始無終之生死輪迴。

(Sớ: Xét về sau, khổ quả trong vị lai lại sanh ra Hoặc nghiệp trong vị lai. Quá khứ không có khởi đầu, vị lai chẳng có kết thúc, đây chính là sanh tử luân hồi chẳng có khởi đầu và chẳng có kết thúc vậy).

Quý vị mới thấy rõ ràng chân tướng sự thật. Vì sao có luân hồi? Luân hồi do đâu mà có? Ai tạo ra luân hồi? Ai dẫn dắt luân hồi? Toàn là do hạnh nghiệp của chính mình.

Tôi xem kinh Cổ Lan (Qur'an). Trong sáu niềm tin của kinh Cổ Lan, có một điều là “tin vào tiền định”, nhưng họ cũng giải thích khá cao minh, tuy chẳng thấu triệt như Phật pháp. Tin vào tiền định, tiền định nói đến chỗ rốt ráo sẽ là như đức Phật đã dạy. Chỗ rốt ráo là gì? Chính là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”. Đây là tiền định, thật sự là tiền định. Vì sao? Tánh Đức! Lại còn là bình đẳng. Hết thấy chúng sanh và Như Lai chẳng sai biệt, mười pháp giới hoàn toàn bình đẳng, những tôn giáo khác chẳng hề nói điều này. Trong giáo pháp của họ, Chân Chúa (Allāh, tức là Thượng Đế) dựa trên tiền định để sáng tạo vạn vật. Đây chính là Duyên Khởi thiện xảo thì mới có thể nói suông sẽ được! Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. [Có nghĩa là] y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, toàn thể đại vũ trụ, Pháp Thân [đều là do] “tâm hiện, thức biến”. Nhưng họ (các tôn giáo khác) bảo: Những gì Thượng Đế ban cho mỗi người hoàn toàn dựa vào ý nghĩ tiền định của chính mình mà ban họa, phước, cát, hung cho người ấy trong suốt một đời! Ai đáng hưởng phước, ai đáng chịu tội, họ chẳng nói chuyện này rất rõ ràng! Nhưng có bậc cổ đại đức chú giải: “Con người cũng có ý chí tự do để làm lành hay làm ác. Làm lành, trong tương lai sẽ lên thiên đường. Làm ác, trong tương lai sẽ xuống địa ngục”. Họ có cách nói ấy. Lên thiên đường hay xuống địa ngục chính là nghiệp cảm. Trong kinh Phật, Mười Hai Nhân Duyên đã được nói thấu triệt. Bọn họ (các tôn giáo khác) chỉ nói đến hai đời, còn Mười Hai Nhân Duyên [nhằm dạy rõ] luân hồi là cảnh giới không có ngăn hạn! Quá khứ chẳng có khởi đầu, tương lai chẳng có kết thúc. Cách nói này mới là biện luận thấu triệt, thật sự giảng giải thấu triệt!

(Sớ) Bích Chi Phật quán chi, nhất dĩ yếm sanh tử, nhất dĩ tri vô thường thật chi ngã Thể.

(疏)辟支佛觀之，一以厭生死，一以知無常實之我體。

(Sớ: Bích Chi Phật quán sát, một là vì vậy mà chán ngán sanh tử, hai là do vậy mà biết bản thể của Ngã thật sự là vô thường).

Bích Chi Phật: Bích Chi (Pratyeka) là tiếng Phạn. Cả ba chữ Bích Chi Phật là tiếng Phạn. Bích Chi là Duyên, Phật là Giác, tiếng Hán gọi là Duyên Giác, [Duyên ở đây] là chữ Duyên (緣) trong nhân duyên, [vị này] được gọi là Duyên Giác. Ngài do nghe đức Phật giảng Mười Hai Nhân Duyên mà giác ngộ; do vậy, được gọi là Bích Chi Phật, hay gọi tắt là Chi Phật. Từ Mười Hai Nhân Duyên, Ngài biết hết thấy các pháp vô thường. Kiến tánh từ chỗ này, đã thật sự hiểu minh bạch.

(Sớ) Toại đoạn Hoặc nghiệp nhi chứng Niết Bàn.

(疏)遂斷惑業而證涅槃。

(Sớ: Bèn đoạn Hoặc nghiệp, chứng Niết Bàn).

“Đoạn” (斷) ở đây là buông xuống, tức là buông xuống mê hoặc. Mê hoặc là gì? Ái và Thủ là mê hoặc, tạo tác là nghiệp.

Tôi thường khích lệ các đồng học, “người học Phật phải buông xuống hết thấy”, buông xuống những gì? Buông từ nơi đâu? Đầu tiên là phải buông xuống ý niệm đối lập với hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật. Quý vị hãy thực hiện từ chỗ này, đừng nên đối lập với kẻ khác nữa! Phải biết: Hễ đối lập, sẽ chẳng bình đẳng; hễ đối lập, sẽ có chướng ngại. Người khác đối lập với ta, ta chẳng đối lập với họ! Người khác đối lập với ta, không nhằm nhò chi hết! Chẳng chướng ngại ta thành Phật. Chính chúng ta có ý niệm đối lập với kẻ khác, sẽ chướng ngại chính mình. Vì thế, chướng ngại là do bản thân ta, chẳng do bên ngoài. Những vị thánh nhân thế gian đều hiểu đạo lý này. Quý vị thấy Không, Mạnh, cổ thánh tiên hiền thường nói: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Hễ có chuyện gì chẳng làm được, phải xét lại chính mình). Quý vị gặp chướng ngại, thử thách, đừng nhìn bên ngoài. Nhìn ra bên ngoài, chẳng thể giải quyết vấn đề. Hãy phản tỉnh, chắc chắn là [vấn đề phát sanh] từ chính mình. Chỉ cần trong tâm của chính mình chẳng có chướng ngại, sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề, mà trên đường thế gian cũng chẳng có chướng ngại.

Bởi lẽ, chướng ngại xác thực là ở trong nội tâm. Điều này rất quan trọng, hãy buông xuống quan niệm đối lập. Đây là nhân tố quan trọng bậc nhất, là điều kiện đầu tiên để tu hành chứng quả. Phụ trợ điều kiện này là một quan niệm hết sức trọng yếu; trong đời này, chúng ta quyết định chớ nên có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác. Chớ nên có ý niệm ấy! Ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác chính là chướng ngại. Phật pháp gọi cái tâm ấy là “*đạo tâm*” (盜心, cái tâm trộm cắp)! Có ý niệm ấy, tuy quý vị chẳng có hành vi trộm cắp, nhưng đã có cái tâm

trộm cắp, cái tâm ấy bất hảo! Quyết định là chẳng có ý niệm tổn thương, gây hại kẻ khác. Tổn thương, gây hại kẻ khác chính là “*sát tâm*” (殺心, cái tâm giết chóc). Quý vị thấy đó, chẳng sát sanh, không trộm cắp. Chẳng thể có ý niệm tổn thương, gây hại đối với người khác, quý vị sẽ viên mãn “chẳng sát sanh”, quý vị sẽ viên mãn giới điều ấy. Chẳng có mảy may ý niệm “chiếm tiện nghi của người khác một chút”, quý vị sẽ viên mãn giới “không trộm cắp”. Viên mãn hai điều này, những điều khác thấy đều viên mãn. Các vị hãy ngẫm xem, không tà dâm, tà dâm có phải là chiếm tiện nghi của kẻ khác hay không? Người thật sự chẳng có mảy may ý niệm chiếm tiện nghi của người khác, hoặc tổn thương, gây hại kẻ khác, người ấy có thể làm chuyện tà dâm hay không? Người ấy có thể thốt lời vọng ngữ hay không? Người ấy có thể nói đôi chiều hay không? Những điều ấy thấy đều chẳng có.

Hai điều này là căn bản; thực hiện viên mãn hai giới điều “*chẳng giết, chẳng trộm*”, [những điều khác] thấy đều viên mãn. Khởi tâm động niệm đều nhằm lợi ích chúng sanh, đều là xả mình vì người khác. Đối với xã hội, đối với quốc gia, đối với hết thảy chúng sanh, chỉ có lợi ích, chẳng hề tổn thương, gây hại. Nếu quý vị nói vì sao ư? Chỉ có đức Phật hiểu “*vũ trụ là một Thể, chúng sanh và Phật chẳng hai. Chúng sanh và ta là một Thể, Tự và Tha chẳng hai*”. Vũ trụ giống như một thân thể, các quốc gia khác nhau, các sắc tộc khác nhau, các tôn giáo khác nhau, giống như các khí quan khác nhau trên thân thể. Ngoài là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, trong là ngũ tạng, lục phủ, hợp thành một thân thể. Mỗi cá nhân chúng ta giống như mỗi tế bào trong thân thể. Các nhà khoa học hiện thời nói các nguyên tử và các lap tử hợp thành các khí quan, do từ các khí quan mà hợp thành thân thể này. Vạn vật trong vũ trụ là một Thể. [Đã là] một Thể, lẽ đâu chẳng chiếu cố lẫn nhau? Tay trái ta bị đau, ngứa, tay phải nhất định xoa gãi giúp. Quý vị nói xem: Có còn phải bàn điều kiện gì hay chẳng? Còn phải hỏi lý do ư? [Có còn thắc mắc] vì sao ta phải giúp nó?

Hiện thời, chúng sanh quên bằng chân tướng sự thật “*một Thể*”, chẳng biết là một Thể. Vì thế, phải bàn điều kiện, phải hỏi vì sao. Hễ hỏi “vì sao”, tức là đã mê hoặc; đã mê hoặc, làm sao có thể chẳng tạo nghiệp? Đã tạo nghiệp, làm sao có thể không bị quả báo? Do vậy, pháp giới vốn là Nhất Chân, vì sao trở thành mười pháp giới? Do đã mê, vì mê, nên Nhất Chân mới hiện thành mười pháp giới. Vì sao hiện thành mười pháp giới? Do quý vị mê cạn hay sâu khác nhau. Trong mười pháp giới, mê cạn sẽ rất gần với Nhất Chân; mê sâu, sẽ xa rời Nhất Chân. Vì thế, mười pháp giới theo thứ tự, gần gũi với Nhất Chân [lần lượt] là Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Duyên Giác [pháp giới], và Thanh Văn [pháp giới]. Xa cách Nhất Chân, xa nhất chính là địa ngục pháp giới, ngạ quỷ pháp giới, và súc sanh pháp giới, rồi đến nhân pháp giới, thiên pháp giới, hình thành như vậy đó. Chúng ta chớ nên không hiểu những đạo lý này! Sau khi đã hiểu, quý vị còn có ác niệm hay không? Chẳng có! Ý niệm là có. Nếu chẳng có ý niệm, quý vị đã thành Phật. Người thuộc mười pháp giới đều có ý niệm; trong Nhất Chân pháp giới chẳng có ý niệm. Do chẳng có ý niệm, bèn vượt thoát mười pháp giới. Hễ quý vị còn có ý niệm, chắc chắn sẽ ở trong mười pháp giới, chẳng thoát ra được!

Tứ thánh pháp giới hết sức gần với Nhất Chân. Trong lục phàm, có thiện, ác, vô ký; vô ký khá gần [với Nhất Chân], nhưng đức Phật bảo nó chẳng thật. Vì sao chẳng thật? Nó còn có thể dấy lên ý niệm thiện hay ác, chẳng thể vĩnh viễn gìn giữ vô ký, đạo lý ở chỗ này! Vì vậy, xác thực là Bích Chi Phật rất thông minh.

Trong Phật pháp, kinh luận đã giảng về Mười Hai Nhân Duyên rất nhiều. Nếu muốn học, phải xem những kinh luận ấy, phải nghiêm túc học tập. Học tập nói chung chẳng lìa cuộc sống hằng ngày, tức là trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, “học” là học ngay trong những chỗ ấy. Đó gọi là “thật sự học”. Học xong, sẽ ứng dụng được, thì trong học tập, quý vị mới có thể lãnh ngộ. Nếu nói những gì chúng ta đã học tách lìa cuộc sống, chẳng dùng được những gì đã học, sẽ biến thành huyền học, biến thành triết học, vô dụng! Chắc chắn là quý vị chẳng đạt được lợi ích chân thật! Chúng ta phải hiểu nghĩa thú trong việc đức Phật giáo hóa chúng sanh, phải hiểu rõ ý nghĩa và sự thú hưởng: Đức Phật nhằm dạy con người khai ngộ, dạy con người quay về tự tánh. Tự tánh là thanh tịnh, bình đẳng, chẳng có pháp nào không trọn đủ. Vì thế mới nói: *“Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*.

Mười Hai Nhân Duyên trong một niệm như kinh Đại Tập đã dạy chính là loại thứ nhất trong bốn loại Thập Nhị Nhân Duyên. Bốn loại là *“sát-na, liên tục, phần vị và viễn tục”*. Có bốn loại Thập Nhị Nhân Duyên như thế đó. Sát-na như kinh Đại Tập đã nói chính là: Trong một sát-na mà kiến lập mười hai chi [nhân duyên] này. Mười hai chi ấy chính là từ Vô Minh, Hành, Thức cho đến Lão Tử. Sát-na [được nói ở đây] có ý nghĩa khác với sát-na mà ta thường nói khi xét theo tốc độ. Kinh Nhân Vương đã nói về tốc độ của sát-na [hiểu theo nghĩa thông thường] rất hay: *“Nhất đàn chỉ hữu lục thập sát-na”*, tức là một phần sáu mươi [của thời gian khảy ngón tay một cái] được gọi là *“một sát-na”*. [Sát-na được] nói trong Mười Hai Nhân Duyên, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Nó được nói theo một niệm, tức là từ lúc vọng niệm dấy lên mãi cho đến khi quý vị tạo nghiệp, thời gian ấy cũng chẳng dài, được gọi là *“một sát-na”*.

Vì thế, đối với Mười Hai Nhân Duyên trong một sát-na, Vô Minh là một niệm sanh ái khi Căn tiếp xúc Trần. Chúng ta phải hiểu *“một niệm sanh ái”* theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp, người Hoa thường nói là *“một niệm sanh tình”*. Ý nghĩa này dễ hiểu hơn *“một niệm sanh ái”*. *“Tình”* (情) là tình thức; yêu là tình, mà hận cũng là tình. Hễ tiếp xúc, trong tâm chẳng hoan hỷ, trong tâm bực bội! [Đấy cũng gọi là Ái]. Đối với cái Ái ấy, một niệm sanh ái, quý vị bèn mong chiếm hữu nó, sẽ tạo nghiệp, đấy là Hành. Nếu một niệm sân hận, quý vị sẽ bài trừ nó, bài trừ nó cũng là tạo nghiệp. Do vậy, phải hiểu nó theo nghĩa rộng, chẳng phải là theo nghĩa hẹp. Sau khi tâm quý vị đã động, tiếp đó, sẽ có hành vi, [tức là] Hành đã dấy lên, tiếp nối dấy lên! Vô Minh vừa sanh, Hành sẽ ngay lập tức dấy lên theo; kế đó, Thức sẽ dấy lên. Thức là gì? Chí tâm chuyên niệm, giống hệt như đầu thai. Đấy là đã trụ thai, là quả. Trong tâm quý vị đã có, sẽ thường nghĩ tới chuyện ấy, hoặc là hận, hoặc là yêu. Đối với người, đối với sự, đối với vật, phạm vi của nó rất rộng. Quý vị suy nghĩ từ chỗ này, sau đấy, mới suy tưởng. Đó gọi là Mười Hai Nhân Duyên trong một sát-na. Trong một sát-na, từ sát-na cho

đến cái tướng tương tục ấy, quý vị càng nhìn càng thấy phức tạp, càng nhìn, càng rõ ràng, càng hiểu rành rẽ vũ trụ rốt cuộc là chuyện như thế nào? Sau đây, quý vị mới biết đức Phật giáo học xác thực là chẳng thể nghĩ bàn. Đối với “*thiện xảo*” như kinh đã nói, quý vị mới thật sự thấu hiểu ý vị thiện xảo. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời mọi người ngồi xuống. Trong phần trước, chúng tôi đã nói đến Mười Hai Nhân Duyên trong một sát-na. Đây là nêu rõ: Hiện tiền, chúng ta dấy lên một ý niệm, nếu quan sát tỉ mỉ, sẽ thấy trong một niệm, thấy đều trọn đủ Mười Hai Nhân Duyên. Vì thế, có thể nói Mười Hai Nhân Duyên là hai tầng nhân quả trong ba đời, chẳng biết trong từng sát-na, nó liên tục chẳng ngừng, chúng ta chớ nên không hiểu chân tướng sự thật ấy. Do vậy, trong Phật pháp còn có cách quán sanh, diệt, thuận, nghịch, tức là quý vị nhìn theo kiểu nào, quan sát nó (Mười Hai Nhân Duyên) như thế nào?

Từ hai lối quán sanh và diệt...

(Sớ) Sanh Quán, quán duyên Vô Minh sanh Hành, duyên Hành sanh Thức, nãi chí duyên Sanh sanh Lão Tử, thứ đệ sanh khởi chi tướng dã. Giá thị Lưu Chuyển môn.

(疏)生觀,觀緣無明生行,緣行生識,乃至緣生生老死,次第生起之相也,這是流轉門。

(Sớ: Sanh Quán là quán duyên Vô Minh sanh Hành, duyên Hành sanh Thức, cho đến duyên Sanh mà sanh ra Lão Tử, [tức là quán] tướng sanh khởi theo thứ tự. Đây là Lưu Chuyển Môn).

“*Lưu Chuyển*” (流轉) là gì? Lưu chuyển là luân hồi, tức là sanh tử luân hồi. Do vậy, quý vị thấy rõ ràng hiện tượng sanh tử luân hồi.

(Sớ) Diệt Quán, khiêu Hoàn Diệt, quán Vô Minh diệt ắt Hành diệt, nãi chí Sanh diệt ắt Lão Tử diệt, thứ đệ diệt hoại chi tướng dã, thị vi Hoàn Diệt môn.

(疏)滅觀,叫還滅,觀無明滅則行滅,乃至生滅則老死滅,次第滅壞之相也,是為還滅門。

(Sớ: Diệt Quán, gọi là Hoàn Diệt, quán Vô Minh diệt ắt Hành diệt, cho đến Sanh diệt thì Lão Tử sẽ diệt, [tức là quán] tướng diệt hoại theo thứ tự. Đây là Hoàn Diệt Môn).

Do quý vị nhìn ngược lại, vì thế, sẽ tìm được đường nẻo thoát khỏi luân hồi. Nhưng chúng ta ắt cần phải hiểu, Vô Minh diệt, ắt Hành diệt, chẳng thể nhìn vào quá khứ. Trong Sanh Quán, tức Lưu Chuyển Môn, quý vị phải xét tới quá khứ, tức là Vô Minh và Hành trong quá khứ chiêu cảm quả báo trong đời này,

nhưng một đời này lại khởi Hoặc tạo nghiệp. “*Khởi Hoặc*” chẳng gọi là Vô Minh, cũng chẳng gọi là Hành, mà gọi là gì? Là Ái, Thủ, Hữu. Vì thế, đối với đời sau, Ái và Thủ được gọi là Vô Minh. Đối với đời sau, Hữu được gọi là Hành. Do vậy, lại có quả báo cho đời sau.

Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, sẽ hiểu Bích Chi Phật dụng công ở chỗ nào? Dụng công nơi Ái, Thủ, Hữu! Trong ba điều ấy, chỉ cần đoạn một điều, sẽ đoạn luân hồi! Đương nhiên, tốt nhất là đổ công dốc sức nơi Ái. Ái là khởi tâm động niệm, người Hoa nói là “*thất tình, ngũ dục*”. Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chính là lúc quý vị dụng công. Phạm phu thuận theo sự phát triển của thất tình, ngũ dục; đây là phạm phu, cho nên tạo nghiệp luân hồi. Nếu chúng ta muốn tu Đại Niết Bàn, liễu sanh tử, thoát tam giới, hãy xoay ngược lại từ chỗ này, phải buông xuống Ái, Thủ, Hữu. Buông xuống một điều là được rồi! Ái là động tâm, tâm đã bị động. Sau khi đã động tâm, nếu quý vị chẳng Thủ, sẽ chẳng có chuyện gì cả! Do quý vị chẳng Thủ, được rồi, sẽ chẳng có Hữu sau đó, sẽ chẳng có nghiệp đời sau. Như vậy thì đối với phần đầu của Mười Hai Nhân Duyên, trong đời quá khứ có Vô Minh, nhưng chẳng có Hành, cho nên người ấy sẽ chẳng cảm nhận quả báo luân hồi trong đời sau, sẽ chẳng bị!

Tốc độ phải nhanh chóng, cổ đại đức thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. “*Niệm*” chính là khởi tâm động niệm, ở đây nói đến Ái, tức là nói về khởi tâm động niệm. Sau khi đã khởi tâm động niệm, chẳng có Thủ. Tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng học, người công phu thật sự đặc lực, sẽ đối với hết thầy người, sự, vật, đều chẳng có ý niệm chiếm hữu. Chiếm hữu là Thủ. Chẳng có ý niệm không chế, điều này rất ư quan trọng! Trong cuộc sống hằng ngày, đối với người, đối với sự, đối với vật, ta chẳng có ý niệm không chế, cũng chẳng có ý niệm chiếm hữu. Ý niệm chiếm hữu nặng nề hơn [ý niệm] không chế. Không chế là nhẹ nhàng, chiếm hữu là nghiêm trọng, vì sao? Nó sẽ dẫn đến các hành vi sau đó. Chẳng có ý niệm, lấy đâu ra hành vi? Hành vi chính là Hữu! Đây là chúng ta dụng công trong cuộc sống hằng ngày, bất luận quý vị tu pháp môn nào, công phu đều đặc lực.

Tông Môn nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Ý niệm không chế của chúng ta dấy lên, ý niệm chiếm hữu dấy lên. Hễ niệm ấy dấy lên, chớ nên để cho nó phát triển nữa. Hễ phát triển, nó sẽ tạo nghiệp, sẽ lại có hành vi. Khi ấy, chỉ là ý niệm dấy lên. Giác là gì? Một câu A Di Đà Phật. Tịnh Độ là một câu như thế đó, ý niệm vừa dấy lên bèn “*A Di Đà Phật*”, xóa sạch ý niệm ấy, khôi phục thanh tịnh, khôi phục bình đẳng, trừ bỏ ý niệm ấy. Dùng một niệm A Di Đà Phật để trừ bỏ ý niệm không chế và chiếm hữu đối với hết thầy người, sự, vật. Đó gọi là niệm Phật, là công phu.

Nếu vừa niệm Phật, vừa dấy lên ý niệm không chế và chiếm hữu; đó gọi là “*xen tạp*”. Trong Phật hiệu của ta, đã bị xen tạp ý niệm không chế và chiếm hữu. Ý niệm không chế và chiếm hữu xen lẫn vào Phật hiệu, Phật hiệu sẽ chẳng đặc lực. Niệm như vậy, dầu niệm mười năm, trăm năm, chẳng mong chi đạt được công phu thành phước, làm sao có thể vãng sanh cho được? Vãng sanh là bảo quý vị hãy buông xuống muôn duyên. Buông xuống muôn duyên, quan trọng nhất là

phải buông xuống ý niệm. Nói chung, đối với chuyện sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, kinh nói tới “*ý niệm Ái và Thủ*”, nói kiểu ấy chẳng dễ hiểu cho lắm. Tôi nói là “*ý niệm không chế và chiếm hữu*”, mọi người đều dễ hiểu. Không chế là Ái, chiếm hữu là Thủ, tôi dùng cách nói này cho dễ hiểu, có cùng một ý nghĩa, quyết định chớ nên [có những ý niệm ấy]! Không chỉ là vật ngoài thân chẳng nên ghim trong lòng, thân thể cũng chớ nên ghim trong lòng. Nói chung, hãy tùy duyên, đừng phan duyên. Trong tùy duyên, chẳng có Ái, Thủ, Hữu. Như vậy thì mới có thể vắng sanh, niệm Phật mới chẳng bị chướng ngại. Do vậy, chướng ngại đích xác chẳng ở bên ngoài. Chướng ngại là do Ái, Thủ, Hữu, tức là ở chính mình, chứ bên ngoài chẳng có chướng ngại. Vì thế, Phật pháp chẳng thể cầu từ bên ngoài, phải cầu từ trong nội tâm của chính mình. Phật pháp được gọi là Nội Học, kinh Phật được gọi là Nội Điển, đều là hướng nội, chẳng có gì dạy quý vị hướng ra ngoài. Phật pháp gọi hướng ra ngoài là “*ngoại đạo*”. Quý vị cầu pháp ngoài tâm, sai mất rồi! [Nói] “*ngoại đạo*” chẳng phải là chữ người khác, chẳng phải là hạ thấp kẻ khác, chẳng phải vậy! “*Ngoại đạo*” là nói chính mình cầu pháp ngoài tâm, chẳng biết hướng nội để cầu, có ý nghĩa này.

Còn có hai phép Quán thuận và nghịch:

(Sớ) Thuận sanh tử quán, quán hữu lậu nghiệp vi nhân.

(疏) 順生死觀，觀有漏業為因。

(Sớ: Thuận sanh tử Quán: Quán nghiệp hữu lậu làm nhân).

Hữu lậu: “*Lậu*” (漏) là tên gọi chung của phiền não, tức là có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, đây là cái “*nhân*”.

(Sớ) Ái Thủ đẳng vi duyên.

(疏) 愛取等為緣。

(Sớ: Ái, Thủ v.v... là duyên).

Đây đều là nói về đời hiện tại này.

(Sớ) Cảm Thức đẳng nãi chí Lão Tử đẳng sanh tử quả chi tướng dã.

(疏) 感識等乃至老死等生死果之相也。

(Sớ: Cảm tướng trạng của quả sanh tử từ Thức v.v... cho đến già, chết v.v...)

Đây là lục đạo luân hồi, sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh, chẳng hết, chẳng xong, quý vị thấy hiện tượng ấy. Ngược lại...

(Sớ) Nghịch sanh tử quán, quán vô lậu chi chánh huệ vi nhân, chánh hạnh vi duyên, chứng Niết Bàn quả chi tướng dã.

(疏)逆生死觀，觀無漏之正慧為因，正行為緣，證涅槃果之相也。

(Sớ: Nghịch sanh tử Quán: Lấy quán chánh huệ vô lậu làm nhân, chánh hạnh làm duyên, đó là tướng chứng quả Niết Bàn).

Tương phản là chánh huệ, [nói] “chánh huệ” nhằm phân biệt chẳng phải là tà huệ. Phân biệt tà và chánh từ chỗ nào? Từ Giới và Định sanh ra chánh huệ; nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Nói cách khác, tôi thường chẳng dùng những danh từ Pháp Tướng ấy, mà dùng [những danh từ khác] cho mọi người dễ hiểu, tôi nói là “thanh tịnh, bình đẳng”. Từ cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh là Giới, tâm bình đẳng là Định. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ ghi là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây chính là nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ.

Thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ, đây là chánh huệ. Sau khi chánh huệ đã khai, đối đãi hết thấy vạn vật, quyết định là đại từ, đại bi. Vì thế, đại từ, đại bi do đâu mà có? Sanh từ chánh huệ. Ái tâm trọn khắp pháp giới, thiện ý đầy ấp Sa Bà, đó là đại từ, đại bi. “Chánh hạnh làm duyên”: Chánh hạnh chính là Lục Độ, Tứ Đẳng của Bồ Tát. Ngài hành những gì? Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm. Tiếp xúc cùng hết thấy đại chúng, chẳng ngoài Tứ Nhiếp, tức là Bồ Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự, [đây là] chánh hạnh. Trong giáo pháp Đại, Tiểu Thừa, đức Phật thường nói ba mươi bảy đạo phẩm, [đó là] chánh hạnh. Lục Độ của Bồ Tát là chánh hạnh. Do những điều ấy làm duyên, người ấy mới có thể chứng quả Niết Bàn. Niết Bàn là liễu sanh tử, thoát tam giới. Không chỉ là thoát tam giới, mà còn thoát khỏi mười pháp giới. Vì thế, thuận sanh tử quán, nghịch sanh tử quán, [cũng như] hai phép Quán sanh và diệt đã nói trong phần trước có cùng một ý nghĩa.

Chúng tôi giới thiệu Duyên Khởi thiện xảo đến đây. Trong phần chú giải bốn câu này, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay: Bốn câu ấy (Uẩn Thiện Xảo, Giới Thiện Xảo, Xứ Thiện Xảo, Duyên Khởi Thiện Xảo) chính là “lưu chuyển chi Thể”, nghĩa là cái Thể của sanh tử luân hồi. Vì sao có sanh tử luân hồi? Quý vị hiểu rõ ràng những điều này, sẽ hiểu minh bạch: Duyên Khởi thuộc trong luân hồi, bốn thứ thiện xảo ấy đều thuộc trong luân hồi. Kế đó là...

(Kinh) Dục Giới thiện xảo, Sắc Giới thiện xảo, Vô Sắc Giới thiện xảo.

(經)欲界善巧。色界善巧。無色界善巧。

(Kinh: Dục Giới thiện xảo, Sắc Giới thiện xảo, Vô Sắc Giới thiện xảo).

Ba câu này nói về “lưu chuyển chi xứ” (chỗ lưu chuyển). Quý vị luân hồi ở chỗ nào? Ở những nơi nào? Ở ngay trong tam giới. Trong hết thấy [các loài] chúng sanh, con người [luân hồi] rõ ràng nhất, tạo ác, tạo thiện, tạo vô ký. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quy nạp lại sẽ đều chẳng ra ngoài ba loại ấy, tức là thiện, ác, vô ký. Vô ký (無記) là chẳng thiện chẳng ác, chẳng thể nói là thiện

hay ác được, như vậy chẳng phải là rất tốt hay sao? Chẳng sai! Rất tốt, nhưng kẻ ấy ngừng nơi vô minh, cho nên chẳng khai trí huệ. Nói cách khác, vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề, nhất định phải là chánh huệ thì mới được. Vì thế, chúng ta tu hành, nói chung là phải nắm được cương lĩnh. Bất luận học pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đó là phương pháp; tuy đường lối không giống nhau, nhưng mục tiêu và phương hướng tu hành chắc chắn giống nhau. Mục tiêu và phương hướng là gì? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là tổng phương hướng, tổng mục tiêu. Bất luận phương pháp nào, cũng đều nhằm tu cái tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, cuối cùng đều là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây sẽ là giác, là chánh đạo, là đạo Đại Niết Bàn.

Dục Giới, từ Tha Hóa Tự Tại Thiên trở xuống đều là Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời. Tầng trời cao nhất là Tha Hóa Tự Tại Thiên, tức là tầng thứ sáu, tầng thứ năm là Hóa Lạc Thiên, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, tầng thứ ba là Dạ Ma Thiên, tầng thứ hai là Dao Lợi Thiên. Ngọc Hoàng Đại Đế như chúng ta thường nói chính là chúa cõi trời Dao Lợi. Thượng Đế được nói trong khá nhiều tôn giáo cũng chính là [chúa tể] Dao Lợi Thiên. Phía dưới Dao Lợi Thiên là Tứ Vương Thiên, dưới đó là nhân gian, đều có thất tình, ngũ dục. Ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng sanh trong ấy (Dục Giới) đều tham cầu tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Thấp hơn nữa, sẽ là súc sanh, ngựa quý, địa ngục. Trong những cõi ấy, càng nghiêm trọng hơn, [tức là] tham, sân, si càng nghiêm trọng hơn. Nếu đối với ngũ dục, lục trần, hoặc là “*thất tình, ngũ dục*” như người Hoa thường nói, cái tâm của chúng ta càng mỏng, sẽ càng tiến cao hơn.

Vì sao Dục Giới có sáu tầng trời? Là vì có người xem những món dục ấy rất nhẹ [hoặc rất nặng khác nhau], nên chia thành sáu tầng. Càng lên cao hơn, [tham dục] càng mỏng hơn. Cho đến Sắc Giới, sẽ chẳng có nữa. Sắc Giới quyết định chẳng có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng ta sẽ hỏi: “Chẳng phải là họ đã đoạn trừ [ngũ dục] ư?” Họ đã đoạn, nhưng là phục đoạn (伏斷, đoạn trừ bằng cách chế ngự, khuất phục, đè nén, chẳng cho nó dậy lên), chẳng phải là diệt đoạn (滅斷, dứt hẳn, diệt hẳn). Vì họ có công phu định lực, những tạp niệm ấy quyết định chẳng thể dậy lên hiện hành, cho nên là “*phục đoạn*”. Đến Vô Sắc Giới, ngay cả thân thể cũng chẳng có, chẳng cần đến thân thể nữa! Lão Tử nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vi ngô hữu thân*”, tức là Lão Tử nói: Ta có mối lo âu lớn nhất, là gì vậy? Ta có thân thể, chẳng có thân thể sẽ rất tốt! Quý vị thấy có thân thể, sẽ có ăn, mặc, ở, đi lại. Chẳng có thân thể, tốt hơn nhiều, chẳng cần tới những thứ ấy! Tuy Sắc Giới Thiên không cần ăn uống, do họ có thân thể, vẫn phải có chỗ để cư trú, nhưng nhẹ nhàng hơn Dục Giới Thiên rất nhiều! Chẳng có ăn uống, quá phiền toái! Vô Sắc Giới Thiên ngay cả thân thể cũng chẳng cần, đương nhiên là chế phục thất tình, ngũ dục càng sâu hơn, nhưng chưa đoạn. Nếu đã đoạn, họ sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi, sẽ vượt thoát. Ai đã đoạn? A La Hán đã đoạn; do vậy, A La Hán chẳng ở trong lục đạo luân hồi. Bích Chi Phật đã đoạn, Bồ Tát đã đoạn, các Ngài ở trong tứ thánh pháp giới, ở ngoài tam giới.

Vì thế, luân hồi thuộc trong tam giới. Đạt đến Vô Sắc Giới, công phu định lực khá lắm, Tứ Thiên Bát Định, đã đạt tới tột đỉnh trong thế gian định, công phu định lực duy trì bao lâu? Trong kinh, đức Phật đã nói: Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, đây là tầng cao nhất trong Tứ Không Thiên, thọ mạng là tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp, đức Phật nói là [thời gian để] thế giới này [hoàn tất một chu kỳ] “thành, trụ, hoại, không”. Cứ một lần “thành, trụ, hoại, không” là một đại kiếp. Nếu thế giới này trải qua “thành, trụ, hoại, không” tám vạn lần, thọ mạng của họ sẽ hết, hết rồi thì sao? Đã hết, sẽ chẳng còn sanh lên cao hơn được nữa! Chẳng thể lên cao hơn nữa; do vậy, phiền não dấy lên hiện hành, tham, sân, si, mạn dấy lên, ngay lập tức đọa lạc xuống dưới. Đúng như ngôn ngữ đã nói: “*Trèo càng cao, rơi càng nặng*”. Họ đọa lạc chẳng phải là đọa xuống Dục Giới Thiên, chẳng phải là đọa trong nhân đạo, ngay cả ngạ quỷ, súc sanh cũng chẳng đọa vào! Họ đọa thẳng vào địa ngục, trèo càng cao, rơi càng nặng! Những tập khí phiền não trong A Lại Da Thức thấy đều bùng lên, hủy báng thánh hiền. Vì bản thân họ đối với cảnh giới đã chứng đắc, cứ tưởng chính mình đã thành Phật, cứ tưởng chính mình đã chứng đắc Đại Niết Bàn, bất sanh, bất diệt. Rốt cuộc, đến khi đó, thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa lạc xuống dưới, họ bèn nói “giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, Phật, Bồ Tát toàn là giả trá”. Tội nghiệp ấy chính là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, [sẽ đọa] trong A Tỳ địa ngục. Đọa vào A Tỳ địa ngục, lại chẳng biết phải trải qua bao nhiêu kiếp, biến thành ngạ quỷ, biến thành súc sanh, [sau đây] mới có thể sanh vào nhân đạo. Sự luân hồi ấy vĩnh viễn chẳng có ngăn mé, rất đáng sợ!

Quý vị hãy ngẫm xem đại chúng hiện tiền đang có mặt ở nơi đây, quý vị đã từng sanh vào Dục Giới Thiên hay chưa? Đương nhiên là có. Đã từng sanh vào Sắc Giới Thiên hay chưa? Đã từng sanh vào Vô Sắc Giới Thiên hay không? Thấy đều có, không biết đã bao nhiêu lần. Có từng vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hay không? Cũng chẳng biết là đã vào đó bao nhiêu lần? Do bị mê khi cách ám, quên tuốt! Tuy quên tuốt, nếu quý vị chú tâm, sẽ có thể cảm nhận. Cảm nhận từ chỗ nào? Ban đêm quý vị ngủ có nằm mộng hay không? Trong mộng, có không ít cảnh giới chẳng thuộc về nhân gian! Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, tập khí phiền não rất nặng, đại khái là mộng cảnh toàn là ác mộng. Trong ác mộng, có ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Người tu hành công phu niệm Phật có đôi chút đắc lực, sẽ không bị ác mộng, có thể mộng thấy những chuyện thuộc cõi trời hay nhân gian. Từ những chỗ này, nếu quý vị chú tâm, lưu ý quan sát, sẽ biết: Trong quá khứ, chúng ta đã đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong lục đạo chẳng biết bao nhiêu lần, chẳng phải là một hai lần, mà là từ vô lượng kiếp đến nay! Chúng ta phải hiểu những sự thật và đạo lý này! Đối với tam giới, trong các phần trước đã nói rất nhiều rồi, chẳng cần phải nói cặn kẽ nữa. Đây là phạm vi hoạt động của lục đạo phàm phu trong đời đời kiếp kiếp. Ba câu cuối cùng...

(Kinh) Quá khứ thiện xảo, vị lai thiện xảo, hiện tại thiện xảo.

(經)過去善巧。未來善巧。現在善巧。

(Kinh: Quá khứ thiện xảo, vị lai thiện xảo, hiện tại thiện xảo).

Đây là nói về thời gian lưu chuyển trong tam giới. Trong phần trước là nói về không gian. Tam giới là nói về không gian, tam thế (ba đời) là nói về thời gian. Chúng ta thấy Thanh Lương đại sư chú giải:

(Sớ) Tam khoa chi nghĩa, lược như tiền thích.

(疏) 三科之義，略如前釋。

(Sớ: Xét đại lược, ý nghĩa của ba khoa như đã giải thích trong phần trước).

Ba khoa là ba đoạn như trong phần trước đã nói⁴³.

(Sớ) Quảng như biệt chương.

(疏) 廣如別章。

(Sớ: [Lời giải thích] chi tiết sẽ ở trong một chương khác).

Chẳng nói cặn kẽ ở đây, trong phần sau, sẽ còn có chỗ nói chi tiết.

(Sớ) Duyên khởi, Lục Địa quảng minh.

(疏) 緣起，六地廣明。

(Sớ: Duyên khởi sẽ được nói chi tiết trong chương Lục Địa).

Duyên khởi sẽ được giảng hết sức chi tiết trong chương Lục Địa Bồ Tát [của phẩm Thập Địa]. Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu đại lược.

(Sớ) Tam giới, tam thế, như tiền hậu thích.

(疏) 三界三世，如前後釋。

(Sớ: Tam giới, ba đời, như trong phần trước và sau có giải thích).

Trong phần trước đã có nói, trong phần sau sẽ lại nói đến, đều nói...

(Sớ) Giai ngôn thiện xảo giả.

(疏) 皆言善巧者。

(Sớ: Điều nói là thiện xảo vì...)

Đoạn này cũng rất trọng yếu, có ba điểm. Thứ nhất là...

(Sớ) Thiện tri bỉ pháp, không, vô sở hữu.

(疏) 善知彼法，空無所有。

⁴³ Tức là như trong phần trước đã nói:

- Uẩn thiện xảo, Giới thiện xảo, Xứ thiện xảo, Duyên Khởi thiện xảo là Thể của sự lưu chuyển.
- Tam giới thiện xảo là nơi chôn lưu chuyển.
- Tam thế thiện xảo là thời gian lưu chuyển.

(Sớ: Khéo biết các pháp ấy là Không, chẳng có sở hữu).

Quý vị thấy đó, nói đến tam giới, tức là nói đến quá khứ, hiện tại, vị lai, nói tới Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai xứ, duyên khởi, có những pháp ấy hay không? Có chứ! Chẳng thể nói chúng chẳng có. Tuy có, bản thể của chúng là Không, trọn chẳng thể được. Vì thế, “*khéo biết các pháp ấy*”, “*các pháp ấy*” chính là hết thấy các pháp. Mười câu [thiện xảo] trong phần trên bao gồm hết thấy các pháp. Chúng đều là Không, vô sở hữu. Kinh Bát Nhã dạy rất chính xác: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Trong kinh Đại Bát Nhã có dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, kể cả cái thân của chính chúng ta! Thân còn chẳng thể được, thì đối với những gì sở hữu bởi cái thân này, làm sao quý vị có thể đạt được? Phải hiểu điều này, đấy mới gọi là thiện xảo! Có nghĩa là “*Sự có, Lý không, Tướng có, Tánh không*”. Vì thế, quý vị chẳng thể nói chúng là có, mà cũng chẳng thể nói chúng là không! Quý vị nói chúng là không, chúng hiện tướng mà! Quý vị bảo nó là có, nhưng bản thể của cái tướng ấy chính là Không, sanh diệt trong từng sát-na, trọn chẳng thể được! Điều thứ hai...

(Sớ) Thiện tri bất hoại giả danh, phân biệt pháp tướng.

(疏)善知不壞假名，分別法相。

(Sớ: Khéo biết giả danh là bất hoại mà phân biệt pháp tướng).

Câu trước chính là biết chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Câu thứ hai nhằm chỉ rõ quý vị khéo biết chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Hết thấy chúng sanh đang mê, chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Quý vị thấy đức Phật dùng đủ mọi phương tiện giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, trở về tự tánh. Do vậy, nhằm giảng kinh thuận tiện, đức Phật đã lập ra khá nhiều danh tự. Những danh tự ấy đều là giả danh. “*Phật, Bồ Tát, Chân Như, tự tánh*”, có những danh tự ấy hay chẳng? Chẳng có! Những danh tự ấy đều là giả lập. Những giả danh ấy được giả lập ra, nhằm giáo học thuận tiện mà kiến lập những danh từ chuyên biệt ấy!

Quý vị phải hiểu tất cả danh tướng đều chẳng chân thật. Vừa mở đầu [Đạo Đức Kinh], Lão Tử đã nói chuyện này rất rõ ràng: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh*” (Cái đạo mà có thể diễn tả được, chẳng phải là đạo thường hằng. Cái danh mà gọi tên được, chẳng phải là cái danh thường hằng). “*Danh*” là danh tự, hết thấy các danh tướng, “*thường danh*” là vĩnh hằng bất biến thì gọi là Thường. Quý vị thấy đức Phật gọi một chuyện bằng rất nhiều danh tự. Vì sao? Khiến cho quý vị hiểu rõ danh tự là giả lập, chẳng thật! Từ chỗ giả lập ấy, quý vị sẽ ngộ nhập chân thật, vì chân thật là không thốt nên lời, chẳng có cách nào nói được! Chân thật cũng chẳng thể suy tưởng. Vì vậy, quý vị cũng chẳng thể tư duy. Quý vị tư duy, tưởng tượng, sẽ vĩnh viễn nghĩ sai, vĩnh viễn chẳng thể tưởng được. Lìa khỏi tư duy, lìa khỏi ngôn thuyết, chân tướng ở ngay trước mặt, chẳng hề xa lìa quý vị. Ở ngay trước mặt, thế mà quý vị chẳng nhận ra. Chư Phật, Bồ Tát giả lập những danh tướng ấy nhằm dẫn dắt quý vị ngộ nhập chân thật. Bởi lẽ ấy, quý vị cũng không cần phải phá hoại những danh tướng ấy!

Quý vị biết chúng là giả lập, biết tác dụng của chúng. Đây là thiện xảo. Vì thế, đức Phật dùng ngôn ngữ, dùng những danh tướng ấy để nói rành mạch, rõ ràng Thật Tướng, nay chúng ta gọi [Thật Tướng] là “chân tướng”, quý vị có thể ngộ nhập hay không? Chẳng có! Nếu quý vị hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông xuống, quý vị sẽ ngộ nhập. Do vậy, sợ nhất là quý vị chấp trước những danh tướng ấy. Điều này được gọi là “*chết cứng nơi danh tướng*”, hỏng bét! Vĩnh viễn chẳng thể ngộ nhập.

Do vậy, trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: “*Lìa tướng ngôn thuyết*”. Có cần nghe hay không? Nghe, nhưng chẳng chấp trước ngôn thuyết. “*Lìa tướng danh tự*”: Đức Phật nói khá nhiều danh từ, thuật ngữ, cũng đều nghe, nhưng không chấp trước. “*Lìa tướng tâm duyên*”: Sau khi nghe, hiểu bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, quyết chẳng nghiên cứu. Bởi lẽ, quý vị chẳng nghiên cứu được! Càng nghiên cứu, càng trật! Người hiện thời chuộng nghiên cứu, khó khăn ở chỗ này! Phật pháp yêu cầu quý vị lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; [thế mà] nghiên cứu dẫn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vậy thì làm sao được? Do vậy, mọi người (người Hoa [nói riêng]) hãy nhắc tới Phật giáo, đều bội phục Lục Tổ Huệ Năng của Thiên Tông năm vóc sát đất. Lục Tổ Huệ Năng có bản lãnh gì vậy? Nói toạc ra cùng quý vị, đối với ba chuyện như Mã Minh Bồ Tát đã dạy, Ngài thấy đều làm được. Trong cuộc sống hằng ngày, lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, xác thực là lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. Bất luận là thấy sắc, hay nghe tiếng, Ngài đều triệt ngộ tự tánh, chẳng cần học hành, chẳng cần nghiên cứu!

Vì sao nay chúng ta chẳng làm được? Chẳng buông điều này xuống được! Chứ buông xuống được thì có khác gì Ngài? Chính là vì chẳng thể buông xuống! Người ta đã biểu diễn, thị hiện cho chúng ta biết: “*Buông xuống là được*”. Vậy mà quý vị chẳng chịu buông xuống! Quý vị hãy tự trách mình, chẳng thể trách móc ai khác! Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, không một vị nào chẳng khuyên chúng ta buông xuống. Tôi theo thầy học Phật, ngày đầu tiên gặp mặt, thầy dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Ý nghĩa ấy quá sâu! Nói chung, quý vị phải buông xuống. Quý vị buông xuống được bao nhiêu, mới có thể khế nhập bấy nhiêu! Nếu quý vị chẳng chịu buông xuống, sẽ là phàm phu. Đúng vậy đó! Hằng ngày nghe kinh, hằng ngày niệm Phật, chẳng vào được cửa, [nguyên nhân là vì] quý vị chẳng đoạn tập khí phiền não!

Ý nghĩa thứ ba...

(Sớ) Gia năng nhiếp vô tận, di tận thiện xảo.

(疏)加能攝無盡，彌盡善巧。

(Sớ: Lại có thể nhiếp vô tận, thiện xảo trọn khắp).

Điều này nhằm nói: Bất cứ một pháp nào, hoàn toàn chẳng nói một pháp [nhất định] nào, bất cứ một pháp nào cũng đều có thể nhiếp hết thấy các pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một chính là hết thấy, hết thấy là một*”. “*Một*” chẳng phải là một cái chuyên nhất nào, mà bất cứ cái nào! Do vậy, bậc giác ngộ trong

Tông Môn khi nói năng thường nêu thí dụ là một sợi lông, bé tí ti! Một sợi lông trên thân chúng ta, nhổ lấy một sợi, [các công án thường nói là] “*nhất mao*”. “*Nhất trần*” lại càng nhỏ hơn nữa, tức là một hạt vi trần, trong ấy có thể gồm thâu đại thiên thế giới. Trong quá khứ, chúng tôi nghe lời ấy chẳng hiểu. Một sợi lông, một sợi tóc, tức “*nhất mao*” mà trong ấy có thể dung nạp đại thiên thế giới, dung nạp vô tận đại thiên thế giới, làm sao có thể nghe hiểu cho được? [Nghe giống hệt như chuyện] thần thoại!

Hiện thời, các nhà khoa học đã chứng minh [chuyện ấy] là thật, chẳng giả. Đây cũng là chuyện vào bốn hoặc năm năm trước, gần đây. Các nhà khoa học thuộc tổng cục không gian của Hoa Kỳ đã phát hiện một bí mật mới và công bố:

1) Điều thứ nhất là thời gian và không gian chẳng thật. Trước kia, chưa hề nói đến chuyện này! Dưới một điều kiện nào đó, không gian sẽ bằng zéro. Không gian bằng zéro, sẽ chẳng có khoảng cách. Dưới một điều kiện nào đó, thời gian bằng zéro. Thời gian bằng zéro, sẽ chẳng có trước sau. Đó là thế giới gì? Chẳng có cách nào tưởng tượng! Tôi xem bản báo cáo ấy xong, rất hoan hỷ, vì sao? Giống hệt như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Pháp giới là Nhất Chân. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có khoảng cách, chẳng có trước sau, hoàn toàn giống như họ (các nhà khoa học) đã nói. Vì thế, họ đã phát hiện Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới có thời gian và không gian, trong Nhất Chân pháp giới chẳng có!

Phát hiện ấy rất lỗi lạc, nhưng hiện thời họ chẳng biết dùng phương pháp gì [để chứng thực]; bởi lẽ, họ không biết điều kiện ấy [là gì]. Trong Phật pháp thì có, điều kiện gì vậy? Thiên Định. Trong Thiên Định rất sâu, chúng ta thường nói là “*đột phá kích thước không gian*”, và cũng là “*đột phá thời gian*”. Trong Thiên Định, có thể trở lại quá khứ, có thể tiến nhập vị lai. Quá khứ và vị lai quý vị đồng thời đều có thể thấy, vì chẳng có thời gian. Cõi này, phương khác quý vị đều thấy, vì chẳng có khoảng cách! Vì thế, quý vị thấy trong Phật pháp, từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng hề có những máy móc khoa học, Ngài thấy đều biết. Không chỉ là trong Phật giáo, tại Ấn Độ, trước Phật giáo là Bà La Môn giáo, từ trong Thiên Định, họ cũng thấy hiện tượng sanh tử luân hồi trong lục đạo. Vì thế, trong Thiên Định, thời gian và không gian đều bị đột phá, trạng huống lục đạo đều ở trước mặt. Đây là một phát hiện.

2) Phát hiện thứ hai: Vật chất sanh ra từ Vô, trong Vô mà sanh ra Hữu. Điều này giống như kinh Phật đã dạy. Pháp Tướng Duy Thức có nói, tướng cảnh giới sanh từ đâu? Sanh từ Kiến Phần. Duy Thức nói Tâm và Tâm Sở có bốn loại đặc tánh, tức là Kiến Phần, Tướng Phần, TỰ Chứng Phần, và Chứng TỰ Chứng Phần. Pháp Tướng đề ra bốn phần ấy. Vật chất là Tướng Phần, tinh thần là Kiến Phần, vật chất và tinh thần đều từ TỰ Chứng Phần biến hiện. Tinh thần và vật chất là một, không hai; vì thế mới nói “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, đạo lý ở chỗ này. Đây là phát hiện khoa học gần đây nhất, vật chất chẳng có thật, từ trong Vô sanh ra Hữu. Thời gian nó tồn tại hoàn toàn chẳng dài, lại trở về Vô. Điều này đúng như Tâm Kinh đã nói: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Đây là phát hiện thứ hai.

3) Phát hiện thứ ba, nguyên điểm của vũ trụ. Rốt cuộc, vạn hữu trong vũ trụ do đâu mà có? Hiện thời, rất nhiều nhà khoa học tin tưởng vũ trụ là [hậu quả] của một vụ bùng nổ (Big Bang), do một vụ bùng nổ vĩ đại sanh ra. Bởi lẽ, nhìn qua viễn vọng kính, [họ thấy] vũ trụ vẫn còn đang phình ra. Phình ra thì đương nhiên là do hiện tượng bùng nổ, nó mới có thể có hiện tượng sanh trưởng, phình ra không ngừng. [Nói] bùng nổ thì cái gì bùng nổ? Nói chung là phải có một thứ chi đó. Nay các nhà khoa học nói thứ ấy là một “*nguyên điểm*”. Nguyên điểm to cỡ nào? Còn nhỏ hơn một sợi tóc! Họ nói là một sợi tóc. Ví như chúng ta dùng một sợi tóc để tỷ dụ, dùng dao cắt ngang sợi tóc ấy, mặt cắt ngang của sợi tóc sẽ có hình tròn. Hình tròn ấy có đường kính. Trên đường kính đó, sắp được bao nhiêu nguyên điểm của vũ trụ? Con số này tôi không nhớ rõ ràng lắm, nhưng trong thí dụ ấy, tôi nhớ họ nói trên đường kính ấy có thể sắp xếp ba chữ Úc sau con số một trăm vạn, tức là một trăm vạn ức ức nguyên điểm của vũ trụ. Trong mỗi nguyên điểm của vũ trụ, chứa đựng toàn thể vũ trụ, đây chính là “*năng nhiếp vô tận, di thiện xảo dã*” (có thể nhiếp vô tận, thiện xảo trọn khắp) đang nói ở đây vậy! Nguyên điểm của vũ trụ đây nhé!

Hiện thời, khoa học kỹ thuật rất phát triển. Một tinh phiến (một con chip điện tử) còn nhỏ hơn cái móng tay, có thể dung nạp rất nhiều thứ. Tôi tin là trong tương lai sẽ càng tiến bộ hơn! Đại khái là một bộ Đại Tạng Kinh có thể chỉ cần một con chip to bằng ngón tay như vậy là có thể dung nạp toàn bộ. Khoa học kỹ thuật như vậy thì sao? Chẳng có gì đặc biệt hết! Vì sao? Nguyên điểm vũ trụ của người ta còn bé hơn thứ này nhiều, bé đến nỗi quý vị chẳng có cách nào trông thấy, nhìn dưới kính hiển vi cũng chẳng trông thấy. Nó dung nạp bao nhiêu? Dung nạp toàn thể vũ trụ, quý vị thấy một bộ Đại Tạng Kinh thắm vào đâu? Kinh Hoa Nghiêm nói “*lớn, nhỏ chẳng hai*”. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có lớn hay nhỏ, chẳng có trước hay sau, chẳng có xa hay gần, pháp giới là Nhất Chân. Dùng ba ý nghĩa ấy để bàn về thiện xảo, [đúng là] thiện xảo tột cùng. Đây chính là như trong phần sau kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, vô chướng ngại pháp giới. Hiện thời, khoa học đã dần dần chứng minh, rất thú vị. Do vậy, tôi cũng rất thích tiếp xúc những kiến thức khoa học ấy, dùng chúng để giải thích kinh điển, khiến cho chúng ta càng có tín tâm sâu đậm đối với kinh điển. Đáng tiếc là những nhà khoa học chẳng học kinh Hoa Nghiêm. Nếu họ học Hoa Nghiêm, tôi tin là họ sẽ có tiến bộ lớn hơn nữa. Bây giờ đã hết thời gian rồi!

Tập 1484

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ đoạn thứ sáu trong phần trường hàng.

(Kinh) Vân hà thiện tu tập Niệm Giác Phần, Trạch Pháp Giác Phần, Tinh Tấn Giác Phần, Hỷ Giác Phần, Y Giác Phần, Định Giác Phần, Xả Giác Phần, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện?

(經)云何善修習念覺分。擇法覺分。精進覺分。喜覺分。猗覺分。定覺分。捨覺分。空。無相。無願。

(Kinh: Làm thế nào để khéo tu tập Niệm Giác Phần, Trạch Pháp Giác Phần, Tinh Tấn Giác Phần, Hỷ Giác Phần, Y Giác Phần, Định Giác Phần, Xả Giác Phần, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện?)

Trong mười câu này, “vân hà thiện tu tập” (làm thế nào để khéo tu tập) vẫn là một mục xuyên suốt những câu sau đó, xuyên suốt cả mười câu này. Những câu sau [không nói “vân hà thiện tu tập”] là vì tính lược. Nếu đọc thành câu hoàn chỉnh, sẽ là “vân hà thiện tu tập Niệm Giác Phần, vân hà thiện tu tập Trạch Pháp Giác Phần”, cho đến “vân hà thiện tu tập Không, vân hà thiện tu tập Vô Tướng, vân hà thiện tu tập Vô Nguyện”, mọi người hiểu [mười câu ấy, câu nào] cũng đều là như vậy. Thanh Lương đại sư chú giải đoạn kinh văn này không nhiều, nhưng cũng nói rất rõ ràng, rất minh bạch.

(Sớ) Tu Niết Bàn nhân.

(疏)修涅槃因。

(Sớ: Tu cái nhân Niết Bàn).

Trong cả đoạn lớn, đoạn này thuộc về đoạn thứ năm.

(Sớ) Thất Giác, Tam Không, Thập Địa phẩm quảng thuyết.

(疏)七覺三空，十地品廣說。

(Sớ: Thất Giác, Tam Không được nói rộng trong phẩm Thập Địa).

Vì thế, ở đây chỉ là nêu ra danh mục, trong phần trước [của đoạn này] là Thất Giác Chi, còn Không, Vô Tướng, Vô Nguyện trong phần sau là Tam Không. Khi đến phần kinh văn trong phẩm Thập Địa, sẽ nói cặn kẽ. Nhưng hiện thời, chúng ta còn cách phẩm Thập Địa khá xa; do vậy, học tập đoạn này, chúng tôi cũng nói tóm tắt.

Thất Giác, Tam Không là gì? Thất Giác Chi là một khoa mục trong ba mươi bảy đạo phẩm. Ba mươi bảy đạo phẩm có tất cả bảy khoa, tức là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực; tiếp đó là Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Do vậy, Thất Giác Chi cũng là một khoa mục mà Đại Tiểu Thừa giáo ắt cần phải học tập, đều áp dụng trong cuộc sống thường ngày. Trong giáo

pháp Đại Thừa, nó thường được gọi là Trợ Đạo Phẩm. Bất luận tu học pháp môn nào, ba mươi bảy trợ đạo phẩm là một khoa mục học tập cơ bản. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau, tu gì vậy? Nói chung, chẳng lìa ba mươi bảy khoa mục này.

Ba mươi bảy khoa được chia làm bảy đoạn, nói theo cách nói thông thường trong hiện thời là “đơn nguyên” (unit), [bảy khoa] là bảy đơn nguyên. [Thất Giác Chi] là một trong số đó. Đơn nguyên này gồm bảy khoa, khoa thứ nhất là Niệm, tức Niệm Giác Phần. Chúng ta học tập Niệm Giác Phần như thế nào? Điều này rất trọng yếu. Khi tâm tình của chúng ta trầm trệ, phiền muộn, chúng ta thường nói là “tinh thần chẳng thể phấn chấn nổi”, niệm Phật, tĩnh tọa, chúng tôi không nói tới Tham Thiền, chúng tôi nói “tĩnh tọa”. Trong Niệm Phật Đường, tôi nghĩ rất nhiều đồng học đã từng thấy, gần như trong Niệm Phật Đường, mỗi ngày đều xuất hiện hiện tượng ấy. Có những người niệm Phật mà hôn trầm, ngủ gật. Hiện tượng này dễ phát sanh nhất khi chỉ tĩnh. Sau khi nhiều Phật mấy vòng, mọi người ngồi xuống. Khi chỉ tĩnh, sẽ có người ngủ ngay. Ngồi ở đó mà ngủ gật. Hiện tượng ấy thường có, đây gọi là “hôn trầm”, tinh thần chẳng thể phấn chấn được! Đức Phật dạy chúng ta, khi ấy, phải khởi lên ý niệm sau đây: Chúng ta phải chọn lựa pháp môn gì để đối trị, hồng phấn chân tinh thần của chính mình? Do vậy, bảy điều này của Thất Giác Chi nhằm giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta tỉnh táo, quý vị thấy có quan trọng lắm hay không?

Chúng ta chọn lựa phương pháp, đây là phương tiện trong Tịnh Tông, chúng ta chọn lựa phương pháp Niệm Phật. Niệm Phật cũng có phương pháp, trong khi đang hôn trầm thì làm như thế nào? Niệm lớn tiếng. Quý vị niệm lớn tiếng có thể gây ồn đến người khác hay không? Quý vị nhiều loạn trật tự của đại chúng cũng không hay! Do vậy, cách chọn lựa thông thường, tuy là Chỉ Tĩnh, người ấy có thể đứng lên lạy Phật trong khi ấy. Có thể dùng phương pháp ấy để trừ khử sự hôn trầm của chính mình. Hoặc là đại chúng chỉ tĩnh, quý vị vẫn có thể tiếp tục niệm Phật, dùng phương pháp ấy cũng được. Hiện thời, những máy móc khoa học phát triển, chẳng hạn như dùng máy nghe cá nhân. Chúng ta có thể thu lại [tiếng niệm] Phật hiệu trong Niệm Phật Đường. Vì sao? Khi niệm Phật trong Niệm Phật Đường, thanh điệu và âm điệu của mọi người phải ăn khớp thì mới chẳng đến nỗi hỗn loạn. Đây là trang nghiêm đạo tràng. Sau khi thu xong, chúng ta có thể lưu trong máy nghe cá nhân, trong lúc hôn trầm, chúng ta có thể mở lớn âm thanh để chính mình nghe mà người ngoài chẳng nghe thấy, chẳng làm phiền người khác, đây cũng là một biện pháp. Hiện thời, dùng cách này thì được, chứ trước kia, chẳng có những máy móc ấy, chẳng có cách nào cả! Vì thế, người thuở trước chỉ đành chọn lựa lạy Phật hay niệm Phật để khỏi làm phiền người khác, dùng những phương pháp ấy. Cổ đại đức dạy chúng ta: Quý vị dùng Trạch Pháp Giác Phần, Tinh Tấn Giác Phần, và Hỷ Giác Phần trong phần sau, dùng ba loại ấy để trừ khử hôn trầm. Trong phần sau, chúng tôi sẽ giới thiệu Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ từng điều một, dùng phương pháp ấy.

Một hiện tượng khác là điệu cử (掉舉, còn đọc là “trạo cử”), tức là thấp thỏm, bộp chộp, hoàn toàn tương phản với hôn trầm. Thấp thỏm, bộp chộp là vì

vọng niệm toi bời. Có rất nhiều người nói: “Khi tôi không niệm Phật, không tĩnh tọa, chẳng có vọng niệm. Hễ vừa tĩnh tọa, chẳng biết vọng niệm do đâu mà có? Có sao nhiều ngàn ấy?” Họ bị vọng niệm dọa đến mức nào? Họ bị dọa đến nỗi chẳng dám tĩnh tọa. Đây là sai lầm! Nhất định phải hiểu: Chẳng phải là khi tĩnh tọa mới có vọng niệm, mà là gì? Khi tĩnh tọa, quý vị mới phát hiện [chính mình có vọng niệm]; khi ta không tĩnh tọa, [vọng niệm vốn đã] nhiều ngàn ấy. Vì tâm niệm của quý vị chẳng tập trung, nên quý vị chẳng phát hiện. Sau khi mong muốn tĩnh lặng, mới phát hiện vọng niệm nhiều dường ấy. Thông thường, khi chúng ta dụng công, hai loại tật xấu ấy thường hiện tiền. Một là chẳng thể phán chân tinh thần, hai là thấp thỏm, bộp chộp, vọng niệm quá nhiều! Kinh Phật gọi đó là Điều Cử. Trong trạng huống ấy, quý vị có thể dùng Khinh An, dùng Định, dùng Xả, dùng ba món Giác Chi ấy để đối trị.

Do vậy, có thể biết: Thất Giác Chi nhằm đối trị hai thứ phiền não thường dậy lên khi chúng ta dụng công. Một là đối trị hôn trầm, hai là nhằm đối trị điều cử (tức là cái tâm phập phều, bộp chộp). Khi dụng công đắc lực, trong cuộc sống thường ngày, cũng sẽ có tình hình ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, trong khi làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, thì hôn trầm tức là tinh thần uể oải, khá ít; chứ trong hiện thời, [cái tật] thấp thỏm, bộp chộp gần như là thấy rất phổ biến. Bất luận quý vị ở nơi đâu, chỉ cần lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] người bình phàm hiện thời luôn vội vã, xáo động. Cũng có thể biết là họ có lắm vọng tưởng, nhiều phân biệt, nhiều chấp trước, tâm tình chẳng ổn định, rất dễ dàng nổi giận. Điều này thuộc loại Điều Cử, cũng có nghĩa là tâm họ chẳng định được. Giống như trong xã hội xưa kia, bất luận sĩ, nông, công, thương, ta trông thấy mọi người đều rất ổn định, ôn hòa, ăn nói thông thả, động tác cũng thông dong. Chúng ta xem gia thư, gia huấn của ông Tăng Quốc Phiên, quý vị thấy ông ta dạy dỗ con em, viết khá nhiều gia thư, gia huấn [luôn nhấn mạnh vấn đề trấn định tâm tình]. Do vậy, có thể biết, ông ta rất coi trọng vấn đề này. Những kẻ trẻ tuổi phải học ổn trọng. Học ổn trọng bắt đầu từ đâu? Hết thấy đều thông thả, chớ nên khiến cho người khác thấy vội vàng, gấp rút. Bất luận gặp vấn đề gian nan như thế nào đi nữa, tâm địa đều là như như bất động, có lý lắm! Trong kinh, đức Phật đã dạy rất rõ ràng, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Bộp chộp, lo chơi sẽ sanh phiền não, phiền não thì làm sao mà giải quyết vấn đề cho được? Phiền não chỉ có thể khiến cho vấn đề càng thêm phức tạp, chẳng phải là phương pháp để giải quyết vấn đề!

Do vậy, có thể biết, đối với tông chỉ của Thất Giác Chi, dùng một câu đơn giản nhất để nói sẽ “*dạy chúng ta phải học ổn trọng trong tư tưởng, ngôn ngữ, động tác*”. Trong đời này, tôi thấy một người là Chương Gia đại sư đã gây cho người khác ấn tượng: Ngài đi, đứng, ngồi, nằm, đều ở trong Định. Bất cứ lúc nào quý vị nhìn Ngài, đều thấy như Ngài đang nhập Định. Ít nói, tốc độ rất chậm, động tác cũng ít, cũng rất thông thả. Khi quý vị gặp mặt Ngài, tự nhiên chẳng dám buông lung. Ngài có sức nhiếp thọ, [người khác] tự nhiên tôn kính Ngài. Đời này tôi chỉ thấy một người như thế, hai vị thầy kia chẳng giống Ngài, là người tu hành chân chánh. Các vị thấy trong ảnh chụp, lão nhân gia mặc quân áo, một năm

bốn mùa đều ăn mặc như nhau. Quần áo rất dày, đương nhiên là mùa Đông không sao, nhưng mùa Hè, Ngài cũng mặc như thế.

Có một năm, Đài Loan khởi sự ấn hành Đại Tạng Kinh lần thứ nhất, dùng Đại Chánh Tạng⁴⁴ của Nhật Bản làm bản gốc, Đài Loan in lại, in lại lần đầu tiên. Những vị thuộc hội Phật giáo đi tuyên truyền khắp đảo Đài Loan, hy vọng mọi người nhận biết Đại Tạng Kinh, sẽ nhiệt liệt ủng hộ, thỉnh Đại Tạng Kinh. Vì bộ sách ấy rất lớn, giá thành rất cao, xác thực là chẳng dễ dàng, bèn cầu thỉnh Chương Gia đại sư cầm đầu phái đoàn ấy đi giới thiệu khắp đảo. Thuở ấy, cũng có những pháp sư trẻ tuổi đi theo. Trong số đó, có một vị tuổi trẻ hơn đại sư. Thuở ấy, đại sư khoảng sáu mươi tuổi, các vị khác chỉ hơn bốn mươi tuổi, thấy Chương Gia đại sư mặc quần áo nhiều như vậy, hỏi Ngài: “Lão nhân gia có nóng hay không?” Khi đó là mùa Hè, những pháp sư trẻ tuổi đều cầm quạt, Chương Gia đại sư chẳng có, họ liền hỏi: “Lão nhân gia, Ngài có nóng hay không?” Đại sư trả lời bằng một câu rất tuyệt: “*Tâm tịnh, tự nhiên lương*” (Tâm thanh tịnh, tự nhiên mát mẻ). Những vị pháp sư ấy nghe xong, cảm thấy hết sức hổ thẹn. Đây là vì tâm địa Ngài thanh tịnh, mùa Đông Ngài chẳng lạnh, mùa Hè cũng chẳng nóng. Nói thông thường, đây là công phu tu hành, cũng có nghĩa là tâm quý vị có đạt đến mức độ thanh tịnh ấy hay không!

Vĩnh viễn chẳng hôn trầm, chẳng điệu cử, đó là hiện tượng công phu đặc lực. Hôn trầm và điệu cử đều là công phu chẳng đặc lực, người niệm Phật phải đặc biệt lưu ý điều này. Vì sao? Có hai thứ hiện tượng ấy, sẽ chướng ngại vãng sanh. Chướng ngại quý vị trong hiện tiền, chẳng cần nói là nhất tâm bất loạn, mà là chướng ngại quý vị đạt tới công phu thành phiền, chướng ngại ngộ môn, khiến cho quý vị chẳng thể khai ngộ. Do vậy, nói theo phương diện tu hành, Thất Giác Chi là một khoa mục rất quan trọng. Nó có thể giúp quý vị trừ khử hôn trầm, điệu cử, khiến cho quý vị thật sự đạt được Định Huệ cân bằng. Định và Huệ cân bằng, đây chính là Thiên. Niệm Phật cũng là Thiên, chẳng cần dùng tham cứu, mà cũng chẳng dùng quán tâm, dùng phương pháp Trì Danh để đạt tới hiệu quả chẳng khác Thiên Định. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Phật đã bảo niệm Phật, đặc biệt là Trì Danh Niệm Phật, chính là Vô Thượng Thâm Diệu Thiên. Đức Phật đã nói điều ấy! Lìa khỏi Thiên, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Chỉ cần là Phật pháp, chúng

⁴⁴ Đây là bản Đại Tạng Kinh được ấn hành trong niên hiệu Đại Chánh (niên hiệu của thiên hoàng Đại Chánh (Taishō), con trai của thiên hoàng Minh Trị (Meiji), tên thật là Gia Nhân (Yoshihito), làm vua nước Nhật từ năm 1912 đến năm 1926), cho nên tạng kinh này có danh xưng đầy đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō) do Đại Chánh Nhất Thiết Kinh San Hành Hội ấn hành suốt mười năm mới xong. Bộ kinh này dựa theo Đại Tạng Kinh Trung Hoa, gồm một trăm tập, có thêm những trước tác của luận sư Nhật Bản, đặc biệt là có các tác phẩm của Nhật Liên Tông (những tác phẩm của Nhật Liên Tông không được Phật giáo Trung Hoa tán đồng vì mang nhiều tư tưởng quá khích, thiên kiến). Công trình này do các học giả như Takakusu Junjiro (Cao Nam Thuận Thứ Lang), Watanabe Umiakira (Độ Biên Hải Húc)... chủ trì. Thông thường, tạng Đại Chánh được coi là tiêu chuẩn nhất vì đã tổng hợp các tạng kinh có trước đó từ Thục Bản đời Tống, Tích Sa Tạng (đời Tống), Liêu Tạng, Kim Tạng, Hoàng Pháp Tạng (đời Nguyên), Bắc Tạng (đời Minh), Kinh Sơn Tạng (đời Minh) v.v... và có giáo chánh, đối chiếu với âm tiếng Phạn.

ta biết tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là tám vạn bốn ngàn loại phương thức khác nhau để học Thiền! Đây là Niệm, đúng như bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Niệm dấy lên, ngay lập tức nhận biết. “*Niệm*” ở đây là giác. Hôn trầm hoặc điệu cử vừa dấy lên, vọng tưởng, tạp niệm vừa mới dấy lên, bèn lập tức giác ngộ, biết dùng phương pháp gì để đối trị.

Điều thứ hai là Trạch, tức Trạch Pháp. “*Trạch*” (擇) là chọn lựa, chọn lựa dùng phương pháp gì để đối trị. Nói đơn giản, trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, nói theo cơ bản, quý vị phải thấy rõ ràng cảnh giới bên ngoài, chớ nên bị những thứ ấy mê hoặc. Trong các kinh điển tại Trung Hoa, có thể nói kinh Kim Cang nổi tiếng nhất. Kinh điển Phật giáo rất nhiều, rất ít người có thể kể ra, nhưng ai nấy đều biết có một bộ kinh là Kim Cang. Do vậy, có thể biết, trong xã hội Trung Hoa, kinh Kim Cang được nhiều người hoan nghênh dương ấy. Không chỉ là người học Phật ất đọc, người không học Phật, chỉ cần là người có học, kể suốt đời bảo mình chưa hề đọc kinh Kim Cang quá ư là ít, [ai nấy] đều đã từng đọc. Vì sao? Khai trí huệ, giúp quý vị chọn lựa pháp. Vì thế, quý vị có thể khéo giác, khéo có thể phân biệt pháp nào là thật, pháp nào là giả.

Đức Phật quy nạp hết thảy các pháp thành sáu chuyện, “*tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả*”. Sáu chữ ấy bao gồm hết thảy các pháp, chẳng có một pháp nào có thể vượt ra ngoài những thứ ấy được. Quý vị hiểu gì là thật, gì là giả, cho nên quý vị mới có thể chọn lựa chẳng sai lầm. Bản tánh là tâm thanh tịnh, là chân tâm, vốn trọn đủ vô lượng trí huệ và đức tướng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*vốn sẵn trọn đủ*”, đây là thật! Nhưng chúng sanh rất bất hạnh, từ vô thi kiếp tới nay, do một niệm vô minh mà mê mất chân tâm, mê mất bản tánh, tùy thuận ngoại duyên, dấy lên vô lượng vô biên phiền não. Chư vị phải hiểu, vô lượng vô biên phiền não là hiện tượng sanh ra sau khi vô lượng vô biên trí huệ và đức tướng bị mê hoặc. Thể của mê và ngộ là một, tướng của mê và ngộ khác nhau! Chúng ta nói “*tánh, tướng, mê, ngộ*”; tánh là một, không hai. Ngộ là tánh, mê cũng là tánh. Tánh chẳng có mê hay ngộ. Nhưng sau khi đã mê, tướng [của mê] là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Tướng của giác ngộ là Nhất Chân pháp giới, khác hẳn! Đã giác ngộ, kinh Hoa Nghiêm nói là “*bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ*”. Tướng của mê là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lục đạo mê sâu, tứ thánh pháp giới mê cạn. Phải biết điều này, phải nhận thức rõ ràng.

Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”. Đừng bị những huyễn tướng (tướng hư vọng) gạt gẫm, quý vị chấp trước những tướng hư vọng ấy, kiên cố chẳng bỏ, sai mất rồi! Kiên cố chẳng bỏ những tướng hư vọng ấy; đây chính là căn bản của sự luân hồi trong lục đạo! Vì sao quý vị không thể thoát khỏi luân hồi? Đòi đòi kiếp kiếp, quý vị chẳng thoát khỏi luân hồi, là vì quý vị chấp trước những thứ hư vọng ấy, ngỡ chúng là thật. Sai lầm ở chỗ này! Chẳng biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chẳng biết ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng đều là giả trát, chẳng thật!

Vì thế, đức Phật dạy hàng Bồ Tát phải buông tứ tướng xuống, chớ nên chấp trước. Không chỉ là chớ nên chấp trước, mà cũng chớ nên phân biệt. Chấp trước sẽ biến ra lục đạo luân hồi; phân biệt, biến ra mười pháp giới. Do vậy, lìa phân biệt và chấp trước, không chỉ là chẳng có lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng có.

Giáo pháp Đại Thừa giảng đạo lý này rất nhiều. Vì sao đức Phật ngàn lời vạn lẽ rất miêng dặn đi dặn lại? Chúng ta mê quá sâu! Tuy nghe đức Phật giảng kinh, trong chốc lát giác ngộ, giống như một tia chớp xẹt sáng lòe, thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ. Rời khỏi giảng đường, ngay lập tức mê muội! Đức Phật biết đây là chứng bệnh cũ, là tập khí của chúng sanh, cho nên dạy như thế nào? Ất phải là ngàn lần, vạn lần, vô số lần nhắc nhở, khiến cho họ được kinh giáo huân tập trong một thời gian dài. Huân tập dày đặc, sẽ sanh ra tác dụng. Chư Phật, Bồ Tát thành tựu như thế đó, huân tập dày đặc lâu dài, sẽ giác ngộ. Chúng ta học Phật, quý vị biết là “*một ngày nóng, mười ngày lạnh*”, công phu chẳng thể thành tựu! Thầy đều là nói tới sự huân tập. Người thế gian chẳng huân tập điều thiện, sẽ huân tập điều ác. Người học Phật chẳng huân tập Phật pháp, sẽ huân tập thế tục! Huân tập thế tục chính là huân tập luân hồi. Huân tập Phật pháp chính là huân tập Niết Bàn, khác hẳn!

Nay chúng ta hãy ngẫm xem, một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chúng ta tiếp nhận Phật pháp huân tập mấy giờ? Chúng ta tiếp nhận pháp thế gian huân tập mấy giờ? Đến khi nào thì công phu mới đắc lực? Thừa cùng chư vị, nếu mỗi ngày có thể huân tập Phật pháp hai mươi tiếng đồng hồ, huân tập pháp thế gian bốn giờ, khẳng định là quý vị sẽ thành tựu trong đời này. Vì sao biết? Từ sự giáo học thuở đức Thế Tôn còn tại thế mà nhận biết. Thích Ca Mâu Ni Phật hướng dẫn một đoàn học trò, mỗi ngày giảng kinh, thuyết pháp, nghiên cứu, thảo luận với họ, gần như chẳng nghỉ ngơi, Ngài có mệt mỏi hay không? Chúng tôi nghĩ Ngài không mệt. Vì sao? “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tập luyện, há chẳng vui sao?), pháp hỷ sung mãn, Ngài mệt sao được? Mỗi ngày nghỉ ngơi vào lúc trung dạ (“*trung dạ*” là bốn tiếng đồng hồ), ngủ nghỉ bốn tiếng đồng hồ. Nhưng các Ngài dùng tĩnh tọa thay cho giấc ngủ. Chúng ta thường gọi là “*bất đảo đơn*” (不倒單, chẳng ngã mình xuống giường), các Ngài dùng cách nhập Định để khôi phục thể lực. Đúng là “*buông xuống muôn duyên, chẳng sanh một niệm*”, hiệu quả còn thù thắng hơn chúng ta ngủ nghỉ! Vì ngủ nghỉ sẽ hôn trầm, nhập Định chẳng hôn trầm. Thất Giác Chi nhằm điều chỉnh quý vị nhập Định, giúp quý vị tiến nhập cảnh giới Thiên Định. Cảnh giới Thiên Định là “*Định Huệ đẳng trì*”, [tức là] Định và Huệ là bình đẳng. Nếu Huệ nhiều hơn Định, sẽ thấp thỏm, chao động. Nếu Định nhiều hơn Huệ, sẽ hôn trầm. Đây là hai loại hiện tượng mà kẻ sơ học chẳng có cách nào tránh được!

Do vậy, biết chọn lựa pháp môn, ý nghĩa này sâu rộng không ngần mé. Trong quá trình tu học cả đời của chúng ta, nhất định phải biết căn tánh của chính mình, biết hoàn cảnh sống, hoàn cảnh học tập của chính mình, pháp môn nào sẽ thích đáng hơn! Trong hoàn cảnh hiện thời, do chúng ta là căn tánh bình phàm, Trì Danh Niệm Phật thuận tiện nhất, mà cũng là nhanh chóng nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, thù thắng nhất, hãy chọn lựa pháp môn này. Sau khi đã chọn lựa, đã

chọn được pháp môn rồi, tiếp đó là phải chọn lựa thầy. Chẳng có một vị thầy giúp đỡ, chỉ đạo quý vị, dẫu chọn đúng pháp môn cũng rất khó thành tựu, cũng rất chẳng dễ dàng! Trong đời này, chúng ta có thể thành tựu hay không, thầy có quan hệ quá lớn! Đã có thầy, còn phải chọn lựa đồng học, rất trọng yếu! Nếu có thầy mà chẳng có đồng học, giống như quý vị đi đường, trợ trợ một mình chẳng có bạn lữ, sẽ đi rất vất vả. Đồng học rèn giũa, khích lệ lẫn nhau, trên đường Bồ Đề có bạn. Thầy chỉ đường, chẳng phải là người sẽ cùng đi với quý vị. Đồng học cùng đi với quý vị, khác hẳn! Chớ nên không biết điều này!

Điều khác nữa là phải chọn lựa hoàn cảnh tu học, cuộc đời mỗi người có phước báo khác nhau, căn tánh không giống nhau, duyên phận chẳng giống nhau! Do vậy, đều chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nếu thật sự là lợi căn, sẽ thuận tiện hơn nhiều. Vì sao? Người ấy đăm bực, bảm tánh nhu hòa, chẳng tranh giành với kẻ khác, chẳng cầu cạnh cõi đời. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, người ấy đều có thể giữ gìn thân tâm bình tĩnh. Đây là điều kiện tu đạo tốt nhất! Từ hạng trung trở lên, tức là hạng căn tánh từ bậc trung trở lên, nếu gặp vị thầy giỏi giảng giải đạo lý này rõ ràng, minh bạch, người ấy sẽ có thể nghe hiểu, có thể lý giải, y giáo phụng hành. Đó là tốt, có thể nâng căn tánh từ bậc trung lên cao hơn thành căn tánh thượng thượng. Trong lịch sử, chúng ta thấy trường hợp này rất nhiều!

Vì thế, người ta sống trong cõi đời, có rất nhiều người hỏi tôi: “Cuộc sống trong thế gian có ý nghĩa gì? Giá trị là gì?” Người hỏi rất nhiều! Tôi cũng thật thà bảo họ: - Tôi cảm thấy đời người có ý nghĩa nhất, có giá trị nhất, chẳng phải là thăng quan, phát tài, chẳng phải là hiện thời có địa vị, có quyền thế trong xã hội. Chẳng phải vậy, mà là gì? Nâng cao cảnh giới của chính mình! Có thể không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình. Điều ấy có giá trị và ý nghĩa. Chúng ta biết con người chẳng phải là [sống hết] một đời này rồi thôi, bất cứ người nào cũng đều có quá khứ, có vị lai. Quá khứ đã trôi qua, những nghiệp thiện hay ác đã tạo tuy chính mình không biết, quên bẵng rồi, nhưng chủng tử tập khí ở trong A Lại Da chẳng hề đứt mất. Nó không chỉ ảnh hưởng đời này, mà còn ảnh hưởng đến đời sau. Đây là chuyện phiền toái, chớ nên không biết! Đời này thời gian ngắn ngủi, dẫu sống một trăm năm, khảy ngón tay đã qua, có ý nghĩa gì chẳng? Nhưng đời sau thời gian dài lâu, trong lục đạo, trong bất cứ đường nào cũng đều dài hơn trong loài người. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Nhưng có người sẽ hỏi, “thọ mạng của súc sanh chẳng dài như con người”, nhất là chúng ta nói đến những động vật bậc thấp, thọ mạng của chúng nó chỉ có mấy tiếng đồng hồ, đó gọi là “*sáng sống, tối chết*” rất nhiều. Nói như thế nào? Đức Phật bảo chúng ta: Những động vật ấy ngu si, súc sanh ngu si. Vì thế, chúng nó có niềm chấp trước kiên cố. Chúng chấp trước thân hình ấy là chính mình; do vậy, sẽ như thế nào? Sau khi đã chết, lại đầu thai vào loài ấy! Như kiến chết đi lại làm kiến. Trong kinh Phật, có một câu chuyện: Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Khi đó, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên đang xây cất. Thích Ca Mâu Ni Phật thấy một tổ kiến; thấy xong, Ngài cười. Những đệ tử vây quanh bèn hỏi đức Phật: “Ngài thấy kiến có gì đáng cười?” Đức Phật đáp: “Tổ kiến này, bầy đức Phật đã xuất thế, đã qua hết rồi, mà chúng nó chẳng lìa

thân kiến!” Chẳng phải là kiến có thọ mạng dài ngàn ấy! Bảy vị Phật xuất thế, thời gian ấy dài lắm! Những con kiến ấy sau khi đã chết, vẫn sanh làm kiến con trong tổ kiến ấy. Đời đời kiếp kiếp đều làm kiến, chẳng biết thoát ly thân kiến, [vẫn thuộc vào] súc sanh đạo.

Đức Phật nói lời ấy đã cảnh giác chúng ta rất lớn, tức là chớ nên vào trong ba ác đạo. Vào rất dễ dàng, thoát ra hết sức khó khăn. Quý vị nói trong súc sanh đạo chẳng có giáo huấn của Phật, Bồ Tát ư? Khẳng định là có. Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, chúng sanh nào có cảm, Ngài bèn ứng hiện, thị hiện nơi ấy. Nhưng bọn chúng có niềm chấp trước kiên cố, chẳng thể tiếp nhận chánh pháp. Vậy thì thôi, để cho chúng nó chịu khổ! Chịu khổ cho đến khi nào chúng nó thật sự giác ngộ, đức Phật mới có thể giúp được. Để từ súc sanh lại biến thành người, cần phải tốn thời gian rất dài, chẳng phải là rất đơn thuần. Chúng ta phải nên hiểu điều này!

Vì thế, chẳng thể không Trạch Pháp cẩn thận, chuyện này cần đến trí huệ. Chẳng có trí huệ, quý vị sẽ chọn sai. Đối với trí huệ, bọn sơ học như chúng ta chẳng có trí huệ, phải nương tựa thầy, phải trông cậy thầy giúp đỡ. Trí huệ chưa mở mang, chẳng thể rời khỏi thầy! Trước kia, theo một vị thầy tu học, khi nào sẽ tốt nghiệp, quý vị có thể xuất sư. Trước kia gọi là “xuất sư”, nay gọi là “tốt nghiệp”. Khi nào có thể xuất sư? Quý vị có trí huệ, có năng lực phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, lợi, hại. Có năng lực phân biệt, thầy sẽ gật đầu: “Con có thể tốt nghiệp”. Chẳng có năng lực ấy, chẳng thể tốt nghiệp. Vì thế, có người theo thầy suốt đời, có người theo thầy hai, ba mươi năm, chẳng giống nhau! Đương nhiên cũng có người rất thông minh, trí huệ, thời gian [theo thầy] ngắn ngủi, ba năm hoặc năm năm sẽ rời thầy. Nhưng chúng ta thấy những người theo thầy hai, ba mươi năm, thậm chí suốt đời chẳng rời khỏi thầy, chỗ nào cũng có! Sợ lạc lối mà!

Tinh Tấn Giác Phân: “*Tinh*” (精) là chuyên nhất, ròng rã, không xen tạp. Tấn chứ không thoái, quý vị mới có tiên bộ. Vì thế, thêm vào Tinh Tấn. Đặc biệt là trong tu đạo. Trong tu đạo, quan trọng nhất là phải có năng lực phân biệt thị, phi, thiện, ác, tà, chánh. Nếu ngay cả chuyện này mà chẳng thể phân biệt, sự tu hành của quý vị quyết định này sanh chướng ngại. Người thật sự dụng công thường lãng phí rất nhiều thời gian để học tập những thứ khổ hạnh vô ích, rất đáng tiếc! Đức Phật tán thán khổ hạnh [khi những] khổ hạnh ấy có thể giúp cho Giới, Định, Huệ của quý vị. Nếu loại khổ hạnh ấy chẳng thể giúp gì cho Giới, Định, Huệ, Phật pháp gọi nó là “khổ hạnh vô ích”, chẳng có lợi ích, chớ nên không hiểu điều này. Do vậy, nay chúng ta nói là đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, đối với người, sự, vật, đối với pháp thế gian, Phật pháp, tà, chánh, thị, phi, thiện, ác, ắt cần phải có năng lực phân biệt, sự tinh tấn của quý vị là giác chứ không mê. Thế gian tinh tấn theo kiểu mê muội cũng chẳng ít. Chúng ta phải tinh tấn giác. Bảy khoa ấy đều là giác, phải tinh tấn giác, chớ nên tinh tấn mê thì mới có thể thật sự thọ dụng.

Chúng ta tu Tịnh Độ, hy vọng là trong một đời này có thể thành tựu, đây là thù thắng khôn sánh. Đúng như cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Một ngày hiếm*

có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”. Chúng ta trong một đời này, hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, niệm Phật như thế nào thì mới có thể vãng sanh? Đây mới là chuyện lớn duy nhất của chúng ta trong một đời này, những chuyện khác thấy đều chẳng khẩn yếu! Vì sao? Trong pháp thế gian, chẳng có một điều gì là chân thật! Nho gia nói con người khi còn sống phải lập công, lập đức, lập ngôn, chẳng sai! Đó là dạy quý vị làm chuyện tốt, dạy quý vị làm người tốt, trong việc giáo dục, nhất định phải hiểu điều này. Bậc thánh hiền dạy người, mục đích là dạy quý vị làm hảo nhân, dạy quý vị làm thiện nhân, tuyệt đối chẳng phải là dạy quý vị thăng quan, phát tài, chẳng phải vậy! Chẳng phải là dạy quý vị được tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng phải là những thứ ấy. Vì sao? Thăng quan phát tài thì trong mạng phải có. Vận mạng của quý vị chẳng có chuyện ấy, sẽ chẳng cầu được. Trong mạng đã có thì nhất định sẽ có; trong mạng chẳng có, chớ cưỡng cầu. Phải hiểu đạo lý này. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp điều thứ tư trong Thất Giác Chi.

(Kinh) Hỷ Giác Phần.

(經)喜覺分。

(Kinh: Hỷ Giác Phần).

Hỷ hết sức quan trọng. Cổ ngôn ngữ có câu: *“Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng”* (Người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái). Vì thế, tôi nói Hỷ thật sự là chất bổ dưỡng tốt nhất cho đời người. Bất luận đối với thân thể, đối với dung mạo, hay đối với tinh thần, đều là hết sức hoàn thiện, hoàn mỹ. Bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, phạm là tu học khế nhập cảnh giới, sẽ đều hiểu được. Người hiện thời nói “hoan hỷ” là *“có cảm giác thành tựu”*. Người ấy học tập thứ gì đó có thành tựu, đặc biệt là nắm được thành tích rất khả quan, Phật pháp gọi là *“pháp hỷ sung mãn”*. Đối với Nho gia, quý vị xem câu đầu tiên trong Luận Ngữ. Câu đầu tiên đã nói về vấn đề ấy: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Ở đây, chúng ta gọi Duyệt là Hỷ Giác Phần, Phật pháp nói là *“pháp hỷ sung mãn”*, lẽ đâu tinh thần người ấy chẳng tốt đẹp ư?

Người thế gian từ tuổi trung niên trở lên, đều rất coi trọng sức khỏe bản thân. Thật đấy! Đối với tuổi trung niên trở lên, phước báo là gì? Khỏe mạnh là phước. Dẫu quý vị có địa vị cao tới đâu đi nữa, lại có quyền thế to lớn, lại giàu có, nhưng thân thể chẳng khỏe mạnh, đấy chẳng phải là phước! Thuở trước, tôi ở Đài Loan. Tại Đài Loan, mọi người biết có một ông vua khai thác quặng than tên là Lý Kiến Hưng, tôi và ông ta rất thân thuộc. Tuổi già, ông ta mắc chứng si ngốc của người già (**Alzheimer's disease**), mười mấy năm nằm bẹp trên giường. Đây thật sự là hưởng phước! Mỗi ngày có ba nhóm y tá trông nom, chưa tắt thở [thế

mà đối với] con cháu trong nhà và thân nhân [ông ta] đều chẳng nhận biết. Kiểu ấy có thể coi là phước báo hay không? Có thể coi là hưởng phước ư?

Người con dâu thứ hai của ông ta là Phật tử kiên thành, từng đến hỏi tôi làm thế nào để giúp bố chồng. Tôi nói: - Phương pháp thì có, nhưng người nhà của bà sẽ không tiếp nhận. Phương pháp gì vậy? Trong Phật pháp đã nói rất rõ ràng, “tu phước”! Tu phước là bố thí cúng dường. Trong nhà bà có của cải, hãy làm nhiều sự nghiệp phước lợi xã hội hòng giúp đỡ những kẻ khổ nạn. Ngạn ngữ có câu: “*Xả tài tiêu tai*”. Bà thấy tiền thuốc thang của bố chồng mỗi năm tốn kém cỡ nào! Bà có thể quyên tặng món chi phí thuốc men ấy, sẽ sanh ra hai loại hiệu quả đối với lão nhân gia:

1) Một là nếu ông ta còn có thọ mạng, sẽ dần dần khỏe mạnh, khỏe mạnh bèn khôi phục, xả tài tiêu tai đây!

2) Nếu chẳng có thọ mạng, ông ta sớm ra đi. Khi ra đi, mọi người đều bình an. Người già trong nhà ngã bệnh lâu năm, cả nhà đều mệt nhọc. Người ấy chẳng có thọ mạng, nhưng có gì? Người ấy chưa hưởng hết phước báo; vì thế, nằm ở đây hưởng phước, tiêu tiền tại đó. Người ấy dùng chưa hết tiền mà! Đạo lý là như thế ấy. Nếu quý vị thật sự nghĩ thông suốt, hãy ngẫm xem, một năm phải tốn tiền nhiều ngàn ấy, mười năm sẽ cần phải tốn bao nhiêu? Quý vị hãy dùng món tiền ấy làm chuyện tốt. Nhưng người trong nhà không tin, bà chỉ có một mình, nói sẽ không sung. Đành phải để mặc ông ta, chính mình niệm Phật, mỗi ngày đều hồi hướng cho ông ta. Trừ việc này ra, chẳng giúp gì được!

Hỷ Giác Phần rất trọng yếu. Bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, Hỷ là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp. Đọc sách thánh hiền, đạt được pháp hỷ thì là chánh pháp. Học Phật, đạt được pháp hỷ thì là chánh pháp. Trong ấy, chẳng có tác dụng phụ. Hiện thời, người thế gian hằng ngày tìm kiếm hỷ lạc, toàn là những thứ phản diện! Nay đã gần Tết, chúng tôi nghe nói mọi người (các đồng học kể với tôi) cuồng hoan. Cuồng hoan là hỷ, bất giác! Người ấy chẳng phải là Hỷ Giác Phần, mà là Hỷ Mê Phần, mê hoặc, điên đảo, chẳng giác ngộ. Trong ấy có tác dụng phụ. Trong cơn cuồng hoan, tạo ra rất nhiều tội nghiệp, là giảm phước, chẳng phải là tăng phước. Chúng ta chớ nên không hiểu minh bạch những chuyện này. Đức Phật dạy chúng ta, khi hôn trầm, hãy dùng ba pháp ấy để đối trị. Trong khi chúng ta phập phều, thấp thỏm, trong phần sau có ba phương pháp dùng để đối trị thấp thỏm, xáo động. Thứ nhất là Khinh An, tức là Khinh An Giác Phần. Trong kinh này, nó được gọi là:

(Kinh) Y Giác Phần.

(經) 猗覺分。

(Kinh: Y Giác Phần).

Chư vị phải biết Y Giác Phần chính là Khinh An Giác Phần. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng chữ này. “Y” (猗) có ý nghĩa mềm mỏng, nhu thuận, mang ý nghĩa nhu hòa. Thông thường, đều dịch là Khinh An, [Y và Khinh An] có ý nghĩa giống nhau. Đoạn trừ những phiền não thô nặng nơi thân và miệng, ăn nói nhu

hòa, hành vi ổn trọng. Như thế thì quý vị sẽ tự nhiên xa lìa phiền não, hiển lộ nhu hòa, xa lìa thô bạo. Đây là trong cuộc sống hằng ngày, các đồng học, kể cả bản thân chúng tôi, phải thời thời khắc khắc phản tỉnh. Vì sao? Những tật xấu ấy thường phạm, nhất là ngôn ngữ. Ngôn ngữ bất tri bất giác thô bạo, hữu ý hay vô tình, rốt cuộc là do nguyên nhân nào? Chúng ta biết [những tật xấu ấy do] phiền não tập khí tạo thành, do từ bé chẳng được học giáo dục của thánh hiền. Chẳng thể trách chúng ta được! Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói rất hay: “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (Người đời trước vô tri, chẳng biết đến đạo đức, không có ai nói cho). Đức Phật nói hay quá!

Chúng ta thoát lìa giáo dục của thánh hiền, tối thiểu đã ba thế hệ, chẳng phải là thời gian ngắn ngủi. Ba thế hệ sẽ có thể khiến cho chuyện này bị quên sạch sành sanh! Nay chúng ta từ nhỏ đến lớn chẳng tiếp nhận gia giáo, giáo dục trong nhà trường và giáo dục trong xã hội! Mọi người càng thấy rõ ràng hơn, chẳng cần phải nói nữa. Do vậy, dưỡng thành những tập khí tật xấu ấy. Hiện thời, người học Phật tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền. Sau khi đã tiếp nhận, chúng ta phải nghiêm túc học tập, phải nghiêm túc sám hối, sửa ác, hướng lành. Các tôn giáo bình phàm nói “*như vậy thì mới có thể cứu*”. Do đó, giáo dục nhân quả hết sức trọng yếu. Nếu ai có thể tin tưởng giáo dục nhân quả, người ấy còn được cứu, có thể đắc độ. Quý vị thấy tiên sinh Viên Liễu Phàm và tiên sinh Du Tịnh Ý đã quay đầu. Quay đầu từ chỗ nào? Nói thật ra, đều là từ nhân quả mà quay đầu!

Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, giáo dục nhân quả được giảng dạy bởi miếu Thành Hoàng. Tôi thường nói, dân tộc Trung Hoa chống chọi năm ngàn năm, chẳng đọa lạc, chẳng bị biến mất trên thế gian này, dựa vào đâu? Dựa vào giáo dục. Ba thứ giáo dục, từ bé là gia giáo, do cha mẹ biểu hiện giáo dục luân lý, tức là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là thân giáo của cha mẹ đối với con cái. Cha mẹ đều làm được, trẻ nhỏ nhìn vào cha mẹ từ bé. Trên làm, dưới học theo, vun quén bền vững căn cội, nó học hiểu. Giáo dục trong nhà trường là giáo dục đạo đức, do Phu Tử đề xướng (Khổng Tử đề xướng). Bốn khoa mục giáo học của Khổng Tử, thứ nhất là đức hạnh, tức giáo dục đạo đức, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự⁴⁵, thứ tư là văn học. Văn học xếp cuối cùng. Trong Đệ Tử Quy, có nói [chuyện này]. Thật ra, [câu ấy] trong Đệ Tử Quy chính là một câu nói của Phu Tử trong Luận Ngữ: “*Quý vị có thừa sức thì mới có thể học văn*”. Ba chuyện trước quý vị đều phải làm được thì mới có thể học những thứ văn nghệ. Chẳng làm được ba thứ trước, không được rồi! Ba thứ trước chính là chánh sự. Loại thứ ba là giáo dục nhân quả.

....Từ xưa tới nay, đã được hun đúc bởi ba thứ giáo dục ấy. Ba thứ giáo dục ấy hết sức phổ biến. Quý vị thấy mỗi huyện thị đều có từ đường, từ đường dạy luân lý, dạy hiếu đễ, đều có Khổng miếu, Khổng miếu dạy đạo đức, ngũ luân, bát

⁴⁵ “*Chánh sự*” ở đây được diễn giải là những kỹ năng cần thiết để sinh tồn trong xã hội, những kỹ năng nghề nghiệp v.v... Hay nói rộng hơn là huấn luyện năng lực để có thể kiếm sống bằng một nghề.

đức. Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, trung, hiếu⁴⁶, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình, Nho gia dạy những điều ấy. Cũng chớ nên xem thường miếu Thành Hoàng. Miếu Thành Hoàng dạy nhân quả.

Gần đây nhất, vào thời đầu Dân Quốc, Ân Quang đại sư đã thấy rõ ràng. Ngài là bậc tổ sư lỗi lạc của Tịnh Độ Tông, suốt đời gần như toàn tâm toàn lực đề xướng giáo dục nhân quả. Ngài cũng đề xướng Nho và Phật, nhưng chẳng tích cực bằng giáo dục nhân quả, do nguyên nhân nào? Thế giới đã loạn, giáo dục luân lý tuy tốt đẹp, phải tốn thời gian rất dài, chẳng cứu nạn gấp được! Giáo dục Phật pháp tuy tốt đẹp, cũng phải tốn một thời gian dài hun đúc, chẳng thể cứu chữa trong khi cấp bách. Đề cứu chữa trong lúc gấp rút, chỉ có nhân quả. Nếu ai nấy đều liễu giải lý luận và chân tướng sự thật nhân quả, tôi tin là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của họ sẽ có thể tự nhiên thâm liêm, đạo lý ở chỗ này.

Vì thế, lão nhân gia đề xướng ba bộ sách, Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư, suốt đời đề xướng ba quyển sách ấy. Ba thứ ấy vốn là giáo dục nhân quả, Ngài in tặng với số lượng lớn. Nhưng ba quyển sách ấy đều viết bằng Văn Ngôn, hiện thời mà in tặng với số lượng lớn, người ta đọc sẽ không hiểu. Viết vào thời lão nhân gia, gần như là một trăm năm trước, thuở ấy, người đọc sách vẫn còn đọc Văn Ngôn, chẳng có vấn đề gì, có thể lưu thông. Hiện thời, trình độ tiếng Hán thông thường đã đọa lạc ngàn trượng! [Người thông thường] đọc ba quyển sách ấy sẽ không hiểu! Chúng ta suy tưởng nỗi khổ tâm của tổ sư, nỗi khổ tâm cứu đời, đối với người Hoa mà nói, chính là cứu vãn quốc gia, dân tộc, khiến cho truyền thống năm ngàn năm chẳng đến nỗi bị gián đoạn, phải nhờ vào những thứ ấy để cứu tế. Do vậy, chúng ta thấu hiểu nỗi khổ tâm và dụng ý của tổ sư, làm thế nào để phát huy rạng rỡ phổ biến giáo dục nhân quả? Vẫn là do ba quyển sách của Ngài! Vì thế, chúng tôi đã nghĩ: Hiện thời, phổ biến nhất là phim truyện nhiều tập, tôi bèn lớn tiếng hô hào quay ba cuốn sách ấy thành phim truyện nhiều tập.

Phim truyện nhiều tập Liễu Phàm Tứ Huấn gồm hai mươi tập, đại khái là trong tháng Hai, hoặc tháng Ba năm sau, sẽ có thể phát hành, đài truyền hình có thể phát sóng. Tiếp đấy, còn có Du Tịnh Ý Ngộ Táo Thần Ký gồm sáu tập, gộp chung với phim trước bèn có tất cả hai mươi sáu tập, được lắm! Tiếp đó, chúng ta còn phải làm, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên ba mươi tập, An Sĩ Toàn Thư ba mươi tập. An Sĩ Toàn Thư có tất cả bốn bộ phận, nay chúng ta xem xét: Dục Hải Hội Công răn dâm, Vạn Thiện Tiên Tư răn giết, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn có tánh chất chẳng khác Cảm Ứng Thiên cho mấy. Chuyện nhân quả báo ứng trong ấy rất nhiều, có thể quay thành ba mươi tập, lưu thông toàn thế giới. Đó là hoàng nguyện cứu đời của tổ Ân Quang. Chúng ta kế thừa giáo huấn của tổ sư, nhất định phải toàn tâm toàn lực thúc đẩy.

⁴⁶ Đây không phải là lỗi typo. Hòa thượng nói gộp nhiều khái niệm với nhau, tám chữ “trung, hiếu, nhân, nghĩa, tín, nghĩa, hòa, bình” được gọi là bát đức.

Trừ chuyện này ra, tôi thỉnh thầy Giang Dật Tử vẽ một bức Địa Ngục Biến Tướng Đồ⁴⁷, rất nhiều đồng học đã thấy bức vẽ ấy. Địa Ngục Biến Tướng Đồ thuộc về bộ phận quan trọng nhất trong sự giáo dục nhân quả của miếu Thành Hoàng, tức là Diêm Vương Điện. Tôi tiếp nhận sự giáo dục ấy, ấn tượng khắc họa hết sức sâu xa, ảnh hưởng suốt đời, tôi biết chỗ hay của nó. Thuở bé, trước khi lên mười, hằng năm mẹ tôi sẽ có vài lần đến dâng hương tại miếu Thành Hoàng. Khi cụ dẫn anh em chúng tôi đến miếu Thành Hoàng dâng hương, sẽ đến xem Diêm Vương Điện, cụ sẽ bảo chúng tôi: “Làm chuyện xấu như thế nào, các con thấy sẽ chịu quả báo như thế ấy! Núi đao, rừng kiếm, vạc dầu”. Khắc họa ấn tượng hết sức sâu đậm! Suốt đời, khởi tâm động niệm chẳng dám hại người, hữu ích rất lớn trong việc học Phật. Trong một đời, xử sự, đối đãi với người khác, luôn luôn là nhường nhịn, chưa từng cạnh tranh cùng người khác, luôn nhường nhịn. Nhưng rất lạ lùng, càng nhường càng thù thắng, mới thật sự hiểu lời cổ nhân dạy: “Ngật khuy thị phước” (Bị thua thiệt là phước). Bị thua thiệt chẳng phải là thật sự bị thua thiệt, mà là có phước về sau. “Nan đắc hồ đồ” (Hồ đồ khó có). Hai câu ấy rất có lý. Chúng tôi đã thử nghiệm trong đời này. Vì thế, đối với những lý luận và sự thật này, tin sâu, chẳng nghi!

Hiện thời, tôi không chỉ giới thiệu điều này với các đồng học, trong nhiều trường hợp, tôi còn giới thiệu [vấn đề này] với khá nhiều học giả nổi tiếng trên quốc tế. Mở Địa Ngục Biến Tướng Đồ ra xem, họ đều rất hoan hỷ, tác phẩm nghệ thuật, đáng giá để gìn giữ. Hiện thời, chúng ta đã làm thành đĩa CD, rất thuận tiện, giá thành lại rất thấp, vừa có văn tự, lại vừa có lời thuyết minh. Như trong dịp Tết, người nhà quý vị xem đĩa CD ấy, xem Liễu Phàm Tứ Huấn, sẽ thật sự đạt được lợi ích, đó là đại phước báo, khiến cho quý vị thân tâm an ổn, chắc chắn chẳng giống những thứ giải trí thông thường, quý vị sẽ được hưởng lợi ích thật sự. Vì thế, chúng ta thời thời khắc khắc đều được khinh an. Đó là sự thọ dụng chân chánh. Điều kế tiếp là...

(Kinh) Định Giác Phần.

(經)定覺分。

(Kinh: Định Giác Phần).

Bất luận Phật pháp hay pháp thế gian đều rất coi trọng chữ này. Đối với phương pháp tu học trong Nho gia, bộ sách chỉ đạo cao nhất là Đại Học. Đại Học là phương pháp, Trung Dung là lý luận. Sách Đại Học mở đầu bằng câu: “Tri chi nhi hậu hữu định” (Biết trụ nơi chí thiện thì sau đó sẽ có Định), rất coi trọng, nói

⁴⁷ Biến Tướng (變相) là một từ ngữ dịch nghĩa chữ Phạn Parinama, có nghĩa là “chuyển biến, chuyển hiện”, hàm nghĩa: Thể hiện những câu chuyện, thí dụ, luân lý, sự tướng trong Phật giáo bằng những hình tượng cụ thể như một phương tiện giáo dục trực quan. Biến Tướng bao gồm hội họa, điêu khắc hay kiến trúc. Biến Tướng Đồ tức là hình thức tạo tác Biến Tướng bằng tranh vẽ. Trong một chừng mực nào đó, các bộ Mạn Đà La cũng có thể coi như là Biến Tướng Đồ.

rất hay. Nhà Phật chẳng nói “*tri chí*”, nhưng Phật pháp dạy mọi người hãy buông xuống. “*Tri chí*” và “buông xuống” tuy nói khác nhau, nhưng ý nghĩa như nhau. Định là chân tâm, tương phản của Định là loạn. Hễ loạn, sẽ suy nghĩ lung tung; đó là vọng tâm. Làm thế nào để trừ bỏ vọng tâm, khôi phục chân tâm? Chân tâm sanh ra trí huệ. Do vậy, ba thứ Vô Lậu Học trong Phật pháp, nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ, Huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Trong ấy, Định là then chốt. Chúng ta trì giới, vì sao trì giới? Trì giới vì nó giúp đắc Định. Giới là buông xuống, là “*tri chí*” như sách Đại Học đã nói, sau đây mới có Định. “*Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lực, lực nhi hậu năng đắc*” (Sau khi đã định bèn có thể tĩnh. Sau khi đã tĩnh bèn có thể an. Sau khi đã an có thể tư duy. Sau khi đã tư duy bèn có thể đạt được).

Trong Phật pháp, tiếng Phạn gọi Định là tam-muội. Tam-muội dịch sang nghĩa tiếng Hán là Định, hoặc dịch là Thiên Định, còn dịch là Chánh Thọ. Tam là Chánh, Muội là Thọ. Dịch theo ý nghĩa thì là Chánh Thọ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ chánh đáng. Sự hưởng thụ chánh đáng chính là chân tâm hiện tiền. Vọng tâm chẳng phải là sự hưởng thụ chánh đáng; trong vọng tâm có quá nhiều tạp niệm. Người nào có Chánh Thọ? Nay nói là người tu hành công phu thật sự đắc lực sẽ có Chánh Thọ, chẳng có tạp niệm, chẳng có loạn tưởng. Do vậy, tâm người ấy là Định. Khi niệm Phật đến lúc công phu thành thực, chẳng sanh vọng niệm, trong mười hai thời đều có thể tương ứng với Phật hiệu. Trong mỗi niệm đều là một câu Phật hiệu, tâm người ấy là Định, tâm thanh tịnh. Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, thuận cảnh hay nghịch cảnh, người ấy đều là một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Đây là chánh xác, là Niệm Phật tam-muội. Chánh Thọ là do từ niệm Phật mà có.

Nói theo Phật pháp, Niệm Phật tam-muội thù thắng khôn sánh, là vua trong các tam-muội, dễ tu hơn các tam-muội khác! Chỉ cần quý vị chịu niệm, khi niệm bèn buông xuống muôn duyên. Buông xuống muôn duyên chính là “*tri chí*”, biết hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chân thật. Chỉ có Niệm Phật tam-muội là chân thật, quý vị có thể mang theo được; tất cả hết thấy các pháp khác trong thế gian này đều chẳng thể mang theo. Chẳng thể mang theo thì là không thật. Thứ không mang theo được, hãy sớm buông xuống! Chớ nên chờ đến lúc ta lâm chung mới buông xuống. Đến khi ấy chẳng kịp, lúc lâm chung chưa chắc đã chịu buông xuống. Không buông xuống được, vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ! Vì thế, phải buông xuống trong hiện tiền, chớ nên chấp trước nữa. Sống như thế nào? Tùy duyên. Tùy duyên là sung sướng nhất, chớ nên phan duyên. Phan duyên là ta muốn làm như thế này, như thế nọ, đó là phan duyên. Tùy duyên là chẳng có ý nghĩ của riêng mình, tùy thuận đại chúng, tùy thuận hoàn cảnh, chẳng có gì không tốt, điều này nghĩa là sao? Quý vị thấy đều chẳng phân biệt, không chấp trước, [mọi thứ] sẽ đều tốt đẹp. Hễ có phân biệt, có chấp trước, sẽ còn có cảnh ngộ tốt, xấu. Chẳng có tốt, xấu, vậy là chẳng có gì không tốt, sẽ hữu ích rất lớn cho việc tu hành. Trong nghịch cảnh, học chẳng sân khuê. Trong nghịch cảnh, chẳng sanh sân khuê. Trong thuận cảnh, chẳng khởi tham ái. Đây đều là tu hành.

Đức Phật dạy chúng ta: “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”. Chúng ta dùng một câu Phật hiệu để diệt dứt tham, sân, si, điều này là trọng yếu. Phạm thánh sai khác ở chỗ thánh nhân chẳng có tham, sân, si, các Ngài có Giới, Định, Huệ. Phạm phu chẳng có Giới, Định, Huệ, chỉ có tham, sân, si. Tham, sân, si thì sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Giới, Định, Huệ sẽ liễu sanh tử, thoát tam giới. Do vậy, người niệm Phật phải ghi nhớ, đức Thế Tôn dạy chúng ta trì giới, niệm Phật. Trong kinh giáo, đã có dạy: Đức Phật chẳng tại thế, hãy lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Chẳng sợ chịu khổ, chúng ta chịu khổ, chịu nạn, đời này thắm vào đâu? Thời gian rất ngắn, hãy nên chịu khổ. Thường chịu khổ, quý vị sẽ chẳng sanh lòng tham luyến đối với thế gian này. Nếu phước báo to lớn, người hầu đông đảo, quý vị sẽ chẳng mong muốn lìa khỏi thế gian, sẽ dấy lên tham tâm, sẽ sanh phiền não. Vì thế, cuộc sống thanh bần một chút sẽ tốt hơn!

Hiện thời đã là Tết rồi, người Hoa coi trọng [Tết] âm lịch. Bữa cơm Giao Thừa, quý vị thấy đều là một bàn đầy ắp mười mấy món ăn, tôi thấy có khi hai mươi mấy món! Chúng ta người học Phật, người học Phật nhiều nhất là sáu món, không còn phải so đo nữa! “*Tam đức lục vị*”, thông thường, khi chúng ta dùng cơm, nói thật ra, ba món cũng rất được, tối đa thì chẳng thể nhiều hơn sáu. Chúng ta cúng Phật, cúng Phật là “*ba đức, sáu vị*”. Cúng Phật tối thiểu là ba món ăn, tối đa là sáu món đồ ăn. Chúng ta phải học theo Phật, đừng học theo phạm nhân. Hiện thời, trên quốc tế, tôi thường tham gia các hội nghị quốc tế, những bữa tiệc trong những hội nghị quốc tế và quốc yên đều là ba món đồ ăn. Tôi đã tham dự bữa tiệc của tổng thống Bó Hy (George Bush), tiệc tối cũng là ba món ăn, “*ba đức, sáu vị*”. Nhưng tiệc tùng của người Hoa có quá nhiều món ăn, không chỉ là ba món. Gần như là tôi tham dự quốc yên chánh thức tại Nhân Dân Đại Hội Đường ở Bắc Kinh, tôi theo phái đoàn tôn giáo Nam Dương viếng thăm Trung Hoa, dường như là có sáu, bảy món ăn. Đây là chuyện cần phải biết trong việc học Phật hiện thời.

Khoa học kỹ thuật tiến bộ, tài nguyên phong phú hơn xưa kia, nhưng đối với chuyện ăn uống, chúng ta vẫn phải tiết kiệm, kiên trì ăn chay. Ăn chay chắc chắn có lợi cho sức khỏe, chẳng gây hại. Khi tôi mới học Phật, rất nhanh chóng chọn lựa ăn chay. Tôi học Phật nửa năm bèn ăn chay trường. Khi ấy, tôi vẫn còn đi làm. Cấp trên, bạn bè, bạn học thấy tôi như vậy, quở: “Sao mà người mê tín quá vậy? Học Phật thì được, ăn chay chớ nên! Chẳng đủ dinh dưỡng!” Tôi vẫn kiên trì như cũ. Thuở ấy, tôi cũng rất cẩn thận, mỗi nửa năm đi khám sức khỏe toàn thân một lần. Kiểm nghiệm thấy rất bình thường, tôi tiếp tục kiên trì. Đại khái là thời gian ba năm như vậy, sau này trở thành thói quen. Tôi ăn chay năm mươi bốn năm, mọi người thấy hình dáng của tôi hiện thời cũng đều rất hoan hỷ, thân thể chẳng suy yếu hơn người ăn thịt, ngược lại còn khỏe hơn họ. Do vậy, hình tượng này đã độ chẳng ít người. Rất nhiều bạn bè ngoại quốc nói: “Thưa pháp sư! Thân thể thầy khá lắm (họ nghe nói tôi đã lớn tuổi như vậy), thầy bảo dưỡng như thế nào?” Tôi bảo họ: “Có hai phương pháp, một là ăn chay, hai là tâm thanh tịnh”. Tôi nói: “Chẳng có gì khác, sống đơn giản, công việc cũng đơn giản, hằng ngày đọc kinh, dạy học. Trừ những điều ấy ra, tôi chẳng quan tâm

chuyện gì cả! Buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật, đạo dưỡng sanh tự nhiên ở ngay trong ấy”. Vì thế, cái tâm phải Định.

Theo đuổi học vấn thế gian hay xuất thế gian, tu đạo mà mong thành tựu, quý vị thầy Tam Tự Kinh đã dạy, đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo dạy dỗ, chú trọng nơi chuyên nhất). Chớ nên tạp, học quá nhiều, không được! Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài đến một mức độ nhất định, sẽ là Định. Định có thể khai trí huệ. Sau khi đã khai trí huệ, hãy tiếp xúc bèn thông suốt. Cổ đức nói chẳng sai: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”. Chúng ta tu học, thông suốt một pháp môn, tất cả các pháp môn đều thông suốt. Một kinh đã thông, ngàn kinh muôn luận đều thông. Một pháp môn đã thông, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thông, đó gọi là “*tiệp kinh*” (捷徑, đường tắt). Ky nhất là quý vị học cho lắm vào, học rất tạp, chẳng khai trí huệ! Kiến thức phong phú mà chẳng khai trí huệ, sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề. Để giải quyết vấn đề, phải cậy vào trí huệ chân thật, chúng ta chớ nên không biết điều này! Người liễu giải chuyện này rõ ràng nhất chính là cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, các Ngài đã liễu giải. Điều cuối cùng...

(Kinh) Xả Giác Phần.

(經)捨覺分。

(Kinh: Xả Giác Phần).

“Xả” là khi bỏ cảnh giới sở duyên, có thể khéo hiểu cảnh giới lấy hay bỏ đều là hư vọng, sau đó, chẳng có hối hận. Xả là buông xuống, biết trong cuộc sống hằng ngày, những cảnh giới sở duyên, nói thông thường là cảnh giới nhân sự, cảnh giới vật chất, đều là hư huyền, chẳng thật. Đấy chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng thật. Vì thế, quý vị phải buông xuống! Xả chẳng phải là không cần nữa. [Nếu hiểu Xả là bỏ sạch, không làm gì cả], đã sai mất rồi! Có rất nhiều người nghe chúng tôi nói “buông xuống”, đã hiểu lầm, họ nhất tâm nhất ý học Phật, buông luôn công việc, thôi việc, chẳng cần làm việc nữa, gia đình cũng chẳng màng tới! Sau hai, ba tháng, họ viết thư cho tôi, kể lể: “Hiện thời, chẳng có thâm nhập, cuộc sống này sanh vấn đề, làm như thế nào đây?” Trong bộ kinh nào đức Phật dạy quý vị chẳng cần có nhà, chẳng cần làm việc? Đức Phật chẳng hề dạy mọi người như vậy! Đức Phật dạy quý vị xả, nghĩa là hãy buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong cái tâm, [xả là bỏ] những thứ ấy, chẳng phải là buông hết mọi sự! Nếu buông hết mọi sự, vậy thì Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, nhập Bát Niết Bàn, vì sao Ngài còn phải vất vả giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh suốt bốn mươi chín năm? Như vậy chẳng phải là đa sự hay sao? Do vậy, hễ nói đến Sự, chẳng hề buông xuống! Sự có gây trở ngại hay không? Chẳng gây trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Sự vẫn làm, trong tâm chẳng vương mắc vết tích nào; đó gọi là Xả Giác Phần. Nếu quý vị thấy đều bỏ sạch, vứt hết, quý vị là bất giác, vẫn mê. Xả thì phải giác, chớ nên vì mê mà xả, phải hiểu đạo lý này!

Nếu là tại gia, hãy khéo học Phật. Vì lẽ này, trong những năm qua, chúng tôi cực lực đề xướng Đệ Tử Quy, đề xướng Thập Thiện Nghiệp Đạo; đấy là gì? Căn bản để làm người, căn bản để tu hành. Chẳng có căn bản, sẽ giống như cất nhà mà chẳng có nền móng. Làm sao quý vị có thể cất nhà thành công cho được? Hơn nữa, Phật pháp là sư đạo, nhất định phải hiểu điều này: Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Bất hiếu với cha mẹ, làm sao có thể tôn sư trọng đạo cho được? Kẻ tôn sư trọng đạo, chẳng có ai không hiếu thuận với cha mẹ. Sư đạo lấy hiếu đạo làm cơ sở, dưỡng thành hiếu đạo là do gia giáo. Vì thế, căn bản của giáo dục là gia đình. Chẳng có gia giáo, những loại giáo dục khác đều chẳng có căn cội, rất khó thành tựu!

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, do các khoa học gia chẳng có gia giáo về hiếu, đễ, trung, tín, họ đã phát minh những thứ gây tổn hại cho con người, đem lại những nỗi kinh hoàng cho người khác. Có một lần, hội nghị hòa bình quốc tế mở tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur), có rất nhiều người hô hào, mong mỗi các nhà khoa học đừng nên phát minh những vũ khí có tâm sát thương rộng lớn nữa, đừng nên phát minh những thứ ấy, mà hãy vận dụng khoa học kỹ thuật để tạo phước lợi cho cuộc sống nhân dân nhiều hơn. Như thế là tốt, chớ nên chế tạo những vũ khí chiến tranh ấy. Vậy thì phải xem các nhà khoa học có thể tiếp nhận điều này hay không? Nếu các nhà khoa học từ bé đã được tiếp nhận sự giáo dục đạo đức và luân lý hiếu thân tôn sư, chắc chắn là họ sẽ không dám! Ở Trung Hoa, đã có tiền lệ. Cổ thư Trung Hoa ghi chép vào đời Hán có người nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Vào thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng phát minh “*mộc ngư, lưu mã*” (trâu gỗ, ngựa máy), tức là phương tiện vận chuyển được cơ giới hóa. Nhưng trước khi chết, ông ta đã hủy diệt toàn bộ kỹ thuật ấy, chẳng để lại cho người đời sau. Có người cảm thấy họ rất ích kỷ, chẳng chịu truyền những thứ tốt đẹp cho người khác! Chẳng phải vậy, họ thấy rất xa! Nếu những thứ ấy lọt vào tay kẻ chẳng có luân lý, đạo đức, sẽ đem lại tai nạn cho xã hội và thế gian, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Vì thế, thà chịu hủy diệt chúng, chẳng truyền cho đời sau. Đây là chịu trách nhiệm đối với lịch sử, đối với đời sau, đây là hiệu quả được sanh bởi giáo dục luân lý, đạo đức, chúng ta chớ nên không biết. Hôm nay, chúng ta học Thất Giác Phần đến chỗ này. Phần sau còn có Tam Không, chúng ta sẽ lại học tập tiếp trong buổi học sau.

Tập 1485

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ sáu trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt để quý vị dò cho đúng chỗ.

(Kinh) Vân hà thiện tu tập Niệm Giác Phần, Trạch Pháp Giác Phần, Tinh Tấn Giác Phần, Hỷ Giác Phần, Y Giác Phần, Định Giác Phần, Xả Giác Phần, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện?

(經)云何善修習念覺分。擇法覺分。精進覺分。喜覺分。猗覺分。定覺分。捨覺分。空。無相。無願。

(Kinh: Làm thế nào để khéo tu tập Niệm Giác Phần, Trạch Pháp Giác Phần, Tinh Tấn Giác Phần, Hỷ Giác Phần, Y Giác Phần, Định Giác Phần, Xả Giác Phần, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện?)

Trong lời Sớ, Thanh Lương đại sư đã bảo: Mười chuyện được hỏi trong đoạn này chính là...

(Sớ) Tu Niết Bàn nhân, Thất Giác, Tam Không, Thập Địa phẩm quảng thuyết.

(疏)修涅槃因，七覺三空，十地品廣說。

(Sớ: Cái nhân để tu Niết Bàn. Bảy Giác Phần và ba món Không đã được nói chi tiết trong phẩm Thập Địa).

Vì thế, ở đây Ngài chẳng chú giải thêm, [vì] trong phẩm Thập Địa đã giảng rất cặn kẽ. Trong phần trước, tôi đã giới thiệu đại lược Thất Giác cùng chư vị. Sau đây là Tam Không, tức “*Không, Vô Tướng, Vô Nguyện*”. Tam Không còn gọi là ba tam-muội, ba Tam-ma-địa, ba Đẳng Trì, kinh Nhân Vương gọi nó là Tam Không. Hữu Lậu Định được gọi là “*ba tam-muội*”, chư vị phải liễu giải chỗ này. Ba tam-muội là Tam Không, hoặc Hữu Lậu Định. Nếu nói đến Vô Lậu Định, sẽ gọi là Tam Giải Thoát Môn.

Hữu lậu là gì? Vô lậu là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi Lậu là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Nếu chẳng đoạn những thứ ấy, bất luận là đối với pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, ta còn có chấp trước, còn có phân biệt, còn khởi tâm động niệm, ba thứ Tam-ma-địa này đều thuộc về Hữu Lậu Định. Nếu đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta đều đã đoạn, sẽ gọi là Tam Giải Thoát Môn, tức là ba thứ giải thoát. Giải (解) là giải trừ, giải trừ gì vậy? Chẳng có phiền não! Chư vị phải hiểu, giáo pháp Đại Thừa gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Giải trừ ba thứ phiền não, đó là thật sự giải phóng. Thoát (脫) là thoát ly. Không chỉ là thoát ly lục đạo, [mà còn] vĩnh viễn

thoát ly mười pháp giới. Vì thế, gọi là ba món giải thoát môn. Có tất cả ba loại, [nhằm đối trị] ba loại đại phiền não như chúng tôi vừa mới nói.

Không tam-muội tương ứng với hai hành tướng Không và Vô Ngã trong Khổ Đế. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, Không là tiếng Hán. Vì thế, danh từ này được gọi là “*Phạn Hoa hợp dịch*”. “*Không*” là Hoa văn, Tam-muội là Phạn văn, danh từ này được hợp thành như thế đó. Tam-muội là dịch âm (phiên âm), dịch theo nghĩa sẽ là Chánh Thọ. Tam là Chánh, Muội là Thọ. Đây là ý nghĩa trong tiếng Phạn. Như chúng ta thường thấy trong kinh điển, [một từ ngữ] rất quen thuộc là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Từ ngữ này hoàn toàn là phiên âm tiếng Phạn. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: Tam Bồ Đề (Sambodhi), Bồ Đề là Giác, Tam là Chánh. Vì thế, Tam Bồ Đề là Chánh Giác, dịch sang tiếng Hán sẽ là Chánh Giác; Tam Miệu (Samyak), Tam là Chánh, Miệu là Đẳng, [Tam Miệu Tam Bồ Đề là] Chánh Đẳng Chánh Giác. Do Tam là Chánh, ở đây, [Tam-muội] là Chánh Thọ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ bình thường, chánh đáng.

Chư vị phải biết: Không chính là sự hưởng thụ chánh đáng, bình thường. “*Không*” những gì? Ngã đã Không, Ngã Sở đã Không. Chẳng có hai thứ ấy; do vậy, quán hết thấy các pháp đều là sanh từ nhân duyên. Quán các pháp, kể cả thân thể của chúng ta, đều là sanh từ nhân duyên. Hễ là pháp sanh bởi nhân duyên, chắc chắn là chẳng có Ngã. Ngã còn chẳng có, lấy đâu ra Ngã sở hữu? Đây là Thật Tướng của các pháp. Vì thế, nếu quý vị có một sự Chánh Thọ như vậy, [tức là] sự hưởng thụ bình thường, chánh đáng, chẳng có Ngã, mà cũng chẳng có Ngã Sở, thừa cùng chư vị, sẽ chẳng có lục đạo luân hồi! Vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị đã vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi. Chỉ cần quý vị có Ngã, chấp trước một cái Ngã, chấp trước có Ngã Sở, Ngã Sở là những cái mà ta sở hữu, [chẳng hạn như] của cải của ta, quyền thuộc của ta, vinh dự của ta, địa vị của ta, chỉ cần quý vị có cái “sở hữu bởi ta”, sẽ có phiền phức. Do vậy, đức Phật dạy người khác xuất gia, vì sao? Sản nghiệp, đất đai, nhà cửa, ruộng vườn trong gia đình đều là sở hữu của ta, quý vị sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi! Vì thế, xuất gia, quan trọng nhất là phải liễu giải chân tướng sự thật này.

Đã hiểu rõ chân tướng sự thật, [sẽ biết] có những vị Đại Thừa Bồ Tát không xuất gia nơi hình tướng, mà xuất gia nơi tâm địa. Như cư sĩ Duy Ma, Ngài có nhà, cũng có vợ, cũng có con cái, cũng có đất đai, tài sản, thầy đều có hết; trên thực tế, Ngài là gì? Ngài xuất gia, tâm xuất, chứ thân không xuất. Có phải là thật sự xuất gia hay không? Thật sự xuất gia. Ngài tuy có [vợ con, tài sản v.v...], nhưng trong tâm đã buông xuống, tâm hoàn toàn chẳng chấp trước, tâm thái xuất gia hoàn toàn giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Có những thứ ấy thì có gây trở ngại hay không? Chẳng ngăn ngại! Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Chỉ cần trong tâm quý vị thật sự buông xuống. Do vậy, có thể biết: Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện là biểu diễn nơi sự tướng, ngài Duy Ma cũng là một vị Phật, đồng thời thị hiện trên thế gian, nhằm giảng Lý cho chúng ta. Đức Phật thị hiện nơi Sự, ngài Duy Ma thị hiện nơi Lý. Lý và Sự chẳng hai, tánh và tướng như nhau, quý vị phải hiểu đạo lý này!

Nhưng người sơ học tu tập từ Sự sẽ dễ hơn, dần dần cũng sẽ rộng không nơi Lý, nhập môn dễ dàng hơn! Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử ở cuối kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham học chính là hết thầy người, sự, vật, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp mà lục căn của chúng ta tiếp xúc từ sáng đến tối trong hiện tiền. Trong pháp Đại Thừa, hằng ngày tiếp xúc có gây trở ngại hay chẳng? Chẳng có trở ngại! Vì sao? Người ấy đã hoàn toàn Không. Không chỉ là “Không”, người ấy còn thật sự làm được, thực hiện Vô Tướng và Vô Nguyện. Nói cách khác, chúng ta chẳng có Không. Chúng ta trụ trong nhân đạo của lục đạo, các Ngài sống cùng một chỗ với chúng ta, nhưng an trụ nơi đâu? Các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới, chẳng trụ trong lục đạo, cũng chẳng trụ trong mười pháp giới. Các Ngài đến hiện thân thuyết pháp trong lục đạo, trong mười pháp giới, rộng độ chúng sanh, chẳng nhiễm mảy trần. Đúng như tổ sư đại đức trong Tông Môn đã nói: “*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (Đi qua rừng trăm hoa, chẳng dính một chiếc lá), đó gọi là “thật sự nhập giải thoát môn”. Do vậy, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, điều quan trọng nhất là phải vứt bỏ quan niệm của ta, quyết định chớ nên có! Hễ có Ngã, có Ngã Sở, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Kế đó, điều thứ hai là Vô Tướng tam-muội, chính là tam-muội tương ứng với bốn hạnh Diệt, Tĩnh, Diệu, Ly trong Diệt Đế. Niết Bàn lìa mười tướng, tức là năm pháp Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, hai tướng nam nữ, và ba tướng hữu vi. Phải nhớ trong “mười tướng” ấy, những tướng trước là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, đây là năm tướng, cộng thêm hai tướng nam và nữ, thành bảy tướng. Ba tướng hữu vi là trừ trụ tướng ra, [tức là sanh, dị, diệt]; nói thật ra, [hữu vi có] bốn tướng. Bốn tướng là “sanh, trụ, dị, diệt”, chẳng phải là “thành, trụ, hoại, không”, mà là “sanh, trụ, dị, diệt”. Đây gọi là ba tướng hữu vi. “Thành, trụ, hoại, không” là nói về khí thế gian. Vì sao không nói đến Trụ? Vì sợ [nói đến] Trụ, kẻ bình phàm sẽ dấy lên sự hiểu lầm: “Trụ được quá đi chớ, trụ tốt lắm!” Họ sẽ chẳng để gì buông xuống được. Do vậy, nói gộp chung Trụ và Dị lại.

Chư vị phải hiểu, hết thầy các pháp có trụ hay không? Chẳng có! Hiện thời, chúng ta thấy dường như có Trụ. Trên thực tế, nó là tướng tương tục (相續相, tương tục tướng, tướng tiếp nối, liên tục); trong những phần trước, tôi đã nói về chuyện này rất nhiều. Điều này nói rõ chuyện gì? Nói rõ vạn pháp vô thường, sanh diệt trong từng sát-na. Sự sanh diệt ấy chính là “*tương tương tục*”, chúng ta ắt phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch. Vì thế, Phật, Bồ Tát dạy kẻ sơ học, sợ kẻ sơ học thấy điều này sẽ chẳng nở buông xuống; do đó, chẳng nói đến Trụ. Đối với bốn tướng hữu vi ấy, chỉ nói ba tướng là Sanh, Dị, Diệt, chỉ nói ba điều ấy. Phía trước ba tướng ấy, còn có thêm bảy tướng, nên gọi là “mười tướng”. Thấy đều rời lìa những tướng ấy, đều chẳng có. Tướng là có, nhưng trong tâm ngay cả dấu vết cũng không vương mắc. Vì thế, gọi là Vô Tướng.

Vô Tướng, nói đơn giản, là các tướng “nam, nữ, một, khác” đều chẳng thể được. Đây là nêu ra một tỷ dụ như thế, cũng có nghĩa là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”,

chẳng có một pháp nào để quý vị có thể đạt được. Kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “Hết thấy các pháp, vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”.

Vô Tướng tam-muội là Chánh Thọ. Loại hưởng thụ ấy chính là gì? Biết vạn sự, vạn vật trong vũ trụ là có hay không có? Chẳng thể nói chúng là có, mà cũng chẳng thể nói là chúng không có! Quý vị nói chúng chẳng có, [thế nhưng] chúng có thể hiện tướng. Quý vị nói chúng là Có, tướng ấy sanh diệt trong từng sát-na, trọn chẳng thể được. Tướng ấy là huyễn tướng, chẳng thật. Trong Phật pháp, nói đến chân hay huyễn, thì huyễn là chẳng trụ, là tướng sanh diệt trong từng sát-na. Phật pháp dựa trên định nghĩa này, dựa theo tiêu chuẩn này để nói. Phàm những gì vĩnh hằng, bất biến, sẽ được gọi là Chân. Phàm những thứ có thể biến đổi, đều là Giả. Quý vị thấy động vật có sanh, lão, bệnh, tử, chúng chẳng thể thường trụ. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt. Khoáng vật thì như quả địa cầu này có thành, trụ, hoại, không. Quan sát bằng viễn vọng kính thiên văn, chúng ta thấy trong vũ trụ, hằng ngày đều có tinh cầu biến mất, tức là “quả địa cầu” ấy chẳng còn nữa, đã hư hoại. Mỗi ngày, cũng phát hiện những tinh cầu mới. Tinh cầu mới thì phải là “thành, trụ”, [khi nó] hư hoại sẽ là “hoại, không”. Vì thế, tinh cầu thành, trụ, hoại, không, chẳng phải chỉ có “thương hải tang điền” (biển xanh [biến thành] ruộng dâu)!

Trong kinh, đức Phật nói đến Kiếp (Kalpa), tức là nói về thời gian. Quý vị thấy có tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp. Đại kiếp là như thế nào? Đại kiếp là [thời gian] một tinh cầu [trải qua các giai đoạn] “thành, trụ, hoại, không” một lượt, được gọi là một đại kiếp. Thời gian ấy dài lắm. Chư vị phải chú tâm suy nghĩ, “thành, trụ, hoại, không” chính là hiện tượng luân hồi của vũ trụ. Hiện tượng luân hồi ấy liên quan chặt chẽ với hiện tượng luân hồi trong lục đạo. Kinh Phật đã dạy rất rõ ràng. Người tạo tội nghiệp cực trọng, đọa vào A Tỳ địa ngục, hoặc người tu Thiền Định sanh vào Vô Sắc Giới Thiên, thọ mạng đều luận định theo kiếp để tính toán. Thọ mạng của Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên là tám vạn đại kiếp, quý vị có biết tám vạn đại kiếp lâu cỡ nào hay không? Địa cầu này và Thái Dương Hệ thành, trụ, hoại, không tám vạn lần; nếu phải tính ngày tháng năm [cụ thể], sẽ không có cách nào tính ra. Quý vị mới hiểu chuyện này phiền phức lắm! Lên cao hơn còn được, cuộc sống dễ thở hơn, chứ vào trong tam đồ, sẽ bị phiền phức to lớn! Trong địa ngục, địa ngục A Tỳ ngũ vô gián, thời gian đọa trong đó cũng tính toán bằng số kiếp, chẳng khác cõi cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên cho mấy!

Vậy thì có kẻ hỏi: “Nếu quả địa cầu này hư hoại, thái dương hệ bị hủy diệt, người đọa trong địa ngục A Tỳ sẽ như thế nào?” Kẻ đó sẽ tự nhiên sanh vào thế giới nào vẫn còn tồn tại trong lúc đó, trong thế giới ấy có địa ngục, họ sẽ được chuyển tới đó, đến trụ trong đó. Thế giới ấy hư hoại, họ sẽ đổi chỗ trụ, cũng là thường xuyên thay đổi. Đến khi thế giới này đã thành, lại quay lại thế giới này. Vì thế, đối với địa ngục và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, chẳng dễ gì đến được Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, [để đến cõi trời ấy], cần phải tu Tứ Thiền Bát Định, nhưng đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gián rất dễ dàng! Các đồng tu niệm Phật vào lúc lâm chung, nếu như trong một niệm cuối cùng, vẫn chẳng thể

buông xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh được! Chẳng vãng sanh, sẽ phải lưu chuyển theo nghiệp. Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vậy thì vẫn phải chịu quả báo trong ba thiện đạo hay ba ác đạo. Do vậy, có thể biết: Buông xuống trọng yếu như thế đó!

Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc là ngũ trần, chúng có phạm vi lớn hơn tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong ngũ dục. Chúng chính là cảnh giới được tiếp xúc bởi năm căn. Chuyện nam nữ được đặc biệt nêu lên, vì sao? Nó là căn bản của sanh tử trong lục đạo. Do vậy, trong kinh đức Phật đã dạy: “*Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà*”. “Ái” trong câu ấy là nói về tình ái nam nữ. Nếu quý vị chẳng ngưng dứt ái, chắc chắn là sẽ phải luân hồi trong lục đạo, thuộc vào Dục Giới trong lục đạo, chẳng có phần trong Sắc Giới. “*Niệm chẳng nhất, chẳng sanh Tịnh Độ*”, hai câu ấy nói rất hay! Nếu quý vị nghĩ thông suốt, sẽ bỏ ái dục, sẽ buông xuống, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật thì mới có thể “*hoành siêu Cực Lạc*” (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, sanh về Cực Lạc) ngay trong một đời này, mới coi như là đã thực hiện viên mãn ổn thỏa chuyện của chính mình trong một đời này!

Điều thứ ba là Vô Nguyện tam-muội. Vô Nguyện tam-muội là biết hết thấy các pháp vô tướng, vô sở tác (không tạo tác). Vì thế, thuở trước, [môn tam-muội này] được dịch là Vô Tác tam-muội. Phải ghi nhớ điều này: Hết thấy các pháp vô tướng, vô sở tác. Nó lại còn được gọi là Vô Khởi tam-muội, tức là môn tam-muội tương ứng với hai hành tướng là Khổ và Vô Thường trong Khổ Đế, bốn hành tướng Nhân, Tập, Sanh, Duyên của Tập Đế. Khổ, Vô Thường của Khổ Đế và Tập Đế đáng chán ghét, còn bốn hành tướng Đạo, Như, Hành, Xuất của Đạo Đế giống như tỷ dụ “*phiệt dụ*” (筏喻, tỷ dụ về chiếc bè) trong kinh Kim Cang: Như thuyền, bè ắt phải bỏ đi! [Nghĩa là] quý vị đã vượt sông, ngồi thuyền đã tới bờ kia, quý vị lên bờ, nhất định phải bỏ thuyền. Nói chung, chẳng mong muốn, ưa thích [chiếc bè nữa sau khi đã lên tới bờ]; vì thế, dùng nó làm duyên, gọi là Vô Nguyện tam-muội.

Nói cách khác, khi chúng ta chưa thành tựu, Phật pháp giống như thuyền, bè, giúp chúng ta vượt qua bờ kia. Chúng ta có cần Phật pháp hay không? Hiện thời thì cần, không cần sẽ chẳng được! Khi đã tới bờ kia, có còn cần Phật pháp nữa hay không? Chớ nên cần, phải như thế nào? Nếu cần, quý vị sẽ ở trên thuyền, vĩnh viễn chẳng thể lên được bờ kia. Vì vậy, phải hiểu thuyền bè là một thứ công cụ. Đến lúc ấy, nhất định phải bỏ. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã dạy về chuyện này: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). “*Pháp*” ở đây là Phật pháp. Hiện thời, chúng ta phải dùng Phật pháp; khi đã tới bờ kia, phải bỏ Phật pháp, nhất định phải hiểu điều này! Khi nào là bờ kia? Minh tâm kiến tánh là bờ kia, đại triệt đại ngộ là bờ kia. Trước khi đạt tới triệt ngộ, phải cần có pháp. Sau khi đã triệt ngộ, chẳng cần nữa! Khi nào quý vị có thể ngộ nhập? Chính mình biết, chẳng cần phải hỏi ai khác! Đoạn hết phiền não, kinh giáo Đại Thừa thường nói là “*đoạn hết sạch Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não*”, sẽ phải buông xả pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, có nói: Đã đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ tự nhiên buông xả pháp!

Nếu quý vị chẳng xả, sẽ chẳng thể thoát lìa mười pháp giới. Sau khi đã xả, mười pháp giới chẳng còn nữa. Chẳng có, thì khi ấy sẽ là cảnh giới gì? Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới hiện tiền.

Nói đến chỗ này, chúng tôi tổng kết đơn giản để chúng ta có thể biết rất rõ ràng ý nghĩa được bao hàm trong ba danh từ pháp tướng này, cũng như phương pháp tu học. Thứ nhất, chúng ta phải tin tưởng vào chân tướng của vũ trụ và nhân sinh như đức Phật đã dạy: Vạn pháp đều là Không. Đây là nói về tổng tướng, “*vạn pháp đều Không, trọn chẳng thể được*”. Nếu quý vị có thể thật sự hiểu đạo lý này, tin sâu giáo huấn của đức Phật, chẳng hoài nghi, tất nhiên là đối trước hết thầy người, sự, vật, chúng ta thường nói là “*khán đạm*” (看淡, không coi trọng quá mức một sự việc gì đó), quý vị có còn cạnh tranh nữa hay chẳng? Chẳng thể nào! Quý vị thầy đều buông xuống cả rồi! Người bình phàm nói: “Mọi thứ đều buông xuống, ta sẽ sống bằng cách nào? Ta còn có thân thể này!” Người ấy vẫn chưa buông xuống! Vì sao? Người ấy còn có thân thể. Hễ có thân thể, đương nhiên là sẽ có tất cả những điều kiện duy trì, nuôi nấng thân thể này, [nếu nghĩ như vậy] sẽ chẳng buông xuống được!

Do vậy, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: Sau khi đã buông xuống, hãy tùy duyên, đừng nên bận lòng bất cứ chuyện gì, chớ nên khởi tâm động niệm, đến lúc đó, những thứ âm thực cần dùng sẽ tự nhiên có, chẳng cần phải quan tâm, vì sao? Phải nhìn lại điều này. Người thế gian nói “*vận mạng*”, trong mạng quý vị có, đã có thì vứt đi cũng không được! Trong mạng chẳng có, chẳng cầu được! Đối với nhân quả, không chỉ là pháp thế gian, mà pháp xuất thế gian cũng chẳng tách rời pháp tác nhân quả, phải hiểu đạo lý này. Có như vậy, quý vị mới chịu yên lòng buông xuống. Hy vọng các đồng học nghe tôi giảng kinh này, chớ nên nảy sanh hiểu lầm! Vì trong quá khứ, có người nghe tôi nói “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, người ấy chẳng muốn làm việc nữa, bỏ việc, chẳng màng đến gia đình! Sau mấy tháng, chẳng có cách nào sống được, đến hỏi tôi: “Nay tôi mọi thứ đều buông xuống hết, nhưng tôi chẳng có tiền, chẳng có cái ăn, chẳng có cái mặc, làm như thế nào đây?” Sai mất rồi! Chẳng phải là tôi bảo quý vị buông xuống nơi Sự, mà là bảo quý vị hãy buông xuống nơi tâm. Đối với hết thầy người, sự, vật trước mắt, quý vị đều tùy duyên, chẳng còn chấp trước, chẳng còn phân biệt. Bảo quý vị buông xuống những thứ ấy, còn mức cao nhất sẽ là chẳng còn khởi tâm động niệm nữa!

Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước hết thầy, sẽ vượt thoát lục đạo, tướng ấy có hay không, chẳng sao hết! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Cái có thể nảy sanh chướng ngại chính là do quý vị phân biệt, chấp trước, chính những thứ ấy sanh ra chướng ngại. Chớ nên có phân biệt, chấp trước! Đối với pháp thế gian, đức Phật đã nói rất hay, điều đáng tiếc là khá nhiều đồng tu học Phật chẳng tin tưởng. Đó gọi là “*chẳng tin Phật*”. Do vậy, có thể biết, tin Phật khó khăn dường ấy! Đối với những lời đức Phật dạy, quý vị đều có thể tin tưởng, đều có thể làm theo, y giáo phụng hành, quả báo sẽ là tự nhiên. Những điều người thế gian mong cầu, bất luận là tại Trung Hoa hay ngoại quốc, xã hội hiện thời bất hảo, tất cả các loại giáo dục bất đồng, nói chung bằng một câu, dạy gì? Đều là dạy quý vị “*tôn người, lợi*

mình”, toàn dạy điều ấy! Dạy quý vị cách tôn thương, gây hại cho người khác như thế nào, đoạt lấy những thứ của người khác để chính mình sở hữu. Đây có phải là bản lãnh của kẻ đó hay không? [Nếu hiểu đó là bản lãnh của hắn], sai mất rồi! Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói về vấn đề này, hễ có cách nghĩ như vậy, có hành vi như vậy, sẽ chiết giảm phước báo của chính mình!

Ví như trong mạng quý vị có của cải đến một ức. Vì quý vị tin vào lý luận trong xã hội hiện thời, dốc hết sức làm những chuyện khiến cho lương tâm tăm tối, hại người, ngỡ là như vậy thì chính mình sẽ có thể đạt được lợi ích! Như vậy thì một ức của cải trong mạng của quý vị bị chiết khấu. Suốt đời này, quý vị hại kẻ khác cách nào đi nữa, cũng chỉ có được năm ngàn vạn, thậm chí còn bị hao hụt, chiết giảm nhiều hơn nữa. Nếu quý vị hại người chẳng nề hà thủ đoạn, hại rất nhiều người, chỉ sợ một ức cũng sẽ biến thành chỉ còn một trăm vạn. Quý vị vẫn nghĩ chính mình ghê gớm lắm, kiếm được một trăm vạn, chẳng biết trong mạng của chính mình vốn có một ức! Đức Phật đã dạy những đạo lý này rất nhiều, tài sản trong mạng do đâu mà có? Do Tài Bồ Thí mà có; đời đời kiếp kiếp trong đời quá khứ, quý vị gặp gỡ thiện tri thức, biết tu Tài Bồ Thí. Nhiều đời nhiều kiếp tu Tài Bồ Thí, đời này mới có của cải sung túc, mà cũng chẳng phải là do tu trong một, hai đời! Thông minh, trí huệ là [quả báo của] Pháp Bồ Thí. Khỏe mạnh sống lâu là [quả báo của] Vô Úy Bồ Thí. Trong pháp thế gian, tất cả hết thảy những thứ thọ dụng không có gì chẳng do bồ thí mà có!

Đối với người Hoa, các vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huân, đọc những câu chuyện được nêu trong Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, toàn là sự thật. Quý vị bèn hiểu: Nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mảy may! Thiện nhân nhất định có thiện quả, ác nhân nhất định có ác báo; nhân duyên quả báo chẳng sai suyền mảy may! Chớ nên có đôi chút ý nghĩ chiếm tiện nghi của người khác. Hễ có tâm chiếm tiện nghi, sai mất rồi, đã khiến cho phước báo của chính mình bị hao hụt bất luận về phương diện nào! Vì thế, quý vị đã hiểu đạo lý này, hiểu rõ nhân quả, quý vị khởi tâm động niệm sẽ chú tâm, cẩn thận. Chúng ta khởi tâm động niệm phải vun bồi phước, phải tăng thêm phước, chớ nên giảm thiểu. Đó là đúng, phước báo càng ngày càng lớn!

Người hiện thời hết sức đáng thương, chưa từng tiếp nhận chánh giáo, [tức là] chưa từng tiếp nhận sự giáo dục thuần chánh, chẳng hề tiếp nhận giáo huấn thuần chánh của cổ thánh tiên hiền, giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Vì thế, quá nửa đều nhìn theo điều gì? Hết sức coi trọng mỗi lợi nhỏ nhoi trước mắt, coi trọng điều ấy! Chuyện này cũng chẳng thể trách họ được! Tại Trung Hoa, nền giáo dục truyền thống tối thiểu là đã bị sơ sót đến ba thế hệ. Ba thế hệ là bảy, tám mươi năm. Thời gian tuy chẳng kể là dài, nhưng cũng không thể coi là ngắn. Người thuộc ba thế hệ chẳng được tiếp nhận nền giáo dục ấy, quên hết những thứ giáo dục ấy! Hiện thời, khá nhiều người lo âu xã hội động loạn, lòng người biến đổi, trở nên hết sức ích kỷ. Ích kỷ đến nỗi tôn thương, gây hại cho người nhà. Đối với người nhà, kẻ đó cũng là tôn người, lợi mình! Chúng ta thấy chuyện này rất nhiều, tôi tin là chư vị biết càng nhiều hơn tôi! Tôi nghe thầy Thái (Thái Lễ Húc) giảng Đệ Tử Quy, kể một câu chuyện có thật phát sanh tại tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa.

Một đứa trẻ mười bốn tuổi giết chết cha mẹ, do nguyên nhân nào? Nó muốn lấy tiền bảo hiểm của cha mẹ; lấy để làm gì? Mua điện thoại di động (cell phone). Nó muốn mua một cái cell phone, [đó là] tự lợi. Đoạt lấy một chút tiền của cha mẹ. Tiền bảo hiểm của cha mẹ nó chỉ được hơn một vạn nhân dân tệ. Vì chút tiền ấy mà chẳng nuôi tiếc, giết chết cha mẹ, [đó là] tổn hại người khác! Tổn hại cha mẹ để lợi mình, vụ án phát sanh từ đó! Hỏi nó, nó chẳng biết đó là sai. Từ bé, chẳng có ai dạy nó! Trong hiện thời, chuyện như vậy cũng chẳng thể coi là ngẫu nhiên, thường sẽ có chuyện ấy phát sanh. Trung Hoa và ngoại quốc đều như nhau, tôi đã nghe rất nhiều!

Khi tôi ở Ba Lê, ở Luân Đôn, có nói với các đồng học: Hiện thời, trong một tuần chúng ta có thể nghe tin tức như vậy một, hai lần, con giết cha mẹ, cũng có khi cha mẹ giết con, đáng sợ quá! Mười năm sau, mỗi năm có thể nghe hai, ba mươi lần. Hai mươi năm sau, mỗi năm nghe [tin tức như vậy] hơn trăm lượt, thế giới này trở thành thế giới gì? Tôi nói: - Trong nhiều tôn giáo đã nói đến tận thế. Tôi thấy “*tận thế*” chẳng phải là địa cầu bị hủy diệt, cũng chẳng phải là chiến tranh vũ khí nguyên tử, mà là hoàn toàn chẳng có luân lý đạo đức, giữa người với người chẳng có cảm tình, chỉ có lợi hại. “Chỉ cần có lợi cho ta, ta có thể giết chết người!” Quý vị thấy đó, ngay cả cha mẹ mà còn có thể giết, có ai còn chẳng thể giết được nữa chứ? Đáng sợ quá! Đó gọi là “*ngày tàn của thế giới*”.

Chư vị phải biết, luân lý đạo đức là giáo dục tại Trung Hoa; ở ngoại quốc là giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo ở ngoại quốc sa sút, chẳng có người tin tưởng vào thần, cũng chẳng tin tưởng vào sự phán xét mai sau, họ chẳng tin tưởng. Tại Trung Hoa, luân lý đạo đức chẳng được nhắc đến. Vậy thì mười năm, hai mươi năm sau, thế giới này sẽ làm như thế nào đây? Năm nay, tôi đã tám mươi tuổi, mười năm, hai mươi năm sau, có lẽ tôi cũng không nhìn thấy, các vị trẻ tuổi phải suy nghĩ cho nhiều, cứu vãn như thế nào? Ngoài khôi phục giáo dục ra, chẳng có phương pháp thứ hai nào để có thể cứu vãn! Nếu quý vị suy nghĩ, nhìn vào tình hình trước mắt: Trước mắt, những gì giáo dục đại chúng trong xã hội? TV, phim ảnh, ca múa, âm nhạc, nhật báo, tạp chí, đại chúng trong xã hội hằng ngày đều cần đọc, cần xem những thứ ấy, họ tiếp nhận sự giáo dục của chúng. Nội dung trong ấy là giết, trộm, dâm, dối, bạo lực, tình dục, toàn là dạy những thứ đó. Vì thế, mọi người học theo, trở thành vô cảm, giết người chẳng hề áy náy chi hết! Con người hiện thời hề nhắc đến những phần tử khủng bố đều lo âu, nhưng mười năm, hai mươi năm sau, phần tử khủng bố ở ngay bên cạnh quý vị. Con có thể giết cha thì con là phần tử khủng bố đối với cha, là phần tử khủng bố trong các anh em, mà cũng là phần tử khủng bố trong vòng bạn bè. Quý vị nói xem, còn làm thế nào được nữa? Quý vị ngăn ngừa bằng cách nào? Đúng là quá đáng sợ, càng nghĩ càng thấy đáng sợ! Chúng tôi suy nghĩ, ngoại trừ giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục tôn giáo, còn có biện pháp tốt đẹp nào nữa chẳng? Tôi nghĩ không ra!

Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, một ngày trước hôm thầy vãng sanh, đã bảo các học sinh đang vây quanh: “Thế giới đã loạn rồi! Phật, Bồ Tát, thần tiên hạ phạm đều chẳng trị được. Sanh lộ duy nhất của chúng ta trong hiện thời là

niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ”. Đây là di ngôn cuối cùng của lão nhân gia, Ngài nói chẳng sai tí nào! Nhưng nay chúng ta sống trong thế gian này, thế gian còn có không ít người bận tâm vì chuyện này, cũng đã suy nghĩ trọn hết mọi phương pháp hòng nỗ lực cứu vãn. Chúng ta biết chuyện này, hãy nên cống hiến công sức. Họ nghe nói cũng gật đầu, đến cuối cùng thì sao? Chẳng thể thực hiện! Đối với nền giáo dục truyền thống của cổ thánh tiên hiền và giáo dục tôn giáo, vẫn giữ thái độ hoài nghi y như cũ: “Được quá chớ! Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, tốt lắm, có thể làm được hay không?” Đánh mấy dấu hỏi, chẳng có tin tâm!

Do vậy, ba môn giải thoát này của Phật giáo, do Không mà giải thoát lục đạo, do Vô Tướng và Vô Nguyên mà giải thoát mười pháp giới. Ý nghĩa này mỗi tầng một sâu hơn. Thật sự y giáo tu hành, Luận Ngữ đã nói rất hay: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Đã học rồi thường tập luyện, cũng chẳng vui sao?), pháp hỷ sung mãn. Vì sao? Quý vị nâng cao [cảnh giới] từng tầng một, khế nhập từng tầng một, vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Cổ nhân có thể làm được, người thời nay cũng có thể làm được, chỉ sợ quý vị không làm! Tôi thường nói, người thời nay có thể làm được, thì sẽ vượt xa cổ nhân nhiều lắm! Vì sao? Xã hội của cổ nhân là xã hội luân lý, xã hội phương Tây là xã hội tôn giáo, xã hội an định, trật tự xã hội tốt đẹp, dẫu có động loạn, ảnh hưởng chẳng lớn, thời gian bị ảnh hưởng cũng chẳng dài, chẳng giống như xã hội hiện thời. Quý vị hãy lắng lòng suy nghĩ: Xã hội hiện thời sẽ bị hủy diệt trong tay ai? Trong quá khứ, thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ đã bảo tôi: “Bị hủy diệt bởi TV”. Lời ấy thật có lý!

Nếu muốn cho gia đình, con cái của quý vị chẳng còn tiếp nhận sự giáo dục mang tánh chất hủy diệt ấy, dùng phương pháp gì? Không xem TV, không nghe radio, không xem nhật báo, không xem tạp chí, giữ gìn tâm địa thanh tịnh, hòa bình, quý vị có thể làm được hay không? Người có gia đình sẽ khá khó khăn! Tôi thưa với chư vị đồng học, hơn bốn mươi năm qua, tôi chẳng xem TV, nhật báo, tạp chí, tôi đều buông xuống. Có những tin tức trọng đại, các đồng tu và đạo hữu của chúng tôi sẽ kể tóm tắt cho tôi biết. Do vậy, mỗi tuần tôi tiếp xúc với tin tức đại khái chẳng hơn mười tin, mới có thể giữ gìn sự thanh tịnh. Hôm nay chúng ta học tập đoạn này tới đây, hãy nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp đoạn kinh văn thứ bảy.

(Kinh) Vân hà đắc viên mãn Đàn Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cập dĩ viên mãn từ bi hỷ xả?

(經)云何得圓滿檀波羅蜜。尸波羅蜜。羸提波羅蜜。毘黎耶波羅蜜。禪那波羅蜜。般若波羅蜜。及以圓滿慈悲喜捨。

(**Kinh:** Làm thế nào để đắc viên mãn Đản Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đê Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cùng với viên mãn từ, bi, hỷ, xả?)

Thanh Lương đại sư chú giải đoạn này rất đơn giản.

(**Sớ**) **Đệ lục mãn Bồ Tát hạnh, sơ Lục Độ, Tứ Đăng, tu tức Sĩ Dụng, mãn tức Ly Hệ, trị chư tặc cố.**

(**經**) 第六滿菩薩行，初六度四等，修即士用，滿即離繫，治諸蔽故。

(**Sớ:** Điều thứ sáu là viên mãn Bồ Tát hạnh, thoạt đầu là Lục Độ, Tứ Đăng, [khi đang còn] tu thì là Sĩ Dụng Quả, viên mãn thì là Ly Hệ Quả, đối trị các khuyết điểm).

Chú giải chỉ có vồn vẹn như thế đó, nhưng đã nói rất rõ ràng: Lục Ba La Mật và Tứ Vô Lượng Tâm viên mãn Bồ Tát hạnh. Bồ Tát tu hành viên mãn [những pháp ấy], sẽ viên mãn mười chuyện này, chúng ta phải biết điều này. Khi chưa tu học viên mãn, cái quả là Sĩ Dụng Quả; khi viên mãn, sẽ là Ly Hệ Quả. “Hệ” (繫) là gì? Phiền não. Hoàn toàn đoạn phiền não, Bồ Tát hạnh sẽ viên mãn. Vì thế, câu cuối cùng của Ngài là “trị chư tặc cố”, “tặc” (蔽) chính là khuyết điểm.

Vì thế, chúng ta phải hiểu: Lục Độ là tu gì? Nếu chúng ta nói “thí tài, đắc tài”, đó là đạo lý nhất định. Thí tài chẳng hề không đạt được của cải, thí pháp được thông minh, trí huệ, thí vô úy nhất định được khỏe mạnh, sống lâu. Nếu chúng ta nghe nói vừa được phát tài, lại còn thông minh, lại khỏe mạnh, sống lâu, chúng ta bèn vội vã tu Thí Ba La Mật, vội vã tu bố thí. Đây là pháp thế gian; chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian. Vì sao? Người ấy cầu quả báo, mong cầu quả báo trong thế gian. Bồ Tát tu ba loại bố thí này, chẳng cầu quả báo. Không cầu, có quả báo hay không? Càng thù thắng hơn! Tuy càng thù thắng hơn, quyết định chẳng tham đắm. Đây chính là Bồ Tát.

Bồ Tát có nhiều tiền của bèn bố thí chúng sanh khổ nạn. Bồ Tát nhiều trí huệ bèn giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Bồ Tát khỏe mạnh, sống lâu, thường trụ trong thế gian, vì chúng sanh, không vì chính mình. Vì sao? Đối với Bồ Tát, bố thí nhằm độ điều gì? Độ xan tham. Tập khí phiền não của hết thảy chúng sanh là vô lượng vô biên, đức Phật quy nạp chúng thành sáu loại lớn, tức là sáu loại bệnh khổ nghiêm trọng nhất của chúng sanh. Sáu loại ấy chính là những “căn bệnh” đòi mạng! Thứ nhất là xan tham, chính mình tuy có [tiền của] nhưng chẳng nở bố thí. Chính mình chẳng có [tiền của], sẽ luôn hy vọng đạt được. Bất luận là danh, hay lợi, hay dưỡng (tiếng tăm, lợi dưỡng), ngũ dục, lục trần, tâm tham vĩnh viễn chẳng thỏa mãn. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, đến khi nào mới thỏa mãn? Có được một quốc gia, vẫn mong thôn tính thế giới. Nay đã có thế giới này, vẫn mong chinh phục tinh cầu khác, vĩnh viễn chẳng thỏa mãn!

Bồ thí là bỏ xan tham. Ở đây, [chánh kinh nói] “*viên mãn Đàn*”, [Đàn (Dāna)] là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Thí (施), tức là Bồ Thí. Ba La Mật (Pāramitā) nghĩa là viên mãn. [Phần chánh kinh] tiếng Hán chỉ dùng [từ ngữ] “*viên mãn*” một lần, nhưng cả mười điều sau đó đều là viên mãn, chẳng có điều nào không viên mãn. Ba La Mật là viên mãn trong tiếng Phạn, [nói “*viên mãn Đàn*” tức là] Hoa và Phạn thấy đều có. Bồ thí viên mãn là gì? Quý vị chẳng có tâm tham, chẳng có tâm keo kiệt, thấy chúng sanh bị khổ nạn, liền bồ thí trọn hết những thứ mình đang có để giúp đỡ người khác, Bồ Thí Ba La Mật của quý vị sẽ viên mãn. Nếu thấy chúng sanh có khổ nạn, tuy ta còn rất nhiều, nhưng vẫn phải lưu lại một chút cho chính mình, vậy là quý vị chẳng viên mãn. Vì sao? Vẫn nghĩ đến chính mình. Quý vị chẳng buông xuống cái Ngã của chính mình, chẳng buông xuống Ngã và Ngã sở hữu, chẳng dễ dàng! Do vậy, thường là trong quá trình tu học, nói chung là [tu tập] dần dần, mỗi năm một buông xuống nhiều hơn, đây là có tiến bộ. Tâm tham, tâm keo kiệt mỗi năm một mỏng hơn, mỗi năm một nhẹ hơn; trong phần trước, điều này được gọi là Sĩ Dụng Quả. Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ nhất định tăng trưởng. Đây là đạo lý nhất định.

Do vậy, tu Bồ Tát hạnh, bồ thí đúng là càng thí, càng [đạt được] nhiều, nhiều hơn thì sao? Càng nhiều sẽ càng thí. Chính mình quyết định chẳng tham cầu hưởng thụ, chẳng hề có. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời đều sống bằng cách khát thực, tuyệt đối chẳng vì Tài Bồ Thí nhiều, tài cúng dường nhiều mà Ngài hưởng thụ. Chẳng hề có! Các vị tổ sư đại đức tại Trung Hoa cũng giống như thế. Chúng ta thấy vị đại đức gần nhất là lão pháp sư Ấn Quang. Đức hạnh của tổ Ấn Quang cảm động trong ngoài nước. Không chỉ là trong nước, ngoài nước có bao nhiêu người đến núi Linh Nham để tham học, hướng về Ngài thỉnh giáo, quy y dưới tòa lão nhân gia. Do vậy, mười phương cúng dường, chẳng biết là bao nhiêu! Lão hòa thượng trọn chẳng dùng những thứ cúng dường ấy để cải thiện cuộc sống của chính mình, quần áo vẫn vá chẳng vá đụp. Hiện thời, quý vị đến Linh Nham Sơn Tự, có thể thấy những di vật của lão nhân gia, quý vị sẽ có thể thấy rõ. Ngài dùng tiền cúng dường để làm gì? Lão nhân gia xác thực là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, nêu gương rất tốt cho chúng ta [noi theo]: Thấy đều dùng để in kinh, thực hiện Pháp Bồ Thí. Ngài dùng khoản tiền ấy để mở xưởng in tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu hồng in kinh sách, đặt tên là Hoằng Hóa Xã.

Hoằng Hóa Xã là do Ngài dùng tiền cúng dường của tứ chúng để lập ra, là một nơi lưu thông kinh Phật, chuyên môn in thiện thư, kinh sách, dùng những thứ ấy để khuyên dạy xã hội. Ngài dùng tiền vào chuyện này, chỉ sử dụng cho mục đích ấy, chẳng làm chi khác. Từ bài giảng ký trong lần tổ sư giảng diễn tại Thượng Hải Tức Tai Pháp Hội, tôi thấy: Nhằm đúng lúc đó, miền Bắc Trung Hoa gặp tai nạn, tổ Ấn Quang đã rút ba ngàn đồng từ khoản tiền in kinh để cứu chần nạn nhân. Do vậy, tôi mới biết lão nhân gia chỉ làm một chuyện. Đối với tiền cứu chần nạn nhân, hoàn toàn chẳng có khoa mục từ thiện cứu tế riêng biệt, chẳng có! Để cứu tế từ thiện, tạm thời bèn rút từ khoản tiền in kinh, chúng ta phải hiểu điều này. Tôi học Phật, bèn học theo lão nhân gia điểm này, toàn tâm toàn lực dùng hết thấy những thứ được cúng dường để làm chuyện này. Hiện thời, khoa học kỹ

thuật phát triển, cho nên chúng tôi dùng truyền hình vệ tinh, mạng lưới Internet, dùng đĩa CD, hiện thời, thậm chí chúng tôi đang làm phim truyền hình (phim truyền hình nhiều tập) hồng đề xương, quảng bá từ phương diện này. Hoàn toàn dùng [tiền bạc được cúng dường] vào giáo dục, tức là giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục Đại Thừa.

Tôi học Phật là học từ tiên sinh Phương Đông Mỹ. Thầy Phương giới thiệu kinh Phật cho tôi, thầy nói là “*Triết Học trong kinh Phật*”, tôi theo thầy học Triết Học. Vì thế, thầy giới thiệu: Kinh Phật là Triết Học, lại còn là Triết Học cao nhất trên thế giới. Sau đó, thầy còn nói thêm một câu: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi bị câu nói ấy của thầy kéo vào Phật môn. Đúng là chẳng sai tí nào! Suốt đời tôi cảm kích lão nhân gia, vì sao? Xác thực là trong đời này, từ lúc hai mươi sáu tuổi cho đến hiện thời tôi đã tám mươi tuổi, đã được sống trong sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Nếu thầy chẳng giới thiệu, tôi làm sao biết thế gian có thứ tốt đẹp dường ấy? Do chẳng biết, sẽ chẳng thể nào học Phật! Thật sự là viên mãn rất ráo! Vì thế, đây là giáo dục của đức Phật, tôi từ chỗ này mà nhập môn. Suốt đời, tôi chẳng coi Phật giáo là tôn giáo, [theo như tôi thấy], Phật giáo là giáo dục, từ kinh điển mà thấy được điều này. Kinh điển ghi chép sự giáo học của đức Thế Tôn trong thuở ấy. Chẳng phải là ghi chép ngay trong lúc đó, mà là sau khi Ngài đã diệt độ, đã viên tịch, các học trò ghi chép lại, nội dung quá phong phú.

Do vậy, viên mãn Ba La Mật, chúng ta nhất định phải biết: Tam giới quá khổ, chớ nên luân hồi nữa! Hãy vĩnh viễn thoát ly luân hồi, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Vậy thì chúng ta phải nghiêm túc học tập sáu khoa mục của Bồ Tát. Mục đích của Bồ Tát là gì? Mục đích là trừ cái tâm tham, tiêu trừ cái tâm keo kiệt của chúng ta. Tôi biết rất nhiều đồng học theo học với tôi, thật sự tu tập, tu tập như thế nào? Đạt được quả báo nhỏ nhỏ. Có một chút tiến bộ, mỗi năm tiến bộ không lớn mấy! Chẳng hạn như Bồ Tát, đúng như tôi vừa mới nói, khi chúng ta muốn xả, vẫn còn phải suy đi tính lại. Ta thí xả, nói chung, vẫn phải giữ lại cho mình một ít, không thể giống như Phật, Bồ Tát chẳng hề giữ lại mấy may, bỏ ra toàn bộ, [chúng ta] chẳng thể làm như vậy! Vẫn còn nghĩ phương pháp chi đó để lại kiếm tiền. Thật ra, cách nghĩ ấy có sai hay không? Nói theo phía người thế gian, chẳng sai; nói theo Phật pháp, sẽ là chẳng rất ráo. Đối với chuyện “càng thí càng nhiều” có chút lòng tin, nhưng tín tâm vẫn chẳng đủ. Nếu tín tâm trọn đủ, sẽ giống như Phật, Bồ Tát, căn bản là chẳng suy lường, như vậy thì Bồ Tát Ba La Mật mới viên mãn. Bồ Tát Ba La Mật viên mãn, chư vị cũng hiểu, phước đức của quý vị viên mãn, phước đức do Tài Bồ Tát được viên mãn. Phước đức viên mãn, chẳng phải là quý vị có rất nhiều của cải, mà là gì? Thường gọi là “*có cầu, ắt ứng, tâm tưởng sự thành, chuyện nào cũng như ý*”, cảnh giới là như thế đó. Trên thân xác thực là chẳng có một đồng nào, [khi cần tiền] để làm chuyện gì đó, cần bao nhiêu, người ấy thật sự có bấy nhiêu, chẳng có nhiều hơn mà cũng chẳng có ít hơn, sự việc được thành tựu viên mãn.

Nay chúng ta gặp thời tiết, nhân duyên này, trong phần trước, tôi đã thừa cùng chư vị: Do vì chẳng có giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả cũng

chẳng có, giáo dục tôn giáo cũng chẳng có, lòng người chẳng có chỗ nương tựa, hoàn toàn cậy vào tập khí phiền não của chính mình, quý vị nói xem, còn làm thế nào được nữa? Vì thế, tham, sân, si, mạn, ích kỷ bành trướng trên một mức độ rộng lớn. Giữa con người với nhau, chẳng có lòng tin, ngờ vực lẫn nhau, quý vị nói xem: Chuyện này có phiền phức lắm hay không? Tuyệt đối chẳng tin trong thế gian có người tốt, người trong thế gian đều giống như ta, đều là ích kỷ, toàn là tôn người, lợi mình, tùy thuộc ai có thủ đoạn cao minh hơn sẽ chiếm tiện nghi. Thật sự có người làm chuyện tốt, chẳng vì chính mình, có ai tin tưởng? Do vậy, hiện thời làm chuyện tốt, so với cổ nhân làm chuyện tốt, không chỉ là khó gấp trăm lần, gấp ngàn lần, hết sức khó khăn. Vậy thì phải làm sao, có cần phải làm hay không? Vẫn phải làm! Vì thế, phải có lòng nhẫn nại rất lớn. Trong xã hội hiện thời, làm một chuyện tốt thành công, nếu chỉ xét theo công đức để nói, cũng vượt trời cổ nhân gấp trăm lần, ngàn lần, [vì làm chuyện tốt] quá khó khăn. Cổ nhân thích làm, cô nhân tin tưởng thế gian có thiện nhân, tin là có người tốt, tin có chuyện tốt, mọi người vẫn bằng lòng đến giúp đỡ, chứ người hiện thời chẳng tin. Không tin, đương nhiên là họ sẽ chẳng giúp quý vị. Họ còn nghĩ cách nuốt sống quý vị, nghĩ trọn hết mọi phương cách để phá hoại.

Chúng ta gặp phải hoàn cảnh như thế đó. Cũng may là trước khi thầy ra đi, đã có dặn dò về hoàn cảnh ấy, bản thân chúng tôi hiểu rất minh bạch. Hiện thời lúc nào cũng gặp phải [những thử thách, trở ngại], chỉ có một cách là tin vào sự gia trì của Phật, Bồ Tát. Đối với các thứ hành vi bất thiện của chúng sanh, chúng ta hãy nên khoan dung, vì như kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (Tổ tiên vô tri, chẳng biết đạo đức, chẳng có ai nói [cho biết]). Vậy thì chúng ta đừng trách họ! Họ có quả báo hay không? Đương nhiên là có, họ vẫn phải tự hứng chịu quả báo. Chuyện tốt vẫn phải làm. Chuyện tốt là cứu vớt thế giới, hóa giải tai nạn. Nếu quý vị không làm, những tai nạn ấy đúng là ngày càng nghiêm trọng hơn, chớ nên không làm! Biết chuyện này khổ hơn bất cứ điều gì khác, ai biết? Phật, Bồ Tát biết; [dầu người thế gian] không có ai biết, vẫn có một phần quý thần biết. Vì thế, Phật, Bồ Tát gia trì, quý thần bảo vệ, che chở. Điều thứ nhất là Bồ Thí Ba La Mật.

Thứ hai là Thi Ba La Mật, Thi La (Śīla) là trì giới. Đến khi nào sẽ trì giới viên mãn? Trì giới nhằm độ ác nghiệp, đến khi nào? Chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có một ác niệm, Trì Giới Ba La Mật sẽ viên mãn. Vì thế, chúng ta còn có ác niệm, còn có ác ngôn, còn có ác hạnh, chẳng thể không trì giới, vì sao? Ác niệm, ác hạnh chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị. Chư vị biết: Pháp môn Niệm Phật là “*tâm tịnh, cõi Phật tịnh*”, người nào sẽ có thể vãng sanh? Người tâm địa thanh tịnh có thể vãng sanh. Do vậy, trì giới giúp thanh tịnh. Chúng ta tu “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, mà “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi” chính là chân tâm, là bản tánh, là Tánh Đức của chúng ta. Những thứ ấy đã bị mất đi, nay tìm lại chúng như thế nào? Đức Phật dạy: Trì giới sẽ có thể tìm lại chúng.

Nếu chúng ta hỏi: Chúng ta có cần Tánh Đức hay không? Có muốn “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi” hay không? Nếu quý vị mong

muốn, phải đạt được bằng cách nào? Trì Giới. Chỉ có trì giới là có thể khôi phục, chuyện này quan trọng lắm! Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Trì giới thì khởi đầu từ đâu? [Hãy trì từ] căn bản trong Phật pháp. Căn bản của trì giới là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, trong kinh, đức Phật đã dạy rất hay: Cho đến pháp nhân thiên, thầy đều lấy mười giới ấy làm cơ sở, làm căn bản. Chẳng có mười giới ấy, không chỉ là hết thầy Phật pháp chẳng thể kiến lập, mà pháp nhân thiên cũng chẳng thể kiến lập. Nói cách khác, trong lục đạo, quý vị mong được làm thân người sẽ chẳng được, sẽ ở trong tam đồ của lục đạo, tức là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Trong chỗ bọn họ chẳng có giới, phải hiểu điều này!

Nay chúng ta suy nghĩ, bất luận xuất gia hay tại gia, ai có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo? Đây là vấn đề thứ nhất, là vấn đề thách đố đầu tiên. Quý vị chẳng đủ điểm cho môn học này, toàn bộ [những môn học khác trong cửa Phật] sẽ hỏng hết. Nay chúng ta xem kỹ người khác, rồi lại phản tỉnh xét mình, [sẽ thấy] đúng là chưa làm được! Chưa làm được là do nguyên nhân nào? Trong giới kinh, đức Phật đã nói rất hay, Ngài nói với những kẻ căn tánh trung hạ: “*Học Phật mà nếu trước hết chẳng học Tiểu Thừa, sau đó học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật*”. Tiểu Thừa học những gì? Chính là tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Hiện thời, chúng ta chẳng học Tiểu Thừa. Tiểu Thừa cũng được truyền sang Trung Hoa rất sớm. Đã thế, kinh Tiểu Thừa được phiên dịch khá là đầy đủ. Hiện thời, người Hoa chẳng học Tiểu Thừa, mà là trực tiếp học Đại Thừa, [học theo kiểu ấy] xưa kia thì được, nay thì chẳng được! Vì sao trước kia thì được? Nói thật ra, vào thời Tùy - Đường, có hai tông phái Tiểu Thừa, tức là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Do vậy, có tất cả mười tông. Hiện thời, hai tông Tiểu Thừa ấy chẳng còn nữa. Từ đời Tống trở đi, chẳng còn nữa. Giữa đời Đường, người Trung Hoa chẳng học Tiểu Thừa, vì sao? Bất luận là tại gia hay xuất gia, hễ học Phật thì đã đều học Không, Mạnh, đều học Lão, Trang. Vì thế, họ dùng Không, Mạnh, Lão, Trang thay thế Tiểu Thừa, cách làm ấy chẳng có vấn đề gì! Hiện thời, vì sao không được? Hiện nay, chẳng học Tiểu Thừa, chẳng học Không Mạnh, mà cũng chẳng học Lão Trang. Vì thế, vừa tiếp xúc [Phật pháp], bèn là Đại Thừa. Chẳng đặt vững chân nơi Đại Thừa, chẳng thể nào đứng trên đó được. Nguyên nhân ở chỗ này!

Do vậy, chúng tôi mới bắt đắ dĩ, cực lực đề xướng học Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là Không Mạnh, là căn cội của nền giáo dục truyền thống Trung Hoa, vì văn tự của nó ít, toàn bộ bản văn chỉ có một ngàn lẻ tám mươi chữ, tổng cộng là ba trăm sáu mươi câu, mỗi câu ba chữ, dễ đọc mà cũng dễ nhớ. Thứ này chẳng phải để đọc hoặc nhớ, cũng chẳng phải là để nói, mà là quý vị phải làm được. Quý vị có thể thực hiện từng câu trong ba trăm sáu mươi câu ấy, đấy chính là quý vị trì giới có căn bản. Từ cái căn bản ấy, quý vị có thể tu học Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nói thật thà, giới luật trong Phật pháp là một phần rất lớn, một đại bộ phận, một môn học vấn rất lớn [trong giới luật] chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị sẽ thành Phật, giống như ở đây đã nói là “*viên mãn Lục Ba La Mật của hàng Bồ Tát*”. Viên mãn Lục Ba La Mật của Bồ Tát sẽ

là Đẳng Giác Bồ Tát. Viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ là Phật quả viên mãn rốt ráo, chớ nên coi thường! Vì thế, nói đến trì giới, nhất định là học từ Đệ Tử Quy, học từ Thập Thiện Nghiệp Đạo, từ Sa Di Luật Nghi. Ta không cầu quá nhiều, nhiều mà chẳng làm được thì vẫn là nói suông! Ba thứ ấy đều có thể thực hiện, quý vị chính là thánh nhân, là Bồ Tát trong xã hội hiện thời. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Chẳng làm được ba thứ ấy, sẽ là Bồ Tát giả trá, chẳng thật!

Mở kinh Phật ra xem, [sẽ thấy nói] “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Hạn độ tiêu chuẩn thấp nhất của “*thiện*” là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo đều làm được, quý vị mới là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Kinh Tiểu Thừa thường nói như thế. Trong kinh Đại Thừa, “*thiện*” của thiện nam tử, thiện nữ nhân được nâng cao hơn, nâng lên tới mức nào vậy? Nâng lên tới Lục Ba La Mật, Tứ Vô Lượng Tâm đều thực hiện, đều làm được, quý vị sẽ là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” trong pháp Đại Thừa. Trong pháp Tiểu Thừa, chỉ có Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây là giới kinh trong Tiểu Thừa. Trong pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp, đề là thiện nam tử, thiện nữ nhân trong thế gian, [xét theo hoàn cảnh] tại Trung Hoa thì là Đệ Tử Quy. Luân lý đạo đức Trung Hoa đều lấy Đệ Tử Quy làm cơ sở. Luân lý đạo đức là Đệ Tử Quy mở rộng, chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không nghiêm túc nỗ lực học tập. Học tập Bồ Tát hạnh, tất cả hết thảy tật xấu đều trừ bỏ, tập khí phiền não đều đoạn sạch. Đây là Trì Giới.

Thứ ba là San Đê Ba La Mật. San Đê (Kṣānti) là nhẫn nhục. Trong kinh Kim Cang, đức Phật giảng về Lục Ba La Mật của Bồ Tát, Bồ Thí và Nhẫn Nhục được nhắc tới nhiều nhất! Do vậy, có thể biết: Trong sáu khoa mục, hai khoa mục này là trọng điểm. Bồ Thí có thể tu phước, Nhẫn Nhục có thể gìn giữ. Nếu chẳng có nhẫn nhục, đức Phật nói rất hay: “*Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn chướng môn khai*”. Dầu quý vị tu Bồ Thí nhiều cách mấy, hễ nổi nóng là xong rồi, chẳng có công đức chi hết! Chẳng có công đức, phước đức vẫn còn. Phước đức thì sẽ là phước báo trong đường nhân thiên nơi lục đạo. Kẻ hay nóng giận, chẳng thể nhẫn nại, tu đại phước báo, sẽ đến hưởng thụ ở nơi đâu? Đến hưởng thụ trong A Tu La đạo. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng về A Tu La đạo rất rõ ràng. Trong năm đường, trừ địa ngục đạo chẳng có A Tu La, những đường khác đều có. Có thiên A Tu La, có nhân A Tu La, có súc sanh A Tu La, có quỷ A Tu La, chỉ có địa ngục là không có A Tu La. Do vậy, tùy thuộc phước báo của quý vị. Phước báo to sẽ đến làm A Tu La trong cõi trời, phước báo bậc trung sẽ là A Tu La trong nhân gian, phước báo bậc hạ sẽ là A Tu La trong quỷ đạo hay súc sanh đạo. A Tu La phước báo to lớn, nhưng chẳng có nhân nghĩa, đạo đức, cũng là do tâm sân khuể nặng nề. Phước báo to lớn, hại người khác càng nhiều! Hậu quả là sau khi chết đi, chẳng có ai không đọa địa ngục, rất đáng sợ!

Vì thế, nhẫn nhục trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Chuyện gì cũng đều có thể nhẫn. Chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, nhất là học Phật, đều là thiện hạnh. Thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh, mà còn có rất nhiều kẻ đến gây phiền phức, bảo quý vị là gì? Bảo quý vị là giả dối, chê quý vị có mưu đồ, có mục đích, “nếu người nói người chẳng có, ta không tin!” Từ trong Không thành Có, gán ghép tội danh cho quý vị, quý vị có phải nhẫn hay chẳng? Phải nhẫn! Không chỉ là phải

nhẫn, mà còn phải cảm ơn. Vì sao? Kẻ ấy đến khảo nghiệm quý vị, coi thử công phu nhẫn nhục của quý vị to cỡ nào? Lúc ấy, quý vị sẽ nâng cao cảnh giới của chính mình. Nhẫn nhục thì thuận hay nghịch đều phải nhẫn. Trong thuận cảnh, thiện duyên, quý vị gặp người tốt, hoàn cảnh ấy cũng là hết thảy tốt đẹp, ở trong ấy, phải nhẫn điều gì? Phải nhẫn để chẳng sanh tham luyến. Chớ nên có tham luyến. Trong nghịch cảnh, ác duyên, phải tu nhẫn, chẳng sanh sân khuê. Nói chung, bất luận cảnh giới như thế nào, phải gìn giữ tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng. Đây là công phu nhẫn nhục. Đối đãi bất luận với ai, cũng đều phải khiêm tốn, nhún nhường.

Lần này, tôi tham gia hội nghị hòa bình thế giới tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur). Xứ Mã Lai theo đạo Hồi, đạo Hồi là quốc giáo của họ. Tôi chọn lựa bốn câu trong thánh huấn của đạo Hồi viết ra tặng cho mọi người.

Câu đầu tiên là *“khi các người vui vẻ hoặc phấn hận, trong cuộc sống này, phải nói lời công bằng”*. Vì một người đang lúc vui vẻ hoặc nóng giận, sẽ thường là nói năng thiên vị. Do vậy, quý vị phải giữ cho đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, phải ăn nói công bằng, chớ nên tùy tiện thuận theo lòng yêu hay hận. Quý vị phải giữ lẽ công bằng.

Thứ hai là *“phải giúp đỡ kẻ người đã tuyệt giao”*. Tuy đã tuyệt giao, nhưng khi kẻ đó gặp khó khăn, quý vị phải chìa tay giúp đỡ kẻ đó.

Điều thứ ba *“kẻ khác chẳng phải là bạn tốt của người, dẫu kẻ ấy vô tình tuyệt nghĩa, chẳng phải là người tốt, nhưng nếu khi kẻ ấy gặp khó khăn, người vẫn phải quay lại cứu giúp kẻ đó”*.

Điều thứ tư: *“Đừng trách kẻ đối xử bất nghĩa bất nhân đối với người, chớ nên trách móc hẳn, người phải tha thứ cho hẳn”*.

Giáo huấn của đạo Hồi đấy nhé! Quý vị thấy bốn điều ấy có phải là đều phù hợp Nhẫn Nhục Ba La Mật hay không? Nếu quý vị chẳng thể nhẫn, có thể làm được hay không? Bốn điều này đòi hỏi phải có công phu nhẫn nhục kha khá. Thật sự nhẫn nhục, sẽ tăng cao cảnh giới và linh tánh của chính mình. Do vậy, nhẫn nhục là then chốt để thành hay bại trong tu hành. Bao nhiêu người tu hành chẳng thể thành tựu, do nguyên nhân nào? Chẳng thể nhẫn nại chịu đựng! Đối với thuận cảnh, khởi tham ái; trong nghịch cảnh, khởi sân khuê, thoái chuyển, đọa lạc. Những trường hợp như vậy quá ư là nhiều. Vì thế, nói Nhẫn Nhục là mấu chốt.

Có nhẫn nhục thì mới có tinh tấn. Tỳ Lê Da (Vīrya) là Tinh Tấn Ba La Mật. Tinh (精) là chẳng tạp, thuần chứ không tạp. Tấn (進) là tiến chứ không lùi, chẳng thoái chuyển! Hai chữ này cũng do cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta, chúng ta trong tâm cũng thường ghi nhớ, y giáo phụng hành. *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Quý vị thấy *“thâm nhập một môn”* là Tinh, chẳng tạp; *“huân tu lâu dài”* là tiến bộ, chẳng thoái chuyển. Do vậy, học thứ gì cũng đều chẳng thể đồng thời học nhiều thứ. Học đồng thời nhiều thứ, tham nhiều, cần chẳng nát! Chẳng thọ dụng được! Nhất định là học từng môn một. Đối với cách giáo học truyền thống của Trung Hoa, Tam Tự Kinh đã nêu ra nguyên lý và nguyên tắc: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”* (Đạo dạy học, cốt yếu là chuyên tinh). Thầy dạy trò cốt yếu là chuyên

ròng, học trò học này nọ, đương nhiên đạo học vẫn cũng là “*quý dĩ chuyên*”. Làm sao có thể tạp cho được? Học từng thứ một. Học một thứ chưa tốt đẹp, chẳng thể học một môn thứ hai. Thật sự thông suốt một môn, hết thấy sẽ thông suốt, đều chẳng khó! Chỉ cần vừa tiếp xúc, toàn thể đều có thể hiểu rõ thông đạt. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài, Ngài đắc Căn Bản Trí trong hội của thầy. Căn Bản Trí là đã thông suốt một môn; sau đấy, đi tham học. Tham học sẽ hết sức thuận tiện, chỉ cần vừa tiếp xúc, vừa thấy, vừa nghe, toàn thể đều thông suốt, thứ gì cũng đều thông suốt. Nói thật ra, pháp thế gian và xuất thế gian đều là như vậy. Chỉ sợ quý vị chẳng đạt đến mức tinh thông. Sau khi đã tinh tấn, sẽ tinh thông. Hết tinh thông thì hết thấy đều thông đạt.

Sau khi đã tinh tấn, bèn có Thiền Định. Thiền Định cũng là Phạn Hoa hợp dịch. Thiền (Dhyāna) là tiếng Phạn, Định là tiếng Hoa. Phạn Hoa hợp dịch! Nó có nghĩa là gì? Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã diễn tả hai câu này rõ hơn, nông cạn hơn đôi chút để mọi người liễu giải dễ dàng. Lục Tổ nói: “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm*”. “*Ngoài không chấp tướng là Thiền, trong chẳng động tâm là Định*”. Chúng tôi lại nói cách khác, càng nông cạn, rõ rệt, dễ hiểu hơn cách nói ấy: Ngoài là chẳng bị ảnh hưởng bởi ngoại cảnh, chẳng phải là không tiếp xúc. Đối với cảnh giới bên ngoài, có thể tiếp xúc, mắt có thể thấy, tai có thể nghe, hết thấy đều có thể tiếp xúc, tuy tiếp xúc mà như thế nào? Chẳng bị nó ảnh hưởng, nó chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Đó là Thiền. Nội tâm như như bất động. Đó là Định.

Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần tham học những vị Bồ Tát tu Thiền Định, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, bèn đến chỗ nào để tìm các Ngài? Đến chợ! Nay chúng ta nói là công ty bách hóa, là chỗ náo nhiệt, phồn hoa nhất; người tu Thiền Định, tức bậc Bồ Tát bèn kinh hành, đến thăm nơi ấy. Đến đó ngắm nghĩa, kinh hành, vừa nhìn, vừa nghe, thứ gì cũng đều hiểu rõ, [đấy chính là] trí huệ. Chẳng có gì Ngài không biết; nhưng như như bất động, [đó là] Thiền Định. Vì thế, những thứ ấy chẳng chướng ngại Ngài. Chẳng phải là mỗi ngày khoan chân nhìn vách là tu Thiền Định. Chẳng phải là như vậy, [mà là] chỗ nào cũng đều đến! Do vậy, thật sự có Thiền Định, thật sự có trí huệ, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Xác thực là Ngài trong tất cả hết thấy cảnh duyên, “*cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự, Ngài đều có thể gìn giữ, chẳng bị ảnh hưởng, tâm Ngài là Định. Cũng có nghĩa là trong hết thấy cảnh duyên, Ngài chẳng dấy lên một niệm, tham, sân, si, mạn chẳng dấy lên. Chẳng khởi một niệm nghĩ đến ngũ dục, lục trần, chẳng dấy một niệm nghĩ đến không chế hoặc nghĩ đến chiếm hữu, thấy đều chẳng có! Thấy mà như chẳng thấy, nghe mà như chẳng nghe, cái tâm vĩnh viễn là Định. Nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn chẳng sanh. Đó là Thiền Định chân chánh, là Thiền Định cao cấp, là Thiền Định của hàng Bồ Tát.

Định sanh Huệ, Thiền Định khởi tác dụng là trí huệ Bát Nhã. Điều cuối cùng là Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã (Prajñā) là tiếng Phạn, [từ ngữ này] có thể dịch được, dịch thành Trí Huệ. Vì sao chẳng dịch, mà vẫn dùng chữ Bát Nhã? Do

tôn trọng, cho nên không dịch. Tu học trong Phật môn, mục tiêu chung cực là trí huệ. Dùng phương pháp gì để đạt được trí huệ? Dùng Thiền Định. Do vậy, chư vị phải biết: Trí huệ chẳng phải là học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều [thì cái đạt được] sẽ là thường thức, chẳng phải là trí huệ. Trí huệ sanh từ cái tâm thanh tịnh. Tâm địa càng thanh tịnh, càng có trí huệ. Trí huệ lớn hay nhỏ quyết định tỷ lệ thuận với cái tâm thanh tịnh. Do vậy, tiểu định có tiểu trí huệ, đại định sẽ có đại trí huệ, chúng ta chớ nên không biết điều này. Trí huệ thật sự chẳng phải là học được từ bên ngoài, mà là do tâm thanh tịnh tự nhiên lưu lộ, phải biết điều này. Chỉ có trí huệ chân thật thì mới có thể giải quyết vấn đề. Quý vị hãy ngẫm xem: Vì sao học thuật trong thế gian chẳng thể giải quyết vấn đề? Nó chẳng lưu xuất từ cái tâm thanh tịnh. Nói cách khác, kẻ ấy khởi tâm động niệm vẫn bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Hễ bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu, kẻ ấy chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, dầu thường thức phong phú đến mấy đi nữa, chẳng có cách nào giải quyết những vấn đề xã hội trên thế giới trong hiện thời! Nhất định phải cấy vào trí huệ, phải làm cho cái tâm định, quý vị mới có thể thấy rõ ràng nguồn cội của sự động loạn, [cũng như] thấy rõ ảnh hưởng và quả báo của sự động loạn. Điều này cần đến trí huệ, quý vị mới có phương pháp giải quyết. Vì thế, chuyện này chẳng phải là có thể giải quyết bằng thường thức, cũng như chẳng phải là khoa học kỹ thuật mà hòng giải quyết được! Nhất định là phải nhờ vào trí huệ chân thật.

Trong Phật pháp, Bát Nhã được nói đến quá u là nhiều. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài đã giảng giải chủ đề này suốt hai mươi hai năm. Quý vị thấy trong một đời, Ngài đã giảng năm đại đơn nguyên (unit). Đơn nguyên thứ nhất là Hoa Nghiêm, đơn nguyên thứ hai là A Hàm, đơn nguyên thứ ba là Phương Đẳng, đơn nguyên thứ tư là Bát Nhã, đơn nguyên thứ năm là Pháp Hoa và Niết Bàn. Pháp Hoa giảng tám năm, Bát Nhã hai mươi hai năm, gần như là chiếm mất một nửa trong bốn mươi chín năm! Quý vị mới hiểu Bát Nhã là khoa mục tu học chủ yếu trong Phật pháp, tồn thời gian dài nhất, biết nó chính là tinh hoa của Phật pháp. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giới thiệu đơn giản Lục Ba La Mật tới đây. Vì thường xuyên nói đến Lục Ba La Mật, trong những phần sau, sẽ lại còn phải nhiều lần giảng đi giảng lại. Do vậy, ở đây chỉ nhắc tới là được rồi! Ngày mai, chúng tôi sẽ nói tiếp Tứ Vô Lượng Tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Tập 1486

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem bắt đầu từ đoạn thứ bảy trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc viên mãn Đản Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cập dĩ viên mãn từ bi hỷ xả?

(經)云何得圓滿檀波羅蜜。尸波羅蜜。羸提波羅蜜。毘黎耶波羅蜜。禪那波羅蜜。般若波羅蜜。及以圓滿慈悲喜捨。

(Kinh: Làm thế nào để đắc viên mãn Đản Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cùng với viên mãn từ, bi, hỷ, xả?)

Đoạn này là “mãn Bồ Tát hạnh”, chúng tôi đã giới thiệu Lục Ba La Mật. Hôm nay, chúng tôi tiếp tục bàn về “viên mãn từ, bi, hỷ, xả”. “Từ, bi, hỷ, xả” được gọi là Tứ Vô Lượng Tâm. Trong lời chú giải, Thanh Lương đại sư bảo là “Lục Độ, Tứ Đẳng”. Lục Độ là Lục Ba La Mật trong phần trước, Tứ Đẳng là từ, bi, hỷ, xả. Chúng ta biết, kể từ Dục Giới Thiên đã bắt đầu tu Tứ Vô Lượng Tâm, tu tập Tứ Vô Lượng Tâm. Do vậy, có thể biết: Bốn pháp này cũng là pháp tu hành căn bản trong Phật môn, thường được xếp chung với Lục Độ, [gọi chung là] Lục Độ Tứ Đẳng. Chúng có tình hình giống như Lục Ba La Mật, từ Sơ Phát Tâm Bồ Tát là cấp thấp nhất, giống như học hành trong nhà trường, Tiểu Học là lớp Một, lớp Hai, đến Trung Học cũng có lớp đầu cấp, lớp thứ hai [của bậc Trung Học]. Trong Phật pháp thì trong Bồ Tát đạo có tất cả năm giai đoạn, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, và Thập Địa, hợp thành năm mươi địa vị, mỗi giai đoạn gồm có mười địa vị. Nếu dùng nhà trường hiện thời để tỷ dụ, địa vị Thập Tín là Tiểu Học, Thập Trụ giống như Sơ Trung (cấp hai), Thập Hạnh là Cao Trung (cấp ba), Thập Hồi Hương là Đại Học, Thập Địa là nghiên cứu sinh, có thể dùng chuyện này để tỷ dụ. Năm mươi giai cấp đều tu Lục Độ Tứ Đẳng, đây là khóa trình (curriculum, chương trình học) chủ tu của họ. Do vậy, có thể biết, tuy là [cùng học các môn] bố thí, trì giới, hay là từ, bi, hỷ, xả [giống hệt như nhau], cảnh giới [trong mỗi địa vị] chẳng giống nhau. Sơ học Bồ Tát và Bồ Tát thuộc địa vị sâu chắc chắn chẳng giống nhau!

Ở đây, kinh nói đến “viên mãn Lục Độ, Tứ Đẳng”. Chư vị phải hiểu: Viên mãn Lục Độ Tứ Đẳng là địa vị Đẳng Giác, tức là địa vị Bồ Tát thuộc tầng cấp cao nhất. “Viên mãn” là gì? Chúng ta phải đặc biệt chú trọng hai chữ này. Nhưng học tập thì trong giai đoạn hiện tiền, phải học. Lục Độ Tứ Nhiếp đều phải học, phải học trong hiện thời. Các đồng học học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, quý vị học chẳng giống! Có người học suốt đời, học vài chục năm, có tu Bồ Tát hay không? Có chớ! Có tu Trì Giới hay không? Có luôn, nhưng [luôn luôn là] chẳng

giống! Có chuyện chẳng giống như vậy là do nguyên nhân nào? Nguyên nhân là do căn bản của chúng ta quá kém cỏi, chẳng có cơ sở! Nếu nghĩ về một trăm năm trước trong quá khứ, tức là một thế kỷ trước, đó là vào những năm cuối của nhà Mãn Thanh. Tuy chánh phủ Mãn Thanh hủ bại, nhưng trong dân gian còn có cơ sở luân lý đạo đức, kẻ đọc sách thường là vẫn rất coi trọng sự giáo dục trong gia đình. Thầy dạy học trò, khi ấy, quá nửa là trường tư thực, nhà trường vẫn chưa phổ biến, kế thừa giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, đọc sách đốc chí nơi thánh hiền, chẳng phải [chăm chú] nơi công danh, chẳng phải là [dốc chí] nơi phú quý.

Chư vị nhất định phải hiểu: Công danh, phú quý là mạng. Trong mạng quý vị đã có, sẽ tự nhiên có. Trong mạng chẳng có, không thể cưỡng cầu. Trong ấy, còn dính líu đạo lý nhân quả rất sâu. Gần đây nhất, tôi xem hai kịch bản, một là do bên Đài Loan biên soạn, bản kia được biên soạn tại Bắc Kinh, đều là Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký. Rất khá, đều là sáu tập, nhưng phương thức biên soạn khác nhau, mỗi bên đều có ưu điểm, có thể cùng tiến hành [quay thành phim], chẳng mâu thuẫn, đều biên tập rất khá. Tiên sinh Du Tịnh Ý thiếu niên đặc chí, mười tám tuổi thi Tú Tài đỗ đầu, rất đặc chí. Sau đấy, thi Cử Nhân, thi cả bảy lần đều chẳng đỗ. Đây là xét về mặt công danh. Tú Tài, Cử Nhân, Tiến Sĩ, ba danh xưng ấy tương đương với các học vị Học Sĩ (tốt nghiệp Đại Học, quý vị sẽ giành được học vị này), Cử Nhân [thời cổ] giống như Thạc Sĩ, Tiến Sĩ [thời cổ] giống như Tiến Sĩ [hiện thời]. Những học vị ấy đều là chỗ xuất thân⁴⁸ của quý vị, cần phải có sẵn trong mạng. Trong mạng có thì mới có [công danh được]. Trong mạng chẳng có, sẽ chẳng giành được.

Tiên sinh Du Tịnh Ý thiếu niên đặc chí. Tuy học vấn khá lắm, đọc rất nhiều sách, viết lách văn chương rất khá, nhưng phẩm tánh hơi kém, ham cao, chuộng xa, công cao, ngã mạn, chẳng để ai vào mắt, do vậy bèn như thế nào? Công danh trong mạng bị chiết khấu, đáng lẽ thi đỗ, ông ta bị trượt. Cổ nhân hiểu chuyện này, người hiện thời chẳng hiểu: [Công danh, phước lộc] có mối quan hệ rất lớn với sự tu thiện, làm ác, tích lũy công đức của tổ tiên, cha mẹ trong gia đình và chính bản thân quý vị. Bản thân ông ta chẳng biết đoạn ác, tu thiện, chẳng biết sửa lỗi, đổi mới, oán khí đầy bụng vì thấy mình đi thi chẳng đỗ đạt như người khác. Ông ta quả thật cao minh hơn kẻ khác, thế mà bị trượt chông gọng! Công danh, phú quý đều là phước, [đã bị] giảm phước, lại còn tạo tác đủ mọi chuyện chẳng lành! Ông ta kê ra cũng còn khá, vẫn coi như là có chút thiện căn. Chút thiện căn ấy cũng rất đáng quý, còn có thể hiểu rõ những đạo lý ấy; nhưng vì tập khí quá nặng, ông ta chẳng làm được. Táo Quân đến điểm hóa ông ta, ông ta mới hoàn toàn giác ngộ, biết cả đời [chính mình đã] làm người hết sức khắc bạc, mới hiểu chính mình một thân đầy tội nghiệp. Từ đấy trở đi, sửa lỗi, đổi mới. Ba năm sau, lại đi thi bèn đậu. Về sau, hết thấy đều rất thuận lợi. Do vậy, đoạn ác tu thiện càng thêm siêng gắng. Hiệu quả sửa lỗi đổi mới của ông ta, nói thật ra, vượt xa

⁴⁸ Do phải đỗ đạt thì mới được bổ đi làm quan hay đề cử vào những chức vụ trong các cơ cấu chánh quyền; vì vậy, thưở xưa thường gọi những người đã đỗ đạt là “xuất thân”. Như đỗ tiến sĩ, sẽ gọi là “tiên sĩ xuất thân”.

tiên sinh Liễu Phàm. Ông ta làm ác cũng vượt xa tiên sinh Liễu Phàm. Tiên sinh Liễu Phàm do có gia huấn, nên được lưu truyền rất rộng. Ông Du chẳng ghi lại, nhưng người đồng hương là La tiên sinh đã ghi lại sự tích trong một đời của ông Du. Bài văn ấy cũng chẳng dài, rất đáng cho chúng ta tham khảo.

Vì thế, trong hiện tại, chúng ta phải thực hiện Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm. Chẳng làm tốt là do như tôi vừa mới nói, chúng ta chẳng có Căn. Căn là gì? Trong Giới Kinh, đức Thế Tôn đã bảo: *“Học Phật mà nếu không học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật”*. Điều này do đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật dạy. Học điều gì cũng phải có thứ tự, phải có trình tự, bắt đầu học từ chỗ nào? Từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn, đây là đạo lý nhất định. Quý vị chẳng tuân thủ học theo thứ tự, nhảy cấp, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị. Quý vị chẳng phải là học trò của đức Phật.

Phật giáo [truyền vào Trung Hoa] từ năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, khi ấy, hoàng đế sai đặc sứ qua Tây Vực cầu Phật pháp. Vì thế, Phật pháp tại Trung Hoa là do triều đình thỉnh đến. Hai vị pháp sư là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đã đem tượng Phật và kinh sách đến Trung Hoa. Phiên dịch thuở ban đầu, xác thực là dịch kinh Tiểu Thừa rất nhiều, rất hoàn thiện. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh có những kinh thuộc về A Hàm Bộ, tức là Tứ A Hàm, đều thuộc loại kinh Tiểu Thừa. Đối chiếu với những kinh điển bằng tiếng Ba Lợi (Pāli) tại Nam Dương, Miến Điện, Thái Lan, [tạng A Hàm trong tiếng Hán] hoàn toàn chẳng thua kém họ. Hơn ba ngàn bộ kinh điển [trong Đại Tạng Kinh tiếng Hán] là kinh điển Tiểu Thừa, kinh điển bằng tiếng Ba Lợi chỉ nhiều hơn khoảng năm mươi mấy bộ. Quý vị nghĩ xem, những kinh ấy đã được phiên dịch khá hoàn chỉnh!

Vào đầu thời Đường, tức là vào thời Tùy - Đường, có hai tông phái Tiểu Thừa, tức là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, Đại Thừa có tám tông phái. Phật giáo thuở ấy đúng là thuộc về thời đại hoàng kim, thành lập mười tông phái. Đại Thừa tám tông, Tiểu Thừa hai tông, đều là trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa. Nhưng từ giữa đời Đường trở về sau, người học Phật tại Trung Hoa, bất luận là tại gia hay xuất gia đều chẳng học Tiểu Thừa, do nguyên nhân nào? Trung Hoa có Nho gia, có Đạo gia, chính là Khổng Mạnh, Lão Trang. Dầu sao, văn hóa bản địa của Trung Hoa chẳng kém Tiểu Thừa; vì thế, người Hoa dùng Khổng Mạnh, Lão Trang làm cơ sở để trực tiếp tiến nhập Đại Thừa. Trong gần hai ngàn năm, trải qua nhiều thế hệ, người thành tựu rất ư là nhiều, bất luận là tại gia hay xuất gia, mọi người có thể thấy chuyện này. Hiện thời, phiền phức rồi! Hiện thời, cách giáo học theo văn hóa truyền thống kể từ sau khi nhà Mãn Thanh mất ngôi cho đến thời kỳ Dân Quốc, đại khái là trong vòng hai mươi năm còn được, còn có một chút tàn dư, lứa tuổi tôi được tiếp nhận. Những người nhỏ hơn tôi bốn, năm tuổi sẽ không biết. Vì thế, bị gián đoạn tối thiểu là tám mươi năm, bị gián đoạn ba thế hệ. Người hiện thời đừng nói là trông thấy, mà còn chưa hề nghe tới! Chẳng có ai nói những chuyện này. Do vậy, trực tiếp tiến nhập Đại Thừa, học kiểu nào, học suốt vài chục năm, học cả một đời, vẫn học chẳng giống! Do vậy,

chúng tôi mới tỉnh ngộ thật sâu, nghĩ lại mấy câu nói mang tánh chất trọng yếu ấy của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta đã nhảy cấp rồi!

Vì thế, trong những năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là tổng hợp hoàn thiện của gia giáo Trung Hoa. Chư vị phải hiểu, điểm đặc sắc trong giáo dục Trung Hoa là giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình là căn cội của giáo dục truyền thống. Vì thế, Đệ Tử Quy chẳng phải là để dạy nhi đồng, mà nhằm dạy ai? Dạy cha mẹ, cha mẹ phải làm được, làm cho con cái thấy. Khi nào sẽ dạy con? Trẻ nhỏ sinh ra hai, ba, bốn ngày, liền bắt đầu dạy con. Quý vị thấy nó mở mắt, có thể nhìn, có thể nghe, tuy nó chẳng nói chuyện, chuyện gì cũng chẳng hiểu, nhưng cha, mẹ, người lớn trong nhà nói năng, xử sự trước mặt đứa trẻ đều là Đệ Tử Quy để cho nó xem, để cho nó nghe, thân giáo đấy! Những gì trái nghịch Đệ Tử Quy, phản diện, bất thiện, quyết định chẳng để cho trẻ thơ trông thấy, nghe thấy, khiến cho những gì nó được tiếp nhận toàn là luân lý đạo đức thuần chánh. Thuần chánh đấy nhé! Tới lúc ba tuổi, nó đã học ba năm, đấy là như cổ nhân đã nói: *“Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”* (Từ nhỏ đã trở thành bẩm tánh, do thói quen trở thành tự nhiên). Từ lúc còn ẵm ngửa đã được bồi dưỡng, chỉ dạy. Được chỉ dạy cho đến lúc ba tuổi, nó đã có thể phân biệt đâu là chánh, đâu là tà, đâu là đúng, đâu là sai. Nó có năng lực ấy.

Ngạn ngữ Trung Hoa có một câu như thế này: *“Tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân”* (Nhìn vào tính cách của một người từ lúc ba tuổi, sẽ biết tính cách của người ấy lúc đã tám mươi. Từ lúc bảy tuổi, đã thấy được nhân cách suốt đời). Nhìn theo cách nào? Tức là nhìn vào lúc ba tuổi, nó đã học được những gì. Cha mẹ như vậy mới gọi là thật sự yêu thương con cái, vun bồi căn cội cho nó. Sau khi căn cội ấy đã được vun quén, trong bốn nền văn minh lớn vào thời cổ trên toàn thế giới, ba nền văn minh kia đã chẳng còn, Trung Hoa còn tồn tại là do nguyên nhân nào? Chính là do cách giáo dục này. Do vậy, giáo dục trong nhà trường (trước kia là tư thực) chính là tiếp nối của giáo dục gia đình. Giáo dục xã hội là mở rộng của giáo dục gia đình. Giáo dục tôn giáo là giáo dục gia đình được viên mãn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Bốn nền giáo dục là một Thể, mà gia giáo là căn bản. Chúng ta cũng có thể nói: Đối với căn cội của giáo dục truyền thống, Nho gia đã kế thừa truyền thống. Căn cội của nó là Đệ Tử Quy, ngũ luân, bát đức. Chúng ta dùng thứ này làm cơ sở để tu học Đại Thừa, sẽ chẳng có vấn đề gì. Xác thực là nói theo phía người Hoa, thuận tiện hơn học Tiểu Thừa. Vì thế, đấy là nguyên do vì sao chúng tôi phải đề xướng điều này. Trong pháp Đại Thừa, nay chúng ta nói là Phật pháp, căn bản của pháp Đại Thừa là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng tôi đã giảng kinh ấy rất tỉ mỉ, rất rõ ràng. Bản thân kinh điển là do chính đức Thế Tôn nói ra. Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, cơ sở của nhân thiên đều là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do vậy, Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản giáo dục của đức Phật.

Sau khi Tịnh Tông được thành lập, xét về hạnh môn, tức là trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, ắt đều phải tuân thủ giới điều. Chúng ta nương theo Tịnh nghiệp tam phước, nương theo Lục Hòa Kính, nương theo Tam Học Giới, Định, Huệ, nương theo Lục Ba La Mật, nương theo mười

nguyện Phổ Hiền, chúng tôi chọn lựa năm khoa mục ấy. Không nhiều lắm, quá nhiều cũng chẳng nhớ được, mà quý vị cũng chẳng làm được. Chúng tôi chỉ chọn năm khoa mục ấy. Trong năm khoa mục ấy, Tịnh nghiệp tam phước hết sức trọng yếu, đây chính là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong sự tu hành. Điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là *“hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp”*. Quý vị hãy ngắm xem, dùng điều nào trong ấy để thực hiện? Chính là dùng Đệ Tử Quy và Thập Thiện Nghiệp Đạo để thực hiện điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước. Có cơ sở như vậy, quý vị mới có thể học Phật. Quý vị thấy điều thứ hai trong Tịnh nghiệp tam phước: *“Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, quý vị mới có thể nhập Phật môn. Điều kiện để nhập Phật môn là phải thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị chẳng đổ công dốc sức từ chỗ này để nhập môn, sẽ chẳng vào được cửa Đại Thừa! Quý vị tu học Lục Ba La Mật, chỉ có thể học da lông của nó, nhất định là chẳng đạt được lợi ích chân thật!

Ví như nay chúng ta nói đến “từ tâm, từ bi”. Nói theo kiểu hiện thời, Từ và Bi là “tâm thương yêu”. Trong tâm thương yêu, có hai ý nghĩa: Từ là ban vui, Bi là dẹp khổ. Chúng sanh có khổ nạn, quý vị giúp họ lìa khổ nạn, đây là bi tâm. Chúng sanh chẳng có lạc, quý vị có thể giúp họ được sung sướng, đây là Từ. Do vậy, Từ và Bi có một chút sai khác như vậy. Nhưng từ bi viên mãn là gì? Từ bi viên mãn là khiến cho hết thảy chúng sanh lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo, đây mới là viên mãn. Nỗi khổ rất ráo của chúng sanh là gì? Nỗi khổ luân hồi. Quý vị phải giúp chúng sanh thoát ly lục đạo luân hồi. Mười pháp giới là khổ, quý vị giúp họ thoát ly mười pháp giới. Vui sướng nhất là gì? Niềm vui trong thế giới Cực Lạc, niềm vui trong thế giới Hoa Tạng, niềm vui trong Nhất Chân pháp giới. Quý vị làm thế nào để giúp họ trở về Nhất Chân pháp giới, đây gọi là từ bi viên mãn. Ai làm được? Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn hay nhất.

Người trong thế gian mê mất tự tánh, mê mất chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đã mê mất! Tuy họ truy cầu sự mỹ mãn; thật ra, sự mỹ mãn của họ là sai lầm. Nhìn bề ngoài thì rất mỹ mãn, bên trong là khổ khôn kể xiết! Họ không biết, chỉ thấy vẻ bề ngoài! Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, người thế gian mong cầu địa vị, quyền lực, mọi người tranh giành điều này. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là vương tử. Nếu Ngài không xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua từ cha, là vua một nước. Cổ nhân nói: *“Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải”* (Sang quý như thiên tử, của cải đầy khắp bốn biển). Ngài chẳng cần đến, vứt bỏ. Ngài vứt bỏ cái mà người thế gian vất óc tranh giành, mong mỏi, có nghĩa là gì? Chỉ rõ *“thiên tử sang quý, của cải nhiều như bốn biển”* chẳng phải là viên mãn! Ngài truy cầu sự viên mãn, muốn thị hiện viên mãn, biểu diễn viên mãn. Ngài biết: Muốn giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui, dầu quyền thế cao tới đâu đi nữa, địa vị cao cách mấy, cũng đều chẳng làm được! Hiện thời, chúng ta nói chẳng thể thực hiện bằng chánh trị, mà quân sự cũng chẳng làm được! Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật trẻ tuổi, võ nghệ cao cường. Vào thời ấy, Ngài có thể làm nguyên soái, hoặc làm tướng quân, nhưng Ngài chẳng làm! Nhìn vào

xã hội hiện thời, [sẽ thấy] những thứ như khoa học kỹ thuật, công nghiệp, thương nghiệp đều chẳng làm được, mà cũng chẳng thể giải quyết vấn đề viên mãn!

Người phương Tây phát triển theo phương hướng ấy, phát triển cho tới hiện thời, cuộc sống vật chất dường như rất sung túc, thịnh vượng, nhưng quý vị phải hiểu: Hiện thời, trên thế giới, những nạn nhân khổ sở chẳng có ăn, chẳng có mặc, chẳng có nhà để ở, có đến bao nhiêu? Tuy chúng ta sống cuộc đời vật chất văn minh hiện đại, phải biết đã trả cái giá lớn cỡ nào? Quý vị hãy tính toán cẩn thận xem cái được có bù đắp nổi cái mất hay không? Chúng ta trả một cái giá to lớn là vứt bỏ toàn thể luân lý đạo đức, vứt bỏ đạo lý nhân quả, đối với người phương Tây thì là vứt bỏ giáo dục tín ngưỡng tôn giáo, xã hội sẽ biến thành xã hội gì? Biến thành thuần túy ích kỷ, ai nấy khởi tâm động niệm toàn là tôn người, lợi mình, đáng kinh hãi quá! Do vậy, xã hội hiện thời loạn đến mức như thế đó! Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rành mạch, rõ ràng; do vậy, Ngài chọn lựa, nếu nói theo cách hiện thời, sẽ là “*giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên*”, Ngài làm chuyện này. Lại còn tiến hành công tác giáo học, vì sao chúng tôi nói Ngài là “văn hóa đa nguyên”? Ngài và Khổng Tử giống nhau, học trò chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, chẳng phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; chỉ cần quý vị chịu đến học, Ngài sẽ nhiệt tâm dạy dỗ. Đây là đa nguyên.

Ngài không chỉ có ngôn giáo, mà điều quan trọng nhất là thân giáo, buông xuống toàn bộ những điều người thế gian mong cầu, hướng đến, để sống cuộc đời của một vị tăng khổ hạnh. Đối với cuộc sống ấy, [ắt sẽ có kẻ bất bẻ]: “Quý vị nói giúp người khác lìa khổ được vui, có sao Ngài sống khổ sở như vậy?” Đúng vậy, kẻ bình phàm thấy Ngài khổ. Thật ra, Ngài có khổ hay không? Ngài chẳng khổ tí nào! Vì sao chúng ta biết? Người Hoa đã có một tấm gương tốt là Nhan Hồi. Cuộc sống của Nhan Hồi đúng là cuộc sống của một vị tăng khổ hạnh, ăn cơm bằng giỏ, uống nước bằng bầu, sống trong xóm nghèo hèn. Thầy của ông ta là Khổng lão phu tử đã ca ngợi: Cuộc sống như vậy, đối với kẻ bình phàm sẽ cảm thấy “*bất kham kỳ ưu*” (chẳng thể chịu nổi nỗi lo buồn ấy), nhưng Nhan Hồi “*bất cái kỳ lạc*” (chẳng thay đổi niềm vui). Niềm vui của Nhan Hồi là gì? Niềm vui của Nhan Hồi chính là niềm vui của Khổng Tử, là niềm vui hướng dẫn một đám học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, sung sướng khôn sánh! Quý vị thấy cuộc sống của tăng đoàn thuở ấy là nghỉ đêm dưới gốc cây, giữa trưa ăn một bữa, đi khát thực từng nhà, tự hành, hóa tha, nhằm bảo cho quý vị biết: Con người sống trên đời, sự hưởng thụ cao nhất là thân và tâm đều chẳng có áp lực. Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “chẳng có stress, chẳng có gánh nặng”, thân tâm giải thoát, tập khí phiền não quét sạch sành sanh. Tam Học Giới, Định, Huệ mỗi ngày một tăng trưởng, lẽ đâu Ngài chẳng vui sướng?

Thiền Định nâng cao, khẳng định là sẽ đột phá các chiều không gian, phạm vi của cuộc sống rộng lớn. Nay chúng ta chẳng có cách nào vượt khỏi giới hạn của các chiều không gian, nhưng Ngài có thể. Các khoa học gia hiện thời đã chứng tỏ thật sự có các chiều không gian và thời gian, nhưng chúng được sanh ra như thế nào? Họ không biết. Có thể đột phá bằng cách nào? Họ cũng không biết! Nhưng trong Phật pháp, trong tôn giáo thời cổ, tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ đều

tu Thiền Định, Thiền Định có thể đột phá. Do công phu định lực, Bà La Môn ở Ấn Độ có thể đột phá các chiều không gian của lục đạo. Trong Thiền Định, họ có thể đến A Tỳ địa ngục, trông thấy A Tỳ địa ngục, có thể thấy Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên. Do vậy, chuyện luân hồi trong lục đạo chẳng phải là do đức Phật dạy, quý vị phải biết điều này, mà do ai nói? Bà La Môn giáo nói. Từ trong Thiền Định, họ trông thấy, nhà Phật gọi điều đó là “*cảnh giới Hiện Lượng*”. Chẳng phải là do họ suy đoán, chẳng phải là huyễn giác của họ, mà là từ trong Thiền Định, họ đã đột phá kích thước không gian, thật sự tiếp xúc. Trong Thiền Định, chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai. Chẳng có không gian, sẽ chẳng có xa gần. Vì thế, phá vỡ kích thước không gian, phá vỡ thời gian và không gian. Tuy trông thấy chân tướng sự thật ấy, họ cũng chẳng hiểu rốt ráo là chuyện như thế nào. Họ biết tình huống trong lục đạo, nhưng lục đạo do đâu mà có thì không biết. Trong lục đạo có khổ, có lạc, khổ nhiều, lạc ít. Làm thế nào để có thể lìa khổ được vui? Họ cũng chẳng tìm ra phương cách!

Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ, so với Bà La Môn giáo, nói theo cách nói của Bà La Môn giáo, họ sớm hơn Thích Ca Mâu Ni Phật một vạn năm. Nhưng trong hiện tại, các học giả trên thế giới đã khẳng định lịch sử của Bà La Môn giáo, tức là xét theo lịch sử của Ấn Độ giáo hiện thời, khẳng định là đã có từ tám ngàn năm trăm năm. Tám ngàn năm trăm năm, so với Phật giáo vẫn lâu hơn rất nhiều. Hiện thời, thế giới thừa nhận Phật giáo chỉ tồn tại hơn hai ngàn năm trăm năm. Do vậy, dựa theo cách nói ấy của người phương Tây, Bà La Môn giáo phải sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, mới nói rõ ràng, minh bạch chuyện này: “*Vì sao có lục đạo? Làm thế nào để vượt thoát lục đạo?*” Không chỉ là có lục đạo, ngoài lục đạo còn có tứ thánh pháp giới, Bà La Môn chẳng phát hiện điều này. Thanh Văn pháp giới, Duyên Giác pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Phật pháp giới, hợp [với lục đạo] thành mười pháp giới. Họ (Bà La Môn) chẳng thể đột phá cái ải ấy, điều đó cần phải có công phu định lực sâu hơn, họ chẳng có cách nào!

Vì thế, từ, bi, hỷ, xả nói đến viên mãn, sẽ là giúp chúng sanh lìa lục đạo, lìa mười pháp giới, đây là đại từ đại bi, trở về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới vốn sẵn có trong tự tánh của hết thảy chúng sanh, chúng ta phải biết điều này! Trong phần sau của kinh Hoa Nghiêm, nơi phẩm [Như Lai] Xuất Hiện, có nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Tôi đọc kinh Cổ Lan (Qur’an) của Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), thấy có một đoạn kinh văn, Allāh nói: “*Vạn vật đều là do ta dựa trên tiền định để sáng tạo ra*”. Các tôn giáo khác gọi Allāh là Thượng Đế. Allāh tạo ra con người, ban cho con người linh hồn, dựa vào đâu để cho người này phú quý, kẻ kia bần tiện? Có phải là Allāh chẳng công bằng? Đoạn kinh văn ấy đã nêu ra câu trả lời. Allāh chẳng có ý kiến [riêng tư], Ngài công bằng, dựa trên tiền định. Phật pháp đã giảng về “*tiền định*” rất rõ ràng: Trong đời quá khứ, quý vị làm lành, đời này được phước báo. Trong đời quá khứ, quý vị tạo tội nghiệp, đời này đáng phải chịu khổ. Rốt cuộc là hưởng phước hay chịu khổ? Chính là do quý vị đã tạo ra cái nhân! Đó là tiền định, điều

này rất công bằng! Vì thế, trong cuộc đời của bất cứ ai, bất luận đời sống như thế nào, chẳng thể oán trời hờn người! Nói chung một câu, đều là tự làm tự chịu. Thượng Đế dựa vào tiền định để ban tặng cát, hung, họa, phước cho quý vị.

Nhưng đối với tiền định, nếu chúng ta nói sâu hơn một tầng, nói đến sự tiền định nguyên thủy, đây là tiền định chân chánh, Phật pháp đã nói rất rõ ràng: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đây là tiền định. Sự tiền định ấy là bình đẳng. “*Tiền định*” là hết thảy chúng sanh trong vũ trụ bình đẳng, không hai, không khác. Vì sao bất bình đẳng? Quý vị mê mất tự tánh. Do đã mê mất tự tánh, nên mới sanh khởi phiền não, sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, càng mê càng sâu hơn! Cuộc sống của quý vị vốn là Nhất Chân pháp giới, là trong thế giới Cực Lạc. Vì vậy, nơi ấy là gia hương (quê nhà), cố hương, quý vị vốn thuộc về nơi ấy. Sau khi đã mê, mới biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Đây là gì? Do ác nghiệp biến ra. Thiện hay ác đều chẳng phải là bản tánh; trong bản tánh, chẳng có thiện hay ác. Nay đức Phật dạy: Do thiện nghiệp sanh trong ba thiện đạo, do ác nghiệp sẽ đọa vào ba ác đạo, đây đều là tiền định. Tiền định là do chính mình định, chẳng phải do Phật, Bồ Tát định, chẳng phải do Thượng Đế định, cũng chẳng phải là do Diêm La Vương định, quý vị chẳng thể trách móc bất cứ ai!

Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, ban cho chúng ta một sự khai thị rất lớn. Nếu ta quan sát cẩn thận đôi chút, sẽ thấy bậc thánh hiền xưa nay, trong ngoài nước, những vị sáng lập tôn giáo thật sự lỗi lạc, đều là thánh nhân. Cuộc đời của họ giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật là người thực hiện lâu nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi giác ngộ, sau khi đã giác ngộ, sau khi đã minh bạch, Ngài liền theo đuổi công tác giáo học, bảy mươi chín tuổi qua đời. Do vậy, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Sau khi đã hiểu rõ, Ngài chọn lựa hạnh nghiệp này, hạnh nghiệp này chính là giáo dục xã hội. Tôi nhìn lại tất cả các tôn giáo, [nhận thấy] toàn là giáo dục xã hội. Quý vị chỉ thấy những thứ nguyên thủy chẳng có mê tín. Mê tín là do bản thân chúng ta mê, người khác chẳng mê, kinh điển không mê, những bậc thánh hiền ấy không mê, do chúng ta chấp mê, chẳng ngộ. Các vị ấy thật sự đạt được giải thoát, chúng ta vĩnh viễn khốn đốn, mê hoặc trong lục đạo tam đồ. Các Ngài thấy chúng ta rất rõ ràng, chúng ta chẳng thấy rõ ràng cho lắm.

Do vì như vậy, quý vị mới có thể thấu hiểu “viên mãn” là gì? Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã vì chúng ta thị hiện, từ, bi, hỷ, xả viên mãn. Hỷ (喜) là pháp hỷ, vui sướng. Chữ Hỷ ấy chính là câu đầu tiên trong Luận Ngữ đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư?), thật sự vui sướng! Người đọc sách thuở trước gọi sự vui sướng ấy là “*Khổng Nhan chi lạc*”, tức là niềm vui sướng của Khổng phu tử, Nhan Hôi, người thế gian chúng ta chẳng nhìn ra. Đây là niềm vui của bậc thánh nhân. Khi tôi giảng kinh, cũng thấu lộ một chút tin tức, đó là chân lạc. Chân lạc do đâu mà có? Chân lạc xuất phát từ chữ cuối cùng, tức Xả. Quý vị phải buông xuống. Quý vị không thể buông xuống, sẽ chẳng đạt được lạc. Quý vị buông xuống càng

nhiều, càng vui sướng; đến khi thành Phật, sẽ bỏ sạch sành sanh. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa bỏ sạch. Vì sao? Các Ngài còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, “*chưa phá*” là chẳng buông xuống. Buông xuống một phẩm sanh tướng vô minh ấy, bỏ sạch, mới có thể chứng viên mãn rốt ráo.

Do vậy, kẻ mới học Phật giáo thì trước hết là học xả những gì? Xả vật ngoài thân. Xả là bố thí, bố thí là xả. Kẻ sơ học xả những thứ thiết yếu quá thừa thãi trong cuộc sống, hết thấy những thứ cần thiết cho cuộc sống của ta thấy đều vừa đủ. Hễ ta còn có dư thừa thì phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn. Họ chẳng có, họ thiếu thốn, ta có thừa thừa những thứ để ăn uống, họ chẳng có, ta có thể chiếu cố những người bần khổ ấy. Bắt đầu từ chỗ này, quý vị hãy chủ động quan sát, nơi nào cần, sẽ ngay lập tức đưa đến. Ta có tiền dư, tiền chi dụng cho cuộc sống của chính mình đã có, tiền còn dư, thừa thãi, hãy đem giúp đỡ những người cần đến trong nhu cầu sinh hoạt ăn, mặc, ở, đi lại của họ. Trước hết, hãy thực hiện từ chỗ này. Trong kinh giáo Đại, Tiểu Thừa, đức Phật đã dạy rất nhiều, [do Tài Bố Thí], quý vị nhất định sẽ đạt được của cải. Của cải trong mạng của quý vị do đâu mà có? Trong đời quá khứ, ưa thích tu Tài Bố Thí, thích dùng tài vật giúp đỡ người khác, đời này quý vị sẽ có nhiều của cải. [Trong đời quá khứ], ưa thích chỉ dạy người khác, đời này quý vị được thông minh, trí huệ. Quý vị có bi tâm giúp người khác giải quyết khốn khổ, [đời này] quyết định được khỏe mạnh, sống lâu.

Của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, có ai chẳng cầu? Điều này đúng là chẳng phân biệt tôn giáo, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt quốc gia. Chúng tôi đã hỏi han ở khá nhiều nơi mà tôi đã đến trên thế giới, [đều thấy] chẳng có ai không cần ba thứ ấy, ai nấy đều cần! Dùng phương pháp gì để đạt được? Đức Phật nói ba thứ bố thí, Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí, càng thí càng nhiều, nhiều thì như thế nào? Càng nhiều càng thí, ba thứ ấy sẽ tăng trưởng mỗi năm, chẳng có chùng hạn! Quý vị không chịu xả, do không chịu xả, sẽ chẳng có, những gì đạt được sẽ là hữu hạn. Quý vị có thể thường xả, thường thí, càng thí càng nhiều, cũng là pháp hỷ sung mãn. Vì thế, đạt đến cảnh giới Bồ Tát, đạt đến cảnh giới Như Lai, các Ngài bố thí, giáo học trọn khắp pháp giới, hư không giới, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng niềm hoan hỷ ấy, mà cũng chẳng có cách nào hình dung. Đúng là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”.

Trong thí xả, điều quan trọng nhất là Pháp Bố Thí, chư vị xem đọc đôi chút kinh điển Đại Thừa, sẽ đều thấy [điều ấy]. Người đọc kinh Kim Cang rất nhiều. Quý vị thấy trong kinh ấy, đức Phật đã nói “*bố thí bảy báu [đầy ấp trong] đại thiên thế giới*”; đó là nói về Tài Bố Thí, người nào có của cải to lớn như vậy? Dầu bố thí bảy báu đầy ấp trong đại thiên thế giới, công đức vẫn chẳng bằng người vì kẻ khác nói bốn câu kệ! Đây là nói rõ công đức của Tài Bố Thí chẳng thể sánh bằng Pháp Bố Thí. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thị hiện, đều coi Pháp Bố Thí là phương tiện chánh yếu để giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh, không chỉ là ngôn giáo, [mà còn dùng] thân giáo, [tức là] lấy thân làm gương. Tâm là Phật tâm, lời lẽ là Phật ngôn, Phật ngôn là giáo, hạnh là Phật hạnh, Phật hạnh là giới luật. Vì thế, Đệ Tử Quy và Thập Thiện Nghiệp Đạo là hành trì cơ bản của hết thấy chư Phật Như Lai. Quý vị có thể làm được, tức là quý vị sẽ có

căn cơ của Phật, Bồ Tát, quý vị lại học theo Phật, Bồ Tát chẳng khó. Quý vị chẳng có căn cơ ấy, sẽ khó khăn lắm. A! Hiện thời đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp đoạn thứ tám trong phần trường hàng, chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc xứ phi xứ trí lực, quá vị hiện tại nghiệp báo trí lực, căn thẳng liệt trí lực, chủng chủng giới trí lực, chủng chủng giải trí lực, nhất thiết chí xứ đạo trí lực, Thiên giải thoát tam-muội nhiễm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực, vô chướng ngại thiên nhân trí lực, đoạn chư Tập trí lực?

(經)云何得處非處智力。過未現在業報智力。根勝劣智力。種種界智力。種種解智力。一切至處道智力。禪解脫三昧染淨智力。宿住念智力。無障礙天眼智力。斷諸習智力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc trí lực biết sự vật hợp lý hay phi lý, trí lực biết nghiệp báo trong quá khứ, vị lai, hiện tại, trí lực biết căn cơ thù thắng hay kém cỏi, trí lực biết các thứ cảnh giới, trí lực thấu hiểu các thứ tri giải, trí lực biết hết thấy chúng sanh sẽ sanh vào đường nào, trí lực biết Thiên giải thoát tam-muội nhiễm hay tịnh, trí lực biết túc mạng an trụ Niết Bàn, trí lực thiên nhân chẳng bị chướng ngại, trí lực đoạn dứt các Tập?)

Thanh Lương đại sư chú giải đoạn này như sau:

(Sớ) Cụ túc thập lực, tịnh kiến thượng văn.

(疏)具足十力，並見上文。

(Sớ: Đầy đủ mười lực, xem giải thích trong những phần trước).

Trong phần trước đã nói mấy lượt rồi, nhưng các đồng học có người là “tân lai” (mới tới lần đầu) nghe kinh này, gặp đoạn kinh văn này thì ít nhiều gì chúng tôi cũng phải giới thiệu đại lược. Mười loại này đều được gọi là “trí lực”; do vậy, có thể biết: Đây là đức dụng của trí huệ. Tác dụng của trí huệ chắc chắn không chỉ là mười loại này. Vì thế, chúng ta biết trí huệ hiện tiền, thường nói là “đại dụng vô phương” (có tác dụng to lớn không ngần mé). [Ở đây, kinh Hoa Nghiêm] đã quy nạp chúng thành mười loại lớn. Mười loại lớn ấy nếu triển khai sẽ là vô lượng vô biên. Đây chính là trí dụng tự tại của Phật, Bồ Tát.

Loại thứ nhất là “xứ phi xứ trí lực”. Thông thường, chữ Xứ (處) được giải thích là “đạo”, hoặc là Lý. [“Xứ phi xứ”] là biết sự vật hợp lý hay phi lý. Chẳng hạn như: Do thiện hạnh, thiện nhân, quyết định đắc thiện quả. Đây là Xứ, tức là hoàn toàn hợp lý. Nếu nói do thiện tâm, thiện hạnh, chẳng đạt được thiện quả. Đây là “phi xứ”. “Phi xứ” là chẳng có đạo lý ấy. Ý niệm ác, hành vi ác, nhất định mắc khổ báo, đó là Xứ. Tuyệt đối chẳng thể nào nói: Do ý niệm ác, do hành

vi ác, mà có thể đạt được quả báo tốt lành, chẳng có lẽ ấy! Đây là trí huệ chân thật, thấy rõ ràng, rành rẽ.

Phàm phu có cách nhìn khác hẳn. Trong xã hội này, xác thực là chúng ta thấy có những kẻ không điều ác nào chẳng làm mà được đại phú, đại quý. Có những người thật sự là người tốt, hành thiện, tích đức, [thế mà] nghèo khổ, khôn quần khó thể chịu nổi. Đây là chuyện như thế nào? Điều này dường như hoàn toàn mâu thuẫn với điều đầu tiên trong mười lục. Chúng ta chỉ thấy trước mắt, chẳng thấy quá khứ, mà cũng chẳng có thấy vị lai, đây là gì? Chúng ta chẳng có trí huệ! Nếu có trí huệ, quý vị sẽ có cách nhìn khác hẳn. Quý vị thấy quá khứ và cũng thấy vị lai của kẻ đó, nhân quả thông ba đời, quý vị mới thật sự trông thấy chân tướng sự thật.

Đời này, kẻ đó làm ác mà vẫn hưởng thụ phú quý, “*phú*” (富) là kẻ ấy có của cải, “*quý*” (貴) là kẻ ấy có địa vị. Kẻ ấy làm quan to, có lắm của cải, đây là chuyện như thế nào? Trong đời quá khứ, kẻ đó đã tu tập, tích lũy nhiều, đời này bị mê muội, mê mất tự tánh, đã bị hoàn cảnh, tức là hoàn cảnh nhân sự và vật chất ảnh hưởng, đặc biệt chịu ảnh hưởng không tốt đẹp, thường ở cùng một chỗ với kẻ bất thiện. Do vậy, lây nhiễm những tập khí phiền não, làm ra khá nhiều [chuyện bất hảo]. Chúng ta nói nghiêm trọng hơn một tí, sẽ là những chuyện thương thiên hại lý, tổn người, lợi mình, mà vẫn làm quan to, vẫn giàu sụ, là do nguyên nhân nào? Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã tu tập, tích lũy quá nhiều. Phật, Bồ Tát trông thấy, vì kẻ đó đời này tâm hạnh chẳng lành, phước báo [đã tu tập] trong đời quá khứ bị chiết giảm, nhưng chính kẻ đó hoàn toàn chẳng biết! Ví như trong mạng kẻ đó, quan tước (tước vị) có thể làm đến Tể Tướng; đời này, kẻ ấy chỉ làm đến Bộ Trưởng, đã bị hao hụt, khấu trừ rồi! Trong mạng, ví dụ như của cải có đến một trăm ức, hiện thời kẻ đó chỉ có hai, ba chục ức, đã bị khấu trừ, chiết giảm! Nhưng bọn phàm phu chúng ta nhìn vào [chuyện trước mắt], không biết [những chuyện vừa nói trên đây, chỉ thấy] khi làm ác, còn có địa vị cao như thế, còn hưởng phước báo to như thế, chẳng biết kẻ ấy đã bị khấu trừ trên một mức độ to lớn. Nếu trong mạng chẳng có đại phú, đại quý như thế; kẻ đó đã sớm bị đọa lạc, chìm đắm, chẳng có ai biết đạo lý này!

Có người tu thiện tích đức, đời này cuộc sống bần cùng, là do nguyên nhân nào? Trong đời quá khứ chẳng tu, trong mạng chẳng có phú quý, vận mạng nghèo túng, hèn kém, áo cơm thiếu thốn. Đời này, may mắn gặp thiện tri thức, gặp bạn lành, biết sửa lỗi đổi mới, biết đoạn ác, tu thiện, biết tích lũy công đức, cho nên người ấy vẫn còn có thể miễn cưỡng sống được. Nếu đời này, người ấy chẳng tu tập, tích lũy như vậy, ngay cả mức sống như trong hiện thời người ấy cũng chẳng hưởng được! Đời này tuy rất nghèo khổ, đời sau phước báo to lớn. Người ấy tu phước cho đời sau. Do vậy, nếu quý vị có thể thấy ba đời, sẽ tâm bình khí hòa, gặt đầu: - Có lý, chẳng phải là vô lý!

Trong mạng vốn có, nói theo Phật pháp, sẽ được gọi là “*định số*”, [hàm ý những gì sẽ có trong đời này là] do quý vị đã tu trong đời trước, [nên gọi] là “*định số*”. Trong đời hiện tại này, chúng ta khởi tâm động niệm hằng ngày đều có thiện niệm, đều có ác niệm, lời nói và việc làm cũng giống như thế. Phải biết: Đối với

định số trong mạng của chúng ta, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác lại sanh ra [tác dụng] cộng, trừ, nhân, chia. Chúng ta đẩy lên thiện niệm, thiện ngôn, thiện hạnh, phước liền tăng trưởng, tăng thêm đôi chút. Nếu chúng ta tạo tác ác nghiệp, định số lại bị chiết giảm đôi chút, lại giảm bớt đôi chút. Đại thiện thì [định số] được nhân lên; đại ác, ắt [định số] được chia ra. Do khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác hằng ngày, [định số] đều bị cộng, trừ, nhân, chia, chỉ là mức độ lớn hay nhỏ [khác biệt]. Đại ác sẽ khấu trừ, giảm bớt định số của quý vị trên một mức độ lớn. Đại thiện sẽ tăng trưởng trên một mức độ lớn. Ví như quan tước trong mạng kẻ đó chỉ có thể làm một huyện thị trưởng, nghiêm nhiên về sau, người ấy có thể làm đến Tể Tướng, khẳng định là suốt một đời này đã vì nước, vì dân, những gì [người ấy] đã tu tập, tích lũy đều là đại thiện. Chẳng vì chính mình, người ấy bèn được nâng cao, tiến cao hơn, trí huệ cũng tăng trưởng, phước báo cũng tăng trưởng, là chuyện như thế đó. Phải hiểu rõ ràng! Nếu chẳng hiểu rõ ràng, [chỉ biết] nhìn vào hiện tượng, trong tâm sẽ thường sanh bất bình, oán trời, hờn người: “Người tốt chẳng có hảo báo!” Nhân quả báo ứng chẳng sai sẩy mấy may, chẳng có ai làm chủ tể trong ấy! Đây là phép tác tự nhiên, hoàn toàn chẳng có ai làm chúa tể, mà là tự nhiên, do sự cảm ứng trong Tánh Đức.

Câu thứ hai là “*quá vị hiện tại nghiệp báo trí lực*”. Câu này nói đến nhân quả nghiệp báo, “*quá*” (過) là quá khứ, “*vị*” (未) là vị lai, [cùng với] hiện tại là ba đời, nói đến ai? Hết thấy chúng sanh; tức là đối với nghiệp nhân quả báo của hết thấy chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, Phật, Bồ Tát chẳng có gì không biết. Không chỉ là biết, lại còn biết [đối với] khởi tâm động niệm mỗi ngày của quý vị, quả báo sẽ bị cộng, trừ, nhân, chia, thấy đều hiểu rõ ràng. Do vậy, có thể biết tầm trọng yếu của giáo dục. Trong các buổi giảng, cho đến trong nhiều hội nghị, hễ phát biểu, tôi đều nhắc tới vấn đề này, giáo dục trọng yếu hơn bất cứ thứ gì khác. Trọng yếu nhất trong giáo dục là giáo dục luân lý đạo đức và giáo dục nhân quả, nói đến chỗ rốt ráo viên mãn sẽ là giáo dục Đại Thừa.

Thật sự nói đến chỗ rốt ráo viên mãn của giáo dục Đại Thừa, chẳng đọc kinh Đại Thừa sẽ không thể biết. Nay chúng ta học tập bộ kinh Hoa Nghiêm này là tinh hoa của Phật pháp, chỉ có điều phân lượng hơi lớn. Với mức độ tiến triển hiện thời, để giảng viên mãn bộ kinh này, tôi ước tính phải mất hai vạn giờ, nay chúng tôi đã giảng gần ba ngàn giờ, mới giảng được một phần mười! Nhưng giảng căn kẽ thì mới thật sự là có ích, ta và người đều được lợi ích. Cảnh giới của chính người giảng sẽ nương theo kinh văn mà tiến cao hơn, xác thực là pháp hỷ sung mãn. Người nghe nếu chuyên tâm nghe, thường nghe, nhất định sẽ khai ngộ, có tiểu ngộ hoặc có đại ngộ tùy thuộc căn tánh của mỗi người. Dù là đối với những vấn đề trong cuộc sống hiện tiền, vấn đề trong công việc, hay vấn đề trong xử sự, đãi người, tiếp vật, kinh này đều có câu trả lời, dạy chúng ta phải nên thực hiện như thế nào. Quý vị không học, sẽ chẳng biết; sau khi đã học, quý vị mới biết đây là học vấn thật sự hữu dụng, chẳng phải là bàn luận chuyện huyền diệu, mà thật sự là hữu dụng!

Nếu chúng ta hiểu lý luận và sự thật của tam thể nhân quả, tôi tin là chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chắc chắn sẽ hướng theo điều thiện, sẽ

chẳng làm ác. Vì sao? Thời gian trong một đời này ngắn ngủi, tạm bợ. Thời gian trong đời sau dài lâu như vậy, từ kinh điển, chư vị đã thấy điều này. Từ sự thật, quý vị cũng thấy được. Đức Phật nói về lục đạo, nói thật ra, trong lục đạo, thọ mạng của loài người ngắn nhất! Nhưng nói “trong lục đạo, thọ mạng của loài người ngắn nhất” cũng chẳng công bằng, phải là “ngắn nhất trong lúc này”. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Tuổi thọ của con người khi dài nhất sẽ là tám vạn bốn ngàn năm, chẳng ngắn! Đó là khi [có thọ mạng] dài nhất. Khi ngắn nhất sẽ là mười tuổi. Đó là nói đến thọ mạng bình quân. Đức Phật nói con người từ mười tuổi, [tức là] xét theo tuổi thọ bình quân, cứ một trăm năm bèn tăng thêm một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Sau đấy, lại từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm giảm một tuổi, lại giảm cho đến mười tuổi. [Chu kỳ] một tăng một giảm như vậy được gọi là một tiểu kiếp. Đây là đơn vị để tính toán thời gian trong Phật pháp, tức tiểu kiếp. Thời gian ấy được gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Chuyện này mọi người đều có thể tính toán được!

Giai đoạn chúng ta đang sống trong hiện thời chính là kiếp giảm. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, con người thọ một trăm tuổi, cứ qua một trăm năm lại giảm một tuổi. Theo như lịch sử Trung Hoa ghi chép, kể từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi ba (3.033) năm, cứ mỗi trăm năm giảm một tuổi, [cho nên] từ một trăm tuổi đã giảm mất ba mươi năm. Hiện thời, tuổi thọ bình quân phải là bảy mươi tuổi. Cô nhân nói: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm), [đó là] tuổi thọ bình quân. Chúng ta sống trong giảm kiếp, mỗi trăm năm giảm một tuổi, khi giảm đến mười tuổi bèn quay lại, tức là tăng lên, cứ mỗi trăm năm, tăng thêm một tuổi. Giảm kiếp thì tuổi thọ càng ngắn, cuộc sống càng khổ, kiếp nạn mà! Con người thọ mạng dài, phước báo càng lớn, trạng huống sống càng tốt đẹp. Nhưng phải biết, loài người có thọ mạng dài, coi trọng giáo dục luân lý đạo đức, có Phật, Bồ Tát đến giáo hóa. Phật, Bồ Tát hết sức từ bi, chúng sanh có cảm, các Ngài sẽ ứng. Các Ngài đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh.

Do vậy, chẳng thể không tin nhân quả ba đời, nó xác thực là thật, chẳng giả. Phật có thể biết, Bồ Tát có thể biết, thậm chí theo [sự hiểu biết của] cá nhân tôi, những người có chút công năng đặc dị cũng biết đời trước quý vị làm gì, đời sau quý vị sẽ sanh về đâu. Đây là do nguyên nhân nào? Tâm con người thanh tịnh, có một chút công phu định lực, sẽ có thể đột phá các chiều không gian và thời gian. Nhưng vì [định lực] nhỏ bé, tức là tiểu định, sẽ đột phá các tầng cấp chẳng nhiều lắm, có thể trông thấy đời kế, đời sau của quý vị, hoặc là có thể thấy hai, ba đời trong quá khứ, thậm chí thấy được mười mấy đời, nhưng nhiều hơn nữa thì họ chẳng có năng lực ấy, công phu định lực không sâu mà! Người có công phu định lực sâu, có thể thấy một trăm đời, hai trăm đời trong quá khứ của quý vị. Giống như trong kinh điển, đức Phật đã dạy: Công phu định lực của A La Hán có thể thấy năm trăm đời của hết thảy chúng sanh. Với năng lực của A La Hán, hơn năm trăm đời các Ngài sẽ chẳng thấy được, chẳng biết được! A La Hán có thể thấy năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Năng lực của Ngài như thế

đó, đây cũng là công phu định lực của Ngài khởi tác dụng. Kẻ tu hành bình phàm chẳng đạt được cảnh giới như vậy. Kinh Phật nói A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định, đã vượt thoát lục đạo luân hồi. [Định] cao nhất trong lục đạo là Tứ Thiên Bát Định, năng lực [của các môn Định] ấy cũng khá lắm. Vì sao họ vẫn chẳng thể vượt thoát? Do tập khí vô minh quá nặng, chướng ngại họ tiến cao hơn!

Câu thứ ba là “*Căn thắng liệt trí lực*”, nghĩa là biết hết thầy chúng sanh căn tánh thù thắng hoặc kém cỏi, đắc quả lớn hay nhỏ, Phật, Bồ Tát có năng lực ấy. Vì thế, giáo học sẽ khế cơ. Học trò đông đảo, Ngài vừa trông thấy, [liền biết] học trò đứa nào là lợi căn, đứa nào là độn căn. Lợi căn dễ dạy, độn căn sẽ khó hơn. Kẻ lợi căn sẽ chứng đại quả, kẻ trung hạ căn chứng quả không cao! Thí dụ rõ rệt nhất là trong Thiên Tông Trung Hoa, Huệ Năng và Thần Tú đều là đệ tử của Ngũ Tổ. Thần Tú theo Tổ một thời gian dài, thân cận Ngũ Tổ, nói theo cách hiện thời, Ngài đã đảm nhiệm vai trò trợ giáo, đạt đến địa vị ấy. Hơn nữa, hết thầy đại chúng rất tôn kính và cũng đều tuân phục Ngài, khẳng định Ngài có tư cách kế thừa ngôi vị Tổ. Không ngờ đến lúc đó, nảy ra Huệ Năng! Ngũ Tổ quan sát thấy Huệ Năng căn khí thù thắng, vượt trội Thần Tú, Thần Tú kém cỏi hơn Huệ Năng. Ngài thấy rõ ràng Huệ Năng chứng quả to lớn, Thần Tú chứng quả nhỏ nhoi, chẳng bằng Huệ Năng. Đều có thể chứng, nhưng quả báo có lớn hay nhỏ khác nhau!

Dùng địa vị trong kinh Hoa Nghiêm để nói, địa vị do Huệ Năng đại sư đã chứng phải là Sơ Trụ trở lên, điều này là khẳng định, vì sao? Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Ngài vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Quả vị do Thần Tú đại sư đã chứng có thể vượt thoát lục đạo hay không, chúng tôi cũng không dám nói. Nhưng có thể khẳng định, Ngài chẳng đọa ba ác đạo, chuyện này là khẳng định. Ngài có thể chứng phước báo nhân thiên, bọn phàm phu chúng ta chẳng có năng lực suy đoán cảnh giới của thánh nhân. Nhưng Ngài tu rất khác, dấu tu khác cách mấy, có thể vượt lên cao, dấu là có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, vẫn chẳng thể vượt thoát mười pháp giới, đây là điều khẳng định. Do vậy, chúng ta khẳng định Ngài dưới thì chắc chắn chẳng đọa tam đồ, trên là chẳng thể vượt thoát mười pháp giới. Đây là quan sát rất khách quan của chúng tôi, quả báo của Ngài thuộc khoảng này. Nhưng quả báo của Huệ Năng đại sư chắc chắn là vượt thoát mười pháp giới, từ Sơ Trụ trở lên. Lên cao đến giai đoạn nào, bọn phàm phu chúng ta chẳng thể biết được! Quyết định là từ Sơ Trụ trở lên, cũng là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, là Phần Chứng Tứ Phật. Nói theo tông Thiên Thai, ngài Thần Tú chứng quả báo là Tương Tự Tứ Phật. Đây là nói theo [địa vị cao nhất], chứ nếu là tầng thứ nhất, sẽ là Quán Hạnh Tứ Phật, có thể khẳng định điều này. Chúng ta thường gọi Quán Hạnh Tứ Phật là “*công phu đặc lực*”. Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, hễ công phu đặc lực thì gọi là Quán Hạnh.

Công phu đặc lực, nếu tu Tịnh Độ, sẽ quyết định vãng sanh. Trong Tịnh Độ, quả báo chúng đắc do vãng sanh Tây Phương sẽ thù thắng khôn sánh, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác đều chẳng thể sánh bằng! Nếu quý vị thuộc địa vị Quán Hạnh trong các pháp môn khác, cả tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng

thể thành tựu, ắt lại cần phải tiến cao hơn một cấp, tức địa vị Tương Tụ, mới được coi là thật sự thành tựu. Địa vị Tương Tụ thấp nhất là A La Hán, địa vị ấy thật sự chứng quả, thật sự thành tựu, vượt thoát lục đạo. Nói thông thường, địa vị Quán Hạnh chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng niệm Phật vãng sanh, người ấy có thể “hoành siêu”, [tức là] có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang. Đây là chỗ thù thắng của pháp môn Tịnh Tông. Nhưng đối với pháp môn hoành siêu của Tịnh Tông, quý vị cũng ắt phải hội đủ điều kiện như Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy trong kinh. Giống như chúng tôi vừa nhắc đến Tịnh Nghiệp Tam Phước, quý vị nhất định phải làm được Tam Phước, Lục Hòa! Trong Tam Phước, đầu chẳng làm được điều thứ ba, nhất định phải làm được hai điều trước, “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp”, nhất định làm được điều này. Điều thứ hai: “Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”, khẳng định làm được hai điều này, công phu sẽ đặc lực. Có thể thật sự buông xuống hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng buông xuống sẽ là chướng ngại, chướng ngại quý vị vãng sanh! Do vậy, ắt phải buông xuống. Phải hiểu đạo lý này. Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm phải tùy phần, tùy duyên, hãy tùy phần học tập. Dùng công đức ấy hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, dùng làm tư lương Tịnh Độ của chính mình, phải thật sự tu tập. Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện!

Kế đó là câu thứ tư, “chúng chúng giới trí lực”. Chúng ta thường gọi “giới” (界) là cảnh giới. Có nghĩa là biết hết thảy các cảnh giới bất đồng của chúng sanh. Lũ người thế gian như chúng ta chỉ có thể quan sát đại khái tư tưởng, lời nói và hành vi của họ. Cảnh giới ấy cũng có trời, sụt: Thật sự dụng công, tinh tấn chẳng biếng nhác, cảnh giới của người ấy sẽ không ngừng tăng lên. Nếu như tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần của thế gian, cảnh giới của người ấy cũng dần dần đọa lạc, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Khá nhiều người thường đến hỏi tôi: “Đời người có ý nghĩa gì? Đời người có giá trị gì?” Tôi thấy khá nhiều câu hỏi như thế, ở Trung Hoa và ngoại quốc đều có. Tôi giải đáp: “Ý nghĩa và giá trị thật sự của đời người chính là nâng cao cảnh giới của chính mình”. Chuyện này thật sự có ý nghĩa, có giá trị, quyết định chớ nên đọa lạc. Nếu thật sự tiến lên cao, sẽ tự nhiên đạt được pháp hỷ sung mãn, quyết định chẳng phải là sự hưởng thụ trong thế gian này.

Hưởng thụ trong thế gian này, phải nhớ trong kinh, đức Phật thường dạy: Tất cả sự hưởng thụ của người thế gian đã được đức Phật quy nạp thành năm chữ “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả”. Thân có hai thứ cảm nhận là Khổ và Lạc, tâm có hai thứ cảm nhận là Ưu và Hỷ. Chư vị hãy ngẫm xem, thân chúng ta là khổ nhiều hay lạc nhiều? Tâm là ưu nhiều hay hỷ nhiều? Đại khái là đại đa số mọi người, hễ tâm ta ưu (ưu lự), thân sẽ khổ sở. Quý vị làm thế nào để có thể lìa khổ được vui? Lìa khổ được vui mà dựa vào sự giúp đỡ của người ngoài, chẳng đáng trông cậy! Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể giúp quý vị. Phật, Bồ Tát giúp người bằng cách dạy quý vị phương pháp, dạy quý vị hiểu rõ đạo lý ấy. Đã hiểu rõ đạo lý, nói cho quý vị nghe phương pháp, chính quý vị thực hiện! Thành quả cuối cùng vẫn là tự làm, tự chịu. Phật không kể công, Phật nói: “Ta chẳng có công lao! Vì sao? Do chính

quý vị tu, chính quý vị chịu đoạn ác tu thiện, chính quý vị chịu sám trừ nghiệp chướng, nâng cao cảnh giới của chính mình”. Vì thế, đức Phật là Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh mà thôi! Giống như thầy dạy trò, trò không gắng công, thầy chẳng giúp được tí nào. Học trò chịu dụng công, nó có thể lý giải những điều thầy đã dạy, có thể y giáo phụng hành, nó thật sự đạt được lợi ích.

Do Phật pháp là sư đạo, phải hiểu rõ điều này. Chớ nên coi Phật, Bồ Tát như thần minh để cúng bái; nếu làm như vậy, quý vị là mê tín! Phật, Bồ Tát gia trì chúng ta bằng kinh giáo, giáo huấn của các Ngài thật sự đã gia trì chúng ta. Lìa khỏi kinh điển, cứ thấp nhang, lạy Phật, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, không có chuyện ấy đâu nhé! Điều đó là mê tín. Hơn nữa, những kẻ mê tín thường ôm giữ tâm lý cầu may, thậm chí còn hối lộ Phật, Bồ Tát: “Các Ngài phù hộ cho con phát tài. Con phát tài một vạn đồng, sẽ cúng dường Ngài một trăm đồng”, trả giá, mặc cả với Phật, Bồ Tát. Há có lẽ ấy? Đã biến thành hối lộ! Vì thế, hoàn toàn sai bét! Đấy mới là mê hoặc, điên đảo, dụng tâm sai trật!

Nâng cao cảnh giới, trong nhân gian từ phàm nhân tăng lên tới hiền nhân, tăng lên tới thánh nhân. Tại Trung Hoa, Mạnh Tử tượng trưng cho hiền nhân, Khổng Tử tượng trưng cho thánh nhân. Trong Phật pháp, Bồ Tát đại diện cho hiền nhân, Phật đại diện cho thánh nhân. Do vậy, có thể biết: Phải nâng chính mình lên cảnh giới thánh hiền, đọc sách dốt chí nơi thánh hiền. Đây là “*có cầu, ắt ứng*”, chẳng phải là hướng ra ngoài để cầu, mà là hướng nội để cầu. Thánh và phàm sai biệt ở chỗ nào? Phàm phụ ích kỷ, chẳng vong ngã, hết thầy đều vì chính mình. Thánh nhân vô ngã, quý vị thấy kinh Kim Cang nói rất hay: “*Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, sẽ chẳng phải là Bồ Tát*”. Do vậy, có thể biết, cảnh giới của Bồ Tát là vô ngã. Tự và Tha chẳng hai, tánh và tướng như một. Cảnh giới của Bồ Tát là trọn khắp pháp giới và hư không giới cùng một Pháp Thân. Nay chúng tôi nói cách khác, một Thể cộng đồng sanh mạng. Nói như vậy, mọi người sẽ dễ hiểu. Một Thể cộng đồng sanh mạng chính là một Pháp Thân. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói: “*Mười phương tam thế Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, nói lên điều gì? Vạn sự vạn vật trong vũ trụ có chung một Pháp Thân, đây là cảnh giới của Phật, là chân thật. Do vậy, đại từ đại bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có điều kiện. Giúp đỡ hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, còn bàn điều kiện nữa sao?

Do vậy, hiện thời, không chỉ là lũ bình phàm chúng ta chẳng hiểu cảnh giới của Phật, Bồ Tát, mà cảnh giới của thánh hiền, tức là cảnh giới của bậc thánh hiền trong thế gian, người đời cũng chẳng hiểu! Quý vị thật sự giúp đỡ họ, họ vẫn hoài nghi quý vị: “Người đối xử với ta tốt đẹp dường ấy, có mong cầu gì vậy? Người có mục đích gì vậy?” Đối xử tốt với kẻ khác, ắt có mưu đồ, có mục đích! Phàm nhân [nghĩ như vậy]. Thời cổ, bậc thánh hiền, quân tử, nói đến mức thấp nhất là người đọc sách học thánh, học hiền, đều giúp đỡ người khác vô điều kiện, chẳng cầu được đáp đền. Quý vị có khổ nạn bèn giúp đỡ quý vị, quyết định chẳng cầu báo đáp, quân tử mà! Nay chúng ta sơ sót giáo dục của thánh hiền, gián đoạn một thời gian khá dài; do vậy, nay quý vị học thánh, học hiền, đọc sách thánh hiền, học theo thánh hiền, giúp đỡ người khác vô điều kiện, quý vị hãy nên biết: Kẻ

khác sẽ hoài nghi quý vị. Hoài nghi là đúng lẽ quá rồi, vì sao? Cả đời kẻ ấy chưa hề tiếp xúc. Không chỉ là chẳng hề tiếp xúc, mà còn chưa hề nghe nói nữa kia, trong thiên hạ há có chuyện ấy? Há có kẻ nào có thể bỏ mình vì người khác? Chưa hề nghe nói đến! Nay quý vị làm chuyện xả mình vì kẻ khác, người khác chẳng tin tưởng. Họ không tin thì có phải làm hay không? Phải làm! Phải nêu gương cho người khác thấy, khiến cho người ta giác ngộ. Làm người, hãy nên xả mình vì người khác, chớ nên có lòng tổn người lợi mình.

Quý vị nhất định phải hiểu quả báo của chuyện tổn người lợi mình chắc chắn là tổn hại chính mình. Tổn người sẽ chẳng lợi mình! Tổn người, quyết định hại mình! Người thế gian có cảm giác huyền hoặc rất nghiêm trọng, cứ ngỡ tổn người sẽ có thể lợi mình. Sai mất rồi! Há có lẽ ấy? Đây là “*thị xư phi xư*”, chẳng có lẽ ấy! Ngược lại, tổn mình lợi người chính là thật sự tạo lợi ích cho bản thân. Người hiện thời chẳng hiểu đạo lý này, họ chẳng làm. Người thật sự hiểu, sẽ thật sự chịu làm! Chịu làm, mà nếu vẫn vì lợi ích của chính mình, ví như ta bố thí tiền của, vì sao? Ta sẽ được của cải cả đống! Ta tu Pháp Bố Thí, ta sẽ được thông minh, trí huệ. Còn có cầu, còn có đắc, cảnh giới ấy sẽ không cao, cảnh giới của kẻ ấy tối đa là Dục Giới Thiên, chẳng lên Sắc Giới nôi, kẻ như là đã khá lắm rồi, coi như là rất khó có rồi!

Nếu siêng tu ba thứ bố thí, chẳng có mấy may ý niệm cầu quả báo, cảnh giới sẽ cao. Cảnh giới ấy là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, chẳng cầu quả báo, ưa thiện, chuộng thí. Trong ấy có gì? Đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, hoặc như Khổng lão phu tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” Sung sướng, pháp hỷ sung mãn; nói theo Phật pháp sẽ là “*thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi*”. Sự hưởng thụ sung sướng ấy chẳng phải là kẻ khác có thể suy lường được! Chẳng có cách nào tưởng tượng. Hiện thời, người thật sự đọc sách chẳng nhiều, người thật sự đọc sách của cổ thánh tiên hiền chẳng nhiều, người thật sự tu hành cũng không nhiều; do vậy, niềm vui sướng ấy nói kiểu nào thì mọi người cũng đều rất khó lý giải. Nhưng chúng ta là người thật sự dụng công, trọn chẳng mong mọi kẻ khác lý giải hay không, điều đó chẳng dính dáng gì đến chúng ta! Chúng ta đã hiểu, bèn hết sức nghiêm túc nỗ lực thực hiện, chính mình sẽ đạt được pháp hỷ, người khác chẳng thể biết niềm pháp hỷ ấy!

Hôm nay, còn có một đồng tu hỏi tôi về đạo dưỡng sanh. Đối với câu hỏi ấy, ở khá nhiều nơi bên ngoài quốc, luôn có người hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Thầy bảo dưỡng như thế nào?” Quý vị hãy nhìn vào cuộc sống của tôi, sẽ biết: Tôi sống rất bình thường, ăn, mặc, ở, đi lại đều rất đơn giản. Hình như ngày hôm qua tôi còn đề xướng chúng ta ăn thứ gì, vì sắp đến Tết rồi, đức Phật dạy chúng ta “*tam đức, lục vị*”. Quý vị thấy chúng ta dâng cúng thức ăn lên Phật, thông thường là cúng ba món ăn, biểu thị Tam Đức, nhiều nhất là cúng sáu món. Sáu vị, ba đức sáu vị. Ngày Tết, người nhà đoàn tụ, tốt nhất là cũng nên chọn cách “ba đức, sáu vị”. Sáu món đồ ăn là được rồi, chớ nên lãng phí. Đồ chay tốt lành nhất, dinh dưỡng nhất. Tôi ăn chay, sang năm là đã năm mươi lăm năm rồi. Vì thế, tôi trả

lời người ta rất đơn giản: “*Ăn chay, tâm thanh tịnh, quý vị có thể khỏe mạnh, sống lâu*”.

Tâm địa thanh tịnh, chẳng lo nghĩ, không vương mắc, lẽ nào người ấy chẳng tự tại? Hằng ngày đọc kinh, bầu bạn với Phật, Bồ Tát, lẽ đâu chẳng sung sướng? Hiện thời, truyền hình, radio, phim ảnh, hý kịch, nhật báo, tạp chí, đã hơn bốn mươi năm tôi chẳng qua lại cùng chúng! Vì thế, có người hỏi tôi: “Trong thế gian này có rất nhiều chuyện dường như thầy đều biết?” Có chứ, tôi đều biết! Biết bằng cách nào? Có rất nhiều đồng học học Phật trông thấy đại sự gì phát sanh, họ đến kể với tôi, tôi biết là nhờ như vậy đó. Thậm chí còn có kẻ nói: Họ cắt từ nhật báo hoặc tạp chí một đoạn tin tức ngắn đưa cho tôi xem. Tôi xem một đoạn tin ngắn củn như thế đó. Quá nửa là tin về tai nạn, đều là nói về nhân quả báo ứng. Những chuyện ấy là thật, hoàn toàn chẳng giả! Nghiệp nhân quả báo chẳng sai suyền mảy may! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1487

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ đoạn thứ tám của phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc xứ phi xứ trí lực, quá vị hiện tại nghiệp báo trí lực, căn thẳng liệt trí lực, chủng chủng giới trí lực, chủng chủng giải trí lực, nhất thiết chí xứ đạo trí lực, Thiên giải thoát tam-muội nhiễm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực, vô chương ngại Thiên Nhân trí lực, đoạn chư Tập trí lực?

(經)云何得處非處智力。過未現在業報智力。根勝劣智力。種種界智力。種種解智力。一切至處道智力。禪解脫三昧染淨智力。宿住念智力。無障礙天眼智力。斷諸習智力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc trí lực biết sự vật hợp lý hay phi lý, trí lực biết nghiệp báo trong quá khứ, vị lai, hiện tại, trí lực biết căn cơ thù thắng hay kém cỏi, trí lực biết các thứ cảnh giới, trí lực thấu hiểu các thứ tri giải, trí lực biết hết thấy chúng sanh sẽ sanh vào đường nào, trí lực biết Thiên giải thoát tam-muội nhiễm hay tịnh, trí lực biết túc mạng an trụ Niết Bàn, trí lực Thiên Nhân chẳng bị chương ngại, trí lực đoạn dứt các Tập?)

Đây là trọn đủ mười lực. Trong phần trước, chúng ta đã học đến loại thứ tư là “*chủng chủng giới trí lực*”, nay chúng ta xem loại tiếp theo là “*chủng chủng giải trí lực*”. Những trí lực này đều là trí huệ khởi tác dụng. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “*có thể biết, có thể lý giải trình độ của hết thấy chúng sanh*”. Chúng ta biết: Trình độ lý giải của hết thấy chúng sanh đối với hết thấy các pháp, xác thực là mỗi người mỗi khác. Như Lai chẳng có gì không biết. Nói theo phương diện giáo học, sẽ hết sức thuận tiện. Những điều đã nói, đã thị hiện, đều phù hợp khít khao với trình độ của học trò. Nói thông thường, chuyện này rất khó làm được! Những người dạy học đã lâu sẽ giỏi quan sát căn cơ [của học trò] hơn những thầy giáo trẻ. Họ có kinh nghiệm dạy học phong phú, trong một thời gian dài, họ đã tiếp xúc học trò lâu ngày. Do vậy, trong kinh nghiệm, họ có thể có năng lực quan sát, nhưng nói chung, vẫn thua kém Phật, Bồ Tát. Vì sao? Phật, Bồ Tát có thể biết quá khứ và vị lai của hết thấy chúng sanh, [biết rõ] trong quá khứ, họ đã từng học loại khoa học nào, từng theo đuổi nghề nghiệp gì. [Lại còn biết rõ] trong đời quá khứ, họ đã học loại khoa học nào, hoặc là theo đuổi nghề nghiệp nào đó trong thời gian bao lâu! Trong A Lại Da Thức đã kèm theo tập khí ấy, đời này lại gặp gỡ, cho nên rất dễ lý giải.

Chúng tôi mượn ngay môn học Phật này để nói. Các đồng học ở cùng một chỗ với nhau, sự liễu giải của mỗi người mỗi khác. Có người đối với Giáo rất dễ nhập môn, có thể nghe hiểu, có thể lãnh hội, đây là do nguyên nhân nào? Đời trước đã từng học! Giảng kinh rất khó; trước kia, thầy Lý đã bảo tôi (thầy là một vị tại gia cư sĩ giỏi giảng kinh), trong đời quá khứ, nói chung [thầy Lý] là một vị

pháp sư giảng kinh, chắc chắn chẳng phải là một đời. [Nếu chỉ là] một đời, sẽ chẳng làm được! Nói thông thường, sẽ là ba đời hoặc năm đời, thì mới có thành tựu trong đời này, có thể thâm nhập mà diễn tả đơn giản, có thể nhiếp thọ tâm người nghe. Trong những trường hợp thông thường, thầy sẽ chẳng nói những lời ấy, vì thường là Ngài hết sức khiêm hư. Ở cùng một chỗ với các đồng học chúng tôi, thầy thường khích lệ riêng tư: - Đời này, căn tánh kém cõi đôi chút, chẳng giảng giỏi như vậy, không sao hết! Phải nỗ lực, vì đây chẳng phải là chuyện một đời, một kiếp. Để thật sự giảng hay, thường là phải [đã từng giảng kinh] từ ba đời cho đến năm đời, đương nhiên là càng dài càng tốt.

Qua Tam Muội Từ Bi Thủy Sâm, ta thấy Ngô Đạt quốc sư là thầy của hoàng đế, tôn giả Ca Nặc Ca đã nêu ra căn cơ của quốc sư: “Cao tăng trong mười đời!” Sư đã học Phật suốt mười đời, lại còn là mười đời liên tục, quá khó, quá chẳng dễ dàng! Mười đời chẳng đánh mất thân người, rất khó khăn! Do vậy, có thể biết: Sư học Phật rất nghiêm túc, trì giới rất nghiêm. Được làm thân người là do Thập Thiện, Ngũ Giới. Thập Thiện, Ngũ Giới chẳng thiếu sót, quý vị chắc chắn chẳng đánh mất thân người. Do vậy, chúng ta chớ nên không biết điều này. Đúng là phải xem, phải nghe kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo cho nhiều! Học Phật, bất luận tu học pháp môn nào mà chẳng có điều kiện này, nếu như là niệm Phật, sẽ chẳng thể vãng sanh. Bởi lẽ, công phu Niệm Phật chẳng đủ, chẳng thể vãng sanh, vẫn phải luân hồi. Đã luân hồi, lại do quý vị chẳng tu Thập Thiện tốt đẹp, chẳng được làm thân người. Dẫu đời này học Phật giỏi giang, [đời kế tiếp] chẳng được làm thân người, sẽ chẳng có cơ hội tiếp tục tu tập! Hễ đọa lạc như thế, chẳng biết sẽ đọa lạc đến bao nhiêu đời, chệch choạc bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp!

Do vậy, đối với chuyện học Phật, kinh Phật thường nói: Phạm phu học Phật cho đến khi thành Phật, phải mất thời gian bao lâu? Vô lượng kiếp! Lời này là thật, chẳng giả đâu nhé! Vì sao phải tốn vô lượng kiếp? Thời gian quý vị tu học ngắn ngủi, thời gian chẳng thể tu tập quá ư là dài. Quý vị hãy ngẫm xem, thời gian trong cõi người chẳng dài, học Phật suốt một đời này, quý vị học bao nhiêu năm? Nếu học chẳng đàng hoàng, giới luật chẳng thanh tịnh, tư tâm, tạp niệm, vọng tưởng vẫn rất nhiều, quý vị học Thập Thiện chẳng tốt đẹp! Tới khi mạng chung, quý vị sẽ đọa lạc trong ba ác đạo, thời gian trong ba ác đạo lâu dài. Vào những chỗ ấy rất dễ dàng, thoát ra khó khăn! Ất là phải ở trong ác đạo, đền trả hết sạch những quả báo của tội nghiệp và tập khí nhiều đời nhiều kiếp, quý vị mới có thể thoát ra, mới có thể lìa khỏi ba ác đạo. Lìa khỏi ba ác đạo, được làm thân người, vẫn đèo theo tập khí của ác đạo. Nói cách khác, dẫu gặp cơ duyên Phật pháp, cũng chẳng thể học tốt đẹp, [bởi lẽ] tập khí của ác đạo quá nặng! Do vậy, có thể kiên trì giữ vẹn Ngũ Giới, Thập Thiện, có cái tâm cảnh giác như vậy, đời sau ta còn có thể tu tập tiếp. Như ngài Ngô Đạt đã nêu gương cho chúng ta, Ngài dạy chúng ta: Suốt mười đời, Ngài đã khéo học Ngũ Giới, Thập Thiện tốt đẹp; vì thế, chẳng mất thân người, Ngài mới có thành tựu to ngàn ấy! Chẳng có mười đời, mà làm cao tăng một thuở trong nhà Phật, làm quốc sư, chẳng phải là chuyện dễ dàng đâu nhé! Không phải là vị xuất gia nào cũng có thể làm được chuyện này, vì cần phải có công phu tu trì nhiều đời nhiều kiếp!

Trong Phật pháp, điều trọng yếu nhất là phải cầu quả báo chân thật. Quả báo chân thật chính là vãng sanh Tịnh Độ. Đây là quả báo chân thật. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng chắc chắn thành Phật ngay trong một đời! Vì thế, cổ đại đức thường nói pháp môn này là “*đương sanh thành tựu đích pháp môn*” (pháp môn thành tựu ngay trong một đời). Đối với chuyện vãng sanh, tôi thường nói với mọi người: Chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, mà là vãng sanh ngay trong khi còn sống. Lúc ra đi, tinh táo, sáng suốt, theo Phật đến thế giới Cực Lạc, chẳng cần thân thể này nữa, vứt bỏ. Đây chẳng phải là chết, ra đi trong lúc còn sống mà! Trong đời này, chúng tôi đã thấy có người đứng mất, hoặc ngồi mất, chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, chúng tôi cũng đã thấy hoặc nghe từ mười mấy cho đến hai mươi trường hợp! Họ có thể làm được, vì sao chúng ta chẳng làm được? Phải nghĩ ra nguyên nhân. Nguyên nhân chính là: Dầu chúng ta học Phật rất nhiều, giảng kinh cũng khá lắm, nhưng hành trì chẳng hợp tiêu chuẩn, vậy là không được rồi!

Nói chung, Phật pháp cần phải hành trì, tức là trì giới quan trọng hơn bất cứ điều nào khác! Do vậy, trong những năm qua, chúng tôi cũng thâm nhập, tìm tòi, quan sát cẩn thận vì sao quý vị chẳng hành Ngũ Giới, Thập Thiện được? [Lý do là] quý vị chẳng có sự giáo dục trước khi học [Phật pháp], chúng ta thiếu khuyết điều này, thiếu khuyết giai đoạn này. Hễ thiếu sót giai đoạn ấy, Ngũ Giới, Thập Thiện đối với quý vị sẽ trở thành khó khăn dường ấy! Sự giáo dục trước khi học, trong Phật pháp là Tiểu Thừa. Người Hoa không học Tiểu Thừa, dùng Nho gia để thay thế. Như Đệ Tử Quy, luân lý, đạo đức, đây chính là sự giáo dục trước khi học Phật. Chúng ta chẳng có nền tảng ấy! Vì thế, Thập Thiện Nghiệp Đạo thoát nhìn chẳng khó, cơ sở trước khi học Phật quá quan trọng! Do vậy, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh Đệ Tử Quy. Nếu mọi người nghiêm túc bỏ ra thời gian một năm để thực hiện Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy có tất cả ba trăm sáu mươi câu, mỗi câu có ba chữ, toàn bộ bài văn chỉ có một ngàn lẻ tám mươi chữ, thật sự dùng một năm công phu để thực hiện nó, mỗi câu đều làm được; sau đấy, [hành trì] Ngũ Giới, Thập Thiện chẳng khó, thực hiện dễ dàng. Đã có cơ sở này, lại kế nhập Đại Thừa, quý vị nghe kinh, có thể thật sự nghe hiểu, biết vận dụng lý luận và giáo huấn trong kinh điển vào cuộc sống, vận dụng trong công việc, trong xử sự, đối người, quý vị sẽ đạt được sự thọ dụng chân thật trong Phật pháp.

Được thọ dụng trong hiện tiền. [Thêm vào đó], đời này quý vị được gặp gỡ pháp môn Tịnh Tông, quá ư may mắn! Dem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có người nào không vãng sanh! Đây chính là như Thiện Đạo đại sư đã nói. Rất nhiều người biết Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai. Lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời A Di Đà Phật nói: “*Vạn tu, vạn nhân khư*” (Vạn người tu, vạn người vãng sanh). Trọn đủ điều kiện này, tức là quý vị trọn đủ Tịnh Nghiệp Tam Phước, quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có ai không thành công! Tịnh Nghiệp Tam Phước làm không được, [mong vãng sanh] khó lắm! Dầu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, cổ đại đức thường nói: “*Gào toạc cổ họng vẫn uống công*”. Vì thế, đối với sự hành trì, chẳng thể không chú ý. Tuổi trẻ chưa thể buông

xuống được, còn có thể khoan dung, chứ đã ngoài sáu mươi, tuổi đã xế bóng rồi, hãy nên giác ngộ, hãy nên triệt để buông xuống để lo liệu đại sự trong một đời này. Ưu điểm của Tịnh Tông là gồm thâu lợi căn lẫn độn căn, thích hợp khắp ba căn. Căn tánh của chúng ta kém cõi một chút cũng được. Đây là biết trình độ của hết thầy chúng sanh.

Câu thứ sáu là “*nhất thiết chí xứ đạo trí lực*”. Thêm một chữ [Đạo] vào trước chữ Trí, tức là Đạo Trí Lực. “*Nhất thiết*” (一切) là hết thầy chúng sanh, “*chí xứ*” (至處) là quý vị trong tương lai sẽ đi vào đường nào! Phật, Bồ Tát biết rõ ràng, tuyệt đối chẳng thể thấy lầm. Các Ngài có trí huệ ấy, có năng lực ấy. Ví như quý vị trì Ngũ Giới rất khá, đời sau quyết định chẳng mất thân người. Đã thế, thân người trong đời sau nhất định sẽ thù thắng hơn đời này. Chúng ta thường nói: Đời sau nhất định là vận mạng tốt đẹp hơn đời này, hưởng phước báo trong nhân gian. Nếu tu Thập Thiện rất khá, lại có tâm từ, bi, hỷ, xả; đã có tâm ấy, lại còn có những tâm hạnh ấy, tức là tâm hạnh từ, bi, hỷ, xả, sẽ biết là quý vị chắc chắn sanh lên trời. Thượng phẩm Thập Thiện sanh thiên, “*sanh thiên*” là sanh vào Dục Giới Thiên. Dục Giới có sáu tầng trời, quan sát thông thường, quý vị trụ trong tầng nào của sáu tầng trời, [Phật, Bồ Tát] đều có thể trông thấy. Người niệm Phật đúng là “*buông xuống muôn duyên*”, trì giới niệm Phật, nhất định sanh về Tịnh Độ.

Tôi thường nói đến điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, phải thật sự làm được điều đầu tiên ấy! “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, thực hiện hai câu ấy bằng Đệ Tử Quy. Thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, sẽ có hai câu ấy. Sau đó, hai câu “*từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*” được thực hiện bằng Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do vậy, quý vị chỉ cần có Tam Phước, có một điều này, có điều kiện như thế, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn được vãng sanh. Sanh vào nơi đâu? Cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trong đời này, tùy thuộc trình độ tri giải của quý vị đối với lý luận, phương pháp và cảnh giới trong các kinh luận Tịnh Tông, quý vị biết bao nhiêu, có thể lãnh hội bao nhiêu, [sẽ có thể suy ra] đối với ba bậc, chín phẩm của cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tịnh Tông, quý vị sẽ thuộc vào phẩm vị nào. Nếu quý vị cũng làm được điều thứ hai [trong Tịnh Nghiệp Tam Phước], điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Đây là điều thứ hai trong tam phước. Thật sự có thể làm được điều thứ hai, vãng sanh Tịnh Độ sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Điều thứ ba cũng có thể làm được, “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”. Nói theo cách hiện thời, “*khuyến tấn hành giả*” chính là hoằng pháp lợi sanh. Do vậy, quý vị vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Tịnh Độ, khác hẳn! Từ chỗ này, có thể thấy ba bậc thượng, trung, hạ. Do vậy có thể biết: Nếu không trọn đủ Đệ Tử Quy và Thập Thiện Nghiệp Đạo, niệm Phật chẳng thể vãng sanh, phải biết điều này!

Có những người tuy chẳng đầy đủ [những điều kiện đó], thế mà niệm Phật vãng sanh, thụy tướng rất tốt. Đó là những trường hợp cực ít. Đây là gì? Trong đời quá khứ đã tu rất tốt đẹp, căn cơ sâu dày, đời này chẳng nghe Phật pháp, khi lâm chung mới nghe. Tuy là vừa mới được nghe, chẳng biết Tín, Nguyện, Hạnh

của người ấy mạnh hơn những kẻ tầm thường như bọn chúng ta chẳng biết bao nhiêu lần! Người ấy có thể vãng sanh là do thiện căn tu tập Tịnh Độ đã tích lũy trong đời quá khứ. Nếu đời này, người ấy được gặp Phật pháp rất sớm, sẽ tu tập càng tốt đẹp hơn, phẩm vị vãng sanh nhất định sẽ tăng cao hơn, phải hiểu đạo lý này. Căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau, trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì, tu pháp môn gì, làm lành hay làm ác, đời sau sẽ cảm quả báo gì, thấy đều khác nhau. Đức Phật biết đời này quý vị đã làm hạnh nghiệp gì, đời sau quý vị sẽ đạt được quả báo như thế nào, sẽ đến thọ sanh trong đường nào. Đây là chỗ đến của hết thấy chúng sanh trong tương lai, đức Phật biết những nơi chôn ấy.

Câu thứ bảy là “*Thiền giải thoát tam-muội niễm tịnh trí lực*”. “*Thiền*” là nói tới Thiền Định, trong Phật pháp gọi là “*tam-muội*”. Tam-muội (Samadhi) là tiếng Phạn. Trong kinh Phật, chúng ta thường thấy các thứ tam-muội, có thể thấy là thứ bậc của Thiền Định là vô lượng vô biên, chẳng có số lượng. Thiền Định thế gian được chia đại lược thành Tứ Thiền Bát Định, tức là tám loại lớn. Trong mỗi loại, lại chẳng biết có bao nhiêu tầng cấp! Điều này hoàn toàn chẳng khó hiểu, ví như chúng ta học hành trong nhà trường, học Tiểu Học, học Trung Học, học Đại Học, một ngôi trường có đến mấy ngàn học trò. Trường Tiểu Học, Đại Học có mấy vạn học trò, trình độ của mỗi trò mỗi khác. Sự tu học ấy giống như tam-muội, Thiền giải thoát tam-muội, mỗi cá nhân khác nhau. Tiểu Học là tam-muội bậc thấp, giống như Tứ Thiền Bát Định trong thế gian. Trung Học giống như tứ thánh pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới. Giải thoát tam-muội của các Ngài đương nhiên là cao hơn Tứ Thiền Bát Định rất nhiều, cũng là mỗi người mỗi khác.

Nếu lên cao hơn, Thiền Tông nói là “*hướng thượng nhất trước*” (向上一著), lên cao hơn sẽ là gì? Thoát khỏi mười pháp giới, đạt tới Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới xác thực là một pháp giới bình đẳng. Trong pháp giới bình đẳng, còn có tập khí vô thi vô minh dầy hay mỏng khác nhau, ở đây gọi mức độ dầy hay mỏng ấy là “*niễm tịnh*” (染淨). Đương nhiên là chúng ta thấy các Ngài thuần tịnh vô niễm, nhưng so sánh giữa Thập Trụ Bồ Tát và Thập Hạnh Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát là niễm, Thập Hạnh Bồ Tát là tịnh. So sánh giữa Thập Hạnh Bồ Tát và Thập Hồi Hướng Bồ Tát, Thập Hồi Hướng là tịnh, Thập Hạnh là niễm. So sánh giữa Thập Hồi Hướng và Thập Địa, Thập Địa Bồ Tát là tịnh, Thập Hồi Hướng là niễm. Nếu so sánh đến tối thượng, tức là so sánh giữa Đẳng Giác Bồ Tát và Phật, Đẳng Giác Bồ Tát là niễm, Phật mới là thanh tịnh. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Hoàn toàn đoạn hết niễm, thuần tịnh sẽ là quả vị Như Lai.

Đức Phật biết chuyện này, Bồ Tát có biết hay không? Bồ Tát cũng biết; bởi lẽ, Phật có mười lực, Bồ Tát cũng có mười lực. Tên gọi có thể giống hệt như nhau, nhưng năng lực khác nhau. Ví như trong phần trước chúng tôi đã nói, đối với Thiên Nhân Thông của A La Hán, Thiên Nhân của Ngài chỉ có thể thấy một đại thiên thế giới. Những gì ở ngoài đại thiên thế giới ấy, Ngài chẳng thấy; như vậy là năng lực có phạm vi (hữu hạn). Đối với Thiên Nhân của Bồ Tát, Bồ Tát có rất nhiều đẳng cấp, như các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền có thể thấy một trăm

đại thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, một vạn đại thiên thế giới, cho đến trăm vạn, ức vạn đại thiên thế giới, chẳng giống nhau! Thấy nhiều là tịnh, thấy ít là nhiễm, Phật, Bồ Tát có năng lực ấy. Vì thế, bản thân chúng ta đạt đến mức độ nào, chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hiểu rành rẽ, rõ ràng! Hiện thời chúng ta xác thực là chưa nhập môn. Nếu đã nhập môn, tâm địa thanh tịnh là tam-muội.

Tam-muội ở mức độ thấp nhất, nói theo phía người niệm Phật sẽ là “công phu thành phiền”. Công phu thành phiền là gì? Trong tâm chẳng có tạp niệm; trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có tạp niệm nào khác. Đây là nhất tâm bất loạn ở mức độ nông cạn nhất. Dầu chẳng phải là nhất tâm bất loạn, cảnh giới rất gần với nhất tâm bất loạn, thần thông vẫn chưa hiện tiền, tức là năng lực vẫn chưa hiện tiền, thần thông là năng lực. Tuy năng lực chẳng hiện tiền, người ấy có cảm ứng, chúng ta thường nói là “biết trước”, biết mấy tháng sau sẽ có chuyện gì phát sanh, hoặc là hai, ba năm sau, sẽ có chuyện gì phát sanh, có sự biết trước ấy. Sự biết trước ấy thường khá chính xác, đã mập mé, [tức là] đã mập mé với sự khởi tác dụng của trí huệ. Những kinh nghiệm học tập và sự từng trải ấy, ai nấy đều giống nhau. Quý vị chẳng thật sự hành, sẽ chẳng có cách nào thấu hiểu. Nếu quý vị thật sự hành, sẽ có phương pháp để thấu hiểu. Đây là sự thọ dụng chân thật. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Nếu quý vị có thể khế nhập cảnh giới ấy, mới hiểu sự hưởng thụ cao nhất là gì!

Câu thứ tám là “*túc trụ niệm trí lực*”. Câu này ngụ ý: Biết túc mạng của chúng sanh, tức là Túc Mạng Thông trong Lục Thông. Đồng thời, cũng là trí lực biết vô lậu Niết Bàn. Điều này có nghĩa là: Có thể biết người thế gian (trong lục phạm pháp giới), đồng thời cũng có thể biết những vị thuộc tứ thánh pháp giới, họ tu học pháp môn sẽ cảm quả báo [như thế nào], người ấy đều biết. Điều chủ yếu nhất ở đây là biết quý vị đã học tập những gì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ. Đương nhiên là [sự hiểu biết này] hết sức hữu ích đối với việc dạy học. Khi dạy học, sẽ dễ khế cơ. Giáo học của Phật pháp chú trọng khế cơ và khế lý. Lý (理) là chân lý, quyết định chẳng thể trái nghịch. “Cơ” (機) là trình độ và căn tánh của chúng sanh trong hiện tiền. Hai điều ấy đều phải phù hợp thì mới có thể đạt được lợi ích. Do vậy, đối với chân lý, xác thực là có thể dùng phương pháp rất nông cạn, dễ hiểu, ngôn ngữ rất thông tục, dễ hiểu [để diễn tả], khiến cho đối phương nghe hiểu, khiến cho đối phương hiểu minh bạch, họ lại còn có thể vận dụng vào cuộc sống hiện thực. Điều này rất quan trọng! Nếu họ chẳng làm được, có nói cũng vô dụng, nhất định phải là họ có thể làm được!

Câu thứ chín là “*vô chướng ngại Thiên Nhân trí lực*”. Chúng ta vừa thấy điều này thuộc về Thiên Nhân Thông trong Lục Thông. Thiên Nhân có thể thấy lục đạo chúng sanh luân hồi sanh tử, người ấy chính mắt thấy, thấy quả báo thiện hay ác của hết thảy chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng chướng ngại. Chư Phật, Bồ Tát và trong số các vị tổ sư đại đức, xác thực là có không ít vị là tái lai, tức là Phật, Bồ Tát thị hiện để giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn. Giúp đỡ chúng sanh khổ nạn thì có thể khiến cho họ chẳng phải chịu tí xiu khổ nạn nào hay không? Chẳng thể làm chuyện ấy, mà cũng chẳng hợp lý! Vì sao? Quý vị tạo tác rất nhiều tội nghiệp, há có thể chẳng lãnh quả báo ư? Quả báo thì quý vị vẫn

phải hứng chịu, Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ quý vị như thế nào? Phật, Bồ Tát dạy quý vị hiểu rõ nghiệp nhân của những quả báo mà quý vị đang phải hứng chịu trong hiện tiền, quý vị sẽ chẳng oán trời, hờn người. Đây là do chính mình tự làm, tự chịu, ta phải nên hứng chịu. Hãy an tâm nhận lãnh, mà cũng nhận lãnh rất vui sướng. Vì sao? Trả báo cho xong! Đồng thời, cũng hiểu cách sửa lỗi, hướng lành, quay đầu là bờ. Hiểu đạo lý này!

Tất cả hết thảy khổ nạn đều là do [nghiệp nhân đã tạo trong] quá khứ. Đời này thì lúc tuổi trẻ, khi chưa tiếp xúc giáo huấn của thánh hiền, bất luận là hữu ý hay vô tình, đã tạo tác rất nhiều tội nghiệp, đáng phải hứng chịu quả báo. Vì thế, chẳng sợ chịu khổ, chẳng sợ bị thua thiệt. Chuyện tổn người lợi mình quyết định chớ nên làm! Chuyện tổn mình lợi người phải làm nhiều hơn. Như vậy thì chúng ta sẽ sửa đổi vận mạng. Phật, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian nhằm dạy bảo chúng ta những điều ấy. Quý vị hãy quan sát cẩn thận, có khi ta thấy các Ngài dùng “thân giáo”, tức là làm gương cho chúng ta trông thấy. Chúng ta trông thấy dáng vẻ ấy, tâm cảm động, thỉnh giáo, các Ngài sẽ giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta, [tức là] “ngôn giáo”. Nếu trong đời quá khứ, chúng ta đã có túc căn, lại còn hữu duyên với các Ngài, có thể tiếp nhận giáo huấn của các Ngài trong một thời gian dài, đời này mới có thành tựu!

Do vậy, đối với Thiên Nhân, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được năng lực của chư Phật, Bồ Tát! Quý vị nói chư thiên, Dục Giới Thiên, lên cao hơn thì càng chẳng cần phải nói nữa, năng lực càng to hơn nữa. Chư thiên Dục Giới có báo đắc Ngũ Thông⁴⁹. Ngũ Thông là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, Thần Túc, chẳng có Lậu Tận. Phải là A La Hán mới có Lậu Tận. Lậu Tận là chẳng sanh phiền não, thoát ly luân hồi. Vì thế, họ còn có phiền não, nhưng do quả báo mà có năm loại năng lực ấy. Chư thiên có năng lực lớn hay nhỏ hoàn toàn khác nhau. Quỷ đạo cũng có Ngũ Thông, yêu ma quỷ quái đều có, chúng ta thường gọi họ là “*trinh linh*” (精靈), yêu ma quỷ quái thuộc loại *trinh linh*. Hiện thời, trong xã hội này, hết sức phổ biến, đạo tràng nào chẳng có [trinh linh]? Chúng ta tu hành tâm chánh, hạnh chánh, những thứ *trinh linh* trong đạo tràng của chúng ta cũng rất quy củ, họ chẳng làm loạn! Thậm chí, sau khi đã trông thấy [chúng ta thật tâm tu hành], họ tâm phục, tán thán, bội phục quý vị, làm hộ pháp trong đạo tràng này. Nếu quý vị tâm hạnh chẳng lành, những loài yêu ma quỷ quái ấy sẽ đến chòng ghẹo quý vị. Nếu các đồng học lắng lòng quan sát, sẽ có thể quan sát thấy những chuyện này. Những kẻ có tiểu thần thông, đối với những việc nhỏ, sẽ tiên đoán khá chuẩn xác; đối với chuyện lớn, họ sẽ nói nhăng, nói cuội. Dầu sao, quý vị cũng chẳng tìm thấy họ [để chất vấn, hạch hỏi]!

Thông thường, phổ biến nhất là phù loạn (扶鸞), còn gọi là cầu cơ. Những trò ấy đều là *trinh linh* [giờ trò]. Tâm chánh, hạnh chánh, con người rất thật thà, khấn thiết, sẽ cảm ứng thiện thần. Những *trinh linh* ấy tâm địa thiện lương, mạo nhận là Phật, Bồ Tát, giả mạo thần tiên, dùng đàn cầu cơ để trò chuyện với quý

⁴⁹ “*Báo đắc Ngũ Thông*”: Năm thứ thần thông tự nhiên có được do quả báo, chẳng cần phải tu tập.

vị. Đàn cầu cơ giống như máy fax trong hiện thời, dùng phương thức ấy để nói chuyện với quý vị, thấu lộ một số tin tức. Nếu chúng ta còn có tham, sân, si, mạn, còn có ngũ dục, lục trần, còn có ích kỷ, chớ nên tin cậy những tin tức do họ tiết lộ, vì họ đang chòng gheo quý vị! Do vậy, có thể biết: Bất luận là đối với chư Phật, Bồ Tát, thiên địa quỷ thần, yêu ma quỷ quái, đều phải dùng một tấm lòng chân thành. Dùng cái tâm “chân thành, thanh tịnh, từ bi”, quý vị mới có thể cảm động họ. Bởi lẽ, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát có ứng. Phật, Bồ Tát gia trì quý vị, những quỷ thần, tinh linh ấy đều đến làm hộ pháp cho quý vị, quý vị sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề. Chúng ta làm thế nào thì mới có thể đạt được những phương tiện ấy? Điều quan trọng nhất là bản thân chúng ta phải y giáo tu hành, phải đoạn phiền não, phải đoạn tập khí, nâng cao linh tánh và cảnh giới của chính mình. Đó là đúng!

Học Phật trọn chẳng tham cầu thần thông, trọn chẳng mong cầu cảm ứng. Hết thầy đều chiếu theo kinh giáo để thật thà học tập, quý vị sẽ chẳng bị rối loạn! Quý vị thấy đó, phàm là những kẻ tham cầu cảm ứng, tham cầu thần thông, Phật môn gọi họ là “bị ma dựa”. Vì sao? Những kẻ ấy là một loại môi giới để cảm nhiễm yêu ma quỷ quái. Hễ quý vị có ý niệm ấy, rất dễ chiêu vờ những loài tinh linh! Họ sẽ đến dựa thân, phiền phức sẽ xảy ra! Trong Phật môn gọi [tình trạng ấy] là “bị ma dựa”, hoặc “bị vương ma chướng”, còn pháp thế gian gọi là “tinh thần phân liệt” (schizophrenia), hoặc “mắc bệnh thần kinh”. Chúng tôi thấy khá nhiều kẻ trẻ tuổi, khi trước, tôi ở Mỹ một thời gian dài, [đã trông thấy] khá nhiều sinh viên Đại Học rất giỏi, rất ưu tú, họ học Phật, học một, hai năm, bị bệnh thần kinh! Cuối cùng, chẳng có cách nào, phải đưa vào bệnh viện tâm thần. Vậy là rồi đời, cuộc đời tiêu rồi! Tôi ở Mỹ, đã gặp không ít [trường hợp như vậy]. Cha mẹ họ, người nhà quyến thuộc của họ đến tìm tôi, hỏi tôi có cách nào cứu hay không? Tôi nói với họ: “Có phải là nó ham chuộng thần thông hay không?” Họ đáp: “Đúng thế!” “Nó thích cảm ứng phải không?” Đúng thế! Chẳng có ngoại lệ, toàn là ham chuộng những thứ ấy. Học Phật mà chẳng muốn nghe Giáo. Vì sao? Trong ấy, chẳng có thần thông, chẳng có cảm ứng! Vì thế, họ học Thiên, học Mật, học những thứ ấy. Hễ bị ma dựa thân, sẽ rất khó quay đầu, rất khó chữa lành. Chẳng thể không lưu ý, chẳng thể không cẩn thận chuyện này. Nhất định là phải đi theo con đường chánh đáng, chớ nên theo lối tà! Chẳng phải là Thiên và Mật không tốt! Nếu là một vị thầy giỏi, thật sự hữu tu, hữu chứng, quý vị theo học với vị đó sẽ chẳng có vấn đề gì. Nếu có ma đến nhiễu loạn, vị ấy có năng lực giúp đỡ quý vị. Quý vị phải có thầy như vậy thì mới được. Quý vị chẳng có một vị thầy như thế ấy, nếu bị ma dựa, thầy cũng chẳng có cách nào cả! Chớ nên không biết chuyện này!

Câu cuối cùng là “đoạn chư Tập trí lực”. Tập (習) là tập khí (習氣), so với phiền não còn cao hơn một tầng. Quý vị thấy đó, A La Hán đoạn phiền não, tuy đoạn Kiến Tư phiền não, tập khí vẫn còn. Tập khí cũng có thể trở ngại sự, chướng ngại quý vị tu hành, chướng ngại quý vị chứng quả. Tôi lại nêu ra một lời cảnh cáo cùng chư vị, [tập khí sẽ] chướng ngại quý vị vãng sanh! Chúng ta chẳng nghĩ tới chuyện khai ngộ chứng quả, vì sao? Quả thật, chúng ta chẳng thể làm được

điều ấy trong một đời; [do đó], chúng ta cầu nguyện vãng sanh. Ngay như hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tập khí này sẽ chướng ngại quý vị, chuyện này phiền phức lắm! Chúng ta thật sự mong vãng sanh trong đời này, phải đoạn tập khí phiền não này! Đoạn ở chỗ nào? Đều là trong cuộc sống hằng ngày. Cách đoạn như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta phương pháp tuyệt diệu. Chẳng có gì khác, chính là trì giới. Trong giới luật, những điều Ngài dạy nên làm, chúng ta hãy nghiêm túc thực hiện. Những điều Ngài ngăn cấm, chớ nên làm. Chúng ta nhất định phải khắc chế chính mình, quyết định chớ nên vi phạm, như vậy thì mới có thể đoạn phiền não, đoạn tập khí. Chúng ta dùng câu Phật hiệu làm Tăng Thượng Duyên. Chỉ cần phiền não dấy lên hiện hành, bậc đại đức trong Tông Môn đã nói rất hay: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậ*”. Ý niệm mới vừa dấy lên, muốn phát tác, hãy “*nam-mô A Di Đà Phật*”, đè nén ý niệm bất thiện ấy xuống!

Phải biết, tất cả hết thảy các pháp thế gian toàn là pháp luân hồi, vì sao chẳng buông xuống? Vì sao còn chấp trước như vậy? Chỉ cần có thể chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn phân biệt, thật sự buông xuống, tập khí ấy sẽ phai nhạt, rất hữu ích cho việc niệm Phật vãng sanh, chớ nên không biết điều này! Hãy nhớ, điều quan trọng nhất là: Trong hết thảy các pháp, chẳng khởi tham tâm (tức là chẳng dấy lên tham ái), chẳng khởi sân khúe, chẳng sanh mê hoặc (mê hoặc là ngu si), đối với giáo huấn của bậc thánh hiền, quyết định chẳng hoài nghi. Trong hết thảy các cảnh giới, gìn giữ sự khiêm ty, trọn chớ nên ngạo mạn, sẽ rất hữu ích cho sự tu hành và khai ngộ của chúng ta. Chúng tôi giảng đoạn này tới đây, hiện tại cũng hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp đoạn kinh văn thứ chín.

(Kinh) Vân hà thường đắc thiên vương, long vương, Dạ Xoa vương, Càn Thát Bà vương, A Tu La vương, Ca Lô La vương, Khẩn Na La vương, Ma Hầu La Già vương, nhân vương, Phạm vương, chi sở thủ hộ, cung kính cúng dường?

(經)云何常得天王。龍王。夜叉王。乾闥婆王。阿修羅王。迦樓羅王。緊那羅王。摩睺羅伽王。人王。梵王。之所守護。恭敬供養。

(Kinh: Làm thế nào để được thiên vương, long vương, Dạ Xoa vương, Càn Thát Bà vương, A Tu La vương, Ca Lô La vương, Khẩn Na La vương, Ma Hầu La Già vương, nhân vương, Phạm vương thủ hộ, cung kính cúng dường?)

Đoạn kinh văn này là Tăng Thượng Quả. Trong chú giải, Thanh Lương đại sư không chú giải nhiều lắm. Chúng tôi đọc đoạn văn này:

(Sớ) Đệ bát, thập vương kính hộ, thị Tăng Thượng Quả giả, tức hữu lực tăng thượng, do kỹ cụ đức, linh bỉ hộ cố.

(疏)第八，十王敬護，是增上果者，即有力增上，由己具德，令彼護故。

(Sớ: Thứ tám, mười vị vua kính trọng, hộ trì, đây là Tăng Thượng Quả, tức là có sức tăng thượng, do chính mình đầy đủ đức, khiến cho họ hộ trì).

Trước hết, chúng tôi giới thiệu đơn giản mười vị thiên vương (“*thập vương*”). Thứ nhất là nói về thiên vương, “*thiên vương*” bao gồm [các vị chúa tể của] hai mươi bốn tầng trời, tức là sáu tầng trời thuộc Dục Giới và mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới. Đối với Vô Sắc Giới, chúng ta không tính, vì bốn tầng trời của Vô Sắc Giới ngay cả sắc tướng cũng chẳng có. Vì thế, trên thực tế, “*thiên vương*” là nói đến mười tám tầng trời [của Sắc Giới] cộng thêm sáu tầng trời Dục Giới, thành hai mươi bốn. Thiên vương trong hai mươi bốn tầng trời, trong mỗi tầng trời không chỉ có một vị thiên vương, chư vị nhất định phải biết điều này. Giống như nhân vương trong nhân gian, trên địa cầu có khá nhiều quốc gia, mỗi quốc gia đều có quốc vương. Trong quốc gia dân chủ thì gọi là Tổng Thống, cũng giống như vậy, là người lãnh đạo quốc gia. Thiên vương là người lãnh đạo trên cõi trời, đây là khó có nhất!

Thứ hai là long vương. Ở đây, “*long vương*” chuyên chỉ thần thủ hộ. Thông thường, trong Dục Giới và Sắc Giới họ đều canh giữ thiên cung, chúng ta thường nói là “*bảo vệ*”, họ bảo vệ cung điện của thiên vương. Khá nhiều thiên vương và long vương là đệ tử đức Phật; vì chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát cũng thường giảng kinh, thuyết pháp trên cõi trời, họ cũng hết sức thích nghe, hết sức thích học tập. Nhưng họ học tập, nói chung là thành tựu không bằng nhân đạo, đây là do nguyên nhân nào? Chúng ta phải hiểu nhà Phật thường nói: “*Phú quý học đạo nan*” (Phú quý khó học đạo). Quý vị thấy trong nhân gian chúng ta, kẻ đại phú đại quý đến học Phật, cũng rất nghiêm túc. Trên thực tế, họ chẳng thể buông phú quý xuống được, lưu luyến phú quý. Vì vậy, thành tựu kém xa những kẻ thanh bần. Thanh bần thì cũng phải là cuộc sống dẫu cùng khổ nhưng vẫn còn sống được, chứ nếu [túng quẫn] đến mức cơm áo chẳng đủ, luôn luôn thiếu thốn, sẽ rất khó học đạo. Vì sao? Ba bữa cơm chẳng no, quần áo mặc chẳng đủ ấm, người ấy còn có tâm tư đâu để học Phật nữa? Vì thế, cả hai trường hợp ấy đều khó khăn. Phú quý học đạo khó, bần cùng học đạo khó! Học đạo thích đáng nhất sẽ là những kẻ gia cảnh thường thường bậc trung. Quý vị cũng chẳng phải là nhà đại phú đại quý, chuyện ăn no ba bữa còn có thể duy trì, biết thế gian rất khổ, tu học rất nghiêm túc. Quý vị hiểu rõ đạo lý này; do vậy, đức Phật nói: Trong lục đạo, thích đáng nhất sẽ là nhân đạo. Nhân đạo là thường thường bậc trung, cõi trời phú quý, còn ba ác đạo quá khổ!

Trong những năm qua, chúng tôi nhận được một vài tin tức từ linh giới. Họ đưa tin, chúng tôi suy nghĩ thấy chẳng phải là vô lý. Họ nói có những kẻ trong súc sanh đạo hoặc ngạ quỷ đạo còn tu tập tốt đẹp hơn loài người. Ngược lại, loài

người chẳng bằng súc sanh, chẳng bằng ngựa quý. Đây là một hiện tượng rất đặc thù, nhưng suy nghĩ cẩn thận, chúng ta có thể hiểu giải hiện tượng ấy. Loài người [tu hành thua kém súc sanh và ngựa quý] là chuyện như thế nào? Loài người đã mê! Biết cuộc sống hiện tiền khổ sở, nhưng chẳng tin có đời sau, chẳng chịu tu! Dẫu có những người có niềm tin tôn giáo, tôn giáo dạy về đời sau, nhưng họ cảm thấy những điều tôn giáo nói về đời sau quá xa vời, có thật hay chẳng? Vì vậy, khoa học càng phát triển, tôn giáo dần dần suy vi. Trạng huống này hết sức rõ rệt ở phương Tây, người có niềm tin tôn giáo ngày càng giảm thấp, chẳng có người đi nhà thờ. Vì thế, chúng ta thấy khá nhiều nhà thờ phải treo bảng rao bán! Ở phương Đông, dường như người có niềm tin tôn giáo vẫn chẳng ít, nhưng nếu quý vị khảo sát, sẽ thấy cũng đang dần dần suy giảm.

Trong ấy, có rất nhiều nhân tố. Nhân tố quan trọng nhất là trong tôn giáo chẳng có những vị thầy truyền giáo thật sự tốt đẹp. Nếu bản thân người truyền giáo chẳng thể giữ giới, chẳng thể tu hành, coi truyền giáo như một nghề, vẫn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tín đồ thân cận quý vị một thời gian dài, làm sao nẩy sanh tín tâm đối với quý vị cho được? Không chỉ là Phật giáo, những tôn giáo khác đều giống như thế. Tôi nghĩ đây mới là nhân tố thứ nhất khiến cho tôn giáo suy yếu. Hiện thời, hiện tượng này rất phổ biến, nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là chẳng thâm nhập kinh tạng, chẳng y giáo tu hành. Ở Mã Lai, tôi gặp trưởng lão Mã Cập Địch (Mahathir)⁵⁰, lão nhân gia rất thẳng thắn bảo tôi, chẳng có mấy may che lấp khuyết điểm (ông ta là tín đồ đạo Hồi): “Do chẳng thực hiện giáo huấn của kinh Cô Lan (Qur’an), chẳng nghiêm túc thực hiện, cho nên mới bị những phân tử có dã tâm lợi dụng”. Đây là lời nói thật lòng! Tôi nói với ông ta: “Không chỉ là đạo Hồi, Phật giáo cũng chẳng phải là ngoại lệ”. Chúng ta là đệ tử tại gia hay xuất gia của đức Phật, có mấy người thật sự thực hiện giáo huấn của đức Phật? Có mấy ai thật sự thực hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện Tam Quy, Ngũ Giới? Đệ tử xuất gia thì tối thiểu là thực hành Sa Di Luật Nghi, [có mấy

⁵⁰ Ông này có tên gọi đầy đủ là Mahathir bin Mohamad (sinh năm 1925) là Thủ Tướng thứ tư của Mã Lai từ năm 1981 đến năm 2003, và là một vị chính khách đảm nhiệm chức vụ này lâu năm nhất tại Mã Lai. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như bộ trưởng tài chính, bộ trưởng nội vụ, bộ trưởng mậu dịch và kỹ nghệ, bộ trưởng giáo dục, và phó thủ tướng trước khi trở thành Thủ Tướng. Ông Mahathir được ca ngợi là người có công hiện đại hóa và thúc đẩy kinh tế Mã Lai phát triển mạnh mẽ. Ông cũng rất bạo miệng khi chỉ trích những người theo Hồi giáo cuồng tín, nhất là những giáo sĩ tham quyền cố vị, dùng mọi thủ đoạn lũng đoạn chính trường. Người Hoa thường gọi ông là Trưởng Lão do dịch chữ Tun Dato Seri là một tước hiệu thường đi trước tên gọi của ông. Đây là một tước vị thoát đầu chỉ dành cho quý tộc hoặc hoàng gia Mã Lai. Tun là danh hiệu trao cho một viên đại thần có công cống hiến lớn nhất cho đất nước. Dato Seri là danh hiệu tôn xưng vị trưởng quan cao cấp nhất quốc gia có công lao to lớn với đất nước. Dato Seri thấp hơn Tun. Ông Mahathir lần lượt được trao các tôn hiệu này tuy ông xuất thân từ một gia đình trung lưu, không phải là quý tộc, mà cũng không phải là quan chức. Do có những dòng họ Mã Lai tuân theo truyền thống Ả Rập, không gọi tên theo dòng họ mà chỉ ghép sau tên của mình chữ Bin (Ben) hoặc Ibn rồi đến tên cha (Bin và Ibn đều có nghĩa là “con trai của”. Mahathir bin Mohamad nghĩa là Mahathir con trai của Mohamad, cha ông ta tên là Mohamad bin Iskander). Vì thế, tại Mã Lai, khi nói đến ông, người ta chỉ gọi là Tun Dato Seri Mahathir.

người làm được]? Không làm được. Vì thế, Phật pháp hiện thời suy vi như thế đó!

Chẳng thể nói Giáo là không tốt, vậy là quý vị đã khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật bị oan uổng mất rồi. Nói chung bằng một câu, Khổng Tử đã nói rất hay: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại mình). Bản thân chúng ta chẳng làm tốt đẹp, chẳng thể trách móc kẻ khác. Trách móc kẻ khác là sai mất rồi! Hết thầy đều phải thực hiện từ bản thân ta, tuyệt đối chẳng bắt lỗi kẻ khác. Người khác chẳng có lỗi lầm, lỗi lầm nơi một thân ta! Ta chẳng làm tốt, khiến cho đại chúng trong xã hội nảy sinh hiểu lầm, khiến cho các vị thần hộ pháp chẳng hộ trì. Thần hộ pháp chẳng nói chuyện cảm tình, hoàn toàn là xét theo sự biểu hiện nơi sự thật của quý vị. Quý vị thật sự tu trì, thật sự có đạo đức, sẽ cảm động họ, họ tự nhiên đến tôn kính, hộ trì quý vị. Quý vị có Tăng Thượng Duyên ấy, sẽ càng dũng mãnh, tinh tấn. Hiện thời, tu hành khó khăn hơn thời cô. Thời cô, hoàn cảnh ngoại duyên tốt đẹp. Tại Trung Hoa, đế vương hộ pháp, đế vương hết sức tôn trọng người tu hành. Kẻ bình dân đều biết kính Phật, biết kính đạo, ngay cả Nho, Thích, Đạo đều được đại chúng trong xã hội tôn kính. Xã hội hiện thời khác hẳn, nếu muốn được đại chúng trong xã hội tôn kính, chẳng phải là chuyện dễ dàng, nhưng như thế nào? “*Thập vương kính hộ*” (Mười vua kính yêu, hộ trì), đây là sự cổ vũ, khích lệ rất lớn đối với người thật sự tu hành. Chuyện này là thật, chẳng giả, là sự cổ vũ, khích lệ to lớn không chi hơn! Người có thể thật sự tu hành chẳng thoái chuyển, cố nhiên là Tam Bảo gia trì. Mười vị vua này có công hiến rất lớn.

Thứ ba là Dạ Xoa vương. Dạ Xoa (Yakṣa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, có hai ý nghĩa. Một là Dũng Kiện (勇健), vì họ hết sức dũng cảm, hết sức nhanh nhẹn, tốc độ rất nhanh chóng, lẹ làng! Ý nghĩa khác là Bạo Ác. Họ rất hung bạo, rất ác, bất thiện. Do vậy, chúng ta gọi họ là Dạ Xoa. “*Vương*” là lãnh tụ của loài Dạ Xoa. Đương nhiên là vua của loài này cũng rất nhiều, quyết không phải là chỉ có một⁵¹. Như trong nhân gian, vua loài người rất nhiều, vua của mỗi loại đều rất nhiều. Nhưng trong những loại vua ấy, [tức là] trong số các vị vua của mỗi loài ấy, đều có người tín ngưỡng tôn giáo, có người là đệ tử đức Phật. Dạ Xoa vương là đệ tử đức Phật, nay chúng ta y giáo tu hành, ông ta đương nhiên hộ trì, đương nhiên là ông ta hoan hỷ, trong ấy có tâm từ bi. Nhưng nếu chẳng phải là kẻ nghiêm túc tu hành, trong các vua Dạ Xoa, có rất nhiều kẻ bạo ác, hung tợn, họ chẳng phải là đệ tử đức Phật, cũng chẳng quy y Tam Bảo, nhưng đối với người thật sự tu hành, họ cũng rất tôn trọng, chẳng làm hại quý vị. Nếu quý vị là kẻ tu hành giả dối, họ mới đến trêu chọc quý vị. Thậm chí những con quỷ Dạ Xoa đến quấy phá quý vị, họ chẳng can thiệp. Đây là lý do vì sao người tu hành hiện thời bị ma dựa lăm như vậy!

⁵¹ Một vị Dạ Xoa Vương thường được thờ làm thần thủ hộ chính là Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa) thiên vương, tức Bắc Phương Đa Văn thiên vương. Ngài thống lãnh các Dạ Xoa sống trên eo núi Tu Di.

Trong mười loại ấy, xác thực là có rất nhiều kẻ bất thiện, [nhưng do] tiếp nhận sự hun đúc của Phật pháp, họ biến thành tốt lành. Kẻ chẳng tiếp nhận, bất thiện, giống như người trong xã hội hiện thời! Chúng ta thấy trong xã hội hiện thời, rất nhiều kẻ thấy lợi bèn quên bém tình nghĩa, trong mắt chỉ có lợi lộc, tham cầu món lợi nhỏ nòi, chẳng hiểu đạo nghĩa là gì. Đúng như cổ nhân đã nói: “*Duy lợi thị đồ*” (Chỉ ham cầu lợi). Khởi tâm động niệm, [toàn là] tổn người lợi mình, rất bất thiện. Vì thế, chuốc lấy thiên tai và nhân họa trong xã hội này, có khá nhiều tai nạn.

Nghiệp nhân thật sự của tai nạn là gì? Nghiệp cảm, do nghiệp bất thiện cảm vơi. Nếu là thiện nghiệp, ai nấy đều là thiện tâm, thiện hạnh. Từ xưa tới nay, các nhà Phong Thủy Trung Hoa có một câu nói cửa miệng, chẳng phải là vô lý. Tôi cảm thấy họ nói rất có lý. Họ nói: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước ở cuộc đất có phước. Cuộc đất có phước dành cho người có phước ở). Hiện thời, toàn thể xã hội động loạn, nói rõ điều gì? Hiện thời, người sống trên địa cầu chẳng có phước báo, không biết tu phước, chỉ biết tạo tội nghiệp, xã hội làm sao có thể an định cho được? Lẽ nào thái bình cho được? Nếu muốn cho xã hội an định, thái bình, dùng phương pháp gì? Ngoại trừ dùng giáo dục của cổ thánh tiên hiền, chẳng có cách thứ hai nào khác! Giáo dục của cổ thánh tiên hiền dạy điều gì? Dạy con người làm người tốt, phải hiểu điều này. Trong tôn giáo, Phật, Bồ Tát dạy người, chúng ta đã đọc rất nhiều, [đều nhận thấy chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh] nhằm dạy quý vị làm người tốt, chẳng phải là dạy quý vị làm quan to, phát tài lớn, chẳng phải vậy! Mà là dạy quý vị làm người tốt. Người tốt có phước báo, kẻ ác lấy đâu ra phước báo? Kẻ ác, trong phần trước, tôi đã nói, cũng đã nói rất nhiều: Kẻ ác có phước báo là do trong đời quá khứ đã tu phước, phước ấy quá lớn! Đời này làm ác, nhưng phước báo của hắn chưa bị khấu trừ hết! Tuy bị khấu trừ rất lớn, vẫn còn khá đáng kể. Quý vị hiểu: Do tu tập tích lũy nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, nên có phước báo to như thế. Lý và Sự chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thật sự là tâm bình khí hòa, hiểu rành mạch, hiểu rõ ràng quá khứ, hiện tại, vị lai.

Do vì tâm mọi người bất thiện, ý niệm bất thiện, lời nói và hành vi bất thiện, lấy đâu ra phước báo? Giáo pháp Đại Thừa đã nói về hoàn cảnh bên ngoài rất nhiều: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Chúng ta là thiện tâm, dẫn hoàn cảnh bên ngoài chẳng tốt đẹp, thế mà mưa hòa, gió thuận, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Nếu tâm bất thiện, núi, sông, đại địa đều nẩy sanh biến hóa, vật chuyển theo tâm mà! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai*”. Chư Phật, Bồ Tát là đại thiện nhân! Các Ngài có thể chuyển cảnh giới. Các Ngài ở nơi nào, người ở nơi đó thật sự có phước. Vậy thì vì sao Phật, Bồ Tát chẳng đến? Có đến cũng vô dụng, quý vị chẳng tiếp nhận. Các Ngài có thể chuyển [cảnh giới] để các Ngài thọ dụng, cảnh giới của quý vị chẳng thể chuyển! Nói cách khác, đối với chuyện này, tâm, Phật, chúng sanh cả ba chẳng sai biệt. Phật chẳng giúp được, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Nếu chúng ta đều giác ngộ, hoan hỷ tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, Phật, Bồ Tát sẽ đến thế gian này đông đảo! Quý vị thấy vào đời hưng thịnh tại

Trung Hoa trong thời cổ, trong hàng tại gia, xuất gia, các vị Phật, Bồ Tát tái lai rất đông, cho thấy xã hội ấy tốt đẹp, thiện nhân đông đảo, người mong làm lành đông đảo, bèn cảm ứng Phật, Bồ Tát hiện đến. Nếu chúng ta niệm nào cũng đều là ác (làm ác), chẳng có thiện niệm, chẳng có thiện hạnh, sẽ chẳng cảm ứng Phật, Bồ Tát, mà là gì? Dạ Xoa, La Sát. Những loài này trong kinh điển đều có [nhắc đến], không gì chẳng phải là do nghiệp cảm của chúng sanh [cảm vờ], quý vị còn nói gì được nữa? Do đó, chỉ cần chúng ta nghiêm túc y giáo tu hành, Dạ Xoa vương sẽ thủ hộ chúng ta, đến làm hộ pháp cho chúng ta.

Vị thứ tư Càn Thát Bà vương. Càn Thát Bà (Gandharva) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Hương Âm. Hương (香) là thấp hương, Âm (陰) là chữ Âm trong Âm Dương. Quý vị thấp hương, họ ngửi thấy mùi liền đến. Họ là ai? Chính là thần âm nhạc của Đạo Lợi Thiên, rất giống ban nhạc giao hưởng quốc gia trong hiện thời. [Càn Thát Bà vương] là đoàn trưởng của đoàn nhạc giao hưởng. Ông ta có địa vị như thế, là người chỉ huy âm nhạc, có một đội nhạc rất lớn. Nếu chúa trời Đạo Lợi có hoạt động gì với quy mô lớn, cần gọi họ đến diễn tấu, cứ thấp hương, họ sẽ đến ngay! Họ ngửi thấy mùi hương bèn đến, biết là trong thiên cung cần diễn tấu. Đây là người diễn tấu.

Vị thứ năm là A Tu La vương. Trong mười loại vua, các đồng học thấy A Tu La (Asura) khá quen thuộc. La Sát (Rākṣasa) và A Tu La khá quen thuộc, vì những loài này thường được nói là rất bất thiện, rất hung tợn, rất ác, có thể hại người. A Tu La là tiếng Phạn, dịch là Vô Đoan Chánh, vì diện mạo của họ rất xấu xí, thô kệch, rất hung ác, khiến cho quý vị trông thấy sẽ sợ hãi, nhưng họ có phước báo. Gần như A Tu La nào cũng đều có phước báo. Đức Phật dạy: Trong khi tu nhân, họ tu phước, Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí, họ thật sự làm, cho nên họ có đại phước báo. Nhưng tu bố thí, chịu làm chuyện tốt, cái tâm ngạo mạn rất nặng, tâm chẳng nhu hòa, chỗ nào cũng đều cạnh tranh với kẻ khác.

Giống như trong Phật môn chúng ta, sắp đến Tết rồi, bao nhiêu người tranh giành để được thấp nén nhang đầu tiên trong đêm Giao Thừa. Hễ có cái tâm cạnh tranh, trong tương lai, quả báo đều là A Tu La đạo. Hiếu thắng, ham tranh chấp, lòng ghen tỵ rất nặng, chỗ nào cũng đều phải đứng thứ nhất, quý vị xếp họ đứng thứ hai, họ sẽ bực bội, kiếm chuyện làm phiền quý vị. Đây là một loại trong trời, người, quỷ, súc đều có. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng!

Thông thường kinh Phật nói về A Tu La là chuyên nói về Thiên A Tu La, họ có phước báo cõi trời, nhưng chẳng có đức hạnh của thiên vương. Thiên vương từ, bi, hỷ, xả, nhân từ, họ (A Tu La) hung ác; nhưng sau khi họ tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, quy y Tam Bảo, cũng biến thành thần hộ pháp, chư vị nhất định phải biết điều này. Trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, tôi chẳng ngại trùng lặp. A Tu La vương rất nhiều, trong ấy, chỉ có một phần là đệ tử đức Phật. Đương nhiên là đệ tử đức Phật, họ sẽ sửa lỗi đổi mới. Nhưng cần phải nhớ, tuy sửa lỗi, tập khí vẫn còn, tập khí hung ác vẫn còn, điều này rất khó sửa; nhưng trong tâm chẳng có ác tâm, tuy vẫn còn có tập khí ác, còn có tập khí ngạo mạn. Cái tâm ngạo mạn thật sự chẳng có, tâm tuy từ bi, vẫn có biểu hiện ngạo mạn,

điều này cũng đáng cho chúng ta tham khảo trong tu học. Vì thế, khiêm hư, cung kính hết sức trọng yếu!

Tôn giáo nào cũng đều nói tới khiêm hư, cung kính. Quý vị thấy đối với Thiên Chúa Giáo, trước kia, tôi cũng có nhắc đến kinh Mân Côi (Rosarium)⁵², đoạn thứ nhất trong ấy nói thánh mẫu Mã Lợi Á (đức bà Maria) khiêm ty, luôn nêu gương giáo hóa chúng ta, đáng cho chúng ta học tập. Trong kinh Dịch của giáo học truyền thống Trung Hoa, trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có quẻ Khiêm⁵³ là sáu hào đều cát, nó chẳng có lỗi lầm! Mỗi quẻ đều có cát và hung, chỉ có quẻ Khiêm là thuần cát, chẳng hung. Trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có một quẻ này là thuần cát vô hung, tức quẻ Khiêm, khiêm hư, cung kính. Chúng ta dùng [thái độ] khiêm hư, cung kính để tu bổ thí cúng dường, quyết không đọa trong A Tu La đạo. Nếu A Tu La không học Phật, hưởng hết phước báo, chẳng có ai không đọa trong tam đồ. Phải thấy rõ ràng, phải tin tưởng lời Phật dạy chẳng sai! Đối với người khác cung kính, quyết định là có lợi ích.

Vị thứ sáu là Ca Lô La vương. Nay nhân gian chúng ta chẳng thấy Ca Lô La (Garuda). Trong cổ thư có ghi chép một loài được gọi là “đại bằng kim xỉ điểu” (大鵬金翅鳥), Ca Lô La là “kim xỉ điểu” (chim cánh vàng). Thân thể loài chim này rất lớn, có thể bay rất cao, bay rất xa. Chúng ăn rồng, nên là khắc tinh của long tộc. Long vương cầu đức Phật cứu họ, sợ bị kim xỉ điểu ăn. Vì thế, đức Phật xé một góc áo ca-sa, tách ra những sợi chỉ, chia những sợi chỉ từ áo ca-sa cho các long tử, long tôn. Chỉ cần rồng có một tí chỉ từ áo ca-sa của đức Phật, kim xỉ điểu sẽ chẳng ăn nó. Ca Lô La vương là Phật tử kiên thành, họ là một vị trong tám bộ hộ pháp, tức tám bộ quý thần.

Vị thứ bảy là Khẩn Na La vương. Khẩn Na La (Kimnara) dịch là Nghi Thân, Nghi (疑) là nghi hoặc. Vì hình trạng của họ chẳng khác loài người, điểm khác biệt là trên đầu họ có một cái sừng, giống như sừng trâu hay sừng dê. Vì thế, quý vị nói họ là người, họ có thêm một cái sừng. Quý vị nói họ chẳng phải là người, trừ cái sừng ấy ra, họ giống như con người. Họ cũng thuộc loại nhạc thần (thần âm nhạc), đều thuộc về Đạo Lợi Thiên. Loại này có sở trường là biểu diễn, hơi khác Càn Thát Bà. Càn Thát Bà giống như dàn nhạc, là đội nhạc giao hưởng, còn Khẩn Na La là ca múa, biểu diễn, diễn xuất. Chúng ta gọi họ là đoàn thể văn hóa, nghệ thuật, họ thuộc loại này. Đại khái là trong cung trời, hễ có hoạt động

⁵² Mân Côi (玫瑰) là tên gọi của hoa hồng. Rosarium có nghĩa là tràng hoa hồng, chuỗi hoa hồng. Danh xưng này thoát đầu đề gọi chuỗi tràng hạt sử dụng để đếm những bài kinh trong cầu nguyện. Khi người ta nói đọc kinh Mân Côi, có nghĩa là đọc theo thứ tự là một kinh Lay Cha (Pater Noster), mười lần kinh Kính Mừng Đức Mẹ (Ave Maria), và kết thúc bằng kinh Sáng Danh (Gloria Patri). Cứ mỗi một lần như thế được gọi là một suy niệm về một sự kiện tương ứng trong cuộc đời Chúa Jesus.

⁵³ Đây là quẻ Địa Sơn Khiêm, là một quẻ kép (phức quái) do quẻ Khôn và Cấn hợp thành. Do quẻ Cấn (tượng trưng cho núi) lại ở dưới quẻ Khôn (đất), nên có tên gọi như vậy. Hào (爻) là một vạch liền hay đứt trong một quẻ. Nói “sáu hào đều cát” vì phần Thoán Từ giải thích ý nghĩa của mỗi hào trong quẻ này đều tốt lành.

với quy mô lớn, sẽ mời họ đến biểu diễn, diễn xuất một số tiết mục giải trí, họ sẽ đến phụ trách.

Vị thứ tám là Ma Hầu La Già vương. Ma Hầu La Già (Mahoraga) dịch là Đại Phúc Hành, Phúc (腹) là bụng⁵⁴, [Ma Hầu La Già là] Mãng Xà, Đại Xà. Chúng ta thấy những loài này hiện thời được gọi là “*tinh linh*” (精靈), là những người tu hành thành tựu trong loài tinh linh. Họ có thể lên thiên cung, có thể cùng tụ hội với chư thiên, nhưng thân phận thật sự của họ là tinh linh, là rắn, thuộc loại rắn lớn. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy: Súc sanh, ngạ quỷ tu hành chứng quả, trong ấy cũng có kẻ chứng A La Hán, cũng có kẻ chứng quả vị Bồ Tát. Lục đạo chúng sanh đều có Phật tánh; có thể thành tựu hay không, xác thực là như Thiên Đạo đại sư đã nói: “*Nói chung là do gặp duyên khác nhau*”. Do vậy, nay chúng ta hiểu: Trong địa ngục là khổ sở nhất, Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện trong địa ngục, [là vị] trong ấy có người thật sự biết địa ngục là khổ, đọa nhập địa ngục là vì nhất thời phạm sai lầm. Trong đời quá khứ, người ấy quả thật cũng tu hành, có thiện căn, đời này do chẳng gặp thiện duyên, chẳng cẩn thận tạo tác tội nghiệp, bị đọa địa ngục. Họ gặp Địa Tạng Bồ Tát cũng thật sự sám hối, quay đầu là bờ, nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh. Có thể vãng sanh hay không? Có chứ, đương nhiên đó là thiểu số cực ít. Đúng như trong Phật pháp thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”.

Phàm là người đọa địa ngục còn có thể được Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn đắc độ, chúng ta phải hiểu nhân tố thứ nhất là thiện căn của người ấy sâu dày. Thiện căn do đâu mà có? Thiện căn nhất định là do đọc kinh, niệm Phật mà có. Đời này đã đọc kinh, niệm Phật, có sao bị đọa địa ngục? Ác tập khí quá nặng! Trong các đồng học chúng ta, quý vị chỉ cần lưu ý nhìn xem sẽ biết, có rất nhiều trường hợp xác thực là như vậy. Họ có biết là sai lầm hay không? Biết chứ! Tuy biết, nhưng cố tình hoặc vô ý vẫn làm. Những tội nghiệp là như nay chúng ta nói, giết, trộm, dâm, dối, ích kỷ, tổn người, lợi mình, làm những sự nghiệp ấy, làm hại nhiều người.

Đặc biệt là trong khi tai nạn, có khá nhiều tai nạn, có những vị nhân sĩ thiện tâm muốn cứu giúp nạn nhân, cuối cùng là như thế nào? [Nạn nhân] chẳng nhận được tiền, vì sao? Tiền đều bị những kẻ trung gian tước mất, người thật sự bị nạn chẳng nhận được. Do vậy, đã khiến cho rất nhiều nhân sĩ thiện tâm chẳng muốn bỏ tiền cứu giúp tai nạn. Chính mình cũng chẳng có cách nào đến nơi đang xảy ra tai nạn, thường là phải giao cho người khác làm giùm, có những cơ quan của chánh phủ, có các tổ chức tư nhân. Người hiện tại hoài nghi họ, nói họ toàn là phường tham tiền, chẳng làm. Quan niệm ấy sai rồi! Chẳng biết trong kinh điển, đức Phật thường giáo huấn chúng ta: “*Ai có nhân quả nấy, mỗi người tự chịu trách nhiệm*”. Quý vị là thiện tâm, quyền tiền cứu giúp nạn nhân, công đức của quý vị chẳng thiếu khuyết chút nào. Những kẻ khác ăn chặn, khiến cho dân chúng đang bị tai nạn chẳng nhận được tiền, chúng nó bỏ vào túi riêng, lũ chúng nó tạo

⁵⁴ Đại Phúc Hành là con vật đi bằng bụng lớn, “đi bằng bụng” chính là bò trườn.

tội nghiệp, sẽ phải chịu quả báo. Ai có nhân quả này, mỗi người tự chịu trách nhiệm. Quý vị chớ nên thấy chuyện này mà đoạn dứt thiện tâm, sai mất rồi!

Có người nói: “Ta bỏ tiền ra khiến cho bọn họ tham cầu lợi ích, họ đoạt lấy, chẳng phải là ta đã giúp họ tạo tội nghiệp ư?” Quý vị hãy ngẫm xem, nếu quý vị thật sự phát tâm giúp họ tạo tội nghiệp thì quý vị phạm lỗi. Quý vị phát tâm chẳng nhằm giúp họ tạo tội nghiệp. Quý vị phát tâm nhờ họ chuyển giao món tiền ấy cho dân chúng đang gặp tai nạn, chẳng phải là quý vị phát cái tâm như thế ấy hay sao? Tâm ấy là thiện tâm, là hảo tâm, còn như họ làm như thế nào, họ phải chịu trách nhiệm, quyết chẳng phải là ta tạo cơ hội cho họ tạo tác tội nghiệp. Vọng tưởng của quý vị nhiều quá!

Hãy ghi nhớ, ai có nhân quả này, mỗi người tự chịu trách nhiệm, mỗi người có quả báo của riêng mình. Cái tâm làm lành chớ nên đoạn, ý niệm làm lành chớ nên đoạn, cái hạnh làm lành chớ nên đoạn, quyết định phải làm. Chẳng cần biết kẻ khác chướng ngại như thế nào, hoặc chiếm tiện nghi, mong cầu lợi ích từ quý vị như thế nào, đều chẳng quan tâm! Mỗi người có quả báo riêng! Tâm chúng tôi thuần chánh, chúng tôi tín nhiệm quý vị, nếu bản thân quý vị tham cầu lợi ích, quả báo ấy quá khổ! Dân bị tai nạn có nhu cầu cấp bách, đó là cứu mạng; quý vị đoạt chút tiền cứu mạng của họ, sẽ hại chết bao nhiêu chúng sanh, quả báo ấy sẽ là địa ngục A Tỳ, rất đáng sợ! Đó là quý vị tự làm tự chịu, tuyệt đối chẳng phải là chúng tôi bỏ tiền, bỏ sức để tạo cơ hội đưa quý vị vào địa ngục, chẳng phải vậy! Nếu có ý niệm như vậy, ta đã hại người, ta muốn đẩy kẻ khác vào địa ngục, hãm hại kẻ đó. Chẳng phải vậy! Chúng ta tín nhiệm họ, khẩn cầu họ giúp đỡ cứu tế tai nạn; vì thế, quả báo khác nhau. Quý vị phải thâm nhập kinh tạng, phải hiểu rõ ràng, minh bạch giáo huấn của đức Phật, chớ nên hoài nghi, bản thân chúng ta không ngừng nâng cao cảnh giới của chính mình thì mới có thể đạt được thọ dụng chân thật trong Phật pháp.

Thứ chín là “*nhân vương*” (vua trong loài người). Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đã giao việc hộ pháp cho các quốc vương, đại thần. Vì chỉ có quốc vương, đại thần dùng oai thế của họ để giúp cho việc truyền bá thì giáo dục của đức Phật mới có thể phổ cập, phổ cập trong xã hội, phổ cập khắp toàn quốc, phổ cập khắp thế giới, công đức ấy to lớn. Vì thế, phàm là địa vị càng cao, làm vua tu phước rất dễ, mà tạo tội cũng rất dễ. Nếu ông ta gây chướng ngại, tội lỗi cũng rất nặng. Nếu ông ta giúp quý vị giáo hóa chúng sanh, công đức sẽ là vô lượng vô biên.

Các đệ tử của Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, theo đuổi công tác giáo dục của đức Phật, nếu không có ai ủng hộ, ảnh hưởng sẽ rất nhỏ, chẳng có cách nào mở rộng được! Cho tới hiện thời khoa học, kỹ thuật phát triển, tình thế này đã thay đổi. Trước kia, thật sự nhờ vào oai thế của quốc vương, đại thần, dùng oai thế của họ. Hiện thời, lại có thêm hai thứ, có thêm hai thứ gì vậy? Truyền hình vệ tinh và Internet, hai thứ ấy. Hai thứ ấy cũng có thể giúp quý vị mở rộng hiệu quả giáo học ra xã hội, đưa giáo học đến từng gia đình của mỗi cá nhân. Trước kia, chẳng có chuyện này; hiện thời, phát minh những thứ ấy, chúng ta phải biết, phải khéo lợi dụng chúng. Trong quá khứ, thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ

thường nói đây là công cụ rất tốt, phải khéo lợi dụng. Nếu nội dung của những gì được phát sóng là giết, trộm, dâm, dối, tình dục, bạo lực, tức là quý vị đã dạy hồng xã hội, quả báo khôn cùng, quả báo quá đáng sợ! Đọa địa ngục, sẽ đọa vào địa ngục nặng nhất! Quý vị đã dạy hư bao nhiêu người, đáng sợ quá! Nếu nội dung là chánh đáng, là luân lý đạo đức, là nhân quả báo ứng, quả báo nhỏ nhất trong tương lai cũng là thân phận thiên vương, chẳng phải là nhân vương, mà là thiên vương. Nếu có tu hành đôi chút, quý vị sẽ trở thành Phạm vương.

Cuối cùng là Phạm Vương. Phạm Vương là thiên vương trong Sắc Giới Thiên. Trong phần trên, chúng ta đã nói [địa vị vua] thứ nhất là thiên vương, thuộc về Dục Giới Thiên, đương nhiên là nói theo nghĩa rộng, bao gồm Sắc Giới và Dục Giới. Phạm Vương (Brahmā) ở đây nhằm chuyên chỉ Sắc Giới Thiên, tức là Đại Phạm Thiên Vương và Ma Hê Thủ La (Mahésvara) Thiên Vương. Đây là những địa vị cao nhất trong lục đạo luân hồi, họ thống trị lục đạo luân hồi, lục đạo đều do họ quản hạt. Họ ngự trong Sắc Giới Thiên. Phạm Vương ngự tại Sơ Thiên của Sắc Giới, Tứ Thiên Thiên là nơi Ma Hê Thủ La Thiên Vương cư trụ. Người nắm giữ địa vị và quyền thế cao nhất như vậy trong tam giới lục đạo đến hộ pháp, hộ trì, cung kính cúng dường quý vị. Đây là do nguyên nhân nào? Đúng như trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói: “*Do kỹ cù đức*” (Do chính mình có đầy đủ đức), điều này rất quan trọng! Bản thân quý vị trọn đủ đạo đức, sẽ chiêu cảm mười loại vua đến hộ trì. Chính mình chẳng có đạo đức, đạo tràng của quý vị sẽ có yêu ma quỷ quái đến hộ trì. Yêu ma quỷ quái hộ trì quý vị, khoái chí thì họ hộ trì, bực bội bèn quấy rối. Nói chung, đạo đức là bậc nhất. Quý vị chẳng có đạo đức, ai hộ trì quý vị? Quý vị thật sự có đạo đức, chẳng cần cầu họ, họ tự nhiên mò tới. Đạo đức, trì giới! Do trì giới, chuyện tuân giữ pháp được kiên lập từ chỗ này. Nhất định là phải trì giới, nhất định là phải tuân thủ pháp. Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 1488

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ đoạn thứ mười một trong phần trường hàng.

(Kinh) Vân hà đắc dĩ nhất thiết chúng sanh vi y, vi cứu, vi quy, vi thú, vi cư, vi minh, vi chiếu, vi đạo, vi thắng đạo, vi phổ đạo?

(經)云何得與一切眾生為依。為救。為歸。為趣。為炬。為明。為照。為導。為勝導。為普導。

(Kinh: Làm thế nào để là nơi nương tựa, nơi cứu tế, nơi quay về, nơi hướng đến, làm đuốc, làm ánh sáng, chiếu soi, dẫn dắt, dẫn dắt thù thắng, dẫn dắt trọn khắp cho hết thảy chúng sanh?)

Đối với mười câu này, trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã bảo hai đoạn cuối là:

(Sớ) Minh Đăng Lưu Quả giả, do bản nguyện lực, vi y cứu đẳng.

(疏)明等流果者，由本願力，為依救等。

(Sớ: Nói về Đăng Lưu Quả, do sức bản nguyện mà làm nơi nương tựa, cứu vớt v.v...)

“Đăng” [trong câu “vi y cứu đẳng”] là [từ “y, cứu”] cho đến “phổ đạo”. Lời chú giải ở đây nhằm giải thích đoạn kinh văn chúng ta vừa mới niệm, phần sau sẽ là đoạn cuối cùng. Thanh Lương đại sư không chú giải đoạn này, nhưng trong câu cuối cùng, Ngài nói rõ với chúng ta:

(Sớ) Kim sơ.

(疏)今初。

(Sớ: Nay, điều đầu tiên là...)

Đây chính là nói về đoạn thứ nhất.

(Sớ) Năng vi nhiều ích, y đẳng thập cú, như Hồi Hướng sơ.

(疏)能為饒益，依等十句，如迴向初。

(Sớ: Có thể tạo lợi ích to lớn, mười câu như “làm chỗ nương về”... [đã được giải thích] như trong địa vị thứ nhất của phẩm Thập Hồi Hướng).

Đối với đoạn văn này, trong đoạn lớn thứ nhất, tức đoạn [giảng về phẩm vị] Sơ Hồi Hướng trong phẩm Thập Hồi Hướng đã thuyết minh cặn kẽ. Vì thế, ở đây, đại sư tỉnh lược. Nay chúng ta học đến phẩm Tịnh Hạnh, hãy còn cách phẩm Thập Hồi Hướng quá xa. Xét theo tốc độ tiến triển của chúng ta trong hiện tại, chỉ sợ hai năm sau mới có thể giảng đến. Các đồng học chúng ta vì chẳng phải ở

trong nhà trường, cho nên có tánh chất lưu động rất lớn. Nếu đã đến, dầu là đến nghe một lần, chúng ta cũng mong được một lần lợi ích thù thắng, tức là quý vị chẳng uổng công đến, chúng tôi mới chẳng có lỗi với mọi người. Vì thế, [để giảng giải], chúng tôi cũng chẳng lìa khỏi những điều đã nói trong [phẩm vị] Sơ Hồi Hương, đại ý giống như phần Sơ Hồi Hương đã nói, nhưng có mấy câu dùng từ ngữ khác nhau. Khéo sao, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta Tứ Y Pháp: “*Y nghĩa, bất y ngữ*”. Vì thế, chúng tôi nương theo kinh văn trong phần Sơ Hồi Hương để giải thích mười câu này. Đây chính là Bồ Tát phát nguyện sẽ làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh. Bồ Tát là tấm gương tu hành, là điển hình cho chúng ta. Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, hãy nên học tập theo!

Trong quá khứ, khi tôi mới học Phật, thầy dạy chúng tôi. Lúc ấy, tôi còn chưa xuất gia, theo thầy Lý học kinh giáo, thầy bảo chúng tôi: “*Chúng ta học Phật, đương nhiên quan trọng nhất là phải dựa vào kinh điển. Lìa khỏi kinh điển, sẽ chẳng phải là học Phật*”. Nhưng nương tựa kinh điển vẫn chưa đủ, làm như thế nào? Còn phải tìm một người để học theo người ấy. Đương nhiên chúng tôi đều theo học với thầy, nhưng thầy rất khách sáo, bảo: “Tôi không được”. Do vậy, thầy giới thiệu một người là thầy của Ngài, tức Ấn Quang đại sư. Lại còn đặc biệt dặn dò chúng tôi, vì khi ấy, tôi còn chưa xuất gia, còn mang thân phận cư sĩ: “*Cổ nhân không học theo Tô Đông Pha, người thời nay không học Lương Khải Siêu*”. Chúng ta biết Lương Khải Siêu và Tô Đông Pha cũng đều là những Phật giáo đồ rất kiên thành, nhưng như thế nào? Chẳng có thành tựu! Cả đời họ làm chuyện Phật học, chẳng phải là học Phật!

Phật học cùng học Phật là hai chuyện! Nếu thầy không đặc biệt chỉ bảo chuyện này, chúng ta thường lẫn lộn, ngỡ chúng là cùng một chuyện. Học Phật và Phật học chẳng phải là một chuyện ư? Hay là hai chuyện ư? Thầy vừa giảng, chúng tôi bèn hoảng nhiên đại ngộ. “Phật học” tức là coi Phật giáo như một môn học vấn, nghiên cứu lý luận, giáo nghĩa, và học thuật của nó, nhưng chẳng có cách nào thực hiện, đúng như trong [tác phẩm số giải kinh] Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã bảo: “*Có giải mà chẳng có hạnh*”. Đây là Phật học. “Học Phật” thì giải và hạnh tương ứng, đó là thật sự học Phật. Những thứ ta đã học đều phải biến thành cuộc sống của chính mình, vận dụng vào công việc, dùng trong xử sự, đãi người, tiếp vật, đây mới là học vấn thật sự. Vì thế, thầy giới thiệu cho tôi một tấm gương. Thầy bảo: “Đã có một tấm gương ấy, con hãy khéo học theo”. Thầy giới thiệu Ấn Quang đại sư cho tôi.

Ấn Quang đại sư cũng chẳng còn tại thế, Ngài cũng đã qua đời. Học theo Ngài bằng cách nào? Văn Sao của Ấn Quang đại sư còn đó, những trước tác của lão nhân gia còn đó. Nay chúng ta thấy Toàn Tập của tổ Ấn Quang, đóng bìa cứng dày như thế gồm bảy tập, quý vị hãy đọc, hãy y giáo phụng hành, những giáo huấn của lão nhân gia đều có thể thực hiện, sẽ là tư thực đệ tử của Ấn Quang đại sư. Ngay trong đương thời chẳng tìm được một vị thầy tốt, đức cao trọng vọng, chúng ta hãy tìm từ cổ nhân. Đương nhiên là cổ nhân càng gần càng hay, Ngài chẳng cách chúng ta quá xa. Nói cách khác, chúng ta đọc văn tự của Ngài khá dễ dàng. Thầy giới thiệu cho chúng tôi, xác thực là có đặc điểm tất yếu như thế.

Chúng ta xem Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là bộ kinh được giảng đầu tiên khi đức Thế Tôn thị hiện thành đạo. Do vậy, trong năm thời thuyết pháp, thời thứ nhất là Hoa Nghiêm. Nhưng Hoa Nghiêm chẳng giảng trong nhân gian, cũng chẳng phải là giảng trên cõi trời, mà là do đức Phật giảng trong Định. Lũ phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Định dưới cội Bồ Đề, ai biết Ngài mở đại pháp hội to như vậy trong Định, giảng pháp môn thù thắng như vậy? Ai tham dự pháp hội ấy? Pháp Thân Bồ Tát. Người tham dự pháp hội là các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị. Trong phần mở đầu kinh này, chúng tôi đã giới thiệu khái lược cùng quý vị. Quý vị thấy bộ kinh này đến cuối cùng là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đấy chính là một tấm gương, tức là có điển hình. Người học, người dạy, từ chỗ này, chúng ta đều có thể thấu hiểu thật sâu. Do vậy, nhất định phải phát đại tâm.

Vì sao phải xuất gia? Xuất gia để làm những gì? Đối với Phật pháp, các đồng học đều biết: Trong Phật môn, nói chung, chẳng ngoài hai hạng người, một loại là hoàng pháp, loại kia là hộ pháp. Phật pháp là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Chư vị nhất định phải hiểu rõ ràng chuyện này! Nếu quý vị chẳng hiểu rõ, sẽ chẳng học được gì từ Phật pháp. Tự viện, am, đường là trường học, nhất định phải biết điều này! Vì sao nhà chùa được gọi là Tự? Tự (寺) có nghĩa là gì? Phải hiểu điều này! Tự chẳng phải là miếu! Miếu (廟) là nơi hiến tế tổ tiên, hiến tế quỷ thần thì gọi là Miếu. Tự là cơ quan làm việc của chánh phủ, phải hiểu rành rẽ điều này! Phật giáo truyền đến Trung Hoa vào đời Hán. Theo chế độ đời Hán, những cơ quan thuộc quyền quản hạt trực tiếp của hoàng đế được gọi là Tự. Cơ cấu Tự được thiết lập vĩnh cửu, vĩnh viễn chẳng bị triệt tiêu, chẳng giống những cơ quan gọi là Bộ làm việc dưới quyền Tể Tướng. Quý vị thấy trước kia có Lễ Bộ, Lại Bộ, Binh Bộ. Binh Bộ nay chính là bộ Quốc Phòng, Lễ Bộ là bộ Giáo Dục hiện thời, Lại Bộ nay là bộ Nội Chánh (Nội Vụ). Những bộ ấy có thể triệt tiêu, có thể gom lại, chẳng phải là một cơ cấu vĩnh cửu bất biến, có thể tăng thêm, có thể triệt tiêu. Dưới hoàng đế, có chín cơ cấu làm việc, những cơ cấu ấy là vĩnh hằng, từ nhà Hán cho đến nhà Thanh đều bất biến. Do vậy, gọi là Tự. Tự là cơ quan làm việc của chánh phủ, thủ trưởng của Tự được gọi là Khanh (卿). Thông thường, mọi người biết đại khái vào thời đại đế vương có tam công cửu khanh. Tam Công (三公)⁵⁵ địa vị rất cao, là cố vấn của hoàng thượng. Cửu Khanh (九卿)⁵⁶ là những

⁵⁵ Danh xưng Tam Công biến đổi theo thời đại:

1. Đời Tây Hán, Tam Công là Thái Sư, Thái Phó và Thái Bảo. Đông Hán đổi thành Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không.
2. Bắc Ngụy đổi thành Thái Sư, Thái Bảo và Thái Phó.
3. Từ đời Tùy - Đường trở đi đổi thành Thừa Tướng (về sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy (về sau đổi thành Đại Tư Mã), Ngự Sử Đại Phu (về sau đổi thành Đại Tư Không).
3. Đời Minh - Thanh lại gọi là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo như cũ.

⁵⁶ Cửu Khanh bao gồm Phụng Thường, Lang Trung Lệnh, Vệ Úy, Thái Bộc, Đình Úy, Điện Khách, Tông Chánh, Trị Lật Nội Sứ, Thiệu Phủ. Trong đó, Điện Khách được đổi thành Đại Hồng Lô dưới thời Hán Vũ Đế, có trách nhiệm tiếp đãi sứ đoàn, an trí chỗ ăn ở, hướng dẫn các nghi lễ. Đấy chính là tiền thân của Hồng Lô Tự về sau. Do hai vị cao tăng do triều đình lễ thỉnh

người làm việc trực thuộc hoàng đế, nay chúng ta gọi là “cơ cấu một cấp thủ trưởng”. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, cũng thành lập một cơ cấu. Cơ cấu ấy nghiêm nhiên được gọi là Tự, quý vị bèn hiểu Phật giáo có thân phận và địa vị như thế nào!

Vì sao “Tự” được gọi là Tự? Quý vị thấy: Vào thuở ấy, người Hoa tâm tánh nồng hậu, ngài Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đem tượng Phật và kinh sách từ Tây Vực sang Trung Hoa, dùng ngựa trắng chở về. Do vậy, cũng chẳng quên công lao của ngựa trắng, bèn gọi ngôi Tự ấy là Bạch Mã Tự. Thuở ấy, kinh đô là Lạc Dương, Bạch Mã Tự ở Lạc Dương là ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo [Trung Hoa]. Phải biết nguồn gốc này của chữ Tự. Nó làm gì? Làm công tác giáo dục Phật giáo, phải hiểu điều này. Công tác vào thuở đó, thứ nhất là phiên dịch kinh điển, giống như viện biên dịch của quốc gia trong hiện tại phiên dịch kinh điển. Thứ hai là chỉ đạo việc học tập kinh điển. Vì thế, nó là [nơi chốn để] dạy học. Sự dạy học ấy có thể nói là mãi cho đến những năm đầu triều Thanh, đại khái là trong thời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, vẫn chẳng thay đổi! Tự, viện, am, đường chẳng có nơi nào không giảng kinh, không có nơi nào chẳng giáo học, chúng ta phải hiểu điều này.

Do đó, xuất gia, chuyện thứ nhất là giảng kinh. Chẳng giảng kinh thì hộ trì. Giống như trong một ngôi trường, quý vị chẳng phải là giáo viên thì là viên chức. Vì thế, đối với giáo viên và viên chức, giáo viên chuyên môn phụ trách giảng dạy, viên chức hộ trì đạo tràng. Đạo tràng có nhiều việc hành chánh cần họ làm. Chư vị thấy những vị được gọi là “*cương lãnh chấp sự*” trong chùa miếu, quý vị sẽ hiểu, sẽ minh bạch. Trụ Trì Phương Trượng trong tự viện là địa vị gì? Giống như hiệu trưởng trong nhà trường, vị ấy đứng đầu nhà trường. Vì thế, trong Phật môn vị ấy xưng là Hòa Thượng, người khác chẳng thể gọi là Hòa Thượng. Hòa Thượng là hiệu trưởng, Hòa Thượng là Thân Giáo Sư, là người chủ trì chánh sách dạy học trong một ngôi trường, phương châm dạy học do vị ấy quyết định. Vị ấy không nhất định phải lên lớp, giáo viên thay vị ấy chấp hành, lên lớp thay cho vị ấy. Nhưng chánh sách và phương châm giáo dục do vị ấy quyết định, giáo hóa một phương.

Dưới Ngài, có ba vị cương lãnh chấp sự. Vị thứ nhất là Thủ Tọa (首座), Thủ Tọa là giáo vụ trưởng (Provost) trong nhà trường hiện thời, như giáo vụ trưởng trường Đại Học, Ngài quản trị giáo học. Do vậy, Thủ Tọa Hòa Thượng có khi không chỉ là một vị mà có rất nhiều vị, phân tòa giảng kinh. Trong chùa, các đại tự viện có rất nhiều giảng đường, quý vị thích nghe kinh gì, thích nghe pháp môn nào, quý vị đến phòng học đó, lên lớp cùng một lúc. Vị thứ hai là Duy Na (維那), Duy Na trông coi việc huấn đạo, cai quản trật tự, trông nom việc giáo huấn, là huấn đạo trưởng. Vị thứ ba là Giám Viện (監院). Giám Viện trông coi tổng vụ (các sự vụ chung), là tổng vụ trưởng. Danh xưng khác nhau, đều là quản

như quốc khách, nên được mời ở tại phủ thự của Hồng Lô Tự. Nơi đó, về sau trở thành chùa Bạch Mã.

sự như nhau. Giáo vụ, huấn đạo, tổng vụ là ba vị lãnh đạo dưới hòa thượng. Quý vị thấy những chuyện này, bèn hiểu Phật giáo là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo.

Do vậy, từ cách xưng hô, quý vị cũng có thể hiểu rõ! Gọi là Hòa Thượng, thì Hòa Thượng (Upādhyāya) là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là Thân Giáo Sư. Tuy Ngài không lên lớp, nhưng chánh sách và kế hoạch dạy học do Ngài quyết định. Vị ấy sẽ mời thầy nào đến dạy, dạy khoa mục gì do Ngài quyết định. Vì thế, trên thực tế, Ngài chịu trách nhiệm giáo dục. Những viên chức khác và giáo viên, bất luận là pháp sư giảng kinh hay pháp sư đảm nhiệm chấp sự, đều gọi là Xà Lê, tức A Xà Lê. A Xà Lê (Acarya) cũng là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quĩ Phạm Sư. Quĩ (軌) là quỹ đạo, “phạm” (範) là “mô phạm” (模範, khuôn phép). Lời nói và việc làm của Ngài có thể làm gương và khuôn mẫu cho người đời, thì gọi là Quĩ Phạm Sư. Chúng ta thường gọi là “pháp sư”, pháp sư nghĩa là mỗi lời nói, mỗi hành vi đều làm gương cho đại chúng trong xã hội.

Ta làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh, “y” (依) là nương vào. Hết thảy chúng sanh mê hoặc, phiền não, tập khí, do bất tri bất giác, bèn đối với chân tướng của nhân sinh mà nghĩ lầm, thấy lầm, làm sai. Phật, Bồ Tát đại triệt đại ngộ; vì thế, nhất định sẽ phát tâm làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh. Trong phần Sơ Hồi Hướng đã giải thích: “Linh miễn nhất thiết chư khổ sở cố” (Vì khiến cho hết thảy chúng sanh tránh khỏi các sự khổ). Câu này văn tự chẳng nhiều lắm, nhưng ý nghĩa đúng là chẳng có cùng tận. Nhất định phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh tránh khỏi hết thảy các chuyện khổ. Tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi của quý vị sai lầm, sẽ đem lại kết quả khổ sở. Như trong thế giới hiện thời, kinh Phật gọi thế giới của chúng ta là thế giới Sa Bà. Sa Bà (Saha-loka-dhatu) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “cực khổ”, tương phản khít khao với Cực Lạc. Thế giới của Phật Di Đà gọi là Cực Lạc, còn cõi này là cực khổ, khổ chẳng thể nói nổi! Chư vị hãy ngẫm lại cả đời chúng ta, quý vị sống khổ sở hay sung sướng? Giác ngộ nỗi khổ, tức là quý vị bắt đầu giác ngộ. Quý vị ở trong cảnh khổ mà chẳng biết khổ, ở trong cảnh khổ mà cứ ngỡ là vui, sự vui ấy vẫn là khổ, có mấy ai tỉnh ngộ?

Phật, Bồ Tát dùng phương pháp gì để giúp đỡ chúng sanh? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương, chúng ta học Phật thì phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị thấy đó, Ngài thật sự buông xuống. Người thế gian cầu gì? Cầu phú quý, cầu vinh hoa phú quý, cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, cầu làm quan to, phát tài lớn. Những chuyện ấy Thích Ca Mâu Ni Phật thấy đều trọn đủ. Ngài là vương tử, nếu chẳng xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua. Người Hoa nói là “quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải” (thiên tử sang quý, của cải đầy ắp bốn biển). Những điều người thế gian mong cầu, Ngài đạt được toàn bộ. Nhưng làm quốc vương cũng khổ, quá nhiều chuyện khổ sở. Nếu là một chánh sách sai lầm, quý vị sẽ hại bao nhiêu chúng sanh chịu khổ, chịu nạn? Một chánh sách tốt đẹp, đương nhiên lợi ích vô biên, đều là do giác hay mê. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật muốn giúp cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, bèn hiện thân thuyết pháp, xuất gia, cầu học. Đây là vì: Chỉ có học vấn thật sự thì mới có thể giải quyết vấn đề! Mười chín tuổi xuất gia, lìa khỏi gia đình đi cầu học. Những học giả, chuyên

gia nổi tiếng ở Ấn Độ thuở ấy Ngài đều đến tham phỏng, tốn thời gian mười mấy năm. Tham phỏng trọn khắp, cảm thấy chẳng thỏa ý, quay trở lại lưu vực sông Hằng, dưới cội Bồ Đề. Chư vị đều biết câu chuyện này: “*Đạ đố Minh Tinh, hoát nhiên đại ngộ*” (Đêm thấy sao Mai, hoát nhiên đại ngộ). Điều này giống như trong Thiên Tông đã nói, “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Thuở ấy, Ngài ba mươi tuổi.

Không lâu phu tử dốc chí học tập từ lúc mười lăm tuổi, ba mươi tuổi chí hướng đã thành lập vững vàng. Thích Ca Mâu Ni Phật mười chín tuổi rời khỏi gia đình đi tham học, ba mươi tuổi đại triệt đại ngộ. Sau khi đã ngộ, Ngài chọn lựa công việc dạy học, chẳng trở về làm quốc vương. Ngài chẳng quay về, chẳng trở về thừa kế vương vị của cha. Ngài chọn lựa, nói theo cách hiện thời là giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Gọi là “*văn hóa đa nguyên*”, vì đối tượng giáo dục chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Chỉ cần quý vị chịu đến học, Ngài đều rất vui lòng dạy quý vị. Nhưng nội dung dạy học hết sức rộng rãi, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ cần quý vị nêu ra câu hỏi, Ngài đều có thể giải đáp viên mãn, nội dung rất phong phú! Chẳng phải như một học hệ (faculty, một khoa), một học viện (academy, school) trong nhà trường (đại học), chẳng phải vậy! Nội dung của Đại Tạng Kinh so với bất cứ Đại Học nào trên thế giới hiện thời đều nhiều hơn, chẳng ngôi trường nào có thể sánh bằng! Đây cũng là đa nguyên. Điều khó có nhất là thầy tự nguyện, một vị thầy tốt như thế mà chẳng lấy học phí. Quý vị tặng Ngài, Ngài cũng không cần, sống cuộc đời đơn giản nhất. “*Giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây*”. Chúng ta nói là cuộc sống của một vị tăng khổ hạnh. Đây là cuộc sống mà người thế gian chúng ta chẳng mong mỏi! Chúng ta cảm thấy cuộc sống ấy quá khổ, thế mà Phật, Bồ Tát sống rất vui sướng.

Người thế gian thấy là khổ, Phật, Bồ Tát thấy là vui sướng. Người thế gian coi là vui, Phật, Bồ Tát nói đó là khổ. Đạo lý này sâu xa, tại Trung Hoa có ai hiểu hay không? Có chứ! Không, Mạnh, Lão, Trang đã hiểu. Quý vị thấy Phu Tử tán thán Nhan Hồi. Cuộc sống của Nhan Hồi chẳng phải là giống như cuộc sống của một vị tăng khổ hạnh ư? Ăn cơm trong giỏ, uống nước từ bầu, sống trong ngõ nghèo hèn, người khác chẳng kham nổi cuộc sống ấy. Phu Tử tán thán: “*Hồi dã bất cải kỳ lạc*” (Nhan Hồi chẳng thay đổi niềm vui ấy). Đây là cuộc sống vật chất dẫu khổ sở đến mấy đi nữa, Ngài có lạc trong ấy. Người đọc sách ở Trung Hoa xưa kia gọi [niềm vui ấy] là “*Khổng Nhan chi lạc*”. Niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi chẳng phải là cảnh giới của kẻ bình phàm. Do vậy, niềm vui do đức Thế Tôn thị hiện là chân lạc. Vì sao? Chẳng có mảy may tác dụng phụ nào! Đối với niềm vui do người thế gian hưởng thụ, đức Phật dạy: “*Lạc là cái nhân của khổ*”. Nay quý vị đang hưởng thụ lạc, chính là đang tạo cái nhân khổ, nỗi khổ ấy là gì? Cái nhân của tam đồ, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đó là nghiệp nhân. Nhân là gì? Tham, sân, si, mạn, trong ấy có những thứ đó. Vì thế nói: Lạc là cái nhân của khổ. Nếu chẳng phải là chúng ta khế nhập kinh tạng đôi chút, sẽ chẳng dễ gì lãnh hội “*pháp hỷ sung mãn*” như Phật pháp đã nói, thường sanh tâm hoan hỷ.

Thích Ca Mâu Ni Phật suốt một đời chẳng dựng đạo tràng, Ngài hướng dẫn một nhóm học trò như vậy. Số lượng học trò thật sự chẳng ít, trong kinh, chúng ta thường thấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Đó là chúng xuất gia, còn chúng tại gia chẳng được ghi chép! Đoàn thể ấy thật sự chẳng nhỏ! Ở nơi đâu? Trong rừng cây, nghỉ đêm dưới cội cây. Cơm ăn thì đi khát thực, mỗi ngày ăn một bữa. Trừ chuyện này ra, đều là lên lớp. Đức Phật lên lớp, lên lớp hằng ngày. Sau khi đức Phật đã lên lớp (thuyết giảng), các đồng học nghiên cứu thảo luận, gặp những vấn đề nghi nan, sẽ hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo. Đức Thế Tôn nhất nhất giải đáp cho họ. Sau đây, biên chép lại, biên thành kinh điển, tức là Đại Tạng Kinh hiện thời.

Đối với Đại Tạng Kinh được phiên dịch tại Trung Hoa trong hiện thời, [chúng tôi nghĩ] chưa được một nửa những kinh do đức Thế Tôn đã giảng. Thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, vận chuyển hết sức khó khăn, cao tăng Ấn Độ đến Trung Hoa, chọn lựa tinh tế, chọn mấy bộ để đem sang Trung Hoa. Cao tăng Trung Hoa sang Ấn Độ thỉnh kinh, cũng là chọn lựa kỹ lưỡng, chẳng có cách nào mang toàn bộ trở về, quý vị mới biết [vấn đề vận chuyển kinh] gian nan lắm. Mang đến Trung Hoa, Trung Hoa lại tiến hành phiên dịch sang tiếng Hán. Khi phiên dịch, sẽ lại loại bỏ một phần⁵⁷. Vì thế, đối với Đại Tạng Kinh hiện thời, có thể nói là tinh hoa của những gì đức Thế Tôn đã dạy học trong thuở ấy, chẳng phải là hoàn chỉnh, phải biết điều này. Đây là cách sống của các Ngài (Tăng đoàn thời đức Phật). Đối với chuyện hộ trì thì người hộ trì thuở ấy đều là tại gia cư sĩ, hộ trì Tăng đoàn ấy. Đương nhiên là trong đó cũng có không ít vị là quốc vương, đại thần đảm nhiệm hộ pháp, đều là học trò tại gia của đức Phật.

Sở dĩ các Ngài vui sướng, đúng là như câu đầu tiên trong sách Luận Ngữ đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tập luyện, há cũng chẳng vui ư?) Niềm vui ấy chính là niềm vui của Không Tử và Nhan Hôi, kẻ bình phàm chắc chắn chẳng có cách nào tưởng tượng được. Không vui, làm sao có thể gìn giữ lâu dài cho được? Thích Ca Mâu Ni Phật làm chuyện ấy (giáo học) suốt bốn mươi chín năm, từ ba mươi tuổi cho đến bảy mươi chín tuổi. Ngài viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi, chúng ta thường nói là “*qua đời*”. Ngài qua đời vào lúc bảy mươi chín tuổi, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Bốn mươi chín năm vui thích làm chuyện này, chẳng mệt mỏi! Người hoàng pháp vui sướng, người hộ pháp cũng vui sướng. Đã khế nhập cảnh giới ấy, sao không vui sướng cho được?

Nếu quý vị mong vui sướng thì thân, tâm, thể giới hết thảy phải buông xuống, thật sự học tập Thích Ca Mâu Ni Phật. Không giảng kinh chẳng sao cả!

⁵⁷ “*Loại bỏ một phần*” ở đây không phải là cắt xén kinh điển, mà là do kinh điển nguyên bản có nhiều chỗ lập đi lập lại, chỉ thay đổi một, hai chữ trong mỗi câu, các vị dịch sư sẽ dịch gọn lại. Chẳng hạn “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Đoạn thứ hai sẽ là “*Thọ bất dị Không, Không bất dị Thọ...*” Đoạn thứ ba là “*Hành bất dị Không, Không bất dị Hành...*” cho đến hết Ngũ Uẩn đều nói như thế, các vị dịch kinh bèn dịch gọn lại là “*Thọ, Tướng, Hành, Thức diệc phục như thị*” (Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng giống như thế).

Không giảng kinh thì phải nghe kinh, phải hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Những điều Ngài nói trong bốn mươi chín năm, chẳng có gì khác, chính là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Chúng tôi thường dùng sáu chữ do cổ đại đức đã nói, tức “*tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả*”, sáu chữ ấy đã gồm thâu trọn vẹn. [Chân tướng] chẳng ngoài “*tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả*”. Càng học, càng hiểu rõ, càng học, càng thông đạt, càng học, cảnh giới càng nâng cao lên. Các nhà khoa học hiện thời nói đến chuyện đột phá kích thước không gian, phạm vi cuộc sống bèn to lớn! Phạm vi cuộc sống của chúng ta trong hiện thời, nói thật thà, tuy hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, phạm vi sống của chúng ta vẫn giới hạn trong quả địa cầu này. Nay tuy hướng ra ngoài vũ trụ thám hiểm, nhưng vẫn chẳng ra ngoài Thái Dương Hệ. Thái Dương Hệ vẫn là một khu vực nhỏ nhoi. Đã thế, kỹ thuật vẫn chưa đủ, ví như chúng ta muốn du hành lên mặt trăng, hoặc sao Hỏa, sao Kim, chẳng thể thuận tiện giống như hiện thời sang Mỹ, sang Âu Châu, vẫn chưa làm được!

Nhưng chư Phật, Bồ Tát trong Thiên Định đã đột phá các kích thước không gian. Các Ngài không chỉ đột phá lục đạo luân hồi, mà cũng là bất luận đường nào trong lục đạo, đều như ở trước mặt, lại còn đột phá đại thế giới. Đại thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật, tức là một đại thiên thế giới. Đột phá đại thiên thế giới sẽ gọi là “*ngao du các cõi nước của chư Phật*”. Trong Tạng Kinh, chư vị thầy có kinh Phật Danh, đức Thế Tôn đã giới thiệu hơn một vạn hai ngàn vị Phật. Trên thực tế, trong vũ trụ, chư Phật, Bồ Tát vô lượng vô biên, Ngài [chỉ nêu đại lược] một vạn hai ngàn vị Phật, đi lại tự do trong các cõi Phật. Thừa cùng chư vị, thật tại là trong cảnh giới ấy, chẳng có đến đi. Quý vị nghĩ tới đức Phật nào, cõi Phật ấy bèn hiện tiền, vì sao? Chẳng có thời gian và không gian. Chẳng có thời gian, chẳng có trước hay sau. Chẳng có không gian, sẽ chẳng có xa hay gần. Giống như hiện thời chúng ta xem các băng tần TV vậy, quý vị chọn băng tần của cõi Phật nào, cõi Phật ấy ngay lập tức hiện hiện trên màn huỳnh quang, đối diện [ngay lập tức], chẳng có khoảng cách.

Đối với chuyện đột phá thời gian và không gian, khoa học cận đại mới đưa ra lý luận này. Hai năm trước, có đồng học đưa cho tôi xem một phần tài liệu, chính là báo cáo về những phát biểu khoa học mới nhất của tổng cục không gian Mỹ. Họ nói rõ không gian chẳng thật, thời gian cũng chẳng thật, dưới một điều kiện nào đó, chúng sẽ bằng zéro. Không gian bằng zéro, sẽ chẳng có khoảng cách; thời gian bằng zéro, sẽ chẳng có trước sau. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật đều có thể thân cận, quý vị có thể trở lại quá khứ, có thể khế nhập vị lai, quý vị nói xem, lẽ nào các Ngài chẳng vui sướng? Phàm phu làm sao biết được sự vui sướng của các Ngài? Không chỉ là Phật vui sướng! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, Ấn Độ là một quốc gia tôn giáo, các tôn giáo cao cấp đều tu Thiên Định. Nổi tiếng nhất là Ấn Độ giáo, còn gọi là Hưng Đô giáo (Hinduism), tiền thân của nó là Bà La Môn giáo (Brahmanism). Bà La Môn giáo có lịch sử tối thiểu phải sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm, nhưng chính họ thì nói họ tối thiểu sớm hơn Phật giáo một vạn năm. Người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, chẳng có văn tự ghi chép, họ nói có thể tin tưởng. Nhưng các học giả trên thế giới thừa

nhận [Bà La Môn giáo] sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm, tức là họ có lịch sử tám ngàn năm trăm năm. Trong cảnh giới Thiên Đình, họ đã đột phá kích thước không gian và thời gian.

Lục đạo luân hồi do Bà La Môn giáo phát hiện, chẳng phải là do Phật giáo. Họ nói rất rõ ràng, rất minh bạch tình huống trong lục đạo. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, đã nói rõ nguyên do của lục đạo. Trong Bà La Môn giáo chẳng có chuyện này. Họ chỉ nói đến sự tương luân hồi trong lục đạo, nhưng lục đạo hình thành như thế nào, do nguyên nhân gì mà hình thành, họ chẳng nói. Làm thế nào để có thể thật sự thoát ly lục đạo luân hồi, họ cũng chẳng có chuyện ấy. Những điều này đều ở trong Phật pháp. Vì thế, nếu quý vị thật sự hiểu rõ những lý luận và sự thật này, quý vị mới có thể lãnh hội niềm vui trong cuộc sống của các Ngài. Không chỉ là loài người chúng ta chẳng thể tưởng được, mà chư thiên trong mười tám tầng trời của thế giới Sa Bà cũng chẳng nghĩ tưởng được.

Ngài thị hiện là thị hiện một tấm gương, chúng ta biết học thì phải học theo Ngài, đây là chỗ chúng ta nương vào để tu học. Nói cụ thể, quý vị nói “học Phật quá khó”. Đúng là chúng ta chẳng có cách nào học tập sống theo lối sống của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài suốt đời có thể qua đêm nơi chỗ trống trải, thân thể khỏe mạnh, chẳng có bệnh tật. Nếu chúng ta ra ngoài, buổi tối ngồi suốt một đêm dưới cội cây, ngày hôm sau sẽ vào phòng cấp cứu. Thân thể không bằng các Ngài được! Trong bộ kinh thứ nhất, đức Phật đã nói rất rõ ràng. Tu học Phật pháp thì điều thứ nhất là gì? Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là nhập môn của Phật pháp, đức Phật đã nói rõ ràng, có một đoạn khai thị hết sức hay khéo. Ngài nói: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lia hết thảy các nỗi khổ trong thế gian). Câu này tuyệt diệu thay! “*Hết thảy thế gian*” bao gồm mười pháp giới, tam đồ, lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Phật, Bồ Tát, mười pháp giới đều khổ. Phật pháp giới trong mười pháp giới, tức đối với Phật trong mười pháp giới, tông Thiên Thai gọi là Tương Tự Tức Phật, chẳng phải là thật. Vì sao? Chẳng phá vô minh, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, nhưng chưa phá vô minh, đó là sự khổ của Ngài. Do đó, vị ấy tuy chẳng thoát khỏi mười pháp giới, nhưng tuyệt đối chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa! A La Hán là đã chẳng luân hồi trong lục đạo.

Do vậy, “*có thể lia hết thảy các nỗi khổ trong thế gian*” bao gồm tứ thánh pháp giới, lỗi lạc thay! Đây là pháp gì? Đức Phật liền dạy: “*Thường niệm, tư duy, quan sát thiện pháp*”. Chúng tôi thay đổi cách đọc câu này, mọi người sẽ hiểu. “*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp*”. Thiện pháp là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo, không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói đôi chiều, không ác khẩu, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si. Đây là Thập Thiện Nghiệp. Thường niệm [thiện pháp] là thiện tâm. Tư duy [thiện pháp] là tư tưởng thiện. Quan sát [thiện pháp] là lời nói và việc làm thiện. Sau đây, Ngài lại nói một câu: “*Thường linh thiện pháp tương tục*” (Thường khiến cho thiện pháp tiếp nối), niệm niệm tiếp nối. “*Bát dung hào phân bất thiện giáp tạp*” (Chẳng để cho mây may bất thiện xen tạp). Nói cách khác, cái tâm, tư tưởng, lời nói và việc làm của quý vị thuần tịnh, thuần

thiện, sẽ có thể lia hết thảy các nỗi khổ thế gian. Lời khai thị này hay khéo thay! Lại quan sát cặn kẽ suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, [sẽ thấy] Ngài đã làm được, suốt đời làm được! Chúng ta học Phật, phải học tập theo Ngài. Ngài có thể làm được, vì sao ta chẳng thể làm được? Chúng ta nhất định phải học theo Ngài điều này.

Thập Thiện đã được giải thích cặn kẽ trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trọng điểm và tinh yếu được giải thích trong giới kinh, giống như bộ Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú của pháp sư Hoàng Tấn đã nói khá tỉ mỉ. Đây là tổ sư đại đức đã bổ sung cặn kẽ, giảng rõ: Đây là những điều hãy nên học trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đó là chúng ta thật sự nương cậy. Nho phải dựa vào Lễ; chẳng có Lễ, sẽ chẳng có Nho. Phật phải dựa vào giới, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Không sợ chịu khổ, phải nghiêm trì giới luật. Do vậy, chúng tôi thường nhắc nhở các vị đồng học, vì tập khí phiền não quá nặng, mười lần, tám lần, một trăm lần, hai trăm lần chẳng đủ, không quay đầu được, phải học theo đức Thế Tôn vì người khác thuyết pháp, đúng là ngàn lời vạn lễ, lặp đi lặp lại vô số lần, phơi bày lòng từ bi vô tận. Hằng ngày đều nhắc nhở chúng ta: “*Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*”, nghiêm túc học tập, thành tựu đức hạnh của chính mình.

Vì sao hiện thời học theo điều thiện, học trì giới khó khăn ngàn ấy? Tôi thường nói: Chúng ta chẳng tiếp nhận giáo dục cơ sở, phải hiểu điều này. Sau khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ thời Hán, trong hai ngàn năm, trải các đời tại Trung Hoa, bất luận là tại gia hay xuất gia, người tu hành có thành tựu quá ư là nhiều. Họ vượt trời Ấn Độ là do có giáo dục cơ sở. Giáo dục cơ sở chính là Khổng, Mạnh, Lão, Trang; đã có sự giáo dục cơ sở ấy rồi mới học Phật. Vì thế, đối với những thiện giới trong Phật pháp, chẳng có vấn đề! Chúng tôi mới đề xuất: Nhất định phải học Đệ Tử Quy, nhất định phải thi hành Đệ Tử Quy. Vun quén căn cơ vững vàng bằng Đệ Tử Quy, sau đây từ trong Ngũ Chủng Di Quy⁵⁸, đặc biệt nêu ra hai thứ đầu tiên là “*dưỡng chánh di quy, huấn tục di quy*”. Phải nghiêm túc học tập hai thứ ấy, sẽ có thể khiến cho căn bản Đệ Tử Quy được kiên cố, rồi lại tiến nhập Phật môn sẽ chẳng khó. Phải vun quén căn cội từ chỗ này. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mười phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời mọi người ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp kinh văn, câu kinh văn đầu tiên là...

⁵⁸ Ngũ Chủng Di Quy là tác phẩm do Trần Hoàng Mưu biên soạn vào đời Thanh trong niên hiệu Ung Chánh - Càn Long để làm tài liệu giáo dục luân lý đạo đức cho trẻ. Ngũ Chủng Di Quy gồm có năm phần là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tòng Chánh Di Quy, và Tại Quan Pháp Giới Lục. Như tên gọi đã nêu rõ, ba phần đầu nói về những phương pháp, nguyên tắc để nuôi dưỡng chánh khí của con trẻ, bồi dưỡng đức hạnh căn bản, dạy dỗ con gái về những phẩm đức cần thiết của nữ giới, những quy củ, khuôn phép đối nhân xử thế, lễ nghi thông tục, chuẩn mực đạo đức. Hai phần sau nói về những hành xử và thái độ khi ra làm quan, những điều phải tránh trong khi làm quan để giữ vẹn phẩm đức của con người.

(Kinh) Vân hà đắc dữ nhất thiết chúng sanh?

(經)云何得與一切眾生。

(Kinh: Làm thế nào để cho hết thấy chúng sanh?)

Câu này xuyên suốt mười câu tiếp theo. Câu đầu tiên là “vi y” (làm nương tựa), câu thứ hai sẽ phải là: “*Vân hà đắc dữ nhất thiết chúng sanh vi cứu*” (Làm thế nào để cứu hết thấy chúng sanh). Do vậy, câu này xuyên suốt cả mười câu.

(Kinh) Vi y.

(經)為依。

(Kinh: Làm chỗ nương tựa).

Đức Thế Tôn đã vì chúng ta thị hiện. Chư Bồ Tát cho đến lịch đại tổ sư đại đức đều nêu khuôn mẫu, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Chúng ta phải dụng tâm lưu ý học tập các Ngài thì mới chẳng cô phụ một đời này. Vì thế, có khá nhiều người hỏi tôi về ý nghĩa và giá trị của sanh mạng. Ý nghĩa và giá trị [của sanh mạng] đều ở chỗ này.

(Kinh) Vi cứu.

(經)為救。

(Kinh: Làm chỗ cứu vớt).

Phẩm Hồi Hương có nói: “*Tất linh giải thoát chư phiền não cố, vị nhất thiết chúng sanh tác hộ*” (Vì đều khiến cho giải thoát các phiền não, bảo vệ hết thấy chúng sanh), ý nghĩa này lại sâu hơn ý nghĩa trước một tầng nữa! Xác thực là cứu độ chúng sanh thì cách cứu là như thế nào? Cứu từ chỗ nào? Chúng ta phải biết. Chúng sanh mê hoặc, điên đảo, tập khí phiền não rất nặng, giống như kinh Địa Tạng đã nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô bất thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là tội). Vì sao nói kiểu này? Cách nói này có phải là quá lố đời chút hay không? Nếu quý vị thật sự hiểu Phật pháp, sẽ biết những lời Ngài nói, câu nào cũng đều là lời thật, quyết định chẳng có một câu nào là hư vọng. Chúng sanh trong Diêm Phù Đề có kẻ nào chẳng coi thân thể là chính mình? Nhà Phật gọi chuyện này là Thân Kiến. Đây là kiến giải sai lầm đầu tiên, là chấp trước sai lầm đầu tiên. Do sự sai lầm này mà một mực đến cùng, chẳng có chuyện nào không sai lầm. Sau đấy, quý vị mới biết những điều kinh Địa Tạng đã nói chẳng giả! Vì sao chấp trước “*thân thể này là Ngã*” là sai? Đạo lý này rất sâu, nếu Phật pháp chẳng nói rõ ràng, minh bạch như thế, chúng ta sẽ không hiểu.

Có người nào chẳng coi thân thể của mình là chính mình? Thân thể chẳng phải là chính mình, cái Ngã vốn có của ta ở chỗ nào? Thân này chẳng phải là Ngã, cái gì là Ngã? Các triết gia phương Tây khá thông minh, họ nghĩ đến vấn đề này,

cũng thừa nhận thân thể này chẳng phải là Ngã. Ngã là gì? [Descartes bảo]: “*Tôi tư duy nên tôi tồn tại*” (Cogito ergo sum), do ta có thể tư duy, tưởng tượng [nên coi] sự tư duy, tưởng tượng ấy chính là Ngã. Cách nghĩ này cao hơn những kẻ bình phàm một bậc. “*Tôi tư duy*”, nói theo Phật pháp sẽ là ý thức, tức thức thứ sáu. Các triết gia phương Tây đã coi thức thứ sáu tức Ý Thức là ta. Ở phương Đông, quả thật cũng có những người nhận thức “*thân là giả*”. Vì sao? Thân có sanh tử. Người phương Đông tin vào luân hồi, ai luân hồi? Linh hồn. Nói thật ra, linh hồn thật sự chẳng linh! Nếu nó linh, nó đi đâu thai, làm sao có thể đâu thai trong ác đạo? Đâu thai trong nhân gian thì sao không đâu thai trong nhà đại phú đại quý? Đâu thai vào gia đình bần cùng, kém hèn, rất khổ! Chẳng linh. Nếu nó linh thì đỡ quá rồi!

Vì thế, vẫn là Khổng lão phu tử nói có lý. Khổng lão phu tử chẳng nói tới “*linh hồn*”. Quý vị xem phần Thoán Văn dành cho Hệ Từ trong kinh Dịch của lão nhân gia. Hệ Từ do Khổng Tử viết. Trong Hệ Từ, có câu: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*” (Cái hồn bèn bồng biến hóa, do tinh và khí hợp thành vật chất). Hai câu này nói rất hay! Phu Tử rốt cuộc là người như thế nào, thuộc cảnh giới nào, mà có thể nói như vậy? Trong Phật pháp, hai câu ấy chính là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. Phu tử chẳng thường nói, đôi khi hé lộ hai câu như vậy, rất đáng cho chúng ta lãnh hội. “*Du hồn vi biến*”: “*Du hồn*” (遊魂) có ý nói nó có tốc độ rất lớn, biến hóa rất lớn; “*vi biến*” (為變) là gì? Đâu thai trong lục đạo. Làm người chẳng lành, sẽ đọa trong súc sanh đạo, từ người biến thành súc sanh, nhưng vẫn là một linh tánh. Cứ ngỡ linh tánh ấy là Ngã, đó vẫn là sai lầm, nhưng nói cao minh hơn, [nói] “*du hồn vi biến*” tức là đã nói ra chân tướng sự thật.

“*Tinh khí vi vật*”: Câu này càng chẳng thể nghĩ bàn! “*Vật*” là gì? Vật chất. Vật chất do đâu mà có? Do tinh và khí hợp thành vật. Câu nói này ngụ ý: Vật chất có linh tánh. Khoa học gia hiện đại đã chứng tỏ [điều này]. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước. Nước là khoáng vật, vật chất ấy chẳng phải là sinh vật. Thực vật vẫn thuộc loại sinh vật, khoáng vật chẳng phải là sinh vật. Ông ta làm thí nghiệm suốt mười năm, chứng minh đích xác nước có thấy, nghe, hay, biết. Thấy, nghe, hay, biết có phải là “*Tinh*” như Khổng Phu Tử đã nói hay không? “*Khí*” là nói đến sự biến hóa của nó, biến thành vật chất. Tuy biến thành vật chất, tánh của nó hoàn toàn chẳng biến đổi. Nhà Phật nói tự tánh vốn sẵn có đức năng chẳng biến đổi. Dầu biến thành vật chất, nó vẫn tồn tại. Giáo pháp Đại Thừa thường nói như thế này, vật chất do đâu mà có? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Lời Phu Tử đã nói và lời đức Phật dạy hết sức gần gũi. Vì thế, Ngài rốt cuộc là hạng người nào? Có sao Ngài biết đạo lý sâu dường ấy?

Từ đạo lý này, nêu quý vị thật sự có thể lãnh hội thấu triệt: Tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ, nói theo kiểu hiện thời, thảy đều là hữu cơ (organic), cũng có nghĩa là chúng sống động, chẳng chết ngắc, chúng có linh tánh. Quý vị thấy khoáng vật, nước có thấy, nghe, hay, biết. Tôi nói với tiến sĩ Giang Bồn Thắng: Không chỉ là nước có [thấy, nghe, hay, biết], mà cát bụi, bùn, đất, đá, chỉ cần là vật chất, thảy đều có thấy, nghe, hay, biết. Không chỉ là có thấy, nghe, hay,

biết, mà thấy, nghe, hay, biết còn là Tánh Đức, là “*duy tâm sở hiện*”. Tâm ấy là Pháp Tánh, Pháp Tánh vốn trọn đủ thấy, nghe, hay, biết, có phẩm đức sắc, thanh, hương, vị, Bồn Giác đầy! Vì thế, tôi nói: “Thí nghiệm của ông mới thấy sắc tướng của nó, tức là sắc tướng kết tinh”. Tôi khuyên ông ta phải nỗ lực nghiên cứu tiến hơn một bước, vì sao? Nó còn có âm thanh, còn có hương, còn có vị, chắc chắn là sắc, thanh, hương, vị. Ông đã thấy sắc rồi, vẫn chưa thấy thanh, hương, vị. Tôi nói: Ông thấy thanh, hương, vị, sẽ là chứng minh toàn bộ những điều đã được nói trong kinh Phật.

Ở Trung Hoa, có một công án nổi tiếng. Người ta thường gọi “*công án*” là “*cổ sự*” (chuyện cũ, chuyện xưa), pháp sư Đạo Sanh là người sống vào thời đại Nam Bắc Triều. “*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*”, [nghĩa là] Ngài thuyết pháp, không có ai tin tưởng Ngài. Ngài bèn xếp một số tảng đá, đối trước đá giảng. Giảng xong, [hỏi đá]: “Tôi có đúng hay không?” Đá đều gật đầu! Vì sao đá có thể gật đầu? Nếu quý vị hiểu là do tâm hiện thức biến, sẽ chẳng hoài nghi toàn thể vũ trụ sống động. Sau đây, quý vị mới hiểu, trong kinh đức Phật đã nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Địa cầu trong hiện thời là y báo, vô lượng tinh hệ trong vũ trụ là y báo. Y báo chuyển theo chánh báo, chánh báo là gì? Lòng người sống tại nơi đó. Nếu tâm mỗi người trên địa cầu đều hướng thiện, đều giống như kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói, tư tưởng, kiến giải và hành vi của chúng ta thuần tịnh, thuần thiện, núi, sông, đại địa của chúng ta ở nơi đây sẽ đều biến thành thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc và thế giới này có gì sai biệt? Chẳng có mảy may sai biệt chi cả! Bên kia, lòng người thiện, cho nên núi, sông, đại địa đẹp đẽ tốt bậc. Bên này, lòng người bất thiện, cho nên thiên tai, nhân họa liên tiếp chẳng ngừng. Đạo lý ở chỗ này. Chưa hề nghe nói thế giới Cực Lạc có động đất, có thủy tai, chẳng nghe nói Hoa Tạng hay Cực Lạc có kẻ làm điều sai trái, xấu xa. Chẳng hề nghe nói!

Những điều ấy là gì? Những điều ấy cần phải giáo dục, đặc biệt đối với cái gọi là “*giáo dục tôn giáo*” trong hiện thời, chúng tôi nói là giáo dục của đức Phật. Cần phải có giáo dục của đức Phật! Giảng rõ ràng chân tướng sự thật cho quý vị, quý vị mới có thể thật sự lìa khổ được vui. Vì sao? Khổ là do tập khí phiền não cảm vờ, Lạc là do đại triệt đại ngộ cảm vờ. Nói cách khác, [khổ hay lạc là do] mê hay ngộ. Mê là còn có phiền não, ngộ là chuyển phiền não thành Bồ Đề. Bồ Đề là trí huệ, phiền não và trí huệ là hai mặt của một Thể. Chúng ta đã mê, biến Bồ Đề thành phiền não, cũng là biến trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh thành phiền não. Sau khi đã giác ngộ, vô lượng vô biên phiền não lại chuyển biến thành vô lượng trí huệ, then chột là mê hay ngộ. Chúng ta biết Phật, Bồ Tát dùng phương pháp gì để cứu hết thầy chúng sanh? Dùng phương pháp gì? Giáo học, giúp chúng sanh giác ngộ. Căn tánh của chúng sanh khác nhau; vì thế, đức Phật mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nếu [nói đến] trọn khắp pháp giới, hư không giới hết thầy chư Phật giáo hóa chúng sanh, sẽ mở ra vô lượng vô biên pháp môn. Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”, đó là [nói về] đại thiên thế giới, chẳng phải là tiểu thiên thế giới. Hết thầy cõi nước của chư Phật đều bao gồm trong ấy!

Tại Trung Hoa, tám vạn bốn ngàn pháp môn được chia thành mười tông phái. Trong mười tông phái ấy, có hai tông phái là Tiểu Thừa. Hiện thời, ở Trung Hoa chẳng có [tông phái Tiểu Thừa nữa]. Đây là do Nho gia và Đạo gia thay thế Tiểu Thừa, nhất định phải biết điều này. Nhưng chúng ta phiên dịch kinh Tiểu Thừa rất hoàn chỉnh. Người thật sự học Phật phải xem kinh Tiểu Thừa, đây là gì? Giúp chúng ta thành tựu Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí chính là Thiên Định, là tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Tín tâm thanh tịnh, ắt sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng [trong câu kinh ấy chính] là Thật Tướng Bát Nhã. Thật Tướng Bát Nhã là Căn Bản Trí, là Bát Nhã Ba La Mật trong Lục Ba La Mật. Đó phải là tín tâm thanh tịnh, là trí huệ vốn sẵn có trong bản tánh hiện tiền. Trí huệ chẳng hiện tiền, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, hoặc là tu tâm thanh tịnh vẫn chưa đủ thanh tịnh, chẳng đạt tới tiêu chuẩn thanh tịnh. Đạt tới tiêu chuẩn thanh tịnh, trí huệ sẽ khai. Trí huệ khai, sẽ chẳng có phiền não, rõ ràng là chẳng có tâm tham. Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có tâm tham, chẳng còn có sân khuê, chẳng có ghen ty, quý vị sẽ hiểu sự thọ dụng do khai trí huệ. Nếu còn có những thứ ấy tồn tại, chẳng được rồi, vẫn thật sự là phàm phu, quý vị tu học Phật pháp mà chẳng đạt được thọ dụng.

Vì thế, khi công phu chưa thành tựu thì tu gì? Tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, quý vị phải nhẫn. Đối với thuận cảnh thiện duyên, quý vị phải nhẫn nại, chẳng khởi tham luyến. Đối với nghịch cảnh ác duyên, phải nhẫn nại, chẳng khởi sân khuê. Quý vị vận dụng công phu nhẫn nhục trong quá trình tu hành. Tu hành, căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Có người lợi căn, trong dăm ba năm, do nhẫn dăm ba năm liền biến thành rất tự nhiên. Trong thuận cảnh thiện duyên, tự nhiên chẳng dấy lòng tham luyến; đối với nghịch cảnh ác duyên, tự nhiên chẳng sanh sân khuê. Bất luận trong cảnh giới nào, trước sau tự nhiên gìn giữ một niệm tâm bình khí hòa. Đây là quý vị công phu đặc lực, lúc ấy, thật sự được thọ dụng. Ất cần phải trải qua giai đoạn tu Nhẫn Nhục, thời gian dài hay ngắn, mỗi người mỗi khác. Trong Phật giáo sử Trung Hoa, từ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện, chúng ta thấy có những người căn tánh thật sự bén nhạy, dăm ba năm bèn thành tựu. Có những người hai mươi, ba mươi năm mới có thể khế nhập cảnh giới ấy. Đều tốt đẹp cả! Ba, bốn chục năm so với vô lượng kiếp, quá ngắn!

Chính mình phải có tín tâm. Chẳng thể kiến lập tín tâm, tin tưởng lời Phật, Bồ Tát quyết định chẳng có sai lầm. Phật, Bồ Tát gia trì quý vị kiến lập tín tâm. Ngoài ra, phải tin tưởng thầy, thầy chỉ dạy quý vị, chẳng có mảy may hoài nghi, thầy gia trì quý vị kiên định tín tâm. Điều này rất trọng yếu, “*tín vi đạo nguyên công đức mẫu. Trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức. Trưởng dưỡng hết thảy các thiện căn). Quý vị chẳng có tín tâm, làm sao có thể thành tựu cho được? Bản thân tôi hai mươi sáu tuổi [mới được nghe] Phật pháp, cảm thấy hết sức hy hữu. Trong thế gian há có thứ tốt đẹp dường ấy? Tôi có tín tâm kiên định đối với thầy, thầy chỉ dạy tôi phương pháp, tôi đều có thể y giáo phụng hành. Bản thân tôi hiểu rất rõ ràng, tôi chẳng phải là thượng căn lợi trí. Đến khi nào tôi mới thật sự “*thấy thấu suốt, buông xuống*” như thầy đã dạy cho tôi trong ngày đầu tiên? Đến hơn bảy mươi tuổi, tôi mới thật sự ở trong

cảnh giới thuận nghịch đắc đại tự tại, mất thời gian tới hơn bốn mươi năm. Vì vậy, đây là gì? Căn tách trung hạ. Tôi có thể thành tựu, đắc lực nhờ một chữ “*siêng*”. Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày giáo học, bốn mươi bảy năm chẳng hề gián đoạn, sang năm là bốn mươi tám năm, suốt đời làm chuyện này!

Lúc tuổi già, bị người khác lôi kéo tham dự chuyện hòa bình quốc tế, chẳng qua là trong thời gian năm năm gần đây, năm năm gần đây nhất. Nhà trường tìm tôi, Đại Học tìm tôi, hy vọng tôi đại diện nhà trường, đại diện nước Úc tham gia những hội nghị hòa bình quốc tế ấy. Trước sau, tôi tham gia tất cả sáu lần. Nói theo Đại Thừa Phật pháp, đây cũng là một cơ duyên tốt, mở rộng kiến văn, thành tựu Hậu Đắc Trí, liễu giải bệnh trạng của xã hội trong hiện thời, phải đáng nên dùng phương pháp gì để trị liệu. Ở phương Tây, có những người cho rằng để duy trì hòa bình, cần phải dùng vũ lực, cũng giống như cảnh sát, chúng ta có rất nhiều cảnh sát duy trì trị an. Họ không biết chuyện này chẳng thể dùng vũ lực để giải quyết được! Nếu có thể giải quyết, Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy nhất định làm tướng quân, huấn luyện khá nhiều cảnh sát, Ngài chẳng làm theo cách ấy!

Sau khi tôi tham gia vài lần hội nghị, tôi có sự lãnh hội sâu xa. Hóa giải xung đột, xúc tiến an định, hòa bình, [mà chỉ] mở hội nghị chẳng thể giải quyết! Tôi nghe nói Liên Hiệp Quốc đã theo đuổi hoạt động hòa bình này từ những năm bảy mươi, mời những học giả, chuyên gia trên thế giới cùng nhau thảo luận cách thực hiện như thế nào. Từ năm 1970 cho đến nay là ba mươi lăm năm, mỗi năm mở bao nhiêu hội nghị, đầu tư nhân lực và tài lực hết sức đáng kể, nhưng chẳng có hiệu quả. Trong ba mươi lăm năm ấy, trật tự toàn thế giới hỗn loạn, tàn số động loạn mỗi năm một tầng vọt lên, tai hại mỗi năm một nghiêm trọng hơn. Vì thế, hiện thời có khá nhiều chuyên gia, học giả tham gia hội nghị hòa bình quốc tế, sau hội nghị, chúng tôi tiếp xúc, họ đều lắc đầu, chẳng có lòng tin. Nói cách khác, đối với việc hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, hòa bình, đều chẳng có tín tâm. Có thể thành tựu chuyện này ở nơi đâu? Những kết luận về hòa bình nói thì hay lắm, chẳng có ai không ca ngợi, nhưng quốc gia nào, chánh phủ nào có thể tiếp nhận, có thể chấp hành? Tôi từng nói vài lần, nếu người ta khách sáo một chút, sẽ gửi [bản báo cáo của] quý vị sang phòng lưu trữ hồ sơ. Chẳng khách sáo, sẽ vát [bản báo cáo ấy] trong giỏ giấy loại, chẳng thể thực hiện!

Nếu chúng ta hỏi: Hóa giải xung đột, khôi phục thế giới an định, hòa bình, có hy vọng hay không? Câu trả lời là khẳng định, có hy vọng. Dùng phương pháp gì? Dùng phương cách cũ kỹ của người Hoa! Vì thế, vào những năm bảy mươi, tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) đã nói rất có lý, vị này là một học giả nước Anh: “*Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa và Đại Thừa Phật pháp*”. Lời ấy nói rất có lý, ông ta chẳng bảo dùng vũ lực hoặc bảo mở hội nghị, [mà là] sử dụng học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa! Học thuyết truyền thông của Trung Hoa là gì? Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký], có hai câu danh ngôn: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Giáo học có thể giải quyết vấn đề. Do vậy, quý vị thầy Phật, Bồ Tát do đâu mà có? Do dạy dỗ mà ra, thánh hiền cũng là do dạy dỗ mà thành.

Nội dung của giáo dục truyền thống là gì? Chúng tôi tổng kết, nội dung bao gồm bốn thứ: Thứ nhất là luân lý, thứ hai là đạo đức, thứ ba là nhân quả, thứ tư là tánh lý. Nói đến mức cao nhất, sẽ đều là nói đến bản tánh của con người. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành), nói đến Tánh lý. Nhưng kinh Phật giảng tánh lý thấu triệt nhất, cổ thánh tiên hiền đều hiểu. Nếu chúng ta khôi phục bốn loại giáo dục ấy, thiên hạ thái bình, xung đột tự nhiên sẽ chẳng có. Vì vậy, hiện thời cần đến giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tánh lý. Chúng tôi nói “*tánh lý*”, người bình phàm sẽ chẳng hiểu cho lắm. Hiện thời, mọi người đều biết tôn giáo, [vậy thì tôi nói cho dễ hiểu] là giáo dục tôn giáo. Quý vị xem đó, xét kỹ kinh điển của mỗi tôn giáo, đều là dạy con người làm lành. Chẳng có tôn giáo nào dạy người ta làm ác, dạy người ta hại kẻ khác, chẳng hề có! Nếu dạy con người làm ác, dạy con người hại kẻ khác, tôn giáo ấy chẳng thể kiến lập, sẽ không được đại chúng tiếp nhận, vì nó trái nghịch nhân tánh. Phải hiểu đạo lý này!

Hiện nay, xã hội động loạn, chúng ta có thể thấy được nguyên nhân. Quý vị thấy giáo dục hiện thời dạy điều gì? Giáo dục gia đình dạy điều gì? Cha mẹ hiện thời dạy trẻ nhỏ điều gì? Giáo dục trong nhà trường dạy điều gì? Giáo dục xã hội dạy điều gì? Giáo dục tôn giáo trong hiện thời lại dạy điều gì? Quan sát cẩn thận, quý vị tìm được cội nguồn động loạn để rồi cắt thuốc đúng chứng bệnh. Chẳng phải là không thể làm, có thể làm! Vì thế, hiện thời chúng tôi đề xướng lập trường học. Tôi giới thiệu khái niệm này với Liên Hiệp Quốc, mở trường học, mở giảng tòa, sẽ tốt hơn và thu được hiệu quả nhiều hơn mở hội nghị. Tháng Sáu năm nay, tôi đến thăm Unesco tại Ba Lê, đồng thời mở khóa giảng ba ngày tại Ba Lê, giảng về Đệ Tử Quy, rất có hiệu quả, thính chúng có hơn sáu trăm người. Ngày cuối cùng, tôi giới thiệu giáo dục truyền thống của Trung Hoa, thính chúng đông hơn một ngàn người, đều ở Châu Âu. Vì thế, việc dạy Đệ Tử Quy hiện thời đã khá thông dụng. Không chỉ là ở trong nội địa Trung Hoa được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng, mà hiện thời trên quốc tế, cũng bắt đầu cổ động. Khá nhiều nơi trên các nước đều lập những khóa học nhỏ, tìm tôi xin giới thiệu giáo viên đến giảng. Đây là chuyện tốt, tốt hơn mở hội nghị quá nhiều, mà cũng tiết kiệm chi phí hơn mở hội nghị rất nhiều. Do vậy, chúng ta nói đến “*vi y, vi cứu*” thì phải hiểu!

Chúng tôi vẫn nhấn mạnh tầm trọng yếu của giáo dục gia đình, quý vị mới có thể có con cháu tốt đẹp, mới có thể thật sự hóa giải vấn đề. Đầu tiên, bản thân chúng ta phải giác ngộ. Chính mình chẳng giác ngộ, sẽ chẳng có cách nào cả! Nhà Phật nói là “*tự độ còn chẳng được, làm sao có thể độ người khác?*” Kinh dạy: “*Tự kỹ vị độ, nhi năng độ nhân, vô hữu thị xứ*” (Chưa thể độ chính mình mà có thể độ người khác, chẳng có lẽ ấy), “*vô hữu thị xứ*” là chẳng có đạo lý ấy! Đầu tiên là phải tự độ, đầu tiên là phải tự giác, sau đây mới có thể giác ngộ người khác. Điều đầu tiên trong “*giác tha*” là giúp người nhà quý vị, khiến cho cả nhà giác ngộ. Sau khi cả nhà đã giác ngộ, bèn giúp láng giềng, làng xóm, thân thích, bằng hữu, phạm vi ngày càng mở rộng. Giáo học của cổ thánh, tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát mở rộng dần dần như vậy, khuếch đại sức ảnh hưởng.

Nho và Phật đều nói rất hay. Nho gia nói: “*Tự thiên tử dĩ chí u thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*” (Kể từ thiên tử cho đến kẻ thường dân, nhất loạt đều lấy tu thân làm gốc). Trong hội nghị quốc tế hiện nay, chúng tôi giới thiệu hai câu: “*Tu thân vi bản, giáo học vi tiên*” (Tu thân làm gốc, dạy học làm đầu). Do vậy, có những hội nghị trọng yếu đến tìm tôi, tôi nghĩ mình vẫn phải đi. Nếu họ chẳng thấu triệt chuyên này, tôi sẽ nói rõ ràng, nói minh bạch. Tu thân làm gốc, bắt đầu từ chính bản thân ta. Nay chúng ta gánh vác sứ mạng của Liên Hiệp Quốc, hiệp trợ hóa giải xung đột, xúc tiến các xã hội trên thế giới an định, hòa bình, làm từ nơi đâu? Làm từ chính bản thân mình. Mỗi lần [dự họp], tôi đều nói. Đầu tiên là từ nội tâm của chính mình, khiến cho trong nội tâm của chúng ta, ý niệm đối lập với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật được hóa giải. Cũng có nghĩa là ta chẳng đối lập với bất cứ người nào trên thế giới, người khác đối lập với ta thì được, ta chẳng đối lập với người ấy. Bất cứ chuyện gì, vật gì cũng đều chẳng có đối lập. Thân tâm của ta hài hòa, ta mới có thể giúp người khác hóa giải đối lập. Chẳng có đối lập, sẽ chẳng có mâu thuẫn, xung đột sẽ tự nhiên bị hóa giải. Đây mới là biện pháp. Nếu những người theo đuổi công tác này, những người theo đuổi nền giáo dục của thánh hiền, mà còn “ta ưa thích kẻ này, ta chán ghét kẻ kia”, sự giáo dục của quý vị có thành tựu hữu hạn. Vì sao? Trong nội tâm của quý vị có đối lập. Hễ có đối lập, sẽ có mâu thuẫn. Hễ mâu thuẫn, sẽ có xung đột. Chính quý vị chẳng thể giải quyết xung đột của bản thân, làm sao có thể giúp xã hội giải quyết xung đột cho được? Tôi nói kiểu này được không ít chuyên gia, học giả tham dự hội nghị đồng ý. Tu thân làm gốc, tu bản thân tốt đẹp, quý vị mới có thể dạy người khác, mới có thể ảnh hưởng người khác.

Trong việc học Phật, điều này cũng hết sức trọng yếu. Học Phật, chẳng có gì khác, [chỉ là] phá Phiền Não Chướng, phá Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng là Ngã Chấp, Sở Tri Chướng là Pháp Chấp. Phá Phiền Não Chướng, vượt thoát lục đạo. Phá Sở Tri Chướng, vượt thoát mười pháp giới. Do vậy, phải hiểu: Trong tâm có sự đối lập với hết thầy người, sự, vật, quý vị chẳng có cách nào phá hai thứ chướng ngại. Nói cách khác, quý vị tu tập trong Phật pháp, chỉ có thể tu một chút phước báo nhân thiên! Nếu quý vị mong đoạn phiền não, khai trí huệ, chứng Bồ Đề, liễu sanh tử, thoát tam giới, sẽ chẳng có phần. Quý vị nói điều này có quan trọng lắm hay không? Chớ nên không hiểu rõ, chớ nên không giác ngộ, chớ nên không thật sự làm. Trước hết, quý vị phải có thể thấy thấu suốt, kinh Kim Cang giúp chúng ta thấy thấu suốt: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, quý vị cần gì cứ phải riết róng! Cổ nhân có một câu ngạn ngữ: “*Nan đắc hồ đồ, ngật khuy thị phước*” (Hồ đồ khó có, bị thua thiệt là phước), chẳng cần phải so đo. Buông xuống phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính mình. “*Thiên hạ bản vô sự, dung nhân tự nhiều chi*” (Thiên hạ vốn vô sự, kẻ đàn tự nhiều loạn). Ai là kẻ đàn? Chính mình là người chẳng biết buông xuống! Kẻ chẳng buông thân, tâm, thế giới xuống thì mới so đo. Thật sự buông xuống, sẽ thoát ra. Đã thoát ra, quý vị sẽ thấy rõ ràng, thấy minh bạch, mới biết chính mình hãy nên làm như thế nào!

Cách thực hiện như thế nào? Chính là trong hai đoạn kinh văn này. Mười câu trong đoạn này, “*năng vi nhiều ích*” (có thể tạo lợi ích rộng lớn), đối với chính mình, đối với chúng sanh, sẽ đem lại lợi ích thật sự phong phú. Đối với câu kế tiếp ở cuối đoạn này, lời Sớ nói là “*siêu thắng tôn quý*” (tôn quý thù thắng, vượt trội) là chứng quả. Đoạn này nói về tu hành. Chẳng tu hành, làm sao có thể chứng quả cho được? Đây là nói “*vi cứu*”. Vì vậy, có thể buông xuống đôi lập, [chính là] cứu chính mình. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta học Phật, tu hành, quyết chẳng phải chỉ là một đời này. Nếu đời này mới bắt đầu, quý vị sẽ chẳng thể khế nhập cảnh giới. Thật sự y giáo tu hành, dần dần có thể khế nhập cảnh giới, quý vị sẽ biết tu hành chẳng phải là một, hai đời, mà là trong đời quá khứ đã rất nhiều lần tu học Phật pháp, nhưng chẳng có thành tựu. Vì sao chẳng thành tựu? Chính là như tôi vừa mới nói: Chẳng buông xuống đôi lập cùng hết thấy người, sự, vật. Do vậy, đối với học Phật, quý vị chẳng khai ngộ, nó sẽ chướng ngại quý vị khai ngộ. Quý vị chưa chứng quả, nó sẽ chướng ngại quý vị chứng quả. Quý vị chưa vãng sanh, nó sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh! Phải hiểu đạo lý này.

Hoàn cảnh học tập trước kia tốt đẹp hơn hiện thời. Vì sao? Thời cổ, bậc đại đức giảng kinh, thuyết pháp nhiều, duyên tham học thù thắng. Có thể nói từ đời Tùy - Đường mãi cho đến giữa đời Thanh, [luôn luôn có] bậc đại đức giảng kinh, thuyết pháp, pháp sư xuất gia, cư sĩ tại gia hữu tu, hữu chứng, chúng ta xem Đại Tang Kinh hiện thời, thấy chú sớ của khá nhiều bậc cổ đại đức, sẽ biết: Bất luận học pháp môn nào, đều có người đang truyền pháp, quý vị đến đó tham học đều có thể học được. Xã hội hiện tại chẳng bằng xưa kia, người giảng kinh ít ỏi. Không chỉ là Phật giáo, các tôn giáo khác cũng là như thế. Người giảng kinh [trong hiện thời] tu trì cũng chẳng bằng các vị đại đức trong quá khứ. Những vị đại đức trong quá khứ đúng là “*phiền não khinh, trí huệ trưởng*”, thật sự buông xuống Kiến Tư phiền não. Vì sao thật sự buông xuống? Các Ngài đã thật sự thấy thấu suốt; do vậy, thân tâm khinh an, tự tại.

Trong xã hội hiện thời, những gì lục căn quý vị được tiếp xúc đều là tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, ở trong xã hội, quý vị có thể chẳng động tâm ư? Quý vị có thể chẳng khởi niệm ư? Sức dụ dỗ, mê hoặc không chỉ là gấp mười, gấp trăm lần quá khứ! Nhất là sự dụ dỗ, mê hoặc trong hiện thời là do TV quyến rũ, do mạng Internet quyến rũ, nhật báo, tạp chí quyến rũ, quý vị thấy quảng cáo bên ngoài toàn là dụ dỗ, mê hoặc! Có thể ở trong những thứ dụ dỗ, mê hoặc ấy mà chẳng động tâm, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Vì thế, hiện thời thành tựu khó khăn. Nói đi rồi phải nói lại, khó thì tuy khó đây, một khi quý vị thật sự chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc, thành công của quý vị tối thiểu phải cao gấp mười, gấp trăm lần cổ nhân. Họ chẳng bằng quý vị, vì sao? Nếu họ sanh trong thời đại này, cũng sẽ bị đào thải! Người ta vận tốt, xã hội thời ấy chẳng có nhiều thứ dụ dỗ, mê hoặc như vậy. Ai nấy đều an phận giữ mình, [do vậy], tu học thành công dễ dàng! Hiện thời, có thể nói là bốn phương tám hướng đều lôi quý vị vào trong địa ngục, vào trong ngạ quỷ, quý vị có thể nghiệm nhiên như như bất động, đó là công phu cỡ nào! Vì thế, lợi và hại đều có, chỉ cần chính mình kiên định tín tâm.

Kiên định tín tâm như thế nào? Một phương pháp tốt đẹp là đọc kinh mỗi ngày, thân cận thánh hiền, tận hết sức giảm thiểu những dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài. Do vậy, trong hơn bốn mươi năm qua, tôi không xem báo chí, không coi TV, không nghe radio, những thứ ấy đều lìa khỏi. Hằng ngày, những thứ tôi xem là kinh điển, tư duy kinh điển. Lại còn mỗi ngày cùng các vị đồng tham đạo hữu, nghiên cứu, giảng giải, cùng nhau học tập thì mới có thể gìn giữ, chẳng bị thoái chuyển. Năm mươi bốn năm như một ngày, tôi dùng phương pháp này. Tôi cảm thấy phương pháp này rất hữu hiệu, thầy dạy tôi, tôi có thể y giáo phụng hành. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 1489

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống, xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ đoạn thứ mười trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Vân hà đắc dĩ nhất thiết chúng sanh vi y, vi cứu, vi quy, vi thú, vi cư, vi minh, vi chiếu, vi đạo, vi thắng đạo, vi phổ đạo?

(經)云何得與一切眾生為依。為救。為歸。為趣。為炬。為明。為照。為導。為勝導。為普導。

(Kinh: Làm thế nào để là nơi nương tựa, nơi cứu tế, nơi quay về, nơi hướng đến, làm đuốc, làm ánh sáng, chiếu soi, dẫn dắt, dẫn dắt thù thắng, dẫn dắt trọn khắp cho hết thảy chúng sanh?)

Đối với mười câu này, hôm qua chúng ta đã học đến “vi y, vi cứu”, hôm nay xem từ câu thứ ba, tức là “vi quy”, cũng là “vân hà đắc dĩ nhất thiết chúng sanh vi quy” (làm thế nào để làm chỗ quay về cho hết thảy chúng sanh). “Quy” (歸) là quay đầu. Trong phần [kinh văn của địa vị] Sơ Hồi Hướng [trong phẩm Thập Hồi Hướng kinh Hoa Nghiêm], Thanh Lương đại sư đã bảo “giai linh đắc ly chư bố úy cố” (vì đều làm cho [hết thảy chúng sanh] được lìa các sự sợ hãi). Câu ấy đã nói rất rõ ràng, nay chúng ta đọc xong, có cảm xúc vô cùng sâu đậm! Vì xã hội hiện tại đáng gọi là “xã hội khủng bố”, làm thế nào để có thể hóa giải xung đột, xa lìa sợ hãi chính là chủ đề đàm luận của mọi người trong mấy năm gần đây. Do vậy, chúng tôi đọc câu kinh văn này, cảm xúc càng sâu hơn!

“Quy” là quay đầu, nhà Phật thường nói “hồi đầu thị ngạn” (回頭是岸, quay đầu là bờ), phải từ trong nỗi sợ hãi mà quay lại. “Bố úy” (怖畏) được nói trong Phật pháp còn đáng kinh sợ hơn những phần tử khủng bố như người hiện thời thường nói. “Bố úy” ở đây chính là nói đến tam đồ, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như thế nào mới có thể lìa khỏi tam đồ? Vậy thì quý vị phải biết tam đồ do như thế nào mà có? Trong kinh luận Đại, Tiểu Thừa, đức Phật đã dạy cặn kẽ, nhất là địa ngục quá sức kinh sợ, [tam đồ] là do trong đời này chúng ta đã tạo các nghiệp bất thiện mà cảm vờ! Vô lượng hình phạt trong địa ngục nói chẳng cùng tận! Trong các kinh điển, đức Phật đã nói đến, đã nói rất nhiều. Nói thật ra, [những điều Ngài đã nói] chỉ là tình huống đại khái trong địa ngục mà thôi! Vì sao nói chẳng cùng tận? Chúng sanh tạo nghiệp vô lượng vô biên, cho nên nghiệp báo cũng là vô lượng vô biên. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã dạy, chỉ cần chẳng tạo mười ác nghiệp, mỗi điều trong mười ác nghiệp đều là cương lĩnh [của các ác nghiệp]. Nói cặn kẽ, mỗi điều sẽ đều nói chẳng cùng tận! Không sát sanh, sẽ không kết oán cừu với hết thảy chúng sanh. Giết hại chúng sanh, chẳng biết đến nỗi oán hận của chúng sanh. Nỗi oán hận ấy sẽ là oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong, đời

đòi kiếp kiếp! Quý vị nói xem, chuyện này đáng sợ lắm thay! Khi quý vị lần hiệp kẻ khác, người ta sẽ báo cừ, đời này chẳng thể báo cừ, [sẽ đợi tới] đời sau!

Các đồng học học Phật đều biết, quý vị đều đã đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sâm. Từ Bi Tam Muội Thủy Sâm nói về chuyện của Ngô Đạt quốc sư là người thời Đường. Ngài bị một mụn ghẻ mặt người, gần như mất mạng! Do đâu mà có mụn ghẻ mặt người ấy? Nguyên lai là trong mười đời trước, Ngài đã từng giết một người. Người ấy oán hận Ngài, cả mười đời đều theo sát bên Ngài. Nhưng đến đời thứ hai, Ngài xuất gia, tu hành rất khá, có thần hộ pháp bảo vệ. Mỗi đời tiếp theo, Ngài suốt mười đời trì giới tinh nghiêm, chẳng tạo ác nghiệp. Vì thế, cả mười đời chẳng mất thân người, lỗi lạc thay! Mười đời chẳng mất thân người, lại còn mười đời đều xuất gia, đều tu hành, tu hành rất khá. Đời thứ mười một, làm thầy của hoàng đế, tức quốc sư, vinh diệu tột bậc! Nhà vua biểu Ngài một tòa báu bằng trăm hương. Sau khi Ngài nhận lấy, hết sức hoan hỷ, dấy lên tâm ngạo mạn (ngạo mạn là phiền não, tham, sân, si, mạn), cảm thấy chính mình rất vinh diệu, người xuất gia trong thiên hạ chẳng có kẻ nào mà hồng sánh bằng Ngài! Vừa sanh ý niệm ấy, thần hộ pháp bỏ đi, oan gia tìm tới, đấy chính là [nguyên có nổi] mụn ghẻ mặt người, đến báo cừ mà! Khéo sao, Ngài tu hành mười đời, xác thực là chẳng uổng phí công phu, cảm động một vị A La Hán, tức tôn giả Ca Nặc Ca. Tôn giả Ca Nặc Ca điều giải cho Ngài, đối phương kể ra nhân duyên, “do nguyên nhân gì mà tìm đến người”! Nay được tôn giả Ca Nặc Ca điều giải, người ấy cũng hoan hỷ tiếp nhận, lia khỏi, ghẻ mặt người khỏi hẳn!

Do vậy, chư vị nên hiểu là những kẻ oán hận đời đời kiếp kiếp ở bên cạnh quý vị chờ đợi cơ hội. Khi quý vị có phước báo, họ chẳng dám đến quấy phá quý vị. Khi quý vị tu công tích đức, nhất định là có thiện thân che chở, họ chẳng có cơ hội. Nhưng quý vị dấy lên một niệm tham, sân, si, mạn, họ sẽ có cơ hội đến báo thù. Quý vị nói chuyện này có đáng kinh hãi lắm hay không? Đây [mới chỉ] là người [đen báo thù]. Ngoài người ra là súc sanh. Súc sanh đều có linh tánh. Mỗi ngày quý vị giết chúng, ăn chúng, chúng nó có cam tâm tình nguyện cúng dường quý vị hay không? Nếu chẳng cam lòng, chẳng tình nguyện, quý vị phải nghĩ đến sau khi đã kết thành mối oán cừu ấy thì phải làm sao? Trong đời quá khứ, trong đời này, nói thật thà, kể từ trước khi chúng ta tiếp xúc Phật pháp, chúng ta đều ăn thịt, đều sát sanh. Trong đời này, kết mối oán cừu cùng những chúng sanh ấy, chẳng nghĩ thì không biết; hễ nghĩ đến, sẽ hết sức kinh hãi! Trong đời này, gặp gỡ khá nhiều chuyện chẳng vừa ý, gian nan, khốn khổ, cho đến bệnh tật là do đâu mà ra? Chính là vì từ chỗ này mà ra! Nghiệp nhân quả báo, chẳng sai suyền mảy may. Quý vị càng nghĩ, càng kinh hãi. Đây mới là hoa báo, quả báo ở trong đời sau, đáng sợ quá! Làm thế nào để có thể lia khỏi nỗi kinh sợ trong ác đạo, nỗi kinh sợ trong tai nạn? Đức Phật dạy chúng ta quay đầu, quay đầu là bờ!

Hôm nay, có một đồng tu bên Úc gọi điện thoại cho tôi, cho biết ở bên Nam Dương có một người có công năng đặc dị bảo ông ta: “Sau tháng Giêng, sẽ

phát sanh ôn dịch⁵⁹. Đã thế, trận ôn dịch này hết sức nghiêm trọng!” Ông ta kể với tôi tin tức ấy, hỏi tôi cách dự phòng như thế nào? Trong năm nay, không chỉ là một lần, mà tôi thiếu là có đến ba lần có người đến nói với tôi về chuyện này. Hiện thời, tổ chức Y Tế Thế Giới cũng cảnh báo, trận ôn dịch ấy chính là dịch cúm gà. Họ nói, trận dịch ấy hễ bộc phát sẽ lan tràn khắp thế giới, ước tính sẽ lây nhiễm đến một ức người, tỷ lệ tử vong là một phần hai⁶⁰, rất kinh khủng! Nhưng có tin tức cho tôi biết, người ăn chay, người niệm Phật, tâm địa thiện lương sẽ chẳng bị cảm nhiễm (lây bệnh). Hôm nay, khi người ấy nói với tôi về tin ấy, tôi liền thuật lại lời này với ông ta: Chớ nên hoảng sợ, chớ nên kinh hoàng, hãy suy ngẫm [tu tập sao cho] chính mình là thiện tâm, tư tưởng thiện, hành vi thiện, tức là như trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã dạy: “*Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết thảy các nỗi khổ trong thế gian*”. Trận ôn dịch ấy là khổ, nghĩ đến câu nói ấy của đức Phật trong kinh rất hữu lý, không tính sẵn mà phù hợp với các điều do những người được gọi là “*thông linh*”⁶¹ đã nói. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dạy “*thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp*”, quý vị sẽ có thể tránh khỏi [các thứ kinh sợ như tai nạn, ôn dịch v.v...]

Trong nền y học xa xưa của Trung Hoa, đã có một câu nói về kinh nghiệm như thế này: “*Đông ôn*” (冬瘟), tức là bệnh dịch phát sanh vào mùa Đông, nếu thời gian xảy ra ôn dịch vào mùa Đông không dài, vào mùa Xuân sẽ chẳng có ôn dịch. Trận ôn dịch ấy không nghiêm trọng. Nếu ôn dịch từ mùa Đông kéo dài đến mùa Xuân, lan tiếp sang mùa Xuân, sẽ rất nghiêm trọng. Tình hình ấy hoàn toàn chẳng nhiều, nhưng năm nay, rất có thể trận ôn dịch từ mùa Đông kéo dài thành trận dịch mùa Xuân, là một trận ôn dịch nghiêm trọng! Từ kinh điển của nhà Phật, từ các tin tức do các linh môi⁶² cung cấp, nhất là nói đến bệnh cúm gia cầm, chúng ta ngẫm lại, [sẽ thấy]: Chúng ta đã kết oán sâu đậm cùng bọn cầm thú. Quý vị thích ăn gà, ưa ăn vịt, thích ăn những loài phi cầm ấy, chúng nó phải báo thù mỗi oán cừu ấy. Đạo lý là như thế đó, chúng nó sẽ đến báo cừu, cho nên mới có lời truyền báo “*người ăn chay sẽ chẳng bị lây bệnh*”. Ăn chay nhiều năm, mỗi oán kết sẽ được giảm bớt ít nhiều. Nhất là đã biết yêu thương, bảo vệ sanh mạng, không chỉ là ăn chay, mà còn thường xuyên phóng sanh, kết thiện duyên cùng

⁵⁹ Trong năm 2006, đã có những trận ôn dịch như sau: Dịch cúm gà (H5N1) ở vùng Maharashtra của Ấn Độ vào tháng Hai, dịch sốt xuất huyết tại Pakistan và Ấn Độ (có đến 4.800 người mắc bệnh, tử vong năm mươi người). Riêng tại Ấn Độ, trận dịch này lan ra khắp nơi kể từ New Delhi cho đến những vùng xa xôi hơn như Uttar Pradesh, Andhra Pradesh... Nặng nhất là toàn cầu báo động về dịch cúm gà tại nhiều quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Hoa, Nam Dương, Nigeria, Mã Lai, Croatia, rau spinach bị nhiễm vi khuẩn E. Coli tại Hoa Kỳ...

⁶⁰ Những điều này do những người đưa tin phóng đại. Nên nhớ là hòa thượng không xem tin tức, Ngài chỉ nghe các đồng tu hoặc đạo hữu kể lại. Trận dịch tuy lớn, nhưng số người tử vong không đến một ức người như họ nói, và cũng không đến nỗi người bị bệnh dịch chết hết một nửa!

⁶¹ “*Thông linh*” (通靈) ở đây là những người có khả năng giao tiếp với linh giới, tức là có thể trò chuyện, giao tiếp với cõi âm.

⁶² Linh môi (靈媒) là cách người Hoa gọi những thanh đồng (mediums) có khả năng giao tiếp thật sự với cõi âm, không phải là bọn đồng cốt quàng xiên bịp bợm, gian trá!

chúng. Khi chưa học Phật chẳng biết, không có ai dạy! Sau khi đã học Phật, bèn hiểu rõ, quyết định chẳng kết oán cừu với chúng sanh!

Chúng ta hãy ngắm xem, trong giáo dục đạo đức, trong giáo dục nhân quả, trong giáo dục tôn giáo, đều có nói! Bản thân chúng ta phải có tín tâm, phải “*quay đầu là bờ*”, từ Thập Ác Nghiệp quay trở lại tu Thập Thiện Nghiệp, như vậy thì quý vị sẽ vĩnh viễn xa lìa hết thảy kinh sợ, quý vị mới có thể vĩnh viễn lìa khỏi, đúng như kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói “*năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (có thể lìa hết thảy các nỗi khổ thế gian), nhất định phải nghiêm túc hành trì! Chúng tôi cũng đã giảng mười điều ấy (Thập Thiện Nghiệp) khá cặn kẽ. Đĩa CD và sách Giảng Ký của kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng được lưu thông rất nhiều. Có thể từ Thập Ác trở về Thập Thiện, đây chính là “*ly bố úy*”. Xã hội hiện thực có bao giờ chẳng phải là như vậy! Hiện nay, chúng ta nói đến chuyện hóa giải xung đột, quý vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, xung đột phát sanh như thế nào? Chẳng lìa khỏi Thập Ác! Như thế nào thì mới có thể hóa giải xung đột, khôi phục xã hội an định, hòa bình? Một đạo lý [mà thôi]! Tâm là thiện thì mới có thể thật sự hóa giải. Chuyện này quyết chẳng thể đổ trách nhiệm cho kẻ khác, [hễ đổ thừa], quý vị đã sai mất rồi! Hãy thực hiện từ chính mình! Quý vị chớ nên đòi hỏi người khác phải làm, người khác chưa chắc đã chịu nghe theo quý vị! Trước hết, hãy khởi đầu làm từ chính mình. Chính mình đắc độ rồi mới có thể độ người khác. Trong đại tai nạn, chính mình bình an vượt qua, người ta trông thấy sẽ học tập theo, quý vị sẽ giảng những đạo lý này cho người ta nghe.

Kẻ bình phàm có một quan niệm sai lầm: “Ăn chay chẳng đủ dinh dưỡng, gây trở ngại cho sức khỏe”, toàn là dùng lý do này! Người học Phật tại Trung Hoa, bất luận tại gia hay xuất gia, đã gần hơn một ngàn năm qua, chuyện ăn chay tại Trung Hoa là do Lương Vũ Đế đề xướng. Thời gian ấy chẳng thể coi là ngắn, bao nhiêu người ăn chay nhiều năm như thế, người khỏe mạnh, sống lâu rất nhiều, quý vị có thể nói là “ăn chay thiếu dinh dưỡng” ư? Sau khi tôi đã hiểu đạo lý này, bèn nghiêm túc chọn lựa ăn chay. Sang năm, tôi đã ăn chay năm mươi lăm năm rồi! Tại khá nhiều nơi ở nước ngoài, hình tượng này đã độ chẳng ít người. Có nhiều người cùng tuổi với tôi, thậm chí nhỏ hơn tôi mấy tuổi, chúng tôi đứng chung một chỗ, tôi trông trẻ hơn họ, thân thể tôi khỏe mạnh hơn họ. Họ cũng rất hâm mộ: “Thưa pháp sư! Thầy dùng phương pháp gì để bảo dưỡng thân thể?” Họ chẳng hỏi chi khác, nhất định sẽ hỏi điều này! Ngay cả Tiến Sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản, khi chúng tôi lần đầu dùng cơm với nhau, ông ta cũng rất hâm mộ. Ông ta mới sáu mươi mấy tuổi, bệnh tật rất nhiều, hỏi tôi cách bảo dưỡng như thế nào? Ngay lúc đó, tôi liền bảo ông ta: “Phương pháp tôi bảo dưỡng thân thể chính là kết luận rút ra từ việc nghiên cứu của ông!” Ông ta trố mắt: “Kết luận gì vậy?” “Yêu thương, cảm ơn! Tôi sống trong thế giới yêu thương và cảm ơn. Đây chính là kết luận ông đã thu được từ chuyện kết tinh của nước!” Ông ta thu được kết luận, nhận biết chân lý trong vũ trụ, điều thù thắng khôn sánh chính là tâm yêu thương và cảm tạ. Ông ta đạt được kết luận ấy. Tôi nói: “Tôi đã thực hành cái tâm yêu thương và cảm tạ ấy. Ông đã nghiên cứu tìm ra, nhưng vẫn chưa làm được”.

Chư vị hãy ngẫm xem, đối với ái tâm (tâm yêu thương), đã có ái tâm viên mãn, làm sao có thể tạo ác nghiệp cho được? Thập Thiện toàn là ái tâm, Thập Ác và ái tâm hoàn toàn tương phản. Do vậy, nói đến Ái, điều thứ nhất là “*tự ái*” (biết yêu thương chính mình). Đã yêu thương chính mình thì quý vị mới có thể yêu thương kẻ khác. Quý vị hoàn toàn chẳng biết yêu thương chính mình, làm sao quý vị có thể yêu thương người khác cho được? Há có lẽ ấy! Biết yêu thương chính mình, chắc chắn sẽ tu Thập Thiện Nghiệp. Chúng ta lừa gạt một người nào đó, tức là chẳng biết yêu thương chính mình. Vì sao? Lừa gạt là tội ác. Chúng ta khuấy động thị phi, nói đôi chiều, chính là chẳng biết yêu thương chính mình. Vì sao là chẳng biết yêu thương chính mình? Khuấy động thị phi, trong tương lai sẽ đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (拔舌, kéo lưỡi). Quý vị nói xem, kẻ ấy có biết yêu thương chính mình hay chẳng? Kẻ biết yêu thương chính mình còn mong đọa vào địa ngục Bạt Thiệt ư? Kẻ biết yêu thương chính mình tuyệt đối chẳng có một ác niệm, chẳng có ác tư duy, chẳng có ác ngôn, ác ngữ, sẽ chẳng có hành vi ác. Giảng kinh đã nhiều năm như vậy, tôi thường nói điều này, thường khuyên dạy mọi người: “*Đối với hết thảy người, sự, vật, chúng ta quyết định chẳng có ý niệm không chế, quyết định chẳng có ý niệm chiếm hữu*”. Vì sao? Hễ quý vị có ý niệm không chế người khác, không chế sự vật, chiếm hữu, những ý niệm ấy đều là bất thiện. Do [ý niệm] bất thiện, sẽ chiêu cảm quả báo bất thiện. Đây là chẳng biết yêu thương chính mình. Người biết yêu thương chính mình, sẽ tuyệt đối chẳng có ác niệm. Vì thế, người hành Thập Thiện Nghiệp Đạo mới là biết yêu thương chính mình. Người biết yêu thương chính mình, quyết định chẳng có kinh sợ, chẳng có hoảng hốt, chẳng có kinh hãi. Kẻ chẳng biết yêu thương chính mình thì sẽ có [những nỗi kinh hoảng ấy].

Nếu nói rõ ràng hơn một chút, người biết yêu thương chính mình chắc chắn chẳng ăn thịt chúng sanh. Có những kẻ nêu lời phản bác: “*Người ăn gạo, ăn rau dưa, đó là thực vật. Thực vật cũng có sanh mạng, đây chẳng phải là người vẫn đang sát sanh ư?*” Chẳng sai! Không chỉ là thực vật có sanh mạng, ngay cả khoáng vật cũng đều là sống động. Ông Giang Bồn Thắng khi làm thí nghiệm với nước, đã chỉ ra: “*Khoáng vật đều là sống động*”. Trong kinh, đức Phật đã nói chẳng sai tí nào. Vạn vật do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến. Nhà Phật gọi cái tâm ấy là Pháp Tánh, hoặc chân tâm. Chân tâm vốn sẵn có “*thấy, nghe, hay, biết*”. Chân tâm hiện tướng, quyết định có sắc, thanh, hương, vị. Pháp Tánh thân, Pháp Tánh độ, bản chất của tất cả hết thảy vạn vật là Pháp Tánh. Do vậy, đương nhiên là nó có thấy, nghe, hay, biết. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, trong kinh, đức Phật đã giảng rất thấu triệt: “*Toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ*”; thể nhưng động vật, thực vật, và khoáng vật hoàn toàn bất đồng! Tuy thực vật là sanh vật, chúng chẳng giống động vật. Động vật có tình thức. Nói cách khác, động vật có thất tình, tức là mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, chúng nó có tham, sân, si, mạn. Những động vật đều có [những tình thức] ấy, cho nên chúng có cái tâm báo thù. Thực vật chẳng có thất tình, ngũ dục, chẳng có tham, sân, si, mạn, nên chẳng trả thù. Phải hiểu đạo lý này! Quý vị vẫn là chọn lựa ăn uống theo kiểu này!

Ăn uống, nói thật ra là bất thiện. Vì phải duy trì thân mạng này, chẳng thể không ăn uống. Đối với chuyện ăn uống, chớ nên quá lố! Vì thế, thuở đức Phật tại thế, giữa trưa ăn một bữa, thân tâm thanh tịnh, nhu cầu ăn uống của Ngài ít ỏi. Chẳng có tạp niệm thì một bữa cơm có đủ hay không? Chắc chắn là đủ! Thuở còn trẻ, chúng tôi đã thật sự làm thử chuyện này. Mỗi ngày tôi ăn hai bữa, tức là không ăn cơm tối. Nhà Phật gọi là “*trì ngọ*”. Thuở tôi mới học Phật, cuộc sống rất kham khổ. Trì ngọ mười lăm năm, trong đó, có năm năm chỉ ăn một bữa giữa trưa, bữa sáng cũng chẳng có, bớt việc! Qua đó, chúng tôi đã thể nghiệm: Thân thể con người là một cỗ máy; để cỗ máy hoạt động, cần phải có năng lượng. Năng lượng lấy từ thực phẩm. Nhưng chúng ta phải nên biết trạng huống tiêu hao năng lượng, từ chín mươi phần trăm trở lên đã bị tiêu hao bởi vọng niệm! Mỗi người chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, niệm trước diệt, niệm sau sanh, toàn là vọng tưởng, chuyện này tiêu hao năng lượng lớn nhất. Nếu quý vị nói “*lao tâm, lao lực*”, thật ra, năng lượng tiêu hao [vì lao tâm, lao lực] không lớn!

Tôi theo thầy Lý Bình Nam mười năm, tôi cẩn thận quan sát thầy. Lão nhân gia ăn một bữa giữa trưa, ăn rất ít; nhưng so sánh giữa khối lượng công việc của thầy với những kẻ bình phàm, thầy làm công việc bằng năm người! Mỗi ngày, thầy làm việc bằng năm người khác, [thế mà] mỗi ngày chỉ ăn một bữa! Do vậy, tôi cảm thấy lao tâm hay lao lực tiêu hao năng lượng cũng chẳng lớn, mà chính là vọng niệm [gây tiêu hao nhiều nhất]. Thuở ấy, tôi ăn một bữa trưa là học theo thầy. Vì tôi cũng đã không ăn tối rất lâu, đã nhiều năm rồi, bỏ bữa sáng cũng không sao, bắt đầu làm thử. Tôi làm thử đến tháng thứ tám mới trình lên thầy. Tôi nói: “Thưa thầy! Nay con cũng chỉ ăn bữa trưa”. Thầy cũng rất hoan hỷ, hỏi: “Đã bao lâu?” Tôi thưa: “Tám tháng ạ!” “Tinh thần và thể lực như thế nào?” Tôi đáp: “Con chẳng cảm thấy [có gì khác biệt], hết thấy đều rất bình thường”. Thầy vỗ bàn: “Tốt lắm! Hãy giữ vĩnh viễn. Suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai, nhu cầu ít ỏi”. Tôi thật sự có ý nguyện giữ vững chuyện ấy. Về sau, rời khỏi Đài Trung, đến Đài Bắc giảng kinh, hoằng pháp, gặp gỡ Hàn quán trưởng. Hàn quán trưởng kiên trì: “Không được! Pháp sư à! Thầy nhất định phải ăn ba bữa, chẳng thể ăn một bữa được! Thầy ăn một bữa, trong tương lai, thể lực không đủ, chúng tôi không gánh trách nhiệm được!” Làm như thế nào đây? Phân vân đôi ngả; do vậy, tôi đổi một bữa thành ba bữa. Khi tôi ăn một bữa, mỗi bữa là ba chén cơm nhỏ. Được rồi! Do cả nhà bọn họ yêu cầu, tôi nói: “Được! Tôi ăn ba bữa. Mỗi bữa ăn một chén, số lượng vẫn là như vậy”. Một, hai ngày không ăn cũng chẳng sao, đều rất bình thường. Đây là một thói quen.

Có phải là có thể hoàn toàn đoạn trừ chuyện ăn uống hay không? Được chứ! Sắc Giới Thiên đã đoạn. Tứ Vương Thiên có ăn uống, Đạo Lợi Thiên có ăn uống, càng lên cao [nhu cầu ăn uống] càng nhạt mỏng. Đến Dạ Ma Thiên và Đâu Suất Thiên, họ ăn uống bằng cách gửi, gửi hương vị là được rồi, chẳng cần [thật sự ăn]! Nếu lên cao hơn nữa, gửi cũng chẳng cần! Đến Sơ Thiên Thiên, hoàn toàn đoạn ẩm thực! Do vậy, trong Sắc Giới Thiên chẳng có ẩm thực. Ẩm thực, nam nữ chẳng có, đây là Sắc Giới Thiên. Càng tiến lên cao hơn, sẽ thật sự chẳng có [ngũ dục]. Do vậy, nhà Phật gọi “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”

là Ngũ Cái (五蓋, năm điều che đậy), còn gọi là Ngũ Dục (五欲, năm điều ham muốn). Những điều ấy chẳng bình thường; “*bình thường*” thì phải là chẳng có những thứ ấy. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy: Từ Sơ Thiên trở lên, [Ngũ Dục] thảy đều chẳng có. Nếu chư vị xem kinh Phật cho nhiều, sẽ hiểu rõ chuyện này. Vì thế, có thể lìa [Ngũ Dục].

Các đồng học! Quý vị phải biết: Nếu phiền não của quý vị rất nặng, vọng niệm rất nhiều, chớ nên thí nghiệm: “Từ hôm nay trở đi, ta bắt đầu ăn một bữa!” Chẳng thể được! Chắc chắn quý vị sẽ ngã bệnh, chịu không nổi, vì sao? Mỗi ngày quý vị có nhu cầu tiêu hao nhiều ngàn ấy, khi quý vị bỏ sung chẳng đủ, thân thể sẽ bị ảnh hưởng rất lớn! Hãy nên làm như thế nào? Giảm thiểu vọng niệm. Vọng niệm của quý vị càng ít, sẽ cần càng ít năng lượng. Đạo lý là như thế đó, thường phải hiểu rõ, hiểu minh bạch đạo lý. Thuở ấy, tôi thừa trình sự lãnh hội như thế lên thầy Lý, thầy đồng ý, tình huống xác thực là như vậy đó! Do vậy, chuyện này có lý luận, có đạo lý, chẳng phải là không có lý luận, phải hiểu điều này! Do vậy, đối với chuyện âm thực, phải chọn lựa. Ăn uống phải đơn giản! Đối với chuyện này, tôi cảm thấy người ngoại quốc cũng có ưu điểm. Họ coi trọng dinh dưỡng, chẳng đặt nặng khẩu vị! Người Hoa chú trọng dinh dưỡng, lại còn phải coi trọng sắc, hương, vị, chú trọng quá đáng! Âm thực cũng biến thành văn hóa tại Trung Hoa, điều này khác biệt với quan niệm phương Tây đôi chút. Họ (người phương Tây) ăn uống đơn giản, chẳng có lắm thứ kiểu cọ ngàn ấy!

Do vậy, muốn lìa kinh sợ thì phải lìa hết thảy ác niệm, lìa hết thảy ác tư duy, lìa hết thảy ngôn ngữ và tạo tác bất thiện. Đây là thật sự xa lìa. Vì thế, Quy là trở về, tức là trở về tự tánh, trở về bản thiện. “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Trong bản thiện chẳng có ác niệm, chẳng có ác nghiệp, sẽ chẳng chiêu cảm khổ báo trong tam đồ lục đạo, sẽ chẳng có!

Thứ tư là “*vi thú*”, “*vân hà đắc dĩ nhất thiết chúng sanh vi thú*” (làm thế nào để làm chỗ hướng đến cho hết thảy chúng sanh). Trong phần Sơ Hồi Hướng [thuộc phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm] đã có nói: “*Linh đắc chí v Nhất Thiết Trí cố*” (Vì làm cho đạt đến Nhất Thiết Trí). “*Thú*” là “*thú hướng*” (趣向, hướng đến), cũng có thể nói: Trong cuộc đời này, trong thế gian này, mục tiêu của chúng ta là gì? Phương hướng là gì? “*Thú*” chính là phương hướng. Chúng ta có mục tiêu, có phương hướng, đời người trong thế gian sẽ có ý nghĩa, sẽ có niềm lạc thú, đó gọi là “*có giá trị, có ý nghĩa*”. Nếu quý vị chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, sẽ sống rất đau khổ, giống như một chiếc thuyền lạc lối trong biển cả, chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, trôi giạt trong biển cả, đúng là khổ chẳng thể nói nổi! Từ tỷ dụ này, chư vị có thể lãnh ngộ đôi chút. Do vậy, nhất định là phải có phương hướng, phải có mục tiêu. Nếu quý vị đem vấn đề này hỏi những kẻ trẻ tuổi trong hiện thời, thậm chí những người nay đã trưởng thành, quý vị hỏi họ, [sẽ thấy] họ xác thực là chẳng có mục tiêu, chẳng có phương hướng. Cả một đời này, chỉ biết tìm cầu sự sung sướng, chẳng nề hà thủ đoạn, đúng như ngạn ngữ đã nói: “*Tổn người, lợi mình*”. Nói thật ra, [sẽ là] sống được bữa nào, hay bữa đó!

Học Phật, cũng có những tôn giáo tin tưởng nhân quả ba đời, chúng ta có kiếp trước, có đời sau. Tôi tin là mỗi người trong một đời đều có kinh nghiệm rất rõ rệt về chuyện này. Khi xưa, tôi ở Mỹ, rất nhiều đồng tu hỏi tôi: “Đối với quá khứ, có gì để có thể chứng minh là chúng ta có quá khứ?” Đến hỏi tôi vấn đề ấy. Tôi hỏi ngược lại họ: “Chính quý vị hãy lắng lòng suy nghĩ cẩn thận, trong một đời này, có bao giờ quý vị gặp trường hợp lần đầu tiên đến một nơi, xác thực là trước nay chưa hề đến đó, mới đến lần đầu, bỗng dưng cảm thấy chỗ ấy rất quen thuộc, có cảm giác ấy hay không?” Rất nhiều người đều nói có. Tôi nói: - Nếu chẳng có đời trước, sẽ giải thích hiện tượng này chẳng xuôi! Quý vị cảm thấy chỗ ấy rất quen thuộc, chắc chắn là trong đời quá khứ, quý vị đã từng sống ở đó. Không nhất định là thân gì, có thể là thân người, cũng có thể là thân quỷ thần, cũng có thể là thân súc sanh. Nói chung, quý vị đã từng ở nơi đó, mới có cảm giác quen thuộc đối với chỗ đó như vậy. Chuyện ấy đối với rất nhiều người không chỉ là một lần. Chúng ta du hành ở bên ngoài, bỗng thấy nơi ấy rất quen thuộc, rất thân thuộc. Nếu nói là chẳng có đời trước, sẽ chẳng thể nói xuôi tai chuyện này được!

Tôi còn gặp một vị đồng học, tức cư sĩ Thái Văn Hùng, nay còn đang sống ở Mỹ, nghe nói hiện thời ông ta đã dọn sang Gia Châu (California), đã rất nhiều năm chúng tôi không liên lạc. Thuở ấy, ông ta làm hội trưởng của hội Phật giáo Đạt Lạp Tư (Dallas). Ông ta có kể cho tôi nghe một chuyện, là kinh nghiệm của chính bản thân ông ta. Năm xưa, ông ta đến Mỹ kinh doanh, cùng các bạn lái một chiếc xe đến vùng phụ cận của Cựu Kim Sơn (San Francisco) ở California. Có lần họ lạc đường, lái vào một tiểu trấn (town). Vừa vào tiểu trấn ấy, ông ta cảm thấy rất quen thuộc, liền bảo người bạn đang lái xe: “Ông hãy chạy theo con đường nào đó”. Hầu như đường phố nào ông ta cũng đều có thể nói vanh vách. Lại cũng có thể kể tên rất nhiều kiến trúc. Sau khi lái vào đó, quả nhiên chẳng sai, giống như ông ta rất quen thuộc, nghiêm nhiên ghi nhớ rõ ràng ngàn ấy! Ông ta bảo tôi: “Chuyện đã hơn mười năm rồi”. Xác thực là lần đầu tiên ông ta đến đó, mọi người đều là lần đầu tiên [đến đó], trước nay chưa hề đi qua! Ông hỏi: “Vì sao có hiện tượng ấy?” Hỏi tôi, tôi đáp: “Nhất định là trong đời quá khứ ông đã ở đó rất lâu, có thể là ngay trong đời trước, ông chẳng làm chuyện gì xấu. Đời này lại được làm thân người, vẫn kinh doanh phát đạt. Thuở ấy, có rất nhiều người Hoa đến Mỹ đãi vàng. Trước kia, Cựu Kim Sơn có mỏ vàng, [ông đến đó] nhằm thời đang khai thác mỏ vàng”. Tôi nói: “Có thể ông là thợ đào vàng”. Ông ta cười xòa: “Có thể lắm chứ!” Chuyện này nói rõ điều gì? Xác thực là có đời trước. “Nếu ông chẳng có đời trước, giải thích chuyện này như thế nào đây? Chẳng có cách nào giải thích!” Ông ta có thể hướng dẫn đường sá, chỉ ra trên đường phố ấy có những kiến trúc [như thế nào], quả nhiên những kiến trúc ấy vẫn còn đó. Vì thế, [ắt là phải] có đời trước.

Có đời trước, có đời này, sẽ có đời sau. Vậy thì quý vị phải nghiêm túc nghĩ tưởng cho đời sau! Chúng ta phải có một mục tiêu rõ rệt, xác định. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta phương hướng, mục tiêu thật sự trong đời này là gì? Cầu trí huệ chân thật! Chuyện này chắc chắn chẳng sai! Chỉ có trí huệ thì mới có thể giải

quyết hết thảy vấn đề. Do trí huệ, sẽ có thể liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, có thể giải quyết vấn đề. Phương hướng trong Phật pháp là trí huệ, mục tiêu cũng là trí huệ. Quý vị thấy đối với người học Phật, trong kinh điển có một câu là “*quy thú*” (歸趣, hướng về, trở về), đó là chỗ quy thú của người học Phật. Câu ấy chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đây là phiên âm tiếng Phạn. Thật ra, có thể dịch, vì sao không dịch? Do tôn trọng, nên không dịch. Đây là phương hướng và mục tiêu chung cực trong Phật pháp, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở đây nói là Nhất Thiết Trí. “*Giác*” là giác ngộ, hiểu rõ. Giác ngộ chánh xác, quyết định chẳng có sai lầm, quyết định chẳng lệch lạc; do vậy, gọi là Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác cao hơn một cấp, Đẳng (等) là gì? Bằng với Phật. Bằng Phật, đương nhiên chẳng phải là Phật, vẫn kém Phật một bậc! Mục tiêu chung cực là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là viên mãn. Do vậy, sở cầu trong Phật pháp là trí huệ viên mãn rốt ráo, há còn có thể sai lầm ư?

[Trí huệ được nói] trong kinh Hoa Nghiêm là trí huệ viên mãn rốt ráo, giảng rõ chân tướng sự thật của vũ trụ, khắp pháp giới hư không giới. Quý vị thấy hai vị Bồ Tát ở đây một hỏi, một đáp, đều nhằm bảo chúng ta: Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể giải quyết những vấn đề trong xã hội hiện thời! Quý vị có trí huệ thì mới có thể giải thích chánh xác. Do vậy, từ đây, mới lìa khổ được vui. Vì thế, nếu cuộc đời con người có phương hướng, có mục tiêu, quý vị sẽ chẳng sống uổng một đời, sẽ có cảm giác thành tựu. Người hiện thời gọi “cảm giác thành tựu” là “giá trị, ý nghĩa”. Quý vị có thành tựu! Đây là thành tựu chân thật, chẳng bị tiêu mất theo vật chất. Bất cứ thành tựu nào trong thế gian cũng đều bị tiêu mất, chứ trí huệ chẳng tiêu mất. Đó là thành tựu chân thật. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin mọi người hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu thứ năm:

(Kinh) Vi cự.

(經) 為 炬 。

(Kinh): Là đuốc.

“*Vân hà đắc dữ nhất thiết chúng sanh vi cự*” (Làm thế nào để là đuốc cho hết thảy chúng sanh). “*Cự*” (炬) là nói tới cây đuốc, đuốc có thể chiếu sáng. Trong phần Sơ Hồi Hướng, đã giảng: “*Phá bỉ nhất thiết vô minh ám cố*” (Vì phá hết thảy tối tăm vô minh cho họ). Những câu [chánh kinh] sau đó đều nói đến trí huệ. Nói thật ra, đối với “*vi y, vi cứu*” (làm chỗ nương tựa, làm chỗ cứu vớt) đã nói trong phần trước, nếu nói đến chỗ viên mãn rốt ráo, hết thảy đều nhằm hiển thị trí huệ chân thật. Trí huệ chẳng phải cầu từ bên ngoài, mà là vốn sẵn có trong tự tánh. Nó là vốn sẵn có, chính là khái niệm “*nhân tánh bản thiện*” (tánh con người vốn lành) trong nền giáo học truyền thống của Trung Hoa. Câu đầu tiên trong

Tam Tự Kinh, “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), chính là quan niệm trọng yếu trong nền giáo học truyền thống Trung Hoa. Giáo dục được hưng khởi từ chỗ này.

Vì sao phải giáo dục? Con người đã mê mắt bản tánh, đã mê mắt bản thiện, đã nhiễm những tập khí bất thiện. Do vậy, cần phải giáo dục. Giáo dục chẳng nhằm mục đích nào khác, chỉ nhằm giúp cho con người từ mê hoặc và bất thiện mà quay lại, quay về bản tánh vốn lành, giáo dục đã viên mãn. Quan niệm này hoàn toàn giống như Phật pháp. Người Hoa gọi là “*trở về bản thiện*”, Phật pháp bảo “*trở về tự tánh*”. Tự tánh vốn lành, bởi lẽ, nó có trọn đủ trí huệ, trí huệ ấy chẳng do từ bên ngoài mà có! Sau khi đã mê mắt, [dường như] chẳng có trí huệ, trí huệ đã biến thành tình thức, tham, sân, si, mạn, thất tình, ngũ dục. Quý vị phải biết: Bản thể của chúng là trí huệ. Sau khi đã mê, trí huệ biến thành những thứ ấy. Đã giác ngộ, do giác ngộ, những thứ ấy toàn là trí huệ.

Vì lẽ này, trong Phật pháp chỉ có mê và ngộ. Ngoài mê và ngộ ra, chẳng có vật chi cả! Đây là “*vốn chẳng có một vật*” như Đản Kinh đã nói. Ngoài mê và ngộ ra, vốn chẳng có một vật. Mê thì là phàm phu, ngộ bèn là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu chẳng hai, chẳng khác. Sau khi đã ngộ, trí huệ và đức tướng chẳng cầu mà tự đạt được! Vì sao? Vốn có, còn cầu chi nữa? Sau khi đã mê, những thứ ấy đều bị vùi mất, biến thành gì? Biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta mê càng sâu, sẽ biến thành lục đạo luân hồi. Mê sâu hơn nữa, sẽ biến thành tam đồ địa ngục, hết sức kinh sợ! Vì thế, Bồ Tát nương theo nguyện lực của chính mình “*vi thú, vi cự*” (làm chỗ hướng về, làm đuốc). Chúng ta có phương hướng nhất định, có mục tiêu nhất định, điều chúng ta mong cầu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Câu này đã được kinh điển (phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm) giải thích là “*phá bỉ nhất thiết vô minh ám cố*” (vì phá hết tất cả tối tăm vô minh cho họ). Chữ “*bỉ*” (彼) chỉ chúng sanh trong mười pháp giới chưa phá vô minh! Phật [pháp giới] trong mười pháp giới đã phá chấp trước, phá phân biệt, nhưng chưa phá vô minh. Vì thế, nhìn câu này từ cảnh giới, sẽ là cảnh giới cao nhất trong mười pháp giới. Sau khi đã phá vô minh, họ sẽ thoát lìa mười pháp giới. Đây gọi là “*vĩnh viễn lìa hết tất cả các nỗi khổ trong thế gian*”, “*hết thấy thế gian*” là nói tới mười pháp giới. Người ấy trở về Hoa Tạng, trở về Cực Lạc, trở về Nhất Chân pháp giới, [khi ấy], “*vi y, vi cứu*” mới đạt tới viên mãn.

Áp dụng câu này vào hiện tiền, [sẽ là] trước hết phải phá vô minh của chính mình. Chính mình chưa phá vô minh, làm thế nào để có thể giúp những người khác phá vô minh cho được? Đây là đạo lý nhất định. Câu này đúng như cổ thánh tiên hiền Trung Hoa đã nói: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ*” (Có điều gì chẳng làm được, hãy quay lại xét mình). Chúng ta giúp đỡ người khác, gặp chướng ngại, hãy quay lại [phản tỉnh]: Chướng ngại ấy chẳng từ bên ngoài, nhất định là ở nơi chính mình. Bản thân chúng ta chẳng đủ trí huệ và đức năng, mới sanh ra chướng ngại. Nếu trí huệ và đức năng trọn đủ, lấy đâu ra chướng ngại? Bất luận là chướng ngại về vật chất hay là chướng ngại về nhân sự, đều chẳng có ngoại lệ. Do vậy, có thể biết: Tu huệ, tu đức quan trọng dường ấy. Đối với tu huệ

và tu đức, trong Phật pháp thường nói ba cương lĩnh là Giới, Định, Huệ, thực hiện từ chỗ nào? Khởi đầu từ Giới, tức là trì giới. Đối với vô minh, phá một phẩm vô minh là điều chúng ta niệm niệm mong cầu, nhưng nhất định phải thực hiện từ trì giới. Phá một phẩm vô minh, giống như chúng ta có ước nguyện to lớn là giành được học vị Tiến Sĩ, phải thực hiện từ chỗ nào? Vẫn là phải học từ lớp nhỏ nhất trong trường mẫu giáo, sau đó học Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, Cao Học, quý vị mới có thể thực hiện được nguyện vọng ấy. Trì giới chính là lớp học của trẻ mẫu giáo, chớ nên coi thường!

Hiện thời, đối với chúng ta, Giới học trở thành vấn đề! Mọi người đều biết tánh chất trọng yếu của nó, đều biết nói [Giới là trọng yếu]. Trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài đã dạy các đệ tử đời sau: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”*. Người hiện thời chẳng thể chịu khổ, chú trọng hưởng thụ, chẳng thể trì giới, nguyên nhân là gì? Chúng tôi cũng đã suy xét rất sâu. So sánh giữa hiện thời và thuở trước, trước kia có gia giáo, có Nho giáo; do vậy, họ (người thuở trước) có căn cội, hiện thời chẳng có gia giáo, Nho giáo cũng chẳng có, chẳng có căn cội! Chẳng có căn cội, con người khởi tâm động niệm đều là trái nghịch Tánh Đức một trăm tám mươi độ, biến thành ích kỷ, chỉ biết trước mắt, tầm nhìn hết sức hạn hẹp! Chỉ có hiện tiền, đến nỗi năm sau, hay năm sau nữa, chẳng hề màng tới, chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt. Nguy hiểm lắm thay! Đây là do vô minh quấy rối, thứ gì họ cũng đều chẳng hiểu rõ. Vì thế, căn cội của chuyện giáo học và tu hành xác thực là ở trong Đệ Tử Quy, trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, trong Sa Di Luật Nghi. Ấn Quang đại sư suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả, [vì nhân quả giáo dục] hết sức trọng yếu! Nay trên quốc tế, chúng tôi nhắc nhở mọi người, giới thiệu giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục tôn giáo, bốn loại ấy! Bốn loại giáo dục ấy là một Thê, chẳng thể tách lìa, nhất định phải nói rõ ràng, nói minh bạch khiến cho người khác giác ngộ. Nhất định phải thực hiện từ Đệ Tử Quy, nhập môn từ Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta mới có căn cội, mới có cơ sở.

Theo mẫu mực ấy, do đã có phương hướng, có mục tiêu, bèn tiến cao hơn từng tầng một, trước hết là phá Kiến Tư, kinh Hoa Nghiêm [gọi Kiến Tư] là chấp trước. Khi nào chúng ta có thể đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, thật sự là tùy duyên, chẳng phan duyên, những điều tôi vừa nói đều là căn bản nhất. Ất phải buông xuống hết thảy những ý niệm đối lập, không chế, chiếm hữu đối với người, sự, vật. Nếu chẳng buông xuống ba ý niệm ấy, sẽ chẳng thể vào cửa Đại Thừa! Đừng nói là [cửa] Đại Thừa, cửa Nho và Đạo cũng chẳng vào được! Đối với Nho và Đạo, chỉ cần buông xả một phần, Đại Thừa thì phải triệt để buông xuống mới có thể khế nhập, mới có thể đạt tới *“lia hết thảy tôi tâm vô minh”*, thật sự nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh. *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (Học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Ở đây, những câu như làm đuốc, làm sự sáng, làm đèn, làm người hướng dẫn, đều chẳng ngoài hai câu này: *“Nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh trở về tự tánh, [tức là] giúp hết thảy chúng sanh trở về bốn thiện”*. Kế đó là câu thứ sáu.

(Kinh) Vi minh.

(經) 為明。

(Kinh: Làm sự sáng).

“*Vân hà đắc dĩ nhất thiết chúng sanh vi minh*” (Làm thế nào để là sự sáng cho hết tất cả chúng sanh). Trong phần Sơ Hồi Hương (địa vị thứ nhất của Thập Hồi Hương) đã nói: “*Linh đắc trí quang diệt si ám cố*” (Vì khiến cho [hết tất cả chúng sanh] được ánh sáng trí huệ soi thấu diệt hết si ám). Đối với ba độc tham, sân, si, chỉ có quang minh trí huệ là có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển biến tham, sân, si thành Giới, Định, Huệ. Do vậy, Giới, Định, Huệ là Tánh Đức, Nho gia gọi Giới, Định, Huệ là “*bốn thiện*”. Ất cần phải là quang minh trí huệ thì mới có thể làm được. Trong quá trình tu học, quý vị nhất định phải biết: “*Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ*”. Vì lẽ này, quý vị chẳng có Giới, lấy đâu ra Định? Chẳng có Định, quyết định là chẳng có trí huệ. Trong kinh, đức Phật thường sánh ví tâm như nước, chuyện này rất có ý nghĩa! Đức Phật đã tỷ dụ rất hay khéo! Quý vị thấy khi nước lặng, nó giống như một tấm gương, tỏa ánh sáng, soi rõ núi, sông, đại địa trong ấy. Đây chính là trí quang diệt si ám. Nếu nước bị gió thổi gợn sóng, sóng trào lên, tác dụng chiếu hoàn toàn bị mất đi. Gió là gì? Cảnh giới! Nhà Phật nói “*gió cảnh giới vừa động*”, tâm thủy của chúng ta bèn nổi sóng cuộn cuộn!

Quý vị thấy đó: Thuận cảnh, thiện duyên, quý vị liền sanh khởi tâm hoan hỷ. Hễ hoan hỷ, sẽ chẳng thanh tịnh; hoan hỷ là cuộn sóng! Đối với nghịch cảnh, ác duyên, sanh tâm sân khuê; sân khuê là sóng to, gió lớn. Người đang trong lúc hoan hỷ hoặc trong lúc sân khuê, đánh mất lý trí, nói năng sẽ chẳng thành lời gì! Vì thế, trong thánh huấn của đạo Hồi có một điều như sau: “*Trong cuộc sống, dù phần nộ hay hoan hỷ, đều phải nói lời công bằng*”. Các vị hãy suy ngẫm sẽ thấy câu nói ấy rất có ý vị. Kẻ đang hoan hỷ, hoặc đang giận dữ, sẽ đánh mất cái tâm công bằng, chánh trực, hoàn toàn là gì? Xử sự theo tình cảm. Cảm tình xung đột sẽ gây ra rất nhiều ác nghiệp. Trong cảnh giới ấy mà còn có thể nói lời công bằng, tức là người ấy phải có mấy phần công phu trấn định, còn có thể kiềm chế. Hồi giáo nói như thế đó!

Trong cuộc sống hằng ngày, hai loại cảnh giới ấy luôn hiện hữu. Chúng hiện hữu, rất tốt! Công phu tu hành của chúng ta được khảo nghiệm ngay trong các cảnh giới ấy. Thuận cảnh, thiện duyên, do tập khí từ vô thị kiếp tới nay, có phàm phu nào chẳng động tâm? Có ai mà chẳng xúc động? Hy vọng tâm quý vị sẽ động với biên độ nhỏ hơn một chút. Đối với nghịch cảnh, ác duyên, hy vọng quý vị nhẫn nại một chút. Khi ấy, chính là tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhẫn trong thuận cảnh, chẳng dấy lòng tham luyến; nhẫn trong nghịch cảnh, chẳng dấy lòng sân khuê. Nói cách khác, khi gió cảnh giới dấy động, tu tâm bình đẳng, tu tâm thanh tịnh, tu tâm từ bi. Trong một ngày, các cảnh giới ấy xảy ra chẳng biết bao nhiêu lượt! Thật sự chịu đựng công, chúng ta thấy các vị đại đức thời cổ, quý vị đọc Cao Tăng Truyện hoặc Cư Sĩ Truyện sẽ thấy: Người thật sự tu hành, lợi căn,

dăm ba năm sẽ chẳng bị cảnh giới ảnh hưởng. Bất luận cảnh giới như thế nào, các Ngài đều có thể giữ cho tâm bình khí hòa, chẳng bị cảnh giới bên ngoài khuấy nhiễu, đây chính là công phu. Nho gia gọi chuyện này là “*tu dưỡng*”.

[Nói] “*người nào đó có tu dưỡng*”, tu dưỡng là gì? Chính là ở trong cảnh giới, tâm bình khí hòa, chẳng bị xúc động, như vậy thì mới có thể thành tựu Định Huệ. Tiểu định, tiểu trí huệ; đại định, đại trí huệ. Trước hết, phải học thấy thấu suốt; vì sao kẻ bình phàm chẳng thể nhẫn? Họ chẳng liễu giải những chân tướng sự thật này. Chân tướng sự thật là gì? Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Quý vị chấp trước chúng để làm gì? Không chỉ là chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có, quý vị thấy các hiện tượng (現相, tướng được hiện ra) trong cảnh giới là mộng, huyễn, bọt, bóng. Quý vị thấy hết thấy chúng sanh đang làm ác, sẽ thấy nhân quả báo ứng. Đối với hiện tượng luân hồi trong mười pháp giới, chính mắt quý vị thấy rõ ràng, rành rẽ, minh bạch. Chúng sanh khổ nạn đều có Phật Tánh, bản tánh của họ vốn lành, có sao lại trở thành nông nổi này? Không chỉ là chớ nên trách móc, mà còn phải sanh lòng thương xót độ thoát. Họ tạo nghiệp, chẳng có cách nào khác. Phật, Bồ Tát đều chẳng thể chịu thay, họ nhất định phải tiếp nhận. Thiện có thiện quả, ác có ác báo; nhân duyên quả báo, chẳng sai sảy tí nào! Vì sao họ dám làm? Do chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Liễu giải chân tướng sự thật, chẳng có kẻ nào dám làm! Lợi ích nhỏ nhoi trước mắt, mai sau chịu khổ to lớn. Vì thế, cổ nhân nói: “*Bị thua thiệt là phước*”. Chịu thua thiệt trước mắt đôi chút, sẽ tiêu tai, miễn nạn!

Hơn nữa, nhân sĩ thiện tâm đều là [những người] phát khởi thiện tâm, vẫn bị kẻ khác lừa gạt, vẫn bị kẻ khác hãm hại, đây là chuyện như thế nào? Thấy đều là có nhân quả. Ở trong cảnh giới ấy, quý vị có thể hoát nhiên đại ngộ, thật sự có thể buông xuống, buông xuống tham, sân, si, mạn, công phu đây nhé! Chuyện này giống như học hành rồi đi thi, cảnh giới hiện tiền nhằm khảo nghiệm hồng tiêu nghiệp chướng cho quý vị. Ta mong làm chuyện tốt, từ xưa tới nay, ngàn người thường nói: “*Hảo sự đa ma*” (好事多磨, làm việc tốt thường có lắm nỗi gian nan). Vì sao có nhiều thử thách? Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chúng ta cũng đã làm chẳng ít những chuyện quá trốn đối với hết thấy chúng sanh. Đời này gặp gỡ, hề gặp gỡ, đương nhiên là phải trả báo. Chúng ta hiểu rõ nhân duyên quả báo này bèn hoan hỷ tiếp nhận. Sau khi đã trả báo, về sau gặp lại, họ sẽ không lừa gạt, mà cũng chẳng hãm hại quý vị nữa! Vì sao? Báo đền trả hết rồi! Ở đây, đúng như cổ nhân đã nói: “*Các nhân nhân quả, các nhân phụ trách*” (Nhân quả của người nào, người ấy hứng chịu). Chúng ta chẳng so đo, nâng cao chính mình, do đó mà nâng cao cảnh giới.

Cứu độ chúng sanh, chúng sanh khó độ. Kinh Địa Tạng đã nói rất hay: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, càng cường nan hóa*” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó giáo hóa), nhất là trong thế gian hiện thời! Ương ngạnh, khó hóa độ, có cần phải giúp đỡ họ hay không? Phải! Chẳng giúp đỡ sao được? Họ đáng thương lắm! Quý vị giúp đỡ họ, họ còn muốn phá quý vị, chẳng cảm ơn, mà còn xem quý vị như oan gia đối đầu! Đây là chuyện tất nhiên, vì sao? Trong đời

này, họ chưa hề thấy người tốt thật sự! Quý vị là người tốt thật sự, lẽ nào họ chẳng cảm thấy quái lạ? Lẽ nào họ chẳng hoài nghi? Đây là gì? Ngu si, chẳng có trí huệ! Do vậy, chúng ta phải dùng ánh sáng trí huệ của chính mình để giúp đỡ họ, chớ nên có kiến thức bình phàm giống như họ! Phải có lòng nhẫn nại, phải tốn một thời gian dài, chẳng thể là trong một thời gian ngắn [mà mong cảm hóa thành công] được! Cảm hóa họ trong một thời gian dài, khiến cho họ “quay đầu là bờ”, quý vị sẽ biến kẻ ác thành người tốt. Biến một kẻ “không điều ác nào chẳng làm” thành thiện nhân. Đây là công đức chân thật, đây là giáo học thành công. Người như vậy quay đầu, cũng sẽ cảm động khá nhiều người quay đầu. Vì thế, theo đuổi [công tác] giáo dục chẳng phải là chuyện đơn giản. Chúng ta lại xem câu kệ tiếp:

(Kinh) Vi chiếu.

(經) 為 照 。

(Kinh): *Làm sự chiếu sáng.*

Trong phần Sơ Hồi Hướng [của kinh Hoa Nghiêm], chẳng dùng chữ Chiếu (照), mà dùng chữ Đẳng (燈). [Kinh chép] “*tác đẵng*” (làm đèn), “*tác đẵng*” có ý nghĩa tương thông với “*vi chiếu*”. “*Linh trụ cứu cánh thanh tịnh xứ cố*” (Vì để khiến cho chúng sanh trụ nơi thanh tịnh rốt ráo). Người thế gian thường nói: “*Làm tháp đèn cho người lạc đường*”. Trong hàng hải, tàu bè hiện thời có nhiều máy móc, chứ xưa kia, chẳng có những thứ máy móc ấy, tháp đèn (tháp hải đẵng) là một công cụ hết sức quan trọng. Đối với câu “*linh trụ cứu cánh thanh tịnh xứ cố*”, các đồng học Tịnh Độ chúng ta trông thấy câu này, nhất định sẽ nghĩ đến thế giới Cực Lạc, chỗ thanh tịnh rốt ráo chính là thế giới Cực Lạc. Còn trong thế gian này, [nơi thanh tịnh rốt ráo] là gì? Nơi rốt ráo thanh tịnh là nơi có Phật pháp! Hiện thời, có nhiều nơi có Phật pháp hay chẳng? Trên hình thức thì rất nhiều, chẳng có thực chất! Có sao nói như vậy? Mỗi người học Phật ắt phải thực hiện giáo huấn của đức Phật. Không nói chi khác, trong giáo pháp Đại, Tiểu Thừa, điều mục tu hành căn bản trong Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo, ai nấy đều có thể tu Thập Thiện, chỗ ấy chính là “*thanh tịnh xứ*” đúng như đức Phật đã dạy. Đương nhiên là mức độ thanh tịnh trong thế gian chẳng bằng nhau, nói chung là chúng ta sẽ đạt được thanh tịnh.

Người học Phật trong hiện thời, nói thật thà, mê tín đông lắm, đèn chùa thấp nhang, lạy Phật, vì sao? Vì [mong cầu] thăng quan, phát tài, vì cầu được che chở bình an, đều là vì những thứ ấy! Phật là gì, hoàn toàn chẳng biết! Đây là mê tín. Họ cầu Phật, lạy thần, có đạt được những điều tốt lành hay chẳng? Chẳng đạt được, toàn là tự mình an ủi chính mình đó thôi! [Họ kháo nhau]: “Chỗ này Phật rất thiêng, rất cảm ứng”. Hễ cầu mà thật sự đạt được là do trong mạng đã định sẵn, chẳng liên quan gì đến chuyện lạy thần, cầu Phật! Nếu thật sự linh thiêng như vậy, [ắt phải là] một trăm người cầu, thấy đều đạt được. Đây mới là thật! Một trăm người cầu mà chỉ có một, hai kẻ đạt được, những kẻ khác đều chẳng đạt được, chẳng lẽ Phật, Bồ Tát còn có lòng thiên vị ư? Do ưa thích hai kẻ ấy, các

Ngài bèn ban cho. Chẳng ưa gã kia, không ban cho! Há có lẽ ấy? Chẳng có lẽ ấy! Trung Hoa có một định nghĩa về thần minh: “*Chánh trực thì gọi là thần*”. Chánh trực thì có lẽ nào chẳng công bằng?

Ngay cả kinh Cổ Lan (Qur'an) của Y Tư Lan (Islam) cũng nói, các tín đồ đạo Hồi đều tin tưởng: Tất cả hết thảy mọi người trong thế gian này, thọ mạng trong một đời dài hay ngắn, giàu sang hay nghèo hèn, đều do Thượng Đế ấn định. Có sao Thượng Đế cho kẻ này phú quý, cho người kia nghèo hèn? Có phải là Thượng Đế thiếu công bằng hay không? Thượng Đế nói rất khéo, họ (tín đồ đạo Hồi) không gọi là Thượng Đế, mà gọi là Chân Chúa (Allāh). Allāh đã nói rất hay: “*Đối với vạn vật, ta đều dựa theo tiền định để sáng tạo chúng*”. Vì vậy, đạo Hồi có sáu niềm tin; trong sáu niềm tin, có một điều là “*tin vào tiền định*”, vẫn là nói đến nhân quả ba đời! Thượng Đế quyết định quý vị đời này giàu sang hay nghèo hèn như thế nào? Dựa vào tiền định! Tiền định là nghiệp do chính quý vị đã tạo. Quý vị tạo thiện nghiệp, Thượng Đế ban cho quý vị phú quý. Quý vị tạo ác nghiệp, sẽ cho quý vị chịu tội! Thượng Đế rất công bằng, chẳng có một chút tâm riêng tư nào!

Tại Trung Hoa, điều này được gọi là giáo dục nhân quả. Người Hoa cũng nói đến trời, đất, cũng nói đến Thượng Đế, thiên vương, địa phủ Diêm Vương. Kinh Địa Tạng đã nói rất rõ ràng: Diêm Vương cũng rất từ bi, chẳng phải là Ngài muốn quý vị chịu các hình phạt. Các hình phạt ấy là gì? Tự làm, tự chịu. Đối với điều này, quả thật xưa kia chúng tôi cũng có nghi hoặc. Đến viếng miếu Thành Hoàng, nhìn Biện Tướng của Thập Điện Diêm Vương. Thuở đó, những tượng tôi thấy trong điện Diêm Vương đắp bằng đất, đắp rất khéo, đó là nghệ thuật cao độ, rất sống động! Tạo tội nghiệp như thế nào, sẽ chịu quả báo như thế ấy. Đã trông thấy, sẽ khắc sâu ấn tượng, khiến cho mọi người khởi tâm động niệm sẽ đều cảnh giác, không dám làm chuyện xấu, không dám dấy một ác niệm. Vì sao? Sẽ nghĩ đến quả báo ở ngay trước mắt, cái được chẳng bù nổi cái mất, chẳng dám làm! Quý vị biết điện Diêm Vương đã cứu bao nhiêu chúng sanh. Chỉ cần khiến cho chúng sanh chẳng dám tạo tội nghiệp, là đã cứu họ. Vì sao? Trong tương lai, họ chẳng đọa vào tam đồ, chẳng hứng chịu các khổ báo! Vì thế, đối với dân tộc Trung Hoa, miếu Thành Hoàng đã công hiến rất lớn, vô lượng công đức, rất đáng tán thán!

Ai nấy đều chẳng dám làm ác, thiên hạ thái bình, nơi ấy chính là chốn thanh tịnh! Do vậy, trong hiện tiền, xã hội hiện thời là một xã hội động loạn, hết sức hỗn loạn, thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp chẳng cùng tận, nhân dân rất khổ, chẳng biết nguyên nhân của khổ là gì? Nguyên nhân của khổ là gì vậy? Không thanh tịnh, tâm không thanh tịnh. Đây cũng chính là như trong kinh Phật thường nói: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Lòng người chẳng thanh tịnh, chúng ta sống trong hoàn cảnh, sống trong xã hội chẳng thanh tịnh. Vì thế, trong Tịnh Tông thường nói: “*Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”. Nếu chúng ta muốn xã hội an định, thế giới hòa bình, hãy làm từ chỗ nào? Khởi sự làm từ cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, cảnh giới bên ngoài sẽ thanh tịnh, tự nhiên là thiên tai nhân họa chẳng có.

Cũng có lẽ nói [tâm tịnh] sẽ chẳng có nhân họa thì [người ta] vẫn có thể tin tưởng, [nhưng họ sẽ hoài nghi] lẽ nào tai hại thiên nhiên cũng chẳng có luôn? Thật đấy! Tai họa thiên nhiên biến hóa thuận theo lòng người. Bởi lẽ, ngay cả thiên nhiên cũng là sống động, chẳng phải là chết cứng. Tuy nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng chẳng có vọng tưởng, nhưng nó cảm ứng thuận theo lòng người. Hễ lòng người có cảm, nó bèn có ứng! Nó sẽ đẩy lên sự biến hóa. Lòng người tốt lành, núi, sông, đại địa biến thành hết sức đẹp đẽ, dành cho quý vị hưởng thụ, nó bèn hiển dương, cúng dường. Thực vật cũng chẳng phải là ngoại lệ, quý vị đối xử tốt với nó, nó cũng bằng lòng cúng dường quý vị. Giới luật của nhà Phật [có dạy] “*tỳ-kheo thanh tịnh chẳng giẫm đạp cỏ tươi*”, hiển thị lòng từ bi. Ngoại trừ chỗ ấy chẳng có đường đi, ắt đành phải đi qua đó thì được. Nếu có đường, sẽ đi theo đường đó, chẳng thể đi trên cỏ, tôn kính nó! Trong ấy có đạo lý rất sâu, hiển thị tâm thanh tịnh là trí huệ. Kế đó...

(Kinh) Vi đạo.

(經)為導。

(Kinh: Là sự dẫn dắt).

“*Đắc dữ nhất thiết chúng sanh vi đạo*” (Được làm người dẫn dắt hết thảy chúng sanh), “*đạo*” (導) là “*đạo sư*” (導師, người hướng dẫn). [Phẩm Thập Hồi Hướng nói] “*linh đắc cứu cánh an ổn xứ cố*” (vì khiến cho đạt được chỗ an ổn rốt ráo). Quý vị phải hướng dẫn đại chúng đến chỗ rốt ráo an ổn. So sánh với xã hội hiện tại, trước kia chưa hề có [tình trạng] xã hội [rối ren, khủng bố như trong] hiện tại. Trong xã hội hiện tại có phần tử khủng bố, xác thực là khiến cho đại chúng sống trong hoảng sợ. Hoảng sợ là chẳng an ổn, hướng hồ là đạt được chỗ an ổn rốt ráo? Đến đâu để tìm được chỗ an ổn rốt ráo? Quý vị vào núi sâu, vào biển cả, đều chẳng tìm được, ở chỗ nào đây? Chỗ an ổn rốt ráo là như trong phần trước tôi đã đề cập với quý vị, “*tâm chân thành, thanh tịnh*”. Người thật sự giác ngộ, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, thân tâm an ổn, bất cứ tai hại nào giáng xuống, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi, đấy mới là chỗ rốt ráo an ổn. Quyết định chẳng có sợ hãi, chẳng kinh hoảng, tâm là định, đấy là công phu tu hành. Bản thân chúng ta chẳng làm được, chẳng có cách nào giúp đỡ người khác, người ta chẳng tin tưởng, vẫn là đầu tiên chính mình phải làm được. Nhất là trong xã hội hiện đại, bản thân chúng ta thật sự làm được, sẽ có thể dạy người khác, người ta sẽ có thể tin tưởng. Câu thứ chín:

(Kinh) Vi thắng đạo.

(經)為勝導。

(Kinh: Là dẫn dắt thù thắng).

“*Thắng*” (勝) là thù thắng (殊勝), cao hơn phần trước một cấp. [Trong phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm, có giải thích điều này như sau] “*dẫn kỳ*

linh nhập chân thật pháp cố” (vì dẫn họ nhập pháp chân thật). Trong giai đoạn hiện tiền này, chúng ta hướng dẫn hết thầy chúng sanh khế nhập pháp chân thật, đây chính là pháp Tịnh Độ. Không lẽ các pháp môn khác chẳng chân thật? Đều là pháp chân thật, nhưng quý vị chẳng tiến nhập được! Đây là như cổ nhân đã nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn, có nan hành đạo và dị hành đạo. Nan hành đạo (難行道, đạo khó hành) là gì? Nan hành đạo là phải đoạn phiền não thì mới có thể nhập. Dị hành đạo (易行道, đạo dễ hành) là chẳng đoạn phiền não, vẫn có thể nhập. Chẳng đoạn phiền não, có sao có thể nhập? Dị hành đạo là chế phục phiền não; chế phục sẽ dễ dàng, đoạn khó lắm! Dùng gì để chế phục? Một câu Phật hiệu, “*A Di Đà Phật*”, “*Nam-mô A Di Đà Phật*” chế phục phiền não. Cũng có nghĩa là cảnh giới hiện tiền, chúng ta khởi tâm động niệm. Cổ đức nói “*chẳng sợ niệm khởi*”, khởi tâm động niệm không sợ, “*chỉ sợ giác chậm*”. Nếu quý vị chẳng giác ngộ, phiền não liền phát tác, tham, sân, si liền phát tác. Nếu quý vị sớm giác ngộ, trong tâm vừa mới động một niệm, ngay lập tức “*A Di Đà Phật*” để đè nén ý niệm ấy. Có thể làm được công phu ấy, quý vị thật sự chịu làm, có người dăm ba năm chắc chắn làm được. Người lợi căn thì một năm là đã có thể làm được. Dùng một câu Phật hiệu để đè nén vọng tưởng và tạp niệm của quý vị, công phu ấy đặc lực sẽ có thể vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, công đức ấy tuyệt diệu thay! Dẫn họ nhập pháp chân thật! Điều cuối cùng:

(Kinh) Phổ đạo.

(經) 普 導 。

(Kinh: Dẫn dắt trọn khắp).

Đây là nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tức là chúng sanh vô biên, quý vị phải phát tâm giúp đỡ họ, phải phổ độ họ, [đó là] “*phổ đạo*”. [Phẩm Thập Hồi Hương nói] “*dữ kỳ vô ngại đại trí huệ cố*” (vì để ban cho họ đại trí huệ vô ngại). Trong hiện thời, “*đại trí huệ vô ngại*” chính là kinh điển của Tịnh Tông, phân lượng ít, chẳng khó hiểu! Chính mình học tập, nghiêm túc học tập, đi khắp nơi tuyên giảng, khuyên kẻ khác đoạn ác tu thiện, tin sâu nhân quả, trì giới, niệm Phật. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, đại trí huệ vô ngại hiện tiền, chẳng phải là lời giả đâu nhé! “*Phổ đạo*” là đại sự, Phật mới có thể làm được! Chúng ta giới thiệu [pháp môn Tịnh Độ] với người khác, đưa họ sang thế giới Cực Lạc để A Di Đà Phật giáo hóa họ, chẳng khác Phật tiếp dẫn chúng sanh cho mấy! Nay thời gian đã hết rồi, hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 1490

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn cuối cùng trong phần nêu câu hỏi, tức là đoạn thứ mười một. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà u nhất thiết chúng sanh trung vi đệ nhất, vi đại, vi thắng, vi tối thắng, vi diệu, vi cực diệu, vi thượng, vi vô thượng, vi vô đẳng, vi vô đẳng đẳng?

(經)云何於一切眾生中為第一。為大。為勝。為最勝。為妙。為極妙。為上。為無上。為無等。為無等等。

(Kinh: Làm thế nào để trong hết thảy chúng sanh sẽ là bậc nhất, là lớn, là thù thắng, là tối thắng, là diệu, là cực diệu, là thượng, là vô thượng, là vô đẳng, là vô đẳng đẳng?)

Đây là đoạn cuối cùng, hỏi về chuyện “*siêu thắng tôn quý*”. Trong lời chú giải, Thanh Lương đại sư trong phần trước đã nói...

(Sớ) Do bốn hạnh lực, vi đệ nhất đẳng.

(疏)由本行力，為第一等。

(Sớ: Do sức bốn hạnh là bậc nhất).

Từ “*đẳng*” ấy (đệ nhất đẳng) mãi cho đến “*vô đẳng đẳng*” là mười câu. Mười câu ấy, nói gộp lại, sẽ là một câu, tức “*do bốn hạnh lực*” (do sức bốn hạnh). Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, do sức tu hành trong thời gian dài vô lượng kiếp đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, cho nên mới cảm được quả báo thù thắng như thế. Điều này đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn, đối với những vấn đề ([được nêu trong] mười câu này), chư vị ngẫm xem, có ai mà không mong cầu? Có ai mà chẳng hy vọng đạt được? Trong chú giải, ngài Thanh Lương chỉ nêu ra đại lược. Vì sao? Đến cuối cùng, trong Thập Địa Luận sẽ giải thích tường tận. Thập Địa Luận chính là chú giải phẩm Thập Địa [trong kinh Hoa Nghiêm⁶³, trong bộ luận ấy] đã có giải thích tường tận.

⁶³ Thập Địa Luận là một bộ luận chú giải kinh Thập Địa (tức là một bản dịch khác của phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm) được trước tác bởi Thế Thân Bồ Tát. Bộ luận này được dịch sang chữ Hán bởi các vị Bồ Đề Lưu Chi và Lạc Na Ma Đề, gồm mười hai quyển. Vào thời Ngụy - Tấn, các vị tăng sĩ Trung Hoa hết sức yêu thích bộ luận này, nên đã có những vị được gọi là Địa Luận Sư chuyên nghiên cứu bộ luận này, thậm chí lập thành một tông phái riêng biệt gọi là Địa Luận Tông. Ngoài Lục Thập Hoa Nghiêm và Bát Thập Hoa Nghiêm đều có phẩm Thập Địa ra, trong Hán tạng còn có bản dịch riêng của phẩm này như sau:

1. Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức Kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn (khoảng năm 297 Công nguyên).
2. Thập Trụ Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần.
3. Phật Thuyết Thập Địa Kinh do ngài Thi La Đạt Ma dịch vào đời Đường trong niên hiệu Thiên Bảo (niên hiệu của Đường Huyền Tông).

(Sớ) Kim tự Phật quả, lược thích kỳ tướng, vị Như Lai công đức hải mãn, cánh vô sở thiếu, cố xưng đệ nhất. Thứ dịch tổng cú.

(疏)今就佛果略釋其相，謂如來功德海滿，更無所少，故稱第一，此亦總句。

(Sớ: Nay dựa theo Phật quả để giải thích đại lược tướng ấy, nghĩa là biển công đức của Như Lai viên mãn, chẳng thiếu khuyết gì; vì thế, gọi là đệ nhất. Đây cũng là câu nói tổng quát).

Câu này là Tổng Thuyết (nói tổng quát), chín câu dưới đó là Biệt Thuyết (nói riêng từng điều). Phần Biệt Thuyết mới là hiển thị sự thù thắng tôn quý đã được nêu tổng quát [trong câu Tổng Thuyết]. Trong câu này, [lời Sớ] nói đại lược “*Như Lai công đức hải mãn, cánh vô sở thiếu*” (biển công đức của Như Lai viên mãn, chẳng thiếu khuyết gì)! Mười chữ ấy trọng yếu lắm. Công đức viên mãn, viên mãn là gì? Là Lục Độ, Tứ Đẳng. “*Vi y, vi cứu*” (Là chỗ nương tựa, là cứu vớt) như đã nói trong phần trước chính là “*viên mãn*”. Tôi nêu tỷ dụ để nói. Có một năm, tôi ở Mã Lai, hình như lần đó hoàng pháp ở Mã Lục Giáp (Malacca)⁶⁴, có một vị pháp sư Tiểu Thừa người Thái cũng rất có tiếng tăm ở nơi ấy. Sư ở vùng biên cương của Thái Lan và Mã Lai, có đạo tràng ở nơi ấy. Sư đặc biệt đến gặp tôi, nêu ra một câu hỏi: “Đức Phật nói chúng sanh chẳng độ hết, Ngài chẳng thành Phật. Ngài còn chưa độ tôi, có sao đã thành Phật?” Hỏi một câu như thế! Lại hỏi: “Đối với bố thí Phật pháp, kinh Phật nói Pháp Bố Thí thù thắng nhất, còn

Ngài Long Thọ cũng viết chú giải cho phẩm này, và đã được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán với tựa đề Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận. Địa Luận Tông coi hai vị Bồ Đề Lưu Chi và Lạc Na Ma Đề là thi tổ. Do kiến giải của hai vị có chỗ bất đồng, tông này tách ra thành chi phái: Chi phái của ngài Đạo Sung (thường gọi là Tương Châu Bắc Phái, kế thừa tư tưởng của ngài Bồ Đề Lưu Chi). Phái kia là phái Huệ Quang (Tương Châu Nam Phái). Tương Châu Bắc Phái về sau sáp nhập vào Nhiếp Luận Tông. Sau cùng, cả hai phái đều nhập vào tông Hoa Nghiêm.

⁶⁴ Malacca ở đây chính là thành phố Malacca, thủ phủ của tiểu bang Malacca (tiếng Mã Lai là Melaka) của Mã Lai (Mã Lai có mười ba tiểu bang và ba khu vực tự trị trực thuộc liên bang). Thành phố Malacca nằm ở phía Nam bán đảo Mã Lai, giáp ranh với hai tiểu bang Negeri Sembilan và Johor, kề sát eo biển Malacca (eo biển giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra của Indonesia). Thành phố này khá cổ kính, được sáng lập bởi hoàng tử Parameswara khi ông trốn thoát khỏi thành phố Palembang thuộc đảo Sumatra khi vương quốc Srivijaya bị tiêu diệt bởi vua Majapahit của Nam Dương. Tương truyền, khi đến nơi này, hoàng tử Parameswara đã quá mệt mỏi, phải nghỉ một lát dưới gốc cây Melaka. Do vậy, đã đặt tên thành phố này như vậy. Do vị trí thuận lợi trong hàng hải, rất đông thương gia Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ và Trung Hoa lần lượt kéo đến buôn bán, khiến cho Malacca trở thành một thương cảng sầm uất nhất trong vùng. Nhà Minh đã nhanh chóng đánh hơi cơ hội này, sai Tam Bảo Thái Giám Trịnh Hòa dẫn một đoàn chiến thuyền tuần hành thị uy vùng biển Nam Dương (Sử Trung Hoa thường gọi hành động này “*Trịnh Hòa hạ Tây Dương*”) khiến cho vương triều Xiêm và Majapahit không dám xâm chiếm Malacca. Về sau, Parameswara cải đạo sang Hồi giáo và tự xưng là Sultan Iskandar Shah. Vương quốc Hồi giáo này tồn tại mãi cho đến khi bị Bồ Đào Nha chiếm làm thuộc địa vào năm 1511.

có khá nhiều chúng sanh chẳng được nghe Phật pháp như vậy, có sao Ngài đã thành Phật?” Câu hỏi ấy có nghĩa là “công đức của đức Phật chẳng viên mãn, tôi còn chưa được độ, còn có rất nhiều người chẳng được nghe Phật pháp, vì sao Ngài có thể thành Phật?” Hỏi một vấn đề như thế.

Tôi tin rằng không phải chỉ một mình vị sư ấy có nỗi thắc mắc ấy, chắc chắn là có rất nhiều người có cùng thắc mắc ấy. Ở đây, [lời chú giải] nói: “*Như Lai công đức hải mãn, cánh vô sở thiếu*”, phải hiểu lời này như thế nào? Quý vị phải hiểu, trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, Lục Độ chẳng nhằm độ người khác, Tứ Vô Lượng Tâm từ, bi, hỷ, xả cũng chẳng phải là để dạy người khác, mà nhằm dạy chính mình. Nếu là dạy người khác, độ người khác, sẽ chẳng có cách nào thành Phật, sẽ giống như tình hình do vị tỷ-kheo Tiểu Thừa đã nói: “Cả đồng chúng sanh còn chưa đắc độ như thế, làm sao có thể thành Phật cho được?” Đức Phật chẳng nói kiểu ấy! Lục Ba La Mật nhằm độ tập khí phiền não của chính mình. Ví như Bồ Thí Độ (Đàn Ba La Mật) viên mãn, chẳng bị thiếu gì, tức là chẳng thiếu, chẳng thừa, thấy đều thật sự rốt ráo viên mãn. Đó là gì? Tâm keo kiệt chẳng có, “viên mãn” được hiểu theo ý nghĩa này.

Những thứ ta sở hữu đều hoan hỷ cúng dường cho người khác. Phật là cúng dường, chẳng phải là bố thí. Chư vị xem mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát sẽ biết, đọc Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm sẽ biết, Đại Thừa Bồ Tát là bố thí, Phổ Hiền Bồ Tát là cúng dường, cái tâm ấy luôn là viên mãn. Đại Thừa Bồ Tát [còn thấy] “ta là Bồ Tát, đó là chúng sanh”, cho nên vẫn còn có giới hạn. Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có, chẳng hề có giới hạn ấy! Phổ Hiền Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật, là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Vì thế, chẳng nói là “bố thí” mà nói là “cúng dường”. Quý vị thấy mười nguyện Phổ Hiền: Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, rộng tu cúng dường, đối với chính mình bèn sám hối nghiệp chướng. Trong cảm nhận của Ngài, thấy đều là chư Phật Như Lai, quá khứ Phật, hiện tại Phật, hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật, quyết chẳng dám giải đãi, khinh mạn! Vì thế, kinh Hoa Nghiêm mới nói: “*Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể viên thành Phật đạo*”, là vì công đức của vị ấy chẳng thể viên mãn. Chúng ta hiểu ý nghĩa này, mới hiểu: Thành Phật là khôi phục viên mãn Tánh Đức của chính mình. Chúng ta đừng nói là thành tựu, [mà nói là] “*khôi phục*”. Vì sao? Tự tánh của hết thấy chúng sanh là viên mãn.

Mười pháp giới trong vũ trụ, kể cả Nhất Chân pháp giới, do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến. “*Tâm hiện*” là nói về Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Nhất Chân pháp giới, giống như Hoa Tạng được nói trong Hoa Nghiêm. Kinh Đại Thừa thường gọi nó là Thật Báo Độ của chư Phật, Bồ Tát. Tịnh Độ của chư Phật, chẳng hạn như thế giới Cực Lạc, tức thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật là “duy tâm sở hiện”, trong ấy chẳng có thức. Phạm phu do một niệm bất giác, bèn dấy lên vô minh, mê mất tâm tánh, tâm tánh đã bị mê mất bèn gọi là Thức. Vì thế, Tánh và Thức là một, không hai. Khi giác ngộ, chúng ta gọi nó là “*tâm tánh*”. Khi mê, chúng ta gọi nó là “*tình thức*”. Mê thì mới có tình; đã giác ngộ, sẽ chẳng có tình! Chẳng có tình, vậy thì tình đi đâu rồi? Tình đã biến thành trí. Vì thế, cảm tình và trí huệ là cùng một chuyện! Đã giác ngộ, cảm tình biến thành trí huệ. Đã mê, trí

huệ biến thành cảm tình. Cảm tình tạo nghiệp, trí tuệ chẳng tạo nghiệp. Vì thế, Phật pháp nói đến chỗ rốt ráo, sẽ là giác hay mê. Phạm phu giác ngộ là Phật, Bồ Tát; hễ mê, sẽ trở thành phạm phu, chuyện là như thế đó! Phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch, quý vị mới có thể đoạn nghi sanh tín.

Do vậy, bồ thí như thế nào thì sẽ viên mãn? Tài Bồ Thí viên mãn là đối với tiền tài chẳng có mảy may tham luyến. Tài Bồ Thí viên mãn tức là quyết định chẳng tham tài. Chịu xả những gì chính mình đang có, chẳng có tâm xan lạn (keo kiệt, tiếc nuối). Chúng ta thường nói là “chẳng nở xả”, chẳng có ý niệm ấy! Chúng sanh nào thiếu thôn, chúng sanh nào hy vọng đạt được, đều hoan hỷ cúng dường. Đây là quý vị đã Tài Bồ Thí viên mãn. Pháp Bồ Thí viên mãn: Ta có năng lực giúp đỡ người khác, dạy bảo người khác, sẽ chẳng giấu giếm mảy may, đây là Pháp Bồ Thí viên mãn. Tôi chịu dạy quý vị, người Hoa gọi là “*giãi bày trọn hết*”, chẳng giữ lại mảy may. Người trong thế gian xác thực là nếu dạy kẻ khác thì chính mình vẫn phải giấu giếm. Vì sao? Sợ trong tương lai người khác sẽ vượt trội chính mình, họ có cái tâm đề phòng. Ta có mười phần bản lãnh, ta chỉ dạy người tám phần, người sẽ vĩnh viễn chẳng thể vượt ta được! Pháp Bồ Thí kiểu đó không viên mãn. Phật, Bồ Tát có mười phần sẽ dạy mười phần, chẳng giữ lại mảy may! Đó gọi là Pháp Bồ Thí viên mãn.

Vô Úy Bồ Thí viên mãn, đó là đại từ đại bi, khắp hư không pháp giới, tâm thương xót chúng sanh vĩnh viễn chẳng bỏ. Chúng sanh tạo tác chuyện ác đến mấy đi nữa, tạo tác chuyện bất thiện đến mấy đi nữa, vẫn chẳng để trong lòng, cái tâm giúp đỡ, cứu độ họ chẳng hề giảm thiểu mảy may. Đây là Vô Úy Bồ Thí viên mãn. Viên mãn là bậc nhất. Chẳng viên mãn, đó là thứ hai, thứ ba. Viên mãn là bậc nhất, chẳng phải là thứ hai, thứ ba. Viên mãn là bậc nhất, chẳng thể không biết điều này! Trì Giới Ba La Mật viên mãn, trì giới nhằm độ ác nghiệp, vĩnh viễn chẳng dấy lên ác niệm, chẳng có ác tâm, chẳng có ác niệm, chẳng có ác ngôn, chẳng có ác hạnh. Niệm nào cũng đều nhằm lợi ích chúng sanh, quyết định chẳng chướng ngại, tổn thương, gây hại chúng sanh, quyết định chẳng có những ý niệm ấy. Đây là Trì Giới Ba La Mật viên mãn.

Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn, bị chúng sanh gây tổn thương cực lớn, quyết định chẳng có tâm sân khuê, chẳng có tâm trả thù. Giống như trong kinh điển, đức Phật đã kể một thí dụ: Thích Ca Mâu Ni Phật lúc còn tu nhân, đang tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, Nhẫn Nhục Bồ Tát bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Quý vị thấy Ngài không chỉ chẳng sân khuê, chẳng báo thù, ngược lại, còn phát nguyện: “*Ta thành Phật, người được độ đầu tiên sẽ là người*”, Nhẫn Nhục đã viên mãn! Tinh Tấn là như trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói, trong tâm chẳng có mảy may bất thiện nào xen tạp. Khi tôi nói, còn thêm vào một câu: “*Chẳng có mảy may bất tịnh xen tạp*”. Tâm địa đạt đến thuần tịnh, thuần thiện, Tinh Tấn đã viên mãn.

Thiền Định viên mãn là như như bất động. Bất luận ở trong cảnh giới nào, đều ở trong mười pháp giới giúp đỡ những chúng sanh ấy. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát luôn ứng. Tuy có ứng, tuy giúp đỡ họ, có thể đồng thời giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh, quyết định chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng.

[Đây là] Thiên Định Ba La Mật đã viên mãn. Đây gọi là “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Na Già⁶⁵ thường trong Định, không lúc nào chẳng định). Lý và Sự này đều rất sâu, trong khi [giảng giải] bộ đại kinh này, tôi cũng thường đề cập, chư vị thường nghe, sẽ dần dần có thể thấu hiểu, có thể hiểu rõ, xác thực là có ý nghĩa rất sâu. Bát Nhã Ba La Mật viên mãn, đây chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Đối với tâm và hạnh của hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, chẳng có gì không biết. Đó gọi là viên mãn. Từ, bi, hỷ, xả cũng giống như thế.

Có sự chỉ bày ấy, chúng ta bèn hiểu: Chúng ta học Phật, tu hành là tu gì? Chính là tu những điều ấy. Chúng ta phát thiện tâm, quý vị học Phật có một giai đoạn khế nhập cảnh giới, bèn phát thiện tâm mong làm chuyện tốt. Nhưng người thế gian chẳng có cảnh giới giống như chúng ta, họ chẳng muốn làm chuyện tốt, chỉ nghĩ tự lợi. Gặp gỡ quý vị, có cơ duyên như thế, họ vẫn lừa gạt quý vị, vẫn muốn hãm hại, vẫn muốn chiếm tiện nghi, vẫn muốn phá hoại chuyện tốt của quý vị. Khi ấy, sẽ làm như thế nào? Quý vị có nổi giận hay không? Chẳng thể! Quý vị tức giận, sẽ chẳng nhập cảnh giới của Phật. Quý vị phải thương xót họ. Không chỉ là chẳng trách móc họ, chẳng chỉ trích họ, mà thương xót họ. Thương họ vì lẽ gì? Điều đáng thương là họ vô tri, chẳng có duyên phận tiếp xúc giáo huấn của thánh hiền, [cho nên] tạo tác loại tội nghiệp ấy, tạo tội nghiệp đó!

Kinh Phật đã dạy: “*Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn*” (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đèn), đây là gì? Chính là nói: Người xuất gia nếu chẳng nghiêm túc tu hành đàng hoàng, quý vị sẽ chẳng thể thọ dụng sự cúng dường của mười phương! Chẳng phải là người xuất gia, quy y Tam Bảo hay không, hễ đến xâm phạm, tổn hại của thường trụ, cũng tức là dùng các thủ đoạn để chiếm đoạt những thứ do mười phương cúng dường Tam Bảo, bất luận là tiền tài hay vật phẩm, quả báo đều là A Tỳ địa ngục! Không nghe kinh, không nghe pháp, chẳng biết điều gì, cứ tưởng chiếm được tiện nghi trước mắt, rất hoan hỷ, rất sung sướng, chẳng biết chớp mắt đã thành không. Quả báo trong tương lai là trong địa ngục, trong tam đồ, không biết sẽ phải hứng chịu bao nhiêu kiếp nạn, quý vị nói xem họ có đáng thương lắm hay không? Lẽ nào quý vị có thể trách móc họ cho được? Thương xót còn chẳng kịp, chớ nên chỉ trích. Chúng ta cũng đừng nên khó chịu, đây là gì? Do nghiệp lực chiêu cảm!

Chúng ta đã tận tâm tận lực bảo vệ Tam Bảo, nhưng rốt cuộc chúng ta chưa phải là những vị La Hán hay Bồ Tát đã đắc đạo, chẳng phải! Chúng ta chẳng có Thiên Nhân, chẳng có Túc Mạng, làm sao có thể nhìn nhận người khác chuẩn xác cho được? Nhìn người khác, chúng ta hãy luôn nghĩ đều là người tốt. Chỉ cần quy y Tam Bảo, nghe danh hiệu Phật, Bồ Tát bèn chấp tay niệm Phật một tiếng thì đều là người tốt. Cái tâm ấy là tâm Bồ Tát, hãy nên là như thế. Nào có biết từ vô

⁶⁵ Na Già có nghĩa đen là “*long tượng*”, một danh hiệu để gọi đức Phật. Có hai cách giải thích chữ long tượng. Cách giải thích thứ nhất, long tượng là một loài voi quý, mạnh mẽ nhất. Trong cách hiểu thứ hai, long tượng là rồng và voi.

lượng kiếp đến nay tập khí ác quá nặng, thấy tiện nghi bèn mong chiếm đoạt, chúng ta chẳng có cách nào đề phòng! Vì thế, chúng ta phải mượn cảnh giới này để nâng cao chính mình, phải thương xót chúng sanh. Đối với mọi chuyện, có phải làm hay không? Phải làm. Dầu bị thua thiệt đến mấy đi nữa, bị thua thiệt là phước. Dầu bị lừa gạt to lớn cách mấy, vẫn là tiêu nghiệp chướng. Từ chỗ này, Ngài nhắc nhở chúng ta: Nay chúng ta chịu thua thiệt, bị lừa gạt vẫn là chuyện nhỏ nhất, chúng ta bèn cảnh giác. Sau này, xử sự, đãi người, tiếp vật phải hết sức cẩn thận, hy vọng tránh khỏi những lỗi lầm to lớn.

Có một năm, tôi ở Cựu Kim Sơn, cùng các đồng học đến chơi Kim Sơn đại kiều (cầu Golden Gate), Quán Trưởng cũng đi. Tôi thường đeo một cái túi nhỏ (túi xách du lịch), hình như là từ Mỹ trở lại Đài Loan. Vì thế, giấy tờ, vé máy bay và một ít tiền đều bỏ trong túi áo. Tại cầu lớn Kim Sơn, bỗng có một đám người trẻ tuổi vây quanh tôi, tôi thấy họ trông đàng hoàng, nào ngờ bọn người ấy là lũ móc túi. Họ kéo khóa túi da, lấy mất ví tiền, cũng may là vé máy bay và giấy tờ chẳng đặt cùng một chỗ, đại khái có chừng hai, ba ngàn Mỹ kim bị họ lấy mất. Tôi cũng rất hoan hỷ, vì khi đó, đúng nhằm lúc chúng tôi dự tính du lịch Trung Hoa, trở về thăm tổ quốc. Chuyện này đã cảnh giác chúng tôi rất lớn, bọn móc túi rất nhiều, quý vị phải nên đề phòng.

Do vậy, tôi bèn nghiên cứu làm ra một cái hầu bao, tôi còn tặng cho rất nhiều đồng tu. Tôi làm khoảng hai, ba trăm cái hầu bao, giống như dây thắt lưng vậy. Tiền bạc của quý vị để trong đó, chắc chắn an toàn! Đây là kinh nghiệm, là học tập. Học tập thì phải đóng học phí. Quý vị không đóng học phí, làm sao học được? Do vậy, đây là tổn thất nhỏ nhoi. Nếu chúng tôi chẳng có kinh nghiệm này, cũng [không cẩn thận] như vậy khi du hành bên Trung Hoa Đại Lục, vạn nhất gặp đứa móc túi, sẽ bị tổn thất tiền tài nhiều hơn, toàn bộ tiền chi dụng cho chuyến đi bị mất! Vì thế, đây chẳng phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt! Từ bị thua thiệt, bị lừa lọc, sẽ học được trí huệ, tổn thất tiền bạc sẽ khiến cho trí huệ của quý vị tăng trưởng, khiến cho quý vị biết về sau nên xử trí như thế nào. Quý vị học được [kinh nghiệm] từ đây!

Chuyện nhỏ, kinh nghiệm nhỏ; chuyện lớn, sẽ có kinh nghiệm lớn. Do vậy, cổ nhân nói rất hay: “*Hoạt đáo lão, học đáo lão*” (Sống đến già, học đến già), quý vị mới có thể trở thành bậc nhất. Giống như chư Phật, Bồ Tát trong quá trình tu hành, tôi tin là những chuyện các Ngài chịu thua thiệt, bị lừa gạt còn hơn chúng ta rất nhiều! Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng, các Ngài đã từng trải như thế đó! Bất luận trong cảnh giới nào, [đều là] tâm bình khí hòa. Đây là tu Tam Học Giới, Định, Huệ, tu Lục Độ, tu Tứ Vô Lượng Tâm. Trong tất cả các cảnh giới, chẳng lìa những điều ấy, công đức của các Ngài mới có thể viên mãn, chúng ta chớ nên không biết điều này! Niệm niệm đều có cái tâm cứu vớt, bảo vệ chúng sanh!

Trong kinh, đức Phật đã dạy, kinh Phật chẳng hề nói đến tận thế, chẳng nói tới chuyện này. Nhưng trong kinh Phật có nói: Động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, di, diệt, thế giới có thành, trụ, hoại, không. Hoại và Không có phải là tận thế hay không? Các tôn giáo thông thường nói [tận thế] là nói tới

chuyện này, nhưng đức Phật nói Hoại, Không rồi nó sẽ lại Thành, đây là một hiện tượng luân hồi. “Thành, trụ, hoại, không” là hiện tượng luân hồi. Luân hồi chẳng gián đoạn; do vậy, đây là một hiện tượng rất bình thường. Quý vị thấy hoa nở, hoa tàn, con người sanh, lão, bệnh, tử, [đấy là những] hiện tượng bình thường. Con người chết rồi có phải là thật sự chết mất hay không? Chẳng có! Chư vị nhất định phải hiểu điều này. Hiện thời, các nhà khoa học nói “vật chất bất diệt, tinh thần bất diệt”. Nhà Phật nói sự hình thành của các hiện tượng (現相, các tướng được biến hiện) là do duyên tụ. Thân thể loài người cũng là như thế, duyên tụ thì hình tướng bèn thành tựu. Duyên tán, hiện tượng ấy sẽ chẳng có. Duyên tụ, duyên tán! Xác thực là vật chất chẳng diệt, tinh thần cũng chẳng diệt. Do vậy, Phật pháp nói đến Niết Bàn, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt. Đạo lý này sâu lắm, kinh giáo Đại Thừa đã nói rất nhiều, nói rất thấu triệt. Trong kinh Hoa Nghiêm đã nhắc đến hơn mười mấy lần! Vì thế, ưu điểm của kinh Hoa Nghiêm là nếu đối với phần trước chưa nghe hiểu, dần dần nghe đến phần sau sẽ hiểu!

Thầy tôi giới thiệu Phật pháp cho tôi, đặc biệt giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Khi đó, thầy dạy tôi Triết Học, tôi theo học Triết Học. Chúng tôi coi kinh Hoa Nghiêm như Triết Học trong kinh Phật. Thầy Phương đặc biệt dạy bảo: Kinh Hoa Nghiêm là khái luận của triết học Phật giáo, là khái luận Triết Học trong kinh Phật. Thầy nói bộ sách này biên soạn rất khéo, là bộ sách độc nhất vô song trên toàn thế giới. Vì sao? Có lý luận, có phương pháp, năm mươi ba lần tham học ở phần sau còn kèm thêm phần biểu diễn, [tức là] áp dụng những lý luận và phương pháp ấy vào cuộc sống, vận dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật, làm cho quý vị thấy! Bộ sách giáo khoa ấy hiếm có! Trên toàn thế giới, chẳng tìm thấy quyển sách thứ hai, thầy đặc biệt giới thiệu với tôi. Tôi tiếp xúc bằng cách coi sơ qua bộ kinh này, cũng hết sức hoan hỷ; thật ra, hoàn toàn chẳng hiểu kinh Hoa Nghiêm, [thế mà] nảy sanh tâm hoan hỷ. Sau này học Phật, thầy Lý bảo: “Do cái duyên từ đời trước, trong đời quá khứ đã từng học rồi. Vì thế, vừa tiếp xúc, tuy chẳng biết gì hết, vẫn sanh khởi cái tâm hoan hỷ đối với kinh ấy”. Có tâm hoan hỷ, sẽ học tập chẳng khó, người ấy có hứng thú. Nếu mở bộ kinh này ra, quý vị cảm thấy nó thật xa lạ, cảm thấy nó rất trúc trắc, khó khăn, [tức là] trong đời quá khứ, quý vị chưa từng học. Trong quá khứ chưa từng học, đời này học tập sẽ khá khó khăn. Đã học trong quá khứ, đời này tiếp tục học, sẽ dễ hơn rất nhiều!

Do con người xác thực là có đời quá khứ, trong A Lại Da Thức đã có những hồ sơ tài liệu học tập những thứ ấy trong quá khứ, nay lại học tập, sẽ lại lôi ra những hồ sơ tài liệu trước kia, Vì thế, mỗi đời sau chắc chắn sẽ có tiến bộ rất lớn so với đời trước! Tiến bộ đến khi nào quý vị mới có thể tự làm chủ tể? Chắc chắn là khi phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng, phải nhẹ đến một mức độ nhất định. Ví như chúng tôi vừa mới nêu tỷ dụ: “Bị thua thiệt, bị lừa gạt”. Trong khi bị thua thiệt, bị lừa gạt, quý vị tâm bình khí hòa, chẳng có sân khuê, chẳng trách tội người khác, chính mình phản tỉnh, tự mình kiểm thảo, tự mình sửa lỗi, đổi mới; đó là đúng. Hãy nhớ, thánh nhân, hiền nhân, chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn chẳng trách tội kẻ khác. [Chuyện] vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục Bồ Tát] nêu quay

thành một bộ phim, sẽ hết sức náo nhiệt, mà cũng hết sức cảm động lòng người. Đây là một đề tài giáo dục rất tốt. Đúng như một câu trong kinh Đại Thừa: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Chúng sanh trong thế gian chẳng có làm lỗi, [dẫu] họ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, vẫn chẳng có làm lỗi. Vì sao chẳng có làm lỗi? Giống như đứa trẻ nít hai, ba tuổi gây tạo ác nghiệp, quý vị hỏi nó có làm lỗi hay không ư? Nó vô tri; [đã là] vô tri, quý vị làm sao có thể nói nó phạm lỗi làm cho được? Quý vị phải yêu thương, dạy dỗ nó. Tuy vô tri, tạo tác tội nghiệp, có quả báo hay không? Có quả báo. Chẳng thể nói là do vô tri tạo tác tội nghiệp sẽ chẳng có quả báo đâu nhé! Chẳng có lẽ ấy!

Giống như trong thế gian, chúng ta không hiểu pháp luật, ta giết người, phóng hỏa, bị phán tội tử hình. [Dẫu chúng ta biện bạch] “tôi không biết có pháp luật ấy”, vẫn bị phán định hình phạt ấy. Chẳng thể nói: Do quý vị không hiểu pháp luật, nên quý vị phạm tội, pháp luật chẳng thể xét xử được! Nói kiểu ấy chẳng xuôi tai! Huống hồ nhân quả báo ứng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, một niệm thiện sẽ là phước báo trong đường trời người, một niệm ác, sẽ là địa ngục súc sanh. Đến khi lâm chung, tùy thuộc ý niệm thiện hay ác trong A Lại Da Thức, niệm nào mạnh hơn? Niệm nào mạnh hơn sẽ xuất hiện trước, quý vị sẽ thọ báo trước. Nếu ý niệm tham rất mạnh, sẽ vào trong ngạ quỷ đạo. Ý niệm sân hận rất mạnh, sẽ vào địa ngục đạo. Ngu si, thị phi, thiện ác, lợi hại, chẳng thể phân biệt, sẽ vào súc sanh đạo! Nếu là một niệm Lục Độ, Tứ Vô Lượng Tâm, người ấy sẽ vào Bồ Tát đạo. Một niệm Thập Thiện, Ngũ Giới, người ấy sẽ là nhân đạo. Một niệm thượng thượng phẩm thiện, từ, bi, hỷ, xả, đấy là thiên đạo. Quý vị đời sau đầu thai vào chỗ nào là do một niệm cuối cùng khi quý vị tắt hơi trong một đời này. Ý niệm nào mạnh mẽ, sẽ đến nơi đó để chịu báo. Vì thế, [nguyên do] vì sao báo quý vị niệm Phật, đạo lý ở ngay chỗ này. Khi lâm chung, ý niệm gì cũng đều chẳng có, chỉ có ý niệm A Di Đà Phật dấy lên hiện hành, chúc mừng kẻ ấy, kẻ ấy sẽ sanh về thế giới Cực Lạc. Một niệm cuối cùng đấy nhé!

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, [sẽ hiểu] vì sao khi người lâm chung, chẳng thể đụng chạm người đó. Người có kiến thức thông thường ấy, [sẽ biết] lâm chung tốt nhất, quan trọng nhất là tám tiếng đồng hồ. Bất luận người ấy ngủ trong tư thế nào, cũng chớ nên đụng vào, mà cũng chớ nên rời đụng người ấy. Vì sao? Trong kinh đức Phật đã dạy: Người bình phàm là tám tiếng đồng hồ. Tuy đã tắt hơi, thần thức của người ấy chẳng lìa khỏi. Chúng ta gọi “thần thức” là “linh hồn”, linh hồn của người ấy chưa rời khỏi. Khi quý vị đụng chạm người ấy, người ấy biết đau, sẽ sanh tâm sân hận. Hễ sanh tâm sân hận, sẽ phiền phức lắm, đi vào trong địa ngục đạo. Sanh tâm tham ái, hoặc tâm tham luyến, sẽ đi vào ngạ quỷ đạo. Vì thế, tốt nhất là trong vòng tám tiếng đồng hồ, đừng chạm vào người chết, an toàn nhất là sau mười hai giờ. Suốt mười hai tiếng đồng hồ, chẳng chạm vào người ấy. Sau mười hai tiếng mới tắm rửa thân thể, thay y phục thì được. Đây là rất an toàn, thần thức của người ấy đã rời khỏi.

Nhưng kẻ có rất nhiều chấp trước hết sức nghiêm trọng, [thần thức] sẽ rất khó rời khỏi. Tham ái thân thể này, ngã thân thể là ta, chẳngỡ rời khỏi thân thể này; sau khi chết, sẽ làm quỷ giữ thân. Thân thể họ ở chỗ nào, họ bèn canh giữ ở

đó. Quý giữ thân rất nhiều năm vẫn chẳng chịu rời khỏi nơi đó, đương nhiên là tình hình này thuộc loại thiếu sót. Nhưng hiện thời chúng ta thấy trong thế gian, đại khái là “thiếu sót” cũng chẳng ít, [có không ít kẻ] coi trọng quá lộ thân thể của chính mình! Vì thế, thông thường, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải xem nhẹ, đừng quá coi trọng thân thể. Tốt nhất là sau khi đã năm, sáu mươi tuổi, phải có quan niệm: “Thế giới này là quán trọ, chúng ta do lữ du mà đến thế giới này”. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất có lý, là thật, chẳng giả: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Quý vị phải giác ngộ: Chẳng có thứ gì trong thế gian này là của quý vị, đều chẳng mang theo được, cần gì phải lưu luyến chúng? Vì sao quý vị không buông xuống được? Tôi giảng kinh bốn mươi tám năm, thường hay nói, thuở trẻ chúng tôi cũng đã nói rồi: “Sống trong thế gian này, chúng ta chỉ cần cầu có quyền sử dụng, chẳng cần có quyền sở hữu”. Vì sao? Lúc quý vị ra đi, sẽ dễ vứt bỏ, chẳng tham luyến. Chúng ta ở trong quán trọ là chúng ta có quyền sử dụng. Tôi ở trong quán trọ một tuần, căn phòng ấy thuộc quyền tôi sử dụng. Quyền sở hữu thuộc về chủ nhân quán trọ, là của người ấy, chẳng phải là của tôi! Chúng ta đến quả địa cầu này, mấy chục năm nóng lạnh ngăn ngui, phải biết chẳng khác gì sống trong quán trọ! Thứ gì cũng đều chớ nên lưu luyến! Bất cứ lúc nào cũng đều có thể buông xuống được, quý vị sẽ được tự tại.

Đối với câu kế tiếp, “*chỉ có nghiệp theo thân*”, quý vị phải lưu ý: Quý vị tạo ác nghiệp, sẽ mang theo ác nghiệp. Quý vị tạo thiện nghiệp, sẽ mang theo thiện nghiệp. Đây là gì? Đời sau quý vị sẽ đi về đâu là do nghiệp thiện và ác làm chủ tể, kinh Cổ Lan (Qur'an) gọi điều này là “*tiền định*”. Đời này làm việc thiện, đời sau quyết định sanh về chỗ tốt lành. Đời này làm một thiện nhân, dẫu bị kẻ khác hãm hại chết, vẫn sanh tâm cảm tạ, vì sao? Sớm được sanh về chỗ tốt lành! Nếu là người niệm Phật bị kẻ khác hại chết, kẻ ấy đã đưa quý vị sang thế giới Cực Lạc trước thời hạn! Nếu không, quý vị còn phải chịu khổ thêm mấy năm nữa trong thế giới này! Kẻ ấy đã đưa quý vị đi sớm một chút. Vì thế, không chỉ là chẳng trách, chẳng hận kẻ đó, mà ngược lại, phải cảm tạ kẻ ấy. Những kẻ bình phàm chẳng có cách nào lý giải điều này. Vì sao phải cảm tạ kẻ đó? Cảm tạ quý vị đã đưa tôi đi trước. Do vậy, người thật sự tu hành tâm địa thiện lương, những kẻ bình phàm chẳng có cách nào tưởng tượng được! Đây là thật! Quý vị mang theo được!

Cho nên chúng ta thấy kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là môn học đầu tiên của đức Phật dành cho hết thầy chúng sanh và hết thầy những người mới học Phật. Đức Phật chẳng giấu giếm tí nào; vì thế, Pháp Bồ Thí viên mãn, bồ thí viên mãn! Quý vị thấy: Vừa tiếp xúc trong ngày đầu tiên, đã hoàn toàn truyền trao cương lĩnh và nguyên tắc tu học của Phật pháp cho quý vị, nói rõ hiệu quả của công đức: “*Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết thầy các nỗi khổ trong thế gian*”, nói trọn hết. Một pháp ấy là pháp gì vậy? “*Thường niệm, tư duy, quan sát thiện pháp*”, “*thiện pháp*” liên quan đến những điều đã nói trên đây. Nếu chúng ta không ngại ruộm rà, hãy đọc rõ ràng hơn một tí, tức là “*thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp*”. Cốt sao khiến cho thiện

pháp liên tục trong từng niệm, chớ nên gián đoạn. Lại còn đặc biệt dặn dò chúng ta: “*Chẳng để cho mây may bất thiện xen tạp*”. Chẳng thể xen tạp mây may bất thiện, quý vị sẽ đạt đến thuần tịnh, thuần thiện. Há chẳng phải là ngày đầu tiên đã dạy cho quý vị cảnh giới cao nhất của Như Lai ư? Ở đây nói là “*vi đại nhất, vi đại, vi thắng, vi tối thắng, vi diệu, vi cực diệu*”. Quý vị thấy: Ngày đầu tiên đã dạy quý vị, dạy quý vị phương pháp này, chẳng giấu giếm mây may, chẳng phải là làm từng bước, ngay trong ngày đầu tiên đã giải bày toàn bộ!

Ngày đầu tiên tôi gặp Chương Gia đại sư, tôi thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài dạy tôi sáu chữ. Sáu chữ đã giải bày trọn vẹn: “*Khán đặc phá, phóng đặc hạ*” (Thấy thấu suốt, buông xuống hết). Kế đó, tôi xin Ngài dạy cách thực hiện từ chỗ nào, [Ngài đáp]: “*Bồ thí*”. Khi tôi cáo từ, lão nhân gia đưa đến tận cửa, nắm bả vai của tôi bảo: “*Hôm nay, ta dạy con sáu chữ, con hãy thực hiện chu đáo trong sáu năm*”. Ngày đầu tiên gặp mặt, lão nhân gia ngôn từ rất đơn giản, nói rất ít, chẳng nói những điều thừa thãi, vớ vẩn, khiến cho người khác được khắc họa ấn tượng hết sức sâu đậm! Đây là “*công đức hải mãn*” (biên công đức viên mãn), “*hải*” là tỷ dụ sâu rộng vô tận. Vô lượng kiếp tích lũy công đức, sâu rộng không ngần mé đạt đến viên mãn. Hoa Nghiêm là cảnh giới viên mãn; chẳng viên mãn sẽ không thể khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. “*Cánh vô sở thiếu*” là chẳng có mây may làm lỗi nào. Câu này (“*vi đại nhất*”) là tổng thuyết (nói chung, nói tổng quát).

Tiếp đó là biệt thuyết, “*vi đại, vi thắng, vi tối thắng*” (là lớn, là thù thắng, là tối thắng); ở chỗ này, Thanh Lương đại sư nói:

(Sớ) Đại giả, Thể bao pháp giới cố.

(疏)大者，體包法界故。

(Sớ: “Lớn” là vì thể của nó bao trùm pháp giới).

Thể là gì? Thể là tâm tánh. Đối với tâm tánh, tôi nghĩ các đồng học học Phật đều có thể lãnh hội đôi chút. Phật pháp thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Đây là Thể đại. Nhưng ở đây là nói tới bản thể, bản thể là như vậy đó. Tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, nói đến thể tánh thì đều hoàn toàn giống nhau. Chư Phật Như Lai là như thế, Bồ Tát cũng như thế, bọn phàm phu chúng ta vẫn là như thế. Cho đến muỗi mòng, kiến, ngạ quỷ, địa ngục cũng giống như thế, chẳng hai, chẳng khác! Vì thế, chúng tôi thường nói: “*Hết thảy chúng sanh trong vũ trụ là một sanh mạng cộng đồng thể*”, thật đây, chẳng giả!

Vì sao đức Phật đại từ đại bi? Một sanh mạng cộng đồng thể! Do đó, từ bi là chẳng có bất cứ điều kiện gì, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Nay chúng ta đang mê, mê là chẳng chịu thừa nhận chúng ta có cùng một Thể: “*Tôi chẳng phải là quý vị, quý vị chẳng phải là tôi, giữa chúng ta có giới hạn!*” Chẳng hiểu đạo lý này. Hễ nảy sanh giới hạn ấy, thể là có hoài nghi, có mâu thuẫn, có hiểu lầm, có đối lập. Từ đây, vô lượng vô biên làm lỗi nảy sanh, do chẳng biết là một Thể đó mà! Biết là một Thể, vấn đề gì cũng đều giải quyết. Ai biết một Thể? A La Hán biết, Bồ Tát biết, Phật biết. Tứ thánh pháp giới biết là một Thể, nhưng chẳng đoạn

hết tập khí phiền não. [Tu tập trong] tứ thánh pháp giới là đoạn những tập khí phiền não ấy. Đoạn hết tập khí phiền não, đấy mới là thoát khỏi mười pháp giới, khế nhập Hoa Tạng.

(Sớ) Thắng giả, tự lợi viên mãn.

(疏)勝者，自利圓滿。

(Sớ: “Thắng” là lợi ích chính mình viên mãn).

Điều thù thắng là tự lợi viên mãn, tức là đã đoạn hết nghiệp và tập khí phiền não của chính mình từ vô thủy kiếp tới nay. Phật môn thường nói “đoạn hết”, trên thực tế, có đoạn hay không? Chẳng có, há có thể đoạn hết? Vì sao nói là “đoạn hết”? “Đoạn hết” là nói tỷ dụ, chuyển phiền não thành Bồ Đề, hoàn toàn chuyển biến phiền não tập khí từ vô thủy kiếp tới nay thành phương tiện trí huệ lợi ích hết thảy chúng sanh. Khi mê thì hết thảy vì chính mình, vì tự lợi; khi giác ngộ thì hết thảy vì chúng sanh, tuyệt đối chẳng có một ý niệm vì chính mình. Vì sao? Tự và Tha là một, không hai. Lợi tha mới là thật sự tự lợi. Tự lợi xác thực là hại chính mình, tự lợi quyết định chẳng phải là lợi ích chính mình. Vì sao? Kẻ ích kỷ phải đọa vào tam đồ địa ngục. Ích kỷ là tham, sân, si, mạn nặng nề; chúng ta biết tham, sân, si là nghiệp nhân của tam đồ. Tâm tham là nghiệp nhân của ngạ quỷ. Tham tài, tham danh, tham lợi, thứ gì cũng đều muốn; trên thực tế, khi sắp chết, thứ gì cũng chẳng mang theo được, kết quả là cái tâm tham khiến cho quý vị đọa địa ngục, biến thành ngạ quỷ. Vì thế, sau khi quý vị thật sự liễu giải rõ ràng thế gian này, lợi tha mới là tự lợi, tự lợi thuần là tự hại! Không ai hiểu [ý chỉ ấy], trong kinh điển, Phật, Bồ Tát đã nói rất rõ ràng, [do vì] chẳng đọc, chẳng nghe, vĩnh viễn mờ mịt như đang nằm trong cái trống. Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội, ngôn ngữ và tạo tác không gì chẳng phải là lầm lỗi. A! Bây giờ thời gian đã hết rồi. Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp đoạn cuối cùng của phần trường hàng [trong chánh kinh].

(Kinh) Vi đại, vi thắng, vi tối thắng.

(經)為大。為勝。為最勝。

(Kinh: Là lớn, là thù thắng, là tối thắng).

Trong phần trước, đã giới thiệu cùng chư vị, Bồ Tát tự lợi viên mãn, đấy là Thắng. Kê đó...

(Sớ) Tối thắng, lợi tha cứu cánh cố.

(疏)最勝，利他究竟故。

(Sớ: Tối thắng là vì lợi tha rốt ráo).

Đây là giúp đỡ người khác. Nhất định phải hiểu “*lợi tha rốt ráo*”. Tâm Phật, Bồ Tát là viên mãn, quyết định chẳng có tốt, xấu sai khác, quyết định là viên mãn. Nói theo phía chúng sanh, do căn tánh không giống nhau, cổ nhân Trung Hoa thường nói “*tâm thái tiếp nhận sự giáo hóa sai khác*”. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư cũng thường nói đến điều này: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Các học trò tiếp nhận sự giáo dục, mỗi người có cái tâm thành kính khác nhau, thầy dạy trò đều bình đẳng như nhau, đúng là “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loài đều hiểu). Đây là “*lợi tha rốt ráo*”.

Người thượng thượng căn mười phần thành kính, họ nghe pháp có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Dầu thầy là phàm phu, học trò [do cái tâm thành kính nghe dạy vẫn] chứng quả. Trong kinh, đức Phật đã kể một câu chuyện như thế này: Có một người tu hành mà chính ông ta chẳng thành tựu, hướng dẫn mấy học trò. Có một hôm, thầy gọi một đứa học trò, cầm một trái banh, nói đùa trêu chọc học trò: “Ồ trong phòng, người hãy ngồi vào góc đó”. Dùng banh ném vào kẻ đó, bảo: “Người đã chứng quả Tu Đà Hoàn”. Người học trò ấy thật sự chứng quả Tu Đà Hoàn. Lại đổi sang góc khác, Nhị Quả Tu Đà Hàm; lại đổi sang góc khác, Tam Quả A Na Hàm; đổi tới góc thứ tư, Tứ Quả A La Hán. Học trò đánh lễ thầy ba lạy, nhiều theo chiều phải ba vòng, cảm tạ thầy. Thầy nói: “Ta nói giỡn với người mà!” Học trò thưa: “Con thật sự chứng Tứ Quả”. Đây là gì? Mười phần thành kính được mười phần công đức! Đây cũng là như trong giáo học Trung Hoa đã nói từ xưa: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (Màu xanh xuất phát từ màu chàm, mà đẹp đẽ hơn màu chàm). Câu này hiểu như thế nào? Thầy là Tú Tài, học trò nghiêm nhiên đậu Trạng Nguyên, thầy vẫn là Tú Tài. Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có ngoại lệ, chúng ta tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, Phật, Bồ Tát, quý vị chẳng thể trách Phật, Bồ Tát: “Các Ngài dạy kẻ khác nhiều, dạy con ít”. Chẳng nói như vậy được! Quý vị đã trách lầm người khác rồi! Thầy, Phật, Bồ Tát quyết định là công bằng, nhưng tâm thái tiếp nhận giáo huấn và lòng thành kính của chính quý vị khác nhau.

Thuở ấy, chúng tôi tuổi còn trẻ, được thân cận thầy Lý. Hình như lúc đó, khi tôi được quen biết thầy, tôi ba mươi một tuổi. Khéo sao, trong năm ấy, thầy mở lớp học kinh. Đài Trung Liên Xã mở một lớp như thế, dạy giảng kinh, dạy giảng điển, phải lên bục giảng, có hai mươi mấy vị đồng học, tôi là người cuối cùng tham gia. Tôi vốn chẳng có ý nghĩ ấy, vì giảng kinh là chuyện khó khăn. Tôi đến Đài Trung là để nghe kinh, theo thầy học tập, chẳng dám lên đài giảng kinh, nghĩ chuyện ấy quá khó! Thầy khuyên tôi vài lần, tôi luôn rất sợ hãi. Cuối cùng, thầy bảo: “Hôm nay chúng tôi có tiết học, anh hãy đến xem”. Tôi thưa vâng. Đến xem, tôi ngồi ở hàng cuối cùng. Các đồng học lên bục giảng, sau khi nghe xong, tan học, [tôi thưa với thầy]: “Thưa thầy! Con cũng có thể, cũng có thể học tập!” Thầy cũng rất hoan hỷ. Xem họ giảng, tôi cảm thấy đây chẳng phải là

chuyện khó khăn. Giảng như cách của họ thì tôi cũng làm được, sẽ chẳng thua kém họ!

Vì thế, tôi đi theo con đường giảng kinh là như thế đó. Con đường ấy khiến cho tôi đi theo, dù mài chắt bỏ suốt cả một đời. Các đồng học của chúng tôi giảng mấy năm rồi không giảng nữa, gián đoạn. Lại còn là giảng kinh lúc có, lúc không, chẳng có cái duyên như tôi. Duyên của tôi là giảng mỗi ngày, tuyệt đối chẳng gián đoạn! Sau này đặc lực là do Hàn quán trưởng hộ trì, tôi có một yêu cầu đối với bà ta: Giúp cho tôi có cơ hội lên bục giảng hằng ngày, mỗi ngày có mấy người nghe. Tôi nói: “Người nghe không nhiều lắm. Mười mấy, hai mươi người là được rồi. Bà hãy thay tôi tìm thỉnh chúng, khiến cho tôi mỗi ngày đều có cơ hội luyện tập giảng”. Bà ta thay tôi làm được. Ba mươi năm như một ngày, trăm ngàn rèn luyện. Chuyện này đòi hỏi phải có hăng tâm, có cái tâm dài lâu. Những đồng học khác chẳng có duyên phận ấy, mà cũng chẳng có ý niệm ấy. Chẳng có ý niệm giảng hằng ngày! Thành tựu của chúng tôi ngày càng khác biệt to lớn.

Tại Trung Hoa, thường nói là “hiếu học”. Hiếu học thì mới có thể thành tựu. Chẳng hiếu học, làm sao có thể thành tựu cho được? Chuyện này thầy chẳng có cách nào ép quý vị được, chính quý vị phải chịu làm! Chính mình chịu làm, đương nhiên là bản thân quý vị có hứng thú đối với chuyện ấy, cảm thấy chuyện ấy rất vui sướng thì quý vị mới có thể chịu làm. Nếu làm mà cảm thấy rất nhọc nhằn, sẽ chẳng lâu dài! Như thế nào thì quý vị mới có thể đạt được vui sướng? Sau khi quý vị đã học, nhất định là thực hiện nó, quý vị sẽ có sự vui sướng. Vì thế, Khổng phu tử đã nói một câu hết sức có đạo lý, “*học nhi thời tập chi*” (học rồi thường xuyên tập luyện), “*tập*” là gì? “*Tập*” (習) là quý vị nhất định vận dụng những điều đã học vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, dùng trong xử sự, đối người, tiếp vật, như vậy thì sẽ vui sướng. Nó là trí huệ, cuộc sống của quý vị sẽ rất hạnh phúc, rất mỹ mãn. Nghèo chẳng sợ, giống như Nhan Hồi, ăn cơm trong giỏ, uống nước trong bầu, vui sướng khôn sánh. Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày khát thực bên ngoài, giữa trưa ăn một bữa, qua đêm dưới gốc cây, pháp hỷ sung mãn. Đó gọi là “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi luôn tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Quý vị không học, [hoặc là] sau khi đã học, chẳng thể ứng dụng vào cuộc sống, sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được niềm vui sướng ấy. Có pháp hỷ, có vui sướng, quý vị sẽ vĩnh viễn theo đuổi không ngừng, càng theo đuổi, càng vui sướng! “*Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn bè từ nơi xa đến, cũng chẳng vui sao?) Đó là người chí đồng đạo hợp, họ đến học với quý vị, thỉnh giáo quý vị. Dầu chẳng có những người như vậy, “*nhân bất tri nhi bất uán, bất diệc quân tử hồ?*” (người ta không biết đến mà chẳng giận, cũng chẳng phải là bậc quân tử ư?) Ba câu ấy nói hết sức tuyệt, đơn giản như thế mà đạo lý và cảnh giới trong ấy sâu rộng vô tận!

Do vậy, phải hiểu lợi tha, hiếu học, khế nhập cảnh giới, người ấy có lòng thành kính rất cao! Thấp hơn là tâm thành kính và hiếu học chỉ có sáu phần, bảy phần, người ấy sẽ đạt được sáu, bảy phần. Có một, hai phần, người ấy chỉ đạt được một, hai phần. Dù là thầy, hay Phật, Bồ Tát, cũng chẳng có cách nào giúp

đỡ người ấy tăng cao hơn. Đương nhiên thầy là một mẫu chốt rất quan trọng, trong Phật pháp hết sức coi trọng chuyện thân cận thiện tri thức. Quý vị xem kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hưng, đây là kinh Tiểu Thừa; trong đoạn thứ nhất của kinh ấy, đức Phật đã dạy mọi người hãy thân cận minh sư, “*minh*” chẳng phải là tên tuổi lừng lẫy, mà “*minh*” trong “*quang minh*”, tức là vị thầy ấy là bậc hữu tu hữu chứng. Hiện thời, chẳng tìm thấy bậc thầy hữu chứng; vì thế, thầy Lý bảo tôi: “Nay chúng ta bắt đắc dĩ, chúng ta tìm vị thầy nào? Hữu tu hữu học”. Thật sự hữu tu, hữu học cũng là khá quá rồi! [Tìm một vị thầy đã] chứng quả quá khó, chẳng tìm được, hãy tìm bậc hữu tu hữu học, giải hạnh tương ứng! Nếu là một vị thầy có tu nhưng chẳng học, hoặc là có học mà chẳng tu, sẽ đều hướng dẫn học trò sai lầm. Trong bản chú giải Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói rất minh bạch. Lão nhân gia bảo: “*Có giải, chẳng có hạnh, tăng trưởng tà kiến; có hạnh (hạnh là tu hành) mà không có giải, tăng trưởng vô minh*”. Vì thế, hai hạng người ấy đều chẳng đáng tin cậy cho lắm! Nhất định là phải hạnh giải tương ứng thì mới có thể khế nhập cảnh giới. Khế nhập là chứng quả; đây là thiện tri thức chân chánh.

Văn Thù Bồ Tát trong phẩm cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm], phẩm này rất dài, tức là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, đã dạy Thiện Tài đi tham học. Ất cần phải hiểu nguyên tắc này, phải nhận biết thiện tri thức. Đương nhiên chúng ta nói là ngài Thiện Tài may mắn, Ngài được thầy giới thiệu tri thức. [Thiện tri thức] do thầy đề cử, đương nhiên là chẳng có vấn đề. Nếu chẳng có một vị thầy tốt chỉ điểm, đề nghị, chính quý vị phải biện định, phải tìm một vị hữu tu hữu học, có thể tìm được một vị chứng quả sẽ là tốt nhất. Bất quá thời đại này đã chẳng có [một vị chứng quả], đó là vì chúng sanh chẳng có phước báo. Chúng sanh thiện tâm, làm thiện sự, do phước báo hiện tiền, cảm chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền đến thế gian này. Chúng sanh chẳng có phước báo, không chịu tiếp nhận thiện pháp, hoài nghi thiện pháp, bài xích thiện pháp, hủy báng thiện pháp, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, do ác nghiệp sẽ chiêu cảm hạng người nào tìm đến? Yêu ma quỷ quái, họ đến gây loạn, khiến cho quý vị chịu khổ, chịu tội! Phải hiểu điều này, phải biết trong thời đại hiện tiền này, chúng ta thân cận thiện tri thức như thế nào, phải có huệ nhãn!

Sự giáo hóa của thiện tri thức xác thực là bình đẳng, trong kinh, đức Phật đã nói chuyện này rất rõ ràng. Người thượng thượng căn, nhà Phật thường nói “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, người thượng thượng căn là duyên thành thực, bèn giúp họ chứng quả. Người thượng căn chẳng chứng quả, bèn giúp cho họ khai ngộ. Đối với kẻ căn tánh trung hạ, bèn giúp đỡ người ấy tu hành. Đối với kẻ chẳng có thiện căn, giúp họ gieo thiện căn. Đây là phổ độ chúng sanh! Đây gọi là “*lợi tha rớt ráo*”! Vì thế, quý vị đừng xem nhẹ người xuất gia, thậm chí đối với kẻ xuất gia phá giới, quý vị đều phải tôn trọng họ. Trong tương lai, do họ phá giới, tạo ác, sẽ đọa tam đồ; đó là chuyện của họ, nhưng họ có một công đức mà kẻ bình phàm như chúng ta không làm được. Công đức gì vậy? Họ mặc y phục xuất gia, đi ra ngoài một vòng như thế, bao nhiêu người trông thấy: “Đây là Phật giáo, đây là hòa thượng”. Ý niệm ấy được gieo vào A Lại Da Thức của họ, là chủng tử

khiến cho họ tu hành học Phật, làm Phật, làm Bồ Tát trong tương lai. Người ấy đã gieo chủng tử cho hết thảy chúng sanh, đã gieo hạt! Người khác chẳng làm điều này được!

Khi xưa, tôi ở Đài Loan, dạy sinh viên thuộc các trường chuyên nghiệp và đại học. Khi đó, thầy Lý mở một khóa đại chuyên giảng tòa (khóa giảng dành cho sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp), tức là Từ Quang giảng tòa. Về sau, tôi ở Đài Bắc, pháp sư Đạo An mở một khóa giảng về Phật học dành cho sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp, mời tôi làm chủ giảng. Những sinh viên ấy mới học Phật, các đồng học trong nhà trường đều cảm thấy Phật giáo là mê tín. Tôi liền khuyên họ, tôi nói: “Chớ sợ! Người ta nói gì thì cứ mặc kệ cho họ nói. Chúng ta đối đãi khách sáo với họ, như vậy là được rồi, gieo thiện căn cho họ”. Tôi nói: “Các bạn chẳng ngại đeo trên tay một chuỗi tràng hạt, khiến cho các bạn học và giáo viên trong trường thấy chuỗi hạt trên tay quý vị, bèn nói: ‘Người là Phật giáo’. Chữ Phật ấy bèn in vào trong A Lại Da Thức của họ”. Tôi nói: “Các bạn đối với sách giáo khoa, thường đều là đề tên mình. Các bạn hãy viết A Di Đà Phật. Các bạn học trông thấy A Di Đà Phật bèn niệm một tiếng Phật hiệu. Chủng tử Phật đã được gieo!” Những vị bạn học ấy đều hiểu.

Gieo chủng tử Phật cho mọi người, trong quá khứ họ chẳng có thiện căn. Nay chúng ta gieo chủng tử xuống, đời sau và đời sau nữa, họ sẽ có thiện căn, sẽ có căn cội. Tôi giảng kinh, trong các đồng học có rất nhiều người kinh doanh. Các vị chủ nhân kinh doanh thường phải đăng quảng cáo, đăng quảng cáo trên báo chí. Tôi nói với họ: “Quý vị đăng quảng cáo trên báo chí, trong cột quảng cáo ấy, quý vị in một dòng *“siêng niệm nam-mô A Di Đà Phật, siêng niệm nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”*. Thêm vào mấy chữ như vậy, quảng cáo sẽ sanh ra hiệu quả giống hệt như vậy: Người ta trông thấy, bèn niệm một câu Phật hiệu, niệm một câu thánh hiệu Bồ Tát, công đức ấy rất lớn!” Quý vị chẳng tốn nhiều tiền, vẫn là trang báo to ngàn ấy, lại thêm vào mấy chữ, cũng có người làm theo, đó là chuyện tốt! Đây là quý vị phải có tâm giúp đỡ người khác gieo thiện căn, giúp đỡ người khác gieo chủng tử Phật trong A Lại Da. Quý vị thường có cái tâm ấy, hễ có cơ hội bèn làm. Đây là thiện căn.

Khi xưa, tôi cũng thường đến Hương Cảng giảng kinh, thấy trên đường phố Hương Cảng vào mùa Hè, thanh niên mặc T-shirt, hình vẽ trước sau toàn là yêu ma quỷ quái. Sau khi thấy vậy, tôi liền nảy sanh ý niệm. Chúng tôi cũng làm mấy cái áo T-shirt, trước sau đều in chữ *“nam-mô A Di Đà Phật”*, mặc trên người đi một vòng ngoài đường, quý vị thấy đã độ bao nhiêu người! Mỗi cá nhân trông thấy đều niệm một tiếng Phật hiệu. Tuy họ không niệm, nhưng mắt họ trông thấy. Một phen lướt qua mắt, vĩnh viễn là hạt giống đạo! Sau khi đã làm xong, loại áo ấy cũng được lưu hành. Hiện thời, Tịnh Tông Học Hội ở các nơi trên cả thế giới đều làm, đều là in những câu trong kinh Phật hoặc danh hiệu Phật. Có người nói: “In danh hiệu A Di Đà Phật trên quần áo rất thiếu cung kính, giặt quần áo sẽ chẳng cung kính”. Chẳng sao cả! A Di Đà Phật chẳng quở trách quý vị. Quý vị có thể khiến cho nhiều người ngàn ấy được gieo chủng tử A Di Đà Phật trong A Lại Da Thức. Công đức ấy to lớn, phải hiểu đạo lý này. Hễ lướt qua mắt, hễ

thoảng qua tai, sẽ vĩnh viễn là hạt giống đạo. Niệm nào cũng đều nghĩ dùng phương pháp nào để khuyên người khác niệm Phật. Đây là lúc ban đầu khiến cho họ có ấn tượng, tức là có ấn tượng về Phật giáo. Đây là chủng tử bậc nhất. Đối với kẻ chẳng có thiện căn thì gieo thiện căn cho họ. Đã có thiện căn, bèn giúp cho họ tăng trưởng. Thiện căn đã chín muồi, bèn giúp họ thành tựu. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là thành tựu. Suốt một đời này, tận tâm tận lực giúp đỡ chúng sanh hữu duyên. Phạm là những người mà ta được tiếp xúc đều là hữu duyên. Chúng ta đi trên đường phổ một vòng, những người trên đường khi ấy thấy đều là hữu duyên.

Do vậy, các đồng tu tại gia có thể đeo một chuỗi tràng hạt hay không? Có người nói “kẻ tại gia chẳng thể đeo”, tôi nói: Chúng ta là người học Phật, trong Tứ Y Pháp của Phật, y pháp, bất y nhân. “Tại gia chẳng thể đeo tràng hạt” được nói trong bộ kinh nào? Chẳng có! Đức Phật đã chẳng nói [như vậy], vì sao chẳng thể đeo? Quý vị đeo tràng hạt sẽ rất rõ rệt, quý vị đi đến đâu, bao nhiêu người trông thấy: “Đây là Phật giáo, đây là A Di Đà Phật”. Quý vị đã tiếp dẫn bao nhiêu người! Bất quá đối với tại gia đồng tu, tôi dạy mọi người cách đeo tràng hạt. Người xuất gia đeo sao cho tua tràng hạt ở đằng sau, đồng tu tại gia khi đeo tràng hạt, nên để tua tràng hạt đằng trước. Cách đeo như vậy, tua tràng hạt ở đằng trước, đây là chỗ khác biệt so với người xuất gia. Làm như vậy cũng có thể khiến cho khá nhiều chúng sanh khi trông thấy, ấn tượng về Phật sẽ gieo vào tâm họ. Đây là “*tự độ, độ tha*” mà chúng ta đang nói trong hôm nay, phải hiểu điều này. Nếu có người đến hỏi, chúng ta nhất định giới thiệu Phật pháp rành mạch, rõ ràng với họ.

Học Phật thì trước hết là phải tu chính mình; vì thế, nói là “*vi thắng*”, tức là tự hành tự lợi viên mãn. “*Vi thắng*” là tướng mạo phải tốt đẹp, thân thể phải tốt đẹp, khiến cho người khác trông thấy sanh tâm hoan hỷ. Chớ nên khiến cho người ta trông thấy: Đó là kẻ ăn chay, mặt mũi vàng vọt, gầy quắt queo, dáng vẻ phờ phạc, ai dám học Phật? Học Phật mà [trở thành] dáng vẻ như vậy, chẳng có ai dám học Phật! Vì thế, quần áo chẳng cần quá lộng lẫy, nhưng cũng chớ nên quá lỗi thời, mặc đúng theo kiểu phổ biến, khiến cho người ta nghĩ “học Phật cũng có thể chung diện”. Quý vị thấy Quán Thế Âm Bồ Tát ăn mặc rất đẹp đẽ, vì sao các vị chẳng học theo Ngài? Trong Phật pháp, quý vị thấy đức Phật dạy chúng ta: “*Bồ Tát sở tại chi xứ, linh nhất thiết chúng sanh sanh hoan hỷ tâm*” (Bồ Tát ở chỗ nào đều khiến cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ), quý vị đã quên bằng câu này rồi sao? Luôn luôn khiến cho hết thấy chúng sanh sanh lòng hoan hỷ. Diện mạo biểu hiện sự thành tựu trong sự học Phật của quý vị. Quý vị tâm địa từ bi, tướng mạo sẽ là tướng từ bi. Tâm quý vị thanh tịnh, tướng mạo của quý vị là thanh tịnh. Người khác trông thấy tướng mạo ấy sẽ khiến cho lòng người ta bị nhiếp phục, sanh lòng hoan hỷ, mong thân cận quý vị. Như vậy thì quý vị sẽ dễ dạy họ.

Từ tuổi trung niên trở lên, chẳng có ai không coi trọng thân thể khỏe mạnh. Khỏe mạnh, sống lâu rất được coi trọng. Họ thấy dáng vẻ quý vị như vậy, nhất định sẽ hướng về quý vị thỉnh giáo. Vậy là quý vị có thể nói với họ. Khi tôi đến

khắp nơi trên thế giới, hình tượng này đã độ rất nhiều người. Mọi người đều đến hỏi: “Thưa pháp sư! Thầy bảo dưỡng thân thể như thế nào?” Tôi bảo họ: “Ăn chay, tâm thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh chẳng dễ dàng, như thế nào thì mới đạt được cái tâm thanh tịnh? Niệm A Di Đà Phật. Dùng một câu Phật hiệu này để thay thế tất cả các tạp niệm của quý vị. Quý vị thấy họ đến thỉnh giáo, ngay lập tức bèn truyền dạy cho họ. Họ có nhu cầu bức thiết; đây là cơ hội giáo dục.

Gia đình sẽ là một gia đình Phật giáo, làm gương cho hết thảy các gia đình, là gia đình khuôn mẫu. Đạo tràng nhất định là gương mẫu cho hết thảy các đạo tràng, là đạo tràng điển hình. Vì thế, ở đây, trước hết, điều quan trọng nhất là phải học Giáo, phải niệm Phật! Tất cả những người làm công quả trong đạo tràng, chúng ta làm công quả, đều phải nghe kinh. Quý vị không nghe kinh, ở trong đạo tràng này, quý vị không chỉ là chẳng thể làm việc lành, tích đức, mà thường là còn phá hoại đạo tràng. Phá hoại đạo tràng, quý vị sẽ mắc tội, sẽ có tội lỗi! Gia đình cũng giống như thế. Nếu gia đình muôn hòa thuận, quý vị không dạy thì có được hay không? Ai dạy? Ta đã hiểu thì phải dạy, ta sẽ ảnh hưởng gia đình của chính mình, khiến cho cả nhà đều có thể hiểu lý, đều có thể hòa thuận. Gia hòa, vạn sự hưng, chuyện này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác!

Người Hoa hiểu giáo dục, giáo dục là hai chữ, một là Ái, hai là Hòa. Giáo dục luân lý của Trung Hoa tối thiểu là năm ngàn năm, đã có kinh nghiệm năm ngàn năm, trí huệ năm ngàn năm, phương pháp năm ngàn năm, nội hàm giáo học trong năm ngàn năm, hiệu quả năm ngàn năm. Cho tới hiện thời vẫn hữu dụng. Nếu muốn cho thế giới khôi phục an định, hòa bình, hóa giải xung đột và mâu thuẫn, phương cách này vẫn hữu hiệu! Quý vị rời bỏ thứ này, đi tìm một phương cách khác, chẳng tìm thấy! Tôi tuổi đã cao như vậy, [thế mà] khá nhiều hội nghị quốc tế mời tôi, tôi vẫn đến tham gia, vì sao? Mong giới thiệu đường lối này với mọi người, nó thật sự có thể giải quyết vấn đề. Họ rất mong giải quyết vấn đề, nhưng chẳng tìm thấy phương pháp. Liên Hiệp Quốc mong thực hiện thế giới hòa bình đã ba mươi lăm năm, chẳng tìm thấy phương pháp. Tàn số động loạn trên thế giới mỗi năm một tăng, thiên tai nhân họa mỗi lần một nghiêm trọng hơn, mọi người đều thấy điều ấy, đều là sự thật. Những vấn đề này bày ra ngay trước mặt, bức thiết cần giải quyết. Chúng ta hiểu rõ những đạo lý nhân quả đạo lý, biết những chân tướng sự thật, cho nên hẳn có cơ duyên, chẳng thể không giới thiệu rộng rãi. Chúng tôi tuổi đã cao, không thể nào ra sức hành động được, chỉ có nói cho mọi người biết những gì đã thấy. Vấn đề là phải biết thật sự quan tâm!

Mỗi tháng, vào ngày thứ Tư đầu tiên, chúng tôi đặc biệt trò chuyện với các đồng tu trong đạo tràng. Năm nay chúng tôi đã làm vài lần. Thứ Tư đầu tiên trong tháng Giêng năm 2006 hình như là ngày mùng Bốn, lần này tôi sẽ nói với mọi người về bốn thứ giáo dục, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục tôn giáo. Hiện thời, khá nhiều người nảy sinh hiểu lầm đối với bốn loại giáo dục này. Quý vị nói đến luân lý, đạo đức, họ nói “đây là thời cổ, lỗi thời rồi, chẳng thích hợp với hiện đại”, họ bài xích, cự tuyệt. Nói đến nhân quả, nói đến tôn giáo, họ nói những thứ đó là mê tín, chẳng biết bốn loại giáo dục ấy có thể giúp đỡ xã hội hiện tiền hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình. Vì vậy,

giới thiệu phải có phương tiện, như Phật pháp đã nói là “*phương tiện thiện xảo*”, phải dùng lời lẽ rất đơn giản để nói rõ những loại giáo dục ấy!

Giáo dục luân lý là gì? Giáo dục luân lý là giáo dục về mối quan hệ giữa con người với nhau. Như vậy thì mọi người đều nghe hiểu. Nay chúng ta chẳng có quan hệ cư xử tốt đẹp giữa con người với nhau. Trong gia đình, cha con bất hòa, vợ chồng bất hòa, anh em bất hòa, do nguyên nhân gì? Quý vị chẳng hiểu mối quan hệ này, chưa hề tiếp nhận sự giáo dục này. Đã tiếp nhận sự giáo dục này, gia đình sẽ hòa thuận, quý vị nói xem: Có muốn điều này hay không? Giáo dục đạo đức là giáo dục nhằm dạy quý vị làm một người tốt. Quý vị có muốn làm người tốt hay không? Quý vị có hiểu người tốt là gì hay không? Làm người tốt bằng cách nào? Nói theo lý luận, con người tánh vốn lành. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tiêm nhiễm khá nhiều tập tánh bất thiện. Giáo dục đạo đức là nền giáo dục nhằm dạy quý vị làm thế nào để từ tập tánh trở về bản tánh vốn lành. Quý vị sẽ biết những gì chúng ta đáng nên học và chẳng nên học!

Đôi với giáo dục nhân quả, trong xã hội hiện thời, thường nói: “*Lìa nghèo, đạt đến giàu có*”. Chúng ta muốn lìa khỏi nghèo khổ, mong phát tài, mong giàu có, giáo dục nhân quả nhằm dạy quý vị “lìa nghèo, làm giàu” như thế nào? Lìa khổ được vui như thế nào? Nói điều này, tôi tin tưởng rất nhiều người đều ưa thích. Quý vị nói nó là mê tín, được thôi! Quý vị sẽ khổ cả đời, khổ sở suốt một đời này, đời sau càng khổ hơn. Nghèo có cái nguyên nhân của nghèo, giàu có cái nhân của giàu. Làm thế nào để trừ nghèo khổ? Quý vị bỏ cái nhân, quả sẽ chẳng có. Làm giàu như thế nào? Chúng ta dốc hết sức thực hiện cái nhân làm giàu, quả báo giàu có sẽ hiện tiền. Chẳng lìa khỏi nhân quả! Tiên sinh Phương Đông Mỹ khi giới thiệu giáo dục tôn giáo, [đã bảo]: “*Đó là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người!*” Ba loại giáo dục trước đó (luân lý, đạo đức, nhân quả) thăng hoa, khiến cho chúng ta đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời. Vì vậy, chúng tôi phải bàn đến bốn thứ giáo dục này, khiến cho mọi người nhận thức bốn loại giáo dục ấy. Biết tầm quan trọng của chúng, quý vị mới có hứng thú, có ý nguyện học tập. Thật sự có thể hóa giải vấn đề, bất luận là vấn đề cá nhân, vấn đề gia đình, vấn đề sự nghiệp, cho đến các vấn đề xã hội, sẽ đều có thể giải quyết.

Đấy là “*vi thắng, vi tối thắng*”, lợi tha rốt ráo. Chúng ta sau khi đã hiểu, quý vị phải nắm lấy cơ hội để thực hiện, lợi ích xã hội, lợi ích đại chúng. Hiện thời, vì khoa học kỹ thuật phát triển, thông tin phát triển, giao thông nhanh chóng, thuận tiện, địa cầu đã biến thành một thôn, rất nhiều người nói “*địa cầu thôn*”, đúng là như vậy. Quý vị nói đến Trịnh Hòa đi thám hiểm Tây Dương, ngày mai đã là năm mới rồi, bước sang năm 2006, đúng dịp kỷ niệm sáu trăm năm Trịnh Hòa xuống vùng Tây Dương⁶⁶. Thuở ấy, lái thuyền buồm, từ Trung Hoa đến Nam Dương (Indonesia) phải mất mấy tháng. Hiện thời, từ Trung Hoa sang Nam Dương, từ Bắc Kinh bay đến Nhã Gia Đạt (Jakarta) là sáu, bảy tiếng đồng hồ.

⁶⁶ Chữ Tây Dương được dùng vào thời đó không có nghĩa là Âu Tây như về sau, mà chỉ dùng để nói chung các nước thuộc vùng biển ở phía Nam Trung Hoa, bao gồm Đông Nam Á, Sumatra, Java, Tích Lan, Ấn Độ, Ba Tư v.v...

Quý vị nói xem, có phải là đã biến thành “*địa cầu thôn*” hay không? Do vậy, hiện thời, chúng ta suy tư, khởi tâm động niệm chẳng phải vì một khu vực, vì một thành thị, vì một quốc gia, mà khởi tâm động niệm đều phải suy nghĩ vì phước lợi của toàn thể thế giới và toàn thể nhân loại. Chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo, tâm yêu thương chân thành. Đây chính là cốt lõi của nền giáo dục Trung Hoa, cha con có tình thân, tức thân ái. Thân ái là thiên tánh, là Tánh Đức, chẳng phải là do học được!

Công năng thứ nhất của giáo dục phải cầu sự thân ái ấy. Cha con có tình thân ái như thế, làm thế nào để gìn giữ suốt đời chẳng bị biến chất? Đây là công năng của giáo dục. Quý vị thấy trẻ nít, lại còn là khi đứa trẻ mới một, hai tuổi, cha mẹ yêu thương nó, nó yêu thương cha mẹ, chân thành, là thiên tánh. Quý vị hãy xem! Tới khi đứa nhỏ mười mấy tuổi, sẽ không yêu thương cha mẹ nữa, mà ghét bỏ cha mẹ, đó là gì? Bị bên ngoài nhiễm ô, mê mất tự tánh. Vì thế, công năng của giáo dục là làm thế nào để khiến cho trẻ nhỏ chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài nhiễm ô, vĩnh viễn gìn giữ lòng thân ái. Đây là mục tiêu thứ nhất. Phải phát huy rạng rỡ lòng thân ái nơi “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân ái). Quý vị có biết yêu thương cha mẹ, yêu thương anh em, yêu thương gia tộc, lại mở rộng ra, [sẽ là] yêu thương thân thích, bằng hữu, láng giềng, làng xóm, yêu thương xã hội, yêu thương quốc gia, yêu thương nhân loại, yêu thương hết tất cả chúng sanh, giáo dục luân lý đây! Những thứ ấy có phải là quá cô lỗ hay không? Chẳng thích hợp để sử dụng ư? [Do quan niệm những điều ấy là] không thích hợp, kết quả là thiên hạ đại loạn, chẳng thể không biết [điều này]! Đây là “*vi tối thắng*”. Hai câu tiếp theo là:

(Kinh) Vi diệu, vi cực diệu.

(經)為妙。為極妙。

(Kinh: Là diệu, là cực diệu).

“*Diệu*” ở chỗ nào? Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Diệu giả, Phiền Não Chương tận cố. Cực diệu giả, Sở Tri Chương tận cố.

(疏)妙者，煩惱障盡故。極妙者，所知障盡故。

(Sớ: “Diệu” là đã hết Phiền Não Chương. “Cực diệu” là đã hết Sở Tri Chương).

Do lời giải thích này, chúng ta bèn hiểu rõ, đây là Chân Diệu! Sở dĩ chúng sanh chẳng thể trở về bản tánh, Nho gia nói là “chúng sanh chẳng trở về bản thiện”. Tam Tự Kinh có câu: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành), câu kế tiếp là “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (bản tánh giống như nhau, do bị huân tập mà trở thành khác nhau). Nếu xét theo bản tánh vốn lành, mọi người đều như nhau, cho nên là “*tương cận*”. Nếu xét theo thói quen,

do bị thói quen ô nhiễm, [tính tình của] mọi người sẽ ngày càng cách xa. Thói quen quá trọng yếu! Trong thói quen có thiện và bất thiện. Vì thế, thánh nhân bèn bắt đầu từ chỗ này, từ nhân tố này mà kiến lập giáo học, chẳng dạy sẽ không được! Vì thế, giáo dục hưng khởi từ chỗ nào? Hưng khởi từ chỗ này, làm thế nào để giữ vững mối thân tình giữa cha và con? Làm thế nào để phát huy rạng rỡ tình thân giữa cha và con? Kinh nghiệm giáo dục năm ngàn năm của Trung Hoa rất đáng quý! Đi khắp toàn thế giới, bất luận ở chỗ nào, tôi giảng diễn, giới thiệu [nền giáo dục ấy] đều được hoan nghênh, chẳng bị phản đối. Bất quá ở Trung Hoa, tôi không nói, chứ bên ngoại quốc, tôi nói rất ư là nhiều! Mọi người đều hoan nghênh.

Chưống ngại trong tập tánh trùng trùng, vô lượng, vô tận! Đức Phật quy nạp chúng thành hai loại lớn, một loại lớn là Phiền Nã, loại kia là Sở Tri. Hai loại này đều chưống ngại bản tánh, chưống ngại bản thiện. Nhà Phật nói là “*bản tánh*”. Trong bản tánh có sẵn ba thứ, đây là những thứ sẵn có trong bản tánh, thứ nhất là trí huệ, thứ hai là đức năng, hiện thời gọi công dụng thứ ba là phước báo. Quý vị nói xem: Có muốn những thứ ấy hay không? Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng phước báo chẳng phải đến từ bên ngoài, mà là trong tự tánh vốn trọn đủ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, tức là giống như chư Phật Như Lai. Trí huệ giống nhau, đức năng giống nhau, tướng hảo như nhau (nay chúng ta gọi “*tướng hảo*” là phước báo), chẳng khiêm khuyết mảy may, chẳng có mảy may tỳ vết nào! Vì sao nay lại biến thành nông nổi này! Do hai loại đại chưống ngại gây chưống ngại tự tánh, khiến cho tâm tánh chẳng thể hiện tiền.

Người tu hành, nói thật ra, bất luận tu theo tông nào, bất luận tu theo phái nào, thầy đều là tu minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là tổng mục tiêu tu hành của Phật pháp, chớ nên không biết điều này. Tôi theo thầy Lý học pháp môn Niệm Phật, tôi có báo cáo tâm đắc. Báo cáo của tôi chẳng phải là văn tự, mà là biểu đồ. Tôi vẽ biểu đồ trình cho thầy xem. Xem xong, thầy gật đầu, bảo còn thiếu một thứ. Thầy thêm vào một mũi tên [đăng trước từ ngữ] “*minh tâm kiến tánh*”. [Trong hình vẽ của tôi], tôi chỉ [ghi] là “*niệm Phật vãng sanh*”, nhưng cũng viết là “*minh tâm kiến tánh*”, tức là hai chuyện. Thầy vẽ mũi tên, ý nói: Niệm Phật vãng sanh dẫn đến minh tâm kiến tánh, đây là viên mãn. Đó là bức vẽ do tôi họa vào lúc còn trẻ, vào lúc ba mươi một, ba mươi hai tuổi. Do vậy, minh tâm kiến tánh thì hai thứ chưống ngại ấy chẳng có. Đây mới gọi là thành Phật viên mãn.

Kinh Hoa Nghiêm gọi Phiền Nã và Sở Tri là gì? Kinh Hoa Nghiêm chẳng nói Phiền Nã Chưống và Sở Tri Chưống. Trong phẩm Xuất Hiện, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Chấp trước là Phiền Nã Chưống, vọng tưởng là Sở Tri Chưống. Kinh Hoa Nghiêm thay đổi cách nói. Đây chính là “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật chẳng có pháp nhất định để có thể nói). Đức Phật dạy chúng ta Tứ Ý Pháp, phải hiểu, phải có trí huệ để vận dụng linh hoạt. “*Y pháp, bất y nhân*”, quyết định căn cứ theo giáo huấn trong kinh điển Phật giáo. “*Y nghĩa, bất y ngữ*”, quý vị phải hiểu ý Phật, chớ nên chấp trước ngôn

ngữ, chớ nên chấp trước danh tướng của Phật. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật đã sử dụng linh hoạt ngàn ấy, nhằm dạy chúng ta “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. Chuyện này rất trọng yếu! “*Liễu nghĩa*” (了義) là gì? Hiện tiền có thể đạt được lợi ích. Đây là liễu nghĩa. Hiện tiền chẳng đạt được lợi ích, tức là “*bất liễu nghĩa*”, cũng là như chúng ta thường nói là “*sở học chẳng dùng được*”, đây là vô dụng! Học rồi nhất định có chỗ hữu dụng, học đến mức có thể dùng được, đây là liễu nghĩa. Sở học chẳng dùng được chính là bất liễu nghĩa. Câu cuối cùng là “*y trí, bất y thức*”. Nay chúng ta gọi Trí là Lý Trí. Quý vị phải dựa vào lý trí; Thức là gì? Cảm tình. Quý vị phải dựa theo lý trí, chẳng thể xử sự theo cảm tình. Đây là Tứ Y Pháp do đức Phật đã dạy, chúng ta phải hiểu.

“*Phiền Não Chương tận*” chính là trước hết đoạn phiền não, sau đó phá Sở Tri. Kinh Đại Thừa đã giảng về phiền não rất cặn kẽ, giảng rất nhiều. Trong bộ kinh Hoa Nghiêm này, phần trước và phần sau đều nói đến. Nhất là đối với đoạn kinh văn ấy, trong Thập Địa Luận Thích đã giải thích rất cặn kẽ. Thông thường, chúng ta hạ thủ công phu bằng cách tận lực đoạn trừ chấp trước, chấp trước đối với hết thầy người, sự, vật phải nhạt bớt. Đây là đoạn Phiền Não Chương! Sở Tri chẳng phải là chương ngại. Loại chương ngại gây nên chương ngại cho Sở Tri của quý vị thì gọi là Sở Tri Chương. Chương ngại là gì? Tri kiến sai lầm. Phá tri kiến sai lầm như thế nào? Ất phải tu học giáo huấn của bậc thánh hiền. Bậc thánh hiền, bậc tái lai chánh tri chánh kiến. Học tập từ chỗ này, sẽ dần dần khế nhập cảnh giới, chính mình đại triệt đại ngộ. Chương ngại đoạn hết, bèn đại triệt đại ngộ, sẽ minh tâm kiến tánh. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm
Quyển 1 chung**

“Hoan nghênh ân tông, công đức vô lượng”